LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 157

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

SỐ 1830
(QUYỂN 8 →10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1830

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

Soạn giả: Sa-môn Khuy Cơ

QUYỂN 8
(PHẦN ĐẦU)

Luận: "Như vậy bốn duyên", đến "mười lăm xứ mà lập".

Thuật rằng: Ngay trong phần đáp về duyên có hai phần. Từ trên đến đây phân rõ bốn thứ duyên năng sinh phân biệt đã xong. Từ đây trở xuống các Thừa phân rõ duyên nương vào xứ mà kiến lập mười nhân, trong đây có ba phần:

1. Như vậy bốn duyên nương vào mười lăm xứ để hiển bốn duyên trước nương vào mười lăm xứ, nói làm mười nhân. Hỏi để phát khởi văn sau.

2. Chánh đáp.

3. Tổng kết các luận xong mới nên phân rõ chánh luận.

Đây là phần đầu. Hiển bốn duyên nhiếp tận các pháp, nghĩa lập riêng nữa. Dưới đây trong đáp có bốn phần:

1. Thuyết minh nương vào mười lăm xứ lập mười nhân của nó.

2. Phân rõ mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau.

3. Thuyết minh bốn duyên nương xứ mà kiến lập, cùng với mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau.

4. Thuyết minh bốn y xứ mà đắc quả nhiều ít.

Lại nữa, giải thích hiện tại luận này nêu tông, nói nghĩa của bốn duyên riêng nương mười lăm xứ mà lập thành mười nhân. Từ đây trở

xuống trong phần giải thích, phần đầu nói nương mười lăm xứ lập mười nhân, phần kế nói bốn duyên nương xứ nào mà lập, sau cùng là phân rõ đắc quả. Mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau của nó, chỉ là các nghĩa khác của mười nhân trong Nhân Minh, cho nên không phải là môn khác.

Luận: "Một là Y xứ của ngữ", đến "chỗ khởi tánh của ngữ".

Thuật rằng: Nêu ra thể của y xứ. Nói y xứ là không phải cùng với nhân khác thể, ngữ tức là y xứ, là Trì nghiệp thích. Các y xứ dưới đều là như vậy, cùng với nhân một thể. Nhưng y là nghĩa của ư, đều là Chuyển thanh thứ bảy, tức là trên thể của ngữ mà lập tùy nói nghĩa của nhân. Như Đại luận quyển 5, quyển 38, luận Hiển Dương quyển 18, luận Đối Pháp quyển 4 và luận Trung Biên đều phân rõ các nhân này. Nhưng Đại luận quyển 38 chỉ có ba chủng mười nhân và thể của năm quả không có y xứ nhiếp. Luận Đối Pháp chỉ có tên của mười nhân, cũng không phải xong hết. Luận Hiển Dương quyển 18 phần đầu có mười nhân, phần sau phân rõ y xứ của nhân. Đại luận quyển 5 phân rõ y xứ của nhân, không thuyết minh riêng về nhân. Quyển 38 và luận Hiển Dương ghi: "Tùy theo tên của tất cả pháp mà làm trước cho nên tưởng, tưởng làm trước cho nên nói, tức là Tùy thuyết nhân của các pháp kia". Thế văn của luận đó tợ như nắm lấy trùm cả ba pháp danh, tưởng và ngữ của tất cả pháp làm thể của nhân. Nhưng hiện tại luận này văn chánh giải ý đó, chỉ nắm lấy pháp, danh và tưởng ba thứ, chỗ khởi ngữ là thể của nhân này. Tại sao vậy? Vì chỉ nói y ngữ và y xứ mà lập nhân này, chỉ có ngữ làm tự tánh. Nếu không như thế thì đáng lẽ nói y danh, y tưởng, y thuyết và y xứ mà lập nhân này. Trong đây là lấy các pháp làm quả, lấy danh, tưởng và thuyết làm nhân sở y. Ngôn thuyết chính là trùm khắp các nhân của pháp, ngôn thuyết là tánh của ngữ. Tổng nói ngữ tánh tức là thông với ba tánh của ngữ nghiệp làm thể, chỉ có Phật là thiện, ngoài ra đều là Vô ký. Nhưng có sự biểu thị cho nên ngữ có thể nói là thiện và ác. Nhưng thật ra hai tánh đó, danh tuy là sai biệt của ngữ, vì có biểu thị cho nên không giống như ngữ của nó, ngữ là tánh của nghiệp, trừ Phật ra, đều gọi là Vô ký. Hoặc có thể, Đại thừa lìa âm thanh thì không có tự thể, cho nên danh tức là thông với ba tánh. Chỉ lấy ba tướng và đắc làm ví dụ để vấn nạn đồng với sở y. Không thể nói tướng là cộng hữu nhân, không đồng với danh. Nghĩa cộng hữu nhân của Đại thừa đều thông với đây.

Luận: "Tức là y vào xứ này mà lập Tùy thuyết nhân".

Thuật rằng: Đây là hiển thuyết nhân y và ngữ mà lập, không phải

khác thể, y thể mà lập nghĩa.

Luận: “Là nương vào ngữ này”, đến “nói các nghĩa”.

Thuật rằng: Đây là giải thích nghĩa y ngữ lập thuyết nhân. Nói trùm khắp tất cả pháp, khởi lên danh để nắm lấy tướng trạng, mới có ngôn thuyết khởi, tức là nương vào ngữ này và tùy theo sau kiến văn giác tri, hoặc tùy theo chỗ thấy các sự mà nói các nghĩa, y theo ngữ này mà lập nhân.

Luận: “Đây là năng thuyết làm sở thuyết nhân”.

Thuật rằng: Đây là giải thích nghĩa của nhân. Đối với cái gì để làm nhân? Đây là ngữ năng thuyết, làm nhân sở thuyết của tất cả pháp. Các sư xưa nói: “Tất cả pháp đều là thể của nhân này”, là không đúng. Nếu như thế thì lấy ngôn ngữ làm quả thì kiến và văn của nó như quyển 93 và luận Đối Pháp quyển 1 và các tổng hợp Xu Yếu giải thích. Tùy có nghĩa là tùy theo dần dần, tức là tùy theo các sự thấy nghe mà khởi ngôn thuyết. Đại luận đều đồng văn này. Nhưng quả của Hữu lậu, Vô ký và Tùy thuyết nhân, đều thông với tất cả pháp Hữu vi, Vô vi và Hữu lậu, Vô lậu, là nghĩa Trì nghiệp thích, vì Vô ký tức là nhân. Đã lấy Vô ký làm quả, trùm khắp các thuyết của Vô ký, sự thì thuyết và Vô ký làm nhân, tức là Y sĩ thích. Nếu giải thích trước là nhân chỉ có Hữu lậu và Vô ký thì giải thích sau là nhân thông với Hữu lậu và Vô lậu chỗ nhiếp của ba tánh. Nhiễm và tịnh của nó thì nhân này cứ theo đây có thể hiểu.

Luận: “Có luận nói nhân này”, đến “tùy theo khởi nói”.

Thuật rằng: Các tổng hợp này trái nhau, là danh, tưởng và kiến. Trong Tập luận nói, do như danh là văn giải thích của luận kia. Nhân danh, tưởng và kiến ba pháp này lấy làm tự thể. Nói tưởng và kiến hai pháp giống như năng thuyên danh tự mà nắm lấy cảnh tướng, và hưng khởi sự chấp trước. Tưởng có thể nắm lấy tướng chấp trước do kiến, tức là lấy ba pháp làm nhân, chỗ sinh thuyết là quả của nó.

Luận: “ Hoặc y theo đó mà nói”, đến “là ngữ nương xứ”.

Thuật rằng: Nếu y theo văn kia thì tánh là ba pháp, ba pháp cùng với ngữ làm y xứ gọi là ngữ y xứ, là y xứ của ngữ, cũng là Y sĩ thích. Nếu y theo giải thích này, tức là hiển nhân của danh, tưởng và kiến này là y xứ của ngữ, vì ba pháp làm thể của nhân.

Hỏi: Tại sao lấy hai luận trái nhau?

Đáp: Ý của hai luận khác nhau, luận tuy không có đúng lúc, ý này giải thích rằng: “Như Đại luận nói, lấy tất cả pháp làm quả, lấy thuyết làm nhân, phỏng theo sở thuyên là quả của năng thuyên, tức là

hai thuyên năng và sở giải thích về nhân quả. Luận Đối Pháp của Vô Trước lấy sự sinh khởi làm nhân quả, tức là y theo danh, tưởng và kiến mà khởi ngôn thuyết cũng không trái nhau, vì mỗi mỗi đều căn cứ theo một nghĩa, cho nên luận Đối Pháp ghi: "Tùy thuyết năng tác". Tùy thuyết, là tùy theo ngữ. Năng tác của tùy thuyết là danh, tưởng và kiến. Lại nữa, Đại luận phỏng theo sự quán thông thuyên cảnh của các pháp lấy thuyết làm nhân. Luận Đối Pháp chỉ y theo nhiễm phần tương sinh lấy thuyết làm quả, không có lỗi tương vi.

Luận: "Hai là Lãnh thọ y xứ", đến "tánh của năng thọ và sở thọ".

Thuật rằng: Quán là đối diện. Đãi là trông chờ, tức là nhân này thông với năng thọ và sở thọ. Nhưng chỗ tạm nương nhờ thọ của năng và sở mới là nói sơ qua chỗ không hợp. Nhưng có người nói chỉ có ba thọ làm thể là không đúng. Cũng như chờ ăn mà cầu cho ăn, tức là lấy sự chờ ăn mà làm nhân của dục. Hoặc chờ tình của dục mới cầu ẩm thực, lấy thọ làm nhân của thực. Nhưng lãnh thọ xứ thông với năng thọ và sở thọ, không thể nói là dục, vì dục không khắp, không phải tánh của thọ, tức là quán nơi tùy này là năng thọ và sở thọ, lãnh thọ quả của năng thọ và sở thọ kia, hoặc sinh trụ thành đắc. Chỗ chờ này cùng với chỗ sinh làm nhân, nhưng Đại luận đều ghi: "Đãi, đây hoặc là cầu hoặc là lấy, tức là chỗ chờ thọ làm nhân của sở cầu". Quyển 38 ghi: "Quán đãi đủ, cho nên đủ để làm nhân, do đó nghiệp vãng lai, chưa cần phải lấy thọ làm nhân, vì sở đãi không phải thọ". Lại nữa, luận này ghi: "Vì thông với sở thọ". Nhưng sở đãi này, hoặc năng thọ hay sở thọ đều là nhân này nhiếp. Có chỗ lấy năng thọ làm nhân, năng thọ làm quả, như chờ khổ làm lạc; có chỗ lấy năng thọ làm nhân, sở thọ làm quả; có chỗ lấy sở thọ làm nhân, sở thọ làm quả; có chỗ lấy sở thọ làm nhân, năng thọ làm quả; đó là bốn câu riêng biệt. Chỗ lãnh thọ pháp cũng gọi là lãnh thọ. Hiện tại luận này đối với năng thọ, chỉ lấy thọ tâm sở, một là thường khắp các tâm, hai là năm phần vị riêng khác. Các pháp của biệt cảnh không thường khắp các tâm, bốn pháp tác ý, thọ, tưởng và tư không có năm phần vị, xúc tuy có như thế nhưng đối với sở thọ không phải lãnh thọ thuộc chính mình, không giống như đối với thọ, cho nên không chọn lấy. Trong sở thọ của nó thông với tất cả pháp, chỉ trừ pháp của chủng tử nhân duyên, vì nhân này xa, chỉ có xa đối đãi nhau mới là nhân này. Nếu không như thế thì dưới đây đáng lẽ nói đắc quả Đẳng lưu, vì không đắc, chỉ có xa tương đãi là đắc, tức là cận sở đắc, đều thuộc về dẫn phát và khiên dẫn.

Hỏi: Tại sao nói nhân duyên là thuộc về khiên dẫn và sinh khởi cũng là định khác nhiếp? Nói nhân của quán đãi là quán đãi, lại là thuộc về khiên dẫn, cuối cùng có lỗi gì?

Đáp: Không đúng. Vì danh xa, gọi quán đãi tức là không phải gần, nhân của định dị gọi là tương thông. Lại nữa, hoặc giải thích tương đãi gần cũng là nhân này. Dưới đây trong quả chỉ căn cứ theo gần xa, không nói đắc quả Đẳng lưu, giải thích này là thù thắng. Lại nữa, giải thích quán đãi tình dục, là có nghĩa quán xét, chủ yếu cảnh chờ tình. Tình chờ cảnh mới là tánh của năng thọ và sở thọ, vì chủng tử mong mầm, không phải năng và sở của tình quán đãi, cho nên không phải nhân này.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao nói đủ để làm nhân, do đó có nghiệp vãng lai?

Đáp: Cũng là chỗ chờ của nội pháp tình, nhân duyên, pháp của mầm không phải chỗ chờ của tình, vì thời gian chỗ chờ của tình không phải nhân duyên. Trước nói chánh nghĩa, đã ở trong sở thọ lấy sở đãi làm nhân, mầm chờ ở chủng cũng có thể là nhân này. Lại còn nhân của Vô ký, hoặc Vô ký tức là nhân chỉ có Hữu lậu. Quả tánh của Vô ký thông với các pháp của lậu, Vô lậu và ba tánh, hoặc quả là Vô ký, cùng với Vô ký làm nhân, tức là nhân thông với ba tánh, lậu và Vô lậu, quả chỉ có Vô ký. Ngoài ra các nhiễm đều căn cứ theo đây mà biết.

Luận: "Đã nương vào xứ này mà lập nhân của quán đãi".

Thuật rằng: Đây là hiển nương vào y xứ mà lập nhân.

Luận: "Nói rằng quán đãi ở đây", đến "nhân quán đãi của nó".

Thuật rằng: Ý thế của Đại luận cùng với đây đồng. Đây là hiển nhân quả của quán đãi đối với bốn xứ chuyển, chỉ trừ cận nhân duyên.

Luận: "Ba là Tập khí y xứ", đến "tự quả xa".

Thuật rằng: Nói rằng nội ngoại chủng ở giai vị chưa thành thục, là nói tất cả chủng tử Hữu lậu Vô lậu, chủng tử nội ngoại, chưa làm chỗ thấm nhuần của lực thiện hữu, làm chỗ thấm nhuần của tham ái, làm chỗ thấm nhuần của nước đất, đều gọi là tập khí y, vì khi chưa làm thấm nhuần thì chỉ có thể khiên dẫn tự quả xa. Không hỏi tánh đồng dị tương xứng cho nên gọi là tự quả. Lại còn trong tịnh nhân, cùng với pháp năng chứng thanh tịnh Niết-bàn làm nhân xa. Không thấy Đại luận nói nhân này chứng đắc Niết-bàn làm thanh tịnh nhân thì liền cho quả này là pháp Vô vi, Vô vi thì xa, không phải nhân sinh, vì luận không nói đắc Ly hệ quả. Hiện tại nhân này gần, nhân quả của ba tánh này tùy theo tánh của nhân, nhân duyên gần sinh tăng thượng sinh, có thể dẫn quả Đẳng lưu và tăng thượng quả. Hoặc trong nhiễm nhân cũng cùng với dị

tánh của quả là Dị thục nhân, quả chỉ có Vô ký, nhân thì thông thiện ác; nếu Vô lậu tức là nhân thì quả chỉ có Vô lậu; thiện và Bất thiện là nhân thì quả thông ba tánh; hoặc nhân của Vô ký thì nhân thông ba tánh, quả chỉ có Vô ký, như lý nên tư duy. Đại luận đều đồng.

Luận: "Bốn là có Nhuần chủng tử y xứ", đến "tự quả gần".

Thuật rằng: Tức là chủng tử trước làm lực thiện hữu đã nhuần trở đi gọi là hữu nhuận y, vì có thể sinh khởi quả gần, như tịnh nhân cùng với cận Bồ-đề làm nhân duyên. Trong đây cùng với chỗ nhuận trước và chỗ chưa nhuận khác nhau, lại không có riêng thể, quả tánh đều đồng như trước, Đại luận cũng đồng.

Luận: "Năm là Vô gián diệt y xứ", đến "Đẳng vô gián duyên".

Thuật rằng: Tức là Đẳng vô gián duyên của tâm pháp tâm sở, vì tâm pháp tâm sở làm quả. Duyên này đã phân rõ như trước, còn nhân thì tùy tánh quả nào thông ba tánh? Mỗi mỗi đều chỉ có tự thức, chỉ lấy tâm tâm sở làm thể.

Luận: "Sáu là Cảnh giới y xứ", đến "Sở duyên duyên".

Thuật rằng: Thể thông với tất cả pháp, thể chỉ có tâm và tâm sở, Hữu lậu và Vô lậu đều thông với nhân quả. Hoặc lấy vị lai làm nhân, quả thì không phải hiện tại, không phải nhân trước mà quả sau. Hiện tại luận này cũng như thế. Nghĩa của Tướng phần hiện tại tương tợ vị lai mà không thật vị lai, cho nên Sở duyên duyên không nơi nào mà không có quả. Ở đây quyển 38 nói Đẳng vô gián duyên này và Sở duyên duyên chỉ mong tất cả tâm và tâm sở.

Luận: "Bảy là Căn y xứ", đến "sáu căn của sở y".

Thuật rằng: Thể là sáu căn, thông với tám thức. Năm căn làm thể thì quả chỉ là tâm và tâm sở. Quả tánh của ba quả trước đều đồng, nhân thì căn cứ theo đây có thể biết. Nhưng Vô gián duyên là thời hiện tại làm duyên, không phải tại thời quá khứ, vì quá khứ không có, tức là hiện tại có lực dụng, có thể khai dẫn pháp khiến cho vị lai sinh, nhập vào thời quá khứ thì dụng của nó mới hiển, vì quả hiện tiền, xứ sở đều không.

Luận: "Tám là Tác dụng y xứ", đến "ngoài ra còn trợ duyên hiện tại".

Thuật rằng: Đối với tác dụng của sở tác nghiệp và tác cụ, như lưỡi búa có tác dụng chặt đứt, tức là trừ chủng tử ra còn trợ cho duyên hiện tại, tức là trừ nội ngoại chủng tử sinh hiện hành, chủng sinh chủng, hiện sinh chủng và trợ duyên gần ra thì tất cả pháp còn lại đều là trợ duyên xa.

Luận: "Chín là Sĩ dụng y xứ", đến "ngoài ra còn làm duyên hiện tại".

Thuật rằng: Đối với tác dụng của sở tác nghiệp và năng tác giả, tức là nắm lấy Sĩ dụng cận trợ duyên của chánh tác trong chỗ trừ ra ở trước thì quả của nó rộng hẹp đồng như tác dụng trước. Vì tác dụng và sĩ dụng thì phải đồng với sở tác, không nắm lấy gần, vì không phải nhân duyên. Hai quả này thông với ba tánh của lậu và Vô lậu, nhân cũng như thế. Nhưng hai quả này cùng với năm Vô ký trước là nhân, trừ Vô gián duyên và căn y xứ ra, còn lại là y xứ quả thông với lậu và Vô lậu. Hai quả đó chỉ có Hữu lậu, vì hai nhân Hữu lậu là Vô ký không sinh Vô lậu. Đây là nương vào sáu thức mà tác pháp. Nếu Thức thứ bảy và Thức thứ tám là Vô gián duyên thì Vô ký tức là nhân, quả thì thông Vô lậu, trong bảy Hữu lậu căn, có sáu Vô lậu cùng với Vô ký làm nhân. Trừ Vô gián duyên và căn ra, còn lại là nhân thông với ba tánh của lậu và Vô lậu. Đây là nương vào sáu thức mà làm luận. Nếu nương vào Vô lậu của Thức thứ bảy thì Vô gián Hữu lậu có thể sinh, là nhân của Vô ký, nhân Vô gián duyên của nó cũng thông với Vô lậu. Trong căn đáng lẽ phân riêng, sắc căn và ý căn mỗi mỗi đều khác nhau, nhưng Sĩ dụng và tác dụng trong đây, chỉ phỏng theo Sĩ phu dụng của hữu tình mà nói, cho nên dưới đây nói chỉ đắc quả Sĩ dụng, không nói đắc các quả Ly hệ. Hiện tại luận này cũng nắm lấy chung, không phải chỉ có bên trong của hữu tình. Nhưng tác dụng và Sĩ dụng đều là Chuyển thanh thứ ba. Tiếng Phạm là Yết-thích-noa là tác cụ tác dụng, Yết-thích-đa là sĩ phu tác dụng, cho nên cả hai thứ đều riêng khác. Nhưng Đại luận quyển 28 ghi: "Chỉ trừ chủng tử ra, chỗ còn lại là các duyên gọi là nhiếp thọ". Hai thứ này là trợ thành nhiếp thọ, cho nên trừ nhân duyên ra, như nhãn thức sinh thì lấy nhãn căn và chủng tử làm Sĩ dụng y, vì Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên làm tác dụng y, vì căn có gần chút ít. Đây là phỏng theo pháp làm Sĩ dụng mà nói. Nếu mượn nhân làm Sĩ dụng thì không phải ở nơi pháp, cứ theo đây nên biết. Nhân mong lúa mầm thì người làm Sĩ dụng, đất nước làm tác dụng, vì tác dụng xa hơn công của nhân. Nếu nương vào luận Du-già quyển 38 trong Vô ký nhân thì đều có Sĩ dụng, đều lấy đất nước làm Sĩ dụng, mặt trời và cày bừa làm tác dụng.

Luận: "Mười là Chân thật kiến y xứ", đến "năng trợ dẫn chứng".

Thuật rằng: Nói rằng tất cả Vô lậu kiến cùng với tất cả Vô vi và pháp Hữu vi làm nhân, trừ kiến nhân quả tự huân thành chủng vì mong bên ngoài, còn lại đều là nhân này, vì nhân duyên dẫn phát là dẫn phát

trong nhân nhiếp, đối với Vô lậu Hữu vi câu sinh pháp có thể trợ gúp khiến cho đồng với sở tác, hoặc khiến cho tăng trưởng, có thể dẫn ở sau Hữu vi Vô lậu, pháp trước dẫn pháp sau. Năng chứng tức là cùng với Vô vi làm nhân. Đây là hiển thắng quả.

Luận: "Tổng y sáu pháp này", đến "phân rõ Vô lậu".

Thuật rằng: Sáu y xứ trước là thể của nhiếp thọ nhân, vì năm y xứ trước là sở nhiếp thọ xa, trở thành phân rõ các pháp Hữu lậu trong ba cõi. Hoặc sáu hợp sở nhiếp thọ xa phân rõ pháp Vô lậu, tức là y xứ thứ sáu không thông với Hữu lậu, trợ thành nhân duyên gọi là nhiếp thọ, cho nên trừ nhân duyên gần năng sinh pháp ra, do đó luận Đối Pháp ghi: "Nếu do nước và phân mong chủng tử sinh mầm thì chỉ có Tự chủng sinh". Nhưng tăng thêm lực của nó thì gọi là nhiếp thọ nhân. Nhưng tùy theo chỗ thích đáng thì có năm hoặc có sáu y xứ, không phải các Hữu lậu pháp đều có đủ năm y xứ. Tâm và tâm sở sinh thì có đủ năm y xứ, nếu không phải tâm tâm sở thì liền không có y xứ. Trong đây năm y xứ trước thông với Vô ký nhân, một y xứ sau thì không phải. Tùy theo chỗ thích đáng ba tánh của nó nên suy nghĩ.

Luận: "Mười một là Tùy thuận y xứ", đến "pháp Vô vi".

Thuật rằng: Nói rằng ba tánh pháp thông với Vô lậu. Các hành của chủng tử hiện tại có thể tùy thuận với các pháp đồng loại thắng phẩm. Hai chữ "đồng loại" là lựa riêng với dị loại làm nhân, chỉ mong tự tánh. Nhưng hai chữ "thắng phẩm" là lựa riêng với tự đồng loại và các phẩm dưới làm nhân. Đại luận quyển 5 ghi: "Vô ký cùng với thiện và nhiễm làm nhân", là trong bản thức mỗi mỗi đều riêng khác với tự chủng, nhưng mong hiện hành cũng là tánh đồng, tức là cũng cùng với Niết-bàn làm nhân. Hiện hành dẫn hiện hành, chủng tử dẫn chủng tử đều là nhân này. Ở đây lấy tánh luận thì hẹp, lấy cõi luận thì rộng, tùy chỗ thích đáng của nó. Luận Hiển Dương ghi: "Pháp của cõi Dục cùng với ba cõi Vô lậu làm nhân". Cõi Sắc cùng với cõi Sắc, cõi Vô sắc và pháp Vô lậu làm nhân. Cõi Vô sắc cùng với cõi Vô sắc và Vô lậu làm nhân. Vô lậu cùng với Vô lậu làm nhân, mà không nói cùng với các pháp của cõi dưới làm nhân. Quả mong tự loại thì tánh của nó phải đồng, cõi trói buộc thì có khác.

Luận: "Mười hai là Sai biệt công năng y xứ", đến "quả tự thừa".

Thuật rằng: Ở đây chỉ có tự tánh, nếu tha tánh chỉ có tương xứng, là thiện nghiệp quyết định dẫn thức thứ tám của trời người không phải đường ác, vì tương xứng, cho nên không phải biệt tánh không tương xứng làm nhân, nghĩa là tự giới pháp cùng với tự giới làm nhân. Trong

tự giới, tự tánh cùng với tự tánh làm nhân. Trong tự tánh, sắc với sắc làm nhân. Trong sắc, nội sắc với ngoại sắc làm nhân. Trong nội sắc, trưởng dưỡng cùng với trưởng dưỡng làm nhân, tất cả như vậy cùng với tự thừa chủng tử mong tự thừa Hữu vi Vô vi quả cũng như thế, tức là tịnh nhân. Lấy cõi mà luận thì hẹp, lấy tánh mà luận thì rộng, đại luận đều đồng. Quả thì dễ, cho nên không nói, nghĩa là đối với Hữu vi nhân có thể khởi quả, hoặc đối với Vô vi nhân có thể chứng quả đó. Thế lực sai biệt tự tánh tương xứng, gọi là định; vì bất cộng tha, cho nên gọi là dị.

Luận: "Mười ba là Hòa hợp y xứ", đến "một sự nghiệp".

Thuật rằng: Lấy sáu nhân trước làm tánh, không lấy ngôn thuyết, vì xa. Ngôn thuyết cùng với pháp không hòa hợp nhau, vì tư thế ở xa cho nên không nắm lấy làm tánh. Nhân đã ở phía trước thì quả của nó cũng như vậy. Đối với sinh các quả thì phỏng theo nhất sự nghiệp, nhân thông với lậu và Vô lậu. Một cứ theo trước.

Luận: "Mười bốn là Chướng ngại y xứ", đến "sinh các sự".

Thuật rằng: Trong tương vi và bất tương vi này, nhân thông với lậu và Vô lậu, quả cũng như thế, khiến cho Hữu vi Vô lậu không sinh, vì Vô vi không hiển. Nhưng lãnh thọ và ba nhân sau này đồng với luận Du-già quyển 5, đều nói đối với các quả sinh, trụ... không nói các nhân còn lại là các nhân hẹp khác. Bốn nhân rộng này, nhưng Đại luận và luận Hiển Dương thì chỉ có ba nhân sau, có đối với một quả của sinh mà nói, trong quán đãi thì không có, quán đãi trong đây thì rộng. Luận kia thì chỉ có mong tình dục mà tác pháp, vì tánh của nó hẹp. Quyển 38 chỉ nương vào sinh để thuyết minh chướng ngại, vì căn cứ theo hiển hiện thù thắng. Trong sáu tương vi, chỉ có thù thắng này cũng không có lỗi tương vi. Trong đây, Vô ký, nhiễm và thiện cứ theo đó nên biết. Diệt tướng của Đại thừa tuy không chờ nhân, tương vi nhân cùng với các pháp sau làm sinh nhân, trái nhau với các pháp trước, gọi là tương vi nhân.

Luận: "Mười lăm là Bất chướng ngại y xứ", đến "sinh các sự".

Thuật rằng: Ngược lại đối với chướng ngại y xứ trên, tướng của nó có thể biết.

Luận: "Như vậy mười nhân", đến "phương tiện nhân nhiếp".

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ hai, trong hai nhân nhiếp nhau, có hai sư giải thích khác nhau. Sư thứ nhất có hai phần:

1. Dẫn Bồ-tát địa.

2. Dẫn văn có Tầm tứ địa.

Trong dẫn Bồ-tát địa có ba phần:

1. Dẫn văn.

2. Chánh giải thích.

3. Lập lý.

Dẫn văn đã nói xong. Năng sinh nhân thì gần, phương tiện nhân thì xa. Sư thứ nhất giải thích rất khác với người xưa, sư thứ hai thì đồng.

Luận: “Đây là nói khiên dẫn”, đến “gọi là sinh khởi chủng”.

Thuật rằng: Dưới đây là chánh giải thích. Phần đầu giải thích năng sinh, phần sau giải thích phương tiện. Nói Bồ-tát địa là nói khiên dẫn nhân, trừ tập khí của nghiệp và ngoài Vô ký nhân ra thì trong sinh khởi nhân cũng như thế. Cũng trừ các nghiệp ra, vì nó không phải nhân duyên.

Hỏi: Tại sao biết được trong sinh khởi nhân có nghiệp chủng. Văn của luận hai chỗ đều nói nhân này là năng sinh nhân, không nói có Tăng thượng duyên?

Đáp: Điều đó không đúng. Hiện tại luận này cũng có văn, là văn của Đại luận quyển 10.

Hỏi: Nếu các chi mong nhau không có nhân duyên thì tại sao nói rằng y nhân duyên mà lập mười hai chi?

Đáp: Nương vào chỗ nhiếp của Tăng thượng duyên thì ba nhân khiên dẫn, sinh khởi và dẫn phát mà nói không phải có nhân duyên, cho nên biết trong sinh khởi này cũng có phi nhân duyên chủng.

Hỏi: Lại nữa, cứ theo lý, nếu chủng chưa nhuần mà đã có nghiệp thì cũng ở trong khiên dẫn, tại sao đã nhuần nghiệp chủng mà không phải sinh khởi nhân?

Đáp: Lại nữa, Bồ-tát địa, ai cho rằng luận kia nói sinh khởi nhân là nhân này. Như đoạn văn này, dẫn phát nhân của nó nắm lấy chủng dẫn tự chủng, chủng dẫn hiện hành làm nhân duyên, trừ ra hiện hành dẫn chủng và dẫn hiện hành, Dị tánh chủng và Niết-bàn, vì nó không phải nhân duyên. Cùng Dị thục tăng thượng, quả Đẳng lưu, cũng lấy hiện hành năng huân chủng tử trong dẫn phát làm nhân duyên, cũng là hai năng sinh nhân của dẫn phát nhiếp. Dưới đây có hai giải thích, đồng sự của nó thì Bất tương vi nhiếp, vì nhân trước làm tự thể, tức là hợp chung các nhân duyên chủng chưa nhuần trở về trước trong sáu nhân cũng chưa thành tựu đều gọi là khiên dẫn chủng, dẫn dắt tự quả xa, tức là toàn khiên dẫn nhân và bốn nhân ít phần. Trừ ra sinh khởi nhân, hoặc nhuần khắp trở đi đều gọi là đã thục tức là toàn sinh khởi nhân và bốn nhân ít phần. Trừ Khiên dẫn nhân ra, là sinh khởi nhân này, vì có thể sinh khởi quả gần. Làm sao biết?

Luận: “Trong sáu nhân đó”, đến “trong hai vị”.

Thuật rằng: Trong sáu nhân đều có nhân duyên chỗ nhiếp của năng sinh, hai chủng tử này đã là nhân duyên cho nên trong sáu nhân chỗ nào có nhân duyên đều là chỗ nhiếp của năng sinh này. Nếu không như thế thì nhiếp nhân duyên không khắp hết.

Hỏi: Đã như thế thì hiện hành huân thành chủng cũng là nhân duyên nắm lấy. Tại sao trong đây không nhiếp, cũng không phải hết lý?

Luận: “Tuy có hiện khởi”, đến “ở đây lược bỏ không nói”.

Thuật rằng: Câu hỏi đó không đúng. Trừ hai nhân khiên dẫn và năng khởi ra, vì hai nhân này chỉ có chủng tử. Như dẫn phát bốn nhân trong sáu nhân trước thì hiện hành năng sinh chủng làm nhân, vì nhiều gián đoạn không giống như tánh của chủng tử hằng tương tục. Đây là Bồ-tát địa, lược bỏ không nói. Ở đây đem chỗ chưa hết lý căn cứ theo một nghĩa để nói. Lại nữa, giải thích...

Luận: “Hoặc quả Cận biện”, đến “chủng tử của lúa thóc”.

Thuật rằng: Tức là hiện hành quả Cận biện này, cũng gọi là chủng sinh khởi chủng nhiếp, vì quả Cận sinh. Tại sao hiện hành cũng gọi là chủng? Trong đây có ví dụ, như mượn nói chủng của lúa thóc hiện hành, đó đã như thế thì đây cũng như thế. Trong sáu nhân này thì nhân nào là sở nhiếp? Bốn nhân khác nhiếp.

Từ trên đến đây giải thích năng sinh nhân nhiếp đã nói xong. Từ đây xuống thuyết minh ngoài các nhân khác còn có phương tiện nhân nhiếp.

Luận: “Các nhân khác”, đến “phương tiện nhân nhiếp”.

Thuật rằng: Nói rằng thứ nhất ngôn thuyết, thứ hai quán đãi, thứ năm nhiếp thọ, thứ chín toàn tương vi và trong sáu nhân không phải là nhân duyên pháp, đều là giai vị chưa nhuận sinh nói ở trước, giai vị đã nhuận thục là hai nhân chủng còn lại, tức là nói toàn bốn nhân này. Có sáu nhân ít phần làm phương tiện nhân. Phương tiện nhân này cũng có hai chủng là Đẳng vô gián và Sở duyên duyên. Hiện tại ngay trên một nhân mà tổng nói chỉ là Tăng thượng duyên. Không phải không có khác nhau chút ít, đến sau sẽ biết.

Từ trên đến đây đã nêu nhân để hiển số nhiếp nhau, từ đây xuống là nêu lý.

Luận: “Không phải hai chủng này”, đến “có nhân duyên chủng”.

Thuật rằng: Không phải hai chủng khiên dẫn và sinh khởi, chỉ

thuộc hoàn toàn hai nhân khiên dẫn và sinh khởi trong mười nhân kia. Tại sao vậy? Trong hai nhân này có Phi nhân duyên, nhiếp hết thì liền rộng, vì năng sinh là nhân duyên, ngoài ra trong bốn nhân dẫn phát có nhân duyên chủng, nếu nhiếp chỉ có hai hoặc không nhiếp thì liền hẹp.

Luận: "Không chỉ có tám nhân đó", đến "không phải nhân duyên chủng".

Thuật rằng: Không phải chỉ trừ sinh khởi và khiên dẫn ngoài tám nhân toàn đủ ra gọi là các nhân khác, tại sao? Trong bốn nhân, có nhân duyên nhiếp hết thì liền thành rộng, vì phương tiện nhân không phải nhân duyên. Trong hai nhân sinh khởi và khiên dẫn kia cũng có Phi nhân duyên chủng, gọi là nghiệp chủng. Nếu chỉ có tám nhân đó, chỗ còn lại không nhiếp thì liền trở thành hẹp, sau có Phi nhân duyên, vì phương tiện không nhiếp. Văn của Bồ-tát Địa cũng không phải hết lý, cho nên trong đều như tôi nói. Tổng hợp tiếp theo là văn Tầm tứ địa của quyển 5.

Luận: "Hữu tầm... địa", đến "ngoài ra phương tiện nhiếp".

Thuật rằng: Trong đó có ba phần:

1. Đoạn văn.

2. Chánh giải.

3. Lập lý.

Đây là đoạn văn kia. Hữu tầm... là đồng với Hữu tứ... tiếp theo sau là chánh giải.

Luận: "Văn này có ý nói", đến "quả tự loại".

Thuật rằng: Năng sinh nhân là nhân duyên, như chỗ nói trước. Trong sáu nhân hoặc hiện hoặc chủng, hoặc đã nhuận hoặc chưa nhuận, nhưng lẫn nhau làm nhân duyên, gọi là sinh khởi nhân, đều do năng sinh nhiếp. Hoặc hiện hoặc chủng khi nhuận hoặc chưa nhuận đều là năng sinh khởi quả tự loại. Vì quả tự loại cho nên nói hiển là nhân duyên chủng và hiện hành, lựa riêng với Phi nhân duyên chủng và hiện hành.

Luận: "Các nhân khác này đều thuộc về Phương tiện nhân".

Thuật rằng: Vì phương tiện thì xa. Trong sáu nhân này ngoài nhân duyên chủng và toàn bốn nhân khác đều gọi là Phương tiện nhân, vì đồng với viễn thể. Làm sao biết?

Luận: "Không phải sinh khởi này", đến "có nhân duyên chủng".

Thuật rằng: Dưới đây là lập lý. Không phải đoạn văn tầm và tứ này là sinh khởi nhân thuộc sinh thứ tư khởi nhân trong mười nhân. Nếu

chỉ có một sinh khởi nhân thì trong sinh khởi không phải nhân duyên pháp, nhiếp hết thì liền rộng. Lại nữa, tức là trong năm nhân của khiên dẫn kia, hoặc hiện hoặc chủng, vì có nhân duyên, không nhiếp thì liền hẹp.

Luận: "Không phải chỉ có chín nhân kia", đến "có Phi nhân duyên".

Thuật rằng: Không phải trừ sinh khởi nhân ra ngoài chín nhân kia mà gọi là các nhân khác. Nếu chỉ nắm lấy chín nhân thì trong chín nhân cũng có nhân duyên, vì phương tiện thì xa, nhiếp hết chín nhân thì liền rộng. Trong sinh khởi có Phi nhân duyên, phương tiện không nhiếp không hết thì cũng quá hẹp. Nếu nhân duyên chỉ nhiếp sinh khởi nhân, tức là nhiếp tăng thượng nghiệp chủng quá rộng. Nếu không nhiếp năm nhân duyên còn lại, năm nhân duyên không nhiếp hết thì quá hẹp. Nếu phương tiện định nhiếp chín nhân, tức là trong năm nhân có nhân duyên, cũng phương tiện nhiếp hết thì lỗi quá rộng, cho nên biết văn thế như chỗ giải thích của tôi. Ảnh tượng trong đây lược bỏ, chỉ vì nhiếp không hết. Quá hẹp làm giải thích, nhưng ảnh tượng thì nắm lấy rộng, đều căn cứ như trên mà biết.

Hỏi: Tại sao đem nhân duyên của Bồ-tát địa phân làm hai? Năng sinh nhân cũng gọi là khiên dẫn chủng, tuy có hai danh cũng nhiếp chưa hết hiện hành nhân duyên. Tầm tứ địa một sinh khởi nhân thì liền nhiếp hiện và chủng đều hết?

Đáp: Phỏng theo nhuận và chưa nhuận, chỉ phỏng theo chủng mà luận, cho nên phải phân làm hai. Năng khởi đối với quả thể là nhân duyên, không phân nhuận và chưa nhuận. Tầm tứ địa chỉ có một sinh khởi nhân, cũng không trái nghịch. Đây là sự phân rõ của sư thứ nhất đã nói xong.

Luận: "Hoặc Bồ-tát địa", đến "tức là tám nhân còn lại kia".

Thuật rằng: Trong sư thứ hai giải thích hai đoạn văn phân làm hai giải thích. Trong mỗi mỗi đoạn lại có hai phần:

1. Chánh giải thích.
2. Giải thích vấn nạn.

Đây là phần đầu. Nói hai chủng tử của Bồ-tát Địa, tức là hai nhân sinh khởi và khiên dẫn kia trong mười nhân như chỗ nhiếp danh. Ngoài ra các nhân khác tức là chỗ nhiếp tám nhân khác trong mười nhân. Dưới đây tự giải thích vấn nạn.

Luận: "Tuy trong hai nhân", đến "vì hiển thù thắng cho nên nói thiên về nó".

Thuật rằng: Trong hai nhân khiên dẫn và sinh khởi, tuy cũng có không phải năng sinh nhân, vì các nghiệp chủng không phải năng sinh. Nhân duyên chủng tử trong hai nhân này, một là cận biện thể, hai là thọ quả vô tận. Vì thù thắng cho nên nói thiên về nó là năng sinh nhân, không nói chỗ nhiếp của tăng thượng nghiệp chủng.

Luận: "Tuy nội trong nhân khác", đến "hiển nhiều cho nên nói thiên về nó".

Thuật rằng: Tuy trong tám nhân có Phi phương tiện nhân trong bốn nhân, gọi là nhân duyên chủng, vì tăng thượng nhiều trong bốn nhân toàn đủ và bốn nhân phần ít, luận nói thiên về nó là phương tiện nhân, tức là năng sinh nhân trước ẩn tăng thượng, phương tiện nhân sau ẩn nhân duyên, đều không sáng tỏ cho nên không hết lý.

Luận: "Hữu tầm tứ địa", đến "tức là ngoài chín nhân kia".

Thuật rằng: Văn dưới đây cũng có hai phần, căn cứ theo trước nên biết. Luận kia nói sinh khởi nhân tức là sinh khởi nhân thứ tư nhiếp trong mười nhân. Nói các nhân khác tức là chín nhân còn lại. Tại sao như thế?

Luận: "Tuy trong sinh khởi", đến "vì hiển gần cho nên nói ngay".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích vấn nạn. Nhân của sinh khởi tuy có các nghiệp chủng không phải nhân duyên nhiếp, vì đối với khiên dẫn nhân đã thấm nhuần, là cận đắc quả. Ngay chủng tử danh ngôn trong tự nhân cùng với quả đồng tánh, vì là hiển gần cho nên nói thiên về nó. Lược bỏ không nói khiên dẫn nhân và nghiệp chủng trong tự nhân, nói thiên về sinh khởi nhân là năng sinh nhân, vì đã thấm nhuần rốt ráo mới gọi là sinh khởi, cho nên mong khiên dẫn làm cận nhân.

Luận: "Tuy trong khiên dẫn", đến "ẩn gần cho nên không nói".

Thuật rằng: Tuy biết khiên dẫn nhân của Bồ-tát địa cũng có nhân duyên chủng là năng sinh nhân, nhưng mong sinh khởi nhân là viễn nhân, vì chưa thấm nhuần khắp, làm ác hay không tức là thọ, cho nên gần hay xa tức là nghiệp chủng hiển hiện. Tướng mạo của cận danh ngôn chủng ẩn, xa thì không nói nhân duyên chủng tử của nó, mà nói nghiệp chủng làm khiên dẫn. Không nói khiên dẫn nhân, lý cũng không trái.

Luận: "Ngoài phương tiện nhiếp thì cứ theo trên nên biết".

Thuật rằng: Tuy trong bốn nhân còn lại cũng có nhân duyên. Nhưng bốn nhân toàn đủ, năm nhân phần ít, là thuộc về phương tiện. Như tăng thượng nhiều nói trên. Nói thiên về nó không phải là năng

sinh nhân. Thật lý cũng là văn chưa hết lý. Phần thứ ba lấy bốn duyên nương vào mười lăm xứ, nhiếp mười nhân và hai nhân.

Luận: "Chỗ nói bốn duyên", đến "mười nhân và hai nhân".

Thuật rằng: Quyển 1 nêu ra rằng: "Bốn duyên nương mười lăm xứ, vì nghĩa sai biệt cho nên lập làm mười nhân". Từ trên đến đây tuy có hai đoạn văn, chỉ nương vào mười lăm xứ mà lập mười nhân, mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau. Chưa rõ nương vào mười lăm xứ mà lập bốn duyên và mười nhân cùng với hai nhân nhiếp nhau, cho nên có câu hỏi này. Trong đó phần đầu là hỏi, tiếp theo là đáp. Trong đáp thì trước hết là đáp duyên y xứ, sau đó phân rõ duyên cùng với nhân nhiếp nhau.

Luận: "Luận nói nhân duyên", đến "lập tăng thượng".

Thuật rằng: Trong phần đầu có đoạn: một là dẫn văn, hai là chánh giải thích. Đây là dẫn luận Du-già quyển 5, luận Hiển Dương quyển 18 đều đồng.

Luận: "Chủng tử trong đây", đến "nhân duyên chủng nhiếp".

Thuật rằng: Giải thích dưới đây có hai đoạn:

1. Giải thích nhân duyên y xứ.

2. Trong giải thích hai duyên y xứ, trong đó mỗi mỗi đều có hai sư giải thích.

Chỗ nói chủng tử là nhân duyên tức là Tập khí thứ ba, Hữu nhuận chủng tử thứ tư, Tùy thuận thứ mười một, Sai biệt công năng thứ mười hai, Hòa hợp thứ mười ba, Bất chướng ngại thứ mười lăm trong mười lăm y xứ hợp chung trong sáu y xứ. Trừ ra hiện hành nhân duyên chủng của nó nhiếp, tức là chỗ nói sáu nhân y xứ chủng tử trước là nhân duyên.

Luận: "Tuy hiện hành bốn xứ", đến "ở đây lược bỏ không nói".

Thuật rằng: Trên đã giải thích bản văn, dưới đây là giải thích nghĩa không hết, chỉ nói chủng tử mà không nói hiện hành. Tuy trừ bỏ hai y xứ thứ ba và thứ tư, ngoài ra bốn y xứ còn lại cũng có hiện hành là nhân duyên, ngưng nhiều gián đoạn, ở đây lược bỏ không nói là nhân duyên nhiếp, chỉ nói chủng tử là nhân duyên.

Luận: "Hoặc nó cũng có thể", đến "cũng lập tên của chủng".

Thuật rằng: Lại nữa, giải thích trừ khiên dẫn và sinh khởi ra thì hiện hành trong bốn nhân có thể làm nhân duyên, cũng là hai chữ "chủng tử" trong nhiếp, vì phân rõ tự quả gần, ví dụ như giải thích trước. Giải thích này thì văn lấy làm tận lý.

Luận: "Hoặc hai chữ chủng tử", đến "thủ và xả như trước".

Thuật rằng: Sư thứ hai giải thích. Hai chữ "chủng tử" này chỉ thuộc trong mười lăm y xứ, hữu nhuận chủng tử y xứ thứ tư vì có hai chữ chủng tử. Trong hữu nhuận này không lựa bỏ nghiệp, không nhiếp nhân duyên chủng trong tập khí và nhân duyên trong bốn y xứ. Thủ và xả như trước nhiếp hai nhân. Ý của sư này giải thích phỏng theo sự sinh khởi thân cận cho nên không nói các nhân còn lại. Nhân duyên chủng hiển không nói nghiệp, vì sự xa gần của khiên dẫn riêng khác, cho nên lược bỏ mà không nói, tức là lấy văn này làm chưa hết lý.

Luận: "Nói Vô gián diệt", đến "nghĩa của hai duyên".

Thuật rằng: Trên đã giải thích nhân duyên, trong giải thích dưới đây có hai phần, đây là nghĩa của sư thứ nhất. Hai chữ "hai xứ" kia có ý hiển chỉ là hai duyên này. Không phải chỉ có chỗ nhiếp của Vô gián diệt xứ thứ năm và cảnh giới y xứ thứ sáu, ngoài ra trong ba y xứ là lãnh thọ, hòa hợp và bất chướng ngại xứ cũng đều có nghĩa của hai duyên này. Quán đãi chờ cảnh và tâm mới được sinh. Còn lại hai duyên hợp chung với trước làm thể, tức là lấy văn này mà làm tận lý.

Luận: "Hoặc chỉ có năm, sáu", đến "lược bỏ không nói".

Thuật rằng: Đây tức là sư thứ hai trước nói. Hai duyên y xứ chỉ có y xứ thứ năm và thứ sáu, không phải ba y xứ còn lại, ba y xứ còn lại tuy có hai duyên y xứ này, vì tương ưng mà lại ít cho nên không nói. Hai xứ toàn đủ, vì tên cũng hiển. Chỉ nói hai duyên ẩn, còn lại thì ít cho nên lược bỏ không nói, tức là lấy đoạn văn này làm bất tận lý. Nương vào chỗ còn lại mà lập tăng thượng, vì dễ cho nên lược bỏ không nói. Tùy theo trước chỗ đáng tận lý hay bất tận lý, trừ ba duyên còn lại đều là tăng thượng.

Luận: "Luận nói nhân duyên", đến "thuộc về nhiếp thọ nhân".

Thuật rằng: Dưới đây là đáp. Bốn duyên, mười nhân và hai nhân nhiếp nhau, trong đây hợp chung làm mười nhân và hai nhân nhiếp nhau. Trong đó có hai đoạn: một là dẫn văn, hai là chánh giải. Quyển 38 ghi: "Nhân duyên tức là năng sinh nhân nhiếp, Tăng thượng duyên tức là phương tiện nhân". Trong đó Đẳng vô gián và Sở duyên duyên, hai duyên này là nhiếp thọ nhân nhiếp. Trong đây riêng viễn nhiếp thọ nhân nhiếp hai duyên trên. Từ chỗ nhiếp của chín duyên và hai nhân còn lại thì lý cứ theo đó có thể thành cho nên luận không nói, chỉ lấy lý do hai duyên tương tục trong nhiếp thọ mà nói thiên về nó. Không phải trong phương tiện nhân không nhiếp hai duyên. Quán đãi, đồng sự và Bất tương vi là phương tiện nhân nhiếp. Lại nữa, đã phân rõ hai nhân cùng với mười nhân nhiếp nhau, chỉ nói năng sinh nhân là nhân duyên,

phương tiện nhân là Tăng thượng duyên. Hai duyên trung gian là nhiếp thọ nhân, tức là hiển phương tiện nhân trong hai nhân nhiếp ba duyên. Năng sinh nhân nhiếp nhân duyên, nghĩa cũng gồm hiển sáu nhân phần ít trong mười nhân là nhân duyên nhiếp, một nhân phần ít là hai duyên trung gian gọi là nhiếp thọ nhân, hoặc gồm quán đãi, đồng sự và Bất tương vi cũng có hai duyên, nhưng luận chỉ nói nhiếp thọ nhân để hiển, còn lại là lý của Tăng thượng duyên đã thành lập. Văn có lược bớt.

Luận: "Chỉ có phương tiện nhân", đến "cho nên đây nói thiên về nó".

Thuật rằng: Hiện tại luận này giải thích văn kia không hết lý. Nếu cứ theo phương tiện nhân nhiếp hết các nhân còn lại thì có Phi Tăng thượng duyên, vì Đẳng vô gián và Sở duyên duyên là phương tiện nhân nhiếp, vì phương tiện nhân nhiếp nhân phần nhiều. Nói rằng trừ quán đãi, đồng sự và Bất tương vi phần ít ra thì còn lại đều là Tăng thượng duyên. Thiên nói về phương tiện nhân là Tăng thượng duyên. Đây là phỏng theo thể của không tương loạn Tăng thượng duyên mà giải thích. Hoặc thể tương loạn lấy hai duyên còn lại cũng là Tăng thượng duyên thì đều phương tiện nhân nhiếp. Không như thế thì không nói năng sinh nhân là Tăng thượng duyên, vì hiển trong phương tiện nhân có đủ ba duyên.

Luận: "Nhân khác cũng có", đến "để hiển cho nên nói thiên về nó".

Thuật rằng: Trong mười nhân thì nội trong sáu nhân là nhân duyên, đều là năng sinh nhân, trong bốn duyên là chỗ nhiếp của nhân duyên. Đẳng vô gián duyên trong lãnh thọ nhân, nhiếp thọ nhân, đồng sự nhân và Bất tương vi nhân là Đẳng vô gián duyên trong phương tiện nhân nhiếp. Sở duyên duyên trong lãnh thọ nhân, nhiếp thọ nhân, đồng sự nhân và Bất tương vi nhân đều là Sở duyên duyên trong phương tiện nhân nhiếp. Tuy trong bốn nhân lãnh thọ, nhiếp thọ, đồng sự và Bất tương vi này cũng có hai duyên trung gian Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên, hai duyên này ở trong giai vị của bốn duyên. Nhưng trong nhiếp thọ nhân vì có hai y xứ danh và thể toàn hiển cho nên nói thiên về nó. Ngoài ra các nhân còn lại không có hai y xứ danh và thể toàn đủ hai duyên, cho nên lược bỏ không nói.

Luận: "Một là năng sinh nhân nhiếp, tiến thoái như trước".

Thuật rằng: Nhưng năng sinh nhân là nhân duyên, hoặc nói sáu nhân, hoặc nói hai nhân, lại còn nương vào Bồ-tát địa hoặc lấy chung sáu nhân gọi là tiến, hoặc chỉ lấy hai nhân gọi là thoái. Hoặc trong sáu

nhân chỉ lấy chủng tử là năng sinh nhân nhiếp hiện hành không hết, gọi đó là thoái. Hoặc gồm lấy hiện hành gọi đó là tiến. Chỗ y Hữu tầm tứ địa, hoặc lấy sáu nhân gọi đó là tiến, chỉ lấy một nhân gọi đó là thoái. Hiện tại luận này nói chung, đều như trước nói.

Luận: "Chỗ nói nhân duyên", đến "nương xứ nào mà đắc?"

Thuật rằng: Đây là hỏi. Phần thứ tư phân rõ các y xứ đắc quả là đáp câu hỏi này. Nhân là mười nhân, duyên là bốn duyên, chắc chắn có quả. Quả có mấy loại? Nương xứ nào mà đắc? Tức là hỏi nương xứ nào đắc quả nào? Văn dưới đây có ba phần:

1. Đáp quả có mấy loại.

2. Đáp y xứ đắc quả.

3. Thuyết minh mười nhân và bốn duyên đắc quả.

Chưa thuyết minh y xứ đắc quả. Trước hết nêu thể của quả.

Luận: "Quả có năm loại", đến "Dị thục sinh Vô ký".

Thuật rằng: Nói rằng chỗ chiêu cảm Dị thục sinh Vô ký của Hữu lậu thiện. Hữu lậu thiện là lựa riêng với Vô lậu thiện. Tự tương tục là lựa riêng với tha và phi tình. Hoặc chỉ nói Dị thục tức là báo trong sáu thức, không phải chân Dị thục nhiếp. Hiện tại luận này làm tổng nhiếp kia, cho nên nói Dị thục sinh. Nhưng bản thức cũng gọi là Dị thục sinh Vô ký. Như quyển 2 trước nói rõ. Trong đây tức là hiển chỗ sai trong luận Thiện Bất Thọ Báo của Pháp sư Đạo Sinh xưa, đồng với Tiểu thừa do Hữu lậu thiện mà cũng cảm báo. Vị này có lâu dài, đến Kim cương tâm vị mới đoạn nhanh, thông với Nhị thừa vô học. Luận Hiển Dương quyển 38, luận Đối Pháp quyển 15 đều đồng.

Luận: "Hai là quả Đẳng lưu", đến "quả sau tùy chuyển".

Thuật rằng: Nói rằng chỗ dẫn đồng loại của tập thiện, Vô ký và bất thiện, không mong nhân của dị loại làm quả Đẳng lưu. Quả thì thù thắng mà nhân có thể yếu kém, không phải quả yếu kém mà nhân thù thắng. Quyển 38 đều nói thiện pháp tăng làm tự quả. Luận Đối Pháp thì chỉ căn cứ theo thiện pháp, luận thật ra quả này không phải không thông với quả khác. Hoặc tương tợ nghiệp đời trước, quả tùy chuyển sau, quyển 38 cũng đồng với ý này. Nói rằng nếu sát sinh thì bị quả báo đoản mạng, là đồng loại của nghiệp đời trước, lấy phần hạn dài ngắn của Thức thứ tám mà làm quả Đẳng lưu. Tùy thuận tướng môn tức là Vô ký quả và tự nghiệp tương tợ cùng với thiện không làm đồng loại. Chỉ có một pháp này, không phải các pháp khác đều là giả thuyết, thật ra là quả tăng thượng, nhưng giả gọi là quả Đẳng lưu, không phải Đồng tánh quả, vì pháp Dị tánh không phải Đồng loại, do đó khiến cho tha mạng

đoản và tự mạng cũng đoản. Nghĩa tương tợ mượn gọi là Đẳng lưu, thật ra là chỗ cảm của nghiệp. Quả này thông với Hữu lậu và Vô lậu, chỉ là Hữu vi, phàm Thánh đều thông, cũng là hiện hành mong chủng tử, chủng tử mong hiện hành cũng vậy. Chỗ y trước sau của luận Du-già thông với luận này.

Luận: "Ba là Ly hệ", đến "thiện pháp Vô vi".

Thuật rằng: Đây là sở chứng Vô lậu đoạn chướng, là bất động diệt, tưởng thọ diệt và ba tánh Chân như của Trạch diệt trong tám Vô vi. Luận Đối Pháp ghi: "Tùy miên vĩnh viễn diệt là quả này". Luận Du-già quyển 38 và luận Hiển Dương cũng ghi: "Dị sinh lấy thế tục trí diệt các phiền não, vì không rốt ráo cho nên không phải quả này nhiếp". Nhưng quả này có nghĩa chỗ đắc là chỉ đoạn phiền não chướng, không phải Sở tri chướng. Hoặc Sở tri chướng nói là định chướng thì cũng vậy. Như dưới đây quyển 10 ghi: "Có nghĩa Sở tri chướng cũng được". Trong đó là nói chung, cũng không có lỗi tương vi.

Luận: "Bốn là Sĩ dụng", đến "phân rõ sự nghiệp".

Thuật rằng: Nói rằng các tác giả mượn các tác cụ để phân rõ sự nghiệp, nhưng quyển 38 chỉ ghi: "Sĩ phu dụng cho đến các sự như bói toán, do đây trở thành phân rõ sự gieo giống và gặt hái, là quả Sĩ dụng". Không nói như câu hữu nhân đắc các quả câu sinh, Vô gián, gián cách và bất sinh. Do đây có thể có hai thuyết:

1. Sư thứ nhất chỉ có Sĩ phu dụng làm nhân mà đắc quả Sĩ dụng. Nhân chỉ có giả, không phải có ít thật pháp.

2. Ý của sư thứ hai là tâm tâm sở đồng thời cũng đắc quả này, tức là không phải chỉ có sĩ phu giả mượn làm nhân.

Văn chỉ nói chung các tác giả mượn các tác cụ để phân rõ sự. Sư trước chỉ có Hữu vi phần ít làm quả thể, chỗ phân rõ do lực của sĩ phu. Sư thứ hai thì thông với Vô vi cũng là quả thể.

Luận: "Năm là tăng thượng", đến "chỗ đắc quả khác".

Thuật rằng: Nếu luận về tướng riêng, trừ bốn quả trên ra thì tức là quả này, thông rộng với Hữu lậu và Vô lậu.

Luận: "Luận Du-già nói", đến "đắc quả tăng thượng".

Thuật rằng: Nêu ra quả thể đã xong, tiếp theo là y xứ đắc quả. Trong đó có hai phần: một là dẫn văn, hai là chánh giải thích. Luận Du-già quyển 5 và luận Hiển Dương quyển 18 ghi: "Tập khí y xứ đắc Dị thục", cho đến nói rộng. Nêu ra văn đắc quả, có hai sư giải thích. Trong giải thích của sư thứ nhất có hai đoạn:

1. Chánh giải.

2. Lập lý, tức là sư thứ nhất giải thích mười nhân và hai nhân nhiếp nhau ở trước.

Luận: "Nói tập khí xứ", đến "tất cả công năng".

Thuật rằng: Hiển chỗ đắc năm y xứ trong mười lăm y xứ của quả Dị thục. Nói rằng năm y xứ đắc là Tập khí, Hữu nhuận, Công năng sai biệt, Hoà hợp và Bất chướng ngại, lấy sự dẫn phát chỉ mong quả tự loại để nói, quán đãi tánh lại xa, nghĩa của nghiệp đắc quả thì gần. Trong nhiếp thọ nhân căn cứ theo sĩ phu làm tác dụng y xứ cũng không có quả Dị thục, hoặc pháp tác dụng y xứ cũng đắc quả này, tức là sáu y xứ đắc. Do đó luận trước ghi: "Hoặc nhiếp thọ năm y xứ để phân rõ pháp Hữu lậu". Trừ tâm và tâm sở ra, còn hai y xứ khác nhiếp thọ tất cả Hữu lậu. Hiện tại luận này chỉ tổng nói để hiển các y xứ mà không nói riêng. Tại sao biết có năm y xứ? Căn cứ theo nhân đắc quả dưới đây, không nói nhiếp thọ nhân đắc quả này. Quả Sĩ dụng có hai thuyết, ở đây cũng đáng lẽ như thế.

Luận: "Nói tùy thuận xứ", đến "tất cả công năng".

Thuật rằng: Hiển quả Đẳng lưu tức là chỗ đắc của bảy y trong y xứ, nghĩa là tập khí mong tự loại chủng, Hữu lậu mong hiện hành và tự loại chủng, chân thật kiến cũng mong tự loại, hiện hành, tùy thuận, sai biệt công năng, hòa hợp và bất chướng ngại. Đây là nói sĩ phu làm Sĩ dụng. Có nói y xứ của Sĩ dụng và tác dụng cũng đắc quả này. Lấy pháp làm Sĩ dụng thì sư này có chín nhân đắc quả Đẳng lưu. Lại nữa, giải thích sĩ phu có thể đắc, tác dụng y thì xa chưa chắc có thể đắc, vì trợ duyên hiện tại cho nên không phải làm duyên hiện tại, chỉ có tám y đắc. Lãnh thọ nhân chỉ mong năng lãnh thọ và sở lãnh thọ của hữu tình sĩ phu. Hoặc xa thì mong nhau, gần thì mong pháp cho nên không đắc. Chỗ mong của Vô gián diệt y không đồng, hoặc lấy quả niệm sau của phẩm dưới, cho nên cũng không nói là đắc. Ngoài ra đều có thể biết.

Luận: "Nói Chân kiến xứ", đến "tất cả công năng".

Thuật rằng: Nói rằng năm y xứ đắc trong y xứ, là chân kiến và tùy thuận cũng dẫn đến Niết-bàn. Công năng sai biệt mỗi mỗi đều dẫn Tự thừa quả, xứ và đắc của hòa hợp và bất chướng ngại, đây là lấy sĩ phu làm Sĩ dụng, hoặc nói pháp làm Sĩ dụng, tức là Sĩ dụng và tác dụng đều đắc quả này. Nhưng thứ không đắc còn lại có thể biết. Không phải quán đãi nhân đắc, là xa thì chờ nhau, không lấy chứng đãi. Lại nữa, Kiến phần phỏng theo pháp Hữu vi làm quán đãi nhân thanh tịnh. Lại nữa, đãi năng chứng có sở chứng, đối với sinh, trụ và thành mà đắc quả và xứ chuyển. Thế nào là không đắc? Hợp chung bảy y xứ đắc quả Ly hệ.

Văn dưới không nói quán đãi nhân cũng đắc quả Ly hệ, vì phỏng theo thanh tịnh Hữu vi mà làm quả.

Luận: "Nói Sĩ dụng xứ", đến "tất cả công năng".

Thuật rằng: Tức là trong y xứ có nói năm xứ đắc, là lãnh thọ y xứ, cũng mong sĩ phu làm Sĩ dụng làm quán đãi nhân, chỗ đắc y xứ của Sĩ dụng, tác dụng, hòa hợp và bất chướng ngại. Tùy thuận chỉ mong tự thiện pháp. Định dị cũng phỏng theo các pháp thể khác nhau, không mong sĩ phu cho nên không đắc. Sư thứ hai nói pháp cũng gọi là sĩ phu, tức là Lãnh thọ, Tập khí, Hữu nhuận, Vô gián diệt, Sĩ dụng, Tác dụng, Chân kiến, Tùy thuận, Công năng sai biệt, Hòa hợp và Bất chướng ngại, gồm mười một y xứ đắc. Ngữ y xứ và pháp, không phải Sĩ phu dụng và Sĩ phu quả. Quả và nhân không hợp chung nhau, vì nói không phải sĩ phu pháp. Quả này phải sinh, vì Ngữ y xứ kia hiển hiện nơi pháp. Trong mười nhân dưới đây, không nói ngữ nhân đắc quả Sĩ dụng, cho nên biết y xứ làm chuẩn cũng như thế.

Luận: "Nói xứ của các chỗ khác", đến "tất cả công năng".

Thuật rằng: Đây là tùy theo các pháp chỗ không nhiếp ở trước đều là thể này. Đây là căn cứ theo thể riêng, nói rằng toàn phần ngữ, cảnh giới, căn và chướng ngại y xứ, còn lại mười một y xứ phần ít. Nếu không như thế thì tất cả đều như vậy. Nương ý nào mà nói như vậy?

Luận: "Nếu không như thế thì đáng lẽ quá rộng hoặc quá hẹp".

Thuật rằng: Từ đây xuống là lập lý. Nếu không giải thích như trước thì mỗi mỗi đều có lỗi quá rộng hoặc quá hẹp. Lại như tập khí chỉ có mục thứ ba, tức là trong phần thứ ba có Phi nghiệp, cũng đắc quả Dị thục thì liền trở thành quá rộng. Ngoài ra bốn y xứ còn lại có nghiệp chủng không đắc thì trở nên quá hẹp. Nói tùy thuận xứ thì chỉ có mục thứ mười một, trong tự y xứ của nó cũng dẫn sinh Niết-bàn, và không phải các pháp Vô lậu đồng loại khác cõi. Vì không phải quả Đẳng lưu cho nên có lỗi quá rộng. Ngoài ra hoặc trong sáu, hoặc trong tám, hoặc trong bảy y xứ cũng có chỗ không nhiếp, tức là lỗi quá hẹp. Nói Chân kiến xứ chỉ có mục thứ mười cũng làm quá rộng. Tự xứ cũng nhiếp đồng thời, và đồng loại các pháp sau không phải quả Ly hệ, ngoài ra trong bốn xứ cũng đắc Ly hệ, đã không nói tức là quá hẹp. Nói Sĩ dụng xứ chỉ có mục thứ chín, tức là trong tự y xứ cũng dẫn quả tăng thượng và quả Đẳng lưu, hoặc nhiếp hết các y xứ kia, tức là lỗi quá rộng. Ngoài ra hoặc bốn xứ, hoặc mười xứ cũng đắc quả này, nếu không nhiếp thì cũng có lỗi quá hẹp. Ngoài ra trong y xứ cũng có quá rộng, tức là ngoài bốn y xứ trước, trong y xứ còn lại cũng có bốn quả thể tồn tại của quả Đẳng

lưu, hoặc đều là các quả tăng thượng khác thì trở thành quá rộng. Chỉ trừ chỗ nhiếp bốn y xứ trước ra để làm các quả tăng thượng khác, trong y xứ trước cũng có quả tăng thượng, như trong tập khí không đắc quả Dị thục, tức là các nhân duyên chủng trong tùy thuận không đắc Đẳng lưu, tức là đắc Niết-bàn. Chân kiến cũng có bất đắc Ly hệ, dẫn các tự loại sau. Trong lãnh thọ cũng có bất đắc Sĩ dụng, như ống chân chờ bàn chân, nếu không nhiếp nó thì trở thành quá hẹp, cho nên biết đối với chỗ nói của tôi là đúng. Hoặc tăng thượng này chỉ nên vấn nạn về hẹp. Ngoài ra bốn y xứ còn lại đắc các quả khác. Nhưng sự rộng hẹp này chỉ chuẩn theo tâm sở đầu tiên đắc quả y xứ mà nói.

Luận: "Hoặc tập khí", đến "cho nên ở đây nói thiên về nó".

Thuật rằng: Sư thứ hai nói thể tánh rộng hẹp của năm quả như trước. Chỉ giải thích văn của luận có tận lý hay không tận lý là khác với trước mà thôi. Nói tập khí này, chỉ thuộc y xứ thứ ba trong mười lăm y xứ, tuy báo nhân này ngoài bốn y xứ khác cũng có, trong tập khí cũng có Phi báo nhân, là năm chủng của các thức sinh hiện hành, vì từ khi Dị thục nhân chín muồi trở đi thì quả xa nhau, tập khí y xứ mong quả cũng xa. Thiên nói về tập khí đắc quả Dị thục, không nói tập khí đều là Báo nhân. Ngoài ra trong y xứ không có nhân này.

Luận: "Nói tùy thuận xứ", đến "cho nên nói thiên về nó".

Thuật rằng: Tùy thuận xứ này chỉ thuộc thứ mười một đắc quả Đẳng lưu. Tuy biết như trước trong sáu, bảy, tám y xứ cũng đắc quả Đẳng lưu, xứ này cũng đắc Phi quả Đẳng lưu, cùng với Niết-bàn làm nhân cũng như vậy, vì Đẳng lưu nhân chắc chắn là pháp cõi dưới, cùng với tự nó và pháp cõi trên làm nhân của nó. Tùy thuận cũng như thế, vì chiêu hiển hành tướng Hữu vi thù thắng cho nên luận nói thiên về nó, cũng không hết lý.

Luận: "Nói Chân kiến xứ", đến "hiển lẫn nhau cho nên nói thiên về nó".

Thuật rằng: Chân kiến xứ này chỉ thuộc xứ thứ mười, tuy như nói trước bốn y xứ còn lại, hoặc năm y xứ cũng đắc quả này, vì xứ này cũng có thể dẫn đồng loại, không phải đều là đắc Ly hệ, vì Chân kiến đó chiêu cảm gọi Ly hệ hiển lẫn nhau cho nên luận nói thiên về nó, cũng không hết lý.

Luận: "Nói Sĩ dụng xứ", đến "do đó nói thiên về nó".

Thuật rằng: Cứ như trên có thể hiểu. Vì quả Sĩ dụng mong đối với xứ, tức là Sĩ dụng xứ gọi là hiển, và thể tướng cũng hiển, cho nên nói thiên về nó. Không phải bốn y xứ khác, hoặc mười y xứ không có, chỉ là

y xứ của Sĩ dụng thì đắc quả Sĩ dụng, không thể đồng với chỗ nói trước là xứ này cũng có thể đắc Phi quả Sĩ dụng. Chỉ có tổng nói là cũng có thể chiêu vời quả tăng thượng. Chỗ đắc Sĩ dụng của Sĩ dụng y này cũng được gọi là tăng thượng, cũng chưa hết lý.

Luận: "Những chỗ khác chỉ thuộc", đến "cho nên ở đây nói thiên về nó".

Thuật rằng: Đây là nhiếp các chỗ còn lại, là mười một xứ còn lại, tức là trừ ngoài các pháp của quả y xứ ra, lấy bốn y xứ còn lại, đã hiển đắc bốn quả còn lại. Không nói bốn xứ còn lại cũng đắc quả tăng thượng. Mười một xứ này cũng đắc bốn quả còn lại, mà quả tăng thượng phần nhiều là hiển cho nên nói thiên về nó, đều chưa hết lý cho nên lược bỏ không nói. Y xứ đã hiển thị, tiếp theo thuyết minh mười nhân và bốn duyên đắc quả phần nhiều hoặc phần ít.

Luận: "Như vậy tức là nói", đến "Tăng thượng duyên đắc".

Thuật rằng: Đắc quả trong đây tùy theo văn mà giải thích. Lý của nó không hết, như Xu Yếu giải thích, là năm nhân trong mười nhân đắc quả Dị thục. Quán đãi chỉ mong sĩ phu làm nhân cho nên không lấy. Nếu mong pháp làm nhân thì lấy, có sáu nhân trong mười nhân. Ngoài ra có thể biết. Y xứ đắc trong đây có riêng khác như trước đã nói. Tăng thượng duyên đắc trong bốn duyên này thì Đại thừa là Báo nhân không phải nhân duyên.

Luận: "Hoặc quả Đẳng lưu", đến "duyên đắc đầu và cuối".

Thuật rằng: Quả Đẳng lưu có bảy nhân đắc như trong văn. Trong đây hoặc chủng mong hiện hành là nhân duyên, ngoài ra là Tăng thượng duyên, đều nên như lý mà biết. Nhưng nương và y xứ mà có rộng và hẹp như trước, còn lại những nhân bất đắc có thể biết. Hai chủng của nhân duyên và Tăng thượng duyên, ở vào đầu và cuối trong bốn duyên.

Luận: "Hoặc quả Ly hệ", đến "Tăng thượng duyên đắc".

Thuật rằng: Quả Ly hệ có năm nhân đắc. Vì mong sĩ phu làm quán đãi, cho nên không nói đắc nó, vì mong Hữu vi thanh tịnh khiên dẫn cho nên cũng không đắc, ngoài ra nghĩa của nhân không đắc có thể biết. Nhưng sự rộng và hẹp của nhân y xứ như trước có thể biết. Đây là chỉ có Tăng thượng duyên đắc.

Luận: "Hoặc quả Sĩ dụng", đến "Tăng thượng duyên đắc".

Thuật rằng: Ở đây có hai thuyết. Bốn nhân đắc của sư thứ nhất, lấy sĩ phu làm Sĩ dụng, còn lại các nhân bất đắc thì không phải sĩ phu, mỗi mỗi đều mong riêng pháp. Quán đãi tương đồng, cho nên lấy, chỉ có Tăng thượng duyên đắc.

Luận: “Có nghĩa quán đãi”, đến “còn lại ba duyên”.

Thuật rằng: Đây là sư thứ hai. Thông pháp làm sĩ phu, tức là tám nhân đắc, chỉ nói nhân bất đắc, như đã nói trong xứ trước, còn lại có thể biết. Vì chỉ có năng hiển không phải là năng sinh. Năng sinh và sở sinh là quả này. Đã như thế tức là trừ bỏ Sở duyên duyên còn lại ba duyên đắc, ngoài pháp thì không có, như ứng dụng của sĩ phu không phải Sở duyên duyên đắc. Vô gián cũng gọi là Sĩ dụng, y xứ rộng hẹp như trước đã nói, nhưng không có sự bất sinh của Sĩ dụng.

Luận: “Hoặc quả tăng thượng”, đến “tất cả dung chứa đắc”.

Thuật rằng: Quả tăng thượng này căn cứ theo thể chung mà làm luận. Mười nhân và bốn duyên đắc, hoặc giải thích không như thế, trừ nhân chỗ dụng ở trước làm Tứ quả ra, còn lại sở đắc của nhân, chỗ mong không đồng, quả mỗi mỗi khác.

Hỏi: Nhưng trong Bất tương vi nhiếp Vô vi thì như thế nào đắc tăng thượng?

Đáp: Mười nhân đều đắc quả, không có nhân nào mà không đắc, không đồng với Vô vi của Tiểu thừa không phải nhân và quả của sáu nhân và năm quả. Không nói có thủ và xả làm nhân, nhưng cùng với chỗ bất chướng ngại làm chỗ không ngại của nhân, tức là quả của Vô vi này. Không có nghĩa của xả và thủ, vì không đồng với Tiểu thừa. Đó tức là Tùy thuyết nhân, quán đãi cũng như thế.

Luận: “Các luận khác đã xong, nên phân rõ chánh luận”.

Thuật rằng: Ở đây có hai giải thích:

1. Chỉ thuyết minh nương vào mười lăm xứ mà nói bốn duyên trở xuống gọi là các luận khác, trở lên là chánh luận. Để thuyết minh văn của duyên sở sinh pháp, đáng lẽ thuyết minh năng sinh duyên. Bốn duyên là chánh luận.

2. Bốn duyên trở xuống đều là các luận khác nhiếp. Tuy thuyết minh duyên sở sinh, vì không muốn phân rõ duyên. Hiện tại căn cứ quyển này ghi tiếp: “Đã lấy duyên sinh pháp mong nhau mà khởi duyên nhiều hay ít để làm chánh luận, cho nên biết bốn duyên là chánh luận”.

Hoặc không phân rõ thể mà tại sao giải thích dụng? Những thứ này là huyền diệu, hoặc xưa đã từng nghe, hoặc trước kia chỗ chưa có, học giả sau này nên hiểu nghĩa tường tận. Nhưng theo luận Du-già thì lấy sở đắc của sĩ phu làm quả Sĩ dụng, nhưng lý không chướng ngại pháp khác cho nên hai sư đều đúng. Tùy dụng đều đắc, nhưng mười nhân này Hữu lậu và Vô lậu, Hữu vi và Vô vi, ba cõi trói buộc hoặc không trói buộc, là sở đoạn của kiến, nên như lý tư duy.

Trong câu hỏi trước, hỏi về duyên và sinh. Tuy đã thuyết minh duyên, nhưng chưa giải thích sinh. Từ đây xuống là giải thích sinh, trong đó có hai phần:

1. Phân rõ hiện sinh và chủng sinh.

2. Phân rõ sinh chủng.

Trong sinh hiện lại có hai: phần đầu phân rõ chủng sinh, phần sau phân rõ hiện sinh. Trong chủng sinh và hiện sinh mỗi mỗi đều có hai phần, phần đầu là nhiễm, phần sau là tịnh.

Luận: "Chủng trong bản thức", đến "trừ Đẳng vô gián".

Thuật rằng: Nói rằng chủng tử trong bản thức là tổng quát mà nói, dung chứa tạo tác ba duyên sinh hiện phân biệt. Chữ "phân biệt" là nhiếp chung tâm tâm sở, hoặc Kiến phần và Tướng phần, không phải chỉ có tự thể. Trừ Đẳng vô gián ra, chỉ có tâm tâm sở mong nhau mà lập duyên này.

Luận: "Nói rằng mỗi cận chủng là nhân duyên của nó".

Thuật rằng: Giải thích làm ba duyên. Đây là lựa riêng nghiệp chủng sinh quả Dị thục và các quả tăng thượng khác. Tuy nhãn thức sinh, phải nhờ chủng của căn, nhưng không phải cận chủng, cũng không phải nhân duyên. Nói một cách tổng quát đó là tất cả pháp của Tướng phần và Kiến phần dều có duyên này mà sinh, không có Phi thức chủng sinh.

Luận: "Làm Sở duyên duyên đối với năng duyên".

Thuật rằng: Nói phải là tâm và pháp tâm sở chủng của năng duyên, phải là chủng tử mới làm Sở duyên duyên của nó, trừ ra tất cả Tướng phần, vì Tướng phần không thể duyên; và trừ ra tự thể phần, vì không duyên chủng. Nhưng trong Kiến phần trừ ra năm thức và Thức thứ bảy vì không duyên chủng tử, chỉ cùng với Kiến phần của Thức thứ tám trong tất cả thời, Thức thứ sáu thì có khi duyên là chủng tử kia cùng làm duyên. Hiện tại luận này lựa riêng chỗ không làm duyên như vậy, nghĩa là làm sở duyên đối với năng duyên là nói đơn giản.

Luận: "Hoặc chủng tử đối với nó", đến "là Tăng thượng duyên".

Thuật rằng: Nghĩa là:

1. Có chủng tử đối với hiện hành pháp có thể trợ giúp lực, như căn chủng đối với thức chủng, tác ý chủng đối với thức...

2. Lại nữa, tuy không có trợ lực, nhưng không có làm chướng ngại, như Dị thức chủng mong Dị hiện hành, đều là Tăng thượng duyên. Nhưng lựa riêng với Vô lậu chủng và Hữu lậu hiện hành làm sinh Đẳng duyên, vì nó có thể chướng ngại. Tuy cũng là Tăng thượng duyên thuộc

Bất tương vi nhân nhiếp, nhưng trong sinh hiện phân biệt thì không phải có thể không chướng ngại, cho nên lỗi. Hoặc cũng là duyên này, hiện tại chưa bị chướng ngại, vì chướng thì không sinh. Trong đó chỉ lựa riêng với chướng ngại hiện hành khiến cho duyên không sinh. Đây tức là chủng mong nhiễm hiện hành làm duyên đã nói xong.

Luận: "Sinh tịnh hiện hành nên biết cũng như thế".

Thuật rằng: Nhưng đây là tổng nói. Trong Kiến phần thông với tất cả Kiến phần làm Sở duyên duyên, đều có thể duyên chủng, cũng cùng với Tự chứng phần làm Sở duyên duyên, thức thể của Phật quả duyên với tất cả pháp, cùng với nhiễm khác nhau. Tóm lại, thứ nhất là lấy chủng mong hiện là duyên có thể sinh phân biệt, là tất cả chủng như vậy như vậy biến hiện đã nói xong. Thứ hai là lấy hiện mong nhau làm duyên sinh phân biệt, trong phần đầu là chung, phần sau là riêng.

Luận: "Hiện khởi phân biệt", đến "không có nhân duyên".

Thuật rằng: Văn này là chung. Không lựa riêng với thức của tự và tha. Mong nhau dung chứa tạo tác ba duyên, hiện mong nơi hiện, không phải là cận biện thể, vì không có nhân duyên.

Luận: "Nói hữu tình loại", đến "trừ Đẳng Vô gián".

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là trong biệt, môn nhỏ thứ nhất. Tự thân và tha thân mong nhau, gọi là tự tha thân phân biệt, triển chuyển dung chứa tạo tác hai duyên. Nhân duyên có hay không là trong tổng môn trước đã quyết định trừ xong. Dưới đây chỉ có thủ và xả trong ba duyên còn lại. Đây là trừ Đẳng vô gián, vì Đẳng vô gián chỉ có tự một thức. Phân biệt trong đây đã nhiếp Kiến phần và Tướng phần, do tha sinh đều gọi là phân biệt. Nhưng tri, không chỉ là Kiến phần, tức là chỉ có sáu thức trước hoặc cũng là Thức thứ tám, vì thừa nhận biến tha xứ.

Luận: "Tự tám thức tụ", đến "hoặc không có hoặc có".

Thuật rằng: Đây là môn nhỏ thứ hai. Tự thân của tám thức, tùy mỗi mỗi Kiến phần và Tướng phần tương ưng pháp của tám thức, gọi chung là tự thức tụ, vì thức làm chủ đồng với tụ pháp, dưới đây nói tụ đều nên như vậy mà hiểu. Vả lại tự tám thức tụ mong nhau, quyết định có Tăng thượng duyên, vì duyên này chung, chắc chắn không có Đẳng vô gián, chỉ có tự thức mong nhau mà làm duyên này. Đây là thuyết minh lựa riêng hoặc không hoặc có đã xong. Hai trong bốn duyên quyết định không có. Nói rằng nhân duyên và Đẳng vô gián duyên, một duyên quyết định có, nghĩa là Tăng thượng duyên và Sở duyên duyên thì bất định. Dưới đây sẽ phân rõ.

Luận: "Thức thứ tám đối với bảy Thức có", đến "chỗ dựa vật

chất".

Thuật rằng: Đây là Thức thứ tám đối với bảy thức kia có Sở duyên duyên, bảy thức kia đối với Thức thứ tám thì không có nghĩa của duyên này, vì tướng sắc của Thức thứ tám làm bản chất của chính nó sinh Tướng phần sắc của năm thức. Thức thứ bảy cũng duyên Kiến phần của Thức thứ tám làm cảnh, lý của Thức thứ sáu thì lấy chung Tướng phần và Kiến phần làm cảnh. Nếu không có Thức thứ tám quyết định làm bản chất thì năm thức và Thức thứ bảy không sinh, tuy không phải Sở duyên duyên gần, nhưng là Sở duyên duyên xa. Thức thứ tám không gá vào bảy thức kia mà sinh, bảy thức kia không phải Sở duyên duyên của Thức thứ tám, nếu có Thức thứ tám thì chắc chắn có bảy thức kia, bảy thức kia chỉ làm quyết định có Tăng thượng duyên của Thức thứ tám mà không phải Sở duyên duyên.

Luận: "Thức thứ bảy đối với sáu", đến "tất cả đều không có".

Thuật rằng: Thức thứ bảy đối với sáu thức trước, trong năm thức đầu thì không có nghĩa của duyên này và cùng với một Ý thức làm Sở duyên duyên, vì ý duyên tất cả pháp. Năm thức không có thì không duyên Thức thứ bảy. Sáu thức trước đối với Thức thứ bảy đều không phải Sở duyên duyên đó, vì nó không duyên sáu thức, tự nó là pháp một hạnh cho nên không hỏi tám thức.

Luận: "Thức thứ sáu đối với năm không có", đến "Thức thứ tám của tướng".

Thuật rằng: Thức thứ sáu của nó đối với năm thức trước không có nghĩa của duyên này, năm thức đối với Thức thứ sáu thì có nghĩ duyên này. Năm thức duyên sở biến của bản thức làm cảnh, không chờ sở biến sắc của Thức thứ sáu làm tự cảnh. Có lực sinh thức mới làm duyên này. Không lấy tự tướng của năm thức làm Sở duyên duyên là vì quyết định không có.

Luận: "Tự loại trước và sau", đến "nắm lấy hiện cảnh".

Thuật rằng: Đây là môn nhỏ thứ ba. Tự thân tám thức mỗi mỗi tự loại trước và sau mong nhau có thể làm vài duyên. Thức thứ sáu tụ trước, dung chứa làm ba duyên sinh tự Thức thứ sáu tụ sau, tức là trừ nhân duyên hiện hành mong nhau, có Sở duyên duyên căn cứ theo duyên để nói. Trong đây không trừ tâm Đẳng vô gián duyên sau cùng của A-la-hán. Căn cứ theo thời gian lâu dài, chỉ nói dung chứa, ngoài ra bảy thức chỉ có hai duyên, không có nhân duyên và sở duyên, đều không phải là chủng tử. Lại nữa, không thể tự duyên thức tụ của niệm trước cho nên chỉ duyên với hiện cảnh. Đây là sư thứ nhất, tức là nghĩa

của đồ chúng chấp “dài”.

Luận: “Thừa nhận năm thức sau kiến”, đến “cũng có ba duyên”.

Thuật rằng: Từ đây xuống sư thứ hai y theo Sở duyên duyên trong Trung luận của Trần Na, nghĩa là thừa nhận Kiến phần niệm sau của năm thức duyên Tướng phần của niệm trước. Luận kia nói hoặc trước làm sau duyên dẫn công năng của nó. Luận kia tùy theo nhân quả dị thời của Kinh bộ, vì đã không phải hiện cảnh sinh năm thức. Tướng phần hiện hành năm thức của niệm trước làm năng huân, dẫn chủng tử của Tướng phần, sinh Tướng phần năm thức của niệm sau. Tướng phần năm thức của niệm trước có lực có thể sinh Kiến phần của thức sau, cho nên là nghĩa của duyên. Thức của niệm sau liên đới với niệm trước kia tương sinh, cho nên là nghĩa của sở duyên. Hiện tại luận này trình bày ý đó, thừa nhận sau năm thức thì Kiến phần duyên với tự thức tướng của niệm trước. Năm thức cùng với Thức thứ bảy trước và sau cũng có ba duyên, cũng là Thức thứ sáu, không phải Thức thứ tám, vì không phải năng huân, không thể dẫn chủng tử, cho nên tướng của niệm trước không phải Sở duyên duyên của tự thức sau. Tự thức trước và sau của sư này khác với nghĩa trước.

Luận: “Bảy thức trước với Thức thứ tám”, đến “tướng kiến chủng”.

Thuật rằng: Hoặc niệm sau lấy niệm trước làm Sở duyên duyên. Trong tự thân tám thức phẩm mong nhau, bảy thức trước đối với Thức thứ tám cũng dung chứa có Sở duyên duyên, vì bảy thức trước đều là năng huân mà thành chủng tử của Thức thứ tám phẩm Tướng phần và Kiến phần kia. Nói năm thức trước làm năng huân thành Tướng phần chủng của Tướng phần sắc Thức thứ tám, là Kiến phần Sở duyên duyên của Thức thứ tám. Thức thứ bảy làm năng huân thành chủng tử Kiến phần của Thức thứ tám kia, là Sở duyên duyên của Tự chứng phần. Tự chứng chủng sinh và Tự chứng tùy ứng cũng như thế. Thức thứ sáu hoặc duyên Tướng phần và Kiến phần của Thức thứ tám mà huân tập chủng tử, tức là song huân cả phần chủng tử đó, hoặc duyên hư không, tâm tâm sở để làm Tướng phần, cũng duyên tướng và chủng Sinh không kia, không phải có thể huân tập và sinh khởi chủng tử Tướng phần và Kiến phần hiện hành của Thức thứ tám kia, vì Thức thứ tám không duyên hư không. Trong bảy thức này mong Tướng phần và Kiến phần của Thức thứ tám kia, nên làm bốn câu. Thức thứ sáu đủ hai câu sau, như lý mà biết, tức là hai nghĩa khác với sư trước. Thức thứ sáu mong Thức thứ bảy nên biết theo đây.

Luận: "Đồng tụ khác thể", đến "không duyên nhau".

Thuật rằng: Đây là môn nhỏ thứ tư. Như trong một nhãn thức, đồng thời tâm và tâm sở, mỗi mỗi riêng mong nhau, tuy là đồng tụ, nhưng mà khác thể, lần lượt mong nhau chỉ có Tăng thượng duyên. Kiến phần và Tướng phần tất cả đều như thế, vì không duyên lẫn nhau. Nhưng tâm tâm sở này không duyên lẫn nhau, bản chất mà Tướng phần dựa thì đồng. Hoặc Tướng phần và Kiến phần không duyên nhau, không phải như Đại chúng bộ duyên câu sinh tâm và pháp tâm sở. Nếu thừa nhận duyên thì không đồng với một lỗi của sở duyên, vì thọ không cùng với tâm đồng một duyên. Kiến phần của Đại chúng bộ không thừa nhận tự duyên, cũng có ngăn ngại này. Nhưng rất gần nhau mà không duyên pháp đồng thời, là nói Tự chứng phần đã được tự duyên. Sở duyên là chỗ dựa của vật chất đồng danh và đồng nhất. Không phải nhiều Kiến phần cùng chung với một cận Tướng phần gọi là đồng, nếu như thế thì cũng như tâm vương thứ tám, không thể duyên tướng của tâm sở, tức là không có bản chất. Thế nào gọi là sở duyên đồng nhất? Sở duyên đồng nhất tổng có hai nghĩa:

1. Chỗ dựa của bản chất đồng danh gọi là đồng nhất. Như năm thức đồng thời với pháp tâm sở thì đồng vật chất sở biến của bản thức sinh.

2. Tương tợ gọi là đồng nhất, tức là Thức thứ tám đồng thời với tâm pháp tâm sở và Thức thứ sáu duyên quá khứ vị lai. Tuy hoặc là không có bản chất không gởi vào tha biến, mà mỗi mỗi đều biến tương tợ, gọi là đồng nhất. Không phải cảnh của tâm vương duyên tâm sở sinh ra gọi là đồng nhất. Đây là nghĩa thứ nhất.

Luận: "Hoặc nương Kiến phần", đến "làm tướng chất của xúc".

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ hai cũng thừa nhận duyên lẫn nhau, hoặc nương Kiến phần đồng tụ tâm tâm sở mà nói không duyên lẫn nhau, vì không có duyên đồng thời với tha Kiến phần. Đây là nương nhân vị, Phật thì không như thế. Nếu nương Tướng phần mà có nghĩa duyên lẫn nhau thì các Tướng phần đó lẫn nhau làm bản chất mới được khởi. Trong bản thức, chủng tử của các pháp làm đồng thời năm chỗ xúc với bản chất của Tướng phần. Đây là hiển sự của nó.

Luận: "Không như thế thì không có sắc, nó đáng lẽ không có cảnh".

Thuật rằng: Nếu không như thế thì không có năm loại tâm sở trong cõi Sắc, đáng lẽ không có cảnh. Nhưng nó đã có cảnh cho nên chắc chắn lấy sở biến của bản thức làm bản chất. Lý của các tâm tâm

sở làm ví dụ đều như thế. Nhưng ý của sư trước mỗi mỗi đều duyên với chủng tử tự sở biến. Nhưng chỉ có chủng tử sở biến của tâm vương có thể sinh hiện hành, không phải sở biến của năm thức. Như nhãn căn không thể sinh ứng dụng của thức. Sư này vấn nạn rằng: Tại sao sở duyên đồng nhất phân làm hai nghĩa? Vì Thức thứ tám và năm tâm sở không có bản chất. Sư trước giải thích: Nếu chắc chắn có bản chất, như Thức thứ sáu khi duyên hư không thì lấy gì làm bản chất? Tâm thứ tám không nương vào cảnh của năm tâm sở mà sinh thì như thế nào là đồng bản chất? Có nói tất cả tâm phải gá vào bản chất mới sinh, như duyên hư không phải nương vào tên để làm bản chất, tâm vương thứ tám lấy sở biến tướng của năm tâm sở để mượn lực do đó làm bản chất mà khởi, gọi là đồng sở duyên.

Luận: "Nếu thừa nhận biến sắc", đến "không đồng bản chất".

Thuật rằng: Đây là nương vào nhân vị, quả cũng có thể như thế, đến sau sẽ biết. Hiện tại ở đây sư sau, nếu thừa nhận Thức thứ tám của cõi Vô sắc cũng biến các sắc của cõi dưới thì năm tâm sở như bản thức cũng quyết định duyên chủng tử. Không có Thức thứ tám đồng thời với sáu cảnh của Kiến phần, vì không đồng chất. Cảnh của Tự chứng phần thừa nhận không đồng duyên để duyên Tự kiến phần. Hiện tại luận này nương vào sự có thể như thế để nói có bản chất, không phải chủ yếu như thế, nghĩa nên suy nghĩ. Đồng nhất sở duyên tương tợ gọi là đồng, vì mỗi mỗi đều biến. Tại sao phải đồng chất mới gọi là đồng? Lại nữa, cảnh của Duy thức nắm lấy cảnh của nội tâm, nếu chờ ngoại chất mới sinh thì e rằng lý trái với Duy thức. Do đó sư trước rất dễ hiểu.

Luận: "Đồng thể tướng phần", đến "chỉ có tăng thượng".

Thuật rằng: Đây là môn nhỏ thứ năm. Như một thọ Tướng phần cùng với Kiến phần đồng thể, mong nhau để làm duyên là hai duyên của Kiến phần, nghĩa là Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì Kiến phần đối với cảnh không có Sở duyên duyên, chỉ có Tăng thượng duyên. Tướng phần cùng với các phần khác chỉ làm Tăng thượng duyên. Nếu phỏng theo Sở duyên duyên xa thì cũng không phải, vì Tướng phần và Kiến phần không tương tợ. Hoặc có thể nói đắc thì do Tướng phần làm duyên mà Kiến phần sinh. Dưới đây là môn nhỏ thứ sáu.

Luận: "Kiến phần và Tự chứng phần mong nhau cũng như thế".

Thuật rằng: Nói rằng Kiến phần cùng với Tự chứng phần cũng như Tướng phần cùng với Kiến phần có thể làm hai duyên, Tự chứng phần và Kiến phần chỉ làm một duyên, như trước đã nói. Kiến phần cùng với phần thứ tư cũng chỉ có một duyên. Đây là căn cứ theo nghĩa

gần, hoặc sở duyên xa cũng được có điều đó. Hiện tại luận này phỏng theo gần mà nói, không có lỗi tương vi.

Luận: "Hai phần còn lại lần lượt đều làm hai duyên".

Thuật rằng: Tự chứng phần và Chứng tự chứng phần làm hai phần còn lại của Kiến phần lần lượt làm hai duyên. Hai phần đó cũng với Tướng phần và Kiến phần chỉ làm Tăng thượng duyên.

Luận: "Trong đây không nương", đến "lẫn nhau làm duyên".

Thuật rằng: Nhưng Tướng phần trước cùng với Kiến phần làm hai duyên, không nói chủng tử cũng là Tướng phần được làm nhân duyên. Trong đây không nương chủng tử làm Tướng phần mà nói, vì nói hiện hành lẫn nhau làm duyên. Lại nữa, chủng tử làm duyên sinh phân biệt, môn nhỏ thứ nhất trước đã giải thích rồi. Đây là hiện hành nhiễm tám thức tụ nói làm duyên đã xong.

Luận: "Tịnh tám thức tụ", đến "có thể duyên khắp".

Thuật rằng: Tịnh tám thức tụ hoặc tự thân hoặc tha thân, hoặc tự tám thức hoặc tha tám thức làm duyên thì đều là tăng Sở duyên duyên, vì tịnh tám thức đều được duyên tha thân và tự thân, được duyên lẫn nhau, tức là tịnh tám thức được duyên lẫn nhau. Tâm tâm sở đồng thời cũng được tự duyên lẫn nhau với đồng thời tâm tâm sở, vì công năng đó hiện ảnh tượng khắp, thức Tự chứng phần và tương ưng pháp kiến phần đồng duyên duyên tự kiến phần. Ngoài ra nghĩa của tịnh tâm sở làm ví dụ cũng như thế. Lại nữa, hoặc có thể duyên Tướng phần của họ nếu không hiện ảnh tượng kia, đáng lẽ không phải biết tất cả. Lại có giải thích, chỗ nói của văn trên không có Kiến phần vì cảnh không đồng chất, tức là Kiến phần của thứ với tương ưng Kiến phần quyết định đồng duyên. Thế nào Tự chứng phần và Kiến phần của tương ưng pháp đồng duyên Kiến phần của thức mà không tự duyên? Nếu tự duyên thì cùng với Tự chứng phần có khác gì! Nếu không duyên thì liền trái với văn trên. Hiện tại luận này có hai giải thích:

1. Trước nương nhân vị không phải nương quả vị mà nói. Nương quả vị mà nói là cảnh của Kiến phần cũng không phải đồng. Lại nữa, Kiến phần của các thức cùng với tương ưng pháp cũng quyết định đồng duyên, cũng tự duyên Kiến phần, cũng duyên Tự chứng phần, cùng với Kiến phần và cảnh của tương ưng pháp bằng nhau, nhưng cùng với tác dụng của Tự chứng phần mỗi mỗi khác nhau. Tự chứng phần chỉ có duyên bên trong lại không riêng biến đổi. Kiến phần của nó tự duyên cũng riêng biến đổi. Nhưng Tướng phần nhiếp cùng với tương ưng pháp đồng nắm lấy cảnh bên ngoài. Tương ưng pháp duyên thức đã không

ngoài sự nắm lấy Tướng phần biến đổi riêng. Kiến phần của thức làm ví dụ cũng nên như vậy, cũng không trái với Kiến phần và cảnh trên. Nghĩa này tuy thù thắng nhưng có chút ít khó hiểu.

Luận: "Chỉ trừ Kiến phần", đến "dụng năng duyên".

Thuật rằng: Hoặc là thông với Phật thuyết. Không phải Kiến phần làm Sở duyên duyên của Tướng phần. Tất cả Tướng phần là cận sở biến gọi là Tướng phần, Tướng phần thì chắc chắn không có năng duyên dụng, như các hóa tâm cũng như thế, vì hóa tâm không duyên, cho nên phần thứ ba và phần thứ tư này cũng không phải tướng sở duyên, vì Kiến phần nhiếp. Trong văn chỉ có Kiến phần không phải cảnh của Tướng phần. Không trừ đồng tụ tâm tâm sở duyên nhau, vì được duyên, tức là hiển Tự chứng phần cũng là sở duyên của Kiến phần, hiện làm duyên của Tướng phần. Như Vô phân biệt trí chỉ là hiện lượng không có ngoại cảnh, cho nên không duyên, không đồng Hậu đắc trí, vì Kiến phần của Hậu đắc trí thì ngược lại duyên với Tự chứng phần; làm duyên của ảnh tượng, vẫn là Tướng phần. Nếu không như thế thì cùng với chứng tự chứng phần không khác nhau, cần gì có bốn phần! Do đó tất cả tâm đều có đủ bốn phần. Hiện tại duyên Kiến phần của tương ưng pháp và duyên Tự chứng phần thì cũng có thể duyên chứng tự chứng phần. Chứng tự chứng phần cũng có thể duyên Kiến phần và Tướng phần. Nhưng tại Phật vị thì ngoài ra đều không được. Trong đây chỉ ngăn trách Kiến phần không phải sở duyên của Tướng phần, nghĩa ngăn trách phần thứ ba và phần thứ tư cũng không phải sở duyên của Tướng phần, có ý hiển ba phần còn lại lẫn nhau duyên tất cả pháp, gọi là duyên khắp. Tuy ở đây giải thích ba phần không khác gì nhau, vì mỗi mỗi tương tợ. Như sở đắc ở trước là cận đắc, ngoài ra sở đắc là ảnh tượng đắc cho nên trở thành sai biệt. Lại cũng giải thích như thế, hiện tại chỉ ngăn trách Tướng phần làm năng duyên và Kiến phần không duyên Tự chứng phần. Không phải hiển hai phần còn lại được duyên tất cả. Điều này không giải thích với trước.

Luận: "Đã hiện phân biệt", đến "có thể tạo mấy duyên?"

Thuật rằng: Từ trên đến đây phần thứ nhất là hiện khởi phân biệt duyên, chủng tử và hiện hành của nó mà sinh đã nói xong. Từ đây xuống phần thứ hai là thuyết minh chủng tử cũng nên duyên hiện hành và chủng tử của nó mà khởi. Ở đây nói duyên, có nghĩa là duyên dựa vào, không phải nghĩa duyên lự, vì chủng tử cũng là phân biệt nhiếp. Hiện tại luận này giải thích rằng duyên sinh phân biệt, câu hỏi hiện hành và chủng tử mong một chủng tử có thể tạo mấy duyên?

Luận: “Chủng tử chắc chắn không do”, đến “lập hai duyên kia”.

Thuật rằng: Chủng tử chắc chắn không có Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên dấy khởi. Vị trí của hai duyên này là ở giữa trong bốn duyên, vì hai duyên này chờ tâm tâm sở làm quả mới có thể sinh. Chủng tử không phải tâm, cho nên không phải quả của hai duyên.

Luận: “Hiện đối với cận chủng”, đến “chỉ làm tăng thượng”.

Thuật rằng: Hiện tại là y theo nhân vị. Hiện hành mong tự sở huân chủng tử gần có thể làm hai duyên, tức là nhân duyên và Tăng thượng duyên. Trừ ra Thức thứ tám và Vô ký quá kém trong sáu thức trước, vì không phải năng huân, cùng với phi cận chủng không phân rõ thể. Trừ tự chủng ra thì chỉ có một Tăng thượng duyên.

Luận: “Chủng mong cận chủng”, đến “cũng chỉ có tăng thượng”.

Thuật rằng: Trong tất cả vị, chủng tử mong tự chủng gần cũng có đủ hai duyên, trừ hai duyên giữa. Đối với Dị tánh không phải cận chủng cũng chỉ có một Tăng thượng duyên. Thô và tế trong đây nên suy nghĩ như lý, căn cứ theo trước để hiển tịnh chủng sau cũng như thế. Văn nói sơ lược, cùng với nhiễm đồng. Trên đây tổng giải thích duyên sinh phân biệt đã nói xong. Tiếp theo sau là phần thứ hai tổng kết có hai đoạn:

1. Tổng kết lỗi.

2. Phá duyên bên ngoài tâm của Tiểu thừa.

Luận: “Y theo thức bên trong này”, đến “tại sao cố chấp?”

Thuật rằng: Nói rằng y theo thức bên trong, hoặc chủng hoặc hiện lẫn nhau làm duyên mà khởi, tất cả phân biệt hoặc nhân hoặc quả, năng sinh, sở sinh đều được thành lập. Tiểu thừa các ông, chỗ chấp duyên bên ngoài tâm, thiết lập có vô dụng, lại trái với lý và giáo, mà cố chấp là sao!

Luận: “Tuy nói phân biệt”, đến “đủ rộng phân biệt”.

Thuật rằng: Đây là chỉ sơ lược. Dưới đây giải thích các thứ phân biệt kia, phân biệt ở đây nói chỉ là tâm tâm sở Hữu lậu. Luận Trung Biên nói là hư vọng phân biệt, là tâm và tâm sở trong ba cõi, đây không phải là chấp tâm, nhưng tùy theo thù thắng mà Thánh giáo có nhiều môn để hiển thị có hai, ba bậc. Đến cuối quyển này trong ba tánh sẽ tự giải thích rộng, như trong các luận khác thì cũng có đủ rộng phân biệt. Luận Du-già quyển 38, quyển 73, quyển 74 và luận Hiển Dương đều giải thích như dưới. Lăng-già quyển 5 bộ mười quyển cũng có mười phân biệt. Từ trên đến đây giải thích trong tụng này, thứ nhất y theo tụng giải thích văn, thứ hai rộng giải thích. Trong phần rộng giải thích có hai đoạn:

1. Hỏi duyên sinh phân biệt.
2. Đáp giải thích.

Trong giải thích thì phần đầu giải thích bốn duyên, phần sau thì giải thích sinh phân biệt. Trong sinh phân biệt lại có hai phần:

1. Phân rõ sinh hiện và chủng phân biệt.
2. Tổng kết.

Hoặc trong giải thích trước phân ba đoạn:

1. Lược giải thích tụng.
2. Rộng giải thích.
3. Tổng kết.

Hoặc trong rộng giải thích phân làm ba đoạn:

1. Giải thích bốn duyên.
2. Thuyết minh sinh phân biệt.
3. Rộng phân biệt.

Hoặc trong phần rộng sinh phân biệt này phân làm hai đoạn:

1. Phân rõ sinh.
2. Phân rõ phân biệt.

Ngoài ra giải thích đồng như trước. Ngay trong phần thuyết minh tướng Duy thức, phần đầu là phân rộng tướng riêng của ba năng biến, phần kế các tụng trước thuyết minh Duy thức đã xong. Từ các tụng trước đến đây giải thích các nạn hại, trong đó có hai phần: phần thứ nhất là hai tụng đầu giải thích vấn nạn trái lý, phần thứ hai là năm tụng giải thích vấn nạn trái giáo. Từ trên đến đây một tụng nói xong. Từ đây xuống phần thứ hai giải thích vấn nạn các hữu tình tương tục sinh tử. Chỗ thuyết minh của tụng trước tuy không có ngoại cảnh, nhưng các phân biệt đều duyên sở sinh không lìa thức bên trong. Người ngoài hỏi:

Luận: "Tuy có thức bên trong", đến "sinh tử tương tục".

Thuật rằng: Đây là phần đầu gởi vào câu hỏi để phát khởi luận. Tuy biết luận chủ chỉ có thức bên trong, nhưng đã không có thật duyên bên ngoài tâm. Giả nói ngã pháp và tất cả hữu tình đều do pháp nào mà sinh tử tương tục? Nếu không có duyên bên ngoài tâm thì sinh tử không có vấn nạn sinh tử tương tục.

Luận: "Tụng nói rằng", đến "lại sinh Dị thục khác".

Thuật rằng: Hai câu trên đáp lý do tương tục, hai câu dưới chánh đáp tương tục. Trong đáp của văn Trường hàng có bốn chữ "lại nữa", đến văn đó sẽ rõ.

Luận: "Các nghiệp gọi là phước", đến "bất thiện tư nghiệp".

Thuật rằng: Trong giải thích phần đầu có hai đoạn:

1. Giải thích riêng văn tụng.

2. Tổng kết ý tụng.

Trong giải thích riêng lại phân làm bốn, hai câu trên lại giải thích làm hai đoạn, hai câu dưới hợp chung giải thích làm một đoạn. Tổng đoạn văn thứ tư, chữ “do” của câu thứ nhất, chữ “đã tận” của câu thứ ba, chữ “phục sinh đẳng” của câu thứ tư, hợp chung lại giải thích bài tụng đó. Trong giải thích câu thứ nhất, trước hết giải thích chữ “các nghiệp”, kế đó giải thích “tập khí”, sau đó là tổng giải thích. Vì nghiệp có ba thứ cho nên nói “các nghiệp”. Đây là giải thích nghĩa của nghiệp như quyển 1 đã giải thích. Phước, như luận Đối Pháp quyển 7, quyển 8 và Đại luận quyển 9, quyển 53 giải thích. Phước là sự thù thắng, tự thể và quả đều đáng ưa thích, vì thù thắng. Phi phước là sự không đáng ưa thích, tự thể và quả đều không đáng ưa thích, vì xấu kém. Bất động là không thể chuyển đổi, nghiệp đó nhiều ít trụ một cảnh giới không di động. Lại nữa, lại di chuyển như sinh đắc tán thiện, cũng từ nơi định mà gọi chung là bất động. Luận Đối Pháp ghi: “Thiện nghiệp của cõi Dục trói buộc gọi là phước”. Luận Du-già ghi: “Chiêu cảm Dị thục của nẻo thiện và thuận theo năm nẻo thọ thiện nghiệp gọi là phước”. Trước là nghiệp chung của trời người, sau là nghiệp riêng trong năm nẻo. Nhưng nói trong địa ngục cũng có riêng thiện nghiệp là thọ quả Đẳng lưu, như gió mát chạm thân, nghiệp tương tợ riêng biệt gọi là thiện.

Lại nữa, khiến cho các khổ trong địa ngục nhỏ nhẹ thì gọi là thiện nghiệp, như bất đoạn thiện. Lại nữa, phỏng theo sáu đường làm luận, trừ địa ngục ra, lấy phi thiên thì năm nẻo có thiện nghiệp quả. Phi phước nghiệp, như luận Du-già ghi: “Nghĩa là cảm Dị thục của đường ác và thuận Dị thục của năm nẻo”. Phần trước là nghiệp chung của ba đường ác, phần sau là nghiệp riêng của ba đường ác. Bất động là chiêu cảm Dị thục sắc, cõi Vô sắc và thuận theo cõi Sắc và cõi Vô sắc thọ nghiệp. Phần trước là nghiệp chung, phần sau là nghiệp riêng. Luận Đối Pháp ghi: “Hỏi: Tại sao nghiệp của cõi Sắc và cõi Vô sắc gọi là bất động? Đáp: như các nghiệp và nẻo khác trong cõi Dục, nếu gặp duyên chuyển thì đắc thú xứ khác mà thọ. Nghiệp kia thì không như thế, quyết định ở tự xứ mà thọ. Hỏi: Tại sao như thế? Đáp: Vì chỗ nhiếp của định, không phải đồng với tán nghiệp. Hỏi: Nếu như thế thì tại sao huân tập Thiền cõi dưới mà sinh Ngũ tịnh cư, cho nên giải thích này sai? Đáp: Lại nữa, định địa nhiếp gọi là bất động, vì định có thể trụ vào một cảnh. Vả lại chữ “phước” đó đáng lẽ thông thiện của ba cõi, vì thiện nghiệp cõi trên riêng có thù thắng có thể gọi là bất động. Thiện nghiệp của cõi Dục thì

riêng được tổng danh, nhưng trong bất động thuận thọ nghiệp riêng. Luận Du-già ít có sự khác biệt, như trong Sớ sao của nó giải thích. Nhưng ba nghiệp này thông với thân, ngữ và ý. Ý nghiệp thông với ba cõi, thân và ngữ chỉ có hai Địa, vì có tầm tứ. Thể tánh này tức là hai tư của Hữu lậu thiện và bất thiện làm thể của nghiệp này. Xem qua thân và ngữ thì động tác của thân và ngữ gọi là nghiệp, thân và ngữ chỉ có Vô ký, không phải thiện và ác tánh, cho nên chỉ lấy tư làm thể. Hành vi trong đây chỉ lấy tư làm nghiệp, cho nên hành vi vẫn còn.

Luận: "Quyến thuộc của nghiệp cũng lấy tên của nghiệp này".

Thuật rằng: Tức là tánh của năm uẩn. Luật nghi của thiện và bất thiện thật ra là quyến thuộc của nghiệp, ngoài ra có thể biết. Có ý gì mà quyến thuộc cũng gọi là nghiệp?

Luận: "Vì đồng chiêu dẫn đầy quả Dị thục".

Thuật rằng: Vì đều cùng với nghiệp đồng chiêu dẫn đầy quả Dị thục. Không đồng Tiểu thừa có đủ mười tùy chuyển, không có thật bốn tướng của đời quá khứ và vị lai. Quả chung và quả riêng này như quyển 2 đã rộng giải thích đủ. Từ trên đến đây nói khi mới làm tức là hiện khởi pháp, nếu Dị thục nhân không phải là thọ quả, hiện đã lâu diệt thì làm sao cảm quả, vì không có quá khứ và vị lai? Để đáp câu hỏi này cho nên luận tiếp theo.

Luận: "Pháp này tuy mới khởi", đến "coi là quả Dị thục".

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích tập khí. Nghiệp này hiện hành tuy vừa mới khởi thì đã trở thành Vô gián mà liền diệt mất. Không có nghĩa lý nào khác, có thể như Tát-bà-đa tuy dụng hiện tại không có thể quá khứ, để chiêu cảm Chân quả Dị thục của vị lai, như thế thì thế nào?

Luận: "Mà huân bản thức", đến "nói là tập khí".

Thuật rằng: Nghiệp hiện hành trong khi đang tạo thì sự huân tập đối với bản thức dấy khởi công năng của tự nghiệp. Công năng tức là tập khí trong tụng nói. Tại sao gọi là tập khí?

Luận: "Là khí phân của nghiệp", đến "cho nên gọi tập khí".

Thuật rằng: Là khí phần của nghiệp. Giải thích chữ "khí" là do sự huân tập hiện tại làm thành. Giải thích chữ "tập", là nghiệp này huân thành bất đồng, vô tàm kế chấp nghiệp đều chỗ tạo tác của đời trước, đều là đã từng có. Nghiệp của Hóa địa bộ nhập vào quá khứ hiện tại đều có thể. Lại nữa, tập khí này tức là nghiệp đã từng có và có thể trong quá khứ của Tát-bà-đa bộ, và lựa riêng với Thuận thế ngoại đạo nói tất cả quả chỉ có chỗ đắc của nghiệp hiện tại khi tạo tác, tức là thọ. Hiện

tại luận này lý của tập khí thì không như thế, vì do quá khứ Vô gián diệt hiện hành huân tập. Chủng tử của niệm niệm trước diệt thì chủng tử sau sinh và hằng có trong hiện tại, cho nên lựa riêng với nó nhiều đời có ứng dụng đối với đời quá khứ hiện hành có thể của nghiệp, tức là không phải chủng tử này khi tạo tác thì liền thọ quả, sau đó hoặc một đời nhiều năm, hoặc nhiều đời mới thọ quả, cho nên lựa riêng với khi hiện tại tạo nghiệp thì liền thọ quả. Do nghĩa này mà có giải thích kỹ và có ngăn trách, cho nên gọi là tập khí, tức là giải thích hai chữ "tập khí" trong tụng. Tổng hợp giải thích trên đây để giải thích bốn chữ cuối câu thứ nhất đã xong.

Luận: "Như vậy tập khí", đến "Tăng thượng duyên thù thắng".

Thuật rằng: Thiện và bất thiện nghiệp này có thể cảm chiêu hoặc quả riêng Dị thục hoặc quả riêng Dị thục trong vị lai, Tăng thượng duyên thù thắng không phải đồng tánh, không phải thể của cận năng biện quả sinh. Tiếp theo giải thích hai thủ, ở đây có tám giải thích.

Luận: "Tướng kiến gọi là sắc", đến "đều thuộc về hai thủ".

Thuật rằng: Hai thủ có tám giải thích:

1. Một là Tướng phần và Kiến phần gọi là thủ. Thật năng thủ và thật sở thủ này gọi là hai thủ.

2. Hai là nắm lấy danh và sắc. Sắc là sắc uẩn; danh là bốn uẩn còn lại, tức là chấp thủ năm uẩn làm ngã. Trước nói trong tướng cũng thông với chấp thủ Vô vi, vì làm bản chất. Hiện tại luận này chỉ hiển thủ gần sở duyên, không phải năng duyên đắc pháp ngoài tâm. Lại nữa, biến ảnh tướng phần của vô vi cũng gọi là sở nhiếp, vì không lìa tâm.

3. Ba là nắm lấy tâm và tâm sở, vì tất cả pháp năm uẩn không lìa hai tâm này.

4. Bốn là nắm lấy gốc và ngọn, tức là nắm lấy quả hiện tại, Thức thứ tám là căn bản của các Dị thục, cho nên gọi đó là gốc, ngoài ra các Dị thục trong thức đều gọi là ngọn, là quả ngọn của Thức thứ tám, tức là chấp thủ hai Dị thục. Nói rằng ái lạc nắm lấy duyên thủ, hoặc tổng báo phẩm của Thức thứ tám gọi là gốc, biệt báo phẩm của các thức còn lại gọi là ngọn, vì nhiếp hết tất cả pháp, nhưng lựa riêng với Dị thục, vì rất hẹp.

5. Thủ thứ năm là bốn thủ trên tức là một thủ. Thông với bốn xứ là đơn thủ; và thông với bốn thủ trên là trùng thủ.

Nói rằng Hữu thủ thủ là thủ của năng thủ và sở thủ thứ nhất trên, như tâm trùng duyên, ba thủ sau cũng như thế, cho nên có tám giải thích. Tám giải thích này đều là chỗ nhiếp của hai thủ, tức là sự chấp

thủ của hiện hành. Hoặc bốn thủ trước là cảnh, thủ năng thủ kia chỉ có bốn. Thế nào gọi là tập khí?

Luận: "Sở huân và phát kia", đến "gọi là hai thủ tập khí".

Thuật rằng: Tức là tám chỗ huân và phát kia, cận năng sinh tám sở huân phát kia trên công năng của Thức thứ tám gọi là hai thủ tập khí, tức là tám thứ trước đều có đủ hai nghĩa gọi là tập khí, đều có nghĩa sở sinh và năng sinh. Gốc và ngọn hoặc giải thích là Dị thục, nắm lấy làm sở thủ cho nên cũng có đủ hai nghĩa, tức là danh ngôn và chủng tử đều do hai thủ mà sinh, cho nên có thể sinh bản thức. Đây không phải là thiện và bất thiện, chỉ là chủng tử của Vô ký cận sinh. Hai thủ trong đây thông với chỗ huân tập của bảy thức, tùy chỗ thích đáng của nó mà sinh Tướng phần và Kiến phần của Thức thứ tám. Chữ "hai thủ" này muốn hiển nghĩa gì?

Luận: "Đây là hiển đời vị lai", đến "các nhân duyên chủng".

Thuật rằng: Đây là hiển quả Dị thục tâm của đời vị lai và tâm tương ưng pháp, mỗi mỗi đều mong tự quả làm cận năng sinh quả của nhân duyên chủng tử, lựa riêng với nghiệp chủng trước, tức là hiển danh ngôn chủng tử sinh quả vô tận, tùy chỗ muốn sinh thì liền có thể sinh, vì tâm làm chủ, chỉ nói sinh tâm, thật ra thông với năm uẩn. Đây là nói đời vị lai, hoặc một phần vị ba đời, hoặc sinh tử ba đời có thể biết. Giải thích bốn chữ trên của câu tụng thứ hai đã xong.

Luận: "Đều gọi là nghiệp chủng", đến "nghĩa là tương trợ nhau".

Thuật rằng: Trong tụng nói chữ "đều" là chỉ cho các nghiệp trước cùng đồng thời với chủng tử của hai thủ, tức là đồngthời cảm chiêu sinh quả. Không phải như Dị thục nhân quả của Tiểu thừa chắc chắn không đồng thế gian, khi tạo tác hoặc khi thọ quả tuy thế gian không đồng, nhưng khi chủng tử chánh thọ quả thì chắc chắn cùng với quả đồng thế gian, vì đời quá khứ và vị lai không có thể tánh.

Hỏi: Đối với sinh quả vị gần là nhân duyên, hoặc nói sức cảm quả có thể thù thắng chỉ là nghiệp chủng, hoặc hai chủng đã đồng thời. Tại sao trong tụng trước đã nói nghiệp chủng, sau mới nói nhân duyên?

Luận: "Nghiệp chiêu cảm sinh mà hiển cho nên tụng nói trước".

Thuật rằng: Nghiệp chiêu cảm sinh mà hiển, vì do nghiệp cảm sinh thù thắng, là hiển cho nên tụng nói trước, không phải nhân duyên. Giải thích năm chữ trong câu thứ hai đã xong.

Luận: "Dị thục trước", đến "nghiệp quả Dị thục".

Thuật rằng: Chỗ nói Dị thục trước trong tụng, là quả Dị thục của

tiền tiền sinh nghiệp. Quả Dị thục là hiển thông cả chung và riêng, văn tụng hẹp cho nên chỉ nói Dị thục, nhưng ý cũng có thông. Vì nghiệp của đời quá khứ là nhiều đời, đồng một thân mà được thọ quả, là quả Dị thục tiền tiền sinh nghiệp. Lại nữa, Dị thục của tiền tiền sinh nghiệp không phải chỉ có một đời cho nên gọi là tiền tiền. Lại nữa, Dị thục trước thể không phải một, sau cũng như thế. Đã trong câu thứ ba không giải thích hai chữ cuối. Giải thích câu thứ tư, trước hết giải thích ba chữ sau. Nói rằng ngoài chữ "Dị thục" ra, sẽ giải thích chữ "đã hết" của tụng.

Luận: "Tuy hai thủ chủng", đến "tánh đồng dễ cảm".

Thuật rằng: chủng tử của hai thủ thọ quả vô cùng. Nhiếp Đại Thừa quyển 3 ghi: "Không có tướng thọ tận". Tập khí của nghiệp thì có tận, luận kia nói là có tướng thọ tận, tại sao vậy? Là do quả Dị thục:

1. Tánh riêng, là cùng với tánh của nghiệp khác nhau, không thuận lẫn nhau.

2. Hai khó chiêu cảm nghiệp, tuy chiêu cảm được thì quả chắc chắn trong đời khác mới chín, cho nên tập khí của nghiệp có tận, cũng như cỏ ngâm chìm trong nước bị rữa nát mục chết.

Quả Đẳng lưu và quả tăng thượng của nó:

1. Tánh chung, thể tánh thuận nhau.

2. Dễ cảm, vì đồng thời sinh. Niệm này khi huân tập xong thì liền có thể sinh quả, cho nên chủng tử của hai thủ dễ cảm quả.

Hỏi: Tại sao làm Đẳng lưu? Cái gì làm tăng thượng?

Đáp: Tăng thượng thì rộng, nhưng Đẳng lưu thì cần tăng thượng. Đẳng lưu là chủng tử cùng với hiện hành và tự chủng làm câu sinh đồng loại nhân. Tăng thượng thì lại càng không có riêng thể, tức là tánh Đẳng lưu. Lại nữa, giải thích là quả Đẳng lưu cho nên tánh đồng. Là quả tăng thượng cho nên dễ cảm, vì có đủ hai quả cho nên có đủ hai nghĩa. Lại nữa, chủng tử mong hiện hành là tăng thượng, mong tự loại chủng là Đẳng lưu. Nghiệp chủng mong hiện hành của nó cùng với chủng đều là Dị tánh cho nên chỉ là Dị thục.

Từ trên đến đây đã riêng giải thích văn tụng, dưới đây sẽ giải thích ý tụng, gồm giải thích chữ "do" của câu thứ nhất, hai chữ "đã hết" của nó câu thứ ba và chữ "sinh lại" của câu thứ tư.

Luận: "Do cảm các đời khác", đến "còn lại quả Dị thục".

Thuật rằng: Do cảm chủng tử nghiệp chín muồi của đời vị lai khác thì quả Dị thục trước trong thân hiện tại khi thọ dụng đã hết, tức là thân này đang ở vị lâm chung. Nghiệp chín muồi của thân kia lại có thể riêng sinh khởi các quả sau, tức là khi các quả trước đã hết, chủng

tử nghiệp quả sau chín thì quả Dị thục của nó mới được sinh, cho nên sinh tử không dứt. Do cảm đời khác, giải thích chữ "do". Do là nguyên do, lý do. Khi quả trước đã hết, giải thích chữ "đã hết", lại riêng sinh các quả, giải thích chữ "sinh lại" của quả Dị thục khác. Dưới đây tổng kết đáp các vấn nạn.

Luận: "Do sinh tử này", đến "mới được tương tục".

Thuật rằng: Do chỗ nói nghiệp quả vô tận này, sinh tử tương tục luân chuyển vô cùng, làm sao giả mượn duyên bên ngoài tâm mà sinh tử tương tục được! Đây là đáp tổng kết.

Luận: "Ý của tụng này nói", đến "làm tánh của nó".

Thuật rằng: Tổng kết ý tụng này. Do nghiệp và hai thủ làm duyên làm nhân, cho nên sinh tử luân hồi đều không lìa thức. Không phải pháp ngoài tâm khiến cho sinh tử tương tục, vì nghiệp và hai thủ không lìa tâm. Tâm sở mà đắc tương tục thì làm thể tánh của nhân quả sinh tử.

Luận: "Lại nữa, sinh tử tương tục", đến "tổng có ba chủng".

Thuật rằng: Đây là "lại nữa" thứ hai, giải thích tụng đáp câu hỏi. Trong đó có ba phần:

1. Nêu chung.
2. Giải thích riêng.
3. Chỉ ví dụ.

Ba thứ tập khí này tức là ba chủng tập khí trong Nhiếp luận quyển 3, quyển 4.

Luận: "Một là danh ngôn tập khí", đến "mỗi mỗi khác cận chủng".

Thuật rằng: Giải thích riêng có hai đoạn:

1. Giải thích riêng ba tánh.
2. Phối hợp thuộc tụng.

Chỉ có danh ngôn này phân làm hai chủng nhiếp hết tất cả tập khí của các pháp. Đây là ba tánh nhân duyên của các pháp, luận kia thì chỉ có ngôn thuyết huân tập.

Luận: "Danh ngôn có hai", đến "âm thanh sai biệt".

Thuật rằng: Chỉ có Thức thứ sáu có duyên tên của nó, có thể phát âm tên của nó, ngoài ra đều không duyên cũng không thể phát âm, tức là chỉ có sự sai biệt của thuyên nghĩa âm thanh. Lựa riêng với phi thuyên biểu thanh, vì nó không phải tên gọi, tên gọi chỉ có Vô ký. Luận Du-già quyển 72 trong năm pháp ghi: "Tự tánh của âm thanh chỉ có Vô ký". Nhưng âm thanh có tiêu biểu là nghiệp tánh nhiếp, lấy năng biểu tư danh làm ba tánh, thể chỉ có Vô ký, tên gọi không phải là

nghiệp tánh, cho nên từ âm thanh vốn nói là Vô ký. Nhưng tên gọi là do sự sai biệt gãy khúc âm thanh, chỉ có tánh Vô ký, không thể huân tập thành các chủng của sắc và tâm, nhưng do tên gọi cho nên tâm tùy theo tên gọi của nó mà biến tợ ba tán pháp của năm uẩn mà huân tập thành chủng tử. Do tên gọi khởi chủng mà gọi là danh ngôn chủng, tất cả chủng tử huân tập đều do tâm và tâm sở. Tâm tâm sở huân tập chủng có nương theo duyên bên ngoài, cũng có không nương theo duyên bên ngoài. Không nương theo duyên bên ngoài thì gọi là hiển cảnh danh; hoặc nương duyên bên ngoài thì gọi là biểu nghĩa danh. Vì phân ra hai thứ riêng biệt, nhưng tự thể của tên gọi không thể huân thành chủng.

Hỏi: Như duyên năm cảnh mà huân tập các chủng tử cũng nương vào duyên bên ngoài, tại sao không nói do nghĩa mà huân tập?

Đáp: Cảnh không phải là thắng duyên, do nơi cảnh mà tâm huân tập, chỉ có sở nhiếp của hiển cảnh có pháp năng thuyên, khiến cho nương theo đó mà khởi chấp lưu chuyển sinh tử, liên đới với dụng thù thắng này làm duyên mà huân tập, lập biểu nghĩa danh ngôn huân tập. Lại nữa, danh của tất cả pháp là trước tưởng, vì danh bên trong phát ra ý nghĩa để chiêu gọi pháp là thù thắng. Chỉ nói nương tên gọi mà không nói nương vào cảnh, hoặc nương Vô lậu danh huân chủng tử, đây là chỉ có Vô lậu thiện. Bên trong tên gọi làm duyên huân tập năm uẩn chủng, tâm biến tương tợ. Tuy cũng nương vào các câu mà thành huân tập, tổng nói là danh thuyên chiêu gọi các pháp là tối thắng, từ thắng đặt điều kiện, chỉ nói danh ngôn huân tập. Danh ngôn thêm bớt mà nhiếp câu và chữ.

Luận: “Hai là hiển cảnh danh ngôn”, đến “tâm pháp tâm sở”.

Thuật rằng: Tức là tâm pháp tâm sở năng liễu cảnh, tức là Kiến phần tâm của tất cả bảy thức trước, không phải Tướng phần tâm, vì không thể hiển cảnh. Kiến phần này thật ra không phải danh ngôn, như ngôn thuyết gọi là hiển sở thuyên pháp. Tâm và tâm sở này có thể hiển sở liễu cảnh cũng như Kiến phần kia, cho nên gọi nó là danh. Thể không phải danh, thể của danh là Bất tương ưng hành kia. Lại nữa, như bốn uẩn gọi là thể của danh tức là danh vì có thể hiển nghĩa. Trong luận Du-già quyển 56 ghi: “Thuận theo thú các thứ nghĩa của sở duyên cảnh, nương vào ngôn thuyết gọi là phân biệt chủng chủng nghĩa của sở duyên cảnh. Bốn uẩn gọi là danh, thông với ba tánh chủng tử của Kiến phần và Tướng phần. Cảnh từ Kiến phần mà nói thì cũng gọi là danh, vì là sở liễu của các liễu cảnh tâm, tức là thông với Hữu lậu và Vô lậu của ba cõi, tức là nhiếp hết tất cả pháp Hữu vi”. Nhiếp luận chỉ căn cứ

theo ngôn thuyết danh chỉ có Hữu lậu.

Luận: "Tùy hai danh ngôn", đến "mỗi mỗi đều khác nhân duyên".

Thuật rằng: Tùy theo hai thứ danh ngôn làm duyên huân tập năm uẩn chủng cận biện thể trong Tướng phần.

Luận: "Hai tập khí của ngã chấp", đến "chủng của ngã và ngã sở".

Thuật rằng: Đây là khiến cho tự tha thành sự sai biệt của nó, thông với Thức thứ sáu và Thức thứ bảy, không phải như Nhiếp luận chỉ nói Thức thứ bảy.

Luận: "Một là câu sinh ngã chấp", đến "tự tha sai biệt".

Thuật rằng: Nhân theo ngã chấp cho nên trong Tướng phần cũng huân tập năm uẩn chủng, tức là danh ngôn huân tập. Do huân tập chủng tử ngã chấp này mà khiến cho tự tha sai biệt, cho nên lập riêng. Phần đầu thông với Thức thứ sáu và Thức thứ bảy, phần sau chỉ có Thức thứ sáu. Văn đó dễ hiểu, không cần nhọc sức giải thích.

Luận: "Ba là tập khí của hữu chi", đến "đường thiện đường ác khác nhau".

Thuật rằng: Có nói về ba hữu. Chữ "chi", nghĩa là nhân, nghĩa là phần, tức là ba hữu có nhân sinh đường thiện và đường ác sai biệt, thông Thức thứ sáu đều có huân tập này, các chi khác có thể biết. Nhưng chỗ nói chữ "chi" trong bất thiện là hiển ác nhiều hơn thiện, khiến sinh chán, khiến cho năm nẻo riêng do nghiệp lực.

Luận: "Phải biết ngã chấp", đến "là Tăng thượng duyên".

Thuật rằng: Hai thứ sau đây mong quả Dị thục, là Tăng thượng duyên, vì Dị tánh. Chỗ huân thành chủng của Tướng phần ngã chấp, tuy tạo nhân duyên Cận sinh bản thức và chủng tử Kiến phần, khiến cho đó tự tha sai biệt, cho nên thành tăng thượng. Trong danh ngôn chủng cùng với quả Dị thục làm nhân duyên cận sinh, Hữu chi làm Dị tánh của Tăng thượng duyên. Chủng tử ngã chấp làm Tăng thượng duyên khiến cho tự và tha sai biệt. Đây là Kiến phần chấp chủng tử. Hoặc chủng tử Tướng phần cũng được cận sinh, ý văn cũng như ở đây:

Thứ nhất là ngôn thuyết danh, chỉ có cõi Dục và Sơ định, vì có tầm tứ, sự huân tập đến định thứ tư đều đắc, vì nương tên gọi mà khởi huân tập, hoặc thông với Vô sắc, vì chư Thiên vô sắc là chỗ nghe Phật pháp, hiển thị danh ngôn của cảnh huân tập thông ba cõi chín Địa. Hữu chi và ngã chấp cũng đều thông ba cõi.

Thứ hai là danh ngôn huân tập thông ba tánh, hữu phần huân tập

chỉ có thiện và bất thiện. Ngã chấp huân tập thông Hữu phú và Bất thiện. Câu sinh chỉ có Hữu phú, phân biệt thông với bất thiện.

Thứ ba là biểu nghĩa danh ngôn chỉ có huân tập của Thức thứ sáu duyên. Hiển cảnh danh ngôn thông với bảy thức trước, vì Thức thứ tám không huân tập. Hữu chi thông với sáu thức trước, vì có thiện tánh và ác tánh. Ngã chấp chỉ có Thức thứ sáu và Thức thứ bảy. Thức thứ bảy chỉ có câu sinh, Thức thứ sáu thì thông với phân biệt.

Thứ tư là hai huân tập sau chỉ có Hữu lậu, danh ngôn huân tập thông với Vô lậu. Vô lậu cũng nương vào biểu nghĩa danh ngôn và hiển cảnh danh ngôn mà huân thành chủng. Nhiếp luận chỉ phỏng theo biểu nghĩa danh ngôn Hữu lậu mà nói, đây là nói tận lý.

Thứ năm là vị thứ, danh ngôn huân tập chỉ trừ ra Phật vị.

Thứ sáu là thứ Hữu lậu đến Địa thứ tám. Ngoài ra Thức thứ sáu và các Vô lậu thông với Thập địa. Hữu chi không phải Thánh, vì Thánh không tạo nghiệp. Nếu tạo nghiệp riêng thì không gọi là hữu chi, không phải hành chi cho nên là chỗ nhiếp của danh ngôn, hoặc loại tùy nhau cũng là hữu chi nhiếp. Phân biệt ngã chấp chỉ có tư lương vị của Dị sinh dấy khởi. Thánh thuyết thì không chung với trong vô minh, vì Dị sinh cũng không có. Câu sinh ngã chấp trừ Nhị thừa vô học, Bồ-tát Địa thứ tám trở lên cho đến Như Lai. Đây là giải thích riêng về ba tập khí, trở xuống phối hợp thuộc về tụng.

Luận: "Chỗ nói của tụng này", đến "tập khí của hữu chi".

Thuật rằng: Vì ba thứ huân tập tức là tập khí của tụng này. Chỗ nói nghiệp tập khí trong tụng này tức là tập khí của hữu chi trong ba thứ này.

Luận: "Hai thủ tập khí", đến "đều gọi là thủ".

Thuật rằng: Tức là nắm lấy ngã chấp và nắm lấy danh ngôn để làm cảnh giới, nhưng chỗ huân thành hai chủng tập khí đều gọi là thủ, nắm lấy hai thứ này cho nên gọi đó là thủ, không phải thể hai thứ này tự huân tập được mà gọi là thủ. Đây là giải thích ba tập khí trong hai câu trên của tụng.

Luận: "Đều đồng với nghĩa của văn còn lại, giải thích như trước".

Thuật rằng: Đây là nghĩa của chữ "câu" và nghĩa của tập khí, có nghĩa là trước diệt hết rồi sau mới sinh, như sư trước giải thích. Chữ "đồng" trong đây không đưa riêng ra, hoặc hữu dị đều là giải thích riêng. Các nghĩa sau căn cứ theo đây mà biết. Nhưng sự huân tập này là mười một thiện nhiếp nhau phân bằng, đều như lý mà biết. Chữ "lại

nữa” thứ ba lấy mười hai chi giải thích tụng.

Luận: “Lại nữa, sinh tử tương tục do hoặc nghiệp khổ”.

Thuật rằng: Trong đó có hai phần:

1. Giải thích khắp hoặc nghiệp khổ thuộc văn giải thích luận.
2. Lấy hữu chi giải thích hoặc nghiệp khổ.

Trong phần đầu có ba đoạn:

1. Tổng nêu sinh tử do hoặc nghiệp khổ.
2. Giải thích riêng hoặc nghiệp khổ.
3. Chỉ cho thấy các văn ví dụ khác.

Đây là phần đầu. Hoặc nghiệp khổ, ba thứ này đáng lẽ đến phần thứ hai mới giải thích hoặc của nó, nhưng tùy theo sự phát nghiệp thứ lớp mà nói, cho nên ở đây không đảo lại.

Luận: “Phát nghiệp nhuận sinh”, đến “các khổ gọi là khổ”.

Thuật rằng: Phần thứ hai là giải thích riêng. Có thể cảm Hữu lậu của các nghiệp sau gọi là nghiệp, tức là thông với tất cả nghiệp của tổng báo, biệt báo, hiện báo và hậu báo. Trừ ra nghiệp Vô ký và nghiệp Vô lậu đều gọi là nghiệp vì có thể cảm Dị thục sinh. Hoặc là phát nghiệp và nhuận sinh phiền não, là tất cả phân biệt phiền não của cõi Dục trong luận Đối Pháp quyển 4, đều có thể phát nghiệp, đều là bất thiện, vì mặc tình tùy ý có thể phát ác hạnh, cũng là bất thiện, tức là ngã kiến và biên kiến của trình độ Tu đạo, và hoặc này tương ưng với tham, mạn và vô minh, không phải bất thiện.

Từ trên đến đây là nói về pháp số, nhưng trong kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: “Do dục và ái tạo các phước hạnh”, tín của nó làm chỗ nương mà tạo hạnh này, từ sinh tử khởi quyết định tín thì ái này và thủ đều do tín nhiếp phục, ngã lập ra làm Hữu phú vô ký, hoặc pháp cõi Dục Hữu phú vô ký thì đối với sự phát hạnh không có công năng thù thắng, lấy văn này làm chứng, cho nên lìa câu khởi pháp của ngã kiến cũng có Vô ký của độc đầu ái, tức là duyên Hữu lậu sau để khởi ái và nhuận sinh ái. Hoặc ngoài các bổn hữu vị khác khởi thì các ái này cũng là không phát nghiệp, trừ vô minh của các cõi trên phát nghiệp ra thì tất cả ái khác không phát nghiệp hoặc. Ngoài ra đều là phát nghiệp hoặc trong đây nhiếp. Ngoài ra còn các Hữu phú khởi theo là nhuận sinh nhiếp, nếu trợ giúp phát nhuận thì thông với tất cả, trong khổ thì nhiếp ba khổ và tám khổ. Vô ngã dễ hiểu.

Luận: “Chủng tử của hoặc nghiệp khổ đều gọi là tập khí”.

Thuật rằng: Trước hết nói hiện hành chủng tử này, tức là tập khí của hiện hành.

Luận: "Hai tập khí trước", đến "cận sinh khổ".

Thuật rằng: Lấy ba chủng mong quả mà đàm luận về sự xa gần của nó. Hiện tại hai chủng tử của hoặc và nghiệp trong ba thứ hoặc nghiệp khổ này không phải tánh Dị thục và quả Dị tánh, mà chỉ có Tăng thượng duyên trợ sinh khổ. Chỉ làm thế lực dẫn, không phải chánh cận sinh, cho nên chủng tử của khổ và sinh tử khổ làm chánh nhân duyên, vì thể năng biện sinh khổ gần.

Luận: "Ba tập khí của tụng, như tùy ứng nên biết".

Thuật rằng: Chủng tử của hoặc và khổ gọi là hai thủ, chủng tử của nghiệp có thể biết, cho nên nói là tùy ứng.

Hỏi: Tại sao hoặc khổ trong đây gọi là thủ, nghiệp thì không gọi là thủ?

Luận: "Hoặc nghiệp gọi là thủ vì năng thủ và sở thủ".

Thuật rằng: Đây là giải thích được tên của nó. Hoặc là năng thủ, vì tánh nhiễm dính. Khổ là sở thủ, vì nhiễm chỗ dính.

Luận: "Thủ là nghĩa dính, nghiệp không được tên".

Thuật rằng: Giải thích này chỉ có nghiệp là không được tên thủ. Thế gian hữu tình phần nhiều trong hiện quả mà khởi cháp dính mắc ngôn ngữ. Hiện tại luận này là ngã và ngã sở nhiếp, tức là năng chấp trước và sở chấp trước gọi là thủ. Hữu tình thế gian phần nhiều không đối với nghiệp khởi chấp trước, như có chấp ngã mà trở thành tác giả là ngã và vật. Thuyết trước cho thủ là nghĩa nhiễm trước, vì đối với nghiệp không khởi nhiều nhiễm trước.

Luận: "Đều đồng với nghĩa của văn còn lại, giải thích như trước".

Thuật rằng: Một là căn cứ theo nghĩa trước có thể biết. Nhưng hoặc nghiệp khổ trong đây nhiếp hết tất cả hoặc nghiệp khổ, tức là tổng môn.

Luận: "Hoặc nghiệp khổ này", đến "như luận giải rộng".

Thuật rằng: Phần thứ hai biệt giải mười hai hữu chi, trong đây lấy nhiếp chung mười hai chi riêng.

Hỏi: Tại sao biết mười hai chi là riêng, nhiếp chung hoặc nghiệp khổ không hết hay sao?

Đáp: Nếu trừ vô minh, ái, thủ trong đây thì còn lại là tất cả hoặc. Trừ chánh cảm hạnh của đời sau thì còn lại là biệt báo hạnh, gồm biệt báo thể, hoặc thân hạnh của bậc Thánh và các khổ không phải mười hai chi. Ngay trong giải thích mười hai chi có ba đoạn:

1. Lấy hoặc nghiệp khổ tổng nhiếp mười hai chi, tức là đoạn văn

này.

2. Thuyết minh rộng mười hai hữu chi, tức là luận nói mười hai chi này lược nhiếp làm bốn, là văn chi năng dẫn trở xuống.

3. Tổng kết chi quy về hoặc nghiệp khổ, tức là luận dưới đây nói do hoặc nghiệp khổ là mười hai chi, điều này có thể khiến cho sinh tử tương tục.

Hiện tại trong luận này nhiếp mười hai chi hoặc nghiệp khổ, chỉ như các luận khác rộng giải thích, tức là luận Du-già quyển 9, quyển 10, quyển 93; luận Đối Pháp quyển 4; luận Thập Địa quyển 8 và luận Thập Nhị Nhân Duyên của Thiên Thân tạo. Nhưng trong kinh Duyên Khởi cũng thuyết minh rất rộng, văn phụ đưa ra giải thích dưới đây trong luận này không có. Mười hai chi này lại còn lược lấy mười môn để giải thích:

1. Nêu tên chi, phân rõ thể chung và thể riêng.
2. Thuyết minh chung, riêng, tên gọi, nghĩa, được tên của chi.
3. Nguyên nhân thứ tự.
4. Nghiệp dụng chung riêng.
5. Nhân quả sai biệt.
6. Chi lẫn nhau làm duyên bốn câu liệu giản.
7. Năng dẫn sinh và sở dẫn sinh các luận đối chiếu và giải thích.
8. Phế lập và tăng giảm giải thích các vấn nạn và điều hại.
9. An định thế gian và phá tà.
10. Giải thích phân rõ các môn.

Văn của luận có bốn phần:

1. Năng dẫn sinh và sở dẫn sinh.
2. Giải thích phương hại.
3. An định thế gian.
4. Phân rõ các môn.

Môn thứ nhất là nêu tên chi, phân rõ thể chung và thể riêng. Nêu tên thì đã biết rồi, tướng và phân biệt trong tổng năm sự. Trong ba tánh chỉ có tánh Y tha, một phần thủ uẩn, xứ và giới làm thể, vì thể tánh riêng khác. Dưới đây giải thích mười hai chi:

1. Một là vô minh chi, vì vô minh trong hành uẩn làm thể, không nắm lấy các pháp khác. Làm sao biết được? Kinh Duyên Khởi ghi: "Ban đầu vô minh có mười một thù thắng không phải các pháp khác". Đại luận quyển 9 ghi: "Lấy bảy Vô tri làm vô minh chi", cho nên chỉ nắm lấy vô dụng, không nắm lấy các pháp khác.

Hỏi: Nếu như thế tại sao luận Đối Pháp quyển 4 ghi: "Vô minh và

hành được làm nhân duyên, vô minh đồng thời với chủng tử của tư gọi là vô minh chi?”

Đáp: Không đúng, vì đó không phải nhân duyên, luận này giải thích rằng: “Vô minh đồng thời với tư giả thuyết là vô minh, thật ra không phải chi này nhiếp”. Do giả thuyết đó là hành nhân duyên, thật ra không phải nắm lấy các pháp làm thể của chi này. Đại luận quyển 10 và luận này nói là một sự, cho nên không nắm lấy các pháp khác. Lại nữa, các luận kia và luận này đều nói chánh phát nghiệp chỉ là vô minh, ngoài ra là trợ giúp cho nên không nắm lấy. Không phải như Tiểu thừa chi phỏng theo phần vị mà phân biệt, ở đây thì các vô tri có mười, chín, bảy, năm, và sáu chủng tử. Như Đại luận quyển 9 ghi: “Vô minh chi này riêng có thật tánh”.

Hỏi: Làm sao biết?

Đáp: Trong mười hai chi giả và thật dưới đây nói là thật. Đại luận quyển 10 cho đến quyển 56 trong duyên khởi thiện xảo đều nói là thật. Lại nữa, quyển 55 trong thuyết minh các phiền não giả thật thì nói năm kiến là giả, vì đây là thật. Lại nữa, kinh Duyên Khởi quyển hạ và trong quyển 56 đều vấn đáp rộng để lựa riêng với các pháp khác cho nên gọi là vô minh, Câu-xá văn quyển 10 văn thế cũng đồng. Đây là thông với hiện hành và chủng tử làm thể. Kinh Thập Địa nói vô minh có hai thứ là chủng tử thời và quả thời. Kinh Duyên Khởi quyển hạ nói vô minh có bốn là tùy miên...

Lại nữa, chỉ có phát nghiệp tánh, thông với tám thiện và Vô ký, nhưng phát ba thứ vô minh khác nhau là phước, phi phước và bất động.

2. Như luận Đối Pháp quyển 7 ghi: “Hai là hành chi, lấy ba hạnh thân, ngữ và ý làm thể, tâm pháp tâm sở làm thể, nghĩa là thể của hành là tư”. Ba thứ thân, ngữ và ý này tại cõi Dục gọi là phước và phi phước; thân và ngữ tại cõi sắc, ý cũng thông với Vô sắc gọi là bất động. Đại luận quyển 9 cũng đồng với giải thích này. Chi này cũng thông với hiện hành và chủng tử. Kinh Thập địa nói hành có hai thứ, là như vô minh có chủng tử thời và quả thời, hành cũng như thế, chỉ có tánh thiện và tánh bất thiện.

3. Thức chi, chỉ nắm lấy cận nhân duyên của A-lại-da thức làm thể. Quyển 93 ghi: “Nhân trong thai mẹ do thức làm duyên, tương tục sinh quả, thức tùy chuyển không dứt, tùy trì giữ chỗ có Yết-la-lam, không phải ngoài bảy thức tùy chuyển không dứt mà có thể gìn giữ được”. Đoạn văn dưới của luận kia ghi: “Lại cũng tức là thức này, vị lai sau này có chỗ tùy đuổi theo của chủng tử danh sắc, không phải chỗ tùy

của chủng tử bảy thức còn lại. Luận này lại ghi: “Sở dẫn chi là trong bản thức, cận sinh vị lai quả Dị thục nhiếp năm chủng của các thức”, trong đây thức chủng là nhân của bản thức, cho nên biết thức chi không nắm bảy thức khác.

Hỏi: Nếu như thế tại sao Đại luận cuối quyển 9 lấy sáu thức làm thức chi đã rộng giải thích. Nói rằng thức này trong cõi Dục thì có đủ sáu thức, trong cõi Sắc thì có bốn thức, cõi Vô sắc thì chỉ có một thức?

Đáp: Trong quyển 93 tự có giải thích, nghĩa là hành làm duyên cho nên khiến cho thức chuyển biến. Hiện pháp của thức này chỉ là tánh của nhân, nhiếp thọ sẽ sinh quả của các thức. Phỏng theo tất cả tương tục làm danh nói thân của sáu thức, đã có giải thích này rồi, cho nên nói sáu thức là ngay trên tất cả thân ngữ của Nhị thừa, vì luận kia không lập có Thức thứ tám. Lại nữa, trong một thân phỏng theo tất cả thức tương tục là danh thuyết nói sáu thức, thật ra chỉ nắm lấy A-lại-da, vì quả báo chủ. Thuyết cùng với danh sắc lẫn nhau làm duyên, cho đến khi mạng chung cũng hằng tùy chuyển. Đây là chỉ có chủng tử mà không nắm lấy hiện hành.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Đại luận quyển 10 và luận này ghi: “Thai tạng khổ”.

Hỏi: Nếu như thế tại sao Đại luận quyển 9 ghi: “Ba là hành, chỗ huân phát chủng tử sáu thức và chỗ sinh quả thời của chủng tử sáu thức gọi là thức chi”. Các chỗ đều nói hành huân tập đối với thức, thức và danh sắc được lẫn nhau làm duyên thức nhập thai mẹ, không phải chủng tử thời có nghĩa như vậy. Luận Thập Địa ghi: “Như vô minh có chủng tử thời và quả thời, cho đến sinh và lão tử cũng như thế?

Đáp: Luận này phần sau ghi: “Năm chủng tử này tại nhân thời thì không có trước và sau, phỏng theo thuyết trong quả vị đang sinh thì có trước và sau. Hoặc đối với hiện tại là đời quá khứ, vì sinh vị và lão tử này nói là thức chi. Có hiện hành thức nhưng thật ra chỉ có chủng tử, nếu không như thế thì liền trái với quyển 65 nói năm chủng Thai tạng khổ. Luận này trong sở dẫn chi cũng nói năm chủng đó của các thức. Thức đã như ở đây nói danh sắc nhập thai mẹ cho đến nói thọ cũng có hai chủng, nghĩa là cảnh giới thọ là duyên của ái, đều căn cứ theo đây mà biết. Năm thể này đều chỉ có chủng tử cho nên phỏng theo đương sinh vị và đối với sinh vị và lão tử vị mà nói. Nói có hiện hành, thật ra đều không có, đây là chỉ có tánh Vô phú vô ký nhiếp.

4. Danh sắc chi, có hai thứ thể: Tất cả năm uẩn Hữu lậu đều là thể này, thông với Dị thục và Phi dị thục. Như quyển 93 ghi: “Lại nữa, năm

sắc căn, căn y đại chủng, căn xứ đại chủng, chỗ trụ các sắc và các danh khác, đều là danh sắc nhiếp". Đại luận quyển 9 ghi: "Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, mười Hữu sắc xứ và pháp xứ sắc đều danh sắc chi". Luận này phần sau ghi: "Hoặc danh sắc chủng tổng nhiếp năm nhân, trong đó tùy theo thù thắng mà lập, còn lại bốn chủng, lấy chung ba tánh làm thể". Hoặc căn cứ theo theo luận này và các luận khác thì lấy Dị thục và các tánh khác. Hoặc phỏng theo danh sắc không tạp loạn nhau mà nói chi này, tức là trừ ra pháp chủng của sáu căn, xúc, thọ đều là danh sắc nhiếp. Nói trong sắc uẩn trừ ra căn còn lại sắc, trừ hết thọ uẩn, trừ xúc của hành uẩn, trừ bản thức, ý căn trong thức uẩn, tưởng uẩn còn đủ, ba uẩn phần ít làm thể của danh sắc chi. Luận này đoạn sau ghi: "Thức chủng trong đây là nhân của bản thức, trừ ra ba nhân sau, các nhân còn lại đều là danh sắc chủng nhiếp, cho nên hai thể này rộng và hẹp không đồng". Thể trước tức là bốn uẩn gọi là danh, sắc uẩn gọi là sắc. Giải thích chung khắp như thế, tức là thể tướng lạm tràn, giải thích sau danh sắc năm chủng mỗi mỗi đều riêng có thể có sai biệt và chút ít tương tợ phân minh. Nếu không như thế thì vì sao gọi là năm chủng tử? Vì năm thể tức là một danh sắc, đây là chỉ có tánh Dị thục Vô ký cho nên trong tương ưng của Thức thứ tám trừ ra xúc và thọ, trong sáu thức đồng thời lại cũng trừ ra tất cả Dị thục xúc và thọ, các pháp Dị thục sáu thức hiện tại cùng với Dị thục pháp tâm sở chủng của đời quá khứ và đời vị lai, đều là thể này. Lại nữa, quyển 93 ghi: "Câu sinh năm căn, gọi đó là sắc; Vô gián diệt ý, gọi đó là danh", tức là cùng với sáu xứ không có khác thể. Nhưng nói sáu thức là thức chi, do nói cùng với xứ kia lẫn nhau làm duyên, cho nên thiên nói về sáu căn, không phải thật thể của chi này chỉ có như thế, giải thích trước là thù thắng. Đây là phỏng theo sáu xứ cùng với danh sắc chi một nghĩa không khác thể tánh mà giải thích, không phải tận lý.

5. Sáu xứ chi, tánh Vô phú vô ký chỉ có trong sáu xứ. Đây là chỉ lấy Dị thục chủng kia, tức là năm sắc căn và sáu thức trước. Hoặc có Dị thục ở đời quá khứ nói là ý, đây là phỏng theo một ý hai đời mà phân biệt, tức là nghĩa nói riêng. Nếu không như thế thì trong danh không có thức, đây là phỏng theo nhất thời cùng có năm chủng mà làm luận. Hoặc phỏng theo đương sinh phân vị mà nói, tức là danh sắc chi có đủ năm uẩn. Vị mới sinh trong quá khứ thì thức gọi là ý, cũng nhiếp trong danh, vì chưa gọi là sáu xứ, đây là chỉ có chủng tử. Có xứ cũng nói là hiện hành, như nói trong danh sắc. Dưới đây đến xúc và thọ cứ như thế mà biết.

6. Xúc chi, trừ Thức thứ bảy nắm lấy toàn bộ tương ưng xúc còn lại của Thức thứ tám. Trong sáu thức hoặc là Dị thục xúc với tất cả cũng như vậy, đây là phỏng theo năm chủng đồng thời mà luận. Hoặc theo phần vị để nói thì sau sáu xứ vị chỗ có xúc tâm sở mới là thể này. Đại luận quyển 9 ghi: "Thân của sáu xúc gọi là xúc".

7. Thọ chi, nên biết chi này cũng đồng như xúc trước, nghĩa của tác dụng và phần vị đều đồng. Nhưng luận nói thọ là ái duyên, phỏng theo sự hiện khởi thọ trong đời vị lai và lão vị của đời hiện tại mà nói, nhưng thể của nó thuộc về sinh chi. Hiện tại thọ chi của luận này chỉ ở tại chủng vị, vì năm luận đều gọi thức là Thai tạng khổ. Quyển 93 ghi: "Vì năm luận này đều chỉ có chủng tử".

8. Ái chi, chỉ có một pháp thủ ái niệm làm thể. Đại luận quyển 10 phần đầu ghi: "Ái là ái trong ba cõi, cũng thông với hiện hành và chủng tử". Luận Thập Địa văn sau ghi: "Ái chi cùng với thủ được làm nhân duyên, không phải hiện hành mong hiện thể là nhân duyên". Chủng tử ái và hiện hành là thể của chi này.

9. Thủ chi, thông với thủ tất cả phiền não. Luận Du-già ghi: "Tất cả phiền não khiến cho sinh tương tục", tức là thông với chỗ có phiền não trong Kiến đoạn và Tu đoạn khiến cho sinh tương tục. Lại nữa, văn sau ghi: "Chánh chỉ có Tu đoạn, trợ nhuận thông với Kiến đoạn". Văn trong luận phần nhiều căn cứ theo bốn thủ làm thể, hai gốc tranh cãi giữa tại gia và xuất gia. Bốn thủ lấy ba kiến và tham làm thể. Đại luận quyển 10 và 93 ghi: "Dục thủ tại sao gọi là dục tham? Kiến thủ, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ gọi là ba kiến". Các vị tại gia lấy dục tham làm đầu mà cùng nhau tranh cãi. Các vị xuất gia lấy ba kiến làm đầu mà hưng khởi tranh cãi, cho nên ba đoạn văn bốn thủ thể trong quyển thượng và hạ của luận Du-già không đồng. Một là chỉ nắm lấy bốn thủ làm thể của bốn thủ. Hai là duyên tham của bốn thủ làm thể của bốn thủ. Ba là hoặc năng thủ, hoặc sở thủ, hoặc sở vi thủ, đều là thể của bốn thủ. Hiện tại luận này hợp chung các thủ, chỗ nói nghĩa riêng, do đó không có vấn nạn điều hại. So sánh với Biệt sao.

Hỏi: Nếu như thế tại sao kinh Thập Địa ghi: "Ái tăng trưởng gọi là thủ?"

Đáp: Dưới đây sẽ tự nói. Tuy trong thủ chi nhiếp các phiền não, nhưng thọ nhuận thù thắng mà nói là ái tăng trưởng, không phải không có hoặc khác, đây là thông với chủng tử và hiện hành. Kinh Thập Địa nói như đã dẫn chứng trong ái.

10. Hữu chi, tức là nắm lấy hiện hành trước và chủng tử của năm

quả là ái và thủ thấm nhuận rồi chuyển tên là hữu. Quyển 93 ghi: “Ái thủ hòa hợp thấm nhuận trước dẫn nhân chuyển tên là hữu, là chỗ nhiếp của nhân đang sinh khởi”. Đây là có hoặc chỉ có nói nghiệp, văn sau sẽ tự hiểu. Từ trên đến đây giải thích chỉ có chủng tử, do chủng tử của sáu pháp trước chuyển tên là hữu.

11. Sinh chi, tức là hiện hành của năm quả, lấy Dị thục của năm uẩn làm thể.

12. Lão tử chi, cũng như thế. Nhưng lão tử tức là sự biến diệt của năm uẩn trước, nhưng hai tên sinh và lão tử là đối với năm uẩn mà giả lạp tên, tức là Bất tương ưng hành uẩn. Hiện tại ở đây nắm lấy thật thể cũng là năm uẩn trước, ở đây không nắm lấy chủng tử vì chỉ có dẫn quả. Chủng tức là năm chủng chi trước, hoặc phỏng theo phần vị chưa nhuần trở về trước mà gọi là thức... năm chủng. Phần vị nhuận khắp trở đi đã có quả khởi gọi là sinh và lão tử cũng thông với chủng tử, không có ngăn ngại. Kinh Duyên Khởi ghi: “Sinh và dẫn đồng thời, tức là tuy nhuận khắp tổng chuyển tên là hữu, mà thức sinh quả vẫn gọi là dẫn, chỉ có nắm lấy hiện hành”, đến sau sẽ rõ. Sư Tát-bà-đa mỗi mỗi đều lấy năm uẩn làm tánh, như Câu-xá quyển 9, Bà-sa quyển 22, quyển 23 giải thích.

Môn thứ hai thuyết minh, chung, riêng, tên gọi, nghĩa được tên của chi. Phần đầu giải thích tên gọi chung:

Duyên khởi của danh này cũng gọi là duyên sinh. Quyển 56 ghi: “Không có chủ tể, thọ giả và tác giả. Không có tự tác dụng, không đắc tự tại, theo nhân mà sinh, nương gá nhiều duyên mà chuyển, vốn không mà hữu, hữu đã tan mất thì chỉ có chỗ hiển của pháp, năng nhuận và sở nhuận tùy theo pháp tương tục mà gọi là duyên sinh”. Đại luận quyển 10 ghi: “Do phiền não trói buộc, niệm niệm sinh khởi sinh vào các nẻo, cho nên gọi là Duyên khởi”. Đây là giải thích tên của chữ “y”. Lại nữa, giải thích là chữ y duyên và chữ khởi tức là giải thích tên này. Chỉ có mười hai chi Hữu lậu được danh này. Lại nữa, nương gá nhiều duyên mà mau chóng tàn diệt, dựa và sát-na giải thích thông với tất cả pháp. Lại nữa, nhiều duyên quá khứ mà không xả, đây là nương vào nghĩa mà giải thích tên. Hiện tại luận đây y theo giải thích này. Lại nữa, cho đến đối với đời quá khứ giác duyên tánh rồi đồng với tương tục mà khởi. Như Thế Tôn nói: “Ta đã giác ngộ rồi, đến lúc phải nói”. Triển chuyển truyền nói lại cho nên gọi là Duyên khởi. Giải thích này cũng được. Hợp chung có năm giải thích, không thể phiền dẫn ra hết. Quyển 56 ghi: “Nhân gọi là duyên khởi, quả gọi là duyên sinh” nghĩa là vô minh tùy

miên này không đoạn hữu cho nên vô minh đó trói buộc hữu, hữu này trói buộc sinh cho nên các hành chuyển kia như vậy cho đến lão tử cũng như thế. Nhưng trong năm chủng quả, lấy quả trước và quả sau mong nhau làm nhân duyên. Khi làm nhân thì không phải quả, khi làm quả thì không phải nhân, vì căn cứ theo nghĩa riêng khác. Tự ý trong Câu-xá luận của Thế Thân đồng với đây, cũng được tên riêng. Kinh Duyên Khởi ghi: "Các phần như vậy mỗi mỗi đều do tự duyên hòa hợp, không thiếu sự tương tục mà khởi gọi là nghĩa của duyên khởi". Giải thích tên chung đã xong, tiếp theo phân rõ tên riêng.

Danh nghĩa được tên, là nói vô minh không phải thuộc về Lục thích, vì không có nghĩa thể riêng đáng làm Lục thích. Ban đầu là lìa vô và thuyết minh giải thích riêng, sau đó hợp chung lại tổng giải thích, cho nên gọi là ly hợp. Cựu dịch nói: "Lục thích là vậy", nghĩa là Lục thích nương vào hai pháp để lựa riêng ly hợp mới có thể giải thích. Không giống như nhãn, tuy có hai chữ gọi là Chước-sô, nhưng thể một pháp không thể lựa riêng dụng với Lục thích này. Lục thích không giải thích khắp các pháp, như Biệt sao giải thích: "Hành, là ngay nơi thể mà hiển rõ danh, tạo tác là nghĩa của hành, cũng có công năng được xứng với liễu biệt gọi là thức. Xúc cảnh gọi là xúc, lãnh nạp gọi là thọ, đam nhiễm gọi là ái, truy dục gọi là thủ, hữu quả gọi là hữu, uẩn khởi gọi là sinh". Kinh Thắng Man, kinh Duyên Khởi, luận Du-già cũng có giải thích riêng đều đồng với hành, không thể dẫn riêng. Nói danh sắc là Tương vi thích, là danh đó cùng với thể của sắc mỗi mỗi đều khác, như nói năng lập và năng phá. Quyển 56 ghi: "Hỏi: Tại sao bốn Vô sắc uẩn gọi là danh? Đáp: Thuận theo các thứ nghĩa của sở duyên cảnh, hoặc nương ngôn thuyết danh phân biệt các thứ nghĩa của sở duyên cảnh, cho nên nói là danh. Hỏi: Tại sao sắc uẩn gọi là sắc? Đáp: Đối với các nơi chỗ kia, nghĩa gieo trồng tăng trưởng và nghĩa biến ngại do đó nói là sắc. Biến ngại có hai thứ cho đến nói rộng. Đã mỗi mỗi đều hiển rõ thể riêng cho nên là Tương vi thích, không phải danh thể tức là sắc, không phải sắc nương vào danh, vì sắc là sở hữu của danh. Sáu xứ là Đới số thích, xứ là nghĩa sinh trưởng môn, thể loại bất đồng có sáu chủng, ở đây có liên đới chữ "sáu" cho nên là Đới số thích. Lão tử là nghĩa biến dị, là nghĩa lão. Diệt không có nghĩa là tử, nghĩa trước là tướng khác, nghĩa sau diệt tướng, mỗi mỗi đều có chỗ tiêu biểu đã giống như danh sắc, cho nên là Tương vi thích. Không nói tướng khác mà nói lão là hủy bỏ hỏi vặn chữ "danh", cũng là Tương vi thích, vì lão tử khác nhau.

Môn thứ ba: Nguyên nhân thứ tự. Đại luận quyển 10 có ba chữ

"lại nữa" để giải thích:

Thứ nhất nói: Những người si chủ yếu trước hết ngu đối với các sự đáng nên biết mới khởi tà hạnh, vì khởi tà hạnh cho nên khiến tâm điên đảo, vì tâm điên đảo cho nên kết sinh tương tục, vì sinh tương tục cho nên các căn viên mãn, vì căn viên mãn cho nên thọ dụng cảnh, vì thọ dụng cảnh cho nên đam nhiễm mong cầu, vì đam nhiễm mong cầu cho nên phiền não được nuôi lớn, phiền não được nuôi lớn cho nên phát hậu hữu nghiệp, nghiệp được thấm nhuần cho nên quả năm nẻo sinh, sinh đã biến hoại thì lão tử sinh khởi, cho nên mười hai chi thứ lớp như vậy. Đây là phỏng theo năm quả đang sinh khởi làm nhân thứ lớp.

Thứ hai nói: Phỏng theo nhân duyên kiến lập mười hai hữu chi, trong sáu chi trước là nội thân duyên lập:

I. Hữu tình ưa xuất thế giảm duyên khởi tăng thêm bạch pháp.

II. Hữu tình ưa thế gian lập sáu chi trước.

III. Hữu tình ưa chấp cảnh giới lập sáu chi sau: Như luận kia giải thích rộng, cho nên mười hai chi thứ lớp như vậy. Hai pháp này cũng phỏng theo quả vị đang sinh mà nói thứ lớp của nhân, vì khi năm nhân chi của thức huân tập thì không có thứ lớp. Kinh Duyên Khởi ghi: "Trong một thời mà khởi thứ lớp tuyên thuyết".

Hỏi: Nếu như thế tại sao trong tịnh duyên khởi thì trước hết quán lão tử và nghịch quán duyên khởi?

Đáp: Y theo đạo lý trước sau của đế mà lập, như các xứ khác nói. Nhiễm trong đây là nương vào lân cận thứ lớp nhân quả hai đời mà nói. Cách qua một thân hoặc nhiều thân mà nói, tức là bất định. Tư thì cũng căn cứ theo đây mà biết, sau đây cũng phân rõ sơ lược.

IV. Nghiệp dụng chung riêng: Nghĩa là nghiệp dụng này có thể khiến cho hữu tình sinh tử lưu chuyển. Thể của sinh tử là sinh và lão tử. Mười chi trước có thể khiến cho sinh chuyển, đó là nghiệp chung dụng. Nghiệp riêng dụng, luận Đối Pháp ghi: "Vô minh có hai nghiệp: một là khiến cho hữu tình có ngu si, vì do vô minh che lấp cho nên đối với ba đời không hiểu rõ như thật mà khởi nghi quá khứ và vị lai. Hai là cùng với hành làm duyên, nói rằng do sức của vô minh khiến cho hậu hữu nghiệp được tăng trưởng".

Kinh Thập Địa ghi: "Vô minh có hai đoạn: một là si trong duyên khiến cho chúng sinh hoặc, tức là trước đối với hữu sở trí cảnh không hiểu rõ cho nên nghi ngờ. Hai là cùng với hành làm nhân". Đồng với luận Đối Pháp trước, ngoài ra cho đến lão tử, luận Đối Pháp phần hai nghiệp ghi: "Một là khiến cho thời phân của hữu tình biến dị, hoại có

chút ít thịnh. Hai là khiến cho thọ mạng của hữu tình biến dị hoại mạng căn". Kinh Thập Địa ghi: "Lão có hai đoạn: một khiến cho các căn thuần thục, hai cùng với tử làm nhân. Tử có hai đoạn: một là hoại thân năm Ấm; hai là vì không thấy biết cho nên khiến cho tương tục không đoạn". Nhưng luận Đối Pháp thì hợp chung lại làm pháp, luận Thập Địa thì khai mở ra.

Lại nữa, luận Đối Pháp phỏng theo lão tử không có nghĩa của quả cuối cùng, luận Thập Địa thì phỏng theo tử có quả mà làm luận, cho nên vì không có tri kiến mà tương tục không đoạn. Lại nữa, vì mười hai chi trước luận Thập Địa quyển thượng hạ đều đồng luận này, văn tuy khác chút ít, ý nghĩa đại khái đồng, không phiền dẫn ra.

Hỏi: Lại như phước nghiệp và bất động nghiệp trong hành lấy lực chánh giản trạch mà khởi, tại sao vẫn nói lấy vô minh làm duyên?

Đáp: Luận Du-già quyển 10 ghi: "Do không biết rõ thế tục khổ cho nên khởi phi phước hạnh. Do không hiểu suốt thắng nghĩa khổ cho nên khởi phước hạnh và bất động hạnh". Kinh Duyên Khởi cũng ghi: "Lại nữa, vì vô tri cho nên đối với phi đối trị mà khởi đối trị tưởng, tạo các phước hạnh hoặc bất động hạnh, cho nên lấy vô minh làm nhân sinh phước hạnh và bất động hạnh. Thế tục thắng nghĩa khổ, không phải là khổ khổ và hoại khổ gọi là thế tục, hành khổ gọi là Thắng nghĩa. Nếu như thế thì sắc và Vô sắc không có hoại khổ, hoặc cũng là mê thì kia lẽ nào chỉ phát khởi phi phước hạnh! Chỉ có thể tổng nói thế tục gọi là dị liễu tri gọi là thế tục khổ, tức là khổ ba đường, vì người kia không hiểu rõ cho nên tạo phi phước hạnh. Nan liễu tri gọi là Thắng nghĩa khổ, tức là nẻo thiện trời người. Thể của Thắng nghĩa đạo lý đều là khổ, thế tục khó hiểu cho là thiện thắng, vì mê đạo lý đó cho nên tạo phước hạnh và bất động hạnh. Như vậy cũng có hoại khổ, gọi là Thắng nghĩa khổ. Không thể phán phân nhất định là ba khổ phân ra. Như luận Đối Pháp quyển 7, Đại luận quyển 10, luận Hiển Dương phẩm Phá Khổ và Biệt sao nói.

Hỏi: Như kinh nói các nghiệp lấy tham, sân, si làm duyên, tại sao chỉ nói si?

Đáp: Trong đây nói chung phước, phi phước và bất động. Tham sân si duyên chỉ có sinh phi phước.

Hỏi: Chỗ phát khởi của tư trong hai nghiệp của thân và ngữ, nhưng hành cũng duyên hành, tại sao chỉ nói vô minh làm duyên?

Đáp: Y theo duyên phát tất cả hạnh mà nói, y theo tư duyên sinh thiện và nhiễm mà nói thì hành này như vậy, đã có hỏi và đáp rồi. Cho

đến lão tử hỏi đáp đều như thế, như Đại luận quyển 10 mỗi mỗi đều nói rộng, không thể phiền dẫn ra. Trong đây lại nói lân cận vô minh cùng với hành làm duyên, hoặc cách qua một chi hai chi làm duyên cho đến lão tử cũng như thế. Nhưng chi sau không phải duyên của chi trước, không phải làm cho đoạn chi trước mà tu chi sau, chỉ làm cho đoạn chi sau mà tu phát sinh chi trước.

V. Nhân quả sai biệt. Nhân quả này có năm thứ:

1. Đẳng khởi nhân quả, là các chi trước trước làm nhân, các chi sau sau làm quả. Trong mười hai chi, vô minh chỉ có nhân, lão tử chỉ có quả, còn lại thì cũng là nhân cũng là quả. Vô minh không có chỗ tùng theo, lão tử thì không có chỗ khởi. Đây là phỏng theo trong mười hai phân biệt, cho nên quyển 10 ghi: "Một chi đầu chỉ có nhân, một chi sau chỉ có quả".

2. Bổn mạt nhân quả. Vô minh, ái, thủ, ba thể này là phiền não, nghiệp khổ là gốc cho nên chỉ là nhân. Hai chi sinh và lão tử chỉ là quả thể, chỉ là khổ, quả của hoặc nghiệp, quả của năm chủng, các chi còn lại thì cũng là nhân cũng là quả, là quả của phiền não, là nhân của sinh và lão tử. Quyển 10 ghi: "Ba chi chỉ là nhân, hai chi chỉ là quả, các chi còn lại thì thông với nhân và quả. Lại nữa, sinh và lão tử chỉ có quả, vì là ngọn. Sáu chi trước cùng với ba chi ái, thủ, hữu là nhân, vì là gốc. Thọ thông với nhân quả, thông với gốc và ngọn". Quyển 10 ghi: "Sáu chi trước cùng với ba chi ái, thủ, hữu là nhân phần, hai chi sau làm quả phần. Thọ thông với hai chủng". Phần này có hai thứ, rộng như luận kia nói.

3. Dị thục nhân quả và phi Dị thục nhân quả, tức là thức... năm chủng và bảy pháp của sinh, lão tử là quả. Thức... năm chủng mong sinh và lão tử, tuy là khổ nhân, nhưng đối với hiện hành thì năm chủng cũng nói là hiện hành, tức là trong sinh vị và lão tử vị mà nói. Bảy pháp là quả Dị thục pháp cho nên cũng là chánh quả thể, ngoài ra năm chủng là nhân không phải Dị thục. Quyển 56 ghi: "Lại nữa, chỗ nhiếp của đời hiện tại quả là năm chi, và chỗ nhiếp của vị lai quả là hai chi, gọi chung là chỗ nhiếp Duyên khởi của quả, nên biết các chi còn lại là chỗ nhiếp Duyên khởi của nhân, cho nên luận Trung Biên quyển thượng ghi: "Có nhân tạp nhiễm và quả tạp nhiễm. Nhân tạp nhiễm là phiền não nghiệp phần, quả tạp nhiễm là các phần khác".

4. Chi đã thục và chưa thục nhân quả. Bảy chi trước là nhân cũng chưa thục; năm chi sau là quả, cũng đã thục, nghĩa là vô minh thục thì trở thành ái và thủ, vì ái và thủ là vô minh trước tăng trưởng. Hữu là

sáu pháp thục của hành, hai chi sinh và lão tử là chánh thục thời. Thục là thục biến; đối với nhân thời có năng dẫn và sở dẫn; đối với quả thời, có năng sinh và sở sinh, có giải thích như vậy. Ái, thủ và hữu là ba chi lân cận quả cho nên gọi đó là quả. Nếu như thế thì chánh sinh quả, tức là thức... năm chủng đáng lẽ cũng gọi là quả. Giải thích trước là thù thắng.

5. Chánh thục, phi chánh thục nhân quả, tức là mười chi trước là nhân, hai chi sau là quả. Hai chi sinh và lão tử là chánh thục. Đại luận quyển 9 và quyển 10 đều ghi: "Năng dẫn và sở dẫn đều là dẫn nhân, dẫn hai chủng quả của sinh và lão tử". Năng sinh là sinh nhân, vì do cận sinh sinh khởi. Hai chi sinh và lão tử là hai nhân quả, cho nên là thể của Chánh thục quả, tức là văn dưới của luận này nói mười nhân và hai quả. Hoặc phỏng theo đương sinh vị của năm quả mà nói tuy cũng là quả, nhưng hiện tại thuyết minh phân định thể bất thủ thì mười hai chi nhân quả trong đây mong lẫn nhau càng không có tăng giảm. Vô minh mong tự chủng tuy thành nhân quả, không phải chỗ thuyết minh ở đây, vì tự chi của nó nhiếp.

Sơ lược năm môn này nhiếp các kinh luận làm nghĩa của nhân quả thì càng không có tăng giảm.

VI. Chi lẫn nhau làm duyên bốn câu liệu giản.

Hỏi: Nếu pháp mà vô minh duyên đó là hành, hoặc là hành mà vô minh làm duyên phải không?

Đáp: Phải tạo bốn câu: câu thứ nhất là Vô lậu, Vô Phú vô ký hành; câu thứ hai là trừ hành ra, còn lại các chi khác; câu thứ ba là hành chi; câu thứ tư là Vô lậu thức. Như vậy cho đến thọ mong ái là bốn câu: câu thứ nhất là mong cầu giải thoát, y theo thiện ái mà xả các ái khác; câu thứ hai là chỗ sinh thị do vô minh xúc làm duyên, sinh trừ ái ra, còn lại các hữu chi khác; câu thứ ba là ái chi; câu thứ tư là khả tri, ái mong thủ làm thuận, câu đáp sau.

Nói thủ đều là thọ làm duyên, có ái làm duyên thì không phải thủ. Nói trừ thủ ra còn lại các chi khác, như vậy cho đến sinh mong lão tử đều thuận với câu đáp sau. Hoặc sinh là duyên không phải lão tử, là tật bệnh, oán tắng hội khổ... còn lại có thể biết. Như vậy mỗi mỗi đều như Đại luận quyển 10 giải thích rộng. Lấy sáu môn trên, tuy luận này có thể tánh môn thứ nhất, nhưng vì bốn nghĩa của năng dẫn nhiếp, văn thế thì lâu dài, nghĩa lý thì tản rộng, e rằng người học khó hiểu, cho nên trong luận này riêng tóm lược nêu ra thể. Chỗ thuyết minh về xứ của luận, gọi là năng dẫn, đến sau sẽ giải thích.

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 8
(PHẦN CUỐI)

VII. Năng dẫn sinh và sở dẫn sinh các luận đối chiếu và giải thích.

Luận: "Nhưng mười hai chi lược nhiếp làm bốn".

Thuật rằng: Từ đây trở xuống cho đến lão không phải quyết định có, phụ với tử mà lập chi trở lại, là năng sở dẫn môn. Luận tự có văn, không mượn huyền giải. Chỗ không có của luận, là tùy theo văn mà phụ nêu ra, tức là bốn phần. Thứ nhất trong năng dẫn, phần đầu chánh nêu ra thể để giải thích tên. Thứ hai là riêng giải thích lại.

Luận: "Một là năng dẫn chi", đến "chủng tử của năm quả".

Thuật rằng: Nói rằng vô minh hành, là đưa ra năng dẫn thể, có thể dẫn chủng tử năm quả của thức. Giải thích năng dẫn danh, tuy hai chi này cùng với sinh và lão tử làm dẫn nhân thể mà mười chi trước đều là nhân, không thể mong xa hai quả làm năng dẫn chi, chỉ mong chủng tử chỗ tăng gần gọi là năng dẫn.

Luận: "Vô minh trong đây", đến "thiện ác nghiệp".

Thuật rằng: Giải thích lại. Nói trong đây, tức là lựa riêng với nghĩa của chữ "trì", phân biệt như thường, trước hết giải thích vô minh, nghĩa là các vô minh, như kinh Thắng Man nói có năm Trụ địa, tức là kiến nhất xứ, dục, sắc, vô sắc hữu và Vô minh trụ địa. Bốn thứ trước là phiền não chướng, có thể phát sinh các nghiệp; thứ năm sau là Sở tri chướng không thể phát nghiệp. Hoặc nói phát khắp hết thân nghiệp và ngữ nghiệp thì chướng này cũng có thể. Phật Địa quyển 7 nói nếu sở phát nghiệp và quả sở đắc đều là Sở tri chướng, cuối luận này trong Đoạn phạm giới ngu của Địa thứ hai thì Sở tri chướng cũng có thể phát nghiệp, chỉ có tánh nhiễm ô là mong Bồ-tát và mong các pháp không nhiễm khác; phi thiện và bất thiện không thể chiêu gọi sinh khởi. Thủ của vô minh chi phát nghiệp là có thể phát khởi thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, cho nên trong năm vô minh chỉ có bốn pháp trước của thủ. Trong bốn pháp trước có thể phát

nghiệp là toàn Kiến đạo và một phần Tu đạo; không phát nghiệp là một phần Tu đạo. Trong phát nghiệp, có pháp có thể phát chung cả nghiệp chung và nghiệp riêng, có pháp chỉ phát báo chung, có pháp chỉ phát báo riêng. Thủ này gồm phát cả chung riêng và chỉ phát báo chung, bất thủ chỉ phát riêng. Trong đó lại có trợ chánh phát nghiệp, là lựa riêng trợ đều không phải là chi này. Vô minh này chỉ có thủ có thể phát chánh chiêu cảm nghiệp thiện ác đời sau, gọi là vô minh chi, chỉ phát chiêu cảm tổng hành xứ vô minh gọi đó là chánh, trong đó lấy kiến đạo và Tu đạo trong vô minh nào là chánh trợ, cho đến Đế nào tương ưng, cộng phân biệt hay bất cộng phân biệt. Kinh Duyên Khởi quyển hạ nói vô minh có bốn, đều nên theo đó mà nói.

Luận: "Tức là chỗ phát của nó mới là hành".

Thuật rằng: Tức là chỗ phát của nó cảm tổng ba nghiệp, mà gọi là hành.

Luận: "Do đây tất cả", đến "đều không phải hành chi".

Thuật rằng: Đây là lựa riêng các chỗ sai. Do đạo lý này, tất cả hiện báo nghiệp riêng và trợ đương nghiệp đều không phải hành chi. Tất cả hiện nghiệp đều chỉ có năng cảm báo riêng quả, cũng do văn này tức là chứng hiện nghiệp không cảm dẫn quả. Trong cảm đương nghiệp, riêng có một nghiệp chỉ cảm báo riêng, cũng không phải hành chi. Do đây tức là hiển nếu có một nghiệp chỉ cảm báo chung, lại có một nghiệp cảm chung cả chung và riêng đều thuộc về hành chi. Kinh Duyên Khởi ghi: "Bậc Thánh không tạo hậu hữu nghiệp". Luận Đối Pháp quyển 7 ghi: "Bậc Thánh không tạo nghiệp, vì không có Chân thật nghĩa ngu". Lại nữa, luận Du-già quyển 10 ghi: "Hữu chi không phải bậc Hữu học nhiếp, không phải báo riêng". Trong luận này có nói: "Học là giải thoát phần làm thể, từ sơ phát tâm trở đi đều không tạo hậu hữu dẫn nghiệp". Điều này cũng không đúng, tại sao vậy? Kinh Duyên Khởi quyển hạ ghi: "Nội pháp Dị sinh Bất phóng dật là chỗ có phước hạnh và bất động hạnh". Không phải vô minh làm duyên, là không khởi hiện hành tương ưng vô minh mà dẫn phát. Hoặc phóng dật là chỗ dẫn phát của ba chủng vô minh. Bất phóng dật, là lựa riêng đối với vô minh này, cho nên nói hành kia không phải vô minh dẫn phát, không phải chủng tử của vô minh kia không phát hành, được thành báo chung. Luận Đối Pháp quyển 7 ghi: "Có hai thứ ngu: một là Dị thục ngu, hai là chân thật nghĩa ngu". Do phát phước và bất động sau, ban đầu thì phát phi phước vì không có phước, bất động thì không phải là chỗ phát của vô minh. Nếu không như thế thì tại sao kinh kia ghi: "Ta nói chư Thánh hữu học không

tạo nghiệp mới, không nói nội pháp Dị sinh không tạo nghiệp mới?" Do đây nên biết Thuận giải thoát phần, Thuận quyết trạch phần thiện mới là tánh. Có thể trái nghịch với hữu còn có cảm với báo chung là vô minh và hành chi. Sinh đắc thiện pháp trong hai vị kia là hành chi cảm báo chung. Hoặc nói hai vị kia mới là thiện pháp không cảm báo chung, trong đây chỗ nói cảm báo chung nghiệp mới thành hành chi, cho nên kinh Duyên Khởi lại ghi: "Nội pháp không phóng dật thì hành không phải vô minh dẫn". Tuy nói cảm báo, nhưng chỉ có báo riêng nhân. Do đạo lý này, đã là chỗ có nghiệp thì không phải hành chi. Hiện tại chỗ có nghiệp cũng không phải là thể của hành. Nếu không như thế thì báo riêng có lỗi tương vi, vì chiêu cảm sinh tử không phải thù thắng, không phải chánh hành chi, không phải phi hành. Nếu không như thế thì trong một đời chỉ có chung hành kiêm riêng hành. Ngoài ra có thể cảm Dị thục báo riêng danh sắc chi. Đáng lẽ không phải hành chiêu cảm, do đó mà biết, chỉ có nghiệp riêng quả đã gọi là danh sắc. Thể của báo riêng nhân đáng lẽ gọi là hành chi, hoặc chánh Dị thục gọi là sắc chi, hoặc chỉ có báo chung, hoặc kiêm chung và riêng, hoặc kiêm danh sắc chi, chỉ có mãn quả cũng như vậy, hành chi cũng như thế. Chánh hành như báo chỉ có cảm báo chung, hoặc kiêm chung và riêng, hoặc kiêm hành chi chỉ có cảm báo riêng, các hành cũng vậy. Thánh không tạo nghiệp, phỏng theo chánh hành chi thì báo riêng tức là danh sắc, kiêm danh sắc chi nhiếp, cũng không có lỗi tương vi. Luận này chỉ nắm lấy chánh hành gọi là hành, kiêm hành thì không phải. Không riêng một mình có thể khiên dẫn hậu hữu báo, nhưng nghiệp là hành. Nếu không như thế tức là có lý hại như trước, cho nên trừ bỏ, đã như thế thì trái lại hiển năng phát. Hành kia chỗ có vô minh, không phải vô minh chi trong duyên khởi nhiếp, chỉ là chỗ tóm lấy của hữu phần huân tập.

Luận: "Hai là sở dẫn chi", đến "sở dẫn phát".

Thuật rằng: Nêu ra sở dẫn thể kiêm giải thích tên của nó. Điều này cũng có hai phần, như trước có thể biết, nghĩa là nội trong bản thức nêu ra thể, tức là bên trong bản thức của Thức thứ tám. Nói các hành trước là Tăng thượng duyên, chỗ phát nhân duyên của danh ngôn và chỗ huân tập khí, cận sinh chủng tử của năm quả vị lai, là hai chi trước quả Dị thục nhiếp. Thức... năm chủng là sở dẫn thể, tức là hiển chủng tử nhân duyên của đương quả. Thông với báo chung và báo riêng tức là toàn thức chi và danh sắc gồm phần ít ý xứ, xúc và thọ, là báo chung thể. Trừ Thức thứ tám và tương ưng pháp, còn lại đều là báo riêng, là sở dẫn phát của hai chi trước. Giải thích tên sở dẫn, năm chủng tử này

tuy là đương quả cận nhân duyên tánh chính là dẫn nhân, nhưng cận hành huân tập, từ năng huân hành nói là sở dẫn. Nói bản thức, là lựa riêng tâm và tâm sở có chủng tử của sư Kinh bộ, lại cũng lựa riêng với tự tánh, tuy là nhân sinh tử, nhưng không phải bên trong bản thức. Nói cận sinh, là lựa riêng riêng với tự nghiệp chủng và nghiệp của Tát-bà-đa làm nhân duyên, vì không phải cận sinh. Sở dẫn phát, có ba nghĩa giải thích, là bổn hữu, tân huân và nhị hợp dụng.

Luận: "Thức chủng trong đây", đến "tức là ba chủng sau".

Thuật rằng: Giải thích lại. Tựu trung có hai phần, phần đầu phân rõ năm chủng thể tánh ly và tạp. Điều này có hai đoạn:

1. Một là lìa tên của năm chủng gọi là thể riêng. Thức chủng trong năm chủng tức là nhân của bản thức, là nhân duyên chủng của A-lại-da thức, trừ sáu căn sau và ba chủng của xúc và thọ, còn lại sắc và nhân duyên chủng của bốn uẩn đều là chỗ nhiếp của chủng tử danh sắc. Sáu xứ sau gồm xúc chủng và thọ chủng, như là ba tên. Trong đề phòng vấn nạn và trái với văn luận, như trong phần nêu thể đã giải thích xong.

2. Hai là năm chủng tạp.

Luận: "Danh sắc chủng", đến "chung và riêng cũng vậy".

Thuật rằng: Danh sắc chủng của nó tổng nhiếp năm nhân, các luận đều nói là ngu uẩn tánh, trước đã dẫn chứng rồi. Trong đó tùy chỗ thù thắng mà lập, còn lại bốn chủng thì chấp trì thức là thù thắng, sinh thức thù thắng, xúc cảnh xúc thù thắng, lãnh nạp thọ thù thắng, do đó lập ra bốn chủng. Hoặc báo chủ thức thù thắng, thức y xứ thù thắng, thọ nhân xúc thù thắng, thọ cảnh thọ thù thắng, hoặc ái nhân thọ thù thắng, cho nên lập riêng bốn chủng, do đó còn lại tưởng... không lập chi riêng. Do sáu xứ này gọi là chung, vì nhiếp sáu thức giới. Thức chi là riêng, vì ý giới nhiếp, cũng do nghĩa thù thắng lìa riêng trong chung cứ theo đây cũng vậy. Đây là chung thứ nhất ly và hai tạp thể.

Luận: "Tập luận nói thức", đến "gọi là thức chi".

Thuật rằng: Một là giải thích hại nạn, trong đây có năm phần:

1. Một là tổng hợp Tập luận, hoặc năm sở dẫn.

2. Hai là làm năng dẫn.

Tại sao Tập luận gọi là thức năng dẫn? Ba và bốn có khác, Tập luận nói thức cũng là năng dẫn, cũng là hai chi trước làm phần thứ ba. Toại Trí cũng nói: "Nghiệp chủng trong thức gọi là thức chi, chủng tử trong thức thông với hữu hành thức, cho nên nói hành chủng lấy làm thức chi, là năng dẫn nhiếp". Nếu như thế thì thức chủng là chỗ nhiếp của pháp nào?

Luận: “Dị thục thức chủng là danh sắc nhiếp”.

Thuật rằng: Danh sắc thể rộng như trước đã nói.

Luận: “Kinh nói thức chi”, đến “đều gọi là thức”.

Thuật rằng: Hai là khế hợp Khế kinh.

Hỏi: Tập luận thì có thể như thế. Kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: “Thức chi này thông với năng dẫn và sở dẫn”. Thức này thông như thế nào?

Đáp: Kinh kia nói thông với năng dẫn và sở dẫn, nghiệp chủng và thức chủng đều gọi là thức, mỗi mỗi đều khác nghĩa mà nói, không phải quyết định tương vi, tại sao thức chủng không đồng chỗ nhiếp danh sắc của Tập luận?

Luận: “Thức là danh sắc y, không phải danh sắc nhiếp”.

Thuật rằng: Kinh nói thức chủng là sở y của danh sắc, vì không phải là danh sắc, tức là ngoài sắc ra mà riêng nói danh sắc. Hoặc toàn năm chủng gọi là sở dẫn chi, tại sao kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: “Một phần danh sắc, sáu xứ, xúc và thọ cũng gọi là sở sinh?”

Đáp: Nương vào chủng đang hiện hành cho nên nói như vậy, không phải nói rằng chủng tử tức là chỗ sinh của danh.

Hỏi: Nếu như thế thì thức chủng tại sao không nói?

Đáp: Đã nói chủng kia thông với năng dẫn và sở dẫn mà lược bỏ không nói thức có hiện hành. Lại nữa, nói danh sắc nhập thai mẹ, chỉ nói thức chi là chủng tử nhiếp.

Hỏi: Nếu như thế tại sao kinh kia cũng nói: “Thọ chi một phần gọi là năng dẫn chi?”

Đáp: Hiện hành thọ có hai phần:

1. Nội Dị thục thọ, kinh kia nói là sở sinh chi nhiếp, phỏng theo đương sinh vị gọi là năng sinh.

2. Cảnh giới thọ, là hay sinh ái cho nên kinh kia nói là năng sinh chi nhiếp, cũng không trái lý.

Quyển 93 ghi: “Một là lãnh thọ nội quả, hai là lãnh thọ cảnh giới. Do mê quả bên trong cho nên tạo các hạnh. Do mê quả bên ngoài cho nên phát sinh tham ái thấm nhuần dẫn nhân trước, cho đến nói rộng”. Do lý này chứng thật không trái nhau.

Hỏi: Năm chủng tử này làm sự huân và phát trước sau, là nhất thời huân phải không?

Đáp: Nhất thời huân.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao nói có trước sau?

Luận: “Thức... năm chủng”, đến “giả thuyết trước sau”.

Thuật rằng: Ba là giải thích chiết phục vấn nạn. Chiết phục vấn nạn như trước. Câu đáp này có hai phần. Trước là Thức... năm chủng do nghiệp huân và phát. Vị cảm chiêu tuy thật ra là đồng thời nhưng nương vào chủ và bạn khác nhau, cho nên giả thuyết trước sau. Không phải chủ bạn Dị thục trợ giúp cho bạn sinh. Ngay trong bốn pháp kia thì danh sắc là chung, vì thể tánh rộng; còn lại ba pháp là riêng, vì nghĩa dụng hẹp. Ngay trong ba pháp sau thì sáu xứ là thù thắng, vì là chỗ y của thọ, hai pháp còn lại thì yếu kém, vì nương vào xứ mà sinh. Ngay trong hai pháp sau thì xúc là nhân thù thắng, vì hay sinh thọ, thọ là quả thể, vì là chỗ sinh của xúc. Do năm chi này có các thứ như vậy trên mỗi mỗi tướng khác nhau mà chư Thánh giáo giả thuyết trước sau. Thể thật ra đồng thời. Trong đây ý muốn nói rằng, danh ngôn huân tập và phát sinh năm chủng này tuy có trước sau tạp loạn bất định. Đối với tướng sinh quả, chưa phân rõ tướng nào trước tướng nào sau. Do hành huân thức, chủng tử của nghiệp lực làm thành, khiến cho năm chủng tử nhất thời chuyển biến trong sinh lão vị có thể sinh tự quả. Hiện tại luận này cho rằng do hành tăng thượng sở phát mà nói là nhất thời, vì không phải danh ngôn huân tập thì chắc chắn là nhất thời. Đây là nương vào thật mà giải thích.

Luận: “Hoặc nương vào đương lai”, đến “nói có trước sau”.

Thuật rằng: Hoặc nương vào phần vị đương lai sinh khởi, hoặc nương vào phần vị hiện tại đã khởi mà có phần vị thứ lớp, nói năm chủng của nhân trước sau không đồng. Không phải khi hành huân tập và thật sinh quả có trước sau. Đây là nương vào phần vị, không phải thật thể.

Hỏi: Nếu thật năm chủng này chỉ là chủng tử, tại sao các Thánh giáo trong thức và danh sắc lẫn nhau làm duyên, cũng nói hiện hành?

Luận: “Do thức này”, đến “nghĩa của hiện hành”.

Thuật rằng: Bốn là tổng hợp vấn nạn hiện hành. Hiện tại là đáp, do đây nên khởi lý. Năm chi của thức, luận Thập Địa, luận Đối Pháp cũng nói hiện hành, vì tại nhân thời quyết định không có nghĩa hiện hành. Kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: “Thế Tôn! Do duyên gì mà chủng tử của danh sắc trong Dị thục thức đồng thời dẫn phát, mà lại nói có thứ lớp trước sau?” Thế Tôn bảo rằng: “Nó đối với đương lai trước sau thứ lớp mà sinh khởi”. Như vậy mà nói chính là cùng với đây đồng.

Hỏi: Nếu ban đầu khi huân tập chưa thể hiện khởi thì tại sao kinh Duyên Khởi quyển thượng nói sinh và dẫn đồng thời?

Luận: “Lại nữa do thuyết này”, đến “chắc chắn không đồng thời”.

Thuật rằng: Năm là tổng hợp vấn nạn đồng thời. Lại do lý này, kinh nói sinh và dẫn đều là đồng thời, làm sao biết được đối với đương khởi vị mà nói đồng thời?

Đáp: Khi mới huân chưa có thể hiện khởi, khi nhuần hoặc chưa nhuần thì chắc chắn không đồng thời. Nói rằng khi mới huân thì các ái chưa nhuần, tuy trải qua tám vạn kiếp, cuối cùng không sinh quả. Ái sau nhuần mới sinh hiện hành, hoặc khi mới huân thì liền có thể sinh hiện hành, đáng lẽ sơ huân vị thì liền có ái.

Hỏi: Nếu như thế tại sao tạo khi nhuần thì khác nhau?

Đáp: Do nhuần và chưa nhuần thì chắc chắn không đồng thời. Đối với đương khởi vị mới nói sinh và dẫn thừa nhận có đồng thời, thể của nó là một. Vị riêng thuyết cho nên có sinh và dẫn khác nhau, nhuận duyên của nó hợp chung, có thể được tên hai nghĩa của sinh và dẫn, tức là sáu chủng của hành, tên gọi riêng là dẫn, tên gọi chung là hữu. Kinh cũng không nói quyết định là đồng thời.

Hỏi: Nếu như thế tại sao trước nói dẫn của nó, sau nói sinh của nó?

Đáp: Khi nhuần đã sinh, tuy không có trước sau, nhuần vị và chưa nhuần vị trước sau quyết định khác nhau, chắc chắn trước có dẫn, sau có sinh, cho nên nói dẫn ở trước sinh ở sau. Kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: “Thế Tôn bảo rằng, năng dẫn và sinh chi trong nhất thời mà khởi thứ lớp để tuyên thuyết”. Phải do có dẫn sau đó có sinh, hoặc mong sự xa gần của sở sinh quả.

Luận: “Ba chi năng sinh”, đến “sinh và lão tử”.

Thuật rằng: Văn trong đây có hai, như chỗ giải thích trên. Nêu ra thể của ái, thủ và hữu. Hiện tại luận này lấy ba pháp làm năng sinh thể. Sinh và lão tử của cận sinh đương lai là để giải thích tên của sinh, tuy hai chi ái và thủ cũng có thể nhuần sáu dẫn nhân thể trước gọi là năng nhuận, lấy cận đương sinh quả chỉ nói năng sinh. Đây là giải thích tên gọi, phần thứ nhất là chung, thứ hai là giải thích lại, tựu trung có ba đoạn, đoạn đầu là ở trước.

Luận: “Nói rằng duyên mê bên trong”, đến “chủng năm quả đã xong”.

Thuật rằng: Đây là đoạn văn trước. Nghĩa này có ý nói, tiếp theo dẫn thọ trước có hai chủng, là nội Dị thục thọ và ngoại cảnh giới thọ. Khi thọ nội Dị thục, do mê nội quả Dị thục vô minh, không biết hai

khổ, cho nên tùy theo chỗ thích đáng tạo ra ba chủng hành là Tăng thượng duyên mà dẫn khởi đương lai sinh và lão tử vị. Năm quả nhân duyên chủng của thức đã nói xong. Thứ hai là chánh giải thích tướng của nhuận sinh.

Luận: "Lại y theo mê ngoại", đến "bốn thủ của dục".

Thuật rằng: Lại y theo mê ngoại cảnh mà tăng thêm quả ngu, lấy cảnh giới thọ làm duyên phát khởi tham ái phiền não, duyên ái lại sinh bốn thủ của dục. Bốn thủ là dục thủ, kiến thủ, giới thủ và ngã ngữ thủ, lại như Xu Yếu giải thích.

Luận: "Ái thủ hợp với nhuận", đến "sau đó có quả".

Thuật rằng: Hai hòa hợp này thấm nhuần nghiệp trong năng dẫn và năm chủng của nhân sở dẫn chuyển gọi là Hữu. Tại sao lấy tên là Hữu? Vì sáu chủng này có thể gần với hữu mà sinh, sau đó có quả. Tổng này có ý nói khi thọ nội Dị thục, do không hiểu rõ nội thế tục khổ cho nên khởi phi phước hạnh. Tướng của khổ thô hiển có thể dễ hiểu biết. Gọi là thế tục khổ vì không thể hiểu rõ nội Thắng nghĩa khổ, vì khởi phước hạnh, bất động hạnh và quả tướng khổ của trời người không phải thô hiển, bậc thắng giả thì biết khổ gọi là thắng nghĩa khổ làm duyên dẫn phát ngũ chủng danh ngôn. Tuy mê hai khổ không đồng, nhưng tổng quát là mê nội Dị thục mà khởi nghiệp. Sau khi thọ cảnh giới, do không thể hiểu rõ cảnh sở tri, khi khởi nhiễm thọ thì ái tăng trưởng. Hợp chung với sáu chủng trước chuyển gọi là hữu. Như nước nhuận chủng tử, chủng tử gần quả thì sinh. Chữ duyên trong đây là nghĩa nhờ dựa vào và nghĩa thế lực. Do si cho nên tạo hạnh, hạnh có thế lực cho nên khiến cho chủng tử danh ngôn có thể sinh quả hiện tại, nếu không như thế thì danh ngôn chủng tử này của Dị thục chưa được sinh quả. Sau đó lại do thế lực của ái khiến cho chủng tử trước cận sinh với quả hiện tại. Tuy riêng thân khởi nghiệp, riêng thân khởi ái, tùy nghiệp thù thắng, do quả của lực phiền não tức là cận sinh. Thế lực cũng như thế, không phải do nghĩa riêng, hai ngu trong đây tùy tăng thượng nghĩa mà nói. Theo thật tế thì mê nội cũng được nhuận sinh, vì toàn cõi phiền não tương tục sinh tử. Mê ngoại cảnh giới ngu cũng có thể phát nghiệp, vì truy cầu Dục cảnh khởi bất thiện. Vì kiến ngu và tu ngu của nội ngoại khác nhau, tùy theo tăng mà phân làm hai, cho nên hai hoặc dưới đây đều thông với phát và nhuận.

Luận: "Có chỗ chỉ nói", đến "quả Dị thục".

Thuật rằng: Ba là tổng hợp các luận. Như luận Du-già quyển 10 ghi: "Mười hai chi này không có nhân duyên, vì y theo chỗ nhiếp của

tăng thượng mà sinh khởi nhân". Luận đó quyển hạ lại ghi: "Nghiệp do thủ nhiếp gọi là thắng phần hữu". Các luận không phải một, đây phần đầu tổng hợp các luận kia, chỉ tổng nói là "có chỗ" chỉ nói nghiệp chủng gọi là hữu, chủng này có thể chánh cảm quả Dị thục. Năm chủng tuy là chánh nhân năng sinh nhưng không có lực chánh cảm, cho nên không gọi là hữu. Do đó quyển 10 gọi là Thắng phần hữu. Kinh Bản Địa quyển 5 và quyển 38 ghi: "Sinh khởi nhân và năng sinh nhân nhiếp nhân duyên làm tánh, tức là chỉ có năm chủng, không nói nghiệp chi. Tại sao trong đây cũng nói nghiệp hữu? Tiếp theo là tổng hợp văn này.

Luận: "Lại nữa, có luận chỉ nói", đến "chủng tử của thức".

Thuật rằng: Thức... năm chủng, luận kia gọi là hữu, là chủng tử năm pháp của cận sinh đương lai thức. Chánh nhân có thể sinh cho nên không nói nghiệp, ở đây đều nói thiên về các điều sai quấy mà cho là thật thể. Quyển 10 lại ghi: "Toàn phần hữu, là nghiệp và thức cho đến chủng tử mà thọ có, do thủ nhiếp mà nói là hữu, đây là nói hữu xứ. Văn của các kinh luận thì nhiều cho nên không riêng nêu ra.

Luận: "Bốn sở sinh chi", đến "cận sở sinh".

Thuật rằng: Có hai pháp như trên. Nói rằng sinh và lão tử là nêu thể của nó, vì ái và thủ có cận sở sinh. Giải thích sở sinh, tuy cũng có năng dẫn và sở dẫn đắc trước, nhưng không gọi là dẫn quả. Sở sinh cũng đáng lẽ như thế, nhưng cận làm sinh của ái trước chỉ gọi là sở sinh không gọi là dẫn quả. Tóm lại là quả của hai nhân sinh và dẫn. Nhưng cận nhân sinh thành danh này, tóm lại phần thứ nhất nêu thể để giải thích danh.

Luận: "Nói rằng từ Trung hữu", đến "mà gọi là tử".

Thuật rằng: Hai lớp giải thích phần vị của sinh trước. Nói rằng từ thân Trung hữu mới sinh trở về sau đến trong bản hữu, tùy theo mạng dài ngắn, chưa suy biến đến nay, đều là sinh chi nhiếp. Các suy biến vị tùy theo thời gian nhiều ít mà tâm và sắc đều suy, gọi chung là lão. Thân hoại mạng chung nhập và diệt tướng vị mới gọi là tử. Diệt tướng của Đại thừa thì tại quá khứ, do đây ngay khi chết thì gọi là tử chi. Kinh Duyên Khởi cũng ghi: "Có năm vị sai biệt là hạ chủng sinh, tiệm tăng sinh, xuất thai sinh, tiệm trưởng sinh và thành trưởng sinh". Năm suy là kế phát suy, thân tướng suy, tác nghiệp suy, thọ dụng suy và mạng căn suy, gọi là lão, là thọ lượng sắp hết, lân cận với cái chết. Có sáu thứ chết:

1. Cứu cánh tử.
2. Bất cứu cánh tử.

3. Tự tướng tử.

4. Phân sai tướng riêng bất cứu cánh tử.

5. Phân sai tướng riêng cứu cánh tử.

6. Thời phi thời tử.

Ở đây lấy tự tướng tử cho là thức lìa thân, như kinh kia nói rộng. Đại luận quyển 10 và quyển 84 đều có giải thích riêng biệt, không phiền dẫn ra. Thân Trung hữu trong đây do sinh chi nhiếp. Là ái nhuận đã có quả khởi, đây là y theo phần vị, hoặc nói thức hiện hành, cũng là chỗ nhiếp của thức. Trong quyển 56 ghi: "Thức, danh sắc và sáu xứ làm dẫn nhân y xứ; sáu xúc và Thọ làm sinh nhân y xứ, như luận kia rộng giải thích, đối với luận này không trái nhau.

VIII. Phế lập và tăng giảm giải thích các vấn nạn và điều hại.

Hỏi: Vô minh lấy pháp nào làm nhân? Vô nhân đáng lẽ hữu thủy, Hữu nhân đáng lẽ vô cùng?

Đáp: Lấy tác ý bất như lý làm nhân, tại sao không nói? Luận Du-già quyển 10 ghi: "Nó chỉ có bất đoạn nhân không phải tạp nhiễm nhân, y theo nhiễm nhân mà nói chi". Lại nữa, vô minh tự tánh của nhân là nhiễm, bất như lý tác ý thì tự tánh không phải nhiễm, không thể nhiễm vô minh, mà vô minh nhiễm nhân cho nên không nói. Lại nữa, sinh tạp nhiễm là chỗ huân phát của nghiệp phiền não, nghiệp phiền não đó lấy vô minh làm nhân, không nói vô minh lấy bất như lý làm nhân. Kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: "Hỏi: Nếu vô minh cũng duyên tác ý phi lý thì tại sao không nói? Phật đáp: Vô minh cũng dẫn tác ý phi lý cùng với hành làm duyên". Lại nữa, từ xúc và thọ do vô minh sinh, làm duyên sinh ái, do đó không nói, tức là do vô minh thù thắng cho nên nói thiên về nó.

Hỏi: Lão tử có quả hay không? Nếu không thì đáng lẽ sinh lão đáng lẽ hữu chung, nếu có thì đáng lẽ vô cùng? Điều này cũng nên nói chứ?

Đáp: Có, là ưu bi khổ não. Kinh Thập Địa ghi: "Khi tử biệt ly thì tâm tham trước của người ngu sầu bi gọi là ưu, khóc than to tiếng là bi, năm căn tương đối gọi là khổ ý căn tương đối gọi là ưu, ưu bi chuyển thêm nhiều gọi là não. Đại Bát-nhã tân dịch cũng ghi: "Lão tử sầu than khổ ưu não".

Hỏi: Tại sao không nói?

Đáp: Nghĩa duyên khởi thuận sinh tử lưu chuyển năm nẻo, ưu bi ly tán, hành tướng đề cao, vì không thuận lưu chuyển cho nên không nói. Đây là cựu nói, cùng với Tiểu thừa đồng, như Bà-sa quyển 23, quyển

24. Hiện tại luận này lại giải thích: “Lập chi cần phải định hoặc biến khắp, sầu than khổ ưu não này không biến cũng không định, cho nên không phải chi.

Hỏi: Tác ý phi lý lấy pháp nào làm nhân? Ưu bi lấy pháp nào làm quả?

Đáp: Đây là hiển nhân quả luân chuyển vòng tròn cho nên không cần nói, tức là ảnh hiển đã đầy đủ. Tại sao ảnh hiển? Nghĩa là do hoặc sinh ra hoặc nghiệp, từ nghiệp sinh ra các sự, từ sự sự mà sinh ra hoặc, lý của hữu chi chỉ có như vậy. Lấy chủng của năm quả y theo đang khởi mà nói thì cũng được nói là có trước sau, như thọ sự sinh ái, hoặc hiển vô minh chi do lão tử trước sinh, như ái sinh thủ. Hiển vô minh sau cũng do vô minh trước sinh.

Hỏi: Nếu như thế tại sao không nói vô minh làm nhân của vô minh?

Đáp: Do tự thể của vô minh tạp nhiễm, nếu không có các duyên khác thì không thể tăng trưởng, vì không có tổn giảm cho nên không nói làm nhân. Do đây cũng hiển lão tử có quả, cho rằng vô minh nhân, như thọ sinh ái, tuy biết phát và nhuận thể của hoặc không đồng, là quả Đẳng lưu của nó cho nên lấy làm ví dụ, không phải như vô minh của Tiểu thừa lấy năm uẩn làm duyên để khởi chi. Ái... cũng như thế, các hoặc làm ví dụ cho nhau. Lại nữa, hiển để phá hai ngu thường và đoạn của nó, nghĩa là ngu hiện tại không có nhân cho nên nói mười ngu của đời trước, hiện tại không có quả sau cho nên nói hai ngu của vị lai. Tuy có nhân của các đời trước, tức là biết hiện tại thọ sinh ái, biết vô minh là chỗ sinh của lão tử. Lão tử vị lai có thể sinh nhân quả của vô minh không dứt. Chỉ có mười hai chi cho nên không nói vô minh nhân và lão tử quả. Không phải hai pháp kia đều không có quả và nhân, do đó cũng không phải có lỗi vô cùng. Đây là các phế và lập. Chỗ thêm ngoài văn, từ đây trở xuống trình bày lập y theo văn tự có.

Hỏi: Sinh và lão tử chi là ba tướng phải không? Nếu là tướng thì tại sao không nói trụ làm chi? Lại nữa, diệt tại quá khứ, thể của nó thì không có, lẽ nào thể của duyên khởi chi thông với vô pháp? Nếu không phải tướng thì đã không phải tướng của sinh thì đây là pháp nào sinh?

Đáp: Là ba tướng nhiếp, vấn nạn sau khéo giải thích. Vấn nạn trước thế nào? Vì duyên khởi chi là nghĩa lưu chuyển, trụ thì không thuận với lưu chuyển cho nên không nói làm chi. Lại nữa, trụ cũng tràn qua Vô vi cho nên không nói. Nói duyên khởi là tướng Hữu vi, sinh lão tức là sinh dị, chỉ có không phải diệt tướng, diệt tướng là vô, Hữu pháp mới

là Duyên khởi chi. Nói duyên khởi chi phỏng theo tương tục mà lập, tức là chánh khi thời gian cuối cùng của tử, và chính khi sắp chết thuận với giai vị của tử, gọi chung là tử chi, cho nên không làm ví dụ. Thể của diệt tướng không có, chỉ có quá khứ mà lập, cho nên không làm ví dụ.

Hỏi: Nếu như thế thì các luận thuyết một thời kỳ bốn tướng cho là y theo tương tục thì tử và diệt có khác gì nhau?

Đáp: Thời kỳ một sát-na, thời phần tuy khác, y theo thế gian mà lập tướng, nghĩa đó là đồng. Phải y theo quá khứ mới lập diệt tướng, chỉ tiêu biểu pháp này sau đó thì không có. Không phải thể của diệt tướng trong một thời kỳ tức là tử chi, vì tử chi này hiển khi sắp chết, tuy chỉ là giả, y theo thế gian thì không đồng, nhưng y theo diệt tướng để lập tử chi, để khiến cho sinh chán, cho nên y theo ba tướng mà lập ba chi.

Hỏi: Nếu sinh và lão tức là tướng của sinh thì hai chi sau này đáng lẽ là hành uẩn nhiếp?

Đáp: Lấy ba tướng kia để hiển ba chi này, không phải ba chi này là chỉ có ba tướng, vì thể của ba chi tức là hiện hành năm uẩn, danh nương vào tướng mà lập. Thể thật ra có khác, như xúc xứ tử, không phải là diệt tướng, chỉ là giải thích chi tiết chánh lúc sắp chết, là tử xúc, lẽ nào gọi thể của tử là diệt tướng. Do ba chi này tuy nương vào diệt tướng lập tên của nó mà khiến cho sinh chán, thể không phải là diệt tướng, chỗ nhiếp của ba tướng.

Hỏi: Tại sao các chi mỗi mỗi đều riêng nhau mà lập, chỉ có lão và tử hợp chung lại mà lập?

Luận: "Lão không phải quyết định có, dựa vào tử mà lập chi".

Thuật rằng: Dưới đây luận phế và lập có bảy phần, đây là phần thứ nhất. Tạp Tập luận ghi: "Nguyên nhân lão tử hợp chung lại lập chi, là hiển thị lìa lão thì được tử, không phải trong thai sinh thân. Lìa danh sắc thì được có sáu xứ, do đó mỗi mỗi đều riêng lập chi".

Luận: "Bệnh tại sao không phải chi?"

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi. Lão chi không quyết định có khắp, dựa vào tử mà lập chung, bệnh cũng không quyết định, đáng lẽ hợp chung mà lập chi, cho nên trong luận hỏi rằng bệnh tại sao không phải chi?

Luận: "Vì không khắp định".

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp. Nói bệnh pháp này không phải không khắp ba cõi và năm nẻo, tùy chỗ thích ứng mà có trong thú và giới, cũng không quyết định có, như Tôn giả Bạc-câu-la tuổi hơn tám mươi mà chưa từng bệnh hay có tật nhỏ, cho nên không lập chi.

Luận: "Lão tuy không định có khắp, do đó lập chi".

Thuật rằng: Nhưng lão pháp này không giống như bệnh pháp, tuy không quyết định tất cả hữu tình đều có, nhưng khắp cnẻo ác và giới cho nên lập làm chi. Bệnh không quyết định có khắp, cho nên không lập.

Hỏi: Tại sao biết được? Các sắc và Vô sắc cũng có lão hay sao?

Luận: "Các giới thú sinh", đến "hạnh suy yếu".

Thuật rằng: Giới thú sinh đều có suy yếu, không phải trúng yểu, khi lâm chung khác với căn trước và thức suy yếu, cho nên là khắp thú được lập làm chi. Trừ ra người trúng yểu là để hiển không quyết định có khắp. Luận Du-già quyển 13 ghi: "Hỏi: Tại sao nên biết cõi trên có sai? Đáp: Các hành đó có tánh suy yếu hủ bại". Chính cùng với đây đồng.

Luận: "Danh sắc không khắp tại sao lập chi?"

Thuật rằng: Đây là câu hỏi thứ hai về từ ngữ. Hoặc do khắp cho nên lão được lập chi, bệnh không khắp cho nên không được lập chi. Danh sắc không khắp, tại sao lập chi? Nói rằng chỗ nào có danh sắc thì chỗ đó không khắp. Tại sao lập chi?

Luận: "Định cho nên lập chi", đến "định có danh sắc".

Thuật rằng: Đây là ngay nơi ý của tông khác mà đáp cho nghĩa này, nghĩa là tuy không khắp định cho nên lập chi, tùy theo thú sinh của nó chỗ thích đáng hữu xứ thì quyết định có. Bệnh thì bất định không thể làm ví dụ, nghĩa là trừ hóa sinh ra thì thai sinh, noãn sinh và thấp sinh cho đến sáu xứ chưa mãn trở lại, định có danh sắc. Không phải ba thứ sinh này có mà bất định, cho nên danh sắc này cũng được lập chi, do đó quyển 93 và quyển 9 ghi: "Hai thứ thấp sinh và noãn sinh, trừ ra trong bụng mẹ, ngoài ra là như thai sinh lần lượt đều có, cho nên là định". Hữu tình có sắc ở tại cõi Sắc và cõi Dục thọ hóa sinh, khi mới sinh các căn viên mãn cùng với các sự sai biệt khác, cho nên không khắp.

Hỏi: Tại sao trong đây nói ba thứ sinh đều có thứ lớp? Luận Du-già quyển 10 trong giải thích sinh chi nói xuất hiện là thế nào? Nghĩa là đối với thân phần chậm khởi của hai loài thấp sinh và hóa sinh?

Đáp: Theo thật tế thì chỗ có các căn của loài thấp sinh là thứ lớp sinh khởi. Quyển 93 nói trừ trong bụng mẹ như thai sinh thì ở đây là nói thấp sinh cũng chậm khởi, tức là thân chi, nghĩa là thấp sinh và hóa sinh khi mới sinh chắc chắn có tay chân, thân chi khởi chậm, cùng với thai sinh và noãn sinh khác nhau, không phải nói rằng các căn đều được chậm khởi, cho nên văn của luận kia và luận này không trái nhau. Phần có nghĩa là chi.

Luận: “Lại nữa, danh sắc chi”, đến “chưa gọi là sáu xứ”.

Thuật rằng: Dưới đây phần thứ hai y theo chánh lý mà đáp. Nguyên nhân lập danh sắc chi này cũng là khắp ba cõi. Nếu như thế thì tại sao Hữu sắc hóa sinh thì ban đầu là sinh căn đầy đủ? Ở trong sơ vị của hữu cõi Sắc hóa sinh, tuy có đủ năm căn, nhưng năm căn này cũng vẫn chưa có ứng dụng, chỉ gọi là danh sắc, vì lúc đó chưa gọi là sáu xứ chi. Nói rằng các căn đầy đủ thì có dụng minh lợi, nhưng cũng chưa sinh xúc, chỉ gọi là danh sắc, không gọi là sáu xứ, cho nên danh sắc chi cũng định mà cũng khắp. Quyển 93 tuy nói hóa sinh khi mới sinh thì các căn đầy đủ, không nói hóa sinh không có danh sắc chi, do đó mà làm giải thích này.

Hỏi: Nếu như thế khi mới sinh không có sắc, chỉ có ý xứ thì tại sao có danh sắc?

Luận: “Mới sinh không có sắc”, đến “chưa gọi là ý xứ”.

Thuật rằng: Nó khi mới sinh gọi là danh sắc nhiếp. Quyển 93 ghi: “Hữu tình thức không có sắc, nương vào chủng tử của danh và sắc, chủng tử của danh sắc nương vào thức mà chuyển, cho nên biết cõi Vô sắc cũng có danh sắc chi, ý thì không có ứng dụng cho nên không gọi là sáu xứ”.

Luận: “Do đây luận nói”, đến “hai cõi trên đều có”.

Thuật rằng: Do đây luận Du-già quyển 10 ghi: “Mười hai hữu chi, tất cả và một phần trên hai cõi trên đều có”. Nếu không có danh sắc thì không phải tất cả. Kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: “Nếu chỉ có danh, đều không có sắc thì điều này có lỗi gì!” Phật nói: “Nếu trong một đời chỉ có danh đó, không nương vào sắc mà trụ, tương tục sinh khởi thì không xứng lý. Nương vào có sắc thân mà hiện khởi sắc ngữ, hoặc chủng tử của sắc cũng gọi là sắc”. Quyển 93 ghi: “Tên của cõi Vô sắc cùng với chủng tử của sắc làm sở y của thức, vì Địa đó chưa diệt báo sắc chủng. Chủng tử của báo sắc không phải là cõi trói buộc của nó, cho nên dị giới sắc này là sở y của dị giới danh. Lại nữa, định của cõi đó là chủng tử sở hữu sắc, cũng được làm sở y của danh, lý cũng không có lỗi.

Luận: “Ái không phải có khắp”, đến “vì không ái cõi đó”.

Thuật rằng: Đây là câu hỏi thứ ba. Nếu như thế thì ái không phải có khắp, lẽ nào lại riêng lập chi? Thế nào cho rằng không phải khắp, là vì sinh vào nẻo ác, không ái cõi đó, cho nên không phải khắp. Kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: “Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ nói ái cùng với hữu làm duyên, không duyên với thủ thì hữu này có lỗi gì? Thế Tôn đáp:

Mong cầu gọi là ái, đối với nẻo ác nguy hiểm không có mong cầu, nhưng do chỗ tạo phi phước hạnh, tuy cầu nẻo thiện mà kết quả lại nghịch sinh. Quả đó không phải phước quả, lẽ nào lại duyên với ái!" Lại nữa, như chỗ nói không có ái là không có mong cầu, vì cầu không có thời, do trước tạo phước hạnh và bất động hạnh mà quả sinh trái nghịch. Hai quả này sinh cũng không duyên ái.

Luận: "Định cho nên lập riêng" đến "vì định có ái".

Thuật rằng: Đây là tuy theo người ngoài mà đáp, không phải là hết lý. Thế nào gọi là định? Không có mong cầu thì không có hậu hữu, nương vào thắng thiện hạnh mà sinh nẻo thiện, vì định có ái. Nói rằng chỉ trừ mong cầu kia không có hậu hữu thân và sinh ngoài nẻo ác, vì định có ái sinh cầu không có hậu hữu, không mong cầu hậu hữu mà khởi ái. Sinh nẻo ác cho nên không ái chỗ sinh đó, trừ ra nẻo ác này thì ái là nhất định có.

Hỏi: Nếu như thế thì Thánh giáo nói quả Bất hoàn hiện tại không có ái nhuận, nói định có ái thì lẽ nào không trái nhau?

Luận: "Bất hoàn nhuận sinh", đến "định có chủng tử".

Thuật rằng: Quả Bất hoàn đó sinh và Địa khác, vì nhuận sinh tuy không khởi ái, nhưng đối với thủ chi của tự thân đó thì định có chủng tử, cho nên cũng gọi là định. Bất hoàn kia không những không có hiện ái, cũng không có hiện thủ, vì có chủng tử của thủ. Nhưng được nhuận sinh thì đã thủ gọi là định. Ái làm ví dụ cũng như thế, cho nên như thủ và ái kia, định cũng có chủng tử.

Từ đây xuống phần thứ hai y theo chánh lý mà giải thích.

Luận: "Lại nữa, ái cũng khắp", đến "cũng có ái".

Thuật rằng: Người sinh vào nẻo ác, tuy họ không ái thích thân và xứ đang sinh, đối với thân ngã hiện tại và cảnh hiện tại cũng khởi ái, cho nên sinh vào nẻo ác có ái nhuận sinh.

Luận: "Y theo không mong cầu", đến "không phải nó toàn không có".

Thuật rằng: Tổng hợp các kinh trái nhau. Kinh Duyên Khởi quyển thượng y theo ái không có mong cầu và thân đang ở trong nẻo ác, nói rằng sinh nẻo ác không có ái khởi. Không phải sinh nẻo ác đó mà các ái hoàn toàn không có hiện ái.

Luận: "Chỗ sinh ra duyên nào?", đến "năm chi của thức".

Thuật rằng: Đây là câu hỏi thứ tư. Duyên quả nào hợp chung lập sinh và lão tử? Đối với sở dẫn vị mà riêng khai lập năm chi của thức, tuy chủng và hiện khác nhau nhưng thể thì không khác, cho nên hỏi

tương đối.

Luận: "Nhân vị khó biết", đến "lập riêng năm chi".

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp, phần đầu là tổng văn. Nói rằng năm chi của thức chính là tại nhân vị, tướng sai biệt khó hiểu rõ, mà nương vào vị đương sinh riêng lập nhân chi làm năm thứ.

Luận: "Nói rằng khi tương tục sinh", đến "lập nhân làm năm thứ".

Thuật rằng: Đây là nói rộng các pháp trước, nghĩa là đối với đương lai khi mới sinh thì quả thức mới khởi, tức là nhân và thức tương hiển, vì quả mới sinh khiến cho ứng dụng của chủng thức hiển hiện, gọi là nhân thức tương hiển, tức là sát-na đầu tiên, hoặc nói bảy ngày. Tiếp theo sau thức vị là khi năm căn chưa đầy đủ trở lại, lúc đó danh sắc của quả dấy khởi khiến cho tướng mạo danh sắc của nhân tăng trưởng, vì khi quả hiển thì khiến cho nhân tăng trưởng, tức là hai mươi tám ngày trở về trước, trong đây năm chi đều đáng lẽ có nhân. Nhưng trong thức nói văn nghĩa thông với sau đây. Tiếp theo sau danh sắc của hai mươi tám ngày trước, khi năm căn đầy đủ đến vị Bát-la-xà-khư, nhân sáu xứ sáng thịnh, căn tướng linh lợi, nương sáu xứ này phát xúc hiển nhau. Nương xúc khởi thọ, nương thọ mà tăng trưởng lẫn nhau, lúc đó mới gọi là thọ quả cứu cánh. Nương quả vị đương khởi này mà lập nhân chi làm năm thứ, vì tướng của nhân miên ẩn núp khó biết. Đây là nhân chi phân ra năm nguyên nhân.

Luận: "Quả vị dễ hiểu", đến "vì hiển ba khổ".

Thuật rằng: Quả vị đang hiện hành thì đã là hiện hành, cho nên tổng lập hai chi sinh và lão tử để hiển ba khổ. Kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: "Bạch Thế Tôn! Nếu sinh và lão tử là danh sắc, sáu xứ, xúc và thọ làm tướng thì đối với sinh thân này, duyên nào hiển thị tên của sinh và lão tử? Thế Tôn bảo: Là hiển tướng sinh thân như vậy, có ba thứ khổ hoặc khổ tướng. Sinh hiển hành khổ, lão hiển hoại khổ, tử hiển khổ khổ", đến sau sẽ rõ. Đây là lấy cõi Dục làm luận, hoặc sắc và cõi Vô sắc hiển ba tướng là sinh, dị và diệt.

Hỏi: Nếu như thế thì quả vị chỉ hiển ba khổ, chỉ nói hai chi, tại sao lại nói đối với quả khi khởi khiến cho biết phần vị để nói năm chi của thức?

Luận: "Nhưng quả sở sinh", đến "nói năm chi của thức".

Thuật rằng: Sở sinh quả của nó hoặc tại vị lai, vì khiến cho hữu tình sinh chán, chỉ có nói tổng tướng là sinh lão tử chi, hủy bỏ câu chất vấn danh. Sở sinh quả của nó, hoặc đến hiện tại, vi khiến cho biết rõ

phần vị tương sinh để nói năm chi của thức, vì hiển lẫn nhau, vì hiện tại luận này hiển thuyết sau năm chỗ không ngăn trách, về sau hiển luận này nói hai pháp không có phương hại. Do trước nói, hoặc là nó đang hiện khởi phần vị có sai biệt, cho nên nói có trước sau, nếu không như thế thì trái nhau.

Luận: "Duyên nào phát nghiệp", đến "riêng lập ái thủ".

Thuật rằng: Đây là câu hỏi thứ năm. Ý nói rằng các phiền não đều có thể phát nghiệp. Tại sao trong chi không đồng với ái và thủ mà tổng lập vô minh, không lập riêng nữa? Lại nữa, các phiền não đều nhuận nghiệp, tại sao không đồng với vô minh cũng chỉ lập có một, mà lại riêng phân ái và thủ?

Luận: "Tuy các phiền não", đến "rộng như kinh nói".

Thuật rằng: Tất cả phiền não đều có thể phát nghiệp, nhưng vô minh lự thì phát nghiệp dụng tăng trưởng thù thắng hơn phiền não, vì có đủ mười một sự thù thắng, nghĩa là sở duyên đây là đáp câu hỏi thứ nhất. Chỉ nói vô minh là phát nghiệp và hoặc, như kinh Duyên Khởi nói mười một thắng:

1. Sở duyên thắng, vì duyên khắp nhiễm và tịnh.

2. Hành tướng thắng, vì ẩn chân hiển vọng.

3. Nhân duyên thắng, vì hoặc nghiệp sinh là gốc.

4. Đẳng khởi thắng, vì đồng với duyên khởi pháp của năng phát sở phát, năng dẫn sở dẫn và năng sinh sở sinh.

5. Chuyển dị thắng, vì tùy miên triền phược tương ưng, bất cộng với bốn chuyển dị.

6. Tà hạnh thắng, vì đối với đế khởi tăng ích hạnh và tổn giảm hạnh.

7. Tướng trạng thắng, vì tự tướng vi tế khắp ái và phi ái cộng tướng chuyển.

8. Tác nghiệp thắng, vì làm sự sở y của lưu chuyển, làm ngưng tịnh các sự năng chướng.

9. Chướng ngại thắng, vì chướng ngại thắng pháp và quảng pháp.

10. Tùy chuyển thắng, cho đến Hữu đảnh cũng tùy chuyển.

11. Đối trị thắng, chỗ đối trị của hai thứ diệu trí.

Do đó không nói, ngoài ra các hoặc khác cũng gọi là phát nghiệp chi.

Luận: "Đối với nhuận nghiệp vị", đến "có thể rót và thấm nhuận".

Thuật rằng: Đáp: Đối với nhuận vị nói ái và thủ, tuy các phiền

não đều có thể nhuận sinh. Đối với nhuận nghiệp vị thì ái lực tăng trưởng thiên lệch. Làm sao biết? Các luận chỉ nói bốn ái làm Tập đế. Lại nữa, Thánh giáo nói ái như đối với nước, có thể rót có thể thấm nhuần, cho nên không nói thừa. Ý nào phát nghiệp chỉ có một vô minh? Hoặc nhuận sinh phân ái làm thủ.

Luận: "Phải niệm niệm vun tưới", đến "lập một vô minh".

Thuật rằng: Nếu sinh có mầm thì phải niệm niệm vun tưới, như tưới ruộng. Hiện tại luận này đầu và cuối phân ra ái và thủ, thật ra có nhiều hiện hành ái hoặc. Kinh Thập Địa quyển 8 ghi: "Ái tăng gọi là thủ", cho nên ban đầu gọi là ái, sau gọi là thủ. Nghĩa của phát nghiệp không thể trùng phát lại, lập một vô minh như một mầm sinh không thể tái sinh, khi nước tưới vào thì có thể nói đắc niệm.

Hỏi: Trước đã nêu ra thể của thủ thông với các phiền não khác, tại sao chỗ này và Thập Địa nói là ái tăng?

Luận: "Tuy trong thủ chi", đến "nói là ái tăng".

Thuật rằng: Cứ theo thật tế thì thủ chi nhiếp các phiền não. Ái nhuận sinh thù thắng cho nên nói là ái tăng, không phải không có các hoặc khác cho nên luận Du-già quyển 89 ghi: "Hoặc năng thủ hoặc sở thủ đều gọi là thủ".

Hỏi: Các duyên khởi chi hoặc sinh Địa này, vì đều là Địa này, cũng có Địa khác. Nếu như thế thì có lỗi gì?

Đáp: Nếu chỉ có Địa này thì văn của kinh Duyên Khởi quyển thượng sẽ ghi: "Pháp nào thông? Bạch Thế Tôn! Vì sao không nói hai chủng ái và thủ có thể sinh duyên khởi và hành làm duyên? Thế Tôn bảo rằng: Tự giới sở hành của hai chủng ái và thủ có phân đồng. Tại sao vậy? Vì ái thủ của cõi Dục cùng với cõi Sắc kia, hoặc các bất động hạnh của cõi Vô sắc làm đẳng khởi duyên là không đúng đạo lý, vì không phải cảnh giới". Lại nữa, nói vô minh và lìa cõi Dục, hoặc cõi Sắc loại có thể sinh duyên khởi làm đẳng khởi duyên. Lại nữa, nói vô minh như vậy, do chỗ khởi tác ý phi lý này cùng với quả làm bạn, có thể làm duyên bất động hạnh của cõi kia, tức là dị giới vô minh làm dị giới hạnh duyên. Nếu đắc dị giới chi sau đó khởi dị giới chi. Quyển 56 ghi: "Lại nữa, thế nào thông? Các hữu tình tùy sinh giới nào địa nào? Nên biết hữu chi là pháp này nhiếp".

Luận: "Các duyên khởi chi", đến "phát hạnh của Địa trên".

Thuật rằng: Đây là câu hỏi thứ sáu. Các duyên khởi chi đều nương tự Địa, đồng lấy văn của quyển 56 có sở phát hạnh nương và vô minh khác, đồng lấy duyên khởi. Đây là như thế nào đồng? Đáng lẽ hiển sự

của nó là một là nhiều, ở đây thì chỉ có một, như dưới đây là vô minh phát hạnh của Địa trên.

Luận: "Không như thế thì ban đầu chế phục", đến "cũng chưa khởi".

Thuật rằng: Không thừa nhận vô minh cõi dưới phát hạnh của Địa trên. Ban đầu chế phục chỗ khởi nhiễm của cõi dưới chưa đến định của cõi trên, đáng lẽ không phải hành chi, phải nhập vào căn bản định của cõi đó, lìa hết chín phẩm dục, sau đó mới khởi vô minh của Địa kia, lúc đó vô minh của Địa kia cũng chưa khởi, Hữu lậu định của cõi đó đáng lẽ không phải hành chi, vì không có vô minh chi, đã gọi là hành chi. Minh là chỗ phát của vô minh, ý này là hiển quyển 56 nói nương vào nhiều phần chi mà nói. Ý của kinh thông với luận. Có luận y theo Địa khác cũng không trái nghịch. Văn này có thể hiển vị đáo vô hoặc, chưa đắc căn bản, rốt ráo không khởi, chỉ là cõi dưới khởi. Ban đầu khởi vị đáo đều như vô minh này phát.

Luận: "Từ Địa trên Địa dưới", đến "mà khởi ái chi".

Thuật rằng: Đây là câu hỏi thứ bảy. Từ cõi trên sinh cõi dưới, từ cõi dưới sinh cõi trên, ái đang sinh sở nhuận và năng nhuận của cõi kia, thủ nắm lấy Địa nào của nó để thọ chi làm duyên, làm Đương sinh địa, làm Hiện cư địa? Ý gì mà có câu hỏi này? Đã là thọ duyên ái, hiện khởi thọ chi và Địa khác của đương sinh ái. Đáng lẽ như vô minh phát hạnh thừa nhận Địa khác mà làm thành câu hỏi này.

Luận: "Ái kiến phần cũng duyên", đến "đối với lý không trái".

Thuật rằng: Tùy chỗ thích đáng của nó, ái kia cũng duyên thọ của Đương sinh địa. Hoặc thọ của hiện hành đồng thời, hoặc thọ của chủng tử trước thời, đối với lý cũng không trái. Trong đây nói cũng duyên thọ của Đương sinh địa, hiểu rõ tử sinh của tự địa và ái định của tự địa nương đồng Địa. Từ Địa khác sinh Địa khác cũng là định nương đồng Địa, cho nên nói là cũng. Lại nữa, thọ của hiện cư xứ cũng là ái duyên, như duyên của Địa khác vô minh kia thì đây không phải là thọ chi, có nghĩa là duyên xa.

Hỏi: Hoặc phát nghiệp, Địa khác làm duyên; hoặc nhuận sinh đáng lẽ cũng là Địa khác?

Đáp: Phát nghiệp là Đẳng khởi nhân, vì xa cho nên thông với Địa khác. Nhuận sinh là sinh khởi nhân, vì gần cho nên chỉ có tự địa.

Hỏi: Thọ duyên với ái xa thông với Địa khác. Hành duyên với thức, Địa khác làm duyên phải không?

Đáp: Thọ duyên với ái làm Viễn khởi nhân, vì xa cho nên thông

Địa khác. Hành duyên với thức làm Dị thục nhân, vì gần cho nên chỉ có tự Địa.

Hỏi: Tại sao các thức, các sinh, khai hợp bất đồng, còn hành và hữu thì hợp chung làm một?

Đáp: Nghiệp tại dẫn nhân, tạo tác gọi là hành, bị ái và thủ nhuận chuyển gọi là hữu, không có sự thể riêng, cho nên không khai lẫn nhau.

Hỏi: Hữu thì hoặc chỉ có nghiệp, như hành chỉ có một. Hữu thì thông với phi nghiệp. Tại sao không khai mở?

Đáp: Trong có tuy thông với nghiệp và phi nghiệp, nhưng đều gần với hữu hậu và hữu quả cho nên nghĩa thế quân bình, gọi chung là hữu, không phải như hành không có tánh phi nghiệp, cho nên không khai mở.

Hỏi: Tại sao chưa nhuận gọi là hành, đã nhuận thì gọi là hữu?

Đáp: Tạo tác gọi là hành, vì nghĩa mới tạo thì rõ ràng. Ban đầu gọi là hành, có kết quả gọi là hữu, đã nhuận mới nhiễm dính, sau đó lập tên là hữu.

Hỏi: Tại sao nghiệp có ba thứ tổng hợp gọi là là hành và hữu, hoặc nhuận chỉ có một ái, nhưng phân hai là ái và thủ phải không?

Đáp: Một nhuận quả thì bất sinh, mới phân hai ái và thủ. Một nghiệp thì có thể cảm quả thích hợp, lập tên hành và hữu.

IX. An định thế gian và phá tà, là Tát-bà-đa, hai nhân năm quả, ba nhân hai quả. Định không đồng thế gian, hiện tại ở trong bộ này.

Luận: “Mười hai chi này”, đến “mỗi mỗi quyết định đồng thế gian”.

Thuật rằng: Nhân mười chi trước cùng với quả hai chi sau quyết định không đồng thế gian, lấy tổng Dị thục nhân, không phải thân tạo mà là thọ quả, cũng không phải nghiệp hiện tại đắc quả là mười hai chi. Phỏng theo thân mỗi lần sinh tử làm một đời thì mười nhân hai quả quyết định không đồng; hoặc phỏng theo thời phần thì mười hai chi này là bất định, như quá khứ của hậu báo nghiệp tạo bảy chi trước, tiếp theo hậu thân chưa thuần thục, khiến cho thân không khởi ái và thủ, kế đó thân mới khởi, và sau đó nữa mới sinh thọ quả, lẽ nào không phải ái thủ cùng với sinh và lão tử đồng tại vị lai! Cho nên phỏng theo đại thời phần để nói ba đời. Nghĩa thì bất định khiến cho chỗ nói này phỏng theo theo sự sinh tử của thân mà làm một đời. Bảy chủng trước trong nhân cùng với ái thủ hữu hoặc khác đời hoặc cùng đời, hoặc thuận sinh thọ nghiệp, thọ khi mới sinh thì đời đó sẽ đồng. Từ đời thứ hai trở đi,

cho đến hậu báo nghiệp thì đời đó không đồng, khiến cho thân này đến nhiều đời sau, khi sắp thọ quả mới khởi ái thủ. Ái thủ của Tát-bà-đa có ba thứ, cùng với hai chủng đầu trong bảy chủng quyết định không cùng đời, cùng với năm còn lại quyết định đồng đời. Trong sinh và lão tử vị của đời trước khởi hoặc và tạo nghiệp, khiến cho mười hai chi trong đây quyết định đồng đời. Nói rằng hai chi sinh lão tử, ba chi ái thủ hữu và bảy chi còn lại mỗi mỗi đều quyết định đồng đời. Do si phát nghiệp, huân và phát báo chủng thì quyết định đồng đời, cho nên bảy chi trước không được khác đời. Khởi nước phiền não thấm nhuận sáu chủng trước chuyển gọi là hữu, cũng không phải khác thời, không phải năng nhuận cách đời khác thời mới thành sở nhuận. Sinh và lão tử cùng đời có thể biết, cho nên hai chi, ba chi và bảy chi mỗi mỗi đều cùng đời. Đây là an định thế gian, mười chi là nhân, hai chi là quả. Nhân thì tại quá khứ thì quả hoặc hiện tại hoặc vị lai. Nhân tại hiện tại thì quả qua một lần vị lai mà luận. Duyên khởi của hai đời, theo đạo lý mà nói cũng là ba đời. Quá khứ thì mười nhân, hiện tại thì hai quả; vị lai hai quả thì hiện tại mười nhân, tức là mười hai duyên khởi của hai đời, cũng có thể nói ba đời. Một lần qua hai đời bất định cho nên có thể ba đời. Nếu bảy chi trước tại đời quá khứ thì ba chi ái thủ hữu tại đời hiện tại, sinh và lão tử tại đời vị lai, tức là mười hai chi thông với ba đời Hữu lậu, cũng tức là mười hai hoặc hai đời ba đời riêng thân tạo nghiệp, vì riêng thân tạo nghiệp cho nên không đồng. Hai nhân quá khứ năm quả hiện tại, ba nhân hiện tại hai quả vị lai của Tiểu thừa, thời phần duyên khởi quyết định như vậy. Luận Thập Địa quyển 8, mười hai duyên sinh cho đến kinh ba đời duyên khởi cũng đồng với Tiểu thừa. Điều này phiên dịch sai, hiện tại xem xét bản tiếng Phạm và luận Du-già đều chỉ nói ba đời, nghĩa là từ sơ tế duyên khởi trung tế, từ trung tế duyên khởi hậu tế. Không phải nói trong ba đời có hai nhân tại quá khứ, năm nhân hiện tại, ba nhân hiện tại, hai nhân vị lai. Sự giải thích của kinh đó là chỗ tạo của Thế Thân, chỗ tạo của Thế Thân là Thập Nhị Nhân Duyên luận, cũng nói ba đời, như luận Du-già thì chữ "ba đời" là ý của người phiên dịch.

Luận: "Như vậy mười hai chi", đến "liền trở nên vô cùng".

Thuật rằng: Mười nhân và hai quả chỉ là một lớp, vì nhân một quả một, không phải như Tiểu thừa hai đời nhân và hai đời quả.

Hỏi: Tiểu thừa nói: "Nhọc gì ba đời hai lớp nhân quả?" Tiểu thừa đáp rằng: "Có ngoại đạo bác không có quá khứ vị lai, nói pháp là tự nhiên do thường ngã sinh ra?"

Đáp: Vì ngu ba đời cho nên nói có duyên khởi. Không có đời trước

cho nên nói các pháp thường, không có hậu tế cho nên nói các pháp đoạn. Hiện tại luận này nói hai nhân tại quá khứ, do có nhân nghiệp của đời quá khứ mà sinh pháp, không phải tự nhiên thường ngã dấy khởi. Thể không phải thường trụ, có nhân sở sinh, có hai quả vị lai, phá pháp hậu đoạn, không phải là giải thoát vì thể luân chuyển và hiện hành năm quả và ba nhân. Hiện tại luận này phá điều đó, mười hai chi một lớp của tôi cũng đủ hiển sinh tử luân chuyển, không phải ngã tự nhiên sinh, thể tự giải thoát, lìa đoạn và thường. Thi thiết hai lớp thì thật là vô ích. Nói nhân của mười chi, phá pháp thường và ngã tự nhiên sinh, vì có hai quả cho nên không phải tánh giải thoát; quá khứ làm nhân, thể của pháp không phải thường; vị lai làm quả, các pháp không phải đoạn. Hiện quả có nhân khởi, hiện nhân thì chiêu cảm báo, đủ để hiển luân chuyển và lìa đoạn thường, chỉ nói một lớp nhân quả, tức là hiển ba đời đồng thời có. Nói nhân để phá thường, nói quả để phá đoạn, cho nên thiết lập hai lớp thật ra là vô dụng. Hoặc có cái ngu tiền tế nói hai nhân quá khứ, lại có cái ngu tiền tiền tế nói hai nhân cũng còn thiếu, lại càng phải nói thêm nhân. Lại có cái ngu vị lai nói hai quả, lại có cái ngu hậu hậu tế nói hai quả cũng chưa đủ, lại càng phải nói thêm quả, cho nên luận nói hoặc vượt hơn đây, hoặc chỉ phá đoạn thường mà nói một lớp nhân quả. Phá thường đoạn đã nói xong, tức là hiển quá khứ xa cũng như thế. Hiện tại luận này hiển vị lai xa cũng vậy, nhọc gì phải có hai lớp để nói ba đời nhân quả. Nếu như thế thiết lập thì liền trở nên vô cùng. Đã như thế thì vượt hơn đây, hoặc lập thêm nữa thì có lỗi vô cùng, cho nên nói một lớp thì thật ra là hữu dụng.

Luận: "Mười hai chi này", đến "gọi là sinh".

Thuật rằng: Từ đây xuống là phần thứ mười giải thích các môn.

X. Giải thích phân rõ các môn: Trong đó tổng có mười bảy môn giải thích:

1. Giả thật môn: Có chín thật và ba giả. Giả là hữu, sinh và lão tử, nghĩa là làm sở nhuận hành của ái thủ và năm chi của thức, hợp chung với sáu chi trước chuyển tên là hữu. Trong sáu sở nhuận, thức... năm chủng đến khi hiện khởi, hiển ba tướng sinh dị diệt trong bốn tướng thành biệt danh là sinh lão tử. Thể tức là thức cho nên ba tướng sinh lão tử là giả. Thể dị của ái tăng thượng gọi là thủ, lại có các hoặc khác làm thể của thủ chi, cho nên không phải là giả. Quyển 10 chỉ nói chín thật ba giả. Quyển 56 cùng với đây đồng, các quyển đó đều nói hữu và sinh là giả.

Luận: "Năm chi là một sự", đến "còn lại không phải một sự".

Thuật rằng:

2. Một sự phi một sự môn: Năm chi là một sự, như văn có thể biết. Do đó biết vô minh chi chỉ có vô minh làm thể, thức thì chỉ có bản thức. Còn lại không phải một sự, là hành thông với sắc và tâm, thủ thì thông với các hoặc khác, còn lại các chi khác có thể biết. Quyển 10 chỉ nói năm chi một sự, ngoài ra thì không phải, trong đây hiển thị riêng. Có người giải thích rằng: "Năm chi là thủ và bất thủ thức chi, thủ chỉ có ái tăng thượng". Giải thích này không đúng, là trái với Thánh giáo.

Luận: "Ba chi chỉ là nhiễm", đến "quả Dị thục".

Thuật rằng:

3. Nhiễm bất nhiễm môn: Hoặc nói nhiễm và tịnh thì tịnh chỉ có thiện cho nên cũng thông với Vô ký do đó mà nói Bất nhiễm. Quyển 10 ghi: "Trong bất nhiễm thì thiện và Vô ký khác nhau, cho nên phân làm hai thứ, gọi chung là bất nhiễm". Ba chi chỉ có nhiễm là vô minh, ái, thủ, vì tánh là phiền não. Bảy chi chỉ có bất nhiễm là năm chi thức... và sinh, lão tử, vì tánh là Dị thục. Đây là phỏng theo thể tánh mà làm luận.

Hỏi: Nếu như thế tại sao luận Du-già quyển 10 ghi: "Ba chi nhiễm, còn lại thì thông với hai chủng?"

Luận: "Trong bảy phần vị", đến "ngoài ra thông với hai chủng".

Thuật rằng: Vì dung chứa khởi nhiễm cho nên giả thuyết là thông với nhiễm, không phải thể nhiễm cho nên gọi là nhiễm. Ngoài ra thông với hai chủng, là hành và hữu. Hành thì thông cả thiện và nhiễm, hữu thì cũng thông với Vô ký.

Luận: "Vô minh ái thủ", đến "ngoài ra là tạp tướng".

Thuật rằng:

4. Độc tạp phân biệt môn: Ba chi vô minh ái thủ gọi là độc tướng. Độc là thể này làm chi, không cùng với các chi khác tương giao tạp nhạp. Trong thủ tuy là ái tăng thượng, nhưng không phải chuyển ái thành tăng thượng tham, lại là pháp riêng có, ngoài ra là tạp tướng. Hành và thức... năm chi chuyển, gọi là hữu và sinh, tức là hữu và sinh cũng gọi là tạp, thể thì không khác nhau, dụng thì do pháp khác thành. Quyển 10 chỉ nói ba chi là độc tướng hành, là tạp tướng.

Luận: "Sáu chi chỉ có Phi sắc", đến "ngoài ra thông với hai chủng".

Thuật rằng:

5. Sắc phi sắc môn: Hành thông với ba nghiệp. Danh sắc năm uẩn, sáu xứ hai uẩn, sáu chi gọi là hữu. Năm uẩn hiện hành gọi là sinh và lão

tử cho nên thông với hai chủng.

Luận: "Đều là Hữu lậu", đến "không phải hữu chi".

Thuật rằng:

6. Hữu lậu Hữu vi môn.

7. Vô lậu Vô vi môn.

Cả hai môn này đều là Hữu lậu hữu vi. Vô lậu thì nghịch lại sinh tử và đoạn sinh tử, Vô vi thì không phải nghĩa là duyên khởi, vì nó không dấy khởi. Đây là đối với Đại chúng bộ và Hóa địa bộ mà nói. Nếu không như thế thì môn này liền thành vô dụng.

Luận: "Vô minh ái thủ", đến "cũng khởi thiện nhiễm".

Thuật rằng:

8. Ba tánh phân biệt môn: Ba chi vô minh, ái, thủ, chỉ thông với bất thiện và Hữu phú vô ký, vô minh cõi Dục chỉ là bất thiện. Luận Đối Pháp ghi: "Hoặc phân biệt của cõi Dục trói buộc khởi thì chỉ có bất thiện nhiếp". Cõi Dục ái và thủ cũng thông với hai tánh bất thiện và Vô ký, các kinh luận thành văn nhuận sinh Hữu phú, nói bốn thủ của cõi Dục là bất thiện, làm thành chứng rất nhiều. Ba chi này của cõi trên đều chỉ có Vô ký.

Hỏi: Nếu như thế trong thủ đã thông với bốn thủ, tại sao nói Tu đạo hoặc mới là chánh nhuận? Kiến hoặc trợ nhuận lẽ nào hữu chi gọi là trợ nhuận?

Đáp: Kiến hoặc là trợ nhuận, hợp chung gọi là hữu chi.

Hỏi: Cũng nên lấy trợ phát hoặc hợp chung gọi là vô minh có hại gì?

Đáp: Giải thích bằng nhau cũng được. Hiện tại luận này chỉ căn cứ theo hoặc chánh phát. Luận nói cũng được văn ảnh, lấy trước làm chuẩn cho sau. Lại nữa, nếu giải thích không bằng nhau thì phát nghiệp không có nhiều lớp, chỉ một lần phát, chỉ có thể nêu ra một chánh phát hoặc nhuận sinh thông với các tâm sở, nhuận do đó thông với thủ trợ cho nhuận sinh. Hành chi chỉ thông với thiện và ác, không thông với Vô ký, vì Vô ký không chiêu cảm quả. Hữu thông với ba tánh, hành... sáu chi hợp chung làm hữu, còn lại thức... năm chi cùng với sinh và lão tử là bảy chi chỉ có tánh Vô ký, vì tánh Dị thục. Trong phần vị cũng khởi thiện và nhiễm. Đại luận quyển 10 ghi: "Bốn chi chỉ có tạp nhiễm, còn lại là thông với nhiễm và tịnh", nghĩa là bốn chi vô minh, ái, thủ và lão tử chỉ có nhiễm. Lão tử khởi ưu bi, giả thuyết là nhiễm. Khắc tánh trong đây thì nó chỉ có Dị thục, cho nên không trái nhau, còn lại thì thông với nhiễm và tịnh. Tổng hợp trong đây nói: "Trong bảy phần vị, khởi

thiện và nhiễm không phải thể tánh. Chi của năm quả phỏng theo chỗ đang sinh mà nói phần vị, lão tử do hai nghĩa: một là trong phần vị khởi nhiễm, hai là phần nhiều là khởi ưu bi.

Luận: "Tuy đều thông ba cõi", đến "nhưng có phần và có toàn".

Thuật rằng:

9. Ba cõi môn: Mười hai chi đều thông với ba cõi. Tuy đều thông với ba cõi, nhưng có chi thì bị phân ra và có chi thì được toàn đủ. Cõi Dục thì nhiếp mười hai toàn đủ, cõi Sắc và cõi Vô sắc thì nhiếp mười hai phần ít. Tại sao vậy? Vì cõi Dục thông với nhiễm và tịnh, danh sắc chi có đủ năm uẩn, sáu xứ có đủ các thức, cho đến trong thọ có đủ bốn thọ. Cõi sắc và cõi Vô sắc thì không như vậy, nhiễm thì xưa không có, cõi Vô sắc thì không có sắc, và không có ba thọ, vì ưu thọ không phải báo, trong đây không luận, cho nên Đại luận quyển 10 ghi: "Cõi Dục có đủ tất cả chi, hòa hợp cùng khởi. Cõi sắc và cõi Vô sắc tất cả đều có một phần, vì có lão, như trước đã nói.

Luận: "Hành chi của cõi trên", đến "mà khởi cõi đó".

Thuật rằng:

10. Năng trị sở trị môn: Hành chi của Địa trên có thể chế phục Địa dưới.

Hỏi: Thế nào là hành chi của Địa trên?

Đáp: Là sáu thứ hành tướng thô khổ, đây là thông với cõi Sắc và cõi Vô sắc, có cầu sinh lên cõi trên mà khởi hành chi đó, nghĩa là quán mười hai chi của cõi dưới là thô, khổ và chướng, quán cõi trên tất cả là tịnh, diệu, ly, tức là hành chi của Địa trên, là chỗ phát vô minh của cõi dưới, cho nên nói hành chi của cõi trên có thể đoạn tất cả cõi dưới, lấy tất cả cõi dưới làm cảnh giới. Tuy duyên tất cả cõi trên, năng duyên hành tướng chỉ là hành chi, cho nên nói y theo hành chi của cõi trên mà đoạn các chi của cõi dưới.

Hỏi: Các tâm tâm sở đều có hành tướng, tại sao sáu hành riêng gọi là hành tướng?

Đáp: Hành tướng là Kiến phần, như trước đã nói, tức là tâm và tâm sở không tâm nào mà chẳng có. Nhưng thể của sáu hành tướng này tức là tuệ tâm sở, sức giản trạch tăng mà thiên nói về hành tướng. Như mười sáu hành tướng, cho nên không có lỗi. Sáu hành tướng này như luận Du-già và Biệt sao giải thích. Luận Du-già quyển 10 ghi: "Có thể y theo chi mà được lìa chi hay sao? Có". Nói rằng y theo chi của Địa trên mà lìa chi của Địa dưới, điều này chỉ có một phần mà không phải toàn đủ, chỉ là tạm thời mà không phải cứu cánh, không phải mười hai

chi mỗi mỗi đều phần ít là năng, chỉ có một hành chi là năng cho nên nói một ít phần. Tánh hoặc của vô minh, ái và thủ cõi trên, có cái là sở nhuận nghiệp tánh không phải Hiện nghiệp tánh, vì Dị thục Vô ký của các thức và các sinh không phải là năng trị đạo, đã như thế thì chỉ có hành có thể lìa chi, là có Nhuận cho nên chỉ có tạm thời, không phải Vô lậu cho nên không rốt ráo.

Luận: "Tất cả đều chỉ có", đến "không phải hữu chi nhiếp".

Thuật rằng:

11. Học đẳng phân biệt môn: Tất cả chỉ có Phi học và Phi vô học. Hữu học và Vô học là sự lưu chuyển trái nhau, là chỗ khởi thiện nghiệp của bậc Thánh, lấy Vô lậu minh mà làm duyên, trái với hữu chi vì không phải hữu chi nhiếp. Đại luận quyển 10 ghi: "Mười hai chi đều không phải là Hữu học và Vô học, chỉ có Phi học và Phi vô học nhiếp".

Luận đó hỏi rằng: Chỗ có thiện và Hữu lậu chi của cõi kia, tại sao không phải học?

Đáp: Chỉ có lưu chuyển cho nên gọi là chi. Hoặc chỗ có thiện và Hữu lậu pháp của Học thì kia và lưu chuyển trái nhau, cùng với dụng minh làm duyên, cho nên không phải chi nhiếp. Có người giải thích rằng: "Hiện tại Đại thừa đã lấy thiện pháp dục đã trừ gọi là học, nội pháp Dị sinh phát tâm đã trừ, đều chưa phát báo chung nghiệp, đều không phải vô minh phát, đều không phải hành chi". Nói như thế là không đúng. Kinh Duyên Khởi ghi: "Pháp bên ngoài Dị sinh có đủ bốn vô minh phát hành, nội pháp Dị sinh hoặc là phóng dật, vì kia trừ ra một chủng bất cộng vô minh, còn lại ba vô minh làm duyên sinh hành. Nội pháp Dị sinh nếu không phóng dật thì là Thánh Hữu học. Ba vô minh làm duyên tuy dẫn Phi phước hạnh thì hạnh này không thể chiêu cảm ba nẻo ác, tôi không nói là vô minh duyên hành, tức là làm chứng đoạn văn trước trong năng dẫn chi. Nói rằng trợ riêng cho đương nghiệp đều không phải là hành chi. Lại nữa, nội pháp Dị sinh của Bất phóng dật nếu tạo phước hạnh và bất động hạnh thì kia là chỗ dẫn của tâm chánh pháp tác ý như lý, làm chỗ y cho giải thoát cho đến nói rộng. Tuy đối với nẻo thiện chiêu cảm sự sinh thù thắng, nhưng không phải vô minh khởi Tăng thượng duyên cho đến chư Thánh hữu học, bất cộng vô minh đã vĩnh viễn đoạn, không tạo nghiệp mới cho đến phải biết nội pháp Hữu học không duyên vô minh mà tạo thêm các hành. Kinh đã chỉ nói các Thánh không tạo nghiệp, bất cộng vô minh chủng đã đoạn. Lại nữa, nói rằng nội pháp Bất phóng dật, là tạo phước hạnh và bất động

hạnh, biết rõ thiện pháp Dục đã trừ, đều cũng tạo hành chi, nhưng như Quyết trạch phần thiện, tuy không có đoạn văn khác quyết định giải thích chiêu cảm báo chung và báo riêng, lại đồng với Tiểu thừa một câu nói chỉ chiêu cảm với báo riêng, có thể không phải hành chi vì không phải chánh dẫn. Tuy nói Bất phóng dật tạo phước hạnh, không phải vô minh phát khởi, nhưng nói bất cộng chủng của bậc Thánh đã đoạn cho nên không tạo hành chi. Biết rõ Bất phóng dật mà nói không có, chỉ là không khởi bất cộng hiện hành, và hiện hành tương ưng phát, nhưng có chủng tử không cùng với tương ưng phát khởi cũng không sai quấy. Nếu không như thế thì phước hạnh và bất động hạnh kia đáng lẽ không gọi là hành, cũng không thể chỉ nói Thánh không tạo nghiệp. Luận Đối Pháp quyển 7 ghi: “Chưa kiến Đế tuy khởi các thiện, do tùy miên chỗ tùy triền phược của họ cũng gọi là ngu si. Do thế lực của họ đối với khổ trong ba cõi không hiểu biết như thật, chỉ có thể phát khởi tánh của hậu hữu nhân là phước hạnh và bất động hạnh, không phải đã thấy Đế mà phát khởi nghiệp này, vì không có Chân thật nghĩa ngu, cho nên nghiệp Kiến phần nói là nhân đối với Chân thật nghĩa ngu này mà sinh”.

Luận: “Do đây nên biết”, đến “không mê cầu”.

Thuật rằng: Lấy đây mà chứng biết. Bậc Thánh chắc chắn không tạo cảm chiêu hậu hữu nghiệp. Ý gì mà không tạo? Vì đối với hậu khổ quả không mê cầu, không mê cho nên biết có thể chán, không cầu cho nên không mừng sinh khởi, vì bất cộng vô minh chủng đã đoạn. Nó đã là Vô lậu minh làm duyên, các vị học Hữu lậu quyết định không phải hành chi.

Hỏi: Nếu như thế thì tuy tu Ngũ tịnh cư nghiệp lẽ nào không phải hành chi?

Đáp: Nếu đúng như thế thì bậc Thánh liền tạo nghiệp.

Hỏi: Như thế nào là sinh cõi kia cảm chiêu báo chung?

Luận: “Tạp tu Tĩnh lự”, đến “đối với lý không trái”.

Thuật rằng: Đây là quả Bất hoàn, tạp tu Tĩnh lự thứ tự, dưỡng nuôi ba tầng trời Vô vân thiên... cõi dưới, sinh lên Tịnh cư đối với lý không trái. Đây là báo chung nghiệp và chủng tử danh ngôn, khi còn phàm phu thì đã tạo nghiệp sinh lên ba tầng trời dưới của Đệ tứ thiền, vì một Địa trói buộc. Sau đó do Vô lậu dưỡng nuôi Địa này, cho nên tạo nghiệp sinh lên cõi trời Tịnh cư, không phải bậc Thánh mới tạo. Đã thọ khác xứ tại sao gọi là bất động? Vì định trụ cảnh gọi là bất động, không phải không chuyển dịch thọ xứ khác mà gọi là bất động. Luận Đối Pháp tuy nói không thể chuyển dịch khiến cho thọ giới địa khác gọi là bất động,

nhưng phỏng theo phần nhiều, trừ tạp tu này và sinh cung Tự tại, ngoài ra phàm Thánh đều không có sự này. Lại nữa, không phải thọ thú của giới địa khác gọi là bất động, vì nó đồng Địa. Giải thích trước chỉ có Định địa gọi là bất động, tức là thông với tất cả. Nếu không thọ khác xứ gọi là bất động thì theo phần nhiều mà nói, như nghiệp địa ngục không thể chuyển đổi, vẫn thừa nhận nặng làm nhẹ. Thọ thân của A-la-hán theo phần nhiều mà nói, thọ này cũng đáng lẽ như thế. Tịnh cư, là đồng lấy đại cung Tự tại của Địa thứ mười. Luận Du-già quyển 4, luận Đối Pháp quyển 6 và luận Thập Địa ghi: "Trên cõi Tịnh cư có cung Tự tại, Bồ-tát Thập địa đang sinh xứ đó, chiêu cảm Thức thứ tám của cõi đó". Đây cũng là khi phàm phu tạo nghiệp do Vô lậu định có trưởng dưỡng này mà được sinh cõi đó, cho nên tập trung để nói.

Luận: "Có nghĩa vô minh", đến "hậu hữu nghiệp".

Thuật rằng:

12. Ba đoạn môn: Ở đây có hai nghĩa, tất cả phát nghiệp vô minh của sư thứ nhất chỉ có sở đoạn của kiến, phải vô minh mê Đế lý, hành tướng tăng năng phát hành, đây là nhân thứ nhất. Lại nữa, kinh luận đều nói bậc Thánh không tạo hậu hữu nghiệp, đây là nhân thứ hai. Nếu vô minh do Tu đoạn thì bậc Thánh lại càng tạo thêm nghiệp. Luận Đối Pháp quyển 7 ghi: "Hai thứ ngu đều là Kiến đoạn, nghĩa là đã kiến Đế thì không có chân thật nghĩa ngu, không tạo phước hạnh và bất động hạnh. Có người giải thích rằng: "Dị thục ngu do Tu đạo đoạn, chân thật nghĩa ngu do kiến đạo đoạn", lý này không đúng. Kinh Duyên Khởi quyển hạ ghi: "Ngoại đạo Dị sinh do bốn vô minh phát hành, có đủ tạo tác ba nghiệp chủng phước nghiệp, Phi phước nghiệp và bất động nghiệp. Nội pháp Dị sinh trừ bất cộng vô minh ra, còn lại ba vô minh duyên hành. Bất phóng dật là hành, không phải vô minh làm duyên". Luận Đối Pháp ghi: "Dị thục ngu phát phi phước hạnh, Chân thật nghĩa ngu thì phát phước hạnh và bất động hạnh.

Hỏi: Nếu ngu ban đầu do Tu đoạn thì ngu sau do Kiến đoạn, lẽ nào hoặc của kiến đạo phân biệt chỉ có phát phước hạnh và bất động hạnh? Còn hoặc của Tu đạo thì phát phi phước hạnh hay sao?

Đáp: Quyển 59 ghi: "Phát nghiệp của ba nẻo ác chỉ có phân biệt phiền não, không phải câu sinh phiền não". Lẽ nào phát Phi phước hạnh vô minh là Tu đạo đoạn hay sao? Nếu nói phát báo riêng nghiệp thì không phải là hành chi, tức là phát nẻo ác báo chung nghiệp ngu, thật ra chỉ có Kiến đoạn.

Hỏi: Tại sao lại nói Dị thục ngu do Tu đạo đoạn?

Đáp: Lại nữa, trong đây có hai thuyết. Chánh phát nghiệp vô minh chỉ có kiến đạo đoạn.

Người kia lại nói: "Dị thục ngu mê bảy khổ trước, chân thật nghĩa ngu thì mê khổ thứ tám".

Đại luận quyển 10 ghi: "Mê thế tục khổ khởi phi phước hạnh, mê Thắng nghĩa khổ thì khởi phước hạnh và bất động hạnh". Luận Đối Pháp quyển 6 ghi: "Bảy khổ trước là thế tục khổ, khổ thứ tám là Thắng nghĩa khổ", do đó phát phi phước vô minh là Tu đạo đoạn, ngoài ra Kiến đoạn thì không đúng.

Hỏi: Lẽ nào lấy thế tục khổ mà nói là đồng?

Đáp: Văn trong các kinh luận là một thế tục, vì dễ biết được cho nên gọi là thế tục. Chỉ có Thắng trí cảnh cho nên gọi là Thắng nghĩa. Nói phi phước quả, thế tục dễ biết là khổ, gọi là thế tục khổ. Phước quả và bất động quả thì phải thắng trí mới biết là khổ cho nên gọi là Thắng nghĩa khổ, không phải phân ra tám khổ. Nhưng luận gọi là Thế tục và Thắng nghĩa, vì trong tám khổ kia, bảy khổ trước dễ biết gọi là thế tục, khổ thứ tám thắng trí biết, gọi là Thắng nghĩa. Không phải nói bảy khổ trước là mê mà phát thế tục phi phước hạnh. Nếu không như thế thì trong bảy khổ trước, khổ thứ sáu và bảy là hoại khổ.

Hỏi: Lẽ nào cõi Sắc không có hoại khổ hay sao? Cõi sắc đó nếu có thì mê của nó tại sao không tạo phi phước hạnh? Lại nữa, nẻo ác lẽ nào không có Thắng nghĩa khổ thứ tám? Tại sao mê của nó chỉ tạo phước hạnh và bất động hạnh?

Đáp: Cho nên biết văn đồng, nhưng không phải nhất định một nghĩa. Vô minh trong đây chỉ có kiến sở đoạn. Những câu hỏi vặn này như trong Biệt chương giải thích.

Luận: "Hai chi ái thủ", đến "chỗ đoạn của kiến tu".

Thuật rằng: Ý của sư thứ nhất, ái thủ chỉ có Tu đoạn, ái tham cầu đương sinh và nhuận sinh, hiển rõ không phải Kiến đoạn, ái của Kiến đoạn duyên kiến mà khởi. Luận Đối Pháp quyển 5 ghi: "Chín thứ tâm của mạng chung, ba cõi và ba cõi sinh, mỗi mỗi đều nhuận sinh tâm, mỗi mỗi đều có ba cõi". Luận đó nói câu sinh ái đồng thời với vô minh thì chỉ có Tu đoạn. Thủ chi chỉ là sự tăng thượng của ái, không nắm lấy bốn thủ. Nói bốn thủ, là giải thích khắp hết nghĩa của thủ là không phải thủ chi nhiếp, còn lại chín chi thì thông với Kiến đoạn và Tu đoạn. Vô ký pháp của nó không phải chỉ có Tu đoạn, đến sau sẽ biết.

Luận: "Có nghĩa tất cả", đến "không có chi nào toàn đoạn".

Thuật rằng: Trong sư thứ hai có ba phần:

a. Nêu tông.

b. Mở vấn nạn.

c. Hiển chánh.

Nêu tông đều thông với cả hai đoạn. Luận thuyết từ đây xuống mở ra hai vấn nạn, mười hai chi này tất cả đều thông với Kiến sở đoạn và Tu sở đoạn. Vô minh cũng Tu đạo đoạn là có ý gì? Hai chi ái thủ cũng Kiến đạo đoạn. Luận Du-già quyển 10 ghi: "Quả Dự lưu đã đoạn tất cả một phần hữu chi, vì chưa có chi nào toàn đoạn".

Luận: "Hoặc vô minh chi", đến "không có chi nào toàn đoạn".

Thuật rằng: Vấn nạn sư trước rằng: Nếu vô minh chi chỉ có Kiến sở đoạn thì hàng Dự lưu chi đầu đã đoạn hoàn toàn, lẽ nào nói Dự lưu không có chi toàn đoạn? Nói đoạn tất cả một phần hữu chi.

Luận: "Nếu hai chi ái thủ", đến "một phần của tất cả chi".

Thuật rằng: Lại vấn nạn sư trước, nếu hai chi ái thủ chỉ có Tu đạo đoạn, lẽ nào nói Dự lưu kia đã đoạn một phần của tất cả chi? Hai chi ái thủ kiến đạo không đoạn, không phải tất cả cũng không phải một phần, vì chưa đoạn hoàn toàn?

Sư này hoặc chống chế rằng: Đại luận quyển 10 chỉ căn cứ theo từ phần nhiều mà nói.

Luận: "Lại nữa, nói toàn cõi", đến "phiền não năng phát".

Thuật rằng: Nếu như thế tại sao quyển 59 lại ghi: "Toàn cõi tất cả phiền não đều có thể kết sinh. Hai chữ "kết sinh" là hiển nhuận sinh hoặc. Nếu chỉ có tu nhuận thì kiến đạo phiền não trong giới không nhuận sinh, cho nên không gọi là toàn cõi. Đây là vấn nạn ái thủ chỉ có Tu sở đoạn. Lại nữa, nói thủ chi thông nhiếp bốn thủ, Kiến thủ và Giới thủ không phải Tu đoạn, dưới vấn nạn vô minh chỉ có Kiến sở đoạn. Quyển 59 phần đầu lại ghi: "Đến nẻo ác hành chỉ khởi phiền não năng phát thì đáng lẽ nói rằng sinh năm nẻo hành". Chỉ có phân biệt khởi phiền não năng phát, vì phiền não của Kiến đoạn không những phát sinh nẻo ác hành. Hoặc nói trời người chiêu cảm báo riêng nghiệp. Tu hoặc năng phát, là thông với báo chung và báo riêng mà nói. Luận không nói phát sinh trời người, tức là nẻo ác báo riêng nghiệp. Đáng lẽ Tu đạo đoạn ác không phát nẻo ác báo riêng hạnh, Tu hoặc đã có thể phát, cho nên biết luận kia chỉ có luận về báo chung.

Luận: "Không nói nhuận sinh", đến "Kiến sở đoạn"

Thuật rằng: Trong các Thánh giáo không nói hoặc của nhuận sinh chỉ có Tu sở đoạn, vì toàn cõi phiền não có thể kết sinh, cũng không nói các sự chiêu cảm hậu hữu hành đều là do Kiến sở đoạn phát, mà chỉ nói

phân biệt Hoặc của nẻo ác hành phát khởi.

Luận: “Do đây cho nên biết”, đến “Kiến sở đoạn và Tu sở đoạn”.

Thuật rằng: Kết và mở chánh nghĩa có hai đoạn: một là kết ba chi, hai là giải thích khắp các đoạn. Đây là phần đầu. Ba chi vô minh ái thủ cũng thông với Kiến sở đoạn và Tu sở đoạn. Tổng hợp luận Đối Pháp quyển 7 nói.

Luận: “Nhưng vô minh chi”, đến “trợ là bất định”.

Thuật rằng: Chánh phát hạnh chỉ có Kiến sở đoạn, vì thô mạnh cho nên nói hai thứ ngu đều là Kiến sở đoạn. Tổng hợp quyển 59 ghi: “Trợ là bất định”. Vì trợ phát báo chung nghiệp của trời người cũng thông với Tu đạo. Luận kia chỉ nói phát hành của nẻo ác, chỉ có phân biệt hoặc có thể trợ phát hành của nẻo ác báo chung, phần nhiều chỉ có Kiến đoạn. Phát báo riêng ít phần cũng thông với Tu đoạn, phỏng theo phần nhiều mà nói thì không có lỗi tương vi. Tổng hợp luận Đối Pháp quyển 6 trong nhuận sinh ghi: “Chánh nhuận sinh là chỉ có Tu sở đoạn”. Vì chính tâm sở vi tế hiện hành, cho nên luận kia chỉ nói câu sinh ái đồng thời, do đó trợ là bất định, do đó nói tất cả phiền não của toàn cõi đều là năng kết sinh. Bốn thủ đều gọi là thủ chi, nhưng phát nghiệp Hoặc chỉ có chủng tử, nội pháp Dị sinh của Bất phóng dật, nhuận sinh Hoặc của nó cũng chỉ có chủng tử. Nói Bất hoàn, có nói cùng với Vô tưởng không có, đây là căn cứ theo chánh phát và chánh nhuận mà nói, nếu trợ phát và trợ nhuận khởi hiện hành thì không có lỗi, vì nhân xa khởi cũng có hiện hành, vì khi chưa lâm mạng chung thì khởi hiện hoặc.

Hỏi: Hiện tại mười hai chi của luận này đều thông với Kiến đoạn và Sở đoạn, nghĩa của đoạn như thế nào mà nói thông với nó?

Luận: “Lại nữa, pháp nhiễm ô”, đến “vì nó vĩnh viễn đoạn”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích khắp tất cả nghĩa của đoạn, pháp chủng ngầm kín này cùng với Vô lậu minh pháp trái nhau. Khi Vô lậu khởi thì chủng tử ngầm kín liền đoạn. Sắc tánh không phải nhiễm ô thì đoạn này thông với tâm và tâm sở.

Luận: “Tất cả Hữu lậu”, đến “không trái với đạo”.

Thuật rằng: Pháp không nhiễm ô gọi là thiện và Vô phú vô ký. Không phải tánh đáng nên đoạn, thể không phải pháp ngầm kín, tức là thông với năm uẩn không trái với đạo.

Luận: “Nhưng có hai nghĩa”, đến “tạp phiền não của nó”.

Thuật rằng: Nhưng thiện và Vô ký này có hai nghĩa, cho nên nói đó là đoạn. Một là ly phược đoạn, là đoạn duyên phiền não của nó và tạp phiền não của nó. Duyên phiền não của nó là có phiền não duyên

Hữu lậu của của nó mà sinh, tức là tùy theo cảnh Hữu lậu thiện sở duyên của bảy thức kia. Hoặc đoạn năng duyên phiền não nói sở duyên cảnh cũng được đoạn. Tạp phiền não của nó là khi Thức thứ bảy khởi phiền não, tuy không duyên với pháp của Thức thứ sáu kia, nhưng sáu thức do đó trở thành tánh Hữu lậu, gọi là nhiễm ô y, Hoặc kia hằng khởi trong tánh vị của sáu thức. Khi phiền não của Thức thứ bảy đoạn thì pháp của Thức thứ sáu gọi là đắc đoạn. Lại nữa, xen lẫn nhau khởi thì gọi đó là tạp, giải thích này tức là có bình đẳng tánh trí. Xen lẫn phiền não của Thức thứ bảy thức sinh, thuận nhau thì gọi đó là tạp, nhưng Thức thứ sáu và Thức thứ bảy Vô lậu thì không tương thuận với phiền não, chánh trái nhau cho nên không gọi là tạp. Đây không phải là nhân khởi, vì các nghiệp Vô ký không phải nhân khởi. Chỉ xen lẫn nhau mà sinh cũng có nghĩa là tạp, tánh thuận với Lậu cho nên xen lẫn nhau sinh gọi là tạp. Lại nữa, tạp là phiền não của Hữu lậu thiện nghiệp dẫn khởi cho nên trở thành tánh Hữu lậu, không đồng với tánh Vô ký, sau đó khi đoạn Hữu lậu kia thì thiện cũng gọi là đoạn. Lại nữa, giải thích tâm của tương ưng phược và tánh của Biến hành không phải là nhiễm pháp, cùng với phiền não đều gọi là phiền não phược. Khi phiền não đoạn thì tâm vương Biến hành kia gọi là được đoạn, vì lìa tương ưng hoặc, gọi là đoạn tạp phiền não của nó. Các tâm vương Biến hành tuy cùng với nhiễm pháp tương ưng, tánh không phải pháp nên đoạn cho nên tại môn này, giải thích này trái với giải thích sau chỉ có văn Tu đoạn. Kiến đạo lẽ nào không có tương ưng chuyển! Do đây nên biết hai thuyết Thiện trước, nếu nói bảy thức gọi là tạp phiền não, lìa chín phẩm Dục chưa đắc Vô học thì cõi Dục thiện đáng lẽ không gọi là đoạn, vì tạp phiền não cũng còn chưa đoạn hết. Hoặc căn cứ theo nghĩa này thì khi lìa dục, chỉ có thể duyên hết thì gọi là đoạn, không phải lìa phiền não. Đã như thế thì sinh thánh cõi trên, không đoạn tạp phiền não mà phiền não cũng tự nhiên không có. Như kiến đạo phiền não Tu hoặc duyên phược chưa hết cũng gọi là đoạn. Đoạn đã vĩnh viễn không sinh vì tự tánh mạnh mẽ, nói đó là đoạn, các pháp loại thiện của nó cũng nên như thế. Duyên sự mạnh mẽ của phiền não của nó, không chờ đoạn tạp hoặc, cũng gọi là đoạn. Đã như thế tại sao do đó gọi là Hữu lậu? Nghĩa này nên suy nghĩ.

Hỏi: Như năm kiến là tuệ phần, thể của tuệ là nên đoạn hay không nên đoạn? Nên đoạn tức là pháp tương ưng, không lìa tương ưng mà được đoạn, vì thể đều có thể đoạn. Nếu không nên đoạn thì năm kiến liền không phải thể của lậu, cũng không phải thể của phược? Như vậy cho đến Bất chánh tri, cũng căn cứ theo đây mà hỏi.

Đáp: Trong Biến hành và biệt cảnh, kiến thể đó là phược. Phi kiến là quấy, vì kiến là năng chấp. Do đây mười pháp này trừ tuệ ra, còn lại chín pháp là có nhiễm phần, nhập vào trong Tùy phiền não đều là thể không phải lậu mà giả lập tên là lậu. Nếu không như thế thì không có pháp phược tương ưng với tà tác ý, đều phần lớn là có ngăn ngại.

Luận: "Hai bất sinh đoạn", đến "khiến cho vĩnh viễn không khởi".

Thuật rằng: Y là nương vào, là chỗ để nương. Nhân nương vào Vô thì quả chắc chắn không khởi, quả nương vào Vô cho nên nhân cũng không sinh.

Luận: "Y và ly phược đoạn", đến "chỉ có Tu sở đoạn".

Thuật rằng: Y theo ly phược đoạn trước. Luận Du-già quyển 66 ghi: "Các Hữu lậu thiện, vô phú Vô ký chỉ có Tu sở đoạn". Quyển 57 ghi: "Tín... sáu căn, đây là Tu đoạn cùng với Bất đoạn mà duyên phược này, vì đều là Tu đạo đoạn".

Hỏi: Kiến đạo phiền não lẽ nào không duyên với phược này?

Đáp: Duyên nó cũng khởi, nhưng chưa tận, cho nên đó là nguyên nhân không nói. Hiện tại các luận đều nói cho nên chỉ có Tu đoạn.

Luận: "Nương bất sinh đoạn", đến "chỉ có Kiến sở đoạn".

Thuật rằng: Nương theo bất sinh đoạn ở sau. Luận Đối Pháp quyển 4, luận Du-già quyển 66 ghi: "Thể Thức thứ tám của các nẻo ác và Dị thục thú chỉ có Kiến sở đoạn, và Vô tưởng định cũng chỉ có Kiến sở đoạn". Vì nó nhập vào thiện và Vô ký môn, tức là Tu đạo nhiếp, nhập vào y vong môn tức là chỉ có Kiến đoạn, các pháp đó chỉ là phân biệt phiền não phát khởi các ngoại đạo. Khi nhập kiến đạo thì tất cả phân biệt phiền não đều đoạn. Xả bỏ thân sở y của ngoại đạo thì Vô tưởng định của họ cũng do đó mà không khởi. Chữ "đẳng" có nghĩa là đồng lấy Vô tưởng thiên, Bán trạch, Nhị hình và Bắc Uất-đan-việt. Nhưng Bán trạch thì trong quyển 53 ghi: "Khi kiến đạo thì đắc Phi trạch diệt". Lại nữa, quyển đó nói Vô tưởng thiên là Phi trạch diệt. Hiện tại luận này gọi là đoạn, trái với văn đó, luận này cũng không đúng. Luận này nói bất sinh cũng là Phi trạch diệt nhiếp. Đoạn nghĩa là xả, không phải nghĩa được đối trị. Nếu như thế thì nẻo ác và ác nghiệp quả cũng là tánh Vô ký, làm ví dụ cũng đáng lẽ như thế, cho nên luận Đối Pháp quyển 4 ghi: "Nghiệp quả nẻo ác là kiến đạo Sở đoạn, hoặc cùng với nhân hợp chung nói là kiến đạo đoạn, không phải đoạn duyên phược và thể của chủng tử". Năm căn Kiến đoạn cũng như giải thích này. Đoạn có bốn thứ, như nghĩa sai biệt trong Biệt sao nói. Nếu luận đạo lý thì chỉ có ba

thứ:

a. Tự tánh đoạn, là nhiễm ô pháp.

b. Ly phược đoạn, là năng đoạn duyên và tạp phiền não của nó, thiện và Vô ký pháp là Tu đạo sở đoạn mới rốt ráo hết.

c. Bất sinh đoạn, là đoạn sở y của nó khiến cho vĩnh viễn không khởi.

Điều này có hai thứ:

a. Nhân vong quả tùy tán: Nghĩa là quả của ba nẻo ác gọi là kiến đạo đoạn, do nhân hoặc nghiệp không có thì quả vĩnh viễn không sinh.

b. Quả tận nhân tùy đoạn: Là báo riêng tùy nghiệp của ba nẻo ác cũng là kiến đạo đoạn, sở y quả không có, vì nhân tùy theo mà vong mất.

Vô tưởng định dẫn phát phiền não, nhân của kiến vị vong mất thì quả tùy theo kiến mà đoạn. Bán-trạch-ca, phần nhiều là do phiền não chánh phát. Khi nhập kiến đạo thì nhân vong quả cũng diệt. Có mấy pháp thông với Kiến đoạn và Tu đoạn?

Luận: "Nói mười hai chi", đến "như vậy nên biết".

Thuật rằng: Luận Du-già nói mười hai chi thông với hai đoạn, trong hai đoạn đó như vậy nên biết. Hoặc tự tánh của ba chi vô minh, ái và thủ là đoạn. Nhưng thông với Kiến đoạn và Tu đoạn. Ly phược và bất sinh thì yếu kém cho nên không nói. Hành thì có phần ít thông với ba chủng tự tánh, ly phược và bất sinh. Kiến Sở đoạn và Tu sở đoạn nhiễm ô là tự tánh đoạn. Phi nhiễm thì thông với bất sinh và ly phược. Ly phược thì đã có thể biết rồi. Vì kiến đạo Sở đoạn của Vô tưởng định, hành và Hữu thông với bất sinh. Thức... bảy chi chỉ có ly phược, bất sinh và thể Phi nhiễm pháp, không phải tự tánh đoạn. Nẻo ác, trời, người như vậy nên biết. Đại luận quyển 10 ghi: "Dự lưu và Nhất lai đoạn tất cả chi một phần, không toàn đoạn tuy có bảy chi sinh trong cõi Sắc, cõi Vô sắc và Thức thứ tám Hữu lậu đều không thọ thêm. Nhưng có Dự lưu là Bất hoàn trở về sau sinh cõi kia, cho nên hiện tại làm luận chung. Bất hoàn cõi Dục thì tất cả, cõi Sắc và cõi Vô sắc thì bất định, A-la-hán thì tất cả đã đoạn, chính là cùng với đây đồng. Nghĩa đoạn trong đây đến sau sẽ biết. Môn này kiêm giải thích quả đoạn phân biệt.

Luận: "Mười lạc xả đồng thời", đến "không phải thọ đồng thời".

Thuật rằng:

13. Ba thọ đồng thời môn: Y theo đương khởi vị thì mười chi cùng với lạc thọ và xả thọ đồng thời. Trừ thọ chi và lão tử chi, thọ không cùng với thọ tương ưng, là tự thể cho nên ở đây phỏng theo một thức,

hoặc nương nhiều thức được câu khởi, trong đây chỗ phân rõ tương ưng gọi là đồng thời, cho nên thọ không cùng với thọ đồng thời và trừ lão tử ra. Trong lão tử vị, phần nhiều không có lạc và khách xả, không phải nói Thức thứ tám chủ xả cũng không có. Trong mười hai chi, có mười một chi là khổ thọ đồng thời, như trước thêm lão tử, chỉ trừ đối với thọ, không phải tự thể đồng thời như lý trước nói. Lão tử phần nhiều khởi các khổ ưu bi, cho nên Đại luận quyển 10 chỉ ghi: "Trừ hai thọ lạc và xả, cùng với hai thọ còn lại câu hành". Hoặc khổ thọ cùng với một trong chỗ trừ, trong đây giải thích riêng, ưu thọ và hỷ thọ của nó đồng với khổ và lạc mà nói. Vị của sinh chi này rộng rải cho nên có lạc và xả.

Luận: "Mười một chi phần ít", đến "cho nên không nói nó".

Thuật rằng:

14. Ba khổ phân biệt môn: Mười một chi chỗ nhiếp của phần ít hoại khổ, trong mười hai chi, trừ một chi lão tử. Trong lão tử vị phần nhiều không có lạc thọ. Trong mười một chi, không phải lạc thọ không có, y theo lạc mà lập hoại khổ, không nói trong lão tử chi kia cũng làm hoại khổ. Đại luận quyển 10 ghi: "Nói rằng lạc thọ câu hành chi và phi thọ câu hành chi một phần là hoại khổ". Trước nói lạc thọ mười chi câu hành trừ thọ và lão tử, thọ không cùng với thọ câu, cho nên nói thọ làm phi thọ câu chi. Nói một phần, là trong mười hai chi có tánh của khổ khổ và hành khổ, hiện tại trừ tánh đó ra cho nên nói một phần.

Luận: "Mười hai chi ít phần", đến "có khổ thọ".

Thuật rằng: Mười hai chi ít phần chỗ nhiếp của khổ khổ. Lý do gì trong tất cả chi có khổ thọ? Quyển 10 ghi: "Nói rằng khổ thọ câu hành chi và phi thọ câu hành chi, một phần là khổ khổ". Khổ thọ trước trong câu hành nhiếp mười một chi, trừ thọ ra như trước nói. Hiện tại luận này gồm cả thọ cũng là khổ khổ cho nên mười hai chi nói một phần, như trong hoại khổ nói.

Luận: "Mười hai chi toàn phần", đến "như hoại khổ nói".

Thuật rằng: Mười hai chi toàn phần là chỗ nhiếp của hành khổ. Thật tế mà luận, các pháp Hữu lậu đều là hành khổ. Lại nữa, y theo ba thọ phân biệt môn, phỏng theo xả thọ mà nói là hành khổ, tức là mười một chi phần ít, trừ lão tử chi, phần nhiều không có xả, như hoại khổ nói. Trước xả thọ câu hành cùng với lạc thọ đồng. Đại luận quyển 10 ghi: "Chỗ có hai khổ chi đều là hành khổ nhiếp". Có hành khổ chi không phải hai chi nhiếp lấy, nghĩa là Bất khổ lạc thọ câu chi và Phi thọ câu chi một phần, cùng với văn này đồng. Luận Du-già quyển 66 ghi: "Theo thật tế thì Hữu lậu đều là hành khổ, phỏng theo khi cùng hiển thì

vị xả thọ hiển, cùng với hai thọ thì hai khổ cùng hiển.

Luận: "Thật nghĩa như vậy", đến "chỗ nói bất định".

Thuật rằng: Đây là phỏng theo hai vị thật thể và tương hiển mà nói thật nghĩa của chi, nhiếp khổ như vậy. Trong các kinh luận, tùy theo tướng kia tăng mà chỗ thuyết bất định. Nghĩa này như thế nào? Vả lại trong các luận này có hai phần:

a. Toàn thể phần nhiều nhiếp ba khổ, tức là Hữu lậu pháp đều là hành khổ gọi là toàn.

b. Hai khổ còn lại gọi là nhiều phần, tức là xả thọ câu chi gọi là hành khổ. Hành khổ gọi là tương hiển, còn lại hai thọ câu khổ gọi là nhiều phần. Kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: "Sinh hiển hành khổ, lão hiển hoại khổ, tử hiển khổ khổ". Thập Địa quyển 8 ghi: "Kinh ghi: Mười hai nhân duyên phân nói là ba khổ tướng, trong đó vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập gọi là hành khổ; xúc, thọ gọi là khổ khổ; y theo nhân duyên phân thì gọi là hoại khổ, tức là ái, thủ, hữu, sinh và lão tử chi". Luận đó không có giải thích. Mỗi mỗi đều là tùy theo nghĩa mà tăng, thật ra không có trái nghịch. Luận Du-già ghi: "Căn cứ theo biến pháp thể thì chánh gọi là đạo lý". Trong kinh Duyên Khởi chi phỏng theo quả thời để phân rõ ba khổ, nhân thì chủng tử ẩn mà không luận. Hoặc nói quả thời tức là hiển nhân, nói rằng pháp Hữu vi tạo tác gọi là hành, sinh nghĩa là khởi, là nghĩa tạo tác, tăng nói là hành khổ, lão nghĩa là suy, hoại nghĩa là biến, tử diệt bức bách tăng gọi là khổ khổ. Lấy quả ba khổ để hiển nhân tùy ứng cũng có ba khổ. Tùy tướng tăng mà nói thì không trái với luận Du-già, trong kinh Thập Địa thì thông với nhân quả phân rõ, hành nghĩa là tác, bảy chi trước đều là dẫn nhân nhiếp, nghĩa tạo tác tăng. Đương quả là gốc cho nên nói là hành khổ, tuy xúc và thọ cũng là dẫn nhân nhiếp. Nghĩa của khổ khổ tăng không nói là hành, nghĩa là thể của khổ chi phần nhiều khởi khổ thọ, các chi khổ khổ chỉ có thọ chi tăng. Chỗ sinh thọ của xúc cùng với thọ tương thuận, chỉ nói xúc và thọ làm thể của khổ khổ. Dục hiển các thể của thọ đều là khổ không có chút nào lạc, vì khiến cho sinh chán. Nói xúc câu và thọ câu làm khổ khổ, tuy đối với tử vị thì khổ khổ cũng tăng, cùng với lão tương lân cận chỉ gọi là hoại khổ. Nói thể chánh hoại phần nhiều là Lão chi, tử là diệt mất, cùng với lão tương thuận cho nên lão tử chi thật ra gọi là hoại khổ. Đối với đương quả vị thì sinh làm gốc hoại, cho nên sinh và lão tử đều là hoại khổ nhiếp. Ái thủ hữu của nó thì làm năng sinh nhân, khi sinh đương quả thì ba nhân gần nhất này từ chỗ sinh mà nói thì ba chi ái thủ hữu cũng gọi là hoại khổ. Lại nữa, năm chi ái, thủ,

hữu, sinh và lão tử, thuộc năng sinh và sở sinh nhiếp. Khi thục biến thì lự của khổ này dấy khởi, biến hoại gọi là hoại khổ cho nên đều là hoại khổ nhiếp. Luận Đối Pháp ghi: "Đối với đương quả vị có năng sinh và sở sinh, do thục biến cho nên nói tên là quả". hoại khổ cũng như thế, đều tùy theo tướng tăng mà nói ba khổ này không phải thật lý, cho nên luận gồm chung lại, ngoài ra chỗ nói tùy theo tướng tăng là như vậy.

Luận: "Đều là Khổ đế nhiếp", đến "tánh của nghiệp phiền não".

Thuật rằng:

15. Bốn đế môn: Mười hai chi này đều thuộc về Khổ đế, vì là tánh của Hữu lậu thủ uẩn. Có năm trong mười hai chi cũng là Tập đế, chiêu cảm gọi là tập, không phải nghĩa là nhân. Hành và hữu là nghiệp, ba phiền não tánh si, ái và thủ không phải diệt và đạo, vì không phải Vô lậu. Sư Tát-bà-đa nói thể của khổ và tập là một, có nhân quả cho nên nói hai, điều này thì Đại thừa không đúng. Khổ đế rộng, Tập đế hẹp, các tập đều là khổ, không phải khổ đều là tập.

Hỏi: Khổ đế là quả, nghĩa quả Hữu lậu đều là khổ, Tập đế là nhân, nghĩa nhân Hữu lậu đều là tập, phải không?

Đáp: Không đúng. Hữu lậu không phải khổ, khổ có nghĩa là bức bách, Hữu lậu đều là Khổ đế. Có Dị thục cho nên mới gọi là tập, tập là hữu báo, nghĩa là Hữu lậu pháp đều không phải gọi là tập. Như Quyết Trạch quyển 55 ghi: "Hỏi: Đạo đế không phải Hữu lậu, chi không phải thuộc về Đạo đế, gia hạnh và tư lương thì thuộc về Đạo đế, hữu chi đáng lẽ cũng thuộc về Đạo đế? Đáp: Thuận đạo gọi là đạo, hai đạo thuộc thuộc về Đạo đế. Thuận pháp sinh tử gọi là Duyên khởi, Đạo đế không phải là Duyên khởi. Hai đạo khắc tánh cũng không phải Đạo đế". Hiện tại luận này phỏng theo khắc tánh mà luận, chi không phải Đạo đế, vì hai đạo Hữu lậu. Lại nữa, hai đạo vị thì Hữu lậu, hai đạo là Duyên khởi chi, không phải thuộc về Đạo đế. Chủng tử của hai đạo Vô lậu là thuộc về Đạo đế, không phải Duyên khởi chi. Mỗi mỗi đều căn cứ theo một nghĩa cũng không trái nhau. Đại luận quyển 15, quyển 16 ghi: "Hai chi là Khổ đế, vì hiện hành làm khổ, sinh và lão tử. Năm chi là Khổ đế, vì đang gây khổ. Thức cho đến thọ là ngoài Tập đế, cùng với văn này đồng.

Luận: "Các chi mong nhau", đến "có hay không thì bất định".

Thuật rằng:

16. Bốn duyên môn: Mười hai chi mong nhau, quyết định có Tăng thượng duyên, vì rộng. Còn lại ba duyên có hay không thì bất định, vì

hẹp.

Hỏi: Hoặc cũng có thừa, tại sao kinh Duyên Khởi quyển hạ ghi: "Chỉ có một Tăng thượng duyên?"

Luận: "Khế kinh y theo định chỉ nói có một".

Thuật rằng: Vì nương vào định mà có, chỉ nói có một duyên tăng thượng, không phải ngăn trách các duyên khác. Lại nữa, nhân duyên trong ba duyên còn lại rất hẹp.

Luận: "Ái mong thủ", đến "có nhân duyên nghĩa".

Thuật rằng: Hai chi này mong hậu hữu nhân duyên nghĩa, ái tăng gọi là thủ, vì chủng tử ái hay sinh thủ. Thức... năm chủng chuyển gọi là Hữu, sở sinh hiện hành gọi là sinh, vì có nhân duyên. Có chi không mong lão tử vì cách với sinh chi. Hiện tại luận này nương theo chi lân cận kế sau mà nói, không như thế thì thức mong danh sắc, cho đến lần lượt cũng vậy. Phỏng theo đương sinh vị được làm nhân duyên. Kinh Duyên Khởi ghi: "Sinh dẫn đồng thời". Hiện tại luận này phỏng theo chủng mong thể chủng tử của chi lân cận mà làm luận, vì các thức chưa nhuận. Thức... năm chủng mong Phi nhân duyên của sinh, đây tức là kinh Duyên Khởi, Thập Địa và luận Du-già không nói nghiệp làm thức chi. Nhân duyên cũng căn cứ theo đây.

Luận: "Hoặc nói thức chi", đến "cũng làm nhân duyên".

Thuật rằng: Như luận Đối Pháp ghi: "Thức chi là chủng tử của nghiệp, hành mong thức cũng làm nhân duyên. Hiện hành hạnh mong thức chi của hành chủng.

Luận: "Các chi khác mong nhau không có nhân duyên nghĩa".

Thuật rằng: Trừ ba chi này, ngoài ra không phải nhân duyên, vì không phân rõ thể sinh.

Luận: "Nhưng Tập luận nói", đến "thật ra là hành chủng".

Thuật rằng: Đây là tổng hợp các văn trái nhau. Tập luận quyển 4 ghi: "Vô minh mong hành là có nhân duyên". Đây là nương và tập khí tư nghiệp của vô minh đồng thời mà nói, vì vô minh đồng thời cho nên giả thuyết là vô minh, thật ra là hành chủng, không phải thật vô minh. Vô minh đã như thế, các chi khác cũng căn cứ theo đây mà biết. Đây là y theo thể riêng, vì không phải phân vị, luận kia lấy vô minh làm đầu, để làm ví dụ cho các chi khác đáng lẽ cũng như thế. Luận kia lại lấy vô minh làm pháp. Điều này là thiên về tổng hợp các văn.

Luận: "Luận Du-già nói", đến "chỉ có nghiệp có nói".

Thuật rằng: Luận Du-già nói có ba duyên không có nhân duyên, y theo hiện hành ái và thủ, không y theo chủng tử ái và thủ, y theo

nghiệp chủng làm Hữu, không y theo có thức chủng mà nói. Không nói có nhân duyên, cũng không phải trái nhau. Luận đó chỉ nói vô minh mong sắc hiện hành làm Tăng thượng duyên, mong Vô sắc hiện hành làm ba duyên, là Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên, như vậy các chi còn lại làm duyên nhiều hoặc ít, nên như đây mà biết. Hữu sắc mong Hữu sắc chi làm một Tăng thượng duyên, mong Vô sắc chi làm hai duyên là Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên. Vô sắc mong Hữu sắc, một Tăng thượng duyên mong Vô sắc làm ba duyên là Đẳng vô gián, sở duyên và tăng thượng.

Luận đó lại hỏi: Tại sao mong nhau không có nhân duyên?

Đáp: Nhân duyên là chủng tử của tự thể duyên chỗ hiển hiện, cho nên biết y theo hiện có ái, thủ và nghiệp mà nói, ái và thủ y theo hiện hành không phải y theo chủng tử, có chi y theo chủng nghiệp không phải y theo tự thể". Nếu không có luận này thì khó hiểu Du-già.

Luận kia lại hỏi: Nếu không có nhân duyên thì tại sao nói rằng y theo nhân quả tánh mà kiến lập Duyên khởi?

Đáp: Y theo chỗ nhiếp của Tăng thượng duyên thì dẫn phát, khiên dẫn và sinh khởi nhân nói là nhân. Đã nói y theo tăng thượng sinh khởi nhân, thuyết minh y có nghiệp mà nói, tức là lấy văn này làm chứng sinh khởi nhân chỉ có nói Tăng thượng duyên.

Luận: "Vô minh mong hành", đến "có hai duyên khác".

Thuật rằng: Tăng thượng duyên quyết định có, trong lại càng không nói. Vô minh mong hành, ái mong thủ, sinh mong lão tử, ba chi này có hai duyên khác là Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên. Hành mong thức cho đến xúc mong thọ, thủ mong hữu. Không có Đẳng vô gián thì quả của nó đều không phải hiện hành tâm và tâm sở tương dẫn sinh. Không phải Sở duyên duyên thì đều là không phải hiện hành tâm năng duyên lự.

Luận: "Hữu mong sinh", đến "có Sở duyên duyên".

Thuật rằng: Hữu mong sinh, thọ mong ái, không có Đẳng vô gián duyên, vì hữu và thọ đều là chủng tử, chủng tử mong hiện hành vì không phải Đẳng vô gián duyên. Có Sở duyên duyên là quả sở duyên của nó.

Luận: "Các chi khác mong nhau, cả hai đồng thời không phải có".

Thuật rằng: Như trước đã nói.

Luận: "Trong đây lại nương", đến "như lý nên suy nghĩ".

Thuật rằng: Chỗ nói trong đây là chi trước mong chi lân cận kế

sau, không phải cách qua một chi, hoặc hai chi, hoặc nhiều chi. Đây là nương vào thuận thứ tự, không phải nghịch thứ tự, nương vào nhân quả trước sau không tạp loạn, mỗi mỗi đều đúng là thể, thật ra là nương Duyên khởi mà luận. Không giống như luận Đối Pháp nói vô minh mong hành tạp loạn lẫn nhau, không phải thật Duyên khởi mà nói. Khác là chi lân cận kế tiếp hoặc vượt qua bỏ chi kế tiếp, khác là thuận thứ tự hoặc nghịch thứ tự, khác là không tạp loạn nhau, là thật Duyên khởi. Nếu tạp loạn nhau là giả Duyên khởi, làm duyên bất định. Các bậc thông tuệ nên như lý suy nghĩ.

Vả lại gián cách, như vô minh cùng với thức... năm chủng và hữu chỉ có một Tăng thượng duyên cùng với ái, thủ, sinh và lão tử làm hai duyên là Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên. Còn lại tất cả căn cứ theo đây đều có thể biết. Nếu nghịch thứ tự, cũng có cận thứ tự và gián cách qua một chi hoặc hai chi. Hiện tại luận này hợp chung lại nói lão tử cùng với sinh, ái, thủ, hành và vô minh làm hai duyên, là Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên. Các chi còn lại chỉ có Tăng thượng duyên. Hoặc tương tạp loạn thì có hai thứ: một là thuận, hai là nghịch. Trong thuận thứ tự thì có cận thứ tự và gián cách. Cận thứ tự như luận Đối Pháp nói, gián cách thì cùng với thật duyên trước không khác nhau, cũng phỏng theo thức... năm chủng mà nói. Nếu phỏng theo đương sinh thì tùy theo chỗ thích ứng của nó. Trong nghịch thứ tự thì có ngăn cách gần, đều nên như vậy suy nghĩ. Kinh Duyên Khởi quyển hạ nói đây là phỏng theo tăng thượng mà nói, nhưng có xa và gần, cho đến các chi mỗi mỗi đều rộng làm duyên. Nhưng thức... năm chủng trong đây y theo đương khởi vị, các chi gián cách nghịch thứ tự vượt qua khoảng cách tương tạp loạn làm duyên. Mỗi mỗi nên suy theo đây có thể hiểu, không phiền nói rộng.

Luận: "Ba pháp Hoặc nghiệp khổ", đến "là chỗ nhiếp của khổ".

Thuật rằng:

17. Đây là môn thứ mười bảy Hoặc nghiệp khổ nhiếp các chi. Ba chi vô minh, ái và thủ là Hoặc nhiếp. Hành toàn đủ có một phần, trừ các chủng của thức là chỗ nhiếp của nghiệp. Thức... năm chi, sinh... hai chi, là bảy chi toàn đủ và có thức... năm chủng đã nhuận trong một phần, là chỗ nhiếp của khổ. Như Đại luận quyển 56, Thập Địa quyển 8 và luận Trung Biên quyển thượng ghi: "Hành và hữu là nghiệp đạo, vô minh, ái, thủ là phiền não đạo, còn lại bảy chi là khổ đạo". Đại luận quyển 10 tuy không giải thích riêng, hiện tại luận này nói ba chi là phiền não đạo, hai chi là nghiệp đạo, còn lại là khổ đạo. Cựu Trung Biên nói đạo làm

nạn, là phiền não nạn, nghiệp nạn và khổ nạn, nhưng tân phiên dịch thì gọi là tạp nhiễm.

Luận: "Có chỗ nói nghiệp", đến "nghiệp hữu mà nói".

Thuật rằng: Đây là tổng hợp trái nghịch. Trong đây theo thật tế mà luận, là nói hữu một phần, hàm chứa các chi của thức. Luận Du-già và Thập Địa nói nghiệp nhiếp toàn hữu. Nên biết các luận kia y theo nghiệp hữu mà nói, nếu không như thế thì luận kia phân riêng hữu. Luận Đối Pháp quyển 4 ghi: "Ba chi hành, thức và hữu là nghiệp". Các chi còn lại đều đồng với đây. Hiện tại luận này giải thích như sau.

Luận: "Có chỗ nói thức", đến "làm thức chi".

Thuật rằng: Thức là nghiệp, luận kia nói nghiệp chủng làm thức chi.

Luận kia hỏi: Tại sao chỗ nhiếp của nghiệp nhiễm là thức chi?

Đáp: Vì chỗ hiển tập khí của các hành, tức là chủng tử của các hành gọi là thức.

Luận: "Chỗ chiêu cảm của hoặc nghiệp", đến "làm cho sinh chán".

Thuật rằng: Đây là giải thích câu hỏi của người ngoài. Nếu thể của khổ tất cả đều như vậy, tại sao hoặc và nghiệp không gọi là khổ? Chỉ có chỗ chiêu cảm này gọi là khổ, luận kia chỉ có Khổ đế, không phải như Hoặc và nghiệp cũng là Tập đế. Lại nữa, làm cho sinh chán không khởi hoặc nghiệp, nói chỗ chiêu cảm này riêng gọi là khổ. Đây tức là văn luận lấy mười bảy môn, tổng quát là quảng phân biệt môn phần thứ mười đã nói xong. Các môn còn lại, như luận Du-già quyển 10, quyển 93 trong Duyên khởi nói, quyển 7 quyển 19 trong Vô tri rộng hỏi đáp.

Luận: "Do hoặc nghiệp khổ", đến "sinh tử tương tục".

Thuật rằng: Các pháp này mỗi mỗi như Biệt chương sao nói, không thể rộng giải thích. Những vị giảng giải đời sau nên cứ theo đây mà nói.

Từ trên đến đây tổng quát là phần thứ hai lấy mười môn rộng giải thích về Duyên khởi đã nói xong. Từ đây xuống phần thứ ba tổng kết hoặc nghiệp khổ, kết quy về văn của bản tụng. Từ hoặc nghiệp khổ tức là mười hai chi, hoặc này có thể khiến cho sinh tử tương tục bất đoạn, không do duyên bên ngoài mà sinh tử tương tục.

Từ trên đến đây có ba chữ "lại nữa" để giải thích văn tụng đã nói xong. Từ đây xuống đoạn thứ tư giải thích văn của bản tụng, trong đó có ba phần:

a. Giải thích văn tụng sinh tử tương tục.

b. Nương theo để giải thích tịnh pháp tương tục.

c. Tổng kết trở về Duy thức.

Trong phần đầu có ba phần:

a. Giải thích chung văn tụng, sinh tử tương tục do nội nhân duyên.

b. Giải thích riêng hai Tử.

c. Thuộc giải thích văn tụng.

Luận: "Lại nữa, sinh tử tương tục", đến "cho nên chỉ có thức".

Thuật rằng: Đây là phần đầu như văn có thể hiểu. Phần kế là giải thích riêng hai tử, đã nói nội nhân và duyên bên trong. Tại sao vậy?

Luận: "Nhân là hữu nghiệp", đến "cho nên nói làm nhân".

Thuật rằng: Dưới đây phần thứ hai chánh hai tử. Phần đầu nêu chung lý do nhân duyên thể tánh của sinh tử mà được tên, phần thứ hai từ câu "tại sao vậy" trở xuống, người ngoài trình bày giải thích nêu ra thể của sinh tử. Phần đầu trước hết là nêu ra thể của nhân, sau đó nêu ra thể của duyên. Đây là phần đầu. nghiệp Hữu lậu là thiện nghiệp của ba cõi, là Bất thiện nghiệp của cõi Dục. Như trong Duyên khởi, chánh chiêu cảm đời sau dẫn mãn nghiệp là nghiệp Hữu lậu, trừ thuận hiện nghiệp riêng trợ cho đương nghiệp đều không phải là nghiệp Hữu lậu này nhiếp, không phải là hành chi chánh chiêu cảm sinh tử cho nên Vô ký nghiệp cũng không phải nghiệp nhiếp, lý giải thích như thường. Trong Vô ký nghiệp, trừ chánh thể của vô phân biệt, Hậu đắc trí và gia hạnh này, chỉ có thủ Hậu đắc là có phân biệt, vì duyên sự sinh, đến sau sẽ hiểu. nghiệp Hữu lậu và Vô lậu nghiệp này chánh chiêu cảm sinh tử cho nên nói làm nhân. Nói chánh chiêu cảm, là do sự chiêu cảm này mà sinh tử tương tục, do chiêu cảm này mà có lực sinh tử tương tục sinh, chính là kéo dẫn sinh tử. Hữu lậu là Dị thục nhân nhiếp, Vô lậu thì giống như Dị thục nhân cho nên nói là chánh chiêu cảm.

Luận: "Duyên là phiền não", đến "khởi nói làm duyên".

Thuật rằng: Đây là giải thích thể của duyên. Trong đây có hai chướng, trợ cho hai nghiệp trước chiêu cảm sinh tử, cho nên nói làm duyên, không phải chánh có lực do đó mà sinh. Phiền não chướng, là tất cả nhuận sinh các hoặc, nắm lấy phát nghiệp tuy lý không trái, nhưng hiện tại ý này là nắm lấy sự nhuận sinh. Sở tri chướng, loại này tuy nhiều, chỉ nắm lấy duyên để khởi Phật và hữu tình. Hoặc nắm lấy tất cả như phiền não nhuận, đến sau sẽ biết.

Luận: "Tại sao vậy?"

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ hai nêu thể của sinh tử. Trong đó có hai phần. Phần đầu mượn bên ngoài để trình bày, phần này lại có hai câu hỏi:

1. Sinh tử có mấy và lý do hai nhân duyên?

2. Có lý do gì mà do quả sinh tử của hai nghiệp này dấy khởi? Dưới đây là đáp có hai phần, phần đầu là đáp chung, phần sau là giải thích riêng.

Luận: "Sinh tử có hai".

Thuật rằng: Đây là đáp chung.

Luận: "Một là phần đoạn sinh tử", đến "thô quả Dị thục".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích riêng có hai phần:

1. Giải thích phần đoạn.

2. Giải thích biến dịch.

Đây là trong giải thích phần đoạn, phần đầu là thể, phần sau là danh. Đây là nêu thể. Dùng Hữu lậu thiện và Bất thiện nghiệp trước làm chánh chiêu cảm nhân. Do phiền não trước chướng duyên trợ thế lực, chỗ chiêu cảm thô quả Dị thục của ba cõi Dị thục Vô ký, dễ thấy được, vì có hạn định dễ hiểu rõ. Nhị thừa thế gian cùng biết là có, gọi đó là thô. Năm uẩn làm tánh, đây là chánh nêu ra thể của sinh tử. Thế nào gọi là phần đoạn?

Luận: "Thân mạng dài ngắn", đến "gọi là phần đoạn".

Thuật rằng: Đây là giải thích danh. Vì Dị thục thân mạng này có dài ngắn, hoặc một năm một ngày cho đến tám vạn kiếp, tùy theo lực của vãng nghiệp nhân hoặc duyên, có như vậy thời gian và nơi chỗ. Hoặc thân hoặc mạng quyết định có bằng hạn, cho nên gọi là phần đoạn, vì có thể làm một phần hoặcmột đoạn cho nên gọi là phần đoạn.

Luận: "Hai là bất tư nghì", đến "tế quả Dị thục".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích biến dịch có năm phần:

1. Nêu thể.

2. Giải thích tên gọi, nhân đó phân rõ người chứng đắc.

3. Vấn đáp.

4. Đối chứng phân rõ hai tử.

5. Tổng kết.

Đây là phần đầu. Các Vô lậu trước đắc Hữu phân nghiệp riêng sau. Do Sở tri chướng trước, trợ duyên thế lực chỗ chiêu cảm tế quả Dị thục thù thắng, quả này mong phần đoạn chuyển thành tịnh Diệu. Vì chuyển vi tế, chuyển quang khiết, không có hạn định, không phải thế gian của nó, và không phải hồi tâm Nhị thừa cảnh gọi là thù thắng,

chỉ có diệu, chỉ có tế, chỉ là Bồ-tát, và tự thân đó gồm cả cảnh giới Phật, cho nên gọi là tế. Quyển 80 ghi: "Chư Thiên cũng còn không thấy được". Đây là lấy năm uẩn của Dị thục Vô ký làm tự tánh, trong năm quả thì quả Dị thục nhiếp. Đây là chánh nêu ra thể của sinh tử. Tại sao phần đoạn nói là quả của ba cõi, còn tử này thì không nói là quả của cõi nào? Đây là đối với ba cõi không phải quyết định là cõi nào. Như phần thứ bảy trước đã có hai giải thích, cho nên không nói ba cõi không đồng phần đoạn tử quyết định thuộc nghiệp cõi này, đây là không thuộc biến dịch tử, vì Vô lậu nghiệp, đây là nhờ vào hành tướng, đến sau sẽ rõ. Thế nào gọi là biến dịch tử mà nói là bất tư nghì?

Luận: "Do bi nguyện lực", đến "cho nên gọi là biến dịch".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích tên kiêm giải thích người chứng đắc. Tóm lược có ba tên, đây là tên thứ nhất, do đại bi đại nguyện cứu sinh mà đắc Bồ-đề lực, chuyển đổi thân mạng xấu ác xưa cũ, trở thành thân mạng thù thắng hiện tại, chuyển thân mạng thô kém trước kia thành thân mạng diệu tế hiện tại. Trước có nói hạn định bằng nhau là nghiệp này, châu này, cõi này, địa này, có thời điểm quyết định như thế. Hiện tại nghiệp này, châu này, cõi này và địa này thời hạn bằng nhau bất định. Như dựa vào thân của trời quảng quả cõi Sắc rộng hơn năm trăm do-tuần, mạng dài hơn năm trăm kiếp, hoặc ít hơn, cho đến trời người cõi Dục cũng như thế. Biến nghĩa là biến đổi, dịch nghĩa là chuyển dời. Biến đổi thân mạng sinh tử xưa cũ trở thành thân mạng sinh tử hiện tại, cho nên gọi là biến dịch. Dưới đây thế nào gọi là bất tư nghì?

Luận: "Vô lậu định nguyện", đến "gọi là bất tư nghì".

Thuật rằng: Hoặc Vô lậu định nguyện lực chính là chỗ nương nhờ để sinh, chính là chỗ chiêu cảm được, đến diệu dụng vi tế thì khó lường, không thể biết được, vì không phải cảnh của Nhị thừa, gọi là bất tư nghì. Không phải hạng phàm phu hữu tình và Nhị thừa tính biết được, gọi là bất tư nghì, nhưng không thể nói Phật và Bồ-tát không biết, gọi là bất tư nghì. Lăng-già quyển 4 bộ mười quyển ghi: "Đại Tuệ! Thanh văn và Bích-chi-phật chưa chứng pháp Vô ngã, chưa đắc lìa bất tư nghì biến dịch sinh, Phật thì đã lìa, cho nên đắc bất tư nghì Vô lậu giới pháp thân. Biến dịch tử thì cùng với luận này đồng. Vô lậu giới pháp thân, như sau đây quyển 10 giải thích.

Luận: "Hoặc gọi là ý thành thân tùy ý nguyện thành".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích tên thứ hai và hiển nguyên nhân được tên. Lại nữa, sinh tử quả này hoặc gọi là Ý thành thân, tùy theo chỗ thành của đại bi nguyện ý. Kinh Thắng Man ghi: "Sinh là các thọ

và các căn khởi. Tử là các thọ và các căn diệt, cho đến vân vân", như Biệt chương giải thích. Giải thích tên này e rằng nghĩa không có nguyên do, dưới đây sẽ dẫn kinh làm chứng.

Luận: "Như Khế kinh nói", đến "ba chủng Ý thành thân".

Thuật rằng: Đây là thành đối với tên Ý thành thân trước, như kinh Thắng Man ghi: "Ma-lợi-ca! Tên Man này tức là Mạt-lợi phu nhân. Con gái của phu nhân này tên là Ma-lợi-thất-la, tức là Thắng Man". Luận kia nói cũng tương tợ, lấy thủ làm duyên, tức là Phiền não chướng; nghiệp nhân Hữu lậu tức là Chánh nhân nghiệp. Do Hoặc nhuận cho nên tương tục hậu hữu mà sinh hữu của ba cõi. Đây là nêu Phần đoạn nhân quả để so sánh sự biến dịch, như vậy Vô minh tập địa trong năm Trụ địa làm duyên, tức là Sở tri chướng. Vô lậu nghiệp nhân tức là Hữu phân nghiệp riêng. Có A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát đã đắc tự tại lấy Sở tri chướng kia và Vô lậu nghiệp làm nhân mà sinh ba chủng Ý thành thân đó. Phật tánh Luận: "Ngoài ba cõi, có loại người thọ biến dịch, nhân loại tuy tức là cõi này mà không phải ở ngoài ba cõi. Ba hạng người này đều chuyển thân thô cũ, do đại bi nguyện lực mà được thành thân tùy ý muốn. Vô minh Trụ địa trong năm Trụ địa là pháp chấp nhiếp. Kinh đó tự ghi: "Do Vô minh trụ làm sở y, hằng sa phiền não nhân đó mà khởi". Như trong quyển 10 sau đây sẽ tự hiểu. Kinh Thắng Man ghi: "Thế Tôn! Có như thủ duyên", tức là trong đây như thủ làm duyên, ý đó muốn nói có một thứ giống như thủ làm duyên. Nghĩa của nghiệp Hữu lậu nhân cùng với đây đồng, nhưng văn thì có khác, đó là lỗi của người dịch. Cựu dịch nói là Vô minh trụ địa, luận này nói là Tập địa, bản văn Phạm là Vô trụ. Chỗ nói Tập, là do tập quen vài lần mà có năm Trụ địa của vô minh này, gọi là Vô minh tập địa. Chỗ nói trụ là nghĩa gì? Cựu dịch nói là Bồ-tát có sức mạnh lớn, hiện tại luận này nói Bồ-tát đã đắc tự tại, là Địa thứ tám, trong hai thứ tướng và cõi đã được tự tại, cho nên trong Địa thứ tám đoạn hai ngu, có người đối với tướng và cõi tự tại ngu. Luận kia nói sức mạnh lớn, cũng là đối với tướng và cõi được sức lực tự tại. Kinh Vô Thượng Y ghi: "Đại địa Bồ-tát" thì cựu dịch nói là Ý sinh thân, luận này nói là Ý thành thân, nghĩa đó là tùy theo ý mà sinh, ý này tùy theo ý mà thành, vì chỉ có chuyển dịch, không phải mới sinh. Không thể nói là sinh. Đây tức là Nhị thừa vô học hồi tâm hướng Đại, và trực vãng Bồ-tát Địa thứ tám trở lên mới thọ sinh tử biến dịch. Ở đây cũng chưa hết lý, chỉ tùy theo văn kinh. Phật Địa quyển 2 ghi: "Thanh văn thừa, hoặc trừ bảy lần sinh, hoặc trừ một lần sinh, hoặc trừ các xứ của cõi trên một lần sinh, tức là ba quả trước. Tuy chỗ nhuận phần đoạn của các

phiền não mà đắc Phi trạch diệt, nhưng do nguyện lực mà thọ biến dịch sinh, ba vô số kiếp tu nhân Bồ-đề, không có lỗi". Phi trạch diệt là nhiều duyên không đủ, tất cánh trong lúc này không sinh, không phải vĩnh viễn không sinh, nhờ vào nhân của thân này mà dần dần tăng thắng cho đến thành Phật. Quyển 80 ghi: "Lại nữa, Thanh văn hồi hướng Bồ-đề, hoặc ở học vị có thể vứt bỏ, hoặc ở Vô học vị mới có thể vứt bỏ...", đến nói rộng, cho nên biết ba quả cũng được thọ biến dịch sinh, suy nghiệm mà biết văn này không phải làm xứng lý. Vì Địa thứ bảy trở về trước là những người thuộc Quyết định tánh, có người thọ tánh này. Hiện tại trong luận này nói là Nhị thừa vô học và Địa thứ tám trở lên thọ biến dịch sinh, vì quyết định cho nên nói ba quả trước và Địa thứ bảy trở lại, không quyết định thọ sinh tử biến dịch, cho nên không nói. Ba chủng tánh này thì quyết định cho nên nói. Tây phương có giải thích như cuối quyển trước, đã giải thích sơ lược xong. Vì có Bồ-tát Sơ địa, tức là có thể chế phục các phiền não cho nên Sơ địa cũng đắc. Như Diệt định nói hoặc có Sơ địa cho đến Địa thứ tám mới đắc. Nói rằng có hạng chỉ thọ Phần đoạn mà không phải Biến dịch, là các phàm phu, Tứ quả định tánh. Hoặc có hạng chỉ thọ biến dịch mà không phải Phần đoạn, là Nhị thừa vô học bất định tánh, Bồ-tát Địa thứ tám trở lên, hoặc cũng thọ Phần đoạn và cũng thọ Biến dịch là ba quả bất định tánh trước. Địa thứ bảy trở lại, phiền não chưa hết, hoặc dựa vào nghiệp Hữu lậu của Phiền não chướng mà chiêu cảm sinh tử, gọi là Phần đoạn sinh tử, đây là tướng thô dễ biết. Hoặc do Hữu lậu của Sở tri chướng trợ giúp mà chiêu cảm sinh tử, gọi là sinh tử biến dịch, vi tế khó biết, cho nên Địa thứ bảy trở lại chế phục các hữu tình thọ khổ ba đường mới là thật thân, dễ biết được. Địa thứ tám trở lên cho đến hóa thân, như Phật hóa thân để cứu độ chúng sinh, Đại Trí Độ luận ghi: "Địa thứ tám xả nhục thân, xả Phần đoạn". Nếu giải thích câu kinh này thì trong đây căn cứ theo định, không phải không thẳng đến Địa thứ bảy trở về trước. Ba quả trước cũng được nghĩa thọ. Như luận Đối Pháp hội sao quyển 13, trong đó có giải thích khác, Sơ địa đã đắc, lại không có quyết định Phần đoạn nghiệp, như A-la-hán. Lăng-già quyển 4 ghi bộ mười quyển ghi: "Đại Tuệ! Nói tịch tịnh pháp, là được chứng tướng Vô ngã nhập Viễn hành địa. Nhập Viễn hành địa rồi được vô lượng Tam-muội, tự tại như Ý sinh thân", tức là biết Địa thứ bảy đã đắc sinh tử này, nhưng chưa phải từ xưa đến nay cho nên trong đây không nói. Nhưng kinh Thắng Man và luận này đồng, Nhị thừa vô học và Bồ-tát tự tại gọi là Ý thành thân. Lăng-già quyển 5 bộ mười quyển ghi: "Đại Tuệ! Có ba thứ Ý sinh thân: Một là đắc Tam-

muội lạc tam-ma-bạt-đề Ý sinh thân, là trong Địa thứ ba, thứ tư và thứ năm. Hai là như thật giác tri các pháp tướng Ý sinh thân, là Bồ-tát Ma-ha-tát trong Địa thứ tám. Ba là chủng loại câu sinh Vô tác hành Ý sinh thân, là tự thân nội chứng tất cả pháp như thật lạc tướng và pháp tướng lạc, tức là Địa thứ bảy về trước đều đắc biến dịch". Văn này không bằng bốn quyển kinh, bây giờ tổng hợp các văn đó lại. Từ Sơ địa đến Địa thứ năm đều đáng gọi là đắc Tam-muội lạc tam-ma-bạt-đề Ý sinh thân, nhưng vì trong Sơ địa và Địa thứ hai chưa đắc định tự tại mà lược bỏ không nói. Đắc định tự tại thì đối với sinh tử này có công năng thù thắng, cho nên trong kinh đó nói tự tâm tịch tịnh hành các thứ hạnh thì tướng tam-ma-bạt-đề lạc của đại hải tâm. Ba chuyển thức gọi là Ý thức sinh, vì thấy cảnh giới của tự tâm. Như thật biết Hữu tướng và Vô tướng gọi là tướng Ý sinh thân thứ nhất, đối với định tự tại trong Địa thứ ba, thứ tư và thứ năm đều bình đẳng. Địa thứ sáu và Địa thứ bảy cũng đắc như thật giác tri tướng Ý sinh thân. Đại thứ sáu phần nhiều Vô tướng quán, Địa thứ bảy tuy đắc Vô tướng quán này, nhưng chưa được lìa gia hạnh, cho nên không bằng Địa thứ tám. Hiện tại luận này từ chỗ thù thắng mà luận thì chỉ nói Địa thứ tám là đắc Ý sinh thân thứ hai, cho nên kinh kia nói quán sát biết rõ thì đắc các pháp Vô tướng như huyễn pháp, đều không có chỗ có thân tâm chuyển biến, đắc Như huyễn tam-muội, các tam-ma-bạt-đề giác môn khác và vô lượng tướng lự tự tại thần thông, cho đến là tên Ý sinh thân thứ hai, chủng loại câu sinh Vô tác hành Ý sinh thân, nghĩa là Địa thứ chín và Địa thứ mười chỉ có hành Vô tướng, cũng không có công dụng, đối với sự và lý đều chỉ có nội chứng, cho nên kinh này ghi: "Là tự nội chứng tất cả chư pháp như thật lạc tướng pháp tướng lạc. Ba tên trong đây tuy các Địa đã đắc, nhưng căn cứ theo tăng thắng Địa mà nói thì không phải ngoài các Địa phần mà không đắc các thân này. Nhưng trong kinh Thắng Man và luận này phỏng theo thông với ba Thừa định và bất định thọ sinh tử biến dịch mà nói. Lăng-già thì phỏng theo trực vãng Bồ-tát thông với định và bất định thọ sinh tử biến dịch tăng thắng vị mà nói. Lại nữa, giải thích trực vãng Địa thứ tám mới đắc, đây là nói theo đường xa, tuy Địa tiền đã đắc lại còn nói thắng giả. Hai chủng ba chủng Ý sinh thân kia tuy danh vị có khác nhưng cũng không trái nhau.

Luận: "Cũng gọi là Biến hóa thân", đến "cho nên không trái lý".

Thuật rằng: Đây là giải thích tên thứ ba. Sinh tử biến dịch này cũng gọi là Biến hóa thân, do định lực của Vô lậu chuyển, khiến cho

khác với thân phần đoạn gốc, vì thanh tịnh vi diệu rộng lớn quang khiết như biến hoá, theo dụ mà được tên. Nhưng hai tên đầu thì nghĩa và dụng mà nêu rõ tên, tên này thì theo ví dụ. Như có luận nói, các vị Vô học Thanh văn, cho đến Phi nghiệp báo thân, đều là vấn đáp của luận đó, cũng không trái lý, cho nên biết từ ví dụ tức là biến dịch sinh. Đây là phần thứ hai giải thích danh và phân rõ người chứng đắc đã nói xong. Từ đây xuống phần thứ ba giải thích các nạn hại, có bốn hỏi đáp, hoặc phân làm ba phần.

Luận: "Hoặc Sở tri chướng", đến "không có Niết-bàn khác".

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi: Như phàm phu Hữu học do Phiền não chướng trợ cho nghiệp Hữu lậu, có thể chiêu cảm sinh tử nhưng không thể nhập Vô dư Niết-bàn. Tất cả Nhị thừa có Sở tri chướng, đã có thể khởi động Vô lậu nghiệp, có thể chiêu cảm sinh tử, tức là chỗ nói định tánh Nhị thừa của ông, đáng lẽ vĩnh viễn không nhập cõi Vô dư diệt, vì có Sở tri chướng và Vô lậu nghiệp có thể chiêu cảm sinh. Đây là các bộ Tiểu thừa cùng chung đặt vấn nạn này. Chướng này của bộ kia thì không trợ giúp cho chiêu cảm sinh.

Luận: "Như các Dị sinh câu thúc phiền não".

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp. Hoặc làm giải thích này có bốn vấn đáp, hoặc làm hai giải thích sau, chỉ có ba đoạn văn. Hiện tại luận này lấy pháp ví dụ, tức là giải thích vấn nạn trước. Nói rằng như các Dị sinh bị phiền não câu thúc chướng ngại, dong ruổi theo sinh tử, không thú hướng Niết-bàn. Thú tịch của nó, là tâm ưa thích hướng đến tịch diệt, bị tâm này câu thúc, rong đuổi theo Vô tướng, không thú hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, như các Dị sinh câu thúc phiền não, tuy có Sở tri chướng mà không được thành Phật, như các Dị sinh tuy có Vô lậu chủng mà không thú hướng Niết-bàn. Quyển 80 ghi: "Do chủng tánh khác nhau cho nên không thể thú hướng. Như người không có chủng tánh câu thúc phiền não cho nên dong ruổi theo sinh tử". Lại nữa, hoặc Sở tri chướng trợ cho Vô lậu nghiệp, đến đoạn văn Dị sinh bị phiền não câu thúc này, có nghĩa tổng quát là vấn nạn chiết phục kế chấp của ngoại đạo. Nói rằng có chiết phục kế chấp vì Vô lậu nghiệp chánh chiêu cảm sinh tử, làm nhân của sinh tử, như nghiệp thiện ác. Hiện tại luận này vấn nạn họ rằng: Nếu do Vô lậu chánh chiêu cảm sinh tử, Sở tri chướng trợ giúp thì Nhị thừa tánh đáng lẽ vĩnh viễn không nhập Vô dư Niết-bàn? Hằng khởi Vô lậu làm nhân của sinh tử, có Sở tri chướng hằng làm duyên trợ giúp câu thúc Nhị thừa cho nên không được vượt qua tịch tịnh. Như nghiệp nhân thiện ác và sức phiền não của

các Dị sinh trợ giúp câu thúc phiền não cho nên không đắc Niết-bàn, hiển ngược lại thì đã biết có thú hướng tịch tịnh. Tuy có Vô lậu và Sở tri chướng, nhưng không đều là hồi tâm, cho nên biết Vô lậu không phải làm nhân chánh chiêu cảm sinh tử. Lại nữa, giải thích văn này cho đến "như thế nào Đạo đế thật sự có thể chiêu cảm khổ" là văn vấn nạn. Có hai ý vấn nạn. Nếu Sở tri chướng trợ Vô lậu nghiệp thì có thể cảm chiêu sinh tử, định tánh Nhị thừa đáng lẽ vĩnh viễn không nhập Vô dư Niết-bàn, vì Sở tri chướng chiêu gọi sinh tử câu thúc Nhị thừa kiến phần, khiến cho thú hướng tịch diệt, như các Dị sinh câu thúc các phiền não mà không đắc Niết-bàn. Đó là câu hỏi thứ nhất, cho nên sau sẽ đáp. Sở tri chướng kia không thể có ứng dụng phát nghiệp nhuận sinh, chỉ làm duyên trợ chiêu cảm đối với sinh tử. Có chủng tánh, là khởi Vô lậu định nguyện, Sở tri chướng trợ có biến dịch sinh, không phải chánh phát nghiệp nhuận sinh có thể chiêu cảm, cho nên có định tánh nhập Niết-bàn, tuy có Sở tri chướng nhưng không thể phát các nghiệp. Thế nào là Đạo đế thật sự có thể chiêu cảm Khổ? Đây là câu hỏi thứ hai, văn dưới đây trước hết đáp câu hỏi thứ hai này, sau đó đáp câu hỏi thứ nhất. Nhưng tuy có ba giải thích trong một đoạn văn này, giải thích thứ nhất đồng với luận Du-già và Phật Địa đều có câu hỏi này. Giải thích thứ hai là thiết lập vấn nạn chiết phục kế chấp cũng có lý này. Giải thích thứ ba là dưới đây căn cứ theo hữu mà đáp. Thế văn không trái nhau, cũng không có lỗi.

Luận: "Thế nào Đạo đế thật sự cảm chiêu khổ".

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai người ngoài hỏi. Trước đã nói Vô lậu làm chánh nhân chiêu cảm, cho nên đặt ra câu hỏi này.

Luận: "Ai nói rằng thật sự chiêu cảm".

Thuật rằng: Đoạn văn này là người ngoài hỏi. Hoặc không phải thật sự chiêu cảm, nghĩa chiêu cảm như thế nào?

Luận: "Vô lậu định nguyện", đến "không phải riêng cảm được".

Thuật rằng: Do Vô lậu thắng định của Đệ tứ thiền, nhờ vào nghiệp Hữu lậu mà khiến cho quả Sở đắc tương tục sinh nhất thời lâu dài không dứt, dần dần tăng thêm thù thắng, thật ra nghiệp Hữu lậu cảm, nhưng vì Vô lậu nhờ vào lực thù thắng mà giả mượn gọi là cảm. Không phải Vô lậu nghiệp thật sự có thể cảm chiêu khổ, đây là Vô lậu nghiệp khi cảm như vậy, do Sở tri chướng làm duyên trợ cho lực của Vô lậu nghiệp này, không phải Vô lậu nghiệp này riêng một mình mà có thể cảm quả. Thuyết minh Sở tri chướng không đồng Phiền não chướng, cho nên tiếp theo luận nói.

Luận: “Nhưng Sở tri chướng”, đến “có dụng nhuận sinh”.

Thuật rằng: Hoặc căn cứ theo giải thích thứ ba trước. Đây là đáp câu hỏi thứ nhất Sở tri chướng không phát nghiệp. Nhị thừa nhập Niết-bàn, giải thoát là hai Niết-bàn. Giải thích nghĩa trừ phược, do đó gọi là giải thoát. Phiền não gọi là phược, có thể chướng Niết-bàn. Sở tri chướng không phải phược, cho nên không chướng Niết-bàn, vì Niết-bàn là giải thoát. Đã không chướng giải thoát thì thể không phải là pháp trói buộc, không giống như vô minh, có thể phát các nghiệp Hữu lậu, và giống như tham, có ứng dụng nhuận sinh. Sở tri chướng này, hoặc có thể phát nghiệp nhuận sinh trói buộc hữu tình, có thể riêng chướng ngại giải thoát thì Sở tri chướng này đã không như thế, cho nên không chướng giải thoát.

Luận: “Dùng pháp gì để cảm chiêu sinh tử khổ?”

Thuật rằng: Đây là phần thứ ba người ngoài hỏi. Luận Phật Địa ghi: “Nhị thừa vô học hết một thân này, chắc chắn sẽ nhập diệt vĩnh viễn, cùng với Phật không khác”. Tại sao dẫn các vị đó thú hướng đạo Bồ-đề để thọ khổ thời gian dài nữa? Họ đáp: Trong vị biến dịch không có khổ thọ này. Điều đó có lỗi gì? Lại nữa, hỏi có hành khổ, cho nên trở thành lỗi lớn. Văn kia vấn nạn về Ý đại cùng với luận này đồng.

Luận: “Tự chứng Bồ-đề lợi lạc cho người khác”.

Thuật rằng: Tức là hai lợi, rất cần nhờ cậy vào sinh.

Luận: “Nói bất định tánh”, đến “Vô thượng Bồ-đề”.

Thuật rằng: Bất định Nhị thừa và Bồ-tát Địa thứ tám trở lên. Nhị thừa đã vĩnh viễn đoạn Phiền não chướng; Bồ-tát đã vĩnh viễn chế phục Phiền não chướng, cho nên không có dung chứa sự thọ lại đương phần đoạn thân. Tuy các hàng Bồ-tát nguyện lực thọ sinh, chủng tử phiền não ẩn núp thì Phần đoạn quả quyết định không thể sinh. Nhị thừa sinh tử không phải do bi nguyện, hoặc là có chủng tử hoặc sau sinh tử tương tục, cho nên khi đoạn chủng tử thì sinh tử vĩnh viễn hết. Bồ-tát sinh tử chỉ do bi nguyện, chắc chắn là giả mượn hiện hành hoặc trợ cho nguyện mới sinh, cho nên chế phục hiện thời vĩnh viễn đoạn sinh tử. Bồ-tát tuy nhờ cậy phiền não sinh tử để thọ sinh, nhưng không đồng với phàm phu và Nhị thừa nói hiện hành và chủng tử nhuận sinh. Do khởi phiền não lợi ích hữu tình, thế lực nghiệp liền có thể cảm chiêu quả sinh tử, phiền não nếu bị chế phục thì nghiệp thế liền hết, cho nên cần phải pháp chấp trợ cho trí thọ sinh, do đó phiền não ẩn núp đã đoạn thì không có dung chứa thọ lại đương phần đoạn quả. Đã có hai thứ lợi ích, quán biết Phần đoạn báo hết, sợ bỏ phế thời gian dài tu Bồ-tát hạnh, bèn nhập vào Vô

lậu thắng định. Lực của nguyện thù thắng, như phương pháp của A-la-hán kéo dài thọ mạng, phải nhờ vào nhân của thân hiện tại, tức là nhờ vào quá khứ để chiêu cảm thân nghiệp hiện tại, khiến cho nghiệp lâu dài và quả không dứt, tức là nghĩa không phải chọn lựa sinh trở lại. Đây hoặc là trước nguyện sau mới nhập định, hoặc trước nhập định sau mới phát nguyện. Hai lý không trái nhau, chỉ do phát nguyện nhập Vô lậu định, âm thầm nhờ cậy do đó nghiệp khiến cho thân chuyển biến, không đồng với pháp huân tập Thiền định của Tiểu thừa, Vô lậu và Hữu lậu càng lẫn nhau mà khởi. Nghiệp của quá khứ không thể khởi lại nữa, như vậy niệm niệm định Nguyện trợ giúp cho đến chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, trải qua ba đại kiếp. Nói về Thắng định, cựu dịch nói: "Biên tế Tĩnh lự thứ tư", hiện tại không có văn để quyết định biên tế định của Tĩnh lự nào, vì tức định cũng đều được cả. Quả Dự lưu cũng đều đắc định này, lý không trái. Nhưng phần nhiều là định thứ tư, vì thù thắng. Lại nữa, luận Phật Địa ghi: "Tuy đã trải qua hành khổ, hiện tại đắc công đức đại hỷ đại lạc của ba thân Như Lai, cho đến nói rộng.

Luận: "Họ lại cần gì Sở tri chướng trợ giúp".

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi. Đã do Vô lậu trợ giúp cho thân hiện tại, nghiệp đời trước khiến cho quả theo thời gian lâu dài, nó lại cần gì Sở tri chướng trợ mới cảm được quả này?

Luận: "Đã chưa viên chứng", đến "bi nguyện nhanh mạnh".

Thuật rằng: Giải thích đã chưa thành Phật viên chứng Vô tướng đại bi nhất vị bình đẳng. Nếu không chấp Bồ-đề khả cầu, hữu tình khả độ là thật có thì không có nguyên nhân có thể phát khởi đại bi nhanh mạnh và nguyện nhanh mạnh, lấy Sở tri chướng khả cầu khả độ chấp làm đầu, mới có thể phát khởi Vô lậu nghiệp. Nói nghiệp làm nhân là vì thù thắng, vô minh làm duyên là vì cách xa, không giống như phiền não trợ nghiệp Hữu lậu, chỉ có duyên và nghĩa đồng, phần ít tương tợ.

Luận: "Lại nữa, Sở tri chướng", đến "lưu thân lại trụ lâu".

Thuật rằng: Phần thứ hai lại giải thích nữa. Sở tri chướng này chướng đại Bồ-đề vì chánh chướng trí. Làm cho đoạn trừ vĩnh viễn Sở tri chướng này để lưu giữ thân lại trụ lâu dài, nói đó là duyên vì làm Sở đoạn duyên.

Luận: "Lại nữa, Sở tri chướng", đến "có đại trợ lực".

Thuật rằng: Phần thứ ba lại giải thích nữa. Sở tri chướng này có thể làm chỗ y của tất cả Hữu lậu, vì thể rộng khắp. Do có chướng này mà các pháp câu hành không thành Vô lậu, cho nên chướng của sở y này nếu không có thì năng y Hữu lậu quyết định không phải có. Hiện

tại đã lưu giữ thân trụ lại là do có Sở tri chướng, là đối với thân trụ có trợ lực lớn, nói đó là duyên. Ba thứ giải thích trong đây đều thông với ba Thừa, nhưng Địa thứ tám trở lên lại càng nương nhờ nguyện, tức là không có nghĩa thứ nhất "Vô lậu tương tục không khởi chấp", chỉ có hai nghĩa sau. Từ đây trở lên phần thứ ba vấn đáp riêng phần. Từ đây trở xuống phần thứ tư là riêng phân rõ hai tử.

Hỏi: Nếu như Quyết định tánh A-la-hán lưu lại các thọ mạng và hành xả y bát nhập Biến tế định, vì tu phước Lực nhờ vào mạng nghiệp hiện tại cũng được kéo dài thọ mạng thì sinh tử biến dịch có gì khác?

Luận: "Hoặc chỗ lưu thân", đến "không phải cảnh của họ".

Thuật rằng: Chánh giải thích riêng thể của hai sinh tử này. Sinh tử biến dịch, quyển 80 ghi: "Không phải cảnh của thiên nhãn". Trong luận này nói không phải cảnh của Nhị thừa, văn kia có ý nói nếu định tánh Thanh văn và bất định tánh chưa hồi tâm, tuy có thiên nhãn cũng không thể thấy, vì thân rất vi tế, không phải cảnh của các vị đó, cho nên luận này nói chỗ không thể thấy của Nhị thừa và Dị sinh, nhưng từ bậc Hồi tâm trở đi thì thiết lập hàng Dự lưu không phải thiên nhãn cũng có thể thấy. Nhị thừa đều có thể thấy được Thân thù diệu đó thì Nhãn cũng thù thắng, nhưng không thừa nhận được thấy trên thân, vì không phải cảnh của Nhị thừa, cõi trên thấy được cõi dưới. Lại nữa, giải thích lấy theo đồng loại cho nên cõi dưới được thấy cõi trên. Phước của Tiểu thừa nhờ vào định, thông với Hữu lậu và Vô lậu, điều này thì Đại thừa xả phước nhờ vào Thân, định thì chỉ có Hữu lậu. Văn này làm chứng, thô và diệu đã khác nhau, người thấy cũng khác.

Luận: "Do đây nên biết", đến "là quả tăng thượng".

Thuật rằng: Từ đây xuống là tổng kết tổng hợp các điều trái nhau. Tánh của sinh tử biến dịch là Hữu lậu, mong chiêu cảm với hiện nghiệp, trong năm quả thì quả Dị thục nhiếp, thông với năm uẩn tánh. Quả này mong Vô lậu nghiệp, là quả tăng thượng, cách xa duyên và lực.

Luận: "Có trong Thánh giáo", đến "tùy theo trợ nhân mà nói".

Thuật rằng: Đây là tổng hợp các tương vi, nghĩa là Vô lậu ra khỏi ba cõi, là tùy theo trợ nghiệp nhân Vô lậu này mà nói, nhưng thể thật ra thì không phải. Do đó kinh nói sinh tử, Hữu lậu sinh tử và Vô lậu sinh tử ngoài ba cõi, tức là luận Thập Địa ghi: "Có cõi Diệu tịnh vượt khỏi ba cõi, Bồ-tát Thập địa đang sinh trong đó". Xem lại các đoạn văn này của hai kinh Thắng Man và Lăng-già.

Hỏi: Luận Du-già quyển 80 và Phật Địa quyển 2 ghi: "Làm cho trụ cõi Hữu dư", trong cõi Vô dư cũng vậy hay sao?

Đáp: Chỉ có cõi Hữu dư, vì trong Vô dư y đã lìa các sự nghiệp.

Hỏi: Nếu chỉ có cõi Hữu dư thì tại sao chỉ một đời thì liền được thành Phật, quả A-la-hán kia còn không phải một đời?

Đáp: Do tăng tuổi thọ và tăng hạnh mới có thể thành Phật, cho nên Thế Tôn nói khéo tu thần túc, có thể trụ bằng một kiếp. Đây là phát huy thú hướng cực thành cho căn cơ trì độn, không bằng Bồ-tát mới tu, cho đến nói rộng. Kinh Vô Thượng Y có bốn loại sinh tử:

1. Phương tiện.
2. Nhân duyên.
3. Hữu hữu.
4. Vô hữu.

Như Biệt sao giải thích.

Luận: "Chỗ nói trong tụng", đến "nghĩa như trước nói".

Thuật rằng: Phần thứ hai trở lên giải thích hai tử đã xong. Từ đây xuống phần thứ ba giải thích văn tụng có hai phần:

1. Chánh giải thích.
2. Lần lượt giải thích vấn nạn.

Đây là chánh giải thích. Tụng nói các tập khí của nghiệp tức là hai nghiệp Hữu lậu và Vô lậu, vì nghiệp không phải một, có thân ngữ ý, cho nên nói các nghiệp. Hai thủ tập khí, tức là chủng tử của hai chướng, vì đều chấp trước cho nên gọi là thủ, đều đồng với các văn khác, đồng với văn Dị thục trước tận.

Hỏi: Sinh tử biến dịch không giống như Phần đoạn, vì riêng sinh riêng tử, tại sao lại nói Dị thục trước đã tận?

Luận: "Sinh tử biến dịch", đến "ngoài ra có nghĩa là sinh lại".

Thuật rằng: Sau đây là lần lược giải thích vấn nạn. Trước hết giải thích vấn nạn biến dịch, sau đó giải thích lý do "không nói hiện hành" trong tụng. Đây là phần đầu. Tuy không giống như Phần đoạn riêng tận riêng sinh mà lấy định và nguyện để trợ giúp, sửa đổi những việc xấu ác trước, chuyển sinh thân thù thắng đời sau, cũng có nghĩa là trước tận sau sinh lại. Đây là chỗ nhờ cậy nghiệp lực chưa hết, vì khiến cho tăng thêm thù thắng cho nên sửa đổi. Hoặc có định lực, không phải thời gian tăng thắng lâu dài, mà chỉ được hai mươi kiếp. Vì khiến cho càng tăng thêm, cũng có nghĩa trước tận sau sinh.

Từ đây xuống là phần thứ hai, giải thích lý do tụng không nói hiện hành.

Luận: "Tuy cũng do hiện", đến "cho nên nói thiên về nó".

Thuật rằng: Tuy thật ra cũng do các pháp hiện hành sinh tử tương

tục, nhưng mà chủng tử thì tương tục tất cả thời đều có, không phải như hiện hành có nhiều gián đoạn, trong tụng nói thiên về chủng tử, nói rằng do tập khí của nghiệp.

Luận: "Hoặc vì hiển như thế", đến "cho nên không nói hiện".

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ hai. Vì hiển nhân nghiệp chủng tử của chân Dị thục, quả tức là bản thức, vì đều không lìa bản thức. Không nói hiện hành, là vì các chủng tử của nó tức là chủng tử thức, hiện hành thì không như thế, vì mỗi mỗi đều riêng thể.

Luận: "Hiện Dị thục nhân không tức là cho quả".

Thuật rằng: Đây là các pháp hiện hành thiện ác, tuy cũng là Dị thục nhân nhưng không tức là cho quả, huân tập đối với chủng tử đã xong, phải đối với thời gian sau đó mới cho quả, chỉ có nói chủng tử.

Hỏi: Trong sáu thức cũng có quả Dị thục, tại sao tụng không nói trước tận sau sinh? Lục thức hiện hành cũng không lìa thức, là quả Dị thục phải không?

Luận: "Chuyển thức gián đoạn không phải Dị thục".

Thuật rằng: Vì không phải là chân Dị thục, không nói sáu hiện hành, ý của tụng là nói thiên về Thức thứ tám, chính là pháp sinh tử tương tục. Từ trên đến đây giải thích tụng y theo nhiễm pháp đã xong. Tụng nói Dị thục cho nên không phải Vô lậu. Từ đây trở xuống phần thứ hai, nhân theo đó mà giải thích Hữu lậu pháp, để làm ví dụ cho pháp Vô lậu.

Luận: "Tiền trung, hậu tế", đến "nên biết cũng như thế".

Thuật rằng: Đây là sơ lược ví dụ.

Luận: "Nói rằng vô thủy đến nay", đến "tương tục vô cùng".

Thuật rằng: Do pháp nhĩ chủng tử, chỗ huân phát mới. Do nguyện lực vốn có, tức là Phật Thế Tôn lợi tha vô tận. Thanh tịnh chủng thức đều thông với hiện chủng, đều chỉ có Thức thứ tám năng trì chủng. Từ đây xuống là phần thứ ba tổng kết các văn trên.

Luận: "Do đây nên biết chỉ có thức bên trong".

Thuật rằng: Là do chỗ nói đạo lý thanh tịnh từ trên đến đây gọi là do đây, nên biết các pháp tương tục chỉ có thức bên trong.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 9
(PHẦN ĐẦU)

Luận: "Hoặc chỉ có thức", đến "nói có ba tánh".

Thuật rằng: Tuy có bảy tụng giải thích người ngoài vấn nạn, nhưng phân làm hai phần:

1. Hai tụng đáp chỉ có thức thì liền trái với vấn nạn lý.
2. Năm tụng đáp chỉ có thức thì liền trái với vấn nạn kinh.

Trong phần sau lại có hai phần:

1. Ba tụng đầu giải thích không có cảnh ba tự tánh không thành vấn nạn.
2. Hai tụng sau giải thích có thức ba vô tánh không thành vấn nạn.

Ở đây trong phần đầu lại có bốn phần:

1. Hỏi chung.
2. Lược đáp.
3. Trình bày.
4. Giải thích.

Đây là phần đầu. Hiện tại ý vấn nạn rằng: Nếu lìa thức bên trong thì pháp bên ngoài không có, chỉ có một tánh không nên nói ba, kinh đã nói ba, cho nên không phải Duy thức.

Luận: "Nên biết ba tánh cũng không lìa thức".

Thuật rằng: Đây là lược đáp. Không phải nói tánh có ba thì không phải Duy thức, tức là không lìa thức mà nói ba tánh.

Luận: "Tại sao vậy?"

Thuật rằng: Người ngoài hỏi vặn, lý do tại sao ba tánh không lìa thức?

Luận: "Tụng nói", đến "không phải không thấy kia đây".

Thuật rằng: Sau đây là đáp rộng. Trong đây có ba tụng, hai tụng đầu phân rõ ba tánh, ba câu đầu của một bài tụng sau thuyết minh tánh một và khác, câu thứ tư thuyết minh thức bên trong khi Viên thành và

Y tha trước sau chứng kiến. Trong hai tụng đầu, tụng thứ nhất giải thích về tánh đầu, nửa tụng kế giải thích Y tha, nửa tụng còn lại giải thích Viên thành. Văn còn lại có thể hiểu. Giải thích sau đây văn phân làm hai đoạn:

1. Giải thích văn tụng.
2. Giải thích các môn.

Trong giải thích bản tụng văn lại phân làm hai đoạn:

1. Giải thích riêng văn tụng.
2. Tổng kết ý tụng để đáp chỗ hỏi.

Trong phần giải thích riêng văn tụng lại phân làm ba đoạn:

1. Phân rõ ba tánh.
2. Phân rõ nghĩa chẳng phải một chẳng phải khác.
3. Phân rõ chứng kiến trước sau.

Trong phần phân rõ ba tánh lại có ba đoạn hoặc hai đoạn:

1. Giải thích tánh Biến kế sở chấp của tụng thứ nhất, và giải thích tánh Y tha khởi của nửa tụng thứ hai, vì tương đối thuyết minh cho nên hợp chung làm một.
2. Giải thích tánh Viên thành thật của nửa tụng còn lại.

Trong phần đầu lại phân làm hai đoạn:

1. Chỉ giải thích Biến kế sở chấp.
2. Hợp chung với Y tha tương đối thuyết minh.

Luận: "Vì kế chấp khắp cho nên gọi là biến kế".

Thuật rằng: Giải thích hai thuyết trong sở chấp. Đây là giải thích trước của Nan-đà. Giải thích hai chữ biến kế trong câu thứ nhất của tụng. Nghĩa chữ "châu" giải thích là biến khắp, nghĩa chữ "độ" giải thích là kế. Chỉ có Thức thứ sáu mới có thể châu biến kế độ, Thức thứ bảy đồng là loại này cho nên cũng gọi là biến kế, chỉ có thể gọi là kế mà không phải biến. Hiện tại luận này y theo chánh nghĩa, do đây nên tạo bốn câu phân biệt:

1. Có biến mà không phải kế, là các thức Vô lậu, các thức Hữu lậu thiện có thể duyên rộng khắp mà không có kế chấp.
2. Có kế mà không phải biến, là thức Hữu lậu thứ bảy.
3. Có cũng biến cũng kế, là Thức thứ sáu ngã chấp pháp chấp Hữu lậu nhiễm ô.
4. Có phi biến phi kế, là năm thức Hữu lậu và Thức thứ tám.

Hỏi: Biến kế này sao gọi là bỉ bỉ?

Luận: "Phẩm loại rất nhiều", đến "hư vọng phân biệt".

Thuật rằng: Vì tâm kế chấp này phẩm loại rất nhiều, hoặc hai

hoặc ba, đến sau sẽ biết. Nói là bỉ bỉ, thể này là gì? Là năng biến kế hư vọng phân biệt, tức là tâm tất cả năng khởi tánh biến kế Y tha.

Sắp sửa giải thích câu thứ hai tức là giải thích câu trên, gồm giải thích chữ "do".

Luận: "Tức là do bỉ bỉ", đến "vật bị biến kế".

Thuật rằng: Vì vọng phân biệt cho nên biến kế các thứ vật bị biến kế. Vật là thể, tức là tâm năng kế khởi lên chỗ chấp. Thể này là gì?

Luận: "Nói rằng chỗ vọng chấp", đến "tự tánh sai biệt".

Thuật rằng: Tánh này tức là chỗ chấp của hư vọng, là tất cả nghĩa lý của uẩn, xứ, giới. Hoặc pháp hoặc ngã, là thể tánh và nghĩa sai biệt của tự trong hai thứ này, đây tức là ngoài tâm không có pháp, tức là do có tâm năng kế, thể kế chấp có vật. Hai chữ "biến kế" của câu thứ nhất nêu ra thể của tâm năng kế, lấy hành tướng của biến kế để hiển pháp thể của nó. Chữ "biến kế" trong câu thứ hai tức là hành tướng của tâm năng biến kế, trước lấy hành tướng để nêu ra pháp thể của nó, sau lấy hành tướng để thuyết minh lỗi khởi kế chấp.

Hỏi: Chỗ kế chấp pháp tự tánh này không phải có, tại sao gọi là vật và gọi là các thứ?

Đáp: Tùy theo tâm năng kế cho nên nói là vật. Tâm có nhiều phẩm cho nên nói các thứ, thể không phải các thứ. Lại nữa, chỗ kế chấp vô pháp cũng có thể gọi là vật, vì hai pháp hữu vô đều gọi là vật. Nói các thứ, là tùy theo năng biến kế vọng phân biệt tâm kế chấp vô vật này, vì coi là tình cũng có các thứ tướng.

Luận: "Chỗ vọng chấp này", đến "chỗ chấp tự tánh".

Thuật rằng: Giải thích câu thứ ba. Đây là câu thứ hai chỗ vọng chấp thể tánh sai biệt của ngã, pháp, tự tánh ngoài tâm không có, thể như lông rùa quyết định không có, gọi chung là tự tánh Biến kế sở chấp.

Luận: "Như vậy tự tánh", đến "bất khả đắc".

Thuật rằng: Tiếp theo là câu thứ tư. Như vậy Biến kế sở chấp và tự tánh của câu thứ ba đều là vô sở hữu, không thể có một ít gì cho nên nói đều là không có, pháp của tánh Y tha thì có thể có chút ít. Làm sao biết không có? Hai pháp lý và giáo suy xét kỹ càng là bất khả đắc, như chỗ dẫn lý và giáo của quyển 7 trước. Đây tức là một lần giải thích, chỉ có giải thích tánh đầu. Sau đây sư thứ hai giải thích, phần đầu chỉ giải thích sơ lược tụng thứ nhất, phần sau rộng đối chiếu Y tha và giải thích rộng nửa bài tụng kế đó.

Luận: "Hoặc câu đầu hiển năng biến kế thức".

Thuật rằng: Nghĩa cùng với trước đồng.

Luận: "Câu thứ hai hiển thị cảnh sở biến kế".

Thuật rằng: Là chỗ để nương chấp, cùng với sư trước khác nhau. Đây là lấy lý mà nói, thông với hai tánh Y tha và Viên thành kia, sau đây sẽ tự biết. Nhưng Nhiếp Đại thừa luận chỉ nói Y tha, vì an túc xứ, có chút ít gần nhau, vì cảnh của phàm phu, có thể dễ biết, lý thông với Thành Thật.

Luận: "Nửa tụng sau mới mở", đến "bất khả đắc".

Thuật rằng: Nửa tụng sau tức là hai câu dưới, mới mở ra nghĩa của tánh Biến kế sở chấp không phải có, trong quyển 7 trước đã hiển rộng không phải có. Nhưng như Nhiếp luận quyển 4, quyển 5 ghi: "Năng biến kế tức là câu thứ nhất này, sở biến kế tức là câu thứ hai này, vì biến kế sở chấp tự tánh mà thành", tức là nửa bài tụng sau trong luận này. Trên đây chỉ nặng giải thích chỗ chấp của bài tụng thứ nhất. Từ đây trở xuống rộng giải thích tụng thứ nhất và Y tha khởi. Dưới đây giải thích ba chủng làm ba đoạn, nhưng trong câu thứ ba cùng với Y tha hợp chung giải thích. Đã nói câu thứ nhất là năng biến kế, cho nên luận này tiếp theo là hỏi.

Luận: "Năng biến kế đầu tự tánh là thế nào?"

Thuật rằng: Đây là hỏi về từ ngữ. Dưới đây trước hết giải thích rộng biến kế, sau đó nói rộng bỉ bỉ.

Luận: "Có nghĩa là tám thức", đến "đều là năng biến kế".

Thuật rằng: Đây là An Tuệ giải thích. Chấp tức là thông với ba tánh. Tâm của Hữu lậu thì không có gì mà không phải chấp. Năm thức trước và Thức thứ tám chỉ có pháp chấp, Thức thứ bảy chỉ có nhân chấp, Thức thứ sáu thì chấp thông cả hai thứ.

Luận: "Vì hư vọng phân biệt làm tự tánh".

Thuật rằng: Hoặc tâm Hữu lậu có giống như tâm Vô lậu không khởi chấp, tức là không nên nói hư vọng phân biệt. Hoặc tâm không chấp mà gọi là vọng phân biệt thì tâm Vô lậu đáng lẽ gọi là tâm hư vọng phân biệt, tức là lấy lý này để thuyết minh tâm Hữu lậu đều là năng biến kế. Văn của kinh Lăng-già và luận Trung Biên đều nói tám thức là vọng phân biệt.

Luận: "Đều tương tợ năng thủ sở thủ hiện".

Thuật rằng: Trong Thánh giáo nói hai thủ tên là chấp, các tâm Hữu lậu đã tương tợ tướng hiện của năng thủ và sở thủ cho nên đều có chấp, không phải có thủ tâm không gọi là thủ, không phải không có chấp tâm tợ hai thủ. Tất cả kinh luận đều có văn này. Trong Nhiếp Đại

thừa luận quyển 4 và Biện Trung Biên luận cũng đều nói như vậy.

Luận: “Nói A-lại-da”, đến “làm sở duyên”.

Thuật rằng: Chỗ chấp vọng chấp tập khí của tự tánh, tức là chủng tử của tâm năng chấp. Luận Du-già quyển 51 và Hiển Dương luận ghi: “A-lại-da thức lấy chủng tử vọng chấp của tự tánh biến kế sở chấp làm sở duyên”. Nếu tâm Hữu lậu có không chấp thì có Hữu lậu chủng tử mà Thức thứ tám không duyên. Tại sao luận nói Thức thứ tám duyên chủng tử vọng chấp? Luận Du-già quyển 76 và kinh Giải Thâm Mật ghi: “Tướng, danh và phân biệt của Thức thứ tám”. Quyển 51 ghi: “Duyên biến kế chủng tử, cho nên biến kế chủng tử thông với tất cả tâm Hữu lậu”, tức là trong thiện tâm thừa nhận có pháp chấp. Đây là nghĩa của các sư An Tuệ. Dưới đây phần thứ hai các sư Hộ Pháp giải thích.

Luận: “Có nghĩa là Thức thứ sáu”, đến “là năng biến kế”.

Thuật rằng: Dưới đây văn có ba đoạn:

1. Nêu tông.
2. Lập chứng.
3. Tổng hợp văn trái nghịch.

Đây là phần đầu. Hoàn toàn không phải là năm thức và Thức thứ tám, cũng không phải là tất cả tâm, chấp ngã chấp pháp mới là năng biến kế. Tại sao vậy?

Luận: “Chỉ nói Ý Thức năng biến kế”.

Thuật rằng: Sau đây làm chứng có mười, tức là có mười chữ “cho nên”.

Hỏi: Nếu tâm năng chấp thông với tám thức thì tại sao Nhiếp luận quyển 4 chỉ nói ý?

Đáp: Như Thức thứ bảy cũng có thể biến kế, nhưng trong luận kia chỉ nói Ý thức, không nói Thức thứ bảy, lẽ nào Thức thứ bảy không thể làm năng biến kế? Thức thứ bảy đã có thể nhưng không nói. Thuyết minh năm thức và Thức thứ tám cũng có thể nhưng không nói.

Luận: “Ý và Ý thức gọi là Ý thức”.

Thuật rằng: Thức thứ bảy gọi là ý, cùng với Thức thứ sáu hợp lại mà gọi chung là Ý thức, tức là đã nói, ai nói hoặc không nói. Như nghiệp và nghiệp đạo trong Tiểu thừa, tư chỉ là nghiệp nhưng không phải là đạo, ba pháp tham sân si là đạo không phải nghiệp, hai pháp thân và ngữ cũng là đạo cũng là nghiệp, tổng hợp lại nói chỉ gọi là nghiệp đạo. Thức thứ bảy gọi là ý, Thức thứ sáu gọi là thức, tổng hợp lại gọi là Ý thức, cho nên không có vấn nạn trước. An Tuệ nói: “Tại sao không thừa nhận chỉ có Thức thứ sáu là năng biến kế cháp, còn lại bảy thức kia tuy cũng có

thể kế độ nhưng không thể biến kế". Nhiếp luận tuy không có nói, nhưng không phải các thức kia không có kế độ. Nhiếp luận quyển 4 phần đầu và Thích luận đều có giải thích này, nói "Thức thứ sáu có thể kế độ biến khắp". Thể thì thuận với tên của nó, ngoài ra không đúng, cho nên luận kia không nói. Lại nữa, như nghiệp và nghiệp đạo của ông hợp chung lại nói, tôi cũng như thế. Thức thứ bảy gọi là ý, năm thức và Thức thứ tám gọi là thức, Thức thứ sáu gọi là Ý thức, luận kia tổng hợp gọi là Ý thức, cũng có lỗi gì! Cho nên biết tám thức đều là năng biến kế.

Luận: "Kế độ phân biệt năng biến kế".

Thuật rằng: Năm thức trước và Thức thứ tám đã không có kế độ, thuyết minh vô phân biệt mà không khởi chấp, Nhiếp luận quyển 4 phần đầu ghi: "Nên biết Ý thức là năng biến kế, vì có phân biệt, cho đến do đó vô biên hành tướng của Ý thức mà chuyển rộng khắp tất cả phân biệt kế độ, cho nên gọi là Biến kế, không phải năm thức và Thức thứ tám có thể kế chấp rộng như thế". Nếu như vậy thì Thức thứ bảy không thể kế chấp rộng khắp thì đáng lẽ không phải chỗ này nhiếp? câu nói này không đúng. Kế độ phân biệt trong ba phân biệt có thể làm Hữu tướng phân biệt trong bảy thức cho đến bất nhiễm, không phải năm thức và Thức thứ tám có khả năng này. Thức thứ bảy có kế độ cho nên có thể là chỗ này nhiếp. Năm thức và Thức thứ tám thì không như thế. Luận Vô Tánh ghi: "Ý thức có phân biệt, do có thể hiển thị phân biệt và tùy niệm phân biệt chỗ tạp nhạp tạp loạn. Hiển thị tức là kế độ, không phải là tự tánh, ngoài ra các thức khác cũng có. Đây là chánh giải. Sư trước nói: "Kế độ phân biệt là kế chấp các tướng thô to, năm thức và Thức thứ tám thì không có". Tự tánh, mặc tình và hữu tướng phân biệt thì những thứ này là tế, năm thức và Thức thứ tám nói là có. Lý cũng không câu nệ gì! Tuy Nhiếp luận phỏng theo thô kế độ phân biệt để nói hoặc không nói năm thức và Thức thứ tám. Năm thức và Thức thứ tám thật ra có thể biến kế. Lại nữa, tất cả tám thức lựa riêng với tâm Vô lậu cho nên nói Ý thức là năng hữu phân biệt, không cho rằng chỉ nói Thức thứ sáu và Thức thứ bảy. Nhiếp luận của Thế Thân chỉ nói vì phẩm loại năng biến kế độ này không lựa riêng với pháp nào cả. Vô Tánh luận thì giải thích thiên về luận này, cho nên để hiển thị lời nói lựa riêng biệt thì điều đó có lỗi gì! Lại vấn nạn nữa.

Luận: "Chấp ngã chấp pháp chắc chắn là tuệ".

Thuật rằng: Không phải năm thức và Thức thứ tám hằng đồng thời với tuệ thì lẽ nào dung chứa có chấp! Sư trước nói: "Nếu kế độ tuệ thô thì năm thức và Thức thứ tám cũng có cái không tế". Nếu như thế tại

sao tuệ tâm sở không phải là Biến hành tâm sở?

Luận: "Hai chấp chắc chắn cùng với vô minh đồng thời".

Thuật rằng: Hai chấp ngã và pháp chắc chắn là đồng thời vô minh, vì không phải trong thiện tâm có vô minh, vì thiện căn tánh của vô si trái với nó. Sư trước nói điều đó có lỗi gì? Tôi cũng như Tiểu thừa của ông, tầm và tứ đồng thời khởi, tánh của tầm tứ thuận có thể thừa nhận đồng thời khởi, tánh của tâm thiện và vô minh thì lại trái nhau.

Luận: "Không nói vô minh có thiện tánh".

Thuật rằng: Luận Du-già đều không nói, trong hai chương sau đây sẽ dẫn văn của luận đó. Như thế nào nội trong tâm thiện mà nói có vô minh? Luận kia nếu nói tất cả Hữu lậu đều gọi là Bất thiện, nói tên là thiện vì hành tướng của nó nhẹ.

Luận: "Si và vô si không tương ưng".

Thuật rằng: Vì là pháp tương vi cho nên không tương ưng. Như vô tàm cùng với tàm không được cùng khởi. Si và vô si ví dụ cũng như thế. Nếu nói lậu và Hữu lậu đều là Bất thiện thì vô si cùng với si không phải là tương ưng, vì tướng si nhỏ nhẹ mà gọi là vô si.

Luận: "Không thấy có chấp Đạo không trí ".

Thuật rằng: Nếu tâm Vô lậu thì chắc chắn hai Không quán tùy theo một Không mà hiện khởi. Nếu tâm Hữu lậu thì chắc chắn là có pháp chấp, tức là gia hạnh trí đã có pháp chấp, vì sao Năng đạo không trí hiện tiền? Không phải do nước dẫn mà lửa sinh, không phải tối dẫn cho sáng sinh.

Luận: "Chấp hữu và đạt vô, không đồng thời khởi".

Thuật rằng: Lại nữa, gia hạnh tâm tùy thuận Thánh giáo mà khởi ngã pháp không quán gọi là đạt vô, đã có pháp chấp thì gọi là chấp hữu. Như thế nào là tâm chấp hữu cùng với trí đạt vô mà đồng thời khởi? Nó đã không câu khởi, hiển rõ gia hạnh tâm không phải có pháp chấp.

Luận: "Đã từng không có chấp, không phải là năng huân".

Thuật rằng: Lại nữa, nếu tâm Hữu lậu đều có pháp chấp thì tâm pháp chấp đó chắc chắn có thế lực, đáng lẽ tâm Dị thục sinh cũng là năng huân, vì tâm Hữu lậu có thế ứng dụng, như thiện và ác. Nhưng ông chấp Thức thứ tám cũng không phải năng huân, là Dị thục tâm không có thế ứng dụng, không thấy tâm có chấp thế ứng dụng không có năng huân thì đáng lẽ Thức thứ tám cũng là năng huân, nếu không như thế thì cùng trái với tỷ lượng. Nếu như thế tại sao kinh Lăng-già, luận Trung Biên quyển thượng nói ba cõi tám thức đều là vọng phân biệt? Luận Hiển Dương quyển 16 nói cũng như vậy?

Luận: "Tâm Hữu lậu", đến "hư vọng phân biệt".

Thuật rằng: Văn sau đây tổng hợp các điều trái nhau có ba phần, đây là phần đầu. Tổng hợp Kiến phần nói: "Tuy trước lập làm hai Không quán nhưng là giả tướng, không bằng Vô lậu chứng thật lý. Tất cả tám thức gọi là Vọng phân biệt, Vọng phân biệt không phải là chấp tâm". Nếu tâm Hữu lậu có phi chấp, tại sao nói có hai tướng thủ hiển hiện? Trung Biên quyển 1 ghi: "Hư vọng tâm và tâm sở tương tợ hai tướng hiện, đều là có chấp".

Luận: "Tuy tương tợ sở thủ", đến "cũng có chấp".

Thuật rằng: Đây là tổng hợp thứ hai có hai phần:

1. Tổng hợp.
2. Vấn nạn.

Tổng hợp này và vấn nạn thứ nhất về các tâm Hữu lậu tuy tợ tướng hiện của sở thủ và năng thủ, mà không phải tất cả tâm năng Biến kế. Do Y tha khởi thiện và Vô ký tâm, tuy có hai thủ hiện nhưng không phải đều là khởi chấp, không phải lấy tợ hai thủ đó liền cho tất cả đều là năng biến kế. Luận Trung Biên kia chỉ căn cứ theo Thức thứ sáu và Thức thứ bảy mà tạo luận. Nếu tợ hai thủ đều là chấp thì không có tâm Vô lậu cũng có chấp. Trí sau khi đắc Vô lậu của Bồ-tát và Nhị thừa có hai thủ và tương ưng đều có chấp. Phật Địa quyển 7 ghi: "Chỉ nói Vô lậu có chấp của Nhị thừa". Căn cứ theo Nhị Thập giải thích thì Hậu đắc trí của Bồ-tát cũng có pháp chấp, so với Phật Địa thì không đồng. Phật Địa chỉ nói Nhị thừa Vô lậu có chấp. Luận này chỉ nói Phật thì không có hiển, ngoài ra đều cũng có.

Luận: "Hậu đắc trí của Như Lai đáng lẽ có chấp?"

Thuật rằng: Vấn nạn sư trước rằng: "Phật đáng lẽ có chấp, vì có hai tướng thủ?" Như các Bồ-tát hiện hai tướng, hoặc chống chế rằng Hậu đắc trí của Như Lai không có hai tướng, có lỗi trái Thánh giáo. Nếu nói không có Tướng phần thì trái với kinh Phật Địa.

Luận: "Kinh nói Phật trí", đến "như gương soi".

Thuật rằng: Thức thứ tám Phật trí gọi là Đại viên cảnh, là hiện pháp lạc, Thanh văn và bát bộ trang nghiêm đạo tràng, tức là biến hóa Thanh văn. Thức thứ bảy bình đẳng, cho đến Thành sở tác trí đều có khả năng hiện tại, cho nên bốn trí của Phật đều có hai tướng, cho nên luận nói rằng hiển hiện thân và độ như tấm gương soi. Chớ cho rằng các trí khác đều là ví dụ này. Chỉ có thể hiển hiện tướng và nghĩa có thể đồng. Đây là làm chứng Vô lậu có Tướng phần.

Luận: "Nếu không có duyên và dụng thì đáng lẽ không phải

trí".

Thuật rằng: Hoặc Như Lai trí không có Kiến phần, tức là không có duyên dụng thì đáng lẽ không phải trí, điều này trái lý. Đẳng nghĩa là đồng nắm lấy chỗ vấn nạn tâm và tâm sở khác. Bốn trí phẩm Vô lậu của Như Lai và Bồ-tát đáng lẽ không phải là trí phẩm, vì không có Kiến phần, như hư không. Đã thành thì đây là ngược hướng lên mà thành, nói rằng Hữu lậu thiện và Vô ký trí phẩm gồm cả tâm Vô lậu phẩm của phàm phu và Nhị thừa đáng lẽ không có pháp chấp, vì không phải nhiễm ô tâm có hai tướng, như Vô lậu trí phẩm của Phật, luận kia cho là Vô lậu trí phẩm của Như Lai có chấp. Kinh Bổn Nghiệp Anh Lạc quyển hạ ghi: "Sáng và tối một tướng, thiện và ác một tâm", là nghĩa bài kệ của sư An-đà nước của Bình Sa vương, cho nên biết chỗ nói của sư trước là sai. Sư trước vấn nạn rằng: "Nếu các tâm Hữu lậu đều không có chấp thì nói Tạng thức duyên chủng tử nào có riêng khác gì với Biến kế!"

Luận: "Tuy nói Tạng thức", đến "cho nên không thành chứng".

Thuật rằng: Tổng hợp này là phần nghịch lý thứ ba, lại có giải thích riêng như quyển 2, trong đây lại còn căn cứ vào Hữu lậu mà miễn cưỡng gọi là Biến kế chủng tử, không nói Hữu lậu chủng đều là Biến kế. Đã như thế, lại không nói Thức thứ tám chỉ duyên Biến kế chủng tử, đã không chỉ nói rõ chủng tử sở duyên của Thức thứ tám, mà còn nói có rất nhiều. Tiếp theo là luận sư Hộ Pháp tổng kết các điều trên.

Luận: "Do lý thú này", đến "có năng biến kế".

Thuật rằng: Từ lý thú này chỗ nói như trên thì chỉ đối với hai tâm phẩm của Thức thứ sáu Hữu lậu và Thức thứ bảy Hữu lậu mà có năng biến kế. Đoạn văn năm thức trước và Thức thứ tám nhiếp chung với Ý thức chưa thấy, cho nên năm thức trước và Thức thứ tám là kế không phải là năng biến kế. Đây là lần lượt trình bày trong hai chương của Phật Địa quyển 7. Dưới đây sẽ đối chiếu phân rõ hai chương. Đây là nói rộng về hai chữ Biến kế ở trước. Từ đây xuống là nói rộng hai chữ "bỉ bỉ" ở trước.

Luận: "Thức phẩm tuy có hai", đến "cho nên nói bỉ bỉ".

Thuật rằng: Thức phẩm tuy có hai, là hai Thức thứ sáu và thứ bảy, gọi chung Biến kế vì nó là một chủng phân biệt, không cần phải bàn luận.

Nói có hai chủng phân biệt: Trong luận Nhiếp Đại thừa quyển 4 ghi: "Biến kế có hai, một là tự tánh kế, hai là Sai biệt kế. Thế Thân giải thích rằng: Nếu như đối với nhãn... mà kế chấp tự tánh thì đối với kế chấp này là sự sai biệt của thường và vô thường. Quyển 73 ghi: "Một

là Vô sai biệt và hai là Hữu sai biệt. Lại nữa, có hai đoạn: một là gia hạnh, hai là thi thiết". Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: "Một là văn tự, hai là Phi văn tự. Lại nữa, có hai đoạn: một là phân biệt tự thể, hai là phân biệt sở y duyên sự, đều nhiếp trong tám phân biệt". Quyển 74 ghi: "Một là tùy giác, hai là tùy miên".

Nói có ba chủng phân biệt: Một là ngã, hai là pháp và ba là dụng, hoặc tự tánh, tùy niệm và tùy độ phân biệt, như luận Đối Pháp quyển 2 nói.

Nói có bốn chủng phân biệt: Nhiếp luận ghi: "Một là Tự tánh kế, hai là Sai biệt kế, ba là Hữu giác thiện hay danh ngôn thiện, bốn là Vô giác kế hay danh ngôn Bất thiện". Quyển 73 ghi: "Một là Kế tự tánh tướng, hai là Kế sai biệt, ba là Kế sở thủ, bốn là Kế năng thủ". Có năm thứ thì Nhiếp luận ghi: "Một là Y danh kế nghĩa, hai là Y nghĩa kế danh, ba là Y danh kế danh, bốn là Y nghĩa kế nghĩa, năm là Y danh nghĩa kế danh nghĩa". Luận Hiển Dương quyển 16 và Du-già quyển 73 nói một chủng tử có năm thứ, cùng với đây đồng. Quyển 73 lại có năm: "Một là Kế nghĩa tự tánh, điều này lại có bốn đoạn: một là Kế tự tướng; hai là Kế danh tự tánh, điều này lại có hai là Vô sai biệt; ba là Kế nhiễm tự tánh, có các tham, sân...; bốn là Kế tịnh tự tánh, sắc này là năng thủ và sở thủ".

Nói có năm chủng phân biệt:

1. Tham.
2. Sân.
3. Hợp hội.
4. Biệt ly.
5. Xả.

Luận Hiển Dương quyển 16 cùng với văn này đồng. Lại nữa, có năm:

1. Vô thường kế thường.
2. Khổ kế lạc.
3. Bất tịnh kế tịnh.
4. Vô ngã kế ngã.
5. Tự tánh chấp của Biến kế sở chấp trong các tướng.

Nói có sáu chủng phân biệt: Trong luận Hiển Dương quyển 16 ghi:

1. Tự tánh kế: Kế chấp các sắc là thật có tướng.
2. Sai biệt kế: Kế chấp các sắc là thật hữu sắc và Vô sắc.
3. Giác ngộ kế: chấp lời nói thiện.

4. Tùy miên kế: chấp lời nói Bất thiện.

5. Gia hạnh kế: Điều này có năm là tham, sân...

6. Danh biến kế: Điều này có hai là chỗ khởi Văn tự và Phi văn tự.

Nói có bảy chủng phân biệt: Là bảy phân biệt, tức là hữu tướng, vô tướng, mặc tình, tìm cầu, từ sát, nhiễm ô và bất nhiễm ô, như Du-già quyển 1 và luận Đối Pháp nói.

Nói có tám chủng phân biệt: Tức là tám phân biệt sinh ba sự, như luận Hiển Dương quyển 16 nói. Tám phân biệt gồm:

1. Tự tánh phân biệt: Phân biệt tự tánh của các sắc và tưởng sự sắc.
2. Sai biệt phân biệt.
3. Tổng chấp phân biệt.
4. Ngã phân biệt.
5. Ngã sở phân biệt.
6. Ái phân biệt.
7. Bất ái phân biệt.
8. Ái, Bất ái câu tương vi phân biệt.

Ba sự:

1. Hý luận sở y tưởng sắc sự.
2. Kiến ngã mạn sự.
3. Tham sân si sự.

Các sự này có giải thích rộng trong tám phân biệt sinh ba sự, như Du-già quyển 36 và luận Hiển Dương quyển 16 giải thích.

Nói có chín chủng phân biệt: Lấy lý làm thành, tức là duyên chín phẩm kế chấp, chấp chín Địa cũng như thế, chín kết câu phẩm chấp cũng vậy.

Nói có mười chủng phân biệt: Tức là Nhiếp luận quyển 4 giải thích. Luận Đối Pháp quyển 14 tuy gọi phân biệt không phải là năng biến kế:

1. Căn bản phân biệt: Tức là Thức thứ tám.
2. Duyên tướng phân biệt.
3. Hiển tướng phân biệt: Nhãn... các thức đều làm sở y.
4. Duyên tướng biến dị phân biệt: Như sự biến dị của lão...
5. Hiển tướng biến dị phân biệt.
6. Tha dẫn phân biệt: Loại nghe không đúng chánh pháp.
7. Bất như lý phân biệt: Loại ngoại đạo.
8. Như lý phân biệt: Loại nghe đúng chánh pháp.

9. Chấp trước phân biệt: Loại ngã kiến.

10. Tán động phân biệt: Tức là mười tán động.

Mười tán động cũng làm mười chủng, đây là thể của năng biến kế phân biệt. Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 12 nói mười chủng trong kiến và Vô kiến kiến. Lại nữa, là chỗ trừ bỏ của mười kiến và mười tám Không, như quyển 77 giải thích.

Nói có mười một chủng phân biệt: Tức là mười một thức là thân, thức của thân giả, duyên mười một thức này sinh phân biệt thì gọi là mười một chủng phân biệt, như Nhiếp luận nói.

Nói có mười hai chủng phân biệt: Tức là Lăng-già quyển 4, bộ mười quyển ghi:

1. Ngôn ngữ phân biệt: Vì ưa thích nói năng.

2. Khả tri phân biệt.

3. Tướng phân biệt.

4. Nghĩa phân biệt.

5. Thật thể phân biệt.

6. Nhân phân biệt.

7. Kiến phân biệt.

8. Kiến lập phân biệt.

9. Sinh phân biệt.

10. Bất sinh phân biệt.

11. Hòa hợp phân biệt.

12. Phược bất phược phân biệt.

Duyên riêng mười hai xứ sinh phân biệt cũng như vậy, mười ba chủng phân biệt thì không có nói.

Nói có mười bốn chủng phân biệt: Tức là mười bốn thứ Bất khả ký sự phân biệt. Mười lăm chủng phân biệt cũng không có.

Nói có mười sáu chủng phân biệt: Tức là chỗ trừ bỏ mười sáu Không, hoặc chỗ trừ bỏ của ba Không. Luận Hiển Dương quyển 15 nói một là căn trói buộc, hai là hữu tình trói buộc.

Nói có mười bảy chủng phân biệt: Luận Đối Pháp quyển 12 nói là Tướng phần và Kiến phần.

Nói có mười tám chủng phân biệt: Là chỗ trừ bỏ của mười tám Không cho đến hai mươi câu Ngã kiến và Ngã sở kiến. Chỗ trừ bỏ của hai mươi Không cho đến hai mươi câu Ngã kiến và Ngã sở kiến. Luận Đối Pháp quyển 12 nói hai mươi tám kiến và sáu mươi hai kiến, do đó trong luận này ghi: “Mười chủng phân biệt vân vân”. Quyển 74 nói tùy theo Y tha khởi như vậy, mà chỗ phần lượng Biến kế cũng vậy, cho nên

có vô lượng chủng phân biệt. Trong luận này nói, mỗi mỗi chủng này đều như chỗ dẫn của các luận, đều tự phân biệt rộng, không phiền dẫn ra.

Từ trên đến đây nói rộng câu thứ nhất đã xong, từ đây xuống nói rộng về câu thứ hai.

Luận: “Tiếp theo sở biến kế tự tánh là thế nào?”

Thuật rằng: Nói năng biến kế đã xong, tiếp theo hỏi sở biến kế là gì.

Luận: “Nhiếp Đại Thừa nói”, đến “Sở duyên duyên”.

Thuật rằng: Trong ba tánh là Y tha khởi, nói Sở duyên duyên thì chắc chắn là hữu pháp, tâm biến kế lấy Sở duyên duyên này làm duyên, vì gần gũi với Tướng phần thì chắc chắn là Y tha, không lấy Viên thành thật mà làm cảnh, vì Viên thành thật kia không tương tợ. Nhiếp luận quyển 4 chỉ nói tánh Y tha là Sở biến kế.

Luận: “Tánh Viên thành thật lẽ nào không phải là cảnh của nó?”

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi. Quyển 76 ghi Thắng nghĩa vô tánh, không giống như chỗ chấp tướng Thắng nghĩa, đến sau sẽ biết, cũng lấy Viên thành thật làm Sở duyên duyên xa, không phải là Tướng phần, vì không tương tợ, vì rất xa.

Luận: “Chân không phải vọng chấp”, đến “cũng là sở biến kế”.

Thuật rằng: Y tha là vọng, có thể cho rằng phần ít là Tướng phần của Viên thành thật kia, chân này thì không phải vậy, vì không gần nhau, xa cũng không được.

Luận: “Biến kế sở chấp”, đến “cho nên không phải sở biến kế”.

Thuật rằng: Sở chấp tuy là cảnh của tâm Biến kế, nhưng không phải Sở duyên duyên cho nên không phải sở biến kế, vì sở biến kế thì căn cứ vào Hữu pháp. Nghĩa của cảnh thì đồng thông với Vô pháp cho nên gọi là cảnh, Sở duyên duyên thì câu thúc với Vô pháp tức là phi, cho nên chỉ có Y tha là sở biến kế. Quyển 74 ghi: “Do đâu mà Biến kế? Do y tha khởi”, tức là ở đây nói. Tại sao quyển 74 lại cũng nói Biến kế sở chấp không phải là trí cảnh của phàm và Thánh? Vì vô tướng cho nên nói đều không phải cảnh. Tợ tướng phần là Phi vô pháp, Vô pháp không phải Sở duyên duyên, vì Sở duyên duyên chắc chắn là Hữu pháp, tánh của nó có thể gọi là cảnh của sở duyên, không cho nên luận đó nói là cảnh mà không phải là duyên, vì không có thể. Đối với tâm mà nói là không phải cảnh, do đó thuyết của tánh này là nên biết. Đây là câu tụng thứ hai trước đã nói xong. Phật thì không có gì mà chẳng biết. Hoặc biết

như thế nào thành sở duyên, hoặc không biết như thế nào là nói biến trí. Nghĩa này nên suy nghĩ, như trong Duy thức quyển 7 giải thích.

Từ đây xuống nói rộng câu tụng thứ ba và thứ tư, gồm giải thích câu thứ nhất trong bài tụng thứ hai.

Luận: "Tướng của Biến kế sở chấp như thế nào?"

Thuật rằng: Đây là hỏi về thể tướng.

Luận: "So với Y tha khởi lại có gì khác?"

Thuật rằng: Đây là hỏi hai sai biệt chung với hai câu hỏi.

Luận: "Có nghĩa là ba cõi, đến "Biến kế sở chấp".

Thuật rằng: Sư này có hai ý:

1. Lập tông.

2. Dẫn chứng thiên về đáp câu hỏi thứ nhất.

Các tâm và tâm sở tuy mỗi thể của nó đều là một tự chứng phần nhưng tợ hai phần của Y tha mà sinh, là Tướng phần và Kiến phần. Trong các kinh luận nói hai thủ tức là hai phần này. Như vậy hai phần tuy có tương tợ thể, nhưng lý thì thật ra là không có. Hai tướng này luận Trung Biên nói là kế sở chấp.

Luận: "Thể của hai sở y", đến "duyên sở sinh".

Thuật rằng: Đáp câu hỏi thứ hai, hiển hai thứ sai biệt. Các thức sự thể của hai sở y này, thật ra từ duyên sinh, tánh này không phải không có, tên là Y tha khởi, vì duyên sinh từ chủng tử hư vọng phân biệt. Ý của sư này nói chỉ có tự chứng phần là Y tha mà có. Sở thủ năng thủ và Kiến phần Tướng phần là kế sở chấp, như lông rùa, là Vô pháp.

Luận: "Làm sao biết được như vậy?"

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn chứng làm sao biết được hai phần kia là không phải có.

Luận: "Các Thánh giáo nói", đến "Biến kế sở chấp".

Thuật rằng: Phân rõ hai thứ sai biệt. Hư vọng phân biệt là Y tha khởi. Luận Trung Biên cựu dịch ghi: "Hư vọng tổng loại là ba cõi tâm tâm sở". Tân dịch thì ghi: "Ba cõi tâm tâm sở là hư vọng phân biệt". Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: "Thể tánh của phân biệt là ba cõi tâm tâm sở". Du-già và Nhiếp luận đều có các câu nói này, là nói rằng ba cõi tâm tâm sở là Y tha khởi, từ nhân duyên sinh, hai thủ của nó gọi là Biến kế sở chấp. Bài tụng trong luận Trung Biên cựu dịch ghi: "Không có hai thủ mà có cái Vô này". Văn Trường hàng ghi: "Không có hai thủ là không có sở thủ năng thủ, có cái Vô này là có hai thủ vô". Tân dịch thì ghi: "Không có hai thủ này mà có Vô". Nhiếp luận và luận Hiển Dương thì văn này rất nhiều. Luận này phần thứ nhất tức là sư An

Tuệ phần nhiều đều nói nghĩa này. Dưới đây là Hộ Pháp mới phân biệt thêm.

Luận: "Có nghĩa là tất cả", đến "Biến kế sở chấp".

Thuật rằng: Đây là sư thứ hai nói. Trong văn có bốn đoạn:

1. Nêu tông.
2. Dẫn chứng.
3. Bài xích.
4. Kết chánh.

nhân duyên sinh của Tướng phần và Kiến phần cũng là Y tha khởi. Y theo hai phần vọng chấp này mà quyết định là hữu hay vô, hoặc cũng hữu cũng vô, hoặc Phi hữu chẳng phải không, là một hoặc là khác, hoặc câu hoặc bất câu. Đây là lấy hữu vô làm một câu riêng, một và khác hai câu riêng làm đầu. Câuvà bất câu thông với hai xứ thì Tướng phần và Kiến phần này mới gọi là Biến kế sở chấp, không phải nhân duyên hai pháp mà gọi là kế sở chấp. Nương theo tổng hợp của sư trước mà tiếp theo dẫn văn làm chứng.

Luận: "Các Thánh giáo nói", đến "Y tha khởi".

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn chứng. Luận Nhiếp Đại Thừa quyển 4 ghi: "Hai chủng chủng của Duy thức, kia gọi là Duy thức, đây gọi là duy lượng, kia nói là hai, đây gọi là chỉ có hai". Luận kia tự giải thích rằng: "Duy lượng là không có cảnh, duy lượng là có Kiến phần và Tướng phần, chủng chủng là các thứ hành tướng sinh khởi. Do có Tướng phần và Kiến phần mà được thành hai chủng, cho nên Kiến phần và Tướng phần là Y tha khởi". Kinh Phật Địa nói là hiện tại thân và cõi, cùng với chỗ dẫn bốn chí giáo của quyển 2 trước, đều có hai phần, ba phần và bốn phần cho nên nói là chủng chủng, vì đều gọi là Y tha khởi. Lại nữa, chủng chủng là Tướng phần và Kiến phần mỗi mỗi đều có nghĩa chủng chủng hành tướng, như Nhiếp luận giải thích.

Luận: "Bốn pháp của các tướng", đến "Y tha khởi nhiếp".

Thuật rằng: Lại nữa, trong năm pháp tương đương với bốn pháp trước, chỉ trừ Chân như. Mười một thức gồm:

1. Thân.
2. Thân giả.
3. Thọ giả.
4. Sở thọ của nó.
5. Năng thọ của nó.
6. Thế.
7. Số.

8. Xứ.

9. Ngôn thuyết.

10. Tự tha biệt.

11. Thức thiện nẻo ác tử sinh.

Nhãn... năm căn gọi là Thân, ý và giới sở y của thức gọi là Thân giả, ý và giới sở y của Ý Thức thứ sáu gọi là thức của thọ giả. Ba thức này lấy sáu nội giới làm tánh. Sắc và sáu trần gọi là Sở thọ của nó; sáu thức và giới gọi là Năng thọ; tương tợ ba thời ảnh hiện gọi là Thế; tương tợ một, hai... gọi là Số; tương tợ thôn xóm ảnh hiện gọi là Xứ; tương tợ thấy nghe ngôn thuyết hiện gọi là Ngôn thuyết; dấy khởi ngã chấp và ngã sở chấp gọi là Tự tha biệt; tương tợ tướng năm nẻo hiện gọi là thức thiện nẻo ác sinh tử. Nghĩa của các môn này như Nhiếp luận giải thích. Trong đây đã nói thân thức, sở thọ thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, thiện nẻo ác sinh tử hợp chung với năm thức gọi là Y tha khởi. Tướng phần cũng là Y tha. Du-già quyển 72, quyển 73 và luận Hiển Dương quyển 12, quyển 16 thuyết minh về năm pháp, Nhiếp luận quyển 4 thuyết minh về mười một thức và tướng danh, các luận đó đều nói thuộc về Y tha khởi, cho nên biết hai phần tướng kiến không phải là kế sở chấp. Luận nói "đẳng" là đồng với tướng thức và đồng với sắc xứ.

Luận: "Không như thế thì Vô lậu", đến "Biến kế sở chấp".

Thuật rằng: Dưới đây là bài xích, trong đó có vấn nạn năm lỗi. Đây là vấn nạn lỗi thứ nhất. Nếu các Tướng phần không phải Y tha thì chỗ biến hai phần tướng kiến của Hậu đắc trí của Phật đáng lẽ gọi là sở chấp phải không? Nên lập lượng rằng: Hữu lậu không phải nhiễm Kiến phần và Tướng phần, không phải kế sở chấp, vì là không phải nhiễm tâm hiển hiện hai phần.

Luận: "Thừa nhận thì đáng lẽ Thánh trí", đến "Hữu lậu cũng như thế".

Thuật rằng: Nếu thừa nhận hai phần kiến tướng Vô lậu như Nhị thừa thì cũng kế sở chấp thì đáng lẽ Thánh trí không duyên với Tướng phần của tự tha mà sinh. Nếu duyên tướng mà sinh thì liền thành kế sở chấp. Nếu chỗ có trí phẩm có thể duyên Y tha thì đáng lẽ không phải là Đạo đế, vì có Tướng phần, như tâm Hữu lậu. Nếu không thừa nhận Thánh trí thì tuy có hai phần nhưng không phải kế sở chấp. Nên biết tâm Hữu lậu đáng lẽ cũng có hai phần như vậy, như tâm Vô lậu.

Luận: "Lại nữa, nếu hai phần", đến "thể không phải có".

Thuật rằng: Đây là vấn nạn thứ hai. Nếu hai phần tướng kiến Hữu lậu, đều là kế sở chấp thì đáng không phải là Sở duyên duyên, vì luận

kia nói kế sở chấp thừa nhận hai phần không phải có, như sừng thỏ. Luận họ cho rằng hai phần không phải Sở duyên duyên. Sở duyên duyên là Trần Na dùng để phá tha và thành tựu tha mà làm luận. Ngã đã là Duy thức thì dựa vào cái gì để mà duyên sinh?

Luận: "Đáng lẽ hai phần", đến "đáng lẽ không có hai phần".

Thuật rằng: Đây là vấn nạn thứ ba. Chỗ chấp hai phần không huân thành chủng tử, vì là Vô pháp, như gái đá, tức là các thứ sau đáng lẽ không có hai phần. Nhưng chỗ chấp của nó, chỗ có chủng tử của hai phần khi sinh thì chỉ có tự chứng hiện hành là Y tha khởi. Chủng tử sinh hai phần thì liền thành kế sở chấp, cho nên đặt thành vấn nạn này. Nếu không như thế thì văn này đuổi theo nghĩa khác, không phải cực thành.

Luận: "Lại nữa, các tập khí", đến "năng tác nhân duyên".

Thuật rằng: Đây là vấn nạn thứ tư. Hữu lậu tập khí là Tướng phần của thức, Tướng phần đã không phải có, lẽ nào pháp năng tác nhân duyên của thể không phải có? Giả pháp thì giống như nhân duyên, ông chấp thể của Tướng phần không phải có, đó là chấp chủng tử không phải thật có thể, tự chứng phần khởi duyên cũng vẫn không phải Tướng phần. Hiện tại luận này nói hai chữ "tự tông" là Tướng phần nhiếp cho nên đặt thành vấn nạn này.

Luận: "Hoặc sở sinh của duyên", đến "không khác với nhân".

Thuật rằng: Đây là vấn nạn thứ năm. Từ sở sinh của duyên không lìa hai phần trong thức thì không phải Y tha khởi. Sở y của hai phần y vào tha mà khởi thể của thức, đặt ví dụ cũng như vậy. Không khác với sở y, bỉ thử có thể riêng khác. Nếu hai phần ngoài tâm không phải nhân duyên sinh thì có thể không phải Y tha khởi, nhưng sư này kế chấp chủng tử năng sinh có hai thứ. Năng sinh và sở sinh hiện hành cùng với kế sở chấp, cho nên lấy tự thể làm ví dụ. Ví dụ đó nên lập lượng rằng: Hai phần sở sinh của nhân duyên là Y tha khởi, vì chủng tử của nhân duyên sinh, như Tự chứng phần. Lại nữa, chỉ có Tự chứng phần thì do duyên gì làm chứng tự chứng, duyên gì làm chủng tử, lẽ nào trong một tâm mà cũng là cũng là lượng phi lượng? Vì đắc tự duyên thừa nhận có Kiến phần thì không có lỗi này. Nếu lập thêm phần thì Tự chứng phần thứ nhất không do từ duyên bên trong mà cũng thuộc Kiến phần.

Luận: "Do lý thú này", đến "đều là Y tha khởi".

Thuật rằng: Đây là kết chánh. Giải thích hai câu làm hai tánh, hoặc làm tánh thứ nhất cùng với Y tha khởi hợp chung làm môn, đây là sư thứ nhất tổng kết. Hoặc phân làm ba tánh, mỗi mỗi đều thuyết minh

riêng.

Từ đây trở xuống giải thích Y tha, do lý thú nhiều duyên sinh thể của tâm tâm sở này, cùng với Tướng phần và Kiến phần, dị sinh Nhị thừa Hữu lậu Vô lậu đều là Y tha khởi, khéo thuận với Thánh giáo, vì không trái lý.

Giải thích câu thứ nhất của tụng thứ hai và thể tánh của kế sở chấp không phải có, hỏi đáp về tướng của nó. Hai sư nói Hữu thể và Vô thể, rộng và hẹp không đồng. Phân rõ hai tánh, đáp riêng câu hỏi thứ hai. Tổng là nói rộng bài tụng thứ nhất đã xong, đồng thời giải thích câu thứ nhất của tụng thứ hai, do đó kết đoạn văn trên mà kiêm phát sinh đoạn văn dưới.

Từ đây xuống là giải thích câu thứ hai của bài tụng thứ hai.

Luận: "Nhiều duyên của Y tha mà được khởi".

Thuật rằng: Ba chữ duyên sở sinh trong giải thích tụng, là giải thích nghĩa Y tha.

Luận: "Tụng nói phân biệt", đến "cũng là Viên thành".

Thuật rằng: Giải thích hai chữ phân biệt chỉ câu thúc trong Hữu lậu, đồng thời hiển lý do tại sao không nói tịnh phần. Hoặc từ bên dưới giải thích câu thứ hai, từ đây trở lên là giải thích chung câu thứ nhất. Hiện tại trong tụng này, nên biết rằng còn nói nhiễm phần Y tha, nói rằng pháp phân biệt là chỗ sinh của nhân duyên. Các pháp tạp nhiễm gọi là phân biệt, vì chỗ sinh của nhân duyên Y tha, hoặc nhiễm Y tha làm chỗ sinh của duyên phân biệt, vì chỉ có tạp nhiễm. Y tha trong đây chỉ nói về nhiễm phần, tịnh phần Y tha cũng là Viên thành, là hiển thông hai tánh, thuyết minh tịnh Y tha không gọi là phân biệt vì nhiễm Y tha khởi thì chỉ có Y tha, là hiển trong tụng này chỉ thuyết minh về nhiễm phần.

Luận: "Hoặc các nhiễm tịnh", đến "thuộc về Y tha khởi".

Thuật rằng: Phần thứ hai lại giải thích nữa. Hoặc các tâm pháp tâm sở nhiễm và tịnh đều gọi là phân biệt, vì là năng duyên lự. Trong đó nói chung, do không phải tịnh cho nên không phải duyên lự. Nói năng duyên, đó là tất cả nhiễm y tha và tịnh y tha, là Y tha khởi nhiếp trong tụng này, đều gọi là phân biệt.

Hỏi: Nếu như thế thì nhiễm sắc, tịnh sắc và Bất tương ưng đáng lẽ không phải Y tha khởi trong đây nhiếp, vì không phải năng duyên lự và không phải thuộc về Y tha?

Đáp: Không đúng, khi nói các tâm thì các pháp nhiễm tịnh đó cũng thuộc về Y tha khởi này, vì không lìa tâm, vì Duy thức môn.

Hỏi: Nếu như thế tại sao đưa ra hai chữ năng duyên?

Đáp: Hiển tâm năng duyên khắp các nhiễm tịnh đều gọi là phân biệt, vì gồm cả năng lự, không phải hai chữ duyên lự lựa riêng với các sắc. Các sắc tuy không phải năng duyên, nhưng không lìa tâm, cho nên cũng thuộc về Y tha khởi này.

Tiếp theo dưới đây giải thích tánh Viên thành thật, trước hết giải thích câu thứ ba của tụng thứ hai.

Luận: "Chỗ hiển của hai Không", đến "gọi là Viên thành thật".

Thuật rằng: Y theo chỗ hiển chân lý của hai Không môn thì phải có đủ ba nghĩa, một là viên mãn, hai là thành tựu, ba là pháp thật tánh, mới gọi là Viên thành thật. Vì sao Chân như có đủ ba nghĩa này?

Luận: "Hiển thể của biến và thường này là Phi hư ngụy".

Thuật rằng: Do Chân như này:

1. Thể biến, vì không chỗ nào không có, tức là nghĩa viên mãn.
2. Thể thường, vì không phải sinh diệt, tức là nghĩa thành tựu.
3. Thể phi hư ngụy, vì Chân lý của các pháp và thật tánh của các pháp, tức là chữ thể này thông suốt ba xứ, vì luận sơ lược cho nên chỉ thông với thường và biến trên.

Còn nói thường biến là muốn hiển nghĩa gì?

Luận: "Lựa riêng với tự cộng tướng hư không ngã".

Thuật rằng: Chữ biến là lựa riêng với tự tướng, vì tự tướng của các pháp bị câu thúc với pháp thể, không thông với các pháp khác, nếu thông với các pháp khác thì liền thành Phi tự tướng, cho nên chỉ có Chân như là có thể khắp các pháp. Chữ "thường" là hiển nghĩa gì? Chữ thường là lựa riêng với cộng tướng. Các pháp Vô thường, Không và Vô ngã, tuy khắp các pháp nhưng thể không phải thật có, là các pháp trên không có thể không có dụng gọi là Không và Vô ngã, không phải có thật thể thông suốt các pháp, chỉ có quán tâm không có thể cộng tướng, đã nói như trước. Đã như thế thì không nên nói thể tánh kia là thường pháp, cho nên nói Chân như là thường để lựa riêng với cộng tướng kia. Lại nữa, ba chữ "phi hư ngụy" có ý hiển nghĩa gì? Phi hư ngụy là lựa riêng với hư không và ngã. Tiểu thừa và ngoại đạo chấp hư không và ngã cũng là thể cũng là thường, có thể khắp các pháp, nói thường biến đó là hư ngụy, không phải thật tánh của các pháp, cho nên chữ "phi hư" là lựa riêng với dị hư không, chữ phi ngụy lựa riêng với ngã, vì đồng với vọng chấp. Lại nữa, chữ "đẳng" là chỉ cho đồng lấy đại hữu, hòa hợp của các sư Vệ thế và tự tánh của Tăng-khư, tuy các bộ đó cho là biến nhưng thể cũng là thường. Hiện tại luận này nói thể đó là tánh hư ngụy,

không phải quyết định có thể, cho nên nói trong luận có chữ "đẳng" tức là chỉ có Chân như mới có đủ ba nghĩa. Chữ "Viên thành thật" thì phối hợp thuộc thể đó.

Hỏi: Nếu như thế thì thể tịnh phần Y tha không phải là thường và biến, tại sao cũng thuộc về Viên thành thật?

Luận: "Vô lậu Hữu vi", đến "cũng được tên này".

Thuật rằng: Tịnh phần Hữu vi cũng có đủ ba nghĩa:

1. Ly đảo, vì thể không phải nhiễm, đó là nghĩa thật.

2. Cứu cánh, vì gia hạnh thiện của pháp Hữu lậu không thể đoạn hoặc, không phải cứu cánh. Thể của các pháp Vô lậu là Vô lậu, có thể đoạn các nhiễm rốt ráo, đó là nghĩa Thành.

3. Dụng thù thắng chu biến, vì có thể đoạn khắp tất cả pháp nhiễm, duyên khắp các cảnh, duyên khắp Chân như, cho nên nói thứ ba là dụng thù thắng chu biến, đó là nghĩa Viên.

Do đủ ba nghĩa đồng với Chân như, cho nên tịnh Y tha cũng được gọi là tánh Viên thành thật. Trong cựu luận Trung Biên cũng ghi: "Vô vi thì vô biến vô đảo thành tựu nhập chân thật tánh". Tất cả Hữu vi đều là đạo nhiếp, không có điên đảo thành tựu, vì không có điên đảo trong phẩm loại cảnh giới cho nên được nhập chân thật tánh. Vô biến là nghĩa thường, vô điên đảo là nghĩa Phi hư ngụy. Thành tựu là nghĩa biến. Do ba nghĩa trên mà Chân như gọi là thành thật. Tịnh phần Y tha chỉ có thể khắp, đều không có điên đảo, chỉ là nghĩa thứ nhất và thứ ba trong đây. Nghĩa vô cứu cánh, tân dịch luận Trung Biên quyển 2 ghi: "Chân như Niết-bàn không có biến đổi, cho nên gọi là Viên thành thật. Hữu vi tổng nhiếp tất cả Thánh đạo, đối với cảnh không có điên đảo cho nên cũng gọi là Viên thành thật". Hợp chung hai thứ này lại thì chỉ có hai nghĩa thứ nhất và thứ ba trong đây. Nhiếp luận quyển 4 ghi: "Duyên gì gọi là Viên thành thật? Do không có biến dị", tức là nghĩa thường ở đây. Sở duyên của thanh tịnh tức là nghĩa biến ở đây. Tánh tối thắng của tất cả pháp thiện là Phi hư ngụy này. Thật tánh của các pháp, trong luận Trung Biên kia chỉ coi là Chân như tánh Viên thành thật, không phải tịnh Y tha cũng nhiếp trong tánh Viên thành thật, vì nghĩa không đủ. Trong đây nghĩa nhiếp chung đều đồng nhau.

Luận: "Hiện tại trong đây nói sơ không phải hậu".

Thuật rằng: Tuy các pháp tịnh phần của Vô vi và Hữu vi đều là Viên thành thật, nhưng trong tụng này nói Chân như đầu gọi là Viên thành thật, không phải tịnh phần sau, vì không thể lựa riêng với ba nghĩa thù thắng của tự tướng và cộng tướng. Tịnh phần Y tha, một là

không phải chỗ chứng, hai là không phải pháp tánh, cho nên trong luận này nói trước không phải sau. Đây là giải thích ba chữ "Viên thành thật" trong câu thứ ba. Tiếp theo giải thích "đối với nó" và câu thứ tư. Phần đầu giải thích chung, phần sau là giải thích riêng.

Luận: "Thử là đối với bỉ", đến "Chân như làm tánh".

Thuật rằng: Đây là giải thích chung. Viên thành thật này, đối với chỗ nói ở trước về Y tha khởi kia, trong tất cả thời thường không có Biến kế sở chấp thứ nhất. Thường nghĩa là hằng, nghĩa là tất cả thời, nghịch với nghĩa lìa Không và nghĩa lìa lỗi, là chỗ chấp làm ban đầu của ba tánh, cho nên gọi là tiền. Đây là Viên thành thật trên Y tha khởi không có kế sở chấp, hai ngã đã Không, y theo chỗ hiển Chân như của Không môn mà làm tự tánh của nó. Tiếng Phạm là Thuấn-nhã, Hán dịch là Không; Thuấn-nhã-đa, Hán dịch là Không tánh. Như gọi Không tánh mà không gọi là Không, cho nên y theo Không môn mà hiển tánh này, tức Viên thành thật là chỗ hiển của Không, là phỏng theo biểu thuyên để hiển Viên thành thật.

Hỏi: Không làm môn, là trí làm Không hay Không làm dị trí?

Đáp: Không là cảnh của trí, thể của Không không phải trí, khi trí duyên cái Không đó, là hiển Chân như này.

Luận: "Nói hai chữ đối với bỉ", đến "chẳng tức chẳng lìa".

Thuật rằng: Dưới đây đặt nặng giải thích chữ "đối với bỉ", tức là phỏng theo giá thuyên để hiển Viên thành thật. Câu thứ ba của tụng nói đối với bỉ là hiển Viên thành thật này cùng với Y tha chẳng tức chẳng lìa. Y tha là sở đối với, Chân như là năng đối với, không phải ngay một pháp mà có sở đối với và năng đối với, hiển Chân như và Y tha không phải tức là nhau. Nếu là tức thì Chân như đáng lẽ bị diệt mất, Y tha thì đáng lẽ không sinh. Nói không lìa thì ngay trên Y tha có Chân như, đối với bỉ không thể nói lìa. Nếu nói hoàn toàn lìa thì đáng lẽ Chân như không phải tánh của Y tha kia, nếu lìa Y tha thì riêng có Chân như tánh, tại sao nói đối với bỉ? Cho nên hai chữ đối với bỉ là hiển chẳng tức chẳng lìa. Trong đây chỉ có hữu và không, đối với bỉ cũng có thử.

Luận: "Ba chữ thường viễn ly", đến "lý là hằng chẳng phải có".

Thuật rằng: Đây là giải thích ba chữ "thường viễn ly" của câu thứ tư. Nói rằng Biến kế sở chấp là vọng sở chấp, đây không phải là tạm thời không có mà là hằng thời không có, cho nên gọi là thường, thể này là chẳng phải có cho nên gọi là viễn ly. Đã viễn ly thì không có kế sở chấp, lại đưa ra chữ "trước", điều này có dụng ý gì?

Luận: "Nghĩa của chữ 'trước' là hiển chẳng phải Không y tha".

Thuật rằng: Y tha của Biến kế sở chấp nói ở trước. Chữ Không này đối với sở chấp, không phải Không này đối với Y tha.

Chữ "trước" là hiển trong tụng này chỉ nói thường viễn ly Biến kế sở chấp trước, đã không có kế sở chấp mà lại nói tánh thì đây có dụng ý gì?

Luận: "Tánh là hiển hai Không", đến "vì lìa Vô tánh".

Thuật rằng: Ý muốn nói Chân như là tánh của Không, không phải tức là Không, vì Không là nguyên nhân mà Chân như mới hiển được. Thể của Chân như là Không thì cũng đâu có hại gì! Chân như lìa hữu tướng và lìa vô tướng. Nếu nói đối với Không tuy lìa hữu tướng, không phải lìa Không tướng, cho nên chữ Không ở đây không phải là thể của Chân như cho nên đưa ra chữ "tánh" có ứng dụng sâu xa. Chân như lìa Không gọi là Không tánh, Chân như lìa Hữu gọi là Hữu tánh, bệnh chấp phần nhiều khởi Hữu cho nên chỉ nói Không môn, hoặc bệnh chấp Không phát sinh thì cũng lập ra Hữu tánh, ý này là tổng hiển tánh Viên thành thật trên Y tha không có tánh sở hiển của chỗ chấp ở trước, cho nên giá môn và biểu môn đều có lý do. Đây là giải thích hai câu cuối của tụng thứ hai đã xong. Tuy hai tụng không đồng, thuyết minh ba tánh thể đã xong.

Dưới đây thuyết minh Dị tướng và Bất dị tướng của ba tánh, tức là tụng thứ ba. Trong đó có ba phần:

1. Giải thích pháp.
2. Giải thích dụ.
3. Tổng kết.

Luận: "Do lý trước", đến "đáng lẽ là vô thường".

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích ba câu đầu trong tụng thứ ba. Đây là cùng với Y tha khởi không phải dị không phải bất dị, trong Nhiếp luận đều đối với ba tánh thuyết minh dị và bất dị, trong đây thì chỉ đối với Y tha khởi mà lấy hữu pháp tương đối của hai tánh này, không phải đối với kế sở chấp mà lấy Vô thể, cho nên chỉ có đối với hai tánh. Trong đây luận nói do lý của chẳng tức chẳng lìa trước, nếu Y tha khởi cùng với nó quyết định khác nhau thì Chân như đáng lẽ không phải Thật tánh của nó, đã cùng với nó khác nhau cho nên không phải tánh của nó. Nếu hoàn toàn không khác nhau thì Chân như tánh này đáng lẽ là vô thường, Y tha không phải thường vì đây kia đồng nhau.

Luận: "Bỉ thử đều đáng lẽ là", đến "dụng đáng lẽ không khác".

Thuật rằng: Lại nữa, giải thích nghĩa của chữ "một". Y tha bỉ và Chân như thử đã là một thể thì đều đáng lẽ là tịnh cảnh và Phi tịnh cảnh,

vì là một thể. Luận Trung Biên quyển 1 ghi: “Không có hai thứ hữu và vô, chẳng phải có cũng chẳng phải không, phi khác cũng chẳng phải một”. Đó là nói Không tướng, chính là đồng với luận này. Quyển 74 ghi: “Chỉ có cảnh của Chân như thánh trí này, nương theo pháp khác mà khởi phàm cảnh và Thánh trí cảnh”. Lại nữa, thể của Y tha cảnh là bất tịnh, thể của Chân như cảnh là tịnh, hai tánh đã là một thì thể của Y tha cảnh kia đáng lẽ cũng tịnh, Chân như cảnh đáng lẽ cũng bất tịnh. Lại nữa, Y tha đã thông với phàm cảnh và thánh cảnh thì Chân như đáng lẽ cũng như thế. Đã như thế thì tức là căn bản trí vô phân biệt, cùng với Hậu đắc trí đáng lẽ không khác thể. Bổn trí vốn duyên Chân như, cũng duyên Y tha. Hậu đắc trí duyên Y tha, cũng duyên Chân như. Đây là phỏng theo Kiến phần đặt làm vấn nạn, cho nên hai tánh không khác nhau. Nhiếp luận ghi: “Do chủng tử của Y tha sinh thành Y tha, vì do Biến kế sở chấp duyên tướng”. Chỗ Biến kế của Biến kế, do đó thành Biến kế sở chấp, do tức là tự tánh này mà thành Viên thành thật. Vì sở biến kế của Chân như không có như vậy cho nên ba tánh là phi dị và phi bất dị. Thế Thân nói: Ý thức là Biến kế thì Y tha khởi này làm năng sinh Biến kế của cảnh tánh sở thủ sở duyên, do đó cũng gọi là Biến kế sở chấp, tức là Y tha khởi làm cảnh sinh tâm Biến kế, nghĩa là tánh kế sở chấp, đó là giải thích sở duyên tướng của Biến kế, vì là sở biến kế, tức là Ý thức đó gọi là Biến kế, duyên tướng mạo kia mà làm cảnh sở thủ làm sở biến kế. Do đó Y tha này cũng gọi là tánh kế sở chấp. Nói rằng Y tha khởi là cảnh sở duyên của tâm kế chấp, cũng gọi là kế sở chấp. Cái trước thì làm cảnh năng sinh kế tâm gọi là kế sở chấp, cái sau làm sở duyên của kế tâm cho nên gọi là kế sở chấp. Giải thích chung luận này là nghĩa chữ “một”. Luận Vô Tánh ghi: “Phi dị, là Y tha khởi thì có, kế sở chấp thì không”. Có vọng chấp đối với hữu được gọi là dị, có vọng chấp đối với chẳng phải có thì không được gọi là dị, vì chẳng phải có kia đã là vô thì vọng chấp cái gì để làm dị? Phi bất dị, là hữu và chẳng phải có không thành nhất, vì y tha thì bất tịnh, Viên thành thật thì tịnh, cho nên ba tánh kia là phi dị và phi bất dị. Đây là một giải thích. Lại nữa, do Y tha là Biến kế sở chấp và sở y chỉ của ngã và sắc thì Y tha khởi gọi là kế sở chấp, vì sở duyên tướng của Biến kế, tức là Y tha làm sở y của kế sở chấp, gọi là kế sở chấp. Giải thích này cùng với giải thích trước của thế thân khác nhau. Lại nữa, Y tha khởi là Ý thức Biến kế và sở biến kế của ngã và sắc, tức là Y tha khởi làm sở kế chấp của năng biến kế gọi là kế sở chấp. Luận kia nói rằng do ý thú này mà giả thuyết Y tha làm kế sở chấp. Đây là giải thích hai câu trên của tụng thứ

ba, kế sở chấp này cùng với Y tha không phải nhất không phải dị đã nói xong. Dưới đây là giải thích lần lượt câu thứ ba.

Luận: "Tại sao hai tánh là phi dị và phi bất dị?"

Thuật rằng: Đây là hỏi về ví dụ.

Luận: "Như tánh của vô thường Vô ngã kia".

Thuật rằng: Tụng nói như tánh của vô thường, đồng lấy Vô ngã và Không, cho nên sau chữ Vô ngã có chữ "vân vân".

Luận: "Tánh của vô thường...", đến "không phải cộng tướng kia".

Thuật rằng: Nếu quyết định là dị thì hành pháp kia không phải vô thường..., như màu xanh không phải màu vàng, vì là khác nhau. Nếu hoa đốm trong hư không toàn dị thì các vô thường này đáng lẽ không phải cộng tướng của các hành kia, như cộng tướng của sắc và Phi sắc cùng với sắc không khác nhau.

Luận: "Do ví dụ này hiển thị", đến "tương đối mà có".

Thuật rằng: Đây là tổng kết đoạn văn trên. Do đạo lý này mà hai tánh không phải nhất và dị, các pháp cùng với lý của pháp tánh chắc chắn cũng vậy. Y tha là pháp, pháp tánh như vậy thì đạo lý đáng lẽ cũng như thế. Tại sao vậy? Vì Thắng nghĩa và Thế tục tương đối nhau. Nói rằng nếu có tục lý thì phải có Chân lý, nếu không có chân thì tương đối với pháp gì để làm tục, không phải lông rùa mong sừng thỏ mà có thể nói nhất và dị, vì thể là vô! Nếu có Chân thì lý chắc chắn phải có tục, nếu không có tục thì tương đối với pháp gì để làm chân! Do đạo lý này mà ba chân ở trước cũng gọi là tục, vì chân ở trong tục, cho nên ba tục sau cũng gọi là chân, vì tục trong chân. Như lý thù thắng này mà hai tánh kia phi dị và phi nhất. Tiếp theo đoạn thứ ba, giải thích câu thứ tư "không phải không thấy thử bỉ".

Luận: "Không phải không chứng kiến", đến "tánh Y tha khởi".

Thuật rằng: Văn dưới đây có hai đoạn: một là chung, hai là riêng.

Đây là phần đầu. Luận này nói kiến, không phải nói rằng mắt thấy, mà Ý thức so sánh thấy, chỉ là Vô lậu thân cận chứng kiến. Kiến có nghĩa là gần với chỗ đắc mà tuệ của bậc Thánh chứng kiến. Không phải không thấy thử, vì thử thử Viên thành thật mà có thể thấy bỉ bỉ Y tha khởi, tức là nghĩa của một chữ kiến này thông với hai tánh, ngầm hợp với lời nói khéo. Luận chỉ nói "không phải không thấy thử bỉ" là phải đạt đến Chân lý mới hiểu rõ Y tha, lẽ nào nói Y tha là cảnh của phàm phu! Vì sự hiển hiện trên tâm tuy không đạt rõ nhưng thân cận

với sở thủ, hoặc luận đạt rõ chỉ có Thánh không phải phàm phu, hoặc thân cận mà làm cảnh của phàm phu cũng được, cho nên nói bỉ thử cũng không có lỗi tương vi. Như trên đời có người thân cận thấy một vật, nhưng không thể nhận ra là gì, cảnh của phàm phu cũng vậy.

Luận: "Chưa đạt Biến kế", đến "Y tha là có".

Thuật rằng: Giải thích lý do này có hai phần: một là giải thích, hai là kết thành.

Đây là giải thích. Giai vị của các Địa tiền chưa đạt đến tánh thể của Biến kế sở chấp là trống rỗng không có, rốt cuộc không hiểu biết như thật về Y tha là có, sức lực của chỗ vọng chấp che lấp Y tha của nó, trừ khi nó che lấp mà Y tha tự hiện thì chỗ vọng chấp không có. Y theo vô môn này mà chứng Viên thành thật thì liền hiểu rõ Y tha. Hiện tại từ chỗ nói của vô môn, cho nên nói hiểu rõ sở chấp không mà biết Y tha hữu, đó là giải thích. Lại nữa, trí vô phân biệt nếu không trước hết đạt rõ chỗ chấp diệu lý của tánh Không Chân như thì Hậu đắc trí đó rốt cuộc không thật sự hiểu biết Y tha là có, để hiển trí vô phân biệt chứng hai tánh.

Hỏi: Đã phải biết lý chân mới hiểu rõ sự tục, là đồng thời hay là sau.

Luận: "Trí vô phân biệt", đến "như các huyễn sự".

Thuật rằng: Trước hết chứng Chân như thì đã ở trong Hậu đắc trí mới có thể hiểu rõ tánh Y tha như tám ví dụ huyễn sự, dương viêm..., không phải sơ kiến vị trong một lúc mà thấy cả hai. Sau Địa thứ năm và Phật thì mới có thể như thế, đến sau sẽ biết.

Luận: "Tuy vô thỉ đến nay", đến "hư vọng biến hiện".

Thuật rằng: Dưới đây là làm thành lý trên. Tâm và pháp tâm sở của tất cả dị sinh, đã có thể duyên với tự tướng và Kiến phần, tuy thân cận đắc Y tha, do ngã chấp và pháp chấp hằng đồng thời khởi mà không biết tự tâm và tâm sở hư vọng hiển hiện, do đó không thể hiểu rõ Y tha cho đến tám ví dụ, cũng duyên tự thân chứng tự chứng phần, chứng tự chứng phần cũng duyên tự tự chứng, cho nên nói duyên với tự tướng và Kiến phần. Do tâm ba tánh của Thức thứ bảy ngã chấp và pháp chấp hằng đồng thời hiện hành mà không biết như thật về tự tâm hư vọng như các huyễn sự.

Luận: "Cũng như huyễn sự", đến "chẳng phải có và tợ hữu".

Thuật rằng: Đây là hiển Y tha không phải chân thật có và ví dụ để làm thành. Như Đại Bát-nhã nói rộng về tướng đó. Luận Nhiếp Đại thừa ghi: "Tại sao vô nghĩa mà làm thành cảnh giới của sở hành? Vì trừ

bỏ nghi ngờ này mà nói ví dụ huyễn sự. Tại sao không có nghĩa tâm và tâm sở chuyển? Là ở đây nói ví dụ ánh lửa. Tại sao không có nghĩa thọ dụng sai biệt của ái và phi ái? Là ở đây nói thí dụ cảnh mộng. Tại sao không có nghĩa sinh quả sai biệt của tịnh nghiệp, bất tịnh nghiệp, ái và phi ái? Là ở đây nói ví dụ ảnh trong gương, luận kia thì nói ảnh tượng. Tại sao không có nghĩa tướng chuyển của chủng chủng ngôn thuyết hý luận? Là ở đây nói ví dụ tiếng vang trong hang. Tại sao không có nghĩa mà thật có nắm lấy sở hành cảnh chuyển của các Tam-ma-địa? Là ở đây nói ví dụ nước và trăng. Tại sao không có nghĩa mà có vô điên đảo tâm của các Bồ-tát, để phân rõ các sự lợi lạc của chư hữu tình do đó mà tư và thọ tâm sở sinh? Là ở đây nói ví dụ biến hóa. Luận Vô Tánh quyển 5 của Thế Thân đều có giải thích rộng, không thể phiền dẫn ra. Trong luận Trung Biên cũng có tám dụ để ví dụ về kế sở chấp, như các tổng hợp sao chép kia, để hiển tánh Y tha mà ví dụ như tám dụ này. Thể không thật có là hư vọng mà có, tương tợ chân của nó mà có cho nên nói Y tha chẳng phải có và tợ hữu.

Luận: “Y theo nghĩa như vậy”, đến “tuy hữu mà phi chân”.

Thuật rằng: Đây là bài tụng trong kinh Hậu Nghiêm. Tuy Y tha thì có nhưng không phải chân thật có, phải thấy chân, sau đó mới thấy Y tha, cùng với văn Trường hàng đồng. Đoạn văn trên đây, nên biết nghĩa đó làm chuẩn. Tổng là giải thích riêng ba bài tụng đã xong. Đoạn văn thứ hai dưới đây tổng giải thích ý của ba bài tụng đó, trong đó có ba phần là chung, riêng và tổng kết.

Luận: “Trong đây có ý nói”, đến “tâm và pháp tâm sở”.

Thuật rằng: Đây là phần chung.

Luận: “Nói rằng tâm tâm sở”, đến “tánh Y tha khởi”.

Thuật rằng: Đây là phần riêng. Nói tâm và tâm sở tức là tự chứng phần và sở biến hiện, tức là Tướng phần và Kiến phần, nhiều duyên sinh như các huyễn sự, không phải có mà tợ như có cuồng hoặc ngu phu, các ngu phu không hiểu rõ cho là thật có, cho nên gọi là cuồng ngu, gọi là tánh Y tha.

Luận: “Ngu phu đối với điều này”, đến “Biến kế sở chấp”.

Thuật rằng: Đối với Y tha này, chấp bướng ngã pháp hoặc hữu hoặc vô, hoặc câu hoặc bất câu. Hiện tại luận này hữu vô và một khác làm đầu, câu và bất câu thông với hai xứ. Đẳng có nghĩa là chỉ cho tất cả các thứ chấp, nhưng chấp và sở chấp như hoa đốm trong hư không, hoặc tánh hoặc tướng không có phần ít là hữu, chỗ không có của tất cả bộ là Biến kế sở chấp. Biến kế sở chấp này cũng y theo Viên thành mà

khởi, trong đây chỉ nói y theo Y tha, vì Tướng phần ảnh tượng của tâm là tánh Y tha, y theo đây mà chấp làm Viên thành thật, từ Viên thành thật mà nói thì chỉ nói là Y tha. Lại nữa, Y tha khởi là An túc xứ, chút ít có thể nói năng và nghĩ bàn, nhưng chấp Y tha và Viên thành thì không như thế, cho nên không nói. Viên thành thật cũng là Y tha khởi chấp, như vô thường, Vô ngã, Vô lạc tịnh của Nhị thừa.

Luận: "Trên Y tha khởi", đến "gọi là Viên thành thật".

Thuật rằng: Đối với chỗ vọng chấp ngã pháp đều Không của Y tha khởi kia thì chỗ hiển thức và tâm sở của Không này thì Chân tánh của tất cả Tướng phần gọi là Viên thành thật.

Luận: "Do đó ba tánh này không lìa tâm".

Thuật rằng: Đây là tổng kết. Do đó ba tánh này không lìa tâm, tâm sở và Tướng phần. Đây là giải thích sơ lược thể tướng của ba tánh. Từ trên đến đây, thứ nhất là giải thích rộng ba tánh, thứ hai là sơ lược ba tánh đã nói xong.

Luận: "Hư không trạch diệt", đến "tánh nào nhiếp?"

Thuật rằng: Dưới đây là các môn giải thích, trong đó có hai phần:

1. Dùng mười môn phân rõ.
2. Tổng chỉ ví dụ.

Hiện tại là hỏi đáp riêng cho nên thành mười một môn, trong các môn kỹ lưỡng rất nhiều.

Đây là thứ nhất, trong luận có ý hỏi: Như Vô lậu Hữu vi có đủ hai nghĩa, Y tha và Viên thành thật là chỗ nhiếp của hai tánh, còn trạch diệt, Bất động diệt và tưởng thọ diệt có nói thuộc về Vô lậu, có luận cũng nói Khổ đế... nhiếp, những pháp này đối với ba tánh thì tánh nào nhiếp?

Luận: "Ba tánh đều nhiếp được".

Thuật rằng: Đây là đáp chung sơ lược.

Luận: "Các tâm biến tương tợ", đến "Viên thành thật nhiếp".

Thuật rằng: Như luận nói có thể biết, tức là hiển các luận nói Vô lậu, là tâm Vô lậu biến hiện. Nói Khổ đế... nhiếp, là tâm Hữu lậu biến hiện cũng không trái nhau, vì đã nói các khổ. Nói tâm sở biến hiện, là Y tha khởi nhiếp, điều này chỉ có quyết định. Không nhiều chấp Không mà cảm chiêu sinh tử. Lược bỏ không nói Tập đế, vì lý cũng là Tập đế nhiếp. Cái chấp của Bất thiện tâm, như Thắng luận... các luận này nói phần nhiều cho nên thuộc Khổ đế nhiếp. Để hiển nghĩa này, nhân đó mà tường thuật. Từ trên đến đây, chỗ nói nghĩa của Y tha cũng không

nhất định, cho nên dưới đây luận nói tiếp.

Luận: "Tâm Hữu lậu...", đến "Viên thành thật".

Thuật rằng: Tâm Hữu lậu và sở biến Không, quyết định thuộc Y tha, vì Tướng phần và Kiến phần chắc chắn đồng với tánh của Hữu lậu và Vô lậu, chỉ có Y tha khởi. Tâm Vô lậu và sở biến Không thì được hai tánh nhiếp, vì có duyên khởi cho nên không có lý nghịch đảo, tức là do thể của hai trùng ba tánh khác nhau, cho nên nhiếp không đồng. Hoặc nói Không là Vô lậu thì được hai tánh nhiếp, vì thể không nhất định. Khổ đế... nhiếp thì chỉ là Y tha khởi, vì thể là quyết định. Đây là chỉ phân riêng Hữu thể và giả không, không phải kế sở chấp, vì kế sở chấp không có thể.

Luận: "Ba tánh như vậy", đến "nhiếp nhau thế nào?"

Thuật rằng:

Đây là thứ hai bảy tướng Chân như nhiếp. Như Giải Thâm Mật, quyển 77, luận Hiển Dương, luận Trung Biên và luận Phật Địa quyển 7 nói rộng Chân như có các môn giải thích. Cựu Trung Biên ghi: "Chân như là sự phân phá chân thật". Tân Trung Biên thì ghi: "Sai biệt chân thật làm bảy thứ là từ năng thuyên mà nói, không phải thể của Chân có thể thể gọi là sai biệt". Trong luận phần đầu là hỏi, phần sau là đáp. Đây là hỏi, trong phần đáp dưới đây trước hết nêu ra bảy thể, sau đó phân rõ nhiếp nhau.

Luận: "Bảy Chân như là", đến "lưu chuyển thật tánh".

Thuật rằng: Tánh sinh diệt của tất cả pháp Hữu vi, tánh đó là Chân như, phỏng theo thuyên môn thì gọi là sinh diệt; nói tánh tức là Chân như của nó, là phỏng theo thuyên môn mà nói. Dưới đây căn cứ theo đó sẽ hiểu. Cựu Trung Biên gọi đó là sinh khởi chân thật, tân Trung Biên thì không đồng, sau đây sẽ biết. Quyển 77 và luận Hiển Dương chỉ giải thích Chân như của duyên khởi pháp, trong luận này thì nói chung tất cả pháp Hữu vi. Luận kia căn cứ theo nội pháp căn bản lưu chuyển mà chỉ nói duyên khởi, trong luận này thì nói chung thể của tất cả pháp, cũng không trái nhau.

Luận: "Chân như của hai thật tướng", đến "chỗ hiển thật tánh".

Thuật rằng: Nhân theo chỗ hiển Chân như tánh của hai Không môn, quyển 77 nói tức là ngã pháp không. Ba chữ ngã pháp tánh, là tánh của ngã pháp không tức là ngã pháp, vì ngã và pháp không có. Luận Hiển Dương và Trung luận cũng đồng ý này. Từ đây trở xuống có chỗ đồng nhau không phiền dẫn ra. Dưới đây căn cứ theo đó mà biết. Cựu Trung Biên thì gọi là tướng chân thật.

Luận: “Ba là Duy thức Chân như”, đến “Duy thức thật tánh”.

Thuật rằng: Luận Hiển Dương ghi: “Tâm nhiễm thì chúng sinh nhiễm, tâm tịnh thì chúng sinh tịnh”. Thấy Chân của Như thức thì có thể biết tâm nhiễm tịnh này, phỏng theo thuyên môn thì tức là Y tha, căn cứ theo lý thì tức là Chân như. Quyển 77 thì gọi đó là liễu biệt Chân như, là thức liễu biệt.

Luận: “Bốn là an lập Chân như”, đến “là thật tánh của đạo”.

Thuật rằng: Thứ tư dưới đây là bốn Thánh đế. Cựu Trung Biên ghi: “Y xứ, tà hạnh, thanh tịnh và chánh hạnh chân thật gọi là dị”. Tân Trung Biên thì gọi là thể cùng với Chân như đồng, các văn không khác nhau. Đây là phỏng theo nghĩa của thuyên môn mà nói bảy Chân như. Phế bỏ thuyên môn bàn về thể tức là duy nhất Chân như. Quyển 77 ghi: “Do ba Chân như của lưu chuyển, an lập và tà hạnh, mà tất cả hữu tình đều bình đẳng”. Đây là phỏng theo gọi hữu tình trừ Phật ra. Phần thứ ba trước nói rằng Phật không hữu tình cho nên không nói Phật không có khổ và tập. Luận Hiển Dương lại ghi: “Thật tánh vô thỉ lưu chuyển”, tức là duyên sinh cho nên Chân như của lưu chuyển cũng không phải Phật có. Lại nữa, nói tất cả Hữu vi đều là lưu chuyển, nhưng thể pháp thân của Phật lìa sinh diệt thì cũng không có lưu chuyển. Lại nữa, Chân như của lưu chuyển tuy thông với pháp Hữu vi, nhưng phỏng theo Hữu lậu cho nên Phật nói không có. Do hai Chân như của thật tướng và liễu biệt mà tất cả các pháp đều bình đẳng và bình đẳng, tất cả các pháp đều không có ngã pháp, vì đều là Duy thức. Do chân của thanh tịnh mà Bồ-đề của ba Thừa bình đẳng và bình đẳng. Đây là phỏng theo Diệt đế, ba Thừa đều đắc Vô dư Niết-bàn và Hữu dư Niết-bàn. Kinh Thắng Man ghi: “Thanh văn không đắc Niết-bàn”, là y theo ý riêng mà nói, vì sở chứng Niết-bàn nói là năng chứng Bồ-đề bình đẳng, hoặc tánh cảnh của Bồ-đề cũng gọi là Bồ-đề, tức là cựu Trung Biên nói trí xứ. Do Chân như của chánh hạnh mà chánh pháp của Thanh văn duyên với cảnh giới tổng quát, chỗ nhiếp thọ của chỉ và quán thù thắng đều bình đẳng và bình đẳng. Do có Chân như này mà chánh pháp của Thanh văn bình đẳng. Chân như này nếu phế bỏ thì thuyên môn bàn về thể tánh, mỗi mỗi đều có đủ, không có gì mà không bình đẳng. Nếu bàn về thể phỏng theo thuyên môn, cho nên bốn thứ đạo lý này bình đẳng. Trong đây là phỏng theo theo Nhị thừa hạnh mà lập, chứng thời phần bằng nhau, đều như lý mà biết.

Luận: “Bảy thật tánh này”, đến “hai trí cảnh”.

Thuật rằng: Đã đưa ra thể rồi, tiếp theo là nhiếp nhau. Bảy thật

tánh đều là Viên thành thật nhiếp. Hai trí cảnh, là ba Chân như căn bản cảnh trí của thật tướng, Duy thức và thanh tịnh, còn lại bốn Chân như hậu đắc duyên. Đây là phỏng theo sự tăng thượng mà nói. Hoặc bàn về thể của Chân như thì một tức là bảy Chân như đều là căn bản trí cảnh. Phỏng theo thuyên môn làm luận thì bảy Chân như đều là hậu đắc cảnh. Hoặc phỏng theo thuyên môn để hiển ba hoặc bốn cảnh khác nhau thì luận Hiển Dương cùng với đây đồng.

Luận: "Tùy theo nhiếp nhau", đến "vọng chấp tạp nhiễm".

Thuật rằng: Luận Trung Biên nói ba pháp này do hai tánh nhiếp. Tại sao vậy? Hoặc vọng chấp ba Chân như đó đều là Biến kế sở chấp nhiếp, hoặc phỏng theo ba Chân như của thuyên môn tạp nhiễm đều là Y tha khởi nhiếp thì tâm kế chấp chỉ có nhiễm Y tha, vì tướng của ba Chân như đều nhiễm Y tha, thể tướng của ba Chân như đó là tạp nhiễm nhiếp không phải Viên thành thật nhiếp.

Luận: "Còn lại bốn Chân như đều là Viên thành thật nhiếp".

Thuật rằng: Cũng phỏng theo thuyên môn Vô lậu. Luận Trung Biên ghi: "Bốn Chân như này chỉ có chỗ hiển của thánh cảnh và Thánh trí".

Hỏi: Tại sao Duy thức không phải là hai tánh trước? Tại sao một loại chánh hạnh không thông với Y tha?

Đáp: Biến kế sở chấp phần nhiều không chấp Duy thức, tánh Y tha khởi thì phần ít hiểu biết Duy thức, cho nên không phải hai tánh trước nhiếp. Chánh hạnh thì phỏng theo nghĩa lìa lỗi, không nói thông nhiếp với Y tha. Thật ra mà nói, pháp trước (ba Chân như) thì thông với hai tánh trước, pháp sau (bốn Chân như) thì thông với Y tha, cũng không có lỗi. Lại nữa, bảy Chân như đều là ba tánh đối với lý không trái nhau, vì chỗ chấp tâm biến và thể của chân khác nhau. Trong luận đã phỏng tùy theo tướng mà nói, cũng không có lỗi.

Luận: "Ba tánh và sáu pháp nhiếp nhau thế nào?"

Thuật rằng: Ba tánh sáu pháp nhiếp nhau môn. Đây là hỏi.

Luận: "Trong sáu pháp kia", đến "duyên sinh lý".

Thuật rằng: Sáu pháp như văn nói. Du-già quyển 3 có sáu pháp này. Nhưng vô tướng nhiếp đều có đủ ba tánh, là có thể chỗ chấp vọng đều là Biến kế sở chấp. Chỗ chấp của Vô vi là có nghĩa triển chuyển, như trước đã nói, đều là duyên sinh cho nên thuộc về Y tha. Vô vi cũng là tâm duyên biến hiện, như lý nên biết. Sáu pháp đều có đạo lý vọng và duyên sinh, lý tức là Chân như, cũng là Viên thành thật. Đây là phỏng theo nghĩa chung. Biện Trung Biên ghi: "Sắc ở trong tánh của

sở chấp. Tánh Y tha của sắc, Viên thành tánh của sắc cũng gọi là sắc cho nên mỗi mỗi đều thông với ba tánh. Hoặc bàn riêng thì năm Chân như trước thông với hai tánh, vì Y tha khởi pháp thì thông với Hữu lậu và Vô lậu; một Chân như sau chỉ là Viên thành thật, vì không phải sinh diệt. Đây là trừ ra giả Vô vi, giả Vô vi thông ba tánh như trước. Hoặc nói chung giả cũng chỉ có Viên thành, vì giả như trên. Đây là phân rõ Hữu pháp, không phải kế sở chấp. Có bốn sự, năm sự nhiếp nhau môn, có hai sự năm sự như Biệt sao giải thích.

Luận: "Ba tánh nhiếp nhau là thế nào?"

Thuật rằng: Phần đầu là hỏi, có thể biết rồi.

Luận: "Chư Thánh giáo nói nhiếp nhau bất định".

Thuật rằng: Đây là đáp chung nhiếp nhau bất định kia.

Luận: "Nói hoặc có chỗ", đến "không nhiếp năm sự".

Thuật rằng: Phần đầu là Du-già quyển 74, luận Hiển Dương quyển 6 và 16 ghi: "Bốn sự trước là Y tha, một sự sau là Viên thành thật". Ba luận Vô tánh quyển 1 và luận Phật Tánh quyển 2 đều thuyết này, nhưng không phải chỗ dẫn ra ở đây vì không dựa theo hai luận đó. Năm sự là tướng, danh, phân biệt, chánh trí và Chân như. Như quyển 73 và 74 rộng giải thích.

Luận: "Luận kia nói Hữu lậu", đến "đều là Y tha khởi".

Thuật rằng: Đây là lần lượt vấn nạn. Luận Du-già kia ghi: "Sở biến của tâm Hữu lậu phân làm hai phần. Năng biến làm một, vì năng thuyên và sở thuyên khác nhau". Còn lại như văn có thể hiểu. Hữu lậu có hý luận, có năng thuyên và sở thuyên, vì dấy khởi danh và tướng, Vô lậu cũng như thế. Đây là phân rõ hữu thể năm sự không nhiếp tánh thứ nhất. Quyển 74 ghi: "Hỏi: Nếu Y tha khởi cũng là chánh trí nhiếp, tại sao chỉ nói Y tha duyên kế sở chấp và tự tánh chấp nên biết? Đáp: Luận kia chỉ nói nhiễm phần Y tha mà không phải là tịnh phần, nếu tịnh phần cũng duyên với vô chấp thì thừa nhận thông với hai tánh". Còn lại hai tánh dễ hiểu, cho nên không nói.

Luận: "Hoặc lại có chỗ", đến "Viên thành thật nhiếp".

Thuật rằng: Đây là cựu Trung Biên quyển thượng và tân Trung Biên quyển 2 nói. Hai luận đó đều có văn, không phiền dẫn ra. Dưới đây căn cứ theo đó mà biết.

Luận: "Luận kia nói Hữu lậu", đến "Viên thành thật nhiếp".

Thuật rằng: Đây là phỏng theo kiến tướng môn, không phỏng theo thuyên môn. Trước đã phỏng theo thuyên môn, hiện tại y theo Kiến phần và Tướng phần. Hoặc năng thuyên cũng gọi là nhiếp trong tướng,

vì tướng của Kiến phần. Ngoài ra tự chứng phần và Kiến phần gọi là phân biệt, vì có thể duyên tánh. Hai duyên sinh này do Y tha khởi nhiếp, chỗ chấp đều không có. Vì hiển chẳng phải có mà giả thuyết tánh kia là tên của năm pháp, là chỉ có tên gọi mà không có Thật thể. Chân như và chánh trí cả hai đều không có điên đảo, vì thể là Vô lậu, năng duyên và sở duyên đều đoạn dứt lậu, là thuộc về Viên thành thật. Tánh trước y theo duyên sinh, cho nên nhiếp chánh trí. Phỏng theo biệt nghĩa mà nói, do đó cùng với Du-già không trái nhau.

Luận: "Hoặc có chỗ nói", đến "thuộc về Viên thành thật".

Thuật rằng: Đây là Thập quyển Lăng-già quyển 7 phẩm Năm pháp nói. Hiện tại khảo sát bản văn tiếng Phạm thì cùng với Lăng-già này đồng, nhưng Lăng-già bộ bốn quyển thì hay hơn. Lăng-già bộ mười quyển thì nói là loạn, như văn dễ hiểu, khỏi nhọc giải thích lại.

Luận: "Luận kia nói Hữu lậu", đến "hai sự của danh tướng".

Thuật rằng: Văn còn lại có thể biết. Chỉ có hai sự của sở chấp tướng và danh, tức là tùy theo tâm năng kế y tha giả lập sở chấp làm tướng và danh, do phần nhiều nương vào danh mà kế chấp nơi nghĩa, y theo nghĩa kế chấp thật thể của danh đều là không có. Thật ra không phải là danh và tướng. Quyển 76 ghi: "Sở chấp tánh thứ nhất nương vào tướng và danh". Văn đồng với luận này. Hai sự Thành thật nhiếp chính là cùng với trước đồng, cho nên luận không giải thích.

Luận: "Lại có chỗ nói", đến "Biến kế sở chấp".

Thuật rằng: Đây là văn trong Nhiếp luận quyển 5 của Thế Thân. Trong đó giải thích tên gọi và nghĩa nếu thể tương xứng tức là thành lỗi tương vi, trong đây an lập danh làm Y tha khởi, lập nghĩa làm Biến kế sở chấp. Ý ở đây, danh là danh trong năm pháp, nghĩa thì tức là tướng và phân biệt, vì danh là sở thuyên, là năng thủ và sở thủ, cùng với năm pháp kia nhiếp nhau có khác, cho nên song song nêu ra.

Luận: "Kia nói Hữu lậu", đến "cho nên nói là danh".

Thuật rằng: Chữ "đẳng" là đồng lấy luôn tự chứng phần và chứng tự chứng phần, đây là tâm và pháp tâm sở của tánh Y tha khởi. Do thế lực phân của danh năng thuyên, tùy theo năng thuyên danh khởi duyên chấp thành sở biến kế, cho nên nói Y tha là chỗ nhiếp của danh. Chữ sở biến kế không phải là kế sở chấp, dựa vào chỗ chấp cho nên là Y tha khởi. Luận kia Thế Thân nói: "Vì Y tha khởi do thế lực của danh mà thành sở biến kế, chính là cùng với đây đồng. Không nói Viên thành thật là vì thể này cùng với danh rất xa nhau.

Luận: "Biến kế sở chấp", đến "giả lập nghĩa và danh".

Thuật rằng: Biến kế sở chấp tùy theo danh này mà kế chấp bướng vào nghĩa chop là thật có thể. Nghĩa này không phải thật có, trong chẳng phải có này giả gọi là nghĩa, trong phi nghĩa giả lập nghĩa để gọi. Nói rằng nghĩa này chỉ có nghĩa của sở chấp, vì không tùy theo danh của Y tha. Hiển Viên thành thật lìa danh lìa nghĩa, không thể làm sở y của danh cho nên trở thành sở biến kế nói đó là danh. Không thể tùy theo danh mà chấp nghĩa này là thật có để giả lập làm nghĩa, đều không phải hai tánh nhiếp. Chỗ nói về năm pháp của Lăng-già và Trung Biên, hoặc thông với hữu và vô, hoặc thể thật có. Biến kế sở chấp lẩ giả cũng thông với hữu, các luận Du-già thì không như vậy. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: "Kế sở chấp không có, vì năm pháp không nhiếp", tức là thể của năm pháp chỉ là hữu.

Luận: "Trong các Thánh giáo", đến "đã nói rộng nên biết".

Thuật rằng: Từ bốn thuyết kia, văn tuy có khác nhưng lý thì mỗi mỗi đều căn cứ theo một nghĩa, không trái nhau. Nhưng trong các thuyết không tạp loạn, như luận Du-già quyển 72, 73 và 74 và Biệt chương nói ba tánh, các kinh nói tạp loạn thì như lý nên biết. Luận Trung Biên nhiếp ba tánh và mười chân thật tướng, luận này thì đều nhiếp hết, có thể khảo sát văn đó. Nhưng có các uẩn thì luận này không nói, như sau đây sẽ biết.

Luận: "Lại nữa, trong Thánh giáo", đến "nhiếp nhau thế nào?"

Thuật rằng: Thứ hai là năm sự nhiếp nhau môn.

Luận: "Sở thuyên và năng thuyên", đến "tướng năng thuyên".

Thuật rằng: Năm tướng:

1. Sở thuyên.
2. Năng thuyên.
3. Tướng thuộc.
4. Chấp trước.
5. Bất chấp trước.

Vọng chấp các pháp sở thuyên, các danh năng thuyên và tánh kế sở chấp. Ba sự tướng, danh và phân biệt trong năm sự trước, lấy phân biệt là toàn đủ, tướng danh phần ít là tướng sở thuyên, vì danh cũng là sở thuyên. Tướng và danh phần ít là tướng năng thuyên, vì danh cũng là tướng. Hiện tại ba pháp của luận này tùy chỗ thích ứng của nó, sở thuyên và Năng thuyên thuộc Y tha khởi, vì chỉ nói nhiễm phần Y tha khởi, Chân như thì toàn đủ. Chánh trí phần ít là tướng sở thuyên, chánh trí phần ít là tướng năng thuyên, đây là y theo vô đảo mà giải thích thành thật tánh, vì hậu đắc chánh trí cũng có thể biến tợ tướng năng

thuyên. Trước đã nói lìa lỗi không có lậu và không có năng thuyên, hiện tại thì bàn về pháp thật không có lậu cũng là năng thuyên, cho nên tướng sở thuyên và tướng năng thuyên đều thuộc ba tánh.

Luận: "Tướng của hai tướng thuộc", đến "quyết định tướng thuộc".

Thuật rằng: Thứ ba là hai tướng thuộc năng thuyên và sở thuyên. Tướng chỉ có kế sở chấp, vì vọng kế chấp danh và nghĩa đó thì quyết định là tướng thuộc.

Luận: "Tướng chấp trước kia", đến "làm tự tánh".

Thuật rằng: Thứ tư là chấp trước tướng chỉ có Y tha khởi. Năng chấp trước là hư vọng phân biệt là tự tánh. Nếu sở chấp trước tức là sở biến kế thì cũng là Y tha, vì cũng lấy vọng phân biệt là tự tánh.

Luận: "Tướng bất chấp trước", đến "làm tự tánh".

Thuật rằng: Hai trí Vô lậu cùng với câu hành phẩm Tướng phần, Kiến phần và pháp Vô vi Viên thành tánh thì bất chấp trước tướng là tánh này nhiếp. Đây là ba loại riêng sau phỏng theo tướng tăng thắng của ba tánh mà nói, cho nên luận Hiển Dương quyển 16 ghi: "Trong năm tướng này, tướng thứ nhất và thứ hai y theo ba tự tướng, tướng thứ ba y theo Biến kế sở chấp tướng, tướng thứ tư y theo Y tha khởi tướng, tướng thứ năm y theo Viên thành tướng; chính là cùng với đây đồng. Theo thật tế mà nói, tướng thứ ba cũng có hai tánh sau, hoặc chấp sở chấp của hai tướng thuộc là không có thì có thể đó là tánh kế sở chấp. Sở y của sở chấp tánh là hai tướng thuộc, năng chấp và sở chấp của hai tướng thuộc đều là tánh Y tha, hoặc chỉ có bất chấp mà nói hai tướng thuộc, tức là thông với hai tánh sau nhiếp. Hiện tại luận này phỏng theo sở chấp mà nói, cho nên chỉ có kế sở chấp. Chấp trước tướng kia hoặc là sở chấp trước, cũng là tánh kế sở chấp, vì sở chấp trước tướng cũng thông với Viên thành. Hiện tại căn cứ theo tâm năng chấp trước mà nói, cho nên chỉ có Y tha. Bất chấp trước tướng tức là thể, là không có, cũng là bất khả chấp trước cũng là kế sở chấp. Nếu không có tâm chấp trước thì Y tha khởi cũng có, hiện tại căn cứ theo hoàn toàn phi năng chấp trước mà nói, cho nên chỉ có Viên thành. Nhưng Nhiếp Thích phần của quyển 81 và luận Hiển Dương quyển 12 ghi: "Sở duyên tướng gọi là tương đẳng với năm pháp, tướng năng thuyên gọi là kế sở chấp tướng, hai tướng thuộc tướng gọi là tánh kế sở chấp chấp sở y chỉ. Chấp trước tướng gọi là tự thể chấp cùng với tùy miên này. Bất chấp trước tướng tức là kế sở chấp tướng cùng với tùy miên giải thoát chánh phân biệt kia". Giải thích rằng: Sở duyên tướng kia tức là Y tha và Viên thành, thật có

sự thể có thể làm thuyên. Biến kế sở chấp đã không có thể, không thể làm thuyên, tuy các Vô pháp cũng là sở thuyên, nhưng vô sai biệt có thể làm dụng của thuyên, không phải sở thuyên nhiếp. Năng thuyên chỉ có kế sở chấp, không phải hai tánh còn lại. Văn của hai luận kia mỗi mỗi đều có lời tự giải thích. Đây là biến kế và sở chấp tánh cũng gọi là hòa hợp, cho đến chỉ gọi là chỉ có âm thanh, vì hiển kia không có thể, chỉ có năng thuyên danh mà thôi. Nhưng nói năng thuyên là kế sở chấp, không phải hai tánh còn lại là phi năng thuyên nhiếp. Đây là danh căn cứ theo một nghĩa, cùng với luận Hiển Dương quyển 16 cũng không trái nhau. Trong hai tướng thuộc tướng này là sở y chỉ của Biến kế sở chấp và tự tánh chấp, tức là Biến tánh kế sở chấp. Chỗ chấp của Biến kế sở chấp và tự tánh là tâm năng chấp, chấp sở y chỉ là chỗ chấp của tâm năng chấp. Sở chấp là nghĩa y chỉ, vì y chỉ sở chấp mà khởi tâm kế chấp, cho nên tướng thứ tư nói Biến kế sở chấp và tự tánh chấp cùng với tùy miên kia là Y tha khởi. Biết rõ chấp sở y là Biến kế sở chấp, trong tướng thứ tư có thể biết rồi. Tướng thứ năm là Bất chấp trước tướng, nói rằng nhiễm nương và giải thoát, giải thoát và liễu tri thuộc Viên thành thật nhiếp. Biến kế sở chấp tướng cùng với tập khí của nó, cho nên biết sở chấp ngã pháp đều không có, chỉ có Y tha nhiễm phần tập khí, đoạn nó thì được của giải thoát. Giải thoát tức là Chân như. Chánh phân biệt tức là Vô lậu trí, ý muốn nói biết rằng kế sở chấp không có. Đoạn Y tha thì đắc giải thoát và chánh trí, là tướng bất chấp trước. Trong năm tướng này, hai tướng trước thì các luận không đồng, mỗi mỗi luận đều căn cứ theo một nghĩa, ba tướng sau thì các luận đều đồng, lý không trái nhau, rộng như các luận kia nói. Hoà tổng hợp như vậy, các bậc trí thì biết.

Luận: “Lại nữa, trong Thánh giáo”, đến “nhiếp nhau thế nào?”

Thuật rằng: Thứ năm là bốn pháp nhiếp nhau môn, đây là hỏi để phát khởi. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: ỏN chư thế gian đối với các sự đều do tập quán mà được ngộ nhập trí kiến, cùng chung thi thiết các tánh Thế tục”. Cho đến lược nói, nói rằng thử là Địa này, không phải thủy kia, như vậy tất cả hữu tình thế gian quyết định hiểu rõ sở hành, tất cả thế gian từ xưa truyền lại danh ngôn quyết định tự và tha phân biệt cùng chung làm chân thật, không phải do chỗ nắm lấy của tà Tư duy chọn lựa quán sát, đó gọi là chỗ thành tựu chân thật của thế gian. Nói rằng bậc trí là có nghĩa đạo lý, cho đến xứ dị sinh vị là tùy theo người quán sát, y theo hiện lượng, tỷ lượng và chí giáo rất khéo tư duy và chọn lựa mà quyết định sở hành và chỗ tri sự của trí, vì chứng thành chỗ kiến lập của đạo lý, đó gọi là chỗ thành tựu chân thật của đạo lý. Để nhập

thánh vị không phải chân thật này, nói rằng tất cả Thanh văn và Độc giác Vô lậu mới liền là trí và Vô lậu, chánh trí và Vô lậu sau chỗ đắc cảnh giới sở hành của các thế gian trí, đó gọi là sở hành chân thật của phiền não chướng tịnh trí, do duyên sở hành này mà phiền não chướng trí được thanh tịnh và sau đó chứng đắc Vô chướng ngại, cho nên nói là chân thật.

Hỏi: Trong đây cái nào là chân thật?

Đáp: Là khổ, tập, diệt và đạo, gọi đó là chỗ hiển bốn loại Thánh đế. Do chọn lựa bốn Thánh đế như vậy mà được nhập vào hiện quán vị, sau hiện quán vị thì chân thật phát sinh, tức là sở hành của ba trí và bốn Đế lý. Do bốn Thánh đế mà gọi đó là chân thật. Nói rằng trong Sở tri có thể chứng ngại trí cho nên gọi là Sở tri chướng. Hoặc chân thật tánh là giải thoát Sở tri chướng trí sở hành cảnh giới thì gọi đó là Sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật, tức là Chân như, Phật giả mượn an lập gọi đây là chân thật, tức là thế gian chung thừa nhận các sự gọi là thế gian chân thật, ba lượng và bốn đạo lý gọi là đạo lý chân thật, bốn Thánh đế lý gọi là phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật, cũng nắm lấy thể của Vô lậu trí là tịnh pháp, tức là sau Đạo đế được duyên thế gian, nếu không như thế thì diệt mất. Chân như trí là Sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật, hoặc thứ nhất gọi là tất cả dị sinh ngoại đạo, thứ hai thì tại giai vị của bảy phương tiện và bốn mươi tâm, thứ ba là thông với giai vị của ba Thừa thánh, thứ tư thì chỉ có giai vị của Đại thừa.

Luận: "Thế gian và đạo lý", đến "hai sự nhiếp".

Thuật rằng: Đây là văn của Du-già quyển 36 phẩm Chân thật nghĩa. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: "Thứ nhất là chân thật và thuộc về Y tha". Quyển 73 ghi: "Chỗ thành tựu chân thật của thế gian và đạo lý là chỗ nhiếp của ba sự trong năm sự, tâm Hữu lậu biến thành đạo lý tướng, cho nên thuộc về Y tha". Ba sự, là tướng, danh và phân biệt, phần nhiều y theo dị sinh mà nói đạo lý, vì đây là y theo ba pháp Hữu lậu, không nắm lấy tướng của các chánh trí làm tướng. Hai Chướng tịnh trí sở hành chân thật là Viên thành thật nhiếp. Quyển 73 ghi: "Phiền não chướng và tri chướng tịnh trí sở hành chân thật là chỗ nhiếp của hai sự trong năm sự, là chánh trí và như như". Trước đã nói hai chân thật sau là bốn Thánh đế lý và thủ Chân như, hiện tại đều là bậc trí cũng nắm lấy năng duyên để sau đó đắc thế gian trí, cũng duyên các sự trí của Vô lậu, vì phiền não tịnh trí cho nên không nắm lấy Y tha. Theo chỗ nói của Du-già thì đồng với đây.

Luận: "Biện Trung Biên nói", đến "chỉ thuộc thứ ba".

Thuật rằng: Đây là Biện luận Trung Biên nói. Chỗ thành của thế gian chỉ thuộc tánh thứ nhất, tất cả thế gian phần nhiều nương chung một chỗ chấp này, thể tức là Y tha gọi là sở chấp. Lại nữa, giải thích là cộng sở chấp ngã pháp làm chân thật thứ nhất, thế gian chấp thật cho nên gọi là tánh thứ nhất nhiếp. Hoặc phỏng theo giải thích trước thì thể là Hữu pháp, đồng với bốn chân thật của Du-già, đều là Hữu pháp tạm gọi là sở chấp, theo giải thích sau thì thông với Hữu pháp và Vô pháp, làm thể của bốn chân thật cũng không trái nhau. Chân thật thứ hai tức là đạo lý, là chỗ nhiếp của ba tánh. Pháp của đạo lý thì thông với chấp và vô chấp, trong chấp có sở chấp và năng chấp. Sở chấp là tánh thứ nhất, năng chấp là nhiễm Y tha. Trong vô chấp thì thông với tạp nhiễm và thanh tịnh, tạp nhiễm là Y tha, thanh tịnh là thành thật; hai chân thật sau cùng với đây đồng. Trước là chỉ phỏng theo dị sinh mà làm đạo lý chân thật cho nên chỉ có Y tha. Đây là thông với phỏng theo phàm thánh cho nên thông với ba tánh. Trong chân thật thứ nhất, ở đây phỏng theo hữu thể pháp cho nên chỉ có Y tha, luận kia thì căn cứ theo Vô pháp chấp và sở chấp mà nói cho nên chỉ có tánh thứ nhất, không trái nhau. Tụng của Cựu luận Trung Biên quyển thượng ghi: "Một xứ Thế tục thành, ba xứ đạo lý thành, hai chủng của cảnh thanh tịnh nhiếp tại một chỗ". Tân luận Trung Biên quyển 2 ghi: "Thế cực thành nương vào một, lý cực thành nương vào ba, tịnh sở hành có hai, nương một Viên thành thật", nghĩa đều đồng. Nên nắm lấy bốn thật thể các luận nêu ra và nghĩa của các môn.

Luận: "Ba tánh và bốn Đế nhiếp nhau như thế nào?"

Thuật rằng: Thứ sáu là bốn Đế môn, đây là hỏi.

Luận: "Trong bốn Đế mỗi mỗi đều đủ ba tánh".

Thuật rằng: Văn dưới đây có ba phần:

1. Đáp sơ lược.
2. Đáp rộng.
3. Tổng kết.

Đây là đáp sơ lược.

Luận: "Lại trong Khổ đế", đến "giai vị chuyển biến".

Thuật rằng: Dưới đây đáp rộng có bảy phần. Chỉ có bốn hạnh của khổ mỗi mỗi đều có đủ ba tánh:

1. Vô tánh vô thường, vì thể tánh thường không có, tức là tánh thứ nhất. Cựu Trung Biên ghi: "Không có vật". Tân Trung Biên đồng với đây. Chân thật không phải vô thường mà tạm gọi là vô thường hạnh, vì quán tánh này cho nên chân thật giả gọi là đế.

2. Khởi tận vô thường, là trung quán sinh diệt pháp làm vô thường.

3. Cấu tịnh vô thường, chân thật là tánh sau giả gọi là đế, cho nên luận Trung Biên ghi: "Có vô cấu làm nghĩa". Đây là phỏng theo phần vị của thuyên làm cấu và tịnh, giả gọi là vô thường hạnh. Vô thường hạnh thật ra không duyên với cấu và tịnh. Lại nữa, y theo tất cả vô thường mà nói thì không phải là hạnh dưới của khổ. Như thứ tự của ba tánh này. Luận Trung Biên đồng.

Luận Hiển Dương thì vô thường có sáu hoặc tám, có sáu là:

1. Vô tánh vô thường.

2. Vô thất hoại vô thường.

3. Chuyển dị vô thường, cho đến sáu là đương hữu vô thường.

Có tám là:

1. Sát-na.

2. Tương tục.

3. Bệnh.

4. Lão.

5. Tử.

6. Tâm.

7. Khí.

8. Thọ dụng.

Hai vô thường đầu là khác tất cả pháp, ba vô thường tiếp theo là tại nội sắc, tâm thì chỉ ở tại danh, khí và thọ dụng thì tại ngoại sắc. Luận đó đều phỏng theo ba cõi phân biệt. Nhưng nói sáu vô thường thuộc ba tánh nhiếp thì Vô tánh vô thường nên biết là Biến kế sở chấp nhiếp nhau, các vô thường còn lại là Y tha khởi nhiếp. Tánh Viên thành thật không có nghĩa vô thường. Tại sao luận này nói ba tánh đều có vô thường? Cấu và tịnh gọi là chuyển biến tại Viên thành thật, luận kia thì chuyển dị là Y tha khởi, không phải Viên thành thật.

Tổng hợp nói: "Cứ theo thật tế thì vô thường có hai nghĩa: 1. Vô thường của thể Hữu sinh diệt. 2. Vô tha thường, cho nên gọi là vô thường".

Đây là chỉ ở tại hai tánh, hai chủng của tánh Viên thành thật đều không có, luận Hiển Dương căn cứ theo đây cho nên nói một tánh không có vô thường. Luận này và Trung Biên phỏng theo thuyên mà làm luận thì tánh Viên thành thật cũng gọi là vô thường, thể là thường pháp chẳng phải không chẳng phải có, vì chỉ phỏng theo thuyên mà làm luận. Lại nữa, cấu và tịnh trong đây là phỏng theo thuyên mà bàn về ý chỉ, chuyển

dị của luận kia bàn về thể của thuyên. Nghĩa chỗ nói của hai luận mỗi mỗi đều không đồng, không phải trái nhau. Lại nữa, luận kia nói mười lăm thứ vô thường, như luận đó có nói rộng.

Luận: "Khổ có ba", đến "khổ tướng hợp".

Thuật rằng:

1. Sở thủ khổ, là hai sở thủ ngã pháp của năng chấp tâm, năng chấp là khổ. Khổ này không có giả lập cho nên cũng gọi là khổ. Khổ thật ra là hữu pháp, khổ này không có cho nên gọi là giả khổ, tánh thì thật mà đế thì giả, vì không phải Khổ đế. Cựu Trung Biên ghi: "Một là thủ khổ - Tân Trung Biên đồng luận này. Hai là sự tướng khổ - có thể dễ hiểu vì ba khổ làm tướng. Ba là Hoà hợp khổ - là khổ tướng hợp", tức là Chân như và tất cả Hữu lậu Hữu vi hợp chung cho nên gọi là khổ, thể thật ra là không có. Tánh thì thật mà đế thì giả, như ba tánh kế tiếp. Tân Trung Biên đồng.

Luận: "Không có ba", đến "làm tự tánh".

Thuật rằng:

1. Không thứ nhất có thể hiểu, chính là Không hạnh.

2. Dị tánh Không, Không này là pháp Hữu vi hữu thể, không đồng với thể tánh của kế sở chấp, khác với chỗ không có của nó, vì không có Vô tánh cho nên nói đó là Không. Thể thật ra chẳng phải Không duyên mà làm Không, Không không có sở chấp.

3. Tự tánh Không, vì chỗ hiển của hai Không làm tự tánh.

Ba Không này đều là sở hành của Không hạnh, cho nên gọi là Không hạnh. Luận Hiển Dương quyển 15 ghi: "1. Vô thể không. 2. Viễn ly không. 3. Trừ di không". Viễn ly, là nghĩa không có sở chấp tướng. Trừ di, là trừ bỏ hai ngã mà hiển Không này. Luận đó quyển 15 ghi: "Ba tánh của Biến kế sở chấp, như thứ tự mà lập ba Không".

Luận: "Vô ngã có ba", đến "làm tự tánh".

Thuật rằng:

1. Vô tướng Vô ngã, là thể tướng của ngã không có.

2. Dị tướng Vô ngã, cùng với ngã tướng khác nhau.

3. Tự tướng Vô ngã, nghĩa đồng như giải thích chữ Không.

Luận: "Tập đế có ba", đến "giả lập tên của nó".

Thuật rằng: Tại sao bốn hạnh của Khổ đế mỗi mỗi đều có ba. Tập diệt và đạo, ba Đế này tổng có ba thứ. Nghĩa các hành của Khổ đế thông với các đế cho nên mỗi mỗi đều phân là ba, vì hành tướng của nó rộng. Hành tướng của các đế còn lại thì hẹp cho nên tổng quát làm ba thứ. Luận Trung Biên lại ghi: "Tứ trừ bốn đảo, khổ hành mỗi mỗi đều

phân làm ba, ngoài ra không phải trừ bốn đảo cho nên không phân làm ba thứ. Một là tập khí Tập đế, đế này thì thật mà tánh thì giả. Chấp tập khí của ngã pháp kia, thể là Y tha, đây là từ chỗ nương mà đặt tên, giả lập Biến kế sở chấp. Hoặc duyên thử mà khởi chấp thì gọi là chấp bỉ, tạo tác sở biến kế thuộc giả sở chấp nhiếp, đây là từ năng y mà đặt tên là giả.

Luận: "Hai là Đẳng khởi tập", đến "chưa lìa Chướng Chân như".

Thuật rằng: Bình đẳng mà khởi, phiền não khởi nghiệp, nghiệp khởi quả. Ba là vị Ly hệ tập, giả gọi là tập, tánh thật mà đế giả. Như thứ tự ba tánh, các luận kia đều đồng.

Luận: "Diệt đếcó ba", đến "gọi là Chân như".

Thuật rằng:

1. Tự tánh diệt, diệt là nghĩa bất sinh, tánh thì thật mà giả gọi là diệt, quyết định phi đế nhiếp.

2. Hai thủ diệt, là năng thủ và sở thủ không có. Hộ Pháp và An Tuệ, mỗi vị đều có giải thích riêng, từ chỗ không có mà được diệt Y tha, giả gọi là diệt, đế thì thật, vì không phải Y tha cho nên tánh thì giả. Luận Trung Biên ghi: "Hai thủ không sinh".

3. Bản tánh diệt, luận Trung Biên gọi là trạch diệt và Chân như cùng với luận này trái nhau. Như Sao Tổng hợp kia, phối hợp thứ tự với ba tánh.

Luận: "Đạo đế có ba", đến "Viên thành thật".

Thuật rằng:

1. Biến tri đạo, từ Sở tri đạo đặt tên là danh kế sở chấp, đế thì thật mà tánh thì giả.

2. Vĩnh đoạn đạo, chỉ nói nhiễm phần gọi là Y tha, thuộc năng đoạn Viên thành thật nhiếp. Từ sở đoạn thứ nhất gọi là tánh Y tha, đế thật tánh giả; hoặc thể năng đoạn tức là Y tha, tánh và đế đều thật.

3. Tác chứng đạo, hoặc là giả hoặc là thật. Như đã nói Y tha, phối hợp theo thứ tự của hai tánh.

Luận: "Nhưng Sở tri đạo cũng thông với hai tánh sau".

Thuật rằng: Chữ Biến trí ý nghĩa rộng, cho nên quyển 74 ghi: "Ba tánh đều xứng với biến tri". Luận Hiển Dương quyển 6 ghi: "Biến kế sở chấp chỉ xứng với biến tri". Vì không có nghĩa khác cho nên riêng được tên chung, hai tánh còn lại đều là biến tri, vì biến tri có thể riêng xứng với đoạn và xứng với chứng, như thứ tự mà được tên.

Luận: "Bảy thứ ba đạo và ba tánh", đến "như lý nên biết".

Thuật rằng: Dưới đây tổng kết, dưới Khổ đế có bốn thứ ba đạo (Biến tri đạo, Vĩnh đoạn đạo và Tác chứng đạo). Dưới ba Đế còn lại mỗi đế đều có ba đạo, tổng cộng có bảy thứ ba đạo, cùng với ba tánh thứ tự phối hợp. Luận Trung Biên quyển 2 đồng. Hoặc giả hoặc thật, nên như lý suy nghĩ, tùy theo văn nêu ra đã xong. Sao giải quyển 2 của luận Trung Biên không đồng thứ tự trong đây.

Luận: "Ba giải thoát môn", đến "nhiếp nhau thế nào?"

Thuật rằng: Bảy là ba pháp nhiếp nhau môn, đây là hỏi.

Luận: "Lý thì thật ra đều thông", đến "như thứ tự nên biết".

Thuật rằng: Đều thông với ba tánh là nói thông với Y tha ở trên, không có kế sở chấp, do hiển thành thật, thành thật do chỗ hiển của Không thì làm Không cảnh, đều không đối với cảnh này mà khởi mong cầu, cho nên là vô nguyện cảnh, không phải duyên Chân như của Biến kế sở chấp mà khởi nguyện cầu, như Không duyên ba tánh này làm vô tướng, là vô tướng cảnh. Quyển 72 ghi: Tướng thông với ba thứ là Không, vô nguyện và vô tướng, cũng là ba thứ cảnh. Trong đây đã nói ba giải thoát môn, tức là chỉ có tuệ do tu xuất thế phát sinh để chứng mà nói. Quyển 72 và luận Hiển Dương quyển 2 đều nói giải thoát môn, nói rằng chỉ có tu tuệ của xuất thế. Đã như thế thì tướng của Hữu lậu và Vô lậu trong năm sự là ba thứ cảnh, Y tha và Viên thành đều thông với ba cảnh. Tịnh phần Y tha thì thuộc Viên thành thật, duyên nó cũng là vô tướng, vì bốn hạnh của đạo gọi là vô tướng. Luận Hiển Dương quyển 2 ghi: "Bốn hạnh của đạo thông với ba giải thoát môn". Du-già quyển 12 ghi: "Nếu ở chỗ này không có vật kia thì quán sát nó là Không, gọi là Không tánh, tức là chỗ quán Không không thể mong cầu, cho nên gọi là Vô nguyện". Là luận này nói lìa tất cả hành tướng do đó gọi là vô tướng, tức là duyên Biến kế sở chấp làm ba giải thoát môn. Hiện tại tổng nói lý thật của ba tánh đều thông với ba giải thoát môn. Tùy theo tăng thêm tướng riêng mà nói thì ba tánh và Không mỗi mỗi đều chỉ có một như thứ tự. Quyển 74 và luận Hiển Dương quyển 6 ghi: Do tánh thứ nhất cho nên lập Không giải thoát môn, do tánh thứ hai cho nên lập vô nguyện giải thoát môn, do tánh Viên thành thật cho nên lập vô tướng giải thoát môn. Ý nghĩa của nó có thể biết rồi, như Xu Yếu giải thích.

Luận: "Duyên ba tánh này lại sinh", đến "là cảnh của nó".

Thuật rằng: Nhẫn là trí, chứng gọi là nhẫn. Văn của quyển 74 và luận Hiển Dương quyển 6 đều đồng với đây, ý văn có thể hiểu, là duyên ba tánh này sinh ra ba nhẫn. Bản thể của Biến kế sở chấp thi không có sinh, Y tha duyên khởi thì không có tự nhiên sinh, khi chứng

Viên thành thật thì hoặc và khổ đều không khởi, đó là gọi riêng ba thứ vô sinh nhẫn, không nói nhân duyên của Y tha cũng không có mà gọi là vô sinh nhẫn. Luận Hiển Dương ghi: "Ba nhẫn này tại bất thoái Địa, tức là từ Sơ địa trở đi khi chứng ba tánh thì đắc ba nhẫn này". Như luận Đối Pháp quyển 12 Sao dẫn văn của Đại Trí Độ luận. Quyển 86 ghi: "Tất cả hành khổ nương vào vô nguyện, tức là nương vào Y tha này; tất cả pháp Vô ngã nương vào Không, tức là duyên kế sở chấp này; Niết-bàn tịch tịnh tức là duyên Viên thành thật này". Luận này thì lược bỏ mà không nói. Nên tổng hợp các nghĩa ba giải thoát môn của các luận, như Biệt sao nói.

Luận: "Ba tánh này tại sao nhiếp hai Đế?"

Thuật rằng: Tám là hai pháp nhiếp nhau môn. Đây là hỏi để phát khởi.

Luận: "Nên biết Thế tục", đến "tức là ba tánh này".

Thuật rằng: Thế tục có bốn thứ:

Thứ nhất là Giả Thế tục, thật ra không có thể tánh có thể gọi là Thế tục, chỉ có cái tên của nó giả gọi là Thế tục. Trong bốn Thế tục thì Thế tục thứ nhất nhiếp.

Thứ hai là thể Hữu vi hạnh, chính thể là Thế tục, lựa riêng với Thế tục của Thắng nghĩa đế cho nên gọi là Hữu vi hạnh. Cựu Trung Biên ghi: "Thủ hạnh Thế tục, chỉ có Hữu vi Y tha", trong bốn Thế tục thì Thế tục thứ hai và thứ ba nhiếp. Thế tục thứ ba nhiếp là trên tâm biến tợ tướng và lý của bốn Đế không lìa ở sự Y tha khởi nhiếp. Thứ ba là hiển liễu Thế tục, Thế tục thứ ba này theo Tân luận Trung Biên thì đồng. Nói rằng đoạn nhiễm Y tha thì Biến kế sở chấp không có hai Không làm môn để hiển Chân như gọi là Viên thành thật. Trong bốn Thế tục là Thế tục thứ tư, hoặc Thế tục này cũng nắm lấy Thế tục thứ ba của bốn Thế tục, là Vô lậu. Như thứ tự phối hợp với ba tánh. Luận Hiển Dương cũng có văn này.

Luận: "Thắng nghĩa có ba", đến "tánh Viên thành thật".

Thuật rằng: Thắng nghĩa thứ nhất - thuộc Y sĩ thích, Thắng nghĩa thứ ba nhiếp. Thắng nghĩa đắc thứ hai, gọi là Niết-bàn - thuộc Trì nghiệp thích. Thắng nghĩa nhiếp thứ ba, do chứng mà hiển. Phỏng theo đắc mà phân tích thì Chân như thành tựu đã từ xưa cho nên không nói là đắc, Niết-bàn thì sau đó mới hiển cho nên lập tên là đắc. Thắng nghĩa thứ ba là Thắng nghĩa thứ hai nhiếp, lý có chút ít thù thắng. Hoặc tùy theo sự thì cũng là Thắng nghĩa thứ nhất – thuộc Đa tài thích. Cựu Trung Biên nói là chánh hạnh chân thật. Ba Thắng nghĩa này thì danh và thể của Tân

Trung Biên đồng với đây. Hai Thắng nghĩa trước thì không có biến đổi, vì bất sinh diệt, Thắng nghĩa thứ ba thì không có điên đảo, tùy chỗ thích ứng của nó đều gọi là Viên thành thật, vì Vô lậu Y tha trong đây nói là Viên thành thật. Dưới đây tự thuyết minh rộng hai Đế, không tạm trình bày xen vào.

Luận: "Ba tánh như vậy là sở hành của trí nào?"

Thuật rằng: Chín là phàm Thánh trí cảnh môn, đây là hỏi để phát khởi.

Luận: "Biến kế sở chấp", đến "chỉ có cảnh của Thánh trí".

Thuật rằng: Tánh thứ nhất (Biến kế sở chấp) không có gì mà không phải Sở duyên duyên, vì thể của Sở duyên duyên có đủ hai nghĩa, chắc chắn là Hữu thể, nếu không như thế thì Phật trí đáng lẽ không duyên nó. Duyên và bất duyên đều có lỗi, vì Bất duyên và Bất tri không có. Tại sao lại nói nó (tánh thứ nhất) đáng lẽ là biến tri? Nếu duyên thì tại sao thành Sở duyên duyên? Giải thích rằng: "Cận Sở duyên duyên thì không duyên nó, vì không phải Hữu pháp cho nên lấy làm Bản vô chất mà riêng biến tương tợ Vô gọi là ứng tri, duyên Vô như duyên tha tâm, không như thế thì trái với đạo lý của Thánh giáo. Như duyên tha tâm, Nhị Thập Duy Thức ghi: "Bất tri giống như cảnh Bất khả tư nghì của Phật". Tuy như thế, dưới đây nói về cận duyên, vì từ trên đến đây, ý của luận không thừa nhận cận duyên. Giải thích văn đó rằng: "Chỉ xứng với thật tri, là tướng thân chứng của Phật cho nên gọi là hiện lượng, vì minh tịnh viên cực hơn Nhị thừa, cho đến thiên nhãn và túc mạng duyên quá khứ và vị lai cũng như thế, khi Phật trí sinh thì có tướng này khởi. Phật thân chứng tướng Viên minh viên cực hơn các bậc Thanh văn, gọi đó là tri, vì Thanh văn không phải thân chứng. Nói chẳng nghĩ bàn là Thắng nghĩa, vì có nghĩa là Viên minh viên cực. Không phải nói rằng thân chứng tâm kia, vì nắm bắt ngoài tâm. Bậc Thánh cho đó là trái với Vô, vì ngoài tâm không có Vô. Chỉ thấy tướng Y tha khởi trên tự tâm, không thấy thật ngã và thật pháp trên sở thủ của tâm, vì thật ngã và thật pháp đều là Vô sở hữu, vì tạo tác vô tướng này cho nên gọi là ứng tri. Đây là nghĩa của Hộ Pháp, như Nhị Thập Duy Thức Sao quyển 2 giải thích. Quyển 74 ghi: "Tánh thứ nhất không phải hạnh của phàm và thánh, vì vô tướng". Nhưng nói ứng tri cho nên giải thích này thù thắng. Y tha và Viên thành của luận kia nói cảnh đồng với đây. Y tha chỉ là cảnh của Vô lậu Thánh trí thế gian, không phải Xuất thế trí, vì là pháp Hữu vi. Phật Địa quyển 7 dẫn luận Du-già ghi: "Tánh thứ nhất không phải thánh cảnh, tánh sau không phải phàm cảnh, tánh giữa là hai cảnh". Tánh thứ nhất không có

gì mà không phải là chỗ chứng của Thánh trí, lại cũng không có chấp. Thắng nghĩa của tánh sau không phải trí của phàm và thánh thân duyên được. Nếu như thế thì Thánh trí không hiểu tất cả, vì Thắng nghĩa đó đã là Vô thì trí hiểu biết cái gì? Nếu tri là có thì trở thành điên đảo, nếu tri là không có thì không phải tánh thứ nhất, chỗ hiện Vô của tâm thì Y tha khởi nhiếp, lý Vô của Chân như thì Viên thành thật nhiếp. Do đó Thánh trí tuy biết Hữu và Vô, nhưng không duyên tánh thứ nhất kia làm cảnh. Đồng với chỗ nói trước. Không phải không chứng Vô thì không phải Thánh trí, vì không có pháp ngoài tâm cũng có thể duyên được. Phàm trí tuy duyên Chân như không được thật cho nên nói Viên thành thật không phải cảnh của phàm trí. Tổng kết có ba đoạn văn:

1. Tánh thứ nhất không phải sở hành của phàm và thánh, tánh sau không phải sở hành của phàm.

2. Tánh thứ nhất không phải sở hành của thánh.

3. Thông cả sở hành của Thánh trí và phàm trí thì tánh sau cũng đáng lẽ cách xa sở thủ.

Luận: "Trong ba tánh này có mấy giả và mấy thật?"

Thuật rằng: Mười là giả thật môn.

Luận: "Biến kế sở chấp", đến "không phải giả không phải thật".

Thuật rằng: Tánh thứ nhất có danh mà không có thể, là vọng tình vọng lập, có thể nói là giả. Bàn về pháp thể của nó đã không có tướng Phi giả phi thật, không phải sừng thỏ có thể nói là giả và thật, chắc chắn là nương trên chung và riêng của pháp Hữu thể mà lập giả và thật.

Luận: "Tánh Y tha khởi", đến "mà thi thiết".

Thuật rằng: Tánh thứ hai này có Thật và có giả. Giả có ba thứ:

1. Tụ tập giả, như bình, chậu, hữu tình... là pháp tụ tập, là nhiều pháp cùng một lúc hợp thành.

2. Tương tục giả, như các đời quá khứ, vị lai... chỉ có nhân quả tương tục tánh, là trên nhiều pháp nhiều thời mà lập một giả pháp, như Phật ngày xưa nói là lộc vương, ngày nay là thân ta. Chỗ trên từng sát-na diệt, tuy thể là thật, nhưng đối với nhiều pháp tương tục này mà giả lập một hữu tình, đến nay cũng còn tồn tại.

3. Phần vị giả, như Bất tương ưng hành là tánh của phần vị, cho nên đều là giả, trên một pháp một thời mà lập.

Như trên một sắc gọi là Hữu lậu, có thể thấy có đối lập, cũng gọi là các sắc, đều là trên một pháp mà giả thi thiết. Nếu tánh Y tha là thật thì đáng lẽ có nhiều thể, phẫn hận... của nó đều là giả này nhiếp. Tâm,

tâm sở và sắc đều là chủng tử của nhân duyên sinh cho nên nói là thật. Hoặc Thanh Biện y theo Thắng nghĩa đế Y tha mà gọi là giả. Trong Y tha, tự nó không có thật pháp, và giả pháp cũng không có, vì giả pháp trong một chủng loại chắc chắn là nương vào thật nhân mà thi thiết. Trong ba tánh của luận Hiển Dương quyển 16 ghi: "Không nên tuyên nói các pháp chỉ là giả hữu. Tại sao vậy? Vì giả pháp chắc chắn có nhân sở y". Không phải không có thật pháp và giả pháp thành lập, hoặc khác với đây là không có thật vật cho nên giả đáng lẽ cũng không có, tức là nên phá hoại hai pháp giả và thật. Hai pháp bị hoại, do đó đáng lẽ không có tạp nhiễm, tạp nhiễm đã có thể đắc thì nên biết chắc chắn là có tánh Y tha khởi. Lại nữa, nói: "Y tha không giống như thi thiết quyết định là có, cũng không phải tất cả quyết định là không, cho nên Tất cả chủng không phải Hữu khởi Vô". Nhưng thừa nhận đều có thể nói năng, nói hoặc Hữu hoặc Vô, cũng Hữu cũng Vô, Phi hữu chẳng phải không. Tánh này thông với giả và thật, do vì Thế tục cho nên nói là hữu, nếu là Phi hữu và Phi chẳng phải có trong Thắng nghĩa thì không thể nói năng. Luận Đối Pháp quyển 3 ghi: "Vì đối đãi với danh ngôn cho nên tất cả đều là giả, không đối đãi với danh ngôn cho nên tất cả đều là thật". Chân đế ba Tạng giải thích quyền luận thành ba giả này, Trần Na sáng tác, như Biệt Chương nói.

Hỏi: Quyển thư hai sư Phệ-thế vấn nạn giả pháp chắc chắn nương vào cộng pháp của chân sự và tợ sự mà lập, các sự đó đều bị bị phá, tại sao trong đây giả pháp nương vào thật pháp?

Đáp: Sư Phệ-thế họ cho rằng chân sự tức là các câu nghĩa của thật, tợ sự thì nương vào chân sự này mà thành, cộng pháp là đức. Lại nữa, chân sự là tự tướng của pháp, hiện tại luận này phá các câu nghĩa thật của nó không phải là chân sự, chân sự không có cho nên tợ sự cũng không có, cộng pháp của câu đức cũng không có, không phải đối với tự tướng mà có tợ danh khởi. Hiện tại luận này đối với pháp cộng tướng mới có tợ danh sinh khởi. Nhưng trong cộng tướng cần phải có phần ít thể pháp, như màu xanh, màu vàng, tâm, tâm sở... mới có giả thuyết là dài, ngắn... Bất tương ưng làm giả pháp không phải không có thật của nó mà có giả này. Trước đã phá chân của nó, vì chân không phải là thật, đối với thể chỗ chấp của nó hoàn toàn không có. Hiện tại luận này nói thật sự, có chút ít nên nghĩ bàn.

Hỏi: Nếu như thế tại sao nói Y tha là tợ ngã pháp, hay là thật sư của ngã pháp không có?

Đáp: Trước đã nói Y tha tương tợ vọng tình năng chấp thật ngã

thật pháp của nó là giả, lại còn nương vào thật mà nói là giả ngã pháp, không phải nương vào cảnh của vọng tình mà nói là giả ngã pháp, vì ngã pháp không có.

Luận: "Tánh Viên thành thật", đến "mà thi thiết".

Thuật rằng: Trong năm pháp của quyển 72 cũng nói, chỉ là Thật hữu vì Thắng nghĩa nhiếp.

Luận: "Ba pháp này là dị hay là bất dị?"

Thuật rằng: Mười một là ba tánh đối biện dị bất dị môn. Trước đã luận về bài tụng này, cùng với biệt tự tướng của hữu thể pháp đối chiếu thuyết minh dị và bất dị, là chỗ không có của các luận khác. Hiện tại ba tánh này đối chiếu thuyết minh dị và bất dị, trong Nhiếp luận cũng có.

Luận: "Đáng lẽ nói đều không phải", đến "chân nghĩa riêng khác".

Thuật rằng: Nếu nói là dị thì không có riêng thể, là vọng sở chấp gọi là tánh thứ nhất, không phải lìa Y tha mà riêng có thể của tánh thứ nhất. Nếu tánh thứ nhất có thể và có thể nói là dị thì tánh Viên thành thật là Thật tánh của Y tha, không thể nói ba tánh là dị. Phi bất dị thì vọng chấp là tánh thứ nhất, duyên khởi là tánh thứ hai, chân nghĩa là tánh thứ ba. Đã là ba tánh này riêng khác, không thể nói phi bất dị. Như chỗ dẫn luận Nhiếp Đại thừa ở trước đã nói.

Luận: "Ba tánh như vậy", đến "lược bỏ hiển thị cương yếu".

Thuật rằng: Từ xuống là phần thứ hai tổng kết. Nghĩa loại vô biên. Luận Hiển Dương quyển 6, quyển 7, quyển 13 ghi: "Ba tánh mỗi mỗi đều có năm nghiệp". Ba tánh là phương tiện Bồ-đề của ba Thừa, ba tánh quyết định hiểu rõ nghĩa ẩn mật của kinh. Như trong luận Nhiếp Đại thừa, là Phạm Thiên hỏi kinh, không đắc sinh tử và Niết-bàn, là ví dụ về Kim tàng thổ (vàng giấu dưới đất), là tất cả pháp thường và vô thường. Khi thông đạt ba tánh này thì hành đối với tướng hay là vô tướng? Ngộ nhập Biến kế tánh hay là nhập vào tánh nào, cho đến nhập Viên thành thật hay là trừ bỏ tánh nào? Ba tánh y chỉ trong năm sự là sự gì? Nếu không có tánh thứ nhất thì có lỗi gì? Trong Y tha đáng lẽ không có danh ngôn chấp, không có danh ngôn chấp cho nên đáng lẽ không có nhiễm và tịnh. Không có tánh thứ hai thì có lỗi gì? Không do công dụng thì tất cả tạp nhiễm đều là chẳng phải có, nhiễm này không có thì đáng lẽ không có thanh tịnh. Không có Viên thành thật thì có lỗi gì? Tất cả thanh tịnh phẩm đều đáng lẽ là bất khả tri. Thô tế, nan kiến và cực nan liễu của ba tánh cũng như thế. Có mấy thứ vô thể có thể chuyển hữu thể? Có mấy tánh bất sinh có thể sinh ra sinh? Chấp tướng và vô chấp

tướng của ba tánh, làm sao biết được ba tánh? Ba tánh có mấy tự phi nhiễm có thể làm cho tha nhiễm? Ba tánh mỗi mỗi đều lấy gì để là ví dụ? Luận Trung Biên ghi: "Sắc có ba thứ: một là Sở chấp nghĩa sắc, là sắc ở vào phân biệt tánh; hai là Phân biệt nghĩa sắc, là sắc ở vào tánh Y tha; ba là pháp tánh sắc, là sắc ở vào chân thật tánh". Vì sắc thông với tướng, một sắc thông với ba tánh, cho đến thức uẩn, cho đến mười hai xứ cũng như thế. Các môn như vậy, nghĩa loại vô tận, đều dễ biết, vì dợ chán văn nhiều phiền phức, cho nên trong luận này lược bỏ hiển thị cương yếu, nhưng những lý này đều nhiếp hết các kinh luận không sót một thứ nào! luận Đối Pháp quyển 12 Biệt sao thì có khác, nên nắm lấy để hiểu!

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 9
(PHẦN CUỐI)

Soạn giả: Sa-môn Khuy Cơ

Luận: "Hoặc có ba tánh", đến "đều không có tự tánh".

Thuật rằng: Phần thứ hai lỗi trái với kinh. Nếu nói ba tánh cũng không lìa thứ mà có ba chủng thì tại sao Thế Tôn nói: "Tất cả pháp đều không có tự tánh?", hiện tại luận này nói có thức.

Luận: "Tụng nói rằng", đến "tức là Duy thức thật tánh".

Thuật rằng: Luận Hiển Dương quyển 16 nói cùng với đây đồng. Tụng thứ nhất và thứ hai chánh đáp chỗ hỏi, một bài tụng sau thuyết minh tánh Duy thức, tức là từ năng biến thứ nhất đến năng biến sau, cùng với hai bài tụng này, nói rộng như nửa phần đầu của bài tụng thứ nhất. Tông thuyết minh về Thế tục đế, đây là hiển bài tụng thứ ba hiển bày chỗ nói Chân lý Duy thức ở trước. Tông thuyết minh Thắng nghĩa đế, là tổng thành tựu phần đầu ở trước. Hoặc phỏng theo cảnh, hạnh và quả mà phân khoa. Từ trước đến đây cùng với hai bài tụng đầu này nói rộng về cảnh của Tục đế, bài tụng thứ ba này thì nói rộng về cảnh của Chân đế, từ đây trở lên thì tùy ứng mà tư duy. Ngay trong hai bài tụng đầu thì tụng thứ nhất là đáp chung, bài tụng thứ hai là đáp riêng.

Luận: "Tức là y theo ở đây và trước", đến "không phải tánh toàn không có".

Thuật rằng: Văn Trường hàng có hai đoạn:

1. Giải thích riêng ba Vô tánh.
2. Tổng giải ý tụng.

Ngay trong tụng giải thích riêng ba Vô tánh phân làm hai phần:

1. Giải thích ba Vô tánh của hai tụng trước.
2. Giải thích Duy thức chân tánh của tụng thứ ba.

Trước hết giải thích đáp chung ý của tụng thứ nhất; kế tiếp giải thích ba Vô tánh của tụng thứ hai; sau cùng là ba Vô tánh, y theo chỗ đã nói ở trước về ba tánh của Biến kế sở chấp mà lập ba Vô tánh đó:

1. Tướng vô tánh.

2. Sinh vô tánh.

3. Thắng nghĩa vô tánh.

Trong quyển 76 và kinh Giải Thâm Mật, Bồ-tát Đức Bổn thỉnh thuyết, Phật nói, tất cả đều đồng ở đây.

Luận: "Nói hai chữ mật ý", đến "là tổng nói Vô tánh".

Thuật rằng: Giải thích chữ mật ý, luận này nói là hai tánh sau cùng tuy thể chẳng phải không có, nhưng có ngu phu đối với hai tánh đó khởi chấp tăng thêm, như chỗ dẫn Nhiếp Đại thừa ở trước, nói tánh Y tha là sở duyên của Biến kế, tánh Viên thành thật nương vào triển chuyển cho nên nói cũng là sở biến kế. Quyển 76 ghi: "Không phải do quán sát riêng ba chủng tự tánh mà lập ba Vô tánh, chỉ do hữu tình đối với Y tha khởi tự tánh và tánh Viên thành thật mà tăng thêm biến kế sở chấp tự tánh". Tôi lập ba chủng tánh vô tự tánh, cho đến nói rộng, cho nên y theo hữu thể và vô thể của ba tánh mà tổng mật ý nói ba chủng vô tánh. Ba chủng vô tánh không phải không có hai tánh sau, chỉ không có kế sở chấp.

Luận: "Tại sao y theo ba tánh này mà lập ba chủng kia?"

Thuật rằng: Trên giải thích tụng thứ nhất để đáp chung ý đã xong. Từ đây trở xuống sẽ giải thích riêng ba Vô tánh trong tụng thứ hai, cho nên trước hỏi để phát khởi.

Luận: "Là y theo tánh thứ nhất này", đến "chỗ hiển của Vô tánh".

Thuật rằng: Thể của tánh thứ nhất không có, thể của hai tánh sau thì có mật ý nói, vì là thể của hữu pháp. Các văn còn lại có thể hiểu, không phiền giải thích lại. Thắng nghĩa chỉ do chỗ hiển của Vô tánh cho nên gọi là Vô tánh. Y tha thì có duyên sinh, không có tánh tự nhiên sinh, cho nên gọi là Vô tánh, phối hợp riêng với giải thích tụng, như lý nên biết.

Luận: "Tuy Y tha khởi", đến "cho nên ở đây không nói".

Thuật rằng: Giải thích Y tha khởi cũng gọi là Thắng nghĩa vô tánh. Nguyên nhân không nói văn này, vì chữ Vô nói là phi. Y tha tuy là pháp hữu thể, nhưng không phải Thắng nghĩa gọi là Thắng nghĩa vô tánh, chỗ chấp không có cho nên không thể đặt ví dụ. Lại nữa, quyển 76 ghi: "Các pháp sinh khởi không có tánh của tự tánh cho nên gọi là vô tự tánh", do đó tức là duyên sinh pháp. Hiển Dương luận ghi: "Không ngăn trách duyên sinh, mà ngăn trách tự nhiên sinh", tức là duyên sinh pháp cũng gọi là tánh Thắng nghĩa không có tự tánh. Trong các pháp

hoặc là cảnh sở duyên của thanh tịnh, tôi hiển thị nó là Thắng nghĩa vô tánh. Tướng của Y tha khởi cũng là cảnh giới sở duyên của thanh tịnh, cho nên cũng gọi là Thắng nghĩa vô tánh. Sau khi Vô lậu thì đắc chân trí, gọi là thắng, cũng duyên Y tha này làm cảnh, Y tha này cũng gọi là sở duyên của thanh tịnh, vì nghĩa thù thắng. Sở chấp đã không có cái gì mà không phải là Thánh cảnh, nhưng không được tên này (sở Chấp) chỉ vì không có kế sở chấp kia, cho nên nói Thắng nghĩa vô tánh, cho đến nói rộng. Hoặc nói Y tha là Thắng nghĩa vô tánh thì Viên thành thật này tức là Thắng nghĩa vô tánh thứ hai, như sợ rằng Thắng nghĩa vô tánh của Y tha lạm dụng lan qua Thắng nghĩa vô tánh thứ hai của Viên thành thật, cho nên trong luận này chỉ nói Thắng nghĩa vô tánh của Viên thành thật, không nói Y tha là Thắng nghĩa vô tánh. Nên biết kinh kia có nói rộng ví dụ.

Luận: "Tánh này tức là", đến "Thắng nghĩa đế".

Thuật rằng: Dưới đây là đoạn thứ hai giải thích tánh Duy thức, nên biết phối hợp giải thích riêng tụng, Viên thành thật Thắng nghĩa vô tánh của nó tức là Thắng nghĩa đế của chư pháp.

Luận: "Nhưng Thắng nghĩa đế", đến "nhất chân pháp giới".

Thuật rằng: Chỉ có nghĩa của hai Đế và văn dẫn trong luận, như quyển 1 Sao rộng dựng lập các nghĩa đó. Ở đây thì tùy theo cạn sâu mà lập bốn thứ, đều là các nghĩa thù thắng. Hoặc lấy thắng làm nghĩa, thắng tức là nghĩa. Tùy theo chỗ thích ứng của nó thì đều là thù thắng đối với Thế tục đế thứ nhất. Nhưng chân thật thứ nhất nà là mười thiện xảo, chân thật thứ hai là lý nhân quả của bốn Đế, chân thật thứ ba là y theo thuyên mà hiển thật, chân thật thứ tư thì phế thuyên mà luận đàm ý chỉ. Lại thêm một bước nữa mà luận thì ba Thừa hợp chung thuyết minh hai Đế, không phải chỉ Bồ-tát Thừa, như luận Hiển Dương quyển 2, 6, 19, luận Du-già quyển 55, 56 và luận Đối Pháp quyển 6 nói.

Luận: "Thắng nghĩa trong đây", đến "không phải nghĩa hư vọng".

Thuật rằng: Vì ba tánh trước không phải Chân như cho nên nói "cũng". Chân là lựa riêng với Hữu lậu, vì Hữu lậu là vọng; Như là lựa riêng với Vô lậu Hữu vi, vì thể của Vô lậu Hữu vi tuy Chân nhưng có sinh diệt. Lại nữa, Chân là lựa riêng với tánh thứ nhất, vì vọng chấp; Như là lựa riêng riêng với Y tha, vì có sinh diệt. Văn còn lại có thể hiểu.

Luận: "Chữ 'cũng' là để hiển Chân như này", đến "tùy nghĩa mà rộng giải thích".

Thuật rằng: Nói rằng Đại Bát-nhã mới có mười hai tên, như quyển 2 trước đã nói. Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 2 có bảy tên, là Chân như, Vô ngã tánh, Không tánh, Vô tướng, Thật tế, Thắng nghĩa và pháp giới. Trong tụng này thì chỉ có hai tên, gồm cả các sư giải thích luận này cũng chỉ có bốn tên, cho nên nói "vân vân" là đồng chỉ cho ba tên còn lại. Như trong các luận khác thì tùy nghĩa mà giải thích rộng. Luận Đối Pháp giải thích: "Thể hằng Vô ngã, không có chuyển biến, gọi là Chân như". Tánh lìa hai ngã gọi là Vô ngã, do duyên Vô ngã này mà lìa nhiễm được không tịch, nói đó là Không. Nói rằng sắc cho đến Bồ-đề, các tướng đều tịch diệt cho nên gọi là vô tướng. Sở duyên của vô đảo và cứu cánh vô đảo gọi là Thật tế. Sở hành của Thánh trí gọi là Thắng nghĩa, đồng với giải thích trong luận này. Diệu pháp của ba Thừa là tướng sở y, cho nên gọi là pháp giới, chữ giới nghĩa là thể, chỉ có diệu pháp nương tựa. Tánh nghĩa là thể, là thể của tất cả pháp cho nên gọi là pháp tánh, trong lặng lìa đảo, gọi là Bất hư vọng. Ngoài ra, chỗ thích ứng tất cả nên biết như là thể pháp. Luận Phật Địa quyển 7 có sáu tên, Thật Hữu và luận Đối Pháp khác nhau, đều rộng giải thích. Luận Du-già và luận Hiển Dương tuy có tên nhưng đều không giống như luận Đối Pháp, không phiền dẫn ra. Đến đây đã giải thích ba câu trên của tụng thứ ba xong, tức là Thắng Man và luận Du-già không có nói bốn Đế như Phi an lập đế. Tiếp theo giải thích câu thứ tư.

Luận: "Tánh này tức là", đến "nói hai chữ Thật tánh".

Thuật rằng: Phần đầu giải thích hai tánh nương và Y tha khởi. Phần đầu này giải thích lấy Chân như thật tánh lựa riêng với tánh kế sở chấp, để hiển ý của tụng.

Luận: "Lại có hai tánh", đến "cho nên nói Thật tánh".

Thuật rằng: Đây là tướng và tánh. Tánh là thật thể, tức là chỉ có Chân như. Tướng cũng gọi là thể, vì là thể của Y tha, tương đối với hữu pháp. Không thuyết minh tánh thứ nhất, vì không có thể.

Luận: "Ba bài tụng tổng hiển", đến "đều không có tự tánh".

Thuật rằng: Một bài tụng đầu thì tánh không có, hai bài tụng sau thì quyết định có. Văn còn lại dễ hiểu, là giải thích chung ý tụng, không phiền giải thích lại. Từ trên đến đây, hai mươi lăm bài tụng, có phân hai cặp để phán phân xét riêng:

1. Hai mươi bốn bài tụng trước, thuyết minh tướng Duy thức. Bài tụng thứ hai mươi lăm thuyết minh tánh Duy thức.

2. Trong hai mươi lăm bài tụng: Một bài rưỡi tụng đầu thuyết minh sơ lược tướng Thức năng biến. Hai mươi ba bài rưỡi tiếp theo

thuyết minh rộng tướng năng biến. Giải thích các vấn nạn đã xong.

Từ đây trở xuống năm bài tụng thuyết minh Địa vị chỗ nhập của Duy thức. Đã nói thế gian giả thuyết ngã pháp và các pháp của biến kế sở chấp đều Không. Giả ngã pháp này đều nương vào thức mà biến. Thức năng biến lược có ba thứ, hai mươi bốn bài tụng đã phân biệt rộng, tức là thể của Y tha khởi có như hư huyễn, vì thức hư vọng này chắc chắn có Thật thể. Còn một bài tụng tiếp theo thuyết minh tánh của thức, tức là Viên thành thật. Tuy biết các pháp đều là Duy thức hoặc tướng hoặc tánh, cần phải tiệm tu hành chứng nhập Thánh vị, cho nên năm bài tụng dưới đây thuyết minh chỗ nhập Địa vị, chỗ cầu đại quả phước trí vô biên, không phải có tu hành chút ít thì liền được mau chóng chứng đắc tròn đầy, không phải tu hành một hạnh mà liền chứng nhiều quả, chắc chắn phải ba kiếp tu hành vô biên nhân duyên. Ba kiếp, đều là nhân vị nhiếp, tức là bốn bài tụng đầu. Một bài tụng cuối cùng là quả mong cầu đã viên mãn, tức là Như Lai vị. Bốn bài tụng đầu phân làm ba kiếp, hai quả vị đầu là Sơ kiếp nhiếp. Tuy tu hành thắng hạnh cũng chưa được chứng chân. Học và hành có muôn ngàn sai khác, Địa vị có xa gần, cho nên lấy hai bài tụng để thuyết minh Sơ kiếp. Bài tụng thứ ba toàn đủ và bài tụng thứ tư phần ít giải thích về kiếp thứ hai. Khi mới chứng Thánh vị thì kiến đạo vị và và Tu đạo vị khác nhau, chỉ có bài tụng thứ ba là thuyết minh thiên về kiến đạo. Địa vị tuy lâu dài, nhưng chứng lý thì như vậy, cho nên bài tụng thứ tư hợp chung thuyết minh hai kiếp. Nửa bài tụng thứ tư thuyết minh kiếp thứ ba. Ngay trong năm vị, thứ nhất là tổng kết văn trên để hiển rõ chỗ thuyết minh sau phát sinh năm vị, thứ hai là nêu ra văn tụng để chánh giải thích năm vị. Trong phần thứ nhất có ba đoạn:

1. Tổng kết các văn trên, đặt ba câu hỏi.
2. Tùy theo chỗ hỏi mà tóm lược làm ba câu đáp.
3. Nói rộng về chỗ đáp riêng ba câu hỏi đáp trước.

Luận: “Như vậy chỗ thành tánh tướng của Duy thức”.

Thuật rằng: Tổng kết đoạn văn trên, hai mươi bốn bài tụng nói về tướng, một bài cuối cùng nói về tánh.

Luận: “Ai, đối với mấy Địa vị và như thế nào ngộ nhập?”

Thuật rằng: Đây là đặt ra ba câu hỏi. Ai, là hỏi người ngộ nhập. Trong năm Thừa, ai là người có thể nhập thì không đồng. Đối với mấy Địa vị, là hỏi chỗ trải qua của các Địa vị, tức là đã nói ngộ nhập thì có mấy Địa vị để nhập, và trải qua thời tiết ngắn dài bao nhiêu. Như thế nào ngộ nhập, là hỏi phương tiện để nhập, là biết phương tiện của Duy

thức như thế nào mà ngộ nhập.

Luận: "Là có đủ Đại thừa", đến "dần dần ngộ nhập".

Thuật rằng: Đây là lược đáp. Nói rằng có đủ hai thứ chủng tánh của Đại thừa để đáp người năng nhập, thông với bậc căn khí lớn định tánh và bất định tánh, không phải các Thừa khác. Sơ lược đối với năm vị để đáp khi tu hành trải qua. Mười ba trụ tóm lược làm năm vị. Đại quả khó chiêu cảm cho nên phải trải qua năm vị. Dần dần ngộ nhập, là để đáp phương tiện ngộ nhập, vạn hạnh khó tu, hai quả không thể chứng, không phải đốn phương tiện thì liền có thể nhập.

Luận: "Thế nào là hai thứ chủng tánh của Đại thừa?"

Thuật rằng: Đây là biệt vấn thứ ba. Đáp riêng thì lược đáp rộng như trước. Trong đó có ba phần, như giải thích chung ở trước.

Luận: "Một là Bản tánh trụ chủng tánh", đến "nhân của pháp Vô lậu".

Thuật rằng: Đây là nương vào Chánh nghĩa thứ ba trong ba nghĩa của chủng tử ở trước để đáp. Khi chưa nghe chánh pháp thì chỉ có Vô lậu chủng từ vô thỉ tự thành, chưa từng huân tập khiến cho nó tăng trưởng, gọi là Bản chủng tánh. Tánh là thể, tánh là loại, tức là nói từ bản tánh đến trụ chủng tử tánh loại sai biệt của Bồ-tát này. Không phải do hiện tại có mà gọi là Bản tánh trụ chủng tánh. Tam Thập năm Bồ-tát địa ghi: "Vô thỉ pháp nhĩ, sáu xứ thù thắng gọi là Bản tánh trụ chủng, chính là cùng với đây đồng, tức là chủng tánh trụ.

Luận: "Hai là tập sở thành chủng tánh", đến "chỗ thành của huân tập".

Thuật rằng: Đây là từ khi nghe chánh pháp trở đi, khiến cho chủng tử Vô lậu xưa tăng trưởng, gọi là tập chủng tánh. Bồ-tát địa ghi: "Nghe mười hai phần giáo, pháp giới Đẳng lưu bình đẳng mà lưu chuyển". Là đại định duyên Chân như đồng thời khởi chánh trí hậu sinh và hậu đắc. Hậu đắc lại khởi đại bi, đại bi khởi hóa thân, có hóa thân mới thuyết pháp này, pháp này do đó gọi là bình đẳng lưu. Lại nữa, pháp giới tánh nếu khi có thể ngộ nhập thì liền đoạn sinh tử tiến đến Đại Niết-bàn. Pháp này cũng như vậy. Lại nữa, pháp giới tánh thuận thiện nghịch ác, có đủ các công đức. Pháp này cũng vậy, cho nên gọi là Đẳng lưu. Chữ "đẳng" có nghĩa là tương tợ, chữ lưu có nghĩa là ra khỏi. Từ chỗ ra khỏi kia và tương tợ kia, do đó gọi là Đẳng lưu. Văn sở thành, tức là chỗ thành của ba tuệ. Không phải mới sinh mà gọi là thành, vì khiến cho chủng tử tăng trưởng cũng gọi là thành. Nếu do Vô lậu chủng của ba tuệ tăng trưởng thì tại sao lại nói văn sở thành? Có ý là hiển năng thành

không phải chỉ có tuệ, vì tuệ đồng thời với phẩm pháp cũng gọi là năng thành. Năng thành đã như thế thì sở thành cũng như thế, cho nên luận nói Văn sở thành.

Luận: "Phải đủ Đại thừa", đến "ngộ nhập Duy thức".

Thuật rằng: Đây không phải chỉ có Nhất thừa tánh. Ba Thừa chủng tánh và bất định tánh cũng là người này, vì có đủ Đại thừa mới có thể ngộ nhập. Nhưng nói Đại thừa là lựa riêng với định tánh và vô chủng tánh kia. Đây là chưa gieo trồng giải thoát phần thiện, gọi là bản chủng tánh, chưa nghe pháp Vô lậu để khiến cho Vô lậu tăng trưởng. Từ khi gieo trồng giải thoát phần thiện căn trở đi thì gọi là tập chủng tánh, vì nghe Vô lậu giáo làm duyên, khiến cho Vô lậu chủng tăng trưởng. Bồ-tát địa nói, chính cùng với đây đồng. Xét các luận kia chỗ nên nói, dưới đây không giải thích mà chỉ riêng nêu ra. Nhưng chỗ nói của các kinh nhân vương và anh lạc, không đồng nhau như trong Biệt sao mà hiểu. Nhiếp luận quyển 6 ghi: "Người nào có thể ngộ nhập sở ưng tri tướng? Đại thừa nhiều văn huân tập tương tục, đã được gặp sự chư Phật xuất thế, đắc định thắng giải, tập hợp các thiện căn, khéo tu phước trí tư lương của Bồ-tát, người đó ước chừng có nhiều công năng, có bốn thứ lực cho nên mới có thể ngộ nhập. Nhưng trong đây chỉ nói có đủ Bản tánh chủng tánh, tức là chỗ nói Đại thừa kia. Tập sở thành, tức là chỗ nói nhiều văn huân tập kia, là nhân và lực. Còn lại ba lực, dưới đây trong nhập vị, chỗ cần thiết mới nói, cho nên cùng với luận kia sơ lược và nói rộng không đồng, sau sẽ biết. Nhưng có đủ bản tánh cũng chưa có thể nhập, có đủ tập sở thành mới nhập được, tức là chương năng nhập vị của Nhiếp luận. Vô Tánh luận ghi: "Dụng và dụng có đủ đều còn chờ tác giả", cho nên hỏi người nhập là ai có thể nhập không phải chỗ cần thiết chính, do đó ba lực trong đây không nói, vì từ thắng giải hạnh Địa phát tâm trở đi, chưa nhập Sơ địa thì gọi là tập sở thành.

Luận: "Thế nào là nhập năm vị của Duy thức?"

Thuật rằng: Đây là hỏi rộng vị thứ hai ở trước.

Luận: "Một là tư lương vị", đến "thuận giải thoát phần".

Thuật rằng: Đây là tại bốn mươi tâm vị và các vị trước, từ sơ phát tâm cho đến hết mười hồi hướng gọi là thuận giải thoát phần. Luận Đối Pháp ghi: "Từ noãn... các vị trở lại, gọi là giải thoát phần". Lựa riêng với Nhị thừa cho nên nói là Đại thừa.

Luận: "Hai là gia hạnh vị", đến "thuận quyết trạch phần".

Thuật rằng: Tức là tại noãn... các vị trở lại trong bốn thiện căn. Vị này ở tại sơ kiếp. Các văn sau nói thuộc về thắng giải hạnh Địa.

Luận: "Ba là Thông đạt vị", đến "sở trụ kiến đạo".

Thuật rằng: Tức là tại Sơ địa, tâm mới nhập Địa.

Luận: "Bốn là tu tập vị", đến "sở trụ Tu đạo".

Thuật rằng: Tức là từ Sơ địa trụ vị và xuất tâm vị cho đến kim cương vô gián tâm vị gọi là Tu đạo.

Luận: "Năm là cứu cánh vị", đến "chánh đẳng Bồ-đề".

Thuật rằng: Là hết đời vị lai trong giải thoát đạo sau Kim cương tâm. Năm vị này, dưới đây mỗi mỗi đều giải thích các tên và nêu riêng thể tánh giải thích ba kiếp nhiếp, khỏi nhọc giải thích xen vào. Nhiếp Đại thừa luận ghi: "Ngộ nhập chỗ nào?", tức là nơi người kia có thấy tợ pháp và tợ nghĩa, cho đến kiến đạo, Tu đạo và cứu cánh đạo của thắng giải hạnh Địa. Luận đó nói bốn vị, luận này nói năm vị, hợp chung với vị thứ nhất và thứ hai của luận này làm thắng giải hạnh Địa, tức là chương sở nhập vị của Nhiếp luận. Luận Vô Tánh ghi: "Cảnh sở nhập này và vị năng nhập".

Luận: "Thế nào là dần dần ngộ nhập Duy thức?"

Thuật rằng: Đây là hỏi rộng về nhập pháp dụng thứ ba ở trước.

Luận: "Là các hàng Bồ-tát", đến "có thể tin hiểu sâu".

Thuật rằng: Đây là hai câu đầu cũng thông suốt các câu dưới. Vị thứ nhất và thứ hai này lấy đạo làm vị, tức là phần xuất thể, ba vị sau lấy phần làm vị, tức là thông với xuất thể. Trong tư lương vị có thể tin hiểu sâu xa, tuy phục và đoạn cũng chưa được phần nhiều, do ít mà không nói. Tin hiểu mới tăng trưởng thì chỉ gọi là tin hiểu, đến sau sẽ biết.

Luận: "Trong gia hạnh vị", đến "dẫn phát chân kiến".

Thuật rằng: Trước hết là chế phục sở thủ, kế đó là chế phục năng thủ, vì chế phục khiến cho không khởi, cho nên gọi là trừ, không phải khi lìa phục mà riêng gọi là trừ. Đến sau sẽ biết.

Luận: "Tại thông đạt vị", đến "thật sự thông đạt".

Thuật rằng: Đây là mới khởi Vô lậu thì hai trí hiện hành, chứng thật tướng và thật tánh.

Luận: "Tại tu tập vị", đến "phục đoạn các chướng còn lại".

Thuật rằng: Thập Địa hạnh trải qua thời gian lâu xa nhiều kiếp niệm niệm tinh tấn tu tập, gọi là niệm niệm tu chế phục phiền não còn lại và đoạn các trí chướng khác. Trong các vị này tuy cũng tu chứng các hạnh khác và các pháp khác, nhưng Duy thức làm gốc thì mới có thể tu các hạnh khác, cho nên chỉ nói Duy thức.

Luận: "Đến cứu cánh vị", đến "tướng tánh của Duy thức".

Thuật rằng: Nêu ra đủ hai chướng và công đức trí tuệ không có gì mà không sẵn đủ khắp, không đồng với bậc tiểu Thánh, cho nên gọi là viên, không có thiếu chút nào cho nên lựa riêng riêng với Nhị thừa. Hai thứ thanh tịnh của phước và trí rất thù thắng, không có gì vượt hơn. Không mê không ám cho nên gọi là minh, đây là lựa riêng với Bồ-tát. Bồ-tát Thập Địa tuy đều có khắp, có thể gọi là viên nhưng chưa thanh tịnh, như trong lưới nhìn trăng, cho nên không gọi là minh, có thể tận đời vị lai mà hóa đạo tất cả, khiến cho ngộ nhập tướng tánh của Duy thức, để hiển không phải tự tế độ mà thành, đã độ người cho nên gọi là pháp luân. Luân nghĩa là chuyển, luận Nhiếp Đại thừa ghi: "Do đâu có thể nhập? Do thiện căn và lực đảm nhiệm, ba thứ tâm miệt mài luyện tập đoạn trừ bốn chỗ chướng". Luận Vô Tánh ghi: "Đây tức là nhập nhân". Là do nhân gì đối với vị này mới có thể nhập được, cho nên Nhiếp luận ghi: "Do cái gì và thế nào mà được ngộ nhập". Luận Vô Tánh ghi: "Năng nhập này có đủ". Chỗ các luận kia nói là ở trong tư lương vị của luận này. Tứ Tầm Tư của luận kia là chỗ làm phương tiện, làm sở nhập và làm sở nhập thí dụ, cùng với Thuận giải thoát phần thứ nhất và danh sự dưới đây lẫn nhau làm khách, làm tầm tư, tầm tư quả và giáo thọ, thành hai bài tụng. Trong gia hạnh vị, người kia ngộ nhập tánh Duy thức, cho nên ngộ nhập ba tánh, nhập cực hỷ Địa, nhập chỗ cần thiết của Duy thức, tức là kiến đạo này. Luận kia thì đã nhập Địa đắc kiến đạo rồi mới nhập Duy thức. Trong Tu đạo, tại sao tu hành nhập nhân quả phần? Tu sai biệt phần, ba học phần là Tu đạo này. Quả trí của luận kia là quả đoạn phần, là cứu cánh đạo của luận này. Nhưng chỗ có mười phần của Nhiếp luận, là trong luận này cũng có, như trước đã trình bày. Bồ-tát địa quyển 47 và 48 trong trụ phẩm nói có mười ba trụ; quyển 49 trong Địa phẩm nói có bảy Địa, đều thuộc năm vị trong đây. Trong mười ba trụ thì mười hai trụ trước là Bồ-tát vị, thuộc bốn bài tụng đầu của năm tụng trong luận này nhiếp, trụ thứ mười ba là Như Lai trụ, tức là Như Lai vị, thuộc tụng thứ năm trong năm tụng này nhiếp mười ba trụ:

1. Chủng tánh trụ, là ở đây nói bản tánh trụ chủng tánh, chưa nhập Tăng-kỳ. Quyển 47 ghi: "Tánh của các hàng Bồ-tát tự nhân hiền". Tánh tự thành tựu công đức của Bồ-tát và chỗ thích ứng nhiều pháp thiện của Bồ-tát, đối với nó hiện hành thì cũng có hiển hiện, do phương tiện của tánh nhân hiền bức bách khiến cho pháp thiện chuyển, không phải do Tư nhiếp mà có chỗ ức chế, có chỗ phòng hộ. Trụ trong trụ này thì đảm nhiệm tất cả chủng tử của Phật pháp, trong tự thể đã có đầy đủ

tất cả Phật pháp và tất cả chủng tử. Tánh không thể khởi cõi trên và phiền não trói buộc, tạo nghiệp Vô gián, hoặc đoạn thiện căn, rộng như phẩm chủng tánh giải thích.

2. Thế nào thắng giải hạnh trụ của Bồ-tát? Là các hàng Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến chưa đắc ý lạc thanh tịnh, chỗ có tất cả hạnh của các hàng Bồ-tát đều thuộc trụ này. Nên biết trụ trên đối với Bồ-tát trụ thứ mười một cùng với Như Lai trụ chỉ có nhân chuyển nhiếp thọ nhân đó. Đối với các trụ còn lại cũng chưa phát thú, chưa đắc và chưa tịnh, huống chi Như Lai trụ. Trụ trong trụ này thì rộng khắp đối với tất cả các Bồ-tát trụ còn lại, cùng với Như Lai trụ đều gọi là phát thú, nhưng chưa đắc và chưa tịnh. Trong tự trụ gọi là thú, gọi là đắc, vì khiến cho thanh tịnh mà tu chánh hạnh. Trong trụ trước, tuy tu các thiện, tánh nhân hiền do đó làm tánh của các thiện, không phải làm tánh của Bồ-đề, do đó mà dấy khởi, vì chưa gọi là phát thú cho nên không nhập tăng-kỳ, chỗ tu của trụ này đều gọi là phát thú, cho nên cùng với trụ trước khác nhau. Vị này thì sức chọn lựa của tư là thù thắng, chỗ tác khởi gia hạnh là vì phân biệt tuệ chưa đắc thắng tu kiên cố tương tục không có thoái chuyển của Bồ-tát. Đây là nói Vô lậu tu tuệ chưa đắc, không phải Hữu lậu tu vị này chưa đắc. Hoặc đây là nói khi mới phát tâm, tám tướng thành đạo của Bồ-tát Thập trụ đã chưa đắc thì tu như thế nào để được có thần thông như vậy? Như đối với vô ngại giải, thân thông, giải thoát, đẳng trì và Đẳng chí của thắng tu và quả thắng tu chưa có thể đắc được. Chưa siêu thoát năm thứ sợ hãi là sợ không sống, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ nẻo ác và sợ ở trong chúng. Có ba chỗ hay quên mất: một là quên mất niệm đối với năm cảnh điên đảo; hai là quên mất niệm đối với sự thọ sinh, quên mất các sự đời trước; ba là đối với pháp thọ trì, lâu dần khởi nói lại có chỗ quên mất. Hoặc có đủ thông tuệ vì người thuyết pháp, phải cố gắng mà chuyển, như bắn cung trong tối, hoặc trúng đích hoặc không trúng đích. Hoặc đối với Bồ-đề tuy đã phát thú, nhưng lại thoái chuyển xả bỏ, hoặc xả bỏ giới, hoặc làm lợi hữu tình mà sinh ra mệt chán, lợi ích an lạc chưa được rộng lớn vô lượng. Trong tất cả học thuật của Bồ-tát chưa được học rộng, trong tướng của Bồ-tát chưa được thành tựu, hai phần tại gia và xuất gia trong chánh hạnh của Bồ-tát chưa bình đẳng hiển hiện. Đối với chỗ nói các tướng hành trạng này, khi bậc hạ phẩm chuyển thì tiến lên thượng phẩm, khi bậc trung phẩm chuyển thì vẫn ở trung phẩm, khi bậc thượng phẩm chuyển thì rớt xuống hạ phẩm, vì chuyển chậm mà nhỏ nhẹ. Khi nhập Sơ địa thì tất cả tướng này đều là vô sở hữu, tất cả đều trái nghịch nhau, bạch pháp hiển hiện, cho

đến nói rộng, đều thuộc trụ thứ hai, tức là tư lương đạo và gia hạnh đạo trong luận này. Trong năm bài tụng thì hai bài đầu nhiếp. Vì luận kia nói từ sơ phát tâm cho đến chưa đắc ý lạc thanh tịnh là thắng giải trụ. Luận này nói ý lạc thanh tịnh Bồ-tát trụ là thuộc Sơ địa, cho nên biết bốn thiện căn cũng là thuộc thắng giải hạnh trụ thứ hai. Đã như thế tức là hiển thị thuộc sơ kiếp. Luận này nói trụ này là thuộc sơ kiếp, đến sau sẽ biết. Điều này cùng với hai chủng tánh của kinh Anh Lạc khác nhau, nên biết như biệt tổng hợp. Luận Trung Biên quyển trung trong phẩm Đối Pháp trị thuyết minh phần vị Tu đạo của các niệm trụ, tức là các niệm trụ ở tại giải thoát phần, nên biết như biệt ứng.

3. Cực hoan hỷ trụ, cũng gọi là tịnh thăng ý lạc trụ, tức là thuộc Sơ địa. Trụ này có phần ít kiến đạo, tức là tụng thứ ba trong năm bài tụng, trừ ra Trụ địa tâm và xuất Địa tâm.

4. Tăng cõi trên trụ, tức là Địa thứ hai.

5. Tăng thượng tâm trụ, tức là Địa thứ ba.

6. Giác phần tương ưng tăng thượng tuệ trụ, tức là Địa thứ tư.

7. Chư đế tương ưng tăng thượng tuệ trụ, tức là Địa thứ năm.

8. Duyên khởi lưu chuyển chỉ tức tương ưng tăng thượng tuệ trụ, tức là Địa thứ sáu.

9. Vô tướng hữu công dụng trụ, tức là Địa thứ bảy.

Các trụ nói trên thuộc Kiếp thứ hai.

10. Vô tướng vô công dụng trụ, tức là Địa thứ tám.

11. Vô ngại giải trụ, tức là Địa thứ chín.

12. Tối thượng thành mãn Bồ-tát trụ, tức là Địa thứ mười, thuộc Kiếp thứ ba.

Quyển 48 ghi: "Lại nữa, trong mỗi mỗi trụ này, trải qua nhiều Câu-chi trăm ngàn đại kiếp, hoặc vượt hơn số đó mới là chứng đắc, cho đến thành tựu viên mãn". Nhưng tất cả trụ tổng trải qua ba vô số đại kiếp mới là chứng đắc tròn đầy. Nói rằng trải qua vô số đại kiếp thứ nhất, mới là vượt qua Thắng giải hạnh trụ, lần lượt chứng đắc Sơ địa. Đây là hằng thường dũng mãnh tinh tấn, không phải là người không dũng mãnh siêng cần tinh tấn. Lại trải qua vô số đại kiếp thứ hai, mới vượt qua Sơ địa, cho đến hữu gia hạnh hữu công dụng vô tướng trụ, lần lượt chứng Địa thứ tám. Đây là quyết định Bồ-tát đắc ý lạc thanh tịnh, vì quyết định dũng mãnh siêng cần tinh tấn. Lại trải qua vô số đại kiếp thứ ba, mới vượt qua Địa thứ tám và Địa thứ chín chứng Địa thứ mười, cho nên biết bốn thiện căn là chỗ nhiếp của sơ kiếp, chưa gọi là đắc thắng ý lạc Địa. Nhiếp luận quyển 7 ghi: "Có năm thứ Bổ-đặc-già-la

trải qua ba vô số đại kiếp”. Nói rằng thắng giải hạnh trải qua vô số đại kiếp thứ nhất tu hành viên mãn. Thanh tịnh tăng thượng ý lạc hạnh, hữu tướng hạnh và vô tướng hạnh Bổ-đặc-già-la, đối với sáu Địa trước và Địa thứ bảy, trải qua vô số đại kiếp thứ hai tu hành viên mãn. Vô công dụng hạnh Bổ-đặc-già-la của luận này, tức là Địa thứ tám đến Địa thứ mười, trải qua vô số đại kiếp thứ ba tu hành viên mãn. Văn dưới đây của luận này, bốn thiện căn cũng thuộc giải hạnh Địa, cho nên biết là chỗ nhiếp của sơ kiếp. Cổ nhân vấn nạn rằng: “Phương tiện của Sơ thiền không phải thuộc cõi Dục thì phương tiện của Sơ địa không phải sơ kiếp nhiếp?”. Đáng lẽ đặt câu hỏi vặn: “Phương tiện của Sơ địa không phải sơ kiếp, phương tiện của Sơ địa không phải thuộc phàm phu”. Hoặc nói: “Chưa chứng Chân không phải thuộc bậc Thánh” thì đáng lẽ nói: “Chưa chứng Chân cho nên không phải thuộc Kiếp thứ hai”. Lại nữa, họ vấn nạn rằng, luận Đại Trang Nghiêm và luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Sơ kiếp của bốn thiện căn đã mãn rồi mới tu tập”. Có thể không phải là Sơ kiếp? Đáng lẽ hỏi vặn lại rằng, lại như kinh Anh Lạc ghi: “Trăm kiếp tu ngàn tam-muội, ngàn kiếp học oai nghi của Phật, vạn kiếp hóa hiện thành Phật nhập đại tịch định”. Đó là nói ba đại kiếp của Bồ-tát Đẳng giác đã viên mãn, tại sao không phải thuộc Phật Địa? Lại nữa, trong bốn thiện căn của luận này, cũng nói Sơ kiếp thuận giải thoát viên mãn rồi mới tu, lẽ nào điều đó không phải là thuộc thắng giải hạnh? Tâm tu tướng hảo đầy đủ, cũng là nhiếp trong sơ kiếp. Tâm tu bốn thiện căn đầy đủ thì quyết định là chỗ nhiếp của Sơ kiếp, thành lập rộng điều này, như luận Đối Pháp quyển 11 sao. Quyển 48 ghi: “Có hai vô số đại kiếp: một là ngày đêm tính số thời gian vô lượng, cho nên gọi là vô số; hai là như trước đã nói, vượt qua tất cả toán số, gọi là vô số đại kiếp”. Hoặc nói kiếp trước là trải qua vô lượng vô số mới chứng Bồ-đề. Hoặc nói kiếp sau chỉ có ba vô số mới chứng Bồ-đề thì không vượt hơn số lượng này. Như kinh Anh lạc quyển hạ ghi: “Tám trăm dặm đá, áo của trời tịnh cư phất hết thì gọi là một đại tăng-kỳ kiếp”. Hoặc tinh tấn vượt lên, hoặc chuyển nhiều trung kiếp, hoặc có chuyển nhiều đại kiếp thì quyết định không có chuyển vô số đại kiếp, tức là chỗ siêu lượng trung kiếp của Thích-ca Bồ-tát. Số kiếp của một tiểu tam tai kiếp, Thích-ca Bồ-tát siêu vượt chín kiếp chỉ từ nhấc chân. Hoặc nói siêu vượt mười hai kiếp, vì báo tin nghe kệ của Tuyết sơn. Hoặc siêu vượt mười một kiếp, đem thân vào loài quỷ thú, như Biệt sao tổng hợp. Thời gian này lâu xa, chừng nào mới thành Phật? Ở trong mộng thì cho là nhiều năm, như Nhiếp luận nói rộng. Đây là chín Địa sau thì hoàn toàn đủ, Sơ địa

thì phần ít Tu đạo, tức là tụng thứ tư trong năm bài tụng nhiếp. Nhưng mười hai trụ trở về trước đều là nhân vị, Như Lai trụ tối cực thứ mười ba tức là cứu cánh đạo, thuộc Như Lai địa, tức là tụng thứ năm trong năm bài tụng nhiếp. Chỗ nhiếp của quả vị, đây là mười một trụ sau, dưới đây luận giải thích rộng, không trình bày xen vào ở đây.

Có sai biệt là Bồ-tát địa và kinh Thập Địa, dưới đây tự giải thích rộng. Hai trụ đầu tiên tuy luận có văn, nhưng không giải thích rộng hành tướng này. Ở đây nêu riêng hai trụ đó. Chủng tánh trụ tức là lấy tất cả Phật pháp và tất cả chủng tử Vô lậu làm thể, vì chưa khởi tâm thú hướng hiện hành Vô lậu và Hữu lậu, tức là chung với chủng tử của năm uẩn làm thể. Trong chánh trí của năm pháp, căn cứ theo ba tánh thì thuộc hai tánh Y tha và Viên thành thật, vì thường và vô thường, lậu và Vô lậu riêng khác. Trụ thứ hai thì lấy tất cả chủng tử Vô lậu của Phật pháp, Hữu lậu thì tùy thuận với tất cả công đức của hiện hành và chủng tử làm tánh, vì tâm khởi thuận các nẻo. Dẫn chứng các điều này, như trước đã nói. Chưa chứng Chân như, chỉ lấy hữu và vô làm thể. Thập trụ tiếp theo thì luận này lấy công đức Vô lậu của Hữu vi và Vô vi là tánh, vì đã chứng Chân như. Luận này cũng lấy tất cả công đức thuận các nẻo của thế gian chưa từng đắc làm thể. Ba mươi hai tướng không phải đều là Vô lậu, là chánh trí, phân biệt, Chân như và tướng làm thể, hai tánh như trước. Như Lai trụ lấy công đức Vô lậu của Hữu vi và Vô vi làm thể. Dưới đây trong mười Địa và ba thân sẽ tự giải thích.

Phân rõ sai biệt, là thắng giải hạnh trụ, đối với chỗ tác khởi tu hành của Bồ-tát thì nhỏ hẹp, có thiếu sót bất định, chỗ đắc có thoái chuyển. Cực hoan hỷ trụ thì chỗ tác khởi tu hành rộng lớn, không có thiếu sót quyết định, chỗ đắc không thoái chuyển. Cho đến ba thứ tăng thượng tuệ trụ cũng như thế, tức là hành tướng của sáu trước đều đồng. Từ vô tướng trụ thứ nhất tức là Địa thứ bảy, cho đến thành mãn Bồ-tát trụ chỗ tác khởi tu hành vô lượng, cho nên không có thiếu sót quyết định, chỗ đắc không có thoái chuyển. Lại nữa, thắng giải hạnh trụ thì đối với vô tướng mà tu phát thú, sáu Địa trở về trước đều đạt được. Địa thứ bảy thì viên chứng, Địa thứ tám thì thanh tịnh, Địa thứ chín và Địa thứ mười thì đối với vô tướng mà tu quả. Nên biết lãnh thọ được các công đức, cho đến nói rộng như các luận.

Nói bảy Địa, tức là sáu Bồ-tát địa ở trước và một Địa thứ bảy do chủng tánh Bồ-tát và Như Lai hợp chung lập làm Địa:

1. Chủng tánh Địa, tức là chủng tánh trụ.
2. Thắng giải hạnh Địa, tức là thắng giải hạnh trụ.

3. Tịnh thắng ý lạc Địa, tức là cực hỷ trụ.

4. Hành chánh hạnh Địa, tức là tăng cõi trên, cho đến hữu gia hạnh vô tướng trụ.

5. Quyết Định địa, tức là vô gia hạnh vô công dụng vô tướng trụ. Địa này là Bồ-tát bị đoạ trong ba quyết định.

6. Quyết định hạnh Địa, tức là vô ngại giải trụ.

7. Đáo cứu cánh Địa, tức là tối thượng thành mãn Bồ-tát và Như Lai trụ.

Đã biết Địa và trụ nhiếp lẫn nhau, Địa nhiếp năm bài tụng căn cứ theo trụ nên biết. Các nghĩa của những điều này, dưới đây đã giải thích rộng, khỏi nhọc nói xen vào.

Luận: "Thứ nhất tư lương vị, tướng nó như thế nào?"

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích. Nhưng ba câu hỏi trước, câu thứ nhất hỏi năng nhập nhân, từ đây trở xuống không giải thích, vì đã phân rõ sơ lược, cũng không phải trong bài tụng này. Địa vị chỗ nhập của nó là chỗ nhập pháp dụng, dưới đây giải thích riêng. Nhưng hai chủng này, mỗi chủng đều có năm thứ bất đồng, ý nghĩa thì đã đồng. Mỗi thứ đều hợp chung giải thích, tổng quát làm năm đoạn. Trong năm đoạn này không tạm phân khoa. Trong đoạn thứ nhất này có hai phần, một là hỏi, hai là đáp, đây là hỏi.

Luận: "Tụng nói rằng", đến "cũng chưa có thể phục diệt".

Thuật rằng: Đây là đáp. Trước hết nêu tụng, sau đó là giải thích. Dưới đây lần lượt vấn nạn và giải thích, chỗ dễ không cần nói.

Luận: "Từ phát khởi sâu chắc", đến "thuộc tư lương vị".

Thuật rằng: Đây là giải thích vị thứ nhất, phân tích ngọn nguồn. Trong đó có hai phần:

1. Giải thích văn tụng.

2. Vị này chưa chứng Duy thức Chân như trở xuống, hiển vị tu hành.

Trong đó lại có hai đoạn:

1. Giải thích sơ lược văn tụng.

2. Nói rộng hai thủ và tùy miên, tức là hai chướng.

Trong đoạn thứ nhất lại có hai đoạn:

1. Giải thích hai câu đầu.

2. Giải thích hai câu dới.

Văn đó đến sau sẽ biết. Nhiếp luận ghi: "Thanh tịnh, tăng thượng lực và tâm kiên cố thắng tấn, gọi là Bồ-tát mới tu vô số ba đại kiếp. Đại Bồ-đề tâm lấy thiện căn làm tự thể, lấy đại nguyện làm duyên không

thoái chuyển, để làm sự sách tấn mới có thể phát khởi, cho nên thiện căn lực gọi là thanh Tĩnh lực, là nhân, vì có thể hàng phục chỗ đối trị. Đại nguyện lực gọi là tăng thượng lực, là duyên, vì thường gặp bạn tốt cho nên tâm kiến cố thăng tiến. Tuy gặp bạn ác phương tiện phá hoại, rốt cuộc cũng xả bỏ tâm đại Bồ-đề, chỗ tu pháp thiện vận chuyển tăng trưởng, tâm đại Bồ-đề kiên cố không thoái chuyển, đồng với xứ này gọi là ban đầu của sơ kiếp. Luận này nói thâm, tức là thanh Tĩnh lực và tăng thượng lực. Nói cố tức là tâm kiên cố thắng tấn, thâm cố tức là tâm đại Bồ-đề. Nói Duy thức chân Thắng nghĩa tánh là lựa riêng với ba thứ Thắng nghĩa ở trước không phải Thắng nghĩa của Thắng nghĩa, tức là Chân như. Thức thuận với Quyết trạch vị tác khởi Duy thức quán để cầu trụ Duy thức chân Thắng nghĩa tánh. Vị này chưa có thể phục trừ thức tướng, chưa gọi là cầu trụ Chân tánh Duy thức. Bốn mươi tâm của Địa tiền là vị này. Nhưng các vị kia từ trước đến nay, hoặc là tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn hoặc là mười ngàn kiếp chưa nhập vị này thì chưa gọi là thanh tịnh tăng thượng lực, vì tâm kiên cố chưa được thăng tiến. Đây là đạo vị thứ nhất đã phân tích, giải thích hai câu trên của bài tụng đã xong. Sau đây sẽ giải thích tên gọi.

Luận: “Là thú hướng vô thượng”, đến “thắng tư lương”.

Thuật rằng: Trước hết giải thích tên gọi tư lương, mong Bồ-đề làm hiệu, là sơ vị của nhân Bồ-đề. Lương thực giúp ích cho thân mình mới đạt đến kết quả kia, cho nên gọi là tư lương, đây là y theo tự lợi mà giải thích. Vì muốn ra khỏi sinh tử đắc đại trí, cho nên mong cầu Bồ-đề. Nhưng trong Tăng thượng duyên của Địa thứ bảy sau cùng ở trước, giải thích tư lương vị cũng có vị tri, đương tri căn, nói: “Người hay gần với sự trợ giúp thì phát sinh Địa vị căn bản, người tu hành từ lâu xa thì lân cận là tên”. Đây là nói mới tu hành có nhiều cầu mong quả, cũng không trái nhau.

Luận: “Là hữu tình cho nên”, đến “thuận giải thoát phần”.

Thuật rằng: Tiếp theo giải thích tên gọi thuận giải thoát phần. Là hữu tình cho nên cầu giải thoát, mong Niết-bàn làm nhân. Niết-bàn gọi là giải thoát, chỗ đàm luận như thường. Cần cầu đối với các hạnh kia đây không trái nhau cho nên gọi là thuận. Phần là nhân, là chi. Kia thuận theo Quyết Trạch phần mà nói là phần, Quyết trạch là phần, tức là Trạch pháp giác phần, chữ phần có nghĩa là phân ra phần chi nhánh. Vì thuận theo chi phần của Quyết trạch kia, cho nên gọi là thuận quyết trạch phần. Ở đây nói phần, có nghĩa là chi nhánh của nhân, là nhân của giải thoát, là một chi của nhân cho nên gọi là phần, thuận theo thể

là phần. Thuận theo chi phần của giải thoát kia, cho nên gọi là thuận giải thoát phần. Đây là nương vào lợi tha mà làm nhân, vì độ hữu tình mà cầu giải thoát, nhưng cầu Bồ-đề thì nghĩa lợi tha hiển bày, siêng cần hướng đến giải thoát thì nghĩa tự lợi tăng. Nhưng đối với Bồ-đề cũng có bàn về tự lợi, Niết-bàn thì đưa đến nghĩa lợi tha, bởi vì muốn lấy Niết-bàn kia để hiển Bồ-đề này cũng lợi cho hữu tình, lấy Bồ-đề này để hiển Niết-bàn kia cũng có thể tự lợi, vì văn ảnh hưởng nghĩa này thông suốt nghĩa kia.

Hỏi: Tại sao phần của giải thoát phần tức là thuận, phần của Quyết Trạch phần thì thể không phải thuận?

Đáp: Thể của Quyết trạch là Hữu vi, chọn lựa thể tức là phần, vì thể tức là phần. Thể của Niết-bàn là Vô vi, giải thoát thể không phải là phần, vì thể không phải một hay nhiều. Lại nữa, giải thích giải thoát tức là thắng giải tâm sở, duyên vào giải thoát mà giải thoát khổ thì gọi là giải thoát, cảnh ấn tượng trong nhân mà đặt tên, gọi là thắng giải, ở tại quả thoát khổ làm nhân cho nên gọi là giải thoát. Y theo giải thích này thì giải thoát tức là phần, gọi là giải thoát phần. Nghĩa chữ phần không phải là thuận, cùng với Quyết Trạch phần đồng nhau. Nhưng giải thoát kia thì mong tuệ để làm tên, Quyết trạch này thì mong thắng giải để làm hiệu. Giải thích này không có các vấn nạn trước. Từ trên đến tuy nêu ra vị và thể để phân tích, nhưng giải thích vị và hai tên thì không đồng. Tóm lại là giải thích tư lương vị đã xong, dưới đây là giải thích thời gian dần dần ngộ nhập Duy thức, thời gian dần dần của vị thứ nhất. Giải thích hai câu dưới của tụng.

Luận: “Vị này thì Bồ-tát”, đến “tu Bồ-tát hạnh”.

Thuật rằng: Ở đây nêu ra bốn lực, Nhiếp luận quyển 6 ghi: “Ai có thể ngộ nhập trong đó? Đại thừa nhiều văn huân tập tương tục”. Đây là nhân lực, lựa riêng với Nhị thừa chủng tánh nhiều văn, tức là chỗ nói bản tánh trụ chủng tánh và tập sở thành chủng tánh ở trước. Luận kia ghi: “Đã được gặp sự thì vô lượng chư Phật xuất hiện nơi đời”, tức là thiện hữu lực. Luận kia ghi: “Đã đắc quyết định thắng giải từ xưa đến nay”. Không phải bị các bạn ác làm dao động và phá hoại thì gọi là tác ý lực. Luận kia ghi: “Vì đã khéo tích tập các thiện căn”. Khéo tu phước trí tư lương Bồ-tát, gọi là tư lương lực. Từ chỗ nói ba nhân của Vô gián ở trước, đã khéo tích tập các thiện căn, Thế Thân nói: “Lực thứ nhất là nhân, lực thứ hai là duyên, lực thứ ba là năng tu chánh hạnh, lực thứ tư là do tích tập thiện căn gọi là tư lương Bồ-tát”. Như vậy gọi là do tác ý lực, khéo tu hai thứ phước và trí tư lương, có thể nhập Địa thì gọi là y

trì lực. Bốn lực này mong Nhị thừa tánh, bạn ác duyên và tâm mặc tình, tư lương dưới đây đều là thù thắng cho nên gọi là bốn thắng lực. Vị này nương vào bốn lực này, đối với Duy thức có tin hiểu sâu, nhưng chưa có thể hiểu rõ hai thủ đều là Không, tất cả đều trụ theo sự tướng, tán tâm hành các thô hạnh, gọi là trụ ngoại môn tu Bồ-tát hạnh.

Hỏi: Bài tụng phẩm trụ của kinh Hoa Nghiêm ghi: "Sinh thứ tư là chân quý Phật tử, từ chánh pháp của chư hiền thánh sinh, không có nhiễm trước các pháp hữu vô, xả bỏ sinh tử ra khỏi ba cõi". Cũng kinh này quyển 10 lại giải thích thập trụ sơ tâm Bồ-tát, các trụ còn lại cũng như thế. Tụng ghi: "Diệu pháp thân thanh tịnh, ứng hiện các thứ hình, cũng như đại huyễn sư, chỗ thích đều hiện rõ. Hoặc có nơi làm Bồ-tát hạnh cứu cánh của chúng sinh, hoặc lại hiện thân mới sinh, hạnh xuất gia học đạo, hoặc dưới gốc cây thọ vương, tự nhiên thành Chánh giác, hoặc có nơi làm chúng sinh, thị hiện nhập Nê-hoàn". Tại sao văn này nói phần nhiều là trụ ngoại tu Bồ-tát hạnh?

Đáp: Đây là trụ thứ tư Bồ-tát, tác khởi mười thứ quán pháp. Quán thứ bảy là quán nghiệp, thứ tám là quán quả, hàng phục các triền phược hiện tại. Không nương vào chỗ có vô minh của kiến đạo, càng tạo ác nghiệp khiến cho quả đời sau dấy khởi, gọi là xả bỏ sinh tử ra khỏi ba cõi, quyết định sẽ có thể ra khỏi, nhưng không phải lúc đã ra khỏi, đây là nương vào ngoại môn để tu Bồ-tát hạnh cũng không trái nghịch. Lại nữa, Thập trụ Bồ-tát này, cũng có phần ít nương vào Hữu lậu, quyết định có thể hiện ra tám tướng độ thoát hữu tình. Lấy Thập trụ trong Sơ Phát tâm Trụ, phân ra đắc mười lực tu học mười pháp. Pháp thứ mười là vì chúng sinh khổ mà làm chỗ quy y. Từ trụ này trở đi, các hàng Bồ-tát kia lần lượt tăng thắng có thể hành tám tướng, nhưng phần nhiều là khởi tánh hạnh, phần ít thì có thể nhập định khởi quán Chân như, gọi là Đa trụ ngoại môn, cũng không trái nghịch.

Luận: "Cho nên đối với hai thủ", đến "hai thủ hiện hành".

Thuật rằng: Do sự này cho nên hai thủ hiện hành làm năng huân tập chỗ dẫn tùy miên, cũng chưa có thể phục diệt lực của hai thứ tùy miên này, để khiến cho vị kia không khởi hiện hành hai thủ.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm quyển 10 trong giải thích Thập trụ Bồ-tát ghi: "Trừ diệt các phiền não, vĩnh viễn không còn sót, vô ngại tịch diệt quán, là Chánh pháp của Phật". Tại sao kinh này nói chưa hàng phục hai thủ?

Đáp: Đó là y theo chỗ khởi bất cộng vô minh làm bạn với phiền não của nhân tà giáo và tà sư mà nói dứt hết, không phải dứt hết tất cả

tự phân biệt sinh phiền não và câu sinh phiền não. Lại nữa, nói công lực của Phật pháp có thể diệt tất cả phiền não, thập trụ vị đã có thể diệt tất cả phiền não. Dưới đây văn của luận này rằng tư lương đạo, đối với phiền não hai thủ tuy dần dần phục diệt, nhưng chưa hoàn toàn phục diệt hết. Kinh Duyên Khởi ghi: “Nội pháp dị sinh bất phóng dật, Ta không nói là vô minh duyên hành”. Nhân theo tự phân biệt bất cộng và tương ưng vô minh kiến đạo mà vị này có thể chế phục được. Luận này nói không chế phục được, là nói chỗ khởi của nhân tà giáo và toàn phần của các câu sinh mà làm luận. Lại nữa, chỉ nói tổng quát, phần nhiều có thể gọi là đã chế phục, phần ít là chưa. Văn của luận dưới đây ghi: “Gia hạnh vị mới chế phục hai thủ của phân biệt, vì nhân tà giáo nơi tư lương vị cũng có dấy khởi”. Luận Du-già ghi: “Thắng giải hạnh Bồ-tát đối với ba chỗ quên mất cũng có khởi phiền não, hoặc có khi xả bỏ giới luật, chỗ thuyết pháp như trong tối bắn cung, hoặc trúng hoặc không trúng”, cho nên tự phân biệt trong vị này phiền não chưa hết, tiếp theo chánh giải thích hai câu dưới của tụng.

Luận: “Hai chữ thủ này”, đến “tánh của sở thủ”.

Thuật rằng: Luận nói hai chữ thủ là để hiển thủ của hai thủ, không phải là tên của hai thủ. Nhưng chỉ có hai thủ gọi là hai thủ, có phi chấp hai thủ chủng, lẽ nào cũng chế phục hay sao? Lại nữa, các Tướng phần không phải có thể chế phục được, cho nên chấp thủ của hai thủ là thật có, mới gọi là hai thủ.

Luận: “Tập khí của hai thủ”, đến “phiền não chướng chủng”.

Thuật rằng: chủng của hai tình thủ gọi là hai thủ. Tùy miên là nghĩa gì? Tùy theo hữu tình trong sinh tử, núp ngủ trong tàng thức không hiện ở chỗ khác, cho nên gọi là tùy miên. Hoặc tùy theo tăng thêm lỗi, cho nên gọi là tùy miên. Hoặc tùy theo hữu tình tăng thêm nhiều lỗi cho nên gọi là tùy miên.

Hỏi: Tại sao miên có nghĩa là tăng thêm?

Đáp: Như người thèm thuồng thì nước dãi trong miệng chảy ra (miên miên) nhiều lên, do đó tội lỗi tăng thêm, là nghĩa tùy miên. Nghĩa trước là tánh làm rõ danh, nghĩa sau thì theo ví dụ làm nhân, khác với Tát-bà-đa. Như Biệt sao thì tức là chủng tử của hai chướng.

Luận: “Phiền não chướng”, đến “các tùy phiền não”.

Thuật rằng: Trên giải thích bài tụng này đã xong, dưới đây là giải thích thứ hai. Trong hai chướng có năm đoạn:

1. Nêu thể giải thích tên gọi.

2. Phân biệt kiến và tu.

3. Phỏng theo người mà phân biệt.

4. Phỏng theo Hữu lậu Đạo, Vô lậu đạo, phục và đoạn mà phân biệt.

5. Tổng kết trở về văn tụng.

Thứ nhất giải thích thể, sau đó giải thích tên gọi trong phiền não chướng. Lấy Tát-ca-da kiến làm đầu, từ ngã kiến làm gốc sinh ra các phiền não. Hoặc ngã kiến không có phiền não tùy đoạn thì nghĩa của Kiến đoạn và Tu đoạn cũng như thế. Hoặc là tuy trừ trước hoặc của sở sinh, ngã kiến chưa diệt cứu cánh tận vị, là do ngã Kiến đoạn thì các pháp khác mới đoạn hết. Đây là y theo chín phẩm tuy có đoạn riêng, nhưng khi đoạn tám phẩm thì không đoạn ngã kiến, đó là lấy phiền não đoạn trước mà nói, vì ngã kiến không có số phẩm, phải hoàn toàn lìa dục mới đoạn. Lại nữa, đã giải thích là sở sinh hoặc có nhiều phẩm số, kiến có thể sinh định, nhưng cũng có chín phẩm, tức là tùy theo lìa chín phẩm dục, mà ngã kiến dần dần đoạn. Khi căn bản đoạn thì các pháp khác cũng tùy theo đoạn. Trong đây không nói ngã kiến mà nói Tát-ca-da kiến, hoặc nói ngã kiến không nhiếp ngã sở. Tiếng Phạm Một-lợi-đạt-duệ-sắc-trí, ở đây gọi là ngã kiến. Tiếng Phạm Tát-ca-da, ở đây gọi là bất thật di chuyển thân kiến, tức là nhiếp ngã sở, vì hiển trong đây nhiếp ngã sở cho nên nói Tát-ca-da. Trong một trăm hai mươi tám căn bản phiền não thì chỗ đoạn cõi Dục của kiến đạo là bốn mươi, các giới trên mỗi giới là ba mươi sáu và gồm luôn Tu đạo mười sáu, tổng cộng một trăm hai mươi tám thứ. Cùng với các tùy phiền não Đẳng lưu của nó là hai mươi thứ, hoặc nhiều hơn nữa như chỗ dẫn Nhiếp sự phần ở trước đã nói, đây là nêu ra tự thể tánh. Hoặc quyến thuộc và năm uẩn của tâm tâm sở làm tánh, Thập Địa quyển 7 ghi: "Nếu chỗ Phát nghiệp và chỗ đắc quả này đều nhiếp trong đó thì đều lấy phiền não làm căn bản". Luận đó thông với quyến thuộc xa, đều mượn gọi là chướng. Luận này căn cứ theo tự tánh chướng, tức là không lấy nghiệp và quả. Nếu không như thế thì chỗ phát của vô minh chiêu cảm ba nghiệp thiện, và quả đáng lẽ là nhiễm tánh, đáng lẽ là chướng thể. Đã không như thế cho nên văn của luận này là thù thắng. Trong Sở tri chướng có năm phần:

1. Nêu thể tánh.

2. Giải thích tên gọi.

3. Phân biệt tám thức, nhân đó phá hai chấp.

4. Phân biệt ba tánh, cũng ngăn trách kế chấp bên ngoài.

5. Giải thích người ngoài vấn nạn.

Luận: "Sở tri chướng", đến "ái khuể mạn".

Thuật rằng: Một là nêu thể tánh, cũng lấy pháp ngã chấp và ngã sở chấp làm đầu sinh ra các pháp khác. Như quyển thứ nhất trước giải thích. Kiến, nghi, vô minh, ái, khuể và mạn là nêu ra thể tánh. Ở đây tâm sở đầu tiên cũng cùng với phiền não chướng đồng nhau, hoặc phiền não chướng đều chắc chắn có Sở tri chướng. Nhưng phiền não thì thô và có nhiều phẩm loại, cho nên dễ biết rõ. Chỗ đoạn của Nhị thừa chỉ là tánh hữu Phú Bất thiện cho nên lấy tâm sở để hiển tóm quát. Sở tri chướng của luận này thì vi tế và không có nhiều phẩm loại, rất khó hiểu rõ, chỉ có Bồ-tát đoạn trừ, cũng là chỗ nhiếp của Dị thục Vô ký, cho nên không hiển tâm sở. Thật ra pháp chấp không có lìa vô minh cho nên chắc chắn là có tâm sở. Lại nữa, để hiển vô minh của pháp chấp, trong năm Trụ địa chỉ có một trụ nhiếp, chướng trước thì bốn Trụ địa nhiếp, cho nên không hiển tâm sở. Nếu như thế tại sao không nói các tùy phiền não? Đã nói đẳng thủ tùy hoặc của mạn... luận Phật Địa cũng đồng, đây là nêu ra tự thể tánh. Hoặc quyến thuộc, Phật Địa ghi: "Các tâm, tâm sở, sở phát nghiệp và sở đắc quả đều nhiếp trong đó, vì đều lấy vô minh pháp chấp làm căn bản". Quả trong đây là quả Đẳng lưu, quả tăng thượng và quả Sĩ dụng, trừ quả Dị thục vì không chiêu cảm kế chấp. Thế nào gọi là Sở tri chướng?

Luận: "Che lấp cảnh Sở tri", đến "gọi là Sở tri chướng".

Thuật rằng: Hai là giải thích tên gọi. Sở tri cảnh là Hữu vi và Vô vi, không có tánh điên đảo. Do che lấp cảnh này khiến cho trí không sinh, có thể chướng Bồ-đề cho nên gọi là Sở tri chướng. Đây là giải thích tên gọi, do mong cảnh Sở tri mà được tên, dưới đây trong chuyển y sẽ tự giải thích. Phiền não của phiền não chướng trước tức là chướng, Sở tri chướng này thì Sở tri chướng. Chướng trước thì lấy thể làm rõ tên gọi - Trì nghiệp thích, chướng sau cũng gọi là Sở chướng thọ - Y sĩ thích.

Luận: "Sở tri chướng này", đến "vì nó vi tế yếu kém".

Thuật rằng: Ba là phân biệt tám thức, nhân đó mà phá chấp bên ngoài. Thức thứ tám gọi là Dị thục thức. Lấy pháp gì làm không đồng thời? Dị thục thức đó vi tế yếu kém, pháp chấp này mong chướng thô kia mới được mạnh. Chướng này là năng huân cho nên không phải chướng kia. Các sư An Tuệ chấp tâm của ba tánh đều là chấp hữu pháp, thức này chỉ có Dị thục, cho nên trong tánh Dị thục mà phá.

Luận: "Vì không cùng với tuệ của vô minh tương ưng".

Thuật rằng: Các luận chỉ nói Thức thứ tám này chỉ có năm tâm sở đồng thời, pháp chấp thì tuệ và vô minh đồng thời. Tuệ có thể tính toán độ lượng, vô minh thì mê. Luận Phật Địa ghi: "Có nghĩa pháp chấp và

vô minh, khắp ba tánh”. Tâm Hữu lậu phẩm và tâm Vô lậu phẩm của Nhị thừa đều không liễu đạt pháp Vô ngã, vì đều là tợ Tướng phần và tợ Kiến phần dấy khởi, như quyển trước đã nói. Trong chương này thì không có. Nhưng sư Hộ Pháp thì ẩn sự ngăn trách kế chấp kia. Nếu nói pháp chấp thì dựa vào pháp gì mà tuệ đồng thời?

Luận: “Pháp không trí phẩm đồng thời khởi”.

Thuật rằng: Bồ-tát pháp không trí phẩm, thừa nhận cùng với Thức thứ tám này đồng thời khởi. Thức thứ bảy thì có pháp chấp, pháp không trí phát khởi thì liền không hiện hành. Hữu pháp chấp của Thức thứ tám, khi pháp không trí phát khởi thì thứcnày đáng lẽ phải diệt? Đã có tám thức hiện hành cùng với Thức thứ tám đồng thời khởi, cho nên quyết định biết Thức thứ tám không có pháp chấp đồng thời khởi. Lượng rằng: “Thức thứ tám quyết định không phải pháp chấp phẩm, vì pháp không quán phẩm cùng đồng thời khởi, như Thức thứ tám của Phật. Nếu nói pháp không quán khởi trong nhân thì Thức thứ tám thừa nhận là đoạn, tức là pháp Vô lậu không có sở huân thì lấy gì để thành Phật! Không thể nói huân vào đại viên cảnh trí đồng thời với thức, vì không phải Vô ký, cũng như chưa đắc! Dị thục thứ tám thức đã như thế, các Dị thục thức khác cũng như thế”. Nhưng Thức thứ bảy ở đây tổng hợp làm pháp, lại nữa dưới đây Dị thục tâm thừa nhận là pháp chấp, không thể đặt ví dụ. Đối với luận Phật Địa thì luận này thù thắng hơn.

Luận: “Trong bảy Chuyển thức”, đến “như nói phiền não”.

Thuật rằng: Vì không lìa phiền não mà riêng khởi chấp, cho nên tâm sở và phiền não của nó đồng nhau. Trong Thức thứ bảy thì căn bản phiền não có bốn pháp, tùy hoặc có tám pháp và biệt cảnh tuệ có mười ba pháp, Thức thứ sáu thì có tất cả. Năm thức thì căn bản có ba, tùy hoặc có mười và cùng với mười ba pháp đó đồng thời khởi. Tại sao năm thức không có kiến và nghi.

Luận: “Nhãn... năm thức”, đến “đều được dẫn khởi”.

Thuật rằng: Vì không có kế độ phân biệt, cho nên pháp kiến và nghi quyết định không tương ưng. Chữ “đẳng” có ý là đồng lấy các hoặc trong tùy phiền não, vì nó cùng với năm thức này không đồng thời khởi, tức là mười pháp phẫn... toàn phần và mười pháp ít phần còn lại. Chỗ sinh của kế độ phân biệt thì năm thức đều không có, không phải không có các hoặc của kiến đạo sở đoạn, gọi là vô phân biệt. Ngay trong kiến đạo không có duyên tà hữu và tà sư, vì tự phân biệt các hoặc. Nhưng thật ra không phải không có Ý thức dẫn khởi các Hoặc của kiến đạo, gọi là vô phân biệt. Luận Đối Pháp ghi: “vô phân biệt khởi là kiến đạo

đoạn”, là đã thừa nhận hoặc trong năm thức thông với kiến đạo đoạn, là hoặc của hữu phân biệt. Nhưng nó không phải tự lực sinh, vì làm chỗ dẫn sinh của Ý thức, cho nên luận ghi: “Ngoài ra do lực của Ý thức đều được dẫn khởi”. Chữ “ngoài ra” là chỉ cho kiến và nghi còn lại. Luận Phật Địa ghi: “Năm thức tuy không có kiến... nhưng do Ý thức dẫn mà có chỗ nhiếp của phi kiến, ái khuể... khởi là chỗ nhiếp của hai chướng. Ở đây có ý nói, thêm tự lực phân biệt hoặc còn lại của nó để ngăn trách kế chấp bên ngoài, hoặc trong năm thức chỉ có Tu đạo mới đoạn.

Luận: “Chướng này chỉ cùng với”, đến “tánh Vô ký”.

Thuật rằng: Bốn là phân biệt ba tánh ngăn trách ngoại kế môn. Luận Du-già quyển 59 ghi: “Phiền não của cõi Dục một phần là Bất thiện, cùng với hai giới còn lại là Vô ký”, tức là vô minh chỉ thông với Bất thiện và Vô ký, không nói thông với thiện. Tại sao nói trong tâm thiện có pháp chấp? Vì pháp chấp thì chắc chắn có vô minh đồng thời. Luận Đối Pháp quyển 4 cũng ghi: “Phiền não của cõi Dục có thể phát sinh ác hạnh”, còn lại là Hữu phú. Tại sao lại nói vô minh thông với thiện? Hoặc luận họ chống chế rằng, sinh tử Hữu lậu đều là Bất thiện nhiếp, cho nên chắc chắn có vô minh.

Luận: “Vì si và vô si không tương ưng”.

Thuật rằng: Nếu như thế thì tâm thiện đã có vô si. Đây là chấp có si, vì si và vô si không tương ưng. Tại sao có thể nói thiện với Bất thiện, si với vô si quyết định không tương ưng? Vì là pháp tương vi, như tham và vô tham, không thể nói hai thứ tâm chấp này không có vô minh đồng thời. Như tâm chấp và vô minh đồng thời của người, là người kia lại có chấp trong Thức thứ bảy, chỉ có ngã chấp mà không có pháp chấp. Như quyển 5 trước đã giải thích. Kinh Anh lạc ghi: “Tâm thiện mà có thiện là nghĩa của ngoại đạo”. Đây là ngăn trách ý nghĩa trên, nhân đó giải thích rộng hẹp của hai chướng.

Luận: “Trong phiền não chướng”, đến “làm sở y”.

Thuật rằng: Chắc chắn là có chấp này trong phiền não chướng, vì thể của pháp chấp rộng, phiền não chướng thì hẹp. Luận kia quyết định dùng chấp này làm sở y.

Hỏi: Tại sao dùng chấp này làm sở y?

Đáp: Thông với sở duyên thô tế của phiền não thì chắc chắn là pháp chấp này. Phiền não kia chỉ là thô, khi có pháp chấp thì chắc chắn không có phiền não kia. Kinh Thắng Man ghi: “Thế Tôn đối với pháp chấp này khởi phiền não từng sát-na tâm tương ưng, cho đến nếu lại vượt qua hằng sa số pháp chỗ nên đoạn của Như Lai Bồ-đề trí. Tất cả

đều là chỗ trì và chỗ kiến lập của Vô minh trụ địa, như các chủng tử đều y theo Địa này mà sinh kiến lập tăng trưởng. Nếu Địa hoại thì các pháp kia cũng tùy theo hoại, nếu Vô minh trụ địa đoạn thì các pháp chỗ nên đoạn cũng tùy theo mà đoạn". Kinh Anh Lạc quyển hạ nói cũng đồng với kinh này.

Do đây hỏi rằng: Nếu có phiền não chướng thì đều có Sở tri chướng hay sao?

Nên thuận theo câu trước mà đáp: Nếu phiền não chướng thì quyết định có Sở tri chướng. Nếu như thế thì chắc chắn đồng thời, đáng lẽ thể của hai chướng mỗi mỗi đều riêng khác, thể hai chướng của Thức thứ bảy thì đồng thời, vì là hai chấp, như dụng của hai chấp.

Luận: "Thể tuy không khác, nhưng dụng thì có khác".

Thuật rằng: Thể không trái nhau thì có thể chỉ có một thể. Nghĩa của dụng là phần, cho nên có thể nói là có khác. Đồng một chủng sinh ra dụng phần thì thành hai, như một thức nắm lấy cảnh thì dụng nhiều.

Luận: "Cho nên hai tùy miên", đến "đoạn hoặc trước hoặc sau".

Thuật rằng: Hai chướng trong đây tùy theo ba Thừa Thánh đạo mà hơn và kém. Đoạn hoặc là trước hoặc là sau, hoặc mong hành tướng tương đối của hai chướng, tức là thô phiền não chướng và tế Sở tri chướng. Hoặc mong Thánh đạo đoạn, tức là bất định. Hoặc có loại trước hết đoạn phiền não chướng không đoạn Sở tri chướng, như Nhị thừa cầu Niết-bàn. Hoặc có loại trước hết đoạn Sở tri chướng không phiền não chướng, như Thập Địa Bồ-tát trụ Sơ địa và xuất Sơ địa. Đây là y theo chủng tử mà nói, không y theo sự thô trọng, vì hướng đến Tất cả trí. Hoặc có loại cũng đoạn cả hai phiền não chướng và Sở tri chướng, gọi là nhập Sơ địa Kim cương tâm Bồ-tát. Đây là y theo chủng tử mà nói, nếu y theo thô trọng thì Thập Địa đều đã đắc. Vì đắc hai quả, cho nên cần phải song đoạn cả hai. Câu phi gọi là các pháp dị sinh, vì không đoạn hai chướng thô trọng và chủng tử. Trên là do không nhất định là trước hay là sau cho nên nói "hoặc là". Chủng tử tùy theo thể nhất và thể dị của hiện hành. Tự loại và chín Địa trong phiền não chướng có thể có thô và tế, trước hết đoạn thô, sau đó đoạn tế. Sở tri chướng của nó không thể y theo Địa mà lập phẩm số, chỉ y theo sở chướng mà phân rõ thô tế của năng chướng. Có Tu đạo đoạn của Sơ địa là Sở tri chướng của Hữu đảnh, nhưng dục thì chưa hết. Địa thứ hai cũng lại như vậy, không thể y theo Địa mà lập phẩm loại. Chỉ do Thánh đạo cho nên lại nói "hoặc là".

Hỏi: Những thứ này đã là Vô ký, pháp nào là Vô ký nhiếp?

Luận: “Pháp này đối với Vô phú”, đến “chướng Đại Bồ-đề”.

Thuật rằng: Còn lại thế lực của ba pháp Vô ký mỏng yếu không thể che lấp Sở tri, không chướng Bồ-đề. Nếu thế lực của Dị thục sinh dày mạnh, làm chỗ khởi chung cho Ý thức sinh kế độ phân biệt, có thể che lấp Sở tri, chướng Bồ-đề. Từ Dị thục mà khởi thì gọi là Dị thục sinh, không phải là nghiệp quả. Tuy cùng với Bất thiện và Hữu phú đồng thời, nhưng không chướng Nhị thừa, chỉ gọi là Vô phú.

Luận: “Pháp này gọi là Vô phú”, đến “cũng là Hữu phú”.

Thuật rằng: Vì không che lấp chuyển y của Nhị thừa, vì Nhị thừa vô học có thể hiện hành, không phải nói Vô học của Nhị thừa nhiễm hiện hành cho nên gọi là Vô phú, hoặc mong Bồ-tát thì cũng là Hữu phú, vì che lấp cảnh Sở tri, chướng Bồ-đề. Cũng là Nhị thừa kia nhiếp chung với Vô phú, cho nên đối với Bồ-tát mà có chữ “cũng”. Nhưng trong phá kế chấp của luận Phật Địa ghi: “Có chấp thì không thể dẫn khởi Không trí kia, Dị thục tâm thì không phải là sở huân, năng biến kế thì chỉ có Ý thức”. Như quyển trước trong Biến kế đã giải thích, trong luận này không nói. Luận Phật Địa ghi: “Sư trước vấn nạn rằng: Nếu thiện và Vô phú không có pháp chấp thì tại sao không thể liễu đạt pháp không? sư sau hỏi vặn: Cũng không có ngã chấp thì tại sao không thể liễu đạt sinh Không?”sư kia nói nhân chấp (chấp người) đồng thời của Thức thứ bảy, sư này nói ngã cũng như thế, vì pháp chấp đồng thời của Thức thứ bảy. Hai câu vấn nạn đã đồng nhau. Nhưng sư trước không thừa nhận trong Thức thứ bảy có pháp chấp thì không đúng, vì trái với tự tỷ lượng. Hai câu vấn nạn pháp không và Ngã không đã có Tướng phần và Kiến phần, tại sao không phải là chấp? Như quyển trước đã giải thích. Đây là tổng kết ba tánh của phần thứ tư, phá kế chấp phân biệt đã xong. Từ đây xuống là phần thứ năm, giải thích các điều trái nhau.

Luận: “Hoặc Sở tri chướng”, đến “Vô minh trụ địa”.

Thuật rằng: Năm là người ngoài vấn nạn.

Hỏi: Kinh nói chỗ nào?

Đáp: Là kinh Thắng Man nói, không y theo kinh Anh Lạc, vì không phải cực thành, là phần đoạn sinh tử. Nói Ngã sinh của A-la-hán đã tận, đắc quả hữu dư, chứng danh phạm hạnh đã lập, phàm phu trời người và bảy thứ học nhân không thể phân rõ danh, sở tác thì đã phân rõ. Chỗ đoạn phiền não thì lại không thọ hậu hữu, gọi là bất thọ hậu hữu, không phải dứt hết tất cả phiền não, tất cả thọ sinh nói là bất thọ hậu hữu, vì có Vô minh trụ địa và sinh tử biến dịch. Phiền não có hai, là Trụ địa phiền não và khởi phiền não. Trụ địa phiền não có bốn thứ:

1. Kiến nhất xứ Trụ địa.

2. Sắc ái Trụ địa.

3. Hữu ái Trụ địa.

4. Khởi vô thỉ Vô minh trụ địa.

Các Trụ địa này là sở y của tất cả phiền não trên. Hoặc chủng tử của phiền não, so với Vô minh trụ địa thì tính toán ví dụ không thể bì kịp.

Hỏi: Trong Năm Trụ địa thì lực của Vô minh trụ địa rất lớn, hằng sa số phiền não trên nương tựa, cũng khiến cho bốn thứ phiền não trụ lâu dài, trí của Nhị thừa không thể đoạn, chỉ có Như Lai trí mới có thể đoạn, tức là chủng tử của vô minh cũng nói là chủng loại, tức là chủng loại của năm môn lấy làm chủng loại của vô minh, tức là thông với kiến... Tại sao kinh đó chỉ nói vô minh làm Sở tri chướng?

Luận: "Vì vô minh tăng", đến "không phải không có kiến...".

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp. Trụ địa vô minh này tăng, cho nên tổng lập vô minh, không phải không có kiến... và các phiền não còn lại.

Hỏi: Tại sao gọi là tăng?

Đáp:

1. Thể tăng, tuy các phiền não còn lại có câu và bất câu, nhưng vô minh đều có làm chướng này. Như Nhị thừa vô học, không phải chắc chắn có các phiền não còn lại đồng thời.

2. Dụng tăng, là mê tất cả cảnh, chướng tất cả trí, khiến cho đắc Phật quả, không phải như phiền não.

3. Nan đoạn tăng, phải thượng thượng đạo mới có thể đoạn, cho nên gọi là tăng.

Luận: "Như chủng tử của phiền não", đến "mạn và vô minh".

Thuật rằng: Đây là đem ví dụ để giải thích. Như chủng tử của phiền não thì kiến đạo và Tu đạo đều có, nhưng phân biệt khởi thì lập tên kiến nhất xứ, lẽ nào trong phân biệt lại không có tham! Trong Tu đạo chỉ nói đối với ái, lẽ nào không có sân! Nhưng trong phân biệt khởi thứ nhất chỉ có kiến, trong Tu đạo sau thì chỉ nói ái. Đã kiến sở đoạn thì kiến lực thiên một bên mà tăng, đứng đầu trong phân biệt. Tu sở đoạn thì ái lực thiên một bên mà tăng, vì là nhuận sinh hoặc, vì pháp chấp Trụ địa vô minh lực tăng, nhưng chỉ nói vô minh, không phải là không có các pháp khác. Trong năm trụ này:

1. Trụ thứ nhất chỉ có kiến đạo là chỗ đoạn phiền não chướng.

2. Ba trụ kế tiếp Tu đạo là chỗ đoạn phiền não chướng.

3. Một trụ sau cùng kiến đạo và Tu đạo là chỗ đoạn Sở tri chướng.

Trong phần thứ nhất thì mê đế lý là thù thắng, chữ nhất xứ là nói đoạn một chỗ. Trong phần thứ hai là ba hữu phẩm, mê sự và lý hoặc. Đó là phỏng theo giới mà luận. Trong phần thứ ba thì chướng trí gọi chung là vô minh, vì không có phẩm số, không có riêng mê hành tướng của đế. Địa là y chỉ, chủng tử và hiện hành làm chỗ y chỉ, gọi đó là Địa. Đây là phỏng theo tâm sở và chủng tử đoạn, gọi đó là Địa. Các phẩm môn phân biệt năm Trụ địa riêng khác nên biết. Tổng kết là phần thứ nhất nêu thể của hai chướng, giải thích hai chướng đã xong. Cổ nhân nói: "Năm Trụ địa náy như bốn lưu thể và ba cõi phiền não, tất cả vô minh gọi là vô minh". Không phải như vậy. Văn ở đây là chính.

Luận: "Hai chướng như vậy", đến "tu sở đoạn nhiếp".

Thuật rằng: Trong thuyết minh hai chướng, phần thứ hai là phân biệt kiến đạo và Tu đạo, câu sinh phân biệt đã thông với sáu thức, phân biệt khởi là kiến đạo sở đoạn, vì thô cho nên dễ đoạn. Câu sinh khởi của sáu thức là tu sở đoạn, vì vi tế khó đoạn. Trước nói năm thức tùy theo Ý thức dẫn sinh, tức là làm thành hoặc của phân biệt và câu sinh, như nói phiền não chướng trong năm thức, không có lỗi trái lý, tức là trong Sơ địa đoạn hoặc hai chướng của năm thức đều được.

Luận: "Nhị thừa chỉ có thể", đến "Bồ-tát đều đoạn".

Thuật rằng: Phần thứ ba là phỏng theo theo sự phân biệt của con người. Nhị thừa chỉ có thể đoạn phiền não chướng, vì hai quả khác nhau, do tác ý cho nên đoạn có trước và sau. Trong chỗ đoạn sau, định chướng Nhị thừa cũng đoạn, vì nhỏ cho nên không nói. Phần thứ tư là phân biệt Hữu lậu đạo, Vô lậu đạo, phục và đoạn.

Luận: "Vĩnh viễn đoạn hai chướng", đến "thông với Hữu lậu đạo".

Thuật rằng: Khi hàng phục phiền não thì câu sinh pháp chấp này cũng không khởi cho nên gọi là phục pháp chấp, không phải riêng khởi phục đạo. Hoặc gia hạnh trí hàng phục trước kiến đạo. Các luận hoặc là nói các đạo của Hữu lậu không thể đoạn chủng tử, vì hữu tướng trói buộc và thô trọng trói buộc, vì không chứng lý, vì Vô lậu không phải như vậy. Từ đây trở xuống là phần thứ năm tổng kết quy về bài tụng này.

Luận: "Bồ-tát trụ pháp này", đến "chưa có thể phục diệt".

Thuật rằng: Hai hiện hành thô tuy có phục, tức là hàng phục phần nhiều thô hoặc của phân biệt. Nhân theo Tà giáo mà tư duy thì đều là

phục, tự tư duy thì chưa diệt tận, bốn thiện căn sau đây mới diệt tận. Nhưng tế phân biệt và chỗ có tùy miên trong hai chướng hoặc thô hoặc tế, tuy có thể đối trị được, nhưng lực của chỉ và quán thì nhỏ yếu chưa thể phục diệt được. Ban đầu là khởi chỉ và quán, chưa có tâm thắng thuận, không bằng trong bốn thiện căn, có thể phục trừ hai thứ vi tế của hiện hành và chủng tử. Câu sinh hiện hành và câu sinh chủng tử đó đều là ít, cũng có thể hàng phục được. Tiếp theo là gia hạnh vị, cùng với quyển 10 đều có văn này. Chữ phục trong đây không phải là sáu hạnh, mà do sức tu tập chế phục không khởi, khiến cho nó không tự tại, đó là nghĩa của chữ phục trong đây, dưới đây căn cứ theo đó mà biết. Bồ-tát không đoạn các hoặc của giới và Địa cõi dưới để khởi định sinh cõi trên. Lại nữa, phỏng theo pháp dụng phân biệt đoạn của Thập Địa, dưới đây tự có văn, không cần nói xen vào ở đây. Như luận Trung Biên quyển thượng nói hai chướng này là các chướng nhiếp lẫn nhau.

Luận: “Vị này chưa chứng”, đến “giải hạnh Địa nhiếp”.

Thuật rằng: Trên giải thích tụng đã xong, từ đây xuống là phần thứ hai phân rõ vị và tu hành. Đây là phân rõ vị, sau là thuyết minh tu hành. Luận Nhiếp Đại thừa ghi: “Năm đạo làm bốn thứ là thắng giải hạnh Địa, kiến, tu và Vô học Địa”. Luận này thì lấy vị này làm Địa kia. Trong bốn Địa là Địa nào? Trong mười ba trụ là trụ nào? Vị này y theo thắng giải mà tu hành, cũng là thắng hạnh Địa nhiếp, luận nói “cũng” là cũng thuận Quyết Trạch phần, Địa kia là giải hạnh Địa, vị bày cũng là giải hạnh Địa, cho nên trong luận có chữ “cũng”. Thắng giải tức là nghĩa quyết định. Tán tâm thì quyết định ý giải tư duy chưa có thể chứng giải, cũng nói đến sau sẽ biết.

Luận: “Chỗ tu thắng hạnh, tướng nó thế nào?”

Thuật rằng: Dưới đây phân rõ tu hành. Thứ nhất là hỏi, thứ hai là đáp. Tuy nói thắng hạnh, nhưng hạnh nào làm thắng hạnh?

Luận: “Lược có hai thứ”, đến “ngoài ra gọi là phước”.

Thuật rằng: Dưới đây là đáp. Thắng hạnh có hai thứ:

1. Hiển nhị chủng hạnh.

2. Minh đức hạnh.

Trong phân rõ nhị hạnh, thứ nhất phân rõ phước hạnh và trí hạnh, thứ hai phân rõ nhị chủng lợi hạnh. Tuệ làm thể gọi là trí, không phải tuệ làm thể gọi là phước. Đây là ngay nơi tánh mà nêu ra thể, tức là mười lực và tất cả trí là trí, trong những pháp còn lại, có cái là phước. Quyển 57 trong hai mươi căn tuy cùng với các văn đó không đồng, còn mười lực thì tuệ căn và cụ tri căn nhiếp, chỉ là trí. Tứ vô sở uý thì năm

căn và cụ tri căn nhiếp, thông với phước, trí, các tướng và các tùy hảo tướng. Thiệt căn và bốn căn y xứ gọi là thân căn, nam căn, nhãn căn và thiệt căn y xứ, hợp chung chỗ nhiếp của bốn căn, chỉ là phước. Ba bất hộ như vô uý, ba niệm trụ là phi căn nhiếp, vì không có chỗ nhiếp của tham sân, tức là chỉ có phước. Đại bi không có chỗ nhiếp của sân si, không có vong bảy pháp. Như lực và tất cả chủng diệu trí cũng vậy, chỉ là trí nhiếp. Đoạn vĩnh viễn tập khí không phải là đoạn căn. Chỗ chứng của sáu căn, trong Bồ-đề phần thì bốn niệm trụ, căn, lực, giác chi, đạo chi ít phần là trí. Tứ chánh cần, bốn thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi ít phần là phước. Ngoài ra chỉ là phước không phải trí, căn cứ theo đây mà biết. Do chư công đức chủng môn này mà làm luận, trong đó nên làm bốn câu phân riêng:

1. Có pháp chỉ là trí không phải phước: Đó là mười lực, tất cả trí, tất cả chủng diệu trí, vô vong thất pháp, bốn niệm trụ, nguyện, trí...

2. Có pháp chỉ là phước không phải trí: Đó là các tướng, tùy hảo, ba niệm trụ, đại bi, bốn chánh cần, bốn thần túc...

3. Có pháp cũng là phước cũng là trí: Đó là bốn vô uý, ba bất hộ, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám đạo chi...

4. Có pháp không phải phước không phải trí: y theo sự phân biệt hoặc tập khí đoạn vĩnh viễn, không có làm thành công đức. Còn lại là công đức phước trí của phân biệt môn, nên như lý tư duy.

Luận: "Lại y theo sáu chủng", đến "thông tướng đều có hai".

Thuật rằng: Đều gọi là phước, đều gọi là trí. Cùng với trí song hành trợ thành trí nghiệp, đều gọi là trí. Đây là y theo trợ bạn thông tướng mà nêu ra thể.

Luận: "Biệt tướng của năm chủng trước", đến "Trí tuệ thứ sáu".

Thuật rằng: Ngay nơi tánh mà nêu thể. Năm chủng trước là tánh của phước không phải trí, vì Trí tuệ thứ sáu không phải tánh của phước, là tự thể của chánh trí. Lấy sự lân cận sinh khởi để nêu thể.

Luận: "Hoặc là ba chủng trước", đến "còn lại thông với hai thứ".

Thuật rằng: Ba chủng trước chỉ có phước, cách xa trí tuệ. Chủng thứ sáu thì chỉ có trí tánh là tuệ, các chủng còn lại thì thông với hai thứ, tức là tinh tấn và định, vì lân cận với tuệ cho nên cũng khởi tuệ. Quyển 36, quyển 78 và kinh Giải Thâm Mật nói cũng đồng với đây, các kinh luận đó giải thích rằng, ba chủng trước làm phước, chủng thứ sáu là trí, còn lại hai chủng thông với hai thứ. Hoặc y theo tinh tấn tu bố thí, trì giới, bốn vô lượng... thì gọi là phước. Hoặc y theo tinh tấn tu ba tuệ, sáu

thiện xảo, quán bốn Đế và duyên sinh pháp... thì gọi là trí phần. Hoặc y theo Tĩnh lự tu bốn vô lượng thì gọi là phước. Hoặc y theo Tĩnh lự tu sáu thiện xảo thì gọi là trí phần, là trí có sáu thứ mỗi mỗi đều phân riêng, nên biết là vô lượng cho đến nói rộng. Văn này chỉ có ba đoạn, hoặc có đoạn thì lấy ba chủng trước làm phước, nghĩa như trước đã nói, ba chủng sau thì chỉ có trí, vì lân cận sinh trí. Hoặc có đoạn thì cho ba chủng trước cùng với định là phước, một chủng sau chỉ có trí, tinh tấn thì thông với hai chủng còn lại. Hoặc có đoạn thì lấy ba chủng trước cùng với định làm phước, tinh tấn và tuệ làm trí, vì sách tấn tuệ là thù thắng. Trong đây lại nói sáu chủng, như Tổng hợp Sao trong luận Đối Pháp quyển 12 nói. Từ trên đến đây, phước trí là một, chủng là hai đã nói xong.

Luận: "Lại có nhị chủng", đến "hạnh tự lợi lợi tha".

Thuật rằng: Tùy theo lực của ý lạc mà làm tất cả các công đức, đều thông với nhị lợi.

Luận: "Theo tướng riêng mà nói", đến "hạnh lợi tha nhiếp".

Thuật rằng: Là Bồ-đề phần. Đồng lấy thiền chi, mười tám bất cộng, các tướng và tùy hảo... là hạnh tự lợi nhiếp. Nhưng quyển 43 ghi: "Sáu độ chỉ có tự lợi, bốn Đế thì nhiếp lợi tha". Bốn chủng nhiếp sự và bốn vô lượng... đồng lấy thần thông, đại bi, bất hộ, ba niệm trụ đều là hạnh lợi tha nhiếp, chỗ mong trong đây là tổng tụ, từ trước đến nay phần nhiều làm luận, không phải y theo thể tánh, có y theo thể tánh đáng lẽ là bốn câu phân riêng. Hoặc chỉ có tự lợi, là tướng, tùy hảo... hoặc chỉ có lợi tha, là bốn nhiếp... hoặc tự lợi và lợi tha, là sáu Độ Ba-la-mật. Trong bố thí cũng có cả hai thứ lợi. Hoặc đều là phi lợi thì không phải công đức. Dưới đây, sáu đáo bỉ ngạn sẽ giải thích rộng. Pháp của Bồ-đề phần là bốn niệm trụ, bốn chánh cần, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám Thánh đạo chi, tổng cộng ba mươi bảy thứ, như luận Đối Pháp quyển 10 Sao. Bốn nhiếp, như Đại luận quyển 43 ghi: "Bố thí, ái ngữ, lợi hạnh và đồng sự". Vì mười môn phân biệt là từ, bi, hỷ và xả, như các bài Sao của luận Đối Pháp quyển 13 và Biệt sao giải thích. Quyển 49 ghi: "Từ Thắng giải hạnh Địa cho đến đáo cứu cánh Địa có bốn thứ Bồ-tát hạnh: một là Ba-la-mật-đa, hai là Bồ-đề phần pháp, ba là thần thông, bốn là thành tựu hữu tình hạnh", tức là luận kia cũng ghi: "Ba mươi hai tướng và tám mươi tùy hảo tại chủng tánh Địa. Chỉ có chủng tử y theo thân mà trụ, biết rõ chủng tánh trụ chưa nhập Tăng-kỳ. Hoặc tại thắng giải hạnh Địa mới có thể tu bốn hạnh kia đắc phương tiện. Hoặc trong thanh tịnh tăng thượng ý lạc Địa mà gọi là đắc, tại các Địa khác thì chuyển thanh tịnh thù thắng, tại Như Lai địa thì thiện tịnh

Vô thượng”. Lại nữa, nói: “Hoặc các Phật pháp bất cộng, pháp thấp kém thì trước kia Bồ-tát cũng đã thành tựu, đến khi thành Phật thì thiện tịnh viên mãn”. Lại nữa, tất cả Bồ-đề tư lương này có viễn có cận. Viễn là khứ Bồ-đề quả viễn, tức là chưa đạt được các tướng và tùy hảo khi quả Dị thục còn tại Địa tiền. Cận là khứ Bồ-đề cận, là mới đạt được các tướng và tùy hảo khi còn tại quả Dị thục. Từ đây trở đi dần dần thanh tịnh, y theo các văn này cho nên biết trong sơ kiếp tu tất cả Bồ-tát hạnh, tất cả Bồ-đề phần pháp. Tuy đắc phần ít thì chưa gọi là chứng, chưa đắc Vô lậu thì chưa gọi là đắc quả Dị thục, vì chưa thanh tịnh thù thắng.

Luận: “Các hạnh như vậy”, đến “chỗ tu thắng hạnh”.

Thuật rằng: Như vậy tất cả hạnh tự lợi và lợi tha đều là chỗ tu hành thù thắng của vị này.

Luận: “Hai chướng của vị này”, đến “dũng mãnh bất thoái”.

Thuật rằng: đoạn văn này phần đầu là tổng kết. Chữ luyện là rèn luyện, chữ ma là mài giũa, chữ luyện ma có nghĩa là tu trị.

Luận: “Một lần nghe Vô Thượng”, đến “tu các thắng hạnh”.

Thuật rằng: Nhiếp luận quyển 6 ghi: “Nhập vào trong nhân, có ba thứ luyện ma tâm, đoạn trừ bốn xứ, duyên theo cảnh của pháp nghĩa, chỉ và quán hằng thường ân trọng, vì gia hạnh không phóng dật”. Trong đây chỉ có ba thứ luyện ma tâm. Thứ nhất trong luyện ma tâm nói: “Quảng là vô biên, đại là vô thượng, thâm là khó lường, viễn là thời gian lâu dài. Kia đã là trượng phu, ta cũng như thế, không nên tự khinh mà thoái lui”. Luyện ma tâm thứ nhất là quảng thâm thoái; luyện ma tâm thứ hai là nan tu thoái - văn dễ hiểu; luyện ma tâm thứ ba là nan chứng thoái - dẫn thiện thô của người khác, những thiện có chướng thiện thì gọi là thô thiện. Nói hạnh thí, là người kia khi mạng chung thì liền được tất cả tự thể viên mãn đáng ưa thích mà sinh. Ta có diệu thiện không chướng ngại thiện, tại sao không đắc tất cả viên mãn? Viên mãn Phật quả tức là chuyển y, vì thâm diệu, công đức sẵn đủ, chuyển y của chư Phật khó có thể chứng. Luận kia đều giải thích rộng, không có nghĩa thú gì khác, ý của luận kia cùng với luận này đồng, không cần dẫn ra. Trước đã nêu ra Bồ-đề, sau lại nêu ra chuyển y, các luận thật ra đều đồng, trừ ra bốn xứ:

1. Lìa tác ý của Nhị thừa.
2. Nghi và lìa nghi.
3. Lìa ngã và ngã sở chấp của chỗ văn và tư.
4. Đoạn trừ phân biệt.

duyên cảnh của pháp nghĩa, là duyên tợ cảnh và tợ nghĩa. Như các luận kia nói rộng.

Luận: "Tiếp theo là gia hạnh vị, tướng nó như thế nào?"

Thuật rằng: Đây là hỏi để phát khởi.

Luận: "Tụng nói rằng", đến "không phải thật trụ Duy thức".

Thuật rằng: Dưới đây là đáp.

Luận: "Bồ-tát", đến "pháp thế thứ nhất".

Thuật rằng: Từ đây xuống, văn Trường hàng có mười đoạn:

1. Hiển nguyên nhân của vị.
2. Giải thích tên chung của vị.
3. Nêu ra pháp sở tu vị.
4. Giải thích tên gọi của bốn pháp và Địa.
5. Giải thích văn của tụng, chánh thuyết minh vị này cũng có sở đắc.
6. Giải thích vị này đối với tướng kia, cùng với thô trọng trói buộc phân biệt và câu sinh, phục và đoạn.
7. Cảnh sở quán của vị này.
8. Sở y là Địa nào?
9. Phân biệt giới và thú.
10. Phân biệt bảy Địa.

Đây là đoạn thứ nhất. Tổng là tổng kết các hạnh chỗ đã thực hành nói trên, do đắc kiến đạo mà lại tu thêm hạnh này, đáng lẽ bày ra cái tên của nó, nhưng đây là Tăng-kỳ thứ nhất tu tập đã mãn tâm, cho nên nói: "Trước kia đối với vô số Kiếp thứ nhất", đến nói rộng. Luận Đối Pháp và luận Trang Nghiêm cũng ghi: "Nói rằng các hàng Bồ-tát đã khéo tích tập hai thứ tư lương phước đức và trí tuệ, đã vượt qua vô số Đại kiếp thứ nhất, đã nghe và tùy thuận thông đạt các pháp Chân như của Khế kinh", đó là trì, là như lý mà mặc tình khởi ý. Tam-ma-địa là cảnh (gương soi), nương vào chỉ mà định tâm tư duy cảnh tượng Sở tri trong định, quán các cảnh tượng này không khác với định tâm, cho đến nói rộng. Minh, là do hạnh như vậy, cho đến xả lìa hai thứ năng thủ và sở thủ, chứng vô sở đắc, chánh nhập kiến đạo. Xả lìa tất cả thô trọng, đắc thanh tịnh chuyển y, là y. Bốn pháp trước là nhân của Địa, pháp thứ năm là quả của Địa. Cũng nói là vượt qua đầy Kiếp thứ nhất, đã tu bốn thiện căn, tức là sơ kiếp đầy tâm tu tập. Như trước đã dẫn kinh Anh Lạc làm chứng điều này đã xong. Chế phục tướng của hai thủ, văn sau sẽ tự nói.

Luận: "Tên chung thứ tư này", đến "Quyết Trạch phần".

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai giải thích thuận Quyết Trạch phần. Chân thật Quyết Trạch phần, Quyết trạch là trí, tức là Trạch pháp. Quyết

trạch tức là phần, gọi là Quyết Trạch phần. Quyết là lựa riêng với nghi phẩm, vì Trạch kia cũng có xen vào. Trạch là lựa riêng với kiến phẩm, vì kiến phẩm kia không có Trạch. Nghi phẩm thì có trạch mà không có quyết, kiến phẩm thì có quyết mà không có trạch, cho nên trí phẩm này gọi là Quyết Trạch phần. Phần có nghĩa là chi phần, tức là trạch pháp giác chi. Tại kiến đạo thì Trạch pháp này Vô lậu cho nên gọi là chân thật, vì làm Hữu lậu thì không phải là chân thật. Noãn... bốn pháp này thuận thú với phần kia cho nên gọi là thuận Quyết Trạch phần. Thuận thú, là hành tướng đồng với phần kia, cho nên gọi là thuận, mong cầu đến phần kia cho nên gọi là thú. Hành tướng trong đây đã cùng với phần kia đồng, lại cầu chứng phần kia cho nên gọi là thuận thú. Thuận giải thoát phần ở trước, đã là sơ phát tâm cầu cứu cánh quả, cho nên cách xa phần kia để được tự danh. Thuận Quyết Trạch phần lân cận với kiến đạo, mong tâm xa không bằng nghiệp bắt đầu, cho nên từ lân cận để được tự danh.

Luận: "Vì gần với kiến đạo", đến "không có nghĩa gia hạnh".

Thuật rằng: Đây là giải thích tên gọi khác nhau. Tên của vị là gia hạnh đạo, gần với kiến đạo, tức là gia hạnh của kiến đạo, Cựu dịch nói là phương tiện đạo, luận này nói là gia hạnh, để hiển cùng với thiện xảo của Phật quả sai biệt. hạnh trong nhân chưa tròn đủ, sở hành cần phải gia công để cầu hậu quả thù thắng. Vạn hạnh trên quả đã đầy đủ thì sở hành chỉ là phương tiện lợi ích hữu tình, để hiển hai pháp khác nhau cho nên pháp này gọi là gia hạnh. Nhưng trong năm đạo thì pháp này riêng gọi là gia hạnh, vì gần với kiến đạo. Không phải tư lương trước không có nghĩa gia hạnh, để hiển tư lương trước cũng gọi là gia hạnh, luận Đối Pháp quyển 8 ghi: "Chỗ có tư lương đều gọi là gia hạnh đạo, có gia hạnh đạo mới không phải tư lương". Bốn thiện căn này không phải tư lương đạo, gia công mà tu hành sơ vị cũng gọi là gia hạnh, vì gần với kiến đạo mà nói riêng pháp này được tên là gia hạnh.

Hỏi: Lương thực giúp ích quả sau cho chính thân mình thì chỉ có sơ vị gọi là tư lương, gia công mà tu hành cầu quả thì bốn thiện căn riêng được gọi là gia hạnh không?

Đáp: Tư lương còn cách xa để mong đại quả, đầu tiên là được gọi tư lương, vì Vạn hạnh của gia hạnh gia công, sơ vị cũng gọi là gia hạnh.

Hỏi: Gia công mà hành Vạn hạnh thì sơ vị cũng được tên này. Bốn thiện căn cũng mong đại quả thì tư lương cũng thông với bốn thiện căn này?

Đáp: Sơ vị phát tâm rất dũng mãnh, bốn thiện căn không gọi là tư lương, Vạn hạnh tăng thêm lực mới là hạnh, sơ vị cũng gọi là hạnh.

Hỏi: Sơ Vị tâm dũng mãnh gọi là tư lương, bốn thiện căn gần với kiến đạo thì riêng gọi là gia hạnh?

Đáp: Vì gần với kiến đạo thì gọi là gia hạnh, sơ vị không được tên này. Gia công Vạn hạnh mới là hạnh thì sơ vị cũng gọi là gia hạnh. Trong năm đạo, bốn thiện căn riêng gọi gia hạnh, vì gần với nghĩa của kiến đạo, cho nên sơ vị kia không được tên này. Gia công mới là hạnh thì sơ Vị cũng gọi là gia hạnh, đây là giải thích đồng nhau. Giải thích đồng nhau là tư lương quả của bốn thiện căn này cũng gọi là tư lương, nhưng mà văn của luận kia thì phần nhiều nương trụ vào hạnh bên ngoài, phước hạnh và trí hạnh thì phỏng theo lúc ban đầu mà nói. Nếu như thế thì kiến đạo cũng nên gọi là tư lương, vì tư lương của quả? Từ sự tăng thêm mà được tên, chỉ gọi là kiến đạo, không thể gọi là tư lương, cho nên biết từ sự thăng thêm mà được tên, đã gọi là gia hạnh thì không thể gọi là tư lương. Nghĩa căn cứ theo đó mà thành, cho nên giải thích trước là thù thắng. Phần thứ hai giải thích tên của vị đã xong.

Luận: “Noãn... bốn pháp”, đến “lập vị thứ nhất và thứ hai”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là Vị thứ ba pháp sở tu, vị thứ nhất và thứ hai là tầm tư quán, hai vị sau là thật trí quán. Đoạn văn này là tổng kết. Thể tánh của tầm tư và như thật trí này, luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Suy cầu danh thì suy cầu đó là nghĩa quán sát”, tức là chỉ có tuệ. Luận Vô Tánh ghi: “Suy cầu phương tiện của hạnh và kiến thì nhân tướng nói tên là tầm tư. Biết rõ sở đắc của giả hữu và thật vô thì quả tướng của phương tiện trí gọi là như thật trí”, tức là chỉ có gia hạnh trí làm thể. Đây là phỏng theo hạnh suy cầu tăng thêm mà nêu ra thể. Hoặc gồm cả tướng tăng thêm thì năm căn, năm lực làm thể và câu hữu thì năm uẩn làm tánh, vì quyết định câu hữu trở thành sắc uẩn. Quyển 73 ghi: “Bốn pháp tầm tư, trong năm sự thì như lý tương ưng với phân biệt tổng nhiếp bốn thứ, chỉ có Hữu lậu. Tứ như thật trí thì tất cả đều là chỗ nhiếp của chánh trí”, tức là chỉ có Vô lậu. Quyển 72 ghi: “Trong năm sự thì tướng thông với Hữu lậu và Vô lậu, cả hai chỉ là Hữu lậu và cả hai cũng chỉ là Vô lậu”. Chân như là sở duyên của Chân trí, gọi là Vô lậu, không phải nghĩa là tướng lậu tận. Chánh Lậu tận trí có nghĩa là đối trị, cho nên gọi là Vô lậu. Nhiếp luận ghi: “Do bốn tầm tư và như thật trí - trong văn nghĩa tương tợ là nói về ý nghĩa - liền có thể ngộ nhập tánh Duy thức”. Quyển 72 kia lại ghi: “Tứ tầm tư thì trong noãn và đảnh, thật trí thì trong nhẫn và pháp thứ nhất”. So với luận này cũng đồng, tức

là như thật trí cũng thuộc Hữu lậu nhiếp. Quyển 48 trong Trụ thứ mười ghi: “Trụ trong trụ này thì đắc vô sanh pháp nhẫn rất thanh tịnh”, điều này là tại sao? Là các hàng Bồ-tát do bốn tầm tư, đối với tất cả pháp đã chánh tầm tư trước khi đạt được bốn như thật trí, như thật biết rõ tất cả các pháp thì lúc đó tất cả chỗ chấp của Tà phân biệt đều xa lìa. Trong pháp hiện tại đều tùy thuận vô sinh quán của tất cả tạp nhiễm, cho đến nói rộng. Như thật trí này bắt đầu từ thắng giải hạnh trụ, cho đến hữu gia hạnh hữu công dụng trụ, chưa thanh tịnh cùng cực. Hiện tại trụ này đã được thanh tịnh, do đó gọi là vô sanh pháp nhẫn, tức là như thật trí là thể của vô sanh nhẫn. Nhưng thật nghĩa này, tầm tư chỉ có Hữu lậu, chỉ có tâm gia hạnh suy cầu, vì không phải căn bản trí và Hậu đắc trí. Như thật trí thông với Hữu lậu và Vô lậu, vì thông với gia hạnh, căn bản và Hậu đắc trí. Vị này chỉ có nhẫn có thể là quả, hai vị kia chỉ có gia hạnh là nhân. Trong quyển 73 chỉ y theo Vô lậu mà nói là thể của Vô sanh nhẫn, không nói thông với Hữu lậu, các kinh luận khác thì căn cứ thông với Hữu lậu và Vô lậu. Vị chưa ấn khả gọi là tầm tư, khi khởi nhẫn ấn thì gọi là như thật trí. Trung nhẫn tuy cũng quán không có năng thủ, nhưng cũng chưa được ấn khả, trước khi được ấn thì cũng gọi là thật trí, không phải tầm tư cùng với tầm tương ưng. Nếu không như thế thì các Địa trên không có noãn và đảnh. Quyển 36 ghi: “ngu phu đối với bốn như thật trí này, vì gia hạnh thiếu sót cho nên không hiện tiền, liền có tám thứ tà phân biệt, có thể sinh ra ba sự, có thể khởi hữu tình và khí thế gian. Nếu khi liễu tri thì liền trừ tám phiền não này”. Đẳng nghĩa môn này cũng như luận Hiển Dương quyển 6 nói.

Luận: “Tứ tầm tư”, đến “giả hữu mà thật vô”.

Thuật rằng: Tên của tất cả pháp và nghĩa của nó, đã ở duyên cảnh pháp nghĩa của vị trước, văn tương tợ trong đó, nghĩa của văn (tự) và danh chỉ là nói về ý nghĩa, y theo văn và danh này cũng chỉ là nói về ý nghĩa. Luận Vô Tánh quyển 6 ghi: “danh trong đây là sắc và thọ cũng nhiếp tầm tư của danh nhân và danh quả. Danh nhân là tự (chữ), tự thân, nhiều tự thân và thanh (tiếng). Danh quả là cú, danh thân, nhiều danh thân, cú thân và nhiều cú thân, đều gọi là đó là quả. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Nói rằng suy cầu các pháp tự tướng của danh thân, cú thân và văn thân đều không thành thật sự. Danh chiêu gọi pháp thù thắng, chỉ nói là tầm danh. Nghĩa thì như sở thuyên biểu của danh thân đắc uẩn, xứ và giới. Hoặc thể hoặc nghĩa gọi chung là nghĩa, vì nghĩa thì rộng cho nên không nói tự thể của nó. Suy cầu năng thuyên và sở thuyên quyết định không tương ưng. Trong đây chỉ có quán sở chấp của

vọng tình, năng thuyên và sở thuyên chỉ có ý nói về tánh. Trong ý nói, chỉ y theo văn nghĩa khác mà không nói là không có, tức là y theo năng thuyên và sở thuyên của sở thủ, quán này chì là ý nói về tánh. Luận Đối Pháp ghi: "Đây là tại noãn vị và đảnh vị, vị này chỉ có quán sở thủ không có, cho nên kế sở chấp cũng không có, không phải Y tha khởi. Nếu không như thế thì trở thành tâm điên đảo, vì Y tha thì hữu quán thành vô. Luận Vô Tánh ghi: "Tầm tư y theo chỗ biểu hiện ngoại sự của danh chỉ có ý nói về tánh". Tư duy nghĩa này tương tợ tướng bên ngoài chuyển, nhưng thật ra chỉ ở tại bên trong, không phải không có văn nghĩa nói Y tha bên trong. Hai thứ văn nghĩa này chỉ có bên trong pháp, giả gọi là có văn nghĩa bên ngoài pháp, cho nên nói chỉ là giả. Đây là quán tất cả Hữu vi và Vô vi đều nhiếp trong nghĩa, đây là khắp tất cả các Hữu pháp. Y theo hai pháp này mà quán thì ngoài tâm tự tánh của nó cũng không có, chỉ là giả lập như thể của ngã và pháp. Sự sai biệt cũng như thế, như nghĩa của vô thường. Luận Vô Tánh ghi: "Chứng biết bốn thứ hư vọng hiển hiện là do Y tha khởi nhiếp thì liễu đạt bốn thứ Biến kế sở chấp đều là Bất khả đắc". Quyển 36 trong Chân thật nghĩa phẩm ghi: "Chư Bồ-tát này đối với danh và sự kia, hoặc quán ly tướng, hoặc quán hợp tướng". Thành hợp tướng quán cho nên thông đạt hai chủng giả lập của hai thứ tự tánh và sai biệt, y theo ly tướng quán mà quán tự tánh của hai chủng. Đã trước hết từ gia hạnh khởi tư tầm tư, bốn tầm tư thì chắc chắn đã có trí quả, tiếp theo phân rõ trí quả.

Luận: "Như thật biến tri", đến "gọi là như thật tri".

Thuật rằng: Bốn tầm tư trước quán bốn cảnh của kế sở chấp lìa thức thì không có, chỉ quán sở thủ không có, chưa quán năng thủ. Như thật trí nhẫn này có thể trước cảnh lìa thức thì không phải có. Sở thủ đã trống rỗng thì năng thủ của năng biến tri, thứ của nó lìa cảnh bên trong thức bên trong quyết định không phải có, và năng thủ cũng trống rỗng. Biết rõ thức bên trong và tướng sở biến không lìa nhau, như tướng Duy thức của các huyễn sự, đã biết như huyễn rồi thì trên Y tha này không có kế sở chấp thì gọi là hai Không. Y theo đây là thành môn để quán Không lý kia mà nhập Viên thành thật. Điều này tại bốn thiện căn thì chỉ tương tợ quán ba tánh, vì chưa chứng Chân như. Khi bốn tầm tư trước không có sở thủ thì noãn vị là hạ vị phục trừ, đảnh vị là thượng vị phục trừ, vì ban đầu phục trừ sở thủ thì khó, cho nên phân ra thượng và hạ. Đến như thật trí vị, hạ nhẫn ấn vô sở thủ, trung nhẫn thuận với vô năng thủ mà quán phục trừ năng thủ, thượng nhẫn khởi vị ấn vô năng thủ, đều là như thật trí quán các phẩm dưới. Tu tập lâu, khi phục trừ năng thủ thì

chỉ có trung nhẫn, thượng nhẫn thì ấn. Thế pháp thứ nhất thì cũng song song ấn hai Không, gọi là như thật trí quán các phẩm trên. Đây là đối với các vị tại Địa tiền mà phân rõ thượng trung hạ, hoặc các vị đã nhập Địa mỗi mỗi đều có thượng và hạ. Căn cứ theo quyển 48 trong Địa thứ tám nói, tức là từ nhập Địa trở đi không khởi tầm tư quán, chỉ khởi như thật trí quán, vì đã trừ hai thủ, không cần phải quán sở thủ là giả hữu. Hai thủ không có cho nên chỉ khởi như thật trí quán, vì bảy Địa trở về trước cũng chưa thanh tịnh. Thể này tức là thể của vô sanh nhẫn, vì đã đắc Sơ địa, không cần phải khởi bốn tầm tư quán.

Hỏi: Tại sao danh và nghĩa của các pháp mỗi mỗi đều phải riêng tìm cầu?

Đáp: danh, nghĩa, tự tánh và Sai biệt là hợp chung lại để quán.

Luận: "Tướng của danh nghĩa khác nhau", đến "cho nên hợp chung tư duy quán sát".

Thuật rằng: Hai thứ danh nghĩa, một là tự tánh đồng, hai là sai biệt đồng, cho nên hợp chung hai thứ tự tánh của danh nghĩa và hai sai biệt làm một hợp quán. Hai thứ trước là danh và nghĩa, hai thứ sau là tự tánh và sai biệt, danh và nghĩa là nêu ra sự tìm cầu, để hiển tìm là cầu, đây là một hình ảnh này có tư duy quán sát, tự tánh và sai biệt nêu ra tư sát, để hiển tư duy là quán sát, là suy, là quán, đây là hai. Hình ảnh này có tìm cầu cho nên các luận nói suy cầu danh và nghĩa, quán sát danh nghĩa là vậy. Trước đã dẫn luận Du-già quán ly tướng và hợp tướng. Ly quán là danh nghĩa quán, hợp tướng là tự tánh và sai biệt. Đây là phần thứ ba nêu ra pháp sở tu, từ đây xuống phần thứ tư là giải thích tên của Tứ Địa.

Luận: "Y theo minh đắc định", đến "cho nên cũng gọi là noãn".

Thuật rằng: Minh đắc là định, tầm tư là tuệ, cho nên gọi là phát. Hai thứ này đồng thời gọi là phát, như Thế pháp thứ nhất gọi là Vô gián định. Minh là Vô lậu tuệ, tướng minh ban đầu đắc Vô lậu tuệ, cho nên gọi là minh đắc, định của minh đắc thì gọi là minh đắc định. Trong đây mới quán Y tha của bốn pháp đều do tự tâm biến. Đây là giả thi thiết có danh có nghĩa, có tự tánh có sai biệt, thật ra tánh danh nghĩa đều là bất khả đắc. Nhưng trong Y tha thì danh gọi là giả, pháp không có danh, danh không có nghĩa, không có thật tự tánh và nghĩa sai biệt. Hiện tại luận này gọi danh nghĩa cho đến sai biệt, lẽ nào không phải là giả? Như Nhiếp luận nói minh đắc và noãn, cứ theo trong đây giải thích thì hành nói là khởi, từ ví dụ mà đặt tên, như mặt trời mới mọc có tướng khởi trước, là tướng ánh sáng. Nếu nói hành tướng của tuệ minh khởi trước

thì cũng được, ở đây y theo giải thích trước.

Luận: "Y theo minh tăng định", đến "cho nên lại gọi là đảnh".

Thuật rằng: Đảnh có nghĩa là cùng cực, văn dễ có thể hiểu. Minh tướng chuyển thịnh lên gọi là minh tăng. Từ đây trở lên, danh của các luận đều đồng.

Luận: "Y theo ấn thuận định", đến "cũng thuận với lạc nhẫn".

Thuật rằng: Ấn sở thủ trước không thuận với năng thủ sau, cho nên không gọi là ấn thuận định. Chữ thuận thông với hai thứ, một là lạc thuận, hai là ấn thuận. Hoặc ba phẩm này đều gọi là nhẫn thì trong thượng vị và hạ vị đều ấn nhẫn, cho nên lập tên là ấn thuận, một tên ấn thuận thông với Thuận thứ nhất và thứ hai. Hai chữ lạc thuận chỉ ở tại trung nhẫn, cho nên hợp chung lại chỉ nói là ấn thuận định. Lại nữa, sai biệt là nhẫn phẩm hạ gọi là ấn nhẫn, vì ấn chứng sở thủ không có. Nhẫn phẩm trung gọi là lạc thuận, vì vui mừng không có năng thủ, thuận với pháp tu kia. Khi nhẫn phẩm thượng khởi thì chỉ gọi là ấn thuận, vì ấn chứng năng thủ không có, thuận với pháp quán kia, cho nên hợp chung ba nhẫn lại gọi là ấn thuận định. Nhẫn là trí, ấn thuận đều là định, cho nên gọi là ấn thuận định. Thuận thứ nhất và thứ hai cứ theo giải thích này. Đối với Vô sở thủ quyết định ấn trì, là hạ nhẫn vị. Trong Vô năng thủ cũng thuận với lạc nhẫn, là trung và thượng nhẫn vị, chữ thuận thì thông với trung vị và thượng vị, chữ lạc thì chỉ ở tại trung vị.

Luận: "Đã không có thật cảnh", đến "vì tương đãi mà lập".

Thuật rằng: Biến kế sở chấp của sở thủ đã không có thì kế sở chấp năng thủ kia làm gì có!

Luận: "Khi ấn thuận nhẫn tổng lập làm nhẫn".

Thuật rằng: Nhiếp luận ghi: "Nhập một phần Tam-ma-địa của chân nghĩa", tức là ấn chứng sở thủ không có, gọi là một phần. Luận Đối Pháp quyển 8 ghi: "Một phần đã nhập tùy thuận Tam-ma-địa". Luận đó giải thích rằng: "Một phần đã nhập, đối với vô sở thủ từ xưa đến nay giải thích là nhẫn, hiện tại tức là hạ nhẫn vị. Một phần tùy thuận, đối với vô năng thủ tùy thuận thông đạt với sở y xứ, hiện tại tức là thượng nhẫn", cho nên văn này hay hơn danh của Nhiếp luận, nhưng không bằng trong luận này, vì luận kia không phân hai vị trung nhẫn và thượng nhẫn, là trung nhẫn chỉ có lạc thuận tu vô năng thủ, nhưng chư ấn chứng vô. Thượng nhẫn thì ấn chứng vô năng thủ, cho nên cùng với trung nhẫn khác nhau. Luận kia tuy có câu "một phần thuận" nhưng không phân riêng lạc thuận và ấn thuận. Khi Thượng trung hạ phẩm Ấn nhẫn và Thuận nhẫn hợp chung thì ba vị này trong bốn thiện căn tổng

lập làm nhẫn. Nhẫn thông với hai xứ, tức là ấn nhẫn và thuận nhẫn, cho nên khi hợp lại làm luận nói là ấn nhẫn và thuận nhẫn thì ba vị này gọi chung là nhẫn trong thiện căn.

Luận: "Ấn trước thuận với ấn sau", đến "cho nên cũng gọi là nhẫn".

Thuật rằng: Gọi ấn thuận là ấn chứng sở thủ trước không có, thuận với năng thủ sau không có, và ấn chứng năng thủ không có cho nên lập tên ấn thuận, đây là giải thích biệt danh của ba vị. Ba vị này nhẫn đối với cảnh Không và thức Không cho nên cũng gọi là nhẫn, trung nhẫn tuy không ấn khả nhưng thuận với lạc nhẫn khả cho nên cũng gọi là nhẫn, vì trong đây chính là nhẫn thuận với nhẫn đều gọi là nhẫn, không thể vấn nạn rằng trong đảnh vị... cũng thuận với hạ nhẫn thì các vị kia đáng lẽ gọi là nhẫn, vì vị thứ nhất chưa có nhẫn. Vị thứ nhất và vị sau trong nhẫn đều có nhẫn, cho nên lập tên là nhẫn, là nhẫn loại của nó cho nên cũng gọi là nhẫn, không đồng với noãn.

Luận: "Y theo Vô gián định", đến "Thế pháp thứ nhất".

Thuật rằng: Cùng với kiến đạo gần nhau song song ấn chứng hai Không, văn đó có thể hiểu. Vô gián tức là định, hoặc là định của Vô gián, cả hai giải thích đều được. Đây là giải thích riêng về thể của bốn thiện căn đã xong, trên đây là giải thích tên của bốn vị.

Luận: "Noãn đảnh như vậy", đến "song song ấn Không tướng".

Thuật rằng: Từ đây trở xuống là phần thứ năm tổng nhiếp nghĩa trên, giải thích văn tụng. Tổng kết nghĩa trước, văn đó dễ hiểu. Trong trung nhẫn thuận với lạc nhẫn khả, là thuận với nhẫn thượng phẩm tu vô năng thủ, vị sau của lạc.

Luận: "Vì đều là đới tướng", đến "mới thật an trụ".

Thuật rằng: Trên tâm biến như, gọi là thiểu vật, đây không phải là không có tướng cho nên gọi là đới tướng. Tướng là tướng trạng, nếu khi chứng Chân như thì tướng này liền diệt mất, tướng đó tức là Không sở chấp tướng. Hữu Y tha tướng gọi là Không hữu tướng. Nói rằng tướng và Không tướng là chân Thắng nghĩa tánh của Duy thức kia. Chân là tên khác của Thắng nghĩa, là Thắng nghĩa thư tư, lựa riêng với ba Thắng nghĩa trước, do có tướng này mà chưa chứng Chân lý. Diệt trừ Hữu tướng và vô tướng thì liền nhập Chân như.

Luận: "Y theo nghĩa như vậy", đến "sau xúc vô sở đắc".

Thuật rằng: Bài tụng trong đây, là Nhiếp Đại thừa luận nói hai bài tụng giáo thọ, truyền dạy cho Bồ-tát. Bài tụng của phân biệt luận Du-già này là sáng tác của Di-lặc, là chỗ dẫn chứng của thế thân, là cổ

nhân nói phân biệt quán luận. Bồ-tát trong định vị, là hiển không phải tán loạn. Trong tư lương vị phần nhiều trụ ngoại môn, định vị này thì phần nhiều tại định nội môn mà tu hành. Quán ảnh tượng chỉ là tâm, quán ảnh của cảnh bên trong nội tâm, lìa tâm không phải có, chỉ là nội tâm. Sơ vị quán này thì ở tại noãn vị, cảnh bên ngoài tâm Biến kế sở chấp, nghĩa tướng đã diệt trừ, quán sát chỉ có tự tướng, chỉ có nội tâm, tức là tại đảnh vị. Trên đã tổng kết hai vị noãn và đảnh, trụ nội tâm như vậy, biết sở thủ chẳng phải có, hai câu này là hạ nhẫn vị. Kế đó năng thủ cũng không có, là trung và thượng nhẫn vị, hợp chung hai vị này đều là án chứng hai Không, tức là Thế pháp thứ nhất. Vì thời gian ít cho nên từ nhẫn vị mà nói, sau đó xúc chạm vô sở đắc thì nhập Chân kiến đạo. Trên đây là phần thứ năm giải thích bài tụng, thuyết minh trong vị này cũng còn hữu sở đắc. Từ đây trở xuống là phần thứ sáu đoạn nhị phược vị.

Luận: "Gia hạnh vị này", đến "cũng chưa có thể đoạn".

Thuật rằng: Tướng phược là Tướng phần phược Kiến phần, như quyển 5 trước nói trong phần dẫn chứng Thức thứ bảy có, là tất cả tâm Hữu lậu thiện, Vô ký và Bất thiện... đều có phân riêng Tướng phần, tướng này có thể trói buộc tâm, không phải nói phược tức là chấp, mà có nghĩa là tám thức đều có chấp. Tướng phược đối với Kiến phần thông với tám thức, có nghĩa không đúng, vì tám thức Hữu lậu có phân biệt. Tướng phược của phân biệt đối với Kiến phần gọi là tướng phược, không phải chủ yếu là có chấp.

Nếu tướng không chấp cũng gọi là năng phược thì Tướng phần của Hậu đắc trí phẩm đáng lẽ cũng là năng phược?

Đáp: Không phải. Hậu đắc trí kia do đoạn lậu mới đắc, thể không phải cứng nhám, không phải Tướng phần của lậu sở tăng, không phải cảnh phân biệt, sau khi đắc thì Kiến phần duyên tất cả tướng đều thành chứng giải. Hữu lậu thì không như thế, vì có phân biệt, vì đồng thời với lậu tướng, vì là lậu sở tăng, vì không phải do đoạn lậu mà chứng, khi duyên tất cả cảnh thì không phải đều là chứng giải. Hoặc vì tỷ lượng, hoặc trong tâm thiện, hoặc Vô phú Vô ký tâm chỉ có hiện lượng và tỷ lượng, tâm nhiễm ô của nó cũng thông với phi lượng. Đó là nguyên nhân tướng phược có thể câu thúc chướng ngại Kiến phần, không khiến cho minh tịnh, không khiến cho chứng tri, cho nên có khác nhau. Tất cả pháp Hữu lậu có thể trói buộc Kiến phần thì đều gọi là tướng phược.

Hỏi: Nếu như thế tự chứng phần duyên Kiến phần thì trói buộc tự chứng phần hay sao?

Đáp: Có nghĩa cũng là trói buộc, vì là loại Hữu lậu. Có nghĩa cũng không phải, vì không đồng với Kiến phần duyên Tướng phần, vì tự chứng nắm bắt bên ngoài, chỉ là hiện lượng dấy khởi chứng Tướng phần.

Hỏi: Nếu như thế thì hiện lượng tâm Tướng phần của Thức thứ tám đáng lẽ không phải là thể của tướng phược?

Đáp: Do Kiến phần này cũng trói buộc tự chứng phần, vì là loại phân biệt, vì không minh tịnh, vì lậu tâm của Kiến phần tăng thêm tự chứng phần. Tướng mạo của Hữu lậu trói buộc năng quán tâm, gọi là tướng phược, không phải cho rằng tướng đó là Tướng phần. Kinh nói năng thủ và sở thủ triền phược, tức là nghĩa bốn phần trói buộc lẫn nhau, không như thế thì Kiến phần liền không phải là tướng phược, tự chứng phần khi duyên thì cũng không gọi là Tướng phần. Thô trọng phược, tức là tất cả pháp Hữu lậu. Đại luận quyển 58 ghi: "Thô trọng có hai thứ, một là lậu, hai là Hữu lậu. Lậu là A-la-hán khi Tu đạo phiền não đoạn thì đều viễn ly lậu này. Nói rằng có tùy miên, là có thức trong thân, tánh bất an ẩn, không có tánh khả năng Kham nhận . Hữu lậu thô trọng, là khi tùy miên đoạn từ chỗ sinh lậu, chỗ huân và phát lậu vốn tánh sở đắc, tánh bất an ẩn, tánh khổ nương tựa, và cùng với lậu kia tương tợ không có tánh khả năng kham nhận đều được mỏng nhẹ hơn. Văn Thù Vấn kinh quyển thượng phẩm hữu tập khí có hai mươi bốn thứ, tụng của kinh đó ghi: "Tập khí A-la-hán, vì có lỗi lo, chỉ có Phật độ được, vì chúng sinh quy y". Quyển 58 lại ghi: "Hữu lậu này thô trọng, gọi là phiền não tập, là chỗ Nhị thừa chưa đoạn được, chỉ có Như Lai mới đoạn được rốt ráo, cho nên nói tên của Ngài là vĩnh đoạn tập khí, là bất cộng phật pháp". Đại luận quyển 2 ghi: "Chỗ có Hữu lậu chủng tử trong tự thức, nếu là chỗ nhiếp của phiền não phẩm thì gọi là thô trọng, cũng gọi là tùy miên, nếu là chỗ nhiếp của Dị thục phẩm và các Vô ký phẩm khác thì chỉ gọi là thô trọng, không gọi là tùy miên, nếu là chỗ nhiếp chủng tử của tín... các pháp thiện thì không gọi là thô trọng, cũng không phải tùy miên. Do đây khi pháp sinh, sở y tự chứng phần chỉ có khả năng kham nhận, không phải không khả năng kham nhận". Chỗ tùy của thô trọng là chỗ sinh của tự tánh, cho nên Phật nói là hành khổ. Luận Đối Pháp quyển 10 nói hai mươi bốn thứ thô trọng. Sở tri chướng thô trọng thuộc Dị thục phẩm nhiếp, Dị thục phẩm thô trọng cũng Dị thục phẩm nhiếp. Lãnh thọ thô trọng thì nhiếp tất Hữu lậu thọ, tức là thiện thọ cũng trong đó. Mệt nhọc thô trọng tức là Oai nghi Vô ký, các Vô ký khác cũng nhiếp. Các văn trái nghịch nhau như vậy không phải một,

nhưng tổng hợp các văn này thì như Biệt sao nói. Căn cứ theo văn của quyển 58 thì thô trọng phược tức là tất pháp Hữu lậu, vì lậu và Hữu lậu đều thô trọng. Do tướng phược chưa đoạn mà có tướng phân biệt, cho nên vô kham nhậm thô trọng phược cũng chưa đoạn được. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: "Do hai thứ tướng phược và thô trọng phược chấp hai tự tánh", là chấp Y tha và kế sở chấp. Nếu giải thích hai thứ phược đối với hai tự tánh chính là Vô sở đắc và Vô sở kiến thì luận kia phỏng theo tâm chấp mà giải thích phược, nếu không phải tâm chấp thì luận kia liền không nói, vì căn cứ theo tăng. Quyển kia lại ghi: "Tánh Y tha khởi này lấy tướng phược và thô trọng phược làm thể". Tại sao nói là Y tha? Do hai thứ này lẫn nhau làm duyên mới được sinh, là tướng phược làm duyên khởi thô trọng phược, thô trọng làm duyên sinh tướng phược. Tướng phược thì phỏng theo tướng hiện hành, thô trọng phược thì phỏng theo chủng tử mà nói.

Hỏi: Khi luận về thể của nó, các luận đều cho là cùng làm duyên lẫn nhau mà đắc, nhưng văn của luận này thì lấy tướng phược làm hiện hành, thô trọng phược thì làm chủng tử, vì tướng Hữu lậu chưa trừ, chủng tử của hai chướng chưa diệt. Không như thế thì tại sao trong luận này nói tướng phược chưa diệt thì thô trọng phược không đoạn?

Đáp: Trước đã nói tướng phược là chấp hai tánh, nên tế nhị suy xét các văn kia trái nhau. Trong luận này nói tướng phược là tất cả Hữu lậu tướng; nói thô trọng là tất cả tánh bất an ẩn của Hữu lậu, đồng với Hữu lậu thô trọng của luận Du-già quyển 58. Sơ địa thì đắc từng phần, Thức thứ sáu trong Địa thứ tám thì đắc hoàn toàn, xưa nay không khởi. Thức thứ bảy thì không có từng phần. Năm thức trước và Thức thứ tám thì hoàn toàn có, thô trọng tùy theo đó mà ứng khởi, Phật Địa thì hoàn toàn không có. Hiển Dương luận quyển 19 ghi: "Tướng phược trói buộc chúng sinh, cũng do thô trọng phược. Khéo song tu chỉ quán, mới đều được giải thoát", câu văn coi như giải thích ý trên.

Luận: "Chỉ có thể phục trừ", đến "chưa diệt hết hoàn toàn".

Thuật rằng: Chính trong vị này (gia hạnh), phân biệt hai thủ hoàn toàn có thể phục diệt, cho đến vi tế là tự phân biệt khởi cũng không hiện hành, vì câu sinh hai thủ chưa hoàn toàn phục diệt. Như chỗ nói ở trước, thừa nhận ít phục diệt thì tức là hiện hành, vì phân biệt thì hoàn toàn phục diệt, câu sinh thì ít phục diệt. Hoặc chủng tử của hai thứ câu sinh và phân biệt hoàn toàn chưa diệt được thì chưa đắc Hữu sở đắc Vô lậu, vì có phân biệt. Phần thứ sáu trên đây, phân tướng riêng phược và thô trọng phược, phân biệt phục và đoạn của câu sinh hai thủ. Từ đây

trở xuống là phần thứ bảy thuyết minh cảnh sở quán.

Luận: “Bồ-tát trong vị này”, đến “chỉ có quán an lập”.

Thuật rằng: Vị này Bồ-tát đối với an lập đế và phi an lập đế đều cũng là học duyên, hoặc tổng làm nhất thật Chân như, hoặc riêng làm hai Không BIệt và Tổng ba tâm Phi an lập, không phải chỉ có làm bốn Đế sai biệt quán. Kinh Thắng Man ghi: “Bốn Đế của hữu tác và vô tác thì vô tác bốn Đế tức là Phi an lập, vì có sai biệt và danh ngôn thì gọi là an lập, không có sai biệt và lìa danh ngôn thì gọi là Phi an lập. An lập có nghĩa là thi thiết. Bồ-tát trong vị này, nếu gia hạnh không khởi hai thứ quán thì không thể dẫn khởi sinh hai thứ Chân như và Tướng phần Kiến phần, vì cũng không thể phục trừ Nhị thừa. Vì nhập hai Không quán Chân như lý, chính là quán Phi an lập để khởi Du quán, khởi thắng tấn đạo, thành thục Phật pháp. Hàng phục Nhị thừa thì cũng quán An Lập, nhưng Nhị thừa là tự tông, chỉ nói khởi bốn Đế an lập quán, Bồ-tát thì không như vậy. Luận này nói Nhị thừa cũng khởi nhân Không Phi an lập quán, nhưng không đồng với Bồ-tát, vì Bồ-tát thì hai Không đồng thời khởi, để hiển chỗ yếu kém của Nhị thừa cho nên không nói. Lại nữa, Nhị thừa cũng chỉ có khởi an lập, không đồng với Bồ-tát, vì hạnh và trí của Bồ-tát sâu rộng, Nhị thừa kia không phải như vậy. Từ đây xuống là phần thứ tám phân rõ sở y xứ.

Luận: “Bồ-tát khởi vị này”, đến “nhập kiến đạo”.

Thuật rằng: Thông ba Thừa trong quyển 69 ghi: “Chỉ nương vào các Tĩnh lự, sơ cận phần và vị chí (chưa đến) thì có thể nhập Thánh đế hiện quán, không phải Vô sắc định. Xa-ma-tha trong Vô sắc định thì hơn Tỳ-bát-xá-na thì kém. Tỳ-bát-xá-na đạo lực yếu kém thì không thể nhập hiện quán. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: “Hiện quán nương vào đâu? Chỉ nương vào Tĩnh lự, không nương vào Vô sắc”.

Hỏi: Nếu có đối với chỗ chấp sáu Địa trung gian này đều có thể nhập hiện quán thì kinh luận nào có văn “trung gian có thể nhập?” Nếu trong sáu Địa có thể nhập hiện quán thì trong quyển 69 tại sao chỉ nói là Tĩnh lự, sơ vị chí? Lại nữa, tại sao trong sáu hiện quán của quyển 71 ghi: Sáu hiện quán này có mấy pháp nương vào vị chí y cho đến Vô sở hữu xứ y có thể đắc?

Đáp: Nhất y và phi y có thể đắc, ngoài ra đều nương vào tất y có thể đắc. Lại nữa, ba y và năm y sinh khởi thì một chủng và một phần cũng như thế. Nếu trung gian thiền có nương nhập hiện quán thì đáng lẽ nói ba y sáu y sinh khởi, vì khi mới sinh thì ba thứ trí đế, biên và giới (luật) chỉ nương vào năm y mà sinh khởi, không nói sáu Địa mà chỉ

thuyết minh trung gian thiền không nhập hiện quán.

Hỏi: Tại sao không nương vào trung gian mà nhập?

Đáp: Vì trung gian kia không có minh lợi Vô lậu. Có minh lợi Vô lậu thì có thể nhập. Lại nữa, trung gian kia là Phạm vương ở phần nhiều là tán loạn, không phải thuần tịnh Địa. Văn của luận Du-già nói nương vào các Tĩnh lự và sơ vị chí, không nói trung gian nhập kiến đế. Trong đây lại nói khi Tiền phương tiện thông với các Tĩnh lự mà nương vào Thiền thứ tư thì mới được đầy đủ, tức là sau cùng chỉ nương vào Thiền thứ tư. Thiền thứ tư thì mong các thiền thù thắng khác, vì phải nương vào tối thắng y để nhập kiến đạo, không nương vào cõi dưới mà nhập. Có công đức của Bồ-tát, quyển 69 ghi: "Tuy các Tĩnh lự đều có thể dẫn phát, phần nhiều nương vào Tĩnh lự thứ tư". Không đồng với Nhị thừa, vì cõi Dục đó không có tu tuệ, không có bốn thiện căn và Vô lậu cho nên không nói nương vào đó mà nhập. Trước nói trong hai mươi hai căn, vị tri đương tri căn thông với Vô sắc, vì kiến đạo bàng tu của Bồ-tát do mà đắc. Nếu không có kiến đạo và bốn thiện căn thì tại sao nói Tu đạo kia? Quyển 69 ghi: "Khi nhập kiến đạo, như chỗ tu trước hết là chủng tử của các Thế tục trí". Do kia huân tu mà đều đắc thanh tịnh thì cũng gọi là tu. Đây gọi là đế hiện quán biên các Thế tục trí, nêu ra kiến đạo đã sinh khởi trí này, tức là từ phát tâm trở đi đều gọi là vị tri đương tri căn. Kiến đạo bàng tu có trước Thế tục trí cho nên gọi là căn này, có ý muốn hiển trước khi khởi cũng gọi là căn này, tức là Thế tục trí đã có trước khi gọi là vị tri đương tri căn này. Khi nhập kiến đạo thì đã có bàng tu cho nên gọi là căn này, không phải nói rằng Vô sắc có kiến đạo và bốn thiện căn, vì bốn thiện căn chỉ có cõi Sắc hệ, đây là chỉ nương vào một nghĩa. Nếu như thế thì Tu đạo vị đáng lẽ khởi vị tri đương tri căn? chủng tử không khác nhau, nhưng phỏng theo vị và hành tướng thì đều có khác, hiện tại chí tu thì đều duyên khắp, chỉ gọi là dĩ tri nhiếp. Lại nữa, quyển 69 ghi: "Khi sơ trí của kiến đạo sinh thì các trí khác nương đó mà sinh duyên chỗ Nhiếp thọ, cho nên đều gọi là chuyển, lúc này đều không riêng đắc, cho nên chủng tử của cõi Vô sắc trở nên Vô lậu. Đây là khi kiến đạo gọi là tu, là căn này nhiếp. Luận Đối Pháp quyển 6 ghi: "Không tu cõi trên, là y theo Nhị thừa và bất tự tại mà nói". Hoặc trước đã đắc tự tại thì Tu đạo cũng thông với Vô sắc, như loại trí duyên. Như quyển 69 ghi: "Đây tức là Địa sở y của Thức thứ tám. Nhị thừa nương vào năm Địa, Bồ-tát thì chỉ nương vào Thiền thứ tư". Các luận đều lấy chung phương tiện mà làm luận. Nói Bồ-tát đã y theo năm Địa, trong đây giải thích Thế pháp thứ nhất và tăng thượng nhẫn chỉ có bốn định,

ngoài ra còn thông với các Địa khác.

Luận: "Chỉ nương vào cõi Dục", đến "vì không phải thù thắng".

Thuật rằng: Quyển 69 ghi: "Không phải sinh lên Địa trên, hoặc cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc". Có thể nhập Thánh đế hiện quán, vì chỗ đó rất khó sinh chán, nếu có chán ít thì cũng không thể nhập hiện quán, huống chi tất cả tâm chán kia một chút phần cũng không có, tức là không có chút ít tâm chán nào. Cõi sắc và cõi Vô sắc không nhập hiện quán.

Hỏi: Nếu như thế tại sao bậc thánh của Địa kia cũng lìa dục?

Đáp: Không có chán kiến đạo thì tâm chán phân biệt hoặc và các nẻo ác của ba cõi là không có. Không phải không có tâm Hữu lậu ưa cõi trên chán cõi dưới và chán tự Địa ưa sinh cõi trên. Khi nhập kiến đạo thì đều chán tất cả pháp của ba cõi, vì đều do duyên đế mới nhập. Đây là từ xưa đến nay đều căn cứ theo hiện quán mà làm luận, không phải căn cứ theo Tu đạo và dị sinh mà làm luận. Giải thích trong luận này, là tâm chán của các cõi khác yếu kém không phải thù thắng. Vì tuệ tâm của cnẻo ác khác không phải thù thắng cho nên không nhập kiến đạo. Bài tụng trong quyển 16 của luận Hiển Dương ghi: "Cực thích (rất lo) không phải nẻo ác, cực hân (rất mừng) không phải hai cõi trên. Trong cõi cõi Dục trời người, Phật ra đời hiện quán, Ngài nói nẻo ác không nhập hiện quán, hoặc vì hằng bị ưu lẽ nào mà không thể chứng đắc Tam-ma-địa", tức là ba nẻo ác không thể nhập. Cõi sắc và cõi Vô sắc cũng không có hiện quán, vì tâm mừng vui thô động cho nên tâm chán yếu kém, do đó hai cõi (sắc Vô sắc) và ba thú không khởi hiện quán. Chỉ có một cõi Dục trời người và hai thú, có Phật ra đời, có thể khởi hiện quán, đời Mạt pháp cũng được có, vì Phật ra đời nhiếp dẫn. Không có Phật thì thế gian không đắc, vì không có người thuyết pháp khiến cho sinh chán. Nếu như thế có Phật pháp thì thế gian phát tâm, sau khi pháp diệt mới thành thục lâu lâu rồi tu được nhập hiện quán hay không? Căn cứ theo văn này thì không được, vì không có loại người này. Lại giải thích cũng được, trong đây xưa nay làm luận, tức là ba luận không đồng, hợp lại có nhiều giải thích, căn cứ theo lý thì có thể biết. Đây tức là phần thứ chín y theo thân của giới nào thú nào để phân biệt.

Luận: "Vị này cũng là", đến "chân Thắng nghĩa".

Thuật rằng: Đây cũng là từ tư lương vị trở về trước. Vị này tức là Địa thứ mười bảy phân riêng, nhiếp tại kiếp nào thì như trước đã nói. Luận Đối Pháp quyển 13 đều có văn này. Nhiếp luận cũng nói giải hạnh Địa, trong đây tu trì, nhậm, cảnh (gương), minh nương năm Địa, như trước đã

dẫn luận Đối Pháp quyển 11 nói. Các môn khác thì nghĩa như sau đây sẽ nói.

Luận: "Tiếp theo là thông đạt vị, tướng nó thế nào?"

Thuật rằng: Hỏi Vị thứ ba, dưới đây giải thích kiến đạo.

Luận: "Tụng nói rằng", đến "lìa hai tướng thủ".

Thuật rằng: Đây là nêu ra tụng có thể biết.

Luận: "Nói rằng, hoặc khi Bồ-tát", đến "tướng hý luận".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích có hai phần:

1. Sơ lược giải thích tụng.
2. Rộng giải thích tụng này.

Hiện tại giải thích hai câu trên của tụng. Không nắm lấy các thứ tướng hý luận là Vô sở thủ tướng, quán chân Thắng nghĩa gọi là Vô sở đắc.

Luận: "Lúc đó mới gọi là", đến "hý luận hiện".

Thuật rằng: Giải thích hai câu dưới của tụng. Tâm và cảnh tương xứng, Chân như và trí ngầm hợp, đều lìa hai thủ, vì dứt bặt các thứ hý luận, gọi là bình đẳng bình đẳng. Tánh của chân Thắng nghĩa, thể tức là Chân như, đây là chỉ thiên về ngăn trách Hữu lậu. Hậu đắc trí cũng có tướng, trí này cũng lìa tướng hý luận kia.

Luận: "Có nghĩa là trí này", đến "là tướng năng thủ".

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ hai giải thích tụng trên. Trong đó có bốn phần:

1. Nói rộng chánh trí.
2. Giải thích tên của vị.
3. Giải thích sai biệt của Chân kiến đạo và tướng kiến đạo.
4. Giải thích khi đắc kiến đạo thì công đức có khác.

Nhưng trong phần nói rộng chánh trí, hai phần của trí này hợp chung có ba giải thích. Phật Địa có hai thuyết, không có phần nói rộng chánh trí này, nhưng tất cả tâm Vô lậu của luận Phật Địa đó hợp chung làm pháp. Luận này thì không như vậy. Nói không có sở thủ tướng và năng thủ tướng là thể của thức hợp chung với Chân kiến đạo, ngấm ngầm không có thủ, không có Phan duyên. Như Nhiếp luận quyển 6, chỗ dẫn chứng tụng của Trang Nghiêm Luận: "Bậc trí thì liễu đạt cả hai đều không có, đồng trụ Chân pháp giới của hai Vô". Tụng này nói lìa tướng của hai thủ, loại này không phải một, khỏi phải dẫn ra.

Luận: "Có nghĩa là trí này", đến "trí của danh và Thanh (tiếng)".

Thuật rằng: Do Sở duyên duyên chủ yếu liên đới tướng. Vấn nạn

sư trước rằng: "Không có Tợ cảnh tướng danh duyên trí kia thì đáng lẽ sắc trí này gọi là trí của Âm Thanh này, vì trên sắc trí này không có tướng của Âm Thanh". Đây là vấn nạn không có Tướng phần, lấy trí của sắc và Âm Thanh hỏi ngược lại nghĩa của Tỷ lượng, có thể biết. Như Quán sở duyên ghi: "Liên đới với tướng kia mà khởi cho nên danh có ảnh tượng sở duyên của vô phân biệt. Chân như tuy không có thân chứng, nhưng Vô phân tướng riêng cùng với Chân như kia rất giống nhau, không đồng với các trí khác gọi là Chứng Chân như, như luận Đối Pháp quyển 11 Sao mà hiểu.

Luận: "Hoặc không có Kiến phần", đến "quyết định có Kiến phần".

Thuật rằng: Lấy Chân như ví dụ cho trí, lấy trí ví dụ Chân như không có tướng năng duyên, cũng căn cứ theo trước mà hiểu.

Luận: "Có nghĩa là trí này", đến "không thủ tướng".

Thuật rằng: Đây là thuyết thứ ba. Kiến phần của trí này thì có, Tướng phần thì không. Nói vô tướng thủ không thủ tướng, là quyển 73 nói. Đã nói vô tướng thủ thì lẽ nào không có Kiến phần, vì không thủ tướng cho nên có thể không có Tướng phần. Luận kia có vài mươi lần vấn nạn, nên phải rộng trình bày.

Luận: "Tuy có Kiến phần", đến "không phải hoàn toàn không có thủ".

Thuật rằng: Giải thích văn chỗ dẫn giáo của sư thứ nhất. Kiến phần thì đồng với trong thuyết thứ nhất, Tướng phần thì khác, ý văn dễ hiểu. Sư thứ hai nói: "Sở duyên luận nói, thức nương vào tướng kia mà sinh, liên đới với tướng kia cho nên gọi là duyên tướng kia". Nếu không có Chân như tướng thì đáng lẽ không phải là sở duyên.

Luận: "Tuy không có Tướng phần", đến "vì không lìa Chân như".

Thuật rằng: Đây là duyên với Chân trí, liên đới với thể tướng của Chân như mà khởi cho nên gọi là sở duyên. Không phải liên đới với ảnh tượng của Tướng phần kia khởi mà gọi là duyên Chân như, vì không lìa Chân như.

Luận: "Như Tự chứng phần", đến "có kiến không có tướng".

Thuật rằng: Nêu ví dụ để hiển thành tựu. Tự chứng phần duyên Kiến phần, không phải liên đới với Tướng phần kia mà khởi, vì được tên là sở duyên. Đây là vô phân biệt cùng với Hậu đắc trí khác nhau, cho nên chắc chắn không có Tướng phần. Như trong bốn duyên của quyển 7 giải thích. Nếu như thế thì tâm Vương đáng lẽ gọi là sở duyên,

vì không hiện ảnh tượng kia liên đới với thể tướng kia mà khởi? Điều này cũng không đúng, vì không phải chỗ tư lự nương gá. Văn còn lại có thể hiểu. Đây tức là phần thứ nhất có phân biệt của Tướng phần và Kiến phần.

Luận: "Gia hạnh Vô gián", đến "cũng gọi là kiến đạo".

Thuật rằng: kiến tức là đạo, thể là chung. Tổng hợp là liễu đạt, đây là phần thứ hai giải thích tên của vị và kiến đạo.

Luận: "Nhưng kiến đạo này lược nói có hai".

Thuật rằng: Từ đây xuống là phần thứ ba giải thích sai biệt của Chân kiến đạo và tướng kiến đạo. Trong đó có hai phần:

1. Phân rõ sai biệt của Chân kiến đạo và tướng kiến đạo.
2. Cùng với sáu hiện quán nhiếp nhau.

Trong phần thứ nhất lại có hai đoạn:

1. Nêu chung có hai.
2. Y theo chỗ nêu mà giải thích riêng.

Đây là phần đầu.

Luận: "Một là Chân kiến đạo", đến "vô phân biệt trí".

Thuật rằng: Phân biệt tiệm và đốn, một tâm và nhiều tâm. Trong đây phần đầu là tổng kết, phần sau là phân biệt dị thuyết Chân như và tướng sai biệt của các sư. Đây là nêu ra thể của Chân kiến đạo, lấy vô phân biệt trí làm thể, chỉ có trí này mới chứng Chân như.

Luận: "Thật chứng hai Không", đến "trong nói một tâm".

Thuật rằng: Giải thích nghĩa của Chân như đó bao nhiêu sát-na. Trải qua các vị tuy nhiều sát-na, nhưng vì tướng tương tợ cho nên tổng nói một tâm, tức là ba tâm kiến đạo nương vào một tâm này làm chứng, tức là tổng hợp các văn một tâm kiến đạo của quyển 58. Hoặc Một tâm kiến đạo lấy Vô gián, giải thoát và gồm cả nhất thắng tấn gọi là Đa sát-na, gọi chung là một tâm, không phải trong Vô gián lại có nhiều niệm. Nhưng trong đây có hai dị thuyết.

Luận: "Có nghĩa là trong đây", đến "thô tế khác nhau".

Thuật rằng: Hai Không thì tiệm chứng, hai chướng thì tiệm đoạn, như trong ba tâm Chân kiến đạo dưới đây giải thích. Lấy văn quyển 58, 59, luận Đối Pháp quyển 9 và luận Hiển Dương quyển 17 nói về ba tâm, dẫn chứng tiệm này. Nhưng văn của quyển 59 cũng nói kiến đạo ba tâm gọi là đốn đoạn không riêng khởi quán tâm, tóm lược hai chướng của ba cõi hợp chung lại làm ba phẩm đoạn gọi là đốn, vì ba tâm nhân (người) và pháp này đều khác nhau cho nên gọi là tiệm đoạn. Lý có cạn sâu, vì chướng và trí hạnh có thô tế.

Luận: "Có nghĩa là trong đây", đến "vì có khả năng kham nhận".

Thuật rằng: Sư thứ hai nói, hai Không đốn chứng, hai chướng đốn đoạn. Hoặc ba tâm rốt ráo, một Vô gián, một giải thoát và một thắng tấn, vì từ chân mà nhập Kiến phần và Tướng phần. Hoặc một Vô gián, một giải thoát không mượn thắng tấn, từ thù thắng mà nhập vào yếu kém. Lại còn làm hai thuyết, hợp chung với mười một thuyết, như Biệt sao giải thích. Quyển 58 và luận Đối Pháp quyển 9 ghi: năng duyên của kiến đạo này là bình đẳng bình đẳng trí làm tướng của nó". Văn nói một tâm, hiện tại luận này lấy dẫn chứng, nhưng quyển 55 thì hay hơn. Trong đây hai đoạn văn giải thích lẫn nhau, như luận Đối Pháp quyển 9 Sao ghi: "Chân kiến đạo này, trước khi gia hạnh thì ý lạc đều đoạn", cho nên nhập quán vị thì không nên phân riêng làm ba thứ. Có Cổ Đức nói rằng có ba thứ là không đúng.

Luận: "Hai là tướng kiến đạo, ở đây lại có hai".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích về tướng có hai phần:

1. Giải thích tướng.
2. Giải thích Hậu đắc trí.

Trong phần đầu lại có ba phần:

1. Tổng.
2. Biệt.
3. Giải thích chung.

Đây là phần thứ nhất.

Luận: "Một là quán phi an lập đế", đến "phân biệt tùy miên".

Thuật rằng: Trong đây có hai phần:

1. Phân rõ hành tướng của tướng kiến đạo.
2. Phân rõ ngôn giáo của tướng kiến đạo.

Trong phần đầu có hai phần:

1. Phân rõ ba tâm.
2. Phân rõ mười sáu tâm.

Đây là phần thứ nhất, nội di là chỉ có duyên trong nội thân mà di trừ giả pháp. Hữu tình giả, trước đã giải thích hữu tình đều là vọng sở kế, chỉ có nội tâm là tương tợ hữu tình hiện khởi. Bàn về vô thể của nó thì gọi đó là giả. Duyên trí, là tâm năng duyên, tức là duyên nội thân làm cảnh, là duyên trí di trừ hữu tình giả. Dưới đây đều căn cứ theo đó mà hiểu. Nhưng trong luận này, hai chướng nhân và pháp mỗi mỗi đều phân ra thượng và hạ, thô thì làm thượng, tế thì làm hạ, hợp chung làm bốn loại. Nhưng hai Thô thì mỗi mỗi đều trừ riêng, vì trí còn yếu kém

chưa có thể song đoạn cả hai, hoặc thượng phẩm trí thì mới có thể song đoạn, đây là tùy theo trí mà nói là nhuyễn (mềm). Mới khởi thì gọi là nhuyễn; trí kế đó thì gọi là trung, vì trí này thù thắng hơn trí trước; sau khi khởi thì gọi là thượng, vì đối với đoạn kiến hoặc thì trí này là tối thượng. Lấy hoặc tùy theo trí mà nói ba phẩm. Nhưng hai trí trên thì chưa có thể gọi là thù thắng, chỉ duyên nội thân từ giả ngã pháp, trí thượng phẩm của tâm thứ ba thì có thể duyên rộng tất cả nội ngoại ngã pháp, cho nên có ba trí khác nhau. Luận này thì nói ba thứ nghĩa của Chân kiến đạo, hoặc là nói giả, vì pháp Chân kiến có sai biệt, hai trí trước thì yếu kém chưa có thể duyên rộng các pháp, trí thứ ba thì thù thắng có thể duyên rộng các pháp. Trí thứ nhất này nói khắp là tướng kiến đạo. Quán phi an lập đế có ba phẩm tâm, trong quyển 55 nói có ba tâm duyên Phi an lập đế. Lại nữa, vì phỏng theo quyết định thì trong tướng kiến đạo quyết định có ba tâm.

Luận: "Trước hai tên pháp và trí", đến "tổng hợp lại duyên".

Thuật rằng: Chung và riêng đã khác thì nghĩa và danh cũng khác, các luận đều không đồng. Bây giờ tổng hợp các luận lại:

1. Ba tâm của luận Đối Pháp đều là pháp trí.

2. Luận này và luận Du-già thì hai tâm trước là pháp trí, tâm thứ ba gọi là loại trí.

3. Lại nữa, mười sáu tâm thì pháp nhẫn và pháp trí gọi là pháp, hai tâm sau thì gọi là loại trí.

Quyển 49 ghi: "Hoặc đã từng tại cõi trên khéo tướng thủ", tức là có thể dùng loại trí để liễu đạt cõi Sắc và cõi Vô sắc, cõi dưới như thế thì không thể được, chỉ có pháp trí liễu đạt. Tổng quát làm ba ví dụ:

1. Duyên Chân như gọi là pháp, duyên trí gọi là loại, là loại trí ở trước. Mười sáu tâm thì gọi là pháp và loại có thể biết. Luận Đối Pháp thì phỏng theo cả ba tâm đều duyên Chân như, cho nên đều gọi là pháp.

2. Biệt duyên gọi là pháp, tổng duyên gọi là loại, luận này cũng như vậy, không ngay nơi duyên Chân như mà làm luận.

3. Duyên cõi dưới gọi là pháp, duyên cõi trên gọi là loại, là loại của cõi dưới. Văn của quyển 69 cũng vậy, mỗi mỗi đều căn cứ theo một nghĩa, cũng không trái nhau.

Luận: "Pháp Chân kiến đạo", đến "gọi là tướng kiến đạo".

Thuật rằng: pháp là pháp tắc, lấy sự thôi học làm nghĩa. Trong Chân kiến đạo có Kiến phần của hai Không, tuy cũng có Tự chứng phần nhưng không có pháp đó. Cận duyên Chân như tức là phóng thả ra.

Ngay trong Kiến phần có Vô gián giải thoát, tùy theo chỗ đoạn chướng mà có bốn Kiến phần. Ngay trong Vô gián đạo, hai Kiến phần của nhân (người) và pháp mỗi mỗi đều là Biệt pháp cho nên có hai tâm ban đầu. Hai Kiến phần của nhân và pháp trong giải thoát đạo là tổng pháp, có tâm thứ ba, chỉ có pháp Kiến phần là hành tướng của Kiến phần cùng với cảnh Chân như khác nhau, vì nghĩa thể của Tự chứng phần cùng với cảnh Chân như không khác nhau cho nên không có pháp đó. Biệt pháp và tổng pháp là hiển chỗ đoạn của Vô gián có sai biệt, hiển chỗ chứng của giải thoát đạo chỉ có nhất vị (một chất vị). Sư này cho ba tâm và mười sáu tâm đều là tướng kiến đạo, chỉ duyên Phi an lập và an lập khác nhau, ở đây có hai thuyết.

Luận: "Có nghĩa là ba tâm này", đến "duyên bốn Đế".

Thuật rằng: Sư thứ nhất nói đây là Chân kiến đạo, tức là nghĩa tiệm chứng đoạn thứ nhất của sư nói ở trước. Vì tướng kiến đạo không khởi ba tâm duyên bốn Đế. Như luận Đối Pháp nói, nói rằng chân kiến đạo duyên Phi an lập, không phải trong tướng kiến đạo có thể duyên Phi an lập. Trong đây có riêng khởi Vô gián và giải thoát làm sáu thứ, gồm cả thắng nhập tướng kiến đạo làm thành bảy tâm, hoặc trừ bỏ thắng tấn thành sáu tâm, hoặc sau Vô gián tức là trước giải thoát, là ba Vô gián thêm một tâm giải thoát thứ ba, gồm luân một thắng tấn nhập tướng thành năm tâm cứu cánh. Bồ-tát lợi căn không khởi riêng giải thoát đạo, hoặc tổng quát bốn tâm cứu cánh, chỉ trừ thắng tấn ra, vì từ thù thắng nhập yếu kém, hợp chung có bốn thuyết, như Biệt sao có mười bốn giải thích. Nhưng trong Chân nói trước hết là trừ nhuyễn phẩm nhân chấp, tiếp theo là trừ trung phẩm pháp chấp, làm thành thô tế thượng hạ. Nhưng trong các kinh luận thì nói trước hết trừ thượng phẩm, sau đó mới trừ hạ phẩm. Trong đây thì trước hết trừ hạ phẩm, sau đó trừ thượng phẩm là có ý gì? Trước đã giải thích rồi, nhưng bây giờ lại giải thích thêm, luận này là phỏng theo chỗ dễ đoạn mà gọi là hạ, nhân chấp thô cho nên gọi là hạ phẩm; các kinh luận kia thì phỏng theo theo thô tế của thật thể mà nói chỗ đoạn trước hết là thượng; luận này thì mong năng trị đạo, kinh luận kia thì mong đương thể. Trong đây chỗ nói trước hết đoạn hạ phẩm thì các luận đều đồng.

Luận: "Có nghĩa là ba tâm này", đến "không Biệt duyên".

Thuật rằng: Sư thứ hai nói, ba tâm này là chân kiến đạo, vì chân kiến đạo chỉ có tổng duyên Chân như, các luận cũng cùng nói. Làm sao đắc duyên riêng để làm ba phẩm? Vì ý lạc của gia hạnh tâm như thế, nhập Chân như thì quyết định như vậy.

Luận: "Hai là duyên an lập đế", đến "ở đây lại có hai".

Thuật rằng: Phần thứ hai giải thích mười sáu tâm có hai đoạn:

1. Chung.

2. Riêng.

Đây là tổng. Quyển 55 và luận Đối Pháp quyển 9 đều nói hai phần này là an lập đế.

Luận: "Một là nương vào quán", đến "mười sáu chủng tâm".

Thuật rằng: Chỉ có trong luận Đối Pháp mới có văn này. Sở thủ là đế lý, năng thủ là trí duyên lý. Pháp nhẫn và pháp trí duyên đế lý làm cảnh để quán sở thủ. Loại nhẫn và loại trí duyên trí phẩm trước để quán năng thủ. Luận này chỉ có lập riêng Vô gián và giải thoát, không tổng hợp lại nói cho nên gọi là lập riêng có mười sáu tâm. Luận Đối Pháp ghi: "Chân như của pháp trí phẩm đạo làm cảnh, pháp trí của trí phẩm đạo làm cảnh". Chính là cùng với luận này đồng.

Luận: "Nói rằng đối với Khổ đế", đến "nên biết cũng như thế".

Thuật rằng: Hai mươi tám tùy miên, là dưới cõi Dục khổ có mười, hai giới trên trừ sân ra thì mỗi mỗi đều có chín. Khổ là Khổ đế, pháp là Khổ đế giáo, trí là trí duyên khổ pháp trong gia hạnh đạo, nhẫn là Vô lậu nhẫn, nhẫn trước khổ pháp và trí. Luận Đối Pháp quyển 9 có giải thích rộng. Nhẫn nói là trí, là vì quyết đoán, tuệ thì không phải vậy, tuy nhẫn và trí không khác nhau, tùy theo dụng mà nêu ra tên. Khổ pháp trí, pháp là khổ như, trí có thể duyên khổ như thì gọi là khổ pháp trí. Khổ loại trí nhẫn, nói rằng sau thánh pháp là loại của khổ trí này, gọi là khổ loại trí, duyên với tuệ này thì gọi là khổ loại trí nhẫn. Khổ loại trí thì ấn khả trí của duyên khổ loại, gọi là khổ loại trí.

Luận: "Mười sáu tâm này", đến "tám quán chánh trí".

Thuật rằng: pháp phẩm duyên Chân như, loại phẩm thì duyên trí.

Luận: "Pháp Chân kiến đạo", đến "gọi là tướng kiến đạo".

Thuật rằng: Kiến phần của pháp nhẫn pháp chân Vô gián đạo, Kiến phần của pháp trí pháp chân giải thoát đạo, tự chứng phần của loại nhẫn pháp Vô gián và tự chứng phần của loại trí pháp giải thoát ấn khả trí trước cho nên có lập riêng. Lại nữa, giải thích pháp nhẫn pháp Vô gián đạo và pháp trí pháp giải thoát đạo, đây là tổng pháp. Loại nhẫn pháp Vô gián và Kiến phần của giải thoát tuy duyên trí và duyên Chân như không đồng, nhưng Kiến phần là một cho nên hợp chung với pháp, loại trí thì hợp chung với Tự chứng phần hai đạo của pháp. Giải thích trước là gốc.

Luận: "Hai là nương vào quán", đến "mười sáu chủng tâm".

Thuật rằng: Quyển 55 ghi: "Quán hai Địa trên và dưới an lập khổ thì cảnh của bốn Đế tương tợ pháp và loại trí sinh, là hiện Quán vị thứ hai, cho đến nói rộng". Nói rằng nhẫn khả dục lạc trí và hiện quán quyết định trí là hiện quán biên trí đế hiện quán. Luận Hiển Dương quyển 17 ghi: "Bốn Đế trí của pháp trí và loại trí không do hạnh sai biệt, nhưng tùy theo hành vi mà nói sai biệt của nó. Trong chân kiến đạo cũng theo nghĩa mà nói có mười sáu tâm. Mười sáu tâm đã như thế thì ba tâm cũng vậy. Hiện tại luận này phỏng theo hạnh sai biệt mà nói, chỉ là tướng. Nhưng trong của luận kia nói mười sáu tâm của hai Địa trên và dưới là Tu đạo, luận Du-già quyển 55 nói là kiến đạo, luận Hiển Dương nói là Tu đạo, không phải trái nhau. Nhưng quyển 55 vẫn nói từ kiến đạo khởi có mười sáu tâm của hai Địa trên dưới sinh, từ ba tâm Phi an lập kiến đạo khởi thì trở thành an lập đế quán này. Không phải hoàn toàn đưa ra kiến đạo ở trong Tu đạo mới khởi. Văn kia có chút ít khác, nên tế nhị mà tìm.

Luận: "Nói rằng quán hiện tiền", đến "hai trí hiện quán".

Thuật rằng: Cõi hiện tiền, là cõi dưới, tức là cõi Dục, vì hiện đối với cõi Dục mà nhập kiến đạo. Hai cõi trên gọi là bất hiện tiền.

Luận: "Như chỗ thích ứng của nó", đến "Kiến phần quán đế".

Thuật rằng: Hiện quán nhẫn pháp Chân kiến đạo Vô gián đạo Kiến phần và hiện quán trí pháp chân kiến giải thoát đạo đạo Kiến phần không có Tự chứng phần, vì ở sau mười sáu tâm mà khởi quán tâm tiệm thô này, cùng với mười sáu tâm trước quán sai biệt.

Luận: "Sở đoạn của đoạn kiến", đến "gọi là tướng kiến đạo".

Thuật rằng: Bốn Đế của cõi Dục có bốn mươi thứ, hai cõi trên mỗi cõi có ba mươi sáu thứ thứ, vì mỗi đế của hai cõi trên trừ đi sân, cho nên tổng cộng là một trăm mười hai thứ. Trên đây đều là do quán tâm thuần thục, vì chúng sinh mà nói, khiến cho chúng sinh trước kiến đạo cũng được khởi nhập kiến đạo.

Luận: "Hoặc y theo rộng bố giáo", đến "có chín chủng tâm".

Thuật rằng: Trên đã phân rõ hành tướng kiến đạo riêng tu tạo, đây là rộng bố giáo đạo lý, tức là Bồ-tát tại kiến đạo không khởi quán này, chỉ vì ban bố giáo lý mà nói sự sai biệt của nó, cho nên cần phải học, tức là y theo giả thuyết đó.

Luận: "Đây là y theo trước", đến "chỉ quán biệt lập".

Thuật rằng: Tướng kiến đạo an lập đế trước, có hai thứ mười sáu tâm, pháp này đối với mười sáu tâm kia gọi là hai mươi sáu chủng. Pháp kia có hai thứ mười sáu chủng, hai tâm chỉ và quán đều biệt lập.

Luận: “Là pháp loại phẩm”, đến “tổng nói làm một”.

Thuật rằng: Quyển 58 cuối ghi: “Nhẫn và trí hợp chung là Bát-nhẫn hợp làm bốn, vì đều là nhẫn loại; tám trí hợp làm bốn, vì đều là trí phẩm. Hoặc tám pháp nhẫn và pháp trí hợp làm bốn, duyên Chân như làm cảnh, vì loại đồng nhau. Phẩm nghĩa là phẩm loại, cho nên được làm giải thích này. Tám loại nhẫn và loại trí hợp làm bốn, duyên trí làm cảnh, cũng là loại đồng nhau. Đây là y theo tuệ riêng đồng thời với định chỉ có một, rộng như Biệt sao kia nói.

Luận: “Tuy trong kiến đạo”, đến “gọi là tướng kiến đạo”.

Thuật rằng: Giải thích chín nguyên nhân. Đây không phải là hai kiến đạo của Chân như và tướng nhiếp. Không khởi quán nhưng phỏng theo sự ban bố giáo lý của tướng kiến đạo nhiếp. Chỉ lấy mười sáu tâm và ba tâm, luận Đối Pháp, luận Hiển Dương và luận Du-già như thứ tự đều có thế Vô gián thứ nhất, cho nên luận này tổng hợp lại nói.

Luận: “Các tướng kiến đạo”, đến “chân đã đoạn”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ ba giải thích chung. Trong đó có ba đoạn:

1. Tổng hợp các văn trái nhau.
2. Giải thích chỗ tụng không nói.
3. Trí nhiếp.

Đây là phần đầu. Y theo nghĩa của chân kiến đạo mà giả thuyết tướng kiến đạo là Vô gián, như chỗ dẫn trước luận Hiển Dương quyển 17, chính là cùng với luận này đồng. Ở đây có ba nhân, sinh sau ba tâm tướng kiến đạo chân Phi an lập. Văn còn lại có thể hiểu. Nhưng Phi an lập nhân không khắp nghĩa của ba tâm tướng kiến đạo.

Luận: “Chân kiến đạo trước”, đến “cho nên tụng nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Phần thứ hai giải thích tụng không nói hai thứ kiến đạo. Tụng này tại sao chỉ nói chân? Vì chứng thức tánh quán chiếu Chân như tức là Viên thành thật, tự chứng thức tướng cũng là tự tâm quán đối với Y tha, đây là y theo Kiến phần mà nói. Luận nói phần đầu thì thù thắng, phần sau là hậu đắc nhiếp cho nên không bằng chỗ nói trước. Như quyển 55 giải thích.

Luận: “Chân kiến đạo trước”, đến “Hậu đắc trí nhiếp”.

Thuật rằng: Vì hữu tướng và vô tướng khác nhau. Từ trở xuống nhân theo đó mà giải thích Hậu đắc trí.

Luận: “Các Hậu đắc trí”, đến “lìa hai thủ”.

Thuật rằng: Hoặc y theo đây mà nói thì Phật không có thuyết

pháp, không có mười lăm cõi. Đại định, trí và bi lấy làm thể tánh, bi nguyên tăng thượng thì tướng âm thanh và sắc trên thức của Chúng sinh sinh khởi. Hậu đắc trí này là thuyết thứ ba của luận Phật Địa. Tuy có ba thuyết có Tướng phần và Kiến phần, nhưng là nghĩa của sư thứ hai trong đây mà sư thứ nhất nói, hai phần đều không có vì lìa hai thủ.

Luận: "Có nghĩa là trí này", đến "vì có phân biệt".

Thuật rằng: kiến thì hữu và tướng thì vô. Chư Thánh giáo nói trí này có phân biệt cho nên có Kiến phần. Như quyển 55 giải thích.

Luận: "Thánh trí đều có thể quán chiếu cảnh".

Thuật rằng: Lấy lý này làm chứng không có Tướng phần.

Luận: "Vì không chấp trước cho nên nói lìa hai thủ".

Thuật rằng: Trong các kinh luận nói ly hai thủ, là không chấp trước hai thủ, nhưng không phải hoàn toàn không có Kiến phần.

Luận: "Có nghĩa là trí này", đến "Chân như tánh".

Thuật rằng: Sư thứ ba nói hai phần đều có. Quyển 73 nói Tư Duy, là thuyết minh có Kiến phần tương tợ Chân như tướng, vì không thấy tánh chân thật của Chân như, trở nên có Tướng phần. Như bốn câu của luận đó nói rộng.

Luận: "Lại nữa, nói trí này", đến "mà vì nói".

Thuật rằng: Kinh Phật Địa và Nhiếp luận đều nói, trí này phân biệt các pháp quán hữu tình, trí này trở thành có Kiến phần, phá sư thứ nhất.

Luận: "Lại nữa, nói trí này", đến "thuyết các Pháp sự".

Thuật rằng: dẫn kinh đặt vấn nạn. Hiện thân và độ (cõi), đều là dẫn văn làm chứng trong quyển 3 của kinh Phật Địa, không phiền dẫn ra. Đây là phá nghĩa không có Tướng phần của sư thứ hai. Trên đây là dẫn giáo, dưới đây là dẫn lý.

Luận: "Chuyển sắc uẩn y", đến "đáng lẽ không có thọ".

Thuật rằng: Đây là ví dụ về tướng của năm uẩn.

Luận: "Lại nữa, hoặc trí này", đến "đáng lẽ duyên âm thanh".

Thuật rằng: Đã không có Tướng phần thì các tâm, thân và độ lìa pháp thể của chính mình, không liên đới với ảnh tượng thì đáng lẽ không phải Sở duyên duyên, vì quán chiếu thẳng pháp kia không biến thành tướng, không đồng Chân như, vì Chân như tức là tự thể của trí.

Hỏi: Nếu như thế thì Chân như đáng lẽ không phải Sở duyên duyên, vì không tương tợ cảnh tướng?

Đáp: Không phải như vậy, vì tướng liên đới Chân như mà khởi, lìa pháp tự thể thì đã không có ảnh tương tợ thì không thể nói liên đới với

tướng Kiến phần mà khởi.

Hỏi: Tại sao nói có Sở duyên duyên, vì tướng kia đều lìa tự chứng?

Đáp: Đã không liên đới tướng mà khởi thì gọi là Sở duyên duyên. Khi duyên các sắc thì đáng lẽ cũng duyên âm thanh, vì trí duyên sắc không liên đới với tướng của âm thanh.

Luận: "Lại nữa, duyên Vô pháp", đến "không duyên với dụng".

Thuật rằng: Không biến thành vô tướng để làm sở duyên của Kiến phần, vì không có Tướng phần thì quán chiếu thẳng nơi Vô, nhưng Vô không phải Hữu thể. Đó là nguyên nhân nghĩa của Sở duyên duyên thế nào được thành, do đây cho nên biết Phật cũng không duyên gần với Vô. Đoạn văn này là lý làm chứng.

Luận: "Do đây mà hai phần của Hậu đắc trí đều có".

Thuật rằng: Đây là tổng kết lý trên, đã nêu ra sự sai biệt. Dưới đây là giải thích của các môn. Nhưng trong quyển 58, 59 đều có kiến đạo hiện quán phân biệt, nên như luận đó mà hiểu. Quyển 59 thì rất hay, phần lớn là có nghĩa đoạn hoặc của pháp dụng. Chưa được dẫn chứng rộng.

Luận: "Hai kiến đạo này", đến "nhiếp nhau là thế nào?"

Thuật rằng: Đây là hỏi. Kiến đạo thứ nhất cùng với sáu hiện quán nhiếp nhau, trong luận Đối Pháp quyển 13, luận Hiển Dương quyển 17, Đại luận quyển 55 và luận Du-già quyển 71 đều thuyết minh rộng. Luận Đối Pháp nói có mười, luận Hiển Dương nói có sáu hoặc mười tám, luận Du-già nói có sáu, Nhiếp luận quyển 6 nói có mười một thứ hiện quán của ba Thừa, mỗi luận đều khác nhau. Nhưng có ba thứ sai biệt là nghĩa, sự và sở duyên. Như Biệt sao nói.

Luận: "Sáu hiện quán", đến "tư sở thành tuệ".

Thuật rằng: Hiện là hiện tiền, quán Hiện cảnh này hiện tiền rõ ràng, cho nên gọi là hiện quán. Tối thượng phẩm, là trung phẩm và Hạ phẩm yếu kém cho nên không phải. Hỷ thọ tương ưng, hỷ là có thể biết rõ lợi, riêng có phân biệt. Xả thì không như vậy, có thể cùng với tư của trung phẩm và Hạ phẩm đồng thời, vì tư tuệ của thượng phẩm thì chắc chắn không đồng thời. Quyển 71 ghi: "Hiện quán thứ nhất chỉ cùng với hỷ thọ tương ưng. Tư sở thành tuệ tức là tuệ nhân theo chỗ thành của tư là thể". Luận Hiển Dương cùng với quyển 71 này đồng. Luận Hiển Dương kia nói hoặc là hiện quán này cùng hành với Bồ-đề phần là tự tánh. Từ đây trở xuống đều nói hiện quán như vậy.

Luận: "Quán này có thể quán sát", đến "cho nên không phải hiện

quán".

Thuật rằng: Noãn... thuộc cõi Sắc trói buộc. Cộng tướng của quán này có thể dẫn noãn... vì tư có thể sinh tu. Đây là quán tất cả hạnh vô thường, tất cả pháp Chân như, cho nên là tối thắng, gọi là quán cộng tướng, không nói quán tự tướng, vì tự tướng thì Hạ phẩm và trung phẩm nhiếp, vì chưa duyên rộng. Tuy Chân như cũng là tự tướng của các pháp, nhưng khi chưa chứng Chân như thì chỉ có cộng tướng. Còn ở trước kiến đạo thì dụng này rất dũng mãnh. Mãnh là linh lợi, là thù thắng, nói thiên về nó làm hiện quán. Noãn... không thể phân biệt rộng các pháp, chỉ quán sở thủ không có. Tuy cũng quán tất cả pháp Vô ngã, nhưng phần nhiều là có phân đồng để quán. Lại nữa, nói chung ba Thừa, tại Nhị thừa vị thì chỉ có quán riêng biệt các hành tướng của bốn Đế, không bằng tư, là các thứ Tư duy các thứ quán sát gọi là quảng phân biệt, noãn... thì không có khả năng này, không bằng đối với tư mà không lập hiện quán. Các kiến đạo của nó tuy cũng không thể phân biệt rộng các pháp nhưng duyên được chân lý cho nên lập là hiện quán. Quán này cũng không đồng với quán kia, vì chưa chứng lý. Quyển 71 ghi: "Bốn thiện căn không phải hiện quán mà là Đẳng lưu".

Luận: "Hai là tín hiện quán", đến "lập tên hiện quán".

Thuật rằng: Tín cũng là thượng phẩm, thông với lậu và Vô lậu. Hiện quán là tuệ hiện quán các pháp, vì tín trợ hiện quán khiến cho không thoái chuyển cho nên cũng gọi tín là hiện quán. Có kinh luận nói tín chỉ có Vô lậu cho nên lập là bất hoại tín.

Luận: "Ba là giới hiện quán", đến "cũng gọi là hiện quán".

Thuật rằng: Tức là đạo cộng giới. Quyển thứ nhất trước nêu ra thể đã nói xong, văn còn lại có thể hiểu.

Luận: "Bốn là hiện quán trí đế hiện quán", đến "trí vô phân biệt".

Thuật rằng: Là tại vị nào mà chỉ duyên Phi an lập? Tức là thông với hai trí, đều là vị này nhiếp, cho nên nói Tất cả chủng. Quyển 71 ghi: "Vị này duyên cảnh của Phi an lập đế, tư làm tánh". Quyển 55 ghi: "Ba tâm kiến đạo là vị này hiện quán", tức là hai trí của tất cả kiến đạo và Tu đạo, không lấy hai trí của Vô học, cùng với cứu cánh hiện quán không khác nhau.

Luận: "Năm là hiện quán biên trí đế hiện quán", đến "trí của thế và xuất thế".

Thuật rằng: Trí này thông với tất cả kiến đạo và Tu đạo của Hữu lậu và Vô lậu, duyên với an lập trí. Quyển 71 ghi: "Tuệ duyên với cảnh

của An lập đế là tự tánh này".

Luận: "Sáu là cứu cánh hiện quán", đến "cứu cánh vị trí".

Thuật rằng: Là chỗ có các trí trong cứu cánh vị của tận trí, tức là thông với mười trí, nhưng đều là Vô lậu. Quyển 71 ghi: "Tận vô sinh trí làm tự tánh". Hoặc trí này đồng thời hành Bồ-đề phần pháp làm tự tánh. Quyển 69 ghi: "Mười trí vô giác đều là Vô lậu", nên xem xét văn đó. Nghĩa của các môn này có thể lấy chỗ thuyết minh rộng của các luận như trên, tổng hợp các chỗ thêm bớt không đồng.

Luận: "Chân kiến đạo này", đến "cho nên không nhiếp nhau".

Thuật rằng: Lấy kiến đạo này nhiếp sáu hiện quán thì Chân kiến đạo nhiếp phần ít hiện quán thứ tư, trong hiện quán thứ tư cũng có tướng kiến đạo duyên Phi an lập đế, vì cũng thông với Tu đạo. Tướng kiến đạo của nó thì nhiếp phần ít hiện quán thứ tư, cũng nhiếp chân kiến đạo cho nên hiện quán thứ năm cũng phần ít thông với Tu đạo. Văn còn lại có thể hiểu.

Luận: "Bồ-tát đắc trí này", đến "sinh vào nhà Như Lai".

Thuật rằng: Từ đây xuống là phần thứ tư, công đức Nhập Địa. Quyển 6 của Thế Thân nói: "Do trí này có thể khiến cho chủng tánh của chư Phật không đoạn tuyệt". Luận Vô Tánh ghi: "Pháp giới của Phật gọi là Như Lai gia, đối với Như Lai gia mà chứng đạt thì gọi là sinh vào, từ nơi sở duyên thắng trí này mà sinh, là chuyển sở y này sinh đến sở y khác, tiếp nối Phật chủng khiến cho không đoạn tuyệt, cho đến Bát-nhã chứng chân pháp giới, gọi là sinh vào nhà Như Lai, gọi là chân Phật tử". Vì do Bát-nhã này mà dựng lập tự tướng tương tục.

Luận: "Trụ cực hỷ Địa".

Thuật rằng: Trụ cực hỷ Địa trong Thập Địa, dưới đây sẽ giải thích Địa này. Quyển 47 thì nói phân ra thập vương vị, phần nhiều làm Chuyển luân thánh vương, là vua hoa quả của châu này.

Luận: "Khéo đạt pháp giới, đắc các bình đẳng".

Thuật rằng: Vô Tánh nói: "Vì trong pháp giới này khởi chứng sau xa, đắc các bình đẳng". Kinh Phật Địa ghi: "Đắc mười bình đẳng". Nhiếp luận quyển 6 ghi: "Đắc ba thứ tâm tánh của tất cả hữu tình, tất cả Bồ-tát và tất cả Như Lai". Rộng như kinh luận đó giải thích.

Luận: "Thường sinh trong đại tập tổng hợp của chư Phật".

Thuật rằng: Tức là thường sinh trong tha thọ dụng độ, như kinh Phạm Võng, kinh Thập Địa nói, đến sau trong phần Thập Địa sẽ nói rộng.

Luận: "Đã đắc tự tại đối với nhiều bách môn".

Thuật rằng: Quyển 47 ghi: “Một khoảng sát-na chứng hàng trăm Tam-ma-địa, dùng tịnh Thiên nhãn nhìn thấy quốc độ của chư Phật, nhìn thấy hàng trăm Như Lai, chấn động hàng trăm thế giới, thân cũng có thể đến thế giới của Phật kia phóng Đại quang minh, hóa thành hàng trăm loại khiến cho người khác nhìn thấy, thành thục hàng trăm loại chỗ hóa độ hữu tình, hoặc muốn thọ mạng lâu dài trụ hàng trăm kiếp, nhìn thấy các sự ở tiền tế và hậu tế trong hàng trăm kiếp, trí kiến có thể nhập hàng trăm pháp minh môn, hóa thành hàng trăm thân, đều có thể hiện hàng trăm quyến thuộc của Bồ-tát”, tức là đối với thập bách tự tại, gọi là nhiều bách môn.

Luận: “Tự biết không lâu”, đến “lợi lạc tất cả”.

Thuật rằng: Đã chứng Chân như thì liền tự biết chứng, là hạnh tự lợi. Quyển 69 ghi: “Quả Dự lưu còn có thể tự biết, huống chi hạnh lợi tha của Bồ-tát này lợi lạc tất cả”. Rộng nói tướng này, như kinh Thập Địa quyển 3 ghi: “Kia có thập nhị bách”, tức là kinh đó thêm ba thứ:

1. Thêm tri bách phật thần lực, biết hàng trăm thần lực của Phật - tức là kiến bách thấy hàng trăm Phật trong đây nhiếp.

2. Thêm năng nhập bách Phật Thế giới, là có thể nhập hàng trăm Thế giới của Phật - tức là động bách Thế giới trong đây nhiếp.

3. Thêm chiếu bách Thế giới, là chiếu soi hàng trăm Thế giới của Phật - cũng trong động bách Thế giới nhiếp. Kinh kia lại thiếu “thành thục hàng trăm loại chỗ hóa độ hữu tình”. Luận có thập bách, kia ngược lại là lỗi. Trong văn của luận kia cũng nhập chung vào chiếu bách Phật Thế giới để giải thích, người đọc nên xem xét. Như quyển 49 ghi: “Bồ-tát tại vị này có mười thứ phát tâm”. Như luận Thập Địa trong Địa thứ nhất thì ghi: “Mười thứ đại nguyện”. Như Thập Địa quyển 3 thì ghi: “Mười thứ tịnh tu trụ pháp, đã thấy chư Phật, đã nghe Chánh pháp”. Đều như luận Thập Địa quyển 3 nói rộng. Luận Du-già quyển 47, 48, 49 đều giải thích rộng, mỗi mỗi đèu nên xem xét tế nhị sai biệt của văn nghĩa. Lại nữa, khởi quán A-lại-da thức tánh Y tha thì như quyển 51 nói sai biệt của ba Thừa.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 10
(PHẦN ĐẦU)

Luận: "Tiếp theo tu tập vị, tướng nó thế nào?"

Thuật rằng: Dưới đây thuyết minh Tu đạo. Tiền kiến đạo là chỉ ở tại Sơ địa, tâm mới nhập Địa. Tu đạo của luận này thì trừ tâm mới nhập Địa, tâm xuất tướng kiến đạo đã trụ và tâm xuất Địa, cho đến Thập Địa, cuối cùng là đến kim cương Vô gián đạo, đều gọi là Tu đạo. Điều này đã đặt câu hỏi rồi, đến sau sẽ biết.

Luận: "Tụng nói rằng", đến "liền chứng đắc chuyển y".

Thuật rằng: Đây là nêu ra tụng đáp, tức là tâm trụ và xuất đối với Sơ địa, sao đó dần dần đến cứu cánh kim cương đạo, vì đều đoạn chủng tử câu sinh pháp chấp, đến Vô học vị thì liền chứng chuyển y.

Luận: "Bồ-tát từ trước", đến "trí vô phân biệt".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích có hai phần:

1. Giải thích sơ lược văn tụng.
2. Rộng giải thích nghĩa của tụng.

Trong phần đầu lại có hai đoạn:

1. Giải thích ba câu trên, chánh hiển tướng của vị.
2. Thuyết minh tu vị này đối với cứu cánh vị liền chứng chuyển y.

Tu đạo của Thập Địa tu trí vô phân biệt, là đoạn trừ chướng để chứng chuyển y. Sinh khởi các văn dưới đây. Nhưng không phải chỉ có trí là thể của tu tập vị, đây là từ sở duyên năng đoạn đạo mà nói sơ lược, không nói pháp khác.

Luận: "Trí này viến ly", đến "và bất tư nghì".

Thuật rằng: Viễn ly sở thủ gọi là vô đắc, viễn ly năng thủ thì nói là bất tư nghì. Đây là giải thích câu thứ nhất của tụng, tức là một trí thể lìa kế sở chấp, thật ra sở thủ và năng thủ nói là vô đắc, không phải không có Kiến phần.

Luận: "Hoặc lìa hý luận", đến "gọi là bất tư nghì".

Thuật rằng: Tức là một trí thể không có phân biệt, có phân biệt là hành tướng của hý luận, tức là Hậu đắc trí cũng gọi là hý luận. Hoặc Hữu lậu phân biệt nói là hý luận, vì sự thiên chấp tăng lên cho nên gọi là hý luận, tức là Hậu đắc trí không gọi là hý luận. Nếu y theo giải thích trước thì năng đoạn hai chướng vô phân biệt trí gọi là diệu dụng, là bất tư nghì. Hoặc y theo giải thích sau, tức là Vô lậu trí đều lìa lỗi lầm, có thể ngược lại sinh tử, gọi là diệu dụng, là bất tư nghì. Trong văn của luận chỉ phỏng theo giải thích trước, luận tự hiển bày.

Luận: "Là Xuất thế gian", đến "trí vô phân biệt".

Thuật rằng: Giải thích câu thứ hai của tụng. Trí vô phân biệt có đủ hai nghĩa giải thích:

1. Đoạn thế gian.
2. Thể Vô lậu.

Hậu đắc trí thì không như vậy, không gọi là xuất thế.

Luận: "Vì niệm tu trí này", đến "cho nên nói là xả".

Thuật rằng: Giải thích câu thứ ba của tụng. Trái với tế thì gọi là thô, trái với khinh thì gọi là trọng. Thô trọng của chủng tử Sở tri chướng đến kim giai vị mới trừ. Hoặc là luận phiền não không phải chủng tử thì các Địa đều cũng đoạn trừ. Đây là hiển từ Thập Địa tu trí vô phân biệt, đến Kim cương tâm thì đoạn trừ chủng tử phiền não. Trong Thập Địa thì đoạn sắc tri chướng, tổng hợp mà nói là đoạn hai chủng tử. Đây là phỏng theo cứu cánh tận chỉ có tại kim cương, khi kim cương tận thì chứng quả chuyển y.

Luận: "Trí này có thể xả chủng tử kia", đến "chuyển y quảng đại".

Thuật rằng: Do Thập Địa tu trí cứu cánh, đến Phật Địa thì chứng chuyển y. Giải thích câu tụng thứ tư, trong đó có hai chữ "lại nữa" để giải thích, tức là là hai quả.

Luận: "Y là sở y", đến "hai quả chuyển y".

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ nhất. Tổng làm biệt, y theo đoạn nhiễm cho nên không có sở chấp, vì sinh thanh tịnh cho nên đắc hai quả, văn còn lại dễ hiểu. Đồng với quả đoạn phần của Nhiếp luận giải thích chuyển y, luận vô tánh quyển 9 cũng đồng Nhiếp luận, nhưng văn có rộng hơn chút ít. Nói chuyển y, chuyển là chuyển xả và chuyển đắc, y là sở y, tức là chuyển sở y đó gọi là chuyển y - Y sĩ thích. Lại nữa, giải thích văn này, các tà lý chấp trước, chánh lý ly đảo, chuyển đắc và chuyển y trên Y tha sự. Sự là chỗ y của lý, cho nên gọi là chuyển y, luận Vô Tánh ghi: "Hai sở y chỉ" thì chuyển y cũng là Trì nghiệp thích.

Nhưng năng y và sở y này hợp chung làm chuyển y, cho nên không có Trì nghiệp thích. Luận này nói Y tha khởi là chuyển y, là lưu chuyển y và hoàn diệt y, tức là sở xả và sở đắc. Sở đắc thì thông với hai quả chuyển y, do sở chấp cho nên khởi pháp Hữu lậu. Pháp Hữu lậu bị đoạn thì sở chấp gọi là xả, không phải riêng có thể mà gọi là xả.

Luận: "Hoặc y tức là", đến "sở y của nó".

Thuật rằng: Sư thứ hai giải thích, y tức là Chân như, là sở y của mê và ngộ.

Luận: "ngu phu điên đảo", đến "đoạn chướng chứng đắc".

Thuật rằng: Người ngộ Chân như này thì chứng Niết-bàn, vì Niết-bàn tức là Chân như lìa pháp tạp nhiễm. Lại nữa, giả Niết-bàn y theo chân mà lập, năng và sở khác nhau. Vị này đoạn chướng, sau Kim cương tâm mới đắc.

Luận: "Tuy đối với vị này", đến "gọi là pháp thân".

Thuật rằng: Bồ-đề của nó khắp chỗ hiển của ý tụng trong đây, chỗ ý tụng hiển như tụng sau nói an lạc, giải thoát thân và Đại Mâu-ni danh pháp. Mâu-ni nghĩa là Tịch mặc, vì ngưng dứt vắng lặng tất cả tạp nhiễm, không phải Bồ-đề kia là tánh Duy thức, mà ngay Đại Mâu-na gọi là pháp thân. Trong quyển 78 ghi: "Nhị thừa có tên giải thoát thân này, cho nên nói ba Thừa bình đẳng bình đẳng". Bồ-đề của sư thứ nhất cũng gọi là chuyển y, như trong tụng sau tự giải thích rõ. Từ trên đến đây giải thích sơ lược văn của hai tụng đã xong. Từ đây xuống là nói rộng văn của tụng trước, có ba phần:

1. Hỏi.
2. Lược đáp.
3. Giải thích rộng.

Luận: "Thế nào là chứng đắc hai thứ chuyển y?"

Thuật rằng: Đặt câu hỏi song song nhân năng chứng và quả sở đắc.

Luận: "Là trong Thập Địa", đến "do đây mà chứng đắc".

Thuật rằng: Tiếp theo là lược đáp. Trong Thập Địa, là các Địa vị phải trải qua. Tu mười thắng hạnh, là nhân của chỗ tu, là đoạn pháp đối trị mười trọng chướng. Trong đây nói trọng, như đầu quyển 1 giải thích. Chứng mười Chân như, là pháp quán chiếu. Do bốn thứ nhân này mà hai quả Chuyển y do đây mà được chứng đắc. Sau khi chứng Chuyển y thì chắc chắn có Địa vị trải qua. Địa vị có nhiều thứ, mà lại nói phần nhỏ Địa vị có thể chứng được, là tu tập vị, cho nên ở đây đầu tiên là thuyết minh Thập Địa. Thập Địa này không có riêng thể, khi tu mười

thắng hạnh đoạn mười trọng chướng chứng mười Chân như thì gọi là Thập Địa. Đây là giải thích chung riêng vị, đã biết phần vị chắc chắn là có tu hành, cho nên tiếp theo Thập Địa là thuyết minh mười thắng hạnh, tức là nói rộng về vô đắc bất tư nghì ở trước là Xuất thế gian trí. Đã tu thắng hạnh này thì phải có chỗ làm nhân, cho nên tiếp theo là thuyết minh đoạn mười trọng chướng, tức là nói rộng về xả hai thứ thô trọng trong tụng. Lại biết sở đoạn là mười trọng chướng thì chắc chắn phải có sở chứng, cho nên tiếp theo là thuyết minh thập chủng Chân như, là nói rộng khi xả hai thô trọng trong tụng thì tức là Chuyển y. Tuy đã chứng từng phần thì chưa gọi là viên mãn, đây là Địa vị của nhân. Nói rộng ba câu trước, tức là lần lượt ngộ nhập, hai thứ Chuyển y do đây mà được chứng đắc. Thuyết minh quả sở đắc tức là nói rộng câu thứ tư của tụng trước, chính là thuyết minh sự ngộ nhập, tổng làm câu văn lược đáp thứ hai.

Luận: "Nói về Thập Địa", đến "là sinh đại hỷ".

Thuật rằng: Phần thứ ba lần lượt nói rộng câu đáp trước:

1. Nói rộng nhân.
2. Nói rộng quả.

Trong nói nhân có bốn phần, phần đầu nói rộng Thập Địa. Phần này có ba đoạn:

1. Giải thích mười tên riêng.
2. Nêu thể tánh của Địa.
3. Giải thích đều là nghĩa của Địa.

Người mới được Thánh tánh, là mới đoạn phàm tánh. Thể của dị sinh tánh chỉ có hai thứ chướng, hoặc Thánh tánh này lấy trí chủng ban đầu của ba Thừa, chính có thể sinh công năng hiện hành gọi là Thánh tánh. Y theo sự phân riêng hai chủng mà lập dị sinh tánh. Câu sinh hai chướng chủng tuy có, nhưng cũng không phải phàm phu, vì y theo năng sinh sơ Vô lậu chủng lập Thánh tánh, khi còn phàm phu có sơ Vô lậu chủng, nhưng không phải Thánh tánh, vì chưa có thể sinh. Chướng của phân biệt chướng ngại Thánh tánh thì gọi là phàm tánh. Tánh của Vô lậu có thể đoạn phàm tánh thì gọi là Thánh tánh. Nếu như thế thì các Vô lậu sau đáng lẽ không phải Thánh tánh, vì không thể đoạn các chướng của phân biệt? Điều này cũng không phải như vậy, vì tánh năng đoạn, vì là loại của nó, cũng gọi là Thánh tánh. Mỗi mỗi đều tùy theo tự thừa sở trị đã làm phàm tánh thì cũng tùy theo Tự thừa năng trị mà làm Thánh tánh, tức là tùy theo một Không và hai Không trí làm thể. Hoặc hiện hành trí làm thể thì dấy khởi tâm Thế tục đáng lẽ không phải là

bậc Thánh. Hoặc Thánh tánh của Bồ-tát là đại Sĩ phu, không giống như Thánh tánh của Nhị thừa Tiểu nhân, đây là nguyên nhân thứ hai chứng đủ hai Không, lựa riêng với Nhị thừa chỉ chứng một Không. Từ thuyên mà nói, nói Chân như là Không, hoặc Chân như không phải Không, là nguyên nhân thứ ba có thể lợi ích tự và tha, lựa riêng với Nhị thừa kia chỉ có tự lợi. Do ba nhân đạt được Thánh tánh của đại sĩ, chứng đủ hai Không và lợi ích tự tha, cho nên sinh đại hỷ. Địa này gọi là cực hỷ Địa, lựa riêng với Hậu Bồ-tát không phải mới đắc Thánh tánh, không gọi là cực hỷ. Nếu như thế thì Sơ quả của Bồ-tát tại sao không gọi là dự lưu? Luận Đối Pháp quyển 14 ghi: “Duyên gì mà Bồ-tát đã được siêu thăng mà không phải dự lưu? Do đắc bất trụ đạo, vì xưa nay hạnh dự lưu không thành tựu, vì dự vào dòng Thánh ưa thích trụ nơi đạo, vì chán mà ra khỏi sinh tử. Duyên gì cũng không phải Nhất Lai mà thọ chư hữu vô lượng sinh, và duyên gì cũng không phải là bất hoàn? Vì an trụ Tĩnh lự sinh trở lại cõi dục”. Luận Thập Địa quyển 5 ghi: “Bồ-tát sinh cõi dục không thoái chuyển Tĩnh lự”. Luận Đối Pháp quyển 13 ghi: “Bồ-tát đều lìa cõi Vô sắc mà sinh, Tĩnh lự tương ưng, trụ Tĩnh lự lạc mà sinh cõi dục hoặc trong cõi Sắc, đã chứng đắc oai đức của Bồ-tát. Phàm là chỗ thọ sinh của Bồ-tát đều là muốn lợi ích an lạc hữu tình, vì cõi Vô sắc không phải là chỗ hữu tình thành thục. Luận kia tự giải thích rằng: “Trụ Tĩnh lự, là do Bồ-tát này khéo léo xoay chuyển”. Văn này của luận Hiển Dương và luận Du-già không phải một. Do nghĩa này cho nên không gọi là bất hoàn, vì còn hoàn trở lại nữa. Tại sao không gọi là A-la-hán? Tên này cũng có thể gọi, như quyển 3 trước đã dẫn chứng, đến quyển ngọn này thì sẽ hiểu. Do đây mà Sơ địa Bồ-tát không gọi là dự lưu. Quả của dự lưu không gọi là cực hỷ. Nhiếp luận quyển 7 thì có nhị lợi cho nên gọi là hỷ, vì đối với nhị lợi đó mà gọi là cực hỷ. Luận Vô Tánh ghi: “Nếu hỷ của Sơ địa không tương ưng thì tự sau các Địa cũng không tương ưng, vì Sơ địa này là trước”. Luận Thập Địa quyển 1 ghi: “Không có nhị lợi trên, vì mới chứng Thánh Địa thì phần nhiều là sinh hoan hỷ”, tức là cùng với hai nhân của luận này đồng, chỉ có chứng hai Không là luận này riêng có. Quyển 47 ghi: “Địa này vì khéo quyết định, bốn tướng phát tâm, phát khởi tinh tấn, phát chánh nguyện, tịnh tu pháp Địa, khai hiểu các Địa khác, tu trị thiện căn, thọ sinh và oai lực”. Như luận kia và kinh Thập Địa quyển 1, 2, ba giải thích. Kinh Anh Lạc tuy giải thích riêng tên của Thập Địa, nhưng không bằng luận này. Địa này thì nguyện làm tối thắng, có Thập đại nguyện, đều như hai luận kia nói.

Luận: “Hai là ly cấu Địa”, đến “vì phiền não cấu”.

Thuật rằng: Khi ở Sơ địa thì đã lìa phạm giới thô cấu, nhưng Địa thứ hai này thì hoàn toàn lìa xa, do đó mà nói. Vì mong vi tế ở trước, trong mười một chướng dưới đây phân rõ hai chướng nhiếp. Tịnh Thi-la, là biệt giải thoát và đạo định cộng giới, tức là thông cả ba thứ. Tuy Địa thứ ba mới phát định tăng trưởng, khi có thể lìa lỗi thì Địa này đã mãn. Hoặc y theo Biệt giải thoát thì cũng có thể hoàn toàn lìa gia hạnh tội, hậu khởi tội và căn bản tội, không phải định đạo cộng có thể lìa gia hạnh tội và hậu khởi tội. Nhiếp luận của Thế Thân nói: “Địa thứ hai này tánh giới thành tựu, không phải như Sơ địa do tư trạch hộ giới”. Vì tánh giới thành tựu cho nên các sự phạm giới cấu đều đã lìa rất xa. Tại sao Sơ quả đã đủ tánh giới, còn trong Cực hỷ Địa thì nói chưa đủ? Phần lớn đều đã đủ, nhưng vẫn còn sai phạm tội lỗi vi tế. Lại nữa, luận về tánh giới thì Sơ địa đã xa lìa, Bồ-tát nhập Địa cũng không đồng, vì Sơ quả và Nhị quả cũng còn có thê tử, tánh tội thì chắc chắn không phạm, chỉ đối với sự ngăn trách tội lỗi còn có sai phạm thì Địa thứ hai này đều có thể vĩnh viễn lìa. Ngoài ra, các luận khác đều đồng, dưới đây các luận đều đồng, khỏi phiền trình bày. Dưới đây các Địa đều như luận Du-già quyển 48, luận Thập Địa quyển quyển 4 trở đi, mỗi mỗi đều giải thích một quyển, không dẫn ra phiền phức.

Luận: “Ba là Phát quang Địa”, đến “vì ánh sáng của diệu tuệ”.

Thuật rằng: Trong Địa thành tựu định là thù thắng. Định là Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-để. Luận Vô Tánh ghi: “Nói rằng, Tĩnh lự gọi là đẳng trì, các Vô sắc gọi là Đẳng chí”. Hoặc đẳng trì, là nói một cảnh tướng của tâm, Đẳng chí là nói chánh thọ hiện tiền, như trước đã giải thích. Đà-la-ni, ở đây gọi là tổng trì. Tổng trì có bốn thứ:

1. Pháp.
2. Nghĩa.
3. Chú.
4. Năng đắc nhẫn.

Chỗ đối trị của Địa là tánh trì độn, đối với ba tuệ hay có chướng vong thất. Địa này thì không có quên mất pháp kia, gọi là tổng trì đại pháp. Pháp là giáo pháp, giáo thù thắng thì gọi là đại pháp. Định này và tổng trì làm nhân, có thể phát sinh vô biên diệu tuệ quang, cho nên tổng trì lấy tuệ và niệm làm tánh, là lấy ba thứ văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ chiếu liễu Đại thừa pháp. Nương theo đắc định đoạn chướng, văn tuệ và tư tuệ chuyển thêm thù thắng, không phải do định lực thân cận có thể khởi hai thứ văn tư này. Luận Thập Địa: “Tùy theo ba tuệ chiếu soi mà

pháp hiển hiện cho nên gọi là minh Địa.

Hỏi: Tại sao mười độ và năm tu thiền và ba phước nghiệp?

Đáp: Địa này thì tu định, sau đây sẽ biết, lại trong mười một Chướng sẽ tự giải thích.

Luận: “Bốn là diễm tuệ Địa”, đến “vì tuệ tăng như ngọn lửa”.

Thuật rằng: Tức là trừ câu sinh thân kiến nhiếp trong Thức thứ sáu, không phải nói là tất cả, đến sau sẽ hiểu. Thế Thân nói: “Có thể thiêu tất cả căn bản phiền não đều thành tro tàn”. Thập Địa ghi: “Không quên củi phiền não, chỗ thiêu của hoả trí”. Lấy Bồ-đề phần pháp làm tuệ, không phải đều là tuệ, như ánh lửa của tuệ. Đây là từ hoả ví dụ mà đặt tên. Bồ-đề phần pháp như Biệt Chương nói.

Luận: “Năm là cực nan thắng Địa”, đến “vì rất khó thắng”.

Thuật rằng: Thế Thân nói: “Biết Chân đế trí là vô phân biệt, biết trí trong sách luận của các thế gian là hữu phân biệt”. Hai trí này trái nhau, đáng lẽ tu cho hợp lại, vì có thể hợp và khó hợp khiến cho tương ưng. Luận Vô Tánh ghi: “Trí của Chân đế và Tục đế trái nghịch lẫn nhau, khó có thể dẫn phát khiến cho cùng chung tương ưng”. Trí này thì có thể khiến cho không trái nhau, vì trí trước không bằng, gọi là cực nan thắng, không phải mong trí sau. Tương ưng, là đối với chân quán thành tục khiến cho cảnh tương nhập lẫn nhau gọi là tương ưng, là trong một niệm cả hai trí cùng khởi, đây là khiến cho một niệm mà hai trí cùng sinh gọi là hợp thì cũng được, bốn Địa trước thì chưa có thể được. Lại nữa, cảnh đồng nhau gọi là tương ưng, vì bốn Địa trước quán cảnh của hai Đế cũng có sai biệt. Trí này quán cảnh đó lại không có sai biệt, khiến cho Chân đế trí và Tục đế trí đã không trái nhau thì gọi là tương ưng - trong Thức thứ hai trước đã có đặt vấn nạn, như trong đó nói rộng - vì biết hai cảnh kia không có sai biệt, cho nên Chân như này gọi là vô sai biệt.

Luận: “Sáu là hiện tiền Địa”, đến “vì khiến cho hiện tiền”.

Thuật rằng: Là quán mười hai chi duyên khởi, có tối thắng trí quán thì không có nhiễm và tịnh, vì khiến cho hiện tiền cho nên gọi là vô sai biệt. Địa thứ bảy thì thành Hữu, Địa thứ tám thì thành Vô. Nhiếp luận của Thế Thân cũng đồng. Luận Thập Địa: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa hạnh là hữu gián, đại trí thì trụ hiện tiền.

Luận: “Bảy là Viễn hành địa”, đến “vì Nhị thừa đạo”.

Thuật rằng: Thế Thân nói: “Địa này đối với công dụng được đến cứu cánh. Tuy tất cả tướng không thể dao động, nhưng đối với hữu tướng thì cũng còn gọi là hữu hạnh”. Luận Thập Địa: “Khéo tu vô công

dụng cứu cánh của vô tướng hạnh thì có thể vượt qua Nhị thừa thế gian và Xuất thế gian đạo". Địa này vượt qua khỏi Nhị thừa đạo của thế, là trong Địa thứ sáu trước tuy có duyên khởi tịnh và nhiễm không hai, cũng còn có chỗ đối trị tế tướng của chướng hiện hành, vì chấp có tướng sinh diệt, lưu chuyển và hoàn diệt, không thể trong Không mà khởi có thắng hạnh. Hiện tại trong Địa này thì vĩnh viễn xa lìa chướng đó, cũng có thể trong Không khởi có thắng hạnh, có thể đối trị chướng đó. Nhị thừa thế gian thì không thể như vậy.

Luận: "Tám là bất động Địa", đến "vì không thể dao động".

Thuật rằng: Tướng là hữu tướng, dụng là công dụng. Luận Vô Tánh ghi: "Tất cả hữu tướng và tất cả gia hạnh đều không thể dao động tâm của Địa này". Địa thứ bảy tuy tất cả tướng không thể dao động vì không hiện hành, nhưng không tự tại tùy ý mà chuyển có gia hạnh, cho nên cũng còn có phiền não. Trong Địa thứ tám thì tùy ý mà chuyển, không nương vào gia hạnh vì vô công dụng, cũng không có phiền não. Sự sai biệt của Địa thứ bảy và Địa thứ tám, luận Thập Địa: "Báo hạnh thuần thục vô tướng và Vô gián cho nên gọi là bất động". Từ Địa này trở đi là thuyết minh biết vô tướng không phải hữu gián.

Luận: "Chín là thiện tuệ Địa", đến "vì khéo thuyết pháp".

Thuật rằng: Luận Vô Tánh ghi: "Đắc tối thắng vô ngại giải, trong các trí thì Địa này là tối thắng". Trí tức là tuệ, cho nên gọi là thiện tuệ. Thế Thân nói: "Tuệ này rất khéo diệu cho nên gọi là thiện tuệ". Luận Vô Tánh ghi: "Do pháp vô ngại giải mà tự tại biết rõ tất cả pháp cú. Do nghĩa vô ngại giải mà tự tại thông đạt tất cả nghĩa lý. Do từ vô ngại mà tự tại phân biệt tất cả ngôn từ. Do biện vô ngại khắp mười phương, tùy chỗ tuyên thuyết mà tự tại phân rõ tuyên thuyết". Trong Địa này ban đầu chứng trước hết là chưa từng đấv vô ngại giải trí, cho nên gọi là thiện tuệ. Có thể khắp mười phương, luận Thập Địa: "Vì vô ngại lực thuyết pháp thành tựu hạnh lợi tha".

Luận: "Mười là pháp vân Địa", đến "vì pháp thân sung mãn".

Thuật rằng: Luận Vô Tánh ghi: "Do được tổng duyên tất cả trí, tổng duyên tất pháp của Khế kinh mà không lìa Chân như thì tất cả pháp cộng tướng cảnh trí này ví như vầng mây lớn, Đà-ra-ni môn và Tam-ma-địa môn cũng như tịnh thủy; trí có thể tàng trữ như vầng mây kia hàm chứa nước, vì có thể sinh công năng thù thắng kia. Lại nữa, như vầng mây lớn che khuất hư không, như vậy pháp trí che khuất hai chướng hoặc và trí rộng lớn vô biên như hư không. Hai chướng hoặc và trí này gọi là thô trọng. Luận đó lại ghi: "Lại nữa, vầng mấy đó mưa

thanh tịnh thủy đầy khắp hư không". Như vậy pháp trí sinh ra vô lượng công đức thù thắng, vì đầy khắp bản thân sở y và sở chứng. Thế Thân nói: "Nói sung mãn, là nghĩa chu biến". Luận Thập Địa quyển 1 ghi: "Đắc đại pháp thân đầy đủ tự tại gọi là pháp vân Địa". Quyển 12 ghi: "Thân đầy khắp như vầng mây, cho nên trừ cấu". Là mầm thứng của tám tướng thành đạo độ chúng sinh, Địa này như vậy thọ pháp Vương vị, như Thái tử của vua đối với các Vương tử khác mà được tự tại, chỉ do là Thái tử đó có vi tế trí chướng cho nên không được tự tại, để đối trị chướng này cho nên nói sau cùng là nói Phật Địa. Thập Địa quyển 12 ghi: Địa này khi đắc thọ vị thì có mười tướng:

1. Chủ tướng, vì Đại bảo hoa vương xuất hiện.

2. Lượng tướng, vì tròn đầy như mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam thiên Đại thiên thế giới.

3. Thắng tướng, vì tất cả vật báu đều thi thố trang nghiêm.

4. Địa tướng, vì vượt hơn tất cả cảnh giới của Thế giới.

5. Nhân tướng, vì chỗ sinh thiện căn xuất thế.

Đều như luận đó nói. Lại nữa, như khi mang thai còn ẩn tàng, mười Thời của Bồ-tát cũng như thế. Luận đó nói mười vị, không phiền dẫn hết ra. Luận Du-già trong quyển 48 đều giải thích rộng hạnh, đức và danh, không phiền dẫn ra. Luận này thì phần thứ nhất đã giải thích riêng về danh rồi, như kinh Thập Địa.

Luận: "Như vậy Thập Địa", đến "lấy làm tự tánh".

Thuật rằng: Năng chứng và sở chứng lấy là thể của Địa. Có thể nói: "Phần vị của pháp Vô ngã trí gọi là Địa, vì Chân như không có phần vị, trí thì có phần vị, do đó trí gọi là Địa". Luận này thì nêu chung ra nghĩa thể của Địa, sở chứng cũng là Địa, vì Địa có nghĩa là Y Trì Sinh Trưởng. Quyển 47 ghi: "Do nghĩa năng nhiếp trì Bồ-tát cho nên gọi là Địa, có thể làm nghĩa của thọ dụng và cư xử cho nên gọi là trụ" thì Chân như cũng gọi là Địa, vì năng nhiếp trì, tức là thật pháp mượn làm sở y cho nên thật pháp gọi là Địa. Đó là phần thứ hai nêu thể.

Luận: "Cùng với chỗ tu hành", đến "cho nên gọi là Địa".

Thuật rằng: Quyển 47 ghi: "Lấy nghĩa năng nhiếp trì Bồ-tát gọi là Địa". Nghĩa nhiếp kia tức là nghĩa y trì sinh trưởng của luận này. Trì nghĩa là nương giữ, tức là thông với chánh trí của Chân như, vì đều có thể sinh trưởng để y trì, cho nên gọi là Địa. Chân như là tên gì mà khiến cho được sinh trưởng? Luận này không nói Chân như là năng sinh, chỉ nói hạnh là sở sinh, vì Chân như làm Tăng thượng duyên, hạnh thì từ chủng tử sinh, tức là lấy công đức thù thắng cùng với hạnh làm công đức nhiếp

trì gọi là Địa. Đây là phỏng theo quả và công đức nhân Địa của nhân làm sở đắc của hạnh. Nhưng giả mượn tổng pháp làm năng y, công đức của pháp khác làm Địa thù thắng. Trong văn của luận này thì đó là phần thứ ba giải thích chung tên của Địa. Kinh Anh lạc ghi: ỏ Tì tất công đức gọi là Địa, sinh thành tất cả nhân quả gọi là Địa". Luận Vô Tánh ghi: "Là các hàng Bồ-tát trong Địa này tu tập hiện quán, lìa lỗi, lìa tham, tu Bồ-đề phần, quán sát các đế, quán sát duyên khởi, trong vô tướng hoặc có công dụng, hoặc không có công dụng, đắc thắng biện tài, đến chân quán đảnh thì trừ diệt Sở tri chướng và phiền não chướng", đến nói rộng chỗ tu các hạnh của Địa đó, không phiền dẫn ra. Luận Hiển Dương quyển 3 cũng giải thích, có sai biệt nhỏ, đọc giả nên biết.

Luận: "Mười thắng hạnh", đến "Ba-la-mật-đa".

Thuật rằng: Phần thứ hai giải thích thắng hạnh. Trong đó có hai đoạn:

1. Nêu chung mười thập hạnh, tức là Ba-la-mật-đa.
2. Giải thích rộng.

Trong giải thích rộng có bốn phần, đến sau sẽ biết. Phần đầu lấy mười ba môn giải thích rõ.

Luận: "Thí có ba thứ" đến "pháp thí".

Thuật rằng: Luận Đối Pháp quyển 12 thì đồng, vì cùng mười tám nhậm trì nhiếp nhau. Tài là thân nhậm trì, vô uý là tâm nhậm trì, pháp thí là pháp thiện nhậm trì. Trong thí của Nhiếp luận quyển 7 lấy pháp, tài và vô uý làm thứ tự, Nhiếp luận quyển 2 thì đều nói pháp giúp ích thiện căn, tài thì giúp ích cho thân của người khác, vô uý thì giúp ích cho tâm của người khác, về thứ tự thì không đồng nhau, nhưng ý nghĩa thì đồng với luận này. Luận Vô Tánh quyển 7 ghi: "Trong tánh của thí, hiện có sáu Ba-la-mật-đa, là chỗ nhiếp của tài thí, vô uý thí và pháp thí". Luận Đối Pháp ghi: "Thí độ là tài thí, năm độ còn lại là vô uý thí, tất cả sáu độ là pháp thí". Điều này cùng với Kim cương Bát-nhã luận của Thế Thân trái nhau. Kim cương Bát-nhã Luận: "Đàn độ nhiếp sáu độ, tư sinh, vô uý và pháp". Thứ nhất, thứ hai, thứ ba trong đây gọi là tu hành trụ, giải thích phối hợp như thứ tự. Quyển 78 và đầu quyển 39 thì lấy tài, pháp và vô uý là thứ tự. Quyển hạ lại nói tài, vô uý và pháp làm thứ tự, đồng với luận này. Các luận kia đều giải thích rộng tướng đó, không phiền dẫn ra. Nhưng thí tài thì gọi là tài thí, bố thí người khác không khiến cho kinh sợ hung dữ thì gọi là vô uý thí, pháp thí thì có thể biết rồi.

Luận: "Giới có ba thứ", đến "nhiêu ích hữu tình giới".

Thuật rằng: Luật Nghi giới là thiện nhậm trì, vì là nhân của thiện, nhiêu ích hữu tình giới là đại bi nhậm trì. Luật là pháp luật, nghi là nghi thức. Luận Vô Tánh ghi: "Đối với Bất thiện, có thể viễn ly, phòng hộ và thọ trì, cho nên gọi là luật nghi, luật nghi này tức là giới, cho nên gọi là luật nghi giới. Luận Thế Thân và luận Vô Tánh đều nói luật nghi giới là y trì giới, để hiển chỗ kiến lập của hai giới còn lại. Do đó người an trụ luật nghi giới thì có thể kiến lập nhiếp pháp thiện giới, sau đó tập hợp các Phật pháp, đắc tướng ích hữu tình vô tội lợi ích. Thất chúng giới là thể thứ nhất, tất cả Phật pháp là cõi thứ hai, tế độ các hữu tình là giới thứ ba. Quyển 78 ghi: "Chuyển xả Bất thiện giới thì chuyển sinh thiện giới, chuyển sinh lợi sinh giới". Nghĩa cũng đồng với luận này.

Luận: "Nhẫn có ba thứ", đến "đế sát pháp nhẫn".

Thuật rằng: Luận Đối Pháp ghi: "Nhịn oán thì hại Nhẫn là không xả nhậm trì của hữu tình. Nếu không nhịn oán hại thì đối với oán kia là xả bỏ oán kia, an thọ khổ nhẫn là xả bỏ nhậm trì hạ liệt của tâm, vì nếu tâm hạ liệt thì không thể thọ khổ". Đế sát pháp nhẫn là vô sanh pháp nhẫn nhậm trì, Thế Thân đồng với luận này. Luận Vô Tánh ghi: "Nhẫn thứ nhất là các hữu tình thành thục chuyển nhân, an thọ khổ nhẫn là nhân thành Phật, vì các thứ khổ hàn nhiệt đều có thể nhẫn thọ không thoái chuyển. Đế sát pháp nhẫn là chỗ y chỉ của hai nhẫn trước, kham chịu đảm đương đại pháp rất sâu rộng". Quyển 78 thì tên đồng nhau.

Luận: "Tinh tấn có ba thứ", đến "lợi lạc tinh tấn".

Thuật rằng: Nhiếp luận đều ghi: "Một là bị giáp tinh tấn", tức là giải thích câu "có thế lực" trong kinh. Luận Đối Pháp ghi: "Thiện căn phương tiện nhậm trì". Quyển 78 thì đồng. Nhiếp luận nói là: "Hai gia hạnh tinh tấn", tức là trong giải thích kinh theo thứ tự có chữ cần. Luận Đối Pháp nói là: "Thiện căn viên chứng nhậm trì". Quyển 78 thì nói là: "Chuyển sinh pháp thiện gia hạnh tinh tấn", tức là cùng với luận đồng, danh và thể đều rộng. Nhiếp luận ghi: "Không khiếp nhược, không thoái chuyển, không mừng đủ", tức là chỗ kinh nói câu : "Có dũng, kiên mãnh và không xả thiện ách". Nhiếp luận của Thế Thân theo thứ tự giải thích rộng, hay hơn chút ít. Luận Đối Pháp thì nói là: "Nhiêu ích hữu tình tinh tấn", tức là thiện căn vô tận nhậm trì. Quyển 78 đồng với Đối Pháp và chỗ nói của luận này. Đối Pháp và luận này lấy nhị lợi làm độ (Ba-la-mật), vì sáu độ đều có nói về lợi sinh, cho nên tinh tấn độ thứ ba gọi là nhiêu ích sinh, tức là tinh tấn thứ nhất và thứ hai nhiếp hết năm câu, nhiếp rộng thiện, là thiện căn viên chứng nhậm trì, hoặc phương tiện, hoặc chánh chứng đều là hai thứ tinh tấn này nhiếp, thể thì rộng nhưng

danh thì hẹp, vì nhiếp luận chỉ lấy tự lợi làm tinh tấn độ, ba thứ tinh tấn không có nói về lợi sinh, vì nhiếp năm câu gia hạnh để làm hẹp. Chỉ nhiếp Hữu cần, nhiếp thiện tinh tấn để giải thích năm câu của kinh, không đồng với danh hẹp thể rộng của luận Đối Pháp quyển 12. Lại nữa, danh và nghĩa của dị nhiếp luận đều hẹp, theo ý của luận này thì danh nghĩa đều rộng, lợi lạc hữu tình tinh tấn cùng với luận Đối Pháp đồng nhau, nhưng ba thứ tinh tấn của dị Nhiếp luận cùng với quyển 42 đồng nhau. Cần thứ nhất của luận đó là bị giáp tinh tấn, thế lực thì đồng luận này, hai danh còn lại cũng không khác, nhưng luận kia thì giải thích rộng hơn. Kinh Anh Lạc ghi: "Một là khởi tâm đại thệ, hai là phương tiện tấn thú, ba là cần hóa chúng sinh", không thể phiền dẫn ra.

Luận: "Tĩnh lự có ba thứ", đến "biện sự Tĩnh lự".

Thuật rằng: Nhiếp luận đồng với luận này. An trụ, là an trụ nơi hiện pháp lạc trụ, luận Đối Pháp gọi là: "Vô yếm quyển nhậm trì". Luận Vô Tánh thì ghi: "Vì lìa mạn và kiến thì đắc thanh tịnh". Dẫn phát, là dẫn phát lục thông, như luận Đối Pháp nói chỗ Tư duy các sự đã thành mãn nhậm trì. Biện sự, luận kia gọi là thành sở tác sự. Nghĩa đó cùng với luận này đồng. Y theo đây phân rõ lợi hữu tình sự, vì có thể ngưng dứt sự nghèo túng. Luận Đối Pháp ghi: "Ngự chúng sinh nhậm trì, gọi là nhiêu ích hữu tình Tĩnh lự", là từ quả đặt tên. Hiện tại trong luận này lấy định năng khởi để phân rõ công năng của hữu tình sự mà lập tên. Quyển 43 ghi: "Một là hiện pháp lạc trụ, từ quả đặt tên. Hai là năng dẫn bồ-tát đẳng trì công đức Tĩnh lự. Ba là nhiêu ích hữu tình Tĩnh lự". Nghĩa đều đồng với luận này, quyển 78 cũng đồng.

Luận: "Bát-nhã có ba thứ", đến "câu Không vô phân biệt tuệ".

Thuật rằng: Các luận chỉ thuyết minh sáu thứ Độ. Nhiếp luận thì nói lấy gia hạnh, chánh trí và Hậu đắc trí làm ba thứ. Luận Đối Pháp thì nói lấy duyên Thế tục, duyên Thắng nghĩa và duyên hữu tình làm ba thứ. Từ thắng công đức mà nói thì ý đồng với Nhiếp luận. Luận Đối Pháp tự giải thích, là hợp chung Độ thứ mười làm Độ thứ sáu, cho nên đều thông với nhị lợi. Luận này thì riêng khai mở hai trí lý và sự, mỗi mỗi đều thuyết minh riêng, tự lợi của Độ thứ sáu thì chung với Độ thứ mười, cho nên các luận không đồng. Quyển 43 ghi: "Một là chứng Chân như tuệ, hai là năm minh xứ ba tụ trung quyết định thiện xảo tuệ, ba là đại bi tương ưng tuệ". Tuy thuyết minh về sáu độ thì cũng đồng với luận Đối Pháp, lời văn khác nhau nhưng nghĩa thì một. Quyển 78 thì đồng luận này. Kinh Anh Lạc ghi: "Một là chiếu hữu đế, hai là chiếu vô đế, ba là Trung đạo Nghĩa đế thứ nhấy".

Luận: "Phương tiện thiện xảo", đến "bạt tế phương tiện thiện xảo".

Thuật rằng: Trong giải thích Thập Địa của Nhiếp luận quyển 7 thì phương tiện độ là lấy chỗ tụ tập thiện căn của sáu độ trước, cùng chư hữu tình hồi chuyển cầu Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, cho nên Thế Thân nói: "Đây là do Bát-nhã và đại bi", vì chư thiện căn hồi chuyển cầu Vô thượng Bồ-đề là Bát-nhã, tạo tác tất cả nghĩa lợi của chư hữu tình là đại bi, cho nên luận Vô Tánh ghi: "Không xả sinh tử mà cầu Niết-bàn", là vì đại bi cho nên không xả sinh tử, vì đại bi cho nên cầu Niết-bàn. Quyển 49 nói như chỗ nói trước. Mười hai hành tướng phương tiện thiện xảo, nên biết gọi là phương tiện thiện xảo độ. Mười hai hành tướng, là quyển 45 trước đã nói, hợp chung có mười hai thứ phương tiện thiện xảo, thành thục Phật pháp có sáu thứ, thành thục hữu tình có sáu thứ, hợp chung lại gọi là mười hai hành tướng. Thành thục Phật pháp có sáu thứ làm Bát-nhã, thành thục hữu tình có sáu thứ làm đại bi, sau đây sẽ giải thích. Luận Đối Pháp quyển 14 nói có bốn thứ phương tiện thiện xảo, xét chỗ đồng và dị, kinh Anh Lạc nói có ba thứ:

1. Tấn thú hướng quả.
2. Xảo tổng hợp hữu vô.
3. Tất cả bất xả bất thọ.

Trong hồi hướng tức là Bát-nhã, bạt tế tức là đại bi.

Luận: "Nguyện có hai thứ", đến "lợi lạc cho nguyện của người khác".

Thuật rằng: Nhiếp luận ghi: "Phát các thứ đại nguyện vi diệu, dẫn nhiếp nhiều duyên của Ba-la-mật trong tương lai". Luận Vô Tánh ghi: "Cầu duyên đáo bỉ ngạn, vì lợi hữu tình và vì mau chứng Phật quả Niết-bàn". Thế Thân nói: "Nguyện này tức là độ, gọi là nguyện độ, nguyện vì tương lai, đây là chỗ làm". Chuyển thanh thứ tư làm tương lai cho nên phát các thứ nguyện. Quyển 49 nói như năm thứ đại nguyện trước gọi là Ba-la-mật-đa. Năm chủng đại nguyện, quyển 45 ghi: "Một là phát tâm nguyện, là sơ phát Bồ-đề tâm. Hai là thọ sinh nguyện, là nguyện tương lai tùy thuận sinh vào các nẻo thiện, nhiêu ích hữu tình. Ba là sở hạnh nguyện, là không có tư trạch điên đảo để chọn lựa các pháp, nguyện đối với các cảnh giới tu tập vô lượng các công đức thù thắng. Bốn là chánh nguyện, là nguyện tương lai nhiếp thọ tất cả công đức của Bồ-đề hoặc chung hoặc riêng". Năm chủng đại nguyện này là từ chánh nguyện phát ra, nguyện này lại có mười thứ, là cúng dường vô biên Phật, trong đây thứ nhất là Bồ-đề nguyện, còn lại là lợi lạc cho nguyện của người khác,

vì lợi ích hữu tình mà phát khởi nguyện này. Sự phối hợp trong đây như văn có thể biết. Kinh Anh Lạc có ba thứ:

1. Tự hạnh nguyện.
2. Thần thông nguyện.
3. Ngoại hóa nguyện.

Luận: "Lực có hai thứ", đến "tu tập lực".

Thuật rằng: Nhiếp luận ghi: "Do hai lực tư trạch và tu tập, khiến cho sáu độ trước liên tục hiện hành". Luận Vô Tánh ghi: "Trong đây nói về hai lực, các lực còn lại cũng nhiếp trong đó, vì tư trạch các pháp mà tu tập. Quyển 49 ghi: "Chỗ có mười lực gia hạnh thanh tịnh, gọi là lực Ba-la-mật-đa". Mười lực gia hạnh thanh tịnh thì trong đó cái nào làm tư trạch, làm tu tập? sự phối hợp của văn nghĩa này có thể biết. Kinh Anh Lạc có ba thứ:

1. Báo sức thần thông.
2. Tu định sức thần thông.
3. Biến hóa sức thần thông.

Luận: "Trí có hai thứ", đến "thành tựu hữu tình trí".

Thuật rằng: Nhiếp luận ghi: "Do sáu Độ trước mà thành lập diệu trí, thọ dụng pháp lạc, thành tựu hữu tình". Luận Vô Tánh ghi: "Do thí... sáu độ mà thành lập trí này, lại do trí này mà thành lập sáu thứ gọi là thọ pháp lạc". Do diệu trí này có thể hiểu biết đúng thí, giới... nhiêu ích hữu tình. Thế Thân nói: "Do Bát-nhã Ba-la-mật-đa trí vô phân biệt tự tánh trí, thành lập Hậu đắc trí, từ trí này mà thành lập sáu Ba-la-mật-đa trước". Do đây mà tự tạo tác và cùng bậc đồng pháp mà thọ dụng pháp lạc, thành thục hữu tình. Quyển 49 ghi: "Đối với tất cả pháp, an lập như thật thanh tịnh diệu trí, gọi là trí Ba-la-mật". Nên biết Thắng nghĩa tuệ của năng thủ gọi là tuệ Ba-la-mật, năng thủ Thế tục tuệ gọi là trí Ba-la-mật. Có nhiều chữ "lại nữa" trong bốn độ môn sau, như luận kia rộng giải thích. Tuy quyển 49 nói Diệu trí đối với tất cả pháp, tức là Hậu đắc trí, bàn về thể cho nên đây là một. Hiện tại trong luận này luận về dụng cho nên đây là hai, không trái nhau. Kinh Anh Lạc có ba thứ trí:

1. Vô tướng trí.
2. Tất cả chủng trí.
3. Biến hóa trí.

Tuy dẫn kinh này nhưng chưa có thể làm chứng, vì bốn độ sau tức là thể thứ sáu. Hiện tại luận này thì có hai trí, không có ba trí. Trong đây quyển 18 hoặc 26, đối với Địa tiền có đủ mấy độ, cho đến Phật Địa có đủ bao nhiêu độ? Tài thí trong thí độ thứ nhất nhiếp các độ còn lại sau

là những độ nào, cho đến thành thục hữu tình trí nhiếp các độ trước là những độ nào? Đều như luận Đối Pháp quyển 12 Sao giải thích. Tổng là phần thứ nhất bày ra các tên. Luận Hiển Dương quyển 3 tuy cũng giải thích mười độ, nhưng không có tướng riêng cho nên không phiền dẫn ra. Tiếp theo phần thứ hai nêu ra thể.

Luận: “Tánh của mười độ này”, đến “ba nghiệp làm tánh”.

Thuật rằng: Tức là không có tham tương ưng với tư, gồm cả chỗ phát thân nghiệp và ngữ nghiệp của tư kia làm thể. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Tự thể của thí, là thân, ngữ và ý nghiệp”. Nhưng là các Độ của ba nghiệp thông với tánh, cho nên không có vô tham. Như quyển 39 rộng lấy chín môn để giải thích về thí độ. Quyển 39 giải thích tự tánh của thí độ rằng: “Chư Bồ-tát đối với tự thân và tài vật không có nuối tiếc, có thể bố thí tất cả vật đáng thí. Không có tham đồng thời với tư, và nhân đó mà phát hai vật Năng thí là thân nghiệp và ngữ nghiệp”. Giải thích văn đó có một giải thích, chỉ nắm lấy ba nghiệp, đồng với luận Đối Pháp nắm lấy vô tham đồng thời với tư, vì không lấy vô tham. Luận này giải thích cũng lấy vô tham, đồng với văn của luận này đối với tài vật không tham mới có thể bố thí. Đã không có Biệt giải, tức là thể tánh của ba thứ thí đều đồng.

Luận: “Giới lấy thọ học”, đến “ba nghiệp làm tánh”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp cũng lấy ba nghiệp đồng với luận này. Quyển 40 ghi: “Luật nghi giới lấy biệt giải thoát giới của thất chúng tại gia và xuất gia làm thể”, tức là chỉ có hai nghiệp. Nhiếp pháp thiện giới, là các hàng Bồ-tát sau khi thọ luật nghi, tất cả vì Đại Bồ-đề từ thân ngữ ý tích tập chư pháp thiện làm thể, tức là thông cả ba nghiệp. Nhiêu ích hữu tình giới tóm lược có mười một thứ, như luận kia rộng giải thích cũng thông với ba nghiệp, trong đó luận tổng quát lấy ba nghiệp làm tánh, vì khi thọ học thì ba nghiệp làm tánh. Nhưng Bồ-tát giới thì tự ngưng dứt ác giới, là giới nào nhiếp? Hiện tại vì muốn lập riêng với các chi trước, cho nên nói là thất chúng, thật ra Bồ-tát giới cũng được coi là luật nghi giới, vì Bồ-tát giới có ý nghiệp. Trong đây luận rằng sắc làm thể của luật nghi, cho nên không nói, vì nhiếp thiện giới thì rộng, tức là khiến cho nhập vào nhiếp thiện giới. Luận ra thì cũng được, nếu như thế thì Hữu chi hoặcVô chi của Bồ-tát giới, giống như sắc pháp hay không? Như Biệt sao mà hiểu, chỗ hỏi kinh của Văn Thù về Bồ-tát có năm chương giới luật, là giới Xuất thế gian, hoặc tâm phân biệt nam nữ hoặc phi nam nữ, là Ba-la-di, vì ba nghiệp cho đến cây lá muốn lấy thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc nhổ lông cắt thứng như tháng thứ nhất thì

phạm Du-lan-giá, như vậy nói rộng, nhưng bốn Ba-la-di tội của Bồ-tát địa cùng với đây khác nhau, như quyển 40, 41 và nửa quyển 42 lấy rộng chín môn để giải thích.

Luận: "Nhẫn để lấy vô sân", đến "ba nghiệp làm tánh".

Thuật rằng: Luận Đối Pháp chỉ lấy ba nghiệp làm tánh, vì là thông với tánh, nói rằng ba thứ nhẫn lấy chung ba nghiệp làm tánh, cn không riêng nêu ra. Quyển 42 ghi: "Tại sao gọi là nhẫn? Tự mình không có phẫn nộ, không báo oán người khác", cũng không tùy miên lưu chú tương tục, cho nên gọi là nhẫn, đó gọi là Bồ-tát nhịn oán hại nhẫn, luận kia có thuyết minh rộng về tướng này, nhịn oán hại nhẫn để lấy vô sân, chỗ khởi ba nghiệp làm tánh. Quyển đó lại ghi: "Gặp chỗ khổ của thế pháp có chín thứ là suy, hủy, cơ, khổ, hoại pháp hoại, tận pháp tận, lão pháp lão, bệnh pháp bệnh và tử pháp tử. Hoặc chung hoặc riêng, không do duyên này mà tinh tấn hay bỏ phế, cho đến thường siêng tu tập, không có ý biến dị, không có tâm tạp nhiễm, đó là Bồ-tát an tâm thọ khổ nhẫn, cho nên ở đây lấy tinh tấn và chỗ khởi ba nghiệp kia làm tánh. Quyển kia lại ghi: "Thế nào là pháp tư thắng giải nhẫn của Bồ-tát? Là các hàng Bồ-tát có thể đối với tất cả pháp có thể Chánh tư duy. Do thắng giác tuệ khéo quán sát, có thể đối với tám sự có thể phát sinh chỗ thắng giải, vì khéo an thắng giải cho nên quán sát kỹ pháp nhẫn". Vì lấy tuệ quán sát làm tánh, cho nên luận đó không nói ở đây có ba nghiệp. Hoặc định và đạo đồng thời với sắc thì có thể gọi là ba nghiệp, chính là cùng với luận này đồng. Như quyển 42 lấy chín môn phân riêng.

Luận: "Tinh tấn lấy cần", đến "ba nghiệp làm tánh".

Thuật rằng: Luận Đối Pháp chỉ lấy ba nghiệp làm tánh, từ tướng chung của các độ nêu ra thể. Quyển 42 nói thông suốt, như trước nói đều thông ba nghiệp, tinh tấn làm thể, cũng như luận kia lấy chín môn để giải thích.

Luận: "Tĩnh lự chỉ lấy đẳng trì làm tánh".

Thuật rằng: Đẳng trì là Tam-ma-địa, tức là định tâm sở, không thông với tán động, không nói về ba nghiệp. Luận Đối Pháp ghi: "Khi khởi ứng dụng tự tại ba nghiệp thì tất cả chủng tâm đã có hằng an trụ". Quyển 43 ghi: "Tức là tự tánh Tĩnh lự của Diệu thiện thế gian và Xuất thế gian". Ba tướng của luận kia tuy khác nhau, nhưng đều lấy Tĩnh lự làm thể. Nhưng hai thứ hành tướng khác nhau như quyển trước. Nói rộng chín môn cũng như luận kia.

Luận: "Năm độ sau đều lấy", đến "Hậu đắc trí".

Thuật rằng: Luận Đối Pháp và quyển 43 đồng lấy hậu đắc gia

hạnh chánh trí của thế gian và Xuất thế gian làm tánh, văn dưới đây cũng nói, mười Độ đều thông với Hữu lậu và Vô lậu. Đây là y theo thật nghĩa, luận Nhiếp Đại thừa quyển 7 giải thích trong Thập Địa đồng với đây, chỉ nương vào thắng pháp mà nêu ra năm thể sau, không phải là tận lý. Luận đó ghi: "Năm độ sau nên biết, Bát-nhã trí vô phân biệt và Hậu đắc trí nhiếp". Thế Thân và luận Vô Tánh giải thích rằng: "Nếu nói mười độ tức là trí vô phân biệt, là Bát-nhã Ba-la-mật-đa nhiếp. Phương tiện... bốn độ sau thì Hậu đắc trí nhiếp. Hoặc nói sáu độ và nhị trí đều là Độ thứ sáu nhiếp", cho nên phân ra năm độ sau và hai trí làm tánh.

Luận: "Có nghĩa Thức thứ tám", đến "làm tự tánh".

Thuật rằng: Các nghĩa khác không có tranh cãi, chỉ hiển ra rằng không lấy tuệ làm tự tánh, tức là lấy ba thứ dục, thắng giải và tín làm tánh, vì nguyện thì lấy ba pháp làm tự tánh. Nói là Hậu đắc trí, là chỉ có trong Hậu đắc trí mà khởi, cho nên năm độ trong phần thứ nhất thì không như vậy. Luận Nhiếp Đại thừa ghi: "Hoặc là dục và thắng giải làm thể của nguyện, hoặc tín và thắng giải làm thể của nguyện". Hiện tại luận này hợp chung ba thứ đó lại nói, cho nên nói rằng lấy ba pháp làm thể.

Luận: "Đây là nói tự tánh", đến "công đức làm tánh".

Thuật rằng: Như chỗ nói trước, ngay nơi tánh là thể, hoặc gồm cả quyến thuộc và tất cả công đức làm tánh. Vì quyến thuộc là nêu ra thể, tổng lấy năm uẩn làm thể của mười độ, tức là phần thứ hai nêu ra thể tánh.

Luận: "Mười tướng này", đến "Ba-la-mật-đa".

Thuật rằng: Đây là phần thứ ba thuyết minh về tướng. Thế nào là tướng? Tức là trở thành tướng mạo của Ba-la-mật-đa, vì phải có đủ bảy nghĩa này mới gọi là độ, thiếu một thì liền không phải.

Luận: "Một An trụ tối thắng", đến "tất cả sự nghiệp".

Thuật rằng: Tất cả sự nghiệp, là tùy thuận những chỗ có sự nghiệp của độ (Ba-la-mật-đa), đều nên thực hành cho độ được thành mãn. Nhiếp luận có sáu thứ, trừ chủng tánh thứ nhất ra, tức là nhiếp trong Bồ-đề tâm. Nhưng luận Vô Tánh dẫn tụng cũng tương tợ như làm chứng có chủng tánh thứ nhất, nói: "Sừng con lân là dụ cho không có sáu Ba-la-mật-đa, chỉ có ngã là tối thắng tôn, thượng phẩm đáo bỉ ngạn". Nhưng luận Đối Pháp quyển 11 ghi: "Trong tướng của sáu độ có năm tướng, an trụ Bồ-tát chủng tánh thì Bồ-tát tâm làm chỗ y chỉ, vì bi dẫn đường cho tâm, xả trong tất cả thời, chỗ có hai nghiệp tức là năm nghĩa, gọi là sáu độ tướng".

Luận Hiển Dương quyển 3 cũng có sáu nghĩa làm thành độ, nhưng khác với Nhiếp luận, không phiền dẫn ra, chỉ trong luận này cũng đủ bao quát các luận.

Luận: "Năm xảo tiện tối thắng", đến "hai chướng xen tạp".

Thuật rằng: Chỗ nhiếp thọ của vô tướng trí là thứ sáu bất chấp ba luân thanh tịnh. Trong hồi hướng tối thắng và Biệt thứ hai, kia có đạo tâm, không cần tất cả hồi hướng Bồ-đề. Hồi hướng này, trong thanh tịnh thắng vì lìa hai chướng thực hành đối với các độ, không bị kia xen tạp, là ba thời không có hối hận.

Luận: "Hoặc không phải bảy thứ này", đến "không phải đáo bỉ ngạn".

Thuật rằng: Đây là tổng kết. Từ bảy chỗ nhiếp gọi là độ, nếu không như thế thì liền không phải.

Luận: "Do đây mà thí...", đến "bốn câu phân biệt".

Thuật rằng: Vì có thị phi, mỗi mỗi đều đáng lẽ là bốn câu phân riêng. Đây là mỗi mỗi tự mong, tức là chủng loại phước làm bốn câu. Là thí không phải độ, vì không cầu Bồ-đề; là độ không phải thí, vì tùy hỷ thí, cũng là độ cũng là thí có thể biết. Nếu không phỏng theo chủng loại phước, thứ tự tu tập thì thí làm ba câu, vì không có Ba-la-mật đó thì không phải thí, năm độ còn lại được làm bốn câu, vì trước có thí độ được làm một câu. Nếu không phải thứ tự thì đều được làm bốn câu, trong đây có ba độ như thế được làm bốn câu.

Luận: "Đây là chỉ có mười", đến "không có tăng giảm".

Thuật rằng: Phần thứ tư là bất tăng giảm môn. Thứ nhất giải thích chung, phỏng theo Địa đoạn chướng chứng Chân như, giải thích những gì có thể giải thích. Chướng tức là mười vô minh chướng Thập Địa. Luận Đối Pháp quyển 12 ghi: "Sở tri chướng đều là chỗ đối trị của độ, mỗi chướng đều nương vào chướng của xan lận, phạm giới, tấng khuể, giải đãi, tán loạn và ác tuệ". Ngay trong ác tuệ lại phân ra bốn thứ sau, cho nên gọi chung là chướng, lìa ác tuệ là năm thứ gọi là mười chướng thì không phải. Văn sau sẽ tự nêu ra sáu chướng.

Luận: "Lại nữa, sáu độ trước", đến "tương vi chướng".

Thuật rằng: Dưới đây theo thứ tự thuyết minh sáu nguyên nhân có sáu nghĩa. Trước hết thuyết minh đối trị sáu chướng, chỗ đối trị của luận Đối Pháp và Nhiếp luận đều nói là sáu tệ, tức là sáu thứ tương vi chướng. Lại nữa, như Nhiếp Đại thừa nói bất phát thú nhân, những chỗ nói trên, nói có mười nguyên nhân:

1. Thập Địa tu hành.

2. Đối trị mười chướng.

3. Chứng mười Chân như, đây là phỏng theo Thập Địa mà luận, dưới đây nương theo sáu mà nói mười là xan lận, phạm giới, sân khuể, giải đãi, tán loạn và ác tuệ.

4. Đối trị tương vi chướng.

Luận: "Dần dần tu hành các Phật pháp".

Thuật rằng: Đây là nguyên nhân thứ năm. Nhiếp Đại thừa nói bốn nhân trước không phải là nhân tán động, khiến cho chỗ đối trị không có tán động. Nhân thứ năm bất tán động đã thành thục, vì khiến cho bất tán động được viên mãn, nhân thứ sáu nương vào nhân thứ năm này mà đắc như thật giác, có thể đối với sở duyên mà chánh biến tri cho nên nói Phật pháp, Phật pháp đó là mười lực, tu là thành tựu biện tài.

Luận: "Dần dần thành thục các hữu tình".

Thuật rằng: Đây là nhân thứ sáu. Nhiếp Đại thừa ghi: "Do thí có thể nhiếp thọ, do giới có thể không hại, không sinh phiền não, do nhẫn tuy gặp khổ nhưng có thể thọ, do cần trợ giúp cho các việc làm đó, do định tâm chưa định thì khiến cho định, do tuệ đã định thì khiến cho giải thoát".

Luận: "Luận này nói rộng như các luận khác nên biết".

Thuật rằng: Ba nhân sau này nói rộng như Nhiếp luận khác nên biết.

Luận: "Lại nữa, thí... ba pháp", đến "chỉ có hai nhân này".

Thuật rằng: Đây là nhân thứ bảy, là ba pháp trước của thí. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: "Là tăng thượng sinh đạo của các hàng Bồ-tát, ba nhân sau là quyết định thắng đạo. Thí trong tăng thượng sinh đạo có thể chiêu cảm đại tài, giới có thể chiêu cảm đại thể, nhẫn chiêu cảm quyến thuộc, trì giới thì được sinh trong nẻo thiện được thân tôn quý. Người có thể tu hành nhẫn thì tất cả hữu tình đều quy y nương tựa. Trong quyết định thắng đạo thì tinh tấn có thể hàng phục phiền não, tu thiện phương tiện thì Tĩnh lự là phương tiện có thể thuần thục hữu tình, y theo đây mà khai thông thành thục hữu tình, tuệ là phương tiện thành thục Phật pháp, do có tuệ cho nên Phật pháp được thành thục, đạo của các hàng Bồ-tát chỉ có hai thứ này, nếu thiếu một thứ thì đạo không thành.

Luận: "Lại nữa, ba thứ trước", đến "vì chư phiền não".

Thuật rằng: Đây là nhân thứ tám. Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: Có hai nhân duyên cho nên sáu độ không có tăng giảm:

1. Nhiêu ích hữu tình, là ba nhân trước. Do Thí, cho nên nhiếp thọ

tư tài mà nhiêu ích đối với hữu tình kia. Do giới mà không làm việc tổn giảm não hại, nhiêu ích hữu tình. Do Nhẫn mà kham nhẫn thọ khi hữu tình kia bị tổn hại, ba thứ này đều có chung nhiêu ích.

2. Đối Trị phiền não, là ba nhân sau. Do tinh tấn, tuy chưa vĩnh viễn hàng phục phiền não, chưa vĩnh viễn hại tùy miên, nhưng có thể dũng mãnh tạo tác các thiện phẩm, các phiền não kia không thể khuynh động thiện phẩm gia hạnh", tức là luận này nói tuy chưa phục diệt cho đến các thiện gia hạnh, do Tĩnh lự mà vĩnh viễn hàng phục phiền não, do Bát-nhã mà vĩnh viễn hại tùy miên, tức là nghĩa vĩnh viễn phục diệt trong đây, trong đây hoặc gia hạnh, hoặc Chánh diệt đều là đối trị các phiền não.

Luận Đối Pháp quyển 11 cũng có giải thích điều này.

Luận: "Lại nữa, do thí...", đến "bất tăng bất giảm".

Thuật rằng: Đây là nhân thứ chín. Luận Đối Pháp ghi: "Do các hàng Bồ-tát nghịch trụ Niết-bàn, ở trong sinh tử mà không nhiễm ô". Do đó ba độ trước là đắc tăng thượng sinh phương tiện, cho nên luận này gọi đó là bất trụ Niết-bàn, ba độ sau là bất nhiễm ô phương tiện, cho nên luận này nói là bất trụ sinh tử, không nhiễm phương tiện, luận tự giải thích rằng: Do cần cho nên tu đối trị, do định cho nên hàng phục phiền não, do tuệ cho nên vĩnh viễn hại tùy miên. Do không trụ Niết-bàn và sinh tử, cho nên sáu độ này làm tư lương của Vô trụ xứ Niết-bàn. Niết-bàn này là Chân như, sáu độ này làm tư lương của Chân như đó. Ba độ trước là bi cho nên không trụ Niết-bàn, ba nhân sau là tuệ cho nên không trụ sinh tử, quyển 49 ghi: Vì trong ba học nhiếp cho nên không tăng không giảm sáu nhân. Bốn độ trước là giới học, hai độ sau là nhị học, như sau sẽ biết. Tổng nghĩa là do luận như vậy có chín thứ, biệt nghĩa thì một thứ, hợp chung thành mười nghĩa. Sáu độ trước đã như thế, bốn độ sau thì thế nào?

Luận: "Sau chỉ có bốn độ", đến "không tăng không giảm".

Thuật rằng: Đây là đoạn văn tổng quát. Thế nào là trợ sáu độ?

Luận: "Phương tiện thiện xảo trợ ba pháp của thí".

Thuật rằng: Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: "Đối với hữu tình mà ba thứ Ba-la-mật-đa trước nhiếp thì dùng phương tiện thiện xảo của các Nhiếp sự mà nhiếp nó, đặt yên trong thiện phẩm, do đó Ta nói phương tiện thiện xảo là sự trợ giúp của thí, là bố thí nhiếp trong sự", tức là hành tướng của thí này, tương thuận nhiếp lẫn nhau làm lợi ích cho phương tiện kia, cho nên gọi là trợ.

Luận: "Nguyện trợ tinh tấn".

Thuật rằng: Văn của luận kia lại ghi: "Hoặc các hàng Bồ-tát có nhiều phiền não trong hiện pháp, đối với tu Vô gián không có khả năng kham nhận, do ý lạc yếu kém, cõi dưới thì thắng giải, đối với trụ trong nội tâm thì không có khả năng kham nhận, cho đến vị lai phiền não mỏng nhẹ, tâm sinh Chánh nguyện, như vậy gọi là nguyện. Do nguyện này, phiền não mỏng nhẹ có thể tu tinh tấn, cho nên nói nguyện trợ tinh tấn.

Luận: "Lực trợ Tĩnh lự".

Thuật rằng: Kinh kia lại ghi: "Hoặc các hàng Bồ-tát thân cận thiện sĩ, nghe học Chánh pháp, như lý khởi Ý làm nhân duyên, chuyển ý lạc yếu kém thành thắng ý lạc, cũng được thắng giải của cõi trên, gọi là Lực Ba-la-mật-đa, do Lực này đối với trụ trong nội tâm có chỗ khả năng kham nhận, cho nên nói lự độ làm trợ giúp cho định độ.

Luận: "Trí trợ Bát-nhã", đến "nói rộng nên biết".

Thuật rằng: Kinh kia lại ghi: "Hoặc các hàng Bồ-tát, đã có thể nhờ nghe mà khéo tu tập, có thể phát Tĩnh lự, như vậy gọi là trí. Do trí này mà khả năng kham nhận dẫn phát tuệ thế gian và Xuất thế gian, cho nên nói trí làm trợ giúp cho tuệ". Khiến cho người tu hành đầy đủ là bốn độ sau trợ cho sáu độ trước khiến cho tu hành đầy đủ, sáu độ trước không làm chỗ trợ của bốn độ sau thì không gọi là đầy đủ. Lý như trên đã nói, cho nên trong đây thì chỉ như Giải Thâm Mật và luận Trung Biên quyển 1 nói mười độ và mười chướng. Tụng ghi: "Chướng phú quý nẻo thiện, không xả chư hữu tình, đối với lỗi và đức giảm hay tăng, khiến cho tiến vào giải thoát. Chướng các thiện của thí, vô tận cũng vô gián, chỗ làm thiện quyết định, pháp thọ dụng thành tựu", cho nên mười độ bất tăng bất giảm, thứ đệ môn thứ năm.

Luận: "Mười thứ đệ", đến "trì giữ thanh tịnh các độ trước".

Thuật rằng: Giải thích thứ nhất, nói rằng do các độ trước dẫn phát các độ sau. Quyển 78, Giải Thâm Mật và Nhiếp luận ghi: "Do bố thí dẫn sinh giới và nhẫn", rộng như các luận đó nói, vì dễ hiểu cho nên không nói ra đây. Giải thích thứ hai nói rằng, và do các độ sau trì giữ thanh tịnh các độ trước. Luận Đối Pháp ghi: "Giới có thể trì bố thí, cho đến tuệ có thể trì định. Do đầy đủ Thi-la mà thí được thanh tịnh, tại sao vậy? Vì do hạnh bố thí nhiếp mà lợi ích hữu tình, do trì giới cho nên không bị não hại", đến như Già-tha ghi: "Không có Tĩnh lự mà không nương vào tuệ", rộng như luận kia nói.

Luận: "Lại nữa, các độ trước thô", đến "thứ đệ như vậy".

Thuật rằng: Giải thích thứ ba, luận Đối Pháp ghi: "Trong các hạnh

thì thí hạnh là rất thô, giới thì vi tế hơn thí, do đó kiến lập giới sau thí, cho đến trong tất cả hạnh thì tuệ là rất vi tế, cho nên kiến lập tuệ ở sau cùng". Trong ba giải thích này, giải thích thứ nhất đồng với Giải Thâm Mật, Du-già và Hiển Dương, hai giải thích còn lại chỉ có trong luận này, luận Đối Pháp thì đồng với luận này, quyển 49 thì có ba giải thích, hai giải thích đầu thì đồng với luận này, là đối trị sự sinh khởi của các chướng, vì sinh khởi tức là thô và tế, giải thích thứ ba thì khác với luận này. Dị thục thứ ba như quyển luận 49 kia giải thích rộng. Từ đây xuống có sáu giải thích về danh.

Luận: "Giải thích tên chung tên riêng như kinh luận khác nói".

Thuật rằng: Quyển 78 và Giải Thâm Mật giải thích tên chung ghi: "Duyên gì mà các luận này gọi là Ba-la-mật-đa? Vì do năm duyên:

1. Vô nhiễm trước, là không nhiễm ô các sự trái với Ba-la-mật.

2. Vô cố luyến, là các quả Dị thục của sáu độ này, và tâm trong báo ân không trói buộc.

3. Vô tội là đối với sáu độ không có pháp xen tạp, lìa phi phương tiện hạnh.

4. Vô phân biệt, không giống như chấp trước tự tướng của ngôn từ.

5. Chánh hồi hướng, là lấy độ chỗ tu hành xoay lại cầu Đại Bồ-đề".

Nhiếp Đại thừa ghi: "Đối với thế gian và thí tối thắng của Nhị thừa có thể đắc bỉ ngạn", là nói chung Ba-la-mật-đa. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: Do mười hai tối thắng tương ưng gọi là Ba-la-mật-đa:

1. Quảng đại, vì không cầu thế lạc, lại cũng là tối thượng.

2. Trường thời, vì ba kiếp tích tập.

3. Sở vi, vì làm lợi sinh.

4. Vô tận, hồi hướng cứu cánh vô tận của Đại Bồ-đề.

5. Vô gián, vì tự tha bình đẳng, khiến cho tha mau chóng viên mãn thí...

6. Vô nan, vì tùy hỷ bố thí của tha, khiến cho tự hành mau chóng viên mãn.

7. Đại tự tại, do đắc định của hư không tạng, khiến cho thí mau chóng viên mãn.

8. Nhiếp thọ, chỗ nhiếp thọ của trí vô phân biệt.

9. Phát khởi, là chỗ hành thí của thượng phẩm nhẫn và trung phẩm nhẫn trong giải hạnh Địa.

10. Chứng đắc, là chỗ hành thí của Sơ địa.

11. Đẳng lưu, là chỗ hành thí của tám Địa còn lại.

12. Viên mãn, là sở hữu thí của Thập Địa và Như Lai, tức là Bồ-tát thì mãn, Như Lai thì viên.

Nếu thiếu một thứ thì không phải Ba-la-mật-đa. Chỗ đến của tối thắng, chỗ làm của tối thắng, cho nên gọi là Ba-la-mật-đa. Ba-la nghĩa là sở chí, hoặc nghĩa là sở tác. Mật-đa nghĩa là năng chí hoặc năng tác. Luận kia lại ghi: "Đáo Sở tri bỉ ngạn gọi là Ba-la-mật-đa, vì an trụ trong Phật tánh". Lại nữa, Ba-la nghĩa là Sở tri bỉ ngạn, Mật-đa nghĩa là đáo. Lại nữa, giải thích sự tế độ tai nạn của tự tha, do đó gọi là Ba-la-mật-đa. Đây là hợp chung sáu giải thích tên chung. Giải thích tên riêng, luận Nhiếp Đại thừa ghi: "Có thể chế phục xan lận và bần cùng, đắc tài vị quảng đại và phước đức tư lương thì gọi là thí, cho đến có thể trừ bỏ tất cả kiến thú, các tà ác tuệ và năng chân thật phẩm biệt tri pháp gọi là tuệ". Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: "Do đại thí, vì lìa lỗi, vì lìa cấu, cho nên gọi là thí Ba-la-mật, cho đến tuệ cũng do ba nhân, gọi là tuệ Ba-la-mật", như luận đó nói rộng. Luận đó lại giải thích: "Người có thể xả bỏ bố thí thì tương lai bần khổ, người có thể xả bỏ thọ thì hiện tại nhiệt não, cho nên gọi là thí, cho đến sở phát trí, nội chứng trí, chủng biệt trí, đắc tịch tịnh trí, thắng đức trí khác đều gọi là tuệ. Hợp chung ba thứ để giải thích tên riêng, cho nên hiện tại tổng thì chỉ giải thích tên chung và tên riêng như các kinh luận khác nói, các kinh luận khác tức là Nhiếp Đại thừa...

Luận: "Thập tu này", đến "nói rộng tướng của nó".

Thuật rằng: Thứ bảy là tu môn, luận này có năm tu, ở đây giống như luận Đối Pháp quyển 12 nói.

1. Y chỉ nhậm trì tu, lại có bốn thứ:

a. Y nhân Tu, do chủng tánh lực đối với các độ mà tu chánh hạnh.

b. Y quả tu, là y theo tự thể lực thù thắng, đối với độ mà tu chánh hạnh.

c. Y nguyện tu, từ nguyện lực gốc đối với độ mà tu chánh hạnh.

d. Y giản trạch tu, là từ tuệ lực đối với các độ mà tu chánh hạnh.

2. Y chỉ tác ý tu, luận đó lại nói có bốn thứ:

a. Y thắng giải tu, đối với tất cả độ tương ưng giáo pháp mà khởi tăng thượng thắng giải.

b. Y ái vị tu, đối với các độ đã đắc, phần nhiều là thấy các công đức mà khởi thâm sâu ưa thích mùi vị.

c. Y tùy hỷ tu, là đối với các độ chư hữu tình của các thế giới tu hành mà khởi thâm sâu tùy hỷ.

d. Y hỷ lạc tu, đối với tự tha tương lai thắng phẩm trong các độ sinh thâm sâu ước nguyện ưa thích.

3. Y chỉ ý lạc tu, tức là sáu thứ ý lạc:

a. Vô yếm ý lạc.

b. Quảng đại.

c. Hoan hỷ.

d. Ân đức.

e. Vô nhiễm.

f. Thiện hảo ý lạc.

Rộng như luận kia giải thích. Nhưng cùng với danh tự lục ý lạc của Nhiếp luận không đồng, và nhiếp ba tác ý: một là ái trọng, hai là tùy hỷ, ba là hân lạc; đều giống như Nhiếp luận quyển 7 và luận Đối Pháp quyển 12 Sao mà hiểu.

4. Y chỉ phương tiện tu, luận Đối Pháp nói cũng có ba thứ, do trí vô phân biệt, quán sát ba luận đều thanh tịnh, do phương tiện này mà tất cả chỗ tu hành của tác ý đều mau chóng thành tựu viên mãn.

5. Y chỉ tự tại tu, cũng có ba thứ, luận Đối Pháp cũng nói có ba thứ:

a. Thân tự tại, tức là tự tánh thân và thọ dụng thân.

b. hạnh tự tại, tức là biến hóa thân.

c. Thuyết tự tại, có thể nói về sáu độ không bị trệ ngại, là duyên cầu y chỉ trên các tự tại này cho nên tu.

Luận Vô Tánh ghi: "Tức là vì kia mà tu, cũng gọi là tu". Nhưng Nhiếp luận nói năm tu, tên gọi thì cũng bất đồng, nghĩa ý thì không khác, luận này thì đồng với luận Đối Pháp, văn của Nhiếp luận thì sơ lược, luận của Thế Thân thì khó hiểu, luận Vô Tánh thì dễ hiểu. Trong luận này thì chỉ đồng với luận Đối Pháp và Nhiếp luận cho nên nói là như Tập luận, thứ tám là nhiếp môn.

Luận: "Mười nhiếp này", đến "thuận lẫn nhau".

Thuật rằng: Nói mười độ, mỗi mỗi độ đều nhiếp tất cả độ, vì mười hành tướng trợ giúp thành tương thuận lẫn nhau, trong đó luận Đối Pháp nói hoặc là Chân như nhiếp, hoặc là tuệ nhiếp. Nhưng luận này thì chỉ lấy mười độ nhiếp nhau, không đồng với luận kia. Như trước tài thí thì chỉ có thí độ, vô uý thí thì thông với năm Độ, pháp thí thì thông với sáu độ, do đó các luận nói hoặc là chỉ có thí thanh thuyết (tiếng nói Thí), cho đến chỉ có trí thanh thuyết (tiếng nói trí), đó tức là tạp hành mười độ, cho nên một độ nhiếp các độ còn lại. Luận Vô Tánh ghi: "Trong bố thí tánh hiện có sáu Ba-la-mật-đa". Kim cương Bát-nhã Luận: "Đàn độ

nhiếp sáu độ, tư sinh (tài vật), vô uý và pháp, trong đây thứ tự một, hai, ba là tên tu hành trụ". Đại Bát-nhã quyển 351 ghi: "Phật dậy phải do Bát-nhã dẫn thí, do đó năm Ba-la-mật-đa trước nhiếp trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa". Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 12 trong cánh hỗ Quyết trạch môn có ba thứ, một là trong phần phương tiện sẽ nêu ra tướng của nó.

Luận: "Y tu mà hành độ trước", đến "không chờ độ sau".

Thuật rằng: Độ trước dẫn độ sau khởi, là độ trước nhiếp độ sau, độ sau chờ độ trước mới thành tựu. Độ sau không nhiếp độ trước, là độ trước không chờ độ sau mới thành tựu. Luận Đối Pháp quyển 12 ghi: "Đây là nương vào chỗ có giới độ của thủy nghiệp Địa đều là thí độ, có thí thì không phải giới, giới độ là chỗ không nhiếp của thí độ, tức là lấy rộng để hỏi hẹp, do đó thuận theo câu sau mà đáp, nhưng trong trình bày ứng nhân của luận Đối Pháp quyển 16 thì một câu, hai câu, ba câu, bốn câu đều thuận với câu trước và sau.

Luận: "Y Tu mà hành độ sau", đến "không phải trì giữ thanh tịnh".

Thuật rằng: Độ sau trì giữ thanh tịnh cho độ trước, là độ sau nhiếp độ trước, có thí độ đều là giới độ, có giới không phải thí, là chỗ không nhiếp giới của thí độ, vì thí độ sau trì giữ thanh tịnh cho thí độ trước, cho nên độ trước không nhiếp độ sau, không phải trì tịnh cho độ sau, tức là lấy hẹp để hỏi rộng, thuận theo câu trước mà đáp, vì thí độ hẹp.

Luận: "Hoặc nương vào thuần và tạp", đến "đáng lẽ làm bốn câu".

Thuật rằng: Nói rằng có thuần tu, lại như thí thuần tu. Nói rằng có thí phi độ, đó là không hồi hướng thí; có độ phi thí, đó tức là tùy hỷ người khác bố thí; có câu và bất câu nên biết. Nhưng luận này y theo chủng loại phước - như trước đã nói - nhưng không phỏng theo chủng loại phước, không nói tùy hỷ, cho nên chỉ có ba câu : Có thí phi độ, có cũng thí cũng độ và có phi thí phi độ. Trừ câu thứ hai ra, năm độ còn lại đều làm bốn câu vì trước có độ, thí thì trước chưa có độ cho nên làm ba câu. Hoặc tạp tu thì có thành tựu bốn câu, các độ ngăn cách nhau có câu thứ hai, điều này cũng như luận Đối Pháp, nhưng luận kia có chút ít khác nhau, không phiền dẫn ra. Nhiếp Đại thừa ghi: "Tạp tu này có thể nhiếp tất cả pháp thiện, là tướng của nó, là tùy thuận, là Đẳng lưu, không lấy sáu độ nhiếp nhau, mà nhiếp các công đức, rộng như luận kia nói. Nói rằng thí nhiếp thí là tướng, nhiếp tín... là tùy thuận, nhiếp vô tránh là Đẳng lưu.

Luận: "Đây là thật có mười", đến "duyên Thế tục".

Thuật rằng: Thứ chín là hỏi đáp hợp lục khai mười môn. Nghĩa này có thể biết, như trước đã dẫn luận Nhiếp Đại thừa nói...

Luận: "Thập quả này là", đến "trừ quả Dị thục".

Thuật rằng: Thứ mười là năm quả môn. Phỏng theo thật mà nói, Hữu lậu có bốn thứ, Vô lậu cũng vậy, chỗ dứt trừ thì có khác nhau, nghĩa này nên tư duy. Đây là bốn quả, văn dễ có thể biết, cho nên không phiền dẫn ra.

Luận: "Nhưng có chỗ nói", đến "hoặc cả hai hợp lại nói".

Thuật rằng: Đây là tổng hợp các điều trái nhau. Luận Đối Pháp quyển 12 ghi: "Vĩnh viễn đoạn tự trị là lìa trói buộc, nhiếp thọ tự tha là Sĩ dụng, đối với tương lai tăng thắng sinh khởi là Đẳng lưu, Đai Bồ-đề là tăng thượng, chiêu cảm đại tài là quả Dị thục", tức là đủ năm quả, hoặc Vô lậu trợ giúp Hữu lậu cũng đắc Dị thục, Hữu lậu trợ giúp Vô lậu cũng đắc Ly hệ, cho nên nói lẫn nhau tương trợ. Hoặc Hữu lậu và Vô lậu cả hai hợp lại nói, cho nên được năm quả, không phải thể của Hữu lậu và Vô lậu mỗi mỗi đều thân cận có thể đắc năm quả. Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: "Quả có sáu thứ, đại tài, nẻo thiện và vô oán hoại làm chủ của chúng sinh". Vô não hại và đại chi diệp đều nói trong quả Dị thục, không phải không đắc các quả khác. Nhiếp luận ghi: "Phú quý, đại sinh và đại bằng thuộc - ba thứ này là quả Dị thục. Quảng đại nghiệp, trần cấu bạc và tri năm minh xứ", ba thứ này là chỉ phỏng theo trong quả tăng thượng mà nói, cũng không trái nhau. Trong giải thích sáu độ của Bồ-tát địa, mỗi mỗi độ sau đều nói quả này đắc đại Bồ-đề, đây là chỉ đối với quả tăng thượng mà nói. Hoặc nhân duyên và Tăng thượng duyên đều là quả tăng thượng như quyển 43 ngọn nói. Chín môn trước phân riêng mỗi mỗi độ đắc quả khác nhau như vậy, không phiền dẫn ra, đọc giả nên hiểu.

Luận: "Mười quả cùng với ba học", đến "tất cả hữu tình".

Thuật rằng: Đây là thứ mười một ba học nhiếp nhau môn. Trong đó thứ nhất nêu ra tên và thể của học, thứ hai nêu ra năm vị phân biệt, thứ ba nêu ra chánh lấy học để nhiếp các độ. Giới học có ba thứ:

1. Lấy bảy chúng giới làm thể.

2. Lấy Hữu vi Vô vi và Vô lậu pháp thiện làm thể, Hữu lậu pháp thiện không phải chánh nên tu, vì thể có thể bị đoạn.

3. Chánh lợi lạc ba nghiệp làm tánh.

Như trên nên biết.

Luận: "Ba học này cùng với Nhị thừa", đến "như chỗ khác nói".

Thuật rằng: Nhưng ba học này cùng với Nhị thừa có cộng và bất

cộng. Nhiếp luận, luận Vô Tánh quyển 7 và Thế Thân quyển 8, mỗi mỗi đều có bốn thứ thù thắng:

1. Sai biệt thắng, tức là ba tụ giới.

2. Cộng bất cộng thắng, tức là tất cả tánh tội của Bồ-tát không hiện hành cùng với Nhị thừa có chung, tương tợ ngăn tội có hiện hành là cùng với Nhị thừa không có chung.

3. Quảng đại thắng, thù thắng này có bốn thứ:

a). Chủng chủng vô lượng học xứ đại.

b). Vô lượng phước đức đại.

c). Lợi sinh ý lạc đại.

d). Kiến lập Bồ-đề đại. Như luận kia rộng giải thích.

4. Thậm thâm thắng, là Bồ-tát hành mười nghiệp sát sinh... mà không có tội, sinh vô lượng phước đức, mau chóng chứng Bồ-đề.

Luận kia tuy có bốn thứ thù thắng, nhưng thù thắng thứ nhất tức là thể của ba tụ giới này, hiện tại luận này lấy cộng và bất cộng của thù thắng thứ hai, Thậm thâm thắng thứ tư và quảng đại thắng thứ ba hợp chung làm ba thứ. Như chỗ khác nói, tức là văn của luận kia.

Luận: "Định học có bốn", đến "sở hành của nó".

Thuật rằng: Trong văn có thể hiểu. Nhưng luận này thì định chỉ ở tại Tĩnh lự thứ tư, các định thù thắng phần nhiều ở trong Tĩnh lự đó. Do Địa thắng cho nên chỉ là Vô lậu, đã nói Thanh văn không đắc, thuyết minh Địa tiền đã đắc bốn thứ định này cùng với Hữu lậu. Giải thích bốn định này, Nhiếp luận chỉ có tên, chỉ có luận này và luận Phật Địa có giải thích. Phát trí quang minh thông với văn, tư, tu, như Địa thứ ba trừ sở đắc của chướng.

Luận: "Sở duyên của bốn định này", đến "như chỗ khác nói".

Thuật rằng: Nhiếp luận quyển 8 nói có sáu sai biệt:

1. Sở duyên biệt, lấy Đại thừa pháp làm sở duyên.

2. Chủng chủng biệt, tức là tứ định biệt, lại còn cử ra định thượng thủ.

3. Đối trị biệt, là tổng tướng duyên trí, tức là duyên Chân như trí, mau chóng trừ chướng thô trọng trong A-lại-da.

4. Khả năng kham nhận biệt, là trụ Tĩnh lự lạc, tùy theo dục mà thọ sinh.

5. Dẫn phát biệt, có thể dẫn phát thần thông vô ngại của tất cả cõi.

6. Tác nghiệp biệt, là có thể làm chấn động, tức là mười tám biến.

Lại nữa, có thể dẫn phát mười nan hành, tức là thệ nan hành. Luận kia tuy có sáu thứ, nhưng sai biệt thứ hai tức là thể của bốn định, cho nên trừ sai biệt thứ hai ra thì chỉ có năm thứ sở duyên, như luận kia rộng giải thích. Mật ngữ về sáu độ và nghiệp đạo của mười ác đều như thế.

Luận: "Tuệ học có ba thứ", đến "vô phân biệt tuệ".

Thuật rằng: Ba tuệ có thể biết, như trong sáu độ, hợp chung năm độ làm một. Nói các hậu đắc có ba trí đều là Độ thứ sáu.

Luận: "Ba tự tánh của tuệ học này", đến "như chỗ khác nói".

Thuật rằng: Hoặc tự tánh, hoặc sở y, hoặc nhân duyên, hoặc sở duyên, hoặc hành tướng, hoặc nhậm trì, hoặc trợ bạn, hợp chung một trăm mười sáu môn để giải thích ba trí, trừ giải thích thứ nhất tự tánh ra, còn lại mười lăm môn để giải thích. Tự tánh, luận kia nói lìa năm thứ tướng thì cho là tánh của trí vô phân biệt:

1. Lìa vô tác ý, ngủ mê hoặc say rượu không phải là trí đó.
2. Địa lìa hữu tầm tứ, định thứ hai trở lên thì không phải.
3. Tịch tịnh lìa tưởng thọ diệt, tức là trí bất thành định vô tâm.
4. Như sắc tự tánh thì liền không phải là trí, như đại chủng.
5. Lìa đối với chân nghĩa dị kế độ, kế độ là Hữu phân biệt, không phải vô phân biệt.

Nói sở y, là sở y của trí, hoặc là tâm thì tâm là lượng. Nói trí không có phân biệt thì không xứng Chánh lý, hoặc sở y không phải tâm, năng y gọi là trí cũng không xứng Chánh lý, tức là sở y của trí không phải tâm mà là tâm, do sở y chỉ là chủng loại của tâm, là chỗ dẫn sinh của tâm cho nên là tâm, không phải tư lương cho nên không phải tâm, do đó tụng kia ghi: "Không phải tâm mà là tâm". Nói về nhân duyên, tụng kia ghi: "Nhân duyên của các hàng Bồ-tát có nói văn (nghe) huân tập, tức là lấy văn huân tập làm nhân duyên". Nói về sở duyên, tụng kia ghi: "Sở duyên của các hàng Bồ-tát không thể nói là pháp tánh, tức là Chân như, pháp Biến kế sở chấp đều không thể nói, không thể nói về tánh. Nói rằng hai Vô ngã là chỗ hiển Chân như, đó là sở duyên của trí vô phân biệt". Nói về hành, luận kia nói về hành tướng, tụng đó ghi: "Hành tướng của các hàng Bồ-tát, ở trong sở duyên thì lại là trí vô phân biệt, tướng đó đối với Sở tri vô tướng tức là chỗ hiện vô tướng trong sở duyên của trí này". Hai tướng năng duyên và sở duyên bình đẳng bình đẳng sinh không có dị tướng, như nhãn nắm lấy sắc mà thấy tướng xanh, không phải tướng xanh này cùng với sắc có khác nhau. Trong đây lại nêu ra năm môn, mười một môn còn lại thì như luận kia giải thích. Tổng là thứ nhất nêu ra thể danh môn.

Luận: “Như vậy ba tuệ”, đến “đều đã xả”.

Thuật rằng: Thứ hai là năm vị phân biệt môn. Gia hạnh chỉ có Hữu lậu, còn lại là hai thứ Vô lậu cho nên các vị riêng khác. Đây là y theo đốn ngộ và ba Thừa, mỗi mỗi đều từ vị thứ nhất và vị thứ hai mà nói, hoặc hồi tâm đều thông với vị thứ nhất và vị thứ hai. Văn này dễ hiểu, không phiền giải thích rộng.

Luận: “Hoặc tự tánh nhiếp”, đến “đều là đủ nhiếp nhau”.

Thuật rằng: Thứ ba là chánh nhiếp nhau môn. Tự tánh nhiếp có thể biết, còn lại ba thứ hoặc bảy thứ không phải tự tánh. Lý của quyến thuộc thì thông cả ba thứ, ba thứ nhiếp đủ mười.

Luận: “Hoặc tùy dụng nhiếp”, đến “sách tấn khắp ba học”.

Thuật rằng: Giới nhiếp ba thứ trước, thí là tư lương của giới, giới là tự tánh của giới, nhẫn là quyến thuộc của giới, do nhẫn mà không phá giới. Còn lại hai thứ có thể biết. Ba học nhiếp tinh tấn, vì sách tấn khắp ba học. Quyển 78 và Giải Thâm Mật nói đồng với luận này.

Luận: “Hoặc tùy hiển nhiếp”, đến “tuệ nhiếp năm thứ sau”.

Thuật rằng: Giới nhiếp bốn thứ trước, ba thứ trước như thứ tự đã nói ở trước. Vì tinh tấn thủ hộ giới cho nên cũng là giới nhiếp, còn lại là văn dễ hiểu. Quyển 49 ghi: “Do bốn thứ trước, tư lương, tự tánh, quyến thuộc và thủ hộ tu giới học, do định cho nên viên mãn tu tâm học, do tuệ cho nên viên mãn tu tuệ học”. Đồng với luận này.

Luận: “Mười vị này là”, đến “đều chỉ có Vô lậu”.

Thuật rằng: Thứ mười hai là năm vị hiện chủng nhiếp nhau môn. Chỗ nói trong đây, tùy theo chỗ thích đáng của nó, chưa cần mười thứ mỗi mỗi đều như thế. Trong tu tập vị, tướng của nó hiển rất rõ ràng, thông với Hữu lậu và Vô lậu có thể vô biên hạnh, trong đây phỏng theo pháp nhĩ chủng tử mà nói, thông đạt vị nói là hữu, tuy không có nghĩa biệt hạnh nhưng nói là hữu. Văn còn lại có thể hiểu ý.

Luận: “Mười nhân vị này”, đến “cho nên chưa rốt ráo”.

Thuật rằng: Thứ mười ba là phân vị phân biệt môn. Ba kiếp được gọi là biệt, trong một hạnh tu một hạnh, trong một hạnh tu tất cả hạnh, trong tất cả hạnh tu tất cả hạnh biệt, như trước đã nói. Nhưng khi chưa nhập kiếp thì đồng với mới nhập, chỉ gọi là Ba-la-mật-đa, đã thành Phật thì rốt ráo cũng đồng, kiếp thứ ba gọi là Đại Ba-la-mật-đa. Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: “Thắng giải hạnh Địa gọi là Ba-la-mật-đa”. Trong đây lại nói vô số kiếp thứ nhất, thuyết minh về noãn... các vị chỉ ở tại sơ kiếp. Lại nữa, quyển 47, 48, 49 nói thắng giải Địa, luận Đối Pháp và luận Hiển Dương thì từ kiên cố tâm đến cực hỷ Địa là giải hạnh Địa

nhiếp. Các luận đó lại nói giải hạnh Địa là sơ kiếp, do nhiều lý, bốn tâm chỉ có sơ kiếp. Luận Đối Pháp quyển 11 nói trong trì, nhậm, cảnh (gương), minh và y, nói rằng đã mãn, là mãn tâm học không phải Kiếp thứ hai, như nói ba kiếp mãn đã tu nghiệp tướng hảo, không phải ngoài kiếp mới tu tướng hảo, tướng hảo không phải ba kiếp nhiếp, số lượng thì như trên đã nói. Đoạn văn lớn thứ nhất từ trên đến đây đã có mười ba môn phân biệt các độ đã nói xong.

Luận: "Mười nghĩa loại này", đến "sơ lược hiển thị cương yếu".

Thuật rằng: đoạn văn lớn thứ hai chỉ cho văn không phồn tạp, nghĩa và loại thì vô biên. Giải Thâm Mật và quyển 78 ghi: "Độ thanh tịnh, độ tối đại, vô nhiễm, tối minh thịnh, bất khả động, tối thanh tịnh, độ vô tận, độ oai đức, độ nhân, quả, nghĩa lợi...", độ nhiếp ba tánh đều như các kinh luận kia nói, không phiền dẫn ra.

Luận: "Mười độ đối với Thập Địa", đến "từng Địa tu một độ".

Thuật rằng: đoạn văn lớn thứ ba là Thập Địa tu độ môn. Kinh Thập Địa, Nhiếp luận, luận Hiển Dương và luận Du-già ghi: "Sơ địa thì thí làm tăng thượng, các độ còn lại thì tùy lực tùy phần, không phải không tu tập, cho đến Thập Địa thì trí làm tăng thượng, các độ còn lại không phải không tu tập, tùy lực tùy phần cho nên các Địa đều tu mười độ.

Hỏi: Địa thứ năm tu định độ, tại sao Địa thứ ba gọi là phát quang?

Đáp: Định trừ chướng Địa thứ ba, thành thục đến Địa thứ năm.

Luận: "Tuy thập Địa hạnh", đến "thập đáo bỉ ngạn".

Thuật rằng: đoạn văn lớn thứ tư lấy mười độ nhiếp tất cả hạnh, ngoài sáu độ ra thì càng không có Bồ-tát đạo, tức là do sáu độ nhiếp tất cả hạnh, không nói mười độ thì lại càng không nói các hạnh khác.

Luận: "Mười trọng chướng", đến "dị sinh tánh".

Thuật rằng: câu đáp ở trước về sự chứng đắc trong Chuyển y, có bốn câu đáp, thứ nhất là y Thập Địa, thứ hai là tu mười hạnh, đã phân rõ như trước. Từ đây xuống là thứ ba giải thích mười trọng chướng, trong đây lại có hai phần:

a. Thuyết minh trọng chướng.

b. Lấy hai chướng nhiếp để tổng thuyết minh đoạn vị.

Trong thuyết minh trọng chướng có hai phần:

1. Giải thích mười chướng.

2. Giải thích riêng.

Trong giải thích riêng có mười một chướng, nương theo văn lần

lượt giải thích hai mươi hai nghĩa của ngu, nương theo văn mà nhân tiện giải thích Phật Địa chướng, văn thứ nhất có sáu đoạn, thứ nhất là nêu thể, một dị sinh tánh chướng, Nhiếp luận của Thế Thân đồng tên với luận này, luận Thập Địa quyển 1 thì nói là ngã tướng chướng của phàm phu, luận này gọi tên không phải như vậy, vì thể của chướng này không phải chỉ có ngã, phàm phu thì tên khác nhau, như Biệt sao nói. Chướng này thể tánh như thế nào? Nói rằng phân biệt hai chướng, dựa trên chủng tử này mà lập dị sinh tánh, hiện tại là đoạn năng y cho nên nói là sở y đoạn, tức là cùng với hiện bản thức đồng Địa, chủng tử của hai chướng có thể sinh hiện hành là lập lên chướng thứ nhất. Do đây phàm phu lìa dục cũng vẫn gọi là dị sinh của cõi dục, vì chưa hàng phục chủng tử của kiến hoặc, căn cứ theo đây mà biết tánh này là nhiễm ô, cũng có thể nói chủng tử tại bản thức thì cùng với thức đồng tánh, tức là Vô phú tánh.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao luận Đối Pháp quyển 4 trong giải thích Vô ký chỉ có mạng căn là tự tánh, không có nói dị sinh tánh?

Đáp: Do phỏng theo chủng tử của phiền não có thể gọi là nhiễm ô, phỏng theo chủng tử của Dị thục có thể gọi là Vô phú, thông cả hai nghĩa cho nên gọi là tự tánh. Mạng căn thì không phải như vậy, không thể làm ví dụ. Bây giờ xét các văn, giải thích trước là khéo, luận Đối Pháp giải thích Vô ký và trong sáu mươi sáu pháp lập ra năm Vô ký, không nói dị sinh tánh là năm Vô ký, đã dựa vào chủng tử nhiễm mà lập, cũng chỉ có nhiễm khác với Tiểu thừa.

Hỏi: Hiện tại luận này lấy phân biệt của hai chướng khởi chủng tử gọi là tánh này thì Nhị thừa thánh đáng lẽ gọi là dị sinh, vì chưa đoạn Sở tri chướng phân biệt?

Đáp: Tùy theo mong kiến đạo chỗ đoạn chủng tử của tự thừa mà lập lên, nếu là định tánh thì gọi là đã đoạn tánh này, vì chướng của tự thừa không có, chỉ y theo chủng tử của phiền não mà lập. Nếu là bất định thì gọi là chưa đoạn, vì dựa vào chủng tử của hai chướng mà lập dị sinh. Nếu không như thế thì bất định tánh đáng lẽ không có chướng dị sinh tánh. Nếu như thế thì Vô chủng tánh đã không có tự thừa Thánh đạo.

Hỏi: Nói cái nào là dị sinh tánh?

Đáp: Đáng lẽ nói chỉ dựa trên chủng tử phân biệt của hai chướng mà lập dị sinh tánh, không cần nói riêng. Mong kiến đạo chỗ đoạn chủng tử của tự thừa mà lập lên, Sở tri chưa đoạn, tuy là bậc Thánh thì cũng gọi là dị sinh.

Hỏi: Điều này đến vị nào mới xả?

Đáp: Không đồng với Tiểu thừa chỉ tu sở đoạn Thế pháp đệ nhất và kiến đạo hợp chung lại xả. Hiện tại Đại thừa chỉ có kiến sở đoạn, khi kiến đạo và Vô gián đạo khởi thì xả, y theo chỗ đoạn chủng tử mà lập tánh này, cùng với chủng tử đồng thời xả.

Hỏi: Nếu Thánh của dị sinh tánh và bất định tánh chưa hoàn toàn đoạn hết thì vẫn được gọi là dị sinh, chưa hoàn toàn được Vô lậu thì đáng lẽ không gọi là bậc Thánh?

Đáp: Tánh của dị sinh thông cả hai chướng, tánh của bất định đã là phần đoạn thì có thể gọi là phần đoạn dị sinh tánh, nhị chân kiến đạo gọi là Thánh, đã đắc một phần ít gọi là Thánh, vì chưa hoàn toàn đoạn tận cho nên hoa đốm trong hư khôngǹ toàn gọi là Thánh. Nói bất định tánh gọi là dị sinh, không phải gọi hoàn toàn, vì đã phân đoạn từng phần. Nói Thánh cũng như thế đã phân chứng từng phần. Do tổng này xứng với bốn câu phân biệt:

1. Có dị sinh Phi thánh, như hoàn toàn chưa đắc ba Thừa Thánh đạo.

2. Có Thánh phi dị sinh, là Đại thừa đắc kiến đế.

3. Có dị sinh cũng Thánh, như Thánh bất định tánh chưa nhập Thập Địa.

4. Có phi dị sinh Phi thánh, như nhập cõi Vô dư y Niết-bàn.

Đây tức là trong văn phần thứ nhất nêu ra chương thể tánh, từ đây xuống phần thứ hai đối với ba Thừa mà thuyết minh đồng và dị.

Luận: “Nhị thừa kiến đạo”, đến “gọi là đắc Thánh tánh”.

Thuật rằng: Đây là phỏng theo dị sinh tánh, mỗi mỗi đều mong chướng của tự thừa mà làm luận, đoạn phần ít thì gọi là tiểu thánh. Hoàn toàn đoạn tận thì gọi là Đại thánh. Phần thứ ba thuyết minh câu và bất câu của chướng đạo. Có Tát-bà-đa đặt câu vấn nạn, hoặc dị sinh tánh là tu sở đoạn, vì kiến đạo đã xả trước, quả Vô lậu dấy khởi, không có lỗi phàm và Thánh đồng thời thành thục, hiện tại đã ở trên chủng tử kiến sở đoạn mà lập dị sinh tánh, tức là Vô gián đạo có hoặc chủng đồng thời, chủng này chưa xả thì dị sinh chưa đoạn.

Hỏi: Thế nào là phàm và Thánh không có lỗi đồng thời khởi?

Đáp: Do hoặc của Tát-bà-đa được đồng thời, nay đặt thành câu vấn nạn này không phải là ngay Đại thừa.

Luận: “Hai chân kiến đạo”, đến “chắc chắn không thành tựu”.

Thuật rằng: Nói rằng không có hoặc để được cùng với Thánh đạo đồng thời, chỉ nương vào chủng tử của hai chướng mà lập dị sinh tánh,

chủng tử đó chắc chắn không cùng với kiến đạo đồng thời.

Hỏi: Thế nào là phàm Thánh có lỗi đồng thời thành tựu? Vô gián đạo khởi hoặc chủng không đồng thời, quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh thì như thế nào gọi là đoạn?

Luận: "Cũng như minh và ám", đến "không có lỗi thành đồng thời".

Thuật rằng: Do đây luận Đối Pháp quyển 7 hỏi: "Từ đâu mà được đoạn?"

Đáp: Không từ quá khứ, vì đã diệt. Không từ vị lai, vì chưa sinh. Không từ hiện tại, vì đạo không đồng thời, nhưng từ các phiền não thô trọng mà được đoạn, vì đoạn các phẩm thô trọng như vậy như vậy, sinh các phẩm đối trị như vậy như vậy. Hoặc phẩm đối trị này sinh thì phẩm thô trọng này diệt, cũnng như trong thế gian minh sinh thì ám diệt. Do phẩm này lìa trói buộc, khiến cho phiền não trụ trong vị lai không sinh trong pháp, đó gọi là đoạn, cho nên không phải đạo và hoặc có thể nói là đồng thời.

Hỏi: Đây là nói về đoạn, là đoạn duyên phược hay là đoạn tương ưng phược?

Đáp: Hoặc Sở tri chướng, chỉ nói là đoạn thô trọng, vì thể không phải là pháp trói buộc. Hoặc phiền não chướng từ hai thứ thô và trọng mà nói đoạn, quyển 59 ghi: "Đối trị đạo sinh, phiền não không khởi đắc vô sinh pháp, do đó nói là đoạn tương ưng của nó, tương ưng đã đoạn thì không duyên cảnh lại nữa", cho nên từ sở duyên cũng nói là đoạn. Nói rằng thô trọng đoạn, tuy cũng thông với phiền não chướng, nhưng từ hai đoạn chỉ có trong phiền não. Lại nữa, chủng tử của Sở tri chướng chướng Thập Địa trí, là tánh nhiễm ô, khi Bồ-tát đoạn thì đoạn thể chủng tử của nó cũng như Nhị thừa đoạn chủng tử phiền não. Nhưng khi Nhị thừa đoạn chướng của định thì chỉ đoạn thô trọng, khiến cho tùy thuận lẫn nhau mà không đoạn chủng tử, không đồng với Bồ-tát.

Hỏi: Đây là nói về đoạn, là tổng duyên trí năng đoạn hay là duyên riêng trí năng đoạn? Điều này có lỗi gì? Trí tổng duyên không phải là tự tướng trí thì thế nào là trí của cộng tướng tỷ lượng có thể đoạn hoặc? Hoặc tướng riêng trí năng đoạn, tức là trái với văn của luận Đối Pháp và quyển 59. Luận Đối Pháp quyển 7 ghi: "Những tác ý nào là năng đoạn? Tổng duyên tác ý quán tất cả pháp đều là Vô ngã tánh có thể đoạn phiền não". Sư Tử Giác nói: "Tổng duyên tác ý là hợp chung duyên cộng tướng hạnh tác ý của tất cả pháp". Đáp như Phật Địa quyển 6 ghi: "Tại sao Phật có thể biết cộng tướng? Cộng tướng đã y theo tỷ lượng mà

lập thì lẽ nào Phật biết cộng tướng là tỷ lượng?” Luận đó có ba thuyết:

1. Thuyết thứ nhất có nghĩa hai lượng là tán tâm vị dựa vào hai tướng mà lập, không nói định tâm, hoặc tại định tâm duyên tất cả tướng đều là hiện lượng nhiếp, do tổng duyên trí này cũng là hiện lượng nhiếp đoạn hoặc không có lỗi, tức là do định chiếu soi tự thể của cộng tướng, nói định tâm là hiện lượng.

2. Thuyết thứ hai có nghĩa định tâm chỉ duyên tự tướng, nhưng do chỗ dẫn phương tiện của cộng tướng. Duyên chỗ hiển lý của các cộng tướng, ngay trên phương tiện mà gọi là tri cộng tướng, nếu không như vậy thì gọi là tri tự tướng. Do đạo lý này, hoặc nói Chân như gọi là Không Vô ngã chư pháp cộng tướng, hoặc nói Chân như là chỗ hiển của hai Không, không phải là cộng tướng. Do nghĩa này mà luận Đối Pháp ghi: “Duyên cộng tướng trí có thể đoạn hoặc”, là y theo phương tiện mà nói, thật ra tự tướng quán mới có thể đoạn nó.

3. Thuyết thứ ba là như thật nghĩa, nhân Minh luận kia lập tự tướng và cộng tướng cùng với luận có khác chút ít. Nhân Minh Luận: “Thật nghĩa trên tất cả pháp đều gọi là tự tướng, vì tự tướng và cộng tướng trên các pháp mỗi mỗi đều dựa vào thể, không chung với pháp khác. Hoặc phân biệt tâm lập một chủng loại năng thuyên và sở thuyên, thông với các pháp như dây xâu hoa thì gọi là cộng tướng, điều này chủ yếu là Tán tâm phân biệt giả lập là cảnh của Tỷ lượng, tất cả định tâm lìa phân biệt này thì đều gọi là hiện lượng”. Tuy duyên các pháp khổ, vô thường... nhưng mỗi mỗi pháp đều riêng có, cho nên gọi là tự tướng. Chân như tuy là chỗ hiển của cộng tướng, vì là tự thể tánh của chư pháp, vì tự nó có tướng, cũng không phải cộng tướng, không thể cho nó cùng với tất cả pháp là bất nhất bất dị thì gọi là cộng tướng, tự tướng cũng cùng với tất cả cộng tướng là bất nhất bất dị, cho nên luận kia bất đồng với luận này. Do nghĩa này, luận Đối Pháp ghi: “Duyên cộng tướng trí có thể đoạn hoặc”. Nương vào phân biệt tâm trên một chủng Oại Chân như thông với các pháp mà gọi là cộng tướng. Hoặc chư pháp của thể Chân như đều có nghĩa gọi là cộng tướng, trí duyên tướng này thì gọi là cộng tướng trí. Luận về thật tánh của thật Chân như pháp không phải là cộng tướng, theo thật tế mà nói thì tướng riêng trí có thể đoạn hoặc. Cộng tướng giả lập như trước đã phân rõ.

Luận: “Khi khởi Vô gián đạo”, đến “hành vi giải thoát đạo”.

Thuật rằng: Thứ ba là giải thích hai đạo khác nhau. Chỗ trị của giải thoát đạo cùng với Tiểu thừa không đồng. Tiểu thừa vấn nạn rằng: “Vô gián đạo của tôi cũng có hoặc đắc, có thể khởi giải thoát đạo và

đắc tương vi. Hiện tại Vô gián đạo của ông đã không có hoặc chủng thì dùng cái gì để khởi lại giải thoát đạo và dụng để làm gì?"

Luận: "Đoạn hoặc chứng diệt, thời kỳ của tâm khác nhau".

Thuật rằng: Dưới đây là luận chủ đáp. Do gia hạnh trước mà thời kỳ của tâm khác nhau. Nói rằng Vô gián đạo có thể đoạn hoặc, giải thoát đạo có thể chứng diệt, tuy Vô gián đạo đã không có hoặc chủng, chứng Vô vi của nó thì có dụng này riêng khởi giải thoát đạo. Đây là một giải thích.

Luận: "Vì xả tánh của phẩm thô trọng kia".

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích thứ hai. Tánh thô trọng tức là tánh vô kham nhậm của chủng tử hai chướng.

Luận: "Khi khởi Vô gián đạo", đến "trạch diệt Vô vi".

Thuật rằng: Đồng thời với Vô gián đạo tuy không có hoặc chủng, nhưng chưa xả tánh vô kham nhậm của nó, để xả tánh này cho nên khởi giải thoát đạo. Giải thoát đạo khởi không chỉ để xả tánh này, mà còn chứng phẩm trạch diệt Vô vi này, tức là Vô kham nhậm và Vô gián đạo đồng thời diệt, chứng Vô vi được cùng với giải thoát đạo đồng thời sinh. Giải thoát đạo tuy không trái với hoặc đắc, nhưng cũng có dụng, điều này ý sau nói. Chủng sinh hiện tuy đồng thời, Bồ-tát Kim cương tâm do có tánh Thô Trọng cho nên không gọi là Phật. Thuyết minh Thức thứ tám của vị này cũng còn Hữu lậu làm sở y thô trọng. Nếu không như thế thì tại sao không gọi là Phật? Giải thích trước chỉ làm chứng Vô vi. Trong Kim cương tâm thì Thức thứ tám đã là Vô lậu, nhưng vì chưa viên minh cho nên không gọi là Phật, giải thích sau là thù thắng. Nương vào hai giải thích này, gồm cả xả vị của Thức thứ tám ở trước hợp chung lại giải thích có ba thứ, thêm một thuyết nữa nói: "Khi Kim cương đạo sinh thì Hữu lậu đều xả, vì chủng tử sinh hiện hành thì đồng thời". Trong đây hai chữ thô trọng không phải chỉ cho chủng tử, do chủng tử mà khiến cho sở y không có tánh kham nhậm, đây gọi là thô trọng, tuy trước đã nói, nhưng đến sau sẽ biết.

Hỏi: Nghĩa này có thể như vậy, nhưng các địa trong Thập Địa kia thì đoạn phiền não chướng thô trọng, đã không đoạn chủng tử. Khi khởi Vô gián đạo, lại không đoạn thô trọng, Vô gián đạo khởi thì chỗ nào đoạn? Hoặc trong Vô gián đạo có dụng đoạn chủng tử phiền não thì đối với giải thoát vị có thể nói trừ thô trọng. Trong Vô gián đạo đã không có sở đoạn thì tại sao nói giải thoát đạo trị thô trọng?

Đáp: Tu đạo trong Thập Địa đoạn phiền não thô trọng, không phải lìa ngoài Sở tri chướng mà riêng khởi Vô gián đối trị đạo, nhưng phiền

não chướng thô trọng thì từ vô thỉ đến nay cùng với Sở tri chướng đồng thời, Sở tri chướng làm gốc. Do Vô gián đạo đoạn chướng gốc cho nên phiền não ngọn thô trọng của nó cùng với Sở tri chướng thô trọng xả trong giải thoát đạo, cho nên không có lỗi này. Do đây phiền não thô trọng không phải có thể thọ sinh, chỉ chướng đối với địa, do đó cùng với Sở tri chướng đồng thời đoạn mà không giữ nó lại, cho nên không có lỗi này, như thân kiến... đến sau sẽ biết.

Hỏi: Nếu như thế thì như Nhị thừa chỉ đoạn định chướng mà không đoạn chủng tử, giai vị Vô gián đạo sinh không có thô trọng thì dụng nào khởi hành vi giải thoát đạo lại nữa?

Đáp: Vô gián đạo đoạn thô trọng, trong giải thoát đạo được tự tại.

Hỏi: Đã đoạn thô trọng thì đắc Vô vi hay không?

Đáp: Kinh Đại Bát-nhã quyển 360 ghi: "Thiện Hiện hỏi: Nếu pháp Vô vi không có sai biệt thì tại sao Phật nói tập khí tương tục? Như Lai vĩnh viễn không có, Nhị thừa thì còn có? Thế Tôn đáp: Tập khí tương tục thật ra không phải phiền não, trong thân Nhị thừa không thể dẫn vô nghĩa, trong thân Bồ-tát có thể dẫn vô nghĩa, Như Lai thì vĩnh viễn không có", tức là do văn này hiển thị đoạn tập khí mà không đắc Vô vi, nếu không như thế thì Vô vi đáng lẽ có sai biệt, cũng hiển Sở tri chướng đoạn mà không đắc Vô vi, nhân tiện hiển ba Thừa cũng đắc Vô vi mà có sai biệt. Phần thứ năm cho rằng chướng này tức là hai mươi hai ngu.

Luận: "Tuy trong kiến đạo", đến "là căn bản".

Thuật rằng: Hiển thị chướng của dị sinh nhiếp pháp không hết, vì là căn bản cho nên không nói nghiệp. Chữ "đẳng" có nghĩa là đồng lấy phi nghiệp và phi Dị thục của các nẻo ác, cùng với pháp của quả tăng thượng khác, cùng với chỗ khởi nghiệp và quả trong nhân thiên thú, nói thẳng là nẻo ác nhiếp không hết. Trong năng khởi thì chỉ nói phiền não, vì Sở tri chướng cùng với phiền não đồng thời cho nên gọi chung là phiền não.

Luận: "Do đây Sơ địa", đến "nghiệp quả đẳng".

Thuật rằng: Giải Thâm Mật và quyển 78 nói đoạn đối với nhị ngu - như văn có thể hiểu - nghiệp quả đẳng, như chữ "đẳng" trên, là đồng lấy sự phân biệt chỗ khởi biệt báo nghiệp và quả trong nẻo thiện, nói thẳng là nẻo ác nhiếp không hết. Trong kinh đã nói, nẻo ác tạp nhiễm, là trước nói Vô ký nếu đoạn duyên phược là chỗ đoạn của Tu đạo. Hiện tại luận này nói quả kia là do bất sinh đoạn, như trong duyên khởi nói.

Đặt ra giải thích thứ hai này, tại sao nghiệp quả cũng gọi là ngu?

Luận: "Nên biết ngu phẩm", đến "sau cứ theo đây mà giải thích".

Thuật rằng: Tuy thể của các nghiệp quả không phải ngu, vì nghiệp là chỗ khởi của ngu, quả là chỗ cảm của ngu, phẩm của ngu cũng gọi là ngu, các địa sau cứ theo đây mà giải thích, như nghiệp thú ngu của Địa thứ hai, vì không phải thể là ngu. Lại nữa, trong chấp ngã pháp chướng đầu tiên, cũng có thể của tham và kiến... không phải là ngu, vì cũng là phẩm của ngu, dưới đây cứ theo đây mà hiểu. Nhưng trong phân biệt chướng tuy có Sở tri chướng, nhưng không phải có thể phát ra nghiệp cảm đối với sinh tử, vì không phải phược pháp. Hiện tại luận này chỗ phát nghiệp quả thứ nhất đều nói là nẻo ác, là lời hủy báng mắng nhiếc, như nói Bán-trạch-ca là nẻo ác trong cõi người.

Luận: "Hoặc kia chỉ nói", đến "đồng thời khởi nhị ngu".

Thuật rằng: Nói rằng câu nói thứ nhất chấp trước, thuyết minh là lợi chướng phẩm đồng thời khởi ngu. Câu nói thứ hai nẻo ác tạp nhiễm không hẳn là nghiệp quả, chỉ là thuần chướng phẩm đồng thời khởi ngu. Hủy báng trách mắng gọi là thú, trong đây không nói riêng phiền não khác, các phiền não khác chỉ là lợi chướng phẩm và độn chướng phẩm, cái ngu đồng thời khởi tức là chỉ cho vô minh. Ý của sư này nói chỉ lấy vô minh và kiến, không phải kiến đồng thời gọi là lợi và độn, nói trong Thập Địa đoạn mười vô minh, không nắm lấy các phiền não khác.

Luận: "Hai chữ thô trọng kia", đến "không có tánh kham nhậm".

Thuật rằng: Luận kia nói thô trọng, thô trọng là thế nào? Hiển tức là chủng tử của nhị ngu kia, hai phiền não trước là hiện hành, thô trọng là chủng tử.

Hỏi: Hiện hành đã diệt lâu rồi, thế nào nói là đoạn?

Đáp: Quyển 59 ghi: "Các phiền não đoạn, lược có hai thứ, một là chư triền đoạn, hai tùy miên đoạn, cho nên hai hiện hành cũng nói là đoạn.

Hỏi: Tại sao quyển kia không phải hàng phục hiện hành mà nói là đoạn?

Đáp: Không phải vậy, quyển 59 kia văn thứ tự giải thích câu nhị đoạn. Chư triền đoạn, là tham sân đoạn, cho đến nghi đoạn, năm Kiến đoạn, đoạn chỗ đoạn của đoạn kiến khổ, cho đến đoạn chỗ trói buộc của cõi Vô sắc. Đoạn Ly hệ là tùy miên đoạn, không phải khi hànng phục hoặc cũng là hàng phục các hoặc của kiến đạo, cho nên biết nhị ngu là hiện hành, thô trọng là chủng tử. Lại nữa, giải thích tùy theo ý

của ông thì hai phiền não trước là chủng tử, thô trọng không phải chủng tử. Hiện tại luận này mới là chỗ khởi của hai phẩm không có tánh kham nhậm. Như các khổ căn nói về đoạn vị của nó.

Luận: “Như nhập hai định”, đến “nên giải thích theo lệ này”.

Thuật rằng: Luận Du-già quyển 11 ghi: “Định thứ hai đoạn khổ căn, chủng tử của khổ căn thì định thứ nhất đã đoạn. Hiện tại là đoạn khổ căn thô trọng của nó, nói Thiền thứ hai đoạn khổ căn của nó. Các địa thô trọng sau, cứ theo đây mà làm hai giải thích. Thứ sáu lấy chướng tức là vô minh, là đồng hay là dị?

Luận: “Tuy chỗ đoạn của Sơ địa”, đến “mười chướng phẩm ngu”.

Thuật rằng: Trong đây có ý nói, Sơ địa thật ra đoạn hai Chướng, hiện tại luận này nói chướng của dị sinh tánh, chỉ lấy Sở tri chướng mà không lấy phiền não chướng, vì Nhiếp luận quyển 7 của Thế Thân nói: “Mười chủng vô minh mong Nhị thừa không phải nhiễm ô”. Hoặc lấy phiền não là mười vô minh thông với nhiễm ô, vì vô minh tức là ngu của mười chướng phẩm và ngu tức là vô minh. Ý gì mà không nói vô minh của Sơ địa thừa nhận là nhiễm ô thông với chủng tử của hai chướng?

Luận: “Nhị thừa cũng có thể”, đến “không phải chỗ nói ở đây”.

Thuật rằng: Nhị thừa cũng có thể đoạn phiền não chướng, vì đoạn phiền não chướng là cộng, không phải chỗ nói ở đây. Nhị thừa kia không thể đoạn Sở tri chướng, vì Sở tri chướng là bất cộng, cho nên vô minh của Sơ địa chỉ nói là bất nhiễm. Nhiếp luận của Thế Thân nói: “Lại nữa, chướng bị trị có mười thứ, cho nên lập riêng Thập Địa”.

Luận: “Lại nữa, mười vô minh”, đến “tu sở đoạn mà nói”.

Thuật rằng: Nói là bất nhiễm, tức là Nhiếp luận bản ghi: “Trong pháp giới có mười vô minh bất nhiễm ô”. Chỉ nương vào tu sở đoạn của Thập Địa mà nói, tức là không nói dị sinh tánh là Kiến đoạn. Làm sao biết được? Luận Đối Pháp quyển 14 ghi: “Đã đắc hiện quán thì trong Tu đạo vị kia chỉ tu đối trị đạo của Sở tri chướng”, cho nên không nói kiến đạo sở đoạn là mười vô minh tâm sở, vì nói là bất nhiễm. Hoặc dị sinh tánh thuận tiện nhiễm ô, do đây cho nên biết dị sinh tánh của nó không phải là bất nhiễm ô. Thế Thân lại nói: “Vì đối trị mười vô minh mà lập riêng Thập Địa”. Lìa ngoài mười chướng mà nói mười vô minh, cho nên mười vô minh không phải tức là mười chướng. Luận kia tự có hai phần, lại theo thứ tự giải thích mười vô minh. Nhưng luận vô tánh thì chỉ có một giải thích, cũng không nói riêng.

Hỏi: Tu đạo của Thập Địa cũng hàng phục phiền não, đoạn phiền

não chướng thô trọng kia, như nói hai chướng, ba xứ quá thì tại sao không nói?

Luận: "Tuy trong vị này", đến "cho nên điều này không nói".

Thuật rằng: Trong Tu đạo vị của Thập Địa cũng hàng phục phiền não và đoạn thô trọng của nó, nhưng mà không phải là chánh ý. Tại sao vậy? Vì không đoạn tùy miên, cho nên điều này không nói. Nhiếp luận Bổn và Thế Thân nói: "Thập Địa Bồ-tát lưu lại phiền não chướng để trợ cho nguyện thọ sinh, cho nên không phải là chánh ý. Ý thú đối với trí đoạn Sở tri chướng cho nên đoạn tùy miên, không đoạn tùy miên của phiền não".

Luận: "Lý thật Sơ địa", đến "cứ theo đây nên biết".

Thuật rằng: Luận chủ đáp. Tuy thật Sơ địa đã nêu ra kiến đạo. Trong Tu đạo vị, cũng đoạn một phần của câu sinh Sở tri. Trong mười chướng này thì từ sơ chướng mà nói, cho nên không nói tu chướng. Sơ địa đã từ sơ chướng mà nói, chín địa sau là chỗ nói về chín chướng. Cứ theo đây nên biết đều từ sơ mà nói. Làm sao biết được tâm nhập địa của Sơ địa... nêu ra kiến đạo đã lại đoạn trừ hoặc?

Luận: "Trong trụ và mãn địa", đến "đạo đáng lẽ không có khác".

Thuật rằng: Hiện tại lấy lý để đáp. Thời trong trụ địa và mãn địa đã lâu xa, là hai Tăng-kỳ, lý càng nên đoạn, nếu không đoạn như thế thì đạo trong ba thời của địa đã không có ba phẩm, đáng lẽ không có riêng khác.

Luận: "Cho nên nói Bồ-tát", đến "mới đốn đoạn".

Thuật rằng: dẫn văn của luận Đối Pháp quyển 14 để làm chứng. Nếu tâm của trụ địa và mãn địa càng không đoạn hoặc thì tại sao luận nói Tu đạo của Thập Địa tức là chỉ đoạn kiến hoặc trong Sơ địa? Lại không đoạn tu hoặc, địa có chín. Lại nữa, Nhiếp luận quyển 10 ghi: "Phiền não ẩn nấp không bị diệt mất, như chỗ hại của độc dược và chú thuật, lưu giữ hoặc đến khi hoặc tận, chứng tất cả trí của Phật". Thế Thân nói: "Vì lưu giữ phiền não và tùy miên, không giống như Nhị thừa mau chóng tiến đến viên tịch, cho nên lưu giữ phiền não lại để trợ cho nguyện thọ sinh". Là các hàng Bồ-tát do đại bi lực, ý hướng tất cả trí, ý hướng đối trị đạo của Sở tri chướng, không lấy đối trị đạo của phiền não, nghĩ đến sinh tử, trợ cho bi nguyện thọ sinh, gọi là lưu giữ phiền não. Không như thế thì đại bi tối cực của Như Lai, đáng lẽ lưu giữ phiền não tùy loại hóa sinh, do đây nên biết ý không hướng đến đoạn cho nên gọi là lưu, khi sắp thành Phật mới nhanh chóng đoạn hết. Đây là văn

của luận Đối Pháp quyển 14.

Luận: “Chướng của nhị tà hạnh”, đến “lầm phạm ba nghiệp”.

Thuật rằng: Thập Địa ghi: “Tà hạnh chướng đối với thân của chúng sinh”. Nhiếp luận của Thế Thân nói: “Tà hạnh chướng đối với thân của chư hữu tình”, ý nghĩa phần lớn đều đồng. Sở tri chướng là lựa riêng với phiền não chướng, hai chữ câu sinh là lựa riêng với sự riêng khởi, nói một phần là lựa riêng với tu đoạn các Sở tri chướng khác. Dưới đây cứ theo đó mà hiểu, lầm phạm ba nghiệp gọi là ngu, là ngu phẩm, giải thích như trước.

Hỏi: Trong hai thứ sinh tử trước, nói Sở tri chướng không thể phát nghiệp, tại sao trong đây lại nói một phần chỗ phát ba nghiệp của câu sinh là nghiệp thú ngu? Luận Phật Địa quyển 7 cũng ghi: “Nếu sở đắc nghiệp và sở đắc quả đều là thể của Sở tri chướng”.

Đáp: Nếu phát nghiệp chiêu cảm sinh tử thì Sở tri chướng không thể, vì không phải là pháp trói buộc. Hai sinh tử trước do đây mà nói không phát, hoặc chướng trí thì ba nghiệp không chiêu ác quả, điều này cũng có thể phát. Chỗ thuyết minh của văn này chỉ là Đẳng lưu và tăng thượng nghiệp quả.

Hỏi: Pháp chấp đã thông với Bất thiện, tại sao không phải là phược?

Đáp: Không do tánh của Bất thiện là phược, như tâm vương thì tánh tức là phi phược. Pháp chấp thì chỉ do phiền não đồng thời cho nên khiến trở thành Bất thiện, không phải tánh là phược.

Hỏi: Đã như thế tại sao không chiêu cảm Dị thục?

Đáp: Thật nghĩa này tuy Bất thiện tâm đồng thời nhưng vẫn gọi là Vô ký. Chỗ mong của Bồ-tát và Nhị thừa mỗi mỗi đều khác, tức là thông với Hữu phú và Vô phú Vô ký, không thể chiêu cảm quả Dị thục, cho nên không có câu vấn nạn trước.

Luận: “Kia chướng hai Địa”, đến “lầm phạm ba nghiệp”.

Thuật rằng: nghiệp này có thể chướng Địa thứ hai tịnh Thi-la, gọi là thú hủy trách (hủy báng trách mắng) mà đặt tên, như nẻo ác của cõi người, không thể nói rằng lấy thú mà đặt tên cho thú, vì không lấy ác quả. Thô trọng như trước cho nên không giải thích riêng. Ngoài ra trong luận nói thân nghiệp... tức là ba nghiệp, đây là nói về tà hạnh đã nhiếp hết.

Luận: “Hoặc chỉ khởi nghiệp, ngu không hiểu rõ nghiệp”.

Thuật rằng: Giải thích thứ hai, thứ nhất là ngu khởi nghiệp, thứ hai là ngu không hiểu rõ nghiệp, không phải sở phát nghiệp, cũng không

phải là năng phát nghiệp, vì cảnh và dụng khác nhau.

Luận: "Ba ám độn chướng", đến "tu pháp vong thất".

Thuật rằng: Kinh Thập Địa ghi: "Ám tướng đối với chư pháp của văn tư tu quên chướng". Nhiếp luận của Thế Thân nói: "Ba trì độn tánh đối với văn tư tu mà có vong thất (quên mất)".

Luận: "Ám độn kia chướng ba địa", đến "liền có thể vĩnh đoạn".

Thuật rằng: Thắng định là đẳng trì và Đẳng chí, tùy theo các thiền và các vô sắc Vô lậu định. Tổng trì, quyển 47 Phật Địa ghi: "Tức là lấy niệm và tuệ làm thể". Quyển 45 ghi: "Có bốn Đà-ra-ni, là pháp, nghĩa, chú và năng đắc Bồ-tát nhẫn". Hiện tại thì nghĩa thứ nhất và thứ hai nhiếp tổng trì, tức là nghe trì Đà-ra-ni và chỗ phát ba tuệ là định. Định thì thân cận phát sinh tu tuệ, tổng trì thì thân cận phát sinh văn và tư, cho nên hợp chung làm chỗ phát ba tuệ thù thắng kia, ba tuệ lấy tuệ làm thể. Nói tu tuệ và nhân theo tu tuệ mà đắc tuệ này, cho nên nói là tu tuệ. Từ nhân mà đặt tên cho nên không phải tu tức là tuệ, vì tu là định.

Luận: "Do ba tuệ này", đến "và tu tuệ".

Thuật rằng: Dục tham ngu chướng thắng định và tu tuệ, tức là do nơi năm dục khởi tham, phần nhiều trụ trong tán loạn, chướng định và chướng tu tuệ. Tu tuệ cùng với định gần nhau cho nên chỉ nói chướng, không phải không chướng tư tuệ.

Hỏi: Dục tham là tên của phiền não, tại sao trong Sở tri chướng gọi là dục tham?

Luận: "Sở tri xưa phần nhiều cùng với", đến "y Sở tri mà chuyển".

Thuật rằng: Sở tri chướng kia, ngu thứ ba này phần nhiều cùng với dục tham trong phiền não đồng thời cho nên gọi là dục tham ngu, không phải Sở tri chướng gọi là dục tham, nó chướng định và chướng tu tuệ. Sở tri chướng vĩnh viễn đoạn, là nói dục tham tùy ẩn nấp, vì Sở tri là gốc đoạn, phiền não là ngọn thì liền ẩn nấp. Phiền não này từ vô thỉ đến nay y theo Sở tri chướng mà chuyển.

Luận: "Hai viên mãn văn trì", đến "văn và tư tuệ".

Thuật rằng: Vì văn tư và văn trì gần nhau cho nên nói thiên về nó. Không phải không chướng tu tuệ, nhưng từ chướng thù thắng cho nên phân riêng làm hai, không phải nghĩa của một chướng thể nói là hai chướng. Đây là lấy ngu của ba địa trên, quyển 78 đều không đồng.

Luận: "Bốn vi tế phiền não hiện hành chướng", đến "nói là vi tế".

Thuật rằng: Thập Địa ghi: "Giải thích pháp mạn chướng, các nhà

phiên dịch gọi là khác nhau, tức là ngã kiến mạn”. Thế Thân Nhiếp luận ghi: “Vi tế phiền não hiện hành, câu sinh thân kiến nhiếp”. Đây là hạ phẩm, vì không khởi ý duyên, xa tùy theo hiện hành, nên biết là vi tế, ý nghĩa phần lớn đều đồng. Trong đây nói Thức thứ sáu đồng thời với thân kiến, lựa riêng với đồng thời của Thức thứ bảy. Chữ “đẳng” có nghĩa đồng lấy ngã sở biên kiến,ngã mạn và ngã ái, cùng với kiến đồng thời, đều là phẩm này, đồng lấy định ái và pháp ái của nó, đến sau sẽ biết. Tại sao gọi là vi tế? Giải thích là hạ phẩm, là Thức thứ sáu cũng có pháp của phân biệt thân kiến, nhưng nó là thô mạnh cho nên gọi là thượng phẩm, độ đầu tham trong Thức thứ sáu gọi là trung phẩm, vì thông với tánh Bất thiện. Phẩm này mong hai phẩm kia, vì là hạ phẩm cho nên hành tướng rất vi tế và chỉ có Vô ký. Lại nữa, không khởi ý duyên cho nên gọi là hạ phẩm, tức là mặc tình sinh cho nên gọi là hạ phẩm, không giống Kiến đoạn cưỡng ép tư (tư duy) mới sinh. Lại nữa, vì xa tùy theo hiện hành, tức là từ xưa đến nay rong đuổi theo thân, không xả thân gọi là hạ phẩm, không giống như phân biệt khởi, gặp bạn tốt thì liền xả, đây gọi là hạ phẩm. Do ba nghĩa này cho nên gọi là vi tế, ngoài ra luận căn cứ theo đây giải thích.

Luận: “Kia chướng Tứ địa”, đến “liền có thể vĩnh đoạn”.

Thuật rằng: Những thứ này chướng Bồ-đề phần pháp, cho nên Địa thứ tư đoạn nó.

Hỏi: Như thế nào là thân kiến chướng Bồ-đề phần?

Đáp: Do có thân kiến đồng thời với ái mà mê chấp thân, không được quán thân là Bất tịnh, quán pháp là Vô ngã... Bồ-đề phần thì thông với Chướng. Luận Trung Biên quyển 1 có Bồ-đề phần Chướng.

Hỏi: Đã là Sở tri chướng thì tại sao lập tên phiền não?

Luận: “Sở tri xưa phần nhiều với”, đến “cũng vĩnh viễn không hiện hành”.

Thuật rằng: Cũng hiển Sở tri chướng trên lập tên phiền não, tuy có khác đầu sinh, nhưng đều gọi là phần, cùng với phiền não đồng một thể mà đồng thời khởi. Lập tên của phiền não là do Sở tri chướng đoạn, ngọn của phiền não cũng vĩnh viễn không hiện hành, từ phiền não đặt tên cho nên nói là đoạn.

Hỏi: Tại sao Sơ địa, hai Địa và ba Địa không đoạn ngã kiến?

Đáp: Vì không phải chướng pháp.

Luận: “Sơ, hai, ba Địa”, đến “hai thân kiến”.

Thuật rằng: Sơ địa thì hành bố thí, hai Địa hành giới, ba Địa thì hành tu, tương đồng với thế gian, vì hữu tình thế gian phần nhiều là tạo

tác ba sự phước nghiệp này, chưa có thể tu chứng Bồ-đề phần pháp. Địa thứ tư này thì tu chứng Bồ-đề phần pháp mới gọi là xuất thế, cho nên có thể vĩnh viễn hại hai thân kiến. Hai thân kiến là sơ kiến đạo đã lìa phân biệt thân kiến trong Thức thứ sáu, sau đó lìa câu sinh thân kiến trong Thức thứ sáu, các kinh luận đều gọi là hai thân kiến, không phải hiện tại lìa hai thứ như định thứ tư diệt khổ lạc. Lại nữa, chánh đoạn thân kiến của Sở tri chướng thì đều vĩnh viễn không khởi thân kiến trong phiền não chướng, cho nên nói hai thân kiến gọi là vĩnh hại, không phải thân kiến của phiền não cũng khởi đối trị.

Luận: "Làm sao biết thân kiến này cùng Thức thứ sáu đồng thời".

Thuật rằng: Đây là hỏi.

Luận: "Thức thứ bảy đồng thời", đến "làm chỗ y trì".

Thuật rằng: Thức thứ bảy đồng thời với pháp của thân kiến, cùng với tánh của Vô lậu đạo trái nhau. Từ Địa thứ bảy trở lại cũng còn có Hữu lậu đạo, vì chưa hoàn toàn phục diệt, từ Địa thứ tám trở đi thì Hữu lậu tương tục mới vĩnh viễn không hiện hành. Từ Địa thứ bảy trở lại thì đắc hiện khởi, cùng với tham sân và các phiền não khác làm chỗ y trì, hoặc phiền não là Thức thứ bảy của nó đồng thời. Địa thứ bảy trở lại đã thừa nhận là diệt thì tham sân... trở về trước đáng lẽ đã diệt, không có chỗ y trì, như Địa thứ tám, thứ chín và thứ mười.

Luận: "Đây thì thô kia thì tế", đến "Tương ưng thứ sáu".

Thuật rằng: Lại nữa, đồng thời với Thức thứ sáu này là thô, đồng thời với Thức thứ bảy kia là tế, hàng phục thì có trước và sau, thô thì hàng phục trước, tế thì hàng phục sau, cho nên thân kiến này chỉ là Thức thứ sáu tương ưng. Giải Thâm Mật và quyển 78 ghi: "Bạch Thế Tôn! Chư địa này phiền não và tùy miên có mấy thứ? Thiện nam tử! Có ba thứ: một là hại bạn, là năm Địa trước, các phiền não không câu sinh và không hiện hành, là phiền não đồng thời sinh hiện hành trợ bạn, phiền não kia trong lúc này vĩnh viễn không còn nữa, gọi là hại bạn tùy miên; hai là luy liệt (yếu kém), là Địa thứ sáu và Địa thứ bảy hiện hành vi tế, hoặc chỗ hàng phục của tu không hiện hành; ba là vi tế, là Địa thứ tám trở lên, từ đó trở đi tất cả phiền não không khởi hiện hành, chỉ có sở y và Sở tri chướng còn, cho nên biết chỗ hàng phục là Thức thứ sáu không phải Thức thứ bảy.

Hỏi: Nhân theo luận mà sinh luận, thế nào là hại bạn?

Đáp: Như chương đoạn chướng đã giải thích rồi.

Luận: "Thân kiến mà nói", đến "riêng trái với nó".

Thuật rằng: Nói về thân kiến, không phải chỉ có tham si mạn và các Tùy phiền não khác đồng thời hiện hành, cũng nhiếp hai thứ ái vô thỉ là định ái và pháp ái. Định ái và pháp ái riêng trái với Bồ-đề phần pháp, vì Bồ-đề phần pháp đắc Vô lậu định và thắng Vô lậu giáo pháp, và các pháp khác nữa. Địa trước chiếu rõ Đại thừa pháp giáo vẫn sinh ái nhiễm, giáo pháp của Địa này cùng với niệm tuệ mới gọi là đắc. Hiện tại đã ở nơi định, nơi giáo pháp và niệm tuệ mà khởi ái, vì đối với thân kiến kia chưa đắc tự tại, vì chướng Bồ-đề phần, gọi là riêng trái nghịch. Trì độn chướng của địa trước chướng định và quên mất chỗ nghe và tư duy pháp, định này chỉ chướng Bồ-đề phần, cho nên có sai biệt.

Luận: "Do bốn Địa này", đến "cũng vĩnh viễn không hiện hành".

Thuật rằng: Nên giải thích như trước, văn còn lại dễ hiểu, khỏi nhọc giải thích lại.

Luận: "Năm Địa đối với hạ thừa nhập Niết-bàn", đến "ưa thích Niết-bàn".

Thuật rằng: Kinh Thập Địa ghi: "Thân thì đắc ngã mạn chướng". Thế Thân Nhiếp luận cùng với luận này thì danh đồng. Địa trước y theo giác phần mà quán, quán thân thọ và Vô lậu đạo, do Sở tri chướng sai khiến tâm thiện cho nên có ưa chán.

Hỏi: Chân như của Địa này gọi là vô sai biệt, sinh tử và Niết-bàn đã không có sai biệt thì có gì để chán mà lại có ưa? Văn còn lại dễ hiểu.

Luận: "Sáu tướng thô hiện hành chướng", đến "liền có thể vĩnh viễn đoạn".

Thuật rằng: Kinh Thập Địa ghi: "Vi Tế phiền não tập chướng". Thế Thân Nhiếp luận ghi: "Tướng thô hiện hành, Địa thứ mười mong năm Địa trước cho nên nói là vi tế". Thế Thân cùng với luận này đồng, mong Địa thứ bảy sau thì gọi là tướng thô, cũng không trái nhau. Do Địa trước quán bốn Đế cho nên có hai nhiễm và hai tịnh, do đó chướng Vô nhiễm tịnh đạo của Địa thứ sáu, Chân như của địa này gọi là Vô nhiễm tịnh, cho nên duyên đạo của nó thì gọi là Vô nhiễm tịnh, khi duyên của nó khởi thì mong bốn Đế làm tế, mong Chướng sau cho nên nói sáu Địa này làm thô.

Luận: "Do sáu Địa này", đến "chấp có tịnh".

Thuật rằng: duyên hành tướng lưu chuyển của khổ và tập làm chướng, chấp có nhiễm là tướng nhiều hiện hành, tức là chướng quán duyên khởi hoàn diệt, duyên diệt thì tướng của đạo tịnh làm chướng.

Luận: "Thủ tịnh tướng cho nên", đến "trụ vô tướng quán".

Thuật rằng: Do nắm lấy Vô lậu tịnh tướng, cho nên tướng quán nhiều hạnh, chưa có thể nhiều thời gian trụ vô tướng quán, tức là Hậu đắc trí khởi Hữu tướng tịnh quán, tuy khởi vô tướng ít thời gian thì có thể. Giải Thâm Mật ghi: "Quán sát hiện tiền hạnh lưu chuyển ngu". Nói hiện tiền là quán hiện tiền pháp nhiễm Hữu lậu.

Luận: "Bảy tế tướng hiện hành chướng", đến "liền có thể vĩnh đoạn".

Thuật rằng: Thập Địa ghi: "Tế tướng huân tập chướng", Thế Thân đồng với đây. Do sáu Địa trước khởi quán duyên khởi, lưu chuyển hoàn diệt cũng còn có tướng vi tế sinh diệt cho nên gọi là chướng, Chân như của địa này gọi là chủng chủng vô biệt Chân như, cho nên đạo này gọi là diệu Vô tướng đạo. Đây là tế tướng làm chướng.

Luận: "Do Địa thứ bảy này", đến "tế diệt tướng".

Thuật rằng: Tế tướng hiện hành, chấp có sinh là vì hành lưu chuyển thì lấy sinh làm đầu, thật ra là đều có diệt. Đối với Hữu lậu có sinh lại đưa ra nhất sinh, không phải không chấp diệt, tức là chấp tướng lưu chuyển, thuần là khởi ý cầu vô tướng ngu, tức là chấp có diệt, là chấp hoàn diệt tướng.

Luận: "Thuần đối với vô tướng", đến "khởi hữu thắng hạnh".

Thuật rằng: Địa trước còn nắm lấy tế diệt tướng của hoàn diệt, thuần đối với vô tướng mà khởi ý cần cầu, chưa có thể khởi hữu thắng hạnh trong Không. Hiện tại trong địa này đã trừ chướng này, có thể đối với vô tướng mà chuyên cần cầu, là ở trong Không mà khởi hữu thắng hạnh. Chỗ nói Không là, lý Không của vô tướng, trong Không khởi hữu hạnh, tức là trong chân quán khởi hữu quán, ngu tối hai cảnh chân và tục, hợp chung với hai trí là căn bản trí và hậu đắc trí, ít dụng công sức, tức là năng đắc, không đồng với Địa thứ năm. Kinh Thập Địa quyển 9 ghi: "Địa thứ bảy lấy mười thứ phương tiện trí, phát khởi hạnh thù thắng mà nhập". Luận đó giải thích rằng: "Khi Vô chướng ngại trí hiện tiền thì trong vô tác hạnh sinh tâm an lạc. Vô tác hạnh tức là Không hạnh. Hiện tại luận này nói phi an lập tức là vô tác hạnh.

Luận: "Trong tám vô tướng", đến "bất mặc tình dấy khởi".

Thuật rằng: Trong văn có bốn đoạn:

1. Nêu thể.
2. Phân rõ tướng.
3. Tức ngu.
4. Hiển hữu.

Đây là nêu thể. Thập Địa ghi: “Đối với vô tướng hữu hạnh chướng”. Thế Thân Nhiếp luận ghi: “Vô tướng tác hạnh”. Nghĩa ý phần lớn đều đồng, văn còn lại dễ hiểu.

Luận: “Năm địa trước”, đến “mà có gia hạnh”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai phân rõ tướng. Quán tâm của năm Địa trước cũng còn yếu, vô tướng quán thì ít. Trong Địa thứ sáu cũng còn quán nhiễm tịnh bình đẳng Chân như cho nên phần nhiều là trụ vô tướng. Trong Địa thứ bảy thì đoạn VI Tế sinh diệt tướng, vô tướng hằng tương tục mà có gia hạnh, cùng với Địa thứ tám khác nhau.

Luận: “Do trong vô tướng”, đến “đắc hai tự tại”.

Thuật rằng: Người chưa có thể nhậm trì nhập vô tướng quán thì không tự tại, chưa có thể mặc tình hiện tướng và độ (cõi), thuyết minh Địa này trở về trước cũng là hiện tướng và độ, chưa gọi là tự tại, vì chưa có thể mặc tình hiện. Nói hiện tướng, tức là tùy dục hiện tướng gì thì có thể hiện tướng đó, như hiện các tướng kim ngân châu báu thì đều có thể hiện được. Đây tức là rộng khắp, là trong tướng mà riêng lập cõi tự tại. Cõi tự tại là muốn hiện quốc độ lớn hay nhỏ, hiện các màu sắc vàng hay bạc thì có thể hiện được. Độ (cõi) tức là hẹp; độ là giả, riêng năng y; tướng là thật, riêng riêng sở y, vì trong tướng mà phân lập riêng.

Luận: “Do tám Địa này”, đến “tướng một phần”.

Thuật rằng: Đây là thứ ba tức ngu. Văn đó dễ hiểu cho nên không giải thích.

Luận: “Địa thứ tám trở lên”, đến “không trái với nó”.

Thuật rằng: Đây là thứ tư hiển hữu. Địa này trở đi, tất cả phiền não tuy không hiện hành, nhưng Sở tri chướng vi tế cũng còn có thể hiện hành, đây là Thức thứ bảy lấy sinh không trí vô phân biệt cùng với quả tức là diệt tận định và sinh không hậu đắc trí đều có thể hiện hành, vì pháp chấp Mạt-na không trái với đó.

Hỏi: Nếu Đẳng lưu hậu đắc trí pháp chấp còn khởi thì Địa thứ tám trở lên Vô lậu tương tục, không có một thời nào là không phải Đẳng lưu này, tại sao nói hai quán Đẳng lưu khác nhau?

Đáp: Do trí vô phân biệt sinh pháp, chỗ dẫn của thế lực dụng hai quán gần xa cho nên được riêng biệt. Như trước đã giải thích.

Luận: “Trong chín lợi tha không muốn hành chướng”, đến “liền có thể vĩnh viễn đoạn”.

Thuật rằng: Văn này có bốn đoạn:

1. Nêu thể.

2. Sở chướng.

3. Tức ngu.

4. Tổng kết. Đây là đoạn thứ nhất và thứ hai. Thập Địa ghi: "Không thể khéo lợi ích cho chướng của chúng sinh". Thế Thân nói: "Đối với nhiêu ích hữu tình không khởi hạnh". Nghĩa ý cũng đồng với đắc vô tướng lạc trong tám Địa trước. Đam mê tịch diệt không chịu tiến tu, chư Phật khuyến khích bảy lần mới chịu tiến tới, cho nên chỉ có chướng tự lợi của chín Địa, vì pháp lợi tha của tứ vô ngại giải.

Luận: "Do chín Địa này", đến "tất cả âm thanh".

Thuật rằng: Đây là thứ ba tức ngu, trong đó có hai phần:

1. Tổng.

2. Biệt.

Trong Biệt có hai phần:

1. Nêu.

2. Giải thích.

Giải Thâm Mật và quyển 78 ghi: "Một là chỗ thuyết pháp vô lượng - tức là nghĩa vô ngại giải trong đây - vô lượng pháp cú văn tự - tức là pháp vô ngại giải trong đây". Luận kia nói pháp là danh thân, cú là cú thân, văn tự là tự thân. Luận này chính là nói danh cú tự. Văn kia có ẩn mật chút ít, sau Tuệ biện có thể giải thích, tức là chữ Đà-la-ni suốt thông với ba Vô Ngại giải. Tùy theo một Năng thuyên trong danh cú văn mà hiển hiện tất cả năng thuyên danh, là pháp vô ngại giải. Trong một phương âm thanh mà hiển hiện tất cả phương âm thanh, là từ vô ngại giải. Hoặc rất ít trong một phương một danh mà hiển hiện danh của tất cả phương trên các pháp, trong một phương một tiếng niệm mà hiển hiện tất cả âm thanh, là cảnh sai biệt của nhị vô ngại giải. Loại trước là giả danh nhiếp, loại sau thì thật thể tức là âm thanh.

Luận: "Hai biện tài tự tại ngu", đến "khéo vì người mà nói".

Thuật rằng: Là biện vô ngại giải, có thể phương tiện khéo thuyết pháp thậm thâm, tức là bảy thứ biện: Tấn biện, Ứng biện, Tiệp biện, Vô sơ mậu biện, Vô đoạn tận biện, phàm sở dẫn Thuyết Phong Nghĩa Vị Biện và Tất cả thế gian tối thắng diệu biện, đó là cao thấp, trược thanh, lớn nhỏ...

Luận: "ngu có thể chướng các thứ này", đến "Chướng nhiếp thứ chín".

Thuật rằng: Thứ tư là tổng kết, văn đó dễ hiểu. Bốn thể tánh các môn này, như luận Đối Pháp quyển 14 Sao và Biệt sao nói.

Luận: "Thập Địa đối với chư pháp", đến "chỗ Khởi sự nghiệp".

Thuật rằng: Văn có ba đoạn:

1. Nêu thể.

2. Sở chướng.

3. Tức ngu.

Đây là đoạn thứ nhất và thứ hai. Các luận còn lại thì tên đồng với Đại pháp là Chân như. Trí duyên Chân như ví như vầng mây lớn, cho nên gọi là Đại pháp trí vân, cùng với sở hàm tàng tức là các công đức của Đà-ra-ni môn và Tam-ma-địa môn, vì Đại pháp trí vân hàm chứa nhiều đức thủy đầy khắp pháp thân. Sở hàm tàng tức là các công đức, sở khởi sự nghiệp tức là chỗ khởi các đại thần thông của trí.

Luận: "Khi nhập Thập Địa", đến "và sở hàm tàng".

Thuật rằng: Dưới đây là tức ngu, văn đó dễ hiểu, cứ theo trên mà phối hợp nắm lấy. Vi tế bí mật tức là sở chướng vi tế cũng là bí mật. Luận Thập Địa quyển 11, 12 và Bồ-tát địa quyển 48 ghi: "Tính lường công đức của Địa trước và Địa sau nhiều hay ít". Nhưng mười chướng thì các luận không đồng, đối chiếu thuyết minh sơ lược dã xong.

Luận: "Địa này đối với pháp", đến "nhập Như Lai địa".

Thuật rằng: đoạn thứ nhất có bốn phần:

1. Nêu.

2. Hiển.

3. tức là.

4. Làm chứng.

Đây là phần thứ nhất và thứ hai. Nhưng Địa thứ mười thì chướng còn tồn tại cho nên không gọi là Phật. Giải Thâm Mật ghi: "Địa thứ mười này tuy đối với các pháp đắc tự tại, tức là đối với nghĩa của nghiệp tự tại, nghĩa tự tại của Đà-ra-ni môn và Tam-ma-địa môn, gọi chung là đối với pháp mà đắc tự tại. Tổng trì và định, gồm cả nghiệp đều gọi là pháp, do tổng trì mà gọi là pháp trì.

Luận: "Do Phật Địa này", đến "chủng tử của phiền não chướng".

Thuật rằng: Đây là thứ ba tức ngu, văn đó dễ hiểu, khỏi nhọc giải thích lại. Đây là chỉ nói chủng tử cũng có thô và trọng.

Luận: "Cho nên Tập luận nói", đến "Đại Bồ-đề".

Thuật rằng: Thứ tư dẫn chứng, nghĩa này dễ hiểu, như Tập luận quyển 14 ngọn nói. Nói đốn đoạn, rộng như Giải Thâm Mật và quyển 78 nói. Bồ-tát địa luận và luận Thập Địa mỗi mỗi đều đối với các địa thuyết minh công đức trí tuệ không đồng, hiện tại không phiền dẫn ra. Thập Địa quyển 11 ghi: "Bồ-tát địa thứ chín dùng pháp vô ngại trí để biết tự tướng của các pháp, lấy nghĩa vô ngại trí để biết sai tướng riêng

của các pháp, lấy từ vô ngại trí để biết bất hoại thuyết các pháp, dùng nhạo thuyết vô ngại trí để biết các pháp thứ tự bất đoạn thuyết (nói không dứt).

Lại giải thích thêm nữa: Thứ nhất là biết pháp không có thể tánh; thứ hai là biết tướng sinh diệt của pháp; thứ ba là biết pháp giả danh, nhưng không đoạn giả danh pháp mà nói; thứ tư là tùy giả danh bất hoại vô biên pháp mà nói.

Lại giải thích nữa: một là biết pháp sai biệt, hai là biết nghĩa sai biệt, ba là tùy ngôn âm mà vì thuyết pháp, bốn là tùy chỗ ưa hiểu mà vì thuyết pháp. Luận kia có nói nhiều chữ "lại nữa", không thể dẫn ra hết. Nên xem luận Du-già quyển 66, nghĩa chữ tu không đồng trong luận này.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 10
(PHẦN CUỐI)

Trong giải thích mười chướng, từ trên đến đây, phần thứ nhất đã y theo Giải Thâm Mật giải thích chướng của mười một Địa, tổng hợp mười chướng đã xong. Từ đây xuống phần thứ hai lấy mười một chướng tức là là hai chướng của nó, văn thế có ba phần:

1. Tổng thuyết minh vị thứ của hiện hành chủng tử phục và đoạn.
2. Thuyết minh đốn đoạn và tiệm đoạn.
3. Giải thích sai biệt của bốn Đạo.

Luận: "Mười một chướng này là chỗ nhiếp của hai chướng".

Thuật rằng: Trong vị thứ của đoạn có hai phần:

1. Chung, tức là hai chướng.
2. Giải thích riêng.

Đây là phần đầu. Thể tánh rộng hẹp lại càng không có riêng khác, chỗ đoạn của Thập Địa tuy chỉ có Sở tri, câu phẩm không hiện hành tức là thông với hai chướng.

Luận: "Trong phiền não chướng", đến "địa trước đã hàng phục".

Thuật rằng: Văn dưới đây có hai đoạn:

1. Thuyết minh vị thứ phục đoạn của hai chướng.
2. Giải thích các vấn nạn.

Trong phần thứ nhất thuyết minh trước hết là phiền não chướng, vì thể tánh của nó thô, ba Thừa cùng đoạn trừ, dễ thấy được. Chủng tử phân biệt thì không bàn Nhị thừa, nói Bồ-tát đối với cực hỷ Địa thì kiến đạo mới đoạn, vì thể tánh của kiến đạo vị hơi rộng, cho đến tướng kiến đạo thì khởi vị của Hậu đắc trí thời gian lâu cũng còn gọi là kiến đạo, hiện tại lựa riêng riêng với tướng kiến đạo là chỉ có chân kiến đạo. Trong chân kiến đạo chỉ nắm lấy Vô gián hoặc diệt trí sinh khởi, cho nên nói kiến đạo mới đoạn, không phải tướng kiến đạo cũng có thể đoạn, nhưng đây là phân biệt phiền não hiện hành. Luận Du-già quyển 58 ghi: "Thế gian đạo chỉ hàng phục câu sinh ái hoặc câu sinh khuể lân cận với

kiêu mạn, không nói có thể hàng phục phân biệt phiền não”. Đây là căn cứ theo dị sinh và Nhị thừa tánh mà nói. Hoặc thẳng qua Bồ-tát, chương kia hiện khởi thì Địa trước đã hàng phục, cho nên quyển trước ghi: “Chỉ có thể phục trừ phân biệt hai thủ”. Đây là tại gia hạnh vị, hoặc tại tư lương vị thì thô hiện hành này cũng có thể phục diệt, nhị tế hiện hành thì chưa có thể hàng phục. Đến gia hạnh vị thì phân biệt vi tế cũng đều có thể hàng phục. Do đây Chánh nguyện và thắng giải Thế gian đạo lực của Bồ-tát, tà kiến và nghi phục trừ không hiện hành. Không phải vì sáu hạnh có chỗ ưa chán mà Bồ-tát không làm, không phải Bồ-tát này không có khả năng đó. Kinh Duyên Khởi ghi: “Nội pháp dị sinh nếu phóng dật thì không có bất cộng vô minh, tà kiến chưa hẳn đều là khởi, tức là tư lương vị đã không hiện hành, chỉ có hai vị phân biệt tham không khởi, cho nên luận tổng nói Địa trước đã hàng phục.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm giải thích tâm thứ tư của Thập Trụ, nói rằng là chân Phật tử thì ở trong đó vĩnh viễn lìa phiền não của ba cõi?

Đáp: Như quyển trước đã giải thích.

Luận: “Chủng tử tu sở đoạn”, đến “rốt ráo không hiện hành”.

Thuật rằng: Sau chủng tử tu sở đoạn đều là đốn đoạn, đây là phỏng theo chủng tử mà nói, không nói theo thô trọng. Thô trọng thì trong Thập Địa cũng đoạn, hàng phục câu sinh hiện khởi Địa trước thì cũng được, lý không có nghi ngờ. Kinh Anh lạc ghi: “Ba Hiền Bồ-tát thì chỉ hàng phục mà không đoạn”. Chính là đồng với đây. Trong quyển trước ghi: “Câu sinh hiện khởi chưa hoàn toàn phục trừ”. Nói rằng tạm khởi, là bốn Địa trước trong Thập Địa cũng còn khởi ngã kiến, vì Địa thứ bảy trở về trước cũng còn khởi tham sân...

Hỏi: Chính khi còn tại Địa trước, những chỗ chưa hàng phục thì tướng mạo có thể biết, khi đã hàng phục thì cùng với đây có khác gì?

Đáp: Đạo lực cũng còn yếu, không thể hàng phục hết, vì phiền não mà chế phục chút ít phần tự hiện hành, tức là ngã tham... có bảy niệm dấy khởi, cho nên nói Địa trước đã có thể hàng phục chút ít, không phải có tướng riêng Địa trước hàng phục nó, từ khi nhập Địa trở đi có thể nhanh chóng hàng phục hết. Như A-la-hán có bất bố cho nên khởi phiền não, bố thì không phải như thế. Chỗ nói kiến sở đoạn trong đây là chỉ có người đốn ngộ, tu sở đoạn thì thông với hữu học tiệm ngộ. Vô học tiệm ngộ thì cả hai thứ đều không có. Địa thứ tám trở đi cũng không cố tình khởi, mặc tình thì không hiện hành, vì đạo lực thù thắng. Đây là văn của luận Đối Pháp quyển 14, như quyển 3 trước dẫn giải.

Luận: “Trong sở trí chướng”, đến “Địa trước đã hàng phục”.

Thuật rằng: Như quyển trước đã giải thích. Gia hạnh của Bồ-tát chỉ ưa thích đối với trí, kiến đạo trở về trước thì chỉ hàng phục pháp chấp, phiền não chướng của nó cũng tùy theo đây mà phục diệt. Nhưng do gia hạnh của Sở tri phục diệt, cho nên nói phiền não phục diệt, không phải Tiền gia hạnh phục diệt phiền não. Trong Thập Địa, phiền não đồng thời với Sở tri chướng phẩm phần nhiều cũng như thế, không phải "đồng thời" này các Địa đều có thể khởi.

Luận: "Chủng tử tu sở đoạn", đến "mới vĩnh viễn hàng phục hết".

Thuật rằng: Trong đây giải thích về thời tiết của đoạn và phục, như phiền não mà nói, do các Địa có thể bị chướng, cho nên trong Thập Địa dần dần có thể đoạn, cho đến Thập Địa mới vĩnh viễn hàng phục hết, do đạo lực trước chiết phục thì Sở tri chướng của Địa sau hiện, khiến cho nó không hiện hành thì gọi đó là phục. Đây là cũng chưa xong, tám Địa trở đi, Thức thứ sáu và Thức thứ bảy, thức nào hiện hành?

Luận: "Địa thứ tám trở lên", đến "có thể trái với nó".

Thuật rằng: Thức thứ sáu đồng thời là Địa thứ tám không hiện hành, vì hai Không Vô lậu trí vô phân biệt tâm cùng với quả diệt định hậu đắc trí này tương tục không đoạn có thể trái với hai chấp của Thức thứ sáu cho nên không hiện hành.

Luận: "Thức thứ bảy đồng thời", đến "đến khởi vị mới hàng phục".

Thuật rằng: Thức thứ bảy thì ở Địa thứ tám còn hiện hành, vì pháp không trí và quả mới trái với pháp chấp của Thức thứ bảy, hành tướng của sinh Không trí và quả đều là thô, không trái nhau.

Luận: "Năm Chuyển thức trước", đến "chướng không hiện khởi".

Thuật rằng: Trong Thập Địa, năm Chuyển thức trước hoặc là chưa chuyển y đắc Vô lậu trí, vì Thức thứ sáu thù thắng hơn Vô lậu đạo, thù thắng hơn thế lực do đó mà hàng phục đối với năm Chuyển thức trước, trị hai chướng năm Chuyển thức trước khiến cho không hiện khởi. Năm thức này đồng thời hoặc là Sở tri chướng, phần đoạn của các địa, vì có thể chướng địa. Thức thứ bảy đồng thời với kim cương mới đoạn, trong Thập Địa có chiết phục và có hiện khởi. Năm thức đồng thời hoặc là sở đoạn và năng đoạn của địa sau, trong địa trước cũng có thể chiết phục nó, vì hiện hành thô với chủng tử trái với đạo. Lại nữa, tám Địa trở đi, năm thức câu là tuy không được đối trị, nhưng do Thức thứ sáu đồng thời Vô lậu chiết phục cho nên khiến cho không hiện khởi, Địa thứ bảy

trở về trước thì cũng còn có thể hiện khởi. Thức thứ sáu cứ theo đây nên biết, cũng là các Địa đoạn, cũng có thể chế phục.

Hỏi: câu sinh phiền não Thập Địa không trừ, tại sao quyển 48 nói đoạn hai chướng trong ba trụ?

Luận: "Tuy đối với Tu đạo", đến "nghĩa của ba trụ đoạn".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích vấn nạn có hai phần, đây là phần thứ nhất. Như luận kia ghi: "Đối với cực hỷ trụ, chỗ có thô trọng trong tất cả nẻo ác và các phiền não phẩm thì đều vĩnh viễn đoạn, tất cả phiền não phẩm thượng và trung đều không hiện hành, trong vô gia hạnh, vô công dụng và vô tướng trụ, tất cả đều có thể chướng vô sinh pháp nhẫn, chỗ có thô trọng của các phiền não phẩm đều vĩnh viễn đoạn, tất cả phiền não đều không hiện tiền, trong Bồ-tát trụ mà thành mãn tối thượng. Nên biết tất cả tập khí và tùy miên của phiền não chướng ngại đều vĩnh viễn đoạn, nhập Như Lai trụ. Trong đó có ý nói Kim Cương tâm Vị cũng là Thành mãn Bồ-tát trụ nhiếp. Sở tri chướng thô trọng có ba thứ:

1. Tại bì (da), cực hỷ trụ đều vĩnh viễn đoạn.

2. Tại phu (da non), là vô gia hạnh, vô công dụng và vô tướng trụ đều vĩnh viễn đoạn.

3. Tại nhục (thịt), trong Như Lai trụ đều vĩnh viễn đoạn, đắc tất cả trí cực thanh tịnh trí.

Trong đây ý nói đã đoạn xứ, rộng như luận kia nói, cho nên luận này ghi: "Do đây cho nên nói", tức là quyển 48 nói.

Hỏi: Nếu phiền não thô trọng không phải chủng tử của nó thì không phải chỉ có ba trụ và Sở tri chướng mà các Địa có thể đoạn, tại sao chỉ nói ba trụ đoạn?

Luận: "Tuy trong các trụ", đến "do đó nói thiên về nó".

Thuật rằng: Phần thứ hai giải thích vấn nạn. Vì ba kiếp phân đồng thành mãn vị; vì tâm Vô lậu quán sơ khởi, Vô gián và viên mãn khác nhau; vì hiện khởi ba chướng phần nhiều, phần ít và toàn phần không có; vì tất cả phiền não phân biệt, câu sinh, vĩnh hại, bất hành và tất cánh ly; vì vô sinh pháp nhẫn thiểu tịnh, nhiều tịnh và cực tịnh khác nhau; vì mới xả dị sinh, phần đoạn và biến dịch có sai biệt; vì đối với tâm Vô lậu chưa đắc, Hữu tướng và vô tướng đầy đủ.

Luận: "Đoạn hai chướng chủ tiệm và đốn là thế nào?"

Thuật rằng: Từ đây xuống là phần thứ hai đoạn hai chướng chủng. Tiệm và đốn thế nào, là câu hỏi. Tuy đã nói đoạn, nhưng chỉ nói Bồ-tát mà chưa phân rõ Nhị thừa, chưa thuyết minh đốn và tiệm, cho nên đặt ra câu hỏi này.

Luận: “Thức thứ bảy đồng thời”, đến “không có thô và tế”.

Thuật rằng: Sở chướng có dị biệt, đoạn cũng có đặc thù. Chướng chủng trong đây không có thô và tế là có tám mươi mốt phẩm, cũng cùng với một loại phẩm thứ chín của Phi tưởng nhiếp, như đoạn tà kiến của thiện không phải không có chín phẩm cho nên trở thành năng huân. Lại nữa, giải thích sở chướng đã đồng đoạn không có trước sau gọi là không có thô tế, không phải chỗ nhiếp của chín Địa đều là một phẩm, như trước trong Thức thứ bảy đã giải thích rộng. Lại nữa, chỉ duyên với cảnh của cảnh bên trong Tự địa, cảnh không có thô tế, không có nhiều tự loại cho nên gọi là nhất phẩm, không phải trong ba cõi đều không có thô tế.

Luận: “Còn lại là sáu thức câu ”, đến “ba cõi đốn đoạn”.

Thuật rằng: kiến đạo đoạn gọi là đốn, đây là nghĩa chính. Lại nữa, tuy ba tâm, nhưng chín Địa tổng hợp cho là hai phẩm, không đồng với chín phẩm của Tu đạo riêng đoạn, gọi đó là đốn. Quyển 59 có thuyết này. Đây là đối với kiến đạo đoạn sáu thức, là hiển năm thức này có phân biệt chướng, đốn và tiệm này như quyển trước giải thích. Tu đoạn có hai thứ, nhưng trong văn này không có trước chế phục tu, sau đó mới nhập kiến. Nhất phẩm đoạn là thuyết minh đối với kiến, sau mới khởi tu, không nói siêu vượt đắc quả thứ hai và quả thứ ba của riêng Nhị thừa. Chỉ có luận Đối Pháp quyển 13 có văn này, nói rộng như luận Đối Pháp Sao. Giải thích sơ lược, trong đây ban đầu lấy tiệm đoạn của chín Địa, là dần dần đắc quả, đắc nhất lai quả là y theo Vị chí, quả Bất hoàn của nó cũng như thế, nhưng chắc chắn khởi Vô lậu đạo mới đắc quả.

Hỏi: Hữu nhập Tĩnh lự và Vô sắc để khởi đối trị đạo cũng có lỗi gì?

Đáp: Điều này cũng không phải như vậy, Quyển 53 ghi: “Bất hoàn là chỉ có năm Địa đối với cõi dục hữu đoạn đối trị, không nói Vô sắc hữu”. Lại nữa, đây là chỉ có siêu việt, không phải theo thứ tự. Thứ hai là ba cõi chín Địa hợp chung làm chín phẩm đoạn là chỉ có hàng dự lưu lợi căn, không phải các quả khác. Các quả khác không thể khởi tác nghiệp thù thắng vì còn bỏ sót phiền não. Trong kinh chỉ đoan và kinh phân biệt ghi: “Sơ quả do gia hạnh tâm, có thể lấy ba cõi chín phẩm đồng làm nhất phẩm, hợp chung làm chín phẩm đoạn. Cứ theo siêu vượt quả Bất hoàn thừa nhận nương vào năm địa thì quả này cũng nương vào ba Vô sắc, điều này có lỗi gì? Nhưng gia hạnh tâm là cõi Sắc, tổng duyên ba cõi, cho nên Vô gián đạo có thể khởi các Địa trên của Vô sắc. Như bất hoàn đối với năm Địa có cõi dục đoạn đối trị, quả này cũng

đáng lẽ như thế, nên nói nghĩa lý này không trái nghịch. Nhưng không phải lấy đạo của cõi dưới có thể đoạn hoặc của cõi trên, do lực của ý lạc riêng khác cho nên đáng lẽ làm bốn câu, không như thế thì chỉ lấy năm Địa đắc quả thứ ba, Vô sắc đối với cõi dưới không có đoạn đối trị, lại còn không thừa nhận chín Vô gián đạo nhập Căn bản định đắc thứ tự quả thứ ba. Huống chi hàng dự lưu đắc bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc chứng siêu quả. Trong Tu đạo chưa đắc đoạn hoặc đạo của cõi dưới thì không thể khởi đoạn hoặc đạo của cõi trên, quán xem qua có thể như vậy, hiện tại y theo Tập luận quyển 13 ghi: "Đốn xuất ly là nhập đế hiện quán, y theo Vị chí định mà phát xuất Thế gian đạo, đốn đoạn tất cả phiền não của ba cõi, đoạn các phẩm riêng biệt chỉ lập hai quả, cho nên y theo bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc, không đắc siêu vượt hai quả và đắc thứ tự quả thứ hai và Quả thứ ba. Lại nữa, lấy giải thích trước, văn của luận kia nói thì phần nhiều không thể đắc Căn bản định, không phải chắc chắn tất cả đều không đắc, không nói chỉ nương vào vị chí địa, không như thế thì thọ biến dịch sinh khởi Vô lậu, lẽ nào không thừa nhận đắc Tĩnh lự của cõi trên? Cho nên y theo Tứ Tĩnh lự của căn bản trên thì cũng được. Đây là lấy đạo của cõi dưới có thể đoạn hoặc của cõi trên do ý lạc riêng khác. Văn còn lại dễ hiểu.

Luận: "Sở tri chướng chủng", đến "có rất nhiều".

Thuật rằng: Nguyên nhân sáu thức đồng thời với Sở tri chướng, tiệm đoạn của các Địa không đồng, vì thông với duyên cảnh bên trong, cảnh bên ngoài, nội thân và ngoại thân đều có thể khởi. Lại nữa, trong cảnh kia mỗi mỗi đều thông với thô và tế, không giống như Thức thứ bảy chỉ duyên nội bên trong. Sáu thức trước thì thông với cảnh thô tế, Thức thứ bảy thì chỉ có tế cảnh, hành tướng của ba cõi chỉ có một loại, cho nên kim cương tâm đoạn, vì hành tướng trong sáu thức có chín phẩm, phẩm loại sai biệt có rất nhiều, cho nên các Địa phân ra phân biệt đoạn. Năm thức do Thức thứ sáu dẫn, cho nên thông với hai chướng, như hai chướng trước đã nói.

Luận: "Nhị thừa căn độn", đến "hoặc tổng hoặc biệt".

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ ba phân rõ đồng dị của ba Thừa và bốn đạo. Gia hạnh và thắng tấn của Nhị thừa có thể có khởi riêng biệt chín phẩm làm chín phẩm gia hạnh và thắng tấn, hoặc chỉ có một gia hạnh và một thắng tấn, cho nên chung và riêng của hai đạo gia hạnh và thắng tấn không quyết định. Đây là y theo dung dự thắng tấn đạo mà nói, không như thế thì càng trái với luận Đối Pháp quyển 9. Vô gián và giải thoát của nó chắc chắn mỗi mỗi đều khởi riêng, như khởi

Vô gián đạo đoạn một phẩm xong rồi thì khởi niệm giải thoát thứ hai. Niệm giải thoát thứ hai này không được mong phẩm thứ hai làm Vô gián đạo, vì phẩm thứ hai của nó phải khởi riêng Vô gián và giải thoát, vì độn căn cho nên cho đến chín phẩm cũng như thế, thứ tự và siêu việt cũng như thế, do có chín phẩm dần dần có thể đoạn. Gia hạnh và thắng tấn mỗi mỗi đều khởi riêng, hoặc trong một lần quán mà tùy đoạn vài phẩm, tức là tổng một gia hạnh và sau một thắng tấn, cho nên gia hạnh và thắng tấn hoặc là tổng hoặc là biệt. Hoặc chín phẩm tiệm đoạn xuất quán, hoặc không xuất quán đoạn chín phẩm thì Vô gián và giải thoát mỗi mỗi đều khó khởi riêng. Đây là nói Tu đạo, không phải trong kiến đạo có các sự như vậy. Vì căn độn đó tức là khi chứng Vô vi thì không được đoạn hoặc. Nếu trước hết thế đạo chế phục, sau đó khi nhập kiến đạo thì cũng chung một phẩm cùng với kiến đồng đoạn không thành đạo riêng.

Luận: "Bồ-tát lợi căn", đến "đều được có đủ".

Thuật rằng: Hoặc Bồ-tát lợi căn, như Vô gián của sơ phẩm đến Niệm thứ hai, tức là làm giải thoát; đây là Vô gián của sơ phẩm mong Niệm thứ hai tức là làm gia hạnh; đây là giải thoát đạo mong Tự phẩm thứ hai, tức là làm Vô gián; mong sơ phẩm làm giải thoát, mong phẩm sau làm gia hạnh, cho đến Vô gián đạo thứ ba mong thứ nhất làm thắng tấn và phẩm thứ hai làm giải thoát, tự phẩm là Vô gián cùng với thứ tư làm gia hạnh, Vô gián thứ hai mong đạo trước tức là không phải Thắng tấn đạo mà chỉ là giải thoát. Đây là trong mười địa vị của Bồ-tát khi đoạn Sở tri chướng phân ra phẩm loại và thứ tự đoạn pháp, hoặc riêng đoạn mỗi mỗi riêng khởi. Do có thể ấn chứng và có thể đoạn hoặc, lại có thể dung dự, lại có thể ưa cầu, cho nên có đủ bốn Đạo, nếu không như thế thì lại càng không có bốn nghĩa đầy đủ. Luận Đối Pháp quyển 9 ghi: "Thắng tấn đạo là đoạn chỗ có gia hạnh, Vô gián và giải thoát đạo của các phẩm còn lại, gọi là Thắng tấn đạo". Vì mong phẩm này là thắng tấn, tức là riêng mong có đạo trước. Lại nữa, nói: "Hoặc xả bỏ đoạn các pháp phiền não, gia hạnh, Tư duy, tức là riêng khởi hành tướng của thắng tấn", tức là Nhị thừa, hoặc tổng thông với ba Thừa. Hiện tại luận này đã luận Nhị thừa thắng tấn hoặc biệt hoặc tổng, không ngăn trách chỗ có các đạo của phẩm sau là Thắng tấn đạo trước. Gia hạnh của nó thì không như vậy, vì hướng cầu, chỗ có Vô gián và giải thoát trước không phải gia hạnh sau. Lại nữa, hiện tại luận này phỏng theo riêng khởi hành tướng cho nên nói là chung và riêng, hoặc mong đạo sau phẩm này gọi là thắng tấn thì trong đây không nói. Nếu không như

thế thì không có gì mà không khởi thắng tấn và tổng thắng tấn. Rộng như luận đó và Biệt sao của nó giải thích. Bốn đạo này thông với ba Thừa, Nhị thừa Hữu học và Vô học, thông với Hữu lậu và Vô lậu, ngăn trách gia hạnh trí thông với Vô lậu, không ngăn trách gia hạnh đạo. Bồ-tát Kim cương tâm cũng có gia hạnh đạo, mặc tình gia hạnh không phải là gia hạnh trí, Phật chỉ có giải thoát đạo, là Thắng tấn đạo trước tự mong vô thắng tấn, có thắng tấn thì Phật đáng lẽ có hơn kém. Hữu lậu nhiếp bốn đạo thông với Thập Địa, hai cõi trên đều có. Cõi dục chỉ có gia hạnh và thắng tấn, Vô lậu bốn đạo trừ Hữu đảnh ra đều thông với bốn đạo, cõi đó chỉ có thắng tấn. Giải thoát đạo loại gọi là giải thoát cũng có, không phải giải thoát kế sau Vô gián, cũng không thấy thừa nhận có gia hạnh đạo. Trung gian chút ít thù thắng có Vô gián không có lỗi. Hữu đảnh ám muội thì gia hạnh không thành tựu. Luận Đối Pháp quyển 14 ghi: "Đối với các hiện quán vị khi chứng đắc các phẩm đạo thù thắng tiếp theo sau thì xả bỏ chỗ đắc các phẩm đạo hạ liệt trước. Như khi chứng đạo mà quả này nhiếp thì liền xả bỏ đạo do hướng này nhiếp, vì nó không hiện tiền trở lại. Như Bồ-tát tuy không nói hướng và quả nhưng cũng được thù thắng, xả bỏ hạ liệt không hiện tiền, như đắc quả. Hiện tại phỏng theo văn này, tức là chuyển đồng nghĩa ba phẩm chủng tử mỗi mỗi đều riêng có, không dùng hạ phẩm lấy làm trung phẩm và thượng phẩm, tức là hạ phẩm thành trung hạ phẩm không khởi lại gọi là xả bỏ yếu kém.

Luận: "Mười Chân như", đến "nhưng không tồn tại".

Thuật rằng: Giải thích năng chứng đắc có bốn phần. Từ trên đến đây đã thuyết minh ba phần, từ đây xuống thuyết minh phần thứ tư sở chứng Chân như. Trong đó có bốn đoạn:

1. Tổng nói về Chân như.
2. Giải thích riêng.
3. Giải thích vấn nạn.
4. Phế và lập.

Chân như trong đây phỏng theo thuyên mà phân rõ thể, nếu không như thế thì lại như ban đầu Chân như không phải trước kia không khắp mà hôm nay mới khắp. Cũng không phải Chân như có thể nói là biến. Hoặc không phỏng theo thuyên mà nói biến thì đó là pháp gì? Là Biến hành như, Nhiếp luận quyển 7 trong Thập Địa nói. Bồ-tát Thế Thân giải thích rằng: "Pháp giới này khắp tất cả hành, vì không có ít pháp không phải Vô ngã". Luận Vô Tánh ghi: "Đây là pháp không, không có ít pháp mà không phải Không". Luận đó phỏng theo thuyên mà nói nhất

Vô ngã và nhất Không lý đều là không đủ, vì thể và dụng riêng khác. Hiện tại chỗ luận hai Không như của luận này là tổng quát các luận kia. Không có Nhất pháp thì không phải hai Không. Tân Trung Biên quyển 1 ghi: "Do thông đạt pháp này mà chứng đắc pháp tánh tự tha bình đẳng". Cựu luận ghi: "Chứng đắc một phần, còn có Địa sau không gọi là đắc hoàn toàn".

Hỏi: Nương theo luận mà sinh luận, thế nào gọi là chỗ đối trị hai hành tướng của hai Không?

Đáp: Chấp pháp có thể, chấp pháp có dụng, hai chỗ đối trị riêng khác. Có hành tướng của chủ tể và nhậm trì riêng khác, cho nên năng trị đạo cũng có riêng khác.

Luận: "Hai là tối thắng Chân như", đến "rất là thù thắng".

Thuật rằng: Do lìa phạm giới, chứng đức trang nghiêm của Chân như này. Thế Thân nói: "Trong tất cả pháp rất là thù thắng, hiện tại nêu ra thắng nhân, là đủ vô biên đức". Tân Trung Biên ghi: "Do thông đạt pháp này mà khởi tư duy như vậy, do đó Ta nay đối với đồng xuất ly tất cả hành tướng nên tu trị khắp, đó là cần tu tương ưng xuất ly". Cựu luận thì khó hiểu, cho nên không dẫn ra. Dưới đây là dẫn chỗ khác, đồng chỗ thì không nói.

Luận: "Ba là thắng lưu Chân như", đến "cực kỳ thù thắng".

Thuật rằng: Do đắc ba tuệ chiếu soi Đại thừa pháp, quán pháp giáo căn bản Chân như này, gọi là thắng lưu Chân như. Luận Vô Tánh ghi: "Do chỗ lưu giáo thù thắng cho nên xả thân mạng mà cầu thiện thuyết này". Tân Trung Biên ghi: "Nếu có hoả khanh ba ngàn thế giới, vì cầu pháp này đem thân vào mà lấy, không cho là khó". Ý đồng với Vô Tánh.

Luận: "Bốn là Vô Nhiếp thọ Chân như", đến "chỗ y thủ".

Thuật rằng: Thế Thân nói: "Trong đây không có kế chấp ngã sở, không có nhiếp ngã sở, như người Bắc châu không có hệ thuộc". Luận Vô Tánh ghi: "Là pháp ái đoạn của các Khế kinh, cho nên không có kế chấp ngã sở, quán pháp này không phải tự và tha nhiếp". Tân Trung Biên ghi: "Do thông đạt pháp này, cho đến pháp ái cũng đều đoạn diệt". Lại nữa, giải thích các thuyết trong luận này, các luận kia đều không tận lý, đáng lẽ nói Chân như này không có hệ thuộc, không phải chỗ y thủ của ngã chấp, ngã ái, ngã mạn, vô minh, biên kiến, ngã sở kiến, nhưng nói ngã sở tức là tánh hẹp. Do duyên pháp ái không có, ngã kiến không nương vào Chân như để nắm thủ. Nói rằng Chân như chỉ làm cảnh cho nên gọi là ngã sở, ngoài ra các luận khác nói. Trong đây

chỉ nói ngã cảnh tụ, Chân như không lìa cảnh đó, khi ngã chấp khởi thì cũng chấp thủ Chân như. Luận này nói Chân như không đối với cảnh kia mà khởi các ngã chấp, nhưng nói ngã kiến tức là không nhiếp sở, nhưng nói Ngã sở tức là không nhiếp kiến. Luận này nói ngã chấp thông với kiến và sở, trên căn cứ theo đây giải thích này.

Luận: “Năm là loại vô biệt Chân như”, đến “loại có khác nhau”.

Thuật rằng: Do sinh tử và Niết-bàn cả hai đều bình đẳng cho nên không có sai biệt. Nhiếp luận gọi là Tương tục vô biệt như. Thế Thân nói: “Trong Chân như này thể không khác nhau, không phải nhãn... tùy theo các hữu tình tương tục sai biệt, mỗi mỗi đều có khác”, tức là Chân như bất đồng thì thân mỗi mỗi đều có khác. Tương tục tức là thân, cho nên tự tha Chân như thì không có khác. Luận Vô Tánh ghi: “Không giống như sự sai biệt tương tục của sắc”. Hoặc đồng với Thế Thân, hoặc đồng với luận này cũng được. Nói rằng chỉ có một vật, không giông như nhãn... có khác loại, luận Trung Biên ghi: “Đây gọi là nghĩa tương tục Vô sai biệt, do thông đạt nghĩa này mà đắc mười ý lạc bình đẳng tịnh tâm.

Luận: “Sáu là Vô nhiễm tịnh Chân như”, đến “vì kia mới tịnh”.

Thuật rằng: Thế Thân thì đồng, Cựu luận Trung Biên ghi: “Nhân theo mươi hai duyên sinh của Địa thứ sáu và nhân theo xứ quán nhân quả nhiễm tịnh của bốn Đế thì không có một pháp nào có thể nhiễm có thể tịnh”. Tân luận Trung Biên ghi: “Do thông đạt Chân như này mà biết pháp duyên khởi không có nhiễm không có tịnh, không phải là Chân như, do Chân như cho nên pháp không có nhiễm tịnh, gọi là Chân như là Vô nhiễm tịnh”. Luận này thì bàn về thể của Chân như, luận Trung Biên thì nhân theo thể của Chân như mà bàn về pháp, không phải trái nhau.

Luận: “Bảy là pháp vô biệt Chân như”, đến “nhưng không có khác”.

Thuật rằng: Do lìa tế tướng hiện hành của sinh diệt, tuy nhiều giáo an lập Chân như nhưng không khác nhau. Thế Thân thì đồng, nói rằng giáo an lập làm Thắng nghĩa pháp giới thiện và Bất thiện, pháp này không có khác biệt. Tân luận Trung Biên ghi: “Do thông đạt Chân như này mà biết pháp vô tướng, trong chủng chủng pháp tướng của bất hành Khế kinh”. Luận này thì nương giáo mà bàn Chân như không khác, luận kia thì nương vào Chân như mà bàn giáo không khác, lẫn nhau thêu dệt một bên cũng không trái nhau. Do thông đạt Chân như này tức là Không phương tiện trí, thù thắng hạnh phát khởi trong hữu.

Luận: "Tám là bất tăng giảm Chân như", đến "đều tự tại".

Thuật rằng: Luận Vô Tánh ghi: "Nói rằng ngoài pháp không có dụng cho nên bất tăng, các pháp không hoại cho nên bất giảm". Đây là lìa chỗ chấp tăng của Biên Kế và giải thích hai tánh giảm còn lại. Lại nữa:

1. Giải thích cũng với Thế Thân đồng. Nói rằng khi pháp nhiễm giảm mà không có giảm, khi tịnh pháp tăng mà không có tăng, tức là đoạn nhiễm cũng không giảm, đắc tịnh cũng bất tăng. Hiện tại luận này lại khác, lìa chấp tăng giảm. Tân luận Trung Biên ghi: "Do thông đạt lý này mà chứng đắc vô sanh pháp nhẫn, trong các thanh tịnh phẩm và tạp nhiễm phẩm không thấy có một pháp nào có giảm hay tăng, tức là y theo Chân như mà nói pháp không có tăng giảm.

2. Tự tại y, như trước đã giải thích, như văn có thể hiểu. Nhưng luận Vô Tánh ghi: "Trong các Địa trước tuy cũng đắc Vô Sai biệt trụ này, nhưng sau khi tạo tác công dụng mới được thành, trong địa này có thể không có công dụng, tùy theo dụng thì thành ngay, cho nên gọi là tự tại".

Tân luận Trung Biên ghi: "Có bốn tự tại: một, danh vô phân biệt tự tại; hai, tịnh độ tự tại; ba, trí tự tại; bốn, nghiệp tự tại". Trong Địa thứ tám chỉ có thông đạt, Tự tại thứ nhất và thứ hai gọi là vô tăng giảm sai biệt Chân như, tướng tự tại đó gọi là vô phân biệt. Như Sớ giải của luận đó.

Luận: "Chín là trí tự tại", đến "vì đắc tự tại".

Thuật rằng: Luận Trung Biên ghi: "Trí tự tại viên mãn chứng đắc Vô ngại giải". Giải thích của các luận khác đồng nhau.

Hỏi: Địa này đã đắc trí tự tại, tại sao Thập Địa của mười độ tu trí?

Đáp: Luận Vô Tánh ghi: "Trong các Địa đắc chỗ y chỉ của vô ngại biện, đắc từng phần trí Ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp không tùy theo lời nói đó, khéo có thể biết rõ nghĩa của các ý thú, như thật thành tựu tất cả hữu tình thọ thắng pháp lạc, không phải cho là hoàn toàn đắc trí Ba-la-mật.

Luận: "Mười là nghiệp tự tại đẳng sở y Chân như", đến "đều là tự tại".

Thuật rằng: nghiệp tức là ba thứ tự tại, thần thông, Đà-ra-ni và Tam-ma-địa. Nghiệp tức là thân... ba nghiệp. Luận Trung Biên ghi: "Tùy theo dục mà biến hóa thành các sự lợi lạc của hữu tình". Trong tổng trì có hai thứ là trì văn và trì nghĩa. Trì nghĩa và trì văn của tất cả

pháp, là năng trì và năng đoạn của Đẳng chí. Tùy sở dục hư không tạng mà có thể hiện tiền, đây là giải thích của Vô tánh, nghĩa khác thì đồng với luận này.

Luận: "Tuy Chân như tánh", đến "giả lập mười thứ".

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ ba về vấn nạn. Nhất vị của Chân như thế nào được phân làm mười thứ? Chân như thật ra không có riêng khác, tùy chỗ chứng, chỗ sinh và năng thắng đức của nó mà giả lập mười thứ.

Luận: "Tuy trong Sơ địa", đến "kiến lập các Địa sau".

Thuật rằng: Đây là phần bốn phế lập. Trong Sơ địa đối với mười Chân như, không phải không đều là thông đạt, vì chưa viên mãn cho nên kiến lập sau, do đó lập ra mười thứ, vì hạnh và vị có mười thứ, tên là viên mãn Chân như, cho đến Như Lai thập chủng đều có thể hiểu rõ. Như luận Trung Biên giải thích phân biệt rộng.

Ngay trong giải thích bản tụng, phần đầu thì sơ lược, phần sau thì nói rộng. Ngay trong phần nói rộng có hai đoạn:

1. Thuyết minh nhân chứng đắc.
2. Thuyết minh sở chứng đắc.

Từ trên đến đây tuy có bốn đoạn không đồng, là Thập địa, Thập thắng hạnh, mười chướng và mười Chân như đã nói xong. Tóm lại là phần thứ nhất thuyết minh Chứng đắc nhân, từ đây xuống là phần thứ hai thuyết minh sở chứng quả, trong đây có hai phần:

1. Đoạn văn trước dẫn sinh luận sau.
2. Chánh giải thích chỗ chứng đắc quả.

Luận: "Như vậy Bồ-tát", đến "liền có thể chứng đắc".

Thuật rằng: Đây là đoạn văn thứ nhất. Phát khởi chỗ chứng hai quả Chuyển y của cõi dưới. Hai Chuyển y, là Bồ-đề và Niết-bàn. Ngay trong chánh thuyết minh sở chứng có hai phần:

1. Phỏng theo vị mà phân rõ chứng.
2. Chánh thuyết minh Chuyển y.

Trong phần thứ nhất có ba đoạn:

1. Nêu chung.
2. Giải thích riêng.
3. Liệu giản (giải thích).

Luận: "Chuyển y vị riêng sơ lược có sáu thứ".

Thuật rằng: Đây là phần thứ nhất nêu chung sở chứng vị. Trong đây tư lương vị nói trước hết. Sơ lược khai mở năm vị, Địa tiền làm hai vị, Thập địa làm hai vị, Như Lai làm một vị. Dưới đây sẽ biết.

Luận: "Một là tổn lực ích năng chuyển", đến "cũng gọi là chuyển".

Thuật rằng: Vị thứ nhất và thứ hai, là vị thứ nhất và thứ hai tại Địa tiền, vị này chiết phục dần dần cũng gọi là chuyển. Là nhân của chuyển cho nên có thể chế phục chuyển. Thật ra chứng đắc vị gọi là thông đạt vị và tu tập vị, cho nên vị này không phải chân. Vô tánh Nhiếp luận quyển 9 của Thế Thân ghi: "Có thắng giải, là Thắng giải hạnh Địa", cho nên hai vị đầu cùng với tàm quý tức là trong hai vị. Thế Thân giải thích: "Có giải đãi và tàm quý, do đó khiến cho các phiền não hiện hành phần ít, hoặc không hiện hành. Phiền não hiện hành tức là giải đãi và tàm quý thâm sâu, giải đãi và tàm quý là thắng tướng của Thắng giải hạnh. Luận này lại giải thích: "Do Tập thắng giải là sơ vị. Sơ vị tăng trưởng tin Duy thức cho nên gọi là thắng giải, chưa hàng phục được Duy thức tưởng, Vị thứ hai có thể hàng phục được Duy thức tưởng, ít hàng phục phiền não". Gọi là có tàm và quý, như trong hai vị trước đã giải thích. Lại nữa, thắng giải là thắng giải tâm sở, vì được quyết định. Tín tâm sở ban đầu tăng, lâu sau không tăng, do tàm quý cho nên tôn sùng thiện chống cự ác, có hai thắng đức đều thông với hai vị cho nên làm thể năng chuyển. Điều này cùng với Nhiếp luận không đồng, không thể căn cứ theo một luận. Văn còn lại có thể hiểu.

Luận: "Hai là thông đạt chuyển", đến "chân thật Chuyển y".

Thuật rằng: Tức là thông đạt vị, trong kiến đạo đã chứng một phần Chuyển y, vì chưa viên mãn.

Luận: "Ba là tu tập chuyển", đến "chân thật Chuyển y".

Thuật rằng: Là trong Thập Địa, tức là trừ kiến đạo của Sơ địa, còn lại Sơ địa và chín Địa, tức là Tu đạo trong Thập Địa.

Luận: "Trong Đại thừa", đến "hiện hànhvà không hiện hành".

Thuật rằng: Vì Hữu tướng và vô tướng quán thông đạt chân và tục xen tạp hiện tiền, hoặc chân thì hiện, Phi chân thì không hiện. Nói rằng khi nhập quán, hoặc Phi chân hiện, chân không hiện. Nói rằng khi xuất quán thì khiến cho chân và phi hiện hoặc không hiện. Lại cũng chưa có thể tức là Không mà quán đối với hữu, Hữu tướng quán hiện thì Chân không hiện, vô tướng quán hiện thì Phi chân không hiện. Do lý này cho nên nói thông đạt chuyển ở trước Địa thứ sáu. Hiện tại luận này phỏng theo ban đầu thông đạt mà phân riêng hai Chương đi khắp Chân như cho nên nói Sơ địa là thông đạt chuyển. Thế Thân Nhiếp luận ghi: "Sáu Địa trước, Chân như làm nhân của Chân quán và Tục quán hiện hoặc không hiện", cho nên nói Thông đạt chuyển ở trước Địa thứ sáu.

Luận: "Nói tu tập chuyển", đến "vì không hiển hiện".

Thuật rằng: Nhiếp luận lại ghi: "Tu tập chuyển ở sau Địa thứ tư, do thuần vô tướng quán thời gian dài hiện tiền, dũng mãnh tu tập đoạn các thô trọng khác. Phần nhiều là khiến cho Phi chân không hiển hiện". Quyển 48 ghi: "Do Địa thứ bảy cũng còn gọi là tạp phiền não, chưa gọi là Bất tạp phiền não, Phi chân cũng còn có khi hiện, chỉ có vô tướng quán là thời gian lâu dài". Nói phần nhiều là khiến cho Phi chân không hiện, là không phải Phi chân có khi hiện trong Địa thứ tám, thứ chín và thứ mười. Đắc vô tướng quán thời gian lâu dài thì chủng loại đồng. Nói sau Địa thứ tư làm Tu tập chuyển, ngã vì Thập Địa đoạn hai chướng câu sinh thô trọng mà dần dần chứng Chân như nghĩa. Nói Tu tập chuyển trong Thập Địa cũng không trái nghịch. Nhưng trong luận này thì nói phần nhiều khiến cho Phi chân không hiện, là lựa riêng với Địa thứ bảy. Hai Nhiếp luận giải thích đều nói chỉ có chân thật hiện, Phi chân không hiện, đó là từ thời gian lâu dài mà nói. Nhưng Nhiếp luận thì vốn thông đắc hai giải thoát, không nói rằng Phi chân quyết định không hiện.

Luận: "Bốn là quả Viên mãn chuyển", đến "lợi lạc vô tận".

Thuật rằng: Chuyển thứ tư có thể hiểu, luận kia và luận này đồng.

Luận: "Năm là hạ liệt chuyển", đến "gọi là hạ liệt chuyển".

Thuật rằng: Chuyển thứ năm cũng đồng. Thông với hữu học và Vô học:

1. Chỉ có tự lợi.
2. Có ưa và chán.
3. Chỉ có đạt sanh không.
4. Chỉ có đoạn phiền não.
5. Chỉ có chứng Chân trạch diệt.
6. Vô Thắng khả năng kham nhận.

Chân trạch diệt là Chân như, do Tuệ trạch mà đắc diệt này. Vô Thắng khả năng kham nhận là không có Tất cả trí.

Luận: "Sáu là quảng đại chuyển", đến "gọi là quảng đại chuyển".

Thuật rằng: Nhiếp Đại thừa ghi: "Tức là các hàng Bồ-tát có thể thú hướng chứng chuyển". Như Lai đã chuyển, cho nên luận đó không nói. Chuyển thứ sáu này trái ngược với Chuyển thứ năm trên, căn cứ theo chuyển thứ năm thì hiểu rõ. Sinh tử và Niết-bàn không có ưa và chán, đại bi và Bát-nhã phát khởi rộng, có đủ Tất cả trí gọi là có thắng khả năng kham nhận.

Luận: "Trong đây ý nói", đến "mà chứng đắc".

Thuật rằng: Đây là phần thứ ba liệu giản. Sở thủ Chuyển y thể là chỉ có quảng đại chuyển, do xả hai thô trọng mà chứng đắc. Không nói Viên mãn chuyển là vì viên mãn chuyển đối với Bồ-đề mà nói, quảng đại chuyển thì đối với Nhị thừa mà nói. Lại nữa, Viên mãn chuyển chỉ có Như Lai, quảng đại chuyển thì ở tại Bồ-tát. Hiện tại luận này thuyết minh Thập Địa nắm lấy quảng đại chuyển, cần phải trong các Địa hai thô trọng mới được chứng đắc. Lại nữa, trong giải thích đã nói nắm lấy quảng đại chuyển để thuyết minh Viên mãn chuyển cũng ở tại trong đó. Vì lược đưa ra một góc, tức là trong Chuyển y thứ nhất sáu Chuyển y giả lập chuyển, vì chưa đắc chân; còn lại năm Chuyển y thì chân, gọi là chuyển, là chân thật chứng đắc. Đoạn thứ nhất là phỏng theo Vị mà giải thích Chuyển y đã nói xong. Đoạn thứ hai sau là chánh giải thích Chuyển y, trong đó có phần:

1. Giải thích chung Chuyển y.

2. Tuy nghĩa của Chuyển y tổng có bốn thứ, nhưng hiện tại chỉ lấy hai sở chuyển đắc, chữ "đẳng" là lựa riêng các câu nói về Chuyển y của bài tụng.

3. Phân rõ Tu tập vị này có thể chứng, không phải là đã chứng.

Luận: "Nghĩa của Chuyển y lược nói riêng có bốn thứ".

Thuật rằng: Phần thứ nhất giải thích chung Chuyển y, gọi là sở mục nghĩa (chỗ phân nghĩa), phần đầu là nêu chung, phần sau là giải thích riêng. Đây là phần đầu.

Luận: "Một là năng chuyển đạo", đến "tiệm phục và đốn phục kia".

Thuật rằng: Dưới đây là Giải thích riêng, làm bốn phần, năng phục đạo thông với Hữu lậu và Vô lậu, trong ba trí thì thông với gia hạnh, căn bản, ba thứ Hậu đắc trí và sáu hạnh của Hữu lậu đạo. Vô lậu thì giống như nhân, trí vô phân biệt của Địa thứ ba đoạn định pháp ái đồng thời thế lực của Sở tri chướng, khiến cho phiền não cũng không hiện hành gọi là phục phiền não chướng. Không phải riêng khởi đạo gọi là phục phiền não, Sở tri chướng thì cũng có thể biết. Lại nữa, như lìa dục của Đệ ba Tĩnh lự, hàng phục Hoặc của Tứ định trở lên để nhập diệt định, tức là lấy Hậu đắc trí hàng phục hai chướng. Hoặc gia hạnh đạo thì có thể tiệm phục, căn bản và Hậu đắc trí thì đốn phục. Hoặc căn bản và Hậu đắc trí cũng có thể tiệm phục, vì Vô gia hạnh đạo thì có thể đốn phục.

Hỏi: gia hạnh trí thông với Vô lậu hay không?

Đáp: Không thông. Vô gia hạnh trí của Địa thứ tám trở lên cũng

không có tâm Hữu lậu.

Hỏi: Nếu như thế thì luận Đối Pháp quyển 10 nói thế nào thông với Kim cương tâm có hai thứ, một là gia hạnh đạo nhiếp, hai là Vô gián đạo nhiếp?

Đáp: Điều đó không trái, vì tâm Vô lậu thú hướng nhập căn bản trí, như trước đã nói, gọi là gia hạnh đạo không phải là gia hạnh trí. Gia hạnh trí thì có thú hướng cầu căn bản trí kia, chỉ là gia hạnh đạo trước nhưng không phải thú cầu, cho nên gia hạnh trí không thông với Vô lậu. Hoặc luận Đối Pháp căn cứ theo Nhị thừa, nói chung Kim cương tâm có hai thứ, không phải là trong Kim cương tâm Bồ-tát có gia hạnh đạo, cho nên gia hạnh trí không thông với Vô lậu, hoặc nói cũng thông với Vô lậu. Địa thứ tám không có, là không có Hữu lậu gia hạnh trí riêng thâm sâu thú cầu, vì Địa thứ tám trở đi có mặc tình thú cầu. Hiện tại luận này ban đầu nói gia hạnh chỉ có Hữu lậu, như luận Đối Pháp nói Kim cương tâm có gia hạnh đạo, không lựa riêng với Bồ-tát.

Luận: "Hai là năng đoạn đạo", đến "vì chưa thành biện".

Thuật rằng: Vì gia hạnh trí của tâm Hữu lậu và Hậu đắc trí của Hữu lậu.

1. Đã từng tập quen.

2. Chỗ dẫn của tướng chấp.

3. Chưa thể phục diệt hết tướng này, cho nên không thể đoạn hoặc.

4. Hoặc gia hạnh trí là có thể thú cầu sở chứng Chân như, thú cầu sở dẫn trí vô phân biệt, vì năng chứng và sở chứng Chân như được phân thành rõ ràng, vì có thể đoạn hai chướng thì không phải là gia hạnh trí.

Hỏi: Nếu gia hạnh trí không thông với Vô lậu thì nói tâm Hữu lậu đã nhiếp gia hạnh thì nói gia hạnh lại cần gì nữa? Nếu nói gia hạnh trí thông với Vô lậu thì không cần tạo ra hỏi đáp này để phân biệt?

Đáp: Vì gia hạnh trí trong ba trí cũng là vô phân biệt. Hữu lậu đạo này cũng có gia hạnh, Vô gián và giải thoát, trước đã nói Hữu lậu nhiếp ba Đạo đó, sau đây nói gia hạnh là để lựa riêng với căn bản trí và Hậu đắc trí khác nhau trong ba trí, cho nên lại nói thêm nữa. Từ đây tở xuống là thuyết minh tâm Vô lậu của nó và căn bản Hậu đắc trí.

Luận: "Có nghĩa hậu đắc", đến "mê sự tùy miên".

Thuật rằng: Hậu đắc không có lực để có thể đoạn kiến của mê lý và tùy miên của nghi, mà đối với tướng An lập đế và tướng Phi an lập đế hiện tiền rõ ràng không có chứng điên đảo, cũng có thể vĩnh viễn đoạn mê sự tùy miên, hành tướng của mê lý tùy miên thì sâu xa, phải

chứng lý đó mới có thể đoạn nó. Mê sự tùy miên thì hành tướng thiển cận, nhưng thật ra thì Hữu tướng quán cũng có thể đoạn.

Luận: “Cho nên Du-già nói”, đến “tướng chấp dẫn”.

Thuật rằng: Quyển 55 ghi: “Trong Tu đạo vị có hai thứ đạo, thứ nhất là trí vô phân biệt, thứ hai là Hậu đắc trí”. Hậu đắc trí gọi là thế và xuất thế, như tâm sở trước giải thích tên này, vì Hữu lậu Đạo là thuần thế gian, không thuần Thế gian đạo thì có thể vĩnh viễn hại tùy miên, vì có hai nhân, như văn có thể hiểu.

Luận: “Do lý thú này”, đến “đều có thể chánh đoạn”.

Thuật rằng: Sở đoạn của các kiến tuy có mê sự phẩn... mười pháp, vì Kiến đoạn đốn đoạn. Tùy miên của mê sự tùy theo lý quán một phẩm thì đoạn mê sự này, cùng với vô minh do Tu đoạn và hai kiến, cùng với mê sự này đồng thời với căn bản và mê lý tùy miên, là trí vô phân biệt đoạn. Ngoài ra có tham khuể mạn, vô minh và mê lý này tùy theo hoặc mà mê sự, là Hậu đắc trí cũng có thể đoạn, vì hành tướng thiển cận.

Hỏi: Thế nào cũng là căn bản đoạn và Hậu đắc đoạn không trái với lý?

Đáp: Đây là chỉ có Nhị thừa mà không phải Bồ-tát, vì Tu đạo của Bồ-tát không đoạn mê sự tùy miên, tức là chỉ có Sở tri chướng là căn bản trí đoạn. Trong phiền não chướng thông với hai trí đoạn. Nhưng làm mê lý thân kiến và biên kiến, khi mỗi thứ đều đối với Tự địa phẩm đạo thứ chín mới đốn đoạn, nhưng trước phẩm thứ tám đã đoạn trước các phiền não còn lại, có thể khởi Hậu đắc trí để đoạn, khi phẩm thứ chín khởi trí vô phân biệt đoạn, vì mê lý hoặc. Đây là phỏng theo chín phẩm riêng Vô gián đạo đoạn. Nếu không, khi xuất quán thì đoạn chín phẩm, chỉ có trí vô phân biệt đoạn mê sự phiền não trong phẩm thứ tám, không thể trong một lần quán đạo thì phẩm thứ tám trước là Hậu đắc trí, phẩm thứ chín là căn bản trí, tức là ngã kiến câu sinh trong Thức thứ sáu thì phải phẩm đạo thứ chín mới đoạn. Tuy không có phẩm số nhưng không giống như Thức thứ bảy do Kim cương tâm đoạn.

Hỏi: Kim cương kia mới đoạn thì có hại gì?

Đáp: Tức là có bậc Thánh hữu học và Vô học của cõi Sắc và cõi Vô sắc, khởi Vô lậu đạo tức là đoạn chủng tử phiền não ngã kiến của cõi và Địa dưới. Nếu thừa nhận như thế thì Thánh nhân bất hoàn đáng lẽ lấy hiện hành nhuận sinh làm hại, vì đã thừa nhận chủng tử của bậc thánh bất hoàn nhuận sinh. Trước khi lìa dục của Địa cõi dưới thì thân kiến của nó đều phải đoạn xong, không đồng với không nhuận sinh của Thức thứ bảy. Do đây đáng lẽ làm bốn câu :

1. Có y theo Địa cõi dưới đoạn tùy miên cõi trên, nếu như cõi Địa dưới đắc Thánh thì đoạn tất cả tùy miên trong chủng thức của cõi trên.

2. Có ở tại Địa trên đoạn tùy miên cõi dưới, như ở tại Địa trên nắm lấy Vô học quả, đoạn chủng tử phiền não trong Thức thứ bảy của Địa cõi dưới. Luận Du-già ghi: "Phải Kim cương tâm thì chủng tử kia mới đoạn.

3. Câu thứ ba có thể biết.

4. Câu thứ tư thì trừ ba tướng trên, hoặc nói rằng đoạn Sở tri chướng, không thể nói đoạn Địa trên Địa dưới và Tự địa tha địa.

Nhưng phỏng theo duyên phược và tương ưng phược cho nên có thể nói địa đoạn, đây là Địa dưới đoạn Địa trên, Địa trên đoạn Địa dưới. Đối với năm thức trước, Thức thứ sáu và Thức thứ bảy đều không thể ngăn trách, vì không trái với lý, không phải nhuận sinh, không phải phược pháp. Lại nữa, giải thích dùng Hậu đắc trí để đoạn thì Bồ-tát cũng có thể được, Thập Địa thì đoạn hữu chấp và phi chấp trong Sở tri chướng. Phi chấp cũng gọi là mê sự, cho nên cũng thừa nhận là đoạn, vì chướng trí. Tuy chưa đoạn kiên chấp gốc thì cái nào hại đoạn trước? Như phiền não chướng câu sinh, là lấy ngã kiến làm đầu, trước khi đoạn thì chưa có thể đoạn gốc. Mê sự trước cũng có thể đoạn, đoạn Sở tri chướng loại đáng lẽ cũng như thế. Những thứ phân biệt này tuyệt diệu xưa nay, đối với các luận sư thì thật ra là chưa nghe, tức là Thức thứ sáu và Thức thứ bảy của hai chướng mỗi mỗi hợp là thành bốn câu.

Hỏi: Hữu lậu đã từng tập quen, chưa dứt bặt tướng, cho nên không thể đoạn tùy miên. Hậu đắc cũng có tướng, như thế nào đoạn tùy miên? Lại nữa, hai trí này mỗi mỗi đều có tướng, thế nào hai trí này khác nhau?

Đáp: Hậu đắc tuy có tướng, nhưng không phải chấp sở dẫn, không phải phược sở duyên. Lại nữa, không phải đã từng đắc, khi nắm lấy cảnh tướng thì phân minh thân chứng, Hữu lậu không phải như thế, cho nên không thể đoạn, như chỗ chứng năm Thông của bậc Thánh và dị sinh cũng có khác, tịnh và bất tịnh, minh và bất minh mỗi mỗi đều có khác. Do các lý như vậy cũng tức là hai trí Sai biệt kia.

Luận: "Hai sở Chuyển y", đến "cho nên ở đây không nói".

Thuật rằng: Trước đã nói Y tha gọi chung là Chuyển y, bây giờ nắm lấy trì chủng cho nên chỉ có Thức thứ tám.

Luận: "Hai mê ngộ y", đến "cho nên ở đây không nói".

Thuật rằng: Tánh Y tha khởi tuy cũng là y này nhưng không phải căn bản, cho nên trong đây không nói. Nhưng luận Vô Tánh và hai

Nhiếp luận chỉ lấy A-lại-da làm Chuyển y. Luận Đối Pháp quyển 11 nói Chuyển y có ba thứ:

1. Tâm chuyển tức là Chân như.
2. Đạo chuyển tức là năng chuyển đạo trước.
3. Thô trọng tức là A-lại-da.

Chuyển y này lược có hai thứ, thể rộng Nhiếp luận, vì luận đó không có Chân như, hẹp đối với luận Đối Pháp vì không có đạo kia. Nhưng đạo thì trong năng chuyển đạo này, cũng không hẹp đối với nó, văn còn lại có thể biết. Thể trong trì chủng y chỉ có tại Nhị thừa và Đại thừa hữu học vị chỉ có Hữu lậu, nếu gồm cả Phật thuyết thì thông với Vô lậu. Đây là chỉ phỏng theo hiện hành, vì chủng tử thức không thể trì chủng, lại cũng là trong sở khí xả nhiếp.

Luận: "Ba là sở chuyển xả", đến "vọng chấp ngã pháp".

Thuật rằng: Nói rằng chủng tử của hai chướng, đây là nêu ra thể, xả tại lúc nào? Chân Vô gián đạo hiện tại vị trước. Nói Chân có hai nghĩa:

1. Lựa riêng với Hữu lậu, không thể đoạn chủng tử.
2. Lựa riêng với tướng và kiến đạo của Hậu đắc trí.

Chướng và đối trị trái nhau, như minh và ám, nói đó là xả. Đây là trong nhiễm xả tánh Y tha khởi, do Y tha chủng đoạn không thể sinh lại nữa, tâm vọng chấp hiện hành thì Ngã pháp hiện hành, do vọng chấp này đoạn cho nên nói hiện hành và chủng tử nương vào tha để đoạn thì Y tha đã đoạn xong.

Luận: "Sở chấp ngã pháp", đến "Biến kế sở chấp".

Thuật rằng: Tự tánh của thật ngã và thật pháp vốn không có, chỉ đối với vọng tình mà vọng tợ có, vọng tình này đoạn thì không có cảnh đối với tâm, giả thuyết cảnh này cũng gọi là đoạn, do đạo lý này mà gọi là xả sở chấp, chư Hữu xứ nói đoạn Biến kế sở chấp, chính là nghĩa này. Nhưng trong ba tánh đều có nghĩa xả:

1. Biến kế sở chấp, như chỗ nói này không đối với tình mà gọi là xả.

2. Hữu lậu Y tha, xả này có hai thứ:

a. Chướng pháp, như trong đây nói chướng và trị trái nhau gọi là xả.

b. Phi chướng pháp, trong sở khi xả của cõi dưới nhiếp.

3. Viên thành thật, xả này có hai thứ:

a. Liệt pháp cũng trong sở khí xả nhiếp.

b. Thắng pháp thì chỉ có đây là không xả.

Cho nên tổng nói ba tánh đều có nghĩa xả.

Luận: "Hai sở khí xả", đến "đều khí xả vĩnh viễn".

Thuật rằng: Nói rằng Hữu lậu còn lại, tức là hai chướng dư thừa, là Hữu lậu thiện, ba pháp Vô ký toàn đủ và Dị thục sinh phần ít, trừ ra một phần pháp chấp. Liệt Vô lậu chủng, tức là chỗ sinh hiện hành trong Thập Địa và hạ phẩm chủng trong chủng loại này, do Kim cương đạo chuyển. Cực viên, khác với sở y chưa viên mãn của Bồ-tát. Cực minh, là hành tướng phân minh, khác với trí trước của Bồ-tát, vì trí đó bất minh. Hoặc cực viên là lựa riêng với tất cả hữu học; cực minh là lựa riêng với Nhị thừa vô học. Bản thức thuần tịnh, tịnh là Vô lậu, thuần là không tạp, không giống như Thức thứ bảy của nhân vị khéo tịnh mà không thuần; bản thức thì thuần nhưng không tịnh; Thức thứ tám thì Vô lậu tương tục cho nên gọi là thuần tịnh. Thức hiện hành này, không phải các Hữu lậu yếu kém khác và Vô lậu chủng nương, cho nên đều là vĩnh viễn khí xả.

Luận: "Chủng tử kia đã xả", đến "liệt pháp của sinh tử".

Thuật rằng: chủng tử này đã xả hiện hành rồi thì pháp kia cũng vĩnh viễn không sinh. Do đạo lý này gọi là xả sinh tử pháp và liệt pháp, đây là nói tổng quát, không lựa riêng với niệm năng xả nào. Đây là đồng với luận Đối Pháp quyển 14 nói đắc thắng Vô lậu cũng xả liệt pháp. Như khi đắc quả thì xả đối với hướng, như trước đã nói. Đã nói còn lại pháp Hữu lậu và liệt Vô lậu là Kim cương tâm xả, là hai pháp này xả trước hay là hai pháp này đồng xả?

Luận: "Có nghĩa sở dư", đến "đồng thời xả".

Thuật rằng: Sư thứ nhất thì cho là xả trước, cùng với hai chướng chủng đồng thời xả, do có hai thứ hữu dư Hữu lậu và liệt Vô lậu, chủng đã mất rồi thì các pháp Hữu lậu và liệt Vô lậu khác như thế nào tồn tại? Lại nữa, chủng tử sinh hiện hành, đã đồng thời sinh, chủng tử đã tùy theo chướng đã diệt mất thì hiện hành làm sao mà còn? Lại nữa, quả ba nẻo ác và Hoặc nghiệp đồng thời mất, tại sao các pháp Hữu lậu khác không tùy theo hoặc mà đồng thời xả? Hữu lậu đã xả trước, và liệt Vô lậu cũng nên như thế. Do lý này, Kim cương đạo sinh thì các Hữu lậu đều diệt, như minh và ám không đồng thời sinh. Sư này có ý nói, trong Kim cương tâm đã đắc cảnh trí, vẫn chưa gọi là Phật, chưa khởi giải thoát đạo để chứng diệt. Các Vô lậu mới khởi thì lân cận với Hữu lậu, chưa gọi là Phật, như kiến đạo xả nhân quả đồng thời của nẻo ác, ý của sư này nói Vô gián đạo thô trọng sinh thì xả, giải thoát đạo sinh thì chỉ để chứng diệt.

Luận: "Có nghĩa lúc bấy giờ", đến "đáng lẽ vô dụng".

Thuật rằng: Sư thứ hai nói, Kim cương tâm sinh thì cũng chưa xả Hữu lậu kia, cũng còn Hữu lậu và Vô gián đạo khác, không trái nhau. Thô trọng ngược với Chuyển y, lẽ nào ngược với Vô gián đạo? Lại nữa, Kim cương tâm tức là liệt Vô lậu, tại sao vị này liệt Vô lậu đã không có? Lại nữa, nếu vị này Hữu lậu kia đã xả thì Bồ-tát đáng lẽ không có các pháp sinh tử? Sinh tử pháp là pháp Hữu lậu, ai nói Bồ-tát không có sinh tử pháp? Sinh tử pháp không có thì cái gì gọi là Bồ-tát? Lại nữa, không có Hữu lậu thì đáng lẽ không có thức sở huân, tức là trụ Vô gián đạo thì đáng lẽ gọi là Phật, hoặc vị này đã gọi là Phật thì giải thoát đạo sinh đáng lẽ không có dụng. Giải thoát đạo sinh thì chứng cực thù thắng Chuyển y viên mãn, vì không có thức sở huân, không có sinh tử pháp, không có liệt Vô lậu, có thể đoạn thô trọng và riêng Vô gián đạo - như trước đã luận - cho nên Vô gián đạo không phải Phật, giải thoát đạo gọi là Phật. Ông nay Kim cương tâm đã có sự đó thì dùng giải thoát đạo để làm gì? Tiếp theo giải thích lý của sư trước rằng: "Hoặc do hai chướng chủng có các Hữu lậu khác, cho nên Nhị thừa và Bồ-tát không phải Vô lậu viên mãn, cho nên biết chướng chủng là có". Hiện tại là vấn nạn: "Đáng lẽ do Vô lậu chưa mãn túc, Hữu lậu còn tồn tại cho nên không gọi là Phật. Vô gián đạo vị này đã không có Hữu lậu, Vô lậu viên mãn sinh khởi thì tại sao không gọi là Phật?". Lại nữa, chủng tử sinh hiện hành thì chắc chắn đồng thời sinh, tại sao chủng tử mất mà hiện hành của nó lại còn? Ai nói chủng tử Hữu lậu còn lại của vị này đã mất? Tôi hoặc chủng hoặc hiện khác thời, có thể như chỗ vấn nạn thì tôi cũng chủng tử và hiện hành đồng thời, nhưng không trái với Vô gián đạo, cho nên không cùng với Vô gián đồng thời xả. Do đó chỗ vấn nạn của ông không có can dự vào ý của tôi, do chủng và hiện dị thời trước đã phá rồi. Trong đây không nói ý của sư này cũng là chủng và hiện đồng thời, hoặc cũng nói thì đáng lẽ trở thành ba thuyết. Hiện tại luận này thừa nhận huân tập, thuyết minh chủng sinh hiện đồng thời, trong Kim cương tâm cũng còn có huân tập. Lại nữa, quả của ba nẻo ác và nghiệp hoặc đều mất, tại sao vị này đoạn có trước và sau? Trong mười một chương trước đã nói thô trọng trái với giải thoát đạo, tức là quả nẻo ác cùng với hoặc diệt khác thời thì làm sao được lúc này noi theo tình mà đặt câu vấn nạn?

Luận: "Do đây nên biết", đến "không phải Hữu lậu kia nương".

Thuật rằng: Hữu lậu còn lại, khi giải thoát đạo khởi thì mới xả bỏ. Vì Tịnh Thức thứ tám của giải thoát đạo vị không phải là liệt Vô lậu

và Hữu lậu khác nương. Sư trước muốn giải thích câu vấn nạn sau, suy nghĩ theo đây có thể biết, nhưng hai sư này đều không trái lý. Một phần phiền não trong chỗ đoạn xả, thông với Nhị thừa hữu học, ngoài ra chỉ có Đại thừa. Lại nữa, do năng đoạn đạo trong năng chuyển đạo trước chứng mê ngộ y trong sở Chuyển y, mới có sở đoạ xả và sở khí xả ít phần. Trừ liệt Vô lậu ra, vì liệt Vô lậu chỉ do đắc thắng xả yếu kém.

Luận: "Bốn là sở chuyển đắc", đến "thanh tịnh pháp giới".

Thuật rằng: Trong giải thích riêng dưới đây, có hai quả riêng cho nên phân ra làm hai phần. Trong Niết-bàn có hai đoạn:

1. Nêu thể chung.
2. Giải thích riêng bốn thứ Niết-bàn.

Phần đầu nêu chung thể tức là văn này. Đây là lựa riêng với Bồ-đề mà gọi là sở hiển đắc, ý văn có thể hiểu. Nói chân Thánh đạo, là chỗ khởi đạo của Thánh, gọi là Thánh đạo, diệu quán sát trí là năng đoạn đạo, giải thoát đạo vị là chánh chứng Niết-bàn, vì có gia hạnh tâm khởi mong cầu. Hoặc không phải đoạn đạo ấn chứng thì gọi là đắc, thông với ba trí phẩm, trừ Thành sở tác trí ra. Hoặc nói chứng Thánh đạo chân lý thì trong đó chỉ có chánh thể trí mà không phải hậu đắc trí, đây là y theo đại vị. Hoặc thông với ba Thừa tùy chỗ thích ứng của nó, do Niết-bàn này tại triền mà chưa hiển, lìa chướng mới hiển, cho nên thể là nhất như. Phỏng theo hiển mà trở thành riêng khác. Phần thứ hai giải thích riêng bốn thứ Niết-bàn, trong đó có hai đoạn:

1. Nêu số chung
2. Rộng giải thích.

Luận: "Nghĩa Niết-bàn lược riêng có bốn thứ".

Thuật rằng: Đây là nêu ra số.

Luận: "Một là bổn lai tự tánh", đến "gọi là Niết-bàn".

Thuật rằng: Dưới đây là rộng giải thích. Trong đó có ba phần:

1. Nêu ra bốn thể.
2. Phân rõ ba Thừa.
3. Tổng kết lựa riêng.

Đây là nêu thể. Niết-bàn thứ nhất, văn ý có thể hiểu, là lý của tất cả pháp tướng Chân như, đây là nêu thể, tức là thật tướng Chân như lý trong bảy Chân như. Luận kia ghi: "Chỗ hiển của hai Không phỏng theo chỗ phân rõ của thuyên, Niết-bàn nương vào được hiển, cho nên lấy tương tức, như quyển thứ tám trước đã giải thích. Đây là như Phật Địa quyển 3 trong thanh tịnh pháp giới giải thích. Tuy có khách nhiễm, nhưng giải thích bổn lai tự tánh có mười thứ nghĩa. Cụ công đức, là vì

có thể thuận sinh các công đức, là công đức tánh cho nên gọi là cụ đức. Ngưng tịch thanh tịnh cho nên không có sinh diệt, Chân tánh của chúng sinh do đó bình đẳng có, pháp tánh và pháp lý không phải nhất và dị, như quyển 8 trước đã giải thích xong. Ly tất cả tướng, là lìa sở thủ tướng. Ly tất cả phân biệt, là lìa năng thủ tướng, con đường của tầm và tư dứt bặt, hiển chỉ có nội chứng không phải thô tâm. Danh ngôn đạo đoạn, là hiển chân tự tướng không phải chỗ an túc xứ của giả danh ngôn. Không phải nói y, cho nên khác với pháp Hữu vi. Chỉ có chân Thánh là chỗ chứng tự bên trong. Hiển Năng Chứng là chắc chắn chỉ có Thánh nhân. Tánh đó vốn tịch, là giải thích tên của Niết-bàn, vì nghĩa viên tịch là Niết-bàn. Nêu ra nghĩa của thể và giải thích danh trong ba nghĩa sau, căn cứ theo đây mà giải thích.

Luận: "Hai là Hữu dư y", đến "cho nên gọi là Niết-bàn".

Thuật rằng: Hiển nhân tận khổ y chưa tận, Dị thục cũng còn, gọi là Hữu dư y. Y là thân, ngay nơi thật mà nêu ra thể, cho nên Chân như đó mà nêu ra phiền não chướng. Hữu dư trong đây là phỏng theo Nhị thừa mà nói, vì nói chỉ có vi khổ y. Y là y theo thân, lấy chỗ lìa của nó để hiển Niết-bàn này, vì trong Đại thừa thì khó thấy tướng mạo của nó, là từ chỗ dễ mà nói.

Luận: "Ba là Vô dư y", đến "cho nên gọi là Niết-bàn".

Thuật rằng: Sở y của Hữu lậu khổ quả đã vĩnh viễn tận, do phiền não tận thì quả cũng không sinh, gọi là đắc Niết-bàn, cũng ngay nơi thật mà nêu thể, thông với giải thích ba Thừa.

Luận: "Bốn là Vô trụ xứ Niết-bàn", đến "cho nên gọi là Niết-bàn".

Thuật rằng: Sở tri chướng, là hiển chỉ có Bồ-tát mới đắc, không phải Nhị thừa, vi Nhị thừa không thể ra khỏi Sở tri chướng. Đại bi Bát-nhã thường là chỗ trợ giúp, hiển thị duyên Niết-bàn này thì sinh trí và bi, hoặc do trí và bi duyên chứng Chân như, đối với sinh tử và Niết-bàn cả hai đều không trụ. Duyên Niết-bàn này tuy khởi hai dụng Bi và trí, nhưng thể tánh hằng tịch cho nên gọi là Niết-bàn. Đây là phần thứ nhất nêu ra thể của Niết-bàn. Từ đây trở xuống là phần thứ hai ba Thừa phân biệt Niết-bàn cụ và bất cụ. Trong đó có hai đoạn:

1. Ba Thừa cụ và bất cụ.
2. Hỏi đáp phân biệt.

Luận: "Tất cả hữu tình", đến "có thể nói đủ bốn".

Thuật rằng: Tất cả hữu tình hoặc phàm hoặc Thánh đều có Niết-bàn thứ nhất. Do đây kinh ghi: "Tất cả hữu tình xưa nay Niết-bàn, phàm

phu và Nhị thừa hữu học chưa chứng ba thứ Niết-bàn sau. Nhị thừa vô học và bất định tánh chưa nhập Địa thì có Niết-bàn thứ nhất và thứ hai. Định tánh thì có thứ nhất và thứ ba. Bồ-tát trực nhập Địa thì có Niết-bàn thứ nhất, thứ hai và thứ tư. Như Lai thì có đủ bốn thứ". Có đủ sáu vị này, hoặc là do đoạn phược mà đắc, và đắc thứ tự của các vị, hoặc đồng thời hoặc dị thời, mỗi mỗi đều phải nói rộng. Chữ dư, như văn có thể hiểu, tức là ba Thừa có Niết-bàn đủ hoặc không đủ. Từ đây xuống là phần thứ hai hỏi đáp phân biệt, trong đó có ba đoạn:

1. Hỏi đáp Hữu dư y của Phật.
2. Hỏi đáp Hữu và Vô dư y của Nhị thừa.
3. Hỏi đáp đoạn Sở tri chướng đắc Niết-bàn.

Luận: "Thế nào là thiện thệ có Hữu dư y?"

Thuật rằng: Thiện thệ là Phật. Hữu dư có ba thứ, lý có thể hiểu. Người đặt câu hỏi này, cho rằng nếu Phật có Hữu dư y thì đáng lẽ có khổ y chưa tận.

Luận: "Tuy không có thật y mà hiện tương tợ có".

Thuật rằng: Đây là đáp. Tuy không có Hữu dư Niết-bàn chân thật khổ y chưa tận. Đây tức là tương đồng giải thích Nhị thừa.

Luận: "Hoặc là khổ y đã tận", đến "có thể nói đủ bốn".

Thuật rằng: Lại giải thích khác với Nhị thừa, vì phỏng theo khổ y tận cho nên gọi là Phật Vô dư y, có thân chỗ y của phi khổ còn tồn tại cho nên gọi là Hữu dư y. Vì Phật Thế Tôn có đủ uẩn Hữu lậu và Vô lậu sở y còn tồn tại cho nên có thể nói Phật Thế Tôn có đủ bốn. Như Lai cũng có Hữu dư như thế.

Luận: "Hoặc Thanh văn...", đến "nói các vị đó không có".

Thuật rằng: Dưới đây là hỏi đáp thứ hai về Hữu dư y và Vô dư y của Nhị thừa. Đây là người ngoài hỏi: Nếu Nhị thừa có Vô dư y Niết-bàn, tại sao có chỗ nói các vị đó không có? Tức là kinh Thắng Man ghi: "Không có Vô dư y". Kinh đó nói Hữu dư của Nhị thừa và Thế Tôn sinh pháp bất tận, cho nên có sinh khởi; Phạm hạnh của Hữu dư không thành cho nên không thuần; sự không rốt ráo cho nên phải có sở tác, cho đến nói rằng "đi đến cõi Niết-bàn thì xa xôi", do đó chư Thanh văn... kia không có Vô dư y.

Luận: "Có chỗ nói các vị kia", đến "các vị kia cũng không phải có".

Thuật rằng: Trong đây luận chủ chất vấn trước. Nói rằng kinh Thắng Man ghi: "Nhị thừa kia đều không có Niết-bàn", lẽ nào Hữu dư y Niết-bàn Nhị thừa kia cũng không có, kinh kia tại sao nói Nhị thừa kia

đều không có Niết-bàn? Luận kia ghi: "Chỉ có Như Lai thành tựu tất cả công đức cho nên đắc Niết-bàn, A-la-hán không thành tựu tất cả công đức cho nên nói không đắc". Nói đắc Niết-bàn là phương tiện của Phật, cho đến nói rộng. Kinh kia nói Nhị thừa không đắc Niết-bàn, không lựa riêng Niết-bàn nào, đã là Hữu dư y Nhị thừa cũng đắc thì biết rõ luận kia nói là có ý thú riêng.

Luận: "Nhưng Thanh văn...", đến "không y ba Niết-bàn trước".

Thuật rằng: Y Vô tánh là phần thứ hai giải thích văn kinh, văn luận trong đây ý nghĩa có thể hiểu.

Luận: "Lại nữa, nói kia không có", đến "cùng với Phật có khác".

Thuật rằng: Dưới đây y theo bất định tánh, giải thích thứ hai mở ra chánh nghĩa, văn còn lại dễ hiểu. Nói rằng có Nhị thừa là lựa riêng với bất định tánh, thân và trí ở giai vị diệt, lúc đó tuy không có thân trí của Nhị thừa, nhưng do Nhị thừa có thể chứng diệt này thì có thể nói Nhị thừa có Vô dư y. Không phải khi thân trí còn thì có thể nói Nhị thừa gọi là có Vô dư y. Y theo thật Chân như mà nói thì ba Thừa không khác nhau. Y theo Bồ-đề mà nói thì ba Thừa có sai biệt, cũng có thể y theo vô trụ xứ mà nói thì ba Thừa có khác nhau. Nhưng luận này thì nói Bồ-đề Sai biệt.

Luận: "Các Sở tri chướng", đến "đắc Vô trụ xứ".

Thuật rằng: Dưới đây là hỏi đáp thứ ba về Sở tri chướng đắc Niết-bàn. Trong đây có ba phần:

1. Hỏi đáng lẽ không đắc Niết-bàn.
2. Hỏi đáng lẽ đắc trạch diệt.
3. Hỏi Bồ-đề chướng.

Đây là người ngoài hỏi, các Sở tri chướng đã không cảm sinh, tại sao Sở tri chướng thì đắc vô trụ xứ? Vô trụ xứ là Niết-bàn. Niết-bàn là thể giải thoát phược. Sở tri chướng của nó đã không thể phát nghiệp nhuận sinh thì tại sao đoạn Sở tri chướng đắc Vô trụ xứ? Trước có nói đoạn Sở tri chướng đắc Niết-bàn, Địa thứ hai phạm giới ngu là Sở tri chướng, tuy cũng phát nghiệp, nhưng Sở tri chướng, không chiêu cảm sinh cho nên hiện tại đặt ra câu hỏi này. Hoặc hoàn toàn không phát nghiệp, tức là không phạm hủy hoại ba nghiệp, không phải trong lúc đó đoạn phiền não chướng, không lấy luận Phật Địa quyển 7 nói đến chỗ phát nghiệp quả là Sở tri chướng thì liền cho rằng phát nghiệp có thể chiêu cảm đối với sinh.

Luận: "Kia có thể ẩn che", đến "đều là không trụ".

Thuật rằng: Đây là chánh đáp, văn đó có thể hiểu. Để khiến cho

không phát sinh đại bi Bát-nhã, là Chân như làm sở chứng duyên khởi Hậu đắc trí, Hậu đắc trí tức là Bát-nhã, Bát-nhã có thể khởi đại bi. Đối với hai pháp sinh tử và Niết-bàn đều không trụ, Chân như đã không chứng thì bi và trí không sinh.

Luận: "Hoặc Sở tri chướng", đến "không đắc trạch diệt".

Thuật rằng: Dưới đây là câu hỏi thứ hai đáng lẽ đắc trạch diệt, trong đó phần đầu là hỏi, phần sau thì đáp. Trong đáp có hai phần, phần đầu thì đáp quấy, phần sau thì đáp phải. Trong phần đầu lại có năm đoạn:

1. Đáp.
2. Trình bày.
3. Giải thích.
4. Vấn nạn.
5. Thông.

Đây là cũng người ngoài hỏi. Niết-bàn tức là lấy trạch diệt làm tánh.

Luận: "Trạch diệt lìa phược, kia không phải phược".

Thuật rằng: Đây là đáp. Do tuệ chọn lựa phược đoạn trừ mà đắc diệt, gọi là trạch diệt. Do Sở tri chướng không phược hữu tình chiêu cảm sinh tử khổ, đoạn Sở tri chướng rồi thì không đắc trạch diệt.

Luận: "Đã đoạn Sở tri chướng như thế thì lẽ nào đắc Niết-bàn?"

Thuật rằng: Người ngoài lại hỏi. Niết-bàn cũng là giải thoát phược.

Luận: "Không phải chư Niết-bàn", đến "trung nhị trạch diệt nhiếp".

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: Không phải tất cả thể của Niết-bàn đều là trạch diệt, nếu không như thế thì tất cả Niết-bàn đều là trạch diệt, tức là tánh tịnh Niết-bàn đáng lẽ không phải Niết-bàn, vì thể tánh không phải trạch diệt nhiếp. Có thể trói buộc hữu tình trụ sinh tử, nếu đoạn được thì đắc trạch diệt, điều này đã không như thế cho nên không đắc trạch diệt. Văn còn lại dễ hiểu, khỏi nhọc giải thích. Trong đó có ý nói, tánh của Niết-bàn thì rộng, thể của trạch diệt thì hẹp, không phải các Niết-bàn đều là trạch diệt. Do Niết-bàn này cùng với trạch diệt kia nên làm bốn câu phân biệt:

1. Là trạch diệt không phải là Niết-bàn, là chỗ đắc diệt trong nhân của phiền não chướng.

2. Là Niết-bàn không phải là trạch diệt, là bổn lai tánh tịnh và Vô trụ xứ hoặc sáu hạnh đắc diệt, là kia phân Niết-bàn không phải trạch

diệt.

3. Là câu.

4. Là phi câu, là Hữu dư y và Vô dư y Niết-bàn là đồng thời và không đồng thời có thể hiểu.

Cho nên hai Niết-bàn thứ nhất và thứ tư là tánh tịnh và Vô trụ xứ, tức là thể lập trên Chân như. Hai Niết-bàn giữa Hữu dư y và Vô dư y là trạch diệt nhiếp, vì do đoạn phược mà đắc. Phược sở y diệt tận thì khi đắc quả ban đầu là trạch diệt, sở y sau đó không có phương pháp để hiển Niết-bàn, sau đó khi nương vào Vô là do trạch lực trước, cho nên luận Đối Pháp nói quả nẻo ác gọi là kiến đạo đoạn. Du-già thì nói là Phi trạch diệt nhiếp.

Luận: "Hoặc chỉ đoạn phược", đến "trong bốn pháp là pháp nào nhiếp?"

Thuật rằng: Đây là phần thứ tư người ngoài lại hỏi. Là trước đã nói rằng, Sở tri chướng không phải đoạn phược thì không đắc trạch diệt, bất động Vô vi và tưởng thọ diệt Vô vi cũng không phải đoạn phược mà đắc, trong bốn Vô vi là Vô vi nào nhiếp? Bốn Vô vi, luận Ngũ Uẩn: "Một là hư không, hai là trạch diệt, ba là Phi trạch diệt, bốn là Chân như". Bách pháp luận và luận Du-già thì nói sáu Vô vi, thêm bất động và tưởng thọ diệt. Luận Đối Pháp và luận Hiển Dương nói tám Vô vi, thêm bốn tánh Chân như, nhân theo đây thì thuyết minh rộng nghĩa Vô vi, như quyển 2 trước và Biệt sao giải thích.

Luận: "Phi trạch diệt nhiếp", đến "không phải vĩnh viễn diệt".

Thuật rằng: Dưới đây là luận chủ đáp: Hai pháp Vô vi này trong bốn Vô vi là Phi trạch diệt nhiếp. Hiển Dương quyển 18 ghi: "Hai Vô vi này tạm thời lìa trói buộc, không phải rốt ráo lìa trói buộc.

Hỏi: Phi trạch diệt tại sao tạm lìa mà không sinh lại?

Đáp: Trạch diệt Vô vi rốt ráo diệt, vĩnh viễn hại tùy miên. Trong Phi trạch diệt, luận Du-già quyển 53 ghi: "Phi trạch diệt pháp không phải xưa nay quyết định. Xưa nay quyết định là học thấy thánh tích. Đối với các loài Chúng sinh như noãn sinh, thấp sinh, Bắc-câu -lô châu, vô tưởng thiên, nữ thân, phiến hổ, bán trạch, vô hình, nhị hình... và sau đó có hoặc ái hoặc thủ chỗ dắc Phi trạch diệt xưa nay quyết định, ngoài ra thì bất định, vì hàng phục chủng tử khiến cho không sinh hiện hành gọi là Phi trạch diệt. Chủng tử nếu gặp duyên thì có thể sinh hiện hành, cho nên càng sinh thêm nữa, do đây Phi trạch diệt có quyết định và không quyết định, cho nên trong đây nói có vĩnh viễn diệt là có vĩnh viễn không diệt, do đó hai Vô vi này đã không phải là vĩnh viễn diệt nhiếp,

nói tạm thời lìa nói năng. Thuyết minh về Phi trạch diệt, trong trạch diệt có chữ "Duy" để hiển nghĩa bất thông và tạm lìa, trong Phi trạch diệt thì có chữ "không phải vĩnh viễn" để hiển nghĩa bất định. Luận Đối Pháp quyển 2 ghi: "Có hai pháp nên đoạn, là các phiền não cùng với sở y thọ biến dịch và bất biến dịch, như thứ tự của nó nên biết, phiền não đoạn thì lập trạch diệt. Hai thứ thọ diệt kiến lập bất động và tưởng thọ diệt, hai thọ này không sinh thì cũng gọi là đoạn. Không nói hai Vô vi là trong trạch diệt phân ra, không thể đặt làm câu vấn nạn.

Hỏi: Đã nói về Vô gián đạo, thế nào là phi trạch, trạch là tuệ. Vô gián sinh là giác không phải là tuệ?

Đáp: Khởi Vô gián đạo hoặc Hữu lậu cũng là phi trạch, hoặc Vô lậu không đoạn chủng tử lậu, là quyết định Phi trạch diệt, có hại gì. Lại nữa, điều này đáng lẽ trình bày sư Tát-bà-đa bất nhiễm Vô tri khởi Vô gián đạo đoạn mà không phải là trạch diệt, có ý gì bất đồng với Hữu lậu đạo, vì Hữu lậu đạo thì tông kia cũng đắc trạch diệt. Hoặc hiện tại Đại thừa khởi Vô gián đạo lại nữa để đoạn riêng hoặc chủng. Phược nhân còn lại thì sự so sánh này vĩnh viễn không sinh.

Hỏi: Phi trạch diệt nhiếp thì cũng có lỗi gì?

Đáp: Đã như thế thì quyết định biết đắc Vô dư trước. Sở y vĩnh viễn không có so sánh để hiển diệt trước, gọi là đắc Niết-bàn cho nên là trạch diệt nhiếp. Như tưởng thọ diệt Vô vi sau đó mới hiển, thật ra đã đắc ở trước. Vô dư cũng như thế, hoặc do trạch diệt trước đoạn hoặc vĩnh viễn không sinh. Nghĩa này nên suy nghĩ. Dưới đây là phần thứ hai giải thích.

Luận: "Hoặc Vô trụ xứ", đến "chỗ nhiếp của trạch diệt".

Thuật rằng: Thể này tuy không phải phược, do chân trạch lực diệt chướng mà đắc, cho nên lẽ nào không phải là trạch diệt. Diệt chướng mà đắc cho nên như phiền não diệt, tức là hai Vô vi thuộc trạch diệt nhiếp. Tiếp theo là tổng hợp văn của luận Hiển Dương quyển 18, luận đó nói tạm phục diệt, là nói hàng phục hoặc mà đắc, và tâm Vô lậu khi ở diệt hoặc vị mà nói. Đây là hoặc phỏng theo Vô gián đạo đoạn và giải thoát đạo mà đắc, tức là văn của luận Đối Pháp quyển 2 làm chính, là trạch diệt nhiếp. Hoặc phỏng theo phục diệt đắc diệt định mà kiến lập, tức là Phi trạch diệt. Như luận Hiển Dương, như quyển 2 Sao và luận Đối Pháp quyển 2 Sao giải thích. Nghĩa bất động, như trước nói.

Luận: "Đã là Sở tri chướng", đến "là Bồ-đề chướng".

Thuật rằng: Dưới đây là câu hỏi thứ ba về Bồ-đề chướng, người ngoài hỏi. Sư này nói Sở tri chướng cũng chướng Niết-bàn, có thể

hiểu.

Luận: "Nói phiền não chướng", đến "làm Bồ-đề chướng".

Thuật rằng: Dưới đây sư này đáp. Phần đầu là chất vấn, vì phiền não chướng cũng chướng ít phần trí của Bồ-đề cho nên gọi là chướng Bồ-đề. Lại nữa, vì có Bồ-đề này mà không khởi cho nên cũng làm chướng. Thế nào mà được lấy Sở tri đặt làm vấn nạn? Ý văn có thể hiểu. Nếu như thế thì tại sao chư Thánh giáo nói hai chướng chướng riêng?

Luận: "Nên biết Thánh giáo", đến "thông chướng hai quả".

Thuật rằng: Trong chư Thánh giáo y theo dụng thù thắng mà nói, nghĩa này không trái, thật ra mỗi mỗi đều chướng cả hai. Như quyển một phần đầu Sao giải, đây là đoạn văn thứ hai trong giải thích Niết-bàn. Giải thích riêng về Niết-bàn đã xong.

Luận: "Chỗ nói như vậy", đến "gọi là sở hiển đắc".

Thuật rằng: Phần thứ ba tổng kết. Lấy ba thứ Niết-bàn gọi là sở hiển đắc, vì tự tánh Niết-bàn không do hiển cho nên mới đắc, vì bổn lai tịch, chỉ có ba thứ sau mới gọi là sở hiển đắc, vì chướng diệt hiển.

Luận: "Hai sở sinh đắc", đến "tương ưng tâm phẩm".

Thuật rằng: Dưới đây phần thứ hai thuyết minh sở sinh đắc, trong đó có ba đoạn:

1. Nêu thể.
2. Giải thích riêng.
3. Tổng kết.

Phần đầu nêu thể, văn có thể hiểu.

Luận: "Tại sao Bốn trí tương ưng tâm phẩm".

Thuật rằng: Đây là bắt đầu hỏi. Phần thứ hai giải thích riêng Bồ-đề. Bồ-đề đã là bốn trí, bốn trí là thế nào?

Luận: "Một là đại viên cảnh trí", đến "hiện nhiều sắc tượng".

Thuật rằng: Trong đó có chín phần.

Thứ nhất nêu thể để phân rõ bốn trí sai biệt. Luận Phật Địa quyển 3 giải thích các tên này có chút ít sai biệt. Luận Đối Pháp lại giải thích, ngoài có thể hiểu. Viên cảnh tức là trí - Trì nghiệp thích. Câu nói tương ưng tâm phẩm thông với tương ưng pháp. Lìa các phân biệt, Phật Địa ghi: "Lìa ngã chấp và ngã sở chấp, tất cả phân biệt của sở thủ và năng thủ". Cảnh và hành tướng cả hai đều không thể trắc lường gọi là vi tế. Bất ngu là nghĩa không mê ám, do đây Như Lai gọi là tất cả chủng trí và Tất cả trí. Hoặc bất vong là hằng hiện tiền, do đây Như Lai trở thành bất vong bảy pháp. Tự tánh minh thiện gọi là thanh tịnh, Hữu lậu vĩnh

viễn lìa mất các tạp nhiễm. Thuần tịnh viên đức, thuần là không tạp, tịnh là lìa nhiễm, viên là tròn đầy. Thuần là lựa riêng riêng với nhân Vô lậu, tịnh là lựa riêng với tất cả Hữu lậu, viên là lựa riêng với công đức của Nhị thừa vô học. Hiện chủng y trì, là chỗ y của công đức hiện hành và chỗ của công đức chủng tử, trì công đức chủng có thể hiện hành năng sinh thân độ và trí ảnh. Tự tâm và tâm sở không duyên nhiễm bản chất, như hiện hành ngoài ba trí ảnh thì gọi là năng hiện. Ngoài ra công đức thân và độ của sắc căn gọi là năng sinh, vì thân cận chiếu soi bản chất. Lại nữa, pháp của thân và độ là cảnh thân cận duyên, trên thức mà hiện thì gọi là năng hiện. Pháp của ba trí thân cận duyên không nhiễm, chỉ từ đây mà sinh thì gọi là năng sinh. Lại nữa, trên Thức thứ tám chỗ sinh các pháp của biệt chủng như tự sắc và tự tâm thì gọi là năng sinh, vì y theo Thức thứ tám mà riêng có chủng. Hoặc hiện các ảnh của cnẻo ác tha thân thì gọi là năng hiện, không có biệt chủng sinh, chỉ có thức chủng, chỉ có hiện trên thức thì gọi là năng hiện, vì trí làm tánh cho nên Vô gián, ngay nơi thời thì không đoạn, ngay nơi phương thì tất cả thời đều có thể hiện tất cả xứ ảnh, như tấm gương lớn hiện nhiều sắc tượng. Kinh Phật Địa ghi: "Như y theo tấm gương nhiều ảnh tượng hiện, như y theo tấm gương Phật trí thì các xứ, cảnh, thức ảnh tượng hiển hiện bình đẳng bình đẳng, cho nên lấy làm ví dụ.

Luận: "Hai là bình đẳng tánh trí", đến "tận vị lai tế".

Thuật rằng: Đây là căn cứ theo chánh nghĩa, có bảy nghĩa thông với Vô lậu. Bình đẳng tánh và Chân như lý, trí duyên hai pháp này cho nên nói bình đẳng, đây là trong nhân có ngã chấp cho nên tự và tha sai biệt. Hiện tại Vô ngã cho nên tự và tha bình đẳng, đại từ bi hằng cùng tương ưng. Đây là nhiếp vài tánh trong mười bình đẳng, là từ và bi nhiếp tám đức. Tùy chỗ ưa thích của hữu tình mà thị hiện, tùy chỗ nên hiện của Bồ-tát Thập Địa. Chỗ kiến lập của Vô trụ Niết-bàn là do duyên không trụ Niết-bàn, thức này hằng cùng bi trí tương ưng, Niết-bàn là năng lập, bi trí là sở lập, gọi là kiến lập, hoặc do chỗ hiển Chân như của bi trí này mà gọi là Vô trụ xứ, tức là kiến lập Vô trụ xứ Niết-bàn. Luận Phật Địa ghi: "Kiến lập Phật Địa Vô trụ Niết-bàn, lại không có chuyển dịch gọi là nhất vị, không có gián đoạn cho nên gọi là tương tục". Văn còn lại dễ hiểu.

Luận: "Ba là diệu quán sát trí", đến "đều đạt được lợi lạc.

Thuật rằng: Thần dụng không có so sánh nào xứng với nó, là diệu. Duyên đủ các pháp tự cộng tướng, là quán sát, trù lượng cảnh tướng diệu dụng thù thắng, nhiếp quán vô lượng tổng trì và định môn. Tổng

trì môn là Đà-ra-ni môn, định môn là Tam-ma-địa môn. Tuy ngoài ba trí không phải không có đức này, nhập xuất các thiền và tổng Trì sai biệt hay hơn ba trí khác. Trí này có thể nhiếp chứa cho nên gọi là nhiếp, cũng thường quán sát tổng trì và định môn này cho nên gọi là quán. Công đức trân bảo, là các pháp sáu độ, đạo phẩm, mười lực..., tác dụng sai biệt là hiện thần thông.

Luận: "Bốn là Thành sở tác trí", đến "chỗ nên tác sự".

Thuật rằng: Thành tựu của sở tác là thành sở tác, tức là trí. Luận Phật Địa quyển 7 nói là biến hóa ba nghiệp. Luận Du-già quyển 98 ghi: "Không thể hóa căn và tâm. Nói ba nghiệp là tương tợ ý nghiệp chuyển, như sau sẽ biết, gọi là tợ tâm. Từ đây trở lên đều là phần thứ nhất nêu ra thể của trí, lấy tác dụng để hiển thể cho nên phân rõ sai biệt môn".

Luận: "Như vậy bốn trí", đến "vì trí gọi là hiển".

Thuật rằng: Giải thích thứ hai là tương ưng nhiều ít môn, nguyên nhân đắc trí gọi là Phi thức. Hai mươi hai pháp là biến hành, biệt cảnh và pháp thiện đều nắm lấy tâm. Căn cứ theo nhân của tầm và tứ trước thông với Vô lậu, tức là diệu quán sát hai mươi bốn pháp. Hiện tại từ hai vị nhân quả mà luận chung cho nên là hai mươi hai, hai mươi hai này là thể, năng biến là Kiến phần, sở biến là Tướng phần. Hoặc tự thể của thức gọi là năng biến, Tướng phần và Kiến phần gọi là sở biến. Hoặc năng biến là chủng, là nhân năng biến. Sở biến là hiện, là quả năng biến. Trí, là nghĩa quyết đoán rõ ràng thông suốt. Vị kia quyết đoán liễu đạt cùng hiển, cho nên trí dụng tăng.

Luận: "Cho nên bốn phẩm này", đến "công đức đều tận".

Thuật rằng: Phần thứ ba lấy thể nhiếp dụng, cho nên Phật Địa quyển 3 phần đầu thuyết minh đủ công đức nhiếp nhau, cho nên bốn trí này tổng nhiếp tất cả công đức Hữu vi của Phật Địa đều tận. Trí làm chủ, cho nên nói trí dụng tăng, vì các công Đức trí sai biệt khác.

Luận: "Trí này chuyển Hữu lậu", đến "mà đắc bốn trí này".

Thuật rằng: Phần thứ tư là Chuyển thức nào để đắc trí môn nào. Thức thứ tám, thứ bảy, thứ sáu và năm thức trước, như thứ tự mà đắc. Vô tánh Bồ-tát luận và Trang Nghiêm Luận: "Lại còn quán trí chuyển năm thức". Trong đây chỉ Chuyển Thức thứ sáu mà đắc. Trong luận Phật Địa có hai sư nói, trong đó không phải thứ tự, vì thuyết pháp đoạn nghi không phải là năm dụng, rộng như Phật Địa nói, không phiền dẫn ra, cùng với luận này không trái nhau. Nguyên nhân Chuyển thức đắc trí, trong đây có hai chữ "lại nữa", thứ nhất giải thích những gì có thể giải thích, thứ hai là trong giải thích. Thức thì phân biệt Hữu lậu vị là

cường mạnh, trí thì quyết đoán Vô lậu vị là thù thắng. Chuyển cường để đắc cường cho nên nói là đắc trí. Trong đây nhân theo xả thức đắc trí, nhân theo thành tựu, gọi là nguyên nhân của trí.

Luận: "Đại viên cảnh trí", đến "tịnh chủng thức".

Thuật rằng: Phần thứ năm là vị thứ Chuyển thức đắc trí. Đây là mới nói về dbt có thể hiểu. Hoặc Kim cương tâm không có Vô lậu thức, vì Hữu lậu đã xả. Vô lậu chưa sinh thì đáng lẽ không có thức có thể trì tịnh chủng, như chỗ tranh luận chuyển xả ở trước.

Luận: "Có nghĩa phẩm này", đến "không trái nhau".

Thuật rằng: Vô gián đạo và Dị thục thức đồng thời diệt, đã không phải chướng pháp cho nên không trái nhau. Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 10 giải thích, kim cương là dụ cho định Vô gián tận trí sinh, không nói khi Kim cương tâm tận thì trí khởi. Tại sao nói Vô gián đạo vị viên cảnh trí sinh? Đây là chỉ có chánh nghĩa, chủng và hiện đồng thời, chủng và hiện dị thời, lại có giải thích riêng.

Luận: "Không phải chướng Hữu lậu", đến "khiến cho không sinh".

Thuật rằng: Tức là chỗ nói các Hữu lậu khác ở trước. Là thể của thiện và Vô ký không phải là pháp chướng Hữu lậu. Vô gián sinh rồi thì bốn trí viên minh không có thức sở huân, các pháp Vô lậu lại càng không tăng trưởng thì đáng lẽ thành Phật, bi và trí không cùng cho nên tận vị lai tế. Sư trước giải thích văn "khi tận trí sinh" của luận Đối Pháp ghi: "Luận đó nói sau Vô gián vị thì tận trí viên mãn mà sinh". Không nói lúc này các tận trí này chưa khởi. Lại nữa, Vô gián là nghĩa đồng thời Vô gián, gián cách cũng còn gọi là Vô gián. Đồng thời thì lẽ nào không phải là Vô gián, như dị niệm nói đồng thời có. Trong luận Phật Địa không có hai thuyết này, vì luận đó không phân rõ vị nào là tâm sinh.

Luận: "Bình đẳng tánh trí", đến "tận vị lai tế".

Thuật rằng: Sơ Vị của kiến đạo hiện tại trước, trong chân kiến đạo thì trí này liền khởi, do Thức thứ sáu dẫn sinh, không phải tự lực khởi. Hai chướng nhanh chóng đoạn thì diệu quán sát trí và bình đẳng tánh trí khởi chắc chắn đồng thời, nếu đoạn dần dần thì bình đẳng khởi sau, nhưng các kiến đạo và Thập Địa gián đoạn khởi như thuyết minh tâm sở trên, vì ở sau pháp vân địa và tận vị lai. Thức thứ tám quyết định cùng với một tâm sở đồng thời, tự lực đã thù thắng thì không do Thức thứ sáu dẫn. Sáu nhập sinh Không, bảy Hằng pháp không, vì bình đẳng chuyển, cũng không đồng địa, không đồng nhân vị, tất cả đều đồng.

Luận: "Diệu quán sát trí", đến "đều được hiện khởi".

Thuật rằng: Đây là phần đầu giải thích sinh Không quán phẩm. Tiệm ngộ nhập là đến Giải hạnh địa thì hết. Đốn ngộ thì đến Vô học vị, hoặc đến thượng vị, là đến trong Thập địa vị của Bồ-tát thì đốn và tiệm cũng đều như thế. Đã không chướng pháp không, thuyết minh pháp không quán là đới sinh quán. Gia hạnh nhập tâm tuy riêng pháp không, nhập thì tế cho nên liên đới với thô ý của nó, đây không phải là Hữu lậu và vô tâm thông với các vị trên.

Luận: "Pháp không quán phẩm", đến "đều được hiện khởi".

Thuật rằng: pháp không quán phẩm chủ yếu là kiến đạo vị của Bồ-tát mới bắt đầu khởi. Pháp không quán phẩm cứ theo trước mà giải thích, nếu đến Phật vị thì chỉ có sinh Không quán, hoặc chỉ có lý không phải sự, hoặc có chỉ sự không phải lý, hoặc cả hai đồng thời quán đều tự tại. Văn còn lại có thể hiểu.

Luận: "Thành sở tác trí", đến "cũng được bắt đầu khởi".

Thuật rằng: Như trong bốn duyên ở trước đã giải thích. Sư thứ nhất nói: "Bồ-tát trong Tu đạo vị, sau Ý Thức thứ sáu được dẫn, cũng được bắt đầu khởi, vì trong tịnh Độ khởi năm thức". Luận Phật Địa cũng có nghĩa này. Tuy nói Sơ địa cũng được khởi, nhưng không phải kiến đạo, sau khi Tu đạo đắc trí thì kiến đạo mới được khởi, vì trong Chân tướng kiến đạo không duyên ngoại sự khởi thô thức.

Luận: "Có nghĩa thành Phật", đến "tác ý khởi".

Thuật rằng: Sư thứ hai nói. Như trong bốn duyên trước đã giải thích, không có văn nghĩa khác cho nên không trình bày. Tỷ lượng trong đây, lựa riêng với quá và giải thích vấn nạn, giải thích đủ như trước, luận Phật Địa có phê bình, nghĩa thì lấy giải thích sau.

Luận: "Tứ chủng tánh này", đến "thù thắng hơn Phật sau".

Thuật rằng: chủng tánh thứ sáu vốn có khởi thủy môn. Địa Tiền chủng tánh tăng, nhập Địa hai chủng tánh tăng; Địa tiền dụng tăng, nhập địa thể tăng, vì hiện hành riêng biệt. Văn còn lại có thể hiểu, chỉ có nghĩa của Hộ Pháp.

Luận: "Đại viên cảnh trí", đến "bất khả tri".

Thuật rằng: Phần thứ bảy sở duyên cảnh giới môn. Sư thứ nhất có thể hiểu, lý do như văn nói.

Luận: "Có nghĩa phẩm này", đến "cũng duyên tục".

Thuật rằng: Trang Nghiêm Luận: "Đối với tất cả cảnh đều không ngu mê, có tục mà không biết, không phải không ngu", văn còn lại có thể hiểu. Nói các xứ là nội trong sáu xứ, cảnh là sáu cảnh, thức là sáu

thức. Đây là mười tám giới, hoặc mười hai xứ, vì sáu căn và sáu thức đều gọi là thức, vì thân và độ quyết định phải duyên. Tổng hợp nhập Bất Khả Tri Nói hành duyên vi tế, là hành tướng và sở duyên. Nhân đã vi tế thì quả cũng khó biết, không phải không duyên tục.

Luận: "Duyên Chân như cho nên", đến "cứ theo đây nên biết".

Thuật rằng: Nói về hai trí, thể là một dụng làm hai. Tại sao câu sinh duyên tục gọi là hậu đắc? Hiểu rõ tục là do chứng chân, chứng chân là duyên tục trí sinh, cho nên gọi là hậu đắc, vì hậu đắc không chứng chân. Hoặc như duyên trong nhân của hậu đắc thì tục quán và chân quán sinh sau. Dưới đây cứ theo đó giải thích. Ngoài ra chỗ dẫn văn thì xem luận Phật Địa, nhân thì có hai chủng loại, quả thì hằng chỉ có một chủng sinh hai dụng hiện hành.

Luận: "Bình đẳng tánh trí", đến "đối với lý không trái".

Thuật rằng: Trong đây có ba thuyết, lý do như văn. Duyên mười bình đẳng cho nên duyên thông cả chân và tục, là thuyết thứ ba.

Luận: "Diệu quán sát trí", đến "chỗ nhiếp của hai trí".

Thuật rằng: Văn nghĩa dễ hiểu.

Luận: "Thành sở tác trí", đến "Hậu đắc trí nhiếp".

Thuật rằng: dẫn văn của luận đều xét theo số quyển như trước đã hiển bày. Vì đồng loại cảnh cho nên nói năm cảnh. Bất định chỉ có như vậy cho nên không trái nghịch. Năm thức đều có thể duyên sáu cảnh, không trái với lý, vì hành tướng thiển cận duyên thành sự trí, chỉ ngăn trách Vô vi, như văn chứng thành.

Luận: "Bốn tâm phẩm này", đến "lợi lạc hữu tình".

Thuật rằng: Phần thứ tám duyên cảnh tác dụng môn. Thành sự trí hiển hiện thông cả tịnh độ và uế độ, diệu quán sát trí thì thuyết pháp thông cả hai độ.

Luận: "Các Môn sai biệt nhiều thứ như vậy".

Thuật rằng: Phần thứ chín chỉ lệ môn thì có nhiều, các môn sai biệt nhiều thứ như vậy. Phật Địa có bốn phần tâm duyên cảnh, như quyển 2 trước đã giải thích. Các trí tướng và kiến phân biệt môn, tức là quyển 9 trước giải thích đã xong. Tương ưng tâm sở nhiều ít môn, như trong quyển 3 giải thích Thức thứ tám, quyển 4 giải thích Thức thứ bảy và quyển 7 giải thích Thức thứ sáu, và kế đó trong giải thích hai mươi hai pháp. Thiện Vô lậu môn, như phân rõ trong tùy thức. Giả Thật phân biệt môn, và nhiếp các công đức môn, luận này tuy không có tổng thuyết minh về xứ, nhưng Tùy chư thức thì đã thuyết minh xong, cho nên không phiền trình bày khoảng đó. Trí nương vào định nào mà

khởi? Tương ưng với thọ nào? Hậu thức và hậu trí sinh thì chuyển về cõi nào? Phật Địa không có những văn này, như trước đã giải thích. Từ trên đến đây, tổng là phần thứ hai giải thích riêng về chỗ sinh Bồ-đề đã nói xong. Từ đây xuống là kết sở sinh đắc đó.

Luận: "Bốn tâm phẩm này gọi là sở sinh đắc".

Thuật rằng: Đây là kết. Ngay trong giải thích sở chuyển đắc có ba phần:

1. Nêu chung sở chuyển đắc, nêu ra tâm sở.
2. Giải thích riêng sở hiển và sở sinh đã nói xong.
3. Tổng kết.

Luận: "Sở sinh đắc này", đến "gọi là sở chuyển đắc".

Thuật rằng: Đây là tổng kết chỗ nói trước. Ngay trong giải thích Chuyển y có ba phần, từ trên đến đây là phần thứ nhất giải thích Chuyển y đã nói xong, từ đây xuống là phần thứ hai thuyết minh chỗ nói về Chuyển y của tụng.

Luận: "Tuy nghĩa của Chuyển y", đến "Chuyển y mà nói".

Thuật rằng: Tổng có bốn thứ, nhưng hiện tại luận này chỉ lấy hai sở chuyển đắc, còn lại ba Chuyển y không thể làm chứng. Giả sử có Chân như và Vô lậu đạo, vì không phải là chứng nghĩa cho nên không nói.

Luận: "Tu tập vị này", đến "nhân vị nhiếp".

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ ba thuyết minh Thập Địa này có thể chứng hai Chuyển y, không phải đã chứng đắc, chủ yếu là thành Phật mới chứng. Vô gián đạo của Thập Địa này đoạn chướng làm nhân thì giải thoát đạo mới chứng Thập Địa kia. Từ trên đến đây giải thích tụng thứ tư trong năm vị, tuy có nói rộng và sơ lược không đồng, nhưng tông quát đều là giải thích tu tập vị của Thập Địa, đã nói xong.

Luận: "Cứu cánh vị sau, tướng nó như thế nào?"

Thuật rằng: Từ đây xuống giải thích Vị thứ năm là Cứu cánh đạo. Trong đó phần đầu là hỏi, phần sau là đáp. Đây là hỏi.

Luận: "Tụng nói rằng", đến "Đại Mâu-ni gọi là pháp".

Thuật rằng: Trong tụng có ba phần, một câu đầu nêu thể của vị, bảy chữ kế đó hiển đức thù thắng, còn lại tám chữ lựa riêng với Nhị thừa để hiển sai biệt của ba Thừa.

Luận: "Nói rằng Tu tập vị trước", đến "tướng của Cứu cánh vị".

Thuật rằng: Có hai phần:

1. Giải thích văn tụng.
2. Các môn phân biệt.

Phần thứ nhất giải thích bốn câu văn, tức là bốn đoạn, nghĩa thì ba đoạn. Như phán phân định ý tụng, có ba phần:

1. Tổng phán phân.
2. Nêu thể.
3. Giải thích riêng.

Trong phần đầu có hai đoạn:

1. Chánh giải thích câu đầu nêu thể của tụng.
2. Hỏi đáp để phân giải thích riêng trong tụng.

Đây là hiển tướng của vị.

Luận: "Vị này tức là vị trước", đến "Vô lậu giới nhiếp".

Thuật rằng: Dưới đây nêu thể, Vô lậu giới nhiếp, tức là hai quả Chuyển y Bồ-đề và Niết-bàn là Cứu cánh vị. Nói cứu cánh, lược có hai nghĩa:

1. Lựa riêng với bốn vị trước gọi là cứu cánh.
2. Lựa riêng với Nhị thừa gọi là cứu cánh.

Nhị thừa tuy đắc Bồ-đề và Niết-bàn nhưng không phải nghĩa cứu cánh, vì không phải cao thượng thù thắng. Đây là giải thích sơ lược chữ "vị này" và "tức là" trong câu tụng thứ nhất, gồm giải thích Vô lậu giới.

Luận: "Các lậu vĩnh viễn tận", đến "cho nên gọi là Vô lậu".

Thuật rằng: Dưới đây giải thích nghĩa Vô lậu. Các lậu vĩnh viễn tận, nghĩa là năng trừ lậu, năng chứng và sở chứng đều là năng trừ lậu, đây là nghĩa lìa tương ưng phược của nó, không phải Lậu tùy tăng theo, tức là hiển nghĩa không phải sở duyên phược. Lại nữa, các lậu vĩnh viễn tận, là hiển lìa tạp phiền não của nó, không phải lậu tùy tăng theo, là nghĩa lìa hai phược. Lại nữa, nghĩa thứ nhất là pháp nhiễm tự tánh đoạn, nghĩa sau là ly phược đoạn. Tánh thứ nhất chỉ có nhiễm, tánh sau thì thông với tất cả Hữu lậu. Nói tánh tịnh, là lựa riêng với uẩn của Nhị thừa vô học thiện Hữu lậu, tuy cũng lìa hai phược nhưng tánh không phải tịnh, là loại Hữu lậu trước, vì có Sở tri chướng của Thức thứ bảy thì đều không phải tánh tịnh. Nói viên, là lựa riêng với tất cả hữu học Vô lậu, vì nhân chưa viên mãn. Minh, là lựa riêng với Nhị thừa vô học Vô lậu để hiển Nhị thừa kia tuy có quả cực viên nhưng không phải là minh, vì không phải thù thắng huyền diệu. Lại nữa, tịnh là lựa riêng với hữu tình, Viên là lựa riêng với Nhị thừa, minh là lựa riêng với Bồ-tát Vô lậu. Có đủ năm nghĩa thì tánh gọi là Vô lậu giới. Các Vô lậu khác tuy cũng gọi là Vô lậu nhưng không phải cứu cánh Vô lậu. Trong đây tuy giải thích chữ Vô lậu, nhưng phát âm dài chữ "thượng" ra thì ý mới

là sâu xa.

Luận: “Giới nghĩa là tạng”, đến “lợi lạc sự”.

Thuật rằng: Giới nghĩa là tạng, là chỗ tàng chứa công đức Vô vi của Niết-bàn, chỗ tàng trữ công đức Hữu vi của Bồ-đề. Hoặc nghĩa là nhân, hoặc làm sở duyên, hoặc làm tăng thượng lần lượt truyền thuyết làm lợi ích, là thể có thể sinh sự nghiệp lợi lạc của năm Thừa thế gian và Xuất thế gian, hoặc làm duyên sinh sự nghiệp lợi lạc người khác. Tại sao kinh ghi: “Tại triền gọi là Như Lai Tạng, xuất triền gọi là pháp thân?” Trong luận này thì xuất triền mới gọi là tạng. Kinh kia thì phỏng theo vị, luận này thì phỏng theo thể. Hoặc kinh kia nương vào hữu chướng và vô chướng để phân rõ pháp môn, luận này thì thuyết minh bổn và mạt cho nên không trái nhau, tức là giải thích chung câu thứ nhất đã xong.

Luận: “Thanh tịnh pháp giới”, đến “thế nào chỉ có Vô lậu?”

Thuật rằng: Dưới đây thuyết minh trong hỏi đáp có hai câu. Đây là câu hỏi thứ nhất.

Người ngoài hỏi: Thanh tịnh pháp giới có thể chỉ có Vô lậu vì là lý pháp, tâm phẩm của bốn trí tại sao chỉ có Vô lậu, lẽ nào Như Lai thân đều chỉ có Vô lậu?

Đáp: Đây là trừ Đại chúng bộ ra, còn lại là vấn nạn của Tiểu thừa. Lý pháp của pháp giới đã đồng với trạch diệt thì có thể thừa nhận Vô lậu, không phải công đức Hữu vi trước Phật thân đều là thuộc về Vô lậu.

Hỏi: Tại sao chỉ nói là Vô lậu?

Luận: “Thuộc về Đạo đế”, đến “cho nên đã vĩnh viễn xả”.

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: Quyển 66 ghi: “Tất cả công đức của Phật trí và thần thông là chỗ nhiếp của đạo đế”. Trước đã thành lập Đại thừa Thánh giáo, cho nên làm lượng.

Luận: “Tuy có thị hiện”, đến “chỗ nhiếp của đạo đế”.

Thuật rằng: Như Lai thị hiện thân và ngữ quở trách, hiện khởi nhập diệt, thị hiện có đau lưng, tợ như Khổ đế và Tập đế, nhưng thật ra là Vô lậu.

Luận: “Tập luận nói”, đến “năm ngoại giới”.

Thuật rằng: Người ngoài hỏi: Tập luận quyển 3 nói mười lăm giới và mười sắc xứ chỉ là Hữu lậu, hiện tại luận này nói Phật thân chỉ đều là Vô lậu, đã như thế thì Như Lai lẽ nào không có năm căn, năm thức và năm ngoại giới? Chữ “đẳng” là đồng lấy mười Hữu sắc xứ và pháp xứ ít phần. Hiện tại luận chủ nói Như Lai đều là Vô lậu. Luận nói Hữu

lậu của mười lăm giới nhiếp là trái nhau cho nên đặt vấn nạn.

Luận: "Có nghĩa Như Lai", đến "lý không trái nhau".

Thuật rằng: Đáp có ba nghĩa. Đây là thuyết thứ nhất. Thân và độ của Như Lai đã lìa năng phân biệt, sở phân biệt và bảy phân biệt, dứt tuyệt danh ngôn hý luận, không phải hữu tình của uẩn, xứ, giới nhiếp, không thể nói năm căn này, năm cảnh này. Hiện tại Đại Bát-nhã có văn này, các sư của ba luận phần nhiều lấy điều này giải thích, cho nên không thể cho Hữu lậu của mười lăm giới là đồng. Luận kia nói Hữu lậu là để thuyết không phải Phật thân, như Phật Địa quyển 1 nói. Sư này lấy nghĩa thứ ba, luận kia cũng không thừa nhận.

Luận: "Có nghĩa Như Lai", đến "tánh tán loạn".

Thuật rằng: Đây là thuyết thứ hai, trong văn có năm đoạn:

1. Mở tông.
2. Người ngoài hỏi.
3. Giải thích vấn nạn.
4. Hỏi lại.
5. Giải thích và trình bày.

Trong đoạn thứ ba giải thích vấn nạn có hai phần giải thích, trong phần thứ nhất có năm đoạn:

1. Người ngoài hỏi.
2. Trình bày thêm.
3. Giải thích nữa.
4. Hỏi nữa.
5. Giải thích nữa.

Căn và cảnh của Như Lai đều lấy diệu định của Ý thức làm cách biến hóa đầu tiên, bản thức thì tùy biến. Giả sử Thức thứ tám biến thì diệu định sinh, cho nên là chỗ nhiếp của pháp giới, không phải Phật lấy Bồ-tát và dị sinh ở chỗ ngoài khác, tuy nương trên chỗ biến của Phật này thân và độ của Phật, nhưng Phật biến vi tế, các loài khác biến thì thô. Phật biến tế không phải là năm cảnh nhiếp, chỗ biến của loài khác thì nghĩa có hai đường:

1. Sắc hoặc định nhiếp, chỗ dẫn trụ của Thắng định thứ tám của Như Lai. Tại sao chỗ dẫn của định thứ tám tức là năm thức kia? Không phải như vậy, vì năm xứng với tán loạn, năm thường duyên, lý cũng có chút ít khó suy nghĩ thuần thục. Căn và cảnh đã không có thì năm thức của Như Lai cũng không phải năm thức giới, căn tuy không phải thật, nhưng tương tợ căn tướng đó cho nên Phật hiện có, loài khác thì không biến căn, chỉ biến tương tợ cảnh, vì tướng thô, hoặc có thể thọ dụng.

Kinh Vô Cấu và trong mười tám bất cộng pháp thì tâm của Như Lai hằng tại định. Luận Đối Pháp quyển 1 ghi: "Tánh của năm thức thân tán loạn".

Luận: "Thành sở tác trí là thức nào tương ưng?"

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi: Đã không có năm thức thì Thành sở tác trí là thức nào tương ưng?

Luận: "Thức thứ sáu tương ưng khởi hóa dụng".

Thuật rằng: Luận chủ đáp: Thức thứ sáu tương ưng vì có thể khởi hóa dụng, không phải thức khác đồng thời.

Luận: "Cùng với tánh của diệu quán sát trí có khác gì?"

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi: Đã cùng với Thức thứ sáu tương ưng thì cùng với thể tánh của diệu quán sát trí có khác gì? Không thể một thức mà hai trí sinh.

Luận: "Trí kia quán các pháp", đến "cho nên có sai biệt".

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: diệu quán sát trí kia có thể quán các pháp tự tướng và cộng tướng, còn thành sự trí này thì chỉ khởi hóa dụng cho nên hai trí khác nhau.

Luận: "Phẩm của hai trí này", đến "không đồng thời khởi".

Thuật rằng: Người ngoài lại hỏi: phẩm của hai trí này đáng lẽ không cùng khởi. Các luận khác nói không có xứ thì không có dung chứa, đồng thân thì đồng loại, một thân mà hai thức là thừa nhận đồng thời sinh. Hiện tại đã là một loại Thức thứ sáu thì đáng lẽ không đồng thời khởi.

Luận: "Thừa nhận không cùng khởi", đến "đều cũng không có lỗi".

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: Thừa nhận không cùng khởi, đối với lý thì không trái nhau, vì sát-na trước sau khởi riêng khác, nhưng hiện hành nhanh chóng tợ như hai dụng đồng thời. Phần thứ hai giải thích, đồng nghĩa của một thức thể, dụng phân làm hai thì nói hai trí đồng thời cũng không có lỗi, như một Ý thức thấy sắc và nghe tiếng. Nghĩa một thể phân ra, đều này cũng như thế. Đây là phần thứ nhất giải thích thành sự trí phẩm cùng với Thức thứ sáu đồng thời.

Luận: "Hoặc cùng với Thức thứ bảy", đến "thành sự phẩm nhiếp".

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai giải thích. Hoặc thành sự trí cùng với Thức thứ bảy đồng thời. Nương vào căn duyên cảnh là dụng sai biệt của bình đẳng trí. Bình đẳng trí này đã có thể biến khởi thọ dụng và biến hóa hai thân, có thể làm căn và cảnh mà nương vào đó, nương vào

thức hóa tha căn và cảnh này thì chỉ có bình đẳng dụng. Khởi hóa dụng thô thì hóa thành dị sinh loại gọi là thành sự trí. Khởi hóa dụng tế thì hóa thành địa thượng loại gọi là bình đẳng trí.

Luận: "Lẽ nào không phải phẩm này chuyển năm thức mà đắc?"

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi: Lẽ nào không phải thành sự trí phẩm này chuyển năm thức mà đắc, tại sao nói bảy thức đồng thời?

Luận: "Không phải chuyển năm thức kia mà đắc", đến "không nên đặt vấn nạn".

Thuật rằng: Hiện tại chỉ lấy khi sinh tử kia diệt thì Niết-bàn được hiển, gọi là chuyển sinh tử mà đắc Niết-bàn, không phải tánh của Niết-bàn tức là sinh tử. Hiện tại trí này cũng như thế, do chuyển bỏ nhân thì năm thức diệt, đây là duyên thô sự cảnh thức phẩm mà sinh. Nói thành sự trí chuyển năm thức mà đắc, không lấy năm thức chuyển trong nhân để khởi thành sự trí phẩm trong quả, thành sự trí phẩm tức là năm thức. Sư này nếu cho là chuyển năm thức mà đắc thành sự trí phẩm thì liền trái với kinh Hoa Nghiêm và Nhiếp luận, là giải thích của sư thứ hai. Phật chỉ có ba cõi là thật, ngoài ra là hư. Văn của mười lăm giới là chính.

Luận: "Có nghĩa Như Lai", đến "Hữu lậu và Vô lậu".

Thuật rằng: Có ba phần:

1. Nêu tông.
2. Tổng hợp các điều trái.
3. Kết chánh.

Đây là phần đầu. Sư thứ ba nói: "Uẩn xứ và giới kia đều thông với Hữu lậu và Vô lậu, cho nên ba pháp uẩn xứ giới của Phật đều chỉ có Vô lậu".

Luận: "Tập luận nói", đến "cảnh sở tri nhiếp".

Thuật rằng: Từ đây xuống tổng hợp các điều trái nhau có hai phần:

1. Tổng hợp sư thứ nhất.
2. Tổng hợp sư thứ hai.

Tổng hợp văn của sư thứ nhất, Tập luận quyển 3 ghi: "Mười lăm giới chỉ có Hữu lậu". Lại nương vào cảnh thể cạn của thô ác và cảnh thể của thức trí mà nói, hoặc là cảnh thể thô. Cạn là thức dụng, tức là thân mười lăm giới của Nhị thừa và Thập Địa Bồ-tát chỉ có Hữu lậu, không phải nói mười lăm giới của tất cả phàm, Thánh và hữu tình đều chỉ có Hữu lậu.

Luận: "Nhưng các chỗ khác nói", đến "lý đáng lẽ cũng vậy".

Thuật rằng: Kinh Đại Bát-nhã và các kinh khác ghi: "Hiển không phải như tướng của cõi kia, biểu không phải cảnh Sở tri của hạ trí.

Luận: "Tại sao vậy?" đến "giải thoát thân".

Thuật rằng: Hữu vi đều là uẩn. Nói tất cả pháp đều là xứ giới nhiếp, các luận đều đồng văn này. Nói mười chín giới là chỗ ngăn trách của kinh Vô Cấu Xưng. Không phải căn và cảnh của Như Lai, không phải mười tám giới nhiếp. Đây là ngăn trách sư thứ nhất kế chấp căn và cảnh của Như Lai không phải giới xứ nhiếp. Hoặc dứt bặt hý luận cho nên không phải giới... cũng không nên tụng này nói công đức của Như Lai tức là Vô lậu giới, là thiện, là thường, cũng là an lạc; cũng không nên gọi là giải thoát thân, vì giải thoát thân đã có thể gọi thì uẩn xứ giới đáng lẽ cũng có thể gọi.

Luận: "Lại nữa, các chỗ nói", đến "là mật ý nói".

Thuật rằng: Kinh Niết-bàn và Trang Nghiêm Luận: "Chuyển vô thường uẩn đạt được thường uẩn". Kinh Thắng Man ghi: "Như Lai diệu sắc thân", cho nên trong các kinh nói Phi sắc là mật ý nói. Mật ý nói là hiển cảnh giới của trí không phải thô thiển. Từ đây trở lên là phá kế chấp của sư thứ nhất.

Luận: "Lại nữa, nói năm thức", đến "không phải chỗ thành của Phật".

Thuật rằng: Ý văn có thể hiểu. Đây là phá sư thứ hai.

Luận: "Cho nên trong Phật thân", đến "mà thuần Vô lậu".

Thuật rằng: Phần thứ ba tổng kết nghĩa của tông. Trong ba sư nói thì nghĩa này là chính. Tiếp theo giải thích chúng đức có bốn phần:

1. Chẳng nghĩ bàn.
2. Thiện.
3. Thường.
4. An lạc.

Trước hết là giải thích câu thứ hai, giải thích Bất tư nghị có ba giải thích. Nhiếp luận quyển 9 và Thế Thân giải thích đồng nhau, không có dị kiến.

Luận: "Quả Chuyển y này", đến "nói nghị đạo".

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ nhất. Trí và cảnh đều có đủ nghĩa này.

Luận: "Vi diệu thậm thâm tự nội chứng".

Thuật rằng: Giải thích riêng bất tư. Lại nữa, trí vi diệu, tánh tướng thậm thâm, sở duyên cảnh tự chứng bên trong. Lại nữa, cảnh vi diệu, trí thậm thâm mới có thể nội chứng. Lại nữa, cả hai lý đều thông, Nhiếp

luận chỉ có nói nội chứng, chỉ giải thích riêng Chân như.

Luận: "Không phải các thế gian ví dụ cho chỗ ví dụ".

Thuật rằng: Giải thích riêng bất nghị. Dứt bặt so sánh, không có suy lường cho nên chẳng nghĩ bàn. Như trong Nhiếp luận lấy ba nghĩa giải thích chẳng nghĩ bàn. Luận Hiển Dương quyển 18 có chẳng nghĩ bàn phẩm, cũng không nêu ra ba nghĩa này, luận Du-già cũng vậy, cho nên không nói ra.

Luận: "Đây lại là thiện", đến "đều nói là thiện".

Thuật rằng: Phần thứ hai là thuyết minh thiện. Tụng nói thiện là tánh của bạch pháp, vì thể bạch cho nên khác với Bất thiện và Vô ký, vì có thể đoạn hắc cho nên gọi là bạch. Nếu như thế thì thiện này cùng với Hữu lậu thiện có khác gì? Vì pháp giới lìa xa sinh diệt, cực an ổn. Bốn phẩm diệu dụng không có gì so sánh và rất khéo léo tiện lợi, Vô vi và Hữu vi cả hai đều thuận ích, cùng với Hữu lậu thiện sai biệt, trái với Bất thiện. Từ đây xuống hợp chung Tứ thiện đó cho nên gọi là thiện. Quyển 6 trước giải thích thiện đã nói xong.

Luận: "Luận nói các xứ", đến "năm căn và ba cảnh".

Thuật rằng: Đây là người ngoài vấn nạn: Bốn trí tâm phẩm đã chỉ là thiện, luận Đối Pháp quyển 4 nói tám thức chỉ có Vô ký, là năm căn và ba cảnh. Như Lai thì lẽ nào không có năm căn?

Luận: "Trong đây ba giải thích nói rộng như trước".

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: Trong đây ba giải thích nói rộng như trước, như ba thuyết trước giải thích Hữu lậu.

Luận: "Tất cả Như Lai", đến "Vô lậu thiện nhiếp".

Thuật rằng: Năm pháp của Chân như đều là diệt Đạo nhiếp. Diệt Đạo nhiếp là trong các kinh luận nói đã chỉ có Vô lậu cho nên diệt đạo này chỉ có thiện. Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 6 và luận Du-già ghi: "Có pháp giới thanh tịnh không phải khổ và tập". Nhiếp luận cũng nói như vậy. Hai giải thích này cùng với bốn giải thích trước hợp chung là sáu giải thích, đã như thế thì chỗ có nhãn căn của Phật đều là Vô lậu thiện. Tương tợ Hữu lậu thiện và Vô ký, và vì tương tợ Hữu lậu thiện cho nên gọi đó là thiện không phải thật.

Luận: "Đây lại là thường", đến "vô đoạn vô tận".

Thuật rằng: Phần thứ ba giải thích thường. Đây lại là thường, vì năm pháp đều không hết thời kỳ. Lại nữa, Chân như không có sinh diệt cho nên thường, không có biến dịch cho nên thường, đều là tự tánh thường. Chân như thường là sở y của bốn trí tâm phẩm cho nên thường. Thể của bốn trí tâm phẩm không đoạn và không tận cho nên nói là

thường. Vô đoạn thường là nghĩa không đoạn thường - là chấp thân. Vô tận thường là hóa thân, là nghĩa tương tục thường. Trang Nghiêm luận nói có ba thứ thường, như các sự thường thí thực thọ lạc. Bốn trí không phải nghĩa tự tánh là thường. Từ chỗ sinh của nhân, là thuyết minh từ chủng sinh. Nếu ban đầu thì chỉ có sinh mà sau không diệt thì liền trái với lời Phật nói. Xưa nay đã nói sinh đều là diệt. Lại nữa, nếu sắc và tâm đều là tự tánh thường - không thấy nói - vì trái với tỷ lượng. Người đạt được thường sắc, do nguyện lực hóa hữu tình, là nghĩa thường bất đoạn tương tục. Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: “Hoá thân có tướng sinh khởi, tận vị lai tế cũng giải thích nghĩa thường bất đoạn và vô tận, vì nguyện lực thường. Văn còn lại có thể hiểu.

Luận: “Đây lại là an lạc”, đến “đều gọi là an lạc”.

Thuật rằng: Phần thứ tư giải thích an lạc. Vì không bức bách và không não hại chư hữu tình, không phải như Hữu lậu thiện bức đuổi sinh tử, não loạn hữu tình loại, không khiến cho hướng đến Niết-bàn. Lại nữa, pháp Hữu lậu đều là hành khổ, vì tánh bức bách, tăng thêm phiền não cho nên không phải an lạc. Hai Chuyển y quả đều gọi là an lạc. Lạc là Năm lạc, an là Năm an, mỗi mỗi đều có nhiều thứ. An và lạc sai biệt thế nào? Các lạc thọ của Hữu lậu là lạc mà bất an, vì thô động chuyển; Hữu lậu khinh an là an mà không lạc, vì không thể thuận ích đắc Niết-bàn. An lạc này thì sai biệt như Sớ giải của quyển 1.

Luận: “Chỗ đắc của Nhị thừa”, đến “gọi là giải thoát thân”.

Thuật rằng: Tiếp theo giải thích giải thoát thân. Trong đó có hai phần:

1. Nói sơ lược.
2. Nói rộng.

Chỗ đắc của Nhị thừa là hai quả Chuyển y này, chỉ gọi là giải thoát thân, là giải thoát sinh tử và phược pháp, vì Chuyển y kia không có chỗ trang nghiêm pháp thù thắng của mười lực. Không gọi là pháp thân, Thù thắng pháp là đoạn Sở tri chướng mà được nương vào Vô lượng công đức. Kinh Giải Thâm Mật và quyển 78 ghi: “Chân như làm giải thoát thân mà nói, bạch Thế Tôn! Chỗ đắc Chuyển y của Nhị thừa gọi là pháp thân hay không? Thiện nam tử! Không gọi là pháp thân! Nên gọi là thân gì? Gọi là giải thoát thân. Do giải thoát thân mà nói Nhị thừa cùng với Phật bình đẳng bình đẳng, do pháp thân cho nên nói có sai biệt. Vô lượng tối thắng công đức, tính đếm ví dụ đều không thể bằng! Cho nên thân kia gọi là Chân như, là giải thoát thân của Nhị thừa. Không phải giải thoát thân trong năm phần pháp thân. Thể chỉ có

Thắng tâm sở, vì đây là Vô vi giải thoát. Quả Bồ-đề của nó là giải thoát tri kiến thân trong năm phần pháp thân, không gọi là pháp thân, vì Bồ-đề và Niết-bàn đều lìa phược, chỉ gọi là giải thoát thân!"

Luận: "Đại giác Thế Tôn", đến "chỗ trang nghiêm".

Thuật rằng: Tiếp theo giải thích Đại Mâu-ni gọi là pháp thân. Thành tựu Vô thượng Tịch mặc pháp, tiếng Phạm gọi là Mâu-ni, ở đây gọi là Tịch mặc. Tịch mặc pháp là pháp lìa nói năng, hoặc lìa lỗi cho nên gọi là Tịch mặc, thông với ba mà giải thích. Thành tựu tánh tướng ly ngôn bất nhị pháp môn của tất cả pháp gọi là Tịch mặc, là chỉ có Thế Tôn ta Đại Mâu-ni Tôn hai Chuyển y quả, cũng gọi là pháp thân, cũng gọi là giải thoát. Nói pháp thân, không phải pháp thân trong ba thân. Phật đắc cả hai tên, lìa phiền não cho nên gọi là giải thoát thân, lìa Sở tri chướng đủ vô biên công đức gọi là pháp thân. Trong đây có ý nói, Hữu vi và Vô vi mỗi mỗi đều đối với chỗ y của Tự thân công đức pháp gọi là pháp thân.

Luận: "Thể nghĩa là y tụ", đến "đều là thân này nhiếp".

Thuật rằng: Tại sao gọi là thân? Nghĩa thể tánh, nghĩa y chỉ, nghĩa chúng đức tụ, có đủ ba nghĩa đó cho nên gọi là thân, do đó thông với ba thân, hoặc biệt nghĩa hoặc tổng nghĩa lìa danh tướng, nghĩa này luận Phật Địa cũng có, văn còn lại có thể hiểu.

Luận: "Như vậy pháp thân", đến "chỗ y chỉ".

Thuật rằng: Từ đây xuống các môn phân riêng có bảy môn:

1. Ba thân tướng riêng môn.

2. Trong nêu chung pháp thân của phần thứ nhất lại có Thắng nghĩa riêng lập thân gọi là tự tánh.

3. Lìa tướng, là không có mười tướng.

4. Tịch nhiên, là đường của tâm và tư dứt bặt.

5. Tuyệt chư hý luận, là lìa ngôn ngữ.

6. Chư Phật tự tánh, gọi là tự tánh thân.

7. Chỗ y của pháp Hữu vi Vô vi công đức gọi là pháp thân.

Luận: "Hai thọ dụng thân", đến "pháp lạc quảng đại".

Thuật rằng: Đến cực viên tịnh thường Biến sắc thân, là nhiều tướng đều có đủ sẵn gọi là cực viên, thể lìa nhiều ưu hoạn gọi là cực tịnh, vô gián vô đoạn gọi là cực thường, vô sở bất tại gọi là cực biến, thể tích tập có ngại gọi là sắc thân. Đây là công đức mà thân nương vào, một là thường Bất đoạn thường, hai là biến lượng Đồng không. Tương tục trạm nhiên, nói tương tục là lựa riêng với tự tánh thân, vì có sinh diệt. Nói trạm nhiên là lựa riêng với tha thọ dụng và hóa thân, vì thân

đó có khi đoạn.

Luận: “Hai tha thọ dụng”, đến “các sự lợi lạc”.

Thuật rằng: Trong tha thọ dụng thị hiện thân và độ đều do bình đẳng trí. Hiện thần thông thuyết pháp đều do quán sát trí. Tự tha thọ dụng pháp lạc gọi là thọ dụng thân. Biến hóa thân không phải như thế.

Luận: “Vì năm pháp tánh”, đến “đều có thật tánh”.

Thuật rằng: Phần thứ hai năm pháp nhiếp ba thân môn. Sư thứ nhất đã từng nói Chân như là pháp thân. Phật Địa kinh ghi: “Luận nói Chuyển Thức thứ tám đắc tự tánh”. Nhiếp luận quyển 9 ghi: “Chuyển bỏ tạng thức, đắc viên cảnh trí, cũng là trí thù thắng”. Nói bình đẳng trí đối với thuần tịnh độ thì vì các Bồ-tát mà hiện Phật thân. Luận Phật Địa ghi: “Như các luận khác nói”, nhưng cuối cùng không nêu ra luận nào. Trang Nghiêm luận nói, nhưng phải xem các bản Sao thì nói quán sát trí phần lớn là tập tổng hợp trong đó. Luận Phật Địa nói cũng như các luận khác nói, cũng tại Trang Nghiêm luận, phải xem lại các văn của bản Sao cũng có chuyển các Chuyển thức mà được thọ dụng thân, là trí phẩm của Nhiếp luận nói. Nói Thành sự trí đối với mười phương cõi, thị hiện hóa độ khó nghĩ bàn, là luận Phật Địa và luận Trang Nghiêm nói. Lại nữa, trí thù thắng của Nhiếp luận nhiếp đủ ba thân.

Luận: “Có nghĩa thứ nhất”, đến “không phải sắc tâm”.

Thuật rằng: Sư thứ hai nói có hai phần: một là tự tánh, hai là các thân khác.

Văn tự tánh có bốn đoạn:

1. Nêu.
2. Dẫn chứng.
3. Giải thích điều trái nghịch.
4. Giải thích tự tánh thân vốn là thường.

Luận Trang Nghiêm có ba thứ thường, luận Phật Địa quyển 7 dẫn nói pháp thân Phật không có sinh diệt. Phật Địa ghi: “Tán thán luận thuyết của chư Phật”. Nhưng quyển 78 và Giải Thâm Mật cũng có câu nói này. Pháp thân không có sinh diệt, hóa thân thì có không và diệt. Nói chứng nhân đắc Phi sinh nhân. Kim Cương luận của Thế Thân Bồ-tát nói: “Lại nữa, nói pháp thân là Chư Phật có chung”. Luận Phật Địa nói và các kinh luận nói, là trong luận Đối Pháp quyển 1 và Nhiếp Đại thừa trí phẩm cũng có câu này.

Luận: “Nhưng nói chuyển bỏ”, đến “thật tánh của nó”.

Thuật rằng: Nhưng nói “Chuyển bỏ tạng thức mà đắc”, là tổng hợp văn của Nhiếp luận mà sư thứ nhất dẫn, đây là đoạn thô trọng để

hiển Chân như. Câuvăn trí thù thắng cũng có thể hiểu, vì pháp thân là chỗ y chỉ của trí, là thật tánh của trí.

Luận: "Tự tánh pháp thân", đến "đắc thọ dụng".

Thuật rằng: Bốn trí phẩm trung và hạ giải thích trong thân có hai phần:

1. Nêu trí nhiếp.
2. Giải thích tướng.

Trong tướng có hai đoạn:

1. Tự thọ dụng.
2. Tha thọ dụng.

Trong tự thọ dụng có ba phần:

1. Dẫn chứng.
2. Giải thích những điều trái.
3. Thuyết tướng.

Bình đẳng trí phẩm hiển hiện tha thọ dụng, vì đắc diệu lý tự tha thọ dụng, riêng vì giáo hóa căn cơ bậc thượng mà hiện thân và độ. Thành sự trí phẩm thì tùy loại mà hóa hiện thân và độ, diệu quán sát trí thuyết pháp trong đó, cứ theo thật mà nói là hai thân và bốn trí đồng thời hiện, lẽ nào viên cảnh trí duyên Nhị thân mà không thể thân cận lợi ích? Vì trí này chỉ tướng tợ dụng của hậu đắc trí mang nói viên cảnh trí là thọ dụng của Phật, đây là văn của luận Trang Nghiêm. Nhưng sư trước giải thích ý văn này như thế nào? Chuyển các Chuyển thức mà đắc thọ dụng, là văn của Nhiếp luận, theo văn này thì chứng Bốn trí đều là thọ dụng thân.

Luận: "Tuy chuyển tạng thức", đến "thuộc thân nào nhiếp?"

Thuật rằng: Cũng là đắc thọ dụng, giải thích nhiếp Đại thừa tại sao không nói chuyển tạng thức đắc thọ dụng thân, cho nên nói là pháp thân, như trước đã giải thích. Viên cảnh trí phẩm là thật sắc và tâm, cùng với phi sắc phi tâm trái nhau.

Luận: "Lại nữa, thọ dụng thân", đến "thật trí làm thể".

Thuật rằng: Đây là lấy trí để giải thích vấn nạn. Trong giải thích tha hóa thân có phần:

1. Lập lý.
2. Giải thích trái nghịch.
3. Thuyết tướng.

Luận: "Tuy nói hóa thân", đến " thể thật ra không phải trí".

Thuật rằng: Đây là giải thích văn trước chỗ dẫn trí thù thắng nhiếp tam thân của Nhiếp luận. Nhưng tự thọ dụng thì thật trí làm thể căn cứ

theo tha thọ dụng thân, không nói Thật Vô lậu trí.

Luận: "Chỉ nói bình đẳng", đến "tự thọ dụng nhiếp".

Thuật rằng: Đây là giải thích văn chỗ dẫn trước bình đẳng trí hiện khởi thọ dụng, thành sự trí hiện khởi tam nghiệp giáo hóa, chỉ thuyết minh hai trí hiện khởi hai thân, thể không phải hai thân. Phần thứ ba là hai thân tướng của tha hóa thân, trong đó có bốn đoạn:

1. Nêu.
2. Lập lý.
3. Dẫn chứng.
4. Tổng hợp các điều trái nghịch.

Luận: "Nhưng biến hóa thân", đến "không có pháp hình chất".

Thuật rằng: Là hóa hiện tâm và tâm sở. Luận Phật Địa ghi: "Thật Tướng phần này tương tợ Kiến phần hiện khởi". Phật Địa quyển 7 có hai thuyết, cũng như luận kia, không phiền dẫn ra.

Luận: "Nếu không như thế thì", đến "cũng chưa biết".

Thuật rằng: Dưới đây là lập lý và dẫn chứng.

Luận: "Do kinh này nói", đến "hoá làm ba nghiệp".

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn chứng. Hóa là vô lượng loài đều khiến cho có tâm. Hóa vô lượng loại hóa nhân, đều khiến cho có tâm để dẫn người khác. Đây là kinh Niết-bàn, dưới đây là kinh Phật Địa.

Luận: "Lại nữa, nói biến hóa", đến "Tướng phần hiện".

Thuật rằng: Đây là văn của kinh Giải Thâm Mật, quyển 78 đồng.

Luận: "Tuy nói biến hóa", đến "cho nên không nói có".

Thuật rằng: Đây là tổng hợp lại các điều trái nghịch, tức là quyển 98 nói, đối với bốn sự không thể hóa:

1. Căn.
2. Tâm.
3. Tâm sở.
4. Nghiệp và quả báo của nghiệp.

Lại nữa, không có các dụng của căn, không giống như sắc, thanh... cho nên nói hoa đốm trong hư không. Nếu không như thế thì hương... đáng lẽ cũng như vậy. Như quyển 54, quyển 53 phần cuối và quyển 2 Sao trước, nhân thuyết minh trong hóa này, hóa thành pháp gì?

Luận: "Như vậy tam thân", đến "công đức của hóa tướng".

Thuật rằng: Phần thứ ba tam thân công đức các dị môn. Pháp thân đáng lẽ lấy gỗ đá đặt câu vấn nạn, thân gỗ đá kia cũng không thể khởi tham khuể... thì đáng lẽ gọi là đủ công đức. Đây là thuận sinh pháp

thiện, cho nên không được làm ví dụ. Thường, lạc, ngã và tịnh đáng lẽ phân riêng, ly nhiễm là lựa riêng với Hữu lậu. Chúng thiện sở y là lựa riêng với Hữu vi và Vô vi công đức để hiển không sinh diệt. Ngoài ra như Xu Yếu và Phật Địa quyển 7 giải thích.

Luận: "Lại nữa tự tánh thân", đến "vì người khác mà hiện".

Thuật rằng: Phần thứ tư Tam thân nhị lợi môn. Có thể hiểu.

Luận: "Lại nữa, tự tánh thân", đến "khắp tất cả xứ".

Thuật rằng: Phần thứ năm tam thân sở y độ phân biệt môn, như Xu Yếu giải thích, tức là pháp thân cũng gọi là tự tánh thân. Pháp tánh độ, vì thuộc về Phật, pháp tướng và tánh khác nhau, vì nghĩa của Phật là tướng, là sở y công đức pháp của Hữu vi, là có nghĩa nhiều đức tụ hợp, là tự thể của hai thân. Pháp nghĩa là tánh, là tự tánh công đức, vì có thể trì tự tánh, tự tánh của các pháp. Thể là độ, nghĩa là thân.

Luận: "Tự thọ dụng thân", đến "cũng không có định hiện".

Thuật rằng: Trở lại tùy thọ dụng độ, dưới đây tùy hai thân tùy tự độ cũng như thế, không phải lìa thân mà riêng có tên độ, như Xu Yếu giải thích. Nhưng công đức này tùy sở Y thân và trí tuệ, tùy sở chứng như pháp, cũng có thể nói khắp tất cả xứ, tùy nghi trụ Thập Địa Bồ-tát. Kinh Thập Địa ghi: "Thập Địa mỗi mỗi đều có phần lượng lớn và nhỏ", rộng như kinh đó nói. Chỉ thấy trăm vị Phật, trăm lá cây hóa Phật, thấy một trăm tam thiên đại thiên thế giới biến hóa thân và độ. Nhân duyên thành tựu của cõi phật tịnh và uế, vì trong hóa độ có tịnh và uế, không phải tha thọ dụng độ cho nên nói tịnh và uế. Tha thọ dụng pháp lạc tăng trưởng thì đồng với tự thọ dụng, đều gọi là thọ dụng. Hóa độ (cõi biến hóa) tuy cũng thuyết pháp, thần thông tăng trưởng cho nên lập tên là biến hóa. Nghĩa pháp lạc yếu kém, đây là luận Phật Địa nói rộng đại tinh tấn.

Luận: "Tự tánh thân độ", đến "tất cả sinh".

Thuật rằng: Phần thứ sáu tam thân chư Phật thân độ sở hóa đồng dị môn. Cần phải xem Phật Địa, xem qua một lần, Phật Địa rất hay. Trong cộng thật ra là nhiều, kiến là đối với tất cả độ có thân Phật. Trong bất cộng, luận Phật Địa dẫn Di-lặc Bồ-tát sau khi căn thuần thục. Lại xem Biệt sao, Di-lặc phát tâm, kiếp số dài ngắn cho đến nói rộng.

Luận: "Chư thân độ này", đến "đều là thiện Vô lậu".

Thuật rằng: Đây là môn thứ bảy, trong đó có hai phần:

1. Thuyết minh năng biến và sở biến của thân độ.

2. Nương vào giải thích Kiến phần và Tướng phần đồng dị của Duy thức.

Đây là môn thứ nhất. Thức thứ tám tuy thật ra là duyên chung tịnh độ và nhiễm độ, nhưng phỏng theo sự tăng thắng hiển hiện sở đắc thì tự thọ dụng thân chỉ có chỗ biến của tịnh Vô lậu thức, đã chỉ có năng tri biến của Phật, không phải Sở tri biến khác. Thể của tha thọ dụng thân và tha thọ dụng độ chỉ là tịnh, nhưng năng biến thì thông với Hữu lậu và Vô lậu. Bồ-tát trong Như Lai và Thập Địa, sau khi Vô lậu thì đắc sở biến, tức là thuần tịnh Vô lậu. Hoặc Thức thứ tám của Thập Địa gồm cả năm thức và Hữu lậu tán tâm của Địa thứ bảy trở lại, và Hữu lậu sau khi đắc sở biến, tức là thuận tịnh mà có biến hóa.

Hỏi: Đã thừa nhận Hữu lậu thức cũng có thể biến hóa tịnh độ, tha thọ dụng độ thì tại sao chỉ có tịnh?

Đáp: bản chất chỗ biến của Phật không phải là uế độ, vì năng biến không có phiền não cấu uế, vì không có thức ô uế, cho nên cõi sở biến chỉ có tịnh độ, thông với Hữu lậu và Vô lậu. Đây là căn cứ theo tương tợ, hoặc là bản chất của Biến hóa độ thông với tịnh và uế nhưng chỉ có Vô lậu, hoặc tùy theo sở biến Vô lậu tâm của Nhị thừa kia tức là Hữu lậu thì đều thông với tịnh và uế, hoặc Nhị thừa sau đó đắc bất năng biến, tức là chỉ có Hữu lậu thông với nhiễm và tịnh, như chỗ thấy búi tóc xoắn hình ốc của Phạm vương và Xá-lợi-phất khác nhau. Hiện tại tổng trong văn của luận này phỏng theo ba pháp và tất cả hữu tình mà làm luận.

Luận: "Thuần thiện Vô lậu", đến "không phải khổ tập".

Thuật rằng: Vô lậu Tướng phần này đồng với Thức năng biến, xưa nay là thiện Vô lậu. Tướng không lìa kiến đồng với không trói buộc, vì tâm năng biến biến tương tợ với tự cảnh. Lý của phược cùng với bất phược chắc chắn phải đồng. Nghĩa thuận ích của tâm Vô lậu là thù thắng. Bi lực rộng lớn, Tướng phần và Kiến phần chắc chắn đồng với thiện tánh, tất cả pháp nhĩ Vô lậu là thiện cho nên tánh thì đồng, vì tánh tướng đó chắc chắn đều là thuận lý, cho nên tánh thì đồng, không như tánh của Kiến phần và Tướng phần của tâm Hữu lậu có khác nhau. Nói nhân duyên tức là chủng tử.

Luận: "Thức tướng của uẩn", đến "tạp dẫn sinh".

Thuật rằng: Vì nhân duyên của ba pháp uẩn xứ giới tạp dẫn sinh. Nói Kiến phần là tâm, Tướng phần là phi tâm, như căn và cảnh bên trong tướng của Thức thứ tám và sở duyên sắc của Thức thứ sáu, vì cùng với Kiến phần không phải một loại chủng tử sinh, sắc và tâm khác nhau, vì không trái nhau. Trong pháp Tướng phần của Vô lậu có năm uẩn cũng như căn, tức là Tướng phần thuần chủng, cùng với Kiến phần

Vô lậu và tánh đồng, vì cùng với tạp chủng của kiến. Sắc uẩn và tâm uẩn cũng mỗi mỗi đều có khác, cho đến Tướng phần của pháp tương ưng mong nhau cũng như thế. Do thức khởi tướng đồng với pháp thuần chủng không trói buộc chỉ có Vô lậu, pháp tác dụng không đồng, tạp chủng sinh sắc và tâm, không thể vấn nạn Hữu lậu đồng với Vô lậu.

Luận: "Trên Hữu lậu thức", đến "không phải diệt và đạo".

Thuật rằng: Thuần từ chủng tử mà sinh, đồng là pháp trói buộc, cho nên nói là thuần, do chỉ có Hữu lậu.

Hỏi: Tại sao cõi trói buộc Kiến phần và Tướng phần thừa nhận trói buộc riêng, Hữu lậu và Vô lậu phải đồng hay không?

Đáp: Kiến và tướng tuy giới trói buộc riêng, nhưng vẫn thuận nhau.

Luận: "Thức tướng của thiện", đến "năm mươi hai".

Thuật rằng: Tướng phần ba tánh thức của thiện không chắc hẳn đều đồng, vì tánh và tướng riêng khác, Hữu lậu gọi là đẳng thế phần chuyển, vì không thuận lý, không thể dẫn Tướng phần và Kiến phần khiến cho đồng. Kiến phần của tỷ thức, thiệt thức, thân thức cùng với Tướng phần của nó không phải đồng tánh, cho nên Tướng phần và Kiến phần không phải đồng tánh. Trong Tướng phần và Kiến phần, ba tánh nhân duyên tạp dẫn sinh, không thể đồng tánh vì tác dụng riêng. Tánh không thể đồng, như Vô lậu duyên thì liền đồng với Tướng phần chỉ có Hữu lậu. Hư không có thể duyên tâm thông với ba tánh, Tướng phần chỉ có Vô ký, hương... ba cảnh chỉ có Vô ký. Thức năng duyên thông với ba tánh, hoặc đều là thuần chủng thì chỉ có một tánh, vì ba cảnh chỉ có Vô ký. Chữ "đẳng" đáng lẽ không thành lỗi. Không thể nói phỏng theo sở biến của Thức thứ tám, chỉ nói là Vô ký. Sở biến của ba thức thông với ba tánh, hai cảnh cũng như thế, vì sở biến của ba thức thuộc ba xứ nhiếp, đáng lẽ nói là thông với ba tánh. Các luận đều không có văn này. Hư không và phi trạch làm ví dụ cũng đáng lẽ như thế, cho nên Tướng phần và Kiến phần không đồng tánh, tánh khác nhau đã như thế. Thức tướng của uẩn thì hoặc là Tướng phần và Kiến phần đồng, hoặc là Tướng phần và Kiến phần khác loại, điều này nên biết cũng là bất định. Nếu uẩn của Tướng phần và Kiến phần cũng đồng nhau thì liền không có khác biệt năm uẩn, mười hai xứ và mười tám giới, đã có ba phần khác nhau thì biết rõ Tướng phần và Kiến phần không hẳn đều đồng nhau. Luận Phật Địa ghi: "Ba thân sinh diệt môn, hóa thân sắc của tự và tha đều là phi, hóa tâm cũng như thế". Ba thân tương đối bốn cú môn, chúng sinh thân và pháp thân nhiếp ba thân môn, luận Thập Địa

nhiếp ba thân môn, như môn thứ bảy kia.

Nhân giải thích năng biến và sở biến của thân và độ, tức là giải thích đồng dị Tướng phần và Kiến phần của Duy thức. Từ trên đến đây đã nương vào nói lược, nói rộng và vị mà thuyết minh Thức năng biến đã xong. Từ đây xuống là giải thích Tướng phần và Kiến phần hoặc trong đồng dị, tức là thuyết minh Tướng phần và Kiến phần đồng dị của Thức năng biến trong môn thứ bảy. Từ đây xuống phần thứ hai nhân theo giải thích nghĩa Duy thức.

Luận: "Nhưng Tướng phần", đến "đều là thật có".

Thuật rằng: Một là giải thích rằng: "Đồng lấy chỗ biến hiện của tâm sở. Sở biến gọi là hành tướng, y theo thức biến hiện". Chỉ có hai phần nghĩa của Nan-đà, có khác phần ít giữa hai sở duyên xa và gần đều là không thật, vì sở duyên xa đồng lấy tướng gần, không làm hành tướng, đây là chỗ biết xa, vì như thức biến hiện. Lại nữa, lập ra ba phần gồm dưới đây có hai "lại nữa" để giải thích. Nương vào thức biến hiện, là Tướng phần đồng nắm lấy Kiến phần, thức là sở biến của tự thể. Tướng phần và Kiến phần này tuy thể là Y tha, nhưng thức là dụng của tự thể, không giống như thật trong Y tha của thức tánh. Thức là tự thể căn bản, Tướng phần và Kiến phần kia là ngọn là dụng. Như mặt trời với vầng sáng, như đèn với ánh sáng, thực hư khác nhau. Nếu không như thế thì đáng lẽ không nói Duy thức, mà nên nói duy cảnh chỉ có Kiến phần, vì thừa nhận Tướng phần và Kiến phần cùng với thức tự thể đồng thời thật có. Nghĩa này nên suy nghĩ. Giả sử duyên Tướng phần và Kiến phần của sắc cũng đều không thật thì không bằng thức, như duyên Tướng phần quá khứ vị lai và hư không của thức. Tuy có thật pháp không phải ít, nhưng Kiến phần không phải không có, vẫn duyên hư cảnh, hành tướng của hư cảnh là tâm không thật, cho nên kiến không bằng tự thể phần của thức. Tự thể phần của thức chỉ duyên thức, vì là căn bản, vì chứng tự thể, thể tánh là thật có, sự biến tương tợ sắc của nó cũng đều không thật, là ý của sư này. Nếu như thế thì cảnh tướng của trí vô phân biệt như thế nào? Đó là nội chứng, cho nên đây là chỗ không luận đến. Như duyên tự thể, ngoài ra là cảnh bên ngoài, cho nên không đồng Chân như. Giả sử duyên tự thể của Chân như là thật có, vì không phải là sở biến của thức, thể của Chân như là thật, hiện tại luận này luận về sở biến, cho nên Tướng phần và Kiến phần là giả. Lại nữa, nếu Chân như là thật, tức là lấy phần ít thật có trong cảnh. Chỉ nói Duy thức, mà không nói duy cảnh. Hiện tại cho nội chứng là phải cho nên không thể ví dụ đồng với bên ngoài. Phật Địa quyển 3 có nghĩa của sư

này, là thừa nhận có ba phần nghĩa của tánh Y tha.

Luận: "Hoặc tướng kiến của thức", đến "hư thật giống như thức".

Thuật rằng: Sư thứ hai nói. Thức cùng với Tướng phần và Kiến phần đều từ duyên sinh nhân duyên pháp. Hai phần này hư và thật cùng với thức đều đồng. Tuy có duyên quá khứ và vị lai, nhưng tướng là Y tha, cùng với thức không khác nhau lắm. Lại nữa, ý của sư này nói, chỉ có Tướng phần cùng với một chủng tử của thức là thật, không ngăn trách duyên quá khứ và vị lai chỉ đắc giả pháp, đây là chánh nghĩa. Tướng phần và Kiến phần của sư trước tức là thức chủng sinh. Tướng phần và thức của sư này thì khác chủng sinh, Kiến phần và thức thì đồng chủng sinh. Nếu như thế thì đáng lẽ nói các pháp duy cảnh, tại sao nói Duy thức?

Luận: "Chữ "duy" nghĩa là không ngoài", đến "cũng đáng lẽ không phải thật".

Thuật rằng: Luận chủ đáp: Chữ "duy" là Biến kế sở chấp đặt ngoài tâm, không ngăn trách Tướng phần sở biến của thức bên trong, nếu không làm giải thích này thì Chân như đáng lẽ không thật có. Chân như đã là thật cảnh tức là thật thành tựu thì tâm năng duyên Chân như lẽ nào là giả, cho nên cảnh và tâm xưa nay là thật, vì cảnh là hư mà nói là Duy thức, hoặc cảnh là thật, đặt cảnh bên ngoài tâm mà gọi là Duy thức, tức là Chân như không lìa thức, vì pháp không phải ngoài tâm, cũng là Duy thức nhiếp.

Luận: "Nội cảnh cùng với thức", đến "Duy thức không phải cảnh".

Thuật rằng: Người ngoài vấn nạn: Nội cảnh và thức đã đều không phải hư, tại sao có thể nói Duy thức không phải cảnh?

Luận: "Thức chỉ có bên trong", đến "chỉ nói là Duy thức".

Thuật rằng: Luận chủ đáp có hai phần. Phần thứ nhất nói: "Thức chỉ có bên trong, cảnh thì cũng thông bên ngoài, tức là cảnh bên trong Tướng phần là Y tha, ngoài là Biến kế sở chấp. Vì pháp không phải tâm sở biến hiện mà nói đó là bên ngoài, không phải thể thật có cho nên gọi là bên ngoài. Sợ rằng cảnh bên trong tâm lạm tràn ra cảnh bên ngoài tâm, cho nên chỉ nói là Duy thức. Lại nữa, Sở duyên duyên xa cũng nói là bên ngoài. Nếu nói là Duy cảnh thì sợ rằng nắm lấy pháp ngoài tâm, cho nên ở đây không luận. Tâm bị chấp cũng là tâm ngoài pháp, nếu không có tư lự lạm tràn thì nói Duy cảnh cũng được. Vì lựa riêng với bên ngoài cho nên chỉ nói Duy thức.

Luận: "Hoặc chư ngu phu", đến "như bên ngoài đều không có".

Thuật rằng: Một là sở chấp làm thật, hai là lấy tâm ngoài cảnh, vì y theo đây cho nên nói mê chấp đối với cảnh, ý này có thể hiểu. Sư thứ hai giải thích Duy thức, trong kinh Phật Địa không có. Vì phá chấp cho nên tuy làm ngu phu, nhưng lý của duy tâm thì lẽ nào Phật không có, tức là sư thứ Nhị thừa nhận có nghĩa của Tướng phần và Kiến phần. Sư thứ ba giải thích.

Luận: "Hoặc là Tướng phần", đến "quyết định tương ưng".

Thuật rằng: Sư này không thừa nhận có nghĩa của Tướng phần và Kiến phần, chỉ có một thức tánh, do lực huân tập của mê vọng đời trước tương tợ như phần nhiều sinh, tương tợ như có Tướng phần và Kiến phần, tức là Hậu đắc trí của Phật không khác với Tướng phần và Kiến phần. Tâm thiện Hữu lậu nhân theo Hậu đắc trí mà có Tướng phần và Kiến phần, vì có pháp chấp, tương tợ tướng Kiến phần trong tịnh độ và uế độ của Phật, không khởi hai giải thoát cho nên không phải sở chấp, ngoài ra khởi hai giải thoát cho nên là sở chấp. Lại nữa, Phật tự tại liễu trừ vọng chấp, nếu biến hóa Tướng phần và Kiến phần đều không phải sở chấp là do lực huân tập trong nhân quá khứ, quả này cũng như thế. Phật chứng các pháp không thể nói, các vị khác thì không như vậy, vì Tướng phần và Kiến phần đều là chấp, vì không chứng thì không thể nói cảnh. Hiện tại luận này y theo các thuyết còn lại cho nên nói không khác nhau. Hoặc Phật không hiện mà người khác tự thấy, nếu như thế thì Chân như không phải do vọng tình huân tập sinh, đáng lẽ không phải Duy thức, vì thật tánh của thức cho nên nói Duy thức, trừ thức tánh ra thì không riêng có hữu pháp nào khác.

Luận: "Ba phần của luận này", đến "luận Thành Duy Thức".

Thuật rằng: Từ đây xuống đoạn văn lớn, phần thứ ba giải thích phần kết thí nguyện, tức là sư thứ hai giải thích văn của luận. Phần đầu là một nửa tụng thứ nhất thuyết minh sơ lược tướng của Thức năng biến, phần giữa có hai mươi ba bài tụng rưỡi thuyết minh rộng về Duy thức. Phần sau cùng có năm bài tụng thuyết minh về giai vị của Duy thức. Vì ba thời thuyết pháp phần đầu, phần giữa, phần cuối của Phật, và năm giáo thiện, thuần nhất, viên mãn, thanh bạch và phạm hạnh, đồng với giáo kia cho nên nói ba phần, như quyển 1 Sao giải thích, văn còn lại có thể hiểu. Trong đây nói thành, tức là lấy giáo làm thành giáo, lấy giáo làm thành lý, thật ra lý đều thông hết. Nhưng nương vào Nhất giải thoát của cảnh và hạnh mà thành như giải thích trước. Thể của lý phân riêng nghĩa của tánh Duy thức và tướng Duy thức.

Luận: "Cũng nói luận này", đến "cực minh tịnh".

Thuật rằng: Nói tịnh là từ dụ mà hiển. Như tánh của Chân như tuy là bản tánh tịnh, nhưng nếu không tu tập tịnh thì không có gì để hiển rõ giáo và lý đồng thời đắc. Như tánh của châu báu tuy sáng sạch, nhưng nếu không mài giũa thì không có gì để xuất hiện quang minh. Như Tô-mê-lô tuy do các báu vật hợp thành, nhưng nếu không có ánh mặt trời phản chiếu thì lấy gì để hiển bày ánh sáng, luận này cũng vậy, như phần Sao thứ nhất của quyển 9 trước.

Luận: "Tên của bản luận này", đến "lên Vô thượng giác".

Thuật rằng: Hai câu đầu là tổng kết đoạn văn trên, hai câu sau là hồi hướng phát nguyện. Do ba mươi tụng hiển lý của Duy thức không phải tăng giảm, nương vào ba nghĩa phối hợp giải thích đều có nghĩa không phải tăng giảm.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 157

THÀNH DUY THỨC LUẬN CHƯƠNG TRUNG XU YẾU

SỐ 1831
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1831

THÀNH DUY THỨC LUẬN CHƯỞNG TRUNG XU YẾU

Chùa Đại từ ân, Sa-môn Khuy Cơ soạn thuật.

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 1)

QUYỂN 1

Nay giải thích văn luận, lược làm năm môn phân biệt:

- Một: Minh thời ích
  - Một : Minh thời
    - Một : Tự cổ
      - Một : Tự thuyết
      - Hai : Xích phi
    - Hai : Thuật kim
      - Một : Thuật văn
      - Hai : Thị giáo
  - Hai : Minh ích
    - Một : Thuật văn
      - Một : Tự biệt
      - Hai : Hội văn
    - Hai : Thuộc giáo
      - Một : Lập tông
      - Hai : Thuộc giáo

- Ba: Quy Danh thừa
  - Một: Quy danh
    - Một : Tự danh
      - Một : Tự cổ
      - Hai : Tự kim
    - Hai : Quy danh
      - Một : Danh quy
      - Hai : Ý quy
  - Hai: Quy thừa
    - Một : Tự thừa
      - Một : Tự dị
      - Hai : Hội đồng
    - Hai : Quy thừa
      - Một : Biện nghĩa
      - Hai : Chánh quy

- Bốn: Nhiếp tạng phân
  - Một: Nhiếp tạng
    - Một : Tự tạng
      - Một : Dị kế
      - Hai : Tự tông
    - Hai : Nhiếp tạng
      - Mộ : Nghĩa biện
      - Hai : Chánh Quy
  - Hai: Nhiếp phân
    - Một : Tự phân
      - Một : Tự tướng
      - Hai : Thuần tạp
    - Hai : Nhiếp phân
      - Một : Nghĩa biện
      - Hai : Nhiếp phân

- Năm: Tự nhân thích
  - Một: Tự nhân
    - Một : Tự thời
    - Hai : Tự chủ
  - Hai: Chánh thích
    - Một : Chánh khoa
    - Hai : Chánh thích

Lại giải thích văn luận, trước dùng ba môn phân biệt:

- Một: nói về đồng dị trong luận
  - Một: Giáo ích có khác
    - Một: Luận ích
      - Trước: Dị kế
      - Sau: Đại thừa
    - Hai: Nghĩa ích
      - Trước: Dị kế
      - Sau: Đại thừa
  - Hai: Thời ích sai biệt
    - Một: Tự cổ
      - Trước: Tự thuyết
      - Sau: Xích phi
    - Hai: Thuật kim
      - Trước: Thuật văn
      - Sau: Thị giáo
  - Ba: Thuyên giáo mỗi khác
    - Một: Dị tông
      - Trước: Ngoại đạo
      - Sau: Tiểu thừa
    - Hai: Đồng tông
      - Trước: Biên tông
      - Sau: Trung tông
  - Bốn: Thể tánh chẳng đồng
    - Một: Dị thể
      - Trước: Ngoại đạo
      - Sau: Tiểu thừa
    - Hai: Đồng thể
      - Trước: Biên thể
      - Sau: Trung thể

- Hai: Nơi chốn quy giáo
  - Một: Quy danh
    - Một: Tự danh
      - Trước: Cổ danh
      - Sau: Kim danh
    - Hai: Quy danh
      - Trước: Quy đại
      - Sau: Quy mạt
  - Hai: Quy tạng
    - Một: Tự tạng
      - Trước: Tự dị
      - Sau: Đại thừa
    - Hai: Quy tạng
      - Trước: Nghĩa giải
      - Sau: Chánh quy
  - Ba: Quy phân
    - Một: Tự phân
      - Trước: Tự tướng
      - Sau: Thuần tướng
    - Hai: Quy phân
      - Trước: Nghĩa biện
      - Sau: Chánh quy
  - Bốn: Quy thừa
    - Một: Tự thừa
      - Trước: Tự dị
      - Sau: Hội đồng
    - Hai: Quy thừa
      - Trước: Nghĩa biện
      - Sau: Chánh quy

- Ba: Tự thích sở nhân
  - Một: Tự nhân duyên
    - Một: Tự bản nhân
    - Hai: Tự mạt nhân
  - Hai: Tự niên chủ
    - Một: Tự niên
    - Hai: Tự chủ
  - Ba: Thích phân đoạn
    - Một: Bản phân
    - Hai: Mạt phân
  - Bốn: Thích luận văn
    - Một: Thích bản
    - Hai: Thích mạt

Nhưng, trước tiên năm môn mười nghĩa vẫn dùng ba môn tổng thâu:

1. Nói về Đồng dị trong luận
2. Nơi chốn giáo quy
3. Nêu thuật giải thích đề văn.

- Trong phần nói về Đồng dị lại mở làm ba:

1. Vì đối Dị tông hiển bày riêng biệt của tự tông
2. Vì đối Dị giáo hiển bày thể của Tự giáo
3. Vì hạng đầy đủ cơ cảm mà rộng nói thời cơ.

- Trong nơi chốn giáo quy lại mở làm ba:

1. Mười hai phần giáo, phần nào nhiếp thuộc
2. Hai tạng ba tạng v.v... tạng nào nhiếp thuộc
3. Một Thừa, hai Thừa v.v... Thừa nào nhiếp thuộc.

- Trong nêu thuật giải thích đề văn lại mở làm ba:

1. Tự thuật luận năm tháng, người soạn
2. Giải thích luận đề mục
3. Giải nghĩa luận bản văn.

- Lại giải luận này có ba môn biện thích:

1. Tự thuật luận Sở nhân
2. Giải thích luận đề mục
3. Phán thích bản văn.

Tự thuật luận Sở nhân: Trong Du-già Luận Thích lược ghi: Các loài hữu tình từ vô thỉ đến nay đối với pháp thật tướng do không biết nên cố chấp, khởi hoặc phát nghiệp, luân hồi năm nẻo, đức Như Lai xuất hiện nơi đời, tùy nghi giảng nói, ở trong diệu lý khiến các hữu tình rõ đạt các pháp phi không phi hữu, xa lìa nghi chấp, khởi hành trong xứ tùy ứng diệt chướng, mỗi tự tu mãn, đắc Tam-bồ-đề, chứng lạc tịch diệt. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, nhân Đại Thiên bộ chấp khởi lắm thứ đắm trước hữu kiến, Bồ-tát Long Mãnh chứng Địa cực hỷ, tham cứu nhặt nhóm giáo nghĩa Không, Vô tướng của Đại thừa, tạo luận Trung Quán v.v... xiển dương chân yếu, phá trừ hữu kiến kia. Các Đại luận sư như Thánh giả Đề-bà v.v... tạo Bách luận v.v... hoằng dương Đại thừa. Do đó, chúng sinh lại chấp trước không kiến, Bồ-tát Vô Trước cũng lên bậc Sơ địa, chứng Pháp quang định, đắc thần thông lớn, tôn thờ Bồ-tát Di-lặc, thỉnh nói luận này. Lý không gì chẳng cùng, sự không gì chẳng tận, văn không gì chẳng giải thích, nghĩa không gì chẳng thuyên, nghi không gì chẳng dứt, chấp không gì chẳng phá, hạnh không gì chẳng tu, quả không gì chẳng chứng, chính vì Bồ-tát khiến các Thừa, Cảnh hạnh

quả v.v... đều được khéo léo, chuyên tu đại hạnh, chứng đại Bồ-đề, khắp vì các chúng hữu tình không từng giảng nói trái ngược, lại gần vì các Thừa khác, khiến nương tự pháp, tu hành tự phần, đắc chứng tự quả. Do vậy, năm phần trong tộng thịnh hành ở bốn chủ, tương ưng mười chi, truyền lưu khắp năm xứ Ấn.

Bấy giờ có Bồ-tát Phiệt-tô-bạn-đồ, Hán dịch là Thế Thân, là người em cùng mẹ với Bồ-tát Vô Trước, chứng quả vị ở Minh đắc đạo gần đến Cực hỷ, cũng thông rành cả ba Thừa, ban đầu học khắp các bộ phái, biết Tiểu thừa giáo chẳng phải cùng cực, mới xoay lại hướng đến Đại thừa, nhân nghe tụng kinh Hoa Nghiêm phẩm Thập Địa, A-tỳ-đạt-ma phẩm Nhiếp Đại Thừa, bèn hối lỗi quấy trước, rơi lệ với kiến chấp xưa, nắm dao muốn cắt lưỡi để tỏ bày nỗi lòng trung thực. Người anh ở xa cách ba do-tuần, buông duỗi một cánh tay ngăn cản sự tự hại đó, lấy điều lợi hại để giải bày rằng: "Ông tuy dùng lưỡi mà phỉ báng pháp, đâu phải cắt lưỡi mà tội trừ? Ông nên sớm tán dương giải thích Đại thừa để hối cải lỗi phạm xưa trước". Bồ-tát Thế Thân vâng theo lời người anh chỉ dạy, nhân đó quay về với diệu lý. Người anh mới đem kinh Thập Địa mà trao cho và căn dặn chế tác bản Nhiếp Đại Thừa và khiến Thế Thân tạo luận thích đó. Nên hai bộ luận này do Bồ-tát Thế Thân làm lúc mới quay về với Đại thừa. Vậy mà, văn chứa đựng cả huyền tông, tình bao trùm cả diệu chỉ. Lại làm Hoằng luận, diễn xướng sâu mầu, khéo chọn cơ mầu, giỏi nêu tinh túy, bèn trước thuật luận Duy Thức Tam Thập Tụng, để diễn bày diệu thú của Đại thừa, sum la vạn tượng bao hàm trong một chữ, ngàn muôn lời dạy đầy đủ ở một lời, đạo vượt các vở sách, tiếng thơm ngời sáng muôn Thánh. Lược tụng đã hoàn tất, vừa mở bày rộng giải thích, cơ cảm chưa phù khế thì bất ngờ Bồ-tát thị tịch.

Lại có các Bồ-tát Hộ Pháp v.v... xem đọc văn luận tụng, mỗi mỗi tự làm luận thích nghĩa, tuy ngành ngọn cao vời, cành sớ nhánh ngọc, mà riêng chiếu sáng ngời, lan tỏa thơm ngát phải chăng chỉ có một mình Bồ-tát Hộ Pháp! Bồ-tát Hộ Pháp quả vị chứng đắc đã từ kiếp trước, nhưng ở địa vị tại hiền này, ngầm thêm vỗ vật, tùy cơ làm lợi ích. Năm hai mươi chín tuổi, ngài tự biết mạng sống có kỳ hạn, nhàm chán vô thường, chuyên tâm thiền tập, thề chẳng lìa cội Bồ-đề, suốt trọn ba năm, ngoài lúc rảnh rỗi thì chú giải chế tác luận thích đây, văn xa lý sâu, trí rộng danh cao, chấp phá hết ở một lời, gở rối cùng ở nửa bài tụng, văn khác như nước lửa, nhưng phù hợp tợ keo sơn, nghĩa đồng sông hồ mà thông thành trong đục, bờ mé mênh mông vút núi cao mà tiếp trời, gò đồi vời vợi hết hang hốc mà phẳng bằng, cúi xuống khoang sâu mà không đáy,

ngẩng lên với cao mà chẳng ngằn mé. Văn thô nghĩa cạn, nhưng dòng phái chẳng cùng, câu dài tông rộng nhưng đào luyện có hạn, công vượt ngàn Thánh, đạo hợp trăm vua.

Bấy giờ có cư sĩ Huyền Giám, nhận biết cả lông lá của phụng gà, suốt thông cùng dấu ẩn của lân rồng, từng dốc hết của cải luôn vì cúng dường, chí ý kiên cố thành thực sâu sắc, hết tài vật đã nhiều năm. Bồ-tát dẫn dụ nhiều mối, đáp để lại luận thích đây mà răn bảo đó rằng: "Sau khi ta qua đời, phàm có người đến xem, ông nên dùng một lượng vàng mà thưởng cho họ, như gặp được bậc thông thần dĩnh ngộ thì sẽ có thể truyền thông". Cuối cùng đã ẩn ngầm bặt tuyệt Huyền đạo, thanh danh Bồ-tát chấn động châu này, tiếng tăm luận thích vượt xa xứ kia, các loại có tánh linh ai mà chẳng ôm hoài khâm phục, sáng sớm được nghe đạo, chiều tối chết an lòng, đâu tiếc lận vàng thoi. Nếu đem đổi bậc hiền tài thì cũng giống như gò đồi chồng chất của cải, cả năm xứ Ấn Độ trông mong nhưng chưa kịp lưu hành.

Đại sư Huyền Tráng là bậc tuấn phát thiên tư, hiểu biết đều nhờ cầu học, không thần tích nào mà chẳng chiêm lễ, chẳng Thánh giáo nào mà chẳng mở đọc, nghe diệu lý ấy, ân cần nương nhờ mong cầu, cư sĩ Huyền Giám ghi nhớ di ngôn của Tiên thánh, hẳn Đại sư là thuộc hạng bậc hiền thời nay, mới dâng trao bản thảo đó và Ngũ Uẩn luận thích. Đại sư đọc xem như thấy được Thánh dung, mỗi lúc đặt để trong tay chẳng khác gì chân thuyết, từ phương Tây mưa đổ số ngọc, ở phương Đông rảo rong ngựa trắng, tuy diễn rộng lý mầu, tưởng thưởng lấy làm bí quyết, mãi đến lúc thần gá quán riêng, cảnh ẩn ánh sáng, sạch tai mắt để tư duy sâu, rỗng tâm linh mà giải thích diệu, bèn bảo: "Nay đây mới thỏa tâm ta vậy! Trọng Ni nói ta có ngọc đẹp cất giấu trong hộp, ai người khéo ra giá, nay ta bán cho".

Khuy Cơ tôi xưa trước lẻ loi ngang trái, năm chín tuổi đã phải mồ côi. Từ đó, chỉ ý muốn nương gá ráng mây, thêm luôn mong xuất gia, tình tưởng trần tục vốn dứt từ nhỏ, đến năm mười bảy tuổi bèn dự vào chúng xuất gia, riêng vâng phụng minh chiếu, được làm thị giả. Từ khi dự phần trong số chúng ba ngàn vị, tức mừng vui với khuôn phép trong số bảy mươi vị, hẳn hợp với thiện nguyện. Sau lại vâng thừa văn bút, chẳng vì tư chất kém cỏi, bèn được theo cùng chúng phiên dịch, nhân việc ghi chép mà nhận được luận đây, công lao trước hết là phiên dịch riêng mười Luận thích, gồm có bốn người. Phưởng, Thượng, Quang và Cơ tôi đồng thọ, nắm bút chỉnh lời, kiểm văn xét nghĩa, thế rồi vào nề nếp, mỗi chuyện đều có các quan khác lo. Sau vài lần chầu hầu, Khuy

Cơ tôi cầu xin ô thái ẩn. Đại sư cố hỏi, Khuy Cơ tôi mới ân cần thưa rằng: "Từ đêm mộng thấy Kim dung, sáng sớm rảo đến Bạch mã, ánh ngời tỏa sáng bờ tóc, linh trí theo nơi hai vai. Nghe năm phần mà dùng tâm mong cầu, quấy tám Uẩn mà xa trông, tuy được cặn bả của pháp môn, nhưng mất thuần túy của nguồn huyền. Nay phương Đông biệt xuất anh tài, đều nhắm đặt huyền tông, nay lại riêng đẹp lạ muôn phương, trội vượt ngàn xưa, chẳng lập công ở tham lẫn, có thể gọi là mất thời ấy. Huống gì các Thánh chế tác, mỗi mỗi vọng vang khắp năm xứ Ấn Độ. Tuy văn truyền đủ nơi kinh điển mà nghĩa chẳng đầy ở một bản, tình kiến mỗi riêng khác, người bẩm thọ không chỗ cậy nương, huống hồ thời nhiễm người bạc, mạng ngắn, tuệ cạn, soi sét chi ly mà chẳng rốt ráo, quấy yếu chỉ nguyên sơ mà khó tuyên, xin gom hết các lời để làm một bản, khải định thật hư, cân nhắc khuôn phép". Lâu sau ngài bèn thuận cho, nên được luận đây mà hành hóa. Đại sư, lý bỏ lại ba hiền riêng tra kẻ quê vụng, với luận đây vậy, bao gồm bí yếu của các kinh, gồm hết yếu chỉ của các Thánh, không dính kẹt nào mà chẳng dung, không tối tăm nào mà chẳng soi sáng, ngửa trông thì chẳng cùng, cúi xét thì chẳng lường, xa vời mà không trí, thân gần mà có thức. Đó có ẩn gần năm Minh, mở bày tám Tạng, cửa sâu luôn đóng, đường huyền chưa thông, dụ như bông lông đầy gò, dùng lửa cháy ném vào đó, tợ khe sương băng dùng cảnh nóng rưới đó, thật là ánh đuốc của đêm dài, gương vàng của tối sớm. Tuy vốn lưu xuất từ năm xứ Ấn Độ, nhưng ở xứ ấy không luận thích mênh mang như thế, ngay như phần riêng làm của mười sư nhóm họp còn khó, huống gì góp nhặt văn từ sâu mầu đây, thật là chưa có. Đây mới là duyên khởi của luận này.

Giải thích đề mục: Tiếng Phạm gọi là Tỳ-nhã-để (Thức) Ma-trí-thích-đa (Duy) Tất-đề (Thành) Xa-tát-đát-la (Luận), đúng ra phải gọi là Thức Duy Thành luận, thuận theo tiếng Hán là Thành Duy Thức luận. Tiếng Phạm gọi Thành Duy Thức là gọi theo ngôn ngữ của họ, hoặc là Tỳ-nhã-để-ma-đát-thích-đa, Tỳ-thân-độ-ca (tịnh) Xa-tát-đát-la, phải gọi là Thức Duy Tịnh luận, nay gọi là Tịnh Duy Thức luận, ở cuối quyển 10 luận này giải thích: "Ba phần luận đây thành lập Duy thức, nên luận đây gọi là Thành Duy Thức luận, thì vốn gọi là Duy thức. Thích luận gọi là Thành". Nhưng y cứ theo bản Tam Thập luận, ở dưới đề mục riêng chú thích: "Luận này cũng gọi là Thành Duy Thức luận, vì Tam Thập luận giáo thành lập Duy thức vậy". Như trong kinh Thuyết Vô Cấu Xưng, Phật bảo gọi là kinh Thuyết Vô Cấu Xưng Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn, nhưng đề mục kinh là kinh Thuyết Vô Cấu Xưng, phía

dưới đề kinh có ghi chú là "cũng gọi là Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát". Đây cũng như vậy, riêng cũng gọi là Thành. Vả lại như bài tụng cuối trong Nhị Thập Tụng luận do Bồ-tát Thiên Thân tạo ghi: "Ta đã tùy tự lược nghĩa Thành duy thức, cũng gọi là Thành Duy Thức". Nhưng nay, Thích luận do Bồ-tát Hộ Pháp tạo phần nhiều so với luận gốc chỗ lập tên gọi chẳng đồng, Nhị Thập Duy Thức giải thích tên gọi là luận Duy Thức Đạo. Luận đây là cách gọi của Thành Thích luận, nên cuối luận ghi: "Bản luận đây gọi là Tam Thập Duy Thức". Lại nói: Luận đây ba phần thành lập Duy thức, nên biết Duy thức là tên của Bản luận. Nay phần Thích gọi là Thành. Thành chẳng phải vốn xưng, chỉ lấy chánh danh Bản luận chẳng lấy tên riêng ghi chú. Hoặc có Duy bản chẳng phải giải thích danh, như Biện Trung Biên, hoặc có Duy thích chẳng phải tên gọi gốc, như Duy Thức Đạo luận. Hoặc có Bản, Thích hai tên, như Tạp Tập luận, nay chỉ giải thích tên gọi hoặc là tên gọi chung.

Thành Duy Thức đó, Thành của Duy thức, trong tiếng Tô-mạn-đa, thứ sáu thuộc chủ, thì thứ tám là chuyển thanh, thanh đây là luận biện trong thanh, chữ Tô ở sau, Mạn-đa là nghĩa sau, thì chữ Tô ở thanh sau. Tiếng Để-ngạn-đa có mười tám chuyển, biện trong tiếng đây, chữ Để ở sau, Ngạn-đa là nghĩa sau, thì chữ Để ở tiếng sau, là chọn lựa thanh ngôn đây, Tô-mạn-đa, là y chủ thích trong Sát-tam-ma-bà thích. Sát là Lục, Tam-ma-bà là Hợp, thì gọi là Lục hợp thích, trước lìa sau hợp, nên nhân luận sinh luận, một chữ đã không thuyên biểu, làm sao nói Sát có thể là Lục vậy? Nay y cứ Phạm bản, có ba chữ Sa-tra-đa, hợp lại mới thành từ Sát, nên chẳng phải một chữ có thuyên biểu.

Thành là cách gọi của năng thành, để thành lập làm công, Duy thức là danh của Sở thành, lấy giản trạch rõ ràng làm nghĩa, an giáo lập lý, gọi đó là Thành. Thức, nghĩa là năng liễu, vì thuyên bày năm pháp. Duy, có ba nghĩa. Thức thuyên bày năm Hữu, Duy chọn hai Không. Duy, nghĩa là giản trì. Hữu tâm không cảnh là nghĩa của Duy vậy, chọn bỏ cảnh giữ lấy tâm, nên nói giản trì là nghĩa của Duy, cũng là nghĩa quyết định, và nghĩa hiển thắng. Liễu, nghĩa là Liễu biệt, tác dụng thuyên biện là nghĩa của Thức, Liễu biệt ở cảnh là dụng của Thức. Ở đây nói Duy là: An Tuệ có một phần Duy, Nan-đà có hai phần Duy, Trần Na có ba phần Duy, trong đó có hai thuyết thật và giả. Hộ Pháp có bốn phần Duy, luận phần nhiều nương ba phần, giáo và lý có bốn phần.

Giải thích tên gọi Duy thức, như trong chương đó giải thích, hợp chung có mười nghĩa giải thích Thành duy thức:

1. Kinh nói Duy thức, luận giải gọi là Thành.

2. Bản luận gọi là Duy thức, Thích luận gọi là Thành,

3. Kinh và luận đều gọi là Duy thức, nay phần Thích gọi là Thành.

4. Tông gọi là Duy thức, Nhân và Dụ gọi là Thành. Luận bản lược nêu chỗ lập gọi là Tông, nay nghĩa rộng thành nên gọi là Nhân và Dụ, thuật đủ nguyên do, dẫn pháp Đồng dị để thành chỗ lập. Trong Nhị Thập luận ghi: "An lập Đại thừa, ba cõi Duy thức". Trần Na giải thích: "Nhân và Dụ thành Tông, gọi là an lập". Trong đây nói Thành, nghĩa cũng đồng.

5. Thể gọi là Duy thức, nghĩa thích gọi là Thành. Bản luận lược nêu thể đó, chưa nhận biết sai biệt nay rộng nói rõ nghĩa, đủ hiển bày sai biệt, nên gọi là Thành.

6. Tóm lược gọi là Duy thức, chưa giải nghĩa sau, rộng gọi là Thành, bày đủ chỉ thật. Hai giải sau đây y cứ Nhiếp Thích phần trong luận Du-già giải thích. Phàm giải thích kinh pháp, trước thể sau nghĩa, trước lược sau rộng.

7. Do giáo thành giáo

8. Do giáo thành lý

9. Do lý thành giáo

10. Do lý thành lý

Hỏi: Bốn giải thích sau đó, nương vào đâu mà được biết?

Đáp: Cuối luận có bài tụng ghi: "Đã nương Thánh giáo và Chánh lý". Lại nói: Ba phần luận đây thành lập Duy thức, nên biết năng thành tựu thông giáo và lý. Ở đầu luận có bài tụng ghi: "Nay ta giải thích thuyết kia". Thuyết thì giáo của bản luận ở lập hoặc lý của Sở nghiệp, hai nghĩa đều thông, cuối luận lại nói: "Do ba mươi bài tụng hiển bày lý Duy thức rất sáng sạch". Kệ tụng ghi: "Phân biệt nghĩa tánh tướng Duy thức". Nghĩa tức là lý, nên biết Sở thành cũng thông giáo lý.

Luận thì như trong Câu-xá ghi: "Dạy răn học chúng, nên gọi là luận". Du-già giải thích là: "Hỏi đáp quyết trạch tánh tướng các pháp, nên gọi là luận". Giải thích trước nương bi, vì lợi chúng sinh, giải thích sau nương trí, biện rõ các pháp. Thành Duy Thức tức luận, luận của Thành Duy Thức, căn cứ nghĩa thì biết.

Vì sao luận này gọi là Thành duy thức, chẳng gọi thành gì khác? Cũng thành các nghĩa khác nên muốn khiến chứng đắc lý trí Duy thức mà thành lập, như luận Du-già, đây thông giáo lý, từ nhiều Duy thức mà làm danh. Hoặc là nay chẳng trái nghịch, thành lập diệu lý Duy thức, như luận Thành Thật cũng thông giáo, lý, từ Sở thuyên làm danh,

hoặc phá chấp thật ngoài tâm có cảnh, chẳng khéo tin học diệu lý Duy thức mà thành lập, như luận Thành Giả cũng thông giáo lý, thành là lập nghĩa. Hoặc là luận đây y cứ ở lý trí Duy thức sâu mầu mà thành lập, như hoa Thủy lục, luận Đối Pháp v.v... y cứ đó sinh khởi cũng vậy. Hoặc ngại sợ diệu lý Duy thức tán diệt, nay là lược nhiếp rộng tán nghĩa mà thành lập đó, như Nhiếp Đại Thừa. Lại, trong tất cả pháp, tâm là thù thắng nhất, như trong kinh Hoa Nghiêm ghi: “Tâm như thợ vẽ khéo, vẽ các thứ năm Uẩn, trong tất cả thế gian, không pháp nào chẳng tạo”. Do đó mà thành lập.

Hỏi: Căn cứ như phần Chánh tông ở sau, hoặc phân làm hai: một là nhân; hai là quả. Hoặc phân làm ba, như giải ở trong đó, hoặc phân làm bốn, nửa bài tụng đầu, gồm nêu phần cương yếu. Nửa bài tụng thứ hai mươi bốn rộng bày phần Năng biến. Thứ ba có chín kệ tụng tổng kết giải thích phần bên ngoài vặn hỏi. Thứ tư có năm kệ tụng, nương tu được phần lợi ích. Hoặc phân làm năm, trong phần thứ ba trước, mở một bài tụng nêu bày lại phần biến nghĩa. Các giải thích như vậy thì thành lập tùy chỗ đáng nghĩa, tại sao chỉ gọi là Thành Duy Thức luận?

Đáp: Từ chỗ ban đầu nói rõ gọi là danh, nó nương vào Sở biến của Thức, như luận Du-già. Lại, từ đoạn thứ hai làm danh, phần giữa cũng có nói Duy thức, nghĩa là các thức chuyển biến v.v.... Hoặc từ chỗ mới đầu, giữa và sau nói rõ làm danh. Ở đoạn thứ ba nói: “Cho đến chưa khởi thức, cầu trụ Duy thức tánh v.v... Hoặc hai đoạn sau ý muốn giải thích mới đầu lược nêu. Hoặc tuy chỗ nói rõ thông tất cả pháp không gì chẳng là Duy thức, nên chẳng gọi các thứ khác. Lại, vốn muốn thành lập nghĩa Duy thức. Trên đây là ý kết quy của việc thành lập tên gọi Duy thức.

Trong giải thích đề mục có năm Duy thức làm Sở quán, ba tuệ làm Năng quán. Lại, cảnh giáo lý hạnh quả năm thứ Duy thức, như trong chương đó giải thích. Xứ xứ trong cảnh Duy thức, trong kinh căn cứ có các Dị thuyết, hoặc nương Sở chấp, hoặc căn cứ tạp nhiễm. Hoặc tùy Sở chấp và Hữu vi, hoặc chỉ tùy Hữu vi, hoặc tùy chỉ sự, hoặc tùy tất cả pháp không hữu để nói rõ Duy thức, mỗi mỗi có thành văn nghĩa như chương thuyết, y cứ trong cảnh giáo lý hạnh quả năm Duy thức, luận đây chỉ có nghĩa nói rõ cảnh Duy thức, xả bỏ thủ cảnh bên ngoài vì tất cả cảnh chẳng lìa tâm, như văn nêu bày đủ; có nghĩa chỉ nói giáo Duy thức, thành giáo của bản luận, vì giải thích kia nói; có nghĩa chỉ lấy lý Duy thức, thành lập lý sở thuyết của bản giáo, vì phân biệt nghĩa tánh tướng của Duy thức; có nghĩa chỉ lấy hạnh Duy thức vì nói rõ năm vị

tu Duy thức hạnh; có nghĩa chỉ lấy quả Duy thức, vì cầu đại quả an lạc, thân giải thoát vì đại Mâu-ni gọi là Pháp thân. Nay nương chánh nghĩa năm thứ đều phải, tuy nương phần thứ ba, nói là đã y cứ Thánh giáo và Chánh lý, phân biệt nghĩa tánh tướng Duy thức và nói: Nay ta giải thích thuyết kia cho rằng chỉ lấy giáo lý. Nói y cứ giáo lý thành tánh tướng kia, tánh tướng thì nhiếp hết tất cả. Tất cả đều lấy ở lý làm thù thắng.

Hỏi: Vì sao trong bốn y, khuyên y trí chẳng y thức? Luận đây gọi là Duy thức mà không gọi là Duy trí?

Đáp: Ba y còn lại cũng như vậy. Như phần giải thích danh trong chương Duy thức giải thích. Lại, Thích luận gọi là pháp, như Tông Luân thuật ký nói.

Trong phần "căn cơ tiếp nhận giáo hóa" có ba: một là Thuật dị, hai là Hội đồng, ba là Bị cơ. Thuật dị như kinh Pháp Hoa ghi: "Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói". Vì giáo căn cứ có thể có một cơ, kinh Niết-bàn cũng ghi: "Sư Tử Hống là quyết định nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, chúng sinh cũng vậy, thảy đều có tâm. Phàm, có tâm là đều sẽ đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, nên các chúng sinh chỉ có Phật tánh", lại căn cứ Nhiếp luận của Thiên Thân nói: "Vì thượng thừa hạ thừa có sai biệt, nên Bồ-tát Thanh văn mỗi mỗi có ba tạng, chẳng luận Độc giác, Bất định, Không tánh". Có giáo rộng khác thì phân làm hai. Độc giác, Không tánh đều không có tạng khác. Thượng hạ trí lực của trung căn trong mười lực v.v... cũng chỉ có hai". Căn cứ kinh Thiện Giới, luận Địa Trì lập làm hai: một là có tánh, hai là không có tánh. Vô thỉ Pháp nhĩ, vì sáu Xứ thù thắng cũng có tánh, chỉ do căn lành trời người mà không tánh đó thành tựu. Theo kinh Pháp Hoa cũng có thể nói có ba, với người cầu ba Thừa thì đem ba Thừa trao cho, nên luận kia ghi: "Bốn loại Thanh văn chẳng vì hạng thú hướng tịch tăng thượng mạn mà thọ ký, có quả thừa nên chỉ nói có ba". Theo kinh Niết-bàn cũng có ba, như người bệnh có ba:

1. Hoặc gặp hay chẳng gặp thầy thuốc quyết định có thể lành là Bồ-tát.

2. Gặp thì lành, không gặp thì chẳng lành là hàng Nhiếp thuộc.

3. Gặp và chẳng gặp đều chẳng thể lành là hạng người không tánh.

Theo kinh Đại Bát-nhã quyển 593, hội thứ 16 ghi: "Lúc Phật thuyết pháp bên cạnh bên cạnh ao Bạch lộ, Bồ-tát Thiện Dũng Mãnh thưa: Cúi mong đức Thế Tôn xót thương chúng con mà tuyên nói đủ cảnh trí của

Như Lai. Nếu loại hữu tình ở Thanh văn thừa tánh quyết định, nghe pháp này rồi, chóng nương tự thừa mà được ra khỏi. Ở Vô thượng thừa tánh quyết định nghe pháp này rồi chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu loại hữu tình tuy chưa vào chánh tánh lìa sinh mà ở ba Thừa tánh chẳng định, nghe pháp này rồi đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Cúi mong Đức Như Lai giải đáp điều con hỏi!" Kinh đây chỉ nói người có chủng tánh vào Thánh đạo, nên không có hạng người thứ năm là không có chủng tánh, Đại bi xiển-đề. Lại, người đoạn thiện chưa thể vào Thánh, ở đây cũng chẳng nói. Lại, trong kinh Thắng Man ghi: "Chúng sanh lìa thiện tri thức, không nghe phi pháp, do căn lành trời người mà thành tựu, người cầu Thanh văn thì trao cho Thanh văn thừa, cầu Duyên giác thì trao cho Duyên giác thừa, cầu Đại thừa thì đem Đại thừa trao cho. Đó gọi là nhiếp thọ chánh pháp, có khả năng gánh vác bốn thứ trọng trách". Trong đây, do chung theo riêng, có tánh làm ba, không tánh làm một. Lại y cứ ở cuối quyển 2 trong kinh Lăng-già bộ mười quyển, quyển 1 trong bộ bốn quyển nói, phần lớn cũng đồng: "Phật bảo Đại Tuệ: Có năm thứ tánh chứng pháp:

1. Tánh Thanh văn thừa.
2. Tánh Bích-chi-phật thừa.
3. Tánh Như Lai thừa.
4. Tánh Bất định tánh thừa.
5. Không tánh nghĩa là Nhất-xiển-đề.

Đây có hai thứ:

1. Đốt cháy tất cả căn lành thì phỉ báng Bồ-tát tạng.
2. Xót thương tất cả chúng sinh, làm hết tất cả nguyện của chúng sinh giới là Bồ-tát.

Nếu chúng sinh chẳng vào Niết-bàn, ta cũng chẳng vào. Đại Tuệ thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hai hạng người đó vì sao thường chẳng vào Niết-bàn? Phật dạy: Bồ-tát thường chẳng vào Niết-bàn chẳng phải đốt cháy căn lành là vì biết các pháp xưa nay là Niết-bàn, chẳng xả bỏ tất cả chúng sinh". Trong luận Đại Trang Nghiêm quyển 1 phẩm Chủng Tánh nói có năm thứ chủng tánh. Ba thừa định và chẳng định. Bốn, đồng Du-già. Trong tánh thứ năm nói có hai thứ: một là Thời biên, hai là Tất cánh. Thời biên có bốn: Kệ tụng ghi:

"Một mực hành ác hạnh
Đoạn hết các Bạch pháp
Không có giải thoát phần
Thiện ít cũng không nhân".

Tất cánh không là vì không nhân. Thời biên trong đây nên gọi là tạm thời. Tiếng Phạm gọi là Niết-ca-la A-ba-lợi-nật-phược-nam Đạt-ma. Niết là tạm, Ca-la là thời, A gọi là không, Ba-lợi là viên, Nật-phược-nam là tịch, Đạt-ma là pháp. Thì pháp tạm thời không viên tịch. Nếu thời biên v.v... nên nói Ca-la Án-đa-a-ba-lợi-nật-phược-nam. Án-đa là biên, các từ khác nghĩa đồng như trước. Còn Du-già nói về năm tánh như sớ.

Tiếp theo thuật về đồng, ngoài ra các văn khác như trước tự càng hòa hợp. Như kinh Lăng-già nói về hai thứ xiển-đề: một là đoạn thiện căn có đủ tà kiến; hai là Bồ-tát đầy đủ đại bi. Hạng trước là có lúc vào Niết-bàn, hạng sau không hẳn như vậy, vì chúng sinh giới vô tận thời, hữu tình không tánh chẳng thành Phật. Bồ-tát Đại bi không kỳ hạn thành Phật. Nhưng tánh thứ năm hợp có ba thứ: một, gọi là Nhất-xiển-đề; hai, gọi là A-xiển-để-ca; ba, gọi là A-điên-để-ca. Nhất xiển-để-ca là nghĩa Lạc dục, vì ưa thích sinh tử. A-xiển-để-ca là nghĩa chẳng lạc dục, vì chẳng ưa thích Niết-bàn. Hại hạng đây thông ở hạng người đoạn căn lành, bất tín, ngu si che lấp, cũng thông với Bồ-tát Đại bi, vì được đại trí đại bi huân tập. A-điên-để-ca gọi là Tất cánh vì rốt ráo không có tánh Niết-bàn, người không tánh đây cũng được hai tên trước. Hai hạng trước dài lâu sẽ thành Phật, hạng sau ắt chẳng thành. Kinh Lăng-già chỉ nói đủ hai tên trước có tánh xiển-đề. Luận Trang Nghiêm nói luôn hai thứ xiển-đề có tánh và không tánh. Luận Du-già và kinh Lăng-già thì nói hai hạng đoạn thiện quả cũng ắt sẽ thành, vì hiện tại họ chưa trở thành người đoạn thiện căn. Kinh Lăng-già nói Đại bi do hiện tại nhất định thành quả cho nên ắt không thành, vì chúng sinh giới không có lúc cùng tận. Không có chủng tánh là hiện tại và tương lai rốt ráo cả hai đều chẳng thành. Hợp kinh và luận thì xiển-đề có ba: một là đoạn thiện căn; hai là Đại bi; ba là không có tánh. Khởi hiện hành, tánh có nhân có quả. Do ba hạng người đây và bốn tánh bốn câu trước phân biệt:

1. Nhân thành quả chẳng thành, gọi là xiển-đề đại bi.

2. Quả thành nhân chẳng thành, gọi là xiển-đề có tánh đoạn thiện.

3. Nhân quả đều chẳng thành, gọi là xiển-đề không tánh, Nhị thừa định tánh.

4. Nhân quả đều thành, gọi là đại trí tăng thượng, chẳng đoạn thiện căn mà thành Phật.

Tóm lại, kinh Niết-bàn căn cứ phần ít tất cả trong lý tánh và hạnh tánh, chỉ nói có một. Nhiếp luận căn cứ có tánh, căn lợi độn để nói rõ

chỉ phân thượng hạ, kinh Thiện Giới y cứ có không mỗi loại riêng biệt, nói hai tánh có không. Lại nữa, kinh Niết-bàn y cứ có tánh lợi độn để phân làm hai, không tánh làm một, nên bị lỗi phân làm ba. Kinh Pháp Hoa giáo hóa chẳng định, chẳng phân biệt riêng. Tổng tướng nói ba, Bát-nhã nói thưa hỏi vào đạo, nói có tánh, chẳng phải không tánh. Kinh Thắng Man dụ như mang vác bốn thứ, ẩn tánh chẳng định, vì chung theo riêng chẳng vượt ba loại. Kinh Lăng-già ý cứ có tánh để biện sẽ thành và chẳng thành, tuy nói có năm, chẳng nói không có tánh. Trong luận Trang Nghiêm riêng phân biệt đầy đủ tánh của nhân quả đều chẳng hiện hành. Thứ năm lìa hai, chẳng nói đại bi. Luận Du-già luận chung có tánh không tánh của các loại chúng sinh, tuy bày năm thứ mà trong loại thứ năm chẳng nói Đại bi và đoạn thiện. Đại thừa có tánh, phần đông thừa nhận. Định tánh Nhị thừa và không có tánh, mọi người chấp nhận chẳng đều. Như luận Du-già quyển 67, Quyết Trạch phần nói.

Hỏi: Vì sao kinh Lăng-già chẳng nói không có tánh, luận Du-già chẳng nói Xiển-đề đại bi?

Đáp: Về căn cơ tiếp nhận sự giáo hóa thì thời và chúng mỗi riêng khác. Kinh Lăng-già hiển bày Bồ-tát Đại bi là tánh thứ năm, do năm thứ chủng tánh đều nói có nên ẩn không có tánh trong năm tánh mà không luận. Luận Du-già y cứ lý năm tánh loại sai biệt, giả sử đoạn thiện là vào trong tánh trước, căn cứ dụng tuy không có chủng nhưng Thể thì có, Đại bi đại thiện thì trong loại thứ nhất hoặc thứ tư, chỉ nói không có tánh là ở trong tánh thứ năm, do đó chẳng nói Bồ-tát Đại bi. Quyết Trạch quyển 67, có năm vặn hỏi hữu tình không có tánh:

1. Vặn hỏi nói không nghi khởi.
2. Vặn hỏi hữu tình không căn.
3. Vặn hỏi các cõi chuyển như nhau.
4. Vặn hỏi nên đủ các cõi.
5. Vặn hỏi không nên chuyển có.

Đáp, tức có sáu:

1. Đáp giáo lý đều trái
2. Đáp giả thiết chẳng phải thông lệ
3. Đáp chẳng phải dụ trái lý
4. Đáp bình đẳng dụ không riêng biệt
5. Đáp trái pháp chẳng đồng đều
6. Đáp giả sử chuyển chẳng thành

Nghĩa là có vặn hỏi rằng: Vì sao mà có rốt ráo không pháp Niết-bàn ư? Nên hỏi vặn lại họ là: Các loại hữu tình các thứ giới tánh, vô

lượng giới tánh, hạ liệt giới tánh, thắng diệu giới tánh là có hay là không? Nếu nói có là không có rốt ráo, không pháp Niết-bàn là chẳng xứng hợp đạo lý. Đây cũng trái lý, thì Duy thức nói có tánh Pháp nhĩ, không đây thì chẳng vậy. Nếu nói không là trong kinh nói các loại hữu tình có các thứ giới tánh cho đến thắng diệu giới tánh, chẳng xứng hợp đạo lý. Đây cũng trái kinh, không có tánh tức là hạ liệt giới nhiếp. Lại có vặn hỏi rằng: Hữu tình tuy có các thứ giới tánh cho đến thắng diệu giới tánh, mà nói hữu tình có căn không căn, như là không pháp Niết-bàn, tại sao chẳng phải như vậy? Hoặc nên thừa nhận hữu tình có căn không căn? Nên hỏi lại rằng: Các không căn ấy là hữu tình hay phi hữu tình? Nếu là hữu tình thì ngoài vật không căn, nên là hữu tình, giả thiết làm vặn hỏi, chẳng phải chỗ kẻ khác thừa nhận. Nếu chẳng phải hữu tình mà nói, sao chẳng thừa nhận hữu tình có căn không căn là chẳng xứng hợp đạo lý? Tánh chẳng phải không căn, làm sao lấy làm vặn hỏi? Lại có vặn hỏi rằng: Như làm Sát-đế-lợi rồi sau làm Bà-la-môn, Phệ-xá, Nhung-đạt-la, như vậy cho đến làm Na-lạc-ca rồi hoặc cho đến làm trời. Như vậy, tại sao chẳng làm không có pháp Niết-bàn rồi, lúc sau lại làm có pháp Niết-bàn ư? Nên hỏi vặn lại rằng: Các loài cùng chuyển là có tất cả cõi hay riêng có một ư? Nếu có tất cả, thì dụ chẳng tương tợ, nó không phải tất cả nên chẳng phải dụ. Nếu riêng có một, trước là Sát-đế-lợi v.v... mới là chuyển làm các loại khác, chẳng xứng hợp đạo lý, vì trái với Chánh lý. Lại có vặn hỏi rằng: Như Sát-đế-lợi v.v... đủ tất cả cõi, như vậy không có pháp Niết-bàn, tại sao chẳng có pháp giới Niết-bàn? Nên hỏi vặn lại rằng: Có cõi không cõi là hỗ tương trái nhau hay chẳng vậy? Nếu hỗ tương trái nhau mà nói không có pháp, tại sao chẳng có pháp Niết-bàn chẳng xứng hợp đạo lý? Vì hỗ tương trái nhau, nếu chẳng hỗ tương trái nhau thì hữu tình đây là không, cũng có pháp Niết-bàn chẳng xứng hợp chánh lý, vì không thể riêng biệt. Lại có vặn hỏi rằng: Hiện thấy một nơi có một thời gian không có chủng tánh vàng, hoặc có lúc thì có, cho đến một lúc không chủng tánh muối, hoặc có lúc thì có, hoặc ở một lúc có tánh các cõi hoặc có lúc thì không. Như vậy, trước không có chủng tánh pháp Niết-bàn, tại sao chẳng ở một lúc thành chủng tánh có pháp Niết-bàn? Nên hỏi vặn lại họ rằng: Như một nơi trước không có tánh này, sau có tánh này. Hoặc trước có tánh này, sau không có, như vậy trước có chủng tánh Thanh văn, sau đó không có tánh đó, cho đến trước có chủng tánh Đại thừa, sau đó không có tánh đó, trước có tánh bất định, sau không có tánh ấy ư? Nếu nói như vậy là thuận giải thoát thiện nên rỗng rang không có quả. Lại, nếu như vậy thì

lập chủng tánh định chẳng xứng hợp đạo lý. Nếu chẳng như vậy thì ông nói trước trụ không tánh, sau trụ có tánh. Như một nơi có chủng tánh là trước trụ có tánh sau trụ không tánh, thì nơi đó chẳng xứng hợp đạo lý. Lại nên trách họ không có pháp Niết-bàn hạ liệt giới là vì đời nay chuyển thành có tánh là ở đời sau. Nếu là đời nay gặp duyên kia rồi ở trong hiện pháp, là có thể khởi thuận giải thoát phần thiện hay là không thể? Nếu nói có thể là hiện khởi thiện căn mà nói không có tánh chẳng xứng hợp đạo lý. Nếu nói không thể, họ gặp duyên tốt hiện pháp không thể khởi thuận giải thoát thiện, mà nói chuyển thành pháp Bát Niết-bàn là chẳng xứng hợp đạo lý. Nếu nói đời sau mới thành có tánh, là đời trước họ chứa nhóm thiện căn, đời sau gặp duyên mới khởi thiện kia, là trước chẳng chứa nhóm. Nếu nói trước chứa nhóm, ở đời này họ gặp ngay duyên tốt năng khởi thiện căn, mà nói đời sau mới thành có tánh là chẳng xứng hợp đạo lý. Lại, như nhân kia nên rỗng rang không có quả, nếu trước chẳng chứa nhóm thì người này trước sau tương tợ đều chưa nhóm chứa thiện, mà nói đời sau mới thành có tánh chẳng phải đời nay là chẳng xứng hợp đạo lý.

Chứng Nhị thừa định tánh như phẩm Mười Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm quyển 40 ghi: "Phật tử! Vị đại Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất lúc sắp mạng chung, có mười thứ quả hiện. Quả thứ ba là ở trong bàn tay phải phóng ánh sáng lớn gọi là thanh tịnh cảnh giới, đều khéo nghiêm tịnh đại thiên thế giới. Trong thế giới đây nếu có các Bích-chi-phật Vô lậu rõ biết ánh sáng đó, liền xả bọ thọ mạng mà vào Niết-bàn. Nếu chẳng rõ biết thì cũng nhân sức ánh sáng đó mà chuyển dời đến trong các thế giới khác ở phương khác". Trong luận Trang Nghiêm quyển 1 ghi: "Các hạng người khác thiện căn Niết-bàn có lúc hết, còn thiện căn của Bồ-tát thì không như vậy". Lại nói: "Chúng sinh ba Thừa do cõi sai biệt, nên chủng tánh sai biệt". Kinh Niết-bàn ghi: "Ở trong kinh, ta vì các Tỳ-kheo nói một Thừa một đạo một hạnh một duyên. Một Thừa như vậy cho đến một duyên, khéo vì chúng sinh làm Đại tịch tĩnh, trọn đoạn tất cả ràng buộc, sầu khổ, khổ và khổ nhân, khiến tất cả chúng sinh đến một cõi. Các đệ tử Ta nghe nói vậy rồi, chẳng hiểu ý Ta mà xướng rằng Như Lai nói Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán đều được Phật đạo". Lại Nhiếp Đại Thừa làm mười nghĩa nên nói một Thừa, dẫn nhiếp tánh bất định. Lại, trong luận Pháp Hoa nói bốn thứ Thanh văn, là không vì thú hướng tịch tĩnh thọ ký. Kinh Lăng-già, luận Du-già có tánh sai biệt như vậy rất nhiều. Lập lượng rằng: Quả của Nhị thừa đáng lý phải có định tánh, vì thừa này bao hàm khắp như Đại thừa.

Người không chủng tánh chứng như kinh Niết-bàn quyển 36 ghi: "Này thiện nam tử! Nếu nói tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh, người như vậy gọi là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói tất cả nhất định không có Phật tánh, người ấy cũng gọi là phỉ báng Phật pháp tăng". Lại, trong kinh Niết-bàn ghi: "Thí như người bệnh, họ có ba thứ: một, nếu gặp thầy hay thuốc tốt hoặc chẳng gặp hẳn sẽ được lành; hai, nếu gặp thì lành, chẳng gặp thì không lành; ba, gặp hay chẳng gặp đều chẳng thể lành. Như vậy, thứ nhất là định tánh Đại thừa, kế tiếp là bất định tánh và thứ ba là định tánh Nhị thừa và không có tánh". Lại, trong kinh Niết-bàn ghi: "Này thiện nam tử! Tranh cãi như vậy là cảnh giới Phật, chẳng phải chỗ các Thanh văn Duyên giác biết được. Nếu người nào đối với đây sinh tâm nghi ngờ là còn có thể dẹp hoại vô lượng phiền não như núi Tu-di, nếu đối với đây sinh khởi quyết định, đó gọi là chấp trước, chấp trước như vậy, chẳng gọi là thiện". Lại, cũng trong quyển 36 ghi: "Này thiện nam tử! Tuy ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, chúng sinh chẳng hiểu Phật như vậy v.v... là tùy tự ý nói. Này thiện nam tử! Nói như vậy là Bồ-tát hậu thân còn chẳng thể hiểu, huống gì hàng Nhị thừa hay các Bồ-tát khác". Lại, bảy người nói về sông Hằng, người thứ bảy thường chìm đắm. Lại, trong kinh Thiện Giới Phẩm Chủng Tánh ghi: "Người không chủng tánh tuy là phát tâm chuyên hành tinh tấn, trọn chẳng thể được Vô thượng Bồ-đề". Lại, kinh kia ghi: "Người không chủng tánh chỉ do thiện căn trời người mà thành tựu". Lại trong luận Trang Nghiêm nói pháp không Niết-bàn có hai: một là Thời biên, hai là tất cánh (rốt ráo), như trước đã nói. Lại, trong kinh Thắng Man ghi: Chúng sinh lìa thiện tri thức không nghe phi pháp, do thiện căn trời người mà thành tựu đó v.v... Trong kinh Kim Cang ghi: Mao đạo sinh, nay gọi là Ngu phu sinh. Tiếng Phạm gọi là Bà-la, Hán dịch là Ngu phu, vốn sai nhầm là Phược-la, mới nói là Mao đạo. Vô Tánh lập lượng rằng: Chỗ gọi là không tánh, quyết định nên có, có không hai tánh tùy một nhiếp. Như có tánh là, hoặc chỗ Thánh nói, như nói có tánh, trong các kinh luận, hoặc chỉ có chánh tông, không phần tựa và lưu thông, như luận Du-già v.v... hoặc chỉ có phần đầu và giữa mà không phần sau, như luận Hiển Dương v.v... Hoặc chỉ có phần giữa và sau không có phần đầu, như Tập luận, Nhị Thập Duy Thức v.v... hoặc ba phần đều có, như luận Thành Duy Thức v.v... Bản của pháp sư Chân Đế phiên dịch Nhị Thập Duy Thức, ba phần đều có, bản của Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi phiên dịch và bản của Đại Đường (Pháp sư Huyền Trang) đồng không phần đầu mà chỉ có hai phần còn lại, không chỉ phần đầu và sau mà không cả

phần giữa, vì người tạo luận hẳn có chỗ nói rõ.

Giải thích nghĩa "khể thủ", như trong chương đó giải thích. Trong giải thích các quy kính Tam bảo, chỉ có quy Phật, chẳng có pháp Tăng, như kinh Địa Trì bản Cựu dịch ghi: "Kính lễ quá khứ vị lai và đời hiện tại tất cả Phật Thế Tôn". Trong luận Phát Bồ-đề Tâm ghi: "Kính lễ không ngằn mé, khứ lai hiện tại Phật, Trí chẳng động như Không, Đại bi Tôn cứu thế". Bài tụng đầu quy kính Phật trong luận Câu-xá cũng chỉ có kính Tăng mà chẳng có Phật và pháp. Như luận Biện Trung Biên ghi: "Kính lạy tạo luận này, chỗ thể Thiện Thệ sinh, và thầy dạy ta thảy, sẽ chuyên bày nghĩa đây", chỉ không có kính pháp. Mở đầu Nhị Thập Duy Thức bản Cựu dịch chỉ quy kính Phật pháp, ghi: "Tu đạo chẳng cùng khác, năng nói nghĩa không đồng, đảnh lễ lý Đại thừa, sẽ nói lập và phá", chỉ có kính lễ Phật và tăng mà không kính pháp, như luận Thập Trụ của Long Thọ ghi: "Kính lễ tất cả Phật và các chúng Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật, vô ngã và ngã sở", chỉ có kính lễ Pháp và Tăng mà không kính Phật. Như luận Kim Cang Bát-nhã của Thế Thân ghi: "Pháp môn cú nghĩa và thứ đệ, thế gian chẳng hiểu lìa minh tuệ, đại trí thông đạt dạy ta thảy, quy mạng thân vô lượng công đức". Trong luận Tạp Tâm của Pháp Cứu cũng ghi: "Kính lễ tôn pháp thắng, chỗ nói ta đảnh thọ, ta Đạt-ma-đa-la, nói kia chưa từng nói". Đây đều là kính lễ luận chủ và luận được tạo". Có kính lễ cả Tam bảo, tức các bộ luận Hiển Dương, Đối Pháp, Nhiếp Đại Thừa, Phật Địa và luật Tứ Phần v.v... như vậy rất nhiều. Trong kính lễ Phật, chỉ có kính lễ Pháp thân mà không hai thân còn lại, như bài tụng quy kính đầu tiên trong luận Bát-nhã Đăng. Đầu kinh Lăng-già ghi: "Quy mạng biển Đại trí, Phật Tỳ-lô-giá-na". Đây tuy chỗ đặt của kinh chủ, chỉ kính lễ Pháp thân. Trong kinh Niết-bàn ghi: "Nếu năng chấp Tam bảo thường trụ đồng chân đế, Phật tức là Pháp, Pháp tức là Tăng". Trong kinh Thắng Man lại ghi: "Quy y nói đạo Nhất thừa, pháp và chúng ba Thừa". Hai thứ đây chẳng phải quy y rốt ráo. Nếu có chúng sinh được Như Lai điều phục, cho đến quy y Pháp Tăng là hai quy y chẳng phải hai quy y, là quy y Như Lai. Tại sao? Vì không khác Như Lai, không khác hai, quy y Như Lai tức ba quy y. Đây là Như Lai chính là Sư Tử Hống, chỉ có kính lễ thân thọ dụng mà không lễ hai thân còn lại, như trong luận Phát Bồ-đề Tâm nói. Chỉ kính lễ Thật trí thật bi của Phật, chỉ kính lễ Hóa thân mà không hai thân còn lại, như Bảo Tích ghi: "Mắt tịnh tu rộng lớn như hoa sen sinh v.v...". Có kính lễ Báo thân và Hóa thân mà không có Pháp thân, như kinh Địa Trì bản Cựu dịch ghi: "Kính lễ đời quá khứ vị lai, hiện tại tất cả Phật

Thế Tôn”. Có kính lễ đủ cả ba thân, như luận Hiển Dương ghi: “Thiện Thệ, Thiện Thuyết, diệu ba thân”. Luận Đối Pháp, luận Phật Địa mở đầu kính lễ đều đồng. Có đồng thể Tam bảo, như ở kinh Niết-bàn, kinh Thắng Man nói. Có thông cả đồng thể và biệt thể, như luận Đối Pháp v.v... nói. Không chỉ kính lễ biệt thể, chẳng phải đồng thể và chỉ kính lễ Nhậm trì tam bảo.

Trong kính lễ Phước điền lại có ba giải thích: một, kính lễ Niết-bàn mà chẳng phải Bồ-đề; hai, kính lễ Bồ-đề mà chẳng phải Niết-bàn; ba, đều kính lễ cả Bồ-đề và Niết-bàn. Thứ nhất, kính lễ Niết-bàn mà chẳng phải Bồ-đề là Niết-bàn có bốn nghĩa: Thể tánh tuy tịnh mà tại thiền, gọi là nhân phần. Phần, tức là vị. Nay chỗ kính lễ ý quy hướng mãn vị, lấy tánh Chân như làm nơi mê ngộ nương tựa, mê nên sinh tử, ngộ nên Niết-bàn. Có xả có đắc, chân tuy tánh tịnh, lúc lìa tạp nhiễm, giả nói là mới tịnh, gọi là chuyển y, tuy cũng đắc Bồ-đề, mà nay chẳng phải chỗ kính lễ. Ở quyển 9 ghi: “Hàng Nhị thừa mãn vị, gọi là thân giải thoát, tại đại Mâu-ni, gọi là Pháp thân”. Nay Duy thức tánh là mãn phần tịnh, gạt bỏ ở nhân vị, chẳng gọi là Pháp thân. Lại, Niết-bàn đây tùy giả thật đó, gồm có bốn thứ: Duy thức tánh và tự tánh thanh tịnh Niết-bàn. Mãn thanh tịnh là hai thứ Niết-bàn Hữu dư và Vô dư, cốt yếu lúc quả viên mới chứng đắc. Phần thanh tịnh tức là Vô trụ xứ Niết-bàn, thừa nhận quả vị Thập địa đã chứng đắc. Niết-bàn tuy có bốn, thể gần Chân như. Lại, văn luận sau ghi: Lại vì mở bày làm chấp ngã pháp, mê Duy thức, khiến đạt hai Không, đối với lý Duy thức, như thật biết”. Đây vì Chân như, mê ngộ nương tựa nên thiên lệch kính lễ. Lại, Niết-bàn của Nhị thừa chỉ mượn Trạch diệt, Đại Bát Niết-bàn, ba sự viên mãn. Ba sự có hai:

1. Thể có ba, gọi là ba sự.

2. Nghĩa có ba gọi là ba sự, trí tuệ năng quán, Pháp thân sở quán, lìa các ràng buộc, gá nhờ trạch diệt v.v... gọi là giải thoát, gọi là thể có ba sự.

Tuệ bản tánh trên một Chân như nên gọi là Ma-ha-bát-nhã, quả vị của xuất triền, công đức pháp vốn gọi là Pháp thân. Tánh lìa sinh tử ràng buộc, gọi là giải thoát. Nghĩa trên một thể có ba nên gọi là nghĩa, ba sự tùy chỗ ứng đó, Nhị thừa chỉ được một giải thoát, ba Thừa đồng tòa. Nay quy kính Đại Bát Niết-bàn, gọi là Mãn phần tịnh. Tiếp đến, quy kính Bồ-đề mà chẳng phải Niết-bàn là Bồ-đề tức là pháp phẩm của bốn trí. Hai trí tại nhân có được, đó là trí Diệu quán và Bình đẳng, hai trí còn lại có được trong quả, nói chung là đã được nhân Bồ-đề. Nay

hiển bày chỗ kính lễ, ý lấy ở mãn phần, tuy thông quả vị Nhị thừa. Nay lấy Đại thừa hai chướng đều hết gọi là thanh tịnh, vì Bồ-tát ý thú Bồ-đề mà không thú hướng Niết-bàn. Do đó, đoạn chướng chỉ đoạn Sở tri chướng, vẫn còn Phiền não chướng. Niết-bàn thông được, Bồ-đề riêng thành, nay hiển bày chỗ kính lễ khác với Nhị thừa và hiển bày đắc quả khác với Nhị thừa, nên chỉ kính lễ Bồ-đề mà chẳng kính lễ Niết-bàn. Bài tụng trong Nhiếp luận ghi:

"Phiền não núp chẳng diệt
Như chú độc làm hại
Còn Hoặc đến Hoặc hết
Chứng Nhất thiết trí Phật".

Nay luận nói Duy thức tánh, đây là Bồ-đề sự Duy thức tánh, cũng tức là Chân như, hiển thể tánh sở chứng của Bồ-đề, mà ý lấy người năng chứng Bồ-đề. Lại, Bồ-đề thông cả trí nhân quả. Hai trí trong nhân là phần thanh tịnh, hai trí trong quả là mãn thanh tịnh nên đều quy kính và sau cùng là quy kính cả Bồ-đề và Niết-bàn. Duy thức tánh là Niết-bàn, Mãn phần thanh tịnh là Bồ-đề, ý hiển bày Niết-bàn vốn tánh tịnh nên không nói Mãn phần. Đại Bồ-đề đó là pháp phẩm của bốn trí, nhân thời đã được mà chẳng tròn sáng, nay chỉ lấy quả mãn phần tịnh nên mỗi mỗi riêng khác. Phần thứ chín ở sau ghi: "Do luôn tu tập trí không phân biệt, đoạn hai chướng thô trọng của bản thức, nên khéo chuyển bỏ Biến kế sở chấp trên Y tha khởi, và khéo chuyển đắc tánh Viên thành thật trong Y tha khởi. Do chuyển phiền não đắc Đại Niết-bàn, chuyển Sở tri chướng chứng Vô thượng giác, thành lập Duy thức, ý vì hữu tình chứng đắc hai quả chuyển y như đây, nên nay quy kính". Ở đây muốn nói, Thích luận chỉ kính lễ hai quả Bồ-đề và Niết-bàn, chẳng kính lễ gì khác, nên lời tựa trong đoạn sau ghi: "Đoạn chướng là đắc hai quả thù thắng". Cho đến nói rộng là do đã chứng ở trước, nên luận sư này mới tạo luận. Nay Thích luận ý kính lễ phải đồng, tức lấy sở thú hướng làm pháp sở kính, nếu chẳng kính tức là chẳng thú hướng. Tuy có bảy giải thích quy hướng kính điền, nhưng nương nghĩa gốc, chỉ lấy nhân mà chẳng phải pháp trong bốn giải của sớ, bản và thích hai sư, vì Duy thức tánh trong chuyển thanh thứ bảy nói là thanh chứ không phải chỗ nương của thanh, vì tiếng thứ bảy thông cả căn cảnh. Đây là năng sai biệt, Mãn phần tịnh là làm sở sai biệt. Nói trong chuyển thứ tư, vì tất cả chỗ kính lễ đều lấy chỗ thứ tư làm thanh, nếu Duy thức tánh thì chỗ kính lễ cũng phải thuộc về chuyển thứ tư. Nhưng y cứ Tô-mạn-đa thanh thì có tám chuyển:

1. Nễ-lợi (hai chữ trên hợp thanh) Đề-thế (Hán dịch là Thể thanh, cũng gọi là Phiếm thuyết thanh);

2. Ô-ba-đề-xá-ni (Hán dịch là Nghiệp thanh, cũng gọi là sở thuyết thanh);

3. Yết-điệt-lợi (hai chữ trên hợp thanh) La-nê (Hán dịch là Năng tác cụ thanh, cũng gọi là năng thuyết thanh);

4. Tam-bát-la (hai chữ trên hợp thanh) Đà-nễ-kê (Hán dịch là Sở vi thanh, cũng gọi là sở dữ thanh);

5. Bao-ba-đà-nê (Hán dịch là Sở tùng thanh);

6. Sa-nhĩ-bà-giả-nể (Hán dịch là Sở thuộc thanh);

7. San-nể-đà-na-la-thê (hai chữ trên hợp thanh, Hán dịch là Sở y thanh);

8. A-mạn-đát-la (hai chữ trên hợp thanh) Nê (Hán dịch là Bình thanh).

Tổng cộng có tám chuyển, trong đây mỗi mỗi tiếng của một lời hai lời nhiều lời, hợp có hai mươi bốn tiếng. Lại có tiếng nam, tiếng nữ, tiếng phi nam phi nữ, lại mỗi thứ có hai mươi bốn, hợp cả tổng và biệt có chín mươi sáu tiếng. Tiếng nam tám chuyển là:

1. Bà-bà-na.
2. Bà-đa-na-đảm.
3. Bà-bà-đa.
4. Bà-bà-đê.
5. Bà-ba-đa-bao.
6. Bà-bà-na-đa-a.
7. Bà-bà-để.
8. Chuyển đầu tiên ở trên thêm chữ Hê.

Tiếng nữ tám chuyển là:

1. Bà-bà-na-đế.
2. Bà-bà-na-để-ma.
3. Bà-bà-na-để-dạ (hai chữ trên hợp thanh).
4. Bà-bà-na-đới.
5. Bà-bà-na-để-dạ (hai chữ hợp) bao.
6. Bà-bà-na-để-dạ (hai chữ hợp) tăng.
7. Bà-bà-na-để-dạ (hai chữ hợp) ma.
8. Chuyển đầu tiên ở trên thêm chữ Hê.

Tiếng phi nam phi nữ tám chuyển là:

1. Bà-bà-đa.
2. Bà-bà-đa.

Chuyển thứ ba ở dưới hơi gần tiếng nam, đã không có chữ riêng biệt do đó chẳng phát ra. Các chữ cước chú trên v.v... là y cứ tứ thanh mà gọi. Chú thích chữ "phản" là dùng phương pháp phiên chữ mà đọc, chú thích "hai hợp" là hai chữ đọc liền tiếng, chú thích "khinh trọng" là tùy khinh thanh hay trọng thanh mà đọc, trong đó cũng có toàn tiếng nửa tiếng, sợ dài dòng nên không trích ra đây, những chữ "Bà" đều đọc theo thượng thanh. Nhưng luận Du-già quyển 2, bảy chuyển thanh cũng gọi là bảy câu ví dụ, y cứ trong một tiếng nam, chỉ nêu bảy chuyển của một trượng phu, trừ cách gọi thứ tám. Trước là tổng mục tất cả trong tiếng nam nên đây chẳng đồng. Luận kia cũng gọi là Thất ngôn luận cú:

1. Bổ-lô-sa (hiệp phu thể).
2. Bổ-lô-sam.
3. Bổ-lô-tư-noa.
4. Bổ-lô-sa-da.
5. Bổ-lô-sa-đa.
6. Bổ-lô-sát-bà.
7. Bổ-lô-sát.
8. Thứ tám thêm tiếng gọi là Hê-bổ-lô-sa.

Nếu nói Mê-phú-để là thể riêng của tiếng nữ. Nếu nói Nạp-phùng-sách-ca là thể riêng của tiếng phi nam phi nữ. Nhưng có riêng đặt để, chỉ là bảy chuyển. Thứ tám mới là hô thanh của Phiếm nhĩ, lại không nêu riêng.

Duy thức tánh nói cảnh thứ bảy, lược có hai giải thích:

1. Nương ba tánh.
2. Nương hai đế.

Nương ba tánh là Duy thức luận quyển 9 ghi: "Duy thức tánh, lược có hai thứ: một là hư vọng, nghĩa là kế sở chấp; hai là chân thật nghĩa là tánh Viên thành thật. Lại có hai thứ:

1. Thế tục nghĩa là Y tha khởi.
2. Thắng nghĩa nghĩa là Viên thành thật, nên biết ba tánh đều gọi là Duy thức tánh".

Ba tánh có hai thể:

1. Môn thường và vô thường; thường là Viên thành, chỉ cho Chân như, tất cả hữu vi đều y tha khởi.
2. Môn Hữu lậu Vô lậu.

Tất cả Vô lậu đều Viên thành thật, các pháp Hữu lậu đều y tha khởi. Bồ-đề Niết-bàn đều viên thành, như quyển 8 có luận về điều này.

Y cứ ba tánh đầu tiên lược có mười lớp:

1. Chỉ nói Chân như là viên thành, gọi là bản thật tánh, chứng thanh tịnh đây gọi là nội chứng tịnh;

2. Tổng nói Vô lậu là viên thành, Bồ-đề Niết-bàn đều là Duy thức tánh, gọi là Bồ-đề tánh, được ngộ tịnh, Bồ-đề, Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề;

3. Tổng nói Hữu vi y tha, sự thức tánh, ngộ tục tịnh;

4. Chỉ nói Hữu lậu y tha. Huyễn thức tánh, đoạn trừ tịnh;

5. Chỉ nói sở chấp, vọng thủ tánh, khiển trừ đoạn tịnh;

6. Viên thành đối y tha, chân tục tánh, đoạn được tịnh;

7. Viên thành thật đối sở chấp, chân vọng tánh, khiển trừ chứng tịnh;

8. Do y tha khởi đối sở chấp, tâm cảnh tánh, khiển trừ đoạn tịnh;

9. Do viên thành đối y tha sở chấp huyễn thật tánh, thủ xả tịnh;

10. Do viên thành y tha đối sở chấp, không hữu tánh, khiển trừ ngộ tịnh.

Chỉ không do viên thành sở chấp đối y tha làm Duy thức tánh, vì cách vượt. Lại, lý không như vậy, y cứ hai Đế sau biện Duy thức tánh. Luận Du-già quyển 64 ghi: "Thế tục có bốn: một là Thế gian thế tục; hai là Đạo lý thế tục; ba là Chứng đắc thế tục; bốn là Thắng nghĩa thế tục". Duy Thức quyển 9 ghi: "Thắng nghĩa đế có bốn: một là Thế gian thắng nghĩa; hai là Đạo lý thắng nghĩa; ba là Chứng đắc thắng nghĩa; bốn là Thắng nghĩa thắng nghĩa". Nay, lược làm ba loại: một là tổng biệt tương đối; hai là các biệt khác tương đối; ba là các tổng khác tương đối; bốn lớp hai Đế như trong chương đó giải thích.

Thứ nhất: Tổng biệt tương đối, làm thành bốn câu:

1. Vì tục tổng đối chân biệt có một câu, vượt quá bốn tục của chân chỉ có một sau. Nghĩa là an lập, chẳng phải an lập Duy thức tánh.

2. Vì tục biệt đối chân gồm có bốn câu, chân của thắng tục cả bốn đều là:

a. Vì tục đầu tiên đối bốn chân khiển trừ ngộ tánh.

b. Vì tục thứ hai đối ba chân, đoạn tri tánh.

c. Vì tục thứ ba đối hai chân, giải tu hành.

d. Vì tục thứ tư đối một chân, giác chứng tánh;

3. Vì tục tổng đối chân, gồm chỉ cóm câu, nghĩa là chân tục Duy thức tánh;

4. Vì tục biệt đối chân, biệt có bốn câu: Mỗi mỗi lần lượt mỗi mỗi trông nhau làm bốn câu:

a. Tâm cảnh tánh.

b. Sự lý tánh.

c. Biệt tổng tánh.

d. Chứng chỉ tánh.

Tục thứ nhất làm cảnh, chân thứ nhất làm tâm. Tục thứ hai làm sự, chân thứ hai làm lý. Tục thứ ba làm biệt, vì lý bốn Đế, chân thứ ba làm tổng, vì lý hai Không. Tục thứ tư làm thuyên, y cứ Không môn, chân thứ tư làm chỉ, phế thuyên luận. Tương đối như vậy, hợp thành mười câu.

Thứ hai, các biệt khác tương đối có hai loại: Loại một có bốn câu, nghĩa là vì tục thứ nhất đối Chân như, gọi là vọng như. Vì tục thứ hai đối gọi là sự như, vì tục thứ ba đối, gọi là lý như, vì tục thứ tư đối gọi là quán như. Loại hai có mười câu, nghĩa là vì tục thứ nhất đối bốn biệt chân làm bốn câu, vì tục thứ hai đối ba biệt chân làm ba câu, vì tục thứ ba đối hai biệt chân làm hai câu, vì tục thứ tư đối một biệt chân làm một câu. Như vậy hợp có mười bốn câu.

Thứ ba, trong các tổng khác tương đối có ba loại:

1. Vì hai tục đối chân có mười câu, vì hai tục thứ nhất biệt đối một trong chân có ba câu, chẳng đối chân thứ nhất, tức tục thứ hai, Thắng tục gọi là chân, vì nó đồng đều, tức vì hai tục đây đối hai chân có hai câu, cũng trừ chân thứ nhất, vì hai tục đây đối ba chân có một câu, như vậy hợp có sáu câu. Tiếp theo, vì tục thứ hai thứ ba đối một trong chân có hai câu, đối hai trong chân có một câu, không đối ba là vì cũng ngang bằng. Như vậy hợp có ba câu. Tiếp theo, vì tục thứ ba thứ tư đối chân chỉ một câu, các chân khác ngang bằng và thể kém nên chẳng thể làm câu.

2. Vì ba tục đối chân có bốn câu, nghĩa là vì ba tục thứ nhất đối chân một có hai câu, đối chân hai có một câu, trừ tục thứ nhất. Vì ba tục sau đối chân cũng chỉ một câu.

3. Vì bốn tục đối chân có một câu, chẳng đối ba chân trước, như vậy hợp có mười lăm câu, mỗi mỗi có tên riêng, sợ dài dòng nên tạm dừng ở đây, người trí cần tư duy.

Hai đế như vậy hợp có ba mươi chín câu Duy thức tánh, và trong ba tánh hợp có bốn mươi chín câu, không có vì tục đối chân khoảng giữa cách vượt làm câu, cũng không vì chân đối tục ngang bằng và kém pháp làm câu, bởi liền trở thành chẳng phải thắng nghĩa. Nếu thể không tức là tịnh khiển trừ, Hữu lậu tức là tịnh đoạn. Vô lậu là được ngộ tịnh, tùy theo đó mà biết đủ. Duy thức đây v.v... đều năng sai biệt, là cảnh của sở quy, sai biệt ở hai tịnh mãn phần. Nếu chỗ quy kính là Duy thức

tánh, chỉ lấy tánh vốn thật thứ nhất trong ba tánh và tánh Bồ-đề thứ hai, chẳng phải lấy tất cả, ngoài ra chẳng phải đáng kính.

Hai câu tụng sau trong ý tạo luận lược có năm câu:

1. Chỉ vì pháp mà chẳng vì nhân, muốn khiến pháp nghĩa phải rộng lưu truyền, tuy luận nói phô lợi lạc hữu tình. Hữu tình lợi lạc, khiến pháp chẳng diệt, vì câu dưới thích câu trên, như nói "hữu tình nương giáo tu hành, chủng tánh Tam bảo chẳng đoạn tuyệt". Do đây, trong luật nói: "Nay nói pháp Tỳ-ni, khiến chánh pháp trụ lâu". Chẳng nói sự lợi sinh.

2. Chỉ vì hữu tình, chẳng vì chánh pháp, Bồ-tát tu hành vốn vì lợi sinh, tuy thích kia nói ý vì lợi lạc các hữu tình, nên hiển bày câu trên giải thích câu dưới. Trong luận Hiển Dương nói "Hiển Dương Thánh giáo từ bi". Văn ước lược, nghĩa tròn đầy mà dễ hiểu.

3. Cả hai đều vì pháp lợi hữu tình, câu thứ ba thứ tư như lần lượt phối đó, nên trong luận Phật Địa ghi: "Vì pháp trụ lâu cứu quần sinh."

4. Chỗ vì không trụ Niết-bàn, giải thích nói đại trí, lợi lạc đại bi, hai thứ huân tu nhanh chóng chứng đắc không trụ Niết-bàn. Sinh tử và Niết-bàn cả hai đều chẳng trụ. Nên luận Đối Pháp ghi: "Do ngộ Khế kinh và giải thích, bèn phát chánh cần và tham tống", ý đây là được không trụ Niết-bàn, cũng có thể nói cả hai chẳng phải nhân pháp.

5. Tự lợi lợi tha, khiến pháp trụ lâu, ba nghĩa nên tạo luận, giải thích nói khiến pháp trụ lâu, lợi lạc thêm cho kẻ khác, hai đây đã thi thiết tức là tự lợi nên trong luận Nhiếp Đại Thừa ghi: "Vì lợi tự tha, pháp trụ lâu".

Ta lược giải thích luận Nhiếp Đại Thừa, nên lập năm ý mà tạo luận. Trong luận Du-già giải thích: "Nay nói luận đây, nguyên do thế nào? Nghĩa là có hai duyên nên nói luận này: một là vì chánh pháp trụ lâu nơi đời; hai là vì lợi lạc các hữu tình. Lại có hai duyên: một là giáo đã ẩn mất, khiến khai mở lại, chưa ẩn mất thì gấp bội hưng thạnh; hai là các hữu tình có tánh tu thiện được quả tự thừa, còn không tánh tu thiện được quả trời người. Hai giải thích trên tùy lần lượt đó phối hai câu bài tụng sau. Lại có hai duyên: một là đối với nói không, kinh chẳng liễu nghĩa, như nói chấp trước ghét ganh hữu giáo xả bỏ không kiến; hai là đối với nói Hữu Kinh chẳng liễu nghĩa, như nói chấp trước ganh ghét không giáo xả bỏ hữu kiến. Thích đây chỉ vì lợi ích hữu tình trừ hai kiến. Hoặc năng học sở học phân nhân pháp nên tùy hai câu giải thích. Lại có hai duyên: Một là vì chủng tánh Bồ-tát chỉ nương Đại thừa giáo, khắp ở các thừa văn nghĩa hạnh quả, sinh trí xảo tiện, đoạn chướng tu

thiện, chứng Bồ-đề Phật, cùng tận ngằn mé ở tương lai thường hai lợi vậy; Hai là vì chủng tánh các thừa khác và kẻ không tánh, cũng nương đại giáo, mỗi mỗi ợ tự thừa văn nghĩa hạnh quả sinh trí xảo tiện, đoạn phục chướng tu tự thiện, ra khỏi ba cõi, vượt ác thú. Duy thức giáo đây cũng được nói là thú tất cả thừa, đầy đủ không và hữu. Đều có thể phối hai câu và có nhân pháp. Lại có hai duyên: một là vì hàng ngoại đạo Tiểu thừa ngu si do dự sinh tiên hiểu vậy; hai là vì đối với ý kinh, tâm mê lầm phỉ báng sinh tâm tin. Đây chỉ vì hữu tình, cũng có thể ngược lại thứ lớp phối xem. Lại có hai duyên: một là vì ưa vui lược siên tu hàng, góp nhặt các kinh nghĩa pháp quảng yếu mà lược phân biệt; hai là vì ưa thích rộng siêng nói pháp, ở nơi mỗi mỗi pháp mở bày vô biên nghĩa riêng; Hai nghĩa đều thông cả pháp và nhân. Lại có hai duyên: Một là hiển bày thật tướng lập chánh luận vậy; Hai là trừ vọng chấp phá tà luận. Đây chỉ vì pháp, cũng có thể không vì nhân tức năng học. Lại có hai duyên: một là hiển bày Biến kế sở chấp tình có lý không, y tha viên thành lý có tình không, khiến bó tăng tích tổn giảm chấp; hai là hiển bày đạo lý, thế gian, chứng đắc, thắng nghĩa, pháp môn sai biệt, khiến tu hai Đế không hiểu biết điên đảo, đây chỉ vì pháp. Lại có hai duyên: một là vì khai mở Tùy chuyển lý môn chân thật, khiến biết hai tạng ba tạng chẳng trái nhau; hai là vì khai mở nhân duyên Duy thức không tướng lý môn Chân như, khiến tu quán hạnh có sai biệt. Lại có duyên: một là vì bày biện cảnh giới sai biệt, khiến biết tự tánh tướng trạng quả vị sai biệt của các pháp; hai là vì hiển bày tu hành sai biệt khiến biết ba Thừa phương tiện căn bản quả chứng sai biệt. Trong đây chỉ vì pháp mà chẳng phải nhân, cũng có thể thông cả nhân tức năng học. Tổng nói kệ tụng:

"Pháp tình, khai, hữu không
Tánh thông và trong ngoài
Lược, bày đồng, ba bốn
Hai bốn, cảnh hạnh quả".

Sáu mươi hai thứ hữu tình, có kệ tụng:

"Năm, bốn, ba, ba, bốn
Ba, hai, và ba, bảy
Mười chín, bốn, bốn một
Nên hữu tình là nhiều".

Năm nẻo là năm, bốn họ là bốn, nam nữ phi nam phi nữ là ba. Kém và diệu là ba. Tại gia xuất gia khổ hạnh phi khổ hạnh là bốn. Luật nghi chẳng luật nghi phi luật nghi phi chẳng luật nghi là ba. Lìa dục

chưa lìa dục là hai, tà tánh định chánh tánh định chẳng định tụ định là ba. Năm chúng xuất gia cận sự nam cận sự nữ là bảy. Người tập đoạn, người tập tụng, người tịnh khí, tuổi già, trung niên, tuổi trẻ, quỹ phạm sư, thân giáo sư, đệ tử cùng ở gần, khách, người làm việc chúng tăng. Người tham cung kính lợi dưỡng, người chán bỏ, người nghe hiểu, người phước trí lớn, người pháp tùy pháp hạnh, người trì kinh người trì luật, người trì luận là mười chín. Dị sinh, kiến đế, hữu học, vô học là bốn, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai là bốn, Chuyển luân vương là một, hợp gọi là sáu mươi hai thứ hữu tình.

Luận, nay tạo luận đây v.v... là trong sớ có hai giải thích: một y nhân, hai y pháp. Đều y năng mê, nếu giải thích thứ hai y sở mê, sinh pháp ngã không, chấp hữu gọi là sai nhầm, chẳng ngộ không ngã gọi là kẻ mê. Vì trừ tình chấp khiến sinh chánh giải, chánh trừ sai nhầm đó, giải đoạn mê đó, chấp tình đoạn nên sở chấp bèn khiển trừ sinh chánh giải, nói khiển trừ sở chấp, sinh giải là đoạn hai lớp chướng v.v... rõ đoạn y tha, thanh tịnh y tha, viên thành nhiếp. Đại Bồ-đề, chân giải thoát, phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát, mỗi mỗi tự là đại bi, Bồ-đề v.v... các câu. Lại vì phàm phu đối Nhị thừa đối Bồ-tát, vì Nhị thừa đối Bồ-tát là câu đều được, như vậy hợp có sáu đối. Tự đối là ba, trông nhau là ba. Bồ-đề đó sánh như giải thoát, hợp làm mười hai câu. Nếu ngộ đoạn được quả giải hai lớp chướng, chướng chỉ hai chấp, vì căn bản vậy, tức chìm nghĩa sau là trùng nghĩa. Nếu khiển trừ sở chấp, đoạn y tha chứng viên thành, tức bốn giải trùng, hủy trách danh. Nếu ước về năm vị bốn đoạn khoa tức phân biệt nhanh mạnh gọi đó là trọng, vì thô mạnh vậy, chỉ kiến đạo đoạn, nghĩa đây có thể như vậy. Nếu nói căn bản gọi là trọng, là nghĩa gốc của an tuệ, trong tâm Hữu lậu đều có pháp chấp, những gì gọi là trọng? Sao gọi là khinh? Nếu phiền não chướng trong thức thứ sáu và thứ bảy gọi đó là trọng, vì phân biệt rộng vậy, kế chấp sâu. Phiền não của trong năm thức trước gọi đó là khinh, vì do kẻ khác dẫn, không chúng sinh chấp. Nếu sở tri chướng trong thức thứ sáu gọi đó là trọng, vì kế sâu giải rộng. Do cùng tuệ đồng dẫn sinh năm. Vì dẫn nghiệp nhân sinh thứ tám, hành tướng mạnh. Năm thức và thức thứ tám chướng gọi đó là khinh, vì chấp cạn giải lược, do kẻ khác dẫn sinh, hành Tịnh độ chẳng mạnh, chẳng phải hẳn tuệ chung đồng. Trong thức thứ bảy đều không pháp chấp. Do hai thứ khinh trong đây riêng biệt nên luận bèn nói do ngã pháp hai chướng sinh đủ. Nếu chẳng như vậy thì sao gọi là do và đủ? Chỉ là pháp chấp hẳn vướng kẹt nhân chấp. Chẳng phải nghĩa sư đây. Chẳng nói năm thức trước và thức thứ tám có chúng sinh

chấp, chẳng nói thức thứ bảy có pháp chấp. Nếu nói hiện hành gọi là khinh, chủng tập gọi là trọng, do không chủng tập, hiện hành đều đoạn, chướng thông nhiếp cả ba, trọng chỉ chủng tập, do ngã pháp chấp, do có chủng tập, hai chướng sinh đủ. Ngoài ra hiện hành v.v... mới được sinh khởi. Nếu đoạn chủng tập thì hiện hành trọn diệt, chỉ chẳng thể nói tuệ thể gọi là chấp gọi là trọng. Ngoài ra, các tương ưng gọi là khinh gọi là chướng, chẳng nói tuệ luôn là biến hành. Nói thức thứ tám không tuệ chung cùng. Do đây nên biết trước nói là thiện.

Lại ước về nhân quả lưu chuyển hoàn diệt mà giải đó. Hoàn diệt có nhân quả vị. Nhân vị có ba chuyển y, đó là tâm, đạo và thô trọng. Hai không là tâm, pháp tánh tâm. Chánh giải là đạo, đoạn là trọng chướng gọi là thô trọng chuyển. Trong luận Đối Pháp quyển 8 ghi: “A-lại-da là thô trọng chuyển”. Đây gọi là hai chướng. Trong luận Phật Địa ghi: “Chỗ hai chướng phát, chỗ nghiệp được quả cũng gọi là hai chướng”. Tánh không kham nhậm, vì trái với vi tế, hý luận đều phải. Đây thông cục kia, nên chẳng trái nhau, nhưng do hai chấp sinh đủ hai chướng, nên mê không gọi là chấp, đoạn gồm tất cả, đến cứu cánh vị, đoạn thô trọng chướng, tâm đạo tròn đầy nên gọi là được hai quả. Nếu y cứ giải đây, chướng kia tùy đoạn. Trước giải về nhân vị, sau giải về quả vị. Trong nhân phân làm hai: Một là giải về ba chuyển y, do ngã pháp chấp, sau giải ngộ không sinh giải nguyên do đoạn chướng. Lại y cứ sáu chuyển y để thích văn đây, y cứ văn Duy thức chẳng y cứ luận nhiếp Đại thừa. Sinh chánh giải là tổn lực ích năng chuyển, tại địa tiền nên đoạn hai trọng chướng là thông đạt chuyển, kiến đạo vị nên do ngã pháp chấp cho đến chướng kia tùy đoạn là tu tập chuyển. Tại trong Thập Địa Tu Tập vị nên đoạn chướng là được hai thắng quả nên sau là quả viên mãn chuyển. Tại Phật vị nên tổng hình sau yếu kém nên gọi là Quảng đại chuyển, tức trong văn đây thông nhiếp năm chuyển. Lại làm năm nhẫn, sinh chánh giải vị là phục nhẫn. Trước kiến đạo nên đoạn trọng chướng vị là tín nhẫn, vì tương đồng thế gian. Hai chướng sinh tử đủ là thuận nhẫn, vì thuận xuất thế. Đoạn trong địa thứ tư ở ngã chấp, đoạn trong sinh đủ có gần xa. Năm địa đoạn hại bạn gọi là gần, sáu địa đoạn suy kém một phần, gọi là xa. Đoạn chướng là được hai thắng quả, sau là vô sinh nhẫn, đoạn suy kém một phần và vi tế tùy miên phải ở Phật địa được hai quả. Do đoạn tục sinh ra là tịch diệt nhẫn. Do địa thứ mười đoạn hai chướng, đến Phật địa riêng được hai quả, khi ấy chỉ lấy Phật Địa gọi là tịch diệt nhẫn, chẳng phải lấy mười địa riêng đoạn hai chướng tại địa thứ mười. Lại có bảy địa. Có mê nhầm là chủng tánh địa,

lúc chưa vào pháp có mê nhầm. Sinh chánh giải là thắng giải hạnh địa, văn tư tu vị gọi là chánh giải. Đoạn trọng chướng, nghĩa là tăng thượng ý lạc địa do sau ngã pháp chấp cho đến chướng kia tùy đoạn là hành Chánh hạnh địa, Quyết định địa, Quyết định hạnh địa, đoạn chướng là được hai thắng quả là đến Cứu cánh địa. Mười Địa đoạn chướng, Phật địa đắc quả. Lại y cứ Phật pháp không gì vượt quá tu đoạn. Tạp nhiễm là đoạn đó, thanh tịnh là tu đó, trước đoạn sau đắc, như văn nói có thể biết. Bên trong của phàm thánh đều có tu đoạn. Trước sinh chánh giải là phàm phu vị, phục đoạn tu hành, sau đoạn trọng chướng là Thánh nhân đoạn đắc. Trong chân đoạn đắc phân kiến tu riêng biệt. Trong tu do ngà pháp chấp v.v... có ba cật nật: một vặn hỏi, Luận sư An Tuệ nói trong phiền não chướng có chẳng phải chấp là hàng Nhị thừa đoạn chín phẩm tu hoặc đoạn tám phẩm trước còn lại ngã kiến chưa đoạn. Thế nào là đã đoạn các chướng khác! Rõ biết các chướng khác chẳng từ ngã chấp v.v... sinh; 2. vặn hỏi, Luận sư An Tuệ trừ thức thứ bảy nói có hai Thủ đều là sở chấp, chứng vị hai không. Nếu do chấp diệt, chướng tùy đoạn là tất cả đều chấp, năm địa làm sao mới trừ hại bạn, nên khinh chấp tùy sinh ngã chấp, bốn địa đoạn đó; ba, nếu tất cả chướng đều từ chấp sinh, tại sao địa thứ sáu thứ bảy v.v... chướng của sở đoạn chẳng gọi là hại bạn, gọi là suy kém v.v... đều là chấp khởi đó? Đáp: Có ba giải thích: một là y cứ tận xứ cứu cánh đây làm luận, chẳng nói khoảng giữa; hai là chỉ nói chướng do chấp sinh, chấp đoạn chướng diệt, chẳng nói cuối chướng diệt đều tùy bản chấp đoạn với chín phẩm của Nhị thừa, nghĩa đó có thể biết; ba là tuy tâm Hữu lậu đều có pháp chấp, Bồ-tát chấp sinh có ba lúc đoạn, chưa chấp tùy gốc. Thức thứ sáu chấp có ba vị đoạn: một là đồng thời, hai là thân gần dẫn sinh, ba là thế lực xa vời. Cùng khởi là bốn địa chấp cùng đoạn, thân gần dẫn sinh gọi là hại bạn, thế lực xa vời sinh gọi là suy kém v.v... Nên chướng và chấp đoạn có trước sau, được trong quả đoạn. Đoạn chướng là được hai thắng quả, hiển bày nhân năng mãn quả, do đoạn tục sinh ra là hiển bày quả mãn, nên văn trong văn quả phân làm hai. Nay tổng kết loại trên giải văn, đoạn thứ hai có hai: một là nhân quả ba chuyển y, hai là phàm thánh đoạn đắc. Đoạn thứ ba có hai: một là ngộ đoạn đắc, hai là khiển đoạn đắc. Đoạn thứ tư có hai: một là thắng giải hạnh v.v... bốn vị, hai là trong sáu chuyển y chỉ thành bốn vị, bốn vị nhiếp sáu. Đoạn thứ năm cũng có hai: một là năm Nhẫn, hai là bảy Địa vì phân thành năm, như vậy hợp thành nghĩa của tám đoạn.

Lại vì mở bày lầm chấp trong ngã pháp v.v... vì ngoại đạo mở bày

làm nội đạo, vì Tiểu thừa mở bày làm Đại thừa, vì biên chủ mở bày làm trung chủ, vì sơ căn mở bày làm thục căn. Trên đây là y nhân. Lại mở Duy thức bày ngã pháp, trên đây tổng giải thích hai chữ mở bày, dưới đây có mười giải thích:

1. Trừ tà hiển chánh, ngoại đạo tà lầm chấp ngã pháp, mê Chánh lý Duy thức, khiến đạt hai không nên trừ tà hiển chánh;

2. Đoạn sai nhầm để rõ chân. Tiểu thừa lầm chấp ngã pháp, mê ở chân Duy thức, khiến đạt hai không, nên đoạn sai nhầm để rõ chân;

3. Dứt hư vọng giữ chân thật, lầm chấp ngã pháp, chẳng rõ hư vọng Duy thức, mê Duy thức là chẳng rõ chân thật Duy thức, khiến đạt hai không dứt vọng giữ chân;

4. Rõ thế tục, biết thắng nghĩa, lầm chấp ngã pháp chẳng rõ thế tục Duy thức, nương y tha khởi mà khởi hai chấp, mê Duy thức là chẳng rõ thắng nghĩa Duy thức, khiến đạt hai không nên rõ tục biết thắng. Tiếp theo hai giải trên, quyển thứ chín nói hai lớp Duy thức. Bốn giải trên đều là lấy Chân như. Tại Đại Mâu-ni gọi là Pháp thân vậy;

5. Thấy cảnh quán tâm, lầm chấp ngã pháp chẳng rõ cảnh Duy thức, mê Duy thức là chẳng rõ tâm Duy thức, khiến đạt hai không nên thấy cảnh quán tâm;

6. Trừ không nói hữu, lầm chấp ngã pháp tăng thêm không pháp, mê Duy thức là tổn giảm hữu pháp, khiến đạt hai không, nên trừ không nói hữu;

7. Diệt ngu khởi trí, lầm chấp ngã pháp ngu si tăng thêm, mê Duy thức là thiều chánh trí, khiến đạt hai không nên diệt ngu khởi trí, lưu lại hoặc nhuận sinh được chủng trí vậy;

8. Bỏ kém được thắng, lầm chấp ngã pháp, sinh tử pháp kém khởi, mê Duy thức nên Phật quả hai vị không, khiến đạt hai không nên bỏ pháp kém sinh tử, được Phật vị Bồ-đề Niết-bàn ưu thắng. Đoạn phiền não chướng được Đại Niết-bàn, đoạn sở tri chướng được vô lượng giác, ý thành lập Duy thức là nghĩa quả chuyển y đây;

9. Khiến đoạn chứng, lầm chấp ngã pháp có sở chấp chuyển, mê Duy thức nên chẳng ngộ y tha, khiến đạt hai không chứng viên thành thật;

10. Thô đạo tâm, lầm chấp ngã pháp thô trọng khởi, mê Duy thức nên Thánh đạo không, khiến đạt hai không chứng chân tâm, đối với lý Duy thức như thật biết. Các thích trên đây, tùy chỗ xứng đáng lý phối hợp giải thích.

Thứ ba là phá tà chấp bên trong của tạo luận, lại giải mỗi mỗi có

các Luận sư Đại thừa Tiểu thừa chấp:

Thứ nhất, Luận sư Thanh Biện y cứ Thế tục đế ngoài tâm có cảnh, cả hai đều chẳng phải không.

Thứ hai, Nhất thiết bộ trong Tiểu thừa, chấp tất cả pháp chỉ có giả danh, đều không tâm cảnh. Ngoại đạo không kiến cũng lại như vậy.

Thứ ba, Tiểu thừa chấp tâm ý thức nghĩa một văn khác. Luận Nhiếp Đại thừa nói tâm ý thức thể một là phải.

Thứ tư, Đại thừa thời thượng cổ, cũng có y cứ luận trang nghiêm chấp các tâm sở lìa tâm không thể, như ở sau, biện giải trong phần tâm sở hỏi đáp.

Nên bốn thứ trên mỗi mỗi thông Đại Tiểu hai chấp. Do đây, gồm nên có chín câu để phân biệt:

1. Thứ nhất thứ hai Tiểu thừa Đại thừa chấp cảnh chấp tâm phi không phi hữu, thứ ba thứ tư Đại thừa Tiểu thừa chấp tâm chấp sở chẳng phải nhiều chẳng phải khác.

2. Thứ nhất thứ hai Đại thừa Tiểu thừa, thứ ba thứ tư Tiểu thừa Đại thừa.

3. Thứ nhất thứ hai Đại thừa Tiểu thừa, thứ ba thứ tư Đại thừa Tiểu thừa.

4. Thứ nhất thứ hai Tiểu thừa Đại thừa, thứ ba thứ tư Tiểu thừa Đại thừa.

5. Thứ nhất thứ hai Đại thừa Đại thừa, thứ ba thứ tư Tiểu thừa Tiểu thừa.

6. Thứ nhất thứ hai Tiểu thừa Tiểu thừa, thứ ba thứ tư Đại thừa Đại thừa.

7. Cả bốn đều Đại thừa.

8. Cả bốn đều Tiểu thừa.

9. Mỗi mỗi trong bốn đều có Tiểu thừa Đại thừa, mỗi mỗi như thứ lớp, nên nói chấp cảnh chấp tâm phi không phi hữu, chấp tâm chấp sở chẳng phải nhiều chẳng phải khác.

Văn bản tụng của Thành Duy Thức y cứ luận Du-già quyển 38 ghi: "Nghĩa là các Bồ-tát lúc cầu chánh pháp phải cầu ở đâu? Phải ở nơi tất cả ngũ minh mà cầu:

1. Nội minh xứ.
2. Nhân minh xứ.
3. Thanh minh xứ.
4. Y phương minh xứ.
5. Công nghiệp minh xứ.

Chư Phật nói năng gọi là Nội minh xứ. Như vậy cho đến tất cả thế gian công xảo nghiệp xứ gọi là Công nghiệp minh xứ. Đây mỗi mỗi có bao nhiêu tướng chuyển? Nghĩa là Nội Minh luận lược nêu hai tướng chuyển: một, hiển bày tướng chánh nhân quả; hai, hiển bày tướng đã làm chẳng mất, chưa làm chẳng được. Nhân Minh luận cũng hai tướng: một, hiển bày tướng xô dẹp luận khác thắng lợi; hai, hiển bày tướng thoát khỏi luận khác thắng lợi. Thanh Minh luận cũng hai tướng: một, hiển bày an lập giới là tướng năng thành lập; hai, hiển bày tướng nói khéo thắng lợi. Y Phương Minh luận có bốn thứ tướng: một, hiển bày bệnh thể; hai, hiển bày bệnh nhân; ba, hiển bày đoạn đã sinh bệnh; bốn, hiển bày đoạn đã chẳng sinh. Công Nghiệp Minh luận hiển bày mỗi mỗi công xảo nghiệp xứ riêng biệt, chỗ làm đã xong các thứ tướng khác. Bồ-tát trước đã học Nội minh xứ. Trong Nội minh xứ lấy chánh nhân quả mà làm tướng đó, nên đáng phân làm hai: một, chưa phát thú; hai, đã phát thú vị. Nêu luận Tam Thập Tụng, hai mươi lăm bài tụng đầu nói về tướng chánh nhân quả chưa phát thú vị, năm bài tụng sau nói về tướng chánh nhân quả đã phát thú vị. Trước, trong tướng chánh nhân quả chưa phát thú, lại phần làm hai; mười bảy bài tụng nói về tướng chánh nhân, do thức biến nên các pháp được sinh, lấy thức làm nhân. Tiếp đó, tám bài tụng nói về tướng chánh quả, do chủng thức nên sinh các phân biệt, quả của pháp thể và Dị thục v.v... quả của phân vị, trong đó nói về ba tánh v.v... văn của sáu bài tụng, nhân đó giải thích để ngăn vấn vặn hỏi, thuộc quả tướng nhiếp. Nếu các quả sinh Duy thức làm nhân, chỉ có thức là tại sao đức Thế Tôn nói có ba tánh v.v...? Nên thuộc ở quả, năm bài tụng sau đó đã phát thú vị, trong chánh nhân quả, văn lại phân làm hai: bốn bài tụng đầu hiển bày tướng chánh nhân, một bài tụng sau hiển bày tướng chánh quả. Trong hai vị đây, nghĩa gồm đủ nói về tướng đã làm chẳng mất, tướng chưa làm chẳng được. Nghĩa chưa thú đã thú đều đủ vậy, lý chuẩn cứ có thể biết. Có các ngoại đạo phần nhiều chấp là thường, nên nói rõ nhân tướng phá thường chấp đó. Có các Luận sư Tiểu thừa và Thất Đoạn luận v.v... phần nhiều chấp là đoạn, nói quả tướng phá đoạn chấp kia, nay vì phá đây nói rõ chẳng phải đoạn thường, nên mười bảy bài tụng nói về nhân được phân làm ba: Nửa bài tụng đầu nêu cảnh thức biến, ngã pháp không thật; mười bốn bài tụng rưỡi giải thích thể năng biến sở biến chẳng phải là ngã pháp; một bài tụng giải thích nghĩa biến. Hoặc hai mươi chín bài tụng đầu nói về tướng chánh nhân, hiển bày chẳng phải thường; một bài tụng sau nói về tướng chánh quả, hiển bày chẳng phải đoạn. Dùng nhân quả

chánh pháp của Phật làm tông để phá thường đoạn kia. Nay nên nói tổng làm hai đoạn, nhân tướng có hai: hai mươi bài tụng đầu chánh chủ nói về thể nhân, vì chưa thú nhập; tiếp đó bốn bài tụng chánh chủ nói về nhân vị, đã phát thú. Bên trong của nhân thể, hai mươi bốn bài tụng trước nói về nhân thế tục, tiếp dó có một bài tụng nói về nhân thắng nghĩa. Tánh tướng cũng vậy. Hoặc nửa bài tụng đầu lược nói về nhân, hai mươi ba bài tụng rưỡi rộng nói về nhân, nêu và giải thích cũng vậy. Hoặc phân làm ba, đó là tánh tướng vị. Hai mươi bốn tụng trước nói về Duy thức tướng, tiếp đó một bài tụng nói về Duy thức tánh. Sau đó, năm bài tụng nói về Duy thức vị. Trong phần đầu có hai: một là nêu, hai là giải thích nghĩa, là nửa bài tụng đều lược thích vặn hỏi để nêu tông, hai mươi hai bài tụng rưỡi sau tùy chỗ nêu mà rộng giải thích. Trong rộng có ba: một, rộng nói về thể ba năng biến; 2. rộng nói về y thức sở biến; ba, rộng nói về những lời do giả mà nói. Hoặc gồm làm ba nghĩa là đầu, giữa, sau. Nửa bài tụng đầu gọi là đầu, tiếp đến hai mươi ba bài tụng rưỡi gọi là giữa, năm bài tụng sau gọi là sau. Đầu, giữa và sau, tất cả đều thiện. Nói rộng phần giữa phân làm ba: mười bốn bài tụng rưỡi đầu, rộng nói về thể ba năng biến, tiếp theo một bài tụng nói rộng về y thức biến, tám bài tụng sau rộng nói về giả nói v.v... Lại tổng phân làm ba: Nghĩa là cảnh, hạnh và quả. Hai mươi lăm bài tụng đầu nói về Duy thức cảnh, tiếp có bốn bài tụng nói về y cảnh khởi Duy thức hạnh, một bài tụng sau nói về y hạnh được Duy thức quả. Bên trong của biện cảnh nói về Chân tục đế. Hai mươi bốn bài tụng nói về Tục đế, tiếp đó một bài tụng nói về Chân đế. Trong nói về Tục đế phân làm hai: Trước nêu sau thích, như giải thích trong ba phần tướng tánh vị, tiếp theo ba phần trên như giải thích trong sớ. Lại, tổng phân ba nghĩa là lược, quảng và trung. Nửa bài tụng đầu gọi là lược, tiếp đến hai mươi ba bài tụng rưỡi gọi là quảng, năm bài tụng sau gọi là trung. Vì lợi căn mê ngã pháp, lợi căn mê ở thức, lợi căn mê hạnh vị. Hoặc mê sở chấp y tha viên thành như thứ lớp phối hợp. Hoặc phần đầu phá Hữu chấp, hai phần sau phá Không chấp, nên phân làm ba, chẳng thể tăng giảm. Hoặc tổng phân làm bốn: Nửa bài tụng đầu, tổng nêu phần cương yếu; mười bốn bài tụng rưỡi tiếp theo rộng bày phần năng biến. Tiếp theo, có chín bài tụng tổng kết giải thích phần vặn hỏi bên ngoài. Sau đó, năm bài tụng là phần y tu được ích. Trước chưa có nói nên tổng nêu tông, chẳng biết thức tánh thế nào, nên tiếp theo trình bày về năng biến, tuy thành lập vặn hỏi bên ngoài phải trừ nên đúc kết giải thích vặn hỏi. Đã như vậy rồi, nghe và tư duy lợi gì? Nên tiếp nói về tu được ích. Do đây thành

bốn, chẳng tăng chẳng giảm. Hoặc tổng phân làm năm: một, lược nêu tông; hai, trình bày thức tánh; ba, nói rõ nghĩa biến; bốn, giải thích vặn hỏi bên ngoài; năm, tu thành quả. Tông, nghĩa là chủ nên nêu bày trước tiên. Tuy có thức ngôn nhưng chưa biết thức tánh, nên tiếp ở trước tùy tông bày biện giải. Tuy biết thể đó, nhưng chưa rõ nghĩa biến, nên tiếp theo thức thể mà nói nghĩa biến. Tuy nói nghĩa môn, nhưng ngăn ngừa vấn vặn hỏi chưa trừ, nên tùy nghĩa biến, tiếp giải thích vặn hỏi bên ngoài, đạt nghĩa tròn đầy, tùy giải thích vấn vặn hỏi rồi nên phải vào vị, nên phần làm năm. Trong đó, phần thứ ba nói về nghĩa biến, ở phần trước phân trong bốn khoa. Thứ ba, lìa khỏi phần đúc kết giải thích vặn hỏi bên ngoài, nghĩa ý có thể biết.

Luận: "Nếu chỉ có thức, tại sao thế gian và các Thánh giáo nói có ngã pháp?" Căn cứ luận Du-già giải thích là: Tổng hỏi về chỗ nói rõ tông yếu của luận đây. Hỏi là trước nghe ở các kinh nói tất cả duy tâm, nghĩa đó chưa rõ, nên đặt câu hỏi đây. Hoặc làm luận là trước tổng thọ thỉnh. Tông yếu của luận đều tại trong tâm, muốn vì người học mà phân biệt giải nói. Từ giả đặt vặn hỏi là để phát khởi nguyên nhân nói nên làm lời hỏi đây. Nếu không như vậy là trước không lược nói, thì không chấp nhận bỗng nhiên hỏi. Lại, phát khởi vặn hỏi lược có năm thứ: một, chẳng hiểu nên hỏi; hai, nghi hoặc nên hỏi; ba, thể nghiệm nên hỏi; bốn, khinh xúc nên hỏi; năm, vì muốn lợi lạc hữu tình nên hỏi. Nay là thứ năm chuyên vì lợi lạc các hữu tình, nên làm luận này. Đã đạt nên chẳng phải một hai. Tự hỏi nên chẳng phải thứ hai, nên y cứ thứ năm để phát khởi đầu mối vặn hỏi.

"Do giả nói ngã pháp, có các thứ tướng chuyển". Luận sư An Tuệ giải thích: "Thân Phật, các pháp chẳng thể nói là ngã hay là pháp, vì chứng đắc không thể nói, chấp tập đều hết. Thi thiết ngã pháp chỉ tại nơi khác, trừ Phật ra, các hàng Dị sinh đối với kế sở chấp rốt cuộc không có nên ở trên đó riêng chấp làm ngã pháp. Đức Thế Tôn vì trừ vọng thật chấp, ở nghĩa tổng Vô thượng mà thi thiết, làm ngã pháp trong Thánh giáo, như luận dẫn nêu hai bài tụng trong kinh Hậu Nghiêm. Hộ Pháp cho rằng: "Thế gian nương tình khởi vọng chấp không, Thánh giáo y cứ đạo lý nhân duyên giả thi thiết làm ngã pháp". Luận sư Nan-đà nói: "Nương trên Tướng phần khởi sở chấp ngã pháp, tùy kế chấp vọng tình nói là ngã pháp thế gian, tức nương trên y tha sở biến mà thi thiết làm ngã pháp Thánh giáo. Tại sao? Bài tụng đầu tiên đáp vặn hỏi nên nêu tông của luận. Luận Bát-nhã Đăng mới đầu giải thích tám Bất. Luận sư Thanh Biện có hai giải thích thuận thế tục giải. Nay lấy bài tụng đây

nhiếp chỗ có nghĩa trong một bộ hết cả, do đó nêu phần đáp. Mười bốn bài tụng rưỡi sau nói rộng chỗ nêu ba thứ năng biến đây ở ba câu tụng sau, tiếp đến là một bài tụng các thức chuyển biến v.v... nói rộng câu tụng thứ ba "nó nương thức sở kiến". Sau đó có tám bài tụng nói rộng hai câu bài tụng trên đây là do giả nói ngã pháp v.v... Hai câu tụng trước đáp vặn hỏi văn bên ngoài trái lý. Sáu bài tụng sau đáp vặn hỏi trái kinh, lời nói tuy tợ riêng biệt, ý đều nương chỗ tâm biến hiện mà nói. Sau đó năm bài tụng gồm nói rộng tu, nửa bài tụng đây nói về chỗ trải qua hạnh vị, nên trước đáp vặn hỏi tức nêu tông luận, tổng nhiếp đại ý của một bộ. Nửa bài tụng đầu phân làm ba: hai câu đầu tùy trước hỏi mà đáp, tiếp một câu tùy riêng nêu giải thích, ba câu sau tùy bày tự liệt, đây dùng nghĩa khoa, chẳng phải nương vào giải thích đoạn.

Ngã, nghĩa là chủ tể. Pháp là quỹ trì. Chủ là câu sinh ngã, không phân biệt. Tể là phân biệt ngã, có cắt đoạn. Chỉ là ngã thứ bảy. Tể là ngã thứ sáu, chủ là thế gian ngã, hay tạo tác hay thọ dụng. Tể là Thánh giáo ngã, vì nương dụng mà biện, đều thông làm năm giải thích: Thánh giáo pháp gọi là quỹ, vì nương dụng mà biện. Thế gian pháp gọi là trì, vì chấp thật tự thể năng tự trì, đều thông làm năm. Trong đây đều nương nghĩa tăng thượng mà nói. Bốn giải thích cùng nương thế gian Thánh giáo, giải thích thứ năm phối hợp riêng.

Hữu tình mạng giả v.v... Kim Cang Bát-nhã nói có bốn, tuy các tên gọi khác nhau, nay Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi phiên dịch là: Ngã, chúng sinh, mạng giả, thọ giả. Trong luận của Bồ-tát Thiên Thân giải thích: "Thấy năm uẩn sai biệt, mỗi mỗi ấm là ngã, vọng thủ như vậy gọi là ngã tướng", ý đây tổng chấp ba đời năm uẩn sai biệt làm ngã. Thấy thân tương tục chẳng đoạn, gọi là chúng sinh. Đây tính năm uẩn từ khoảng trước lại tương tục chẳng đoạn nên gọi là chúng sinh. Một báo mạng căn chẳng đoạn trụ, nên gọi là mạng giả. Đây tính hiện tại hiện có mạng. Mạng căn đoạn rồi lại sinh trong sáu đường, đó gọi là thọ giả. Đây thấy đời tương lai thọ lại khởi. Lý căn cứ đây gọi là dưỡng dục giả. Dưỡng là vị lai. Các nhà phiên dịch nhầm mất, gọi thọ giả là không đúng vì sinh giả là mạng giả. Ở trong các giáo nên riêng nói có thọ giả. Do đây kinh kia chỉ nói bốn thứ để duyên ba đời tổng biệt mà tính. Luận Du-già quyển 83 chỉ giải tám tên:

1. Ngã, ngã ngã sở thấy hiện tiền hành. Nêu có năng duyên để hiển bày sở duyên, ngã thể là có.

2. Hữu tình nghĩa là các Hiền thánh như thật rõ biết, chỉ có tánh đây, ngoài ra không pháp nào khác. Lại đối với kia có mến ái đắm

trước. Tình là tánh vậy, mới đầu tổng nói nghĩa của hữu tình kia không thể có thể nêu bày, tức năm căn v.v... đều gọi là hữu tình. Đây tức là ngã, chỉ có tánh đây, ngoài ra không pháp nào khác, sau giải lấy ái làm tình, năng sinh ngã ái, nói là hữu tình, vì pháp tánh kia sinh ái trước. Nếu không có hữu tình, chỗ ái tình là ai?

3. Ý sinh là ý chủng loại, có năng tư lương thắng tác dụng. Hiển bày là ý loại nên gọi là ý sinh.

4. Ma-nạp-phược-ca y chỉ nơi ý mà có cao thấp. Nếu tổng thích nghĩa thì đây gọi là Nhu đồng. Nhu nghĩa là tốt đẹp, đồng nghĩa là tuổi trẻ, tuổi trẻ tốt đẹp gọi là Nhu đồng. Luận y cứ biệt thích, Ma-nạp nghĩa là cao, vì cao mạn kẻ khác. Phược-ca nghĩa là thấp, vì ty hạ kẻ khác. Do y chỉ ý, hoặc lăng mạn kẻ khác, hoặc ty hạ kẻ khác nên gọi là Ma-nạp-phược-ca.

5. Dưỡng dục giả, tăng nghiệp hậu hữu, vì làm dụng Sĩ phu. Mới đầu dưỡng vị lai, sau trưởng dưỡng hiện tại.

6. Bổ-đặc-ca-la do năng luôn luôn thủ các thủ, các Hiền thánh v.v... cũng gọi như thế, là từ thân cũ chưa đắc đạo mà nói.

7. Mạng giả là cùng thọ mạng hòa hợp hiện tại nên gọi là mạng giả. Thọ mạng là biệt, giả là tổng vậy, tổng giả cùng biệt mạng hòa hợp, hiện tại nên gọi là mạng giả.

8. Sinh giả nghĩa là xuất hiện đủ v.v...

Luận Du-già quyển 10 ghi: "Sinh là gì? Nghĩa là thai sinh và noãn sinh, lúc mới đầu gá sinh, các sinh thế nào? Nghĩa là tức ở thân phần kia viên mãn. Nhưng lúc chưa sinh, thú thế nào? Nghĩa là từ đó sinh ra. Khởi thế nào? Nghĩa là ra rồi tăng trưởng. Xuất hiện thế nào? Nghĩa là thấp sinh và hóa sinh thân phần liền khởi. Uẩn được thế nào? Nghĩa là các sinh vị, năm thủ uẩn chuyển. Giới được thế nào? Nghĩa là chỗ các uẩn nhân duyên nhiếp tánh. Xứ được thế nào? Nghĩa là tức các uẩn chỗ duyên khác nhiếp tánh. Các uẩn sinh khởi thế nào? Nghĩa là chỗ nuôi lớn của các uẩn thường ngày ăn uống. Mạng căn xuất hiện thế nào? Tức thọ lực khác các uẩn nên được tương tục trụ. Lược nghĩa trong đây, nghĩa là sinh tự tánh, hoặc sinh xứ vị, hoặc sở sinh hoặc chỗ nhân duyên nhiếp, hoặc chỗ Trụ trì dẫn, hoặc câu sinh y trì. Sinh thứ nhất trong mười trước và thứ năm xuất hiện là sinh tự tánh. Thứ hai, ba, tư là sinh xứ vị. Thứ sáu, uẩn được là sở sinh. Thứ bảy, giới được, thứ tám xứ được, là thuộc về nhân duyên sinh. Thứ chín, các uẩn sinh khởi, là chỗ nhận trì dẫn. Thứ mười, mạng căn xuất hiện là câu sinh y trì. Nghĩa là sinh thì có đủ mười nghĩa đây. Vì tổng tác dụng nên chỉ nói tám. Hợp dụng Sĩ phu

vào dưỡng dục giả phần nhiều tính. Nếu khai mở làm hai, tăng thêm nghiệp hậu hữu, gọi là dưỡng dục giả. Dục thân hiện tại, làm dụng Sĩ phu, gọi là Sĩ phu, đứng về đời mà khai mở. Trong kinh Năng Đoạn Kim Cương Bát-nhã y cứ Phạm bản của Đỗ Hành Khải, năm Trinh Quán thứ 23 (650) thời Tiền Đường, tại cung Ngọc Hoa, ban đêm phiên dịch sáng sớm tiến dâng. Bản đã riêng biệt, so tên cũng khác. Trước tám sau chín, y cứ các bản Đại Bát-nhã v.v... và Năng Đoạn Kim Cương trong Tự bản của Đại sư Huyền Trang phân Phạm bản cũng có bốn. Do đó, phần Thích của Bồ-tát Thiên Thân v.v... chỉ có bốn chẳng phải nhiều. Trước tám của năng đoạn kia là: Hữu tình, mạng giả, sĩ phu, sổ thủ thú, ý sinh, Ma-nạp-bà, tác giả, thọ giả. Văn sau nói chín là ở tám đây thêm ngã, văn trước nhân nói độ tất cả hữu tình. Hữu tình là đầu tiên, lược không có ngã đó. Sĩ phu trong đây tức là dục dưỡng giả, vì thân hiện tại làm dụng Sĩ phu. Luận Du-già nói sinh giả tức tác giả, thuộc tám thứ được nói trong đây. Sáu thứ trước là tướng biệt hành, hai thứ sau thông tướng hành, nên trước nói tám, sau gồm nói ngã. Sáu tướng biệt hành, hai thông với tướng hành do đó có chín. Đại Bát-nhã một xứ nói mười ba, trong tám loại của luận Du-già, thêm sĩ phu, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả, khai mở dưỡng dục trong tám thứ của Du-già phân làm hai đời, nên nói Sĩ phu. Y cứ đây, chín thứ trước là tác dụng biệt, bốn thứ sau tác dụng thông, y cứ tác dụng biệt, hành tướng đơn mà nói. Hoặc nói mười lăm, thêm sứ tác giả và sứ thọ giả, y cứ hành tướng đơn, trùng, thông, biệt nói đủ. Mười ba trước là đơn nói, hai thứ sau là trùng. Chín thứ trước biệt, sáu thứ sau chung cho cả hành tướng, Đại Bát-nhã quyển 7 nói có mười bảy, trong mười lăm trước thêm khởi giả, sử giả. Hoặc nói trong mười bảy trước, thêm sử tri giả, sử kiến giả. Hai bản văn sau cũng y cứ hành tướng đơn trùng chung riêng, tất cả nói đủ. Do đây, các giáo nói số chẳng đồng.

Dự lưu đẳng là ngang bằng với hai mươi bảy Hiền thánh, mười ba trụ đẳng Bồ-tát. Hai mươi bảy Hiền thánh gồm:

1. Tín giải
2. Kiến chí
3. Thân chứng
4. Tuệ giải thoát
5. Câu giải thoát
6. Dự lưu hướng
7. Dự lưu quả
8. Nhất lai hướng

9. Nhất lai quả
10. Bất hoàn hướng
11. Bất hoàn quả
12. A-la-hán hướng,
13. A-la-hán quả
14. Cực thất phản hữu
15. Gia gia
16. Nhất gian
17. Trung bát Niết-bàn
18. Sinh bát Niết-bàn
19. Vô hành bát Niết-bàn
20. Hữu hành bát Niết-bàn
21. Thượng lưu bát Niết-bàn
22. Thoái pháp A-la-hán
23. Tư pháp A-la-hán
24. Hộ pháp A-la-hán
25. Trụpháp A-la-hán
26. Phạm đạt pháp A-la-hán
27. Trụ bất động pháp A-la-hán.

Mười ba Trụ thánh như Sớ quyển 9 giải thích.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN CHƯỞNG TRUNG XU YẾU

QUYỂN THƯỢNG
PHẦN 2

Kệ tụng về phế lập và lìa hợp của ba thứ uẩn xứ giới ghi:

"Tùy tăng nói ngã sự
Là y sở hành đây
Sinh trì phân hẹp rộng
Không riêng căn sở duyên".

"Tùy tăng nói ngã sự" nghĩa là lập năm uẩn phế lập lìa hợp. Luận Đối Pháp ghi: "Do đâu uẩn chỉ có năm? Vì hiển bày năm thứ ngã sự đó là: Thân ngã sự, thọ dụng ngã sự, nói năng ngã sự, tạo tác tất cả pháp phi pháp ngã sự, chỗ kia y chỉ ngã tự thể sự. Thứ lớp như thế phối hợp giải thích năm uẩn, nên chẳng giảm tăng, có lìa có hợp. "Là y sở hành đây, sinh trì phân hẹp rộng", nghĩa là lập xứ giới, lìa hợp phế lập. Nghĩa xuất sinh là nghĩa xứ nên lược bỏ thức, y và sở hành đây là mười hai xứ, là nơi xuất sinh ra sáu thức đó, nên chẳng lìa là xứ. Nghĩa trì tự tánh, nghĩa năng nhậm trì, là nghĩa giới, nên nói rộng về sở y của thức và nói rộng thức này, đồng thời nói rộng về sở hành, thành mười tám giới là sáu căn sáu cảnh năng trì sáu thức. Tự thể của sáu thức năng trì dụng của thức. Thể năng tự trì, lìa thức lập giới. Thể chẳng tự sinh, chẳng lìa sáu thức để lập làm xứ, nên uẩn giới xứ chẳng giảm chẳng tăng, có lìa có hợp. "Không riêng căn sở duyên" là giải thích Thức thứ bảy, thứ tám chẳng nói riêng là xứ giới. Do vì lìa ngoài căn cảnh sáu thức, lại không có căn cảnh riêng có thể lập giới xứ cho nên chẳng lập. Luận Trung Biên quyển 2 giải thích nghĩa uẩn xứ giới bằng bài tụng:

"Phi nhất và tổng lược
Nghĩa phần đoạn là uẩn
Năng sở thủ thủ kia
Nghĩa chủng tử là giới

Năng thọ cảnh sở liễu
Nghĩa dụng môn là xứ".

Nói rộng như luận này nói, mười loại ba khoa như Đối Pháp sao. Trong đây tổng nêu ba môn phân biệt:

1. Giải thích danh nghĩa
2. Phế lập
3. Mười loại sai biệt.

Các tướng như vậy, bên trong hỏi khởi, thuật nói ba Luận sư An Tuệ v.v... riêng hỏi. Tướng kia đều y chỗ thức chuyển biến mà giả thi thiết. Thế gian đối với đây khởi chấp, Thánh giáo y cứ nghĩa đây nói. Sở chấp, y tha tùy nên riêng nói. Đây là Luận sư Hộ Pháp và Nan-đà giải thích. Luận sư An Tuệ giải thích: Hai thứ tức y Biến kế sở chấp. Lại cùng chẳng đồng giải thích, tướng kia chỉ y Kiến phần Tướng phần gọi là sở chuyển biến, cùng biệt giải thích sau là trong đây, tự chứng cũng sở chuyển biến, sau căn cứ ngã pháp thông y, xưa nay đồng thừa nhận, chỗ Đại Tiểu thành, chỉ y kiến tướng. Đây căn cứ thật y nên đều là tự thể, chủng tử biến hiện hành. Hiện hành cũng biến làm chủng tử vậy, Chân như chẳng phải y nên luận chẳng nói.

Tướng kiến, đồng chủng biệt chủng sinh có hai giải thích: Có thuyết nói Tướng kiến đồng chủng sinh, nghĩa là không bản chất. Ảnh tượng tướng và Kiến phần đồng chủng sinh. Đó có bản chất, bản chất cũng đồng chủng sinh, tức một Kiến phần chủng sinh. Lúc hiện hành, ba pháp đồng một chủng đó là kiến, ảnh chất. Có thuyết nói kiến tướng biệt chủng sinh là bản chất, Kiến phần định biệt chủng sinh. Ảnh tượng tướng đó cùng Kiến phần và bản chất, hoặc dị hoặc đồng, chủng Tướng phần v.v... hiện hành làm nhân duyên nên vốn có Câu sinh. Hiện hành Tướng phần hoặc hòa hợp sinh, chủng mới cũ đồng sinh. Với hai phần này, Luận sư An Tuệ cũng nói chủng sinh, kiến và thể đồng. Hai thuyết Tướng phần, hoặc đồng hoặc dị. Tướng phần không thể, chủng tử là giả. Chánh nghĩa của Sư Hộ Pháp là ảnh chất hai tướng cùng kiến phân làm ba. Ba đây, chủng tử ba tánh giới trói buộc v.v... chưa cần đều đồng, tùy chỗ ứng. Tức chỗ trước nói Tướng phần biệt chủng là chánh nghĩa đây. Bài tụng ghi:

"Tánh cảnh chẳng tùy tâm
Độc ảnh chỉ tùy kiến
Đới chất thông tình, bản
Tánh chủng thảy tùy ứng".

Tổng nhiếp các cảnh, có ba loại:

1. Tánh cảnh. Thể các chân pháp gọi là tánh cảnh. Sắc là chân sắc, tâm là thật tâm, pháp chân thật đây chẳng định tùy tâm. Ba tánh chẳng định, như thật năm trần, chỉ tánh Vô ký, chẳng tùy năng duyên năm thức, thông ba tánh vậy, cũng chẳng tùy tâm đồng ở một trói buộc, như Thức thứ tám là một cõi trói buộc. Sở duyên chủng tử thông ba cõi trói buộc, thân tại cõi dưới lúc khởi hai thông duyên thiên nhãn nhĩ. Thân tại địa trên hai thức nhãn nhĩ thấy cảnh dục giới. Nhị thiền trở lên nhãn nhĩ thân thức duyên tự địa cảnh, thức sơ thiền trói buộc cảnh tự địa trói buộc. Các loại như vậy cũng chẳng tùy tâm, chỗ một chủng sinh. Do kiến tướng chủng mỗi mỗi thể riêng biệt.

2. Cảnh của độc ảnh chỉ từ Kiến phần, tánh trói buộc chủng tử đều định đồng. Như Thức thứ sáu duyên lông rùa, hoa đốm hư không, thạch nữ, Vô vi, giới khác duyên v.v... chỗ có các cảnh. Các loại như vậy đều là tùy tâm, không thể dụng riêng biệt, giả cảnh nhiếp vậy, gọi là độc ảnh;

3. Cảnh của đới chất, nghĩa là ảnh tượng đây có bản chất thật, như sở biến Tướng phần trong Thức thứ bảy được từ bản chất là vô phú Vô ký v.v... cũng từ Kiến phần là chỗ hữu phú nhiếp. Cũng được nói là từ bản chất chủng sinh, cũng được nói là từ Kiến phần chủng sinh, vì nghĩa chẳng định.

Tánh chủng thảy tùy ứng là nghĩa bất định, có hai tùy ứng:

1. Nghĩa hiển ba cảnh, các tâm tụ sinh. Có chỉ có một, có hai hai hợp có ba đồng tụ. Có một là, như trước đã nói. Có hai hợp là như Thức thứ tám duyên tán cảnh tự địa. Chỗ tâm vương duyên là tánh cảnh ở đầu, chỗ tâm sở duyên là cảnh độc ảnh, chỗ năm thức duyên là năm trần tự địa, là tánh cảnh đầu cũng được nói là cảnh của đới chất, như Thức thứ sáu duyên năm uẩn ở quá khứ và vị lai. Đắc là độc ảnh cũng được nói là cảnh của đới chất, huân thành chủng tử sinh bản chất. Có ba hợp là, như nhân thứ tám duyên định quả sắc, chỗ tâm sở duyên chỉ là độc ảnh, chỗ tâm vương duyên là thật tánh cảnh cũng được nói là cảnh của đới chất, chỗ thứ sáu duyên sắc của định quả, là bản chất.

2. Lại tánh chủng thảy tùy ứng là, hiển bày ba cảnh trên tùy chỗ đó ứng, hoặc tánh tuy đồng mà hệ chủng chẳng đồng. Như tại Hạ Địa duyên thượng giới Thiên nhãn nhĩ. Hoặc hệ tuy đồng tánh, chủng chẳng đồng. Như năm thức duyên năm trần tự giới. Hoặc chủng tuy đồng mà hệ chẳng đồng, ước về tụ mà luận đó tức có, một pháp luận tâm tức không, như Thức thứ tám, chỗ tụ tâm sở duyên cùng kiến đồng chủng, chỗ tâm vương duyên mà hệ chẳng đồng.

Hai hợp ba hợp tư duy chuẩn cứ có thể biết, dùng một bài tụng đây định thể các pháp ở trong tám thức hoặc nhân hoặc quả mỗi mỗi hành tướng ở pháp năm uẩn mỗi biệt điệp xuất, sợ nhiều phiền nên đây tạm thôi.

Biến, nghĩa là thức thể chuyển tợ hai phần, giải thích năng sở biến, y hai phần dưới đây giải thích năng sở y. Ngã pháp đều y chỗ thức biến. Nếu y tổng làm hai văn khoa là: Một văn giải thích trong câu thứ ba, hoặc là nội thức chuyển tợ ngoại cảnh. Giải thích năng sở biến, ngã pháp phân biệt huân tập lực nên dưới. Giải thích năng sở y, chỗ ngu phu kế chấp, phân làm hai văn. Năng sở biến là thức sở biến, năng sở y là kia y.

Ngã pháp phân biệt huân tập lực nên v.v... trong văn có hai vặn hỏi. Một, các thức lúc sinh tợ ngã pháp là đều do lực của ngã pháp phân biệt huân tập, hay cũng chẳng do? Nếu đều do là, tám thức năm thức không hai phân biệt, lúc sau sinh quả nên chẳng tợ hai. Nếu chẳng do là, trong đây tại sao chỉ nói ngã pháp huân tập làm nhân?

Đáp: Hai giải thích đều được. Giải thích đó đều do là tất cả Hữu lậu và hai phân biệt trong thứ bảy câu vậy hoặc hai phân biệt trong Thức thứ sáu dẫn vậy, lúc sau sinh quả đều tợ ngã pháp. Giải thích chưa hẳn là vậy, đây nói thứ sáu căn bản duyên khắp tất cả làm nhân duyên phát các thức khiến huân tập. Lúc sau sinh quả tợ ngã pháp cùng khởi. Hoặc chẳng phải ngoài tợ ngoài, Thức thứ sáu, thứ bảy kế chấp làm tợ ngoài được khởi, như Sư An Tuệ nói tám thức có chấp, chẳng phải hỏi đây.

Như người nằm mộng là, Bà-thích-noa Hán dịch là Lưu Chuyển, trước đây dịch Bà-la-na là nhầm. Lưu Chuyển là vua nước My-hy-la, dung mạo đoan chánh, tự cho là không ai sánh bằng, tìm kiếm người có dung mạo thù thắng, muốn so với họ để thấy mình đẹp hơn. Bấy giờ có người nói: “Trong thành Vương-xá có Đại Ca-chiên-diên hình dung rất đẹp trong đời không sai sánh bằng”. Vua bèn sai người đi nghênh đón Ca-chiên-diên đến. Vua ra ngoài cung để đón tiếp, vua chẳng bằng ngài, mọi người chỉ chăm nhìn Ca-chiên-diên mà chẳng ngó ngàn gì vua. Vua hỏi nguyên do, mọi người trả lời: “Ca-chiên-diên dung mạo hơn vua”. Vua hỏi: “Đại đức! Quả nay do nhân xưa trước thế nào?” Ca-chiên-diên đáp: “Xưa kia tôi xuất gia, vua làm kẻ xin ăn. Tôi đang quét chùa, vua đến xin ăn. Tôi quét đất xong, sai vua hốt phân, vua hốt phân xong tôi mới cho vua ăn. Do nghiệp nhân ấy, sinh trong trời người được quả báo đoan chánh”. Vua nghe như vậy rồi, sau đó xin xuất gia là đệ tử

của Ca-chiên-diên. Sau lại cùng Ca-chiên-diên đi đến nước A-bát-địa, vào trong núi Tu đạo riêng tọa thiền một nơi. Vua nước A-bát-địa tên là Bát-thọ-đa, đem các cung nhân vào núi dạo chơi. Cung nhân thấy vua lưu chuyển hình mạo đoan chánh nên vây quanh ngắm nhìn. Vua Bát-thọ-đa thấy vua Bà-thích-noa nghi có dục ý, bèn hỏi rằng: “Ông là A-la-hán ư?” Vua Bà-thích-noa đáp: “Chẳng phải”. Lần lượt hỏi mỗi mỗi ở ba quả còn lại, đều đáp là chẳng phải. Lại hỏi: “Ông lìa dục chăng?” Lại đáp: “Chẳng phải”. Vua Bát-thọ-đa nổi giận bảo: “Nếu vậy tại sao ông vào trong các thể nữ của ta?” Và đánh đập Bà-thích-noa mình mẩy bầm dập ngất xỉu mà chết, đến tối mới tỉnh lại, bèn đến nơi Ca-chiên-diên. Ca-chiên-diên trông thấy vậy, tâm sinh xót thương. Các bạn đồng học với vua thăm hỏi chữa trị. Vua Bà-thích-noa nói với Ca-chiên-diên rằng: “Tôi đến xin thầy tạm được trở về nước cũ nhóm tập quân lính để đánh phá nước A-bát-địa, giết vua Bát-thọ-đa, công việc hoàn tất sẽ trở lại theo thầy Tu đạo”. Ca-chiên-diên bảo: “Vua muốn đi cũng được, nhưng tạm nghỉ lại một đêm đã”. Và Ca-chiên-diên an đặt một nơi tốt lành để cho ông ấy ngủ, muốn khiến ông ấy cảm mộng, mộng thấy nhóm tập binh lính chinh phạt A-bát-địa, quân mình bại trận, thân bị kia bắt, trói buộc tay chân, hoa đỏ đánh đầu, nổi trống muốn giết. Trong cơn mộng, vua kêu lớn thất thanh: “Nay con không trở về, xin thầy cứu giúp, làm nơi nương tựa để được thọ mạng lâu dài!” Ca-chiên-diên dùng thần lực từ ngón tay phát ra lửa, gọi vua khiến tỉnh, hỏi tại sao? Tâm vua chưa tỉnh, còn nói việc lửa cháy. Ca-chiên-diên dùng lửa soi chiếu mà hỏi vua: “Đây là xứ nào? Ông có thể tự xem”. Tâm vua mới tỉnh, Ca-chiên-diên bảo: “Nếu ông đánh nước kia, hẳn sẽ bị bại như chỗ mộng thấy”. Vua nói: “Xin thầy vì trừ ý độc”. Ca-chiên-diên giảng nói tất cả các pháp, thí như cõi nước giả danh không thật, lìa phòng nhà v.v... thì không riêng có cõi nước cho đến rộng nói các thứ nhân duyên đến một cực vi cũng chẳng phải sự thật, không đây không kia không oán không thân vua nghe pháp đó, được quả Dự lưu, dần sau đắc quả A-la-hán.

Cảnh giới chỉ thế tục có là, sớ có hai giải thích, nay lại nói thêm: Biến kế sở chấp, cảnh phàm phu nên chỉ thế tục có, y tha khởi tánh, cảnh trí Thánh phàm, thức cũng thắng nghĩa, hiển bày gần đó.

Bên trong của phá ngã, Số luận, Thắng luận lập ngã tông là: Ngã, ngã tánh là thường, thừa nhận không trước sau vậy, như hư không v.v... Lại, ngã thể khắp cùng, thừa nhận thường trụ vậy, như hư không v.v... chỗ trước lập tông tức là nhân đây, ngã thể thường khắp, thừa nhận tùy

thân tạo nghiệp thọ khổ lạc v.v... vậy, như hư không, vặn hỏi thứ nhất lập lượng là: Hữu, hữu pháp sai biệt lỗi trái nhau. Ngã trên hữu pháp, chỗ ý thừa nhận nghĩa, tùy thân tạo nghiệp, thọ khổ lạc ngã, chẳng tùy thân tạo nghiệp, thọ khổ lạc ngã, là sai biệt của ngã hữu pháp. Nay tạo trái nhau là: Ngã của ông nên chẳng phải tùy thân thọ khổ lạc ngã, thừa nhận không trước sau, như hư không. Vặn hỏi thứ hai lập lượng là: Làm pháp sai biệt lỗi trái nhau, thể khắp cùng trên tự tướng pháp, ý chỗ thừa nhận nghĩa, tùy thân tạo nghiệp thọ khổ lạc thể khắp cùng chẳng phải tùy thân tạo nghiệp thọ khổ lạc, thể khắp cùng là sai biệt. Nay làm trái nhau là: Ngã của ông nên chẳng tùy thân tạo nghiệp thọ khổ lạc thừa nhận thường trụ vậy, như hư không. Vặn hỏi thứ ba lập lượng là: Nhân của tùy thân đã tùy một chẳng thành, ở trên đồng dụ không không, tức chẳng cộng chẳng định. Tông của thường khắp, không là đồng dụ, bình là dị dụ. Nhân tùy thân tạo nghiệp v.v... cả hai cũng đều chẳng phải có. Luận văn hoặc riêng tỷ lượng trái nhau vặn hỏi rằng: Ngã của ông nên chẳng tùy thân tạo nghiệp thọ quả, thừa nhận thường khắp vậy, như hư không. Đây riêng dùng tỷ lượng nêu bày, chẳng cần thuật bản lượng đó.

Ly hệ lập lượng là: Ngã của chỗ nói tùy thân chẳng định, chỗ thân có vậy, giống như ảnh v.v... trong vặn hỏi sau nên nói: Ngã nên có thể bẻ, chấp tùy thân vậy, giống như ảnh v.v... chẳng cần dùng co duỗi giải thích nghĩa tùy thân. Luận Du-già quyển 6, quyển 64 và luận Hiển Dương quyển 10 ghi: "Chấp ngã có bốn:

1. Tức uẩn.
2. Khác uẩn trụ trong uẩn.
3. Khác uẩn trụ trong pháp lìa uẩn.
4. Khác uẩn chẳng phải trụ trong uẩn cũng chẳng phải trụ trong pháp khác uẩn mà không có uẩn, tất cả pháp uẩn đều chẳng tương ưng".

Ba loại sau đều thuộc về dị uẩn chấp, hợp làm hai ba loại. Một hai trong tánh nhiếp hết, nó chỉ phá ngoại đạo chẳng phá Tiểu thừa, nên không cùng uẩn chẳng tức chẳng lìa. Phá trong chẳng phải tức lìa, lại có lập lượng là: Chỗ ông chấp ngã, chẳng nên nói là ngã, ngã chẳng phải ngã kẻ khác, thừa nhận chẳng thể nói vậy, như Hữu vi, Vô vi. Nghĩa đây tuy có thể vậy, chẳng thuận ý văn, mới phá một ngã, chẳng phải tất cả. Luận đây lại chỉ phá một Sư chấp ngã, chẳng phải tất cả, giải thích này mới phá chung tất cả. Lại, chỉ nêu một pháp đủ làm đồng dụ, sao mượn Hữu vi Vô vi. Lại, luận tổng khiến ở ngã chẳng phải ngã tụ cũng nên

chẳng thể nói, như Hữu vi Vô vi, sao được mới nói như Hữu vi Vô vi, ngã chẳng phải ngã kẻ khác, cho nên lẽ ra như sớ giải thích.

Trong phá tác dụng, lược có bốn loại:

1. Sinh tử có dụng, Niết-bàn không có dụng.

2. Tăng-khư v.v... không tác dụng động chuyển, các thứ khác có dụng ấy.

3. Thêu dệt cũng không dụng tác thọ v.v...;

4. Chánh vặn hỏi có dụng, đặt câu hỏi không có dụng.

Dục tham gọi là thủ, tuy văn của Đối Pháp đồng với Thập địa giải thích Thủ chi rằng: "Ái tăng thượng gọi là Thủ". Đây tùy nghĩa tăng, chẳng phải lý chân thật, căn cứ thật mà nói, như luận Du-già v.v... ghi: "Tất cả phiền não gọi là Thủ chi". Thủ uẩn cũng vậy, uẩn năng sinh thủ, như hoa quả cây, uẩn từ thủ sinh, như cỏ trấu lửa.

Chỗ Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám cùng Kiến đồng một trói buộc, vì mặc tình duyên. Thức thứ sáu mặc tình duyên, tại sao? Tức tổng hoặc biệt, hoặc đồng địa chẳng đồng địa trói buộc, nên tư duy đó vậy, tùy chỗ duyên hiện hành trói buộc không tùy chủng, nhuận sinh kiến duyên sẽ sinh. Văn quyển 88 duyên khắp pháp ba cõi, hàng Nhị thừa trước phục tu vào Kiến đạo. Có thuyết nói Tu hoặc Kiến hoặc một lúc chóng đoạn, gia hạnh vui cầu vì trước bẻ gãy thế lực, có thuyết nói khởi Vô gián đạo đoạn. Nay lấy chóng đoạn, chẳng lấy biệt đoạn.

Nói khởi tướng tự tâm, có hai giải thích:

1. Tức tướng ảnh tượng.

2. Tức tướng sở chấp, tuy không thật thể, xứng tình mà hiện vậy, các thuyết nói về tướng tâm đều theo đây mà biết.

Hai ngã chấp đây tinh tế nên khó đoạn, sớ có ba giải thích:

1. Vì tướng hành kiến của Tu đạo vi tế, đi với Kiến đạo, hoặc trong Tu đạo tự mong tám thức trước là tế.

2. Vì Kiến đạo dễ đoạn nên gọi là tế, đạo trên khó trừ nên gọi là thô. Như tự phần thô tế trong ba tâm.

3. Kiến đạo đứng về năng trị đạo yếu kém, tướng sở đoạn từ phẩm đầu tiên gọi là tế, Tu đạo đứng về hành tướng tự phẩm, gọi là tế.

Khó đoạn, trong sớ giải thích cũng có ba:

1. Thế đạo chẳng phục.

2. Dần dần sơ đạo chẳng đoạn vì chẳng phải Kiến đạo.

3. Khuyết đạo chẳng trừ, cốt yếu chín phẩm đầy đủ, đạo mới có thể đoạn.

Nay, thứ tư nếu vượt người quả thứ ba, Thức thứ sáu chấp, ở đây

có năm giải thích:

1. Kiến đạo không thể đoạn, sau khi vượt đắc quả mà cũng chẳng đoạn, cần phải đến tâm Kim cương cùng Thức thứ bảy chấp một lúc đoạn.

2. Sau vượt đắc quả, riêng khởi đạo đoạn, nó đã chẳng chướng quả, tại sao địa kia mê hoặc, như Thức thứ bảy chấp đây cũng đâu có trái ngược.

3. Lúc vượt đắc quả, sau tướng Kiến đạo lại chẳng vượt quán, riêng khởi Thắng tấn đạo, Gia hạnh đạo v.v... đoạn hoặc tu đạo đắc quả thứ ba, các xứ chỉ nói tâm thứ mười sáu đã biết căn nhiếp mà dựng lập quả, tại sao trong đây sau khởi Tu đạo đoạn hoặc đắc quả. Vì sơ quả chẳng phải vượt qua.

4. Lúc vượt đắc quả, từ tướng Kiến đạo tức vào Tu đạo, không gián đoạn, giải thích thoát đoạn Tu hoặc đắc quả. Chẳng khởi gia hạnh, không duyên riêng khởi Gia hạnh đạo.

5. Lúc vượt đắc quả, tức một sát-na thân thật Kiến đạo, không gián đoạn, Kiến hoặc Tu hoặc cả hai đều đoạn, tuy đạo đời trước chẳng phục ngã chấp, do ý lạc thù thắng vào vị Kiến đạo.

Phục và chẳng phục trong một niệm đều đoạn, y cứ giải thích thứ nhất. Đạo luôn luôn tu, đoạn chẳng luôn luôn, y cứ giải thích thứ hai và thứ ba, đạo đoạn đều luôn luôn, y cứ giải thích thứ tư, trước lìa Vô sở hữu xứ sau đó muốn khởi thứ ba sau thành vô học, chỉ hai phẩm đoạn. Tóm lại, tùy chỗ xứng đáng trước mà thành nghĩa luôn luôn hoặc chẳng luôn luôn.

Vượt qua quả thứ tư chóng thủ hai quả là, tuy thiếu Hữu đảnh, thiếu tám phẩm trước, ngã chấp ba cõi mà không thể đoạn, lần lượt đắc quả. Trong Phi tưởng địa có hai nghĩa nói, nếu là chín phẩm đoạn, tám đạo trước cũng chẳng trừ đó, tức địa phẩm thứ chín. Nếu là một phẩm đoạn chỉ khuyết Hữu đảnh tức năng đoạn hết, nghĩa trước là chánh, nghĩa sau không có văn nói, ba mươi bốn niệm v.v... cần phải đủ chín phẩm. Thứ bảy cần yếu khuyết Hữu đảnh, thứ chín mới năng đoạn hết. Do khó đoạn đây nên luôn luôn đoạn. Đó là người vượt qua quả thứ tư, Thức thứ sáu chấp đạo luôn luôn tu, đạo chẳng phải luôn luôn, một phẩm đoạn vậy, lần lượt đắc quả, một địa mà giải thích, tám đạo trước luôn luôn tu, thân kiến phẩm thứ chín trừ, đoạn chẳng phải luôn luôn. Nếu gần chín chín địa mà luận, đạo đoạn đều luôn luôn nếu hồi tâm rồi chỉ tập luôn đoạn chẳng phải chủng.

Phân biệt hai chấp đã chẳng nói chung riêng, tức ngã của uẩn gồm

hai mươi câu v.v... luận chỉ nói riêng, mà không có văn nói chung. Đây có hai giải thích:

1. Y cứ văn nghĩa thật không có chung, nhưng chưa thấy văn chỉ cùng Câu sinh trước chẳng đồng, do đó chẳng nói.

2. Giải thích thật có chung riêng vì đồng với trước nên lược mà chẳng luận, như uẩn chấp ngã lẽ đâu chọn lựa tổng ư? Giải thích này là thù thắng ngã của lìa uẩn chẳng nói chung riêng.

Hai ngã chấp đây, trước lúc Kiến đạo đoạn là như sớ có thể biết. Ba tâm Kiến đạo phân biệt hai chấp. Ba tâm Kiến đạo tại sao đoạn mới đầu, tại sao đoạn sau? Hai thứ đều thông, đều có lực của bạn tà, tư duy tà khởi. Một là lực tà giáo khởi nên đoạn sau, lực tư duy là đoạn trước, vì thô dễ đoạn. Giải thích thứ hai trái với đây, là lực tà giáo khởi là đoạn trước, như tiếp tục thiện căn trước thế mỏng kém. Lực tư duy tà khởi đoạn sau như tiếp tục thiện căn, địa ngục lúc chết tiếp tục, vì thế lực bền chắc. Giải thích thứ ba, tức uẩn kế chấp v.v... đoạn sau, vi tế nên uẩn ngã tương tợ, lìa uẩn kế chấp đoạn trước, vì thô mạnh. Giải thích thứ tư, bất định, trong chín Địa mỗi mỗi địa đều có thô tế. Thô là trừ trước, tế là đoạn sau. Do ở một lúc hành có thô tế, đoạn có trước sau, các phiền não đó cùng đây đồng lưu, tùy phẩm loại đó, nói đoạn trước sau. Luận về sức huân tập cho nên được thức có ghi nhớ. Hỏi: Tâm trước thiện, chẳng thiện huân nên sau có thể ghi nhớ, tâm trước nếu Dị thục, chẳng huân, sau chẳng ghi nhớ ư? Đáp: Tâm trước là năng huân, có chủng sau năng ghi nhớ. Tâm trước nếu Dị thục, chẳng huân sau chẳng ghi nhớ. Hỏi: Tâm trước là năng huân, có nhân quả năng ghi nhớ. Tâm sau nếu Dị thục, không nhân ghi nhớ chẳng phải quả ư? Đáp: Tâm trước là năng huân có nhân sau năng ghi nhớ, chưa hẳn cần đồng tánh, Dị thục đâu ngại ghi nhớ, như trước tâm sân, sau tâm thiện ghi nhớ, khác tánh làm nhân, khác tánh năng ghi nhớ. Phật ghi nhớ tất cả mọi sự từ vô thỉ. Hữu lậu túc mạng há chẳng thể ghi nhớ tâm Dị thục ư? Chỉ do lúc sau huân tập thù thắng nên có thể ghi nhớ việc trước, chẳng phải cần nhân đây sinh quả đây.

Đã có ba tướng, sao thấy là một? Đây là vặn hỏi ba đức mỗi mỗi nên thấy một, không đồng với sớ. Một căn lẽ ra được tất cả cảnh, vì căn không riêng biệt, một cảnh các căn được, vì cảnh không khác.

Phá các câu "thường" trong Thắng luận: phá chấp thường của Thắng luận thứ nhất vặn hỏi có dụng chẳng phải thường, thứ hai vặn hỏi không dụng tức là thức.

Trong phá vô thường: thứ nhất vặn hỏi có ngại chẳng phải thật,

thứ hai vặn hỏi không có dụng tức là thức.

Trong phá thật đức: thứ nhất, vặn hỏi câu đại chẳng phải thật; thứ hai, vặn hỏi tánh cứng v.v... chẳng phải đức; thứ ba, vặn hỏi địa v.v... chẳng phải kiến; thứ tư, vặn hỏi câu sắc chẳng phải đức.

Trong câu "phá thật": thứ nhất vặn hỏi có phá vô thường; thứ hai, vặn hỏi không ngại thành có, thừa nhận sắc căn thủ nên khiến thành có ngại.

Trong câu "phá hữu", có bốn đoạn:

1. Lỗi pháp tự trái nhau. Họ nói: Hữu tánh, lìa ngoài câu thật có tự tánh riêng, vì thừa nhận chẳng phải không có, như đức nghiệp. Đây có lỗi bất định, vì câu thật là dị pháp dụ, vì nhân đi với nó là có. Nay nói: Lìa ngoài câu "thật", không có tự tánh riêng, vì thừa nhận chẳng phải không có, giống như câu "thật". Các sư ngoại đạo kia, nếu vì đức nghiệp như nhân dị hòa hợp làm lỗi bất định, chẳng phải lỗi bất định, vì nó bất định chẳng phải tự chung cùng. Luận đã dùng đức nghiệp làm đồng dụ, chỉ tỷ lượng trái nhau.

2. Có lỗi pháp tự tướng trái nhau. Họ nói: Có tánh lìa thật, có tự tánh riêng, thừa nhận khác thật vậy, như đức nghiệp, vì có tánh làm hữu pháp. Nay nói: Có tánh nên chẳng phải có tánh, nên thành tự tướng hữu pháp trái nhau. Nay nêu không có pháp làm dụ, cũng thành quyết định trái nhau.

Thứ ba, thứ tư đều cùng tỷ lượng trái nhau.

Vặn hỏi trong tánh đồng dị: Thứ nhất, lỗi tự tướng hữu pháp trái nhau. Họ nói: Tánh đồng dị, định khác thật riêng có, vì thừa nhận khác thật như đức nghiệp. Nay khiến đồng dị cũng chẳng phải đồng dị, nên thành tự tướng hữu pháp trái nhau, tại sao cũng gọi là thừa nhận khác thật v.v...? Nhân chẳng chỉ hiển bày có khác ở thật đức nghiệp, cũng hiển bày tánh thật v.v... chẳng phải thật tánh, như năng thành ngăn ngừa thật. Như vậy cũng năng thành ngăn ngừa tánh đồng dị, vì đều quyết định, nên thành tự tướng hữu pháp trái nhau. Lại chẳng chỉ có tỷ lượng và quyết định trái nhau và có tự tướng hữu pháp trái nhau. Nên luận nói là "cũng", nếu không như vậy cũng nói liền trở thành không dụng. Lỗi tỷ lượng trái nhau là ba thứ thật đức nghiệp là không tánh riêng, trong câu sáu, câu mười tùy một nhiếp, như đại, hữu v.v...

Lại, hoặc thật tánh, định khác thật không, vì thừa nhận hiển bày thật. Ngoài ra, đức nghiệp tánh cũng vậy, cũng thành quyết định trái nhau. Vặn hỏi thật chẳng phải thật, cũng đồng đây phá, nhân lời nói bèn phá chẳng phải chánh vặn hỏi; Thứ ba, chuẩn cứ trên trở lại hai vặn

hỏi, tổng biệt có khác, nghĩa lý không riêng; Thứ tư, tỷ lượng trái nhau, kia nói thật tánh, không có tánh riêng, thừa nhận chẳng phải mới đầu có ba, như đại hữu v.v... chẳng chỉ thiếu không có đồng dụ mà thành lỗi bất cộng bất định cũng thành tỷ lượng trái nhau; thứ năm, cũng tỷ lượng trái nhau.

Phá lìa thức thật có tự thể trong trí hiện lượng, tâm, tâm sở trong câu đức đáng lẽ có chọn lựa. Trong phá Đại tự tại thiên, luận văn nói có bốn nhân, như thứ lớp trở xuống vặn hỏi ở tông trên, nhưng lại hỗ tương làm nhân. Một nhân vặn hỏi ba tông cũng được, như lý nên biết.

Trong luận về Thanh, luận Du-già quyển 15 ghi: Xứ sở căn tài thi thiết kiến lập là như rễ cây là cội rễ gieo trồng cây. Cội rễ của thanh, gọi đó là căn tài tức là chữ, biện ra Thanh xứ sở gọi là xứ sở, gốc Thanh Minh. Nghĩa là kiếp mới đầu khởi, Phạm thiên sáng tạo một trăm vạn bài tụng Thanh Minh, sau mạng tuệ giảm, sau đó Đế Thích lược làm mười vạn bài tụng, tiếp đến có Tiên Ca-đa-một-la lược làm một vạn hai ngàn bài tụng, tiếp nữa có Tiên Ba-nị-ni lược làm tám ngàn bài tụng. Trên đây bốn luận đều gọi là xứ sở, nay hiện hành chỉ có hai loại sau, còn hai luận trước đều đã diệt mất. Thể chữ căn tài Thanh Minh luận có ba trăm bài tụng. Tiên Ba-nị-ni lại lược tạo thành Thanh Minh tụng có một ngàn bài tụng, gọi là Thanh Minh lược bản tụng. Sau đó có Bát Giới luận, có tám vạn bài tụng, gọi là Nhân Duyên. Lại có Văn Thích-ca luận, một ngàn năm trăm bài tụng. Lại có Ôn-na-địa luận, hai ngàn năm trăm bài tụng. Năm Thanh Minh đây đều gọi là Căn tài, năng cùng căn bản xứ sở Thanh minh làm sinh trí giải thích gốc sở y. Nhưng Bồ-tát Hộ Pháp tạo hai vạn năm ngàn bài tụng, gọi là Tạp Bảo Thanh Minh luận, ở Tây phương lấy làm cực luận của Thanh Minh rốt ráo, rất thịnh hành ở đời, nhưng Thanh Minh luận có năm phẩm. Luận Du-già ghi: "Tương tục, Danh hiệu, Tổng lược, Bỉ ích, Tuyên thuyết".

Thứ nhất, Tương tục là pháp hợp thanh hợp chữ làm một phẩm là phần thứ nhất.

Thứ hai, Danh hiệu nói về kiếp mới đầu, Phạm thiên ở mỗi mỗi pháp đều lập ngàn tên gọi. Đế Thích sau giảm làm trăm tên gọi, sau lại giảm làm mười tên gọi, sau nữa lại giảm làm ba tên gọi, gồm cả thảy làm một phẩm, là phẩm danh hiệu phần trong danh hiệu phẩm thứ hai.

Thứ ba, Tổng lược là căn bản lược yếu trong Thanh Minh.

Thứ tư, Bỉ ích là tiếp trong lược đó, khiến vật sinh giải thích hiểu gọi là Bỉ ích.

Thứ năm, Tuyên thuyết là tuyên thuyết rộng, nghĩa là rộng trong

lược, với ba phẩm sau tức là phần sau.

Trong ba Thanh luận có chấp: Tất cả âm thanh đều là thường, có hai giải thích:

1. Tất cả tất cả tức nội ngoại đều chấp thường.
2. Phần nhỏ tất cả, nghĩa là tất cả Thanh bên trong thường.

Tuy có hai giải thích, giải thích trước là thù thắng. Vật ngoài tuy là chẳng thuyên, hiển bày duyên của sinh thanh cũng có tất cả vật chung cùng, cũng có mỗi mỗi riêng biệt, tùy nên có đó.

Trong phá Tát-bà-đa có ba loại:

1. Thuật tông đều chẳng phải.
2. Phá riêng.
3. Tổng kết.

Phá riêng lại có ba:

1. Đồng luận Quán Sở Duyên.
2. Tỷ lượng có thể biết.
3. Tỷ lượng nói: Hòa hợp cực vi, chẳng phải lìa ngoài bản cực vi có thể tướng riêng biệt, tức là lúc không hòa hợp là cực vi như lúc không hợp.

Năm cảnh, lược lấy năm môn phân biệt:

1. Giả thật.
2. Hữu lậu Vô lậu.
3. Ba tánh.
4. Phân biệt Dị thục v.v...
5. Thức duyên phân biệt.

Cực vi, năm môn phân biệt là:

1. Biện về nhãn duyên.
2. Vặn hỏi lỗi trái nhau.
3. Nói về lợi thù thắng.
4. Tâm sở quán nào cần phương tiện, chẳng phải sinh được.
5. Tâm của năng duyên thuộc Đế nào.

Hữu lậu thông hai Đế, Vô lậu chỉ thuộc Đạo đế, nhưng chẳng phải chỉ có Khổ, thông thiện và bất thiện, chấp làm thật có. Vì chánh quán quán sát chẳng phải chỉ Khổ đế. Nhưng y cứ tư nguyện thiện ác phần hạn, đây là thân Phật là câu riêng của vô biểu, ngoài ra còn lại là câu chung của vô biểu. Do Phật vô biểu tuy là từng được chẳng phải niệm niệm mới sinh. Vì xưa trước phát nguyện chế phục nghiệp suy nghĩ rằng chúng sinh giới tận, ước mong ta mới tận, vì tâm không có cùng tận, hoặc thường có, ngoài Phật ra, hoặc đều chưa từng được. Do nguyện

chế tư chẳng khô cạn. Chưa gặp phá duyên, hoặc thường tương tục, hoặc gặp duyên của Phạm xả, nguyện đã úa hết lại chẳng khởi mới, gọi là xả hoặc. Nhưng Định đạo vô biểu chỉ y cứ Thiện tư phần hạn. Biệt giải thích thoát vô biểu toàn y cứ Thiện tư nguyện phần hạn. Bất luật nghi vô biểu chỉ y cứ Ác tư nguyện phần hạn. Ở trong vô biểu thông y cứ thiện ác tư nguyện phần hạn, nên nay hợp nói.

Tăng trưởng vị lập là ngoài Phật ra, thân Phật tu như xưa chẳng tăng trưởng. Phát thân ngữ tư. Trong sớ chỉ nói là nghiệp chẳng phải biểu, vô biểu. Nghiệp của danh thân biểu, là nghiệp của động thân biểu, đây là Y chủ thích. Chỉ nói thân nghiệp cũng là nghiệp của động thân. Nếu nói thân biểu, là biểu của y thân, ngữ đó tức nghiệp của biểu phát ngữ, cũng nghiệp của ngữ biểu tùy ứng đều được. Hai tư, hai nghĩa của phần giữa, phần sau trong ba tư gọi là đạo, tư trước có khắp. Thẩm tư lự đó chỉ sinh một nghĩa ngay quả gọi là đạo.

Hỏi: Nếu thừa nhận chỗ tư phát thân ngữ lập vô biểu gọi là ý cũng do tư làm, nên phải lập biểu xưng, hỏi chỗ thân ngữ tư làm thì thừa nhận tên nghiệp, chỗ ý thức tư tạo cũng nên lập nghiệp xưng ư?

Đáp: Không như vậy, ngoài thân ngữ bày rõ biểu khác biểu. Ý chỉ bên trong giải thích tự biểu chẳng phải kẻ khác. Tạo tác gọi là nghiệp. Thể thân ngữ tạo tác. Thể ý tuy kẻ khác dẫn, chẳng phải tác chẳng gọi là nghiệp. Xúc, tác ý, v.v... đó đều do tư tác để thành ba tánh. Thể chẳng phải tạo tác, cũng chẳng gọi là nghiệp, cũng chẳng gọi là tự biểu. Chẳng phải vương chẳng phải thắng vậy. Quyển 59 ghi: "Thân ngữ gọi là nghiệp đạo, phát tư gọi là nghiệp". Tham sân tà kiến gọi là đạo là tùy thuận Tát-bà-đa cùng với đây chẳng trái nhau. Trong biểu và vô biểu lược làm bài tụng là:

"Ác hoặc sinh nhà kia
Phát tâm khởi nhẫn lạc
Đó là bất luật nghi
Nghiệp đạo còn thích thành
Ít nhiều làm sự kia
Bèn thành nghiệp bất thiện
Ngoài ra lại có người
Phát tâm thảy cũng vậy
Đây do xả năm duyên
Thề xả và thọ giới
Mạng chung được thượng định
Giới mất hai hình sinh

Tỳ-kheo chẳng tự thọ
Từ khác chọn lựa vậy
Cận sự và cận trụ
Tự thọ cũng từ khác
Biểu nghiệp định từ khác
Vô biểu thông hai thọ
Tự thọ chỉ ý biểu
Chẳng biểu bày khác vậy
Xuất gia bỏ năm duyên
Xả học phạm trọng tội
Hình mất hai hình sinh
Đoạn thiện bỏ đồng phần
Cận sự do ba duyên
Xả học thiện căn đoạn
Và bỏ Chúng đồng phần
Cũng trước chẳng pháp diệt
Cận trụ cũng do ba
Nhật Xuất bỏ học xứ
Và bỏ Chúng đồng phần
Chẳng đoạn thiện pháp diệt
Định giới thông Vô sắc
Cận phần đầu là đoạn
Còn trì xa phần tánh
Gọi là Định luật nghi
Đạo giới chỉ chốn định
Chín sắc ba Vô sắc.

(Vì Kiến đạo thừa nhận y cứ năm Địa, Tu đạo cũng chỉ thông ba Vô sắc. Luận Du-già quyển 100 ghi: "Chín Địa năng hết lậu tức sáu Địa ở Sắc giới và năng tận lậu, tức chỉ Tu đạo, Kiến đạo chẳng y cứ khoảng giữa, ba y, năm y sinh vậy").

Là đoạn y kiến tu
Đốn tiệm Vô gián đạo.

(Dự lưu vượt qua Thủ quả thứ tư, ở Dục giới có đoạn đối trị. Luận Đối Pháp quyển 13 ghi: "Dự lưu y chưa đến định được vượt thứ tư", chẳng nói y Địa khác là nay làm hai giải thích, như quyển 10 ở sau giải thích. Đốn tiệm đoạn hoặc, văn trong sớ tự giải thích).

Đây y ở phần xa
Tùy ứng và Hữu đảnh

(Vì thừa nhận có tâm du quán vậy).
Nếu khởi tâm phần khác

(Hai duyên định tán, duyên Hữu lậu Vô lậu đều không phải như vậy thì sai).

Liền xả giới tùy tâm".

Luận: Nhưng y cứ tư nguyện thiện ác phần hạn v.v... là câu chung của tất cả vô biểu, cũng là câu riêng của thân Phật vô biểu. Thân Phật định giới cùng nhân chẳng khác, chỉ khác biệt thoát chẳng tăng trưởng. Tăng trưởng sau nói chỉ y cứ nhân vị, nên Phật biệt thoát vô biểu, chỉ y cứ tư nguyện phần hạn, nguyện cùng tận ở tương lai có thể xả nên chẳng đồng ở nhân, cho nên đây là câu riêng của Phật giới, câu chung của các vô biểu.

Hỏi: Nếu thừa nhận chỗ tư phát thân ngữ lập biểu danh, ý cũng do tư tác, nên phải lập biểu xưng ư?

Đáp: Thân ngữ tánh là nghiệp, có thể y cứ lập biểu danh, ý chẳng phải thể là nghiệp, làm sao được xưng biểu?

Hỏi: Thân ngữ tư tạo nên, tức thừa nhận lập tên nghiệp, ý thức tư tạo nên cũng nên lập tên nghiệp ư?

Đáp: Không như vậy. Tạo tác gọi là nghiệp, thể thân ngữ tạo tác, thể ý tuy kẻ khác dẫn chẳng phải tác nên chẳng gọi là nghiệp, xúc, tác, ý v.v... đó đều do tư tác để thành ba tánh, thể chẳng phải tạo tác, cũng chẳng gọi là nghiệp, nghĩa này nên tư duy. Quyển 59 ghi: "Thân ngữ gọi là nghiệp đạo, phát tư gọi là nghiệp". Tham sân tà kiến gọi là đạo, là tùy thuận Tát-bà-đa cùng đây chẳng trái nhau.

Vặn hỏi trong bất tương ưng. Luận Hiển Dương quyển 18 ghi: "Các Bất tương ưng đều có hai lỗi nên là giả có: một là nhân lỗi; hai là thể lỗi". Nhân lỗi là nếu sinh của sinh nên gọi đó là sinh, thì không quả riêng biệt sinh có thể được. Nếu sở sinh của sinh, gọi đó là sinh, thì chẳng nên gọi là năng sinh v.v... rộng như luận đó nói, nên nay vặn hỏi.

Phá thứ ba trong đắc, chánh phá có hai, trước là phá đắc, sau là phá phi đắc. Trong đắc lại có hai:

1. Y cứ giáo lý đều trưng bày, tức là bảy vặn hỏi.
2. Giả sử có nghĩa riêng biệt trưng bày, lại được ở pháp v.v...

Trong đoạn đầu lại có bốn:

1. Dẫn giáo đều vặn hỏi.
2. Phá chống chế tự tại gọi là thành.
3. Do hiện tại có thể giả nói có.

4. Phá chống chế của họ.

Nếu không đắc nghĩa là pháp chưa khởi nên trọn chẳng sinh là hiện tại hẳn có thiện chủng v.v... nên dù có nghĩa riêng biệt. Trong trưng bày có hai: Trước là hỏi về định, sau là phá riêng. Trong phá lại có hai: Như văn có thể biết, trước phá trong năng khởi có ba, như văn tự hiểu.

Trong thành, bất thành: Chủng tử thành thục, nghĩa là có hai Thừa và thế đạo thành, bất thành, không nói Bồ-tát. Hai chướng trước Kiến đạo của Bồ-tát trước Kiến đạo. Lẽ ra nói phiền não chủng của hai Thừa có thành và chẳng thành, sở tri thuần là thành. Bồ-tát thì nói cả hai, tư lương vị Câu sinh thành và chẳng thành, phân biệt thành và chẳng thành, gia hạnh vị thuần là chẳng thành. Câu sinh có cả thành và chẳng thành. Vào Kiến đạo rồi, Tu đạo thành và chẳng thành, Kiến đạo thuần chẳng thành. Tu đạo thứ bảy thuần là thành; Thứ sáu có thành và chẳng thành, phiền não chướng chẳng đoạn thuần là thành, sở tri chướng chủng có thành và chẳng thành, cứ như thế mà tư duy.

Dị sinh tánh chỉ nhiễm chủng hai chướng trên mà lập. Hỏi: Trí chướng chẳng chướng ở Nhị thừa, tức nói là vô phú, người không tánh hai chướng đều chẳng chướng ba Thừa. Thể sở tri chướng thuộc về tánh nào, đều nên chẳng phải nhiễm ư? Đáp: Có thể đoạn chủng khinh trọng chẳng chướng để gọi là Vô phú. Hai thứ vô tánh đều trọng cùng chướng Thánh đạo của ba Thừa đều gọi là Phú. Nếu chỉ thủ phân biệt chủng gọi là Dị sinh, tức một cõi thành ba cõi, nên gọi là ba cõi Dị sinh. Nếu thủ sinh hiện hành chủng, tức đã lìa dục nên gọi là các cõi Dị sinh. Thủ cùng tánh đồng địa Dị sinh của Thức thứ tám, thể đó tức được.

Đồng phần lược dùng mười môn phân biệt:

1. Giải thích tên gọi (như sớ, Quyết Trạch 52 ghi: Do các phần kia hỗ tương tợ tánh, gọi là Chúng đồng phần. Ý đây thì hiển chúng là các phần kia nhiều chẳng phải một nghĩa. Phần nghĩa là loại. Đồng nghĩa là tương tợ, tức nhiều loại đồng phần tương tợ gọi là Chúng đồng phần).

2. Sở y của hiện hành chủng tử (vặn hỏi đều thông, mạng căn nương đó mà lập, nên đây đều thông, như Đối Pháp giải thích).

3. Đẳng lưu Dị thục v.v... (tất cả đều thông, quyển 52 nêu các vị như âm thanh v.v... nên chung cả ba).

4. Sở y ba tánh (đều chung, quyển 52 ghi: các loại như tà kiến v.v... chư Phật cũng đồng vậy).

5. Nội ngoại sở y (các luận chỉ có nội, trong đây vặn hỏi kẻ khác, nên đều chung cùng ngoại).

6. Hệ chẳng phải hệ y (đều thông).

7. Tổng biệt sở y (Hữu lậu vị Vô lậu vị đều thông biệt tổng).

8. Sở y của kiến sở đoạn v.v...

9. Sở y của học v.v...

10. Chung riêng được xả.

Đã thông nhân pháp, tùy ứng xả đắc, chuẩn cứ theo Tiểu thừa nói. Nay dùng lý lập, có chỉ một đắc chẳng xả, nghĩa là báo thân Phật, có chỉ một xả chẳng đắc, nghĩa là vào tâm vị vô dư. Có trọn định đắc xả, nghĩa là hữu tình không tánh chết đây sinh kia. Có định chẳng xả đắc, nghĩa là vô vi v.v...

Hỏi: Tướng Hữu vi lấy giả lập đồng phần, tướng trạch diệt tợ thừa nhận giả lập ư?

Đáp: Không như vậy. Hữu vi thể dụng tương tợ có đồng phần trạch diệt, không thể lại không dụng nên chẳng lập đồng phần. Chân như là một, vì không tương tợ, chẳng nói đồng phần.

Bốn chánh đoạn là:

1. Luật nghi đoạn, nghĩa là ác pháp đã sinh muốn khiến nó đoạn nên khuyên gắng.

2. Đoạn đoạn, ác pháp chưa sinh, khiến chẳng sinh.

3. Tu tập đoạn, thiện pháp chưa sinh, khiến cho nó sinh.

4. Phòng hộ đoạn.

Thiện pháp đã sinh là muốn khiến nó trụ nên khuyên gắng, đều tức tinh tấn khuyên phát. Tuệ tự có thể dần phục hoặc, từ quả đặt tên nên gọi là chánh đoạn.

Mạng căn, dùng năm môn phân biệt:

1. Thể.

2. Danh.

3. Dị thục phi Dị thục v.v...

4. Hữu lậu Vô lậu v.v...

5. Hỏi đáp phân biệt.

Hỏi: Mạng căn nếu chỉ là chủng tử, tại sao hiện hành chủng tử của tám căn trong địa ngục đều định thành thục?

Đáp: Lại, bảy căn có hiện chủng, mạng căn chỉ chủng, thông luận tám pháp, nên gọi là hiện chủng chẳng phải mạng căn có hiện hành. Lại, tám căn đây định hẳn thành thục, giả sử có chủng tử hiện hành đều định thành đó, chẳng phải nói mạng căn cũng có hiện hành. Lại, vì sở trì sáu xứ làm hiện, đó có gì lỗi ư? Đây do công năng nghiệp dẫn sai biệt, gọi là mạng căn. Phật do nguyện lực khiến chủng tử sinh hiện hành

cùng với phần hạn của sắc tâm v.v... gọi là mạng căn.

Hỏi: Nhàm chán tâm nhập không tâm có tế tâm, nhàm chán sắc nhập Vô sắc có tế sắc, nhàm chán thân nhập không thân có tế thân không?

Đáp: Nếu nhàm chán thô thân cũng có tế thân, như thân Phật. Thô tế đều nhàm chán chẳng được có thân, so với tâm khác.

Hỏi: Nhàm chán tâm nhập vô tâm. Hai định gọi là vô tâm. Nhàm chán thứ nhất nhập thứ hai. Nhị thiền gọi là vô tâm ư?

Đáp: Nhàm chán tâm gồm nhàm chán sáu: Hai định gọi là vô tâm. Nhàm chán dưới chẳng phải tâm trên. Định trên chẳng phải vô tâm.

Hỏi: Nhàm chán sắc vào Vô sắc, tuy có tế sắc gọi là Vô sắc, nhàm chán dưới lên định trên, định trên gọi là vô tâm ư?

Đáp: Nghiệp sắc thượng địa không, tuy có tế sắc, gọi là vô tâm. Báo tâm thượng địa có, chẳng được gọi là vô tâm.

Hỏi: Tâm chủng phòng ngại ở tâm. Định thể chẳng phải tâm sắc, sắc chủng phòng ngại ở sắc, giới thể chẳng phải sắc tâm ư?

Đáp: Chỗ phòng ngại tánh là sắc, năng phòng ngại cũng là sắc thâu nhiếp.

Hỏi: Sở nhàm chán đã là tâm, năng nhàm chán nên là tâm nhiếp ư?

Đáp: Chỗ phòng ngại, chỗ phát đều là sắc, năng phòng ngại ở sắc cũng gọi là sắc. Chỗ nhàm chán tuy tâm không chỗ phát, năng phòng ngại ở tâm chẳng phải tâm sắc.

Hỏi: Tán sắc có thể vậy, Định đạo cộng giới không chỗ phát, sao có thể gọi là sắc. Ở trong vặn hỏi đây có thể gắng tư duy chọn lựa ư?

Đáp: Nhàm chán tâm nhàm chán tất cả, năng nhàm chán chẳng phải sắc tâm, phòng ngại sắc chỉ phòng ác, năng phòng ngại cũng gọi là sắc.

Hỏi: Nhàm chán tâm nhàm chán tất cả, năng nhàm chán chỉ tâm chủng, phòng ngại sắc chỉ phòng ác, năng phòng ngại nên hiện hành ư?

Đáp: Thông với hữu.

QUYỂN 2

Thượng tọa bộ lập hai tướng. Hóa địa bộ lập ba tướng:

1. Sát-na diệt uẩn, tất cả sắc tâm.

2. Một thời kỳ uẩn, nghĩa là thọ mạng. Cả hai phần này biện về tướng.

3. Cùng sinh tử uẩn, tuy riêng có pháp mà chẳng phải ở tướng.

Chánh lượng bộ lập bốn tướng, sắc pháp một kỳ hạn nhiều thời sinh diệt, tâm tâm sở pháp, ngọn đèn, tiếng linh từng sát-na sinh diệt. Động v.v... thời gian dài, đại địa trải qua kiếp trụ. Luận sư Kinh bộ dường như thuận Tát-bà-đa, nên luận Câu-xá quyển 4 ghi: "Ý kia sinh dụng ở vị lai, ba tướng dụng hiện tại", nhưng là giả lập, chẳng phải là vốn chấp. Tướng sở chấp của sư kinh bộ đó vốn cùng Đại thừa đồng đời. Các Luận sư Nhất thiết hữu xưa trước sinh tại vị lai, hiện tại một sát-na, ba tướng thời gian riêng biệt. Vị đầu tiên gọi là trụ, đây quả năng thủ có lực thù thắng. Dị và Diệt thì không thể, vì lực nó yếu kém. Trụ vị trở về sau khiến pháp suy kém, gọi là Dị vị. Dị vị trở về sau khiến pháp sau dụng không có, gọi đó là diệt. Nếu Luận sư Chánh Lý, sinh tại vị lai, ba thứ trụ dị diệt đồng một thời dụng, sinh khiến pháp sắc có dụng. Trụ khéo khiến pháp lấy ngay quả khởi, tức thời của trụ, Dị khéo khiến pháp sau chẳng kịp trở về trước, yếu kém so với trước. Pháp Hữu vi thế lực suy kém chẳng bằng trước, mà hoặc có thời pháp tăng trưởng là do các duyên khác đến khiến sinh, như vậy chẳng phải pháp tánh gốc. Pháp tánh gốc yếu, hẳn suy khác. Thời tăng trưởng đó dị nhưng thể tại tánh khiến pháp yếu. Diệt tức ở thời trụ khởi dụng khiến dụng đến sau niệm không. Nếu kinh chỉ nói có hai tướng, Luận sư Nhất thiết hữu nói: Nêu tướng trước và sau vì lược khoảng giữa, sinh chuyển khiến pháp có dụng, thời của có dụng ở hiện tại, thời vị lai sinh pháp chưa có dụng. Diệt nhân sinh khiến pháp sắp vô dụng. Trong sát-na sau chánh vô dụng. Trụ tuy có pháp chẳng bằng ở sinh. Dị tuy suy pháp, chẳng bằng ở diệ, cho nên lược trụ và dị, chỉ nói ở sinh diệt. Luận sư Chánh Lý nói: Đây hiển hai thời khởi dụng, vị lai khởi sinh công năng, khiến pháp vào hiện tại. Hiện tại có diệt thời, khiến pháp vào quá khứ. Dụng của Trụ và Dị cùng diệt đồng thời. Thời chẳng dị, do đó chẳng nói. Sinh diệt mới là có dụng, mới đầu của không dụng, chẳng nói sinh và trụ dị là hai dụng v.v...

Thứ ba, phá trong bốn tướng có hai đoạn: Trước tổng nêu các lỗi, sau phá riêng. Trong phá riêng có bảy:

1. Vặn hỏi sáu chuyển không sai.

2. Vặn hỏi năng sở chẳng khác.

Cả hai đều có tông, tỷ lượng trái nhau, lỗi bất định. Nghĩa là mới đầu, họ lập lượng: Ba tướng Hữu vi khác chỗ tướng pháp định biệt có thể, nói thuộc chủ, như y phục của Đề-bà-đạt-đa. Sau, Tỷ lượng là: Ba tướng Hữu vi, pháp khác sở tướng là năng tướng vậy, như tướng khói v.v... nên đều có hai lỗi.

Thứ nhất, vặn hỏi Tỷ lượng trái nhau. Danh, cú, văn của ngươi chẳng thật năng thuyên, thừa nhận khác tiếng vậy như sắc, hương v.v...;

Thứ hai, kết quy thanh thuyên.

Thứ ba, ngoại đạo chống chế rằng: Tiếng trên chẳng phải tên gọi của khác tiếng. Lập lượng là: Tiếng trên gãy khúc, định khác sở y thật có. Sắc uẩn trên gãy khúc vậy, như dài ngắn v.v.... Hai, nếu lấy dài v.v... của Đại thừa làm dụ, trong đồng dụ không lỗi sở lập, dài v.v... của Đại thừa chẳng phải khác sở y thật có thể. Ba, nếu lấy tự dài v.v... làm dụ, trong nhân có lỗi pháp kia sai biệt trái nhau. Trong sở y khác thật có, sở y khác biệt xứ thật có, sở y khác đồng xứ thật có v.v... là pháp sai biệt. Lập lượng là: Tiếng trên gãy khúc, định chẳng khác sở y Biệt xứ thật có trên sắc uẩn gãy khúc vậy, như dài ngắn v.v... hoặc văn tự v.v... xứ nhiếp chẳng riêng. Nên biết danh v.v... thật là vô dụng.

Thứ tư, ngoại đạo vặn hỏi: Trong tiếng gãy khúc, chẳng năng thuyên biểu, vì tiếng gãy khúc, như tiếng đàn sáo, luận chủ vì làm hữu pháp sai biệt trái nhau. Trong tiếng gãy khúc năng sinh danh chẳng năng sinh danh, là hữu pháp sai biệt. Lập lượng là: Trong tiếng ông gãy khúc, chẳng năng sinh danh, tiếng gãy khúc vậy, như tiếng đàn sáo. Đây là vặn hỏi y cứ tông khác.

Lại ai nói kia v.v... bày nghĩa tự tông, sợ trái tỷ lượng. Lập lượng là: Tiếng đàn sáo gãy khúc v.v... năng thuyên biểu. Có nhân nhận gãy khúc của tiếng lớn vậy, như tự thừa nhận tiếng bên trong kia lập lượng: Đại thừa tiếng chuông gió v.v... nên có thuyên dụng. Tiếng nhiếp như tiếng bên trong nói v.v... hoặc tiếng bên trong chẳng năng thuyên, tiếng nhiếp. Như chuông gió v.v... Tiếp theo nói: Lấy ngay lý đuổi theo, như chuông gió kia chẳng sinh danh v.v... Tiếng chuông gió của ta v.v... cũng chẳng năng thuyên. Lập lượng là: Tiếng chuông gió của ông v.v... nên sinh danh, tiếng nhiếp vậy, như tiếng bên trong nói.

Thứ năm, tiếng tranh cãi và thanh tức khác.

Thiên ái, tiếng Phạm là Một-kiếp, Hán dịch là ngu. Ngu có ba

tên:

1. Đề-bà, Hán dịch là Thiên.

2. Nật-phược, Hán dịch là quang minh.

3. Bát-thích-xà-bát-để, Hán dịch là Hóa chủ, Bát-thích-xà là sinh, Bát-để là chủ, xưa gọi là Thế chủ.

Ma-ha-ba-xà-ba-đề gọi là Đại sinh chủ, đây tức là Phạm vương. Ưu thắng của thế gian không gì hơn trời, yếu kém của thế gian, không gì hơn ngu, gọi ngu là trời điều đó nên vậy, gọi nô là lang quân v.v... Quang minh nghĩa là chiếu liễu, người ngu si ám điều gọi là quang minh, như gọi người bần là vật giàu có của cải, cũng như gọi người dốt là vật thông minh, Phạm vương thế gian đều chấp là cha, giống như họ sinh ra chỉ biết ngồi thẳng. Tuy năng sinh tất cả, đều không động tác, người ngu si dụ cho họ, tuy bị sai sử, trăm thứ đều làm, đều không chỗ biết, không nhận biết riêng chút ít, yếu kém từ ưu thắng mà gọi là sinh chủ, kẻ ngu si đây thật đáng thương nên gọi là Thiên ái, các nghĩa khác đồng thường.

Hỏi: Chữ là danh cú y cứ mà không nêu bày, Đại thừa lìa tiếng không có tự thể, sao gọi là chữ?

Đáp: Phương này chỉ có một tên gọi chữ, chữ đó khó hiểu, ở phương kia phần nhiều không có tên gọi một chữ, như nói chữ “sát”, có ba chữ hợp lại đó là Sa, sất, đa ba chữ hợp lại mới thành một chữ sát. Chữ “úm” như nói âm “ổ”, chữ không thuyên biểu, cho nên tuy giả lập cũng có chữ chuyển danh, cú, văn thân. Văn thân khác danh thân. Văn là hiển rõ nghĩa, vì hiển rõ hai phần kia, lại gọi là hiển, đây là sở y hiển nghĩa kia. Lại, danh tự không khác chuyển, như chữ bao, ế v.v... như trong sớ giải thích tên gọi khác v.v... Danh thân, danh nghĩa là gọi vời, danh nhờ đó mà gọi tên. Cú, tiếng Phạm là Bát-đà, như trong sớ giải thích gọi là Dấu vết.

Một là danh nghĩa là danh thân v.v... đều là Y sĩ thích. Thân là hai tổng, danh là một biệt. Thân của biệt danh gọi là danh thân. Hai danh tích tập gọi là thân, nên thân của nhiều danh cũng lại như vậy, vì một danh chẳng phải thân, chẳng phải Trì nghiệp thích, nhưng ba thứ đây, chẳng đơn gọi là danh, lại chẳng gọi là nhiều danh thân. Chỉ căn cứ danh thân v.v... là trong lời nói nhiếp cả hẹp rộng, nói đơn danh thân, tạm dùng hẹp nói, nhiều tức là rộng.

Hai là biện về sự sai biệt, trong luận ghi: “Danh thuyên tự tướng v.v...” Quyển 52 ghi: “Sở y của danh, cú lẽ ra là chữ, ở tất cả chỗ biết, chỗ thuyên sự”. Tướng cực hẹp là chữ, nếu vừa là danh, nếu rộng là cú.

Nếu chỉ y văn thấu rõ âm vận, chẳng khéo thấu rõ chỗ có nghĩa sự, nếu y chỉ danh, lại khéo thấu rõ tự tánh pháp kia, cũng rõ âm vận, chẳng khéo thấu rõ chỗ pháp giản trạch sâu rộng sai biệt. Nếu y với câu chung thì tất cả khéo rõ, Đối pháp cũng đồng. Luận Hiển Dương quyển 12 ghi: "Có chữ chẳng phải danh, nghĩa là một chữ. Có danh chẳng phải câu, nghĩa là một chữ danh". Câu hẳn có danh, danh hẳn có chữ nên thành sai biệt, nếu năng hiển gọi là hiển, tại sao danh cú chẳng gọi là hiển? Vì chẳng phải gốc, nghĩa là biện tự thể của câu, thuyên do văn thân hiển. Như uống ăn có vị do mặn mới hiển đó. Ba cõi phân biệt, danh có hai thứ: một, ngôn thuyết, trong đây là phải, dùng tiếng làm thể, chỉ hai Địa trói buộc, vì tức tiếng nói. Hành của phát âm, chỉ có hai Địa. Đây tùy tiếng trói buộc. Hai thức địa trên không, Vô lậu tức nói có, ngôn ngữ trong Sơ định có, sao phòng ngại Định thứ hai có? Lại, trong luận ghi: Hiển nhiều do nó khởi, chẳng phải nói nó tương ưng. Năm thức đã vậy, ngôn ngữ lẽ ra cũng vậy. Vô lậu địa trên nói có, ngôn ngữ Hữu lậu là y địa trên ý phát cũng không lỗi, như dẫn năm thức tìm ngôn thuyết. Định tự tại sở sinh tiếng Vô sắc;

3. Cõi khởi ngôn thuyết cũng có lỗi gì? Hữu lậu ngôn ngữ hẳn thô, tại sao Địa trên khởi mà vô tầm tứ;

4. Hữu lậu, Vô lậu tức rõ ba tánh, chỉ hai tánh thủ cảnh gọi là thông ba cõi;

5. Giải thích phòng ngại vặn hỏi, tại sao bốn uẩn cũng gọi là danh? Vì cảnh năng thủ nên tương tợ như danh. Thể tướng chẳng phải hiển, vì nhờ danh mà hiển, danh tại tụ này, y danh hành cảnh. Quyển 56 ghi: "Thuận thú các thứ nghĩa cảnh sở duyên, đồng giải thích thứ nhất, hoặc ngôn thuyết gọi là cảnh sở duyên của các thứ phân biệt, đồng giải thích thứ tư, gọi là một danh".

Hỏi: Vì sao hai danh trở lên mới gọi là thân? Một danh chẳng phải thân. Trong đây ba thứ đều gọi là thân v.v.... Danh và danh thân, nhiều danh thân chẳng vượt ngoài danh thân. Lại nữa trong ba thứ đó, hai danh thì gọi là thân, như nhiều danh thân danh thân, luận nói chỉ có hai thứ, tại sao gọi là nhiều?

Đáp: Thân tuy có hai, nhưng danh có nhiều. Thân của nhiều danh gọi là nhiều danh thân, chẳng phải danh của nhiều thân. Hoặc cách vượt gọi là nhiều, vì thân cũng có nhiều.

Đoạn hỏi vì sao chẳng lập bài tụng v.v... như trong sớ giải thích.

Mười bốn Bất tương ưng, đây tuy nói phi đắc, các luận phần nhiều nói Dị sinh tánh. Nay y lý Cộng hữu tạm nói mười bốn thứ. Dùng mười

môn để phân biệt:

1. Nguyên do của có.
2. Phế lập.
3. Tụ y xứ.
4. Hiện hành chủng tử y.
5. Hữu lậu vô lậu.
6. Ba tánh.
7. Kiến đoạn v.v...
8. Năm vị.
9. Lỗi của giới trói buộc.
10. Chín địa.

Nhưng y cứ Đối pháp thì có hai mươi ba, trừ Bất hòa hợp, tuy nói có nhưng không giải thích riêng. Luận Du-già quyển 3, 56; Luận Hiển Dương quyển 1, Luận Bách Pháp v.v... lập hai mươi bốn, luận Ngũ Uẩn và luận đây lập mười bốn. Luận Hiển Dương ghi: "Lại có các chỗ khác chủng loại sai biệt như vậy nên biết, mỗi mỗi y một nghĩa để lập, thật có thể nói nhiều:

1. Nói nguyên do của sự có đó thuộc chủ ngôn luận v.v... , như luận Hiển Dương quyển 18 giải thích.

2. Phế lập tức văn trước.

3. Biện về tụ pháp y xứ.

Y xứ có ba: một là tâm, hai là tâm sở, ba là sắc. Vì có biệt y có tổng y, có một loại chỉ y tâm chủng, đó là mạng căn, chính là thuộc về đây. Cả ba chỉ nương sắc lập, đó là danh, cú, văn thân, tạm y cõi đây chẳng phải cõi Phật khác; bốn, hai pháp tâm, tâm sở lập, đó là hai định không tâm và quả Dị sinh tánh. Sáu, y ba pháp đó là đắc, chúng đồng phần, bốn tướng, thông y ba chủng lập, quyển 64 ghi: "Y gọi là phân lập định vô tưởng, diệt tận v.v... chỉ y tâm, tâm sở.

4. Biện về hiện hành, chủng tử y. Chỉ y chủng, đó là mạng căn. Hai là định vô tâm và quả Dị sinh tánh. Ba là chỉ y hiện, đó là danh, cú, văn. Sáu là chung cả chủng tử hiện hành, đó là đắc v.v...

5. Hữu lậu Vô lậu: một chỉ có Vô lậu, đó là diệt định. Ba chỉ có Hữu lậu, đó là vô tưởng định và quả Dị sinh tánh. Mười thông hai thứ, đó là: Đắc, đồng phần, mạng căn, danh, cú, văn, bốn tướng, Phật v.v... đều có vậy.

6. Biện về ba tánh, nay bốn chỉ có một tánh, hai chỉ có thiện, đó là vô tưởng, diệt định. Hai chỉ có Vô ký, đó là Dị sinh tánh, vô tưởng Dị thục chỉ vô phú. Bốn thông hai tánh đó là danh, cú, văn, mạng căn, bốn

nhân chỉ vô phú Vô ký, quả chỉ là thiện. Sáu thông ba tánh, đó là đắc, đồng phần, bốn tướng.

7. Biện về kiến đoạn v.v... có ba, một chỉ có kiến đoạn, đó là Dị sinh tánh, một chỉ có chẳng đoạn, đó là diệt định, hai thông kiến đoạn tu đoạn, đó là vô tưởng định và quả. Quyển 53 ghi: "Chỉ kiến sở đoạn chẳng sinh". Quyển 57 ghi: "Thiện pháp tu sở đoạn, đoạn duyên phược vậy". Mười bốn thứ khác thông kiến đoạn, tu đoạn và chẳng đoạn.

8. Năm vị đó là kiến, tu v.v... Hai chỉ có tư lương, đó là vô tưởng định và quả. Tâm thứ sáu trong Thập Trụ mới chẳng thoái lùi, tức kinh Ưu-bà-tắc Giới nói Xá-lợi-phất qua sáu muôn kiếp Tu đạo còn thoái lùi, nên trở về trước còn chẳng khởi. Luận Du-già ghi: "Chẳng phải chỗ Thánh vào". Lại, thứ bảy trong Thập Trụ gọi là tâm chẳng thoái lùi, về sau lại chẳng thể khởi. Một chỉ có hai vị, đó là Dị sinh tánh tại một và hai, một chỉ có hai vị khởi, đó là diệt định, chẳng phải một ba. Nếu xoay tâm có thể. Ba chỉ có bốn vị, trừ Kiến đạo, nghĩa là danh, cú, văn. Bảy thông năm vị, đó là đắc, đồng phần, mạng căn, bốn tướng,

9. Giới trói buộc. Hai chỉ có một cõi, đó là vô tưởng định và quả. Ba thông hai giới và phi giới, đó là danh, cú, văn. Một thông ba cõi, đó là dị sinh tánh. Một chẳng phải ba cõi, đó là diệt định. Bảy thông ba cõi và chẳng phải trói buộc đó là đắc, đồng phần, mạng căn và bốn tướng. Mạng căn, quyển 57 nói chẳng thông Vô lậu, vì chẳng nói Phật.

10. Chín địa, ba chỉ có một địa, đó là hai định không tâm và quả. Ba thông hai địa đó là danh v.v... Ba, hoặc năm Địa, tám địa, chín Địa, đó là Dị sinh tánh và bảy thứ khác.

Riêng dùng lượng phá trong ba Vô vi có hai: Trước thẩm định hỏi, sau tùy hai vặn hỏi. Trong vặn hỏi có hai: Trước vặn hỏi một, sau vặn hỏi nhiều. Trong vặn hỏi một có ba: một tổng nêu một thể khắp tất cả xứ, hai riêng vặn hỏi đó và ba nêu ra nhân kia chấp thể kia hai, lý lẽ ra như vậy. Trong riêng vặn hỏi phân làm ba, là ba Vô vi. Trong hư không có bốn: một thể nên thành nhiều, hai nên hỗ tương khắp cùng, ba nên chẳng phải dung thọ, bốn có nên lẫn lộn. Có đồng xứ chẳng lìa sắc là lỗi bất định, là như sắc xứ, xứ không riêng biệt. Hư không tức sắc xứ, là như hương xứ v.v... không riêng biệt nên không chẳng phải sắc xứ.

Thừa nhận không nhân quả là trong Đại thừa Vô vi là quả lìa hệ trong mười nhân: Quán đãi, nhiếp thọ, dẫn phát, định dị, đồng sự, nhân không trái nhau. Đắc là quán đãi, nhiếp thọ, đồng sự, trái nhau, nhân không trái nhau. Năng đắc quả tăng thượng, nay căn cứ tông khác, lại là đồng phẩm cũng không có lỗi, vì định có tánh.

Thuật về tự tông, trong Vô vi có hai, trước tổng nêu kinh nói, nêu số làm rõ, sau tùy liệt bày. Trong đoạn sau có hai giải thích, vì hai riêng biệt. Trong đoạn trước có hai: một hiển bày ý thức biến, hai là giải thích chữ "thường". Trong y pháp tánh có năm: một, là nêu y pháp tánh; hai là hiển thể pháp tánh; ba là hiển nghĩa y; bốn là kết y giả; năm là giải thích các tên gọi. Môn phế lập nên lập một, đó là Chân như, ngoài ra chẳng phải thật. Lại có thể lập hai, thuận thế gian lập hai đó là không, chẳng phải chọn lựa. Chân như lập một hoặc nên lập ba. Chân là một, tùy chướng đoạn là một, thuận thế gian là một, nay thuận thế gian lập hai, tùy chướng đoạn lập ba, Chân lập một, tùy chỗ thích ứng mà nói riêng khai hợp.

Vô vi, dùng năm môn phân biệt:

1. Các giáo tăng giảm, hoặc nói ba, bốn, sáu, tám v.v...

2. Nêu thể.

3. Ba tánh phân biệt, thừa nhận ba tánh thức biến vậy, hai sở chấp v.v... ba tánh. Quyển 8 nói thông ba. Thứ hai đây chỉ nói hai tánh.

4. Đế nhiếp: gồm An lập chẳng phải an lập đế, chân đế tục đế, ba đế, bốn đế.

5. Giải thích vặn hỏi.

Trong đó có năm môn:

1. Một nhiều, tùy tâm nói nhiều, đứng về thể chỉ có một.

2. Nhân nào nhiếp, mười nhân, sáu nhân nên tư duy. Trong sáu nhân, chỉ năng tác nhân, ngoài ra đều là Hữu vi, mười nhân thông cả năm: một là Quán đãi nhân; hai là Nhiếp thọ nhân, cảnh giới y xứ; ba là Đồng sự nhân, đồng là sinh v.v... một sự nghiệp; bốn là Bất tương vi nhân, khiến Thánh đạo sinh; năm là Tương vi nhân cùng ngại pháp sinh pháp nhiễm ô trái nhau, nên nói là diệt, tánh lìa chướng v.v.... năm quả nhiếp nhiếp gì? Trạch nghĩa là ly hệ, hư không, phi trạch nhiếp quả tăng thượng.

3. Phàm thánh đắc, hư không chẳng phải trạch thông Thánh phàm đắc, tưởng thọ diệt, trạch diệt Chân như. Định chỉ Thánh và đắc, chẳng động hai thuyết.

4. Phục đoạn chướng đắc, tưởng thọ diệt thông cả phục và đoạn như thường. Vì sao trạch diệt chẳng phải phục đắc? Vì đã chẳng phải hại, tùy miên.

Bất động có hai giải thích:

Một là Nội đạo đắc chỉ đoạn đắc, ngoại đạo phục đắc, chấp là Niết-bàn, diệt tâm tâm sở. Nội đạo không như vậy. Lại giải thích, nội

đạo cũng phục đắc, như tưởng thọ phục đắc. Đây phục Tam thiền trở xuống, chẳng đắc phục Dục giới rồi hai tánh phiền não tăng mạnh vậy, như chẳng phục đắc Tam thiền trở xuống chướng đắc tưởng thọ diệt, đã biến khác thọ mạnh. Theo lý mà luận bàn, đã có phục Tam thiền trở xuống, hoặc được bất động, tức người ấy phục Tứ thiền trên được hưởng thọ, đây có lỗi gì.

Hai là Thọ mạnh nên luận chẳng thừa nhận đó. Nếu vậy, lại nên phục Dục giới chướng được chẳng động diệt. Đã thừa nhận hai tánh chướng khiến chẳng được phục được chẳng động. Tam thiền trở xuống chẳng chướng phục, chẳng năng được, thọ tưởng lỗi gì.

5. Hỏi đáp:

Vì sao trạch diệt ba cõi chỉ lập một. Định chướng riêng mở hai?

Đáp: Vì biến dị, chẳng biến dị cùng hiển ở phiền não.

Hỏi: Vì sao phục hoặc được phi trạch, cũng phục phiền não diệt, cũng được phục định chướng, tại sao chẳng phân làm hai mà chỉ phân hại và tùy miên?

Đáp: Định chướng thông ở sự quán đoạn, cũng có phục đắc, nghĩa là phiền não cần chỉ lý quán trừ nên không phục đắc. Giả sử có Dị sinh đắc định, phục phiền não cũng gọi là định chướng, vì vốn cầu định mà chưa cầu lý. Thắng đắc là ẩn mà khó biết, nên phân biệt nói khiến dễ thể nhập. Phàm đắc là có thể đoạn, lại phàm đắc dễ mà cùng hiển, sao lại phải khai mở trong pháp chấp.

Hỏi: Thứ bảy ảnh tượng nhiếp tướng về kiến có thể gọi là Hữu phú, nhiếp ảnh về chất có thể gọi là Vô phú, thì lẽ ra nhiếp tướng về kiến gọi là phân biệt, nhiếp ảnh về chất được gọi là Dị thục?

Đáp: Chẳng lìa kiến nên tánh loại có thể đồng, chẳng phải là năng duyên nên chẳng gọi là phân biệt. Thác chất vừa mới khởi có thể từ Vô phú, chẳng phải nghiệp quả nên chẳng từ Dị thục.

Hỏi: Chẳng phải là năng duyên, chẳng từ phân biệt, hữu phú lẽ ra phải vậy, chẳng phải là nghiệp quả chẳng từ Dị thục, Vô phú nên như vậy ư?

Đáp: Tánh thông nhiều pháp, hai tánh có thể từ kiến, quả nghĩa hạn cuộc chẳng từ phân biệt và gọi là Dị thục. Hai pháp chấp đây thô nên dễ đoạn. Lúc vào Sơ địa cho đến trừ diệt. Phần đầu có bốn thứ:

1. Địa vị, ban đầu tại Sơ địa đoạn chẳng phải các Địa khác.

2. Thánh đạo, ban đầu trong đó chỉ có Kiến chẳng phải Tu vậy.

3. Chân tướng, ban đầu tại chân Kiến đạo chẳng phải tướng Kiến đạo vậy.

4. Bốn đạo, ban đầu lại Vô gián đạo chẳng phải Giải thoát đạo.

Đây y cứ một tâm Kiến đạo, chẳng phải đoạn thô trọng giải thích. Tại bốn loại đây, ban đầu đoạn phân phá riêngp chấp. Nếu Giải thoát đạo đoạn thô trọng, ba tâm Kiến đạo v.v... tùy nghĩa nên nói, mê cạn hẳn sâu, nhân chấp hẳn pháp. Giải thích cạn chẳng phải sâu, nhân không chẳng phải pháp, ngộ sâu hẳn cạn, pháp không có nhân, mê sâu cũng cạn, pháp nhân đều khởi, nhưng nhân hẳn thường nhất. Hữu pháp chẳng kẹt nhân, nhân dụng hẳn kẹt thể, nhân chấp nhất định có pháp.

Duyên dụng hẳn y cứ thật có thể nghĩa là đây căn cứ Chánh Lý. Ngoại đạo, Tiểu thừa chấp trước, thể không gì chẳng được thành duyên, có nghĩa sở duyên. Quyển trước đã nói thừa nhận Tát-bà-đa v.v... vì có cực vi, thành nghĩa duyên mà không có sở duyên. Căn cứ tha tỷ lượng, chẳng phải chỗ tự thừa nhận, nay thuật về chánh nghĩa nên chẳng trái nhau. Đồng tụ tâm sở đồng thừa nhận duyên nhau, quyển 8 sau ghi: "Chớ thấy phần cảnh vì chẳng đồng chất", ngăn lỗi thấy phần cảnh chẳng đồng chất, chẳng phải khiến biết năng duyên hẳn đồng là Kiến phần. Kiến phần thứ tám và Phật cùng pháp tương ưng tự thể chứng phần v.v... đồng một sở duyên, Kiến phần của tự nên chẳng trái nhau.

Hỏi: Pháp tâm, tâm sở pháp đã tự tương ưng, các Tự chứng phần đã chẳng đồng một sở duyên, sở duyên cũng chẳng tương tợ, tại sao nói là tương ưng? Chứng tự chứng phần là hỏi đồng. Tự chứng là thức thể, vì sao chẳng tương ưng? Phải đủ thời v.v... y, v.v... sự, v.v... xứ v.v.... Đây khuyết xứ v.v... mỗi duyên tự thấy chẳng phải kẻ khác vậy. Nghĩa này nên tư duy.

Ngã pháp nếu không y vì sao giả nói, nghĩa là chỗ tương tợ đã không nói ai là năng tợ, vì năng tợ giả nói không, tợ của cộng pháp cũng chẳng thành, chẳng được riêng giải thích nghĩa y ở thể v.v... là giả. Thế gian và Thánh giáo, hai tợ đều chẳng thành.

Trong phá Tiểu thừa chân sự có ba: Thứ nhất tổng nêu các lỗi, kế tiếp là nêu riêng, sau cùng kết y. Trong nêu riêng có ba: Thứ nhất nêu chẳng y chân chỉ y cộng tướng chuyển. Tiếp theo hiển thuyên trí có công năng thù thắng cũng chẳng phải lìa đây v.v.... Sau cùng tổng bày giả nói chẳng y chân sự, nhưng giả trí thuyên hẳn y tiếng khởi v.v.... Do đây, chỉ y dưới, tổng kết giả trí sở y.

Theo luận Phật Địa quyển 6 ghi: Nếu cảnh cộng tướng hai lượng sở tri, tại sao hai tướng y hai lượng lập? Có nghĩa hai tướng tại tán tâm vị y hai tướng lập, chẳng nói định vị. Nếu tại định tâm duyên tất cả tướng, đều thuộc hiện lượng, có nghĩa định tâm chỉ duyên tự tướng.

Nhưng do cộng tướng phương tiện dẫn nên duyên các cộng tướng chỗ hiển bày lý, là căn cứ phương tiện nói. Chẳng như vậy thì gọi là biết tự tướng. Do đạo lý này, hoặc nói Chân như gọi là không, vô ngã, các pháp cộng tướng. Hoặc nói Chân như do hai Không hiển bày, chẳng phải là cộng tướng. Như thật nghĩa là, hai tướng Nhân Minh so với đây có khác chút ít. Luận kia nói trên pháp chỗ có thật nghĩa đều gọi là tự tướng, vì trên các pháp, tự tướng cộng tướng vì mỗi mỗi gá tự thể, chẳng cùng thể khác. Nếu phân biệt tâm lập một chủng loại, thì năng thuyên sở thuyên thông ở các pháp, như chỉ xâu hoa gọi là cộng tướng. Đây cần tán tâm phân biệt giả lập cảnh tỷ lượng này, tất cả định tâm lìa phân biệt này đều gọi là hiện lượng. Tuy duyên các pháp khổ, vô thường v.v... cũng mỗi một pháp mỗi riêng có nên gọi là tự tướng. Chân như tuy là do cộng tướng hiển bày, vì là các pháp tánh tự thật. Tự có tánh nên cũng chẳng phải cộng tướng, chẳng thể lấy đó so với tất cả pháp chẳng một chẳng khác tức gọi là cộng tướng. Tự tướng cũng cùng cộng tướng chẳng một chẳng khác. Cho nên luận kia nói trên các pháp chỗ có thật nghĩa đều gọi là tự tướng, nghĩa kinh chẳng như vậy nên chẳng trái nhau, cũng chẳng phải lìa đây có phương tiện riêng, có hai giải thích:

1. Tức dùng giả trí thuyên thi thiết tự tướng làm giả sở y, do giả trí thuyên hiển nơi pháp vậy, như ngón tay chỉ mặt trăng v.v... nếu không như vậy tại sao nói là tự tướng năng chứng đắc.

2. Giả trí thuyên cảnh chẳng được tự tướng, cũng chẳng phải lìa hai thứ này lại riêng có phương tiện thi thiết tự tướng có thể làm giả sở y.

Hiển hai thứ này đã chẳng được tự tướng. Lìa đây cũng không có phương tiện có thể được tự tướng. Ý hiển bày tự tướng trừ ngoài chứng trí thì chẳng thể có được.

Quyển 49 lập bảy Địa:

1. Chủng tánh địa.
2. Thắng giải thích địa.
3. Tịnh thắng ý lạc địa.
4. Hành chánh hạnh địa.
5. Quyết định địa.
6. Quyết định hạnh địa.
7. Đáo cứu cánh địa.

Trong quyển 47 có Chủng tánh, Thắng giải thích hạnh, Cực hỷ, Tăng thượng giới, Tăng thượng tâm, Tam tuệ Đế giác phần, Duyên khởi, Vô tướng có công dụng, Vô tướng không công dụng, cho đến Vô ngại

giải thích, Tối thượng Bồ-tát trụ, Tối cực Như Lai trụ. Chủng tánh địa tức Chủng tánh vị, Thắng giải thích hạnh địa là Thắng giải thích hạnh địa vị. Tịnh thắng ý lạc địa tức Cực hỷ trụ, Hành chánh hạnh địa tức Tăng thượng hoặc, Tăng thượng tâm, ba thứ Tăng thượng tuệ, có công dụng gia hạnh vô tướng trụ, Quyết định địa tức không gia hạnh không công dụng không tướng trụ. Có ba quyết định:

1. Chủng tánh định.
2. Phát tâm định.
3. Bất hư hành định.

Trong Địa đây, Bồ-tát rơi ở quyết định thứ ba. Quyết định hạnh địa tức Vô ngại giải thích trụ. Đáo cứu cánh địa tức Tối thượng thành mãn Bồ-tát và Như Lai trụ hợp lập.

A-lại-da đó gọi là tại bốn Địa trước, Tỳ-bá-ca gọi là thông sáu Địa rưỡi. Trong Địa thứ bảy nhiếp Bồ-tát Địa thứ mười. A-đà-na gọi là suốt thông bảy Địa, nhưng y cứ tạp nhiễm vị, phần nhiều Dị thục thông A-lại-da. Lại mười ba trụ, thứ nhất gọi là thông chín, thứ ba gọi là thông mười ba, Dị thục gọi là gồm cả mười hai nên gọi là nhiều, y cứ sinh tử nêu nên chỉ lấy đây. Hai giải thích này y cứ chỗ duyên bất cộng, lấy cảnh ba tánh làm sở duyên là chẳng nói hai Thừa, hai Thừa hồi thú cũng thuộc đây. Hai giải thích của sớ thông với giải thích ba Thừa. Trên đây chọn tự thể mà gọi, hẳn đó chọn chẳng gọi là tâm, do đó đồng với tên gọi A-lại-da. Tên gọi ý không bằng Thức thứ bảy nên chẳng lấy. Lại chọn thức khác, nhiều là nghĩa tương tục. Tất cả thời, hành gọi đó là nhiều, nhiều thời hành. Dị thục là nghiệp quả. Dị thục quả trong năm quả. Sáu thức tuy có Dị thục mà chẳng phải nhiều. Thức thứ bảy tuy nhiều mà chẳng phải Dị thục vậy, chỉ có tên gọi này. Lại, nhiều là nghĩa rộng, tức là tổng nghĩa. Nghĩa của Dị thục tuy thông sáu thức, chẳng phải là tổng báo chủ nên chẳng lập nhiều tên gọi. Thức thứ bảy chẳng phải nhiều chẳng phải Dị thục nên gọi là Dị thục, các thức khác chẳng gọi vậy.

Lại, Tư lương là chọn lựa thức khác như sớ, lại chọn lựa tự. Tại sao đây gọi là ý? Có hai nghĩa:

1. Y chỉ gọi là ý.
2. Tư lượng gọi là ý.

Tại sao gọi tư lượng, chẳng gọi là y chỉ? Danh của y chỉ là cộng tha, nay chẳng cộng. Lại, y chỉ, danh gồm tha hiển tự. Vì năng y chỉ hiển bày sở y vậy, tên gọi của tư lượng, nghĩa tự hành tướng, vì hành hiển thể, vì duyên nhiều nên tương tục hằng khởi. Hành tướng duyên xa gọi

đó là thẩm, nên dùng hành tướng tư lượng mà hiển tự tánh, chẳng gọi là y chỉ. Lại hiện chánh tư lượng gọi đó là ý. Luận Đối Pháp quyển 2 ghi: “Vô gián giác nghĩa là ý, tức lần lượt diệt căn”. Nay tư lượng đây là chánh tư lượng hiện hành, chọn lựa vô gián, nên gọi là hằng, hiển tư lượng đây bằng hiện tại. Lại, chọn lựa tên gọi của tự thể, tại sao chẳng gọi tâm thức, mà riêng gọi là ý? Luận Bách Pháp v.v... nói thức có tám thứ. Hữu tâm địa nói tám thức đều gọi là tâm, vì nghĩa của hằng thẩm tư lượng ưu thắng hơn các tên gọi khác. Nếu hằng tập khởi gọi là tâm, chẳng bằng Thức thứ tám. Nếu liễu cảnh gọi là thức, chẳng bằng sáu thức khác, nên dùng tên gọi ý mà nêu tự thể chứ không nói là tâm thức. Do đây chọn lựa thức khác có hai nghĩa, các thức khác đây chẳng phải hằng và chẳng phải thẩm, điều này như sớ giải thích. Thứ hai, tâm thức trong đây chẳng bằng Thức thứ tám, Thức thứ sáu. Hằng dụng của tư lượng tự thức ưu thắng hơn tâm thức. Chọn lựa trong tên gọi tự thể cũng có hai: một, chẳng chỉ y chỉ giải thích ý, chẳng phải nghĩa của y chỉ trong các luận hành đó gọi chung; hai, hiển thường hiện tại chẳng phải vô gián giác.

Lại, Liễu cảnh là:

1. Chỉ hành tướng Kiến phần mà hiện tự thể.
2. Chọn lựa thức khác có bốn nghĩa:

a. Dễ cùng biết, thuộc của trẻ con đều biết có vậy.
b. Cùng thừa nhận có.
c. Thừa cùng thừa nhận, vì ba hành tướng thô.
d. Sở duyên thô.

Chỉ thức thức sáu gọi là Liễu cảnh, các thức khác chẳng được gọi. Lại, tự thể có thể gọi là tâm ý. Vì sao chỉ gọi là thức, chẳng gọi là tâm ý v.v...? Vì hành tướng của Liễu cảnh thô nên dễ biết, hiển tự tánh của nó. Tâm ý chẳng như vậy, nhãn thức v.v... gọi là tâm, nghĩa khó biết. Hữu tâm địa ghi: “Tám thức đều là tâm”. Đối Pháp v.v... ghi: “Vô gián giác ý, nên chọn lựa tên gọi của tự thể nó”. Lại chọn lựa chẳng gọi Dị thục v.v..., tên gọi Dị thục v.v... tướng khó biết vậy, phần nhiều chẳng phải phần, ngoài ra những nghĩa riêng khác như Đối pháp sao và Biệt chương giải thích.

Thể tướng ngầm ẩn gọi đó là nhân, nên chỉ tại chủng. Thể dụng hiển hiện lập làm quả, gọi là kiến nên chẳng tại chủng. Nếu không như vậy, lẽ ra phải thông cả nhân quả.

Trong năng biến có tám câu, trước tiên gom chung nhân quả làm một câu, tiếp đến Đẳng lưu, Dị thục mỗi mỗi riêng nhân quả làm một

câu, tiếp đến dùng hai tướng làm một câu, và sau cùng chuyển biến, biến hiện làm một câu, tổng cộng có hai mươi câu, nên suy xét. Có chỉ chuyển biến gọi biến, chẳng phải biến hiện gọi là biến, đó là tất cả chủng tử. Có chỉ biến hiện gọi là biến chẳng phải biến hiện gọi là biến, đó là nhân thứ tám và nghiệp quả hiện hành trong sáu thức, và công đức Phật, tất cả các tâm, tâm sở. Câu có đồng thời nghĩa là do bảy thức. Đều chẳng phải nghĩa là Tướng phần Dị thục chỉ là sở biến. Tất cả nhân vị có lực, vì Tướng phần là năng huân, cũng chuyển biến gọi là biến chẳng phải biến hiện gọi là biến, thuộc về câu thứ nhất. Tướng phần nghiệp quả sáu thức trong nhân đó và tất cả, Thức thứ tám, Tướng phần Phật quả, các tâm, tâm sở đều là câu thứ tư. Lại có nhân biến chẳng phải quả biến, đó là thành Phật rồi, bỏ tất cả chủng Hữu vi Vô lậu, Phật lại không hiện huân sinh, có quả biến chẳng phải nhân biến, đó là nghiệp quả trong Thức thứ tám, thứ sáu và Phật tất cả hiện tâm, tâm sở. Câu đồng thời nghĩa là do bảy Thức năng huân hiện hành và năng sinh chủng. Câu phi là tất cả Tướng phần trên Phật quả, chỉ lấy Đẳng lưu làm nhân quả năng biến làm bốn câu. Hoặc chỉ nhân Đẳng lưu chẳng phải quả biến. Quả của Bồ-tát Đại bi, chủng Vô lậu Pháp nhĩ chỉ có quả Đẳng lưu chẳng phải nhân biến, đó là Phật quả hiện tám thức. Câu có đồng thời tức nhân thứ bảy và sáu thức Vô lậu đều do oai nghi công xảo biến hóa làm chủng của nhân. Câu câu phi tức Tướng phần Phật quả. Trong phần dùng Dị thục làm nhân quả năng biến làm bốn câu, chỉ có ba câu, không có câu thứ ba. Chủng tử Hữu lậu thiện ác làm câu đầu. Nghiệp quả hiện hành chủng tử của Thức thứ tám và sáu thức làm câu thứ hai, không có câu thứ ba. Câu phi thì như lý mà tư duy.

Văn tụng các khoa đều thuật riêng.

Thức thứ bảy và sáu thức chẳng phải thiện ác và tâm nghiệp quả v.v... là ở tám thức, mỗi thức làm năm câu, sau riêng nên tư duy. Chân Dị thục đủ ba nghĩa:

1. Nghiệp quả.
2. Chẳng đoạn.
3. Khắp ba cõi.

Thức thứ bảy đủ hai nghĩa sau, chẳng phải nghĩa trước. Thức thứ sáu báo tâm đủ hai nghĩa trước và sau, chẳng có nghĩa giữa. Chẳng phải báo tâm đủ một nghĩa sau, chẳng có hai nghĩa trước. Báo tâm của năm thức đủ một trước, chẳng có hai nghĩa sau. Chẳng phải báo tâm, ba nghĩa đều không, nên chỉ Thức thứ tám riêng được tên gọi đó.

Trong mười nhân, Thức thứ tám hiện hành mong các pháp năng

làm bao nhiêu nhân?

1. Quán đãi.

2. Nhiếp thọ, vì tác dụng, y xứ nhiếp thọ nhau.

3. Đồng sự.

4. Bất tương vi, vì chẳng phải ngôn thuyết.

Chẳng phải nhuận, chưa nhuận sinh quả sau, chẳng phải dẫn phát, định vị, chẳng thân dẫn tha sinh, chẳng phải định phân biệt sinh, nên chẳng trái nhau. Tư duy có thể biết, chủng thức mong các pháp năng làm bao nhiêu nhân? Có thể làm Quán đãi, Khiên dẫn, Sinh khởi, Nhiếp thọ, Dẫn phát, Định vị, Đồng sự, Bất tương vi hợp thành tám nhân, chỉ không có hai thứ Tùy thuyết và Tương vi.

Chuẩn cứ trong đây nói, ba tướng đều chỉ có hiện hành, vì hiện có thể thấy, chấp trì thù thắng, từ thù thắng làm tướng. Ba tướng của Thức thứ tám, Nhiếp luận quyển 2 nói lấy chủng làm nhân tướng, vì các pháp nhân duyên; hiện hành làm quả tướng, vì hai chủng sinh. Hiện hành chủng tử đều làm tự tướng, Hiện hành chủng tử đều làm tự thể. Lại, nói chỉ có hiện hành, xứ sở tàng gọi là sở tàng. Bản ý văn của bản luận như đây. Lại nói, tự tướng, nhân tướng chung giải thích hiện hành và tất cả chủng tử năng tàng, sở tàng của Thức thứ tám. Thể tự tướng thông tất cả chủng tương ưng lại phân biệt. Nhân tướng cũng thông. Quả tướng đó chỉ là hiện hành chủng tử của Thức thứ tám, trừ chủng tử khác, vì chẳng phải Dị thục. Quyển 4 nói, ba tướng đều lấy hiện hành và tất cả chủng tử cùng chuyển thức hỗ tương làm nhân quả. Nhiếp luận ghi: "Nói các pháp do huân tập sinh", đây từ Dị thục kia cùng chuyển thức lại hỗ tương làm duyên sinh. Quả tướng cũng thông. Lại các pháp ở tạng thức, thức ở pháp cũng vậy v.v... tại nhân đủ ba tướng. Phật quả chỉ tự tướng, nhân tướng, không có quả tướng, chẳng phải huân, chẳng phải Dị thục. Nếu chuẩn cứ bài tụng ở Nhiếp luận nói chẳng chỉ Dị thục gọi là quả tướng, chỉ từ tha sinh, gọi là quả tướng. Phật quả hiện hành có thể gọi là quả tướng, tự chủng sinh. Giải thích trước là thù thắng, mong thứ khác làm nhân quả.

Hỏi: Ba tạng khuyến một chẳng gọi là A-lại-da, ba trì khuyết một chẳng gọi là chấp trì ư?

Đáp: Vốn lấy chấp tàng giải thích tạng, khuyết một chẳng gọi là chấp trì ư?

Đáp: Vốn lấy chấp tàng giải thích tạng, khuyết đây bèn mất tên đó. Vốn mỗi mỗi lấy chấp trì gọi là trì, khuyết một cũng gọi là chấp trì. Lại, ba cảnh có sai biệt, khuyết một cảnh còn gọi là năng trì. Tạng là

dụng của sở tàng, khuyết một chẳng gọi là A-lại-da.

Hỏi: Thức thứ bảy khuyết nghĩa của một trong ba, nên chẳng gọi là Mạt-na ư?

Đáp: Nói Mạt-na, nhưng nghĩa chung có nhiễm, nghĩa riêng không còn gọi là Mạt-na, có tư lượng vậy, nghĩa là thân sinh tự quả trong bản thức. Nay chọn lựa Số luận, Số luận lớn bằng tàng trong tối thắng.

Nếu do tánh chủng tử bản thức thì cùng theo Vô ký cũng nên cùng theo một cõi trói buộc. Trói buộc là căn cứ nghĩa trói buộc. Kiến tướng trói buộc riêng, Vô ký là tánh. Tánh loại lại đồng, chẳng thể vặn hỏi vì đồng một tánh nên tương ưng chẳng phải sắc. Luận Du-già quyển 57, trong hai mươi hai căn ghi:

Hỏi: Có bao nhiêu Dị thục?

Đáp: Một là ưu, mười thiếu phần, nghĩa là tín v.v... năm, bốn thọ, ý, thông Vô lậu.

Hỏi: Không có bao nhiêu Dị thục?

Đáp: Mười một nghĩa là bảy sắc, mạng, ba Vô lậu. Mười thiếu phần, nghĩa là bốn thọ, ý, thông Vô ký. Tín v.v... năm thông Vô lậu.

Hỏi: Có bao nhiêu Dị thục trợ bạn?

Đáp: Ba sau cùng, năng trợ có pháp khả ái Dị thục, khiến chuyển rõ thạnh năng cảm quyết định Dị thục trời người.

Hỏi: Bao nhiêu là Dị thục?

Đáp: Một mạng căn, chín thiếu phần, bảy sắc, ý, xả.

Hỏi: Bao nhiêu loại có chủng tử Dị thục?

Đáp: Tất cả đều có.

Hỏi: Bao nhiêu chẳng phải Dị thục?

Đáp: Mười hai, nghĩa là tín v.v... năm, ba Vô lậu, bốn thọ, chín thiếu phần, đó là chín trước, chung với trưởng dưỡng thiện tánh v.v....

Hỏi: Bao nhiêu là Dị thục sinh?

Đáp: là tất cả những gì thuộc chủng tử vì do Dị thục sinh. Trong đây tuy có bảy câu hỏi, gồm ba môn phân biệt. Ba loại trước là một môn, tiếp theo hai loại là một môn, và hai loại sau là một môn. Câu hỏi thứ hai trong môn thứ hai, và câu hỏi thứ hai trong môn thứ ba, đúng là vặn hỏi tánh Vô ký trong chủng tử Duy thức. Hoặc làm hai môn: ba loại trước là một môn và bốn loại sau là một môn.

Chẳng phải huân khiến lớn có thể gọi là nhân duyên, nghiệp thiện ác cùng quả Dị thục làm nhân duyên là, nếu nghiệp hiện hành mong tự nghiệp chủng khiến tăng gọi là nhân, tức nghiệp chủng cũng khiến quả chủng tăng, nên gọi là nhân duyên. Nghĩa đây có thể vậy, nhưng chẳng

phải đúng lắm. Mới đầu huân tập vị đã khiến quả chủng tăng, chẳng phải về sau. Chẳng phải nghiệp chủng khiến quả chủng tăng, chỉ nên như sớ giải thích. Trong đây Bồ-tát Hộ Pháp nói hiện hành mong chủng tử vốn không có nghĩa nhân duyên, chỉ là tăng trưởng. Vì sao có thể nói chủng tử hiện hành hỗ tương làm nhân duyên? Bồ-tát Hộ Pháp đã còn mới cũ, mong cái mới huân tập chính là nhân duyên, mong chủng vốn có là tăng thượng duyên, vì chẳng biện về thể.

Luận nếu vậy thì Chân như nên là giả có, đây có nhiều lỗi. Tông có tỷ lượng trái nhau, cũng có quyết định trái nhau, cũng có tự bất định. Tỷ lượng trái nhau là chủng tử nên chẳng phải nhất định giả, cùng pháp chẳng phải một hay khác, cũng như nói Chân như, là như bình v.v... cùng pháp chẳng phải một hay khác, nên chủng tử là giả. Như Chân như cùng pháp chẳng phải một hay khác, nên chủng thật có ư? Nên đây là lỗi bất định. Chủng tử dùng các môn phân biệt, như Biệt sao giải thích. Phần sau là chỉ giải thích vặn hỏi thứ hai trong tân huân, giải thích phần một và bốn trước thông với văn làm chứng, thứ tư giải thích tương vi, sau cùng có ba đoạn văn làm chứng khác nhau.

Trong phá tân huân, toàn văn có năm đoạn, như sớ giải thích. Thứ nhất, phá nghĩa bản tông, trong đó có ba: một, vặn hỏi đạo mới đầu không có nhân; hai là vặn hỏi trái nhau cùng khởi; ba là vặn hỏi phàm thánh chuyển đổi.

Trong phá Phân Biệt luận có ba đoạn: Thứ nhất thuật tông, kế tiếp phá riêng và sau cùng tự giải thích. Trong phá riêng có hai đoạn: Trước vặn hỏi lý Không chẳng phải nhân, sau vặn hỏi khởi tâm chẳng phải tịnh. Trong vặn hỏi khởi tâm chẳng phải tịnh có tám đoạn:

1. Vặn hỏi tướng chuyển thể thường trụ.
2. Vặn hỏi hai tánh lẽ ra đồng.
3. Vặn hỏi ác và thiện đồng thời.
4. Vặn hỏi chẳng đồng thời chẳng phải thiện.
5. Vặn hỏi ác chẳng phải nhân.
6. Vặn hỏi trị chướng tánh đồng.
7. Vặn hỏi phàm phu khởi thánh.
8. Vặn hỏi hiện hành chủng tử lẽ ra đồng, Đại chúng bộ v.v... không chủng tử.

Phá Phân Biệt luận mà nói thành chủng là, riêng phá các dị sư Đại thừa. Lại Kinh bộ riêng có chủng tử. Tát-bà-đa nghĩa nhân nghĩa chủng tử, nhân Hữu lậu vô lậu ở tương lai. Đại chúng so đây cũng vậy. Trong thân phàm phu có thể sẽ sinh nghĩa nhân của Vô lậu gọi là chủng tử,

chẳng đồng Kinh bộ v.v... Lại, chẳng tương ưng Tùy miên cũng gọi là chủng tử v.v...

Thứ tư trong tương hợp tương vi có bốn đoạn:

1. Đoạn từ "trong các Thánh giáo tuy nói nội chủng" trở xuống là văn tổng hợp nội chủng trước, nhất định có huân tập và ba huân tập v.v...

2. Đoạn từ "nghe huân tập" trở xuống là văn tổng hợp Nhiếp luận trước nói nghe huân tập nghe tịnh pháp giới Đẳng lưu.

3. Đoạn từ "tánh Hữu lậu trong nghe huân tập" là tổng hợp văn Nhiếp luận trước là tánh chủng tử tâm thế gian và xuất thế gian.

4. Đoạn từ "nương chướng kiến lập chủng tánh riêng" trở xuống là văn tổng hợp luận Du-già trước nói hữu tình xưa nay chủng tánh sai biệt.

Hoặc phân làm năm đoạn, nếu làm bốn đoạn, tổng hợp văn của nhà nêu dẫn tân huân trước, nay làm năm khoa, cũng kết hợp với văn của Đối Pháp trước. "Tánh Hữu lậu trong nghe huân tập" trở xuống là văn tổng hợp Đối Pháp nói quyết trạch thiện căn khéo được kiến lập làm tánh Vô lậu và Tu đạo sở đoạn. "Đây là chánh nhân duyên vi tế ngầm ẩn vặn hỏi rõ" trở xuống mới hợp Nhiếp luận là xứ tánh chủng tử tâm xuất thế, nghĩa gồm hợp bên cạnh, ở lý là ưu thắng. Kinh Đa Giới trong tân huân trước tức là chứng cứ của nghĩa tân huân nhà đây, nên chẳng phải tổng hợp. Tổng hợp trong luận Du-già có hai: Trước hợp, sau vặn hỏi. Trong hợp có ba: Thứ nhất nêu, tiếp theo giải thích, sau cùng tổng kết. Trong vặn hỏi cũng có ba: Thứ nhất lập lý, tiếp theo phá chhíng chế và sau cùng phân bày vặn hỏi.

Luận Du-già quyển 5 kiến lập nhân có bảy tướng:

1. Pháp vô thường là nhân. Pháp không có thường năng làm nhân của pháp, đó là làm sinh nhân, đắc nhân, thành lập nhân, thành biện nhân, tác dụng nhân, tức ngay sát-na diệt thứ nhất trong sáu nghĩa.

2. Tuy pháp vô thường làm nhân của pháp vô thường, nhưng cùng tánh khác làm nhân, cũng cùng tự tánh niệm sau làm nhân, chẳng phải tức sát-na đây, tức ngay quả đồng thời thứ hai và hằng tùy chuyển thứ ba trong sáu nghĩa. Nó cùng tánh khác làm nhân tức là chủng mong ở hiện hành gọi là tánh khác. Duyên, chẳng duyên ngại, chẳng ngại ẩn hiển v.v... các thứ khác nên gọi là tánh khác, tức quả cùng có. Nó cùng tự tánh sau làm nhân chẳng phải tức sát-na đây. Chủng tử tương sinh gọi là tự tánh, trước sau cùng sinh, tức hằng tùy chuyển. Nên Duy thức ghi: "Đây hiển chủng tử tự loại tương sinh". Nhiếp luận, Duy thức lấy quả

thế gian riêng mở làm hai. Luận Du-già căn cứ một niệm nhân năng sinh hai quả, nhân không riêng nên hợp làm một, cũng chẳng trái nhau. Nếu các chủng tử sinh quả nên lấy thuyết trong sở huân. Đồng thân chẳng lìa nhau, tức vì người chết bảy trai tuần cầu phước, nào có người khác làm mà được tự thân thọ quả ưu thắng v.v... Lại, thân trong nẻo khác làm sao thọ quả? Có giải thích nẻo trước có tướng thiện ác khiến người chịu tội khéo phát tâm thiện. Lại, trong kinh ghi: "Phía trên địa ngục v.v... có phướn đen trắng bày tướng thiện ác, khiến người tội kia phát tâm thiện. Nếu vậy thì quỷ, súc sinh, người, trời, không có phướn đen trắng lẽ ra chẳng thọ quả. Có giải thích chỉ là thế tục kia nói, đâu hẳn được quả. Ta giết thì ta lại chạy tránh cũng là khó. Lại giải thích do người làm nguyện ưu thắng nguyện giúp khiến người chịu tội trong bảy phần được một. Lại do người chết từng có xứ phần làm việc thiện ác. Hiện tại là làm quả toại bản tâm. Có quả báo đồng nẻo có thể nhận chịu, nẻo khác thành khó. Lại không tướng nhận chịu hết, y cứ danh ngôn chủng sinh tự đồng loại. Có tướng nhận chịu hết, đó là nghiệp thiện ác được danh ngôn chủng cảm tánh khác, tiếp đến lúc khô héo, chẳng phải thiện ác chủng sinh tự thiện ác mà có khô héo.

3. Tuy cùng tánh khác và tự tánh sau làm nhân, nhưng đã sinh chưa diệt mới có thể làm nhân, chẳng phải chưa sinh đã diệt, tức ngay quả cùng có và hằng tùy chuyển trong sáu nghĩa. Duy Thức ghi: "Tuy nhân và quả có cùng chẳng cùng, nhưng lúc hiện tại có thể có dụng của nhân, chưa sinh đã diệt không có tự thể", đây là chánh hiển thế của vi nhân, chẳng phải nghĩa của chánh chủng tử. Nhân của hiện hành được các quả v.v... đều cũng vậy. Nên Nhiếp luận, Duy thức dùng thông các pháp chẳng chỉ có chủng tử. "Nhân nói năng mà nêu ra" trong quả đồng thời, luận Du-già trước đã hợp hai làm một, nên Biệt môn nói thế của vi nhân, nên chẳng trái nhau. Hiện tại, quá khư, vị lai chẳng phải chủng tử.

4. Tuy đã sinh chưa diệt mới có thể làm nhân, nhưng được các nhân khác chứ chẳng phải không được, tức Đãi chúng duyên thứ năm trong sáu nghĩa.

5. Tuy được các duyên khác nhưng thành biến dị mới có thể làm nhân, chẳng phải chưa biến dị tức là môn "không có Biệt tướng" trong sáu nghĩa, thuộc về Đãi chúng duyên. Đãi duyên có hai: một là nhân thể chẳng có thể sinh quả nên đợi các duyên; hai là đợi duyên rồi mới biến dị. Luận Du-già căn cứ thể tức có khác, mở một làm hai. Nhiếp luận, Duy thức dùng nghĩa đợi duyên v.v... hợp hai làm một, cũng chẳng

trái nhau, biến dị là nghĩa chuyển đổi.

6. Tuy thành biến dị hẳn cùng công năng tương ưng mới có thể làm nhân, chẳng phải mất công năng, tức tánh quyết định thứ tư trong sáu nghĩa.

7. Tuy cùng công năng tương ưng, nhưng hẳn tương xứng tương thuận mới có thể làm nhân, chẳng phải chẳng tương xứng tương thuận, tức dẫn tự quả trong sáu nghĩa.

Nói tóm lại, hợp quả đồng thời thứ hai và hằng tùy chuyển thứ ba trong sáu nghĩa. Nghĩa môn thứ hai, thứ ba của luận Du-già đối thuyết, mở Đãi chúng duyên thứ năm trong sáu nghĩa làm thứ tư, thứ năm trong luận Du-già. Ngoài ra, tất cả sáu và bảy không sai biệt. Xét luận Du-già sao quyển 5.

Trong Sinh dẫn nhân, luận Du-già v.v... ghi: "Chủng tử chưa đượm nhuần gọi là Khiên dẫn nhân, chủng tử đã đượm nhuần gọi là Sinh dẫn nhân. Ba tánh, mười nhân thảy đều như vậy". Quả tuy hợp làm một, chẳng luận viễn, cận chánh, tàn sinh, dẫn, chủng năng sinh đó thông nghiệp và nhân duyên, chưa đượm nhuần bỏ quả xa gọi là Dẫn nhân. Đã đượm nhuần bỏ quả gần gọi là Sinh nhân. Chánh hợp năng dẫn sở dẫn nói là Dẫn nhân, năng sinh là nghĩa Sinh nhân. Ba tánh mười nhân tức là ba nghĩa của Sinh nhân, Dẫn nhân và hai không tánh hợp thành năm giải thích. Đã có chánh, tàn làm Sinh, Dẫn; cũng có nội ngoại, quả làm Sinh và Dẫn.

Nhân quả đồng thời trong ba pháp triển chuyển, vặn hỏi: Chủng tử cũ sinh hiện hành mới là nhân quả chủng sinh. Chủng tử và hiện hành mới huân thành là nhân quả hiện khởi, nếu là chủng tử mới không có lực sinh chỉ theo hiện hành sinh, thì lẽ ra hiện hành mới lực còn kém nhỏ làm sao khởi chủng tử mới?

Đáp: Hiện hành mới duyên đều đủ, chủng tử mới lẽ ra theo đó sinh, chủng tử mới chưa gặp duyên nên chẳng thể sinh hiện hành.

Hỏi: Chỗ hiện hành mới khởi tức nói duyên đã đủ, chủng tử mới cũng mới sinh, sao chẳng gọi là duyên đủ?

Đáp: Hiện hành mới năng huân bốn nghĩa đủ, nói hiện hành gặp duyên, chủng mới chưa gặp, gia hạnh dẫn nên chẳng gọi là duyên đủ, vì cần phải do thế lực gia hạnh trước dẫn dắt, chủng tử mới sinh hiện hành.

Hỏi: Năng huân bốn nghĩa đủ, tức nói hiện hành sinh chủng tử. Chủng tử sáu nghĩa thành, nên nói có thể sinh hiện hành ư?

Đáp: Gặp và chẳng gặp duyên cả hai có khác, như trước đã giải

thích.

Quyển 66 ghi: Năm tướng gọi là chấp thọ, tướng thứ nhất có ba:

1. Chỉ sắc gọi là có chấp thọ, đây ngăn tâm, tâm sở v.v... vì chẳng phải chấp thọ.

2. Tất cả nội căn, chỗ căn nương thuộc trong sắc gọi là chấp thọ; đây ngăn ngoài, chẳng thuộc căn sắc, vì chẳng phải chấp thọ.

3. Tâm, tâm sở nhậm trì chẳng xả bỏ gọi là chấp thọ, phải biết đây ngăn quá khứ, vị lai và đời hiện tại nương thuộc căn tóc, móng v.v... và ngăn sau khi chết chỗ có thân bên trong, vì chẳng phải chấp thọ.

Chấp thọ có ba nghĩa:

1. Nghĩa sinh giác thọ, tức văn luận Đối pháp.

2. Năng sinh giác tụ loại, tức văn quyển 56.

3. Thân lãnh làm cảnh, an ách đồng nghĩa, tức văn đây và văn quyển 51 v.v....

Thứ hai, ba biến đều giải thích hạnh của thể, chỉ Năng biến thứ nhất giải thích hạnh chẳng phải thể. Đây có hai giải thích:

1. Luận đủ là chất, luận chẳng đủ là ảnh.

2. Biến thứ nhất có ba tướng, hai biến sau đều không, tự tướng tức tự thể.

Biến thứ nhất chỉ giải thích hạnh, chẳng thể lập lại bày rõ tự thể. Hai biến sau chẳng như vậy, hạnh và thể đều giải thích, giải thích đây ít năng.

Trong “đạt cảnh sở duyên không lìa thức”, nói hành tướng tương tợ, tuy quyển 3 có hai hòa hợp, nhưng không phân biệt trí duyên Chân như, sở duyên chẳng tương tợ, nên nói đồng nhất, văn Duy thức đây chẳng tận lý. Nếu căn cứ luận Du-già nói đồng nhất tức không có bản chất, tâm chỉ tương tợ nên chẳng thể đồng nhất. Nên hợp hai văn để làm chánh lý, lấy nghiêng một thứ có thể đều sai, chẳng phải giải thích đúng, nên như lý tư duy. Hoặc hai văn nói, luận Du-già đứng về tương tợ đồng nhất. Luận đây đứng về cảnh đồng nhất gọi là tương tợ, vì đồng một cảnh chuyển, cũng chẳng trái nhau. Giải thích sở duyên tương tợ cùng luận Du-già đồng nhất sở duyên có năm giải thích:

1. Căn cứ văn kia.

2. Căn cứ văn đây.

3. Kia đứng về bản chất, đây y cứ ảnh tượng.

4. Kia đây đều đồng.

5. Kia y cứ Vô vi có duyên bản chất, đây y cứ Hữu vi không có duyên bản chất.

Tâm phân đã đồng nên đều có chứng, lượng này chẳng định. Trong phần thứ tư tâm phân nên có năng chứng. Thứ ba cũng vậy, tại sao không có? Lập bốn phần lượng rằng: Tâm, tâm sở pháp, trong một sát-na nhất định khéo tự hiển, vì năng hiển thứ khác, như đèn, mặt trời v.v... nhân này có pháp sai biệt trái nhau. Dụ có chỗ lập chẳng thành, vì đèn không có duyên lự, tâm có duyên lự. Luận như các đèn sáng mỗi mỗi khắp tợ một tướng mỗi mỗi riêng biệt. Luận Đối Pháp quyển 2 ghi: "Nhãn thức ở hai căn như hai đèn cùng phát một ánh sáng". Điều này làm sao thông? Đây dùng pháp tùy thuyết của Tiểu thừa làm dụ, luận kia căn cứ nghĩa thể Đại thừa làm dụ, cũng chẳng trái nhau. Như nhân cùng tiếng cộng biệt tạo. Nếu vậy, như nhiều đèn cùng xứ, ảnh nó bèn khác làm sao cùng tạo? Nay chánh giải thích là như trong một chén có nhiều tim đèn, và nhân cùng tiếng, đại chủng thân gần cùng tạo một sắc, hai chén riêng đốt chẳng cùng phát sáng nên ảnh có riêng biệt.

Sư thứ hai, trong biến ngoài xứ có ba:

1. Phá tha.
2. Bày tự.
3. Giải thích phòng ngại.

Trong phá tha có ba:

1. Vặn hỏi Thánh lẽ ra biến uế.
2. Vặn hỏi phàm lẽ ra biến tịnh.
3. Vặn hỏi không dụng biến sau.

Trong sư thứ ba cũng có ba:

1. Phá tha.
2. Bày tự nghĩa.
3. Giải thích phòng ngại.

Đây nói tất cả cùng thọ dụng v.v.... Trong phá có ba:

1. Vặn hỏi khí vật hoại không có nhân.
2. Vặn hỏi đã nhàm chán không có dụng.
3. Vặn hỏi có thân không có ích.

Trên đây, thiên nhãn nhĩ thấy nghe, sắc thanh dưới chẳng gá bản chất, như quyển 7 giải thích. Thứ tám được tự tướng, kiến, tướng, dị giới nhiếp. Năm thức được tự tướng, nên thừa nhận Biệt giới thâu nhiếp, chẳng thừa nhận Biệt giới làm sao gọi được tự tướng? Quyển 7 giải thích chẳng thừa nhận, nay giải thích là thừa nhận dị giới không lỗi. Trước giải thích được xứ nghĩa tự tướng, nay giải thích được sự tự tướng.

Thắng định quả sắc đại chủng tạo, như luận Đối Pháp cuối quyển 1 sớ, tuy có năm đoạn văn nói về tạo chẳng đồng. Nói biến thứ nhất là

đại chủng, sau tạo sắc sinh đều là đồng trói buộc, có nghĩa đây nói Dục giới, Sắc giới địa định quả sắc, vì có thân sở y. Vô Sắc giới định quả sắc từ bản chất đại chủng tạo, trong định không có đại chủng vì không có thân sở y.

Định v.v... có giới địa tự tha chẳng định là, đây có năm:

1. Định lực.
2. Thông lực.
3. Thiện pháp lực.
4. Mượn thức lực.
5. Đại nguyện lực.

Do hành đại nguyện dẫn địa sắc khác hiện tại trước, nhưng Thức thứ tám chỉ có một và hai, sau cũng thông các thứ khác, nhân tiện hiển đó, cũng không có lỗi, như Thức thứ tám Vô lậu ý dẫn định quả sắc, khiến thứ tám ở Dục giới biến, chẳng phòng ngại ở Dục giới có định quả sắc chủng, không năng dẫn biến. Như trong thứ tám duyên cảnh, trong sắc thanh xúc giả sắc duyên, duyên là pháp xứ, giả sắc tại sao chẳng duyên? Tâm nhậm vận và tám tâm sở đồng thời có phòng ngại, đây thật tùy chủng tử sinh gọi là nhân duyên biến. Đây là nghĩa chánh.

Thắng định quả sắc, lược dùng bảy môn phân biệt:

1. Phàm thánh khởi, như Đối Pháp sao, Sắc giới thông quả có thể thông phàm thánh, như văn của quyển 33. Nếu vô Sắc giới, Bồ-tát Tỳ-bát-xá-na duyên ba cõi và Vô lậu cũng có định sắc rót xuống như mưa và hương cung điện, hẳn cần phải là Thanh văn năng biến, chẳng phải là Địa tiền nên đều không phàm thánh đều năng khởi, có dụng không dụng tức thành sai biệt, như quyển 33 giải thích.

2. Y địa, có hai môn: Một là y năng biến, hai là y sở biến. Ở trong năng biến chỉ thông bốn định, như Duy thức sớ giải thích. Định lực thông Vô sắc, Sắc giới sáu địa, Vô sắc bốn địa cũng vậy. Ngoài ra bảy phương tiện làm dụng hẹp kém, giải thích chán trên dưới không có công năng thù thắng nên không thể biến. Hoặc phương tiện mới đầu chưa đến cũng không có tướng, có nghĩa là hành tướng phi tưởng nhỏ nhiệm mờ tối nên chẳng thể. Mới đầu gần phần địa cũng không thông rộng nên cũng chẳng thể. Trên đây tùy y thông Hữu lậu Vô lậu. Sở biến y là biến sắc, vô Sắc giới và cùng Vô lậu quyết định đều được, vì tùy năng biến. Ở trong Dục giới, như thân tại cõi dưới, ý dẫn định quả sắc cùng sắc loại cõi trên. Tương tợ và Vô lậu là Dục giới năm thức chưa hẳn năng quán, gọi là vô kiến vô đối. Cõi dưới, chỗ Thức thứ tám duyên cũng vậy, như nhãn nhĩ thông phù căn trần v.v... loại này rất nhiều. Nếu Tứ thiền có

chút ít tạo tác giáo hóa Dục giới năng dẫn thô sắc tợ Dục giới là vì khiến chúng sinh ở Dục giới thọ dụng, tức khiến năm thức và sở duyên của Thức thứ tám đều do Dục giới trói buộc, tùy lực ý lạc khởi sắc quả cũng không ngăn ngại. Quyển 33 ghi: “Thần thông của bậc Thánh biến hóa khéo khiến người thọ dụng hoàn thành mọi việc”.

3. Hữu lậu Vô lậu, sở biến của phàm phu chỉ có Hữu lậu, không thể khiến người thọ dụng, chỉ khiến kẻ khác thấy. Quyển 33 ghi: “Sở biến của bậc Thánh thông cả Hữu lậu Vô lậu. Tại nhân thì năm thức và thức thứ tám đều chỉ có Hữu lậu, vì tướng và thế lực đồng, chỉ có tánh Vô ký. Tại quả chỉ có Vô lậu thiện, vì tự tha như nhau. Thức thứ sáu biến tự tha đều thông Hữu lậu, Vô lậu, thông thiện, Vô ký, vì lợi và hý khác nhau. Nhưng vô Sắc giới và khoảng giữa, chỉ là thiện tánh không thông quả, chỉ là định cảnh, Vô ký định thì chẳng thể vậy. Bốn quả Tĩnh lự tức thông Vô ký. Đây tại Địa thứ bảy trở về trước, Nhị thừa, Dị sinh, chẳng phải Địa thứ tám v.v...

4. Đủ cảnh ít nhiều, chẳng biến căn v.v... ở trong đó, như Đối Pháp sao giải thích.

5. Đại chủng tạo tánh, như Đối Pháp sao giải thích.

6. Định chung và riêng, như Duy thức sớ giải thích.

7. Sở nhiếp của giới xứ, trong nhân ý thức là sắc sở biến của Thức thứ tám. Năm thức chẳng được định thuộc pháp xứ, vì cảnh đối căn và quả đối nhân đều là định. Căn của năng duyên đều là ý xứ, ý giới, ý thức giới, do quả thuộc nhân, vì thuộc về định pháp xứ, chứ không phải thuộc về ảnh từ chất năm trần v.v..., vì năm thức chẳng thấy; cũng được từ chất làm danh, gọi là sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v.... Nhưng có chẳng y chất mà biến, vì chẳng thuộc về ảnh từ chất. Nếu khiến năm thức được thọ dụng tức thông năm xứ bên ngoài và thuộc về pháp xứ. Pháp xứ nhiếp như đã nói ở trước. Năm cảnh nhiếp là vì cảnh đối căn, lìa nhân theo quả. Nếu cảnh ngoài năm thức là vì quả từ nhân gọi là Thắng định quả, cũng thuộc về pháp xứ. Ý thức và Thức thứ tám cùng cảnh theo nhau cũng vậy. Tại Phật quả, thật sắc sở biến của năm thức, ý thức, Thức thứ bảy và thứ tám từ năm thức nên đều gọi là năm trần, nếu không như vậy thì Phật quả mười tám giới làm sao gọi là Vô lậu? Luận Phật Địa, Duy thức rộng thành lập đó. Như tán tâm, năm trần sở biến của năm thức và Thức thứ tám đều là năm trần. Phật quả, giả sắc sở biến của ý thức, Thức thứ bảy, thứ tám như tám Thắng xứ v.v... chỉ là pháp xứ. Nếu năm thức v.v... cũng thuộc về năm cảnh ngoài, nay chỉ ở pháp xứ nói thắng định quả là do căn bản sắc ở trong nhân, phần nhiều

năm thức chẳng duyên, tự thể nhỏ nhiệm gọi là vô đối kiến. Nếu chỗ thần thông v.v... phát thừa nhận năm kiến như luận Hiển Dương quyển 1 nói Thắng định quả pháp xứ sắc. Sở tác thành tựu cũng khiến kẻ khác thấy, tức chẳng phải vô kiến vô đối, chẳng phải như tán sắc gọi là vô kiến đối, từ gốc mà đặt tên, chẳng phải thật không có. Quyển 33 ghi: "Thần thông định của phàm phu còn khiến kẻ khác thấy", tức y cứ nghĩa đây. Có thuyết nói Phật quả không có mười lăm giới, nếu không như vậy thì Thắng định quả sắc lẽ ra không chỉ có pháp xứ. Bồ-tát Hộ Pháp v.v... giải thích: đứng về An lập đế trong nhân vị, chỉ nói có xứ giới, chỉ pháp xứ nói Thắng định quả, nếu không như vậy tại sao kinh nói mười tám giới chủng thông Hữu lậu Vô lậu được thường sắc v.v...? Nên giải thích trước là hợp lý.

Trong nhân duyên cho nên biến v.v... sớ có bốn giải thích:

1. Nhân duyên là nghĩa mặc tình, phân biệt là nghĩa gắng gượng tư duy. Luận sư Nan-đà nói xúc v.v... năm pháp cũng hay thọ huân trì các chủng tử, biến đều có dụng, tức trái thành nghiệp nhiều giống sinh mầm. Quyển 3 sau tự sẽ giải thích rộng lỗi này.

2. Nhân duyên là nhân duyên thật của các pháp, phân biệt là bảy thức còn lại vì chẳng phải thật chủng tử. Chỉ lấy sở biến của Thức thứ tám làm nhân duyên thì nhân duyên ở đây nói là nghĩa gì? Nếu luận về Dị thục lẽ ra thông với năm tâm sở, tại sao chẳng như vậy? Nếu sở biến của năm thức chẳng phải thật pháp, tại sao gọi là được tự tướng? Nếu nói được xứ tự tướng chẳng phải sự tự tướng tức xanh vàng v.v... và bốn đại mà chẳng phải năm thức được thì thật là khác thường! Lúc lửa đốt thân lẽ ra chẳng biết đau nóng v.v... và bản thức được thật chẳng phải năm thức tức là lẽ ra năm trần thuộc về pháp xứ chẳng phải thuộc về năm cảnh. Thừa nhận năm thức được tự tướng nghĩa là tổng từ biệt, chỗ năm trần thâu nhiếp đã chẳng thừa nhận duyên tự tướng, tại sao dùng giả từ thật thuộc về năm trần? Như Thắng định quả sắc, vốn chỉ do ý biến, giả sử tuy năm thức được, vì từ ngọn theo gốc, gọi là Thắng định quả, thuộc về pháp xứ. Lìa gốc nói ngọn, vì cảnh đối căn, đáng lý thuộc về năm trần. Các sắc xanh vàng v.v... cả năm vốn chẳng được, chỉ là sở duyên của ý, lẽ ra thuộc về pháp xứ, vì sao cho thật từ giả thuộc về năm trần?

3. Giải thích rằng nhân duyên là tâm Dị thục. Nhân nghĩa là danh ngôn chủng tử, duyên nghĩa là nghiệp duyên thiện ác, nếu tùy đây sinh biến hẳn có dụng, bản thức xúc v.v... lẽ ra cũng như vậy. Nếu chẳng tự tại nên gọi là chẳng phải thì năm thức chẳng phải tất cả thời, vì là nghiệp

quả. Ý đồng thời cũng vậy, vì sao biến hẳn có dụng. Lại, ý của xúc đầu là tâm của nghiệp quả. Nhân duyên biến nên lẽ ra cũng có dụng, do đây nên biết.

4. Thuyết thiện, nhân duyên là pháp thể thật từ chân chủng tử sinh, từ chân chủng tử sinh là sở biến có dụng, ngoài ra gọi là phân biệt.

Tánh cảnh chẳng tùy tâm, Độc ảnh chỉ từ kiến, Đới chất thông tình bản, Tánh chủng thảy tùy ứng, tánh cảnh toàn và một phần đới chất là nhân duyên biến. Độc ảnh và một phần đới chất là phân biệt biến. Nhưng đới chất cảnh có thể thông cả hai môn nhân duyên và phân biệt, tùy thuộc hai môn chủng và kiến. Nếu tâm sở duyên không có tâm dụng nghĩa là Kiến phần làm duyên của cảnh Tự chứng phần làm sao có dụng? Đáp: Vì tự thể nghĩa phần chẳng phải Tướng phần.

Biến Vô vi v.v... bèn không có thật dụng nghĩa là đồng lấy pháp bất tương ưng. Vô vi không thật, chỗ đồng chẳng tương ưng không có dụng, hợp mà làm văn, chẳng phải Vô vi không có dụng. Có giải thích Chân như chưa chứng thật, giả Vô vi không có dụng, cả hai đều chẳng duyên, hợp mà làm văn, nên nói không có thật dụng. Lại giải thích Chân như tuy không có tác dụng thật, nay nói dụng là lực dụng tức là lực của Chân như lìa trói buộc. Nay nói bản thức biến là Chân như chẳng như bản thể, không có lực của thật lìa trói buộc gọi là không có lực dụng. Chẳng phải không có tác dụng gọi là vô dụng. Đây giải thích là chánh. Lại, giả sử trong tâm ảnh tượng cũng không có thật dụng, do đó chẳng biến. Nói Thức thứ tám duyên ba loại cảnh, chẳng nói pháp xứ cảnh là y chẳng phải lực của định và thần thông vì là sở duyên của Pháp nhĩ, giả sử biến pháp xứ chẳng khác thân bên trong và khí vật bên ngoài, tức hai loại nhiếp hết.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN CHƯỞNG TRUNG XU YẾU

QUYỂN HẠ
(PHẦN 1)

QUYỂN 3

Quyển 51 ghi: “Cho đến chưa đoạn, đoạn thì trọn đoạn không còn gì, chứ chẳng phải lìa phược đoạn”.

Giải: Trong xúc có ba đoạn:

1. Nêu lược
2. Biện rộng
3. Phá bác bỏ.

Trong biện rộng có hai phần: Thứ nhất nêu rộng đoạn trước, luận Du-già nói cùng thọ tưởng tư v.v.... Thứ hai tổng hợp trái ngược. Trong nêu rộng đoạn trước có hai phần: Trước nêu rộng thể, sau nêu rộng nghiệp tức là đoạn từ “đã tợ thuận khởi tâm” trở xuống. Trong nêu rộng thể có hai phần: Trước nêu rộng ba hòa hợp phân biệt biến dị, sau kết nêu rộng khiến tâm tâm sở xúc cảnh làm tánh, tức là đoạn từ “hòa hợp tất cả” trở xuống. Trong phần trước lại có hai phần: Trước giải thích rộng ba hòa hợp, phân biệt biến dị; sau kết hợp Tập luận, tức là căn biến dị lực v.v.... Trong đoạn trước lại có ba phần: một là giải thích ba hòa hợp, hai là giải thích biến dị, ba là giải thích phân biệt. Do ba hòa hợp biến dị đều chẳng phải khả năng của mình, nên nói riêng trước, sau mới giải thích phân biệt.

Trong đây, do tưởng khởi ngôn thuyết, vì sao chẳng nói là ngôn ngữ? Nhân là dùng tầm tứ gần, tưởng xa. Tư khiến tâm là lấy chánh nhân v.v... Nhân gì nói tín v.v... tức là tự tánh thiện. Trong đây, ba hòa hợp đều có sinh công năng của tâm sở gọi là biến dị. Vô vi không có biến dị. Vì sao có sinh công năng của tâm sở? Nay giải thích, đây căn cứ Hữu vi duyên ba biến dị. Nếu Vô vi duyên tâm hai biến dị, vì Vô vi

không có công năng biến dị. Lại giải thích, y Vô vi có ẩn có hiển phần vị biến dị, vì chẳng đồng Hữu vi thể có biến dị, Vô vi có vị Dị nên gọi là công năng, vì thể không có công năng. Như Thức thứ bảy lấy Thức thứ tám làm căn, lại làm cảnh y, nói xúc là hai hòa hợp.

Trong giải thích nghiệp, trước giải thích tổng văn, đoạn từ "kinh Khởi Tận ghi" trở xuống là dẫn kinh chứng thành. Trong tổng hợp trái ngược có hai đoạn: trước kết hợp với Du-già, sau kết hợp với Tập luận.

Trong giải thích tương ưng: thời, y đồng, sở duyên, sự v.v... nếu đứng về bản chất, hoặc pháp không bản chất, tất cả gọi là đồng duyên một cảnh, cùng sự chẳng đồng. Nếu tướng ảnh tượng tương tợ gọi là đồng, sự gì một chủng? Trí không phân biệt duyên như không có ảnh, chẳng thể tương tợ, chẳng đồng nhất. Nên biết, có bản chất là ảnh tượng gọi là tương tợ, anh chất gọi là đồng nhất. Nếu không có bản chất là Hữu vi duyên tương tợ gọi là đồng nhất. Vô vi duyên cảnh một gọi là đồng nhất. Đây căn cứ thật duyên nên chẳng trái nhau.

Che lấp tâm có hai:

1. Tâm pháp tánh.
2. Tâm y tha.

Trong so sánh tâm sở, sư thứ nhất chẳng so sánh Dị thục v.v... lẽ ra là tư, mỗi mỗi chẳng nêu nguyên do vì nghĩa chẳng đồng. Vì sao xúc, tác ý, tư cả ba đều nói ở tâm v.v... thọ, tưởng chẳng như vậy? Thắng nghĩa bất thiện, nghĩa là sinh tử lưu chuyển. Tại sao cùng Vô lậu làm y? Vì nói thiện, nhiễm trái ngược nên lẽ ra chẳng cùng cả hai làm y.

Trong so sánh tâm sở, sư thứ ba nói dùng sáu nghĩa so sánh. Nay quán sát ý vặn hỏi của sư thứ tư, chẳng so sánh liễu biệt cùng thọ đồng thời thì so sánh sáu môn, tuy có vặn hỏi nói xúc cùng xúc đồng thời. Chấp thuận năm pháp đồng thời là so sánh đồng. Ba giải thích đều lấy chỗ chẳng xả tàng của A-la-hán sau, chỉ tâm vương xả tàng, là chẳng phải gọi tâm sở xả tàng là nguyên do. Trước so sánh như vậy, nếu không như vậy tại sao giữa đường so sánh? Đây thì y cứ giải thích một và hai làm chánh và giải thích thứ tư. Trong vặn hỏi có mười đoạn:

1. Tổng nêu các lỗi.
2. Lại vặn hỏi.
3. Vặn hỏi khiến chẳng thọ huân.
4. Mặc tình vặn hỏi thọ huân.
5. Kẻ khác chống chế.
6. Lại vặn hỏi.
7. Họ giải thích.

8. Chánh vặn hỏi.
9. Chuyển hỏi.
10. Bày rõ tông.

Trong đoạn thứ tư mặc tình thọ huân có năm đoạn:

1. Mỗi mỗi thành lỗi sáu thể.
2. Lỗi nhiều nhân một quả.
3. Lỗi năm thứ vô dụng.
4. Lỗi thế lực v.v... chẳng phải thứ lớp.
5. Lỗi chóng sinh sáu giả.

Lại, "chỗ kia nói" là chuyển hỏi. "Do đây v.v..." là bày rõ tông.

Ba dụ trong Hằng chuyển gồm:

1. Dù chìm nổi giữa hai nẻo.
2. Dụ gặp duyên nổi sóng.
3. Dụ trôi chảy vật trong ngoài, chẳng phải Phật, làm sao có thể dừng.

Có bốn Tát-bà-đa, trong đây có bốn thứ: Loại, tướng, vị, đãi dị. Thứ ba y cứ tác dụng lập thế gian là tối thiện, như luận Câu-xá quyển 20 giải thích.

Trong phá nghĩa nhân quả v.v... của sư Thượng tọa có hai đoạn: Một là thuật tông, hai là chánh phá. Trong thuật tông có ba đoạn: một là nêu chung, hai là nêu riêng, ba là tổng kết, tức là đoạn từ "nhân quả như vậy v.v..." trở xuống.

Trong nêu riêng có ba đoạn:

1. Nêu cực mau để nói rõ về thời.
2. Nêu một thể mà thành hai.
3. Nêu hai thể mà làm rõ đều có.

Trong chánh phá có bảy đoạn:

1. Tổng nêu các lỗi mà khởi trưng bày.
2. Hiển trái nhau mà phá thế gian.
3. Định có không mà phát hỏi.
4. Mặc tình diệt có mà hỏi vặn.
5. Thuật trái nhau mà thể là một.
6. Theo một và khác mà lý trái nhau.
7. Tổng kết bày ý vặn hỏi.

Bát-nhã hủy Bồ-tát chẳng khiến vào diệt định, Du-già nói bốn người chẳng thành Lại-da, Bất thoái cũng vào, há chẳng trái nhau? Thuận trong ba thuyết đây, Địa thứ tám chẳng vào. Sư thứ nhất lấy đây làm thể, nên chẳng thừa nhận lấy ngay đến Địa thứ tám, vì là chỗ Phật quở trách,

nên xa hợp gọi là Bất thoái. Thứ hai nói rõ ngay đến gọi là Bất thoái, tức có hai nghĩa: Một nói là Du-già làm chánh, Phật quở trách đắm ngoan không, không có lợi ích thù thắng, chẳng phải họ chẳng thể nhập. Lại giải thích kinh là chánh, Du-già y cứ Bất thoái là đứng về thành thục mà nói, trước đã từng vào, sao quở trách nên chẳng vào? Do tự tại nên cũng nói Bất thoái vào định, kỳ thật là chẳng vào.

Xét những tên gọi như Bồ-tát địa, hạnh nhỏ, hạnh lớn, hạnh rộng v.v... kinh Giải Thâm Mật quyển 3, luận Du-già quyển 78 ghi: "Bồ-tát Quán Tự Tại thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Các vị Bồ-tát ở trong các Địa phát sinh phiền não, phải biết là tướng gì, lỗi gì, đức gì?

- Này thiện nam! Tướng không nhiễm ô. Tại sao? Các vị Bồ-tát ở trong Sơ địa, thật đối với tất cả các pháp, pháp giới đã khéo thông đạt. Do nhân duyên này, Bồ-tát cần biết mới khởi phiền não, chẳng phải là chẳng biết, cho nên gọi là tướng không nhiễm ô, ở trong tự thân chẳng hay sinh khổ, nên không lỗi lầm. Bồ-tát sinh khởi phiền não như vậy, ở hữu tình giới khéo đoạn nhân khổ, cho nên Bồ-tát đó có vô lượng công đức rất kỳ đặc.

- Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-đề vô thượng mới có công đức lợi lớn như vậy, khiến các Bồ-tát sinh khởi phiền não, còn hơn tất cả thiện căn của hữu tình Thanh văn Độc giác, huống gì là vô lượng công đức khác, làm sao tâm thông các vị thì nói tùy nghĩa nên nói, Dị thục cũng thông các vị chẳng nói tùy nghĩa, đã riêng nói xả, sao phải nói lại?"

Theo luận Vô Tướng và kinh Đồng Tánh thì thức vô cấu là tự tánh tâm thức thì lý Chân như, nên biết vô cấu thông cả hai thứ. Nhưng bản thức có mười tám tên. Bài tụng ghi:

Không mất, bản, trạch, tạng
Chủng, vô cấu, trì, duyên
Hiển, hiện, chuyển, tâm, y
Dị, thức, bản, sinh, hữu.

"Cõi Vô thỉ đến nay, tất cả pháp thảy y, do đây có các nẻo, và Niết-bàn chứng đắc", luận Vô Tánh và Nhiếp Đại Thừa ghi: Cõi Vô thỉ đến nay là hiển bày thức tánh đây ở khoảng đầu tiên là không. Cõi là nhân thì chủng tử thức là nhân chủng của ai? Nghĩa là tất cả pháp sở y khéo nhậm trì vậy, chẳng phải nhân tánh. Nghĩa năng nhậm trì là nghĩa sở y, chẳng phải nghĩa nhân tánh. Sở y, năng y, tánh đều khác nhau, nếu không như vậy là giới, tiếng đã rõ sao mượn lời khác? Ý hai câu đây, cõi Vô thỉ đến nay là hiển tánh thức đây không có câu "khoảng đầu tiên

thông”. Cõi của tất cả pháp, nghĩa là cũng lấy pháp Hữu lậu làm nhân duyên, cùng Vô lậu pháp v.v... làm sở y. Do tất cả pháp giới, nên có các nẻo, do đẳng làm sở y, có Niết-bàn chứng đắc, có chút phần tương tợ với Duy Thức quyển 2 nhưng hơi sai biệt, như văn có thể biết.

Trong phần do nhiếp tàng tất cả chủng tử thức của các pháp có ba giải thích:

1. Trong đây chỉ nêu năng tàng gọi là A-lại-da, chẳng phải là nghĩa tàng đầy đủ, vì đối thắng tánh làm rõ năng tàng vậy.

2. Ba tàng trong đây tất cả đều đủ, nêu năng nhiếp tàng hiển bày tánh sở tàng, chủng tử tạp nhiễm hỗ tương làm duyên. Do đây trì năng chấp bên trong làm ngã thì là nghĩa chấp tàng nên đủ ba tàng.

Hai giải thích trên đây trong luận thể văn trường hàng có nói.

3. Căn cứ thật Lại-da chỉ lấy chấp tàng, nay căn cứ năng tàng có đại tự tại tợ thường và một. Riêng tợ ở ngã, hiển làm nghĩa sở chấp tàng của ngã ái, ý muốn dùng sở chấp tàng nên gọi là A-lại-da. Nếu lấy năng tàng giải thích A-lại-da thì Phật quả xứng với tên gọi này, nếu dùng nghĩa năng tàng sở tàng để giải thích thì hàng Nhị thừa vô học, Địa thứ tám trở đi nên được tên đây, nên chỉ có chấp tàng gọi là A-lại-da, thiếu thì liền thành lỗi. Nay nêu năng tàng để nói rõ tàng tạp nhiễm. Phật chỉ có một năng tàng. Hàng Nhị thừa vô học, Địa thứ tám trở lên có cả năng tàng sở tàng, ngoài ra thì đều có đủ ba tàng, nên lấy chấp tàng gọi là A-lại-da.

Trong phần “Ta chỉ khai mở cho người thù thắng”, luận văn chỉ y cứ cứu cánh chứng quả mà nói nên lập chánh danh, chánh danh cũng thông cả hàng Địa tiền v.v.... Bất định tánh đúng lý cũng ở trong đó. Địa thượng, Địa tiền tùy ứng mà nhiếp. Quyết định Nhị thừa sinh cõi Vô sắc tin có Thức thứ tám vào được diệt định, rõ ràng cũng vì nói, nhưng chẳng phải chánh, cứu cánh chẳng thể đắc quả lớn, trong đây chọn lựa đó.

“Ta đối với phàm phu chẳng vì chỉ bày”, Vô Tánh giải thích: Hàng chấp ngã kiến, chẳng vì họ chỉ bày, sợ họ phân biệt kế chấp làm ngã, đâu thể chấp nhận phân biệt kế chấp kia, tận cùng khoảng sinh tử, hành tướng một loại không cải chuyển. Vì hiển bày Nhị thừa định tánh phàm phu, kiến của Câu sinh chưa trừ, chẳng được vì họ nói, sợ tăng thêm phân biệt kiến, chẳng phải hàng đắc Thánh nên chẳng vì họ nói. Nay vặn hỏi nếu vì phàm phu có Câu sinh kiến chẳng vì họ nói, hàng Nhị thừa đã đoạn cũng nên vì họ nói. Nếu vì hàng chẳng ngu pháp nói, thì phàm phu định tánh cũng có chẳng ngu, tại sao chẳng nói? Nên biết

chẳng vì phàm phu chánh nói, Vô Tánh tuy nói hàng chấp ngã kiến chẳng vì chỉ bày là chẳng phải lời nói tận lý. Lại, luận đây nói chướng sinh Thánh đạo, phàm quyết định tánh có thể vậy, đồng với Vô Tánh, chẳng phải thân bậc Thánh lại chướng Thánh đạo. Lại, tuy bậc Thánh Nhị thừa chẳng vì họ nói là phần nhiều chẳng ngu pháp vậy, chẳng phải đồng với Dị sinh. Ý đây chẳng vì chánh nói, chẳng phảộní chung.

"Thành Đại thừa là trong lời Phật nói" luận có mười lượng, trong bốn cặp trước, lại thêm chữ "lạc Đại thừa thừa nhận", chọn lựa tùy một chẳng thành. Dùng chí giáo nhiếp làm tông nên thành bốn nhân. Trong bảy nhân chứng, trong phần "trước chẳng thọ ký" lại có ba lượng: một, nếu Đại thừa là trụ trong tự pháp là rộng hoại chánh pháp, nói Phật nên trước dự ghi trí Vô công dụng Phật hằng có, như Diệt Pháp Sự giải thích. Lại, hằng chánh cần giữ chánh pháp, lại biết vị lai trí không chướng ngại. Lại có một lượng nói là: Hữu pháp như trước, pháp nói là Phật nên trước phân biệt dự ghi riêng, thời sau hoại chánh pháp là sở khởi v.v... vậy, như Chánh Pháp Diệt Sự giải thích, và giáo pháp lừa đội lốt sư tử có bảy tỷ lượng. Luận Hiển Dương quyển 20 dùng mười nhân nói ngôn giáo Đại thừa là điều Phật nói:

1. Trước chẳng khởi, tức nhân đầu tiên ở đây.
2. Nay chẳng thể biết, tức nhân thứ hai ở đây.
3. Có nhiều chỗ làm.
4. Cực trọng chướng là chỗ không có trong đây.
5. Chẳng phải cảnh tầm tư vậy, tức nhân thứ ba ở đây.
6. Chứng đại giác, tức "nếu có nhân Đại thừa" trong nhân thứ năm.
7. Không có lỗi của Thừa thứ ba.
8. Đây nếu không có nên không có Nhất thiết trí, tức "không có nhân Đại thừa" trong nhân thứ năm.
9. Có đối trị tức nhân thứ sáu.
10. Chẳng nên như nói lấy ý, tức nhân thứ bảy.

Trong bảy nhân đây, mỗi mỗi lại lấy Tư để làm tỷ lượng. Các sư Thượng tọa bộ lập chín tâm luân:

1. Hữu phần.
2. Năng dẫn phát.
3. Kiến.
4. Đẳng tầm cầu.
5. Đẳng quán triệt.
6. An lập.

7. Thế dụng.
8. Phản duyên.
9. Hữu phần.

Nhưng thật chỉ có tám tâm, vì bao quát mà nói tổng có chín, nên thành chín tâm luân. Vả lại, như mới đầu lúc thọ sinh chưa thể phân biệt, tâm chỉ nhậm vận duyên ở cảnh gọi là tâm hữu phần. Nếu lúc có cảnh đến tâm muốn duyên bèn sinh cảnh giác, gọi là năng dẫn phát. Tâm đó đã ở trên cảnh đây chuyển kiến chiếu soi nó. Đã thấy nó rồi, bèn đồng tầm cầu xét thiện ác đó. Đã xét nó rồi, bèn đồng quán triệt nhận thức thiện ác đó mà an lập tâm, khởi nói phân biệt nói thiện ác đó, tùy thiện ác đó bèn có tác động dụng tâm sinh. Động tác đã dấy khởi sắp muốn ngừng phế bèn lại phản duyên việc chỗ làm trước. Đã phản duyên rồi bèn trở về hữu phần nhậm vận duyên cảnh, gọi là chín tâm, mới thành nghĩa luân. Trong đó, tâm kiến thông nơi sáu thức. Ngoài ra, chỉ ý thức. Tâm hữu phần thông sinh tử, tâm phản duyên chỉ được tử. Nếu người lìa dục chết thì tâm hữu phần. Đã không ngã ái, không chỗ phản duyên chẳng sinh lưu luyến. Người chưa lìa dục vì tâm phản duyên mà chết, có luyến ái. Nếu có cảnh đến thì tâm có thể sinh. Nếu không cảnh khác, luôn làm hữu phần, nhậm vận tương tục. Nhưng, kiến và tầm cầu trước sau chẳng định. Luận Vô Tánh và Nhiếp Đại Thừa quyển 2 ghi: "Năm thức đối với pháp không chỗ rõ biết, trước nói tâm kiến. Lại nói, kiến chỉ chiếu soi tức tổng kết tâm trước.

Ngũ dục chẳng phải xứ đắm chấp là, sinh hai cõi trên cũng khởi ngã thức.

Trong chứng thứ nhất, tâm tập khởi là giải thích lại chỗ tập chủng. Chỗ khởi sinh pháp, nhân nên gọi là tâm.

Trong phá sắc chẳng tương ưng và tâm sở, cũng nên có chẳng phải chỗ tâm tập khởi chủng nhiễm tịnh, vì lược nên không nói. Chấp thuận loại là giả chẳng năng trì thật chủng pháp bên trong. Quyển 1 trước nói, như đê đường v.v... giả ngăn nước thật, ở đây vì sao chẳng vậy? Tạm dứt diệt ngăn giả định có thể vậy. Rốt ráo trọn trì ở lý chưa thể. Nếu vậy, thân Phật, giới biệt giải thích thoát v.v... cũng rốt ráo ngăn. Nghĩa gì chẳng đồng? Ngăn là nghĩa dứt, có thể giả ngăn thật. Trì là nghĩa giữ gìn nên giả chẳng trì.

Phá Tợ tỷ lượng của luận sư Thanh Biện, tông có một phần sở biệt chẳng thành. Trung Đạo thắng nghĩa trong luận cũng có lỗi của một phần trái ngược tông, chẳng thành như trong sớ giải thích. Đồng dụ như huyễn là, y Tục đế, như huyễn có hai trưng bày: một là thật sự như

huyễn, chẳng phải duyên sinh nên năng lập chẳng thành; hai là tợ sự như huyễn, tông đây chẳng phải không lập nên chẳng thành, y Thắng nghĩa đế. Tất cả pháp hai tông đây kia đều chẳng thể nói, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải duyên sinh, chẳng phải phi duyên sinh, đâu thể dùng hoa đốm hư không v.v... làm dụ được? Đồng dụ cũng có lỗi câu bất thành gọi là Tợ tỷ lượng.

Trong Chứng thứ hai, thân khí lìa tâm chẳng phải có thì nghiệp quả chứng thứ năm trong tám Chứng.

Trong thú sinh, nói năm nẻo là luận Phật Địa ghi: "Vì A-tố-lạc nhiều dối trá nên nói là phi thiên". Có trong các kinh mở làm sáu nẻo, thật thì cõi trời nên năm nẻo các kinh khác cũng nói cùng thuộc nẻo quỷ, vì tùy thuận lý, hoặc luận Phật Địa đứng về nghĩa nhiều phần, thật thông hai nẻo, như Pháp Hoa sao quyển 1.

Khởi không có tạp là giới địa có thể vậy, như năm thú bốn loài ở Dục giới. Tại sao? Phiền não, nghiệp, quả định thuộc nẻo đây sinh, mà nói khởi tạp, như chuyển trọng khiến khinh, cũng có quả nẻo ác thọ trong loài người và sáu cõi trời. Người trời cũng khởi phân biệt phiền não v.v... cũng có nẻo ác thọ quả thiện nghiệp biệt báo, như rồng voi ngựa v.v... quỷ có phước đức v.v... ở trong trời người, đều không nhất định thuộc, nay nói khởi các thứ khác có thể gọi là tạp luận. Nay giải thích chẳng như vậy, kia không nhất định thuộc, chỉ Thức thứ tám nẻo sinh nhất định chẳng thể chuyển thọ, chuyển thọ chỉ là biệt báo, nên các thứ khác gọi là tạp, chẳng biết nẻo nào sinh loại nào, nên nếu khởi đó bèn gọi là tạp. Thức thứ tám không như vậy, nên gọi là không có tạp.

Sinh đắc thiện và ý thức nghiệp quả khởi không có tạp là như sinh đắc thiện, tuy Dục giới đây cũng có định thuộc, thú sinh gọi là không tạp thì không như vậy, chỉ ý nghiệp quả không tạp, đây là tên cùng theo, chẳng phải thật không tạp, giải thích đây là chánh, thông năm nẻo được quả. Ý Dị thục là sư đây chẳng thừa nhận các thú chuyển thọ, chỉ bản xứ, hoặc nhiều phần, cũng có thật Dị thục nương Dị thục chuyển thọ. Nghiệp quả trong ý là văn của Bồ-tát Hộ Pháp, sinh đắc thiện là nghĩa của các sư khác, hợp đó lại một xứ, nhưng chẳng phải chuẩn đúng. Thật chỉ có Dị thục và tâm sở kia gọi là chánh thú sinh, hỏi: Thể của thú sinh là một hay là nhiều? Nếu là một, y sáu biệt thật tâm và tâm sở để lập chung là một, như bình, bồn v.v... thú sinh nên giả. Nếu thừa nhận giả là trái với văn trên. Nếu thật một, tại sao y nhiều thật pháp mà lập thể một thật ư? Nếu là nhiều, nên như một người, sáu người riêng nẻo, chỗ sáu loài nhiếp, nên là lỗi lớn. Nghĩa này nên tư duy. Thú sinh là giả các

sư Kinh bộ vặn hỏi, y sáu căn lập mạng căn, mạng căn nên là thú sinh, tổng thành một giả, cốt yếu y thật pháp mới có thể kiến lập, chẳng trái với trên, sở y lập. Giải thích sau là chánh. Hoặc chỉ tâm vương là thể thú sinh, tâm sở cùng theo thật chẳng phải thú sinh, nên chỉ là một. Hoặc đồng tại một tụ đều nói không lỗi, là thật, chẳng phải giả, nên xét giả thật trong Du-già. Chánh thật thú sinh là chánh, là nghĩa bản thức, vì thú sinh là bản, ngoài ra năm uẩn Biệt báo y cùng theo đây mà gọi là thú sinh, không như vậy nên là tạp loạn, một nẻo khởi nẻo khác. Trong đây chỉ lấy chánh cảm chỗ nghiệp sau chiêu thức v.v... làm thể thú sinh.

Ắt trụ tán tâm, chẳng phải không tâm và định thì Tiểu thừa và Đại thừa cùng đồng, kinh Ma-ha-ma-da nói Phật vào diệt định mới vào Niết-bàn, đồng với Du-già quyển 80. Văn trong đây hoặc phân sáu đoạn: một là phá Kinh bộ, như ngủ không mộng, chuyển thức không vậy, các bộ khác chẳng như vậy; hai là phá Tát-bà-đa v.v...; ba là hiển chân Dị thục. Ba đoạn còn lại như văn tự nêu bày.

Trong thọ sinh mạng chung, hành tướng sở duyên của sáu thứ chuyển thức có hẳn có thể biết, Tát-bà-đa v.v... nói có hành tướng ý thức có thể biết, nên nay vặn hỏi đó là: Như có thể biết, nên như các vị khác phân minh có thể biết, đã chẳng phân biệt, rõ ràng chẳng phải ý thức.

Danh sắc hỗ tương làm duyên, như Tâm Kinh Tán giải thích.

Át-bộ-đàm, Hán dịch là Mụt nước, vì tạm đông đặc như mụt nhọt. Bế hộ là ngưng kết, luận kia gọi là Nhiệt huyết, cũng nói là Bế hộ. Kiện nam, Hán dịch là Sâu dày, vì tạm ngưng sâu dày, đồng kinh Ngũ Vương. Bát-la-xà-khư tức là Cụ căn, tức ba mươi lăm ngày.

QUYỂN 4

* Phần cuối bốn thực chứng ghi: "Nói là hữu tình nương ăn uống mà sống là đều nương vào thị hiện. Phẩm Phá Như Lai trong luận Trung Quán ghi: "Như Lai là cũng gọi là chúng sinh". Lại, luận Đại Trí Độ quyển 30 ghi: "Ở trong loài chúng sinh hai chân, bốn chân v.v... rất là tôn thắng, nói là hữu tình đều là thị hiện". Lại nói: "Tôn quý trong chúng sinh, thân Phật sao hẳn là chúng sinh, vào thành khất thực v.v... đều gọi là nương ăn uống mà sống, cũng thị hiện". Luận Đối Pháp quyển 5 ghi:

1. Bất tịnh y chỉ trụ thực, nghĩa là Dị sinh ở Dục giới, do đủ thứ trói buộc.

2. Tịnh bất tịnh y chỉ trụ thực, nghĩa là Hữu học và Sắc, Vô sắc giới các loài dị sinh trong đó có các sự trói buộc khác.

3. Thanh tịnh y chỉ trụ thực, nghĩa là A-la-hán v.v... giải thích thoát tất cả trói buộc.

4. Thị hiện y chỉ trụ thực, nghĩa là chư Phật và các Bồ-tát đã chứng uy đức lớn.

Do chỉ thị hiện thực lực trụ, Nhiếp luận quyển 10 cũng đồng, chỉ thị hiện thực, chỉ nói là Phật, Thế Tôn thật chẳng thọ thực cũng chẳng mượn ăn uống. Luận kia đứng về bốn cách ăn làm luận nên chẳng nói Bồ-tát. Dị thục thức thực kia chẳng phải thị hiện, nên luận Đối Pháp y cứ ba cách ăn mà làm luận. Hằng Vô lậu đồng thời thật không ba cách ăn, nên xưng là thị hiện, thật chẳng trái nhau. Lại, luận đây y cứ Bồ-tát từ Địa thứ tám trở đi thật là hữu tình chẳng phải là thị hiện, tuy hiện ba cách ăn cũng chẳng nói đó. Phật thị hiện hữu tình nên không chẳng làm so sánh, hoặc nghiêng về y đoạn thực. Địa thứ tám đã qua thật chẳng đợi tư lương.

Hỏi: Vì sao trong bốn cách ăn, một vào trưởng dưỡng, còn ba kia chẳng phải. Bốn thứ trưởng dưỡng, ba chẳng phải thực ư? Du-già tự giải thích vặn hỏi sau, vặn hỏi trước như thế nào?

Trong diệt định, luận Thành Nghiệp ghi: Tâm có hai thứ:

1. Tâm tập khởi, nơi vô lượng chủng tử tập khởi.

2. Tâm chủng chủng, hành tướng sở duyên sai biệt chuyển.

Vị diệt định v.v... khuyết tâm thứ hai, nên gọi là không tâm, như ngựa bốn chân khuyết một nên cũng gọi là không chân, nghĩa là hành tướng nhãn thức v.v... thô động khởi hẳn lao lự v.v... là theo thông nghĩa của ba Thừa, căn cứ thật Bồ-tát địa thứ tám đã qua, không tâm Hữu lậu,

sao hẳn phải lao lự?

Phá Tát-bà-đa, trong phần Diệt định thứcc chẳng lìa thân có hai đoạn: Trước nêu kế chấp, sau chánh phá. Trong phá có năm đoạn:

1. Vặn hỏi như tưởng khởi diệt.
2. Vặn hỏi thọ chẳng lìa thân.
3. Vặn hỏi lẽ ra chẳng phải hữu tình.
4. Vặn hỏi căn thọ không trì.
5. Vặn hỏi kinh nói không thuộc.

Tát-bà-đa ghi: Thọ tưởng trước nghiêng về nhàm chán. Tâm hành nói là không có, Thức thể chẳng phải tâm hành, Diệt định nên nói có. Nếu vậy, vặn hỏi: Thức thể chẳng phải tâm hành, diệt định thật không mà nói có. Thọ v.v... chẳng phải tâm hành. Trong định thật không mà nói có. Nên luận ghi: Thọ, noãn, các căn lẽ ra cũng như thức, bèn thành lỗi lớn.

Trong phá bản kế của Kinh bộ có hai đoạn: Trước nêu bốn vặn hỏi, sau tổng kết. Bốn vặn hỏi là:

1. Không nhân quả chẳng sinh.
2. Không thể chẳng phải nghĩa nhân.
3. Các thứ khác chẳng phải thọ huân v.v...
4. Do lượng thành có thức.

Thứ hai, do lý đây hướng đến sau kết.

Bảy đoạn phá trong tâm sở. Đoạn thứ tư phá chống chế có tám đoạn:

1. Do nói đồng tâm hành.
2. Thẩm định biến chẳng phải pháp biến hành để khởi vặn hỏi sau. Trong đây có ba: một là tổng nêu, hai là hiển tùy có không, ba kết chánh.
3. Vặn hỏi tư như thọ tưởng cũng nên đồng diệt.
4. Vặn hỏi tín v.v... cũng không có.
5. Thọ tưởng sánh như tư nên có.
6. So sánh xúc nên có.
7. Thọ so sánh nên như vậy.
8. Tưởng so sánh đồng đây.

Đoạn thứ bảy, trong phá có năm phần:

1. Tổng chống chế lỗi.
2. Dẫn kinh phá so sánh.
3. Kết thành nghĩa.
4. So sánh có thọ tưởng.

5. Lỗi trái với giáo.

Vặn hỏi không trong tâm sở có năm hỏi đáp. Trong vặn hỏi thứ nhất có bảy đoạn:

1. Vặn hỏi tâm đồng sở không.
2. Vặn hỏi pháp tùy biến hành diệt.
3. Vặn hỏi thọ chẳng phải đại địa.
4. Vặn hỏi thức chẳng phải tương ưng.
5. Vặn hỏi lẽ ra không y duyên.
6. Vặn hỏi như kinh có xúc.
7. Vặn hỏi thọ v.v... hẳn chung cùng.

Vặn hỏi tâm diệt định nhiễm Vô ký là các nhiễm khác tâm Vô ký hẳn có tâm sở, tâm trong đây hẳn có tâm sở, là tông, thêm đó diệt định vị tâm, văn ngôn mới đủ, chẳng như vậy thì có lỗi tương phù cực thành, vì tâm nhiễm Vô ký là nhân, như các nhiễm khác tâm Vô ký là dụ. Nhân không có chữ "cho nên", dụ thiếu chữ "như", các thứ khác đều đủ văn, hãy đọc lấy nghĩa.

Trong Chứng thứ mười lấy tâm làm gốc. Câu chung của các bộ, pháp Hữu vi, Vô vi, nhiễm tịnh đều lấy tâm làm gốc. Tát-bà-đa v.v... cho là Vô vi do tâm hiển, Hữu vi do tâm nên khởi. Do tâm khởi pháp nhiễm tịnh lực dụng rất thắng mạnh, nên nói là gốc. Do đây, kinh ghi: "Nếu tâm nhiễm tịnh thì hữu tình nhiễm tịnh", ý các sư Kinh bộ tuy cũng như vậy, nhưng tâm thọ huân ưu thắng so với căn v.v... vì khắp cùng các cõi nên nói tâm là gốc. Tuy câu chung của Hữu vi và câu riêng của Vô vi nhân tâm mà sinh, nghĩa là sắc, chẳng tương ưng do tâm làm đồng loại, câu hữu, Dị thục nhân v.v... mới bắt đầu sinh. Các pháp tâm sở, lý tuy cũng vậy, thân gần nơi tâm, y tâm mới trụ. Hai câu trên đây riêng đối Tát-bà-đa. Hai câu dưới đối Kinh bộ, như văn có thể rõ. Trong sớ chỉ thuật bốn giải thích của Đại thừa, trong đây tổng giải thích, nhưng quán xét ý của văn sau thảy đều phá bộ kia nên nêu giải thích này.

Nghiệp quả giới địa qua lại sau khởi lẽ ra không có nhân. Nhiếp luận quyển 3 ghi: "Nếu có ở đây chẳng phải thảy đồng dẫn địa lúc mất rồi sinh, y trong có vị ý khởi ý thức nhiễm ô kết sinh tương tục, ý thức nhiễm ô này đối với diệt trong Trung hữu. Ở trong bào thai mẹ thức Yết-la-lam lại cùng hòa hợp. Nếu vậy thì ý thức cùng hòa hợp sau đã hòa hợp rồi y chỉ thức này, ở trong bào thai mẹ có ý thức chuyển. Nếu vậy, tức nên có hai ý thức ở trong bào thai mẹ đồng thời mà chuyển, cho đến nói rộng.

Thời phần cách biệt không có duyên là đối Tát-bà-đa, vì sắc trong

thức vị là Dị thục, gọi là hành duyên thức:

1. Thời kiếp số xa vời.

2. Trái cách, vốn không có quả thức có thể gọi là chi thức.

Vì sao gọi là cảm sắc trong thức vị? Các sư Kinh bộ ở đời vị lai không có mà nói cảm là thời phần vời xa, thời lâu cách tuyệt. Thế nào gọi là cảm? Lại nếu nói cảm gọi là sắc vị, thức gọi là duyên, thì cách thức chi, nên nói cùng danh sắc làm duyên, chẳng phải cùng thức làm duyên.

Mười Chứng nhiếp tám Chứng là Dị thục thứ hai đây là thứ sáu kia. Chấp thọ thứ tư đây là chấp thọ thứ nhất kia. Tâm sinh tử thứ sáu đây là mạng chung thứ tám kia. Diệt định thứ chín đây là diệt định thứ bảy kia, trì chủng thứ mười đây là chủng tử thứ tư kia.

Trong Năng biến thứ nhất, tại sao tâm sở thứ tám sánh đồng tâm vương nói cũng như vậy? Năng biến thứ hai, thứ ba chỉ nêu tương ưng chẳng nói sánh đồng? Sợ đây lẫn lộn với kia nên ở đoạn thứ bảy chỉ lập tên ý v.v..., tại sao Thức thứ sáu chẳng chỉ gọi ý, Thức thứ bảy cũng là thức vậy? Thứ bảy trì nghiệp, hai nghĩa để nói rõ thể của thức. Thứ sáu y chủ, lấy tha để rõ tự, nếu thứ sáu nêu một ý chẳng nói thức là chẳng khéo hiển tự. Thứ bảy thêm thức sợ lạm y chủ, nên thứ bảy chỉ nêu tên ý, sợ đây lạm kia. Thứ sáu thêm thức, hiển y tha nên được tên.

Vì sao trong bốn duyên, thứ ba gọi là sở y? Sở duyên duyên thể chẳng gọi là sở y. Thắng, gọi là y, thế cùng thân gần, sở duyên duyên xa cho nên chẳng lập, nhân thì có thể vậy, nghĩa y thì chẳng phải. Chỉ có trong y, thứ hai là nghĩa của luận sư An Tuệ, Kiến phần Tướng phần kia tuy là sở chấp, thể tánh đều không có, cũng có tướng của tợ sắc, như chỗ mộng thấy. Thời nay núi sông tất cả đều vậy, nên có tạng thức chỗ biến căn cảnh làm duyên sở y nên không có lỗi.

Trong y và sở y khác nhau, sở y đủ bốn nghĩa, thân căn mong bốn thức, khuyết ở nghĩa nào mà chẳng phải sở y? Có nghĩa giải thích là không có nghĩa quyết định, vì y thân dưới khởi nhãn trên v.v.... Đây cũng chẳng phải như vậy, năm thức dưới cùng khởi ý thức trên, nên chẳng phải năm y, cũng bất định. Lại, có giải thích thiếu nghĩa có cảnh. Phàm lập có cảnh là hẳn căn đồng phần khởi dụng có cảnh, căn đồng phần kia chẳng phải là sở y, chỉ là y nhiếp do thân căn đây hẳn không cùng bốn đồng phần có cảnh. Giả sử tự thân thức chưa hẳn cùng khởi làm bốn thức y, do nói y dụng gọi là có cảnh chẳng phải y thể, đây cũng chẳng phải như vậy. Văn luận sau nói, tuy có Sắc giới cũng y sắc căn mà chẳng nhất định có, chẳng phải thuộc về sở y. Nếu thừa nhận y dụng

để gọi là có cảnh, năm căn ở tám khởi thức chẳng khởi đều gọi là có cảnh. Vì y thể nói, chẳng trừ có cảnh, chỉ không có quyết định. Nếu y dụng nói cũng nên nói là không nghĩa có cảnh, chẳng phải tất cả thời hằng khởi thức. Hoặc thức thứ bảy, thứ tám chẳng phải Thức thứ năm, thứ sáu nhất định đồng phần. Do đây nay giải thích có nghĩa riêng đó, phàm chỗ nương gá đều gọi là y. Đủ bốn nghĩa là tối thắng trong y lập làm sở y, yếu kém thì chẳng lập.

Trong đủ quyết định, sao gọi là quyết định? Chẳng phải nhất định cùng có gọi là quyết định. Quyết định có bốn:

1. Thuận lấy sở duyên quyết định, phần sau gọi là đồng cảnh.
2. Minh liễu sở duyên quyết định, phần sau gọi là phân biệt.
3. Phân vị sai biệt quyết định, phần sau gọi là nhiễm tịnh.
4. Năng khởi làm y quyết định, phần sau gọi là căn bản.

Có cảnh đó là chủ cũng mỗi mỗi có bốn. Bốn quyết định này có cảnh, là chủ, cũng tùy có một thứ, tức là quyết định, có cảnh, là chủ. Năm căn ở năm thức, có thuận lấy sở duyên quyết định, có cảnh, là chủ. Ý thức ở năm thức, có minh liễu sở duyên quyết định, có cảnh, là chủ. Thứ bảy ở năm thức có phần vị sai biệt quyết định, có cảnh, là chủ. Thứ tám ở năm thức có năng khởi làm y quyết định, có cảnh, là chủ, nên năm thức đây đủ bốn sở y. Năm căn khéo thuận năm thức lấy sở duyên. Ý thức khéo hỗ trợ năm minh liễu sở duyên vậy, nghĩa nói minh liễu cảnh của phân biệt, chẳng như vậy, định tâm nên chẳng phải năm y. Bảy thức khéo khiến năm phần vị riêng biệt. Lúc Thức thứ bảy rốt ráo thành Vô lậu, năm định Vô lậu, chẳng như vậy, Hữu lậu nhân Thức thứ bảy tuy chuyển, chẳng phải rốt ráo. Thứ tám ở năm chủng tử hay khởi hiện hành làm y. Gồm nói thứ tám là năng khởi y, chuẩn cứ chứng đây v.v... nên biết tùy đủ thì được tên kia. Nếu quyết định, có cảnh, là chủ, duy chỉ một thứ chẳng thông bốn thì lẽ ra năm thức không bốn thứ căn, do nghĩa đây nói. Thức thứ bảy đối với Thức thứ sáu và Thức thứ tám chỉ có phần vị sai biệt quyết định, có cảnh, là chủ. Thức thứ tám đối với Thức thứ sáu và thứ bảy chỉ có năng khởi làm y quyết định, có cảnh, là chủ, nghĩa bốn y sau đều thông ba trước. Bản ý của luận tùy ứng sở nêu ra. Thể của sở y đã đủ ba nghĩa, khiến quả sở sinh thủ sở duyên của chính mình. Bốn nghĩa đây ưu thắng đều tùy năng trong ba có thể đủ tức gọi là sở y, ngoài ra là chẳng lập. Ở quả sở sinh chẳng phải thù thắng. Vả lại, năm căn trong sắc uẩn mong năm thức khác và Thứ thứ sáu, bảy, tám. Năm trần, pháp xứ, sắc mong tất cả thức. Bất tương ưng hành và Vô vi mong tất cả thức, chẳng phải chủng tử thức mong tất cả

thức đều chẳng đủ ba, không trước tùy ứng nghĩa trong ba, nghiên cứu kỹ đều không có. Tất cả tâm sở tùy mong thức nào? Chỉ có quyết định, có cảnh, bốn thứ tùy ứng có thể đủ chỉ không có là chủ. Các chủng tử đó mong tự thức đó, có thể có phần vị sai biệt quyết định, vi chủ hai nghĩa, chỉ không có cảnh. Năm thức trước đó tự hỗ tương mong nhau và mong Thức thứ sáu, bảy, tám. Và Thức thứ sáu mong thứ bảy, thứ tám, tất cả đều không, không có bốn nghĩa trong ba tùy chỗ ứng. Ngoài ra, tâm, tâm sở tất cả hiện hành, sắc, bất tương ưng mong các chủng tử tất cả đều không có. Các pháp tâm sở mong chủng tử của chính nó, thiếu không có làm chủ. Do có phần vị sai biệt quyết định, có cảnh, nhiễm, tịnh đồng. Thể là bề tôi nên không làm chủ, cũng không khiến quả lấy chỗ tự duyên. Có thể có nghĩa phần vị sai biệt quyết định, có cảnh, làm chủ. Trong đó, đủ khuyết tùy nghĩa nên biết. Đã lược sơ điệp, sau đọc nên xót, nhưng trong văn dưới, năm căn mong thứ tam. Chỉ trừ định có, chẳng trừ các thứ khác là: Nêu chỗ không đầu sánh không sau vậy, chỉ nêu không một thì chẳng thành sở y, đâu cần thuật đủ.

Thức chủng không thể hiện lấy tự cảnh có thể có nghĩa y, trong sớ có hai nghĩa: Một là thức chủng của sư trước thừa nhận y bản thức. Bản thức đủ ba nghĩa, có thể cùng chủng làm sở y. Chủng quả không thể hiện lấy tự cảnh, quả không tự sở duyên. Dị thục thức cùng nó làm y, vì chẳng phải sở y, nên nói chủng có y, chẳng nói có sở y.

Lại giải thích thức chủng đây không thể cùng hiện hành làm sở y, có thể có phần vị sai biệt quyết định, là chủ, không có cảnh. Có thể có nghĩa thức y mà chẳng phải thức sở y. Từ trước đến đây, phần vị sai biệt tức nhiễm tịnh y, riêng cùng làm tên, gọi là phần vị sai biệt. Thân căn mong bốn thức, bốn nghĩa đều không có, nên không có lỗi.

Thứ ba, Đẳng vô gián duyên trong y. Lại, Dị thục tâm y ý nhiễm tịnh. Thiên Thân giải thích là Thức thứ bảy, văn luận chỉ nói phiền não câu hành ý. Vô Tánh cũng ghi: Hoặc có thuyết nói cùng bốn phiền não tương ưng tâm, gọi là ý thức nhiễm ô, nên biết Thiên Thân nói là Thức thứ bảy. Lại nói, duyên này vị lai làm cảnh, chẳng phải hẳn là Thức thứ bảy, cùng Vô Tánh đồng. Nếu như sớ giải thích nói là Thức thứ bảy thì tại sao Thế Thân nói là Thức thứ bảy, Vô Tánh nói là Thức thứ sáu? Thiên Thân lấy Thức thứ sáu tướng hiển nên lược mà chẳng luận. Thức thứ bảy tướng ẩn, cũng hay trợ nhuận, nên nói rõ y đó. Vô Tánh căn cứ duyên sẽ có làm cảnh, chẳng phải lực của Thức thứ bảy, nên ẩn chẳng nói, chỉ nói Thức thứ sáu, mỗi một Thức căn cứ một nghĩa cũng chẳng trái nhau. Lại, thứ ba của Vô Tánh cũng đồng với thứ bảy của Thiên

Thân, như trước trong câu hữu y đã dẫn xong.

Trong sớ có hai giải thích, năm hạng Pháp sư và sáu ngàn công đức trong luận Pháp Hoa, phàm phu chưa được Vô lậu, trong năm căn cũng nói được hỗ dụng, có hai giải thích:

1. Các căn hỗ dụng, nghĩa là giả sử Tiểu thừa sắc tâm trước sau có Đẳng vô gián thì Nhiếp luận quyển 3, Kinh bộ của Thượng tọa chấp sắc tâm triển chuyển trước làm chủng sau. Nay vặn hỏi thì A-la-hán tâm sau chẳng thành. Vô Tánh ghi: "Cho nên sắc tâm trước sau cùng sinh, chỉ nên chấp nhận có Đẳng vô gián duyên, không có nhân duyên.

Tại sao Thức thứ bảy duyên kia tức có bốn thuyết, chánh nghĩa duyên Kiến phần? Thuyết kia chỉ có hai sư hiện hành chủng tử, vì y hiện hành làm chánh, nhưng chẳng riêng nói bốn phần y, sao nay giải thích tự thể y có thắng lực, Kiến phần có dụng của tác thọ, vì vậy duyên đó. Chẳng lìa thể nên tổng gọi duyên kia. Lại giải thích y ba phần, gồm có lực. Chỉ duyên Kiến phần, chỉ tác, thọ. Hoặc sở duyên kiến là nghĩa năng duyên, tức y, duyên đồng. Ba phần đều gọi là kiến. Do đó luận ghi: "Hằng cùng các pháp làm sở y".

Nói trong sáu tùy biến, không trạo cử là trái nhau đây.

Hỏi: Trạo, hôn trái nhau chẳng thừa nhận cùng quyết định loạn phản ngược nhau nên chẳng đều sinh?

Đáp: Kia chẳng trái ngược nên câu khởi, đây phản ngược nhau nên riêng sinh.

Hỏi: Hai hai hành tướng mỗi mỗi trái nhau, tại sao chẳng đồng?

Đáp: Chảy tràn là tán loạn. Một hành được định đồng thời, cao thấp gọi là hôn, trạo, nên hai hành phản ngược nhau. Do hành tướng riêng biệt, thể đó cũng không có, là ý của sư này.

Trong sư thứ ba, Tát-bà-đa cho là tham, khuể, mạn chỉ là độn. Năm kiến, nghi chỉ lợi. Si thông cả lợi độn. Nay, Đại thừa cho là kiến, nghi chỉ là lợi, bốn thông cả lợi độn, tùy ứng thừa nhận cùng kiến, nghi chung cùng. Chẳng được dùng kiến cùng tham v.v... chung cùng cũng gọi là độn, không có độn riêng, kia có độn riêng. Do đây, tham v.v... thông mê cả lý và sự. Nghi chỉ mê lý, kinh Nhân Vương ghi: "Năm địa đoạn nghi, do dự trong sự, A-la-hán nghi dơi và rắn cũng vậy, đều Dị thục sinh, nên loại pháp chấp, bền chặt dính trước tức chấp".

QUYỂN 5

Đây cùng biến thứ nhất có đồng và chẳng đồng, kệ tụng nói và chẳng nói. Sở chỉ như Xu Yếu như trong quyển 10 giải thích.

Bình đẳng tánh trí chỉ xả thọ chung cùng nghĩa là quán trí là Sơ định. Bình đẳng trí, thuộc Sơ định, quán trí hỷ lạc chung cùng. Bình đẳng trí tùy hỷ lạc, có hai giải thích:

1. Giải thích về đắc: nhưng nay nói thủ đến Phật vị chỉ xả một định, chưa tự tại tùy quán trí. Tự tại thì không như vậy. Nếu như vậy, bảy thức nhân xả chung cùng. Tịnh do tha hỷ, lạc, trong nhân không có tầm tứ, quả do tha dẫn sinh ư? Hành tướng tầm tứ thô, chẳng phải do tha dẫn chuyển, lẽ ra hỷ lạc chẳng phải một loại. Tha dẫn chẳng tùy sinh, nên nghĩa thứ hai tất cả là xả. Tại sao địa đồng? Thọ đó tức riêng biệt, hỷ lạc dễ thoát nên hằng chỉ xả thọ, vì định chẳng trái nhau. Theo năng dẫn, nếu năng y của Hữu lậu vị thông chín Địa, sở y thuộc một Địa. Tùy sở sinh, nếu đến Phật vị, năng y thông chín Địa, sở y chỉ là Định thứ tư, cùng tịnh thứ tám y tương tục không lay động, mười Địa vô lậu, năng y sở y chung cùng định đồng Địa, tùy tha dẫn vậy, chưa động. Đây nói phẩm Pháp quán, chẳng phải phẩm Sinh quán, vì vẫn còn Hữu lậu.

Trong Mạt-na trói buộc, hỏi: Sở duyên một Địa trói buộc, năng duyên trói buộc tùy cảnh. Sở duyên chín Địa trói buộc, năng duyên trói buộc thông cả chín, như tổng duyên ngã kiến v.v... ư?

Đáp: Hiện hành làm cảnh hiển, năng duyên tùy nó trói buộc, chủng v.v... cảnh chìm ẩn, năng duyên trói buộc chẳng tùy.

Hỏi: Hiện hành tướng hiển có thể duyên khởi kiến, chủng tử tướng chìm, nên chẳng sinh kiến ư?

Đáp: Cảnh thông ẩn hiển, chủng tử hiện hành chung cùng cảnh, tùy nghĩa trói buộc hiển, chẳng tùy chủng trói buộc.

Lại hỏi: Năng duyên duyên Địa kia, năng sở một Địa trói buộc, cảnh là năng duyên duyên, năng sở chung cùng Vô phú ư?

Đáp: Tánh y cứ loại khác, tánh năng sở riêng biệt. Trói buộc y cứ nghĩa phược, chẳng thể trói buộc riêng.

Hỏi: Thức thứ bảy duyên hiện hành kia, năng sở thuộc một cõi. Thức thứ tám duyên chủng ba cõi, nên tùy ba cõi trói buộc?

Đáp: Thức thứ bảy, thứ tám hỗ tương tăng trưởng, năng sở một cõi trói buộc, tám cảnh chẳng hỗ tương tăng trưởng, kiến cảnh mỗi trói buộc riêng. Lại, Thức thứ tám là nghiệp kia chiêu lại, chẳng tùy cảnh giới trói buộc, Thức thứ bảy chẳng phải chỗ nghiệp cảm, tùy cảnh một

Địa trói buộc.

Hỏi: Phiền não trói buộc ba Thừa. Sở chấp gọi là tàng, pháp chấp trói buộc Bồ-tát, sở chấp lập tên tàng ư?

Đáp: Trói buộc có hai: một là trói buộc ở trong sinh tử; hai là trói buộc chẳng được chủng trí. Do đây được tên tàng, chẳng phải là Bồ-tát hằng khởi pháp chấp. Lập lượng là: Pháp chấp, chưa chứng quả vị pháp không nên hằng hành. Hai chấp tùy một nhiếp, như sinh chấp, chỗ lập tông nhân bèn cùng chung có lỗi, như sớ nói mỗi mỗi có hai lỗi. Lại nhân có tự tướng tự pháp trái nhau, vì vô học, Thánh đạo ý là đồng pháp. Đồng phẩm nhất định có thể thành hại đối với tông pháp, nên thành pháp tự tướng trái nhau.

A-la-hán vĩnh viễn đoạn nhiễm trong Mạt-na, chỉ nói tất cánh đoạn nhiễm gọi là xả, chẳng nói tất cánh phục là xả, nên chẳng nói thẳng đến Bồ-tát Bất thoái, cũng xả thứ tám bốn người trái nhau. Do tâm từ cảnh thật cũng nên xả, chủng chẳng phải trọn không, nên lược chẳng nói, kỳ thật cũng xả, thì thuộc môn Thánh đạo xả, nên chẳng nói. Lại, Địa thứ tám trở đi, pháp chấp vẫn còn, Mạt-na chẳng được tên xả. Lại-da y cứ phiền não mà được tên. Địa thứ tám v.v... gọi là xả, chẳng trái nhau.

Bồ-tát Hộ Pháp lập Mạt-na trong tranh cãi thông pháp chấp, có mười đoạn:

1. Lỗi trái với kinh.
2. Lỗi trái với lượng.
3. Lỗi trái với Du-già.
4. Lỗi trái với Hiển Dương.
5. Lỗi Thức thứ bảy, thứ tám so sánh nhau.
6. Lỗi bốn trí chẳng ngang bằng.
7. Lỗi Thức thứ tám không có y.
8. Lỗi hai chấp chẳng đều.
9. Lỗi Thức thứ năm, thứ sáu chẳng đồng.
10. Tổng kết hợp.

Hoặc tổng phân ba đoạn:

1. Lập lý dẫn chứng.
2. Tổng kết.
3. Tổng hợp trái ngược.

Trong phần thứ nhất có chín đoạn, tức chín đoạn trước, cho nên nhất định có kết sau. Nói kia không là sau hợp trái ngược.

Trong ba Sai biệt, lấy tâm đối cảnh, cảnh có ba vị, đó là ngã ái

chấp tàng v.v... tâm lẽ ra cũng có ba:

1. Bổ-đặc-già-la chấp vị, gọi là nhiễm Mạt-na.

2. Pháp chấp vị, gọi là chẳng nhiễm Mạt-na.

3. Tư lương vị, chỉ gọi là Mạt-na, cùng ba cảnh trước tương ưng chẳng rộng chẳng hẹp.

Nay, phần thứ ba nói Bình đẳng trí, không nói tư lương vị là nay hiển Thức thứ bảy có hai vị riêng biệt: một là Hữu lậu, hai là Vô lậu. Vô lậu không riêng biệt. Trong Hữu lậu vị có nhiễm và chẳng nhiễm. Lại phân làm ba. Lại ba vị trước, tâm cảnh tuy tương ưng mà vô cấu trong cảnh chẳng riêng hiển rõ. Nay đối cảnh kia, tuy rộng hẹp chẳng đồng nghĩa Vô lậu v.v... nên nói bình đẳng mà không nói là Mạt-na, căn cứ tên gọi bản thức lẽ ra cũng có bốn. Đây thêm tư lương, đối lại với chấp trì kia. Kia nếu chỉ nói hai tên Dị thục và Vô cấu, đây chỉ gọi là Vô phú, Bình đẳng trí; kia chỉ gọi là Chấp trì, đây cũng chỉ gọi là Mạt-na, vì chung cùng nhiễm tịnh, nay đây nói riêng biệt nên có ba tên.

Kiến đạo toàn sinh bình đẳng trí là trong sớ chỉ có một tâm Kiến đạo giải thích, bày ba tâm Kiến đạo, hai tâm sau có trí đây, trước một tâm không có, vì nhiều phần có. Chỗ luận tổng nói chẳng phải trong đó chỉ khởi Bình đẳng trí. Lại, đọc dài luận văn Kiến đạo pháp không trí khởi, mới có bình đẳng trí, không chỉ có Tu đạo.

Hỏi: Như có Bồ-tát vô phân biệt trí vào pháp quán, ý lạc, tức vào Hậu đắc trí pháp quán ư?

Đáp: Chẳng được. Bồ-tát Hậu đắc hẳn do Phân biệt trí làm dẫn trước. Luận Phật Địa ghi: "Quán của Đẳng lưu cùng căn bản quán đồng".

Hỏi: Nếu vậy, tại sao nói xa Đẳng lưu tức được, gần tức chẳng được?

Đáp: Thế gần khó vào, xa thì dễ vào. Lại giải thích tổng không có Hậu đắc vào Biệt quán, hẳn mỗi mỗi lại khởi Vô phân biệt trí dẫn nó sinh.

Hỏi: Trước khởi chưa tự tại, sau được do trước dẫn, lâu khởi tự tại sinh, ngại gì sức tự chuyển?

Đáp: Tức y nghĩa đây, bèn có ý lạc, hậu đắc, chẳng đồng Vô phân biệt trí, hai quán riêng biệt. Luận Phật Địa và luận này căn cứ đa phần đó và chưa tự tại.

Bình đẳng tánh trí không có phân biệt, Diệu quán trí dẫn tức duyên Chân như. Nếu Diệu quán trí tướng Kiến đạo dẫn bình đẳng trí, tức duyên tướng tợ Chân như. Diệu quán vào sinh không, tự chẳng

thành bình đẳng, chỉ duyên Thức thứ tám, tướng đây có thể biết. Nếu Thức thứ sáu vào vị pháp quán, lắng nghe chánh pháp v.v... vào riêng du quán tâm, Bình đẳng tánh trí duyên cảnh giới nào? Chẳng thể duyên Chân như và duyên Thức thứ tám, thứ sáu vì chẳng phải hạnh đây. Nếu duyên duyên bên ngoài lắng nghe chánh pháp v.v... và duyên ba nẻo ác v.v... là trong nhân đã có hành tướng đây ư? Nếu nó chẳng duyên, tại sao duyên tợ Chân như v.v...? Tức thừa nhận tha dẫn, đây chẳng thừa nhận tùy tha dẫn ư?

Trong sở tri chướng, buông bất thiện chẳng ngăn che, Nhị thừa gọi là Vô phú, chướng Bồ-tát gọi là Hữu phú. Lại giải thích trong tâm bất thiện cũng chỉ có Vô ký, chẳng trái với phiền não chướng.

Hỏi: Trí chướng chẳng chướng ở Nhị thừa tức gọi là Vô phú. Hoặc chướng chẳng chướng Bồ-tát nên gọi là Vô phú ư?

Đáp: Thanh văn chỉ cầu một quả, trí chướng nên gọi là Vô phú. Bồ-tát cầu cả hai quả. Hoặc chướng nên chẳng phải Vô phú.

Hỏi: Trí chướng chướng Bồ-tát, tức chỉ gọi là Hữu phú, hoặc chướng ba Thừa, nên chẳng phải là bất thiện ư?

Đáp: Trí chướng chỉ chướng chân kiến, chỉ gọi là Hữu phú. Hoặc chướng khiến ở sinh tử, nên thông bất thiện, lại vì tổn tự tổn tha.

Luận Du-già quyển 16 dẫn kinh ghi: "Ý nhiễm ô luôn luôn cùng các hoặc sinh diệt, nếu giải thoát các hoặc, chẳng phải trước cũng chẳng phải sau". Luận kia tự giải thích rằng: "Chẳng phải trước là cùng các phiền não luôn chung cùng sinh. Chẳng phải sau tức cùng hoặc kia chung cùng thời diệt".

Bất cộng vô minh có hai: một là cùng căn bản chung cùng hằng hành tất cả phần, chỗ các thức khác không gọi là bất cộng; hai là chẳng chung cùng với căn bản, gọi là bất cộng. Nhưng lại có hai:

1. Cùng tiểu, trung, đại tùy phiền não chung cùng, chẳng cùng căn bản hoặc chung cùng, gọi là bất cộng.

2. Chẳng cùng tiểu tùy hoặc và căn bản chung cùng, cùng trung đại tùy chung cùng, gọi là bất cộng.

Tùy chỗ ứng đó, hai loại sau cũng thông cõi trên, nhưng cùng tương ưng nhiều nhỏ cõi trên dưới riêng biệt, nhưng phân làm ba câu:

1. Chỉ kiến đoạn, nghĩa là riêng hành bốn đế.

2. Chỉ tu đoạn, nghĩa là Thức thứ bảy.

3. Thông cả kiến tu, nghĩa là phẩn v.v... tương ưng.

Trong vặn hỏi thứ ba, đã diệt y đây giả lập tên ý, tại sao chẳng y hiện hành gọi là tâm thức, chỉ tợ ý ư? Ý có hai nghĩa: một là y chỉ, hai

là tư lương, đủ cả mười bốn nghĩa, ngoài ra chỉ là y chỉ, quá khứ y chỉ tợ Thức thứ bảy. Tư lương cũng tợ Thức thứ bảy gọi là ý, chẳng tợ tâm thức, gọi là tâm thức.

Hỏi: Đã diệt làm y v.v... tư lương cũng gọi là tợ. Thức thứ sáu, thứ tám hiện hành làm y, tợ Thức thứ bảy có tư lương, nên đều được gọi là ý, căn cứ thật các thức khác đều được tên ý. Đã diệt tợ hiện hành Thức thứ bảy, chỉ nói đó là ý.

Mạt-na là gốc của thức trói buộc, nay quán ý đây, nếu duyên trói buộc thể chỉ căn cứ phiền não chướng, nếu tướng trói buộc thể, căn cứ pháp chấp nói, nên diệt rồi đây tướng trói buộc giải thích thoát. Đây nếu có lúc khởi nên bố thí v.v... chẳng thể mất tướng, nếu y phiền não nói có tướng trói buộc, thân A-la-hán nên không có tướng trói buộc, vì y duyên trói buộc, gọi là lúc tàng, không thời gọi là xả tàng, chẳng gọi là xả tướng trói buộc, lúc không pháp chấp, gọi là xả tướng trói buộc.

Nếu vậy, sinh không trí cùng pháp chấp chung cùng, nên gọi là tướng trói buộc. Do vậy, tổng hiển tương ưng trói buộc của sở duyên, cả ba Thừa đoạn. Tướng trói buộc là chỉ Bồ-tát đoạn, nếu do pháp chấp, tức Nhị thừa sinh không quán lẽ ra cũng có tướng trói buộc. Lại, luận chỉ nói nhiễm ô Mạt-na là thức y chỉ, lúc nó chưa diệt cùng liễu biệt trói buộc chẳng được giải thích thoát, nên chỉ do sinh chấp thành liễu biệt trói buộc. Cho nên, chỉ như trong sớ giải thích. Do có Mạt-na nên bố thí v.v... chẳng mất tướng, tức chẳng phải trong bảy nghĩa chỗ vô tướng trí nhiếp thọ, tại sao trước Kiến đạo và Địa thượng Hữu lậu bố thí v.v... thành bố thí v.v... ư? Nay hiển khác Vô lậu, tướng đó chẳng mất, chỗ vô tướng trí đó nhiếp thọ, nghĩa là không chấp trong Thức thứ sáu gọi là vô tướng trí, chẳng phải Thức thứ bảy chấp. Nếu chẳng như vậy sẽ không có nghĩa Ba-la-mật. Lại, tướng trói buộc kiến gọi là tướng phược, kiến trói buộc tướng gọi là kiến phược. Kiến chẳng minh chứng, chẳng tự tại, nên do tướng phược. Tướng không có thể chứng lực tự tại, làm sao nói kiến trói buộc ở tướng? Nếu chẳng như vậy, tại sao sở thủ năng thủ trói buộc? Văn sau nói tuy do phiền não dẫn nghiệp bố thí v.v... mà chẳng cùng chung khởi, chẳng phải chánh nhân Hữu lậu, tức hiển duyên trói buộc v.v... chẳng phải chánh thể Hữu lậu. Quyển 65 ghi: "Chỗ hiện lượng hiện hành có duyên trói buộc, sắc thanh tịnh đó chẳng tương ưng thiện và một phần Vô ký tâm tâm sở, chẳng phải có duyên trói buộc, chỉ do tùy miên gọi là Hữu lậu. Cùng phiền não chủng chung cùng là đây y cứ nghĩa riêng biệt, cũng chẳng trái nhau v.v... rộng nói rất tinh, nên lấy kia hợp, tức hiển năm cảnh có chỗ duyên trói buộc, ngoài ra, căn tâm

v.v... tức không nghĩa đó, chỉ hiển cùng đây bày Hữu lậu chung cùng, nói là tương thuận, nhưng cùng năm mươi chín đoạn hai phược nghĩa trái nhau. Do đây, chỗ duyên trói buộc có hai: một là thân gần tức chỉ chỗ hiện lượng hiện hành; hai là thưa xa tức tịnh sắc v.v...

Tâm cảnh triển chuyển hỗ tương tăng thêm. Nói tịnh sắc, thiện tâm, một phần Vô ký v.v... chẳng phải có chỗ duyên trói buộc là căn cứ Tướng phần thân gần, nên phần sau luận này nói Thức thứ tám v.v... nói hai phược đoạn là y cứ nghĩa sơ mà nói. Nếu chẳng như vậy liền cùng hai luận trái nhau. Lại xét hòa hợp, đã nói tuy do phiền não dẫn nghiệp bố thí v.v... mà chẳng phải chánh nhân, ngã năng hành bố thí, rõ chỉ tướng phược, chẳng phải Hữu lậu nhân, như đoạn duyên trói buộc. Tuy đoạn Kiến đạo và Thức thứ tám trước Tu đạo, vì chưa toàn tận, chẳng gọi là đoạn. Hữu lậu nên như vậy, như duyên một sắc, năm thức và ý hai chỗ duyên trói buộc và vì Thức thứ bảy cùng lậu chung cùng, nên cần phải đến Kim cương mới có thể đoạn tận. Đây như chỗ đoạn của phẩm đầu Tu đạo tuy cũng là tám phẩm hoặc sau trói buộc, nhưng được gọi là đoạn, vì tự lực mạnh. Hữu lậu cũng vậy, duyên trói buộc tương ưng hai lực, tăng thượng nên nói chưa đoạn, Thức thứ bảy cũng gọi là đoạn. Nếu vậy, tại sao hai Thức trước đã thù thắng, tại sao chẳng làm chánh nhân Hữu lậu mà lấy lậu chung cùng, hoặc lại trói buộc căn cứ hai trói buộc? Hữu lậu căn cứ lậu chung cùng, đoạn y cứ hai trói buộc, nên có thể nói đoạn, chẳng đứng về lậu chung cùng nói đoạn, cũng chẳng trái nhau. Chủng tử Pháp nhĩ từ vô thỉ chẳng từng hiện khởi chung cùng với Thức thứ bảy, tại sao được thành Hữu lậu? Chẳng cần hiện hành cùng hoặc Thức thứ bảy chung cùng mới gọi là Hữu lậu. Hoặc chủng tử hoặc hiện hành từ vô thỉ đều cùng, hoặc Thức thứ bảy chung cùng, hỗ tương tăng ích, cùng tùy thuận vậy, đều thành Hữu lậu, chẳng phải Vô lậu chủng cũng hay tương thuận. Lại nói Pháp nhĩ chẳng cần Thức thứ bảy chung cùng, chẳng phải Pháp nhĩ là hẳn chung cùng tăng ích, nhưng nghĩa của Hữu lậu, Vô lậu trong quyển 65 như quyển 8 sau giải thích.

Tùy cảnh lập danh, y năm sắc căn chưa tự tại v.v..., hỏi: Một cảnh nhiều thức nắm lấy, quả vị chỉ tùy căn, một căn nắm lấy nhiều cảnh, chẳng thể xứng hợp tùy căn ư?

Đáp: Một thức cảnh thành nhiều, chẳng thể xứng hợp tùy cảnh, sở y căn chỉ một, tùy căn lập tên thức, nghĩa này rất khó nên tư duy.

Các căn hỗ dụng có hai thuyết khác nhau. Sư thứ nhất giải thích: thật năng duyên các cảnh, trong đó có hai nghĩa: một nghĩa nói mỗi mỗi thức thể chuyển dụng thành nhiều, chẳng phải chuyển pháp thể,

nên chẳng phải thọ v.v... cũng thành tưởng v.v... dụng của thủ chấp ảnh tượng, tất cả không ngăn ngại, chẳng thể vặn hỏi lấy đại chủng làm tạo, vì đây là thể chuyển của nó, như Thức thứ tám duyên năm trần, cũng được tự tại, chẳng thể vặn hỏi hoại căn chẳng hoại cảnh v.v... Nghĩa thứ hai giải thích sợ hoại pháp tướng, chỉ chọn lấy tự cảnh đều là thật cảnh, chỗ chọn lấy cảnh khác đều là giả cảnh, vì dụng của thức rộng lớn chẳng phải được các tự tướng khác. Sợ nhãn nhĩ căn lúc được ba trần, nếu đến năng thủ hoại căn chẳng hoại cảnh nếu chẳng đến năng thủ, hoại cảnh chẳng hoại căn, ngoài ra, ba căn thủ sắc thanh cũng vậy, đều có lỗi này. Sư thứ hai giải thích: mỗi mỗi căn xứ khắp có các căn, mỗi mỗi tự khởi dụng, chẳng phải do một căn được tất cả cảnh, vì dụng của các căn có khắp tất cả nên gọi là hỗ dụng. Nếu không như vậy bèn thành hoại pháp tướng. Tâm vương lẽ ra cũng có tâm sở dụng, mà chọn lấy tướng riêng biệt v.v...

Sở y, kệ tụng ghi: "Năm bốn sáu có hai, bảy tám một câu y, và khai đạo nhân duyên, mỗi mỗi đều tăng hai". Năm, bốn là năm thức mỗi thức có bốn y: một là thuận thủ y, hai là minh liễu y, ba là phần vị ý, bốn là y khởi y. Sáu có hai là ý thức có hai sở y: một là phần vị, hai là y khởi. Bảy tám một là hai Thức thứ bảy và thứ tám mỗi thức có một y. Bảy có một, đó là y khởi. Tám có một đó là phần vị. Câu y là hiển chỗ trên nói rõ thuộc về Câu hữu y. Khai đạo tức là Đẳng vô gián y, nhân duyên tức là chủng tử y và là nói các thức đây lại thêm hai y. Mỗi mỗi đều tăng hai đó là năm thức có sáu, Thức thứ sáu có bốn, Thức thứ bảy và thứ tám mỗi thức có ba, như quyển 4 trước giải thích.

Sở duyên, kệ tụng ghi: "Nhân kiến mỗi tùy ứng, năm ba sáu có hai, sáu mỗi mỗi chẳng định, tự tại thảy phân biệt". Nhân là chọn lựa tự tại vị. Kiến là ở trong nhân chọn lấy Kiến phần trừ Tự chứng phần. Mỗi mỗi là hiển nghĩa riêng biệt. Tùy ứng là hiển thức năng duyên chẳng phải quyết định, tùy chỗ đó ứng thức duyên các pháp. Năm, ba là sắc v.v... năm giới chỗ ba thức duyên. Một là năm thức, hai là Thức thứ sáu, ba là Thức thứ tám. Thức thứ tám thuộc về ý giới. Sáu có hai là đó là nhãn v.v... năm giới, chỗ hai Thức thứ sáu và thứ tám chọn lấy. Ý giới cùng làm thể, thức thứ sáu thứ bảy chọn lấy. Luận Du-già v.v... ghi: "Thức thứ bảy thứ tám thuộc về ý giới". Sáu một là đó là nhãn v.v... sáu thức giới chỉ một ý thức duyên. Thức thứ bảy thứ tám chẳng gọi là ý thức giới. Một chẳng định tức là pháp giới. Nếu chẳng phải chỗ dẫn của lực tha định, thần thông v.v... chỉ ý thức duyên. Nếu là tha dẫn năm thức, Thức thứ tám, thứ sáu chung cùng năng dẫn đó. Trong đó lại

có Dị sinh, Nhị thừa, Bồ-tát là sở dẫn, mỗi mỗi có sai biệt. Tự tại phân biệt đó là hoặc Sơ địa hoặc Địa thứ tám, Như Lai vị mỗi vị có sai biệt, mỗi vị là tám thức khác duyên. Thầy phân biệt đó là nếu pháp giới tâm sở trong nhân đều là Tự chứng phần, chứng Tự chứng phần, ở trong bảy tâm giới, xứ xứ thêm bản thân nó và mười tám giới trong quả là chỗ bảy tâm giới và pháp giới biết rõ, như lý nên biết.

Ba nghiệp hóa là, thân hóa có ba:

1. Hiện thần thông hóa, nghĩa là hiện các thứ công xảo v.v... dẹp phục các chúng sinh kiêu mạn, tức là bi, tuệ, bình đẳng vận đạo, như hiện thần thông độ Ca-diếp v.v...

2. Hiện thọ sinh hóa, nghĩa là đến xứ kia thị hiện đồng loại nhưng ở vị tôn quý nhiếp phục tất cả chúng sinh khác loại.

3. Hiện nghiệp quả hóa, nghĩa là thị hiện lãnh thọ bản sự bản sinh các hạnh khó tu, như Tỳ-thấp-phạn-đát-la v.v... tất cả bản sinh sự gọi là bản sinh sự, y bản sinh này, các thứ khổ hạnh trước đây tu hành, gọi là hạnh khó tu.

Hoặc ở đời nay nương thân biến hóa, trước tu khổ hạnh, sau xả hạnh kia, ở nơi tu hạnh mới được Bồ-đề, gọi là hạnh khó tu. Như nói Đức Như Lai ở đời Phật Ca-diếp nói lời trách mắng: Sa-môn xứ nào cạo bỏ râu tóc có đại Bồ-đề, Bồ-đề Vô thượng rất khó được, do ác nghiệp ấy, nay chịu quả khổ. Đây là ngăn hành ác hạnh, thị hiện tạo tác để giáo hóa.

Ngữ hóa cũng có ba:

1. Dùng lời tốt đẹp an ủi để giáo hóa, nghĩa là tuyên dương các thứ văn nghĩa khéo hay, tùy vui thích chúng sinh tiểu trí mới nghe sẽ tin.

2. Dùng lời phương tiện để giáo hóa, nghĩa là tập học xứ, hủy phá các phóng dật, tán thán chẳng phóng dật. Lại còn kiến lập tùy người tin hiểu, tùy pháp hạnh v.v...

3. Dùng lời luận bàn xiển dương để giáo hóa, nghĩa là đoạn vô lượng nghi hoặc của chúng sinh.

Ý hóa có bốn:

1. Quyết trạch có hóa, nghĩa là chọn lựa tám vạn bốn ngàn hạnh sai biệt kia, như trong sớ giải thích, trong kinh Hiền Kiếp quyển 2 ghi: "Bồ-tát Hỷ Vương ngồi yên tư duy" v.v...

2. Tạo tác ý hóa, nghĩa là quán hạnh mà chúng sinh hành, hành và chẳng hành, hoặc được hoặc mất, vì khiến thủ xả tạo tác đối trị.

3. Phát khởi ý hóa, nghĩa là vì muốn nói đối trị, hiển bày danh, cú,

tự thân mà họ vui thích.

4. Lãnh thọ ý hóa, tức nương vào bốn thọ ký. Bốn thọ ký có hai: một là bốn thọ ký của nhân; hai là bốn thọ ký của pháp, như Biệt sao giải thích.

Từ định khởi, Du-già sao giải thích:

1. Khởi nhĩ thức gọi là khởi.

2. Khởi định tâm cùng Nhĩ thức duyên tiếng gọi là khởi.

3. Xuất định, gọi là khởi.

Khởi đầu nối tiếp vị trước, rộng như kinh luận Phật Địa quyển 6 giải thích.

Bồ-tát khởi năm thức trong Hậu trí cũng đẳng dẫn vị khởi, Tạp Tập nói căn cứ Nhị thừa thiếu, Dị sinh toàn vẹn.

Hằng y tâm khởi v.v... giải thích tâm sở cần đủ ba nghĩa, gọi là tâm sở, không chỗ chọn lựa riêng biệt, ngoài ra như Sớ giải thích.

Tưởng chung riêng của tâm, tâm sở, nên nói Vô vi duyên đồng, Hữu vi duyên riêng. Trong Hữu vi duyên có bản chất duyểngiêng, không bản chất cảnh cũng riêng. Tướng là nghĩa, chẳng phải thể chẳng phải tướng.

Từ căn gọi là ý và đó gọi là thọ, mới gọi là tâm thọ. Nay giải thích gọi căn cứ cận y nên gọi là ý thức. Thọ đối nơi sắc nên nêu tên tâm. Nếu lúc chẳng đối, có thể gọi là ý thọ, nhưng không có văn này. Hai Thức thứ bảy, thứ tám đó vì đối thân nên có thể gọi là tâm thọ. Lại, thọ từ tâm tương ưng gọi là tâm. Thức thứ sáu chung cùng theo sở y nên Thức thứ bảy gọi là ý. Tâm thông Thức thứ sáu, bảy, tám.

Năm thức mặc tình tham si là Vô ký, hãy xem trong kinh Duyên Khởi.

Năm thọ chia làm hai, đó là thân và tâm. Văn luận chỉ lấy riêng nghĩa duy để giải thích, như Đối Pháp sao quyển 1 giải thích. Tại sao Thức thứ sáu gọi là thức? Trong ba thọ, tại sao chỉ nói khổ lạc mà không nêu ưu hỷ? Vì khổ đối lạc chung cùng thông ba tánh, vì ưu đối hỷ, lý thì chẳng như vậy, vì rộng nhiếp hẹp chỉ gọi là khổ lạc. Lại, khổ và lạc hành tướng mạnh nhanh, vì sáng nhiếp tối, ưu hỷ chẳng đồng. Lại, khổ và lạc đều là Dị thục, đều có Dị thục. Ưu đó và hỷ chẳng thể đầy đủ. Lại, quả nhân đủ nhiếp chẳng đủ. Lại có giải thích khác: vì khổ đối lạc chung cùng thông sáu thức, vì ưu đối hỷ chỉ tại trong ý. Lại, nói khổ, lạc chán thích hành tăng, ưu hỷ chẳng như vậy, nên nêu khổ lạc. Lại, khổ đối lạc chung cùng thông vô học vì ưu đối hỷ, lìa dục bèn trừ, nên nói khổ lạc. Lại, vì khổ đối lạc chung cùng Địa thượng xả, vì ưa đối hỷ đều

Địa hạ trước trừ nên nói là khổ lạc.

Ba thọ chia làm hai, nghĩa là thân và tâm, văn luận chỉ lấy riêng duy để giải thích đó, y năm căn thọ, tùy căn mỗi riêng biệt, do đâu tổng lấy thân thọ làm danh?

Đáp: Do năm căn này thể đều là sắc.

Hỏi: Nếu vậy, nhãn v.v... nên đều gọi là thân chăng?

Đáp: Tự thể sinh thức, tướng trạng khác.

Hỏi: Nếu do tướng khác chẳng đều gọi là thân, tùy riêng thọ sinh, nên chẳng phải thân thọ ư?

Đáp: Do nhãn v.v... bốn thứ chẳng lìa thân, đều từ sở y, nên gọi chung là thân thọ.

Hỏi: Ý căn cũng vậy, nếu chẳng lìa thân đều nên gọi là thân chẳng gọi là tâm thọ ư?

Đáp: Hai giới nhãn v.v... đều chẳng lìa thân. Vô sắc, ý căn lìa sắc mà chuyển, làm sao kiến lập thân thọ chẳng phải tâm. Thể tướng đã khác, nên phân hai thứ.

Hỏi: Trong luận những gì chẳng thông tất cả thức thân thì ý địa tất cả căn tương ưng, đã nói là căn, tại sao chứng ý có khổ căn?

Đáp: Trước nói Câu sinh tất cả phiền não đều ở ba thọ hiện hành có thể được, nên biết căn tức là khổ căn. Ưu căn định chẳng phải tánh Vô ký. Lại, nêu ưu căn tuy thông và đều cùng, chỉ có thân kiến thì không như vậy. Nên trong địa ngục ý có khổ căn, mà cùng câu, nên thuộc về năm căn. Ưu tuy không thật chứng, nay dùng lý giải thích nói ưu thông Vô ký, rốt cùng có lỗi gì? Hối ắt ưu chung cùng, nó đã Vô ký, đâu ngại gì định. Luận Du-già nói chẳng phải Vô ký là tùy chuyển lý. Do hai giải thích đây hỗ tương có ngắn dài, mặc tình thủ xả, nghĩa ba tánh ba thọ câu và chẳng câu, xem Du-già sao quyển 51.

Địa ngục tám căn, hiện hành, chủng tử, định chung cùng thành tựu, mạng căn đã là chủng tử, làm sao thành hiện hành?

Đáp: Một tổng nói tám gọi là thành, đâu cần mạng có hiện hành, chủng tử trong thức có thể là mạng thể gọi là chủng. Hiện hành năng làm căn gọi là hiện. Lại, thể là chủng tử, dụng là căn gọi là hiện hành. Lại, năng trì gọi là chủng tử, sở trì gọi là hiện hành.

Hỏi: Tại sao định thứ ba, cận phần, căn bản đồng là lạc căn, trong hai định trước có hỷ có lạc, phương tiện chỉ có hỷ mà không có lạc, chẳng đồng thứ ba, cả hai cùng chung tương tợ ư?

Đáp: Ba định chung cùng rất trùng không phân biệt. Bản, nhân, chung cùng là lạc. Phương tiện thứ nhất và thứ hai không có hỷ căn, chỉ

đồng căn bản mà nói có hỷ.

Hỏi: Ba định phương tiện dẫn căn bản, tức là nói hai Địa chung cùng hỷ ưu thắng đồng lạc. Hạ địa phương tiện dẫn căn bản, cũng nên chung cùng gọi là hỷ năm căn?

Đáp: Phương tiện, căn bản, hỷ sai biệt, ba định không khác. Phương tiện, căn bản cùng chung gọi là lạc, phương tiện hạ Địa căn bản có sai biệt, cùng chung có sai biệt đều gọi là hỷ, trong hai định căn bản sau chẳng do vô phân biệt nên gọi là lạc, chỉ vì hỷ căn gọi là lạc.

Hỏi: Lẽ ra định thứ ba chẳng do vô phân biệt, hỷ tâm gọi là hỷ?

Đáp: Dưới có phân biệt hỷ căn gọi là lạc, trên không phân biệt hỷ tâm gọi là lạc, nghĩa này nên tư duy.

Hỏi: Như khổ cùng cực nên ý có khổ căn, căn của địa ngục xoay thọ trong người, như kinh Hiền Ngu quyển 12 ghi: "Ương-quật-ma-la đắc quả A-la-hán trong cõi người rồi bị lửa đốt giết", vậy căn rất khổ ấy có trong cõi người không? Có giải thích trong địa ngục, cõi người chỉ thọ bốn xứ hoặc năm xứ, chẳng thọ quả sáu thức. Mười Chứng trong Duy thức ghi: "Nghiệp quả trong ý, tuy khởi không tạp mà có gián đoạn, tức nói chẳng ở các nẻo khác thọ, theo văn này chỉ xoay thọ quả bốn xứ hoặc năm xứ. Năm căn sáu thức đều chẳng được. Lại giải thích, luận căn cứ chẳng phải sám hối và vào Thánh là thú sinh không tạp, vì từ nhiều phần. Chẳng phải xoay thọ là, nên sáu thức đều có thể thông xoay thọ, vì trong sáu thức đều thọ khổ.

Hỏi: Luận sư Hộ Pháp nói ưu, khổ, chủng tử là đồng hay là khác?

Đáp: Nếu vậy thì chẳng có lỗi.

Hỏi: Nếu nói đồng, tại sao địa ngục khổ căn cũng chẳng gọi là ưu? Nếu khác, tại sao hai định đầu gọi hỷ lạc. Địa ngục ưu khổ chẳng thừa nhận hai tên. Nếu một khổ căn cũng gọi là ưu, ba căn chẳng thành lại là tự hại, thì căn thứ ba tức là ưu căn chẳng thành?

Đáp: Nay chủng tử hai căn ưu khổ nhất định khác, cùng chung hành bức bách, do không phân biệt có phân biệt. Hai căn hỷ lạc, hoặc đồng hoặc khác, như Vô phân biệt trí và hậu sở đắc, Địa thứ tư trở về trước mỗi do chủng riêng sinh. Địa thứ năm trở lên hoặc đồng hoặc khác. Hai chủng tử sinh một hiện hành, một chủng tử sinh hai năng cũng không có lỗi. Bên trong của hiện hành không có hai tuệ, hành chẳng trái nhau, một niệm cùng chung nói, hỷ lạc cũng vậy, nên chẳng đồng ưu khổ.

Hỏi: Luận sư An Tuệ nói ưu khổ chủng tử cũng vậy, tại sao địa

ngục ưu căn cũng chẳng gọi là khổ, như hỷ hai định sau? Tại sao khổ cực chẳng gọi là khổ như lạc định thứ ba?

Đáp: Ưu khổ hành tăng, cả hai chẳng chung cùng, hỷ lạc chẳng trái ngược nên một niệm sinh.

Hỏi: Tại sao đẳng thuận khác với trái ngược?

Đáp: Khổ cực chẳng phải ý. Trái ngược ở thuận, lạc cực tại tâm, do có phân biệt không phân biệt. Sư đây cho là địa ngục thừa nhận khởi phân biệt phiền não. Sư trước chẳng như vậy. Nghĩa này tư duy, rất khó giải thích.

Thiện v.v... ba tánh, sáu thức là nhân xa khởi, sát-na đều khởi phân biệt. Bốn Vô ký v.v... mấy thứ có ba nghiệp? Dị thục tâm v.v... năng phát nghiệp không? Chẳng phải nghiệp quả tâm định được phát nghiệp và tùy chuyển. Nghiệp quả là tuy chưa thấy văn nhưng lý thật khó, phán các thứ khác là được. Mới đầu khởi khổ lạc thọ đó, như thiện và bất thiện cùng khó vậy, hẳn do tâm nhiễm tịnh dẫn mới tùy Đẳng lưu. Lìa dục khổ căn đã không có ưu dẫn, tại sao mới đầu khởi tánh thiện ác bức vặn hỏi. Mới đầu sinh tánh tùy ý, khổ lạc chẳng phải tánh riêng biệt, xả dẫn tức tùy sinh.

Giải thích trong dục, sư thứ nhất nói có thể nhàm chán sự tức không có dục. Vô lậu tâm đó có lúc không có dục. Vô lậu thứ bảy duyên nhân thứ tám cũng nên không có dục. Lý đây chẳng phải trái ngược. Sư thứ hai cho rằng nếu có cầu mong tư cụ, những vật mong muốn như lúa thóc v.v... há không có dục ư? Nên đều chẳng đúng.

QUYỂN 6

Nhẫn, lạc, dục riêng biệt trong tín, ở trong ba cảnh, tùy nghĩa tăng nói. Hai loại sau chỉ là thiện, cũng chỉ là lạc dục làm tên, loại trước thông nhiễm tịnh, nên nêu tên nhẫn, kỳ thật ở Diệt đạo cũng lạc dục vậy, ở hai loại sau cũng có thể có nhẫn. Trong hữu năng, nghĩa là ở tất cả thiện thế gian và xuất thế gian, tin sâu có lực năng được năng thành. Đối Pháp chỉ nói, nghĩa là ngã có lực năng được năng thành. Nếu theo giải thích đây, tin hai thiện đó tức được Vô vi năng thành giác giả, tức tin thật có, tin có dụng. Hoặc tin đức nhiếp, nhiếp trong pháp. Nay lại giải thích tin hai thiện đây năng đắc Niết-bàn, năng thành Đại giác v.v... là tin có năng, có công năng.

Mặc giáp gia hạnh v.v... luận đã tự giải thích. Có thế lực v.v... không có văn giải thích. Thế nghĩa là uy thế, cần nghĩa là sách tấn. Dõng nghĩa là dõng mãnh. Kiên mãnh nghĩa là tiến vững chắc. Chẳng xả thiện ách nghĩa là trọn chẳng lùi chẳng ngừng. Thiện pháp lập ít, nhiễm pháp lập nhiều là nhiễm pháp từng huân thời gian dài, pháp rộng nên nói nhiều về nó. Thiện pháp khởi thiếu thời ngắn, pháp lược nên ít nói. Nếu tại Phật vị, do nhân rộng nên quả thiện vô biên, muốn khiến người nghe hoan hỷ mong cầu, do đó nói nhiều.

Trong thiện pháp tu đoạn và chẳng đoạn, nên thuật sáu mươi lăm nghĩa của duyên phược, và năm mươi chín nghĩa của hai đoạn, đến quyển 8 sau sẽ rộng phân biệt. Oai nghi, công xảo, biến hóa đã thông thiện tánh, trong thiện đủ bao nhiêu, mỗi mỗi nên tư duy.

Hai mươi câu trong Tát-ca-da-kiến trong quyển 65 chuẩn cứ chấp ngã trước, lược có ba thứ: một là tức uẩn, hai là lìa uẩn, ba là cùng uẩn chẳng tức chẳng lìa. Câu này chỉ là mới đầu tức uẩn chấp, không có hi chấp sau. Lìa uẩn tổng nói mà làm một ngã. Uẩn riêng có ba, như vậy ngã sở có mười lăm câu. Đã nói cùng uẩn chẳng tức chẳng lìa, chẳng thể định nói uẩn là ngã sở, nên không có câu. Nhưng theo Du-già quyển 6 và 64, lìa uẩn có ba:

1. Dị uẩn trụ tại trong uẩn.
2. Dị uẩn trụ trong pháp lìa uẩn.
3. Dị uẩn chẳng phải trụ trong uẩn, chẳng phải trong dị uẩn.

Tất cả uẩn pháp đều chẳng tương ưng. Như vậy ba thứ đều có mười lăm ngã sở, hợp thành bốn mươi lăm câu ngã sở và ngã tổng có bốn mươi tám câu. Nói tướng sở hành, mỗi loại có khởi, xứ, duyên, đó là duyên lịch, y khởi, sở duyên ba nghĩa đều được, nếu duyên xứ là

chẳng phải phân biệt xứ, lại có bốn mươi tám, nếu phân biệt là một xứ có ba mươi ba ngã sở, một ngã, hợp thành ba mươi bốn, mười hai lần ba mươi bốn, hợp thành bốn trăm lẻ tám, mươi hai ngã kiến, ba trăm chín mươi sáu ngã sở kiến, mười tám giới v.v... theo đó mà biết.

Du-già quyển 8 nói có bảy đảo, đó là: Tưởng đảo, kiến đảo, tâm đảo và tịnh, ngã, lạc thường. Bốn vọng tưởng phân biệt kia là tưởng đảo. Ở trong sở vọng tưởng phân biệt kia thì nhẫn, dục lạc, kiến lập, chấp trước là kiến đảo. Phiền não ở sở chấp trước tham v.v... gọi là tâm đảo. Phiền não có ba:

1. Đảo căn bản, nghĩa là vô minh.

2. Đảo tự tánh, nghĩa là Tát-ca-da-kiến, một phần biên chấp kiến, kiến, giới thủ và tham.

3. Đảo Đẳng lưu, nghĩa là tà kiến và một phần biến chấp kiến, khuể, mạn và nghi.

Tát-ca-da-kiến là vô ngã ngã đảo. Một phần biên kiến là vô thường thường đảo, kiến thủ là bất tịnh tịnh đảo, giới thủ là ở khổ lạc đảo, tham thông cả hai thứ, vì thông hai đảo tịnh và lạc, như sớ giải thích.

Lại giải thích tùy thuận môn nên thuộc về hai thủ, chẳng nói kiến giới có sở y duyên và hai nghĩa chẳng đủ, chẳng phải thuộc hai thủ. Nếu đơn duyên kiến và câu duyên đồng thời năm uẩn và bạn loại trước sau làm thắng, năng tịnh là kiến thủ. Nếu đơn duyên câu đồng thời và năm uẩn trước sau cùng tất cả pháp làm thắng, năng tịnh, hoặc thắng chẳng phải tịnh, hoặc năng tịnh chẳng phải thắng đều duyên kiến và câu duyên đồng thời năm uẩn làm thắng chẳng phải năng tịnh, làm năng tịnh chẳng phải thắng, đều chẳng phải kiến thủ, giới thủ cũng vậy. Nếu duyên kiến tăng tùy thuận giới kém cũng gọi là kiến thủ, giới tăng tùy thuận kiến kém cũng gọi là giới thủ, nếu duyên hai câu tăng, hành tướng cũng câu tăng là hẳn chẳng phải hai thủ, vì hai thủ chẳng tương ưng, chỉ là pháp chấp nhiễm tuệ, chẳng phải thuộc hai kiến. Hai kiến nhiếp là hẳn tìm cầu sâu, hành tướng riêng thù thắng. Chẳng làm giải thích như trước v.v... bèn trái với đây và văn Du-già. Hai nghĩa chẳng đủ, giả sử hai nghĩa đủ, chẳng phải kiến giới là chẳng phải gọi sở mục, nên chẳng phải hai thủ.

Ba đường ác cực khổ xứ, chẳng tạo qua nghiệp đường ác, không phân biệt hoặc. Có thể tạo nghiệp người trời ư? Đáp: Chẳng chướng ngại, chỉ nói không phân biệt phiền não, chẳng nói không nghiệp trời người. Nếu tự chẳng khởi, chẳng cùng vô minh, làm sao tạo nghiệp trời người? Nên cũng chẳng tạo. Đây luận tổng báo, biệt báo có thể tạo,

thiện ác cùng chung được.

Sinh tại địa ngục, khởi bao nhiêu phiền não Vô sắc giới? Chỉ khởi ở sáu hoặc bảy, nghĩa là kiến thủ, mạn, nghi, ái, si và ngã kiến. Hoặc định hoặc sinh chẳng qua đây. Lại có thể khởi giới thủ kia, vì chấp định kia là nhân thù thắng, không khởi tà kiến và biên kiến, văn không đồng Sắc giới có ba mươi hai kiến. Sinh Dục giới khởi Sắc giới định có năm là thân, biên, mạn, ái, nghi, hai thủ trong tán tâm, chẳng biến khởi tướng của tà kiến. Cả hai luận không có nhân cũng là định sau khởi tà kiến kia, chín loại đều chấp nhận khởi, và khởi giới thủ, vì chấp định kia là nhân thù thắng, nhưng không có văn nói sinh Vô sắc giới trừ hạ nhuận sinh ngã, tham, mạn, hai kiến, si, ngoài ra lại chẳng được khởi. Luận kia không có Trung hữu, có thể nói khởi báng v.v.... Sinh Vô sắc giới chỉ khởi hạ Câu sinh, không khởi tướng phân biệt, không có Trung hữu khởi báng.

Đầu quyển 62 nói năm thứ ái duyên thượng, nghĩa là hoặc chứng đắc Đẳng chí, kế chấp làm thanh tịnh, khả hân, khả lạc, khả ái, khả ý, tùy niệm ái vị. Hoặc chưa chứng đắc, hoặc đã chứng đắc, vì sức vị lai ái vị tăng thượng, tấn cầu hân lạc mà sinh ái vị. Hoặc đã chứng đắc tính chấp làm thanh tịnh, khả hân, cho đến rộng nói hiện hành ái vị. Nếu từ định ra có thể sinh ái vị. Nếu chánh tại định không có ái vị. Ái vị là ở trong đó sinh khắp tham trước, văn sau nói hai thứ, nghĩa là chưa đắc định là có nhiễm ô, đó là mong thượng sinh, sinh ái trước sâu. Chẳng nhiễm ô ái duyên thượng định, đó là mới cầu lìa dục sinh, rộng như quyển 62 giải thích.

Ngã kiến duyên riêng chẳng duyên Địa khác là Tu đạo ngã kiến có hai hành tướng: một là duyên chung được Địa khác, hai là duyên riêng chẳng được.

Kiến đoạn ngã kiến cũng có hai loại: một, kiến là tha ngã thì được; hai, kế chấp là tự nội ngã tức chẳng được. Nay nói chẳng được, tùy nghĩa nên biết.

Hoặc không phân biệt ngã kiến duyên địa khác là Phạm vương đều tức định ngã kiến. Trong trên dưới duyên nhau, Địa dưới duyên Địa trên, hai cõi đều đồng, không có văn ngăn ngại. Trong trên duyên dưới, trong Vô sắc giới không duyên riêng mạn, duyên chung cũng có mạn. Ngoài ra, như trước đều có kiến, giới hai thủ lý nhất định chẳng được, trừ duyên chung hành tướng không có thể riêng.

Tham sân si Câu sinh cùng ba thọ đồng thời, Du-già quyển 55 ghi: “Câu sinh thông tất cả thức thân, là tương ưng với tất cả căn. Phân biệt

đó là luận Du-già nói tham trái duyên với ưu khổ đồng thời, sân gặp cảnh thuận hỷ lạc đồng thời. Nay văn đây thông tất cả, chẳng ngăn ngại Câu sinh phân biệt, cả hai dẫn đều đồng, rộng như luận đó giải thích.

Mạn có hai thứ: một cao cử, hai ty hạ. Cao cử có ba: một là xứng lượng, hai là giải thích liễu, ba là lợi dưỡng. Vì ty hạ mạn cùng ưu tương ưng, cao cử chẳng như vậy, nên chỗ trước nói chẳng cùng Thân thức và một phần A-lại-da đồng thời, đây cùng ưu đồng thời, căn cứ ty hạ nói cũng chẳng trái nhau.

Chánh nghĩa, như địa ngục không có phân biệt phiền não, lẽ ra không có sức nhân đoạn thiện là lúc chết tiếp tục v.v... Giải thích la thế lực chẳng sinh, vì chẳng phải nhân tà kiến. Quyển 59 ghi: "Đối với lợi dưỡng v.v... tha dẫn do dự nghi cùng ưu tương ưng, đối với đường ác v.v... tha dẫn do dự hỷ căn tương ưng, tà kiến trước làm diệu hạnh, ưu căn tương ưng, trước làm ác hạnh, hỷ căn tương ưng, hai thủ tùy cảnh nên bốn thọ đồng thời. Trong quyển 59 chỉ y cứ nghi, tà kiến v.v... ở Dục giới mà nói, đây thông tất cả Địa, nên tương ưng với lạc.

Cần phải được căn bản định phiền não mới khởi, hữu y chưa đến đoạn Dục chín phẩm rồi, chẳng được căn bản mạng chung, người này tại sao hiện hành nhuận sinh? Có giải thích không có điều này, hẳn được mới mạng chung. Như Thức thứ bảy sinh Dự lưu không có mạng chung. Chẳng được ứng quả là tâm được căn bản định mới mạng chung. Có giải thích cũng có như vậy, chỉ vì tùy miên nhuận sinh, như Kiến đế do tùy miên, vì cũng có hiện hành nhuận. Đây lẽ ra cũng như vậy, phục tu chẳng phục kiến, Kiến hoặc đã bất thiện, sao chẳng chiêu cảm đường ác mà sinh cõi trên ư? Nếu do thế lực chẳng hiện hành, sao chẳng gọi là phục? Nay lấy nghĩa giải thích, do thế chẳng hiện hành, chẳng khéo phát nghiệp, giả sử có là nhẹ chẳng phải nặng, chẳng phải quyết định nghiệp, chẳng chiêu cảm Dục giới sinh. Nếu chánh chỗ sáu hành nhàm chán, vì gọi là phục, nếu không như vậy bèn thoái lùi, vì phiền não mạnh, định thế lực kém yếu. Vì không có bạn tu, yếu nên chẳng có thể.

Tất cả hữu sự vô sự phiền não chẳng qua ba thứ:

1. Chỗ các kiến duyên vốn là vô sự, ngoài ra là hữu sự. Nhân đây, hành tướng kiến vốn không có quyết định. Ngoài ra, chẳng nhất định như vậy, như Đối Pháp quyển 7 giải thích.

2. Hành tướng mê sâu vô ngã, gọi là duyên vô sự, ngoài ra gọi là hữu sự. Chỗ gọi là hành tướng cảnh sâu, vì ắt hẳn mê vô ngã, ngoài ra hẳn chẳng nhất định. Quyển 59 ghi: "Kiến, mạn gọi là vô sự. Tham, khuể gọi là hữu sự. Vô minh, nghi thông cả hai thứ". Đối Pháp quyển 5

đồng giải thích như đây.

3. Chỗ Kiến đạo duyên gọi là duyên vô sự, tu gọi là hữu sự, Kiến đạo các hoặc phân biệt mạnh nhanh vì nhiều hoành chấp, Tu đạo ít. Du-già ghi: "Kiến sở đoạn gọi là duyên vô sự, ngoài ra gọi là hữu sự, trừ duyên hiện tại, Vô vi là pháp hữu thể". Duyên quá khứ, vị lai các thứ gương ảnh v.v... gọi là duyên gọi là duyên vô sự. Ngoài ra các thứ khác, gọi là duyên hữu sự, vì vốn cảnh có. Đối Pháp ghi: "Chẳng phải có sở duyên, đó là tâm điên đảo, tâm sở và duyên quá khứ vị lai v.v... ngoài ra gọi là duyên hữu sự, bản chất hoặc không, gọi là duyên vô sự, ngoài ra hẳn có, gọi là duyên hữu sự". Quyển 59 ghi: "Duyên vô sự nghĩa là vô sự phiền não, duyên hữu sự nghĩa là hữu sự phiền não", cùng Duy thức đồng. Nay quán nghĩa đây, môn thứ nhất và thứ hai gồm:

1. Bản thể có gọi là hữu sự.

2. Không có thể dụng trong không có chất ảnh tượng gọi là vô sự, trong ảnh tượng có quyết định chấp gọi là vô sự. Chỉ năm kiến, chẳng nhất định gọi là hữu sự. Si, ái, mạn tuy cũng có chấp, cì chẳng quyết định. Hai chấp gọi là vô sự, hai chẳng chấp gọi là duyên hữu sự, nên kiến, mạn, ái v.v... đây gọi là vô sự. Ngoài ra gọi là hữu sự.

3. Tương thuộc Kiến đạo gọi là vô sự, Tu đạo gọi là hữu sự, tùy các văn trước căn cứ thật có hai môn hữu sự vô sự tức hết. Một là bản chất, ảnh tượng. Hai là bên trong ảnh tượng có thể không thể, như duyên quá khứ, vị lai v.v... gọi là vô sự. Hiện tại pháp hữu thể và Vô vi gọi là duyên hữu sự. Nhưng trong nghĩa lại phân riêng ba thứ:

1. Quyết định, chẳng quyết định.

2. Chấp, chẳng chấp.

3. Tương thuộc kiến, pháp Tu đạo, tức ba lớp trước trong năm lớp.

Như Đại Luận quyển 11, trong năm Cái, nói hai tướng riêng hôn trầm, thùy miên rất rõ ràng.

Trong Tùy phiền não, siểm, cuống, phú v.v... si phần là cũng chẳng phải sân đồng thời, y cứ nhiều tướng thô mà nói, căn cứ thật cũng đồng thời, như sân nên dối cuống tha dẫn siểm, che giấu tội mình là lý cũng nên như vậy, tướng tế ẩn nên luận lược không nói, ngoài ra giải thích như sớ.

Trong Tùy phiền não, phẩn v.v... tùy sở y, duyên chung riêng hoặc lực đều thông bốn bộ. Hữu y ít Đế duyên nhiều Đế, hữu y nhiều Đế duyên ít Đế, hữu y nhiều duyên nhiều, hữu y ít duyên ít. Hai hành tướng sau có thể biết, hai trước là Đế hoặc nào? Là từ sở y phán phân

Đế, là từ sở duyên, đều bất định. Do đây nên nói, sở duyên tức sở y, duyên nghĩa là duyên nhờ, chẳng phải cảnh sở duyên, vì cảnh chẳng định. Có nghĩa sở y tức cảnh sở duyên, vì cảnh sở duyên làm sở y nương tựa, y từ sở duyên phán phân Đế, vì y bất định. Có nghĩa y và duyên riêng biệt, như trong sớ giải thích. Hai câu đầu thế nào? Có giải thích hẳn không có điều này. Có giải thích tùy tăng thuộc Đế, y tăng duyên kém, thân gần dẫn nên thuộc y, duyên tăng y kém thuộc duyên, vì dẫn thưa xa.

Các bản tùy hoặc, bao nhiêu Dị thục sinh, thông oai nghi công xảo? Che giấu tội mình là phú, che giấu kẻ khác là phú là không đúng. Tỳ-kheo ni này che giấu tội thô kẻ khác cũng gọi là phú, Bồ-tát nói tội kẻ khác là tội là phước, ưu não Câu sinh thế lực phục có thể trừ. Thiện và phân biệt phiền não, thế gian lìa dục, tâm nào là của ông? Nên ác tâm đều là phú. Trong đây tạm nói tự che giấu, không có ác tâm đều là thiện, nghĩa là tánh chẳng thực hành sức của thế lực.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN CHƯỞNG TRUNG XU YẾU

QUYỂN HẠ
(PHẦN 2)

QUYỂN 7

Y đối với tầm tứ có nhiễm và lìa nhiễm, lập ba Địa riêng biệt. Chẳng y chủng tử hiện hành kia khởi có không, nghĩa là Du-già Thích Lược có ba giải thích, nghĩa là có ba Địa căn cứ hai tương ưng trước sau kiến lập, nghĩa là cõi Dục địa và Sơ tĩnh lự thô tâm, tâm sở, trước sau tương tục có thể có tầm tứ cùng tương ưng, gọi là Hữu tầm hữu tứ địa. Thô tâm, tâm sở khoảng giữa tĩnh lự trước sau tương tục, định không có tầm, chỉ có thể có tứ cùng tương ưng, gọi là Vô tầm duy tứ địa. Thứ hai, các tâm tâm sở của các Địa từ Tĩnh lự trở lên, trước sau tương tục quyết định chẳng cùng tầm tứ tương ưng, gọi là Vô tầm vô tứ địa. Nếu cõi Dục địa và Sơ tĩnh lự, tế tâm tâm sở khoảng giữa tĩnh lự chẳng cùng tầm tứ cùng tương ưng là, tất cả sắc chẳng tương ưng hành, các pháp Vô vi chẳng cùng tầm tứ cùng tương ưng, cũng đều gọi là Vô tầm vô tứ địa, nên luận sau ghi: “Hữu tầm hữu tứ địa, Vô tầm duy tứ địa, thuần là có tâm địa, không có tâm thùy miên, không có tâm muộn tuyệt, vô tưởng định, vô tưởng sinh, diệt tận định, và vô dư y Niết-bàn giới, đều gọi là Vô tâm địa. Có nghĩa ba loại này căn cứ hai lìa dục phần nương kiến lập, nghĩa là cõi Dục địa, và Sơ tĩnh lự, các pháp giả là đối với tầm và tứ đều chưa lìa dục, gọi là Hữu tầm hữu tứ địa. Các pháp giả khoảng giữa tĩnh lự là tầm đã lìa dục, tứ chưa lìa dục, gọi là Vô tầm duy tứ địa.

Thứ hai, các pháp giả của các Địa từ Tĩnh lự trở lên là ở tầm và tứ đều đã lìa dục, gọi là Vô tầm vô tứ địa, nếu tại hạ Địa và đã lìa dục cũng được gọi là Vô tầm vô tứ địa. Nên Du-già quyển 4 ghi: “Trong đây do lìa tầm tứ dục gọi là Vô tầm vô tứ địa, chẳng do chẳng hiện hành”. Tại sao như vậy? Chưa lìa dục của cõi Dục là do giáo dẫn tác ý sai biệt,

ở một thời gian cũng có Vô tầm vô tứ ý hiện hành. Đã lìa tầm tứ dục là cũng có tầm tứ hiện hành, như xuất định kia và sinh địa kia. Như thật nghĩa là ba loại này chỉ căn cứ giới địa kiến lập, nghĩa là cõi Dục địa và Sơ tĩnh lự, các pháp Hữu lậu Vô lậu, ở trong tầm tứ chung cùng có thể được nên gọi là Địa thứ nhất. Các pháp Hữu lậu Vô lậu khoảng giữa tĩnh lự, ở trong không có tầm chỉ có tứ nên gọi là Địa thứ hai. Tĩnh lự thứ hai trở đi, các pháp Hữu lậu Vô lậu của các Địa, ở trong tầm tứ chung cùng không có nên gọi là Địa thứ ba. Nên Du-già quyển 4 ghi: “Trong đây, cõi Dục và Sơ tĩnh lự, hoặc định hoặc sinh, gọi là Hữu tầm hữu tứ địa. Hoặc định hoặc sinh khoảng giữa tĩnh lự, gọi là Vô tầm duy tứ địa”. Tĩnh lự thứ hai trở đi, cõi Sắc cõi Vô sắc hoàn toàn gọi là Vô tầm vô tứ địa. Vô lậu, Hữu vi, Sơ tĩnh lự định cũng gọi là Hữu tầm hữu tứ địa. Y tầm tứ xứ pháp duyên Chân như làm cảnh vào định này, chẳng do phân biệt hiện hành, ngoài ra như trước nói. Nếu căn cứ tương ưng và lìa dục kiến lập ba Địa, nhiếp pháp chẳng tận, cũng rất tạp loạn, tuy nói có tầm có tứ v.v... các Địa chỉ là có tâm. Đây căn cứ một môn thô tướng để biện Địa, ở trong môn này chỉ nói Vô tầm vô tứ địa từ Tĩnh lự thứ hai trở lên. Vô tưởng định, vô tưởng sinh, diệt tận định gọi là Vô tâm địa. Ngoài ra, tất cả vị, gọi là Hữu tâm địa. Sau có bốn môn đồng dị kiến lập, phần sau sẽ giải thích. Tuy nói trong đây do lìa tầm tứ dục nên gọi là Vô tầm vô tứ địa, nhưng chỉ nói các Địa từ Tĩnh lự thứ hai trở lên hẳn định đã lìa tầm tứ dục. Chẳng nói đã lìa tầm tứ dục là các pháp của Địa dưới, cũng được gọi là Vô tầm vô tứ. Nếu như vậy là chưa lìa tầm tứ dục của Địa dưới là các pháp của Địa trên lẽ ra cũng gọi là Hữu tầm tứ v.v... Kiến lập như vậy thành rất tạp loạn. Cho nên cả ba loại này chỉ căn cứ trên dưới của giới địa mà kiến lập. Nay quán ý đây, y nhiễm, lìa nhiễm chẳng phải giải thích Hữu tầm hữu tứ, Vô tầm duy tứ địa. Chỉ giải thích Vô tầm vô tứ địa, thì văn luận đây chẳng phải tận lý, đâu thể y có nhiễm không nhiễm lập ba Địa riêng biệt. Thân tại cõi dưới thành ba Địa nhiễm nên gọi là ba Địa, đã tùy chỗ lìa nên chẳng phải Địa kia.

Nay nên hỏi: Sư thứ ba giải thích, giới địa do đâu được thành sai biệt? Do có địa pháp thô tế khác nhau, thô tế khác nhau đó làm sao được thành, hẳn y có nhiễm trói buộc pháp riêng biệt. Vô lậu lìa nhiễm y địa pháp đây cũng khác. Đã đoạn là có nhiễm chủng loại đây, nên thuộc về Địa kia. Nói có nhiễm là có hiện hành nhiễm, nên thân tại cõi dưới tuy thành ba cõi, chủng tử có nhiễm chẳng gọi là ba Địa. Nói lìa nhiễm là căn cứ nghĩa sinh cõi trên tức chẳng phải hàng Địa tiền, chẳng nói đã lìa nhiễm đây tức chẳng phải Địa đây vậy, chỉ nhận biết văn

chánh, chẳng đồng Du-già. Du-già chỉ y Tĩnh lự thứ hai trở lên làm dụ, như sư thứ ba trước tổng hợp.

Lại giải thích, trong đây nói có nhiễm là có hiện hành nhiễm kia. Lìa nhiễm là tức Vô lậu v.v... tùy chỗ lìa nhiễm Địa, tức Địa của có nhiễm trước, nay lìa nên nói gọi là lìa nhiễm, tùy hai thứ có nhiễm lìa nhiễm đây có khác, địa giới pháp khác, đều ứng chỗ ứng hai thứ đều là chỗ Địa kia nhiếp. Chẳng nói có nhiễm là Địa kia lìa nhiễm tức chẳng phải, nên văn không ngăn ngại, chẳng đồng Du-già. Du-già chỉ nói Địa thứ ba, do đây chân trí cũng thuộc ba Địa, y tầm tứ xứ pháp duyên Chân như làm cảnh vào định đây, chẳng do phân biệt hiện hành, vì các tánh Vô lậu lìa nhiễm pháp, y tha pháp kia, vẫn còn tức Địa kia, huống gì đã lìa nhiễm. Ba địa Hữu lậu pháp mà chẳng phải ba Địa, nên nghĩa văn chánh, chẳng phải như vậy thì nghĩa chẳng đúng.

Quyển 56 ghi: Hỏi: Sinh ở Định thứ hai, hoặc sinh Địa thượng, nếu có tầm có tứ, nhãn thức v.v... hiện tại trước, tại sao Địa đây Vô tầm vô tứ? Nếu chẳng hiện trước tại sao ở đó các căn có sắc mà khéo lãnh thọ cảnh giới Địa kia?

Đáp: Do có tầm có tứ chủng tử các thức, vì tùy theo Vô tầm vô tứ Tam-ma-địa, theo kia khởi rồi đây được hiện hành, cho đến rộng nói.

Ba, bảy khác nhau, nay dùng mười môn phân biệt:

1. Nêu thể.
2. Hành tướng.
3. Giải thích tên gọi
4. Phế lập.
5. Chỗ tám thức nhiếp.
6. Hữu lậu Vô lậu.
7. Chỗ ba đời duyên.
8. Cùng mười tán động mười phân biệt nhiếp nhau.
9. Đoạn vị.
10. Hỏi đáp phân biệt.

Kệ tụng gốc ngọn tầm tứ:

“Thể, cảnh, hạnh, thảy khởi
Sai biệt và quyết trạch
Hành, xúc, dẫn, tương ưng
Cầu nghiệp là lưu chuyển”.

Du-già quyển 5 nói, tầm tứ dùng bảy môn phân biệt:

1. Thể tánh.
2. Sở duyên.

3. Hành tướng.

4. Đẳng khởi.

5. Sai biệt.

6. Quyết trạch.

7. Lưu chuyển.

a. Thể tánh là chẳng tầm đạt tư duy sâu làm thể tánh, nếu tầm đạt tuệ sâu làm thể tánh.

b. Sở duyên là dùng nghĩa danh, cú, văn thân làm sở duyên.

c. Hành tướng là tầm cầu hành là tầm, quán xét hành là tứ.

d. Đẳng khởi là nghĩa là mở lời ngôn thuyết.

e. Sai biệt là đó là bảy phân biệt.

f. Quyết trạch là nếu tầm tứ tức phân biệt tà v.v... nếu tầm tứ đều phân biệt, có phân biệt chẳng phải tầm tứ, nghĩa là mong đạo xuất thế, ngoài ra tất cả pháp tâm và tâm sở trong ba cõi.

g. Lưu chuyển là xứ của năm đường đều là sáu vặn hỏi, như Na-lạc-ca tầm, tứ hành những gì, thuộc chỗ nào, dẫn chỗ nào, tương ưng gì, chỗ nào cầu, nghiệp nào chuyển, cho đến sơ tĩnh lự tầm tứ là hỏi cũng vậy.

Vả lại, giải thích hành chuyển trong địa ngục, xúc chẳng phải cảnh ái, dẫn phát ở khổ, cùng ưu tương ưng, thường cầu giải thoát, nhiễu tâm nghiệp chuyển, chỉ thuần thọ khổ, ngạ quỷ cũng vậy. Bàng sinh, cõi người, ngạ quỷ sức lớn, nhiều phần thích hành, ít phần hân hành, nhiều xúc chẳng phải ái, ít xúc cảnh ái, nhiều phần dẫn khổ, ít phần dẫn lạc, tương ưng ưu nhiều, tương ưng hỷ ít, nhiều phần cầu thoát khổ, ít phần cầu gặp lạc. Nhiễu tâm nghiệp chuyển, các trời cõi Dục tầm tứ, nhiều phần hân hành, ít phần thích hành, nhiều xúc khả ái, ít xúc chẳng phải ái, nhiều dẫn lạc, ít dẫn khổ, tương ưng hỷ nhiều, tương ưng ưu ít, nhiều phần cầu gặp lạc, ít phần cầu thoát khổ. Nhiễu tâm nghiệp chuyển, Sơ tĩnh lự địa chỉ thuần hân hành, chỉ thuần xúc cảnh khả ái, chỉ thuần dẫn lạc, chỉ thuần hỷ câu, chỉ cầu chẳng lìa lạc, chẳng nhiễu tâm nghiệp chuyển.

Mười lăm nghiệp bất cộng, kệ tụng ghi:

“Phân biệt, thẩm sở duyên
Túy, cuồng, mộng, giác, muộn
Tỉnh, phát nghiệp, lìa dục
Thoái, đoạn, tục, sinh, tử”.

Du-già quyển 1 nói ý thức có mười lăm thứ nghiệp Bất cộng:

1. Phân biệt sở duyên, tức bảy phân biệt.

2. Thẩm lự sở duyên, nghĩa là như lý, chẳng như lý và câu phi sở dẫn.

3. Túy.

4. Cuồng.

5. Mộng.

6. Giác.

7. Muộn.

8. Tỉnh.

9. Năng phát thân ngữ nghiệp.

10. Lìa dục.

11. Lìa dục thoái lùi.

12. Đoạn thiện.

13. Nối tiếp thiện.

14. Sinh.

15. Tử.

Kinh Pháp Hoa quyển 2 ghi: “Xá-lợi-phất thưa: “Nhưng nay từ Phật nghe pháp chưa từng nghe, chưa từng có, dứt các nghi hối”. Kệ tụng kia lại ghi:

“Ta đã được lậu tận
Nghe cũng trừ ưu não”.

Nghi hối tức ố tác, tức là nhàm chán, tuệ chung cùng không tham, nghi tức sự nghi, nghi chẳng làm Phật. Ưu tức là hối, vì hối ác trước, hối tức là nghi.

Trong đây, chánh tư duy nếu thể là tầm thông Vô lậu thì tại sao quyển 57 nói năm căn trong hai mươi lăm căn chẳng nhiếp sáu pháp trong ba mươi bảy pháp, đó là ngữ, nghiệp, mạng, hỷ, an, xả, nên chánh tư duy riêng tức tuệ căn. Sư đây dùng nhân quả luận chung nên thể tức là tuệ. Sư trước đây có thể đúng, nên tầm chẳng phải Vô lậu, lấy tên tầm mà nói, như ba cõi vui thích gọi là lạc. Du-già quyển 4 ghi: “Nếu Vô lậu giới Hữu vi định sở nhiếp Sơ tĩnh lự cũng gọi là Hữu tầm hữu tứ, y tầm tứ xứ pháp duyên Chân như làm cảnh mà vào định này, chẳng do phân biệt hiện hành”. Nên biết tầm tứ dẫn Vô lậu, trong Vô lậu dẫn hai giải thích đều được. Nếu nói tầm tứ hẳn là phân biệt, mà chẳng nhất định nói chỉ thuộc loại thứ ba nên thông Vô lậu, sao chẳng đối phân biệt, bốn câu phân biệt? Vì hỗ tương có rộng hẹp. Hối lìa dục xả là, kinh Pháp Hoa quyển 2 ghi: “Xá-lợi-phất thưa: “Con từ xưa lại trọn ngày liền đêm thường tự trách mình mà nay từ Phật nghe pháp chưa từng có, chưa từng nghe, dứt các nghi hối”. Hối là pháp nghi hối, chẳng

phải phiền não.

Quyển 56 ghi: "Thân hành có ba, nghĩa là hơi thở ra vào và thân nghiệp. Ngữ hành cũng có ba, nghĩa là tầm tứ và ngữ nghiệp. Chánh tư duy cùng ngữ làm nhân, tầm thông Vô lậu". Quyển 57 ghi: "Năm căn chẳng nhiếp sáu ngữ, nghiệp, mạng, hỷ, an, xả trong ba mươi bảy phẩm, chẳng nói chẳng nhiếp chánh tư duy tức là tuệ". Đây nói vì sao thông? Du-già quyển 56 ghi: "Thân hành có ba, đó là hơi thở ra vào và thân nghiệp. Ngữ hành cũng có ba, đó là tầm, tư và ngữ nghiệp. Ý hành cũng có ba, đó là thọ, tưởng và ý nghiệp", nên Phật không có tầm tứ, thì đâu ngại ngữ chuyển, vì nghiệp chẳng phải không có. Trong Đệ tứ thiền, hai hơi thở đã không có, thân nó được trụ. Hai định xứ nên không có tầm tứ và ngữ nghiệp nên ngữ lẽ ra cũng chuyển. Biến chẳng phải biến hành, như trước đã nói, thân nghiệp chỉ nhiễm chẳng thể làm so sánh. Lại, luận nêu thân nghiệp nhiễm, luận thật cũng có thiện pháp Vô lậu, nếu không như vậy thân và ngữ của Phật làm sao được chuyển? Nên dùng nghiệp tư làm chuyển, vì thường vào Định thứ tư.

Tâm sở câu sinh, kệ tụng ghi:

"Năm pháp năm câu khởi
Chín pháp hẳn sáu câu
Chín pháp hẳn mười bốn
Hai mươi mốt mười lăm
Ba pháp khởi mười sáu
Tám pháp mười bảy câu
Là tâm sở tương ưng
Tuệ cần nên tư duy".

Du-già quyển 57 ghi: "Trong hai mươi hai căn, hỏi: Thế Tôn y căn xứ nào nói lời như vậy, viễn hành và độc hành, không có thân ngủ nơi hang? Đáp: Y ý căn xứ, do ở khoảng trước thời vô thỉ, duyên khắp tất cả cảnh sở tri gọi là viễn hành. Các tâm tương tục mỗi mỗi chuyển vậy, vì không có chủ tể gọi là độc hành. Không sắc không kiến cũng không có đối gọi là không thân". Y chỉ sắc nên gọi là ngủ nơi hang. Nhiếp luận quyển 4 ghi: "Dạo khắp tất cả cảnh được biết nên gọi là viễn hành", là chứng nghĩa đây. Lại nói độc hành, vì không có thứ hai. Nói không có thân là khônôcs hình chất. Ngủ nơi hang là ở bên trong. Nói điều phục là ở trong tâm như vậy tạo tác tự tại, khó điều phục tâm là tánh ngang bướng.

Thượng tọa bộ xét có Trung hữu, không có vì sao được nói Trung hữu hẳn khởi nhuận sinh phiền não? Gốc kế chấp không có Trung hữu,

ngọn kế chấp có. Từ đây trở xuống, lý văn xem trong Duy thức.

Vô tưởng Dị thục, oai nghi trừ hành, không có ở trong nhân, hành nhập vào định vì quả khó khởi. Hòa với chỗ lập Duy thức trên, tỷ lượng là chân nên cực thành sắc, chẳng lìa nơi nhãn thức. Tự thừa nhận nó thuộc về thứ nhất và thứ ba vì nhãn không nhiếp, giống như nhãn thức, thuận với sư Cảnh quyết định trái nhau nghĩa là chân nên cực thành sắc, định lìa nơi nhãn thức, tự thừa nhận nó thuộc về thứ nhất và thứ ba vì nhãn thức không nhiếp, giống như nhãn căn. Đây như phần Sao giải của sư Cảnh, như biên thủ của sư Dụ.

Trong tha tâm trí, nên thuật sư An Tuệ giải thích văn của Nhị Thập Duy thức. Du-già quyển 89 nói thọ có tám loại. Thứ nhất và thứ hai thuộc trong ngoài, sáu loại sau tức sáu chỗ sáu pháp kiến lập, do đó xét luận thứ ba ở trước đã chú giải. Nhưng, bất hoàn là sức đối trị mạnh chánh nhuận sinh vị chẳng khởi phiền não v.v... là ở trong có năm vặn hỏi, lấy vặn hỏi thứ năm ở sau làm vặn hỏi thứ nhất, hỏi thứ hai làm thứ hai, hỏi thứ nhất làm thứ ba, ngoài ta như thứ tự.

1. Hỏi: Như quyển 59 ghi: Kiến đế chỉ dùng Tùy miên nhuận, mới đầu Thánh cũng dùng hiện hành nhuận, đã nói Dị sinh hiện hành chủng tử nhuận, Dị sinh lẽ ra chỉ có chủng tử nhuận ư? Đáp: Thánh nhiều bậc giáng nhuận có hiện hành, Dị sinh loại v.v... không chỉ có chủng tử, lẽ ra Thánh sinh Địa khác chỉ có chủng tử nhuận sinh, nếu sinh tự Địa là do hiện hành nhuận, Dị sinh lẽ ra cũng như vậy. Nếu sinh tự Địa chưa có Đối trị đạo nên có thể dùng hiện hành, sinh Địa khác nên chỉ có chủng tử nhuận. Nay giải thích chẳng như vậy. Vô lậu đạo tròn đầy, thế lực mạnh hơn phiền não, Vô lậu đạo thiếu, hoặc hiện bèn mạnh, chẳng đồng dị sinh, nên chẳng làm so sánh.

2. Hỏi: Thánh quả thứ nhất và thứ hai sinh tự Địa thì nhuận có cả hiện hành. Bất hoàn sinh tự xứ, theo nghĩa lẽ ra hiện hành nhuận chăng? Đáp: Đây có thể vậy, vì căn cứ quả thứ nhất và thứ hai, như xứ xứ Bất hoàn v.v... luận lược chẳng nói. Lại, lý chẳng như vậy. Quả vị thứ nhất và thứ hai chưa có đạo viên mãn, có thể dùng hiện hành nhuận. Quả thứ ba đã có đạo viên mãn, giả sử sinh tự Địa cũng chỉ có chủng tử nhuận. Luận chẳng nói do hiện hành nhuận, chỉ trong quả vị thứ nhất và thứ hai nói dùng hiện hành.

3. Hỏi: Tại sao Dị sinh nhuận thì hiện hành chủng tử đồng thời nhuận. Thánh nhân chỉ có chủng tử, chủng tử mạnh hơn chăng? Đáp: Thánh nghiệp quyết định, nghiệp mạnh có thể chỉ gá chủng tử. Dị sinh nghiệp không phải như vậy nên thông cả hiện hành. Hỏi: Nếu vậy, quả

vị thứ nhất và thứ hai, nghiệp cũng đã quyết định, nên chỉ có chủng tử nhuận chăng? Đáp: Phàm sinh khổ bức bách thiện nghiệp kém cõi, ắt gá hiện hành mới có thể nhuận. Thánh sinh khổ ít thiện nghiệp ưu thắng, do đây chỉ dùng chủng tử nhuận, vì Vô lậu cũng có thể giúp Hữu lậu, chẳng đồng phàm phu. Lại phàm phu bất giác sinh nhiều ít, có thể gá phiền não, hiện hành chủng tử đều trợ nhuận. Thánh nhân biết nghiệp nhiều ít nhất định, do đây chỉ dùng chủng tử nhuận.

4. Hỏi: Chỗ sáu hành phục và chẳng phục nhuận sinh tham v.v... chỉ phục tán cảnh tham v.v... tại sao phàm phu đắc định mà chẳng nhuận sinh Địa dưới? Nghiệp đều tồn tại mới sinh Địa khác chăng? Đáp: Nhờ trợ bạn tham ái v.v... nên có thể nhuận sinh. Bạn kia đã mất, lúc yếu kém chẳng thể một mình nhuận, do đây chẳng sinh Địa dưới. Lại, phàm tạo nghiệp mới ưu thắng mà sinh lên. Thánh do nghiệp cũ mà sinh. Có chủng tức sinh Địa kia, như phàm phu tại cõi Dục đủ nghiệp của năm nẻo, tùy một nghiệp mạnh hơn mà sinh trước, nên tuy nghiệp dưới chẳng phải không có, nghiệp trên mạnh hơn nên đến trước. Nếu nghiệp trên kém, bài bác đó làm hậu báo, lùi mất định trên mà sinh tự giới cũng không có lỗi.

5. Hỏi: Tại sao chẳng thừa nhận Câu sinh ngã kiến v.v... trong sáu thức, tuy đắc thế đạo mà chẳng khéo phục, tuy đắc quả thứ ba nhưng chẳng năng đoạn cõi dưới. Đến cõi trên mới đoạn như Thức thứ bảy ư? Đáp: Vì nó chướng quả và chướng ra khỏi tự địa, chẳng đồng Thức thứ bảy vi tế chẳng chướng quả và ra khỏi tự địa.

Du-già quyển 12 nói, trong diệt định trước ở tâm đó khó tu trị, chẳng phân biệt tướng trạng các hành, khéo vào định đây, khéo ra ở định, do tu tập rất nhiều nên mặc tình mà vào ra. Lúc ra diệt định xúc hai thứ xúc: một là chẳng động, hai là vô sở hữu, ba là vô tướng. Lúc xuất định phần nhiều do ba cảnh mà ra khỏi định: một là do có cảnh, hai là do cảnh cảnh, ba là do diệt cảnh. Thứ tự như đây xúc ba thứ xúc, duyên nơi có cảnh mà lúc xuất định không có ngã mạn nhiễu động tâm cho đây là ngã, cho đến kế chấp tương lai ngã sẽ có v.v... nên xúc chẳng động, xúc duyên nơi cảnh cảnh mà lúc xuất định không tham không sân, không si, nên định xúc vô sở hữu xúc, duyên nơi diệt cảnh mà lúc xuất định đối với tất cả tướng không tư duy. Duyên vô tướng giới nên nói xúc vô tướng xúc. Ý đây nói xuất định đã duyên ba cảnh, có cảnh là có làm năm uẩn, tức nương tướng phi tưởng mà vào định tâm nay xuất ra. Diệt cảnh tức nương tướng diệt tận mà vào định nay xuất ra. Trên hai quá trình đó không ba phiền não, nên xúc vô sở hữu xúc gọi là duyên cảnh

cảnh. Dẫn bất định sau tùy tâm xuất kia chẳng đồng lúc vào, vì hành tướng riêng biệt. Hoặc duyên sáu trần mà xuất định gọi chung là cảnh cảnh, đây chỉ là cảnh của cảnh. Đây nói mặc tình tự tại xuất định, nếu chưa tự tại mà lúc xuất định duyên nơi cảnh giới, tuy không có văn nói nhưng không ngoài ba loại này.

Hỏi: Tại sao muộn tuyệt, thùy miên cùng dẫn vô tâm? Muộn thì có thể của xúc trần, thùy chẳng như vậy ư? Thùy có thùy tâm sở, muộn tức không ư? Lúc có tâm muộn, muộn này là gì? Do muộn xúc tăng dẫn sinh muộn vị, chẳng đồng Thùy tâm sở dẫn vị sinh riêng vì không có tâm sở muộn. Thùy tại sao chẳng phải xúc trần? Trần năng dẫn tâm sở tức là thùy tâm sở, năng dẫn muộn xúc tức là tâm muộn do đó không có. Muộn hoặc hôn trầm không kham nhậm, hoặc muộn tức y năm Cái trên mà giả lập, như sinh Vô sắc, muộn tâm sở sinh tử tức sáu tâm sở tương ưng của bản thức.

Năm vô tâm thì ba chỉ có một cõi, đó là thùy chỉ có dục, vô tưởng định, sinh chỉ có sắc. Một chung cả ba cõi đó là muộn. Một chẳng phải cõi đó là diệt định. Hai chỉ có một cõi khởi đó là thùy và Vô tưởng thiên. Một thông hai cõi khởi đó là vô tưởng định. Một thông ba cõi khởi đó là muộn. Một thông ba cõi chẳng phải cõi khởi, đó là diệt định, cũng tại Tịnh độ khởi. Hai chỉ có thiện đó là hai định. Ba chỉ có Vô ký, đó là ba thứ còn lại.

Hành tướng có hai: một là tướng ảnh tượng gọi là hành tướng. Tại sao tức tợ bản cảnh? Hai là Kiến phần gọi là hành tướng, tại sao chẳng tợ?

Đáp: Ảnh tượng gọi là hành tướng, tướng trạng hành giải của Kiến phần, tướng mạo hành cảnh của Kiến phần. Kiến phần gọi là hành tướng, vì hành ở trong cảnh của thể, như Vô phân biệt trí không có tướng trạng, nên tợ chẳng tợ. Lại, chưa hẳn tướng ảnh tượng chỉ thuần tợ cảnh, vì Vô vi duyên tức chẳng phải tợ.

Trong phần đáp Đẳng vô gián duyên có sáu:

1. Đáp tạm tùy nghĩa khác.
2. Đáp nêu tự chánh nghĩa.
3. Đáp thức khởi không mới đầu.
4. Đáp so sánh tâm sở đồng.
5. Đáp chỉ dụ hiển pháp.
6. Đáp riêng dùng lý trưng bày.

Ba cõi duy tâm, y pháp Hữu lậu để nói rõ Duy thức. Lại nói, Sở duyên chỉ là chỗ thức hiện, y tâm sinh cảnh để rõ Duy thức. Lại nói

các pháp đều chẳng lìa tâm, đây y chẳng lìa để hiển bày Duy thức, chỉ một môn đây đủ nhiếp các pháp. Lại nói, hữu tình tùy tâm cấu tịnh, y Dị thục bên trong để rõ Duy thức. Lại nói Bồ-tát thành tựu bốn trí, y tu nhân để rõ Duy thức. Lại, Già-tha nói chỗ tâm ý thức duyên v.v... cũng lấy sở duyên, gọi là Duy thức.

Trong bốn trí, thứ nhất chỉ quán cảnh, thứ hai chỉ quán trí, thứ ba quán cả tâm và cảnh. Lại, thứ nhất chỉ phá Tát-bà-đa, thứ hai chỉ phá kinh bộ tức là hai phá sau.

Trong phần vặn hỏi hiện lượng trái với tông lẽ ra nên nêu Tát-bà-đa, Chánh lượng bộ, Đại chúng bộ, lại lấy tâm hữu tình khác làm vặn hỏi. Trong giải thích lẽ ra cũng nên nêu lại.

Ánh sáng của đèn tỏa đến, trái với Đối Pháp quyển 2, phá rằng: Như ánh sáng của đèn, âm thanh chợt phát cũng vậy. Xét trong phần Sao, tỏa sáng là Tùy thuận lý môn để chóng phát nghĩa Đại thừa.

Các Dị sinh cầu Phật quả là định sau cõi Sắc dẫn sinh Vô lậu, kia hẳn sinh ở cung trời Đại tự tại phía trên trời Tịnh cư, vì đắc Bồ-đề. Trong đây hỏi: Du-già quyển 4 ghi: Trong bốn Tĩnh lự, Phàm thánh đồng ở trời, mỗi do ba phẩm nhuyễn, trung, thượng huân tu nên sinh. Trời Vô tưởng tức thuộc về Quảng quả, lại không có xứ riêng biệt. Lại có các Thánh trụ dừng chẳng cùng năm Tịnh cư địa, đó là Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến và Sắc cứu cánh. Do nhuyễn, trung, thượng, thượng thắng, thượng cực phẩm tạp huân tu Tĩnh lự thứ tư. Lại có vượt qua trụ xứ Đại tự tại, trời Tịnh cư. Bồ-tát Thập địa do cực huân tu nên được sinh trong đó. Nay quán nghĩa ý huân tu định v.v... mà chiêu sinh liền có bốn câu. Một câu chỉ có Hữu lậu huân, như Thức thứ tám nói xả phước mạng hành v.v... phần đoạn sinh tử và trong bốn Thiền mỗi cõi có ba xứ sinh. Luận chỉ nói huân tu, chẳng nói tạp tu, nên quyển 12 ghi: “Ngoài ra, thủ tạp tu sinh năm Tịnh cư, vì chẳng nói sinh cõi dưới”. Có cõi chỉ có Vô lậu tu, như tất cả biến dịch sinh tử. Có cõi có Hữu lậu, Vô lậu tạp tu, nghĩa là sinh năm Tịnh cư. Du-già quyển 12 ghi: “Như có một cõi đã được Hữu lậu và cùng Vô lậu bốn Tĩnh lự, thời gian lâu dài tương tục vào các Tĩnh lự. Hữu lậu, Vô lậu lại cùng xen tạp, cho đến Hữu lậu vô gián, Vô lậu hiện tiền, Vô lậu vô gián trở lại vào Hữu lậu, phải biết ngang bằng đây huân tu thành tựu.

Đây là ở định được tự tại, tức đắc quả Đẳng chí tự tại, tức hiện pháp lạc trụ chuyển càng sáng sạch, lại do đây nên được đạo Bất thoái đạo. Lại tịnh tu trị giải thoát thắng xứ v.v... thắng phẩm công đức, đạo của năng dẫn. Nếu có các thủ khác mà mạng chung là do nhân duyên

đây bèn vào Tịnh cư, vì chẳng nói sinh các Tĩnh lự dưới, tức y sở tu này trợ giúp chỗ trước tạo nghiệp ba cõi trời dưới, khiến nó chuyển thắng sinh năm Tịnh cư, chẳng phải nghiệp mới hiện tại khéo chiêu cảm Dị thục, vì bậc Thánh chẳng tạo nghiệp. Thứ tư đã nói cực huân tu Địa thứ mười nên Địa thứ mười sinh cõi kia, từ Địa thứ tám trở đi đã thọ biến dịch sinh, làm sao mười Địa lại huân tu sinh? Tức là Địa thứ tám đã sinh xứ ba đời dưới Định thứ tư. Nay cực độn Vô lậu thắng nghiệp vốn do ba Địa trước cảm nghiệp nay mà được sinh. Căn cứ thật chẳng phải lại mới sinh, do nghiệp đồng Địa ở đó thọ quả xứ sang gọi là sinh, đồng địa gọi là sinh, qua địa riêng biệt nên gọi đó là vãng, chẳng trái nhau. Câu thứ tư chẳng phải hai chỗ trợ giúp mà sinh, tức tất cả Dị sinh ở cõi Dục v.v... vì cõi Sắc v.v... nghiệp định tâm trụ cảnh, gọi là Bất động, chẳng phải chẳng khác xứ thọ, nên gọi là Bất động. Đã nói Bồ-tát Thập địa chủ của bốn Thiền, ở cung trời Tự tại khởi mười thứ quả tướng, hiện tòa sen báu lớn, nên cần được sinh cõi kia, chẳng phải Địa thứ tám đã được sinh, chỉ nói Địa thứ mười cực huân tu. Lại, Bồ-tát Địa thứ tám chẳng phải chủ cõi kia, cũng chẳng phải biến dịch có sinh tử, giả sử thừa nhận sinh tử, thì cái gì là nghiệp mới sinh?

Thức thứ bảy, chẳng nói vừa khởi thì cõi nào sinh sau, vì bất định. Nếu nói cõi Sắc không hồi tâm, mới đầu chỉ khởi cõi Dục, nếu nói cõi Sắc có hồi tâm, mới đầu khởi thông cả cõi Sắc, vì định chẳng tồn tại, mới đầu khởi pháp Không, nếu bình đẳng trí, mới đầu khởi tại thân cõi Sắc.

Chủng tử Vô lậu tại thức và năm trần Vô lậu ở bên trong tức chất biến hóa. Thức thứ tám đều chẳng duyên, nghĩa là nhân có năm căn Vô lậu, làm sở y của năm thức, Thức thứ tám chẳng duyên, đây có lỗi gì? Giải thích là: năm căn thật là Thức thứ tám hẳn duyên, giải thích là chẳng cần Thức thứ tám duyên. Chủng tử, sắc v.v... chẳng cần Thức thứ tám duyên mới thành thật dụng, nên ở trong nhân không có năm căn Vô lậu. Hỏi: Sắc v.v... có thể vậy, tại sao chủng tử Thức thứ tám chẳng duyên mà thành chủng tử thật? Như pháp tương ưng và Thức thứ sáu duyên đều chẳng phải chủng tử thật, tại sao chẳng cần Thức thứ tám duyên có dụng chủng tử thật? Nghĩa này nên tư duy.

Sở duyên duyên hẳn duyên hữu, trái với quyển 52, luận kia nói duyên không sinh tâm, lẽ ra kết hợp với luận kia nói.

Năm thức hẳn có sở duyên thưa xa là đây y quán nghiệp lực giới địa kia, nếu sức của Định và thần thông biến năm trần, chẳng phải hẳn có bản chất. Như sinh cõi trên duyên Địa sắc cõi dưới, hoặc thân tại

cõi dưới khởi Thiên nhãn, Thiên nhĩ duyên Địa sắc cõi trên v.v... Lại giải thích, tâm của Dị thục duyên cảnh nổi cạn, chẳng phải cần nhờ gá bản chất. Thức Thức thứ tám là tuy duyên thân tợ tha, nhưng chẳng gọi là bản chất. Năm thức trước v.v... có phân biệt nên hẳn nương tựa bản chất, lúc duyên Địa khác, tuy không có tự bản chất, có tha biến là làm bản chất. Nếu vậy, tức sáu Thức trước không lúc nào không có bản chất, vì hằng phân biệt, giải thích trước là thù thắng. Năm thức thô là hành tướng dễ biết, độn là hành tướng cạn chẳng tương tục, yếu kém là tha dẫn mới sinh, không có tự lực khởi.

Bản thức đồng đẳng là chỗ Thức thứ sáu biến, do đới chất thông tình bản, nay tùy bản mà giải thích.

Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn bị cõi Dục trói buộc?

Đáp: Bốn căn là nam nữ ưu khổ, mười lăm căn có ít phần, trừ ba Vô lậu và bốn căn trước.

Hỏi: Có bao nhiêu căn bị cõi Sắc trói buộc?

Đáp: Mười lăm căn có ít phần.

Hỏi: Có bao nhiêu căn bị cõi Vô sắc trói buộc?

Đáp: Tám căn có ít phần, ý xả mạng, tín v.v... năm thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu căn chẳng bị trói buộc?

Đáp: Ba Vô lậu, chín căn có ít phần.

Hỏi: Có bao nhiêu căn bị cõi Dục trói buộc, cõi Dục làm nghĩa?

Đáp: Có bốn căn bị Dục và cõi Sắc trói buộc, cõi Dục trói buộc làm nghĩa. Có ba căn bị Dục và cõi Sắc trói buộc, dùng hai cõi làm nghĩa. Có hai căn bị Dục và cõi Sắc trói buộc và chẳng trói buộc, tất cả trói buộc và chẳng trói buộc làm nghĩa. Có bảy căn do ba cõi trói buộc và chẳng trói buộc, tất cả trói buộc và chẳng trói buộc làm nghĩa. Một căn do cõi Sắc trói buộc và chẳng trói buộc, tất cả làm nghĩa, hai căn chẳng trói buộc tất cả làm nghĩa.

Hỏi: Năm sắc căn có nghĩa là gì?

Đáp: Sắc v.v... năm thứ mỗi mỗi cảnh riêng.

Hỏi: Căn thứ sáu nghĩa là gì?

Đáp: Tất cả pháp giới.

Hỏi: Nam nữ căn nghĩa là gì?

Đáp: Nhân dục tương ưng tức khổ xúc nhiếp.

Hỏi: Năm thọ căn nghĩa là gì?

Đáp: Tùy thuận khổ lạc ưu hỷ xả thọ tức nghĩa sáu căn.

Hỏi: Tín căn nghĩa là gì?

Đáp: Lẽ ra được nên xả chỗ có cảnh giới. Tinh tấn căn tức ở đắc,

xả cùng chung không chỗ kiêng sợ, niệm căn ở văn, tư, tu, nhớ giữ chẳng quên.

Hỏi: Định căn nghĩa gì?

Đáp: Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Tuệ căn nghĩa là gì? Chỗ biết chân thật.

Hỏi: Chưa biết Đương tri căn nghĩa là gì?

Đáp: Tu hiện quán là từ thiện pháp dục trở đi ở trong tất cả đạo phương tiện, tức nghĩa năm căn kia, tức là nghĩa căn đây. Đã biết căn từ quả Dự lưu cho đến Kim cương dụ định, tức là nghĩa năm căn kia và căn đây. Đủ biết căn từ khởi đầu Vô học đạo, cho đến nghĩa năm căn vào Vô dư Niết-bàn là nghĩa căn này. Theo quyển 69 và Đối Pháp quyển 9, 10, 13 đều nói rõ tu, nên rộng phân biệt. Địa trở về trước, đắc, hành cả hai tu Hữu lậu, chỉ đắc tu Vô lậu. Nếu tại Kiến đạo, đắc và hành cả hai tu Vô lậu, đắc tu Hữu lậu. Địa thứ bảy trở về trước, cả hai tu thông Hữu lậu Vô lậu. Địa thứ tám trở về sau, hai tu chung cùng Vô lậu, đắc tu Hữu lậu vì thọ làm mười vương vị. Nếu thế gian trí, xuất thế gian trí đã biện rõ tu và tu cõi trên cõi dưới, tập quen, chưa tập quen v.v... vị nào khởi chẳng khởi, tất cả đều như lý nên tư duy.

Trong ba Vô sắc không có bốn thiện căn. Chỗ Vô lậu Kiến đạo nói có là nên biết tu là Hữu lậu từng được. Đối Pháp đã biết căn, hoặc mười hoặc chín căn, ưu căn ở trong, tức thông Hữu lậu. Hữu lậu tín v.v... trong Tu đạo vị cũng là đã biết căn. Trong đây tuy trừ ưu căn, tại sao chẳng lấy Hữu lậu tín? Nếu nói vì không ưu Hữu lậu đều trừ tức chưa biết căn đã trừ ưu căn, cũng nên chẳng chọn lấy các Hữu lậu khác. Hữu lậu kia đã đều chọn lấy, đây cũng nên như vậy, mới đầu căn vui thích tâm ưu căn sâu cũng vậy. Căn Hữu lậu này yếu kém so với Vô lậu. Vô lậu đó là căn, cứ thật mà nói, Hữu lậu cũng vậy, trừ yếu kém chọn lấy ưu thắng, chỉ nói Vô lậu là căn đã biết, căn biết đủ đó nếu thành Vô học tức chung cả Hữu lậu làm căn tăng thượng, chẳng lấy Hữu lậu. Hữu lậu đó gọi là tín v.v... chẳng gọi là căn biết đủ. Căn đã biết đó lẽ ra cũng nên chuẩn cứ văn đây gọi là Vô lậu, nên Hữu lậu đó cũng trong chỗ trừ một nghĩa tăng thượng là nghĩa văn. Tại sao nghĩa tăng thượng lập căn? Vì hiển nghĩa tối thắng đối với sự kia và pháp kia, chẳng phải pháp một căn đối với tất cả pháp có nghĩa tăng thượng. Ý hiển đối với pháp sai biệt có nghĩa tối thắng, nên lập làm căn.

Hai phế lập, quyển 57, 58 giải thích phế lập chọn lấy cảnh. Thứ sáu là tiếp tục gia tộc, thứ hai là hoạt mạng, thứ nhất là thọ nghiệp quả, thứ năm là thế gian, thứ năm là xuất thế tịnh, thứ ba là y lượng đây lập

căn, năng thọ cảnh ẩn hiển, thứ tám là thời gian biên tế thọ dụng, thứ nhất là thọ cảnh phát tạp nhiễm, thứ năm là lập căn sau thanh tịnh, tâm sở y, biệt đây, trụ đây, tạp nhiễm đây, tư lương đây, tịnh đây do lượng đây lập căn.

Ba giả thật là mười sáu thật, sáu chẳng phải thật, nghĩa là nam, nữ, mạng ba Vô lậu, phần ít thân căn nam nữ, mạng căn tức ý chủng tử nên là giả có. Ba Vô lậu chín căn phần nên thành sáu giả. Bốn tâm tâm sở sắc chẳng tương ưng Vô vi phân biệt là bảy sắc gồm sắc nhãn v.v... có năm, và nam nữ, một tâm đó là ý. Ba phần ít, ba Vô lậu phần ít, mười toàn tâm sở đó là năm thọ, tín v.v... năm và ba Vô lậu căn phần ít. Một chẳng tương ưng đó là mạng căn. Tất cả Hữu vi Vô vi chẳng phải căn, năm căn có bao nhiêu thiện? Tám căn chỉ có thiện, đó là tín v.v... gồm năm, ba Vô lậu. Tám căn chỉ có Vô ký, đó là bảy sắc và mạng căn. Một căn thông thiện và bất thiện, đó là ưu căn. Năm căn thông ba tánh, đó là bốn thọ và ý. Sáu căn có bao nhiêu căn cõi Dục trói buộc? Bốn căn chỉ có dục, đó là nam, nữ, ưu, khổ. Mười lăm căn có phần ít, đó là năm sắc căn, ý, mạng, ba thọ, tín v.v... gồm năm, trừ ba Vô lậu căn, tức mười lăm căn phần ít trước cõi Sắc trói buộc, tám căn phần ít cõi Vô sắc trói buộc, đó là tín v.v... gồm năm, ý, mạng, xả, ba Vô lậu căn, chín căn có phần ít tức chẳng trói buộc. Bảy căn chưa đến, bao nhiêu căn có thể được?

Đáp: Có mười một gồm ý, hỷ, xả, tín v.v... gồm năm, ba Vô lậu, Sơ tĩnh lự, mười tám căn có thể được trừ ưu, khổ, nam, nữ. Định thứ hai cũng vậy. Định thứ ba gồm mười bảy căn, trừ hỷ căn. Định thứ tư gồm mười sáu căn, trừ lạc. Ba Vô sắc trước gồm mười một căn, đó là mạng, ý, xả, tín v.v... gồm năm, ba Vô lậu. Phi tưởng gồm tám căn trừ ba căn Vô lậu.

QUYỂN 8

(Thấy, nghe, hiểu, biết, như Đối Pháp sao quyển 1 giải thích).

Tuy bên trong hai nhân có chẳng phải năng sinh chủng thắng hiển là, hai nhân này gọi là Khiên dẫn và Sinh khởi, vì nhuận và chưa nhuận riêng biệt đắc quả hiển, vì tương tục không đoạn. Nghĩa của mười hai nhân như Biệt chương giải thích. Quyển 66 nói rõ có nhân pháp là các nghiệp, phiền não đã tạo tác trước đây ở trong ba cõi là quả Dị thục thù thắng. Quả Dị thục này do nghiệp, phiền não dẫn phát nhân nên gọi là có nhân pháp. Đây chẳng phải dẫn phát nhân thứ sáu trong mười nhân. Dẫn phát nhân, luận chẳng nói đắc quả Dị thục. Đây là mong dị biệt nhân v.v... trong định, tùy chỗ đó ứng. Dị thục nhân là đối với mãn biệt quả giả lập tên dẫn phát nhân, vì xa cùng dẫn phát, đối với mãn quả mãn nhân mà nói.

Sáu loại trái nhau, quyển 38 ghi:

1. Ngữ ngôn trái nhau.
2. Đạo lý trái nhau.
3. Sinh khởi trái nhau.
4. Đồng xứ trái nhau.
5. Oán địch trái nhau.
6. Chướng trị trái nhau.

Năm quả, như Biệt Chương giải thích. Quyển 38 ghi: “Vô ký nhiếp Sĩ dụng, tức ruộng, nước v.v...” nên biết phá riêng cũng gọi là Sĩ dụng. Nếu chẳng như vậy, Vô ký lẽ ra không có nhân này. Sáu thứ ý xứ đều nói Vô ký, đã biết tác dụng, Sĩ dụng y xứ tức ruộng nước v.v... rõ biết quả Sĩ dụng chẳng chỉ giả có được.

Vô gián diệt và cảnh giới, trong sớ nói hoặc ba hoặc bốn y xứ, tại sao trong hai chân kiến và tùy thuận không có Vô gián diệt? Đáp: Đủ nhiếp thọ sáu biện Vô lậu pháp. Nếu vậy, có hai Đẳng vô gián, chân kiến thủ Vô lậu trước dẫn sinh sau nên chẳng dẫn Đẳng vô gián diệt, tùy thuận phần sau dẫn phần giữa.

Nếu quả Dị thục khiên dẫn sinh khởi định dị, đồng dị, chẳng Tương vi nhân được là ở đây nói tạp nhiễm mười nhân được quả Dị thục. Nếu mười nhân pháp Vô ký, theo quyển 38 thì không được quả này. Nó kia cũng Vô ký là Tùy thuyết nhân, Quán đãi nhân, đồng sự, Bất tương vi nhân, và dùng Vô ký làm Tương vi nhân. Trong mười nhân thanh tịnh đó, hai nhân đắc quả Dị thục, đó là Nhiếp thọ nhân và Tương vi nhân. Thanh tịnh nhiếp thọ nhân nghĩa là thân gồm bậc thiện, lắng

nghe chánh pháp, như lý tác ý pháp tùy pháp hạnh, và chỗ trước làm các căn thành tựu, gọi là Nhiếp thọ nhân, tức hiển đây cùng pháp xuất thế làm Nhiếp thọ nhân, nên đắc quả Dị thục. Tương vi nhân là nếu thanh tịnh phẩm Tương vi nhân, tức là tạp nhiễm pháp nhân nên đắc quả Dị thục. Do đồng sự và tương vi đây cũng đắc Dị thục, tức Nhiếp thọ nhân. Trong luận căn cứ Tạp nhiễm nhân nên không có lỗi. Hoặc đây đều chẳng phải, vì thanh tịnh pháp nhân dùng thanh tịnh pháp làm quả, không có quả Dị thục.

Ba thứ Đẳng lưu quả thì mười nhân đều được. Sĩ dụng quả chẳng nói sinh khởi nhân v.v... đắc như quyển 2 trước ghi: "Năng huân sinh chủng tử, chủng tử khởi hiện hành, như Câu hữu nhân đắc quả Sĩ dụng". Cuối quyển 7 ghi: "Đây sinh quả Sĩ dụng, gọi là Nhất thiết chủng". Tại sao chẳng nói nhân duyên đắc quả Sĩ dụng? Có hai giải thích:

1. Như Tiểu thừa, chẳng phải nghĩa Đại thừa thừa nhận.

2. Như văn kia cũng đắc, trong đây căn cứ thể riêng của quả Sĩ dụng, chẳng phải tạp thể nên chẳng trái nhau.

Quả Ly hệ chỉ nhân Thanh tịnh đắc, chẳng phải hai nhân khác. Pháp Tạp nhiễm, nhân Tương vi tại sao chẳng đắc quả Ly hệ? Quyển 38 ghi: "Nghĩa là chủng tánh xuất thế gian đầy đủ, gặp Phật ra đời, giảng nói chánh pháp, thân gần bậc thiện, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý pháp tùy pháp hành, và cùng tất cả pháp Bồ-đề phần là pháp Tạp nhiễm, nhân Tương vi". Do đây, chẳng nói đắc quả Ly hệ. Nhưng luận kia giải thích nhân Thanh tịnh pháp là nếu Tạp nhiễm phẩm các nhân Tương vi, phải biết tức là nhân Thanh tịnh pháp. Nên biết Tạp nhiễm, nhân Tương vi cũng đắc quả Ly hệ. Trong đây chỉ nói nhân Thanh tịnh thuận, nên lược chẳng nói. Lại cùng tạp nhiễm làm nhân Tương vi, pháp tạp nhiễm chẳng phải quả Ly hệ nên chẳng đắc.

Nhiếp luận quyển 4 ghi: "Đây lại thế nào? Nghĩa là thân, thân giả, thọ giả, thức, sở thọ thức kia, năng thọ thức kia, thế thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức". Đây do danh ngôn huân tập chủng tử, nếu tự tha sai biệt thức. Đây do ngã kiến huân tập chủng tử, nếu thiện thú ác thú sinh tử thức. Đây do chi hữu huân tập chủng tử. Do đây, các thức do tất cả giới thú tạp nhiễm nhiếp, y tha khởi cùng hư vọng phân biệt đều được hiển hiện.

Trong ba huân tập, dùng tám môn biện rõ:

1. Nêu thể.

2. Giải thích tên gọi.

3. Phế lập, nên tư duy.

4. Ba cõi, cõi Vô sắc định quả sắc, thanh có cũng không lỗi.
5. Ba tánh.
6. Tám thức.
7. Hữu lậu Vô lậu.
8. Vị thứ.

Tại sao quyển 2 nói năng biến chỉ có Đẳng lưu và Dị thục, chẳng nói ngã chấp, trong đây nói ư?

Mười hai chi phế lập, như luận Biện Trung Biên quyển 1 ghi: "Phú chướng và an lập, dẫn dắt, nhiếp, viên mãn, ba phân biệt, thọ dụng, dẫn khởi đều buộc liền vì đây là khổ và quả hiện tiền. Chỉ đây não thế gian; ba, hai, bảy tạp nhiễm, do hư vọng phân biệt.

Luận nói chi thức đã là sở dẫn, tức hiển nghiệp chủng thuộc về nghiệp năng dẫn, như thức tức nghiệp là năng dẫn, thức chủng gọi là sắc thâu, cùng ba chủng, hai chủng duyên sinh nhiếp nhau.

Hỏi: Do đâu phát nghiệp cần phải hiện vô minh, nhuận trong nghiệp vị cũng thông duy chủng?

Đáp: Hai lý đều ngang bằng. Phước dị sinh, bất động trong Bất phóng dật chỉ có chủng phát. Kinh nói chẳng phải vô minh phát, nếu chủng cũng chẳng phát, đâu thể được gọi là chẳng phải minh làm duyên, chẳng phải trái với chi hữu, có khác gì với Kiến đế? Do đây nên biết, duy chủng cũng phát.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao sinh cõi trên, chi hành ban đầu chẳng duy chủng phát? Có hiện vô minh làm nhân thù thắng khởi mê nghĩa chân thật vì ngu hiện thấy có, chẳng đồng Bất phóng dật dị sinh.

Quyển 89 ghi: "Năng thủ, sở thủ, sở làm thủ gọi là chi thủ". cõi Dục sinh ác thú cực trọng, thấy tướng ác rồi chẳng sinh mong cầu nghiệp cõi Dục nhẹ dẫn và hai giới trên. Sinh tử ác thú là chẳng thấy tướng ác, thấy tướng vãng sinh đồng loại, liền ngay đời này mong cầu căn ái, duyên khởi chẳng y nghĩa trước nên nói không nói cầu, gồm ái kiến trong chi hữu. Nếu chẳng như vậy, cõi trên chẳng sinh ác thú, nên không có ái, thủ. Hiện tại và vị lai đều chẳng có ái. Trong đây, chi giả quấy tha làm tự gọi là giả, chẳng quấy tha làm tư gọi là chẳng phải giả, chẳng nói trong chi tự không có thể dụng gọi là giả. Trong hành có giả gọi là tư v.v... sắc.

Thức chỉ nói một sự, trái với Du-già quyển 9, nó chọn lấy sáu thức, nên quyển 93 ghi: "Nó nương tất cả tương tục làm luận, chẳng phải thể chi thật, vì đây nói là thật".

Pháp nên đoạn, quyển 59 ghi: "Từ tương ưng kia và sở duyên nên

phiền não có thể đoạn". Tại sao như vậy? Đối trị đạo sinh phiền não, chẳng khởi được pháp vô sinh, cho nên nói đoạn tương ưng kia, tương ưng đoạn rồi chẳng duyên lại cảnh, nên từ sở duyên cũng gọi là đoạn. Nhưng quyển 65 ghi: "Do năm tướng nên kiến lập Hữu lậu: một là do sự, hai là vì Tùy miên, ba là vì Tương ưng, bốn là vì Sở duyên, năm là vì Sinh khởi.

Thế nào là pháp sự Hữu lậu? Nghĩa là sắc bên trong thanh tịnh, và sắc bên ngoài cùng y, chẳng cùng y kia, hoặc các tâm tâm sở nhiễm ô, hoặc thiện, hoặc tâm tâm sở Vô ký v.v... pháp Hữu lậu này tùy chỗ ứng đó do bốn tướng khác gọi là Hữu lậu, nghĩa là vì Tùy miên v.v... Nếu ở các sắc thanh tịnh và ở như chỗ trước nói trong tất cả tâm tâm sở, chủng tử phiền não chưa hại chưa đoạn gọi là Tùy miên, cũng gọi là thô trọng. Nếu nó cho đến chưa được đoạn không còn thừa, nên biết tất cả do Tùy miên, nên gọi là Hữu lậu. Trong đây ý nói đối với sắc thanh tịnh nếu nhiễm thiện tâm tâm sở Vô ký v.v... do tất cả phiền não có chủng tử chưa hại chưa đoạn, gọi là Tùy miên, cũng gọi là thô trọng, nên do Tùy miên gọi là Hữu lậu. Đối với tâm sở này, nếu có tâm và tâm sở nhiễm ô, do tương ưng nên gọi là Hữu lậu, cùng nó đồng thời. Nếu các hữu sự, như chỗ hiện lượng hiện hành, như chỗ Hữu lậu sinh, chỗ tăng thượng khởi, chỗ tất cả Hữu lậu duyên như vậy, nên gọi là Hữu lậu. Trong đây, hiện tại gọi là hữu sự, quá khứ và vị lai gọi là chẳng phải hữu sự, tức trong hiện tại. Nếu nương sắc thanh tịnh, chỗ năm thức hành gọi là chỗ hiện lượng hành. Ý đây tức năm thức và chỗ chung cùng ý duyên năm trần gọi là chỗ hiện lượng hành. Nếu các chỗ hành khác, gọi là chẳng phải chỗ hiện lượng hành. Nếu các trần bên trong tăng thượng sinh khởi tất cả xứ bên ngoài thì gọi là chỗ Hữu lậu sinh chỗ tăng thượng khởi, tức biến xứ bên ngoài của Thức thứ tám v.v... Hoặc tuy chỗ hiện lượng hành, chẳng phải chỗ duyên nên thành Hữu lậu, gọi là cảnh giới tất cả định tâm v.v... Cho nên lớp thứ ba nói chỗ Hữu lậu sinh, chỗ tăng thượng khởi, chỉ ở Thức thứ năm, thứ sáu, thứ tám duyên năm trần. Chỉ những gì mà nó duyên phải biết là Hữu lậu. tại sao như vậy? Nếu duyên quá khứ và vị lai khởi các phiền não, quá khứ và vị lai chẳng phải là hữu sự, nên chẳng do chỗ duyên gọi là Hữu lậu. Nếu sự hiện tại chẳng phải chỗ hiện tại hành như sắc thanh tịnh và tất cả nhiễm ô, thiện, tâm tâm sở Vô ký, nó cũng chẳng phải phiền não sở duyên nên gọi là là Hữu lậu, chỉ do chỗ tự phân biệt khởi tướng mà khởi các phiền não, chẳng phải các pháp kia vì đây phân rõ cảnh sở hành. Theo đây chỉ có năm cảnh, hai trần căn bản, ảnh ở hiện tại gọi là chỗ duyên Hữu lậu, ngoài

ra tất cả đều chẳng phải. Do sinh khởi nên thành Hữu lậu nghĩa là các Tùy miên chưa vĩnh viễn đoạn, vì thuận cảnh phiền não hiện tại trước. Đối với hiện khởi kia chẳng như lý tác ý. Do nhân duyên này, tất cả hữu pháp đang sinh, đã sinh hoặc sẽ sinh, tất cả như vậy, do sinh khởi nên gọi là Hữu lậu. Lại từ tất cả bất thiện phiền não, các quả Dị thục và quả Dị thục tăng thượng dẫn sự bên ngoài sinh khởi, tất cả như thế cũng sinh khởi, nên gọi là Hữu lậu, cho đến nói rộng tướng của sinh khởi Hữu lậu. Đang sinh là lậu chung cùng, sẽ sinh là dẫn khởi, đã sinh là gián sinh, và tương ưng, sở duyên hợp có năm so sánh. Đây nói Hữu lậu tuy năm tướng sai khác, nhưng luận về đoạn môn, chánh đối trị đoạn chẳng vượt qua hai thứ. Hai thứ thân gần và thưa xa đều là sở duyên trói buộc, nên luận nói đoạn chẳng vượt qua hai thứ. Nay nói nghĩa riêng biệt thân gần và thưa xa có khác, nên có khác của chỗ hiện lượng hành v.v... Nếu chẳng như vậy thì Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám nên chẳng gọi là tàng, năng duyên đoạn nên gọi là sở duyên đoạn, do đó chỉ nên nói như trong đây. Lại giải thích hai đoạn kia là Tùy chuyển lý môn, nay căn cứ thật nghĩa nên nói Hữu lậu có năm tướng đó. Nhưng các Hữu lậu, lược làm năm so sánh:

Thứ nhất, năm trần ngoài trời người chỉ do một sở duyên trói buộc gọi là Hữu lậu, chẳng ở bên trong nên chẳng phải lậu chung cùng.

Thứ hai, năm căn nội trần trong nẻo thiện do hai thành Hữu lậu, đó là sở duyên và lậu chung cùng, vì ở bên trong, trần bên ngoài nghiệp bất thiện của nó cũng hai: một là sở duyên; hai là lậu dẫn.

Thứ ba trừ quả ác thú, ngoài ra Vô phú, Vô ký tâm tâm sở do ba duyên:

1. Sở duyên, như Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám v.v...

2. Lậu chung cùng.

3. Gián sinh, năm căn bốn trần bên trong ác thú cũng do ba duyên, đó là sở duyên, lậu đồng thời và lậu dẫn.

Thứ tư, thiện tâm tâm sở do bốn duyên, đó là sở duyên, lậu đồng thời, gián sinh và lậu dẫn. Quả ác thú Vô phú Vô ký tâm tâm sở đó cũng có bốn, do chỗ dẫn của Hữu lậu bất thiện.

Thứ năm, tất cả tâm tâm sở nhiễm ô do năm duyên, đó là sở duyên, lậu đồng thời, gián sinh, lậu dẫn và tương ưng.

Tương ưng, sở duyên hai trói buộc của Đại thừa khác với Tiểu thừa. Thể của lậu là phiền não và tùy. Tám thức, biến hành, biệt cảnh, bất định tánh là Vô ký, cùng mười một thiện tương ưng gọi là thiện. Tâm, tâm sở đó cùng phiền não và tùy phiền não chung cùng gọi là tâm

tâm sở nhiễm. Phiền não đó và tùy là tự tánh đoạn pháp, tương ưng với đồng thời gọi là đoạn, tức tất cả tâm tâm sở nhiễm đều tương ưng đoạn. Ngoài ra, pháp chẳng nhiễm là sở duyên đoạn. Sở duyên thưa xa thông tất cả hữu. Trong văn luận nói tự tánh đoạn, tức tâm tâm sở nhiễm. Lìa duyên phiền não là tức hai sở duyên thân gần và thưa xa. Tạp phiền não của nó là Câu sinh tạp, Dẫn sinh tạp, và Gián sinh tạp. Do đây nên phân biệt, Thức thứ tám năng duyên nẻo thiện có hai nghĩa: một là Sở duyên, hai là Lậu chung cùng.

Nẻo ác có ba, thêm lậu dẫn. Tướng phần hiện hành của Thức thứ tám, tùy nẻo thiện nẻo ác cũng vậy, nhưng Tướng phần các chủng tử, tùy các hiện hành phân biệt đủ nghĩa, trần bên ngoài chẳng phải vậy. Kiến phần của Thức thứ bảy có năm duyên:

1. Tương ưng.
2. Sở duyên.
3. Dẫn khởi.
4. Gián sinh.
5. Lậu chung cùng, là nhiễm ô.

Tướng phần thông hai tánh tình và bản, chỉ có sở duyên, lậu chung cùng cũng được lậu dẫn, vì ảnh tượng tại tâm, nhiễm là kiến dẫn. Kiến phần của Thức thứ sáu thông ba tánh, như trước nói ba tánh tâm tâm sở. Hai tâm oai nghi và công xảo trong Vô ký do ba thứ đó là Gián sinh, Câu sinh và Sở duyên. Trong đây, sở duyên do duyên chủng tử, hiện hành cũng gọi là sở duyên. Quá khứ và vị lai không có thể, hiện tại hẳn không có tâm nhiễm duyên nó, ngoài ra đều chuẩn cứ như đây. Tâm Dị thục do bốn thứ, là ba thứ này thêm Lậu dẫn. Nó thông quả Vô ký tâm tâm sở do hai duyên: một là Sở duyên, hai là Lậu chung cùng.

Thiện tâm, tâm sở do bốn thứ đó là Lậu chung cùng, Gián sinh, Sở dẫn và Sở duyên. Nhiễm ô do năm thứ. Trong Tướng phần, tất cả Dị giới duyên, Vô lậu duyên, Vô bản chất duyên đều gọi là Độc ảnh, chuẩn cứ năng duyên nói chỉ trừ tương ưng. Nẻo thiện có bản chất riêng duyên năm căn và năm trần bên trong do hai duyên, đó là Sở duyên và Lậu chung cùng. Quả bên ngoài nẻo ác cũng có hai, đó là Sở duyên và Lậu dẫn. Căn trần bên trong nẻo ác do hai thứ là Sở duyên và Lậu dẫn đều đồng căn môn trước. Kiến phần năm thức cũng thông ba tánh, đều đồng Thức thứ sáu. Tướng phần bên ngoài nẻo thiện chỉ sở duyên, bên trong thông cả lậu chung cùng, nẻo ác thêm Lậu dẫn. Tuy có Hữu lậu nhưng chẳng đồng như vậy, chỉ vì hai trói buộc tương ưng và sở duyên, tăng thượng đoạn tùy hai thứ, chẳng y đoạn lậu chung cùng v.v... gọi là

đoạn, như phân biệt trong Chứng thứ sáu của Thức thứ bảy.

Trong ba khổ, nếu theo tướng sinh khổ thì một và hai chỉ có dục, một khổ sau thông cả ba. Nếu căn cứ tánh thì Khổ khổ chỉ là dục vì có duyên bức bách. Hoại khổ thông cõi Sắc, vì có lạc thọ. Như trong kinh nói vào biến hoại tâm, một loại sau, thức v.v... sáu chi trong ba thọ đã là chủng tử, làm sao tương ưng? Giải thích có hai nghĩa:

1. Y vị Đương sinh mà nói.

2. Y nghĩa tùy thuận câu hữu cũng không trái, nên chủng tử gọi là Câu, vì câu là tên khác của tương ưng. Nếu vậy, y chi hữu không có Đương sinh, làm sao tương ưng? Thức v.v... năm thứ sẽ có hiện hành chủng tử gọi là tương ưng. Chi hữu oai lực từng ở trong chi hành v.v... có tương ưng. Chủng cũng gọi là tương ưng, hoặc từ vị Đương sinh của Thức v.v... mà nói.

Quyết trạch phần nói khổ v.v... thể của bốn Đế, như sớ giải thích.

Trong Nhiếp sự phần nói trong mười hai phần nghịch quán, chi sinh và thức v.v... cả năm đều là Lão tử tập, tức thể của Khổ và Tập đồng. Tập có hai thứ:

1. Chiêu cảm Dị thục gọi là Tập, tức Quyết trạch nói chỉ có nghiệp và phiền não.

2. Năng sinh khổ quả gọi là Tập, là chi sinh v.v... trong phẩm Nhiếp sự.

Hai luận tuy khác nhưng chẳng trái nhau.

Hai thứ sinh tử, dùng tám môn phân biệt:

1. Nêu thể.
2. Giải thích tên gọi.
3. Biện rõ tướng chiêu cảm sinh tử sai biệt.
4. Giải thích vị thứ.
5. Giải thích đắc xứ.
6. Bốn thứ sinh tử tương nhiếp.
7. Tổng hợp ba thứ sinh tử chẳng đồng.
8. Hỏi đáp phân biệt.

Thể và tên gọi, hỏi đáp như ba môn trong luận giải thích. Đắc xứ, như quyển 7 trước nói trong Thức thứ tám sinh Vô lậu, nhưng nên cân nhắc chọn lựa các quả chẳng đồng. Vị thứ Dự lưu v.v... Sơ địa tức đắc, như Du-già, Quyết trạch, Thanh văn địa và luận Phật Địa giải thích. Ba thứ sinh tử đó chẳng đồng, như trong sớ nêu dẫn kinh Lăng-già. Nhưng, vả lại kinh Thắng Man và luận đây nói ba thứ thân y ba Thừa quyết

định, kinh Lăng-già nói chỉ y Đại thừa đốn ngộ, khiếp sợ phiền não mà nói, hoặc nói chung cho bất định tánh sai biệt thắng vị, Địa tiền một kiếp cùng bản không riêng biệt, do đó chẳng nói.

Biện về tướng chiêu cảm sinh tử sai biệt, phần đoạn có hai: một là Tán, hai là Định. Trong tán có hai:

1. Như mười hai nhân duyên sinh, chỉ cõi Dục toàn vẹn. Cõi trên chỉ có ít phần, y sinh đắc thiện, đắc báo riêng biệt.

2. Y văn tư thù thắng sinh được thiện tâm, chuyển dài phước thọ, chỗ vốn tạp khởi chỉ tại cõi Dục, tâm nhanh mạnh.

Trong định có ba:

1. Hữu lậu định nguyện chuyển phước thọ hành, chỉ cõi Dục có.

2. Sinh bốn Tĩnh lự, dưới trời Quảng quả và bốn Vô sắc, chỉ nghiệp Hữu lậu huân ba phẩm thiền sinh.

3. Sinh năm Tịnh cư.

Hữu lậu Vô lậu tạp biến dịch chỉ hai:

1. Hữu lậu tán hạnh nguyện v.v... đều vô lậu, hợp với tư lương cho nên thành nghiệp. Nghĩa là từ Địa thứ bảy trở về trước, tất cả Nhị thừa đều đã hiện hành vô minh v.v... làm tư lương của duyên.

2. Từ Địa thứ tám trở lên chỉ có tư của Vô lậu định, hiện hành trí chướng v.v... đều đã không có.

Nhiếp bốn sinh tử, kinh Vô Thượng Y ghi: “A-nan! Tất cả A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát Thập Địa, vì bốn thứ chướng nên chứng đắc Pháp thân Như Lai; bốn đức Ba-la-mật. Bốn thứ ấy là gì? Một là sinh duyên, hai là sinh thân, ba là hữu hữu, bốn là vô hữu. Thế nào là sinh duyên hoặc? Tức là vô minh trụ địa hay sinh tất cả hành, như vô minh sinh nghiệp. Thế nào là sinh nhân hoặc? Là chỗ vô minh trụ địa sinh các hành, thí như vô minh sinh ra các nghiệp. Thế nào là hữu hữu? Duyên vô minh trụ địa, nhân vô minh trụ địa khởi nên Vô lậu hành, ba thứ ý sinh thân sinh, thí như bốn thủ làm duyên, ba nghiệp Hữu lậu làm nhân, khởi ba thứ hữu. Thế nào là vô hữu? Duyên ba thứ ý sinh thân, chẳng thể hay biết vi tế đọa diệt. Thí như duyên sinh trong ba hữu, niệm niệm già chết”. Văn sau lại nói: “A-nan!Trong ba cõi có bốn thứ nạn: một là nạn phiền não hai là nạn nghiệp, ba là nạn sinh báo, bốn là nạn lỗi lầm. Vô minh trụ địa khởi ra phương tiện sinh tử, như nạn phiền não bên trong ba cõi. Vô minh trụ địa khởi nên nhân duyên sinh tử, như nạn nghiệp bên trong ba cõi. Vô minh trụ địa khởi nên hữu hữu sinh tử, như nạn sinh căn bên trong ba cõi. Vô minh trụ địa khởi nên vô hữu sinh tử, như nạn lỗi lầm bên trong ba cõi”. Hữu hữu là có ba cõi, có Dị thục thể.

Vô hữu là không có khổ khổ v.v... chỉ có tướng hành khổ. Vì Vô lậu tư sinh tử cũng gọi là nạn.

Hỏi đáp phân biệt, đã được biến đổi qua ba đại kiếp cũng có biến đổi được trăm kiếp Lân Giác chăng? Đáp: Chẳng được, vì không lấy sở tri chướng làm duyên. Nếu chỗ lưu thân Hữu lậu, chỗ định nguyện trợ giúp là thuộc về thân phần đoạn. Giả sử thừa nhận chỗ Vô lậu định nguyện trợ giúp cảm phần đoạn đó, có lỗi lầm gì mà chẳng thừa nhận? Vì cực thắng nên chẳng phải thuộc phần đoạn. Chẳng phải biến dịch là chẳng được Vô lậu giúp thân trụ lâu, vì thế lực kém.

Đối Pháp quyển 14 nói mười phân biệt, đó là: Vô tánh phân biệt, Hữu tánh phân biệt, Tăng ích phân biệt, Tổn giảm phân biệt, Một tánh phân biệt, Dị tánh phân biệt, Tự tánh phân biệt, Sai biệt phân biệt, Tùy danh nghĩa phân biệt, Tùy nghĩa danh phân biệt. Rộng như luận kia kết hợp giải thích văn kinh Bát-nhã.

Đoạn trước và sau trong Chứng ba tánh khác với ba đoạn văn nói về các xứ, như trong chương Duy thức giải thích. Tại sao lý hai Không có cạn sâu? Ngộ sinh chưa hẳn ngộ pháp. Hai tánh cạn sâu, lúc chẳng ngộ sâu hẳn chẳng ngộ cạn, cần phải đạt lý mới đạt sự ư? Đáp: Hai lý chướng riêng biệt, đoạn sinh chấp chẳng ngộ pháp Không. Hai tánh không chướng riêng biệt, lúc chẳng ngộ gốc chẳng thể ngộ việc ngọn. Chưa có trước ngộ sự mà sau ngộ tánh Không. Ngộ lý chân mới rõ sự tục, tư duy đó có thể biết.

Ba môn giải thoát không đồng với nhiếp hành của các luận, lẽ ra nên giải thích như Biệt sao.

Vô tánh vô thường, Đối Pháp v.v... nói Khổ đế vô thường hành đều có hành này. Mới đầu trừ sở chấp, kế tiếp quán y tha, cũng có thể tánh, Đế chung cùng thật. Pháp sở biến kế, chỉ nói y tha, là chỉ Luận sư Hộ Pháp, hay cũng chỉ An Tuệ? Văn hai sư đây, Luận sư Hộ Pháp thân lấy Tướng phần, Luận sư An Tuệ thì bản chất đều được. Hai giải thích đều được, hãy xem văn đó.

Nhiếp Đại thừa ghi: “Bồ-tát như vậy ngộ nhập ý ngôn tợ nghĩa tướng, nên ngộ nhập Biến kế sở chấp. Ngộ nhập Duy thức nên ngộ nhập tánh Y tha khởi. Nếu đã diệt trừ ý ngôn nghe pháp huân tập chủng loại tướng của Duy thức, cho đến khi ấy Bồ-tát bình đẳng, bình đẳng trí không phân biệt đã được sinh khởi, ngộ nhập tánh Viên thành thật”. Lại nói: Danh, sự hỗ tương làm khách, tánh đó lẽ ra tầm tư, đối với hai tánh cũng phải suy tầm chỉ là lượng và chỉ là giả. Thật trí quán không có nghĩa, chỉ có phân biệt thành ba, kia không nên đây không, tức là nhập

ba tánh. Nửa bài tụng đầu ngộ nhập Biến kế sở chấp, nửa bài tụng kế ngộ nhập tánh Y tha khởi, một bài tụng sau ngộ nhập tánh Viên thành thật. Luận Thành Duy Thức ghi: "Chẳng phải chẳng thấy Chân như mà khéo rõ các hành đều như huyễn sự v.v... tuy có mà chẳng phải chân thật, ba xứ trên dưới như vậy chẳng đồng". Văn phần đầu Nhiếp luận nói Noãn và Đảnh hai vị ngộ nhập sở chấp, Nhẫn và Pháp đệ nhất ngộ nhập Y tha, Sơ địa sơ tâm nhập Viên thành thật.

Nhiếp luận quyển 2 ghi: "Noãn, Đảnh tầm tứ ngộ nhập hai tánh đầu, bốn trí như thật ngộ nhập Viên thành". Văn luận Thành Duy Thức nói cần phải vào Sơ địa mới ngộ ba tánh, tuy có ba văn mà nghĩa lý chỉ hai: một là thật chứng, hai là tương tợ. Trong luận Thành Duy Thức căn cứ thật thân chứng, do hai trí Vô lậu chân tục trước sau mới có thể chứng hai tánh Hậu đắc. Lúc chứng hai tánh, chẳng thấy hai thủ, tức gọi là chứng Biến kế sở chấp kia không, không ccó pháp, thể cũng không, trí chứng nơi nào? Tâm sở biến không có Y tha khởi nghiệp, lý Chân như không có Viên thành thật nhiếp, nên Biến kế sở chấp chẳng nói riêng chứng, chỉ ở hai tánh chẳng thấy hai thủ, có thể gọi là ngộ nhập Biến kế sở chấp. Nhưng chánh thể trí đạt không chứng lý, phần nhiều nói trí này chứng Kế sở chấp, tuy trước Kiến đạo cũng đã chẳng thấy, chưa thân gần được hai nên không gọi là Chứng không, ở Sơ địa mới gọi là chứng đắc. Nhiếp luận, văn phần đầu nói ngộ Viên thành là căn cứ thật chứng đắc, cùng Duy thức đồng. Ngộ hai tánh trước là căn cứ tương tợ ngộ. Thời gian lâu dài phần nhiều ý giải thích tư duy hai tánh trước, thời gian ngắn phần ít tuy cũng tương tợ ngộ nhập Viên thành, chẳng phải thời gian lâu dài nhiều phần cũng chẳng phải thân chứng, nên căn cứ thật mà nói. Nhiếp luận, văn kế tiếp nói ngộ nhập ba tánh tổng căn cứ ý thú tương tợ mà nói. Mở đầu quán tên gọi, sự chẳng thuộc nhau nên gọi là ngộ sở chấp, tiếp quán các pháp chỉ có thức lượng và giả danh v.v..., tuy chưa chứng thật, gọi là ngộ Y tha. Như thật trí vị tuy thật có tướng mà chưa chứng chân. Hai thủ đều mất cùng chân trí quán tương tợ hướng vào, ý giải thích cũng cho là Chân như, nên thật trí vị, gọi là nhập Viên thành, thật chưa ngộ nhập. Nhiếp luận căn cứ tương tợ ý giải thích ba tánh riêng rõ ngộ nhập. Duy thức căn cứ chân thật, riêng chứng hai tánh, thông chứng sở chấp, tuy văn có khác mà chẳng trái nhau. Ngoài ra, các văn khác đều căn cứ giải thích này.

Nhiếp luận quyển 5 ghi: "Tám dụ, dụ Y tha", tại sao không có nghĩa lúc biến kế chấp, hiển hiện rõ ràng tợ cảnh sở hành? Vì trừ nghi đây nói huyễn sự dụ, như thật không có tượng mà có huyễn tượng, cảnh

giới sở duyên, tánh Y tha khởi cũng lại như vậy. Tuy Vô sắc v.v... sáu xứ sở duyên, lúc biến kế chấp tợ có sáu xứ sở duyên hiển hiện. Vo Tánh ở sau tự giải thích đây đối với sự bên trong sinh nghi. Các luận sư giải thích rằng, đây đối với thân sắc thanh hương v.v... bên trong mà sinh nghi hoặc nên gọi là huyễn sự dụ. Bồ-tát Thiên Thân có hai chữ "lại nữa" để giải thích. Giải thích thứ hai cho rằng huyễn dụ trong đây là trừ nhãn v.v... sáu loại xứ bên trong. Thí như huyễn tượng tuy thật chẳng phải có mà hiện có thể được, điều này chuẩn cứ theo sắc v.v... sáu xứ pháp bên trong của Vô Tánh. Nhãn v.v... là sắc nên nói sắc v.v... Nói sắc v.v... sáu xứ lý cũng không ngăn ngại. Nếu chẳng như vậy cùng chỗ trừ thứ hai, có gì khác nhau? Xưa giải thích là: Thứ nhất là thể của trần, thứ hai là khí giới, nên hai thứ khác nhau. Lại như sóng nắng vào lúc gió động, thật không có nước mà cảm giác như là có nước. Khí thế gian bên ngoài cũng lại như vậy. Lại như trong mộng ngủ say khởi lên tâm tâm sở tụ để cực thành muội lược, tuy không có nghĩa các thứ cảnh như nữ v.v... mà có cảnh giới thọ dụng như ái, chẳng phải ái; lúc tỉnh giấc cũng vậy. Lại như ảnh tượng trong gương trở lại thấy bản chất mà cho là nay ta riêng thấy ảnh tượng, mà ảnh tượng này thật chẳng có gì cả, chẳng phải đẳng dẫn địa thiện ác tư nghiệp bản chất làm duyên, quả ảnh tượng sinh cũng lại như vậy, Duy thức gọi là ảnh tượng trong gương. Lại, thí như ánh sáng ảnh do lộng ảnh là võng mạc che ánh sáng đó khởi các thứ ảnh, trong định địa v.v... các thứ thức đối với không thật nghĩa sai biệt mà chuyển. Lại như âm vang nơi hang hốc thật không có tiếng mà khiến người nghe tợ nghe nhiều thứ cảnh giới ngôn thuyết, các thứ ngôn thuyết ngữ nghiệp cũng vậy. Lại như trăng trong nước, do nước trơn nhuần lắng trong, tuy không có trăng mà trăng có thể nắm bắt, duyên chỗ cảnh thật nghĩa huân tu nhuần trong làm tánh, ý của các Tam-ma-địa tương ưng cũng lại như vậy, tuy không có sở duyên cảnh giới thật nghĩa mà tợ có chuyển. Đây cùng ảnh tượng thứ tư có gì khác nhau? Vì Định và Bất định địa mà có khác nhau. Lại như biến hóa nương biến hóa này gọi là biến hóa, tuy không có thật mà khéo hóa là không có điên đảo, đối với sự sở hóa thì có công dụng tạo tác. Bồ-tát cũng vậy, tuy không có Biến kế sở chấp hữu tình, nhưng đối với Y tha khởi các loại hữu tình là do xót thương mà đến nơi kia các chỗ sinh xứ nhiếp thọ tự thể. Vô Tánh giải thích rằng, nên biết trong đây dụ là có, chỗ hư vọng chấp sự, chỗ gọi là thọ dụng sai biệt trong ngoài, thân nghiệp, ngữ nghiệp, ba thứ ý nghiệp, chẳng phải Đẳng dẫn địa. Hoặc Đẳng dẫn địa, hoặc không có điên đảo, ở tám sự đây, chư Phật Thế Tôn nói tám thứ

dụ, những người có trí nghe điều nói đó, đối với hai nghĩa của Định địa và Bất định địa khéo hiểu rõ đích xác.

Trong đây, bên trong là dụ huyễn sự thứ nhất, bên ngoài là dụ sóng nắng thứ hai, thọ dụng sai biệt là dụ cảnh trong mộng thứ ba, thân nghiệp là dụ bóng ánh sáng thứ năm, ngữ nghiệp là dụ âm vang trong hang hốc thứ sáu. Trong ba thứ ý nghiệp, thứ nhất chẳng phải Đẳng dẫn địa, là dụ ảnh tượng thứ tư. Nếu Đẳng dẫn địa là dụ trăng trong nước thứ bảy, nếu không điên đảo là dụ biến hóa thứ tám.

Bồ-tát Thiên Thân dùng hai chữ "lại nữa" để giải thích. Chữ "lại nữa" thứ hai giải thích rằng: nói huyễn sự dụ là trừ nhãn v.v... sáu xứ bên trong, nói sóng nắng dụ là trừ khí thế gian, nói sở mộng dụ là trừ cảnh thọ dụng như sắc v.v..., hiển bày như chỗ mộng sắc v.v... nhất định không có mà khéo làm nhân khởi thọ dụng sai biệt như ái, phi ái. Nói ảnh tượng dụ là trừ thân nghiệp quả, hiển bày thiện nghiệp bất thiện nghiệp làm duyên mà có các thứ sắc ảnh tượng v.v... sinh khởi. Nói âm vang hang hốc dụ là trừ ngữ nghiệp quả, hiển bày ngữ nghiệp nhân cảm ngữ nghiệp quả giống như âm vang trong hang hốc. Nói ánh sáng ảnh dụ là trừ phi Đẳng dẫn địa các ý nghiệp quả, hiển bày chỗ ý nghiệp đây được các quả, giống như ánh sáng ảnh, nói trăng trong nước dụ là trừ Đẳng dẫn địa các ý nghiệp quả, hiển bày Đẳng dẫn địa các ý nghiệp quả giống như trăng trong nước. Nói biến hóa dụ là trừ nghe chủng loại ý nghiệp, nghe chủng loại tức là chỗ huân tập của văn tư. Đây tức hiển bày nghe chủng loại ý sai biệt mà chuyển, giống như biến hóa. Ý đây là trừ thọ dụng sai biệt trong ngoài, thân ngữ nghiệp quả, ba thứ ý nghiệp, nên nói tám dụ, chẳng đồng với Vô Tánh. Kim Cương Bát-nhã ghi: "Tất cả pháp Hữu vi; như sao, che, đèn, huyễn; sương, bọt, mộng, chớp, mây; nên quán như vậy". Trong đây có chín dụ, Bồ-tát Thiên Thân giải thích rằng, riêng dụ chín sự, đó là kiến, tướng, thức, khí, thân, thọ, quá khứ, hiện tại và vị lai nên nói chín dụ, mỗi mỗi nương vào nghĩa riêng. Chẳng thể kết hợp đồng nhau, giải thích bài tụng khác nhau. Luận Biện Trung Biên nói tám dụ, thông hai tánh Y tha và Sở chấp, tợ dụ Y tha, thật dụ Sở chấp, cũng không trái nhau.

Ba tánh trong cảnh phàm thánh, trước sau bốn văn và nên thật nói hợp lại thành năm, như lý nên tư duy.

Nên tổng lập ba giải thích, đó là nên lập một Thật một Giả. Chân như thật vì đây là nghĩa thù thắng. Như quyển 100 ghi: "Ngoài ra, thế tục giả, hoặc chẳng đợi đây. Ngoài ra, như sắc thọ v.v... phải đợi đây. Ngoài ra giả như bình v.v... hoặc chẳng đợi danh ngôn thật, đó là tất cả

pháp đợi danh ngôn giả, đó là tất cả pháp”. Như Tạp Tập quyển 3 sớ giải thích.

Du-già quyển 60 giải thích về nghiệp, nghiệp đạo v.v... trái với Duy Thức quyển 1, nên xem xét.

QUYỂN 9

Hỏi: Ngu phu đối với Tăng ích kia vọng chấp là cũng có tà kiến bác bỏ không có, tạo sao chỉ nói Tăng ích?

Đáp: Vì nhiều phần, vì pháp môn chấp ngã hẳn Tăng ích. Nói có ba tánh ngăn Tổn giảm môn, nói ba vô tánh ngăn Tăng ích môn .

Y tha khởi không có tự nhiên sinh, tự nhiên có hai:

1. Không có nhân tự nhiên sinh, nêu đây nhiếp tất cả không có nhân.

2. Vì tự nhiên là nhân sinh, nêu đây nhiếp tất cả minh tánh v.v... chẳng bình đẳng nhân sinh.

Không có đây, không có nhân tự nhiên và không có bất bình đẳng nhân tự nhiên sinh, nên gọi là tự nhiên không sinh.

Trong y tha khởi cũng có không có nhân, ác nhân chẳng phải một hoành chấp, tại sao chỉ ngăn tự nhiên sinh?

Đáp: Tạm nêu tự nhiên, ngoài ra bất bình đẳng nhân đều thuộc ở đây. Đây nói ba, Vô Tánh phá các lỗi tăng ích khác. Ngoài ra, Tổn giảm môn chỗ ba tánh trái ngược nên chẳng phải phá không có nhân.

Tánh y tha khởi gọi là Thắng nghĩa vô tánh, văn luận chỉ nói hữu vô, chẳng phải tánh của thắng nghĩa, gọi là Thắng nghĩa vô tánh, cũng có thể là Thắng nghĩa, không có Biến kế sở chấp gọi là Thắng nghĩa vô tánh, đây là nghĩa sở hành của Hậu đắc trí. Như nói bốn Thắng nghĩa kia nhiếp, luận được không nói, nhưng lý thì có.

Trong Duy thức chỉ có hai đối, tại sao chẳng nói hai loại trước để làm hư vọng? Vì Vô lậu Hữu vi chẳng phải hư vọng. Tại sao chẳng nói hai loại trước để làm Thế tục đối thắng nghĩa? Như nói trong hai Thắng nghĩa, nghĩa trước cũng gọi là Tục. Nay căn cứ hữu thể gọi là Thế tục, vì nó không có thể. Lý thật cũng có, vì chuẩn cứ hai Đế. Trong đây, thật tánh chỉ lấy Chân như chỉ có môn Thường và Vô thường, chẳng nói môn Lậu và Vô lậu vì Vô lậu Hữu vi chẳng phải thật tánh.

Nhiếp luận nói bốn vị tu Duy thức, như chương Duy thức giải thích. Oai nghi, công xảo trong Lý thật cùng sở tri chướng pháp chấp cũng chung cùng, nay đứng về hành riêng lẻ nói chẳng phải oai nghi v.v... cũng không trái nhau. Căn cứ lúc thật chấp chẳng phải tâm kia là tâm kia v.v... mà chẳng khởi chấp.

Ba mươi bảy phẩm dùng chín pháp làm thể. Biến hành có một đó là hỷ thọ. Biệt cảnh có ba đó là niệm, định và tuệ. Thiện có bốn đó là tín, tinh tấn, xả và khinh an. Sắc pháp có một đó là đạo cộng vô biểu.

Hỷ có một, đó là hỷ giác chi. Niệm có bốn là căn, lực, giác, đạo, mỗi thứ có một. Định có tám là bốn thần túc; căn, lực, giác, đạo, mỗi thứ có một. Tuệ có chín là bốn niệm tru; căn, lực, giác, chi, mỗi thứ có một. Đạo có hai, đó là chánh kiến, chánh tư duy, vì tự trong tư duy là nương tuệ tầm. Phật quả chỉ có tuệ. Du-già quyển 57 ghi: "Ba mươi bảy phẩm cùng năm căn làm sao tương nhiếp? Đạo phẩm nhiếp căn, chẳng phải căn nhiếp đạo, đó là: ngữ, nghiệp, mạng, hỷ, an, xả cho nên chánh tư duy, thể của nó tức tuệ. Tín có hai đó là căn và lực. Tinh tấn có tám, đó là bốn chánh đoạn, trong căn lực giác đạo mỗi thứ có một. Xả có một, đó là xả giác chi. Khinh an có một, đó là an giác chi. Vô biểu có ba, đó là chánh ngữ, nghiệp và mạng, nên chín phẩm mở thành ba mươi bảy phẩm. Bốn nhiếp sự thí lấy vô tham và ba nghiệp làm thể. Ái ngữ lấy ngữ nghiệp làm thể. Lợi hành, đồng sự, ba nghiệp làm tánh, đó là vô tham và tư. Giả thật hòa hợp mà nói vậy. Bốn vô lượng lấy ba pháp làm thể, đó là vô sân, bất hại và xả. Hỷ lấy bất tật làm thể, thể tức vô sân, nên chỉ có ba pháp. Lục độ hợp lấy chín pháp hoặc mười một pháp làm thể. Biến hành có một, đó là tư. Biệt cảnh có bốn là dục, thắng giải, định, tuệ. Thiện có bốn là tín, tinh tấn, vô tham, vô sân. Thân nghiệp, ngữ nghiệp, biểu sắc, vô biểu sắc như thế mà biết. Từ đây trở xuống nói rộng đồng như phần Lục độ ở sau. Bốn thiện căn đã chỉ cõi Sắc năm địa, lại đối chiếu Vô sắc không có Vô lậu kiến đạo, nên là Hữu lậu tu, như đã nói ở trước.

Nhập Kiến đạo chỉ y thân nẻo thiện ở cõi Dục khởi, ngoài ra tâm tuệ nhàm chán chẳng phải thù thắng, là đây y sở tri chương chung cùng có phiền não chướng đối trị, hoặc chỉ đoạn phiền não chướng, vào nghĩa Kiến đạo, chẳng phải y nghĩa chỉ đoạn sở tri chướng đối trị, vì cõi Dục kiến đạo phiền não có bất thiện, năm nẻo, bốn loài, tâm nhàm chán có thể vào Kiến đạo sâu. Cõi trên chẳng như vậy, nếu chỉ đoạn sở tri chướng, chẳng nhờ tâm nhàm chán sâu, chỉ cầu Bồ-đề chẳng vui thích giải thoát, cõi trên cũng được vậy, có Thanh văn ở cõi Sắc hồi tâm vào Kiến đạo v.v... đây gọi là trực vãng, kia nói là đến nhóm hợp, cũng không trái nhau.

Quyển 73 giải thích vô tướng chọn hữu tâm sở có mười lần giải thích, nên xem văn đó. Hỏi: Nếu thừa nhận trí Vô phân biệt có kiến không có tướng, như Tự chứng phần, sao chẳng tức duyên tự chứng? Nếu vì trong ngoài thủ nên chẳng được, đã vậy, nên thành chỗ Tướng phần nhiếp, tức Tự chứng phần nên chẳng thành Tướng phần, tức tự chứng nên duyên tự chứng. Nếu vì tướng tánh riêng biệt nên chẳng

được duyên là tướng tánh riêng biệt nên Tướng phần duyên, nó không tướng nên chẳng thể làm so sánh. Lại, lẽ ra Vô phân biệt nên gọi là không thể chọn thật có Tướng phần, lẽ ra Vô phân biệt nên gọi là không có thật tướng, có Tướng phần. Tướng tức là tướng trạng, trạng mạo, không có tướng trạng này thì pháp của thể tướng chẳng phải là không có thể của cảnh. Vì tướng sai biệt của vô phân biệt nên gọi là không có Tướng phần. Nói Kiến phần thông cả phi phân biệt, nên trí kia có.

Kiến đạo, hai sư nói Thắng tấn đạo duyên gì làm cảnh? Tức duyên cảnh của Giải thoát đạo, lại không có hành tướng riêng, nghĩa này nên tư duy. Có nghĩa tiệm là, y sở dùng ba tâm làm tiệm. Quyển 59 ghi: "Ba tâm là đốn", chuẩn cứ văn đây giải thích, đốn thông một tâm, ba tâm. Các giải thích tiệm như Biệt sao nhiều ít dẫn riêng.

Ba tâm phân thô tế như Biệt sao quyển 1 giải thích. Kiến đạo của Đại thừa là chỉ an lập, cũng có một tâm chẳng phải an lập, có hai thuyết; hoặc có hoặc không. Ba tâm Kiến đạo Nhị thừa đó là chỉ đoạn nhân chấp, chỉ y hai tâm, chẳng phải an lập cũng không ngăn ngại. Hai loại mười sáu tâm, Đế cảnh trên dưới tạo tác trước, mười sáu tâm trước tạo tác sau. Trước quán sơ sự, sau quán kỹ lý. Lại, các giáo chỉ nói Đạo loại trí gọi là đã biết căn, vì kiến lập quả Dự lưu. Nay lấy tướng thô hiển, do đó trước nói quán trí, sau nói hiện tiền, chẳng hiện tiền, y thân cõi Dục nhập hiện quán. Luận sư đối với phi Sắc giới nhập hiện quán cũng vậy. Họ nói cõi trên cõi dưới riêng biệt. Mười sáu tâm đây, Độc giác Thánh giả tại sao chẳng nói? Vì hành vi chẳng ra khỏi quán, tâm đây chưa mãn, tuy đến tâm thứ mười sáu vẫn chẳng gọi là quả thứ ba. Nếu chẳng phải tưởng đoạn chín phẩm chướng, vô gián, giải thoát, sát-na, tư duy đó có thể biết. Nếu chẳng tạo tác tướng Kiến đạo này thì có ý gì? Ý đó nên tư duy.

Ba thứ hiện quán hãy xem trong phần Sao. Thánh tánh, có giải thích lấy chung tất cả năng sinh hiện hành chủng tử Vô lậu, chẳng đồng dị sinh tánh, vì nó khéo phát nghiệp chiêu sinh phẩm loại, chỉ có Kiến đạo. Từ Địa thứ tám trở lên, Bồ-tát chẳng sinh cõi Dục, tại sao chẳng gọi là Bất hoàn? Lại có tánh bất định vì muốn trở lại sinh cõi Dục, Bồ-tát đốn ngộ trở lại cõi Dục làm việc lợi sinh.

Đối Pháp quyển 13 nói mười hiện quán gồm:

1. Pháp hiện quán, tối thắng thuận giải thoát phần chỗ thiện căn nhiếp thanh tịnh thắng giải. Nếu chuẩn cứ Du-già nói sáu hiện quán, chỉ có thủ hỷ thọ tương ưng tư sở thành tuệ. Nếu chuẩn cứ luận Hiển Dương nói mười tám hiện quán, thông văn tư tu, ba tuệ tối thắng. Nhưng Đối

Pháp giải thích nghĩa hiện quán, tức ở như chỗ trên nói trong pháp. Như lý tác ý tăng thượng duyên lực, nên biết pháp quán cũng tức tư tuệ, vì như lý tác ý, nay theo Duy thức chỉ lấy tư.

2. Nghĩa hiện quán, tức tối thắng thuận quyết trạch phần Noãn làm hạ phẩm, Đảnh Nhẫn làm trung phẩm, Thế đệ nhất pháp làm thượng phẩm.

3. Chân hiện quán, nghĩa là Kiến đạo.

4. Hậu hiện quán, nghĩa là Tu đạo. Hai đây chung, Duy thức riêng, Duy thức đứng về an lập và phi an lập riêng biệt. Đối pháp đứng về đạo vị riêng biệt cũng chẳng trái nhau.

5. Bảo hiện quán, tức tín hiện quán, được bốn tín chẳng hoại, chẳng riêng lấy vô tướng. Du-già v.v... rộng, vì thông Hữu lậu, hoặc khéo vượt ác. Đối pháp chỉ nói tên bảo. Duy thức lấy chung tất cả tín.

6. Chẳng hành hiện quán, nghĩa là giới khéo ngăn phạm giới, chẳng phải chẳng hành.

7. Cứu cánh hiện quán, đồng Duy thức.

8. Thanh văn.

9. Độc giác.

10. Bồ-tát.

Ba loại này đứng về năng chứng thừa riêng biệt. Duy thức chỉ đứng về sở chứng, hành rõ rộng gọi là hiện quán. Do đó, trừ Quyết trạch phần, chẳng đứng về nhân làm luận, do đó không có ba Thừa. Đối Pháp chẳng đứng về rộng lược, chỉ rõ minh liễu thân đắc, gọi là hiện quán. Đứng về nhân và pháp làm luận, do đó có mười sáu, chẳng trái nhau. Luận Hiển Dương quyển 17 ghi: "Sáu và mười tám", sáu thì đồng luận đây, còn mười tám gồm:

1. Văn.
2. Tư.
3. Tu.
4. Quyết trạch phần trí.
5. Kiến đạo.
6. Tu đạo.
7. Cứu cánh đạo.
8. Bất thiện thanh tịnh thế tục trí.
9. Thiện thanh tịnh thế tục trí.
10. Thắng nghĩa trí.
11. Bất thiện thanh tịnh hữu phân biệt trí.
12. Thiện thanh tịnh hạnh hữu phân biệt trí.

13. Thiện thanh tịnh hạnh vô phân biệt trí.
14. Thành sở tác gia hạnh trí.
15. Thành sở tác trí.
16. Thành sở tác hậu trí
17. Thanh văn v.v... trí
18. Bồ-tát v.v... trí hiện quán.

Trong mười tám hiện quán này chia làm năm vị. Bảy thứ đầu đứng về năm đạo để nói rõ hiện quán. Hai loại tiếp theo, y chân tục trí để nói rõ hiện quán. Ba loại tiếp theo, y Hữu lậu Vô lậu có phân biệt và không phân biệt để nói rõ hiện quán; Ba loại tiếp theo, y ba trí gia hạnh, căn bản và hậu đắc để rõ hiện quán, sau cùng hai, y thượng thừa và hạ thừa để nói rõ hiện quán. Nhưng đây chỉ nói rõ tuệ quán. Quán sát các pháp nên chẳng lấy tín và giới, nhưng Giải thoát phần trí có định, tán khác nhau. Ba tuệ loại khác nên phân ba thứ. Trong chân tục trí, Hữu lậu chỉ có thế tục, Vô lậu thông cả hai, nên hợp phân ba thứ, trong có phân biệt và không phân biệt cũng có Hữu lậu Vô lậu riêng biệt, Vô lậu thông cả hai, Hữu lậu chỉ có phân biệt. Y ba nghiệp hành để hiển trí riêng khác. Trong đây, Thành sở tác chẳng phải Thành sở tác trí trong bốn trí, mà chính là vốn mong Sở tác trí. Gia hạnh, chánh thể, hậu đắc, như các Vô lậu trí thượng thừa hạ thừa nhân quả đều luận chung, nên chỉ có hai thứ. Duy thức nói sáu hiện quán, Đối Pháp nói mười hiện quán cũng không trái nhau. Nhiếp luận quyển 6 nói mười một thứ hiện quán sai biệt, tức đồng Đối Pháp quyển 13. Thanh văn, Bồ-tát hiện quán sai biệt có mười hai loại, lại không có loại khác.

Trong Kiến lập sáu độ, ba tướng sáu độ, nên hỗ tương nhiếp nhau. Sáu độ lấy tám pháp làm thể, túc là Vô tham, thân nghiệp sắc, ngữ nghiệp thanh, ý nghiệp tư, vô sân, tinh tấn, tuệ và định. Hoặc mười một, tức là thêm dục, thắng giải, tín. Biến hành có một là tư. Biệt cảnh có bốn là Dục, giải, định, tuệ. Thiện có bốn là Tín, cần, vô tham và vô sân. Sắc pháp có hai là thân và ngữ nghiệp. Hành tướng ba cõi chín Địa. Địa tiền, Địa thượng mỗi mỗi hành tướng thuần bốn câu, mỗi mỗi tự làm sáu độ, cùng mong nhau làm bốn câu, gọi là tạp. Y chủng loại phước có bốn câu, chẳng y câu có không. Sáu độ, năm quả, nên mỗi thứ chẳng đồng.

Dị sinh tánh chướng tức phân biệt chướng chủng. Ba cõi đủ có tên vì sao lại Dị sinh? Nếu lấy năng sinh có lìa hạ nhiễm, trên dưới khác nhau, nhiễm pháp đều khởi. Tên tại sao là Dị sinh? Nếu lấy y địa này thì Thức thức tám có nên được tên Địa đây, nên tự Thức thứ tám gọi là Dị sinh. Sao phải chướng chủng? Nếu chẳng như vậy, Bồ-tát Thập địa,

Địa này Thức thứ tám chưa đoạn, nên thành Dị sinh. Do đây nên biết, y Địa này, Thức thứ tám phân biệt hai chướng ngại chủng lập. Tánh chỉ nhiễm ô, thuộc về tánh Hữu phú. Thể của hai chướng nhất định, mong hai chướng cũng vậy, nên tư duy.

Quả nẻo ác đó chẳng phải pháp nhiễm ô, tại sao Kiến đạo nói chẳng đoạn? Vì như diệt không còn thừa.

Địa thứ hai gọi là Ly cấu, không nhầm chấp phạm ba nghiệp. Sơ địa nhầm phạm, còn phải tư duy chọn lựa. Địa này chẳng như vậy, như lúc bò đi, trùng tự phân đường, mặc tình chẳng bị tổn thương, nên không nhầm phạm. Sơ địa chẳng như vậy, do có nhầm phạm. Tại sao mười chướng chỉ gọi là tà hạnh? Hai ngu gồm nói nhầm phạm ba nghiệp, là căn bản, nó cũng thuộc về tà hạnh. Giải thích thứ hai cho rằng, hoặc chỉ khởi nghiệp, chẳng rõ nghiệp ngu, tức thuộc về tà hạnh.

Địa thứ ba ám năng chướng, đối với pháp văn tư tu quên mất, tại sao Sơ địa gọi là đã được Bất thoái, đây còn quên ư? Lại, Bồ-tát địa giải thích: "Thắng giải hạnh vị đối với điều làm, điều tư duy, pháp sơ thuyết đã lâu có lúc quên mất". Nhập Địa thì không như vậy, tại sao nay nói có quên mất? Chỗ định vị đắc, phần nhiều quên mất, hàng Địa tiền còn có, hàng Địa thượng đều không, gọi là chứng Bất thoái. Chỗ văn tư tu đó đắc, còn ít có lùi quên, chẳng phải nhiều. Lại, chỗ Vô lậu đắc không quên, chỗ Hữu lậu đắc cảnh ba tuệ còn quên, cũng chẳng trái nhau, ba định thành không, nên lẽ ra không phải là Bất thoái. Tại sao các Địa trong mười chướng đều nêu phần ít, chỉ có Địa thứ hai, thứ ba, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười, thứ mười một, chướng nhiếp hai ngu đều hết, vì nhiếp pháp hết. Chỉ bốn Địa đầu có chung có riêng. Sơ địa, Dị sinh tánh là gốc, nẻo ác ngu là ngọn. Đây theo giải thích trước, nếu theo giải thích sau, tức tổng nhiếp hết, nên không cần phải nói. Địa thứ tư chướng thân kiến v.v... không nằm trong hai ngu. Hai ngu chẳng nói là mười chướng là có ý gì? Đáp: Hai ngu căn cứ nhân, chỗ Địa tiền khởi ngôn thuyết cùng với loại sau làm chướng. Thân kiến v.v... căn cứ chỗ hành lâu xa, gọi là mười chướng. Lại mười chướng căn cứ nhân nói, thân kiến v.v... khéo khởi các phiền não chướng. Hai loại sau làm quả chánh cho năng chướng nên nói là hai ngu, nghĩa này cũng không trái nhau.

Tại sao chín Địa chướng? Ba Vô ngại giải là một chướng, ngoài ra một Vô ngại giải làm một chướng là có ý gì? Cần phải thông đạt ba loại trước mới biện luận được. Trước, sau, nặng, nhẹ, khai hợp chẳng đồng. Địa thứ mười chướng thần thông là một, Trí vân và Sở tàng là một, vì

đức bên trong và nghiệp bên ngoài khác nhau.

Tại sao các Địa khác, chướng đều có hai ngu, chỉ có Địa thứ tư chướng chẳng tức là hai ngu? Dị sinh đã chẳng đoạn thô trọng, tại sao hai Tĩnh lự đoạn khổ căn thô trọng? Nhị thừa cũng như vậy, nay giải thích phàm phu chiết phục phần nhỏ hiện hành thô trọng. Nhị thừa cũng có thể diệt được phần ít chủng tử, khổ căn thô trọng trong định chướng, nghĩa này cũng không ngăn ngại, như lý nên tư duy.

QUYỂN 10

Nên nói ba Thừa đoạn kiến, tu khác nhau. Thức thứ bảy trong đốn đoạn mặc tình chọn lựa Kiến đạo, tất cả bên trong khởi chọn Tu đạo, bên ngoài duyên sự Độc đầu tham sân si v.v... vì hai nghĩa này nên không có thô tế. Nói không có thô tế, chọn lựa Tu đạo trong ngoài duyên mê lý, thân kiến biên kiến và đây tương ưng. Chín địa đoạn vì có thô tế, như vậy tổng chọn lựa hết tất cả hoặc.

Trong phần Bồ-tát dùng phiền não trợ nguyện thọ sinh, chỉ dùng thế lực hiện hành xa giúp, chẳng phải như nhuận sinh ái v.v... như Hoặc của hành sát sinh, tham, sân v.v... mới được lợi lạc, chưa được Vô lậu thắng đạo lợi sinh, cho nên dùng tham sân dẫn Vô lậu đạo, năng lợi ban đầu, gọi là trợ nguyện, chẳng phải như tham v.v... nhuận sinh dụng đó. Do đây nên làm bốn câu phân biệt, chỉ có hiện hành nhuận chẳng phải chủng tử, nghĩa là Bồ-tát từ Địa thứ bảy trở về trước. Chỉ có chủng tử nhuận chẳng phải hiện hành, đó là quả thứ ba. Có đồng thời nhuận, đó là tất cả chúng sinh. Có đồng thời chẳng phải nhuận, đó là biến dịch và hóa thân v.v...

Câu sinh Địa tiền chiết phục dần dần, hàng Địa thượng chiết phục hết. Đây y sáu thức làm luận. Tại sao Kiến sở đoạn phiền não tùy chỗ biết phục và chẳng phục? Câu sinh phiền não chỉ có nhập Địa mới chiết phục, chẳng tùy chỗ biết. Chỗ biết phục sau, phiền não phục trước. Kiến sở đoạn thì không như vậy, kiến chướng lợi nên đồng thời, tu chướng ngại độn nên dần theo thứ lớp. Lại Kiến đạo mạnh, Tu đạo chẳng như vậy, nên lưu lại phiền não vốn nghĩ nhuận sinh. Từ Địa thứ tám trở đi không có Phần đoạn tử, chẳng gá phiền não trợ nhuận, tức phục mà thọ biến dịch, tại sao chẳng đoạn?

Đáp: Như Sơ địa khiếp sợ phiền não, tức phục mà thọ biến dịch, cũng như Nhị thừa hữu học hồi tâm tức thọ biến dịch, tuy không có Phần đoạn, chẳng đoạn phiền não, tại sao như vậy? Phiền não tuy chẳng phải thân gần trợ nhuận biến dịch, như phần đoạn sinh, thế xa cũng có. Lại, hoặc chủng tại biến dịch thời gian dài, chẳng mượn thường trợ giúp. Nếu không có Hoặc chủng biến dịch thời gian ngắn, như Nhị thừa vô học phải luôn luôn trợ giúp. Nhưng có bốn câu, chỉ có định thắng không có hoặc trợ, cũng chẳng có thời gian dài thọ biến dịch, như Nhị thừa vô học hồi tâm, tuy có hoặc chủng trợ mà không có thắng định giúp, cũng chẳng có thời gian dài. Như Nhị thừa hữu học hồi tâm, có hoặc trợ và thắng định trợ giúp, tức biến dịch thời gian dài thọ, như Bồ-tát Thập địa

cho nên nguyện lưu lại đó, chẳng đồng Nhị thừa đoạn dứt, chẳng được chẳng phải cho nên lưu lại. Lại, Nhị thừa chỉ có chủng tử trợ, chẳng do nguyện giúp, mà chẳng gọi là lưu lại. Bồ-tát chánh do nguyện giúp, bên cạnh do chủng tử trợ giúp, nên nói lưu lại đó, nếu tức đoạn đó ở sinh không có lực, nhân của Hoặc mất quả tùy theo đó cũng hết. Lại do Bồ-tát ý vui thích Bồ-đề, Thập địa luyện căn chẳng nhờ đoạn phiền não, phiền não hiện tại chẳng chướng ngại việc đắc Địa, nên gọi là lưu lại.

Kiến đạo đốn đoạn, quyển 59 ghi: "Ba tâm cũng gọi là đốn, nhưng sở tri chướng và phiền não chướng, mỗi phân làm hai. Thế nào là hai? Nếu do chín phẩm, thô phẩm đoạn trước, tức mười địa Tu đạo nên trước đoạn thô, nếu do tùy sở chướng đạo để biện rõ thô tế, chín địa chẳng định, tức phiền não phẩm. Thế nào là tùy sở tri để rõ thô tế? Nghĩa này nên tư duy. Nay giải thích là, như mười địa Tu đạo, chỗ đoạn của mỗi địa, trước là thô, sau là tế. Phiền não tùy kia để nói thô tế, đây cũng nên vậy. Trong Kiến đạo tự phân biệt lực thô đoạn trước. Tha dẫn lực tế đoạn sau, có trước phục phiền não vượt quả thứ hai thứ ba, không phục sở tri chướng mà vượt vào hai địa, nhưng vào địa rồi, như nghe nửa bài tụng để xả thân cũng có vượt là, nhưng không vượt đại kiếp, vì rất khó đoạn v.v... vậy, nghĩa này nên tư duy.

Trong một loại Nhị thừa ba cõi chín Địa mỗi phẩm đoạn riêng, có hai nghĩa: một là thiếu không có người vượt qua; hai là trong đây gồm hết. Đạo đời trước cũng chín phẩm, sau chẳng phục cũng có chín phẩm. Bồ-tát lợi căn Kiến đạo đã thừa nhận phân làm ba. Nhị thừa căn độn Kiến đạo lẽ ra có ba phẩm, tại sao kia chỉ có một, đây có ba? Bồ-tát hai chướng làm ba, Nhị thừa một chướng làm hai, vì phân ra thô tế.

Quyển 69 nói trước có Thắng tấn tức sau có Gia hạnh, chỗ sau có đạo tức Thắng tấn trước, văn đồng với Đối Pháp. Bốn đạo dùng các môn phân biệt tác dụng có hai giải thích.

Trong tổn lực ích năng chuyển, có sám hối tội diệt, lẽ ra phải thuật. Quyển 60 nói nghiệp có bốn thứ đó là: Dị thục quyết định thời quyết định, hai chung cùng bất định, hai chung cùng định và A-la-hán thọ tàn khổ v.v... và vua A-xà-thế diệt được nghiệp ngũ nghịch. Du-già ghi: "Người nương chưa giải thoát kiến lập định nghiệp" là hai giải thích, hòa hợp nên biết.

Bốn trí, như Phật Địa giải thích, mỗi thứ có mười dụ, nên xem văn đó.

Hữu lậu từng tập cùng chấp chỗ dẫn v.v... nay quán ý đây, Hữu lậu quán tâm do cùng chung Hoặc của Thức thứ bảy trước cùng chấp

thế lực sở dẫn, mới thuận ở chướng chẳng đoạn Tùy miên, Vô lậu thì không như vậy.

Mới đầu có nghĩa Vô phân biệt trí thân chứng hai Không có thể đoạn Tùy miên, như quyển 64 ghi: “Nếu An lập đế đã lập làm Đế thì đâu cần phải nói Phi an lập? Đáp: Do An lập đế chọn đối với có tướng, vì có tướng nên tướng trói buộc chưa thoát, tướng trói buộc chưa thoát, nên đối với thô trọng trói buộc cũng chưa có thể đoạn. Do đây, nên biết chỉ có Vô phân biệt trí đoạn các Tùy miên. Thứ hai, có nghĩa Hậu đắc vô phân biệt trí đoạn mê sự Tùy miên, như văn trước giải thích, trước căn cứ đoạn mê lý Tùy miên chẳng phải đoạn mê sự. Lại, trước đứng về đoạn rốt ráo tất cả thô trọng, chẳng phải trong nhân vị đoạn hai chướng chủng mà nói. Lại, trước đứng về Hữu lậu an lập và Vô lậu An lập đế, chẳng phải Hậu đắc duyên phi An lập, vì cũng không phân biệt tướng, tức luận kia ghi: “Nếu chẳng cần duyên phi An lập là có định tâm cực tịnh thuận Quyết trạch phần lúc chuyển duyên các Đế, nên đoạn Tùy miên kia đã chẳng như vậy, nên chỉ chọn lựa Hữu lậu v.v... chẳng phải là tận lý, không phải là quả”. Hãy tìm đọc trong văn đó.

Trong sớ nói chỉ có Nhị thừa dùng nó chứ chẳng phải Bồ-tát, nay giải thích Bồ-tát cùng dùng trí này. Trong mười Địa, chẳng phải niệm niệm chỉ đoạn pháp chấp, cũng có lúc đoạn riêng pháp chấp sở tri chướng. Sư trước giải thích thế và xuất thế đoạn đạo trong Tu đạo là, đây y Bồ-tát Tu đạo chỉ dùng Vô phân biệt trí, gọi là thế xuất thế đạo, có chân tục hợp dùng trí đoạn. Như nêu thù thắng nghĩa là người hạ hạ Địa đoạn chướng, tuy chẳng do tục nhưng hẳn cùng chung thời. Nếu chẳng như vậy thì lẽ đâu Thắng địa sau chỉ có Vô phân biệt trí, chẳng cùng Hậu đắc đồng thời mới đoạn hoặc ư? Mới đầu, chỉ có xuất thế đoạn đạo thông ba Thừa, sau gồm Bồ-tát nên làm thuyết đó. Hai lý giáo ngang bằng, mặc tình lấy bỏ.

Thể Đại Niết-bàn có hai nghĩa: một là lý, hai là sự, tức ở Chân như có ba nghĩa: Ma-ha Bát-nhã, Giải thoát và Pháp thân. Hai thể ba sự, ba thể mỗi loại riêng biệt, hợp chung gọi là Đại Niết-bàn.

Mười địa chẳng khởi năm thức Vô lậu. Tỷ lượng rằng, năm căn Hữu lậu trong mười Địa hẳn chẳng có thể phát năm thức Vô lậu, Hữu lậu chẳng chung cùng ắt chung cùng đồng chỗ căn cảnh nhiếp, như vị của Địa tiền.

Nói thường, lạc, ngã, tịnh v.v... để trừ bốn tâm điên đảo của Nhị thừa. Nhị thừa chánh chứng pháp tánh đây là chẳng phải làm giải thích thường và vô thường v.v... do tâm Gia hạnh làm giải thích vô thường

v.v... đây thể nhập. Sau, lúc xuất quán lại quán quán trước, chẳng xét sở duyên bèn thấy gia hạnh, cho rằng chỗ chân trí đó duyên cũng là vô thường, bèn cho các pháp chân thật vô thường. Các tâm gia hạnh và Hữu lậu hậu đắc tuy chẳng phải là chấp tánh đều là thiện, nhưng do Thức thứ sáu, thứ bảy pháp chấp chưa mất, dẫn thiện tâm Hữu lậu mà làm giải thích đây. Đối với quả của pháp sở chấp dẫn Hữu lậu quán tâm, nói năng dẫn pháp chấp chướng là điên đảo. Nếu lúc không có pháp chấp thì quán này chẳng sinh, nên do phàm vị trước khởi bốn điên đảo, hoặc mười hai đảo, đó là tưởng, tâm, kiến v.v... chấp thân v.v... là tịnh, Phật vì trừ chấp đó nên nói hành vô thường v.v... là chẳng phải thường v.v... khiến họ chứng đắc. Luận chân lý đó chẳng phải thường, vô thường, nhưng Nhị thừa là tùy Phật phương tiện nói và pháp chấp dẫn làm giải thích vô thường v.v... Nay vì trừ khiến họ chứng cực quả, nói Chân như đây là thường, ngã v.v... khiến họ khởi hành phương tiện này hướng vào chứng pháp đó. Chánh lúc chứng nó chẳng thường, vô thường, chư Phật hoặc nói ngã, hoặc có lúc nói vô ngã. Trong các pháp thật tướng, vô ngã không gì chẳng phải ngã, ngoài ra đều như vậy. Đây y các pháp chỉ có Thức thứ sáu, thứ bảy có nhiễm tâm có chấp làm luận. Từ Địa thứ tám trở về trước, khởi bát Niết-bàn chướng, tế sinh diệt v.v... chướng của Thừa sau, đều chuẩn cứ giải thích như đây. Từ Địa thứ tám trở đi chẳng luận hiện hành, quán tâm làm chướng.

Luận sư An Tuệ nói Vô lậu, tất cả Hữu lậu trong nhân đều có pháp chấp. Nói Nhị thừa tâm Vô lậu v.v... bốn điên đảo, từ Địa thứ tám trở về trước nói công dụng gia hạnh là chướng. Nếu không như vậy thì Gia hạnh đạo lẽ ra chẳng phải thuộc về hai ngu. Do đây, tất cả thiện tâm Hữu lậu và nhân Vô lậu đều có pháp chấp, nay luận chân lý chẳng phải thường, vô thường là đoạn pháp chấp vô thường mà nói là thường, lạc v.v... chỗ các thiện y. Hiển tánh không tham sân si v.v... các thứ phiền não, nhân đó làm thiện, năng thuận các thiện cùng thiện làm y nên gọi là đủ công đức.

Nói Pháp thân chánh tự lợi, hiển bày chẳng đồng thuyết lợi tha mà triển chuyển nói. Tự thọ dụng thân đó tu nhân, vốn vì lợi tha nên tu, lại là chỗ lợi tha y chỉ nên chẳng nói. Đối tha thọ dụng v.v... nghĩa tự lợi nhỏ nhiệm, do đó chẳng nói, lý cũng không ngăn ngại.

Tha thọ dụng biến hóa, tại sao chẳng nói tự lợi? Chư Phật lợi tha, tức tự lợi, lý cũng nên như vậy. Ý cho rằng lợi tha biến hiện sinh, từ ý lạc nói là lợi tha. Tư lương vị trước gọi là tất cả công đức đều thuộc hai lợi, tùy lực ý lạc, nay đây tùy tăng thượng, nên ba thân khác nhau.

Tự thọ dụng thân như Tịnh độ thân lượng khắp pháp giới là phải làm hai giải thích: một là Thật như vậy, hai là Y dụng nói vì trí là Phật, do sở chứng vô biên, như thế gian nói chỗ thấy ở cao nói là lỗ mắt lớn, sở học rộng nên nói trí tuệ lớn.

Trong môn Bốn trí duyên cảnh, tự thọ dụng độ, chỉ có tịnh Vô lậu, ngoài ra chẳng thấy vậy, chỉ chỗ Phật biết. Tha thọ dụng độ vốn chỉ có Vô lậu, tịnh, những gì được thấy chỉ là tịnh, vì tất cả bất thiện, các quả Dị thục đều đã không có, nhưng thông Hữu lậu Vô lậu. Thức thứ tám, năm Thức quán Hữu lậu, người thấy là ở uế độ, lợi lạc hữu tình cũng là hiện uế, thấy cũng thông uế, thông các thức cảnh. Hóa độ vốn chỉ có Vô lậu, nhưng có tịnh uế, thấy cũng vậy thông cả Hữu lậu, Vô lậu nhưng có tịnh uế. Bồ-tát Thập địa cũng được thấy vậy, vì trên biết dưới. Nhưng do vốn là Bồ-tát Thập địa hiện Tịnh độ, luận nói Hóa độ có nói tịnh đó. Hóa độ vốn là chỗ thấy của hàng Địa tiền v.v... chẳng riêng nói tịnh. Tổng nói thấy thân độ mỗi căn cứ tăng thắng mà nói, cũng không trái nhau vì dưới chẳng thấy trên. Hàng Địa tiền và Nhị thừa hẳn không thấy Tịnh độ Vô lậu.

Trong đây, các độ đều có cảnh bốn trí, do tùy tăng thắng, vốn kích phát nhân nói trí riêng hiện. Nếu chẳng như vậy thì liền có lỗi chẳng phải biến trí. Nếu năm uẩn của Phật thừa nhận là uẩn v.v... thâu, tại sao chẳng thừa nhận Phật là thuộc về hữu tìn? Hữu tình y Dị thục, Phật chẳng phải hữu tình, tánh nhiếp trì gọi là pháp, Phật có thể là pháp thâu nhiếp.

Giải thích nghĩa thuần tạp do tăng kém chẳng đồng, chỉ y Tướng phần thân gần mà nói. Nếu y ảnh, chất, lại nói chẳng đồng. Tự địa trong ảnh biến thuần, sức thần thông dẫn tạp, chẳng phải tám duyên hiện thuận trong sức thần thông, duyên chủng tạp. Trong Thức thứ bảy gọi là ảnh thuần tạp, vì ảnh từ kiến, chất mà nói tánh. Năm thức tâm thiện ác tạp, tâm Vô ký thuần. Thức thứ sáu, thứ năm chung cùng đều thông. Pháp nên tư duy chuẩn cứ. Trong giả thật đứng về thức phân biệt lại riêng biệt, có không đối nhau, Hữu vi Vô vi đối nhau, Hữu lậu Vô lậu đối nhau, Tự giới tha giới duyên đối nhau, Tư duy chuẩn cứ thuần tạp.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 157

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

SỐ 1832
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1832

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

Tỳ-kheo Tuệ Chiểu, chùa Đại vân, Truy châu soạn

QUYỂN 1
(PHẦN ĐẦU)

Giải thích luận này phân làm bốn phần riêng biệt:
1. Nguyên nhân tạo luận.
2. Nói về sự đồng dị.
3. Nói chỗ quay về.
4. Giải thích bản văn.

Phần nguyên nhân tạo luận lại phân làm bốn đoạn:
1. Nói về xứ sở của phân bộ.
2. Nói về năm tháng của phân bộ.
3. Nói về nguyên do của phân bộ.
4. Nói về nhân và chủ tạo luận.

Như Lai nói giáo thể vốn nhất Chân như, bình đẳng lợi sinh thật không sai khác. Nhưng tùy theo căn tánh hiểu ngộ bất đồng, tiệm, đốn có khác, cho rằng giáo pháp không đồng nhau. Cho nên kinh Pháp Hoa ghi: “Tuy cùng một chỗ đất sinh ra, một trận mưa rưới xuống mà tất cả cỏ cây sinh trưởng khác nhau”. Trong luận Bảo Tánh ghi: “Cũng như ba con thú cùng lội qua một dòng nước nhưng con ngập ít con ngập nhiều khác nhau”. Luận Nhiếp Đại Thừa ghi: “Như một viên bảo châu tùy theo sự mong cầu mà lượng nước mưa có khác”. Kinh Vô Lượng Nghĩa ghi: “Có một tướng vì sự hiểu ngộ không đồng, do đó đắc quả

khác nhau”. Cho nên Như Lai tạng tùy căn cơ mà nói khác. Ban đầu với các ngoại đạo Ngài nói ngã là không nói pháp là hữu, với hàng Tiểu thừa để phá chấp pháp hữu, Ngài nói pháp cũng không. Sau khiến cho họ hướng đến thật nghĩa, Ngài mới vì họ mà hiển bày nói chẳng phải không chẳng phải hữu. Cho nên Du-già giải thích: “Các loài hữu tình từ vô thỉ đến nay, đối với Thật tướng của các pháp không biết rồi lại chấp trước khởi lên sự nghi hoặc tạo sự luân hồi trong năm đường”.

Như Lai xuất hiện ở thế gian tùy nghi nói các lý vi diệu, khiến cho các hữu tình thấu đạt được lý phi không phi hữu của các pháp, xa lìa được chấp nghi, khởi lên hạnh ở trong đó, tùy theo đó diệt được sự chướng ngại đều tự tu viên mãn, đắc Tam-bồ-đề, chứng sự an lạc vắng lặng v.v... Sau khi Phật Niết-bàn, ngài Đại Ca-diếp-ba và Bà-sư-ba, tuy phân làm hai chỗ để kết tập ba Tạng, nhưng trong một trăm năm Phật pháp vẫn một vị.

Bấy giờ có con của thương chủ tên là Ma-ha-đề-bà, sớ Bộ Chấp của Tam tạng Chân Đế nói ngài là người nước A-du-xà. Tông Luận sớ của Pháp sư Từ Ân nói ngài là người Trung Thiên Trúc. Ngài xuất gia học đạo thông suốt tam tạng. Song theo các sớ của Bộ Chấp, Tông Luân nói có năm việc và trong Du-già sớ sao của Pháp sư Từ Ân nói ít có sự sai khác. Theo Đại thừa, Tiểu thừa nói thì mỗi bên đều khác nhau. Ở đây có đầy đủ như ba chỗ kia đã nói.

Ngoài một trăm năm kết tập ở trong chùa Kê viên thành Ba-trá-ly-tử (thành Hoa thị). Thành này được nói đầy đủ như trong truyện Đại Đường Tây Vực truyện và sớ Bộ Chấp của ngài Chân Đế. Vào một đêm rằm, Đại Thiên nói giới kinh. Ngài nói giới kinh rồi bèn nói bài tụng về năm việc rằng:

Không màng lời dẫn dụ
Do dự để người vào
Đạo nhờ tiếng mà khởi
Là lời thật Phật dạy.

Các bậc Thánh trưởng thượng đều không thừa nhận điều đó, liền đặt lại câu thứ tư của bài kệ kia là “lời ấy Phật chẳng dạy”, do đây Tiểu thừa bộ chia làm hai. Các bậc Thánh rất đông bèn lấy đây làm thời kiết tập căn bản, do ngài Đại Ca-diếp-ba là thượng thủ gọi là Thượng tọa bộ. Còn Đại Thiên đệ tử và bạn bè của Đại Thiên tôn Bà-sư-ba là thượng thủ gọi là Đại chúng bộ. Trong vòng hai trăm năm sau, Đại chúng bộ lại chia thành chín bộ phái. Trong vòng ba trăm năm, Thượng tọa bộ phân thành mười một bộ phái. Như luận Tông Luân và Văn Thù

Sở Vấn Bát-nhã nói đầy đủ. Nhân duyên phân bộ phái, mỗi mỗi đều được nói rộng trong sớ Bộ Chấp của Tam tạng Chân Đế.

Ngày xưa A-nan sắp nhập Niết-bàn nghĩ rằng: Phật thọ ký ở nước Kế Tân, (nay gọi là nước Ca-diếp-di-la) có Tỳ-kheo tên Mạt-điền-đề truyền bá pháp nhãn ở nước đó. Ngài liền truyền pháp cho Tôn giả Mạt-điền. Tôn giả Mạt-điền muốn xây ngôi chùa trong nước này để hoằng pháp. Nước này bốn bề núi cao bao quanh, ở giữa rất rộng mà chỉ có một cửa, trong đó đầy nước là chỗ ở của loài rồng. Tôn giả vận thần thông từ trên không trung mà hạ xuống nói với rồng chúa rằng muốn xin một khoảng đất bằng một cái tọa cụ. Rồng chúa liền thừa nhận. Ngài liền dùng sức thần thông khiến cái tọa cụ chiếm vùng nước của rồng chúa sắp hết. Rồng chúa bèn xin ngài lưu lại cho khoảng nước chu vi mười lăm dặm để làm chỗ cho loài rồng ở. Nhờ đó ngài xây chùa, tăng chúng theo ngài rất nhiều, tịnh nhân lại nhiều hơn.

Về sau tăng chúng giảm dần, nô lệ ngày càng nhiều và mạnh, rồi tự lập làm vua, nhân đó đặt tên là Nô quốc. Vua nước này tên là Ca-diếp-lợi-sư rất kính Tam bảo, thường thỉnh chúng tăng vào cung thuyết pháp. Trong đó tuy có nhiều bộ phái nhưng cùng sống chung, nói pháp trước sau mỗi mỗi có sự sai khác. Vua liền hỏi nguyên nhân, ngài trình bày rõ nguyên nhân.Vua hỏi: Ngày nay lấy bộ phái nào làm định chuẩn? Bấy giờ Ca-diên tử dựa vào Tát-bà-đa tạo ra luận Phát Trí để dâng lên vua, vua truyền bá nó rộng rãi (truyền thuuyết trên đây chưa thấy có tư liệu chính).

Theo truyện của Thiên Thân, sau Phật diệt độ trong vòng ba trăm năm có vị A-la-hán tên là Ca-chiên-diên tử, tên mẹ ngài là Ca-chiên-diên, ngài được đặt tên theo tên mẹ. Trước ngài xuất gia ở bộ Tát-bà-đa, vốn là người Thiên Trúc, sau đến nước Kế Tân ở Tây Thiên Trúc cùng với năm trăm vị A-la-hán, năm trăm vị Bồ-tát, cùng soạn tập Tát-bà-đa bộ, A-tỳ-đạt-ma giấu kỹ không lưu hành. Trải qua thời gian dài ở năm xứ Ấn Độ không thấy được bộ này, sau ở nước A-du-xà vùng Đông Thiên Trúc có Pháp sư Bà-tu-bạt-đà-la thông minh đại trí đến Tây Thiên Trúc học tập, đọc thuộc mới truyền rộng ra ngoài. (Rộng như truyện ấy chép đủ).

Về sau Cưu-ma-la-đa, Thất-lợi-la-đa đều tạo luận, lúc đầu dạy chúng sinh chấp hữu, giáo pháp Đại thừa phần nhiều đều bị ẩn mất.

Hơn hai trăm năm sau có Bồ-tát Long Mãnh, Bồ-tát Đề-bà ở Nam Thiên Trúc cùng xuất thế, Bồ-tát Long Mãnh tạo luận Đại Trí Độ giải thích Đại Phẩm Bát-nhã, viết luận Vô Úy đủ mười vạn bài tụng, Trung

luận phát xuất từ bộ Vô Úy có năm trăm bài kệ, luận Thập Nhị Môn v.v...

Đệ tử của Bồ-tát Long Mãnh và Bồ-tát Đề-bà tạo ra Bách luận v.v... Nói rộng như truyện Phú Pháp Tạng và các truyện của Bồ-tát Long Thọ v.v... là pháp nhiều chấp Không, vì để phá chấp ngã, chấp pháp của ngoại đạo và Tiểu thừa mà nói pháp không, vì bấy giờ rất nhiều người chấp Không. Chín trăm năm sau, ở nước Phú-la-sa-phú-la vùng Bắc Thiên Trúc,Hán dịch là nước Trượng Phu có quốc sư Bà-la-môn, họ Kiều-thi-ca có ba người con đồng gọi là Bà-tẩu-bàn-đậu, Hán dịch là Thiên Thân; nay gọi là Thiệt-tô-bạn-độ, Hán dịch là Thế Thân, tuy đồng một tên nhưng đặt ra hiệu riêng.

Thiên Thân thứ ba xuất gia theo Tát-bà-đa-bộ đắc quả A-la-hán. Ngài có tên khác là Tỷ-lân-trì-bạt-bà, Tỷ-lân-trì là tên của mẹ ngài, Bạt-bà dịch là Tử cũng dịch là Nhi. Anh trưởng ngài là Bồ-tát Căn Tánh cũng xuất gia theo Tát-bà-đa-bộ, sau đắc quả Ly dục, rồi tư duy nghĩa Không, không thể vào được muốn tự vẫn. Bấy giờ có A-la-hán Tân-đầu-lô ở Đông Tỳ-đề-ha quán thấy việc này, nên từ chỗ của mình đến vì Căn Tánh nói về quán Không của Tiểu thừa. Ý ngài vẫn chưa an cho là lý không phải như vậy, nhân đó vận thần thông đến cõi trời Đổ-sử thưa hỏi, Bồ-tát Di-lặc nói pháp quán không của Đại thừa cho ngài. Ngài quay về nhân gian tư duy liền được ngộ, do đó đặt tên là A-tăng-da, Hán dịch là Vô Trước. Sau vài lần ngài đến cõi trời Đâu-suất-đà thưa hỏi Bồ-tát Di-lặc về nghĩa của kinh Đại thừa, do vì nhiều người khác không tin, nên ngài tự phát nguyện thỉnh Bồ-tát Di-lặc xuống nói pháp Đại thừa khiến chúng sinh thấy đều tin nhận.

Đúng như lời nguyện của ngài, vào ban đêm Bồ-tát Di-lặc xuống phóng ánh sáng lớn nhóm chúng sinh có duyên ở nước Du-xà nói luận Thập Thất Địa, tùy chỗ tụng ra mà sự hiểu nghĩa của nó. Trải qua bốn tháng, Bồ-tát Di-lặc nói xong luận Thập Thất Địa. Tuy đồng ngồi trong một giảng đường, nhưng chỉ có ngài Vô Trước được gần gũi Bồ-tát Di-lặc, những người khác chỉ được nghe từ xa hoặc có người thấy không đồng. Bấy giờ Vô Trước lại vì mọi người nói, nhờ đây mọi người mới bắt đầu tin thọ nghĩa của pháp Đại thừa.

Người con thứ hai cũng xuất gia với bộ phái Tát-bà-đa. Ngài học rộng nghe nhiều thông suốt tất cả sách vở, tài trí thông minh không ai bì kịp, giới hạnh thanh cao bạn bè khó sánh. Người anh và em đã có tên riêng, nên Pháp sư chỉ gọi là Bà-tẩu-bàn-đậu. (Còn những duyên khác rộng như trong truyện kể về ngài đã ghi đủ). Ngài nương luận Du-già

mà soạn nhiều luận khác để giải thích Đại thừa, mở thuyết phi không, phi hữu mà soạn luận này. Sự giải thích của mười vị luận sư hợp với sự phiên dịch, tất cả đều như Xu Yếu ghi rõ. Nhưng Bồ-tát Hộ Pháp một ngàn một trăm năm sau mới ra đời, sau ngài soạn Thích luận này và luận Quảng Bách. Bồ-tát Thanh Biện cũng đồng thời soạn ra luận Chưởng Trân. Bấy giờ Đại thừa mới tranh luận về không và hữu.

Ở trên nói chung nghĩa của bốn môn, người trí biết điều đó. Đây tức là duyên khởi của luận.

Hai là nói về sự đồng dị, lại phân làm bốn phần:

1. Lợi ích của giáo pháp có khác.
2. Lợi và thời sai biệt.
3. Nói tông đều khác.
4. Thể tánh không đồng.

Nói đầy đủ như ở chương Tổng Liệu Giản trong Pháp Uyển Nghĩa Lâm.

Hỏi: Trước nói hai lý Luân ích và Nghĩa ích có gì khác nhau?

Đáp: Nghĩa thì đứng về lý sở thuyên gọi là xưng, Luân thì căn cứ ở Đoạn đạo mà nói. Hai nghĩa này mỗi nghĩa đứng ở một đường, cho nên nói "Luân ích và Nghĩa ích".

Hỏi: Lấy giáo đối với cơ thì giáo có sự khác biệt trong ba thời, chẳng biết thể của Luân là khác hay là đồng.

Đáp: Căn tánh đã sai biệt thì thể của Luân có sự sai khác.

Đứng về Hữu giáo nói về thể như thường, trong không giáo thể ít có sự riêng biệt, bởi tám Không lấy chánh đạo làm thể, chứng lý Không lấy trí làm thể, thuyết Không thì lấy giáo làm nhân, chứng Không thì lấy gia hạnh trí làm nhân, sở duyên Không làm cảnh, còn cái không của Giác chi khác làm trợ bạn, lấy cái Không của giới định đạo làm quyến thuộc, lấy cái không của Bồ-đề Niết Bàn làm quả. Nếu thể của chuyển pháp luân thời thứ ba cùng khế hợp với trước thì hai thứ này cũng được gọi là chẳng phải chánh. Chánh thì như luận Du-già, Pháp Hoa sớ quyển 4 giải thích.

Hỏi: Nói mật ngữ này có ích gì?

Đáp: Theo Nhiếp luận quyển 8 có mười quả, nghĩa là khiến cho người nói pháp dễ vì có thể sắp xếp được nghĩa tổng quát, cho đến với người trí trước khi luận nghĩa đã chọn lựa và thể nhập vào những hàng thông mẫn, vì mười sự lợi này mà nói lời bí mật.

Hỏi: Trong Nghĩa ích có liễu bất liễu, thì trong Luân có luân phi luân không?

Đáp: Hình tướng lớn nhỏ, ẩn hiện đối nhau, cả hai đều phải có. Lại giải thích mà không thí dụ nói lý do hiển mật, trong nghĩa có liễu, bất liễu đối cơ đều diệt được mọi chướng ngại, đều là luân không có bất luân.

Lại hỏi: Yếu Tập nêu Giải Thâm Mật rằng: Liễu nghĩa thì ngài Thanh Biện v.v... nói, liễu nghĩa thì các nhà kết tập cho là chẳng đúng, điều Phật nói không như thế. Họ chẳng khéo thông suốt nên nói lời của Thanh Biện v.v... đối với Tục đế nói là nhất là thắng, gọi là liễu nghĩa, không nhìn lại thắng nghĩa. Nếu cho liễu vị là chẳng phải lời Phật nói thì khiến cho mọi người đối với Thánh giáo đều không thể tin.

Pháp liễu nghĩa và bất liễu nghĩa trong Pháp Uyển chia thành bốn. Nay Yếu Tập ghi lại thêm một môn chấp trước tên gọi tự gọi là bất liễu, không chấp trước gọi là liễu, cho nên trong kinh Bồ-tát Tự Tại Vương ghi: "Kinh liễu nghĩa thì tất cả các kinh đều là liễu nghĩa, vì y theo nghĩa, vì tất cả các pháp không thể nói, Bồ-tát như thế gọi là liễu nghĩa". Nếu người đối với tất cả kinh không thể y theo nghĩa như vậy, đây gọi là bất liễu nghĩa. Vì sao gọi là bất liễu nghĩa? Vì người này không liễu đạt nghĩa. Y theo văn của kinh này ghi: "Người này không liễu đạt nghĩa cho nên gọi bất liễu nghĩa, nếu không phân biệt được kinh là bất liễu nghĩa".

Lại kinh ghi: "Bồ-tát Tự Tại Vương y theo pháp nghĩa thú như vậy thì tất cả các kinh đều là liễu nghĩa, nếu không như vậy thì tất cả kinh đều gọi là bất liễu nghĩa. Theo ý này có thể không thể chấp trước tất cả kinh đều là liễu nghĩa, nếu chấp trước tất cả kinh đều là sở bất liễu nghĩa, không nên cho rằng người tự không thể liễu đạt thì sự phân biệt Thánh giáo cũng không liễu đạt.

Yếu Tập giải thích: Có thể khiến sinh tội lỗi hoặc sinh công đức, gọi là liễu, bất liễu, đây là nói chung cho tất cả kinh Đại thừa, Tiểu thừa, sự phân phán ở đây thì không như vậy. Nếu do không liễu đạt liền sinh tội lỗi gọi là bất liễu, cũng có thể gọi là bất thiện, cũng có thể gọi là hữu hậu thì chẳng gọi là thật, vì có nhiều tội lỗi. Nay giải đúng thì phải nói: "Y pháp thì phân làm bốn, như Pháp Uyển giải thích, lại thêm y nhân đối sự hiểu rõ không chấp gọi là liễu nghĩa, đối với người chấp trước gọi là bất liễu nghĩa giống như hai Đế.

Trong phần biện về Thời và Lợi, hỏi: Vì sao Như Lai ban đầu nói hữu giáo, giữa nói Không giáo, sau nói Bất không bất hữu giáo vậy?

Đáp: Căn cứ vào tánh bất định, khi chưa phát tâm thú hướng, vả lại khiến người tiệm ngộ hiểu sự chấp ngã không có, chỉ có các pháp

uẩn xứ giới, gọi là hữu giáo. Vì người đã đắc được Tiểu quả của phát tâm thú hướng khiến hướng đến đại, kế đó ngộ pháp không quán, sở chấp giới xứ kia không có gọi là không giáo. Sau là người phát thú tất cả Thừa rõ được sở chấp không có, chẳng chấp là có, chẳng hoàn toàn chấp không, cũng chẳng hoàn toàn chấp có, gọi là Bất không bất hữu giáo. Vì đối với người tiệm ngộ mà nói ba thời giáo, nếu đối người đốn ngộ thì không có ba thời khác nhau.

Lại, giáo pháp được nói ra chẳng nhất định thứ lớp trước sau như vậy, chia làm ba thời đều căn cứ nghĩa loại đã nói theo nhau. Tánh bất định đúng là thời thứ ba, nếu không như thế thì mười bốn ngày sau khi chứng đạo Thế Tôn đã nói ngay kinh Hoa Nghiêm, có thể đối người tiệm ngộ. Sau kinh Bát-nhã v.v... mới bắt đầu diễn nói thì thuộc thời thứ ba. Ở đây có hai nghĩa: một là căn cứ thứ tự trước sau, hai là căn cứ theo nghĩa loại. Căn cứ theo thứ tự tước sau cũng có hai nghĩa, trước là nói Sinh không kế nói Pháp không. Căn cứ theo nghĩa loại, trước nói Sinh không ngầm nêu pháp hữu, kế nói Pháp không ngầm nêu pháp vô. Sau mới nói rõ hai chấp thủ sinh và pháp chẳng có, nếu lìa hai chấp thì chân tục chẳng không. Thế nên kinh ghi: "Hữu vi, Vô vi gọi là hữu; ngã và ngã sở gọi là không".

Hỏi : Nếu căn cứ theo tiệm nhập thì các giáo này là thuộc về thời thứ ba, các giáo thời thứ ba đều là vì người phát thú tất cả Thừa. Nay bộ luận này đáng thuộc vào Thừa nào? Nếu là ba Thừa thì vì sao phá nó, nếu thuộc về Đại thừa thì chẳng phải thời thứ ba?

Đáp: Văn phá ngã thông cả ba Thừa, chỗ phá Nhị thừa khiến cho người chỉ nhập Đại thừa. Lại phá chấp chứ không phá Thừa, cho nên thông cả ba.

Hỏi: Nếu thế thì kinh Pháp Hoa cũng đã nói "phá Thừa" lẽ ra là Thừa thứ hai?

Đáp: Đối với tánh bất định theo lý mà nói là một, phá chấp lý khác nhau khiến họ hướng đại. Nếu tánh định đó quán hạnh không đồng nói như cỏ thuốc, Thừa tức có sự phân biệt cho nên được thông cả. Nhưng phần nhiều là vì bất định, cho nên nói kinh này, chỉ nói Nhất thừa vì việc làm của các bậc Thanh văn.

Hỏi: Nếu như vậy thì ba thời đều vì tất cả, vì sao kinh Giải Thâm Mật ghi: "Ta đối với những kẻ phàm phu không khai diễn". A-tỳ-đạt-ma ghi: "Người có căn tánh thù thắng Ta sẽ khai thị"?

Đáp: Phần nhiều ba thời nói cho tất cả, không nói riêng mỗi Thừa, vì mỗi lời đều bao quát tất cả ba Thừa. Nay ở trong văn trước và sau

của luận này và Giải Thâm Mật v.v... cả thể thông cả ba, cho nên không trái ngược nhau.

Hỏi: Đã nói thuyết giáo ba thời đối với tiệm ngộ, tức thời thứ ba cũng vì người là nói cho người tiệm ngộ hướng đến Đại thừa, chỉ là vì Đại thừa sao nói rằng khắp vì tất cả?

Đáp: Là vì căn tánh thuần thục, tuệ ngộ đã thông, vì nói rõ các pháp sở quán không hữu của ba Thừa nên nói vì tất cả. Trong kinh Bát-nhã tuy có ba Thừa mỗi mỗi đều lợi ích, chưa nói rõ pháp chẳng không chẳng có, cho nên thuộc thời thứ hai. Nếu căn cứ vào sự đốn ngộ có thể lập một thời.

Hỏi: Nếu lập một thời khác gì với xưa mà Pháp Uyển không thừa nhận?

Đáp: Xưa lập một thời là căn cứ theo Đức Phật một thời có thể nói cho các bậc đốn ngộ cho nên gọi là một thời. Do có thể dẫn đối cơ không như vậy nhưng vì căn cơ thuần thục của chúng sinh nên có trước sau. Có lẽ nói pháp cùng một lúc cho nên gọi là một thời. Nay lập ra một theo lý là một, đối với quả cứu cánh gọi là một thời.

Lại căn cứ vào người đốn ngộ tùy theo họ nói giáo lý mà có thể đến ngộ cùng một hội đã nói lý của hai Không song song diệt trừ được hai chấp cho nên gọi là một thời. Do đó Đức Phật tại vườn Lộc Uyển nói pháp bốn Đế mà có vô lượng Bồ-tát nhập vào Sơ địa v.v... Nếu nghe pháp bốn Đế mà không ngộ pháp không sao nhập được vào sơ Cực hỷ v.v... không nhất định một hội gọi là một thời theo người đốn ngộ tùy theo giáo pháp đã nghe thường ngộ không hữu và dùng nhị Không từ đầu đến cuối giáo hóa tất cả gọi là một thời.

Trong phần biện về thời: Lưu Cầu lập ra năm thời giáo, giả thiết rằng: Căn cứ vào lý tiệm ngộ cũng không như vậy. Khi nói kinh Ngũ Giới Bổn Hạnh cho Đề Vi v.v... đều đắc thánh đạo của các Thừa, không nên cho rằng ban đầu chỉ có giáo pháp nhân thiên, chỉ có những người thương nhân không được gom chung vào. Lại lập bày đối với sự tiệm tu không được ước định năm tháng trước sau để lập ra năm thời. Lại không có giáo văn cho nên bị lỗi.

Lại giáo pháp tiệm đốn nếu lấy lý hai Đế đã nói trong một hội đều gọi là Đốn tức là không nên nói kinh Hoa Nghiêm, Thắng Man v.v... là Đốn, kinh Pháp Hoa, Bát-nhã là Tiệm vì đều trong một hội nói rõ sự tận cùng của lý. Nếu nói Đại không do Tiểu thành tức nói là Đốn cũng không nên nhất định nói kinh Hoa Nghiêm v.v... là giáo pháp của sự đốn ngộ mà phán quyết kinh Pháp Hoa v.v... là giáo pháp của sự tiệm tu vì

trong pháp hội đều có căn cơ tiệm đốn, không được phán định phân biệt giáo pháp. Bổn ý của Pháp Uyển nên phải biết như thế.

Lại ý của phần Biện thời lấy kinh Giải Thâm Mật nói giáo pháp ba thời. Nay các luận này thuộc vào giáo pháp thời nào? Nhưng Yếu Tập v.v... ghi: Căn cứ vào đây để phân biệt giáo thời của giáo pháp gọi là chỗ nương của giáo pháp. Nay nói không như vậy, không nói lược đối hai giáo Bán, Mãn, Hữu tác, Vô tác, sinh pháp hai Không, nhân thiên ngôn giáo, thời của các pháp này lấy làm chỗ nương. Nếu nương các pháp này đều từ thời này, nói giáo pháp Duy thức nói thời Duy thức sao lại phân biệt là thời, giáo. Nếu căn cứ sự phân biệt vào các pháp môn Bán, Mãn, Hữu tác, Vô tác, sinh pháp Không v.v... pháp môn vô lượng sao chỉ thừa nhận như vậy.

Lại tùy theo pháp riêng mà để phân biệt thì tức cũng như gọi giáo pháp Duy thức cần gì phải đối biện. Nếu nói sở thuyết của các giáo không đồng, các sư lập ra thời để nói rõ giáo pháp đều có sự riêng biệt, đây thuộc vào chỗ nào cũng không nên nói như vậy. Một, hai, ba, bốn, năm thời giáo, không có văn Thánh giáo điều không thể nương sao gọi chỗ nương của giáo, đã không chính xác, luống thiết bày cho nhọc khổ. Nhưng luận Du-già nói thời là y. vào ba đời phân biệt không có căn cứ thời giáo mà chấp là ngộ nhận này.

Lại nhờ nơi luận mà sinh ra luận, trong Thánh giáo dùng một thuyết pháp mà có hai sự bất đồng: một là Từ, hai là Pháp. Như kinh Vô Cấu Xưng cho rằng Thế Tôn đồng một ngôn từ của Ngài, có người sinh nhàm lìa, có người được các pháp hoan hỷ.

Như phẩm hai mươi bốn của kinh Niết-bàn ghi: Diễn nói một pháp hoặc Giới hoặc Nhập mà tất cả chúng sinh đều tùy theo sự hiểu biết của mình mà được nghe. Đây là pháp và từ nói chung. Trong một tên một câu biểu hiện nhiều tên nhiều câu, trong một âm thanh xuất hiện nhiều âm thanh. Cho nên tất cả đều tùy theo sự hiểu biết của mình thâu vào từ âm thanh cho là các tên, các câu tùy theo mà pháp tên gọi có sự sai khác, song không lìa âm thanh cho nên gọi chung là nghe.

Lại kinh Phạm Võng quyển thượng ghi: “Trong một âm diễn nói vô lượng phẩm pháp”. Lại nói một âm khổ, không, vô thường, vô ngã, nhất đế đều hợp lại cả Pháp và Từ. Hoặc chỉ nêu pháp như kinh Hoa Nghiêm. Nếu có tám vạn bốn ngàn phiền não như nhiều tham sân v.v... đều nghe pháp để đối trị. Lại nói một âm nói pháp, hoặc có chúng sinh từ học Thanh văn thừa nghe pháp Phật nói liền biết Thanh văn tạng. Những chúng sinh này thì chỉ nói sự vô ngại của pháp, cũng được thông

suốt Từ. Nghe tức là Thanh văn.

Lại kinh Vô Lượng Nghĩa ghi: “Có thể dùng một âm ứng hợp khắp các tiếng” thì chỉ là Từ.

Lại như luận Bà-sa quyển 73 ghi: “Một âm chính là Phạm âm. Nếu người Chi-na đến ngồi trong hội nghe thì họ cho rằng Phật vì họ nói tiếng của Trung Quốc”, đây là thông cả Pháp và Từ.

Lại nói “người tham đến ngồi trong hội họ nghe Phật vì họ mà nói pháp bất tịnh quán v.v...” đây tức là chỉ có Pháp. Tuy đều có nghĩa, lại phân một âm không nói chỗ khác.

Hỏi: Tùy người nghe mà thể hiện âm thanh đều có sự sai khác. Nếu căn cứ các pháp đã nói đều có sai biệt, sao gọi là một âm?

Đáp: Hoặc một sát-na hoặc một vô lậu, hoặc lại theo một pháp đã nói, hoặc theo sự sinh do đã thay đổi. Nếu theo như thế tất cả gọi là một âm.

Hỏi: Nếu như thế vì sao Tỳ-bà-sa nói một âm là Phạm âm, nếu người Chi-na đến ngồi trong hội cho rằng Đức Phật vì họ nói tiếng Chi-na?

Đáp: Không lấy Tiểu thừa mà làm định lượng, đã như ngọc như ý tùy chỗ cầu mưa cho nên theo sự mong cầu phát sinh sự cảm ứng, mỗi mỗi hiện âm thanh hoặc tiếng thanh tịnh gọi là Phạm âm chẳng phải nhất định chỉ đồng một Phạm âm.

Hỏi: Phật nói một âm đầy đủ các pháp môn hay là không đủ?

Đáp: Có bốn cách giải thích (Yếu Tập đã ghi)

1. Nói Như Lai vô tướng viên âm vì vô tướng cho nên Phật nói một âm. Vì viên mãn cho nên ứng hợp cùng khắp chúng sinh, vì câu trả lời này không rõ không đủ.

2. Như Lai nói chỉ nói một âm chẳng biết lấy gì làm tên mà trong âm chúng sinh nghe được vô lượng pháp môn? (Câu trả lời này không đúng câu hỏi, vì không đồng với thuyết ngoại đạo Lão, Trang.

3. Nói Như Lai tùy chỗ giáo hóa một lúc, có đủ vô biên pháp môn theo đúng với việc làm, cho nên nói một âm, ý này một âm đủ các pháp môn theo đúng với việc làm, hoàn toàn khác hữu tình gọi là một âm nhưng trả lời không rõ ràng nên nói tùy sự giáo hóa sinh ra các phương loại khác nhau. Ở trong một lúc biểu hiện tất cả âm trong mỗi mỗi âm đầy đủ các pháp môn. Vả lại tùy một chúng sinh hoặc đúng với việc làm cho nên gọi là một âm chẳng dùng một âm nói chỉ một pháp, tuy nhiên trả lời câu hỏi cũng không rõ ràng.

4. Nói Như Lai đã nói ra một âm thanh thể tự tại khó nghĩ bàn

cùng với vô biên tên gọi kia tương ưng, vì nói cho chúng sinh.

Kinh ghi: Trong một lời của Như Lai đã diễn thuyết vô biên khế kinh.

Giải thích này tuy vượt hơn nhưng cũng chưa giải thích hết lý. Nói một âm là một Phạm âm, là một sát-na, là tên gọi v.v... đều sai khác. Vì trong một tên gọi đây có thể biểu hiện nhiều tên gọi khác. Nay cho rằng mỗi một thanh hoặc một sát-na thanh, mỗi một thanh đều có thể biểu hiện nhiều, hoặc một thanh biểu hiện nhiều tên gọi. Câu nghĩa chuẩn theo sẽ biết, cũng tùy nghĩa đều được gọi là một âm.

Yếu Tập ghi: "Bồ-đề-lưu-chi nói: Một âm giáo", Pháp Uyển rộng phá nhưng sợ rằng không thỏa đáng. Đây cũng không rõ ý phá kia nói một âm đốn thuyết gọi là đốn giáo, chẳng phải trong một âm tức liền nói sự cùng tận của giáo pháp, vì căn tánh trước sau không cùng một thời, đâu được nói một âm liền nói sự cùng tận của giáo pháp! Lại nữa, thiết lập như vậy không nên phân biệt riêng kinh Hoa Nghiêm v.v... là đốn giáo. Lại dùng một âm gọi là một thời không có giáo pháp được định phán.

Lại nói: Bán, Mãn là hai thời; Pháp Uyển đã phá cũng e không thỏa đáng.

Kinh ghi: Phật vì Thanh văn nói pháp Bán tự há không đứng về hợp cơ sao? Cho nên sợ rằng không phải như vậy, cũng không hiểu ý mà Pháp Uyển kia nói, ý kia không trở ngại hợp cơ mà gọi là Bán, Mãn nhưng không thừa nhận phán quyết là căn cơ tiệm đốn. Nói về tên gọi Bán, Mãn, về giáo Tiệm, Đốn là do con người định tánh cũng nói Bán, Mãn. Người nêu tông mỗi mỗi khác nhau, nói ngoại đạo như phần sau phá rõ và Pháp sư Du-già luận sao sẽ rõ. Nêu kế chấp của Tiểu thừa như Pháp sư Dị bộ sớ giải đầy đủ, sợ dài dòng nên không dẫn ra hết. Nói tự tông là tông riêng tức là chương Duy Thức. Nhưng sớ lược giải gọi là Thành Duy Thức. Đây tức là lấy Duy Thức làm tông. Thức có cảnh phi không, không có phi hữu lấy làm tông. Tuy nói rõ các pháp đều không lìa thức nhưng ngài Tây Minh nói: "Tất cả tướng phần chỉ riêng lấy thức làm tông". Biệt tức ba thứ cảnh, hạnh, quả.

Ở đây giải thích không khác với Pháp Uyển, nhưng trong Xu Yếu giải thích tên gọi, khoa văn nói rộng là ý của tông.

Thể tánh không đồng thì ở đây chia làm ba phần:

Một là phân biệt và giải thích giống như Pháp Uyển, phần này lại phân làm ba.

1. Nói chung về thể.

2. Nói riêng về giáo thể.

3. Nói sự tụ tập.

Hai là nói về giải thích khác, trong giải thích khác trước là nêu khác nhau, sau là nêu phân biệt.

Ba là nêu tự giải thích. Tự giải thích thì về sau sẽ nói rõ.

Trước nói giải thích khác thì giải thích năm môn.

1. Nhiếp vọng quy về chân.

2. Nhiếp tướng quy về thức.

3. Dùng giả theo thật.

4. Ba pháp định thể.

5. Pháp số xuất thể.

Lại nói: Ba tạng chia thành tám môn. Ở ba môn trước đều phân làm hai môn.

1. Nhiếp vọng về chân.

2. Chân vọng sai biệt môn.

Còn hai môn theo đây theo phân ra thành sáu môn:

1. Thể tự tánh của năm pháp (là năm pháp của tâm và tâm sở).

2. Sự sai biệt của ba tướng (pháp môn của ba khoa).

3. Nhiếp nghĩa về tên gọi (tên gọi là sở huân nhiếp tất cả pháp).

4. Nhiếp giả về thật.

5. Nhiếp liệt về thắng (tâm thức).

6. Nhiếp tướng về tánh.

Bốn môn của Cựu Nhiếp luận sư, gồm:

1. Thể riêng tùy theo danh nghĩa.

2. Nhiếp nghĩa về thể của danh.

3. Nhiếp trần về thể của thức.

4. Nhiếp sự về thể của lý.

Yếu Tập phân làm ba:

1. Lìa giáo năng sở thuyên, Nhập Lăng-già quyển 2 ghi: "Pháp do Phật thuyết, pháp là lìa tâm tương ưng với thể", cho nên trong chứng cảnh giới của Thánh hạnh, bốn quyển đều đồng nghĩa là pháp thân của Phật, lý Chân như sinh cái hiểu chánh trí gọi là thuyết pháp.

2. Chung với giáo năng sở thuyên, Du-già quyển 81 ghi: Thể của Khế kinh lược có hai thứ: một văn, hai nghĩa.

3. Chỉ hạn cuộc trong giáo năng thuyên. Kinh Thập Địa ghi: "Người nói, người nghe cả hai đều rốt ráo".

Y theo tám môn của ba tạng phân làm bốn môn.

1. Nhiếp vọng quy về chân môn.

2. Vọng chân sai biệt môn.

Trong môn chân vọng sai biệt gồm:

1. Nhiếp tướng quy về thức.

2. Thức tướng sai biệt môn.

Trong thức tướng tướng sai biệt này có bổn, vô bổn. Phật Địa có hai thuyết, do đây có bốn câu. Như giải thích trong phần Hữu. Trong tướng sai biệt: Một, nhiếp giả theo thật môn; hai, giả thật sai biệt môn. Trong giả thật sai biệt môn có hai:

1. Ba pháp định thể môn.

2. Pháp số xuất thể môn.

Trước là số xuất thể, sau nhóm tụ để hiển bày.

Trong pháp số nói giản lược có ba, gọi là:

1. Nội ngoại tương đối

2. Đại tiểu tương đối ở trong nội.

3. Trung biên tương đối ở trong đại.

Kế đến là nêu phân biệt có giải thích năm môn, trong tên sự lạm dụng duyên sinh gọi là vọng, đây thì có thể như vậy. Nếu căn cứ vào năm pháp tướng; tên gọi, phân biệt, chánh trí, như như, gom cả có bốn trước đều tổng quy về Như như. Chánh trí chẳng phải vọng, nói chung vì Nhiếp vào vọng tức có lỗi. Lại trong bài tụng của luận Biện Trung Biên ghi: "Hư vọng phân biệt có, đến khế hợp Trung đạo", cho nên không thể nói vô lậu gọi là vọng.

Hai: Nhiếp tướng về thức, đây cũng có lỗi. Như thức tánh gọi là thức, không khác môn trước. Nếu quy về tám thức, thức cũng là tướng, cũng không thể nói: Tướng phần sở biến của tâm vương gọi là tướng, vì không lìa thức, tất cả năm pháp đều gọi là thức. Nếu vì năm pháp gọi chung là thức, thì chẳng phải tướng, vì lìa năm pháp có thể Nhiếp về được. Nếu nói theo giáo thể tướng phần sở biến, đồng thời tâm sở cũng thay đổi các tên vì là tướng duyên.

Nhiếp giả về thật tức là môn thứ ba. Ba pháp, pháp số hợp lại là thuộc môn tánh dụng thứ tư.

Lại thâu nhiếp không hết, đã căn cứ ba pháp sao không căn cứ ở ba tánh của năm pháp? Nếu nói theo giản lược, dựa vào bốn môn, sao mượn phân làm năm môn phân làm tám môn? Đúng sai phải căn cứ như trước. Có nơi giải thích ba môn sau của sáu môn, tức vốn là ba trước, ba môn trước tức là Tánh dụng sai biệt môn thứ tư. Tuy lại khai ba lỗi rộng, lược so sánh đồng có giải thích, nhưng ý họ nói rộng trước, được hẹp sau.

Lại Nhiếp nghĩa quy tên gọi cũng ít có lỗi, chẳng phải tất cả nghĩa đều thuộc về tên gọi, nhờ danh và ngôn cho nên gọi là danh ngôn huân tập, chứ không phải tên gọi này.

Thể hai môn sau của Cựu Nhiếp luận sư cũng vốn hai môn đầu, hai môn đầu hợp lại là luận về sự khác nhau của tánh dụng, thiếu môn thứ ba Nhiếp giả theo thật, cũng rộng lược lỗi. Ba môn của Yếu Tập lìa năng sở thuyên, tức là nhiếp tướng về tánh, kéo công về gốc, lại là cảnh sở duyên của trí vô phân biệt, nhờ cảnh khởi trí. Nói pháp là pháp Phật thuyết nhờ sự hiện rõ nó. Nói vì lìa tâm tương ưng, vì bên trong chứng cảnh giới thánh hạnh gọi là pháp Phật thuyết, chẳng phải là chân trí chánh chứng như thời, năng chứng sở chứng có hành giả này gọi là thuyết pháp. Hai môn sau cũng tức là Tánh dụng biệt luận môn.

Yếu Tập ghi: Y nơi tám môn của ba tạng phân làm bốn, tiệm lược:

1. Nhiếp vọng quy chân.

2. Vọng chân sai biệt môn.

Trong Chân vọng sai biệt môn: Một nhiếp tướng quy về thức môn v.v... Ý này rộng dần dần hẹp gọi là lược. Nhưng Nhiếp vọng quy chân tức lấy một pháp, cho đến pháp số nêu ra thể, lấy thanh, danh, cú, văn tức có nhiều pháp đâu gọi là lược, không hiểu do nguyên nhân gì. Nay vì tiệm lược tức hai ý:

1. Từ chung hướng đến lược riêng, tức từ đầu đến cuối.

2. Từ nhiều hướng đến ít, vì lược từ ngọn đến gốc, hơn nữa ở giáo thể trình bày lược bớt.

Vì trong luận về sự sai biệt của tánh dụng năng thuyên, sở thuyên khác, do văn nghĩa của năng thuyên đã rõ ràng nên lược bớt nghĩa của sở thuyên chỉ lấy năng thuyên. Cho nên người nói người nghe trong luận Thập Địa đều nhờ hai việc mà được rốt ráo: đó là âm thanh và chữ "thiện".

Trong năng thuyên có thanh, danh, cú, văn tức giả thật khác nhau. Nhiếp giả theo thật lấy âm thanh làm thể, cho nên Tập luận v.v... ghi: Thanh sở dẫn đã thành để làm thể của giáo, đối với âm thanh năng thuyên nên năng sở thay đổi khác nhau. Nhiếp từ năng biến lấy thức làm thể, ngay trong thức tánh tướng có phân biệt. Nhiếp tướng quy về tánh dẫn văn ra có thể biết.

Trong Tụ tập hiển hiện nói: Trong năm tâm, ba tâm trước chỉ có Vô ký, hai tâm sau thông cả thiện và nhiễm. Nghĩa này chưa rốt ráo, trái với phần thứ năm giải thích năm tâm của Duy thức, vì họ thừa nhận

trong định có hai tâm đầu. Tóm tắt sự phân biệt của thức, văn nhiều không dẫn ra hết.

Yếu Tập ghi: "Có người nói đắc được cảnh mới cho nên gọi là chợt hiện". Lại có giải thích không tác ý duyên gọi là chợt hiện, cái nào là đúng? Giải thích rằng: Luận chỉ có mặc tình. Nếu nói cảnh mới thì chưa thấy văn nào ghi chép, nhưng theo đạo lý, hợp có hai nghĩa. Nay cho rằng không như vậy. Du-già quyển 3 ghi: "Lại khi ý thức mặc tình tán loạn duyên với cảnh chưa quen, không có các dục sinh gọi là chợt hiện". Đã nói không duyên cảnh chưa quen tức là cảnh mới. Nếu chỉ có mặc tình tán loạn duyên cảnh, không cùng với các dục gọi là chợt hiện, trừ ý thức ra còn tất cả thời chỉ gọi là chợt hiện nên không có tâm khác. Vì chưa đạt được địa vị chuyển y đều chỉ có duyên mặc tình tán loạn. Lại có sự đồng dị, sợ dài dòng nên không nêu đủ.

Nói Tụ tập hiểu hiện như nói các hành vô thường. Có giải thích rằng: Ấn Độ có ba cách giải thích:

1. Khi nói chữ "các" thì chợt hiện hiện lượng tìm cầu, cảnh trước không duyên với tên gọi, nhưng được thanh và tướng, đến tâm quyết định hiện đủ ba tướng là thanh, tên gọi, chữ. Nói "hành" hiện ra sáu tướng, nói "vô" hiện ra chín tướng, nói chữ "thường" thì hiện ra mười hai tướng, câu và sở thuyên hợp thành mười bốn pháp. Trải qua mười sáu tâm mới tụ tập đầy đủ nghĩa là trong bốn chữ mỗi chữ có bốn tâm là nhĩ thức, ý thức đều có bốn chợt hiện và ý tìm cầu quyết định đều có bốn.

2. Vì tìm cầu là phi lượng nên cũng duyên với tên gọi v.v..., đối với tìm cầu cũng được tụ tập, bốn tâm tìm cầu như thứ tự của nó cũng được ba tướng, sáu tướng, chín tướng cho đến mười bốn tướng. Chuẩn theo trước nên biết tu tập đầy đủ trải qua mười hai tâm.

3. Nhĩ thức đồng duyên với ý thức cũng duyên tên gọi v.v..., đây có hai thuyết:

Một là bốn tâm chợt hiện đều chỉ có được ba tướng không duyên với hiện lượng của quá khứ được, nên không nói tụ tập đến tâm tìm cầu mới gọi là thể của giáo.

Hai là nhĩ thức đồng thời với ý thức bao hàm cả phi lượng và hiện lượng cho nên được duyên với quá khứ, tức là trong tám tâm tụ tập đầy đủ .

Nay gọi là chưa rốt ráo, khác vả lại trong giải thích đầu, tâm đã giải thích thì nhiều mà pháp tụ tập thì ít. Cái gì tụ tập trên ý thức? Vì sao phải trải qua bốn tâm chợt hiện của nhĩ thức, lẽ nào thừa nhận ý

thức không giữ bản chất chỉ duyên với âm thanh sở biến của nhĩ thức thôi sao? Đã thừa nhận ý thức, nhĩ thức đồng thời tự duyên bản chất chỉ cần trải qua mười hai tâm của ý thức, không cần mười sáu tâm. Nếu lấy chợt hiện của nhĩ thức thì phải lấy duyên thanh của nhĩ thức nên thành mười tám pháp. Nếu lấy tương tợ của thanh chỉ nói mười bốn pháp, nếu nói tương tợ của tâm thì nói mười hai tâm. Như thật nói nghĩa là trừ bốn chợt hiện của nhĩ thức, chỉ cần qua mười hai tâm của ý thức.

Các pháp sở tập: bốn sát-na thanh, bốn chữ, bốn tên gọi. Bốn tên gọi sở thuyên tức bốn tự tánh. Lại có một câu và sở thuyên của câu là một nghĩa sai biệt, hợp lại thành mười tám pháp Tụ tập hiển hiện. Đây căn cứ vào một tướng. Nếu căn cứ một chữ v.v... thì hiện ra vô lượng chữ. Pháp thì không nhất định, nói ba tánh, các thức trong tâm, cho đến phần thứ năm nói về sự đúng sai của nó.

Lại vốn đã nói, đi với "hành" và "thường" mới quyết định, quyết định biết "hành" dời đổi của các thuyên, "vô" thì ở nơi "thường" kia. Có thuyết giải thích bốn chữ đều có quyết định.

Yếu Tập ghi: Nếu không có giải thích này thì đối với lý sẽ thiếu, tuy có các giải thích nhưng chưa hết lý. Nghĩa là người lập luận, muốn thành lập vô thường. Đối với địch luận liền lập lượng rằng: "Các hành vô thường". Các địch luận kia tuy nghe ba chữ trước nhưng đối với sở lập chưa sinh hiểu chắc chắn. Khi nói chữ "thường" mới sinh hiểu chắc chắc cho nên ba chữ trước chưa có quyết định, cho đến nói rằng: Nếu y nơi giải thích này lập nhân dụ, sau mới sinh quyết định, cũng chuẩn theo lý này và tông này mà lập tông. Nếu khi chưa hiểu thì chưa có quyết định về nhân dụ, từ đó về sau mới sinh ra quyết định, nghĩa nay nên suy xét. Lại ngài Tây Minh giải thích ở trong bốn chữ đều quyết định. Vả lại nghe chữ "các" thì biết nó chỉ cái gì, đã chưa biết "các" ở pháp nào, làm sao sinh quyết định được?

Nếu nói quyết định biết là các âm thanh có tâm quyết định, khi nói chữ "hành" phải có ba quyết định. Quyết định biết chữ "các", nó hành cho cái gì, nếu không quyết định biết chữ "các" thì tên gọi "hành" sẽ không sinh hiểu. Hai chữ "vô thường"còn lại y cứ theo đây tức hợp lại có sáu quyết định, không phải chỉ có bốn cho nên cũng có lỗi tăng giảm.

Những điều Yếu Tập ghi cũng không hết lý. Đối địch mới lập lượng cũng nói như vậy, hoặc chỉ nói pháp không lập tỷ lượng có thể không có quyết định. Cho nên ý của Pháp Uyển đều căn cứ vào thuyết pháp. Quyết định biết các chữ đó chỉ cho cái gì, sinh tâm quyết định

nói có bảy tâm hoặc mười hai tâm v.v... cho nên không có lỗi, không chỉ căn cứ yếu nghĩa đã nói để phán định nhiều ít, những thứ khác đã nói lại, sao không nói hết? Yếu Tập ghi: Pháp Uyển nói: Các điều ác chớ làm, y theo Bà-sa lập ra tự, tự thân, đa tự thân, danh, danh thân, đa danh thân v.v... Khi nghe một câu ngay đó có năm mươi mốt pháp. Nay bảo nghe qua nghĩa một câu mà sinh tâm hiểu biết, nhất định không có sự hiện diện của nhiều pháp như vậy. Điều này không thể hiểu được ý của Pháp Uyển.

Vả lại căn cứ một câu lập ra như vậy, như nói năm chữ hoặc có một chữ, danh tức là danh, danh thân có mười lăm pháp, nghĩa là mười lăm pháp tụ tập hiển hiện quyết định lời nói. Khi nghe một câu có mấy tụ tập? Như trong năm Biệt cảnh quyển 5 năm là cách lập này. Yếu Tập ghi: Do lý này cho nên có tự chẳng thuộc danh, mỗi một tự không thành câu, tự làm hai chỗ nương, cho nên ở đây có mười tám pháp, nghĩa là tự có mười lăm, tự có năm, tự thân có bốn, đa tự thân có sáu, chuẩn theo tác pháp sẽ biết đây không đúng như vậy. Nếu nói tự và tự thân có mười lăm pháp, phần sau chuẩn theo đây sẽ biết. Một câu, một tên gọi, một nghĩa sở thuyên, ở đây không như vậy, nhờ chữ mà thành tên gọi, nhờ tên gọi mà thành câu, các chỗ đều nói như thế, lẽ nào “đừng làm” không phải là tên gọi sao? Nếu không như vậy thì Khổ, Không lẽ ra cũng chẳng thuộc tên gọi.

Lại dưới đây tự cho rằng “các hành vô thường” hai tên gọi là đúng, vì sao chỗ này chỉ một tên gọi? Lại không nên nói một nghĩa sở thuyên, như luận Du-già v.v... Sở lập có hai: một là tự tánh, hai là sai biệt. Lại tự tánh của danh thuyên, sai biệt của cú thuyên, tự tánh, sai biệt há không có hai mà nói một nghĩa ư? Lại nói: Nếu không nương tướng thức, thì phải theo nghĩa mà lập pháp, chẳng phải chỉ có năm mươi hợp lại thành bảy mươi mốt pháp. Tự có mười lăm pháp, danh có ba lăm pháp, cú có hai mươi pháp và nghĩa sở thuyên. Ý ở đây hoặc có hai tên gọi thành một câu, ba tên gọi thành một câu, bốn tên gọi thành một câu, năm tên gọi thành một câu. Ba mươi lăm tên gọi có hai mươi câu, ý một chữ thành tên gọi ở đây có năm tên gọi, hai tên gọi thành một câu có bốn, là do hai câu hợp lại, ba tên gọi thành câu có bốn, ba hợp lại ba, bốn tên gọi thành câu có hai, bốn hợp với bốn, năm tên gọi thành câu có một, tổng hợp năm phần này tức có mười câu. Hai, trong chữ thành tên gọi, tên gọi đã có bốn; hai tên gọi thành câu có ba, ba tên gọi thành câu có hai, bốn tên gọi thành câu có một, tổng cộng có sáu câu. Trong ba chữ thành câu, hai tên gọi thành câu có hai, ba tên gọi

thành câu có một. Bốn trong chữ thành tên gọi làm câu có một câu, tổng cộng là hai mươi câu. Năm chữ thành tên gọi, tên gọi chỉ có một, một tên gọi không có câu và một nghĩa thuyên, hợp lại thành bảy mươi mốt. Đây cũng không như vậy. Vì sao thế? Nếu luận về chữ thì có năm, tên gọi có mười lăm, một chữ mà thành tên gọi có năm, hai chữ mà thành tên gọi có bốn, ba chữ mà thành tên gọi có ba, bốn chữ mà thành tên gọi có hai, năm chữ mà thành tên gọi có một. Nếu tự thân, danh thân tức là trùng hợp chỗ kia, chẳng phải lại có tên gọi và chữ khác nhau, kết hợp với câu có hai mươi hợp với ba mươi lăm nghĩa sở thuyên, có đủ tự, tự thân có mười lăm, danh, danh thân có ba mươi lăm, cú có hai mươi hợp lại trăm lẻ năm. Nếu cả cú, cú thân và thanh sở y thì lại có nhiều. Nay chỉ nói là bảy mươi mốt tức có lỗi tăng giảm. Bổn ý của Pháp Uyển lại căn cứ năng thuyên thô mà tác pháp như vậy, lại đã luận tế thì không hết cho nên có lỗi.

Hỏi: Dựa vào đâu biết được, nhờ chữ mà thành tên gọi, nhờ tên gọi thành câu?

Đáp: Kinh Giải Thâm Mật quyển 5 ghi: "Tức ở trong tất cả tên gọi tụ tập". Lại Bách luận quyển 8 ghi: "Các thế gian tùy theo sự thay đổi của tự tâm", nghĩa là có các chữ hòa hợp thành tên gọi, lại nói các tên gọi hòa hợp thành câu, cho nên biết như vậy.

Sau thuật lại người tự giải thích, từ đầu đến cuối có mười hai môn, ở bốn môn đầu lại có thêm hai, tức là bốn môn sau chấp vô tướng nhân duyên, hợp với trước thành sáu. Bảy là thể phát suất của ba tánh, tức dựa vào biến kế, y tha, đây là viên thành thật. Tám là y nói bốn chân thật của luận Hiển Dương v.v... Và bốn chân thật của luận Biện Trung Biên. Chín là y nơi năm tướng, tức là tướng năng thuyên, sở thuyên của luận Du-già. Mười là y nơi năm pháp, tức là tướng, tên gọi v.v... Lại có bốn luận kinh không đồng nhau: một là luận Du-già, hai là luận Biện Trung Biên, ba là kinh Lăng-già, bốn là Nhiếp luận Đại Thừa. Như Duy Thức quyển 8 giải thích. Mười một là căn cứ vào luận Du-già quyển 81 ghi: Thể của kinh có hai: một là văn năng thuyên; hai là nghĩa sở thuyên. Trong văn và nghĩa mỗi phần có nhiều pháp đều là của kinh. Mười hai là căn cứ vào Bách Pháp vì ba khoa và năm pháp đều thông cả ba Thừa, xen lẫn Tiểu thừa không nói ra chỉ lấy ở Đại thừa. Lại lược có hai: Tổng nêu thể có bốn là Chân như, Duy thức, vô tướng, nhân duyên. Riêng thì có tám vì thông thể tánh, vì pháp riêng biệt, lược nêu đại ý, nhiều không thuật kỹ.

Ba nói chỗ quay về, lại chia làm bốn: một quy tạng; hai quy phần;

ba quy thừa, cũng như chương tạng, phần, thừa của Pháp Uyển; bốn quy tên gọi.

Ban đầu bàn luận, sau quy nạp lại. Bàn luận có ba: một bàn luận về Lục thích, cũng như chương Tổng Liệu Giản trong Pháp Uyển được gọi là Huyền cách biện. Nhưng có giải thích trong Lục thích thì Y sĩ, Y chủ có bốn câu biện rằng: Có Y sĩ chẳng có Y chủ như thủ uẩn, vì thủ là pháp, chẳng phải tâm vương. Có Y chủ chẳng có Y sĩ như uẩn thủ, đây không phải như vậy. Nếu Y sĩ và Y chủ không nhiếp nhau thì phải có Thất thích. Có giải thích Lục thích buộc phải đưa ra ba ví dụ.

1. Thể đồng chẳng phải khác là Trì nghiệp và Đới số.

2. Thể riêng chẳng phải đồng là Tương vi và Lân cận.

3. Cũng đồng cũng khác là Y chủ và Y tài, lý của Tư có lạm nhau.

Nếu để giải thích pháp không tức là không chướng ngại, căn cứ theo Lục thích, thể thì không nhất định như vậy. Vả lại như Tứ đoạn, đoạn là Cần tâm sở, Tứ là số, tức Bất tương ứng.

Thể đồng là gì? Lại như trái với năm thức thân tương ưng địa, ý địa, dùng hai pháp khai hợp lại một chỗ, nói căn cứ thể đều khác. Như năm thức thân tương ưng địa chính là địa không phải là dụng. Ý kia tương ưng, năm thức thân là địa, cũng chẳng phải dùng năm thức tức là ý địa v.v... Đã nói năm thức tương ưng địa, đây há có thể khác sao?

Yếu Tập ghi: Tam tạng tương truyền ước lược phân làm bốn.

1. Dụng tự chẳng phải tha.

2. Dụng tha chẳng phải tự.

3. Tự tha đều dụng.

4. Tự tha đều không dụng.

Trì nghiệp chỉ nói câu đầu, Y chủ nói câu thứ ba, Hữu tài nói ở câu thứ hai, Tương vi chỉ nói câu thứ tư. Lân cận nói thông với câu hai và câu ba. Đới số nói ở câu đầu và câu ba, thậm chí đới số cả ba câu, như bốn Chánh đoạn tức là câu đầu, vì câu thứ tư là chánh đoạn. Như bốn Thần túc là câu thứ ba vì câu thứ tư thuộc về dục v.v... chẳng phải thần túc. Như nói Tam Tạng pháp sư cũng là câu thứ ba, nếu chỉ nói Tam Tạng là câu thứ hai, vì câu thứ ba tức là tụng đều chẳng phải người kia họ giải thích rất rộng, đây e phiền không giải thích đầy đủ như theo cách giải thích này có sự lẫn lộn nhau. Sự giản lựa và lạm quá của Lục thích phải nên suy nghĩa.

2. Bàn luận về bốn tên gọi nghĩa là giáo, lý, hành, quả. Nhưng Chân Đế Tam tạng có năm loại tên gọi: Một là nghĩa; hai là tướng; ba là

phương tiện; bốn là quả; năm là cực thanh tịnh. Cực thành tịnh nghĩa là A-hàm tịnh nên tức là giáo, nhưng đại ý của nghĩa và tướng không khác, vì sở thuyên chính là có lý thật đạo gọi là nghĩa thanh tịnh, xa lìa tăng giảm gọi là tướng thanh tịnh, cho nên nay hợp nó lại là lý sở thuyên, lập chung bốn tên gọi. Trong bốn tên gọi phân làm hai: trước là lập tên gọi bất đồng; sau lập tên gọi ý.

Lập tên gọi bất đồng nghĩa là: Một, nương nơi giáo có ba tên gọi:

1. Lời nói vô nghĩa, như bốn luận Phệ-đà, âm thanh tụng đọc của Bà-la-môn, có thượng, trung, hạ, rất tự đáng ưa, nhưng dựa nơi âm thanh tìm lý đều không có nghĩa thú, cho nên gọi là lời vô nghĩa. Như trong luận Phệ-đà ghi: "Ta đã uống nước cam lồ đạt được bất tử, ta đã nhập vào Hỏa quang, xin chư Thiên thấu hiểu", nghĩa là đục biển sữa cho là cam lồ uống nó thì được bất tử, tụng những đời này tuy âm thanh rất hay nhưng mà đều là vô nghĩa, cho nên gọi là vô nghĩa.

2. Lời tà vọng như chín mươi sáu hạng ngoại đạo cũng nói nhân quả, nhưng lại nói trái ngược, cho nên gọi là tà vọng.

3. Lời như nghĩa, như đạo lý nhân quả của Phật nói. Khổ, tập là nhân quả của thế gian; Diệt, đạo là nhân quả của xuất thế, chân thật như tên gọi cho nên gọi là lời như nghĩa.

Hai, là nương lý cũng có ba tên gọi:

1. Nghĩa tăng ích như ngoại đạo nói: Pháp Hữu lậu là thường lạc ngã tịnh cho nên gọi là nghĩa tăng ích.

2. Nghĩa tổn giảm, như đoạn kiến nói đoạn tà kiến, phỉ báng có nhân quả, thiện ác v.v... gọi là nghĩa tổn giảm.

3. Nghĩa thuận theo thể, như Đức Phật đã nói: Có nói là có, không có nói là không, xứng với thể của pháp, cho nên gọi là nghĩa thuận theo thể.

Ba, nương theo hành cũng có ba tên gọi:

1. Nhân thuận theo thế gian, như nương theo sách thế tục, thờ vua tận trung, chơi bạn giữ chữ tín v.v...

2. Nhân tà vạy, nghĩa là các ngoại đạo vọng chấp các tà giới.

3. Nhân trong xứ, nghĩa là y Phật dạy, trong hành xứ thực hành lìa khổ, lạc v.v...

Bốn, nương vào quả cũng có ba tên gọi:

1. Quả xiểm cuống, như quan phục tùng theo lệnh của vua để được vinh hiển.

2. Quả hư vọng, là nói các ngoại đạo vọng chấp cõi trời Vô tưởng

và trời Hữu đảnh v.v... cho là Niết-bàn v.v...

3. Quả xuất thế là như Đức Phật nói Bồ-đề Niết-bàn mà ba Thừa chứng đắc .

Lập tên gọi ý, nghĩa là vì được bốn sự thanh tịnh cho nên lập bốn tên này, vì được giáo thanh tịnh cho nên đặt tên như nghĩa, ý nói giáo pháp không xen tạp, tất cả không vượt quá nghĩa mà lập không thể phá hoại, có thể ngộ được lý. Giáo nêu không đúng nên dễ bị phá hủy, vì không đắc ngộ được lý, lập như nghĩa vì đắc được lý thanh tịnh cho nên lập tên gọi thuận thể nghĩa. Lý có sự tăng giảm, lý của thánh trí quán thì không thể nhập vào, thuận nghĩa mà nói lý của chánh trí quán thì dễ vào, cho nên lập tên thuận thể nghĩa. Vì đắc được hạnh thanh tịnh, cho nên lập tên Nhân trong xứ vì Hành trong xứ đối với thuận thể và nhân tà vạy, nó đều có thể chuyển trong Hành trong xứ này thì không thể chuyển dùng quán giới xứ v.v... Ở trong Hành trong xứ, quán nhân tà vạy, nhân hành tà vạy có thể chuyển. Quán uẩn xứ giới v.v... thì không thể chuyển vì nhân quả của bốn Đế đã có quán hạnh đối với quán uẩn v.v... có thể chuyển. Dùng hai Không hành quán, bốn Đế hành, bốn Đế có thể chuyển, hai Không hành thì không thể chuyển, dùng hai Không trí đã không thể chuyển, chứng được trí chân cũng không thể chuyển, dùng không thể chuyển nên ngay nói trí chân này và Hậu đắc trí lấy làm thể của chánh hạnh có thể khiến cho quả đã đắc không thể chuyển, tức gọi là phương tiện chánh hạnh thanh tịnh.

Chánh hạnh có hai khả năng:

1. Ra khỏi điều ác nhập vào điều thiện.

2. Ra khỏi Hữu vi nhập vào Vô vi.

Cho nên chánh hạnh này tức là Nhân trong xứ vì đắc được quả thanh tịnh, cho nên lập tên của quả xuất thế. Quả thanh tịnh là Vô dư Niết-bàn, tất cả hệ lụy đã hết cho nên gọi là quả thanh tịnh. Hữu lậu có bốn lỗi: Tức là vô thường, khổ, không, vô ngã. Vô lậu có bốn đức: Tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Đã lìa được lỗi cho nên gọi là quả xuất thế, ý này do nương theo chánh giáo để quán chánh lý, khởi chánh hạnh đắc Thánh quả.

Nếu giáo có sự tà vạy thì không hiển được chánh lý, cho nên y theo khởi hạnh tức là đều điên đảo, hạnh đã điên đảo thì được quả ác. Vì đắc được bốn loại thanh tịnh này nên lập bốn tên này.

Lại nương chánh giáo sinh văn tuệ, nương chánh lý khởi tư tuệ, nương chánh hạnh được tu tuệ, khi ba tuệ đã được tròn vẹn sẽ đắc được Thánh quả, cho nên Nhiếp luận ghi: “Văn, tuệ v.v... đã luân tập mà

không sinh quả thì chẳng phải lý của đạo", cho nên lập ra bốn tên.

Ba là y vào nhân pháp mà lập ra danh mục của nó, trong đó có hai: trước là lập ý, sau là sai biệt. Trong lập ý có hai nghĩa: một là nương ý thiện; hai nương ý ác.

Nếu nương ý thiện tức là lập tên cung kính. Nếu nương ý ác tức là lập tên hủy báng, như gọi pháp sư, pháp chủ v.v... là tên gọi cung kính người, còn gọi là người lỗi, người hèn thì đây là tên hủy báng người. Nếu gọi là chánh pháp, thắng pháp là tên gọi cung kính pháp, nếu gọi là tà pháp, ác pháp là tên hủy báng pháp: Như kinh Tệ Ma là gọi là kinh hủy báng người. Kinh Thái Tử Tu-đạt-noa v.v... là kinh cung kính người. Kinh Thập Bát Nê-lê v.v... là kinh hủy báng pháp. Kinh Đại Bát-nhã v.v... là kinh cung kính pháp. Trong đó lại phân biệt tên song hoặc đơn, như kinh Phật Tạng, kinh Bồ-tát Tạng v.v... là những kinh cung kính cả hai. Nhưng hủy báng nhân pháp như kinh Ma Nghịch v.v... Có loại đối với nhân, xứ vừa hủy báng vừa cung kính như kinh Vị Sinh Oán Vương. Lại đối với pháp và xứ vừa cung kính vừa hủy báng như luận Biện Trung Biên, chữ "trung" là sở cung, chữ "biên" là sở hủy. Lại đối với nhân, pháp đều cung kính đều hủy báng, như Cựu luận ghi: "Luận Bộ Chấp Dị, Bộ Chấp là tên gọi cung kính, Dị là tên gọi hủy báng, Bộ nghĩa là Chúng, gọi Thánh đệ tử là bộ, Chấp là chấp chặt, là chấp các mà Phật giảng nói trong ba Tạng. Nhưng chấp tên gọi mới là thông cả năng sở, chính lấy pháp sở chấp làm chấp, nhân năng chấp là Thánh đệ tử. Pháp sở chấp đều là Phật pháp. Nay lấy tên gọi Bộ chỉ cho chúng Thánh đệ tử, lấy tên gọi Chấp để chỉ cho pháp của Phật nói, nên Bộ chấp là tên gọi cung kính. Sở cung kính là những thứ không ngoài nhân và pháp. Bộ là tên gọi nhân, Chấp là tên gọi pháp, tách rời là nghĩa của chữ "dị". Nhân, pháp đều tách rời, nên gọi là Dị, chúng Thánh đệ tử phân pháp bộ với nhau tức là Nhân dị, nghĩa chấp thủ đó không ai giống ai tức là Pháp dị. Vì nhân bè đảng với nhau cho nên nhân khởi lên sự tranh chấp, vì pháp không giống nhau, nên pháp bài xích nhau, cho nên lập tên gọi Dị. Dị là tên gọi phỉ báng, nhưng nay luận này là tên gọi cung kính, vì đã thành lập giáo lý Duy thức của Thế Tôn đã nói. Hoặc tên gọi phỉ báng, khiến nó nương nơi trí mà không nương nơi thức. Hoặc thức này nói tuy đã chán nhưng vì cung kính Thế Tôn đã nói ra giáo lý, cho nên gọi là Thành Duy Thức luận.

Hỏi: Vì sao đối với hai chỗ nhân pháp này lập các tên đó?

Đáp: Vì nương theo pháp diệt tránh của Phật. Diệt tránh có hai: một là Diệt ngoại tránh, hai là Diệt nội tránh. Ngoại tránh tức là diệt sự

tranh chấp của người. Nội tranh tức là diệt sự tranh chấp của pháp. Hủy nhân là diệt sự tranh chấp của người, hủy pháp là diệt sự tranh chấp về pháp. Diệt sự tranh chấp của nhân khiến chi họ tu sáu pháp hòa kỉnh, đây kia đồng trì giới, đồng kiến đế, đồng dùng tài vật. Đối với ba pháp trì giới, kiến đế, tài vật, họ và ta không tách rời, cho nên hòa hợp không tranh chấp. Đối với ba pháp thân, khẩu, ý đều tu từ bi, cứu khổ ban vui để nhiếp hóa người hiện tiền cho nên hòa hợp không tranh cãi. Diệt sự tranh chấp bên trong, pháp đã có hai là hắc thuyết và đại thuyết. Như thứ tự phối hợp các cặp đối như: trong ngoài, đại tiểu, liễu bất liễu, nói thiện, nói ác. Nghe người trước nói pháp hắc thuyết và pháp đại thuyết không nên vội tin theo, căn cứ tương ưng với ba Tạng thì nên tin thọ, nếu không tương ưng thì nên bỏ. Nếu y theo đây mà chấp nghĩa, thì pháp hòa hợp không có tranh chấp.

Hỏi: Vì sao cần phải diệt hai sự tranh chấp?

Đáp: Tu từ bi trí tuệ huân tập thành đức của Phật. Vì Phật có trí tuệ và từ bi, dùng trí tuệ cho nên thâu nhiếp chánh Pháp khiến cho hòa hợp. Vì dùng từ bi nhiếp hóa chúng sinh khiến cho hòa hợp. Các nhà tạo luận giải thích cũng học theo trí tuệ, từ bi của Đức Phật, vì để nhiếp pháp và nhiếp nhân. Lại có nhiều cách giải thích như Bộ Chấp sớ giải rộng.

Hai, biện luận sự sai biệt: là trong các kinh luận cũng có y pháp y dụ làm tên, hoặc đơn hoặc song. Trong các kinh có y xứ, thời, sự, pháp lập tên đều thuộc về pháp. Y pháp, dụ là vì những kẻ lợi căn, độn căn, vì hiển bày sự thanh tịnh sáng suốt của pháp, cũng vì sự khen chê. Nương Tam bảo mà lập ra cũng thuộc về nhân và pháp. Trên đó nói rộng, đây nói sự sai biệt của nhân và pháp để gom các tên lại và nêu giáo hiển đều như Pháp Hoa Nghĩa giải thích. Trên luận bàn về tên đã xong.

Thứ hai, quy về tên gọi: lại chia làm bốn đoạn:

1. Giải thích chung về luận Thành Duy Thức.
2. Bàn luận riêng về năng sở thành tên.
3. Nói về ý lập tên.
4. Giải thích về chung về nghi tình.

Trước là giải thích chung như Xu Yếu. Biện thích về năng sở thành trong Xu Yếu có mười giải thích, nay nói lại thêm về nó. Nói Duy thức là từ thô đến tế có năm lớp như chương Duy thức biện rõ, tức là sở thuyên đã có năm lớp thì giáo năng thuyên cũng có năm sự riêng biệt. Hoặc nhờ năm lý của Thế Thân để thành tựu năm giáo của Phật, hoặc nhờ năm giáo để thành tựu năm lý kia, hoặc nhờ năm giáo để thành tựu

năm giáo, hoặc nhờ năm lý để thành tựu năm lý, hoặc nhờ năm lý để thành tựu năm lý giáo của Phật, hoặc nhờ năm giáo để thành tựu năm giáo lý của Phật, hoặc nhờ năm giáo lý để thành tựu năm lý, hoặc nhờ năm giáo lý để thành tựu năm giáo lý của Phật.

Vả lại nhờ ngài Thế Thân để nhìn lại những lời Phật dạy mà làm thành bốn mươi lăm cách giải thích. Lại các ngài Hộ Pháp v.v... giải thích cả hai, cũng thành bốn mươi lăm, hợp lại thành chín mươi cách giải thích. Lại nữa các ngài Thiên Thân, Hộ Pháp v.v... giáo pháp phân thành ba cảnh, hành, quả, đầy đủ như Xu Yếu trước có một trăm lẻ sáu cách giải thích. Lại nhờ giáo lý v.v... chung cả đơn và song mới có nhiều, nếu chuẩn theo có thể biết.

Nói lập ý như Xu Yếu giải thích rộng.

4. Giải thích chung về nghi tình.

Xu Yếu ghi: Nói theo chánh tông ở sau có người phân làm hai: một là nhân, hai là quả. Văn sau đã như vậy, tuy sẽ nói nhưng trên lập ý của tên Thành Duy Thức, dựa vào câu hỏi đây lập ý để giải thích nghi ngờ, nay hỏi vì sao kinh nói Duy tâm, luận nói Duy thức?

Đáp: Một là tâm ý thức thể thì một tên thì khác, nếu cùng gọi một tên cũng không chướng ngại gì. Hai là nói tâm tích tập pháp thù thắng, Thức thì rõ biết sự ưu việt của biệt cảnh. Như luận Du-già 51 ghi: "Căn cứ đạo lý thù thắng mà kiến lập sự sai biệt tâm, ý, thức", tâm gọi là Thức thứ tám, vì căn bản của tạp nhiễm và hoàn diệt. Kinh căn cứ tên gọi ban đầu, luận y theo nghĩa sau.

Ba là tâm, ý thức đều thông cả quả, thức chỉ ở nơi nhân, kinh y cách gọi chung, luận theo tên gọi hạn cuộc.

Bốn là luận theo sở chán làm tên gọi, kinh y theo nghĩa của thể làm đề mục.

Bốn khoa giải thích bản văn có ba đoạn.

A. Nói về năm tháng và chủ, như sớ giải đã nói.

B. Nói về chi phần, nghĩa là ý tạo luận của các Bồ-tát đã không những nêu rộng kinh Phật mà cũng để làm rõ nghĩa trong luận Du-già, nêu giáo chẳng đồng, lược có mười chi. Chi nghĩa là chi phần, và chi phần của Du-già, có mười chi gồm:

1. Luận Bách Pháp.

2. Luận Năm Uẩn.

Hai bộ luận trên đây là của ngài Thiên Thân tạo.

3. Luận Hiển Dương, còn gọi là luận Tổng Bao Chứng Nghĩa. Luận này do Bồ-tát Vô Trước tạo.

4. Luận Nhiếp Đại Thừa. Luận này vốn do ngài Vô Trước tạo nhưng giải thích luận thì do ngài Thế Thân, Vô Tánh v.v...

5. Luận Tạp Luận, luận này xưa của ngài Vô Trước tạo, bản hiện nay được thịnh hành thì chỉ có sự giải thích của Giác Sư Tử, An Tuệ Bồ-tát hợp thích.

6. Luận Biện Trung Biên, bản tụng của luận này của Bồ-tát Từ Thị. Bộ Thích luận do Bồ-tát Thiên Thân tạo.

7. Luận Nhị Thập Duy Thức.

8. Luận Tam Thập Duy Thức.

Bản tụng của hai luận này đều do Thiên Thân tạo. Phần giải thích luận Tam Thập Duy Thức là do Bồ-tát Hộ Pháp tạo. Bồ-tát Thiên Thân làm phần giải thích cho Nhị Thập Duy Thức.

9. Luận Đại Trang Nghiêm.

Bản tụng của luận này do Bồ-tát Từ Thị tạo, Bồ-tát Thiên Thân giải thích.

10. Luận Phân Biệt Du-già. Luận này do Bồ-tát Từ Thị tạo.

Nay lại giải thích thêm, trong mười chi trừ Nhiếp Đại Thừa, luận kia chỉ giải thích kinh A-tỳ-đạt-ma không phải là nghĩa chi phần của luận Du-già, lẽ ra phải thêm luận Chánh Lý Môn, bởi trong duyên khởi của luận ghi: “Quốc vương Đạt-la thỉnh Bồ-tát Trần Na chứng quả vô học. Bồ-tát an ủi Quốc vương, ngài muốn làm theo lời thỉnh của vua, ngay khi ấy ngài Văn-thù-sư-lợi ở giữa hư không gảy móng tay ngầm báo rằng: Sao bỏ đại tâm mà mong cầu tiểu quả. Ông nên viết ra luận Nhân Minh để xiển dương luận Du-già của Từ Thị đã tạo. Bồ-tát kinh vâng theo lời dạy phụng hành chu toàn liền viết ra luận Chánh Lý Môn”, cho nên lấy luận này cho là một chi. Tập Lượng, Nhân Minh đều thuộc chi này.

Luận Chánh Lý Môn còn gọi là luận Kiến Chánh Tồi Tà. Hoặc có thể giải thích xưa mới là đúng, tuy giải thích A-tỳ-đạt-ma, Du-già cũng là giải thích rộng các kinh. Duy thức tức là các kinh như Hoa Nghiêm v.v... nói đã là của chi kia, cho nên lấy Nhiếp luận cũng lại không ngăn ngại.

Hỏi: Nếu như vậy Nhân Minh thuộc chi nào?

Đáp: Nghĩa môn ít cho nên lược bớt không gọi là chi, vì Duy thức này tức là một chi trong mười chi.

C. Giải thích về chánh khoa như sớ trình bày đầy đủ. Ngài Tây Minh nói: Tông trong các giải thích đều khác, như ngài Hộ Pháp, Nan-đà v.v... phần nhiều nói là tông chỉ, sẽ giải thích trái với văn, ngài Hỏa Biện, Thân Thắng chính là giải thích bài tụng gốc để nêu ý của luận.

Bồ-tát An Tuệ lập tỷ lượng để bác lỗi của tông khác, do nghĩa biệt hành nhiếp của các bộ luận này đều không đầy đủ, nay ý chưa rõ ràng, kiểm từ đầu đến cuối của luận chưa thấy ngài An Tuệ chỉ phần nhiều bác bỏ, chuẩn theo sự giải thích của Sớ Bổn, mở rộng hai câu đầu của bài tụng phá ngã pháp dưới nói "phần nhiều văn của ngài Hộ Pháp", người đích thân nương vào ba Tạng viết ra Duy Thức, truyền lại nhất định không lầm. Ngoài ra chẳng viết ra theo thời hỏi đáp, nhiều ý định, tất cả phán quyết văn luận rất kỹ cương không nhất định, kết hợp với ý người dịch giống như Xu Yếu nói.

Hai chữ "khể thủ" ở đầu bài tụng là biện về tướng năng quy kính, rộng như trong Pháp Uyển. Lại giải thích tên gọi, có người giải thích rằng: Chữ "khể" văn xưa viết chữ "Kê", nay thì gọi là "khể". Bạch Hổ Thông nói: "Khể là chí thành, thủ là đầu, nói người dưới lạy người trên, đầu cúi sát đất". Lại Trịnh Huyền giải thích: "Khể là cúi lạy, cúi đầu sát đất trong thời gian ngắn".

Trong phần nêu thể, kính lễ trong Pháp Uyển tức là dùng ba nghiệp làm thể. Tây Minh lấy tàm và quý làm thể. Yếu Tập ghi: "Nay lấy ba nghiệp của giải thích trước là chính". Có người cho rằng: Y vào mười pháp của giáo làm thể. Một là tu, hai là tâm, ba là kính, bốn là ái, năm là tín, sáu là mạn, bảy là xả, tám là sắc, chín là thức uẩn, mười là trí. Nay cho rằng không đúng như vậy, nếu nói mười pháp là kính, ái, bất mạn, thì Bách Pháp là gì? Ngoài ra đều phi lý, như Yếu Tập ghi đủ, không cần dẫn ra dài dòng.

Yếu Tập ghi: "Nói khể thủ là hiển bày thân nghiệp thù thắng". Nhưng do đối với cảnh của đức, hữu đức phát ra thắng giải đều quyết định suy nghĩ rồi mới khởi lòng tin thanh tịnh. Suy nghĩ từ đây phát khởi sự hổ thẹn, tôn trọng sự Hiền thiện, nhân đây có thể phát sinh thân khẩu thanh tịnh, cho nên ý trong đây thông cả ba nghiệp. Tàm là thể của kính, các pháp như tín v.v... là nhân của kính, hai nghiệp thân và khẩu là quả của kính, ý thông cả nhân quả.

Pháp Uyển đã nói ba nghiệp và quý cho là thể của kính, lý cũng khó thành. Thể của ba nghiệp là Tư, Tư tức là tạo tác. Tướng của kính ẩn kín, cho nên Đại Bà-sa quyển 34 ghi: "Kính tàm là thể, vì tôn trọng Thánh hiền là tướng của kính". Nay xét tường tận về giải thích này, lý chưa hẳn như vậy. Lại tự mình không quyết định, trước nói về Pháp Uyển, tư là tánh của thể. Có giải thích cho là tàm, tự quyết định ba nghiệp trước là chính, nay lại lấy tàm làm thể của năng kính, từ đâu làm chánh? Lại không thể nói nghĩa của trước sau là khác, vì đồng giải thích khể thủ là

nghĩa của kính lễ.

Lại nữa, nếu cho tàm là chánh nghĩa, lý ắt không như vậy, vì sao? Nếu phát thắng giải, đủ Tư quyết định rồi liền khởi lòng tin thanh tịnh, lý lại không như vậy, Tư chẳng phải nhân của tín. Quyển 6 ghi: “Nhẫn là nhân của tín, lạc dục là quả, không nói Tín cùng với Tư làm nhân để khởi tín. Nếu là Biến hành nên nói Tác ý, không nên nói Tư.

Lại nói: Do đây mà khởi lòng hổ thẹn, tôn trọng bậc Hiền thiện. Nhân đây được thân ngữ thanh tịnh. Cho nên trong đây ý thông cả ba nghiệp, tàm là thể của kính, đây cũng không như vậy. Nếu lấy ba nghiệp làm thể của quy kính, hoặc chỉ lấy tàm. Nếu chỉ lấy tàm sao phải nói rằng ý thông với ba nghiệp, tàm là thể của kính? Vì tánh của tàm chẳng phải là thể của ba nghiệp. Nếu thông cả ba nghiệp tức là không chỉ có tàm. Vì sao lại nói, các pháp tín v.v... là nhân của kính? Thân ngữ là quả của kính, ý thông cả nhân quả, tức là ba nghiệp chỉ là nhân quả của kính, vì chẳng phải tự thể. Nếu chỉ nói tàm là thể của kính thì lý cũng như vậy. Đây chỉ nói kính có thể chỉ là tàm. Đã nói kính lễ là rõ biết ba nghiệp kính lễ do nhân của kính và tàm, chưa có chỗ nói tàm cũng cùng là thể của nghiệp. Lại không nói tàm là phát nghiệp.

Lại Nhiếp Đại Thừa luận ghi: “Vì tôi chí thành luôn luôn tu tập thân, khẩu, ý không trái với quy mạng lễ”. Lại Luận sư Cù-ba nói: “Ba nhiếp kính lễ là muốn hiển bày Đại sư có Thiên nhãn cho nên dùng thân nghiệp kính lễ v.v...”. Trong Luật tạng ghi: “Ở chỗ sáng ở xa dùng thân nghiệp kính lễ”, cho nên chỉ là ý không thể nói tàm. Vì nhân có thể như vậy, nếu như dùng tham v.v... mà làm gia hạnh mới khởi lên ba nghiệp.

Tuy lại luận rằng: Đoạn mạng gọi là sân v.v... nhưng trọn không nói tham v.v... lấy làm thể của nghiệp. Tuy nói đối với sự hổ thẹn cung kính đức, hữu đức, nhưng luận về thể của quy kính tức là ba nghiệp. Lý này đã quyết định, chớ giải thích thêm nữa. Lại trong Pháp Uyển chỉ nói ba nghiệp, không có nói quý lấy làm thể của kính. Họ xem lầm văn, cho nên cần đọc xét kỹ lại.

Trước nói ước giản về tánh để nêu ra thể của khể thủ, chỉ nói là tư. Nếu như nghĩa mà nói thì phàm luận về quy kính có hai loại nghĩa là hiển tướng và bất hiển tướng. Nếu là hiển tướng thì gọi là hai nghiệp thân ngữ, vì thân kính lễ nhất định phát ân trọng khiến cho người khác thấy được. Luận Câu-xá căn cứ ở đây chỉ nói thân nghiệp. Tuy thân không lễ nhưng miệng nói vì do danh, cú v.v... từ trong tâm biểu hiện ra khiến cho người khác nghe.

Bài tụng của kinh Vô Cấu Xưng ghi: “Đây chỉ thiên lấy ngữ nghiệp, nếu theo bất hiển tướng thì chỉ lấy ý nghiệp, bên trong phát sự chí thành cùng cực nhưng người khác không hiểu rõ. Các luận không nói, luận này lấy cả sự quy kính của ba nghiệp, thông cả hai loại hiển, bất hiển. Nếu là riêng thì ba nghiệp có khác. Nếu thân nghiệp kia thật là tàm v.v... tương ưng để phát khởi tư thù thắng. Thông giả tức là gồm cả biểu sắc. Ngữ nghiệp cũng dùng tàm v.v... tương ưng để phát khởi Tư thù thắng, giả cũng thông với thanh. Nếu Tát-bà-đa có thật thiện, ác sắc, tức nương nơi báo sắc có nghiệp sắc phát sinh, tức là dài, ngắn, sắc lấy những cái này làm thể.

Lại nữa Luận sư Chúng Hiền có riêng trường, cực vi; sư Chánh Lượng bộ có riêng sắc động; sư của Thí Dụ có riêng sắc động, phi hiển, phi hình và như nói ở sau. Nay trong luận Đại Thừa ghi: “Nếu thân khẩu sắc thanh ở quả vị Phật có thể cho là thiện, chẳng phải thể của quy y”. Nếu ngay trong nhân tức là Vô ký. Đứng về Biểu tâm của giả thông thiện ác, cho nên thân, ngữ nghiệp, giả thật làm thể. Trong ý nghiệp có hai: một là đứng về nghiệp, hai là đứng về đối trị. Đứng về nghiệp có hai: Tự tánh và trợ bạn. Nói tự tánh là chỉ lấy trong số biến hành duyên với tam bảo làm cảnh, tàm v.v.. tương ưng với tư làm thể. Tư có ba thứ là thẩm lự, quyết định, động phát. Văn của luận tuy nói hai tư trước chỉ ở nơi ý, một tư sau là hai nghiệp thân, ngữ.

Nay căn cứ đạo lý ý cũng có phát khởi tư thù thắng. Nói vì làm động ý cho nên phát khởi vô tham. Nếu theo trợ bạn, tức tự này cũng với bốn biến hành, năm biệt cảnh, tán địa mười thiện, định có thêm khinh an, tâm vương, tầm, tứ hai mươi ba pháp. Đứng về đối trị lại có hai loại là tự tánh và tương ưng. Tự tánh chỉ có thủ duyên với Tam bảo có thể đối trị được khinh mạn, tàm quý. Đây có hai nghĩa: một là thể thù thắng, hai là nghĩa thuận. Nói thể thù thắng là luận Hiển Dương nói, tàm là y nơi sự hổ thẹn lỗi tự tăng thượng, pháp tăng thượng, ác là thể. Quý thì Hiển Dương nói là nhờ hổ thẹn thế gian tăng thượng ác là thể. Duy thức, Đối Pháp văn dẫn có thể biết.

Thứ hai nghĩa thuận, nghĩa là Câu-xá hỏi vô tàm, vô quý khác nhau thế nào?

Đáp: Vô tàm, vô quý v.v... đối với công đức chính là hữu đức, không có kính không có tôn sùng, không có chỗ kỵ nạn, không có chỗ tùy thuộc gọi là vô tàm. Theo năng trị cho nên chính là tàm. Do lý thuận này cho nên đứng về đối trị, nói thể của quy kính tức là tàm quý, chấp chặt vào thật tức là lỗi, nếu lấy ngay tàm, tàm cùng năm thức há năm

tương ưng cũng là quy kính? Nói hành tướng của tàm tôn trọng hiền thiện. Năm thức không thể chỉ duyên với Tam bảo. Nếu nói, không lấy hành tướng có khác gì? Cho nên chính ba nghiệp là thể của quy kính, không được đứng về tư, tuy cùng khắp năm thức nhưng nghiệp chẳng phải năm tư có ngại gì tàm thông với kính chỉ ở nơi ý. Sao luận riêng thể của nghiệp, tự chọn lựa xong, không có chỗ luận bàn về quy kính. Nói tàm là thể, Trợ bạn chuẩn theo trước.

Thứ hai là năm pháp xuất thể. Trong đó có hai phần. Luận Du-già ghi: "Năm pháp là tướng, tên gọi, phân biệt, chánh trí, như như". Nếu cung kính thuộc Hữu lậu thì lấy ba pháp, tên gọi, tướng và phân biệt làm thể. Hai nghiệp thân, khẩu giả tức là thuộc về tướng, tên gọi nương nơi âm thanh mà lập. Tuy chẳng phải tên gọi, lại chẳng phải ngữ nghiệp, vì giả là do cái thật, âm thanh do tên gọi biểu thị ra tức thuộc tư thì giả trên không xuất hiện. Hoặc thể của thật nghiệp tức là phân biệt. Nếu vô lậu thì chánh trí là thể, vì hoặc sắc hoặc tâm đều là tên gọi trí.

Thứ hai, năm pháp tức là tâm, tâm sở, sắc, bất tương ưng, Vô vi, chuẩn theo pháp có thể biết được uẩn, xứ, giới, ba tánh, trăm pháp đều có thể theo đây mà biết được.

Hỏi, đáp về phân biệt.

Hỏi: Dài ngắn v.v... ở trong xuất thể nơi y sắc gọi là giả, giả thân nghiệp, tên gọi y vào thanh giả, tên gọi là ngữ nghiệp?

Đáp: Dài v.v... thể hiện ở nơi thân cho nên gọi là thân nghiệp, tên gọi đã nói là đã chuyển, không được gọi là ngữ nghiệp.

Câu hỏi thứ hai: Tội phá hòa hợp tăng trong năm tội nghiệp, tức vọng ngữ là trọng. Trong ba nghiệp sát, ý nghiệp, ý nghiệp là trọng. Trong năm tích kiến, tà kiến là trọng, không có chỗ nào nói thân nghiệp là trọng, vì sao đây chỉ nêu thân nghiệp?

Đáp: Tà kiến đoạn, thiện pháp trổi dậy, phá tăng làm tổn hại rất lớn. Ý sát hiềm hận rất sâu, do đó đều được nêu ra. Trong đây thân nghiệp lại căn cứ thế gian theo việc mà chế giới. Phạm những tội nhỏ, phần nhiều phát xuất do thân nghiệp là chung, hai thứ còn lại là riêng, nêu chung gồm riêng trong đó.

Câu hỏi thứ ba: Quy y với Nhị thừa được thông vô lậu hay không?

Đáp: Một giải thích thừa nhận được, vì tự tại trong thiền định được khởi năm thức, vì sao vô lậu không thể quy y. Một giải thích không thừa nhận, Tam thừa chân trí hoàn toàn không quy y. Nhị thừa hậu trí phần nhiều duyên theo đế lý, không có công năng riêng để có thể phát khởi

nghiệp thân, khẩu vì không có dụng thù thắng. Giải thích này là đúng.

Câu hỏi thứ tư: Ý thông cả ba cõi, ý hiển rõ không nghi, thân, ngữ quy y thông giới địa nào?

Đáp: Hai nghiệp thân ngữ thông cả Dục giới, Sắc giới. Nếu theo chín Địa, ngữ nghiệp ở cõi Sơ thiền, thân nghiệp thông cả năm Địa. Nhị thiền ở trên tuy khởi ngữ nghiệp và thân nghiệp, nếu khởi ngữ nghiệp thì nhờ vào tầm tứ ở dưới, cho nên tùy theo tầm tứ là Sơ định trói buộc lại là Vô ký, vì Địa trên không tạo nghiệp ở Địa dưới. Giả sử vô lậu cũng thuộc Địa dưới hoặc không trói buộc, thân nghiệp thông cả Tứ thiền, dùng hơi thở ra vào chẳng phải trong biến hành khởi được thân.

Lại giải thích thông với Địa trên, nếu Địa trên không đắc thì thành nghiệp thiện của Địa dưới. Vua của bốn cõi thiền cùng thọ nhưng giải thoát có khác. Sao cho rằng Vô ký đắc giới ư? Nếu thừa nhận tâm thiện mới đắc giới, cho ở Địa trên có ngữ nghiệp phần nhiều do tầm tứ, chưa chắc tất cả đều do tầm tứ mà có. Lại nữa tầm tứ chẳng thuộc biến hành, nhưng hơi thở ra vào, bốn cõi Thiền tuy không có thân nghiệp vì có tư, ngữ nghiệp phải đồng dẫn. Chứng cứ này như luận quyển 7 ở sau có ghi.

Yếu Tập ghi: “Luận Câu-xá, luận Chánh Lý đều nói ái kính dùng pháp làm duyên, trong thông cả ba cõi, nhưng trong đây chỉ duyên Bổ-đặc-già-la, cho nên có Dục giới, Sắc giới”. Nếu y theo Đại thừa thì kinh Trung Ấm ghi: “Khi Đức Phật vào Trung ấm thì hữu tình ở cõi Vô sắc như Uất-đầu-lam v.v... cũng nhập vào Trung ấm, để lễ bái nghe pháp”, cho nên biết dẫu duyên với hữu tình cũng thông cả Vô sắc.

Hỏi: Đã nhập vào Trung ấm chẳng phải thuộc Vô sắc, vì sao nói nó có kính?

Giải thích rằng: Ý kinh khó tìm, nay lại giải thích, khoảng cách giữa sinh và tử, có các uẩn gọi là Trung ấm. Ý này không nói Trung hữu là Trung ấm, vì ở khoảng cách giữa sinh và tử gọi là Trung ấm. Như nói thế gian vì ở thế gian, giải thích này không đúng. Nếu cho khoảng cách giữa sinh và tử là Trung ấm, sao lại nói Uất-đầu-lam vào trước ở trong đó? Lại y theo quả của thiền định, Sắc biến hiện giống như thân nương theo định của Địa dưới đắc được thiên nhãn, thiên nhĩ, nhờ thức của Địa dưới mà thấy được nghe được pháp, đây cũng không đúng.

Nếu theo Hữu bộ thì nhãn ở dưới thân, vì sao nhãn ở cõi Sắc nương nơi thân ở cõi Vô sắc? Thân ở cõi Vô sắc chẳng phải là thân căn, đã chẳng phải thân căn thì nhãn v.v... nương vào đâu? Nếu theo Đại thừa thì đây cũng không thừa nhận.

Bốn câu nói về hai mươi tám cõi trong Tạp Tập ghi: “Có nhãn căn chẳng nhãn giới là uẩn sau cùng. Có nhãn giới chẳng phải nhãn căn là Dị sinh Vô sắc trong thai, noãn. Có chẳng phải nhãn, chẳng phải nhãn giới là bậc Thánh ở cõi Sắc và Vô dư y Niết-bàn. Uất-đầu-lam-phất hoặc phàm phu thành giới chẳng phải là nhân, làm sao hiện khởi? Hiện khởi tức là nhãn, chẳng phải chỉ là giới. Nếu là bậc Thánh thì cả hai nhãn và nhãn giới đều không thành. Lại nữa vì sao là khởi, hoặc gọi là hóa? Như quả định kia đã thay đổi giống thân, nhãn, nhĩ đã khởi cùng giống như nhãn nhĩ, cần gì khởi lại, cho nên người hiểu đúng biết Phật chưa diệt độ mà hiện thân Trung ấm kia. Uất-đầu-lam-phất chưa chết cũng nhập vào thân Trung ấm. Cho nên sự hóa hiện chẳng phải Trung ấm thật.

Sớ giải sáu mươi hai hữu tình: tại gia v.v... có bốn; một tại gia; hai xuất gia; ba khổ hạnh; bốn chẳng khổ hạnh.

Tập đoạn v.v... có mười chín:

1. Người tu tập đoạn trừ phiền não.
2. Người tu tập tụng đọc.
3. Người tín thí.
4. Người lớn tuổi.
5. Người trung niên.
6. Người thiếu niên.
7. Bậc thầy mô phạm.
8. Bậc thầy thân giáo.
9. Đệ tử cộng trụ và cận trụ.
10. Tân khách.
11. Người lo việc tăng.
12. Người tham lợi dưỡng cúng dường.
13. Người nhàm chán xã bỏ.
14. Người đa văn.
15. Người đại phước trí.
16. Người pháp tùy pháp hành.
17. Người trì kinh.
18. Người trì luật.
19. Người trì luận.

Dị sinh v.v... là chúng sinh, bậc Kiến đạo, bậc Hữu học, bậc Vô học, còn lại có thể biết, cho nên tụng rằng:

“Năm, bốn, ba, ba, bốn.
Ba, hai và ba, bảy.

Mười chín, bốn, bốn, một.
Nên gọi các hữu tình".

Duyên khởi tạo luận.

Ngài Tam tạng Chân Đế giải thích rằng: tất cả có sáu nghĩa.

1. Vì khiến cho nghĩa của pháp tăng trưởng.

2. Vì có hữu tình nhờ sự tạo luận mà được giải thoát.

3. Vì để khiến cho chúng sinh được hiểu rõ về những nghĩa sai lầm.

4. Vì để thâu nhiếp nghĩa của các pháp bị phân tán nhóm lại một chỗ.

5. Vì phân biệt nghĩa sâu xa khiến rõ ràng dễ hiểu.

6. Vì trau chuốt ngôn từ để nghĩa được đáng ưa.

Đây là sáu nhân của Sớ nói về sự tạo luận:

1. Khiến cho tăng trưởng là tính ham muốn của chúng sinh không đồng. Có người thích nói nhiều, có người thích nói ít, có người thích nói vừa. Cho nên người tạo luận ứng hợp với ý của chúng sinh nên nhóm nghĩa của pháp lại. Người nói nhiều, người nói ít, người nói vừa hợp theo sự ưa muốn của chúng sinh thì chánh pháp được trụ lâu. Chỗ này tuy mất nhưng chỗ kia vẫn có, cho nên khiến cho nghĩa của pháp tăng trưởng. Đây chính là điều mà Sớ gọi là muốn cho nghĩa của pháp được lưu bố rộng rãi.

2. Vì chúng sinh nhờ tạo luận mà được giải thoát. Hoặc có chúng sinh chán cũ thích mới, hoặc thích thuyết này mà không thích thuyết kia. Chỉ là một lý mà có người ngộ, người không ngộ. Giống như cùng là vàng mà làm nhiều vật để bán khiến cho người yêu thích. Trước là vì pháp, đây là vì người. Đây chính là điều mà Sớ gọi là vì khiến cho hữu tình nhập vào chánh pháp.

3. Vì để cho chúng sinh hiểu rõ về những nghĩa bị thất lạc, nghĩa là nếu nói chưa rõ ràng khiến cho người học mờ mịt cần phải nói rõ ra, hoặc nói có bỏ sót và sai lầm khiến cho người học không hiểu, lại cần phải trình bày rõ. Lại chúng sinh có ba loại phiền não: một vô minh; hai nghi; ba điên đảo. Do nghi và điên đảo cho nên mê mờ, do vô minh cho nên không giải thoát, vì muốn trừ bỏ những phiền não này của chúng sinh để khiến cho họ được thông suốt về những nghĩa bị mai một, cho nên cần phải tạo luận. Đây chính là điều mà Sớ gọi là vì làm cho nghĩa đã bị mai một lại được khai mở hiển bày.

4. Vì để thâu nhiếp nghĩa của các pháp, bị phân tán nhóm lại một chỗ, các nghĩa của Phật pháp không ra ngoài ba giải thoát môn, thâu

nhiếp các nghĩa bị phân tán nhóm lại ở trong ba giải thoát môn để trừ bỏ ba thức phiền não của chúng sinh: một là tham dục; hai là chư kiến; ba là vô minh. Tham là tu đoạn, Kiến là kiến đoạn, Vô minh thông cả hai, lại là tập khí. Dùng vô nguyện môn để trừ tham, dùng không môn để trừ kiến, dùng vô tướng môn để trừ Vô minh. Thanh văn sở dĩ không đắc Nhất thiết trí là vì không đoạn được Vô minh, vì đoạn được Vô minh thì Vô minh chuyển độn căn thành lợi căn. Nói Vô tướng giải thoát môn để thâu nhiếp nghĩa bị phân tán, cho nên tạo luận. Đây chính là điều mà Sớ gọi là vì muốn lược thâu nhiếp các nghĩa bị phân tán khắp.

5. Vì phân biệt nghĩa sâu xa khiến rõ ràng dễ hiểu, sâu xa có ba:

a. Chỗ thông đạt cảnh giới tức là lý như như, vì trí thế gian quán nó không thông suốt được cho nên gọi là sâu xa, phân biệt khiến cho dễ hiểu.

b. Tu hành sâu xa, kiến giải của Nhị biên thì dễ được, hạnh Trung đạo thì khó sinh. Tâm thiên kiến không sinh được kiến giải của Trung đạo, cho nên nói kiến giải của kiến đạo là tu hành sâu xa, do đó tạo luận.

c. Vi diệu sâu xa, tức là quả Vô dư Niết-bàn, nghĩa sinh tử có thể lượng được cho nên chẳng phải sâu xa, cực quả một khi mà đắc thì không thể lượng được. Đối với người không đắc thì sâu xa, nên phân biệt chỉ bày khiến cho họ dễ đắc, do đó phải tạo luận. Đây chính là điều mà Sớ gọi là muốn hiển bày nghĩa sâu xa.

6. Vì trau chuốt ngôn từ để nghĩa được đáng ưa, nghĩa là do ngôn ngữ hiển bày, nếu không trau chuốt ngôn từ thì nghĩa không đáng ưa, nghĩa không đáng ưa thì chúng sinh không tín thọ. Giống như vàng thật, nếu không làm vòng, xuyến v.v... thì không đủ để đáng ưa thích, cho nên phải tạo luận. Đây chính là điều mà Sớ gọi là vì muốn ngôn từ khéo léo, nghĩa của pháp trang nghiêm để khiến chúng sinh khởi tâm ưa thích, sinh lòng tin thanh tịnh.

Lại ý tạo luận, nghĩa tuy có sáu duyên khởi, nhưng không ngoài hai loại: một là vì nhiếp trì chánh pháp, hai là vì thành tựu chúng sinh. Nhiếp trì chánh pháp nghĩa là sáu loại duyên khởi từ sau hướng tới trước thứ tự sinh nhau. Danh, cú, văn là pháp, sở thuyên là nghĩa. Lấy nghĩa để hiển hành, lấy hành để hiển quả. Pháp là ngôn từ, nếu ngôn từ nói theo thứ lớp, câu, vị, tên gọi hợp lý thì nghĩa thú có thể quán sát, cho nên ý của tạo luận là trau chuốc ngôn từ để khiến cho nghĩa đáng ưa. Ngôn từ đã hợp với lý, nghĩa thú được đáng ưa thì khiến cho nghĩa sâu dễ hiểu, tức từ nghĩa thứ sáu sinh ra nghĩa thứ năm. Nghĩa sâu đã thể

hiện rõ dễ hiểu thì nghĩa có lối đi thông suốt, các nghĩa bị phân tán thì được nhóm lại một chỗ, tức từ nghĩa thứ năm ra nghĩa thứ tư. Các nghĩa không bị tản mác, bỏ sót thì càng rõ ràng, tức từ nghĩa thứ tư sinh ra nghĩa thứ ba.

Sự mê mất được càng rõ ràng thì y nơi liễu nghĩa được vào chánh vị, nhập vào chánh vị cho nên giải thoát được trói buộc, tức là từ nghĩa thứ ba sinh được nghĩa thứ hai. Đã giải thoát được hoặc chướng thì có thể nhận có thể nói, đã có thể nghe nhận, thì có thể giảng nói thì nghĩa được rộng lớn, tức là từ nghĩa thứ hai sinh nghĩa thứ nhất.

Lại vì khiến chúng sinh thành tựu Bát-nhã tăng thượng, cho nên cần phải tạo luận. Thành tựu thể Bát-nhã có ba nghĩa trước, thành tựu thể Bát-nhã có ba nghĩa sau, cho nên duyên tạo luận hợp lại có sáu nghĩa. Thành tựu thể Bát-nhã có ba nghĩa, là có ba loại phiền não chướng đối với Bát-nhã đó là Vô minh, nghi và mạn. Vì khiến cho chúng sinh được giải thoát trừ bỏ được vô minh chướng, cần phải làm cho nghĩa của pháp tăng trưởng, cho nên nghĩa thứ nhất thành phần đầu tiên của Bát-nhã.

Tuy đã hiểu pháp và nghĩa nhưng đối với bốn Đế còn có nghi hoặc, vì nghi hoặc cho nên làm chướng ngại sự hiểu biết về bốn Đế không được thành Thánh. Do đó, cần giải thích bốn Đế để khiến cho hiểu đúng, đoạn trừ nghi hoặc, khi nghi hoặc đã đoạn trừ thành quả Thánh tức là được giải thoát, cho nên nghĩa thứ hai thành phần giữa của Bát-nhã.

Tuy đã thành quả Thánh đoạn trừ nghi hoặc nhưng còn khởi ngã mạn. Đối với cảnh sáu trần mà sinh đắm trước khởi lên ngã sở, đối với lý Vô ngã cũng có nghĩa mê mất, cần phải nói rõ nghĩa mê mất đó, khiến cho trừ được tâm ngã mạn nhập vào Tu đạo, cho nên nghĩa thứ ba thành phần sau của Bát-nhã.

Sự Bát-nhã, sự nghĩa là nghiệp dụng có ba loại.

1. Thông với nghĩa chân thật.

2. Nói cho người khác.

3. An lập nghĩa chân thật.

Ba loại này tức là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tính tấn trong tám chi Thánh đạo. Tự bản thân không đạt được nghĩa chân thật tức là chánh kiến. Lại khi có thể nói cho người khác hiểu được ắt động đến tầm tứ, cho nên sự thứ hai chính là chánh tư duy. Người khác hiểu được muốn không khiến cho họ lùi sụt, cho nên cầu an lập nghĩa chân thật. Khi an lập cầu có công lực, cho nên sự thứ ba tức là chánh tinh tấn. Nếu nghĩa không có con đường lẫn mà bị phân tán nhóm lại không thông đạt

được, cho nên nghĩa bị phân tán nhóm lại một chỗ thì có thể thông đạt, nên nghĩa thứ tư thành sự thứ nhất. Nếu nói cho người khác cần phải phân biệt nghĩa cho họ dễ hiểu, cho nên nghĩa thứ năm thành sự thứ hai. Nếu muốn khiến cho sự hiểu của người khác không lui sụt, cần trau chuốt ngôn từ khiến cho nghĩa đáng ưa thì hiểu được tâm kiên cố sáng suốt, cho nên nghĩa thứ sáu thành sự thứ ba. Lại vì để cho chúng sinh thành tựu được Tỳ-bát-xá-na và Xa-ma-tha cho nên tạo luận. Ba nghĩa trước thành Tỳ-bát-xá-na, ba nghĩa sau thành Xa-ma-tha.

Gốc của sinh tử có hai thứ phiền não là Vô minh và tham ái, như chương kế tiếp có hai, tức là Kiến hoặc Tu hoặc. Nhập vào kiến để phá Vô minh, ở nơi Tu phá tham ái.

Tỳ-bát-xá-na có ba đức:

1. Trí nhanh chóng.
2. Trí quyết định.
3. Trí vi tế.

Cùng một lúc có thể thấu đạt nhiều nghĩa của pháp, là trí nhanh chóng; giống như Đế Thích gọi là thiên nhãn chẳng phải có ngàn con mắt. Vì Đế Thích cùng một lúc thấy được nguồn pháp cho nên gọi là thiên nhãn. Trí nhanh chóng cũng như vậy, cho nên nghĩa thứ nhất thành trí nhanh chóng.

Đối với cảnh hiểu không quyết định hiểu thì không sinh, cần phải sinh ra sự hiểu biết chắc chắn để trừ tâm nghi hoặc, cho nên nghĩa thứ hai thành trí quyết định. Trí tuy quyết định nhưng nếu là hiểu thô thì chỉ hiểu cảnh thô, không thông đạt nghĩa sâu xa, lại cần phải sinh trí vi tế để thông đạt cảnh sâu xa. Nếu có mê mất thì trí không vi tế. Nếu chỗ mê mất đã sáng tỏ thì được trí vi tế, cho nên nghĩa thứ ba thành trí thứ ba.

Nếu đem ba tuệ phân ra như thứ tự thì văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, hoặc chỉ có tu tuệ, nghĩa phân có trước, giữa, sau.

Xa-ma-tha cũng có ba đức:

1. Ở trong định.
2. Xuất thế.
3. Bất thoái.

Ở trong định lìa sự tán loạn, định Hữu lậu, chẳng phải thù thắng. Lại vì khiến cho họ đắc được vô lậu xuất thế gian, tuy đắc được định xuất thế gian, nhưng có người bị thoái thất cũng chẳng phải thù thắng, lại khiến cho đắc định bất thoái. Nếu nghĩa của pháp phân tán khó được ở trong định, cho nên nghĩa thứ tư thâu tóm các nghĩa của pháp bị phân

tán nhóm lại một chỗ thành đức thứ nhất. Nếu nghĩa sâu xa ẩn mờ thì định vô lậu không sinh, nghĩa sâu xa hiểu rõ thì định thù thắng được sinh khởi, cho nên nghĩa thứ năm thành đức thứ hai.

Nói năng là gốc của tu định, nếu lời nói hợp lý tín thọ lời thầy dạy nhớ nghĩ không quên thì tu định không lui sụt, cho nên nghĩa thứ sáu thành đức thứ ba.

Lại nữa vì để phá để lập cho nên tạo luận. Để phá tức là phá bốn loại phiền não:

1. Phá mê về chân tục vô minh, vô minh cũng gọi là mê vô minh của lý sinh diệt.

2. Phá chín mươi sáu loại tà kiến.

3. Phá chướng ngại, giải thoát kiến chấp.

4. Phá mê Vô minh nhân quả.

a. Phá vô minh mê chân tục nghĩa là khổ, tập là tục, do không hiểu rõ nên gọi là mê Vô minh của tục. Diệt, đạo là chân do không hiểu rõ nên là mê Vô minh của chân. Khổ, tập là chỗ sinh, diệt đạo là chỗ diệt, cho nên để thông đạt lý bốn Đế, vì phá Vô minh này cho nên tạo luận.

b. Phá chín mươi sáu loại tà kiến nghĩa là chín mươi sáu ngoại đạo này đều có kiến chấp. Vì khiến cho chúng sinh biết được chánh lý để phá các kiến chấp này nên tạo luận.

c. Phá chướng ngại, giải thoát kiến chấp tức là sáu mươi hai kiến chấp do đoạn thường, kiến sinh ra sáu mươi hai kiến chấp. Kiến chấp này và giải thoát trái nhau. Vì khiến cho chúng sinh lìa đoạn, thường kiến và phá các kiến này.

d. Phá Vô minh nhân quả nghĩa là mười hai duyên sinh là nhân quả. Muốn biểu thị sinh tử y nơi sinh mà có, không có nhân thì không sinh tử, khiến lìa kiến chấp như tha tác v.v... để thấu đạt được nhân quả của sinh tử.

Hai là để lập, nghãi là lập như, phương tiện, bất động, đây có ba nghĩa: một là Lập như, hai là Lập phương tiện, ba là Khiến bất động. Như là lý chân thật, Phương tiện là trí tuệ thấu đạt được Như, Bất động là nếu đắc phương tiện này thì chánh kiến không thể lay động.

Như Trưởng giả Thủ-la tánh rất keo kiệt, có người đến nhà ông ta khất thực mà không được. Phật biết căn cơ chín muồi, thời kỳ đắc đạo đã đến nên Phật đến giáo hóa ông ta. Đức Phật nói pháp bố thí cho ông ta nghe. Ông ta nghe xong kinh sợ hãi Đức Phật: “Bạch Đức Phật chỉ có pháp này thôi, không có pháp nào khác nữa hay sao?”.

Đức Phật đáp: "Ta chỉ lấy bố thí làm pháp như: không sát sinh là bố thí, tức là không làm người khác sợ, đến khiến cho họ không trộm cắp tức bố thí của cải cho người khác". Lần lượt Đức Phật nói pháp Thập thiện cho ông ta.

Ông ta nghe không hao tổn của cải của mình mà thành tựu bố thí sinh tâm đại hoan hỷ, tán thán Như Lai, rồi sai người lấy hai miếng vải xấu cúng Phật. Nhưng do phước đức của Phật cảm ứng vật tốt chứ không cảm ứng vật xấu nên khiến người lấy vải xấu thành vải tốt. Ông ta tiếc vải tốt bèn đích thân đi lấy nhưng lấy xấu rồi cũng biến thành tốt, chọn mãi không được, ông ta đành phải lấy vải tốt để cúng dường Phật.

Phật nhận vải xong, nói pháp bốn Đế cho ông ta và thân quyến của ông ta nghe, nghe xong họ đều đắc Sơ quả và đem các của báu ra cúng dường Phật.

Sau khi Phật đi, Quỷ vương muốn phá hoại chánh kiến của Trưởng giả bèn hiện thành Đức Phật đến gặp Trưởng giả. Trưởng giả thấy rất hoan hỷ. Ma vương nói đảo ngược pháp bốn Đế cho Trưởng giả nghe, lại nói khổ là vui. Tư duy chánh kiến của Trưởng giả không không chuyển biến mà còn biết chẳng phải của Phật nói.

Trưởng giả liền nói với Ma vương rằng: "Ông nhất định chẳng phải Phật, giống như con gà giả tiếng của Câu-xí-la".

Đây tức là Như, phương tiện, bất động. Vì lập Như, phương tiện, khiến bất động cho nên tạo luận. Vì phá phá phương tiện của sự ràng buộc, vì lập bày phương tiện giải thoát, vì khiến cho lìa sự ràng buộc được giải thoát, lại vì khiến cho đắc được mười loại trí năng cho nên tạo luận.

Một: Trí năng đoạn ý trái chánh pháp, là có người đoạn tà pháp kiến không trái với chánh pháp hướng tà pháp.

Hai: Trí năng nhập chánh pháp, là người có tâm xả, tuy không trái chánh pháp hướng về tà pháp nhưng ở trong đó khiến cho nhập vào chánh pháp.

Ba: Trí năng khiến thành thục, là người đã nhập vào chánh pháp khiến cho thiện căn của họ thành thục.

Bốn: Trí năng khiến đắc giải thoát, là người thiện căn đã thuần thục lại giáo hóa họ khiến được giải thoát.

Năm: Trí năng khiến đắc năm minh, là sở dĩ khiến đắc năm minh trí năng vì để phá tà luận, chế phục người khác.

Sáu: Trí năng quán tội lỗi, là người tự quán ba nghiệp có lỗi hay không có lỗi, căn cứ theo pháp luật mà làm thì khiến cho họ được cái

vui hiện tại. Nếu không có lỗi lầm thì hiện đời được cung kính cúng dường v.v...

Bảy: Trí năng chánh nguyện, nguyện là tốt nhất vì nó khiến cho tất cả sở cầu ở đời vị lai đều đầy đủ.

Tám: Trí năng thông đạt Thanh văn thừa.

Chín: Trí năng thông đạt Độc giác thừa.

Mười: Trí năng thông đạt Phật thừa.

Ba trí năng này là xứng với căn tánh của chúng sinh mà nói pháp. Căn tánh của chúng sinh không đồng, tùy theo sự thích nghi của họ mà nói pháp ba Thừa để giáo hóa họ.

Lại có Luận sư nói ý tạo luận, tất cả vì bốn việc: Một là vì để đoạn nghi hoặc đối với bốn Đế cho chúng sinh. Hai là vì làm cho chúng sinh ra khỏi đường ác. Ba là hướng về chánh pháp. Bốn là vì đoạn nguyện dưới, nguyện dưới tức là nguyện Nhị thừa. Ý nghĩ tương sinh lần lượt của bốn việc này có thể hoàn tất.

Lại nói người được tạo luận, người không tạo luận. Tất cả có bốn loại, bốn hạng người.

Bốn hạng người thứ nhất gồm: một là người vô trí, hai là người nghi hoặc, ba là người điên đảo, ba là người đã được độ thoát. Người vô trí tức là phàm phu độn căn vì đối với pháp và nghĩa họ đều không hiểu cho nên gọi là vô tri. Người nghi hoặc là phàm phu thông minh, tuy hiểu pháp và nghĩa nhưng đối với bốn Đế còn có nghi hoặc chưa được nhập Thánh. Người điên đảo là người đắc được Sơ quả đã thông được bốn Đế nhưng còn điên đảo. Điên đảo có ba thứ: một là thời tiết, hai là tướng, ba là xứ sở. Thời tiết là vô thường vì đối với khi vô thường chấp là có thường. Tướng là vì ở trong vô ngã chấp có ngã. Xứ sở là vì ở chỗ bất tịnh và ở chỗ khổ chấp là tịnh, vui. Sơ quả tuy trừ được thường và ngã, nhưng Tu hoặc chưa trừ nên chạy theo trần cảnh bên ngoài, do đây phát sinh hai thứ sau, cho nên thực hành phi Phạm hạnh tức do chấp bất tịnh cho là tịnh, không vui cho là vui. Người đã độ thoát tức là đã vượt qua ba thứ phiền não trước, là bậc Vô học.

Ba hạng người trước, hạng người thứ nhất là không chịu biết, hạng người thứ hai là đi lầm đường, hạng người thứ ba là đi con đường nhỏ hẹp. Trong bốn hạng người này chỉ có người thứ tư được tạo luận. Nếu căn cứ vào sự mà làm thành lời thì phàm phu Bồ-tát cũng là hạng người thứ tư cho nên được tạo luận.

Lại có bốn loại: một là nương vào ngôn ngữ thù thắng là chỉ có thể tụng văn tự mà không hiểu nghĩa. Thí như chim Oanh vũ chỉ tụng

được lời mà không hiểu ý, nên không thể đắc đạo, rất là thấp kém. Hai là nương vào tha thù thắng là thân cận người tốt thì làm được việc tốt, thân cận người xấu thì chỉ làm được những việc xấu. Thí như vẽ người thì tùy ý thợ vẽ, nếu vẽ người ngồi thì ngồi suốt ngày. Tuy như vậy nhưng có thể thay đổi. Nếu gặp người bạn tốt có thể cảm hóa nhập đạo cũng như người đầu. Ba là nương vào phân biệt thù thắng là có người nghe người khác nói một lần không hiểu, được giải thích mới ngộ, phải có sự phân biệt như nói các hành vô thường là pháp sinh diệt, có sinh ắt có diệt, vắng lặng là vui, như dầu nghe các hành vô thường chưa hiểu nguyên do, là sinh diệt cho nên giải thích sự vô thường của nó vị lai là sinh, quá khứ là diệt, hiện tại là sinh diệt. Các hạnh đã có ba đời nên vô thường. Có sinh ắt có diệt, lại giải thích vị lai là ý của vô thường. Nếu vị lai chỉ sinh mà không diệt thì phải là thường. Lại giải thích rằng: "Đối với diệt ở quá khứ cho nên vị lai gọi là sinh, có sinh ắt có diệt nên vị lại là vô thường". Ba câu trước là sinh tử, câu thứ tư là Niết-bàn. Sự phân biệt này, hạng người thứ ba mới hiểu. Bốn là khai trí thù thắng, nghĩa là người do trí tuệ của mình có thể khai thông thấy được lý không đợi phân biệt, như Xá-lợi-phất nghe nghĩa của nửa bài kệ do A-duyệt-kỳ nói. Ở trong nửa bài kệ, ngài hiểu được ngàn loại nghĩa liền đắc được Thánh đạo. Các vị này tức là khai mở trí thù thắng. Ví như rắn độc hại người nhỏ như sợi tóc nhưung do sức mạnh của độc trong chốc lát sẽ thấm toàn thân, người này lại mạnh hơn. Người thứ tư này chính là người được tạo luận. Còn ba người kia không được. Những bậc như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp đều là tánh Độc giác, vì gặp Phật mới làm Thanh văn, cho nên ở hạng người thứ tư.

Thứ ba có bốn hạng người: một là người tự não mình, hai là người làm não người khác, ba là người và mình đều não, bốn là người và mình đều không não. Như Thường kiến ngoại đạo là vì cầu quả báo vị lai mà tự làm khổ thân mình như ngồi trên gai v.v... là tự làm não mình. Như Đoạn kiến ngoại đạo không thấy quả báo ở trong đời hiện tại, vì tự thân an lạc, hoặc đoạt tài thực của người khác v.v... đều là não người. Thường kiến ngoại đạo thực hành tự khổ mình là tự não mình, giết trâu, dê v.v... hoặc buộc không cho ăn dùng để tế trời v.v... là làm não người. Cả hai đều không não là người đắc được lý, biết tàm quý, biết làm người khác não thì bị tội, làm mình não thì không có phước, vì muốn lìa tội, sinh phước đều không bị não, vì không não người khác lìa được Đoạn kiến, không phải tự não nên lìa được Thường kiến, chỉ người thứ tư có thể được tạo luận.

Thứ tư có bốn hạng người: một là người hướng về đường thấp hèn, tức Nhất-xiển-đề, nhất định đọa vào đường ác. Hai là người hướng về đường sinh tử, tức là người xuất gia, ngoại đạo khởi lên kiến thủ giới cấm thủ v.v... nên trở lại chuyển nơi sáu đường. Ba là người hướng về tự lợi, tức là hàng Nhị thừa, người của hàng Nhị thừa bèn biết được ra khỏi, nhưng tự cho là khổ nhọc mỏi mệt hóa ra người khác, nhanh chóng cần giải thoát, nên nói hướng về tự lợi, Bốn là người hướng về lợi tha tức là hàng Bồ-tát, Bồ-tát lấy sự cứu giúp làm hoài bão, thường muốn lợi ích chúng sinh, nên nói hướng về lợi tha, chỉ người thứ tư được tạo luận. Bốn hạng người, người thứ tư là bốn đức. Nếu có một người đầy đủ bốn đức này, mới có thể tạo luận:

1. Đã vượt qua đức, lìa được Nhất-xiển-đề, Nhất-xiển-đề tham đắm sinh tử, nếu đã vượt qua ba hạng người thì biết được chánh đạo, nên lìa được Nhất-xiển-đề.

2. Tự tha đều không náo loạn tức lìa ngoại đạo chấp hai kiến là Đoạn kiến, Thường kiến. Vì đắc lý, lìa được Đoạn kiến và Thường kiến, không não loạn mình người, lìa được kiến chấp của ngoại đạo.

3. Khai trí thắng đức, lìa được Thanh văn thừa, người của Thanh văn thừa nương theo người khác được ngộ, không thể tự đạt được, người lợi căn lớn ở trong tất cả pháp, có thể thông đạt vô lượng nghĩa, nên lìa được Thanh văn thừa.

4. Hướng về đức lợi tha, lìa được Độc giác, Độc giác căn tuy lợi ích mà không lấy hoài bão cứu giúp chúng sinh, người có hạnh lớn, thường muốn lợi ích chúng sinh, nên lìa được Độc giác.

Lại nói rằng: Luận Nhiếp Quyết Định lại nói rõ người không có bốn lỗi thì có thể tạo ra luận.

1. Không hiển bày đức của mình,
2. Không phải ngã mạn,
3. Ở trong đồng hành có tâm lợi tha,
4. Đối với chúng sinh có tâm từ bi.

Nếu không hiển bày đức của mình, tâm sẽ lìa lỗi xiển-đề, lìa lỗi xiển-đề, đắc được đã vượt qua đức mình, không phải tâm ngã mạn thì lìa được lỗi ngã mạn, lìa lỗi ngã mạn đắc được tự tha, đều không não loạn đức. Nếu thấy được đồng hành, không phải phương tiện của lợi tha, là nói phương tiện của người khác lợi, lìa được lỗi Thanh văn hành, lìa lỗi Thanh văn hành, được hướng về văn, trí, đức. Nếu đối với chúng sinh có tâm nhổ sạch khổ và vui thì lìa được lỗi Độc giác hành, lìa được lỗi Độc giác hành, đắc được đức lợi tha, đã lìa được bốn lỗi đầy đủ bốn

đức, tức là Bồ-tát chí cầu quả Phật. Quả Phật có bốn đức là cầu bốn đức, nên thực hành nhân của bốn đức lìa được Nhất-xiển-đề, thực hành nhân tịnh đức lìa được ngoại đạo, tức là thực hành nhân ngã mạn, lìa được Thanh văn tức là thực hành nhân lạc đức, lìa được Độc giác tức là thực hành nhân thường đức, đã thực hành nhân của bốn đức, muốn lợi mình lợi người, tâm không làm ra phiền não đã nhiễm, thường hay mất sự hoài bão lợi ích chúng sinh, nếu là người này mới có thể tạo ra luận. Bồ-tát Thế Thân, tuy ở Địa tiền, đầy đủ bốn đức Địa tiền cũng có thể tạo ra luận. Lại nữa, Thế Tôn nói Duy thức giáo gọi là người làm ra luận, chủ của giáo, những sư Thế Thân v.v... giải thích lý của Duy thức mà Phật đã nói gọi là người thuật, vì nương theo giáo mà khởi, kinh luận này hỗ tương nhau. Nếu ngài Thế Thân tạo ra ba mươi bài tụng, gọi là người làm ra, ngài Hộ Pháp v.v... giải thích gọi là thuật lại, luận và giải thích này hỗ tương nhau. Nay trong đây chỉ kinh luận hỗ tương nhau, do ngài Hộ Pháp v.v... giải thích bài tụng kia nên cung kính hai sư, nên trước khi nói về các luận các nghĩa, cần phải nói tên của hai sư. Cung kính người làm ra tức là cung kính pháp, cung kính người thuật lại tức là cung kính nghĩa. Pháp là cú, vị, danh; nghĩa là lý mà cú, vị, danh hiển bày. Người làm ra trước nói cú, vị, tên gọi, nói giáo ở thế gian, người làm ra nếu đã nhập vào Niết-bàn, người sau đối với lời dạy này không thể được giải thoát, người thuật lại lại tạo ra luận, giải thích nghĩa ý mới hiển bày, nên cung kính người làm ra phải kính pháp, cung kính người thuật lại, nên cung kính nghĩa. Lại căn cơ chúng sinh có lợi có độn, độn là có tín căn, lợi là có trí căn, có tín căn là biết nhân không biết pháp, có trí căn tức là biết pháp không biết nhân, tín căn thô mà nhiều, trí căn tế mà ít, nên tín trước tùy theo trí căn sau bên trong của năm căn, định, tuệ, tinh tấn thành tựu ba tuệ, tùy theo tín căn trước tùy theo tín căn sau nói thành tựu ba tuệ. Nếu tâm tán loạn thì Thanh văn không vào, nhất định cần phải nhiếp tâm mới sinh ra văn tuệ, tức là do định căn thành tựu được văn tuệ, tư tuệ suy nghĩ chọn thiện và ác, lựa ác lấy thiện. Nếu không trói buộc niệm thì tư tuệ không sinh, tức là do niệm căn thành tựu tư tuệ, tu tuệ chính diệt ác sinh thiện. Nếu không siêng năng thêm công sức thì ác pháp không diệt, thiện pháp không sinh, tức là tấn căn thành tựu tu tuệ. Nói tùy theo trước sau, tùy theo có tín căn ba loại này thành tựu, tùy theo có trí căn ba loại này cũng thành tựu, tín căn biết người không biết pháp, căn đã độn không thể suy nghĩ chọn được sự phải trái của lý. Nếu nghe theo lời của thánh nhân và người thông minh, là tin theo người nói, tức là tin theo pháp người này đã nói đã nương theo người nhận lấy

lòng tin, gọi là biết nhân không biết pháp, người độn căn đã nương theo người tin pháp, trước nói luận cần phải nói tên người làm ra và người thuật lại trước khiến cho cung kính hai sư, cung kính hai sư tức là cung kính pháp, cung kính nghĩa. Trí căn biết pháp không biết người căn đã lợi tìm văn cầu lý, tự mình biết được phải trái của lý, không phải nương theo người nhận lòng tin, gọi là biết pháp không biết nhân, lợi căn đã biết pháp thì nên gọi rằng chánh pháp này là nêu Thánh và người thông minh nói, nên cần phải vì người này nói tên của người làm ra và người thuật lại, khiến cho họ cung kính hai sư, đã cung kính hay nói về người, đối với nghĩa mà pháp đã nói càng sinh tâm ân trọng.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 1
(PHẦN CUỐI)

Luận: Nay tạo luận này, dưới có ba đoạn văn. Tây Minh nói: Như lần lượt An Tuệ, Nan-đà, Hộ Pháp, có đồng Bản sớ. Yếu Tập ghi: "Hai bộ không đồng là do thừa bẩm khác nhau, nhưng luận kia đều có đồng lời, ý hoặc không trái nhau.

Nay cho rằng Tây Minh nếu nói chỉ có An Tuệ v.v... như lần lượt phối hợp, nhất định là không đúng. Mười luận sư đều giải thích bản tụng, đâu phải bảy luận sư khác không nói bản sư tạo ra ý luận. Luận chủ của Bản sớ là người kết tập văn luận, nên nhất định nói đúng, đã không nói chỉ không trái với Bản sớ, đồng nói nhất định là đúng, đâu cần phải nói hoặc.

Nói có mê lầm là Bản sớ có hai giải thích: một là đứng về nhân, hai là đứng về pháp. Nhân tức là căn cứ theo có thể mê lầm mà nói, khởi si, tà kiến, nhiếp thuộc về người. Theo pháp là căn cứ theo vô minh không hiểu rõ gọi là mê, tà kiến không hiểu đúng, gọi là lầm. Căn cứ theo hoặc chia làm hai, nhưng chung là pháp, đều căn cứ theo hay mê mà nói.

Tây Minh nói:

Hỏi: Hai không tức là ngã pháp cả hai không có, vì sao nói không làm chỗ nương của mê ngộ?

Giải thích rằng: Ai nói lời không làm cảnh của mê ngộ? Đây nói lý tánh mà hai Không hiển bày là cảnh của mê ngộ, điều này chưa hẳn như vậy, vì sao? Đối với không chấp có, vì sao chẳng phải cảnh của mê? Đạt được Không này, thì không có gì có thể chẳng phải là cảnh của ngộ. Nếu chẳng phải là cảnh, trái với Thức thứ tám sau nói, người ngu phàm phu chấp có bậc Thánh đạt được vô, cũng có thể nói là cảnh trí của phàm thánh. Lại quyển 10 ở sau ghi: "Ngoài ra tuy cũng được làm chỗ

nương của mê ngộ, mà chẳng phải căn bản, nên đây không nói, chẳng cho rằng hoàn toàn trái". Nay hiểu rõ đây căn cứ theo cảnh căn bản của mê nên nói Chân như, do phải chứng được Chân như mới rõ được thế tục, gia hạnh duyên theo Không, không đoạn được Hoặc, nên nói nếu chứng được hai Không thì chướng kia tùy theo đó đoạn. Căn cứ theo thật của hai Không và tánh của hai Không đều là cảnh của mê ngộ.

Hỏi: Nếu chứng được hai Không, chướng kia tùy theo đó đoạn, trong Bản sớ giải thích đồng theo luận sư khác. Ở đây đoạn văn đầu, không phải chỉ An Tuệ, nên cùng nói chung. Nếu căn cứ theo An Tuệ, trong Xu Yếu có ba cách giải thích, cách thứ ba nói rằng, trong sở tri chướng chủng tử, tập khí là trọng, hiện hành gọi là khinh, do chướng chủng tử, tập khí còn lại hiện hành được sinh, nếu đoạn được chủng tử, tập khí, hiện hành vĩnh viễn đoạn. Yếu Tập ghi: "Chấp chướng có hiện hành chủng tử, vì sao tập khí, chủng tử gọi là chấp, hiện hành gọi là chướng khác", ít trái với văn này, ý này chấp chướng đều có chủng tử hiện hành, không phải chấp chủng tử, tập khí chỉ được tên chấp, hiện hành không gọi là chấp nhưng gọi là chướng khác. Nay cho rằng không lỗi, không nói hiện hành, không phải gọi là chấp, nhưng là chủng tử, tập khí nặng chấp nó. Còn lại gọi là chướng khác do hiện hành nhẹ mà dễ phục trừ, có lúc không hiện hành. Nếu luận về chủng tử, không ngăn ngại hiện hành, nếu đoạn được chủng tử, hiện hành nhất định không có, nên hiện hành nhẹ gọi là chướng khác. Do có chủng tử nên hai chướng sinh đầy đủ, văn rất phù hợp nhau, trái nhau chỗ nào?

Tây Minh giải thích rằng: "An Tuệ phiền não chấp hẹp chướng rộng". Thể của sở tri chướng tức là cùng với pháp chấp, thể không phải rộng hẹp, nay căn cứ theo phiền não khác nói nên không phải trái nhau. Yếu Tập ghi: "Thuận theo văn nghĩa thì giải thích có là đúng", ý này do phiền não chướng riêng đầu mối tham v.v... lúc ngã chấp đoạn nó cũng đoạn theo, rằng chướng kia đoạn theo nên thuận theo văn nghĩa. Nay cho rằng không như vậy, trước nói do ngã chấp pháp chấp, hai chướng sinh đầy đủ, nếu chứng được hai Không, chướng kia đoạn theo, nếu chỉ có phiền não, vì sao cần phải nói hai chướng sinh đầy đủ? Nếu chứng được hai Không, chướng kia đoạn theo, tức là nên nói rằng, nếu chứng được Sinh không, chướng kia đoạn theo. Lại sở tri chướng, chướng chấp tương tợ, vì sao cần phải nói hai trọng? Một chướng có trọng, nay lại giúp giải thích An Tuệ có chướng không phải chấp, như luận Phật Địa, chướng đã đắc quả cũng gọi là chướng, tức là sở chướng đã khởi ba nghiệp, đều đã đắc quả và kiến phần, tướng phần, tuy sở chấp này cũng gọi là đoạn

theo, như đối với Biến kế mà nói nghĩa của đoạn.

Lại thể của chướng, luận Phật Địa cho rằng thể của phiền não chướng, một là Căn bản phiền não, và tùy phiền não; hai là đã phát nghiệp; ba là đã đắc quả; như luận này lấy một trăm hai mươi tám căn bản phiền não và tùy phiền não làm thể tánh.

Tây Minh nói: Như hai luận này chướng của thể không đồng. Ngài Hộ Pháp thành tựu chánh chướng, nói căn bản, Đẳng lưu lấy làm thể của chướng, ngài Thân Quang đồng căn cứ theo chướng và quyến thuộc, nên chướng, nghiệp quả làm thể tánh của chướng. Nếu chuẩn theo cách giải thích này, cũng chưa hết lý. Ngài Hộ Pháp ban đầu nêu ra thể của chướng, vả lại căn cứ theo lời thù thắng, chẳng phải không nhận lấy nghiệp và quả, vì không nói riêng. Lại phần sau nói rõ mười chướng, nói đoạn được nẻo ác tạp nhiễm ngu, nói rằng nên biết phẩm ngu tổng nói là ngu, phẩm minh tri chướng cũng nói là chướng. Lại đây căn cứ theo tự tánh đoạn, chỉ nói căn bản và tùy phiền não. Luận Phật Địa v.v... căn cứ theo ba loại đoạn, nếu đã phát nghiệp đều đã đắc quả, nên không phải trái nhau. Nếu căn bản, tùy hoặc gọi là tự tánh đoạn, nếu đã phát nghiệp gọi là tương ưng đoạn, căn cứ theo nghiệp bất thiện mà nói như vậy. Nếu nghiệp thiện cũng duyên trói buộc đoạn, nếu đã đắc quả gọi là lìa trói buộc đoạn, do tự tánh đoạn, tương ưng đoạn, hiển bày Hữu dư Niết-bàn, do duyên trói buộc đoạn và bất sinh, nên hiển bày Vô dư Niết-bàn.

Hỏi: Nếu chướng kia đoạn theo, phải đợi chấp trừ kia chẳng chấp chướng tùy theo nó nói đoạn, có thể không như vậy, nếu không như vậy, liền trái với văn của luận. Nếu nói lời như vậy, tức là có hai vặn hỏi.

Thứ nhất hỏi: Như hàng Nhị thừa lúc dần dần đoạn được chín phẩm hoặc tu đạo, tám phẩm đạo trước đoạn được mê sự hoặc, phẩm đạo thứ chín đoạn được mê lý hoặc, chuẩn theo đây tức là chẳng chấp trừ trước, là chấp trừ sau. Vì sao có thể nói do ngã pháp, sinh chướng kia đoạn theo v.v..., ngã chấp đoạn thì hoặc mới trừ, có thể nói chướng cuối nương theo chấp sinh, chấp chưa đoạn thì hoặc đã trừ, đây sẽ không do chấp khởi.

Thứ hai hỏi: Hàng Đại thừa Bồ-tát, trong Địa thứ tư mới đoạn được thân kiến, biên kiến, cho đến Địa thứ năm mới đoạn được hại bạn, nếu hại bạn bốn Địa đoạn, các chướng tùy theo chấp sinh, hại bạn năm Địa trừ. Vì sao tùy theo chấp đoạn?

Đáp rằng: Nếu chứng được hai Không, chướng kia đoạn theo, căn cứ theo kiến đạo và cứu cánh mà nói, nó chẳng phải kiến đạo, v.v... nên

không phải trái nhau.

Chứng chân giải thoát là Thanh văn, Bồ-tát mỗi mỗi lựa riêng. Vả lại, lựa ra Thanh văn là đầy đủ ba việc, gọi là Đại-bát. Nay người của Nhị thừa không thể chứng được lý thể của Chân như kia, nhưng có thể ngộ được lý thể của Chân như này, trên lìa được phiền não chướng nhiễm che đậy nghĩa một bên gọi là giải thoát, do người của Nhị thừa không thể chứng ngộ được chân lý của Pháp không, chỉ có thể ngộ được một phần của Sinh không, tuy đắc được sinh Không, lại không biết được thân chứng, chỉ gọi là giải thoát chẳng phải chân giải thoát.

Lựa ra Bồ-tát là Bồ-tát Thập địa, tuy có thể đầy đủ chứng được chân lý của hai Không, nhưng Biến dịch sinh tử vẫn chưa lìa được, nên là chân chẳng phải giải thoát. Lại Nhị thừa khi đắc được Vô dư, thì thân trí vĩnh viễn không còn, nên là giải thoát mà chẳng phải chân. Bồ-tát chứng được hai lý, phiền não chưa hết là chân chẳng phải giải thoát. Như lai cả hai đều khác nên chân giải thoát.

Đắc Đại Bồ-tát là hàng Nhị thừa sinh không trí là Bồ-đề chẳng phải lớn, phàm phu Hữu lậu trí v.v... tuy đồng duyên với tất cả pháp, hành tướng tuy rộng lớn, chẳng phải Bồ-đề, chẳng phải Chánh giác. Phật đầy đủ hai loại gọi là đại Bồ-đề.

Hỏi: Hữu dư y Niết-bàn, Vô dư y Niết-bàn, thể đều là trạch diệt, khởi Kim cương tâm, lúc đoạn được phiền não tức là chứng được hai lý. Vì sao nói thân trí không thì hiển bày Vô dư Niết-bàn? Lại hỏi: Vô dư Niết-bàn là đã chứng lý, nay nói hàng Nhị thừa chứng được Niết-bàn, nhất định cần phải có năng chứng, thân trí đã mất, nói ai chứng đắc?

Đáp hỏi thứ nhất rằng: căn cứ theo thật hai Niết-bàn này, Kim cương tâm sau, lúc giải thoát đạo tức là đã chứng đắc, nhưng Vô dư Niết-bàn hiển bày cần phải thân trí không có, chẳng phải là đã trước chưa từng chứng đắc.

Đáp hỏi thứ hai rằng: luận thật được diệt thân trí chẳng phải không, có thể nói hàng Nhị thừa đắc được Vô dư diệt, do thân trí ở vô dư không hiển bày, không nói đắc, thân trí không có thời, vô dư mới hiển bày, tuy không phải thân trí, nay đối với quả luận về nhân, từ nhân luận về thuyết, nên không trái nhau.

Hỏi: Bồ-tát đắc được Vô trụ xứ Niết-bàn rồi chăng?

Đáp: Đã đắc. Vì sao biết được? Đoạn Trí thù thắng trong Nhiếp luận ghi: “Bồ-tát xa lìa xứ sở như vậy, Bát-nhã, đại bi đều đầy đủ, có thể chính an ổn trụ Vô trụ Niết-bàn”. Lại trong đoạn nói về sự sai biệt của trí Bồ-tát, Thanh văn ghi: “Nghĩa là lấy Vô trụ Niết-bàn làm sở

trụ", nếu như vậy cũng nói rằng Bồ-tát bốn tất cánh sai biệt, nghĩa là trụ ở cõi Vô dư y Niết-bàn, vì không có đoạn diệt.

Đáp: Đây chẳng thành vặn hỏi, trong phần giải thích sau luận, nếu lúc chư Bồ-tát được thành Phật, đã chứng được pháp thân, cùng tận bờ mé của sinh tử, không phải đoạn kết, trong vô trụ xứ, chỉ nói rằng Bồ-tát trụ, không nói thành Phật. Lại luận Tạp Tập và Đại Trang Nghiêm quyển 9 giải thích đại bi rằng: "Vì thế được không trụ vào Niết-bàn cũng không trụ vào sinh tử".

Tây Minh nói: "Kinh Bản Nghiệp ghi: Kim cương Tam-muội gọi là Đẳng giác", ý này đã nói rằng Đẳng giác cùng với Như Lai v.v... vì sao được nói Phật quả trí thù thắng? Kinh giải Thâm Mật quyển 5 nói, vì do giải thoát thân, hàng Nhị thừa kia cùng với chư Như Lai bình đẳng, bình đẳng, do pháp thân nói có sai biệt, chuẩn theo văn đây, hai loại đều chẳng phải thù thắng, vì sao cùng nói hai thắng quả?

Giải thích rằng: Giải thoát thật không phải sai biệt, đồng đoạn được phiền não, đã được chứng đắc mà nói thắng là từ trí năng chứng, nên không trái nhau. Đây giải thích không như vậy, nếu từ trí năng chứng nên gọi là Bồ-đề, Bồ-đề đều đoạn gọi là Bồ-đề. Lại ý này nói chân giải thoát lựa người của Nhị thừa đã đắc trạch diệt, không đắc chướng hết, đã hiển bày Chân như, nên kinh Niết-bàn ghi: "Người của Thanh văn có Khổ có Đế, mà không phải chân thật". Kinh Thắng Man ghi: "Nói đắc Niết-bàn là cách xa cõi Niết-bàn", rõ ràng biết không đắc được chân thật Niết-bàn, nay nói chân thật Niết-bàn này, gọi là giải thoát, nên gọi là thắng quả. Lại nữa giải thoát Nhị thừa đắc được hoặc chướng giải thoát, chưa đoạn được tập khí, nên chẳng phải thắng quả. Đại thừa đoạn được tập khí hợp với sở tri chướng nên gọi là thắng quả, nên luận Nhập Đại Thừa nói Như Lai giải thoát thù thắng hơn Nhị thừa, vì đoạn được tập khí, nên chẳng phải thắng quả. Kinh Pháp Hoa ghi: "Chỉ đoạn được hư vọng gọi là giải thoát, thật chưa đắc được tất cả giải thoát". Kinh Giải Thâm Mật ghi: "Giải thoát v.v... là căn cứ theo đoạn được phiền não giả giải thoát mà nói", nên không phải trái nhau. Nhưng lần lượt văn luận riêng đoạn chướng được là căn cứ theo thắng hiển mà nói. Trước vả lại nói chung cũng theo lìa được sở tri chướng nên giải thoát thù thắng. Tây Minh nói, ngài Tam Tạng giải thích Đẳng giác là Vô gián, giải thoát đồng đoạn được một chướng nên nói là Đẳng giác, chẳng cho rằng giải thoát cùng đều gọi là Đẳng. Nay lại giải thích thêm, căn cứ theo lý đã chứng. Sau cùng không phải chướng, chướng ngại lý đã chứng, nên kiến phần rõ ràng, không đồng với đây, trước do

có vi tế chướng ngại kiến phần không phải rõ được, không gọi là Đẳng giác, đây nói Đẳng giác chỉ căn cứ theo Căn bản, chẳng căn cứ theo Hậu đắc, nay đây Bồ-đề ý nói Hậu đắc Nhất thiết chủng trí không đồng với trước gọi là thắng quả.

Tây Minh nói: Một ngàn hai trăm năm sau, Bồ-tát Thanh Biện nương theo kinh Niết-bàn và tông của ngài Long Thọ tạo ra Niết-bàn Chứng luận, Chưởng Trân luận v.v... phá được luận của Vô Trước v.v... có tướng Đại thừa. Đương thời ngài Hộ Pháp nương theo kinh Giải Thâm Mật thành lập Hữu tông, phá được nghĩa của Không kia, nay cho rằng không như vậy, ba tánh của ngài Thanh Biện tổng nói là Vô, có thể được nói là Không. Ba tánh của ngài Hộ Pháp chẳng phải đều nói Hữu. Vì sao gọi là hữu giáo? Lại nếu gọi là Hữu và ban đầu khác gì? Do đây nên nói ngài Hộ Pháp nương theo lụân Du-già v.v... kia thành lập Phi không hữu, y Viên hữu nên chẳng phải Không, biến kế không nên chẳng phải Hữu, như luận Trung Biên tụng v.v..., Tây Minh, Nhân Vương. Bát-nhã kinh sớ ghi: "Phá được luận sư Du-già hoàn toàn lập ra hữu". Ngài Hộ Pháp giải thích trong luận Quảng Bách nói rõ chẳng phải Không hữu, rộng như luận kia lẽ ra cũng không phải như vậy, đâu phải ngài Hộ Pháp giải thích qua ngài Di-lặc, phá được luận sư Du-già? Nhưng trong luận kia nói rằng phá được luận sư Du-già nghĩa là phá người sau khác học luận Du-già, một bề chấp có trái với luận Du-già, gọi là pháp được luận sư Du-già, chẳng phá được Bồ-tát Di-lặc đã nói luận Du-già. Như Lý môn luận rằng: Phá được luận sư Cổ Nhân Minh, phá được luận sư cổ khác, chẳng phá được các luận sư như Di-lặc, Vô Trước.

Lại giả nêu Thanh Biện lập ra thức Không, lượng rằng: "Thức bên trong chẳng phải hữu, tông, trong năng thủ sở thủ tùy theo một nhiếp. Nhân, giống như cảnh bên ngoài". Lại lượng rằng: "Chân tánh Hữu vi không v.v..." như luận Chưởng Trân, đây sẽ biện luận sau. Nay cho rằng lượng trước nếu lấy duyên sinh bên trong thức làm hữu pháp, nhân tức là có lỗi tha tùy một bất thành. Ngài Hộ Pháp không thừa nhận bên trong duyên sinh thức hay nhận lấy cảnh bên ngoài, nếu lập ra thật năng thủ thức, tức là có lỗi tương phù bất thành, nên quyển 2 ghi: "Nếu chấp Duy thức là thật có, cũng là pháp chấp". Đã nói rằng chấp thật có cũng pháp chấp, rõ ràng không phải thật năng thủ thức, nay do nhân của năng thủ sở thủ, lập đồng với cảnh bên ngoài không, cho nên có lỗi tương phù. Đã có lỗi này, không được cùng với luận chủ lập ra tỷ lượng lỗi tương vi.

Luận: Hoặc chấp các thức dụng khác thể, đồng với Tây Minh nói: "Có thuyết nói tám thức là một, có thuyết nói chỉ chấp sáu thức là một, không nói Thức thứ bảy, thứ tám". Tuy có hai giải thích, nhưng lấy đây là chính, vì sao? Thế Thân giải thích rằng: "Chỉ trừ riêng có Thức thứ tám", nên luận kia nói, chẳng lìa được ý thức, riêng có thức khác, chỉ trừ riêng có A-lại-da thức, nên biết riêng có tự thể của Thức thứ tám, tuy không phải văn chính, nhưng chuẩn theo lý thì Thức thứ bảy lìa ý riêng có. Yếu Tập có ba giải thích, cách thứ ba đồng với đây, cũng phán phân là chính. Nay cho rằng không như vậy, nếu không có thì chỉ nói có thể như được hợp nhau, đã nói chỉ trừ riêng có Thức thứ tám, càng thừa nhận lìa Thức thứ sáu riêng có Thức thứ bảy, trái với luận nói "chỉ có". Yếu Tập lại tổng hợp, như kinh Giải Thâm Mật, văn chỉ hiển bày nói Thức thứ tám cùng với Thức thứ sáu, trong ý hợp nói Thức thứ sáu, Thức thứ bảy. Ý kia nói có Thức thứ tám, vốn chưa tin có mạt-na Thức thứ bảy, nên Thế Thân thuật lại chỉ trừ Thức thứ tám kia, không trừ được Thức thứ bảy.

Nếu như vậy làm sao biết Thế Thân không nương theo kinh Lăng-già nói Thức thứ tám và Thức thứ bảy như nước dậy sóng? Chấp Thức thứ bảy là một, chỉ trừ Thức thứ tám. Lại nữa, Vô Tánh chỉ nói trong đây không phải riêng thức khác, làm sao biết không nương theo một loại? Các sư nương theo kinh Lăng-già nói như nước dậy sóng, tám thức thể là một, luận này chỉ nói thể của các thức đồng, không lựa riêng ra. Lại Nhiếp luận của Vô Trước ghi: "Có một loại sư nói một ý thức, bỉ bỉ y chuyển đắc được bỉ bỉ tên gọi, như ý tư nghiệp gọi là thân nghiệp, ngữ nghiệp, nương theo văn luận kia, tức là nói rằng: nói một ý thức, rõ ràng không thừa nhận nhiều. Lại nói rằng như ý thức khác, dụ chẳng phải tương tợ, không gọi là một ý. Vì vậy luận Vô Tánh chỉ nói chung, không phải riêng thức khác.

Nhiếp luận của Thế Thân chỉ trừ được Thức thứ tám, lại riêng nghĩa của thấy, như luận sư Cổ Nhân Minh lập ra năng sở thành, nhiều ít đều riêng trái, đều tương tợ, luận sư xưa một ý, cũng nên như vậy, không thể trái với luận nói sáu thức là một, lấy đây làm chính.

Hoặc chấp lìa tâm không riêng tâm sở. Bản sớ nói chỉ có ba tâm sở. Lại nói tâm sở, thọ tưởng, hành tín, tư v.v... Yếu Tập ghi: "Vì sao được biết lập ra ba, bốn v.v..., thấy không dẫn văn tức là nói rằng làm thế nào biết được? Như Tây Minh đã dẫn, vì sao biết được Bản sớ không thấy văn kia, e rằng phiền phức nên không dẫn, mọi người đặt ra chứng cớ trách cứ chỉ vô ích.

Bản sớ nói nương theo kinh Đại Bát-nhã, trong tám chuyển thức, giải thích thế gian nói là vượt ngoài thế gian nên gọi là thế gian, do thể của năm uẩn tức là thế gian chẳng phải là năm uẩn chỉ từ thế gian xuất, vì thể của năm uẩn là thế gian, lúc năm uẩn tự hiện gọi là thế gian xuất. Như thế gian nói lời Thánh nhân xuất, chuẩn theo tám chuyển thanh, tức là thể âm thanh. Tạo ra thế gian là do từ uẩn trên khởi các phiền não, phiền não sinh ra nghiệp tạo tác sẽ là quả, gọi là tạo ra thế gian, tức là âm thanh của nghiệp. Do thế gian, do phiền não v.v..., là năm uẩn đầy đủ hay tạo ra năm uẩn, uẩn từ nó đầy đủ nên gọi là do thế gian, tức là đầy đủ âm thanh. Làm thế gian nghĩa là lấy làm thể của uẩn, rơi vào thế gian, nên gọi là thế gian, tức là âm thanh. Nhờ vào thế gian nên quá khứ cảm nghiệp, thể là thế gian, từ nó chiêu cảm, nhờ vào nó nên gọi là nhân thế gian, tức là từ âm thanh. Thuộc về thế gian vì trói buộc thuộc thế gian, tức là thuộc về âm thanh. Nương theo thế gian, vì sát-na sinh diệt, sau nương theo trước mà được khởi, gọi là y thế gian. Tất cả các pháp đều trong tên gọi của bảy chuyển thanh, Thức thứ tám gọi là âm thanh vì chiêu cảm nó, lại không có nghĩa riêng, nên lược không nói.

Lại vặn hỏi có năm:

1. Vì làm rõ nghĩa cho kinh Bất liễu nghĩa, như nói văn này có nghĩa gì?

2. Nói trái nhau, như nói vì sao Thế Tôn trước nói và nay nói khác nhau.

3. Là đạo lý trái nhau, như có hiển bày nghĩa của bốn loại đạo lý trái nhau.

4. Không phải quyết định, ở một loại nghĩa, ở chỗ khác kia, các loại môn khác nói.

5. Là cứu cánh chẳng phải hiện thấy, như nói bên trong ngã, có thể tánh nào mà nói thường hằng không có thay đổi, chánh trụ như thế v.v... Nay đây thiết lập vặn hỏi tức là thứ hai, thứ ba.

Do giả nói ngã pháp, văn tụng này, khoa phán phân như Bản sớ và Xu Yếu. Giải thích văn tụng này, tuy có mười luận sư đại loại chia làm ba, nghĩa là Bồ-tát An Tuệ đứng về Y tha chỉ lập ra một phần; Nan-đà, Thân Thắng v.v... lập ra hai phần; luận sư Trần Na v.v... lập ra ba phần. Hộ Pháp chuẩn theo dưới tuy lập ra bốn phần nhưng tùy theo xưa, giải thích nương theo ba phần. Vả lại, An Tuệ nói tướng phần, kiến phần không có thể, vì năng thủ sở thủ, nên kinh nói Hữu vi Vô vi gọi là hữu, ngã và ngã sở nói là vô, đây nói Hữu vi và do Vô vi hai loại là có, lại không phải pháp khác. Phật hay chứng biết vì lìa hư vọng, do Tự chứng

phần lúc duyên theo Chân như, càng không phải kiến phần tướng phần, không phải năng thủ sở thủ, lúc duyên theo tự chứng phần làm Hậu đắc trí, không phải hai thủ nên cũng không phải kiến phần, tướng phần. Do đây tướng phần kiến phần đã hư vọng, tức là thuộc về Biến kế, trong y tha chỉ có tự chứng phần, đã có hai phần đều là vọng tâm, nên ba tánh tâm đều thừa nhận có chấp, trừ Phật ra đều có chấp. Vì sao biết? Theo nhiều kinh luận, trong Địa thứ năm đoạn được bát Niết-bànchương của Thừa dưới. Cầu Niết-bàn đã là tâm thiện, nếu không chấp vì sao cần phải đoạn? Từ Địa thứ tám trở lên trừ Gia hạnh tâm, Gia hạnh tâm thiện, đã nói trừ, nên biết có chấp. Lại nữa, Thế Thân tạo luận Duyên Khởi thừa nhận ba tánh tâm đều đủ cả vô minh, nên đều có chấp.

Hỏi: Đã trừ Phật ra thảy đều có chấp, mười Địa tâm Vô lậu có chấp không?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Nói rằng có chấp. Nhị Thập Duy thức ghi: "Tha tâm trí vì sao biết được cảnh không như thật, như biết tâm trí của mình, không biết như cảnh của Phật", đã nói rằng không biết như cảnh của Phật, rõ ràng tâm Vô lậu cũng có chấp.

Hỏi: Đã thừa nhận Vô lậu lại gọi là thiện, vì sao có vô minh?

Đáp: Lựa ra trọng khác, như thọ Hữu lậu lạc cũng gọi là khổ, vì thuộc hành khổ, như Hữu lậu thiện cũng gọi là bất thiện, thắng nghĩa bất thiện nên gọi thiện và Vô lậu, cũng lựa ra trọng.

2. Nói rằng tuy thông với ba tánh, Vô lậu tâm không có, nên quyển 8 ở sau nói tám thức, tâm, tâm sở Hữu lậu được nhiếp đều có chấp, đã lựa ra tâm Vô lậu, nên không nói có.

Hỏi: Đâu không phải hai phần ư?

Đáp: Theo quyển 9 sau giải thích chân kiến đạo, trong nêu dị thuyết không lập ra hai phần, tức là An Tuệ v.v... nên tâm Vô lậu không thừa nhận có chấp. Song Nhị Thập Duy thức nói không biết như cảnh của Phật là căn cứ Hữu lậu nói, hoặc chẳng phải thấu rõ như Phật, tương truyền có hai giải thích. Chuẩn theo đây chỉ Phật không có hai phần, nên biết ngã pháp, không nương theo lời Phật. Không phải hai phần, chứng được không thể nói, chấp tập khí đoạn hết, thiết lập ra ngã pháp chỉ ở pháp khác trừ Phật đã ra đối với kế sở chấp hoàn toàn không có, riêng chấp làm ngã và do thật pháp, Thế Tôn trừ được hư vọng chấp này, đối với tổng vô thượng giả lập ra làm ngã pháp của Thánh giáo, nên kinh tụng rằng: "Như ngu được phân biệt, tụng chứng vọng chấp khác", là đối với người ngu trừ chấp thật ngã pháp, tụng chứng được ý

của Phật nói, vì Thế Tôn lìa chấp, không phải tướng phần, kiến phần, nên không nương theo Phật thiết lập ngã pháp. Hỏi: Nếu như vậy vì sao gọi là Như Lai v.v...

Đáp: Là đối với trừ chấp thật khác, nên Như Lai thiết lập giả hiệu như luận Đối Pháp nói nghĩa của ngã.

Hỏi: Phật không phải tướng phần, kiến phần, ai có thể nói?

Đáp: Chuẩn theo đây nên đồng với Vô Tánh v.v... giải thích người nghe thức trên tụ tập hiển hiện, Phật thật không nói. Song An Tuệ giải thích ngã giả pháp, thế gian ngu phàm phu, ở nơi tự chứng phần vọng sinh ra tướng phần kiến, tướng phần kiến phần vốn là không, không rõ được không năng chấp có ngã chấp, ngã pháp riêng là không, hoặc chấp tướng phần, kiến phần khác nhau, lấy làm hoặc ngã hoặc pháp, nên gọi là riêng không. Tướng phần, kiến phần chung là không làm riêng ngã pháp, làm ra chỗ nương vì ngã pháp này nương theo tướng phần kiến phần, gọi là riêng không nương theo chung không mà giả lập làm ngã pháp của thế gian, vì không nương không nhờ lập ra Thánh giáo đã nói ngã pháp, tuy mê, ngộ khác nhau, đều nương theo không. Lại đây An Tuệ do bên ngoài giống bên trong, do không giống có thể của tướng phần kiến phần, không giống tâm bên trong chấp có, ngã pháp chuẩn theo đồng. Ngã pháp của Thánh giáo do có giống không. Nếu ngài Hộ Pháp giải thích đầy đủ như Sớ, song Bản sớ phán phân rằng trên đây hai giải thích:

Thứ nhất giải thích rằng: Ngã pháp hai giả bèn thuộc về thuyết, chỉ nhờ vào ngôn thuyết lấy làm ngã pháp, thể kia đều là trái. Ý đây giải thích rằng: Ngã pháp của thế gian nói tướng của sở chấp, lấy làm ngã pháp, ngã pháp vốn không chỉ là ngôn thuyết. Thánh giáo tuy nói sở duyên kiến phần tướng phần, các pháp uẩn v.v... lấy làm ngã pháp, uẩn v.v... thật chẳng phải như ngã pháp, nhưng chỉ có ngôn thuyết nên thuộc về thuyết.

Thứ hai giải thích rằng: Lấy sở chấp làm như ngã pháp, ý đây giải thích rằng: Sở chấp bên ngoài ngã pháp là vô, thế gian nói là ngã pháp, tùy theo tự hữu tình chấp hiểu rõ của ngã pháp, không pháp sở chấp kia ngã pháp có thể nói, vì ngã pháp không nương theo hữu tình bên trong, do không nương theo hữu giả, nên chỉ nói hữu tình. Thánh giáo đã nói nương theo thức v.v... trên có nghĩa của ngã pháp, nghĩa nương theo thể, tức nghĩa là riêng, thể của thức là chung, do riêng nương theo chung, nên nói nghĩa riêng, lấy làm ngã pháp gọi là nghĩa nương theo thể, đây đã nói nghĩa lấy làm ngã pháp, nên không nằm trong ngôn thuyết, có

nghĩa là thể kia làm sở thuyết.

Lại Hộ Pháp giải thích, do bên trong tợ như bên ngoài, do có tợ như không, hướng về bên ngoài tợ như tướng phần, kiến phần là có tự như ngã pháp bên ngoài, ngã pháp là không, ý này Thánh giáo đã nói tướng phần kiến phần, mà thể tuy có, kẻ ngu phàm phu đã chấp thật cái không của kiến phần tướng phần, vì chấp thật có năng duyên, sở duyên làm kiến phần tướng phần. Nay ý của Hộ Pháp kiến phần tướng phần duyên sinh giả gọi là tướng phần kiến phần, vì từ ngu phàm phu kia đã chấp hai phần, nên nói do có tợ như không.

Luận: Và liễu biệt cảnh thức, Yếu Tập nêu một chữ "Thức" trong hữu thuyết thông với ba năng biến. Có người nói trước nói nó nương theo thức sở biến. Ba thức thông với tên gọi, đây nói rằng thức là chỉ thuộc về Liễu biệt năng biến thứ ba, vì tâm, ý, thức, tên gọi, thể khác nhau (Yếu Tập chỉ kể ra mà không quyết đoán). Nay cho rằng cách giải thích này là sai, vì sao? Trước nêu lên ngã pháp nương theo thức sở biến. Kế nói rõ năng biến, thể của thức một hay nhiều vốn muốn giải thích trước, không nghĩ chỉ giải thích tên của tâm, y, thức, nên sau giải thích rằng ba loại này đều gọi là thức năng biến. Lại tâm, ý, thức rõ ràng gọi là thông, tùy theo tăng lập ra tên, chỗ khác nói khác nhau, ở đây căn cứ theo thông, tên gọi thể của thức, không nói khác nhau.

Pháp nghĩa là quỹ trì. Bản sớ giải thích rằng, quỹ làm khuôn phép có thể sinh ra vật giải, trì nghĩa là giữ gìn không bỏ tự tướng, ý này hay có khuất khúc khuôn phép, biểu hiện rõ ràng sai biệt. Sinh ra vật giải là tùy theo tăng gọi là quỹ, không làm khuất khúc biểu hiện rõ ràng, chỉ sinh thẳng hiểu rõ tức gọi là giữ gìn, giữ gìn tự tánh, duyên theo Vô vi v.v..., lúc sinh ra vật giải cùng được gọi là pháp, không phải là nhất định nói không vô Chân như không thể sinh ra vật giải, nên gọi là trì. Nay đối với cùng tên một pháp, chia làm quỹ trì, nếu không như vậy quỹ trì có khác gì? Lại do quỹ trì bản sớ có bốn đối, không phải là như kế phối hợp quỹ trì trước, chỉ tùy theo chỗ ứng làm ra bốn đối, chuẩn theo nghĩa phối hợp nhận lấy, đều nói trong Thánh giáo thế gian đối của Xu Yếu.

Xu Yếu giải thích: Trong đây đều nương theo nghĩa của tăng thượng mà nói bốn cách giải thích trước thông với Thánh giáo của thế gian, cách thứ năm chỉ phối hợp. Nếu giải thích sự thích hợp này, Tây Minh dẫn lập ra vô cũng gọi là quỹ, như luận Nhân Minh lập ra ngã là vô, cũng được gọi là quỹ, chỉ nhọc công vô ích. Có người giải thích không được, chủ ý của bản sớ chống chế nghĩa này, nói rằng lấy thể của ngã vô làm Sở duyên duyên. Lấy thể của vô nên không thể sinh ra

vật giải gần gũi duyên có thể sinh ra vật giải gọi là quỹ, cũng là thiết lập hoài công. Có người nói rằng lại dẫn luận Du-già quỹ thông với hữu pháp và pháp, Hữu vi Vô vi hoặc hữu hoặc vô đều gọi là luận về quỹ, cũng nên tự dừng. Yếu Tập lại ghi: "Có thuyết nói về bốn đối nói rõ trì, quỹ khác nhau. Vô vi vô pháp chỉ trì chẳng phải quỹ nghĩa tức là khó tìm. Lại dẫn kinh Lăng-già chân trí duyên Chân như cho đến nói rằng Hậu đắc trí duyên xa tự bản chất sinh ra vật giải gọi là luận quỹ, cũng không có lỗi. Đây không khác với trước cần gì phiền phức nói rộng. Lại dẫn luận Du-già 52 nói: "Do hai loại duyên, các thức được sinh cho đến ý pháp".

Đáp: Do hay giữ gìn năm thức thân, nghĩa là bất hành. Phật, Thế Tôn giả nói gọi là pháp. Năm thức không hành thông với vi Vô vi, đã muốn chứng được vô và như tên quỹ, lại dẫn thông nói vô cũng là quỹ, không giải Bản thích, chỉ là chứng cứ vô ích, nên tìm giải thích trước, kinh luận không trái nhau. Giải thích ngã nghĩa là mạng sống của hữu tình v.v... đầy đủ như trong mười loại sinh của Xu Yếu. Một sinh như thế nào? Nghĩa là hai loại thai sinh và noãn sinh lúc ban đầu nương gá vào mà sinh. Đẳng sinh như thế nào? Nghĩa là trụ vào bên trong của thai sinh và noãn sinh. Thú sinh nghĩa là từ khi sinh ra, nghĩa là ra khỏi thai sinh và noãn sinh.

Ngã sai biệt trong Xu Yếu có mười bảy, nay lại thêm luận Đại Trang Nghiêm quyển 11 ghi: "Kiến giả, văn giả, giác giả, thức giả, thực giả, tri giả, thuyết giả, tác giả", đây chỉ nêu tám loại. Kiến giả, tri giả, tác giả đồng với thuyết trước. Văn giả, giác giả, thức giả, thuyết giả năm loại khác nhau, mười bảy loại trước lại có thêm năm loại này và có hai mươi hai loại. Tuy chưa thấy được văn, chuẩn theo kinh Đại Bát-nhã đã có sử tác giả, sử thọ giả v.v... Lại thêm sử văn giả v.v... là thành hai mươi bảy loại, lý cũng không trái.

Trong Thánh giáo, ngã có phàm thánh khác nhau. Vả lại, trong Thánh giáo thiết lập ra ngã của phàm tức là ba giới, bốn sinh, bốn Thánh, bốn hữu v.v... lập ra Thánh giáo là ngã sai biệt. Vả lại nói rõ Thanh văn rộng có hai mươi bảy bậc Hiền thánh, tụng chung rằng: "Tín, kiến, thân, tuệ câu; hướng, quả đều có bốn; bảy phản, gia, và chủng; trung, sinh, hữu, vô thượng; thoái, tư, hộ, trụ pháp; kham đạt và bất động; hai mươi bảy Hiền thánh". Nếu phương tiện có hai nghĩa là tùy tín hạnh, tùy pháp hạnh, nếu quả sai biệt có hai mươi bảy loại.

Một là Tín giải (đây là tùy tín hành, người tu hành đến quả vị tức là người độn căn).

Hai là Kiến đáo (đây là tùy pháp hành, người đến quả vị cũng là người lợi căn).

Ba là Thân chứng (đây là quả Bất hoàn đắc được diệt định).

Bốn là Tuệ giải thoát (bậc La-hán chưa đắc được diệt định chỉ đoạn được phiền não chướng, chưa đoạn được định chướng nên thông với độn căn và lợi căn).

Năm là Câu giải thoát (nghĩa là đắc được diệt định La-hán định tuệ hai chướng đều giải thoát là hạng người thông với độn căn và lợi căn).

Bốn hướng, bốn quả (tám loại này đều thông với người độn căn và lợi căn). Năm loại trước và tám loại nà làm thành mười ba loại.

Mười bốn là bảy lần qua lại, nghĩa là Sơ quả rất nhiều, bảy lần sinh về cõi người cõi trời sau đó đắc được quả Vô học, hoặc cũng bất định.

Mười lăm là Gia, Gia là quả Dự lưu tiến đoạn được ba phẩm hoặc, bốn phẩm hoặc của tu đạo nhập vào Nhất lai mà trải qua sinh về cõi trời thượng gia cho đến trung gia của người, hoặc ở nhà người cho đến thiên thượng gia ở trong cõi Dục, cõi trời, cõi người quyết định vãng lai hai lần, ba lần đắc được quả vô học gọi là gia gia. Nếu không phải trải qua sinh chỉ gọi là Nhất lai hướng chứ không gọi là Gia gia.

Mười sáu là làm một chủng tử, chỉ có nghiệp của một đời gọi là một chủng tử, cũng gọi là nhất gia, tức là quả Nhất lai tiến đến đoạn được tu đạo của cõi Dục đoạn được hoặc, cho đến bảy phẩm, tám phẩm nhập vào Bất hoàn mà trải qua sinh, hoặc người hoặc trời chỉ thọ một đời, tức là bát Niết-bàn, chỉ có một khe hở dung chứa một đời này gọi là nhất gian. Nếu không phải trải qua sinh, chỉ gọi là Bất hoàn không gọi là một chủng tử.

Mười bảy là Trung bát, thân của cõi Dục đắc được quả Na-hàm, sau khi mạng chung thân sinh về Sắc giới đắc được bát Niết-bàn gọi là Trung bát, do sinh kết đã hết khởi kết chưa mất, do sinh kết hết nên không thọ được sinh hữu. Do khởi kết chưa mất nên chỉ thọ được thân Trung hữu. Sinh kết nghĩa là Hoặc hay nhuận sinh hữu, nó đã hết nên gọi là sinh kết đã tận. Khởi kết là là Hoặc hay nhuận sinh hữu. Vì sao gọi là khởi? Vì đối với thân hiện tại khởi phiền não này nhuận sinh thân Trung hữu, nên gọi là khởi kết. Hoặc khiến cho thân Trung hữu này khởi gọi là khởi kết, nó chưa hết nên gọi là khởi kết chưa mất. Ở đây có ba loại: một là Trung hữu của cõi trên mới khởi liền được Thánh quả mà bát Niết-bàn. Hai là Trung hữu khởi lên rồi là đến sinh hữu mới khởi tư

duy Thánh quả, hiện tại khởi tức là bát Niết-bàn. Ba là tư duy rồi muốn đến sinh hữu tức là đắc cực quả mà bát Niết-bàn.

Mười tám là Sinh bát, sinh về Sắc giới liền bát Niết-bàn nên gọi là Sinh bát.

Mười chín là Hữu hành bát, là sinh về Sắc giới rồi thường thường khởi hành đoạn hoặc đắc được bát gọi là Hữu hành bát.

Hai mươi là Vô hành bát, là sinh về Sắc giới rồi không thường khởi hành, do sức thói quen hay đoạn được Tùy miên đắc bát Niết-bàn gọi là Vô hành bát.

Hai mươi mốt là Thượng lưu bát, là từ Sơ thiền sinh cho đến Phi tưởng gọi là Thượng lưu bát. Vô sắc đắc được quả vô bát Niết-bàn này. Ở đây có hai, nếu lạc tuệ thượng lưu cực đến Sắc cứu cánh do năm phẩm huân tập thiền, sinh về Ngũ tịnh cư, đắc được quả vô học mà bát Niết-bàn không sinh về Vô sắc. Nếu lạc định thượng lưu tức là cực đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng, không sinh về Ngũ tịnh cư, trên đạt đến Vô sắc, đắc được quả vô học mà bát Niết-bàn, cả hai loại này đều là định tánh Nhị thừa.

Hai mươi hai là Thoái pháp, là trong độn căn rất thấp, gặp duyên liền thoái gọi là thoái pháp, gọi là độn căn tánh, nếu du tán hoặc không phải du tán, hoặc tư duy hoặc không phải tư duy, đều nhất định thoái mất pháp lục trụ hiện tại, tức là thế gian tĩnh lự lạc, chẳng thoái mất pháp Thánh pháp.

Hai mươi ba là Tư pháp, là sợ thoái mất pháp lạc trụ hiện tại, nên tư duy Thánh đạo. Nếu không tư duy thì mất, tư duy tức là không mất.

Hai mươi bốn là Hộ pháp, là tác ý hộ trì, sợ mất hiện pháp lạc trụ, nếu du tán phóng dật, không ủng hộ tức là mất, nếu không phải du tán không phải phóng dật, ủng hộ tức là không mất.

Hai mươi lăm là Trụ bất động, là nếu du tán nếu không phải du tán, nếu cầm dao nếu không cầm dao, đều không thoái mất hiện pháp lạc trụ, cũng không thể chuyển được độn căn, thành tựu lợi căn gọi là Trụ bất động. Nói người cầm dao nghĩa là có bậc Thánh nhàm chán hoạn thân, tự tay cầm dao muốn tự hại mình, người không cầm dao, không làm việc này.

Hai mươi sáu là Nhất định thắng tấn, là nếu tán không tán đều không thoái mất hiện pháp lạc trụ, nhất định hay chuyển căn đến Bất động, nên gọi là Nhất định thắng tấn, cũng gọi là Kham đạt, nghĩa là hay kham nhẫn chuyển căn cho đến Bất động.

Hai mươi bảy là Bất động, là đã thành tựu lợi căn, nếu tán không

tán cuối cùng không thoái mất hiện pháp lạc trụ, rốt ráo không bị phiền não loạn động, gọi là Bất động.

Hỏi: Thế nào gọi là thân chứng?

Đáp: Nói thân chứng là luận Tát-bà-đa cho rằng do đắc định này sáu thức không hành, chỉ có sắc căn và mạng, ở bên thân này có chứng đắc, chứng đắc được diệt định này nên nói là thân chứng.

Hỏi: Vì sao không nương theo mạng căn?

Đáp: Do chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, không thể trở lại nương theo chẳng phải sắc chẳng phải tâm. Nếu luận sư Đại thừa không nói bên thân có đắc khác đắc, chỉ hiển bày được diệt định, được lý lại gần gũi, như thân căn nhận lấy cảnh, từ dụ đặt tên, gọi là thân chứng.

Hỏi: Như Hữu bộ cõi Dục Sắc giới có thân căn, nương theo đây được diệt gọi là thân chứng?

Đáp: Vô sắc giới tuy thật không phải thân căn, không nhập vào diệt định, không phải thân chứng. Đại thừa đã khác, Vô sắc giới cũng được nói có thân chứng.

Tăng sinh tổn sinh là cõi Dục tu đạo phiền não chia làm chín phẩm, đem chín phẩm này để làm thấm nhuần bảy sinh. Ban đầu thượng thượng phẩm hoặc do tăng thạnh nên chỉ thấm nhuần hai sinh. Lúc đoạn được phẩm này, hai sinh liền giảm thượng trung, thượng hạ hai phẩm này cùng thấm nhuần hai sinh, lúc đoạn được hoặc này, hai sinh vĩnh viễn dứt, thông với hai sinh trước, giảm được bốn sinh. Trung thượng một phẩm hay thấm nhuần một sinh, nếu giảm tổn một phẩm này, ba sinh đã thoái, ở trong hạ năm phẩm gọi là gia gia, trung trung, trung hạ cùng chiêu lấy một hữu. Nếu đoạn được hai phẩm này, ở hạ ba phẩm gọi là Nhất vãng lai, không gọi là gia gia, hạ thượng một phẩm chỉ cảm được một nửa sinh, đoạn được một phẩm này, tức gọi là Nhất gian. Vì có hạ trung, hạ hạ cảm được hữu, hạ trung, hạ hạ cũng tăng thêm một nửa sinh nên gọi là Nhất gian. Sơ quả cực hữu không phải vượt lên bảy sinh, bất định khác trong bảy sinh không nói, từ đây trở lên căn cứ đại sinh mà nói, trời người chẳng hai quả báo hợp gọi là Nhất sinh. Nếu bàn luận về Trung hữu trời người nói khác nhau, có mười bốn loại. Trong mỗi một sinh đều có có Trung hữu, trời người đều có bảy, hoặc bao gồm cả mười sau sinh của bản hữu. Trên đây lược nêu, chưa tìm được văn, như có chỗ lầm nên có thể chỉnh nó, trên nương theo tùy chuyển, Đại thừa không văn, căn cứ theo tông của Đại thừa, chưa nhất định như kia phần phẩm nhuận sinh, vì sao? Luận Du-già nói tất cả phiền não trong toàn cõi đều hay nhuận sinh.

Nếu như kia nói thượng thượng phẩm hoặc hay thọ hai sinh, người của quả Dự lưu, Hoặc còn lại ai ngăn che không khiến cho cùng nhuần? Nhưng thượng phẩm nhuần nên lẽ ra chung nhuần, do đoạn được một phẩm, hoặc còn lại chỉ hay thấm nhuần năm sinh, sức lụi dần dần nhỏ, còn lại chuẩn theo đây (nên càng kiểm xét văn). Nếu trong Đại thừa hoặc nói năm Bổ-đặc-ca-la, bảy địa, mười ba trụ, hoặc bốn mươi hai bậc Hiền thánh v.v...

Pháp các thứ tưởng nghĩa là uẩn, xứ, giới v.v... đây nói thiện xảo các luận không hỏi, nương theo luận Du-già quyển 2, 7 nói có năm thiện xảo, thêm xứ phi xứ và nhân duyên thiện xảo, như Bát-nhã tâm kinh. Hoặc nói là sáu, ở trong luận này thêm duyên khởi, đế và vô trí cũng vô đắc, tức là bốn thiện căn trong năng thủ sở thủ quán thiện xảo. Đây căn cứ theo Tam thừa, hoặc vô trí đắc chỉ theo Đại thừa làm ra Duy thức quán. Nếu luận Du-già quyển 57 nói sáu, ở nơi năm thượng trên thêm căn thiện xảo. Lụân Hiển Dương quyển 14 nói bảy thiện xảo, ở nơi sáu thượng trên thêm đến thiện xảo, nên luận kia tụng rằng: "Ở nơi uẩn, xứ, giới; và các pháp duyên khởi, xứ phi xứ, căn, đế; thiện xảo, sự nên biết". Luận Biện Trung Biện có mười thiện xảo, tụng rằng: "Uẩn, xứ, giới, duyên khởi; xứ phi xứ, căn, thế; đế, thừa, vi, Vô vi; gọi là mười thiện xảo".

Luận: Đây trong thức nói cũng nhiếp tâm sở. Ý của Bản sớ nói ngoại đạo hỏi ngã pháp sở y tướng năng bên trong biến đâu không phải tâm sở, ý này khó nói, tâm hay biến đổi kiến phần tướng phần, nương theo trên lập ra ngã pháp? Nay đáp vặn hỏi này. Đây trong thức nói cũng nhiếp tâm sở, vì sao? Vì định tương ưng, lúc tâm khởi chẳng phải định có tâm sở, như tham, tín v.v... lúc tâm khởi theo cùng một đủ cả, chẳng phải tất cả thời thường tham, tín hợp nhau, nên nêu lên tâm vương nhiếp phục tâm sở, không nêu lên tâm sở nhiếp phục tâm vương. Tây Minh nói: Đáp vặn hỏi của ngoại đạo, vặn hỏi sắc v.v... nương theo tâm biến, nhiếp phục vốn gọi là Duy thức. Tâm sở chẳng phải tâm biến, tâm sở chẳng phải thức, nên nay giải thích, đây trong thức nói cũng nhiếp tâm sở, đây chưa hẳn như vậy, vì sao nương theo trước là vặn hỏi, trước nói rằng các tướng như thế, nếu do giả nói nương theo đâu được thành tựu?

Đáp rằng: Tướng kia đều nương theo thức được chuyển biến, nương theo đây tức là vặn hỏi, thức chuyển biến đổi kiến phần tướng phần, nương theo nó lập ra ngã pháp, tâm sở biến đổi kiến phần tướng phần. Vì sao không nương theo kia lập? Điều này sẽ giải thích sau.

Trong đây thức nói cũng nhiếp tâm sở, thế văn liền nhau, như Tây Minh giải thích rốt cuộc có vặn hỏi này, nên lại cần phải thông, lại chưa giải thích biến nghĩa là do Duy thức. Vì sao có vặn hỏi này? Hoặc có thể ngoại đạo vặn hỏi, tướng phần kiến phần thức được biến, nương theo nó lập ra ngã pháp, tâm sở chẳng phải thức biến nên chẳng lập ra ngã pháp, nên đáp. Trong đây thức nói cũng nhiếp tâm sở, vì định tương ưng, đây cũng không hẳn như vậy. Nếu trước nói nương theo thức lập ra ngã pháp, có thể nói thức nhiếp tâm sở, nói sở biến chẳng biến là vặn hỏi không đều nhau, nên Bản sớ giải thích chính. Yếu Tập ghi: "Ý của hai bản sớ đồng", do đọc không xét kỹ. Yếu Tập lại ghi: "Nói vì định tương ưng", sau giải thích nguyên do, nghĩa là tâm sở kia tuy chẳng phải thức biến, mà định tương ưng cũng được tên thức.

Lại hỏi rằng: Sắc v.v... tâm sở biến nhiếp tướng rõ ràng Duy thức, tâm sở nhất định tương ưng, nhiếp biện rõ Duy thức?

Lại đáp rằng: Chẳng lệ thuộc vào sắc v.v... chỉ một phần, tùy theo năng biến kia nói Duy thức, tâm sở đầy đủ ba phần, không tùy theo thức kia gọi là Duy thức, nghĩa là tâm sở kia v.v... biến v.v... ba phần đầy đủ thành tựu, thọ v.v... mỗi mỗi tự thành tựu Duy thức, giải thích này không đúng. Vì đầy đủ ba phần gọi là thức, tâm sở đầy đủ ba phần được tên thức. Vì sao chỉ nói thức có tám loại, lại trái với quyển 7 ở sau, không lìa thức nên chỉ giải thích Duy thức.

Luận: Tướng phần kiến phần đều nương theo tự chứng phần khởi.

Hỏi: Tướng phần kiến phần hai phần làm đồng loại sinh, làm loại riêng khởi?

Đáp: Có ba luận sư không đồng. Luận sư thứ nhất nói rằng Kiến phần tướng phần đồng loại sinh, đã gọi là Duy thức, nếu loại riêng đã khác với thức, vì sao gọi là Duy thức? Đây có hai loại: một là ba pháp đồng loại sinh, nghĩa là ba loại bản chất, ảnh tượng và kiến phần, vả lại lúc nhãn thức khởi duyên theo cảnh của thức huân tập thành chủng tử, chủng tử có ba công năng: một là hay sinh ra bản chất, hai là sinh ra tự tướng phần, ba là sinh ra tự kiến phần. Hai là Pháp đồng loại là chỉ tự tướng phần, kiến phần không sinh ra bản chất (nghĩa là duyên theo quá khứ, vị lai, như lông rùa không có v.v...) hoặc tuy có chất, chất vốn có sinh, không thể huân tập.

Hỏi: Ba pháp trước đồng loại sinh, có hai lỗi. Một Thức thứ tám tướng lệ thuộc lỗi, nhãn thức gần duyên theo sắc tướng phần kiến phần đồng loại sinh, vốn thức gần duyên theo sắc cũng đồng loại khởi?

Đáp: Nhãn thức tự hay huân tập tướng phần kiến phần đồng loại khởi. Thức thứ tám không thể huân tập kiến phần tướng phần đều riêng khởi.

Hỏi: Nếu như vậy nhãn thức không duyên theo kiến phần của Thức thứ tám, kiến phần, tướng phần của Thức thứ tám riêng khởi, Thức thứ sáu đã không hay đồng, kiến phần, tướng phần của Thức thứ tám đồng loại?

Đáp: Kiến phần, tướng phần của Thức thứ tám cũng đồng một loại, nếu hai loại như vậy các pháp có lỗi tạp loạn, như Thức thứ sáu trong một sát-na duyên theo mười tám giới, bản chất cùng với kiến phần, tướng phần, đã đồng loại sinh, nên mười tám giới thành lỗi tạp loạn, cũng có lỗi ba cõi tạp loạn. Nếu nương theo loại thứ hai, không sinh ra bản chất, bản chất chỉ là cũ cũng có hai lỗi: một là lỗi trái với giáo, nếu trước chuyển thức không huân tập thành chủng tử bản thức của Thức thứ tám kia trái với luận A-tỳ-đạt-ma. Kinh ghi: "Các pháp đối với thức tàng, thức đối với pháp cũng như vậy, lại hỗ tương làm nhân tánh, cũng thường làm quả tánh". Hai là lỗi cõi tạp loạn, lại nếu kiến phần và tướng phần đồng loại, như ở Địa dưới khởi thiên nhãn trên, đã thừa nhận bản thức duyên theo hai căn kia lấy làm tướng phần, tức là bản thức của cõi Dục cùng với hai căn kia đồng một loại sinh, nhãn căn cõi trên cùng với thức của cõi dưới đồng loại lỗi. Nếu nói Thức thứ tám không thể huân tập nên kiến phần, tướng phần loại riêng, một là trước nói không lựa ra, hai là lỗi trái với lý. Thức thứ tám đều có tướng phần, vì sao có sự không đồng?

Luận sư thứ hai nói rằng: Kiến phần, tướng phần cùng loại, nếu như vậy có ba lỗi:

1. Giả pháp loại sinh, như duyên theo cực vi, cực vi không có tự thể, nhưng giả tưởng tuệ chiết phục làm cực vi. Duy thức sau nói chẳng cho rằng cực vi có thật tự thể. Lại luận Du-già quyển 54 ghi: "Kiến lập cực vi chẳng do có tự thể, cho nên cực vi không sinh không diệt", nếu tướng phần này chỉ huân tập thành chủng tử, sinh ra hiện hành, cực vi có thể cũng có sinh diệt, duyên theo bất tương ưng lỗi cũng đồng với đây.

2. Trái với Thánh giáo, luận Hiển Dương quyển 18 ghi: "Nghĩa là các cực vi chỉ giả tưởng lập, tự thể lập là không", luận Du-già quyển 54 cho rằng chẳng do có tự thể, nếu loại riêng sinh tức là thành tựu có tự thể, nên trái với Thánh giáo.

3. Quả pháp hay huân tập, đã giả tưởng tuệ an lập cực vị tướng phần là giả thừa nhận hay huân tập chủng tử, tức là trái với lỗi thứ hai,

giả pháp như không phải nhân duyên.

Luận sư thứ ba nói rằng: Hai phần kiến phần tướng phần tùy theo chỗ ứng, chủng tử hoặc đồng hoặc dị, như duyên theo lông rùa sừng thỏ v.v... tướng phần và kiến phần đồng loại, do không phải tự thể, tướng phần lại giả, không phải chỉ huân tập thành chủng tử, như duyên theo năm căn, hữu vi thật thể. Tướng phần và kiến phần tức loại riêng sinh. Vì mười tám giới định dị nhân, nên không phải tướng tạp loạn. Nhưng tướng cùng với chất, một là đồng loại, một là khác loại, tuy có hai nghĩa, tướng phần và bản chất loại riêng, lý cũng sẽ tốt, vì thân, sơ duyên theo loại đều riêng. Như duyên theo Thức thứ tám tướng phần bản chất đồng loại, tức là thừa nhận một loại sinh ra lự phi lự, cũng có hai thân căn v.v... đều lỗi. Tướng và chất đã đồng loại sinh, lẽ đâu lại có hai thân căn. Nếu lúc Thức thứ sáu duyên thì tướng phần là giả, tức có một chủng sinh, đây là lỗi giả thật. Đây nói giả chẳng phải như cái bình v.v... vì hay huân tập, nhưng không phải dụng của căn không phát ra thức, gọi là giả, do tướng phần, bản chất này hoặc nói đồng, khác, nhưng đối với nghĩa này, thiết lập thêm mệt nhọc. Lại giải thích nếu tướng và chất đồng loại sinh, các căn như nhãn v.v... Thức thứ tám đã biến là nhân duyên, thật có dụng của căn. Nếu khởi tướng phần nhờ Thức thứ sáu sinh tuy cùng với bản chất đồng một loại sinh, vì kiến phần của Thức thứ sáu làm duyên khởi, phân biệt biến nhiếp nên không có thật dụng, chẳng phải không có tự thể giả nên không có giả thật đồng một lỗi.

Song loại đồng khác lại có tánh loại riêng và kiến phần đồng, hoặc lại tánh đồng mà trói buộc loại riêng, hoặc lại tánh của tướng phần, tùy theo kiến phần bản chất phán phân tánh bất định.

Hoặc tuy có bản chất, tướng phần, kiến phần đồng sinh, không sinh ra bản chất, vì do bất định này. Tam tạng pháp sư lấy làm một bài tụng, hiển bày sự sai biệt này nói rằng: “Tánh cảnh không tùy tâm, độc ảnh chỉ từ kiến, đới chất thông tình bản, tánh loại đồng tùy ứng”, giải thích văn tụng này, như Xu Yếu nói, do nghĩa ít khó nên càng rộng, trước xác định tánh cảnh sau hiển bày bất tùy. Thế nào gọi là tánh cảnh? Từ thật loại sinh có thật thể dụng, tâm của năng duyên đắc được tự tướng kia, gọi là tánh cảnh. Như thân ở cõi Dục, Thức thứ tám đã biến cảnh của năm trần, do thật loại sinh lại nhân duyên biến, gọi là tánh cảnh. Năm thức như nhãn v.v... và đủ cả Thức thứ sáu, lúc hiện lượng duyên, đắc được cảnh tự tướng, tức là kiến phán này cũng là tánh cảnh, tướng từ bản chất, pháp còn lại chuẩn theo mà biết. Như tướng phần này có bốn bất tùy.

1. Không tùy năng duyên, đồng với tánh của thiện, nhiễm.
2. Không nhất định từ năng duyên, đồng một cõi trói buộc.
3. Không tùy năng duyên, đồng một loại sinh.
4. Không tùy năng duyên là Dị thục v.v...

Trong đó tuy có cùng với năng duyên, tâm đồng dị, đồng tánh là cảnh tự tánh không do năng sức của tâm năng duyên, là tánh, giới v.v... này gọi là tánh cảnh không tùy tâm. Vả lại như năm thức thông với ba tánh, tướng phần, bản chất đều Vô ký. Không nói năm thức cũng thông với ba tánh, còn lại chuẩn theo đó mà biết. Tuy năm thức thân tánh Vô ký, duyên theo năm trần cảnh tánh nó tuy đồng, mà tướng phần kiến phần đều giữ gìn tự tánh không phải là tùy tâm năng duyên kia, nên mới thành tánh Vô ký, còn lại chuẩn theo mà biết. Nếu độc tán ý thức duyên theo tự giới năm trần v.v... chỉ là cảnh kia tự trụ tự tánh, chẳng phải được tự tánh, nhưng, tánh, loại v.v... cũng đồng với năm duyên.

Giải thích câu thứ hai, nghĩa là tâm năng duyên, chỉ một mình biến đổi tướng không phải riêng bản chất thứ hai, tuy có bản chất, nhưng tướng phần kia không sinh ra bản chất, vì bản chất kia không sinh ra pháp v.v... Những tướng phần này và Thức thứ sáu duyên theo Thức thứ tám, tương ứng năm tâm sở được hiện tướng phần; nhưng cùng với năng duyên đồng một loại sinh, gọi là Độc ảnh chỉ từ kiến phần. Như một mình ý thức duyên theo hoa đốm hư không kia và Vô vi v.v... đều cùng với kiến phần một loại khởi. Hoặc duyên Vô vi là câu thứ ba, hoặc là câu thứ tư, duyên theo Thức thứ tám, tương ứng năm tâm sở, hoặc câu thứ tư. Duyên theo hoa đốm hư không, đây đồng với ảnh tượng có bốn loại từ kiến phần, một từ kiến phần đồng là tự nhiễm, hai đồng một giới; ba đồng một loại, bốn đồng vị sinh, do không sinh ra bản chất, nhưng ý thức sở biến, tướng phần này do tâm năng biến, cho nên đồng giới tánh v.v... Nhiếp tướng phần từ kiến phần, gọi là độc ảnh chỉ từ kiến phần.

Hỏi: Như tướng phần của hoa đốm hư không là sắc của tâm, nếu là sắc vì sau được đồng tánh, nếu là tâm bản ý duyên theo sắc, vì sao biến đổi tướng phần của tâm duyên?

Đáp: Hư vọng kế là biến kế sắc, rộng như vậy duyên, tuy chẳng phải biến kế là loại kia, cũng được nó thâu nhiếp, vì kia đồng loại, nên đồng với thức tánh.

Lại biến kế gọi là nghĩa phân biệt, chẳng phải chỉ chấp tâm, không như vậy thì nhiếp pháp có lỗi không tận, như giống bệnh nóng phá hoại nhãn v.v... nên chẳng phải màu vàng thấy màu vàng, chẳng phải màu vàng thấy màu vàng là Thức thứ sáu, chẳng phải là tự tướng của nhãn

thức, đây tuy chẳng phải là tâm của pháp chấp, cũng được gọi là biến kế khởi sắc, nhưng đã huân tập chủng tử, tùy theo bản chất thâu nhiếp.

Hỏi: Như Hậu đắc trí duyên theo các Vô vi, tự nó cùng có hai tướng và duyên theo tướng của phàm phu sở duyên hoa đốm hư không, sừng thỏ v.v... làm sao pháp thâu nhiếp?

Đáp: Duyên theo Vô vi v.v... đã có tướng phần, pháp đồng phần thâu nhiếp, vì thể là giải pháp, pháp đồng phần rộng. Không đồng với Hữu lậu chẳng phải vọng duyên, hoặc duyên hoa đốm hư không v.v... cũng là biến kế được khởi sự sắc nhiếp, nói biến kế là phân biệt, hai giải thích tự chọn lấy.

Hỏi: Như thân ở cõi trên, do thiên nhãn cõi trên duyên theo sắc của cõi Dục, đây tướng phần của sắc, loại nào thâu nhiếp?

Đáp: Tuy chẳng phải độc ảnh, tướng phần cũng từ kiến phần, vì định sắc kia cũng không sinh ra ở dưới vì Địa trói buộc khác nhau, đây từ nơi kiến phần đồng một cõi trói buộc, chẳng phải đồng một loại. Nếu như vậy vì theo duyên theo cảnh của tự tướng chăng?

Đáp: Thân gần nương tựa bản chất nên gọi là được tự tánh. Nếu như vậy Hậu đắc duyên với Vô vi v.v... tướng phần, kiến phần sẽ khác nhau?

Đáp: Tuy được tự tánh nhưng vốn không sinh. Tánh cảnh không tùy tâm, vì nhờ sắc sở biến của Thức thứ tám sắc làm bản chất, chỉ thành tựu chủng tử, vì tánh tự Vô ký không do tâm, lại đã thông với quả thật là cõi trên tợ như cõi dưới, vì thiên nhãn thông với tác dụng thì thù thắng, cõi trên tợ như cõi dưới, không đồng duyên theo cõi trên, phải dẫn dắt quả thần thông và định tương đồng thì nó mới duyên. Lại hiểu rõ tướng phần lại sở khởi là nghiệp quả, tuy Thiên nhãn thông với nhãn thức nhưng sở khởi chẳng phải thông với quả sắc, vì duyên sắc nghiệp quả cõi Dục, nhưng do thông với tâm sở của quả tâm, biến khởi là thức kia duyên. Như nghiệp quả nhãn khởi nhãn thức mang theo định thông tướng phần của quả sắc, ngại gì thông quả tâm mang theo nghiệp quả sắc, hai giải thích trước thù thắng, nghĩa khó càng suy nghĩ.

Hỏi: Như hữu, Vô lậu cùng hỗ tương duyên, tướng phần của bất tương ưng vì sao nhiếp?

Đáp: Cũng có hai giải thích: một là pháp đồng phần, hai là biến kế sắc, giải thích trước là chính.

Hỏi: Đã trong sắc lập ra biến kế trong các tâm vì sao không có?

Đáp: Sắc tụ chẳng phải duyên lự, biến kế đồng với nó lập ra biến kế tâm pháp chỉ có năng duyên, biến kế chẳng phải duyên nên không

lập ra. Pháp bất tương ưng có thể thừa nhận lập ra. Nói hai mươi bốn tâm, vả lại tùy theo thù thắng mà lập, như các tâm sở, tùy theo thù thắng mà lập, lại tùy theo chỗ ứng, cũng thuộc về tâm của năng duyên kia.

Hỏi: Tán nhãn, nhĩ Địa trên duyên Địa dưới không, nếu không duyên Địa dưới vì sao lại nói trên thấy được dưới? Nếu duyên thì tướng phần nào thâu nhiếp? Tán thì không duyên Địa dưới vì rất xa, nói Địa trên thấy Địa dưới căn cứ theo thông quả. Lại giải thích tán nhãn thức, nhĩ thức cũng có thể duyên theo Địa dưới, như thấy được ba tai vạ của Địa dưới, sinh ra tưởng khác v.v... giúp tự chất tha chất, hai giải thích không nhất định, trói buộc từ kiến phần Địa trên được thâu nhiếp, Vô lậu cõi khác không phải tùy theo tăng. Có thuyết nói cõi dưới trói buộc, thác xuống Địa dưới cùng huân thành Địa dưới, do chẳng phải lậu tự tánh nên không tăng theo, song khó suy nghĩ về nó.

Giải thích câu thứ ba, nghĩa là tâm năng duyên duyên theo cảnh sở duyên có được nhờ chất mà không được tự tánh, tướng phần này phán phân tánh không nhất định, hoặc từ tâm năng duyên, hoặc từ cảnh sở duyên, loại cũng không nhất định, hoặc chất đồng loại, hoặc kiến phần đồng loại, hoặc lại khác loại, gọi là đới chất thông tình bản, như Thức thứ bảy duyên theo Thức thứ tám là nhiếp tánh hữu phú tướng phần từ kiến phần và tánh Vô phú từ chất.

Hỏi: Ảnh nương theo chất khởi, từ bản gọi là Vô phú ảnh nương theo chất sinh ra, từ chất gọi là Dị thục?

Đáp: Vô phú là tánh loại, ảnh và bản đều Vô phú, Dị thục căn cứ theo nghiệp mà đáp, ảnh tượng chẳng phải Dị thục.

Hỏi: Dị thục căn cứ theo nghiệp dẫn, ảnh tượng chẳng phải Dị thục, Vô phú là báo thể, ảnh tượng chẳng phải Vô phú?

Đáp: Tánh loại là rộng, bản, ảnh tượng đều Vô phú, Dị thục tánh hạn hẹp, chỉ có bản không thông với ảnh.

Hỏi: Năm thức duyên theo năm cảnh, tướng tức là không phải cả hai phát xét, Thức thứ bảy nhờ Thức thứ tám sinh, tướng không phải cả hai phán phân?

Đáp: Cảnh của năm duyên chỉ có cảnh tánh, chỉ là tánh cảnh không tùy tâm, cảnh của bảy duyên, cảnh thông với lự phi lự, đầy đủ hai nghĩa, nên tùy theo cả hai phán phân.

Hỏi: Năm nhân chỉ duyên theo sắc, chỉ là tánh cảnh, cảnh chẳng phải cả hai phán phân, hỗ tương dụng đồng duyên theo sáu cảnh, tướng phần sẽ thông với tình, bản mà phán phân?

Đáp: Hỗ dụng duyên tuy xứng hợp với cảnh tướng, đã thông với

nhiều pháp, tức là tùy ứng, chưa hỗ dụng chỉ duyên theo tự trần nên nói năm duyên với tánh cảnh. Nếu độc đầu ý thức duyên theo cảnh rộng thông cũng là câu thứ tư.

Có thuyết nói: Trong đới chất thông với tình bản, như hiện tướng phần lìa đới chất lìa kiến phần, tức là pháp đồng phần nhiếp.

Hỏi: Nếu như vậy đồng phần sẽ thông với thật hữu?

Đáp: Thừa nhận cũng không lỗi, như gọi sắc chi chỉ có chủng Vô ký, không ngăn ngại Thức thứ bảy cũng ở nơi tên gọi thâu nhiếp. Lại giải thích không như vậy, Thức thứ bảy ở nơi tên gọi sắc, căn cứ theo hiện hành giả chẳng phải chi, đồng phần bất tương ưng chỉ là giả không thông với thật. Nếu do hiện tướng không phải năng duyên, chẳng phải tâm chẳng phải sắc pháp đồng phần, tất cả tướng phần không phải năng duyên, chủng tử v.v... lẽ ra pháp đồng phần, kia đã không như vậy, đây vì sao như vậy? Nên không thể nói lìa kiến phần, đới chất, pháp phán phân nhất định tùy theo một, chẳng phải pháp đồng phần. Giải thích này là chính, nên phán phân Thức thứ bảy tướng phần lìa kiến phần, đới chất, pháp đồng phần thâu nhiếp, đây chẳng phải chính. Nay lại giải thích nói đới chất thông với tình bản, như Hữu lậu Vô lậu, hỗ tương duyên tướng, như Thức thứ bảy duyên theo Thức thứ tám, tướng phần của Vô lậu từ biến phần là thiện Vô lậu từ đới chất tức là Vô ký, còn lại chuẩn theo đây mà biết. Nên nói rằng đới chất thông với tình bản, lại lập ra có bản chất, tướng phần cùng với kiến phần hoặc tùy bất định, vi Vô vi, lậu Vô lậu, chuẩn theo nghĩa suy nghĩ nó. Nếu nương theo Bản sớ giải thích, lậu Vô lậu v.v... lúc hỗ tương duyên, tức là câu thứ tư.

Tánh loại đều tùy ứng là giải thích chung ba câu trước, nghĩa là trong ba câu trước, tùy theo chỗ ứng phán phân tánh, loại v.v... không thể là một ví dụ. Có tánh, giới tùy tâm loại không theo, có tánh loại theo tâm, giới không tùy, có giới theo tâm loại không theo, có tánh loại theo tâm giới không theo, có giới loại theo tâm, tánh không theo, có ba loại đều theo, có cả ba không theo. Vả lại như Thức thứ tám duyên theo thiên nhãn, nhĩ, tánh theo loại, giới đều không theo.

Hỏi: Thức thứ năm, thứ sáu Vô ký duyên theo năm trần cảnh, lúc được tự tại tánh không theo tâm, vì sao Thức thứ tám tánh theo tâm?

Đáp: Thức thứ tám vốn còn ngọn, lại thức thứ năm, thứ sáu thể thông với ba tánh, nhân vị của tám thức chỉ là Vô ký, như nhân Thức thứ bảy duyên thứ tám tánh đồng bất đồng, thông với tình bản, giới đồng loại không đồng, như loại này v.v... suy nghĩ nó có thể biết. Lại Thức thứ bảy duyên theo Thức thứ tám do tướng phần từ bản chất là Vô phú,

không được từ tâm là Dị thục, nên nói rằng tùy ứng. Lại làm bốn câu sai biệt, cảnh của hữu tình không theo tâm, độc ảnh cảnh chỉ từ kiến phần, nghĩa là Thức thứ sáu phân tán ý và năm loại đồng duyên, tức là đối với lúc này duyên theo sừng thỏ v.v... và Thức thứ tám tâm vương, tánh cảnh không theo tâm, độc ảnh của tâm sở chỉ từ kiến phần tướng phần là giả không có loại riêng.

Hỏi: Như Thức thứ sáu duyên theo Thức thứ tám, tướng phần của tâm sở không duyên theo kiến phần kia, đây đã mang theo tướng phần là đồng khác ư?

Đáp: Theo tâm năng duyên đồng một loại khởi.

Hỏi: Duyên theo kiến phần tướng phần kia, tức thừa nhận khác loại với kiến phần của Thức thứ sáu, nó duyên tướng kia làm sao gọi là đồng loại?

Đáp: Do tướng phần giả từ năng duyên khởi, và kiến phần đồng loại, có tánh cảnh không theo tâm, đới chất thông với tình bản, nghĩa là phân tán ý thức và năm thức đồng duyên, tức là đối với lúc này đều duyên theo Thức thứ tám v.v..., có tánh cảnh không theo tâm, độc ảnh chỉ từ kiến phần và thông với tình bản, nghĩa là phân tán ý thức liền duyên theo mười tám giới, mong với năm thức đồng duyên theo năm trần gọi là tánh cảnh không theo tâm. Duyên theo tâm giới của Thức thứ bảy tức là thông với tình bản, mong bất tương ưng v.v... tức là chỉ từ kiến phần.

Hỏi: Sao được duyên như tướng phần v.v... tức là chỉ từ kiến phần?

Đáp: Hoặc thông với tình bản, từ bản chất gọi là Vô vi, từ kiến phần gọi là Hữu vi, do thừa nhận Vô vi nương theo thức giả lập, hoặc đứng về tánh theo cảnh, theo tâm. Hữu lậu duyên Chân như cũng có thể chuẩn theo đây. Nếu đứng về loại mà nói tức là chỉ từ kiến phần, hoặc câu thứ tư. Vô phân biệt trí lúc duyên với Chân như thì tánh cảnh không theo, chất thiện Vô vi, trí thiện Hữu vi, kiến phần chỉ thành tựu chủng tử, không phải tướng phần có thể huân tập được tánh cảnh nên gọi là không theo tâm.

Hỏi: Sơ thiền nhãn thức v.v... nương theo thượng căn kia, duyên theo địa sắc kia, tướng phần là như thế nào?

Đáp: Có hai giải thích, như giải thích trước Địa trên duyên theo Địa dưới. Một là nói rằng Địa trên trói buộc nương theo sắc kia nên có tùy tăng, không phải là tùy tăng vì chẳng phải tánh của lậu, khởi nhiễm như thế nào? Nếu sinh về Địa trên đã lìa được nhiễm của Địa dưới, nếu

ở Địa dưới duyên theo sắc của Địa trên v.v... Nhãn, nhĩ thông quả cũng hàng phục được nhiễm. Câu sinh có thể hàng phục được kiến hoặc như thế nào? Nếu dầu không hàng phục khởi thoái chuyển định, một là theo tâm Địa dưới trói buộc vì hay huân tập tâm là Địa dưới? Vì sao duyên theo Địa trên biến đổi tướng phần của Địa dưới? Lại sẽ không được tự tánh kia do định đồng dẫn tự động duyên theo Địa trên nên được tự tánh, cả hai giải thích đều vặn hỏi và giải thích.

Hỏi: Đã ở Địa dưới thức vì sao Địa trên duyên?

Đáp: Hoặc do định khác thông với sức dẫn.

Hỏi: Phạm thiên đến Địa dưới thì việc đó như thế nào?

Giải thích rằng: Vì sắc của cõi dưới thô không làm chỗ gá nương của cõi trên, tự biến làm Địa trên tự thân nương theo nó, tức là khí của Địa trên làm tăng thượng duyên.

Hỏi: Đã đến cõi dưới đâu không duyên theo Địa dưới. Như Mã Thắng đến Địa trên thừa nhận duyên theo Địa trên?

Đáp: Cũng duyên theo Địa dưới.

Hỏi: Đã như vậy tướng phần làm sao thu nhiếp?

Đáp: Cõi trên nhiếp, do cõi Dục không thông với quả sắc, chuẩn theo luận Tát-bà-đa tức là cõi Dục nhiếp có thông quả.

Hỏi: Cõi dưới duyên theo thân khí của cõi trên kia là vì sao cùng thâu nhiếp?

Đáp: Tánh cảnh không theo tâm, do kia được dẫn khởi định thông quả sắc làm tướng phần thuộc về bản chất kia. Tánh giới và chủng tử không theo tâm.

Hỏi: Thức thứ tám có thể như vậy đã thừa nhận nhãn v.v... cũng duyên theo Địa trên, tướng phần duyên theo Địa trên đâu chẳng phải Hữu lậu, cõi khác tùy tăng?

Đáp: Sắc tướng không phải tự tánh của lậu, hoặc đứng về nghiệp lực thì cõi khác không tăng, định và thần thông dẫn hỗ tương tăng không chướng ngại. Lại giải thích chỉ do cõi trên dẫn quả thând thông của Thức thứ tám, nhãn v.v... giúp nó được khởi tướng phần tự làm nên nghiệp quả, thuộc về cõi dưới không phải lỗi tùy tăng, như sức thần thông biến thành cá, gạo v.v... dẫn sắc trong quả thần thông của Thức thứ sáu là chất của Thức thứ tám, hoặc tuy giúp Thức thứ tám khác làm chất tức là sắc của nghiệp quả cõi Dục trói buộc.

Quyển 4 ghi: "Ba loại hương, vị, xúc làm đoạn thực chỉ cõi Dục trói buộc". Hai giải thích thiên về tình, đạo lý cũng khó, nên có thể suy nghĩ lựa chọn.

Hỏi: Cõi dưới Thức thứ tám duyên theo sắc của định, thần thông, đồng thời tướng phần của tâm sở như thế nào?

Đáp: Là tùy năng duyên tâm sở nghiệp quả, đồng loại, đồng cõi dưới trói buộc, vì thể không khác

Hỏi: Độc đầu tán ý duyên cảnh quá khứ, đối với năm căn tướng phần thế nào?

Đáp: Là tùy theo chỗ ứng, chuẩn theo nghĩa giải thích trước.

Trong phần giải thích độc ảnh chỉ từ kiến phần, Tây Minh nói duyên theo cực vi, hoa đốm hư không v.v... được có tướng phần đều huân tập thành chủng tử.

Hỏi: Đã từ loại khởi, vì sao cực vi v.v... nói nó là giả.

Giải thích rằng: do không sinh bản chất nên nói là giả, căn cứ theo có chủng tử sinh tướng phần thành thật. Nay vặn hỏi nếu nói rằng không sinh ra bản chất, tức là giả, Dị thục tâm, tâm pháp v.v... lẽ ra giả chẳng phải thật, vì mỗi mỗi không thể huân tập thành chủng tử. Nếu nói rằng nó do duyên lự v.v... cho nên thật chẳng phải giả, tức là không do thành tựu chủng tử, sinh ra bản chất, không sinh gọi là giả thật. Lại năm thức Dị thục tâm duyên theo tướng của năm cảnh, một là chẳng phải duyên lự, hai là không phải năng duyên, nên giả chẳng phải thật. Đây đã chẳng phải giả, kia nói thế làm sao đúng được? Nếu chỉ do tướng phần không phải dụng chất ngại gọi là giả, tức là trong pháp xứ tự tại sinh sắc, luận về vô ngại, nên giả chẳng phải thật. Nếu thừa nhận như vậy, từ Địa thứ tám trở lên, tự tại sở biến vàng, bạc, sữa v.v... sẽ chẳng thật có. Lại nữa, vả lại như trong sắc v.v... hoặc chất tướng có giả có thật mà sắc tụ nhiếp, như Vô vi duyên theo tướng phần vì sao nhiếp? Nếu Vô vi nhiếp hiện hành có sinh diệt, nếu nói sắc pháp hiện hành duyên theo Vô vi, vì sao gọi là sắc? Nếu nói tâm pháp là vặn hỏi cũng như vậy, nếu nói đồng phần đâu có đồng phần, từ chủng tử sinh ư? Lại nếu cực vi chỉ huân tập chủng tử khởi, lại có năm lỗi, ba lỗi như trước, chỉ thuần đứng riêng về chủng tử mà nói, thứ tư là lỗi không như lý tư duy.

Quyển 54 ghi: "Do năm tướng mà biết, gọi là không như lý tư duy cực vi", nghĩa là ở trong sắc tụ, có các cực vi tự tánh mà trụ, nên biết tên gọi đầu tiên là không như lý tư duy, đã từ chủng tử sinh, tức là tự tướng mà trụ, thứ năm là lỗi trái với chánh lý. Luận nói: "Do giả tưởng tuệ, ở nơi sắc tướng thô dần dần lần lượt trừ dẹp, cho đến không thể trừ dẹp, giả nói cực vi, vốn không phải vi chất, chỉ do giả tưởng lập làm cực vi", tức là huân tập thành chủng tử, có sắc của cực vi, nên thật không phải ngã vọng chấp khắp hư không, tướng huân tạp thành chủng tử, sinh

ra tướng khắp hư không gọi là biến mãn ngã, thừa nhận tức là trái với giáo, có biến mãn ngã không thừa nhận trái lý, đều tâm giả tưởng, vì sao không thành chủng tử? Yếu Tập lại ghi: "Tạp Tập đã nói mười tám giới chủng tử mỗi mỗi không đồng, nhất định không phải ý thức, không từ hai duyên duyên theo Vô vi, ảnh tợ như Vô vi". Trong luận Bách Pháp, Vô vi được nhiếp giới khác duyên, Vô lậu duyên, trong Địa khác không trói buộc mà không lìa được sắc v.v... duyên theo tất cả vô pháp, định ắt sẽ có chỗ không. Không lìa được sắc v.v... nên cũng nói kiến phần tướng phần, nhất định không đồng thể, mạnh mẽ phân biệt tâm được duyên với vô v.v... đã hiện hành tướng phần đầy đủ nghĩa của bốn duyên, cho nên hay huân tập, đã được tự huân tập, vì sao dùng chủng tử của kiến phần? Nên theo Tây Minh không theo luận Xu Yếu, đây đều là lỗi, chuẩn theo trước nên biết, sợ dài dòng nên không kể ra. Lại nói: Nhưng tướng sở biến hay huân tập, không huân tập đều có ba giải thích, hai giải thích đầu không đúng, luận Tập Yếu tự đoạn.

Thứ nhất giải thích rằng: duyên theo sừng thỏ v.v... độc ảnh từ kiến phần, nhưng Dị thục Vô ký yếu kém không thể huân tập, thù thắng là hay huân tập, lệ thuộc vào Viên cảnh, Thành sự, do Quán sát, Bình đẳng giúp nhân Thức thứ tám; năm thức duyên theo thân độ khác và Phật nói duyên cũng được thành tựu chủng tử.

Thứ hai nói duyên theo vô, thuần là ảnh từ kiến phần, như Xu Yếu giải thích.

Thứ ba giải thích rằng: Có chất không chất, giới khác, Hữu lậu, Vô lậu, Vô vi vô pháp, được hiện tướng phần, trừ Vô ký yếu kém, còn lại tất cả pháp đầy đủ bốn nghĩa, đều hay huân tập. Nói rằng đây nói thù thắng không trái với giáo, lý thông khắp. Hai thuyết trước có lỗi sức không huân tập. Nay cho rằng phán phân đây không ứng hợp với chánh lý, nếu tướng phần đã trừ Vô ký yếu kém, đều chỉ huân tập chủng tử, như duyên theo giả pháp bất tương ưng v.v... đã có tướng phần hay huân tập thành chủng tử, chủng tử pháp nào thâu nhiếp? Nếu bất tương ưng nhiếp, tức là đều có tự thể, chẳng phải ba phần vị từ chủng tử sinh. Nếu chẳng phải đây nhiếp, lại ở đâu thâu nhiếp? Thành nghĩa của chủng tử hợp nhau. Tướng riêng thành chủng tử là giới nào nhiếp? Nếu giới khác nhiếp, không phải Địa khác, tâm huân tập thành chủng tử của giới khác, không ứng hợp với chánh lý. Nếu tự giới nhiếp, duyên theo căn tâm khác, thành chủng tử nào nhiếp? Nếu căn tâm nhiếp, không ứng hợp với chánh lý. Vì sao sinh ra tâm sẽ vị căn khởi phát thức, nếu không thể như vậy gọi là căn tâm, nếu ở chỗ còn lại nhiếp cũng nhiều lỗi, lại lỗi

như trước, sợ dài dòng nên không nêu.

Tây Minh nói: Ba phần này, hai phần do giải thích biến mà nói, tự có ba thuyết.

1. Nói rằng ban đầu ba phần An Tuệ cùng với tám Luận sư giải thích, trừ Thân Thắng, Hỏa Biện. Thế Thân đồng thời chỉ lập ra hai phần.

2. Nói rằng ba phần trừ giải thích của An Tuệ, biến tợ hai là y tha, còn lại như trước nói.

3. Nói rằng hai phần các Luận sư cùng giải thích, chỉ trừ An Tuệ, ba phần lại trừ Hỏa Biện, Thân Thắng, ý của Tam Tạng còn giải thích sau.

Giải thích này không như vậy, nếu do giải thích sau là chính, ba phần chẳng phải văn của An Tuệ, hai phần cũng không phải An Tuệ, đâu thừa nhận An Tuệ không giải thích bài tụng này! Lại chuẩn theo Bản sớ, hai phần chính là văn của ngài Nan-đà v.v... này nói rằng hai phần các Luận sư đồng giải thích, chỉ trừ An Tuệ. Ba phần lại trừ Hỏa Biện, Thân Thắng, đâu có thể ngài Nan-đà cũng lập ra ba phần? Căn Bản sớ chú gần gũi nương theo ngài Tam Tạng, người phiên dịch lẫn lộn, đâu có thể không biết vọng làm ra đoạn này, nên nhận lấy Bản sớ khoa phán phân là chính, còn lại nhất định vọng truyền, chẳng phải ngài Tam Tạng giải thích.

Luận: Như lo lắng, nằm mộng v.v... Tây Minh giải thích: Đối với kinh bộ, luận Tát-bà-đa, luận Tát-bà-đa cảnh mộng tuy là thật mà chẳng phải cha mẹ chấp làm cha mẹ, nên được thành tựu du. Luận Yếu Tập cứu đoạn được đây cũng là chính, nay cho rằng không như vậy, Chánh Lý quyển 50 ghi: "Mộng duyên theo quá khứ, sẽ được duyên pháp mà có trong mộng thấy sừng thỏ, nên đối với chỗ khác thấy thỏ thấy sừng, nay ở trong mộng, do tâm hôn mê điên đảo", nghĩa là ở một chỗ hóa hợp khiến cho nhớ lại, hoặc trong biển lớn có hình loại thú này, sẽ thấy nghe nay mộng khiến cho nhớ lại. Luận Bà-sa quyển 37 rất đồng với luận Chánh Lý, đã có cha mẹ mộng thấy cha mẹ, vì sao không thừa nhận duyên theo thật cha mẹ, không được dẫn luận Trí-độ. Ngoại đạo nói rằng thật có đầu người, còn lại thật có giáo chống chế, họ tự phá rằng: "Tuy thật có người thật có sừng, nhưng đầu người sinh ra sừng là vọng". Lại ngoại đạo chống chế: "Thế giới rộng lớn, hoặc có nước người có sừng v.v..." cũng phá rằng, nếu còn lại nước người có sừng có thể như vậy, nhưng mộng thấy đây, nước được biết người có sừng thì không thể được phá, vì sao? Đại thừa thừa nhận mộng duyên theo hư

vọng, lập ra phá này khác, chẳng phải người bên ngoài khác thừa nhận duyên theo vọng pháp. Nay luận Tát-bà-đa tự thừa nhận duyên thật. Vì sao được lấy nghĩa của Đại thừa hiển bày thành tông khác, cũng thừa nhận duyên theo vọng? Phá kia có thể như vậy, lập ra kia không thành tựu, nên như Bản số, trừ Hữu bộ, chỉ đối Kinh bộ.

Luận rằng: Sức ngã pháp phân biệt huân tập dẫn đến biến tợ như ngã pháp.

Hỏi: Thức thứ sáu, thứ bảy lúc sau thức sinh có ngã pháp. Thức thứ năm, thứ tám không phân biệt, lúc sau thức sinh không phải ngã pháp?

Đáp: Nay căn cứ theo phân biệt giải thích, ngã pháp thức thứ năm, thứ tám có thể được không, do nhiễm khác huân tập thành, thức sinh tợ như ngã pháp.

Hỏi: Chấp tâm có phân biệt, do nó nên có tự như ngã pháp, không chấp không phân biệt, chẳng phải tất cả thời tợ như ngã pháp?

Đáp: Địa thượng Bồ-tát chỉ làm ra sinh quán, bảy pháp chấp hành, nên lúc tâm khởi thường có ngã pháp.

Hỏi: Địa vị của Hữu lậu có chấp, địa vị lậu tợ như ngã pháp, địa vị Vô lậu không chấp, khởi không tợ như ngã pháp?

Đáp: Trước nương theo chấp mà nói, phân biệt huân tập, sau tợ như hai sinh chấp ngã pháp, nhưng theo giả mà nói.

Hỏi: Địa vị chấp phân biệt có tợ như hai sinh, Vô lậu không chấp nên không phải tướng phần, kiến phần?

Đáp: Tâm hai duyên khởi nên có tướng phần kiến phần, không do nơi chấp mới kiến phần tướng phần sinh.

Luận: Cảnh y bên trong thức chỉ thế tục, thức là giả cảnh y cũng là thắng nghĩa. Có bốn cách giải thích:

1. Hữu vô đối biến kế hư vọng, chỉ thế tục có y tha là duyên sinh, cảnh y cũng thắng nghĩa.

2. Tướng phần kiến phần đối, tướng phần là giả nương theo kiến phần khởi, giả cảnh nương theo thức, chỉ thế tục có kiến phần là thật hay khởi tướng phần, là giả cảnh y thắng nghĩa có.

3. Hơn kém đối, thế gian thế tục chỉ thế tục có, ba hình sau trước cũng có thắng nghĩa.

4. Phàm thánh đối, cảnh phàm chỉ có thế tục, cảnh thánh cũng có thắng nghĩa. Tuy có bốn giải thích, trong đây ý văn chỉ nương theo cựp đầu.

Hỏi: Nương theo phàm thánh duyên, biến kế cũng sẽ gọi là Thắng

nghĩa đế?

Đáp: Thừa nhận cũng không lỗi, quyển 8 ở sau nói cũng có thể nói trí cảnh của phàm thánh đã làm duyên của Tthánh cũng gọi là Thắng nghĩa, nhưng không gọi là hữu. Nay nương theo Hữu đế Vô đế nhiếp nên như vậy.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 2
(PHẦN ĐẦU)

Nêu số luận, trong ngã ghi rằng: Ngã mà ông chấp v.v... kể ra tông lập lượng và nêu ra lỗi kia như Sớ, Xu Yếu, nhưng trong Xu Yếu cùng với lượng thứ nhất lập ra lỗi hữu pháp sai biệt tương vi nhân, lại giải thích cũng có lỗi hữu pháp tự tướng tương vi nhân, chấp ngã hữu pháp đã có tranh luận, hư không chẳng phải ngã. Lượng rằng: Ngã mà ông chấp lẽ ra chẳng phải là ngã, vì thừa nhận không có trước sau như hư không. Nay giải thích tuy đối với địch luận lập ra tranh luận ngã Hữu vi v.v... do không phải đồng dụ, nên phương tiện hiển bày ngã thường, kiến v.v... nếu thừa nhận thường biến tức là lìa thức có, chuẩn theo đây tức là có lỗi hữu pháp tự tướng tương vi, còn lại theo đó mà xét. Trong lượng thứ ba Xu Yếu ghi: "Nhân của tùy thân tùy nhất bất thành". thì với đồng dụ trên hư không chẳng có, bất cộng bất định, tông của thường và biến lấy hư không làm đồng dụ, cái bình làm dị dụ, nhân tùy thân tạo nghiệp v.v... ở nơi đồng dị dụ cả hai đều chẳng phải có. Yếu Tập ghi: "Bất cộng bất định này tướng nó khó hiểu", cùng thừa nhận thể của hư không là biến, là thường, không thể vặn hỏi, nay lấy làm dị dụ, kia không biết chữ bình, chữ cỏ, nghĩa là vặn hỏi chữ cỏ, nghĩa là Xu Yếu vặn hỏi hư không kia, trở lại làm dị, tức là vặn hỏi Xu Yếu rằng: "Không thể đem hư không làm đồng dụ", lại vặn hỏi làm dị dụ.

Lại hai dụ không hợp nhau. Vì sao nói cả hai đều không có? Nên nói rằng trong đây là dụ có thể lập ra bất thành, lấy đây làm định, điều này chưa từng suy nghĩ, không biết đã nhầm, nên uổng phí lao nhọc. Lại nói rằng hoặc có thể hư không đồng dụ, các pháp khác như sắc v.v... lấy làm dị dụ, tùy thân làm thọ nhân, phẩm khác có chẳng có, nên thành lỗi tương vi. Nay cho rằng không như vậy. Nếu đứng về số luận, lẽ ra nói tùy theo nơi thọ khổ lạc, không được nói tạo tác nghiệp, vì tông khác

không thừa nhận, trừ ngã ra còn lại chẳng phải thọ khổ lạc. Nếu luận sư Thắng luận chỉ có ngã tạo nghiệp và thọ khổ lạc, sắc v.v... cũng trái, vì sao nói là khác hữu phi hữu. Lại nói trước Xu Yếu nói hữu pháp sai biệt tuy là một sư, nếu nương theo sư khác đã nói ít khác, nghĩa là như pháp, hữu pháp nó hiển bày tông đều gọi là tự tướng, ý thừa nhận tướng trong tông, thông với các pháp khác, gọi là pháp sai biệt. Chỉ ở một pháp không thông với các pháp khác thì gọi là có pháp sai biệt. Vả lại, như ngài Hộ Pháp đối với Nan-đà v.v... ý thừa nhận muốn thành tựu Thức thứ tám dùng Thức thứ bảy làm Câu hữu y, mà không nói hiển bày Thức thứ bảy làm chỗ nương. Phương tiện lập rằng: A-lại-da thức nhất định có Câu sinh biệt y là thức tánh, giống như sáu thức, nhân này là hữu pháp sai biệt. Sai biệt lượng rằng: A-lại-da thức sẽ không phải chịu huân tập giữ gìn chủng tử, vì thức tánh, giống như Thức thứ sáu chịu huân tập giữ gìn chủng tử chỉ ở Thức thứ tám, cho nên có pháp sai biệt.

Nay cho rằng không như vậy, vả lại tác hữu duyên tánh lượng là hữu pháp sai biệt, là chỉ nhận lấy tác hữu hữu duyên tánh làm sai biệt, là cũng nhận lấy phi hữu hữu duyên tánh làm sai biệt, không phải chỉ hữu pháp trên. Nếu cũng lấy phi hữu hữu duyên tánh làm sai biệt thì phi hữu hữu duyên tánh không chỉ có ở trong pháp. Nếu chỉ nhận lấy hữu hữu duyên tánh làm sai biệt, sai biệt với ai, ai làm tương vi? Lại tác phi hữu hữu duyên tánh, cũng chẳng phải nói hiển bày. Vì sao chẳng phải sai biệt, nếu nói rằng nhận lấy sự sai biệt chỉ ở một pháp, như tha dụng chân thật, cũng chỉ một pháp, nên chẳng phải pháp sai biệt. Lại như luận số lập ra tư là ngã, ngã là nói hiển bày, gọi là tự tướng, thọ quả ngã không thọ quả ngã, trong ý đã thừa nhận, đây gọi là hữu pháp sai biệt, làm pháp sai biệt ư? Nếu nói rằng pháp sai biệt không thông với cái khác, nếu nói rằng hữu pháp sai biệt, tức là hiện ở pháp trên lại không được nói số luận chỉ được lập ra ngã làm tư, không được lập ra tư làm ngã, không phải nguyên do khác. Lại Lý môn ghi: "Quán chỗ lập kia lập ra pháp, hữu pháp chẳng phải đức, hữu đức", ý đây tức là thừa nhận các pháp tự tánh và cùng sai biệt, tùy theo chỗ lập, gọi là pháp hữu pháp chẳng phải định tự tánh, thường gọi là hữu pháp. Các pháp sai biệt gọi là hữu pháp. Lại sáu thức dụ cũng trái với tự tướng chẳng phải A-lại-da, lẽ ra là trái với hai loại, không phải chỉ có sai biệt. Lại ghi: "Như luận sư Đại thừa đối với luận sư Tiểu thừa, ý thừa nhận muốn lập ra Thức thứ bảy, mà không nói hiển bày có Thức thứ bảy. Phương tiện lập rằng: Cực thành ý thức ắt có Câu sinh tăng thượng nương riêng, cực thành sáu thức tùy một nhiếp, giống như năm thức, nhân này là pháp

sai biệt tương vi. Tương vi lượng rằng: Cực thành ý thức không dùng Thức thứ bảy làm Câu hữu biệt y, cực thành sáu thức tùy một nhiếp, như năm thức không lấy Thức thứ bảy làm biệt y, thông với Thức thứ tám là pháp sai biệt. Nếu chuẩn theo Nhân Minh là dụng khác vặn hỏi, đây cũng không thành, nên nói rằng lấy chẳng phải Thức thứ bảy làm câu hữu biệt y, năm căn nhãn v.v... chẳng phải Thức thứ bảy. Nếu nói không dùng Thức thứ bảy làm Câu hữu biệt y, chỉ ngăn ngại không biểu hiện, không có pháp khác và Thức thứ bảy tương vi cùng ai làm nhân? Điều này suy nghĩ kỹ mới hiểu.

Trong phá ngã ghi: "Chấp ngã thường, biến, lượng đồng hư không, nên không theo thân thọ khổ lạc v.v..." khổ này cùng lượng, tông, nhân đều có tùy nhất bất thành. Phật pháp không thừa nhận có ngã thường, biến. Nếu Phật pháp tự tỷ lượng, tông có tự vi, nhân có tự tùy nhất bất thành, cũng có tùy sở y bất thành, hư không không có tự thể, không có câu bất thành, nhận lấy hư không Vô vi nương theo Chân như có thể như vậy, nay là lượng khác, vì đứng về phá tha, lựa ra lỗi như Sớ.

Tây Minh ghi: Trong phá ngã của Thắng luận nói rằng nên không phải động chuyển. Tự hỏi rằng: Tông kia thừa nhận ngã cũng không phải động chuyển, nay thành tựu không phải chuyển đâu không phải lỗi tương phù?

Giải thích rằng: có hai thuyết: một là thể dụng đều không phải động chuyển, hai là dụng có động chuyển, cho nên lượng trước có hai nghĩa:

1. Nếu nương theo thuyết đầu luận chủ sẽ phá trước, nhất định tỷ lượng khác, nghĩa là ngã thể và dụng của tông ông sẽ không phải động chuyển, thể thường biến, như hư không. Nay cho rằng không như vậy, kia chấp thể dụng đều không phải động chuyển vì sao cần phải lượng lập? Đây là thi thuyết suông vì họ tự thừa nhận chỉ có thể được nhất định ở nơi tông, không phải mệt nhọc lập lượng.

2. Nếu nương theo dụng động chuyển là giải thích luận chủ thuật lượng của tông kia. Nêu bày họ tự trái kia, lượng rằng: "Ông chấp ngã dụng nên không phải động chuyển, thể thường, biến, như hư không", đây thì không như vậy, vì thường biến là nhân, cho nên cả hai đồng thời bất thành, kia đã thừa nhận dụng động thể không động, tức là thừa nhận thể thì thường biến, dụng thì chẳng thường biến. Chuẩn theo phần sau luận rằng: "Dụng không lìa thể, dụng lẽ ra thường có", nên biết họ thừa nhận dụng có động chuyển, chẳng thường chẳng biến nên nhân của thường, biến đối với dụng chẳng có. Vì sao lấy thể thường, biến

làm nhân, trái với chấp kia? Nếu lẽ ra như luận lập, nên nói rằng ngã dụng của ông cũng lẽ ra thường biến, vì không lìa thể, giống như đi với thể, vì sao được dụng thường biến kia làm nhân? Nên lẽ ra nương theo Sớ chú đã nói rõ, chính là luận này nói rằng: "Ngã mà ông chấp nên không phải theo thân hay tạo ra nghiệp. Ông thừa nhận không phải động chuyển, như hư không", do trong văn này có ba tỷ lượng, nhân có ba: một là Thường, hai là Biến, ba là Không có động chuyển.

Văn nói vì sao ý là không nghĩa, trên nói chữ "lẽ ra" hợp với hai chữ "thế nào", văn nói liền nên ở trên nhân an lập, cho nên không thứ lớp, không được bản ý, còn lại rộng giải thích nó, cũng như văn của Nhân Minh luận. Nói tông trong đây, nghĩa là cực thành hữu pháp cực thành năng biệt tánh sai biệt, tùy theo tự lạc là được thành lập tánh, là gọi làm tông. Sau đó luận về "quỹ pháp" sư liền sửa đổi văn luận rằng: "Sai biệt là tánh, gọi nó là tạo tác", nghĩa là lấy sai biệt làm thể tánh của tông, nếu như vậy trong phần nêu tông trong đoạn trước giải thích rằng: Sai biệt là tánh, tức là hiển bày tông xong, vì sao cần phải nói lại tên gọi làm tông? Văn nói dài dòng, vốn Bản luận nói rằng tánh sai biệt, có hai nghĩa. Vì sao? Một là thể sai biệt của tông tùy tự dưới lựa ra lỗi, nay nói cũ, ý lựa ra cổ sư do hữu pháp và pháp đều gọi là tông, nay lựa ra nghĩa của cổ sư. Vì tánh sai biệt hỗ tương trái phản là thể của tông, nếu nói là tánh không lựa ra lỗi xưa. Hai là nói rằng tông của cổ sư có năm lỗi, nay Bồ-tát Trần Na lại thêm bốn loại sau, lấy thành hữu pháp và pháp câu cực thành có thể làm tông y, vì tánh sai biệt là thể của tông, nương theo hữu pháp và pháp trên lập tên đó làm tông, mới biết tổng kết nó.

Lại ngã sở chấp là một là khác, nếu nói khác thể của nó lẽ ra tướng lẫn lộn. Yếu Tập lập lượng rằng: "Chân ngã mà trời cho cùng với ngã mà thần cho, thể lẽ ra lẫn lộn nhau, lại tướng biến đổi, như ngã trời cho", nay cho rằng đây nói lý cũng ít vặn hỏi, kia thừa nhận ngã thần cho thể tướng lẫn lộn, trời cho đáng lẽ cũng có lỗi tương phù, không thừa nhận tướng lẫn lộn, dụ thiếu sở lập, vì sao thành tựu tỷ lượng?

Tây Minh ghi: "Nhân nói rằng lại cùng khắp lẫn nhau, không rơi vào lỗi. Hai nhân ngã trời cho và thần cho đều có nghĩa biến khắp các ngã khác, như nhân của tánh sở tác". Yếu Tập ghi: "Có thuyết cho rằng thường biến là nhân, ắt mong hai pháp mới gọi là biến khắp", điều này cũng không đúng lý vì trái với luận. Có thuyết giải thích rằng nghĩa của một ngã tương tợ gọi là biến khắp, điều này lý cũng không đúng vì một thể thì không thể nói cùng biến khắp vì trái với đạo lý. Yếu tập ghi: "Có

giải thích cho là đúng, cho rằng ngã của trời cho lại biến khắp cùng với ngã khác, như nhân sở tác, nhất định mong năng tác, tuy không hiển bày chỉ duyên của thiệt v.v... mà nhân sở tác thành tựu". Nay không cho là như vậy, vì sao? Nếu nói ngã trời cho v.v... tức có nghĩa cùng biến khắp với ngã khác, tức là lẫn lộn ngã khác. Nếu nói rằng tướng lẫn lộn thì lỗi của tương phù, nếu không phải tướng lẫn lộn thì dụ thiếu sở lập, dụ liền không thành. Ý của Sớ ghi: Ngã thần cho là thường, là biến khắp, nhưng thể là một, nên lập lượng rằng: "Ngã trời cho và ngã thần cho là hữu pháp, lẽ ra thể thành một là pháp, vì thường và biến khắp, nhân như ngã của thần cho, ngã của thần cho là một lại là thường biến, dụ đầy đủ hai lập được thành tựu tỷ lượng", đây được ý của luận, bậc trí nên tin, còn lại đều không xét.

Lại như trước lượng rằng: Như thần cho v.v... khác, đối với trời cho lúc tạo tác các nghiệp cũng sẽ tạo tác nghiệp vì ngã là một, như trời cho v.v... người khác không hiểu được tỷ lượng này, nghĩa là đem ngã thần cho khác sánh ngang với ngã trời cho khi tạo tác nghiệp, tổng gọi là hữu pháp, liền lập tức vặn hỏi rằng: Vì sao lại lấy hữu pháp làm dụ, do không hiểu ý, ý nói rằng như thần cho khác là hữu pháp, đi với ngã trời cho khác tạo tác nghiệp, cũng tạo tác nghiệp là pháp, nêu ngã trời cho lúc tạo tác nghiệp thì ngã thần cho lẽ ra cũng tạo tác nghiệp, bởi vì thể là một. Nếu không nói lúc ở nơi ngã trời cho tạo tác nghiệp cũng sẽ tạo tác nghiệp, ngã trời cho chưa tạo tác nghiệp phá tăng v.v... có thể khiến cho ngã thần cho cũng tạo tác nghiệp phá tăng, tức là đồng dụ không có sở lập, là lựa ra lỗi này. Nói rằng lúc ở nơi ngã trời cho tạo tác nghiệp, cũng sẽ tạo tác nghiệp, dụ đầy đủ hai lập.

Hỏi: Người ngoài nương vào sắc đồng xứ chẳng lìa nhau lập ra lỗi bất định, lập lượng rằng: "Ngã mà tôi chấp thể nhất định chẳng phải là một, vì thừa nhận lại biến khắp, như sắc đồng xứ chẳng lìa nhau trong Đại thừa của ông", đây có lỗi gì?

Đáp: Tỷ lượng có hai lỗi.

1. Có lỗi nhân trái nhau trong tự tướng của hữu pháp, ngã cũng đã tranh cãi, sắc đồng xứ chẳng lìa nhau, thể chẳng phải ngã, đây là nhân cùng biến khắp vì sắc đồng xứ làm đồng pháp, tức là ở nơi ngã dị dụ chuyển, lại không phải biến là ngã đồng dụ.

2. Có lỗi nhân trái nhau trong sai biệt của hữu pháp, ngã của hữu pháp chính là ngôn thuyết hiển bày, giả ngã thật ngã tức là ý thừa nhận, hữu pháp sai biệt, vì sắc đồng xứ chẳng lìa nhau trong Đại thừa tức là giả ngã, lại cùng biến khắp là dụ đầy đủ hai lập, lại không phải thật

ngã, lại biến đồng dụ, nên lập lượng rằng: "Ngã mà ông chấp, lẽ ra là giả ngã chẳng phải thật ngã, vì thừa nhận lại biến khắp, như sắc đồng xứ chẳng lìa sắc".

Yếu Tập ghi: Tam Tạng có ba thuyết:

Một nói rằng: Đồng xứ chẳng lìa nhau, luận Du-già theo Chuyển môn của Kinh bộ, chẳng phải chánh nghĩa của Đại thừa.

Hai nói rằng: Cũng là chánh nghĩa của Đại thừa, nhưng thức đã biến là giả chẳng phải thật, đều không lìa tâm nên được thể nhập, không đồng với tông kia nhãn v.v... thật có không được thể nhập.

Ba nói rằng: Bảy vật loại riêng đồng xứ không lìa, ngã loại không khác đồng xứ lẽ ra lẫn lộn, ý của ngài Tam Tạng giữ lại thuyết thứ hai. Yếu Tập ghi: "Nay tìm giải thích ban đầu có tha bất định. Theo giải thích thứ hai, tuy thức biển giả, bảy vật chẳng thành một, nên cũng bất định. Theo giải thích thứ ba, ngoại khí loại đồng chỉ có một, không phải lẫn lộn thành một nên cũng bất định". Nên nay nhân nói rằng: "Đồng loại không phải tăng giảm, lại tướng biến đổi, không phải lỗi bất định, đồng loại lựa ra bảy vật không phải tăng giảm lựa ra ngoại khí, ngoại khí có tăng giảm, ngã tức là không như vậy". Hoặc có thể nhân nói rằng: "Trời cho, thần cho hai ngã tùy theo một nhiếp lại tướng biến, cũng không phải bất định", nay cho rằng giải thích này không xứng hợp với chánh lý, thêm văn của Túc luận. Sớ nói nên nói thường biến, tức là vặn hỏi: "Có trái với lỗi của luận", nay thêm năm chữ, đâu không phải là lỗi.

Lại ghi: Hoặc có thể nói hai ngã tùy theo một nhiếp lại tướng biến, cũng thêm văn luận, lại trong hai giải thích đồng dụ đều thiếu pháp của sở lập, lỗi như trước hiển bày, lại có lỗi tỷ lượng tương vi quyết định nhân, nên nương theo Sớ.

Hỏi: Kể ra ba loại sau đã chấp ngã, luận Du-già quyển 65 v.v... chung có bốn loại, nhưng chỉ hai loại trước không nhiếp thứ ba, nếu như vậy vì sao luận kia nói nương theo ngã phân biệt chấp làm hữu, đều nhiếp ở trong bốn loại chấp này, trừ đây lại không có, vì sao không thâu nhiếp?

Đáp: Kia căn cứ theo tự tánh của ngã chấp, không vượt ngoài bốn loại kia, nay căn cứ theo hữu tình giải thích vọng nghĩa là ngã, nên nêu ra phá, kỳ thật là phá pháp chấp này.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao sau sinh ra hư không đoạn?

Đáp: Văn kia tổng nói chẳng phải thuộc riêng biệt, văn chung ý riêng, đây lệ thuộc vào văn. Lại trong Xu Yếu có một giải thích, do luận

kia không chép.

Tây Minh ghi: Thứ nhất tức là uẩn, là ngoại đạo Thù-trưng-già, họ chấp các uẩn đều có tánh của uẩn, như trong tông nói, tất cả các pháp lấy Chân như làm tánh, họ chấp vào tánh của uẩn cho là thật, ngã, tức là lẽ ra luận Đại Bà-sa ghi: "Hai mười câu Tát-ca-gia kiến" nay cho rằng giải thích này, lý ít vặn hỏi rõ ràng, hai mươi câu chấp của thân kiến v.v... tức là năm uẩn sắc v.v... là ngã. Họ chấp theo tánh của sắc nói rằng: Vì sao nói tức là hai mươi câu? Nay vả lại giải thích, tuy đều tức là uẩn mà chấp có khác, một chấp vào sắc v.v... tức là làm ngã, một chấp vào tướng của sắc lấy làm ngã, tánh tuy chẳng phải ngay nói sắc nhưng là thuộc về uẩn, vì tánh của uẩn, hoặc chấp vào tánh của uẩn, chẳng phải ngay nơi uẩn nhiếp. Như Chân như của Đại thừa, tuy tánh của các uẩn chẳng phải là uẩn nhiếp, nên là thứ hai khác uẩn mà ở trong uẩn thuộc về câu, hoặc chấp tánh của uẩn, tánh là thế, chấp vào thể của uẩn này tức là ngã, vì họ không lập có năm uẩn. Nói năm uẩn là luận về pháp của Phật, hãy xem luận Bà-sa.

Tây Minh lại ghi: Trong ba loại sau, vì sao chỉ ba loại mà không phải vừa tức vừa ly? Giải thích rằng: Phi tức phi ly, tức là diệc, tức phi ly, nên không phải nói riêng, nghĩa nó như thế nào? Nếu biểu hiện tức là ly, thành tựu câu thứ ba, nếu ngăn ngại tức là ly thành tựu câu thứ tư, nghĩa là tức nên chẳng phải ly, ly nên chẳng phải tức, nên luận Hiển Dương, luận Bà-sa v.v... đều nói như vậy. Câu thứ ba, thứ tư do nghĩa có khác mà thể không khác. Song câu thứ ba này cùng với câu thứ tư, hoặc có đồng thể, hoặc có khác thể, tùy theo chỗ ứng mà biết. Nay cho rằng chưa nhất định đều là bốn câu, như nói biên kiến chỉ có đoạn thường, không lập ra bốn câu. Tư lương phi tư lương v.v... câu đều như vậy, vì sao ngã này chỉ tranh cãi bốn câu? Lại nữa, chấp ngã căn cứ theo có tự thể mà nói, câu thứ ba, thứ bốn đã không phải thể riêng nên không phải đây.

Tây Minh lại ghi: "Câu thứ bảy và câu thứ tư triển chuyển nhiếp nhau", luận này câu thứ ba tức là kia câu thứ hai trước. Vì sao? Vì chẳng phải tức nên kia lìa uẩn, vì chẳng phải ly nên kia tức là uẩn, nên luận này nói rằng: Thừa nhận nương theo uẩn lập, nếu không như vậy liền trái luận Du-già, tất cả chấp ngã không có lỗi bốn loại.

Nay cho rằng không như vậy, nếu chuẩn theo đây giải thích, nhưng chỉ câu thứ ba một loại chấp ngã, tức là nhiếp vào luận Du-già, chấp của bốn loại, vì sao được nói hoặc ba hoặc bốn? Lại tức là hai câu trước, luận vì sao chỉ nói lấy làm câu thứ ba? Lập luận dài dòng như vậy có ích

gì, nên phải nương theo lấy thuyết của Sớ, Xu Yếu là chính.

Yếu Tập ghi: "Có giải thích cho rằng Du-già bốn chấp chỉ có phân biệt", trong đây thứ ba thuộc về Câu sinh, tự động ngã chấp không chấp vào tức, ly, nên sau nói đủ hai kiến. Theo uẩn, không có duyên ngã sinh, nếu pháp kế chấp không thông với hai chấp, không nên đồng mở bày hai chấp duyên theo uẩn. Yếu Tập ghi: "Nay cho rằng luận Du-già chỉ nói phân biệt", luận này thông cả hai nghĩa này có thể như vậy, luận này thứ ba làm sao được biết chỉ là Câu sinh mà không phân biệt, chỉ bên trong chẳng phải bên ngoài? Truyền thuyết của ngài Tam Tạng, Độc tử chấp ngã tợ như chấp của Độc tử ngoại đạo, đã như vậy vì sao không phá được phân biệt của ngoại đạo, chỉ phá được Câu sinh của Tiểu thừa? Lại Độc tử kia lại luận chưa được Thánh thì chấp. Vì sao không thừa nhận trong thân sinh khác khởi phân biệt kiến? Do thứ ba này nêu chung phá được phân biệt, Câu sinh, đối với lý thì thù thắng. Nay cho rằng không như vậy, nếu chỉ phân biệt có thể thuận với văn của luận, kia lập ra năm tàng, ngã ở nơi thứ năm không thể nói tàng, đâu phải Câu sinh kiến lập ra là chấp ư! Lại không được nói Độc tử bộ thừa nhận lại luận xưa chấp chẳng căn cứ theo hiện tại chấp, lý cũng không như vậy. Trong luận Tông Luân hiện tại nêu nó đồng chấp vào ngã, Chánh Lượng bộ v.v... vốn chẳng phải ngoại đạo cũng chấp ngã. Lại luận Câu-xá quyển 29 dẫn kinh là vặn hỏi Độc Tử bộ rằng: "Kinh nói khởi ngã kiến vào đường ác kiến", đồng với các ngoại đạo cho đến rộng nói Bộ kia chung cùng. Kinh này chẳng phải lượng, ở trong Ngã bộ chưa từng đọc tụng. Nếu như vậy vì sao Vô học lại khởi ngã chấp kiến?

Đáp: Như giải thích trước, hoặc có thể được nói chỉ bậc Hữu học, phàm phu lập ra Chân như là chấp, văn không lựa ra.

Trong lượng phá Câu phi ngã, Sớ nói nếu phá được câu đồng thời, tông khác cũng nói ngã chẳng phải câu đồng thời, phạm lỗi tương phù. Lại không phải đồng dụ, ý này họ lập ra phi tức là lìa ngã, cũng không được nói làm câu ngã phi ngã đồng thời, vì không thể nói. Như Đại thừa nói thể của Chân như, chẳng phải thuộc câu vừa hữu vừa vô đồng thời v.v... Nay nếu phá tông khác nói rằng lẽ ra không thể nói làm ngã phi ngã, nên phạm lỗi tương phù. Lại không phải đồng dụ, như lông rùa v.v... tuy không được nói làm ngã mà được nói làm phi ngã, nên chẳng phải đồng dụ, Hữu vi Vô vi làm dụ cũng như vậy. Lại nếu cả hai chấp lấy ngã phi ngã làm pháp, trong Hữu vi Vô vi, tùy nêu một pháp cũng được làm dụ, vì sao cần phải cả hai nêu lên làm Vô vi? Nay giải thích

thêm rằng: Ý kia tuy không được nói làm ngã phi ngã, nhưng thừa nhận ngã ở nơi tàng không thể nói, không thể nói tàng trong ngã không được nói làm ngã phi ngã. Nay vặn hỏi, khiến cho nó đã không thể nói làm ngã phi ngã, cũng không nên nói có, không thể làm ngã phi ngã tụ, ngã ở trong tụ nghĩa. Vì sao? Như Hữu vi Vô vi, ngã của ông không được nói lập ra Hữu vi Vô vi, tức là không được nói có. Không thể nói Hữu vi Vô vi là không thể nói tàng, ngã của ông đã không được nói lập ra ngã phi ngã, vì sao liền lập ra có? Không thể nói ngã phi ngã tụ, là không thể nói tàng, nên nêu Hữu vi Vô vi lấy làm đồng dụ. Lại lẽ ra tuy không thể nói làm ngã phi ngã, nhưng thừa nhận chấp làm ngã, lẽ ra không thể nói lập ra vi Vô vi làm vi Vô vi. Song ý của Bản sơ ghi: Tông kia chấp ngã tuy không nói lập ra ngã phi ngã, thường vô thường, vi Vô vi, nhưng chấp làm ngã. Nên nói rằng vả lại lấy ngã phi ngã làm thí dụ, không nói cái khác. Lượng rằng: "Ngã mà ông chấp lẽ ra không thể nói là ngã", căn cứ theo thuyết của bản chấp, tuy không được nói là ngã phi ngã nhưng chấp làm ngã, nên nay riêng phá. Lại lượng rằng: "Ngã mà ông chấp đối với ngã phi ngã tụ nghĩa, lẽ ra cũng không thể nói", nên lập lượng rằng: "Ngã của ông ở trong ngã phi ngã tụ lẽ ra không được nói ở kia, vì không thể nói. Nhân như Hữu vi Vô vi, ý đây nói rằng không thể nói không phải là lìa lời, nên không thể nói. Nhưng lấy ngã trên không thể nói lập ra vi Vô vi, ngã phi ngã, không thể nói lấy làm nhân, như Hữu vi Vô vi là dụ, ý này chấp lấy ngã trên, có thể nói lập ra nghĩa của vi Vô vi làm dụ. Không chấp lấy riêng thể của vi Vô vi lấy làm đồng dụ, ý này nói chung, không nhất định nói ở trong ngã phi ngã tụ nghĩa. Chân như không được nói ở trong vi Vô vi, vì không thể nói, không chấp lấy thể của nó, nếu không như vậy ngã là hữu pháp, lại có pháp nào gọi là ngã phi ngã tụ? Nên lượng này đúng.

Tây Minh, Yếu Tập đều chấp lấy phi lượng của Xu Yếu là chính. Phi lượng lượng rằng: "Ngã mà ông chấp, không nên nói ngã, ngã chẳng phải tha ngã", vì thừa nhận không thể nói, như Hữu vi Vô vi lấy nó làm chính. Vả lại Tây Minh ghi: "Ngã mà ông chấp lẽ ra không thể nói được vì là tự ngã chẳng phải tha ngã, không thể nói Hữu vi Vô vi, giống như hoa đốm trong hư không, Xu Yếu đều lấy làm chính. Lại kế chấp của họ tuy chấp có ngã, không được nói làm ngã phi ngã, vì thuộc trong tàng không thể nói, nếu nói lời làm tự ngã chẳng phải tha ngã. Vì sao gọi là không thể nói? Nếu nói rằng không thể nói lập ra Hữu vi Vô vi, nên ở trong không thể nói, Hữu vi pháp kia cũng không thể nói, lập ra Vô vi và ngã nên ở trong tàng không thể nói. Yếu Tập ghi: "Nói rằng tự ngã

chẳng phải tha ngã”, chỉ phá được một Luận sư một ngã, chẳng cho rằng tất cả. Nếu như vậy vì sao ngoại đạo chấp vào ngã là tha ngã. Số luận thọ ngã là tự ngã chẳng phải tha ngã. Thắng luận chấp tác thọ ngã đều như vậy, nghĩa là Tam Tạng lượng rằng: “Tự ngã chẳng phải tha ngã là người khác lập ra”. Tam Tạng nêu tha ngã chẳng phải tự ngã chính là thích hợp, văn của luận đã nói “đã không thể nói Hữu vi Vô vi”, lẽ ra cũng không thể nói là ngã phi ngã, đều là nêu dụ, không phải lấy làm nhân vì sao nói lẽ ra không thể nói là ngã phi ngã, nói “vừa vừa” là ai nói? Cho nên Sớ là đúng.

Hỏi: Trong kinh Đại Niết-bàn cũng nói năm tàng, nghĩa là ba đời là ba, Hữu vi là một, gọi là Hữu vi tàng, Vô vi là một cũng gọi là không thể nói tàng, khác gì với đây?

Đáp: Luận có khác, chuẩn theo có thể biết.

Luận rằng: Lại các ngã kiến không duyên theo thật ngã v.v... Yếu Tập ghi: “Luận Quảng Bách lập lượng rằng: Ngã kiến quyết định không duyên theo thật ngã tướng của nam nữ v.v... đã lẫn lộn, như duyên theo thân v.v... khởi tướng của nam v.v... tâm đã lẫn lộn. Lại ngã kiến không duyên theo thật ngã, vì có sở duyên, như tâm khác v.v... lại cảnh của ngã kiến chẳng phải là thật ngã, tướng của nam v.v... là sở duyên của tâm, giống như thân v.v... do đây nên biết, tất cả ngã kiến đều không thật ngã lấy làm cảnh giới, chỉ duyên theo hư vọng thân v.v... làm cảnh tùy theo vọng tưởng của mình biết được tuệ sinh, như thấy sợi dây trong đêm tối nghĩ là con rắn. Theo Bản thích ghi: Lại các ngã kiến không duyên theo thật ngã, đây chẳng phải lập ngã kiến của ngã giải. Căn cứ theo ngã kiến không duyên tức có lỗi tương phù. Nay nói không duyên, đứng về kiến của duyên ngã thì nó là nhiễm tuệ. Đây đứng về kiến mà vặn hỏi khiến nó không duyên nên không phải lỗi tương phù.

Sớ ghi: Kỳ thật cũng có, chẳng phải không có bản chất vì là Câu sinh, nên đây nói năm thủ uẩn v.v... đều khởi ảnh tượng. Nói “vừa” là vì tướng phần cũng là bản chất, không có tướng hữu vô chấp là ngã, nên nói khởi tướng tự tâm, cũng có chẳng phải không có bản chất, nên nói duyên theo năm thủ uẩn.

Trong phần Tu đạo ở sau, nói thường thường tu tập mới có thể đoạn, nếu theo phục trừ hiện hành ở trong Đại thừa, lại bi, trí cả hai tăng, lại bố thí không bố thí phiền não có khác nhau, lại Thức thứ sáu Câu sinh ngã chấp, kiến phi kiến đoạn chung có năm giải thích, như Xu Yếu nói. Lại căn cứ theo chung riêng duyên theo uẩn sinh, thứ lớp đắc quả, sai biệt của đoạn cũng lập ra năm giải thích:

1. Nếu chung nếu riêng đều đắc phẩm đoạn thứ chín của Phi tưởng, nếu như vậy tức là có lỗi lại đoạn ở sau.

2. Chung là phẩm đoạn thứ chín của Phi tưởng, riêng là phẩm đoạn thứ chín của địa địa, đây có hai lỗi, nếu chung thì có lỗi đoạn lại ở sau, nếu riêng thì có lỗi Hậu đắc không đoạn.

3. Ngược với giải thích thứ hai trước, cũng đồng với lỗi trước đều có hai lỗi.

4. Chung riêng địa địa mỗi mỗi chín phẩm riêng đoạn, nếu như vậy tức là có lỗi Hậu đắc không đoạn hoặc.

5. Chung riêng đều đoạn ở nơi tự địa phẩm thứ chín. Giải thích này là chính, không phải hai lỗi trước, tu đoạn thường hay không thường chuẩn theo mà biết.

Hỏi: Thứ lớp Thanh văn nghĩa đó như thế nào?

Đáp: Các bộ của Tiểu thừa cùng nói bất đồng. Vả lại nương theo Đại thừa luận tiểu quả, nghĩa là có Thanh văn tánh thông với lợi, độn ở nơi kiến đạo trước không phục trừ tu hoặc, chỉ phục trừ kiến hoặc, lúc nhập vào kiến đạo liền đoạn được kiến đạo phiền não ba cõi, đắc được quả Dự lưu, ở trong kiến đạo đoạn được tức là lìa uẩn sở hữu ngã kiến, ba tâm kiến đạo đoạn, trước sau như thuyết của Xu Yếu. Từ kiến đạo này mười sáu tâm sau ở trong tu đạo, thứ lớp đoạn được tám mươi mốt phẩm tu sở đoạn hoặc trong ba cõi chín địa, như chỗ thích hợp đắc được ba quả sau, gọi là thứ lớp đắc, đoạn được mê lý sự. Năm giải thích như trước, thường đoạn thường tu cũng chuẩn theo năm thuyết.

Nói vi tế nên khó đoạn, tế có bốn nghĩa:

1. Phẩm loại đối, trong chín phẩm, phẩm thứ chín nhiếp, mong mê lý khác đều đồng với phẩm thứ chín, nếu nói tự loại cũng có chín phẩm.

2. Phân biệt Câu sinh đối, đây tự động khởi.

3. Kiến tu đối, đây chỉ tu đoạn.

4. Thượng hạ đạo đối, chỉ thượng đạo đoạn nên gọi là tế.

Trong thường tu đoạn Thanh văn, Duyên giác, Nhị thừa có khác nhau, trong Thanh văn thứ lớp vượt hơn, lại có hai loại khác nhau. Trước căn cứ theo người thứ lớp đắc quả mà nói, nếu vượt hơn người lại có ba loại, một chỉ vượt hơn Sơ quả, hai vượt hơn hai quả đầu, ba vượt hơn hai quả giữa. Vả lại vượt hơn Sơ quả nghĩa là có tánh của Thanh văn là lợi căn, lúc trước hàng phàm phu vui vẻ cầu sinh lên, vì khổ, thô v.v... sáu hành thế đạo, phục trừ được sáu thức Câu sinh mê sự thô hoặc trong cõi Dục, tức sáu phẩm trước, bèn ở lúc sau gặp duyên hướng đến cầu quả

Thanh văn, tu bảy phương tiện, lấy làm gia hạnh. Lúc nhập vào kiến đạo, trong một sát-na tu hợp đoạn được quả thứ hai, vì sáu phẩm kia trước đã phục trừ, nên kiến đạo có thể đoạn, hoặc của mê lý tuy trước không phục trừ, phục trừ bạn loại kia. Lúc nhập vào kiến đạo, cũng một lúc đoạn, đạo, đoạn thường thường chuẩn theo nó có thể hiểu.

2. Vượt hơn hai quả đầu đắc được quả thứ ba, nghĩa là có tánh của Thanh văn là lợi căn, lúc trước hàng phàm phu sẽ dùng sáu hành phục trừ tu hoặc cõi Dục, chín phẩm mê lý, cho đến vô sở hữu sở chín phẩm sự hoặc, sau nhập vào kiến đạo, trước đã phục trừ và do không phục trừ, cũng cùng với kiến hoặc, hợp một lúc đoạn. tu, đoạn thường thường chuẩn theo có thể biết.

Hỏi: Hai loại trước, người vì sao không phục trừ được hoặc của mê lý?

Đáp: Do họ không hiểu được tu lý quán hoặc của mê lý không trái với sự quán, nên không thể phục trừ.

Hỏi: Vì sao không phục trừ được Hoặc của Hữu đảnh địa?

Đáp: Vì nó vi tế, không phải trên có thể vui vẻ làm ra sáu hành nên không thể phục trừ, lại hoặc vi tế kia không chướng ngại bậc hữu học, nên chỉ đoạn như vậy. Vượt hơn hai quả ban đầu, trước nương theo chánh nghĩa, bèn nói không chính, sợ dài dòng nên không nêu ra. Lại nói tướng kiến đạo đoạn là không ứng hợp với chánh lý, luận Du-già chỉ nói Thế gian đạo và xuất thế gian đoạn được hoặc của mê sự, không trừ được mê lý, lại không thể nói mê lý chân kiến trừ, hoặc của mê lý tướng kiến đoạn, cũng không nói tướng kiến đoạn, sau chỉ khởi riêng đạo đoạn. Luận Đối Pháp nói người vượt hai quả trước và thứ lớp đều là tâm thứ mười sáu kiến lập quả Thánh, không phải chỉ khởi đạo. Lại luận Du-già quyển 59 ghi: "Hỏi: Vị tri dục tri căn, ai làm sở y xứ?

Đáp: Chứng đắc được sơ quả, quả thứ hai quả thứ ba Sa-môn làm Sở y xứ.

Hỏi: Dĩ tri căn ai là Sở y xứ?

Đáp: Cho đến quả Kim cương dụ định, Vô học, Sa-môn, chứng được sở y xứ, nên tâm thứ mười thứ mười sáu đắc được ba quả đầu.

Lại quyển 79 ghi: Hỏi bao nhiêu căn đắc được quả Dự lưu?

Đáp: Hoặc một căn hoặc tám căn. Bao nhiêu căn đắc được quả thứ hai? Hoặc hai căn hoặc chín căn đắc được quả Nhất lai.

Hỏi: Bao nhiêu căn đắc được quả Bất hoàn?

Đáp: Hoặc mười một căn hoặc hai căn, sơ quả hoặc một căn, nghĩa là Vị tri đương tri căn, hoặc tám căn thêm tín v.v... năm căn và ý căn,

xả căn. Đây là theo người quyết định thứ lớp. Quả Nhất lai hoặc hai căn hoặc chín căn, theo người vượt hơn như Sơ quả mà nói, thứ lớp tức là Dĩ tri căn. Hai tùy một đắc, không phải nhất định hai đắc, nên nói rằng hoặc hai, chín căn tín v.v... bảy định, vị tri căn v.v... hai tùy một bất định, dung chứa chín căn đắc, chẳng phải nhất định chín căn đủ cả, giống như bất định đặt ở đây hoặc nói, đã nương theo cận phần đầu tiên nên chỉ xả căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đắc được quả Bất hoàn?

Đáp: Hoặc mười một căn, hoặc hai căn, đây theo người vượt hơn như Sơ quả mà nói, người thứ lớp nương Dĩ tri căn. Hai tùy một được nên nói hoặc hai căn, hoặc mười một căn. Ở trên chín căn trước, thân hỷ lạc, tùy theo nên được nương tựa thiền định nhập vào kiến đạo, cận phần của Sơ thiền và định thứ tư, tức là nương theo xả, hai căn đầu vốn hỷ, căn thứ ba tức là lạc, ba thọ tùy theo một, nên nói hoặc mười một căn chẳng phải ba thọ đủ cả, hoặc có thể đủ. Ba thọ tùy theo một, thêm một mạng căn, nam, nữ tùy một, nên thành tựu một mười căn. Nếu thân hỷ lạc, ba thọ không đủ, vì sao thành mười hai căn? Trước giải thích là chính, có giải thích tám căn là trừ Vị tri căn, thân mạng căn, chín căn là thêm hỷ căn. Mười một căn là thêm hỷ căn, ưu căn, giải thích này không đúng. Quyển 57 phần Sơ quả ghi: “Ưu căn tuy đạo sở y chẳng phải là đạo nhiếp”, nên trong đây không chọn. Trong quả Bất hoàn lại nói rằng: “Ưu căn đạo lý như trước nên biết”, nên không lấy ưu căn, nương theo căn bản ban đầu, thứ lớp cũng nhập vào, nương theo ba thiền trên chỉ vượt lên quả nhập vào.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đắc được quả A-la-hán?

Đáp: Hoặc một căn, hoặc mười căn. Một căn nghĩa là Dĩ tri căn, mười căn nghĩa là trong mười một căn trừ Vị tri đương tri căn. Đây nói có thể đắc, chẳng nói đã đắc, nên trừ Cụ tri còn lại rộng phá những người đặt lời dài dòng. Vượt hai quả đắc được quả thứ tư, nghĩa là có tánh của Thanh văn là lợi căn, lúc trước ở phàm phu, chẳng phục được tu hoặc, trong bảy phương tiện chỉ phục được kiến hoặc, khi nhập kiến đạo đoạn hết kiến hoặc ba cõi, đều được Sơ quả, nhưng chưa đoạn tu hoặc, nhờ sức ý lạc nên kham nhẫn được, nương theo cận phần ban đầu dĩ tri, đương tri căn đắc được căn bản, nên tổng tướng ba cõi, sáu thức tu hoặc, trong chín Địa buộc làm chín phẩm, như phẩm đầu của cõi Dục cho đến Hữu đảnh, hoặc của phẩm đầu hợp làm một phẩm, tám phẩm còn lại chuẩn theo đây. Nếu Thức thứ sáu mê lý tế hoặc, trong địa địa tuy mỗi mỗi chín phẩm nay hợp với Thức thứ bảy đều lấy phiền não

chung làm một phẩm, cùng với phẩm thứ chín, hoặc của mê lý, đồng thời liền đoạn, thành quả A-la-hán, đại đạo thường thường chuẩn theo đây cũng có thể biết.

Hỏi: Đã làm chín phẩm lúc đoạn sáu phẩm tu hoặc của cõi Dục, vì sao không đắc được quả thứ hai, đoạn chín phẩm của cõi Dục, vì sao không đắc quả thứ ba?

Đáp: Lúc đoạn sáu phẩm của cõi Dục hợp với hai cõi trên đều đoạn sáu phẩm, lại không phải ngừng cầu, chưa được xuất quán, nên không đắc được quả thứ hai, lúc đoạn chín phẩm của cõi Dục, hợp với Hữu đảnh hoặc cũng đều đoạn hết, tức là đắc được quả thứ tư, nên không chấp lấy hai quả giữa.

Hỏi: Là chỉ người sơ quả chưa được tiến lên đoạn hoặc được vượt lên hai quả giữa, là đoạn được phẩm khác, cũng có thể vượt lên ư?

Đáp: Chuẩn theo luận Đối pháp dẫn chỉ rõ đầu mối kinh, chỉ chưa đoạn cái khác có thể nói rõ Thánh chỉ, không nói cái khác do đắc quả rồi có công năng kham nhẫn thù thắng. Nếu ít tiến đoạn, tức là chẳng phải loại này, vì không có công năng thù thắng.

Người của Độc giác, có hai loại khác nhau: Một dụ cho Lân Giác, một là dụ cho ba ngàn cõi chỉ độc một người ra khỏi, đây là lợi căn. Lúc trước địa vị phàm phu, sáu hạnh phục trừ, Hoặc từ vô sở hữu trở xuống, trăm kiếp luyện căn, lúc nhập vào kiến đạo, từ Địa thứ tám trở xuống phục trừ loại kia, cùng với kiến hoặc đồng thời đoạn, ra khỏi kiến đạo đã riêng khởi chín vô gián, chín giải thoát, đoạn được Phi tưởng địa chín phẩm phiền não, nên người dụ Lân Giác này, không đầy đủ trăm kiếp tu luyện và từ vị Thanh văn quyết trạch, lúc định chưa sinh, đã qua làm Bích-chi đứng đầu trong chúng, tuy không đợi sư mà tự mình ngộ đạo, gọi là người Độc Giác, thừa nhận có xuất nhiều lần, nên gọi là Bộ Hành. Lại có một giải thích như bản Ký quyển 5, thông với định bất định tánh. Nếu trăm kiếp luyện căn, đắc được Bích-chi tức là chỉ định tánh, nghĩa còn lại chuẩn theo trước.

Hỏi: Vì sao biết thân kiến có hai, kiến đạo có một?

Đáp: Chuẩn theo kinh Lăng-già bộ bốn quyển, quyển 2 ghi: “Thân kiến có hai loại, nghĩa là Câu sinh và vọng tưởng”, cho đến nói cùng với hai thân kiến trước vọng tưởng đoạn, nên nghi pháp không sinh, chuẩn theo văn của kinh này, đã nói rằng cùng với hai thân kiến trước vọng tưởng đoạn nên nghi pháp không sinh, tức là rõ ràng nói thân kiến có hai. Sơ quả chỉ đoạn vọng tưởng thân kiến, không đoạn Câu sinh, không cần giải thích rộng.

Hỏi: Có thể có đoạn được phi tưởng sáu phẩm hoặc trước rồi, sau đó mới đoạn được ba phẩm hoặc sau của cõi Dục ư?

Đáp: Có, như người vượt lên hai quả giữa, chấp lấy quả thứ tư, tức là việc đó. Lại như người quả Tư-đà-hàm trụ nơi tự quả, đã đoạn sáu phẩm hoặc của cõi Dục rồi mới hồi tâm chấp lấy quả Duyên giác, không thể dần dần đoạn được cái khác, chưa đoạn chấp lấy quả Duyên giác vì quả Duyên giác ba mươi bốn tâm thành tựu Bồ-đề, lại cùng với thứ lớp bốn quả không khác. Giả sử nay đắc được hai quả rồi, không phải lại gom hợp trước hợp làm ba mươi bốn tâm, ba mươi bốn tâm chỉ căn cứ theo thuyết của từ phàm phu tức là lập ra, quả thứ hai này chỉ ở sau khởi chín vô gián, chín giải thoát đạo, đoạn được các hoặc khác tức là ba phẩm hoặc sau trong cõi Dục, vì từ vô sở hữu xứ trở xuống phiền não do thế đạo phục trừ, khởi sáu vô gián. Giải thích đoạn được phi tưởng phi phi tưởng xứ v.v... sáu phẩm hoặc trước đã đoạn, mới đoạn cõi Dục dưới, trước đã phục trừ, không đồng với kiến đạo, một phẩm đạo, hoặc các địa trước đã phục trừ, cùng với Phi tưởng địa, thượng thượng phẩm hoặc, một lúc liền đoạn. Trước đã phục trừ, nhưng trước nói người vượt lên quả thứ tư là đoạn được sáu phẩm hoặc Vô sắc trước xong, mỗi đoạn được các phẩm hoặc Địa dưới sau, chưa thấy được văn, hai thuyết mặc tình chọn.

Hỏi: Chuẩn theo thuyết của Tiểu thừa, ba mươi bốn tâm được thành tựu Bồ-đề, Đại thừa như thế nào?

Đáp: Chuẩn theo thuyết của Đại thừa có năm mươi bốn tâm, cả hai loại mười sáu tâm đều có chín vô gián, chín giải thoát đạo, thành năm mươi tâm. Trong ba tâm kiến đạo chỉ có hai tâm, nhưng chia ra hoặc chướng làm thượng hạ đoạn, không đoạn được tri chướng nên hợp với hai tâm của chân kiến, vô gián một tâm, giải thoát một tâm, hoặc có năm mươi tâm, trừ ba tâm trong kiến đạo, thượng hạ hai tâm vì hàng Nhị thừa không lập ra phi an lập quán.

Hỏi: Hướng đến quả Thanh văn, kiến đế tâm thứ mười sáu tức là kiến lập quả, vì sao hướng đến Duyên giác mà không kiến lập ư?

Đáp: Vì không trụ vào đạo, tâm kỳ hẹn khác.

Hỏi: Chuẩn theo Đại thừa luận Tiểu thừa không thấy được chân kiến, vì thô chỉ biết được tướng kiến. Vì sao trong tu đạo tức là thấy được chân vô gián, giải thoát?

Đáp: Kia tự đem ra làm chân vô gián, giải thoát Đại thừa luận kia chỉ thấy được gia hạnh trước.

Hỏi: Đại thừa luận Tiểu thừa, có chân, kiến tướng kiến đạo, vì sao

không nói Tiểu thừa có chân kiến tướng tu đạo?

Đáp: Trong kiến đạo gia hạnh trước rộng, thời gian dài học quán, ban đầu vào khó, vì mới đắc quả. Do đó quán lại có tướng kiến đạo, trong tu đạo không làm ra thời gian dài rộng nhiều hành tướng, vì chín địa phẩm riêng đoạn, lại sẽ đắc quả, nên không phải quán lại, do đó không nói có tướng tu đạo.

Hỏi: Đại thừa như thế nào?

Đáp: Đã có trí hậu đắc Vô lậu, quán lại như trước, có cũng không phải lỗi nhưng không phải quyết định, cần phải quán lại, nên không pháp lập riêng.

Hỏi: Sơ quả tức là ở nơi tướng thứ mười sáu, mới bắt đầu kiến lập quả, ba tướng sau vì sao ở nơi giải thoát kiến lập?

Đáp: Ban đầu được nhập vào kiến đạo, cần phải quán lại đế, tâm thứ mười sáu sự mới cứu cánh bản chất được lập quả, Hậu đắc trí của tu đạo không cần quán lại, ở nơi giải thoát đạo, sự đắc được cứu cánh, nên được lập quả.

Hỏi: Như hàng Thanh văn đắc được Vô học, đã trở lại hướng đến Duyên giác lúc sau luyện căn, nhập vào quán đạo nào? Đoạn được các chướng nào?

Đáp: Như cực quả nhân, lúc hướng đến Duyên giác, chỉ khởi chín vô gián, chín giải thoát, nghĩ dáng vẻ vô gián, giải thoát, chẳng phải chân vô gián v.v... chỉ duyên theo sự quán không nhập vào Sinh không quán, vì lại không phải hoặc có thể đoạn có thể chứng, nhưng tâm hành giải lập ra vô gián, giải thoát đạo, vài lần tư duy khiến cho cực quả kia tín v.v... năm căn dần dần rõ ràng lợi ích, lại không phải đoạn hoặc mà tức là đoạn quả. Hai nói rằng nếu nhập vào Sinh không, trừ được căn chướng, làm đạo của vô gián v.v... lý cũng không ngăn ngại, khiến cho trí rõ ràng lợi ích, không phải có thể đoạn được hoặc.

Hỏi: Bậc Vô học lúc hướng đến đoạn được căn chướng, đắc Vô vi riêng chăng?

Đáp: Đắc cùng với bất đắc.

Hỏi: Đều có lỗi gì?

Đáp: Cả hai đều có lỗi.

Hỏi: Nếu nói đắc, vì sao nói Tam thừa đồng ngồi giường giải thoát?

Đáp: Nghĩa đây không đồng, đồng đắc được giải thoát là đồng đắc được hoặc bất sinh giải thoát, không nói Vô vi cũng đồng.

Hỏi: Nếu nói bất đắc, vì sao luận Tạp Tập nói đoạn được hạ liệt

thọ, đắc được hai Vô vi?

Đáp: Kia căn cứ theo vĩnh viễn đoạn, chỉ ở Đại thừa, chẳng phải Nhị thừa, vì không đoạn được nhưng phục trừ được định, căn cứ theo phiền não diệt đã giải thoát không riêng, như Sớ quyển 10 giải thích trong mười Chương rất rõ.

Hỏi: Hàng Thanh văn chấp lấy tự quả, chuyển thành lợi căn, làm sự lý quán ư?

Đáp: Chỉ làm ra sự quán không làm ra lý quán, vì tu luyện căn không phải hoặc có thể đoạn, lại không đắc quả, nhưng làm sự quán không chỉ đều được Vô vi. Nếu Đại thừa Bồ-tát tu luyện căn, nhập vào pháp không quán đoạn được sở tri chướng, tức là khác với họ.

Hỏi: Pháp quán là tế Sinh quán là thô, pháp quán nhất định mang theo Sinh quán, sinh chấp là thô pháp chấp là tế, lúc đoạn pháp, sinh nhất định đoạn?

Đáp: Giả sử như vậy cũng đâu có lỗi gì!

Hỏi: Nếu như vậy vì sao luận quyển 9 trong đoạn nói ba tâm kiến đạo, tâm thứ hai bên trong sai khiến các pháp giả trí, chỉ đoạn được pháp chấp, không đoạn được sinh chấp ư?.

Đáp: Căn cứ theo thật đoạn pháp chấp ắt sẽ có thể đoạn được sinh chấp, vì tâm gia hạnh kia kỳ hẹn khác nhau, cũng không trái với lý.

Hỏi: Vì kiến đạo mong tu đạo tức là thừa nhận trong kiến đạo, đoạn pháp không đoạn nhân, cũng vì tu đạo mong kiến đoạn, trong tu đạo đoạn nhân không đoạn pháp chăng?

Đáp: Suy nghĩ có thể biết.

Hỏi: Hai chướng chướng kiến đạo, lúc nhập vào kiến đạo trước sau đoạn, hai chướng chướng Vô học, địa vị của Kim cương đạo hai tâm đoạn chăng?

Đáp: Kiến đạo trí ban đầu yếu, hai chướng trước sau đoạn, sức Kim cương đạo mạnh, hai chướng cùng thời đoạn.

Hỏi: Định chướng là thuộc về sở tri chướng, thừa nhận người Nhị thừa Sinh không quán đoạn, có thể không như vậy chăng?

Đáp: Như vậy.

Hỏi: Sở tri chướng vi tế Sinh không thô, tức là thừa nhận Sinh không đoạn được tế chướng, cũng lẽ ra thô pháp không là tế, lúc Sinh không khởi mang theo pháp không, có giải thích không nêu ví dụ. Vả lại sinh chấp hướng đến pháp chấp, pháp chấp là thô, vì sao? Vì mê lý là tế mê sự là thô, lúc chứng được sinh lý, đoạn được ngã chấp, gần có thể đoạn được mê sự định chướng kia, nhưng pháp quán tế, nhất định

mang theo Sinh quán, Sinh quán là thô không mang theo pháp quán, ý đây trả lời chấp lấy mê lý đủ cả, giải thích này không đúng. Định chướng đã cùng mê lý phiền não đều khởi, cũng tùy theo phiền não đều mê ở nơi lý ư? Chuẩn theo văn quyển 6 ghi: "Tham, sân, kiến, nghi đều khởi", cũng mê nơi lý, đồng một duyên, chuẩn theo biết định chướng cũng sẽ đồng với nó đều khởi đồng mê là thuộc về phiền não chướng, đoạn được trạch diệt, chỉ khởi định chướng là chịu thấp kém. Nhị thừa hàng phục mà không đoạn, thuộc về sở tri chướng, nên người của Nhị thừa hàng phục được định chướng này, lúc đắc được hai định, đắc được phi trạch diệt, không đắc được trạch diệt, nên không thể vặn hỏi. Sinh không là thô có thể đoạn được tế chướng, khiến cho Sinh quán khởi mang theo Pháp không.

Hỏi: Phân biệt ngã chấp thô nên dễ đoạn, lúc đầu kiến đạo, tức là có thể trừ diệt, Đại thừa đã có ba tâm kiến đạo, Nhị thừa có bao nhiêu?

Đáp: Lấy nghĩa chuẩn theo nó. Đại thừa là đoạn được hai chướng, đều chia ra hai phẩm, riêng chung đoạn nó, tức là lập ra ba tâm, vì tâm thứ hai chỉ đoạn được hạ phẩm, phân biệt pháp chấp. Nếu người của Nhị thừa chỉ có hai tâm, chỉ đoạn được ngã chấp, chia làm hai phẩm.

Hỏi: Hai chướng chia làm thượng phẩm hạ phẩm, hạ phẩm hai tâm trừ, cả hai chướng chia ra tế, thô; đoạn được tế cũng chia làm hai?

Đáp: Sơ đạo sức còn yếu, phẩm hạ hai tâm trừ, đạo sau có trội hơn, nên hợp một tâm đoạn.

Hỏi: Câu sinh trước chấp nhân Thức thứ bảy duyên theo Thức thứ tám không nói thủ vì giản lược, gián đoạn ngã kiến tức là nói thủ uẩn?

Đáp: Yhức thứ bảy chỉ duyên theo Thức thứ tám, hẹp không cần lựa ra, Thức thứ sáu đồng duyên với cái khác, nên thủ nói lựa ra.

Hỏi: Chung duyên theo uẩn chấp, uẩn thông với Vô vi, vì sao chỉ nói rằng duyên theo năm uẩn?

Đáp: Căn cứ theo tướng phần nói duyên theo thủ uẩn.

Thủ là chuẩn theo Tập luận v.v... tức là bốn loại thủ, đều chỉ nói tham. Thủ có bốn loại, nghĩa là dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã ngữ thủ, chấp vào thủ làm căn tranh cãi, chấp vào thủ sau có là nghĩa của thủ, cho đến nói rằng: Do tham chấp trước dục, trói buộc đắm nhiễm làm nhân. Người tại gia lấy làm tranh cãi căn, do tham chấp trước các kiến, trói buộc đắm nhiễm làm nhân. Người xuất gia lấy làm căn tranh cãi, nên thủ duyên theo bốn tham này gọi là thủ, đồng với ái tăng của luận Duy Thức gọi là thủ. Duy Thức lại ghi: Tuy trong thủ chi nhiếp các

phiền não, mà ái nhuận thù thắng, nói là tăng, chuẩn theo đây các hoặc đều gọi là thủ. Theo luận Du-già quyển 89, tức là thông với tất cả pháp Hữu lậu, đều gọi là thủ. Nên luận kia ghi: Nên biết trong đây, dù sở thủ, năng thủ, sở vi thủ, tất cả đều gọi chung là thủ.

Hỏi: Thế nào là sở thủ?

Đáp: Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ là sở thủ.

Hỏi: Thế nào là năng thủ? Bốn loại dục tham là năng thủ.

Hỏi: Thế nào là sở vi thủ? Là đắc được các dục và làm thọ dụng v.v...

Chuẩn theo các văn này, nếu thủ chỉ là ái, căn cứ theo tăng thượng mà nói, nếu căn cứ theo năng thủ chấp lấy hữu và hữu câu, thông với phiền não khác, nếu theo nhau là sở thủ, năng thủ và sở vi thủ. Cảnh của thủ, thể của thủ, nhân của thủ đều là thủ. Mỗi mỗi căn cứ theo một nghĩa đều không phải trái nhau, các thuyết không đồng, nên chuẩn theo đây mà biết. Nay nói thủ uẩn, tùy theo chỗ ứng, thủ được sinh, sinh ra thủ, sở thủ, năng thủ và sở vi thủ, đều được gọi là thủ uẩn.

Hỏi: Vì sao pháp chấp đồng duyên theo xứ, giới, ngã, chỉ duyên theo uẩn?

Đáp: Pháp chấp thông với Vô vi được duyên theo giới, xứ, ngã duyên theo Hữu vi không được thông với giới, xứ lại ngã chấp nhiều, một, thường; không duyên theo giới xứ, pháp chấp chẳng phải một, thường, nên thông với giới xứ, lại giải thích nương theo ảnh lược nói, giải thích này là chính.

Luận Biện Trung Biên nói uẩn, xứ, giới đều là phá ngã, nên biết ngã chấp đồng duyên theo ba khoa, đây duyên theo uẩn v.v... căn cứ theo sự luận Phật pháp, ngoại đạo không lập ra uẩn, xứ, giới v.v...

Lúc mới kiến đạo tức là có thể trừ diệt, có bốn giải thích:

1. Kiến tu đối, là thấy ở ban đầu.

2. Chân tướng đối là chân ở ban đầu

3. Bốn đạo đối, chẳng phải thắng tấn.

4. Vô gián giải thoát đối, ở vô gián nên nói sơ kiến đạo.

Nói thế gian Sa-môn, Bà-la-môn v.v... lấy cả bốn họ Sát-đế-lợi v.v... lại Đẳng-tràng-ma (Hán dịch là Bất cộng tử), Bổ-yết-sa (cai ngục), Chiên-đồ-la (Nghiêm xí hay đồ tể). Miệt-lệ-xa (ưa thích cấu uế), Đạt-hoạt (nhà dân nữ, nhà bán rượu), Yết-xỉ-la (quan coi ngục).

Luận nếu không phải thật ngã, vì sao có việc được nhớ biết v.v... Tây Minh rộng dẫn luận Đại Bà-sa quyển 11 có tám luận giải thích việc nhớ nghĩ. Nay cho rằng không như vậy, tức là trước đã kể ra cả hai ba

loại chấp lời hỏi của ngoại đạo v.v... đâu cần nêu riêng, hiển bày có sai biệt nên nói như vậy.

Trong phần nêu tự nghĩa, hỏi: Do sức huân tập sau mới nhớ nghĩ, nghĩa là Dị thục, Vô ký tự nghĩa không thể huân tập, sau lẽ ra không nhớ nghĩ?

Đáp: Không phải cần tự nghĩa huân tập sau mới có thể nhớ nghĩ. Vì sao? Vì tâm thiện ác tuy có thể huân tập chủng tử, cũng không thể nhớ những việc không bỏ. Lại Viên cảnh trí của Phật há do trong nhân từng thấy, sau trí khởi nhớ nghĩ. Nếu phải do huân tập, Phật không thể nhớ nghĩ, vì ở trong nhân các Vô lậu yếu kém, tất cả Hữu lậu thảy đều đã xả, không huân tập thành chủng tử, từ đó về sau dụng đâu thể nhớ nghĩ? Nên biết không do tự loại huân tập rồi sau mới có thể nhớ nghĩ, tâm Dị thục này do tâm thiện ác huân tập, khiến cho nó nhớ nghĩ.

Hỏi: Giữa ba tánh tướng, do tâm thiện ác huân tập Dị thục có thể nhớ nghĩ, nhiều niệm Dị thục, sau làm sao nhớ nghĩ?

Đáp: Nếu không thể nhớ nghĩ, cũng đâu có lỗi gì! Chẳng phải tất cả tâm đều có thể nhớ nghĩ, hoặc từ chủng tử của bản hữu sinh ra có thể nhớ nghĩ. Lại như Xu Yếu, Pháp sư Tây Minh, Sớ kia giải thích rõ ràng.

Yếu Tập ghi: Bàn rộng sự nhớ nghĩ có hai loại: một là tâm năng nhớ nghĩ, hai là tâm sở nhớ nghĩ, nếu tâm năng nhớ nghĩ chỉ Thức thứ sáu và niệm tương ưng, nên có thể nhớ nghĩ nó. Như luận Duy Thức quyển 20 ghi: “Cùng với niệm tương ưng, ý thức có thể nhớ nghĩ, các thứ cảnh quá khứ của sở thọ, tuy diệt không có tự thể, niệm trước các thức lãnh nạp cảnh giới kia, huân tập thành chủng tử, không mất v.v... đối với cảnh bị nhớ nghĩ tức là có hai nghĩa, nghĩa là nhớ nghĩ sẽ thọ cảnh hoặc nhớ nghĩ sẽ có thể thọ tâm, tâm này tức là do sự của tự chứng phần, nên nay có thể nhớ nghĩ. Nay cho rằng, giải thích này chưa thể tận lý. Vì sao có tâm Dị thục không thể huân tập chủng tử, do ai làm nhân, lúc sau có thể nhớ nghĩ? Lại cảnh của Túc trụ trí duyên chẳng phải đều sẽ thọ, tám Thức của Phật quả đều có thể nhớ nghĩ trước, không chỉ Thức thứ sáu nên nghĩa không tận tường.

Nay giải thích năng nhớ nghĩ có hai vị: một là Phật, hai là những vị khác. Vị khác có tự tại, chưa tự tại. Chưa tự tại có hai: một là hiện hành, hai là chủng tử. Trong hiện hành có bốn: một là tự thể phần, hai là thế lực của tưởng, ba là niệm tương ưng ý thức thứ sáu, bốn là tổng tụ tâm tâm sở. Căn cứ theo niệm sau có thể nghĩ tâm trước, riêng nói tự chứng, căn cứ theo phần hạn sở nhớ nghĩ sai biệt riêng nói sức của

tưởng, căn cứ theo vị tự tại tưởng nhớ lại quá khứ. Riêng nói niệm đều phân biệt ý thức, tận tường lý nói rõ, Thức thứ sáu tương ưng các tâm tâm sở, đây đều có thể nhớ nghĩ.

Nếu chủng tử tức là có thể huân tập trên, chỉ trừ Dị thục đã huân tập thành chủng tử, làm sao nhớ nghĩ nhân? Hoặc Thức thứ sáu cùng với niệm tưởng đều tương ưng tâm sở đã huân tập thành chủng tử, sinh ra hiện hành năng nhớ nghĩ. Nếu được tự tại có hai vị, nghĩa là định và tán, định căn cứ theo Hữu lậu, Vô lậu Sinh không, chỉ Thức thứ sáu, nếu nương theo Pháp không thông với Thức thứ bảy, Thức thứ bảy tùy theo Thức thứ sáu dẫn dắt cùng với nó đồng duyên, nhớ nghĩ cũng không lỗi. Nếu ở tán vị các căn đã thừa nhận đều được hỗ dụng, nên lẽ ra năm thức cùng duyên theo quá khứ, hoặc tuy hỗ dụng chỉ duyên theo hiện tại. Nếu ở Phật quả tám thức đủ cả khả năng, chỉ do huân tập, quả không phải chủng tử mới, nên luận chỉ nói do sức huân tập, được thức có nhớ nghĩ, không nói mỗi mỗi tự huân tập có thể nhớ nghĩ.

Giải thích tạo tác nghiệp thọ quả, Đại thừa tám thức do nói rõ hữu vô, Thức thứ sáu trước đầy đủ hai loại, Thức thứ bảy đều không, Vô ký nên không tạo tác nghiệp, nhiễm ô nên không thọ quả, Thức thứ tám thọ quả là Dị thục, không thể tạo tác nghiệp vì tánh Vô ký. Năm bộ Độc Tử, Chánh Lượng, Bản Kinh, Hiền Vị, Mật Lâm Sơn v.v... đồng nói năm thức, không thể tạo tác nghiệp thọ quả, Thức thứ sáu đều có thể, Đại Chúng bộ v.v... đồng nói sáu thức đều có thể tạo tác nghiệp thọ quả, luận Tát-bà-đa v.v... nói năm thức thọ quả mà không tạo tác nghiệp, Thức thứ sáu đều có thể, (giải thích này nghe chưa thấy chánh giáo).

Trong phần nêu Số luận, hỏi: Lấy xúc làm phong đại, phong đại thành bì căn, bì căn kia được xúc mà không được phong, nếu như vậy thể của xúc như thế nào?

Đáp: Do cứng chắc, ẩm ướt, bệnh ngứa, đói v.v... mà tạo ra đại phong đại, và thể của phong khác nhau. Như Thắng luận v.v... giải thích.

Hỏi: Bì không được phong, phong vì sao căn được?

Đáp: Tâm bình đẳng căn, không phải nhất định bì được.

Chuẩn theo điều đã nói trên, nói Số luận vốn do tiên Kiếp-tỷ-la tạo, về sau các môn đồ chia thành mười tám bộ. Vũ ngoại đạo tức là một bộ chủ, Kim Thất Thập luận hoặc Vũ chúng do người khác tạo, vì sao? Theo truyền thuyết của Bồ-tát Thiên Thân ghi: Sau khi Đức Phật nhập diệt hơn một ngàn một trăm năm có ngoại đạo Tần-xà-ha Bà-sa,

Tần-xà-ha là tên núi, Bà-sa gọi là ở, vì ngoại đạo này ở trong núi này, nhân đó có tên này. Có một Long vương tên Tỳ-lô-sa-giá-na ở trong ao lớn dưới chân núi, giỏi về Tăng-khư luận, ngoại đạo này biết muốn đến Long vương học, Long vương biến hóa thân, làm hình dáng Tiên nhân ở trong hang, ngoại Đạo đến học, thành tựu rồi tìm cầu luận muốn quyết định phải trái, liền đến nước Du-xà đánh trống cầu tìm luận nghĩa, do đó lấy vàng vua thưởng để tạo luận, đến đó rồi qua ở núi này, dùng sức tụng chú để triệu tập Dạ-xoa nữ tên là Trù Lâm, xin rằng khiến cho tôi sau khi chết, biến đổi thân thành đá, vĩnh viễn không hoại diệt. Thần nữ thừa nhận. Ông ở trong hang đá, sau khi chết, thân biến thành đá. Do đó lời nguyện này, trước Long vương muốn phá diệt nghĩa của Số luận sư, ông theo Long vương xin rằng khi nào thân hoại diệt, mới khiến cho pháp diệt, Long vương nghĩ thầm rằng: "Thân há đâu còn mãi", do đó liền chấp nhận. Nên nay biến thân thành đá khiến cho lâu dài, là lý do pháp của Số luận lưu chuyển cho đến nay. Sau Bồ-tát Trần-na phá bài xích nghĩa, lập ra tỷ lượng, viết ở trên đá này, đá chảy mồ hôi ra tiếng, không thể cứu được, do đây ngài Trần-na tạo ra Nhân minh, thịnh hành bốn chủ, tiếng tăm chấn động năm xứ Thiên Trúc là do việc này.

Có thuyết ghi: Kiếp này La Tiên làm ra Kim Thấp Thập luận, giữ lại thân làm đá, ở rừng Dư Cam, tợ như sai lầm. Nhưng truyện nói rằng: Sau một ngàn một trăm năm, ngoại đạo này xuất hiện tạo ra mười phái luận, lúc Thiên Thân xuất hiện, ngoại đạo đã diệt, tức là nói ngài Thiên Thân xuất hiện sau một ngàn năm. Sự lưu truyền này tợ như sai lầm, vì sao? Vì Trung Biên sớ của Tam tạng Chân Đế ghi xuất hiện chín trăm năm, ngoại đạo cũng trước chín trăm năm, nếu không như vậy vì sao ngoại đạo được giải thích luận kia? Có người nói rằng: Kinh Niết-bàn nói đời Thượng cổ có tiên tên là Xà-đề-thủ-na, vị tiên kia tạo ra luận tên là Tam-di-xoa, Hán dịch là Quán Sát, rộng nói rõ hai mươi lăm Đế. Chuẩn theo đây Quán sát tức là Trí tuệ, cùng với Số luận tên đồng, số là trí tuệ tức là luận này. Nói vị Tiên Xà-đề-thủ-na là đọc nhầm, tức là vị tiên Ca-tỳ-la.

Luận: Lại ba là riêng đại khái đồng như chung, dưới hợp phá hai mươi bốn Đế, có năm đoạn, như Sớ phân năm đoạn:

1. Phá thể tướng cùng so sánh
2. Phá lúc biến như chưa biến
3. Phá lỗi thể tùy theo tướng
4. Phá so sánh chung riêng lẽ ra chẳng phải một chẳng phải ba
5. Phá mỗi loại có đủ ba thể.

Trong đoạn thứ năm ban đầu nêu, kế sau phá. Phá lại có năm:

1. Phá tướng chung lẽ ra có ba
2. Phá ba việc không khác
3. Phá một đức có thể thành
4. Phá Thể lẽ ra chẳng phải một
5. Phá nhiều loại trái nhau.

Như thứ tự phối hợp Sớ, thứ lớp phân đoạn.

Hỏi: Luận nói đã có ba tướng lẽ nào thấy thấy là một? Tự tông của Đại thừa năng sở tạo ra sắc đều đồng một xứ, lẽ ra thể tướng khác nhau, vì sao thấy là một? Lại như một cảnh sinh ra nhiều đồng biến, cũng sẽ thấy khác, vì sao thấy là một?

Đáp: Không đồng với kia vì chẳng thật, tự thể hư ảo, đồng nghiệp chiêu lấy nên tợ như một.

Hỏi: Luận nói tức là lẽ ra một căn được tất cả cảnh vì ba đức thành tựu, pháp của Phật năm căn đều có bốn đại tạo ra tịnh sắc căn là thể, vì sao không phải một căn đắc được tất cả cảnh?

Đáp: Mỗi tự chủng tử sinh bốn đại xa tạo, không đồng với luận kia đều do ba đức thành tựu.

Trong phần nêu Thắng luận kế chấp, trong Sớ nói lấy đức hiển bày Địa, chỉ làm sở y của sắc, hương, vị, xúc, dùng đức của năng y kia để hiển bày thể của Địa này, nếu thiếu, ít đức tức là không gọi là Địa, còn lại nước, lửa v.v... chuẩn theo đây nên biết.

Do thần ngã có thể làm ra giác, lạc, thọ v.v... nhân duyên chín pháp hòa hợp, đã hòa hợp rồi có thể khởi trí tướng gọi là ngã, cũng do tướng kia hòa hợp v.v... hiển bày thần ngã này, ý thật nghĩa đồng.

Hỏi: Giác v.v... chín đức nhân duyên không hòa hợp gọi là ý, đâu phải ý thật kia không phải là ý căn kia, nếu là ý căn, tâm khởi nương theo nó, đâu thể nói nhân duyên không hòa hợp?

Giải thích rằng: Ý mong chín đức gần, không thể làm nhân duyên hòa hợp kia, nên gọi là nhân duyên không hòa hợp, không phải là khiến cho chín đức kia không hòa hợp.

Nhãn sở thủ một y gọi là sắc, sắc của một cực vi nương theo địa đại v.v... tức là nhãn chọn lấy gọi là sắc, sở còn lại chuẩn theo đây, vì năm căn kia tức là năm đại, sắc của cực vi nương theo căn loại đại là căn chọn lấy, gọi là một y gọi là sắc.

Một vi lượng chỉ hai vi quả trên, vì hai vi tế của cha mẹ kia hòa hợp sinh ra con, trên vi tế có vi lượng này, cho là căn chấp lấy sắc rất vi tế, không cùng với cha mẹ hòa hợp, vì chẳng phải căn cảnh.

Hợp và ly, chỉ chấp lấy ban đầu hợp, gọi là hợp, ban đầu lìa gọi là ly, sau tức là trái.

Xa giác đã đợi là tánh kia, vì tâm hay chấp lấy, thế xa chấp lấy nó gọi là bỉ.

Câu “hòa hợp” là khiến cho địa kia v.v... cùng với đức hòa hợp, cùng với ngã kia khác nhau, ngã chỉ khiến cho giác kia, lạc, khổ v.v... chín đức hòa hợp.

Thủ nghĩa là trước hợp sau lìa, căn cứ theo luận thượng hạ, hành tức là căn cứ theo ở Địa v.v...

Hỏi: Vì sao không lập ra thức của nhãn v.v...

Đáp: Tức là giác v.v... là phải, còn lại kế chấp của ngoại đạo cũng rất nhiều, chuẩn theo đây.

Trong các môn phân biệt, một nhiều phân biệt, bốn và nhiều, năm và một, vì ngã và ý nương một người nói, gọi là một. Nếu căn cứ theo nhiều người, tức là số nhiều. Ba loại hư không, thời gian, phương hướng, tất cả cùng có, lại không phải nhiều thể nên gọi nó là một.

Nói hương chỉ địa có, chuẩn theo thuyết của Nhân Minh chỉ là vô thường, là môn nhân quả của luận kia nói.

Tánh nặng thông với thường vô thường, nếu như vậy vì sao chỉ có hiện lượng? Chỉ có sự vi tế của cha mẹ là thường, chẳng phải hiện lượng.

Luận không có văn giải thích, nghĩa chuẩn theo nói thông với hiện lượng, tỷ lượng, không ngăn ngại. Lại hương chỉ có vô thường, làm sao thông với phi hiện lượng được.

Trong phần nêu kế chấp, nói phần nhiều thật có, nay lại giải thích thêm, “quân, rừng trong câu thật” v.v... giả như luận nói, phá thật có kia làm đồng dụ, đây đều ít giả, còn lại nhiều thật.

Văn phân đoạn như Sớ, nay thêm một đoạn tổng chia làm hai, phần đầu là phá thật có, đoạn từ “nhưng thật v.v... kia, chẳng phải duyên lìa thức” trở xuống là phá hiện lượng, vì theo văn trong phần nêu kế chấp nên chia làm hai đoạn.

Luận: Lại đất nước lửa gió sở chấp kia lẽ ra chẳng có ngăn ngại, nghĩa của câu thật nhiếp, vì đó là sở xúc của thân căn. Luận Yếu Tập ghi: “Có thuyết nói đất, nước, lửa, gió, cha mẹ cực vi, chẳng phải hiện lượng đắc, từ cực vi người con trở lên là hiện lượng đắc”. Phần sau trong phá Thuận thế và Thắng luận cho rằng Cực vi tu tập đầy đủ thành tựu căn cảnh thì dùng quả làm gì, nên biết như vậy. Có giải thích thật v.v... năm câu là cảnh của hiện lượng, hòa hợp chẳng phải hiện lượng. Nên

phần phá sau ghi: Họ thừa nhận thật v.v... hiện lượng sở đắc, dùng lý suy tìm chứng cớ còn chẳng phải thật có, huống gì họ tự thừa nhận câu nghĩa hòa hợp chẳng phải hiện lượng đắc, mà có thể thật có, do đây mà biết cha mẹ cực vi cũng là hiện lượng đắc. Có giải thích cho rằng: Nay nói hai cực vi đã sinh ra con cực vi, cũng chẳng phải hiện lượng đắc. Thập Cú luận ghi: "Ba cực vi sinh ra con còn thô được hòa hợp", phần sau lại nói "thô sắc lượng và đức hòa hợp", là sắc căn đắc.

Yếu Tập ghi: "Nay cho rằng có giải thích là đúng, nghĩa là trong tông kia không nói sở thủ của sắc căn mới là cảnh của hiện lượng, có cảnh của hiện lượng chưa hẳn sắc căn đắc", cho đến nói có thuyết dẫn phá trong Thuận thế, nhiều nhân cực vi hòa hợp, lẽ ra chẳng phải vi tế đủ thành tựu căn cảnh thì dùng quả làm gì, do đây mà biết từ cực vi người con trở lên là cảnh của sắc căn, cha mẹ trái là đây phá cảnh của sắc căn, chưa nói hiện lượng, dẫn chẳng phải cảnh của sắc căn để chứng minh chẳng phải hiện lượng đắc, đối với lý quá xa.

Nay xét kỹ ý này nói có thuyết cho rằng thưa xa là chưa ngộ được đến lý, vì sao? Thập Cú luận ghi: "Nghĩa là đến lúc thật sắc v.v... căn v.v... hòa hợp thì có liễu tướng sinh, gọi là hiện lượng", đã nói rằng lúc căn v.v... hòa hợp thì có liễu tướng sinh gọi là hiện lượng, rõ ràng biết cực vi người con trở lên mới cùng căn hòa hợp, nên cực vi người con trở lên gọi là hiện lượng, là kế chấp của tông kia. Trong phần dẫn phá chống chế của Thuận thế v.v... nói rằng: Do quả nhiều phần hợp nên thành thô, nhiều nhân cực vi hợp nên chẳng phải tế, đủ thành tựu căn cảnh. Ý chấp lấy nhiều quả hòa hợp nên thành thô làm cảnh của sắc căn, nên lấy đây chứng minh từ cực vi người con trở lên là cảnh của hiện lượng, đối với lý làm gì có thưa xa mà vọng nói là lỗi. Nếu cho có giải thích là đúng, năm câu hiện lượng đắc cực thành kia đây. Nói cha mẹ vi tế là ngã hiện cảnh, chuẩn theo văn nào nói? Trong Thập Cú luận chỉ nói giác đức làm hiện lượng tỷ lượng. Lại nói lúc căn v.v... hòa hợp thì có liễu tướng sinh gọi là hiện lượng, không nói thần ngã làm thể của hiện lượng, lại không phải văn nói cha mẹ cực vi, ngã hiện lượng đắc. Nếu căn cứ theo tướng chung thì có giải thích không trái, nếu nghiên cứu kỹ luận có thuyết nói rất chính xác.

Luận: Sở chấp của họ có đến như thật đức v.v... Sớ và Xu Yếu đều cho rằng đây là lỗi Tương vi nhân của pháp tự tướng, vì bản lượng kia ghi: Tông của ta có tánh, nhất định lìa câu thật có riêng tự tánh, thừa nhận phi vô, nên như đức, nghiệp v.v... Lượng này bất định, thật làm dị dụ, vì thừa nhận nhân phi vô đối với thật chuyển, lại có lỗi khác, suy

nghĩ chuẩn theo có thể biết. Nay vả lại cùng pháp tự tánh tương vi nói rằng: Tông của ông có tánh, lìa ngoài câu thật không có riêng tự tánh, vì thừa nhận phi vô, giống như câu thật. Trong lượng này tuy có tha bất định, câu đức, nghiệp v.v... họ thừa nhận bất định. Lại chính là phá họ, đối với tha bất định cũng có thể là lỗi, nên Xu Yếu phán phân chỉ thuộc về lỗi tỷ lượng trái nhau. Nếu chuẩn theo Sớ phán phân rằng: Lẽ ra lìa ngoài tám câu của thật v.v... không có riêng tự tánh, tức là không có bất định.

Yếu Tập ghi: "Chuẩn theo tương vi, lượng nói có tánh, lìa ngoài thật không có riêng tự tánh, vì thừa nhận phi vô, giống như câu thật, nên tỷ lượng tương vi". Ý này Xu Yếu tự mình phán phân xong. Yếu Tập nêu ra lỗi rằng: "Đã riêng dùng dụ, làm sao tương vi đồng với bất định trước", thuyết này cũng trái, vì sao? Vì riêng dụng dụ cũng là tương vi, như luận Nhân Minh pháp tự tướng tương vi nhân, bên ngoài lập âm thanh là thường, vì đã tạo ra tánh, giống như hư không. Lập ra tương vi, nói rằng âm thanh là vô thường vì đã tạo ra tánh, thí như bình v.v... nhân này dùng đồng cũ sửa đổi. Nay lượng nhân này cũng dùng nhân cũ, chỉ sửa đổi đồng dụ đồng với Nhân Minh, nói rằng: "Đã riêng dùng dụ làm sao là tương vi", là lỗi vọng nêu ra, không giỏi Nhân minh.

Luận: Nếu lìa thật v.v... đến tất cánh vô v.v... Xu Yếu nói là lỗi tương vi của pháp tự tướng. Lại ghi: Nay nêu không có pháp làm dụ cũng thành tựu quyết định tương vi, tức là như luận nói.

Nói, nếu lìa hữu pháp đến có riêng vô tánh, Xu Yếu giải thích: "Thứ ba, thứ tư đều là tỷ lượng tương vi", như văn sớ thuật. Yếu Tập ghi: "Có thuyết lượng rằng tông của ông câu thứ mười bên ngoài của vô pháp nên riêng lập tánh". Nhân nói trừ sáu câu hữu của đại v.v... bên ngoài hữu vô hai pháp hỗ tương tương vi, như thật, đức, nghiệp, muốn lựa ra bất định, nhân nói trừ sáu câu của đại hữu v.v... có giải thích lượng rằng: Năm loại câu "vô" lẽ ra riêng có tánh tông, trong hai pháp hữu vô tùy theo một nhiếp, như thật, đức v.v... Lại lượng: ông nói thật v.v... nên không phải tánh khác, trong hai pháp hữu vô tùy theo một nhiếp, như tất cánh vô. Yếu Tập chỉ nêu lên hai nhà, không biết bị lỗi, chuẩn theo giải thích trước có lỗi bất định. Năm loại câu vô là như thật v.v... ngoài ba câu lẽ ra riêng có tánh là như đại hữu v.v... ngoài ba câu không riêng có tánh. Yếu Tập lại ghi: Có thuyết nói thể của vô tánh phi hữu, không phải trên không lập ra vô tánh, thể của hữu pháp phi vô, vì sao cần phải riêng hợp hữu tánh? Nếu họ chống chế, hữu pháp tuy phi vô vì không tự có, nên cần phải có hữu, lẽ ra vô pháp không phải tự vô, ngoài vô

pháp riêng lập vô, (đây tức là mong nhau). Yếu Tập nay giải thích: Thể của hữu pháp phi vô, hữu nên có hữu tánh, thể của vô pháp phi hữu, vô nên không có vô tánh, hoặc cũng có thể. Phản đối rằng: Hữu vô do trái nhau, vô pháp không có vô tánh, hữu vô do đối nhau, hữu pháp có hữu tánh, đây đáp luôn khác nhau, làm sao phá được tông khác? Nên nay trong luận chỉ lập ra lượng phá, chẳng phải cần hợp nhau.

Nay cho rằng nếu hợp nhau cũng có thể phá tông khác. Vả lại như Yếu Tập giải thích không thể lìa lỗi, vì sao? Nếu nói rằng thể của vô pháp phi hữu, vô nên không có vô tánh, lẽ ra thể của hữu pháp tự có hữu nên không có hữu tánh. Thể của hữu pháp tự có, có nên lập ra hữu tánh. Thể của vô pháp là vô, vô nên lập ra vô tánh, phản đối nó trong hữu vô do đối nhau, hữu pháp lập ra hữu tánh, vô hữu do trái nhau, vô pháp lập ra vô tánh, hằng không lìa lỗi.

Luận rằng: Đừng cho đây cũng chẳng phải tánh thật đức nghiệp. Lập phá Tương vi nhân của tự tướng hữu pháp, ghi: chẳng phải tánh thật, đức nghiệp. Ý nói rằng chẳng phải thật đức nghiệp v.v... đồng dị sinh vì khác với thật như đức nghiệp, đức nghiệp khác với thật, không phải là tánh đồng dị.

Luận rằng: "Lại duyên thật trí" trở xuống là phá trí năng duyên. Sớ có hai giải thích, vì giả hợp sinh, ban đầu giải thích duyên theo nhiều pháp, sau giải thích trí khởi giả nhờ nhiều duyên, không chướng ngại năng duyên, duyên theo một hay nhiều kia. Nếu theo giải thích ban đầu chỉ phá được duyên chung, không phá được duyên riêng, sau giải thích thông với phá. Cảnh sở duyên, tuy có một hay nhiều trí năng duyên, phải nhờ nhiều duyên, rằng giả hợp sinh. Yếu Tập ghi: "Nay cho rằng giải thích sau của sư ban đầu cũng có bất định, duyên theo thật hiện trí làm Như hữu, Hòa hợp trí vì giả hợp sinh, duyên theo thật trí, là như duyên theo đức nghiệp, trí đồng dị, do giả hợp sinh nên chẳng duyên theo thật trí. Nay tường tận thuyết này, vọng nêu ra lỗi kia. Vì sao? Nếu căn cứ theo duyên chung, duyên theo hữu, hòa hợp, tức cũng là duyên theo thật, tức là ở trong pháp chính là sở phá, không phải lỗi bất định. Nếu phá được duyên riêng, duyên theo hữu, hòa hợp, tuy giả hợp sinh, tức là không duyên theo thật cũng là không có bất định. Lập hai giải thích, trước căn cứ theo cảnh nhiều trí mới được khởi, gọi là giả hợp sinh; sau căn cứ theo nhân nhiều trí mới được sinh gọi là giả hợp sinh, chẳng tránh được lỗi bất định.

Sớ ghi: Nhãn thức v.v... tuy duyên theo sắc v.v... cũng giả hợp sinh, chẳng duyên theo thật v.v... không có lỗi bất định. Có người nói:

Cũng có tự trái, trí duyên sắc v.v... lẽ ra chẳng phải sắc trí, giả hợp sinh nên như trí của âm thanh v.v... Yếu Tập ghi: “Đây cũng chẳng phải lỗi, nghĩa là bên trong phá được thật, đức bên ngoài v.v... nhiếp sắc bốn đại v.v... nên chẳng phải tự trái với uẩn v.v... đã nhiếp pháp của sắc v.v... Nếu người ngoài làm ra đây tỷ lượng phá, kia tức là có trái với lỗi của thế gian, hiện lượng, tự giáo v.v... nên không được lập. Nay cho rằng không như vậy, nếu chấp duyên theo lìa thức uẩn v.v... cũng đồng phá đây. Nay ý của luận này chỉ phá lìa thức thật có các pháp, nếu ngoại đạo vặn hỏi rằng: Duyên theo lìa thức sắc v.v... trí chẳng phải hiện lượng, tức là phạm lỗi tương phù, nếu chỉ nói rằng duyên theo sắc v.v... trí sẽ chẳng duyên theo sắc v.v... hiện lượng trí nhiếp, cũng có phần tương phù và lỗi tự trái, nếu chỉ lập ra lượng tức là chẳng phải lỗi của lượng trước.

Luận rằng: Nếu pháp có thể sinh nhất định chẳng thường.

Hỏi: Nếu thừa nhận pháp khác làm nhân năng sinh, trái với chấp của tông khác, vì chấp vào một nhân, không phải năng sinh khác, tức là thiếu đồng dụ, năng sinh làm sao vô thường?

Đáp: Trời là thân nhân năng sinh, còn lại là trợ duyên nên được làm dụ.

Hỏi: Nếu nói như vậy, vì sao được làm nhân? Nhân sinh duyên sinh hai loại khác nhau?

Đáp: Chuẩn theo pháp Nhân Minh, nhân không phải khác nhau, như tánh sở tác, nhân này và duyên đều hay sinh. Tây Minh giải thích: Chỉ một thường nhân hay sinh ra các pháp, lại không phải thường khác có thể là nhân sinh, nói rằng luận về một nhân không chướng ngại vô thường hay sinh ra các pháp, như Luận sư Thắng luận thừa nhận sáu câu thật, không ngăn ngại ở trong giả của quân, rừng v.v... Hai giải thích đều có lỗi trái văn, chấp vào một nhân. Phần sau trong đoạn Chuyển kế chấp nói: Đợi dục hoặc duyên, vặn hỏi rằng: Đợi dục hoặc duyên mới có thể sinh, trái với một nhân luận, nếu họ thừa nhận có duyên năng sinh khác và vô thường nhân, vì sao có thể được lập ra vặn hỏi này? Trong đây chỉ do thế gian kia cùng thừa nhận pháp của năng sinh, lấy làm đồng dụ. Lại giải thích vốn chấp tự tại thể là một, thường hay sinh ra các pháp, không có giả pháp khác trợ giúp mới có thể sinh, gọi là một nhân, không chướng ngại pháp khác, cũng có thể là nhân. Nay luận chủ vặn hỏi: Thể đã thường, biến khắp tất cả xứ, thời; hay sinh ra các pháp, nên trong Chuyển kế chấp nói: Tự tại đợi các thứ khác hoặc dục và duyên, mới có thể sinh quả. Luận chủ nói: Nếu như vậy trái với bản

nhất, thường nhân vẫn có thể sinh quả, đợi dục duyên nên trái với một nhân luận.

Trong phá Thuận thế nói: "Nếu có phương phần lẽ ra giả chẳng thật, nếu không có phương phần như tâm, tâm sở", chuẩn theo kế chấp kia, tuy có bốn đại mà cũng tạo ra tâm, nói như tâm, tâm sở thiếu không phải đồng dụ, ngoại đạo nói màu xanh vi diệu bốn đại tạo ra tâm vô ngại, thô đại tạo ra sắc nên ngại. Hai nói rằng tuy chỉ tạo ra sắc, chuẩn theo lý cũng hợp có tâm, tâm sở, như Số luận sư. Ba căn cứ theo Thắng luận có tâm, tâm sở nói làm đồng dụ.

Sớ ghi: Đây chỉ nên nói như hai cực vi lượng, do ba vi quả v.v... nhân chẳng phải cực vi, ý này do thứ ba cực vi người con quả lượng đều ở nơi nhân, nhưng là thô sắc, không phải là cực vi.

Trong phần phá Tiểu thừa, đoạn đầu phá sắc tụ, trong sắc tụ lại có: một là chướng ngại hữu đối, hai là cảnh giới hữu đối, ba là sở duyên hữu đối. Nói chướng ngại hữu đối nghĩa là năm căn năm trần đối ngại nhau. Nói cảnh giới hữu đối nghĩa mười hai giới và ít phần pháp giới. Mười hai giới nghĩa là bảy tâm giới và năm căn giới, ít phần pháp giới đều có công năng của cảnh năng thủ làm cảnh tướng trói buộc khiến cho căn và tâm không phải chuyển khác nên gọi là cảnh giới hữu đối. Nói sở duyên hữu đối nghĩa là bảy tâm giới và ít phần pháp giới. Sở duyên nghĩa là tâm pháp này hay có sở duyên nên gọi là sở duyên, hữu đối do cảnh trói buộc tâm khiến cho không phải chuyển khác, gọi là sở duyên hữu đối.

Hỏi: Sở duyên, cảnh giới, hai đối này có gì khác nhau?

Đáp: Sở duyên căn cứ theo tâm, thể năng duyên lo nghĩ sâu xa đối với cảnh, hay oqr trong cảnh mà liễu biệt rõ ràng, tức là Sớ nói tâm, tâm sở pháp chấp theo đó mà khởi, nó đối với tâm v.v... gọi là sở duyên. Cảnh giới hữu đối hợp căn, căn chỉ có thể chiếu rõ không thể duyên, hành tướng liền cạn cợt, vì căn nhận lấy cảnh cùng thức đều khởi, không lấy thâm sâu rõ ràng, chỉ lấy công năng chiếu rõ cảnh do đồng căn chiếu rõ, tức là Sớ nói, nếu ở nơi pháp kia, đây có công năng, tức là nói nó làm cảnh giới của pháp này, nên hai đối khác nhau. Song luận Câu-xá giải thích đầy đủ, lẽ ra lại kiểm xét văn so sánh đây để quyết định nó.

Hỏi: Cảnh giới, chướng ngại đồng thời khác gì?

Đáp: Tướng, đối ngại biên gọi là chướng ngại hữu đối, lúc căn nhận cảnh, ngại không phải chuyển khác, không phải do đây chướng ngại nó khiến cho không được sinh gọi là cảnh giới hữu đối.

Hỏi: Luận Tát-bà-đa trong pháp xứ sắc có chướng ngại hữu đối không?

Đáp: Không có. Vì sao? Vì vô biểu sắc chẳng phải cực vi thành, chỉ do bốn đại xa năng tạo ra nó. Vả lại như hiện tại lúc tác pháp thọ giới tuy không phải vô biểu, đã có bốn đại xa tạo ra sắc của vô biểu vị lai kia. Chẳng phải ngay nơi bốn đại và cực vi nên chẳng phải hữu đối sắc.

Hỏi: Tân cổ hai Tát-bà-đa cực vi thành tựu thô có gì sai biệt?

Đáp: Vả lại cổ Tát-bà-đa do bảy cực vi thành tựu thô sắc, do nó gần gũi, tợ như thành tựu một tướng, căn cứ thật bảy vi mỗi mỗi tự thành tựu thô sắc, không nói giúp nhau. Nếu luận sư của tân Tát-bà-đa bảy cực vi đồng tụ, gần nhau giúp nhau cùng sức nhẫn nhục thành tựu tướng đại kia, không do tương tợ cùng hợp mới bắt đầu thành thô. Lại như sắc dài, ngắn v.v... có tướng dài cực vi, có tướng ngắn cực vi, nhưng trong tông này trong sắc dài được có sắc ngắn, không như pháp khinh trọng, trọng nhất định không khinh, khinh nhất định không trọng, không làm ra tướng hình, do thành tựu khinh trọng, nhưng nói không xứng hợp với nó gọi là khinh, có thể xứng hợp với nó. Vật tức gọi là trọng, nên nay trong đây, vả lại phá sư Kinh bộ luận Tát-bà-đa hữu đối sắc. Trước phá năng thành, sau phá sở thành. Vả lại hữu tông nói do bảy cực vi thành tựu một Noa sắc, nhưng không phải vào được, mỗi mỗi tướng cách nhau một vi, năng sở đều thật, tức là từ Noa sắc, bắt đầu từ thức đắc, nếu mỗi một vi chỉ ý thức đắc, chẳng phải cảnh của năm thức. Sở duyên của Kinh bộ, cảnh của năm thức đồng với thuyết của Hữu bộ, nhưng năng thành bảy vi là thật, sở thành Noa sắc là giả.

Hỏi: Hai bộ này bảy vi chỗ nào nhiếp?

Đáp: Nếu nói ý cảnh, hợp với pháp xứ nhiếp, nay là hữu tông nhiếp tế từ thô đồng thuộc về sắc xứ. Nếu sư Kinh bộ nhiếp thật từ giả, nhiếp thể từ tướng, cũng thuộc về sắc xứ.

Hỏi: Đã thừa nhận bốn đại tạo ra cực vi, trong một vi đã có bốn vi nếu chuẩn theo bảy vi có bốn đại, hợp thành hai mươi tám, vì sao chỉ nói bảy thành tựu một Noa sắc, hợp bốn đại, hợp thành có một trăm bốn mươi?

Đáp: Căn cứ theo thật mà luận lý có hai mươi tám, nhưng làm ý cảnh chẳng phải năm thức đắc. Nay chỉ nhận lấy năm thức duyên cảnh, nên bảy vi không nói năng tạo, lý cũng không lỗi, nếu nói giả bộ cực vi năng thành, sở thành đều thông với thật, giả. Lại cực vi giả thật lần ra bốn câu phân biệt một thô giả tế thật, sư Kinh bộ hai thô thật tế giả.

Đại thừa cực vi, pháp xứ đã nhiếp là giả tướng hợp, ba thô tế đều thật, luận Tát-bà-đa. Bốn thô tế đều giả, Nhất thiết nói giả v.v... Lại có bốn câu: một thô tế; hai đều giả Nhất thiết bộ, Câu nói giả về xuất thế, đều trái tức là Thanh Biện luận Thắng nghĩa đế. Lại luận vi tụ, chuẩn theo luận Câu-xá tụng rằng:

"Dục vi tụ không thanh
Không căn có tám sự
Có thân căn chín sự
Mười sự có căn khác".

Ý này nói nếu có thân căn ắt có chín sự. Bốn loại khác tùy theo một tức là thành mười sự. Luận Câu-xá ghi: "Nếu nương theo thể nói tám, chín, mười sự v.v... thì quá ít, nếu nương tựa xứ nói tám, chín, mười sự v.v... thì qua nhiều?

Đáp rằng: Không lỗi. Đã nói sự là một phần nương theo thể mà nói, nghĩa là sở y đại chủng, nghĩa là năng y tạo ra sắc.

Lại vặn hỏi rằng: Nếu như vậy đại chủng sự nên thành nhiều, tạo ra sắc chỉ nương tựa một, bốn đại chủng?

Đáp rằng: Nên biết trong đây nương theo thể loại mà nói, vì các bốn đại chủng không khác.

Tác dụng Tát-bà-đa là trong Bà-sa hỏi quá khứ pháp nhiều hay vị lai pháp nhiều ư?

Một là luận sư nói quá khứ pháp nhiều, đã không phải bờ mé ban đầu, lưu chuyển vào quá khứ. Hai là nói vị lai pháp nhiều, vì vị lai vô tận. Ba là nói tương tợ. Phật nói pháp không phải quá khứ vị lai, vì sao ba đời do một pháp? Nếu đang tác dụng gọi là hiện tại, đã tác dụng gọi là quá khứ, chưa tác dụng gọi là vị lai, Luận sư Câu-xá phá rằng: Nên có lỗi của ba đời lẫn lộn. Ông nói rằng tác dụng gọi là hiện tại, do sinh dụng và quang minh, khổ, pháp nhẫn đều vị lai có dụng. Lại Đẳng vô gián duyên rơi vào quá khứ mới bắt đầu có dụng, đều lẽ ra là hiện tại, vì có tác dụng. Luận Chánh Lý chống chế: Ngã hiện tại là tác dụng, quá khứ, vị lai là công năng. Bồ-tát An Tuệ tạo ra Câu-xá giải thích, lại phá rằng: Tác dụng của ông cùng với công năng có gì khác nhau?

Luận: Nhất định có trên dưới bốn phương sai biệt, chấp bản tông kia, lý không phải phương phần, nay do lượng bức bách khiến cho phương phần kia trên dưới bốn phương đều là tướng nghĩ oai nghi. Nếu không có phương phần lẽ ra vào được, nên trong luận Bà-sa Đại đức Tôn giả nói, cực vi không phải phương phần, nhưng không đến với nhau được, lưu chuyển đến hiện tại, gần nhau gọi là đến, nghĩa là cực vi này

ở đời vị lai, hai đời đều lìa nhau, lưu chuyển đến đời hiện tại, mới bắt đầu gần nhau nhưng cách lân hư, bên trong không gián đoạn gọi là đến, chẳng phải hợp gọi là đến. Bồ-tát Thế Hữu nói: Nếu như vậy, lẽ ra cực vi trước trụ đến niệm sau, tông kia tự chấp một sát-na trụ liền nhập vào quá khứ, nếu đến hiện tại mới bắt đầu gần nhau thì gọi là đến, tức là hai sát-na, nên cực vi này rơi rớt, lưu chuyển đến đời hiện tại, vì trụ ở đời hiện tại mới gần nhau. Bồ-tát Thế Hữu giải thích: Nghĩa là các cực vi đồng ở hiện tại đều cách lân hư, trong không kẽ hở, gọi nó là đến. Trong luận Câu-xá ngài Thiên Thân phá rằng: Vì sao duyên có thể ngăn ngại, khiến cho trong có kẽ hở, nhưng phương phần này có bốn câu phân biệt. Một là Kinh bộ thật cực vi có phương phần, hai là luận Tát-bà-đa thật cực vi không có phương phần, ba là Đại thừa giả cực vi cũng có phân biệt, cũng không có phương phần. Đã vậy, Đại thừa giả sắc trong không phải cực vi, nên nói không phải phương phần. Nhưng căn cứ theo giả chiết phục được thô, đến cực vi có thể nói có phương phần. Phương phần có hai: Một là phần của phương là phần của đại sắc kia, không phải là càng chiết phục cực vi này làm phần; hai là phương tức là phần, luận Du-già nói có phương không có phần, lại không có tế phần, vì tướng nghĩ nghi nên gọi là có phương, mà càng không thể chiết phục nên nói không có phần. Nếu càng chiết phục nó, tức là ý làm ra Không giải, nên biến đổi tợ như Không tướng. Thiếu câu thứ tư.

Luận: Năm thức đâu không phải sở duyên.

Hỏi: Trong hai mươi lăm loại sắc, năm thức duyên theo giả hay duyên theo thật sắc?.

Đáp: Có hai giải thích. Một là nói năm thức duyên theo thật không duyên theo giả, giả hợp ý thức đắc.

Hỏi: Thật sắc năm thức duyên, đây thuộc về sắc xứ, giả sắc chỉ ý thủ, đối căn pháp xứ nhiếp?

Giải rằng: Căn cứ theo ý luận duyên theo giả, đây có thể thuộc về pháp xứ, do nhiếp quả tùy theo chân trí minh sắc xứ nhiếp.

Lại hỏi: Năm thức không duyên theo giả, dài ngắn v.v... sắc chẳng phải nhãn đắc rít, trơn v.v... xúc chạm tức là quả, cũng sẽ không làm ra thân thức đắc?

Đáp: Dài, ngắn v.v... sắc tướng đợi thưa xa là do không làm ra nhãn thức đắc, rít v.v... các phần vị của xúc giả gần gũi. Do đó thân căn đắc, hoặc đồng giả sắc chỉ ý sở đắc. Hai là giải thích đồng duyên theo giả, thật, lúc năm thức duyên theo thật, giả nhất định duyên theo thật, do đó lúc duyên theo thật, cũng duyên theo giả.

Hỏi: Nếu như vậy cùng với Kinh bộ khác gì mà phá chấp kia?

Đáp: Một là giải thích lúc năm thức chấp lấy dài, ngắn, không lìa thật sắc của màu xanh v.v... vì giả thật hợp nhau, kia chỉ giả sắc, nên chẳng phải năm cảnh. Lại giải thích Kinh bộ sở chấp trần của tâm bên ngoài, nên chỉ là giả, không phải là duyên. Đại thừa đã không lìa thức, hai tông tự khác nhau. Đại thừa mong tự thật sắc, dài v.v... chẳng phải chân, hình năm sắc bên ngoài kia mà trở lại là thật, nên năm thức nhận lấy, lý cũng không ngăn ngại.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao gọi là năm thức đắc được cảnh của tự tướng?

Đáp: Tự tướng có ba: Một là xứ tự tướng nghĩa là mười hai xứ mỗi mỗi không đồng. Hai là sự tự tướng ở trong một xứ các sắc đều khác nhau. Ba là tự tướng tự tướng nghĩa là ở nơi màu xanh, chiết phục đến cực nhất vi. Nay căn cứ theo xứ tự tướng mà nói nên không trái nhau.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao năm thức đắc được cảnh của tự tướng chỉ nói tánh cảnh, không tùy theo tâm ư?

Đáp: Cũng duyên theo cảnh của tự tướng suy nghĩ nó.

Hỏi: Năm thức nếu duyên theo giả, vì sao nhĩ thức không duyên theo giáo, nếu chấp nhân duyên là lẽ ra do căn đối cảnh, tên gọi, cú không nêu ở pháp xứ nhiếp, nếu không duyên là nhãn thức cũng sẽ không duyên dài v.v... vì đều là giả. Lại dài ngắn v.v... nếu chẳng phải cảnh của nhãn thức, nên ở pháp xứ thâu nhiếp.

Đáp: Sắc của dài, ngắn v.v... tuy ý thức duyên, do giả từ thật không ở pháp xứ. Lại giải thích tên gọi v.v... nương theo âm thanh giả trái tức là lìa âm thanh, nhĩ thức không duyên, dài v.v... nương theo sắc tức là sắc tuy là giả sắc, nhãn thức nhận lấy.

Hỏi: Tên gọi v.v... nương tựa âm thanh giả cùng với âm thanh trái tức là lìa dài v.v... nương tựa sắc giả, vì sao trái tức là lìa?

Đáp: Dài v.v... tướng hình đợi nương theo sắc tức là không lìa, tên gọi v.v... không phải tướng hình, trọng giả trái tức là lìa. Vì nương theo âm thanh giả gãy khúc trên giả lập ra tên gọi v.v... là trọng giả, không đồng với dài v.v... Giải thích này trái với giải thích thứ hai ở sau. Chỗ kia nói lời tức là năng thuyên, đây cũng không như vậy, văn kia ngăn ngại khác, nói lời tức là năng thuyên, căn cứ theo thuyết tự tông, pháp, từ xứ khác nhau.

Lại sắc căn thấy chẳng thấy có bốn câu khác nhau, một là thức thấy căn chẳng thấy. Các bộ Đại Chúng, Nhất Thuyết, Thuyết Xuất Thế, Kê Dận nói năm sắc căn không thể thấy sắc. Luận sư Tát-bà-đa

v.v... căn thấy thức không thấy. Luận sư Đại thừa v.v... căn, thức cả hai đều thấy. Bốn căn, thức đều không thấy, nghĩa là ở địa vị Thai tạng v.v...

Năm căn nghĩa do năm môn phân biệt: Một, nói rõ các tông. Hai, nêu rõ thể tánh. Ba, giải thích danh tự. Bốn, dị loại có. Năm, đáp sai biệt.

1. Nói rõ các tông: Như Pháp Uyển và Sớ nói rõ, nhưng kể ra Tiểu thừa nói khác nhau chút ít. Các bộ như Đại chúng v.v... do đã tạo ra bốn trần làm thể của năm trần, tuy không phải riêng tịnh sắc, nhưng thông với lậu Vô lậu. Phật quả và nhân hai vị khác nhau. Tông Luân luận nói thân của Như Lai, tất cả Vô lậu, nên luận Tát-bà-đa bốn đại tạo ra bốn trần, có sắc trần thanh tịnh khác làm thể là thật chẳng phải giả, chỉ lậu, Vô ký. Nếu sư Kinh bộ cho bốn đại tạo ra tịnh sắc là thể, là giả chẳng phải thật. Nếu Luận sư Thành Thật bốn trần tạo ra bốn đại, bốn đại thành năm căn, đã nói bốn đại thành năm căn, chẳng phải sáu trần, chỉ là bốn đại vì kinh đã nói đều chỉ chắc chắn v.v... làm năm căn. Luận Thành Thật là Sư tử trụ tạo ra. Sư tử trụ này vốn là Số luận bộ trong xuất gia, nay tuy quay về Phật thừa vẫn còn nêu bản nghĩa, nên chẳng phải chánh thuyết. Kinh bộ như Biệt chương giải thích, Thuyết xuất thế bộ năng tạo sở tạo đều thông với giả thật, thế gian là giả, vì hư vọng, xuất thế thật, vì chẳng phải vọng sinh. Chuẩn theo đây tức là thông với lậu và Vô lậu. Thuyết giả như Biệt chương, sư Nhất thuyết bộ cho tất cả các pháp chỉ có tên đều không có thể, không nói giả thật, lậu và Vô lậu trước nói rõ các tông. Đại thừa nêu ra thể, ba loại không đồng: Một là ngài Nan-đà v.v... chỉ nói chủng tử, gọi là năm căn, đây có bốn cách giải, như Biệt chương và Sớ giải thích. Hai là sư An Tuệ tức là lấy biến kế đã khởi tướng phần làm thể của năm căn, vì năng thủ sở thủ hư vọng khởi, nhưng mười tám giới chủng tử đều khác. Ba là Luận sư Hộ Pháp v.v... cho y tha khởi, chủng tử đều khác nhau, nhưng có hai thuyết: Một, nói rằng hiện hành. Hai, thông với chủng tử hiện hành, như Pháp Uyển giải thích. Giải thích tên và loại khác nhau, và trong hỏi đáp, lập thông với sai biệt, đều như Pháp Uyển giải thích. Sớ ghi: Nhãn căn v.v... chẳng phải tâm trí khác và phàm phu sáu thức hiện lượng đã đắc được ý, không chướng ngại Nhị thừa, phàm phu định tâm duyên theo nó là hiện lượng đắc.

Hỏi: Năm căn và năng y thức thân mỗi mỗi đắc được cảnh nào?

Đáp: Vả lại nhãn thức nương theo căn duyên theo cảnh trong thật giả không đồng, như trước nói rõ, bốn thức còn lại chuẩn theo nhãn thức

mà biết, nhưng trong năm cảnh nói rõ giả thật, như phần năm cảnh trong Nghĩa Lâm nói rõ.

Hỏi: Nhãn, tỷ, nhĩ, căn vì sao đều là hai?

Đáp: Vì thiệt, thân hai căn đâu phải chỉ là một.

Hỏi: Thiệt, thân căn một loại có thể ở một xứ, ba căn đều có hai, vì sao đều gọi là một giới xứ? Vì sao trước nói nhãn nhĩ? Nhận lấy cảnh ly hợp và thức đồng, khác v.v... những câu hỏi đáp này đều được trả lời trong phần giới xứ của Nghĩa Lâm.

Nói về nghĩa của đại tạo, trong đại tạo có thân, sơ tạo. Thân tạo nghĩa là đồng giới địa, đồng với Hữu lậu v.v... gọi là thân tạo, nếu khắc giới địa Hữu lậu Vô lậu gọi là sở tạo. Như thân ở cõi trên, biến khởi vàng, bạc v.v... suy nghĩ chỉ dục sắc, mà khởi định quả sắc v.v... đây tức là cõi Dục đại sơ tạo, nhưng Hữu lậu được tạo ra Vô lậu, Vô lậu không được tạo ra Hữu lậu. Vì sao? Nếu Thức thứ tám duyên theo tự chứng phần đầy đủ đại tạo, Thức thứ sáu xúc chạm vào duyên chỉ từ kiến phần, vì tướng phần này chẳng phải thật sắc, không được gọi là Vô lậu tạo ra Hữu lậu.

Lại nay giải thích thêm, Vô lậu cũng được sơ tạo ra Hữu lậu, như duyên theo thân Phật gần gũi tướng phần v.v... nếu trong thân tạo Luận sư của luận Tát-bà-đa đại chủng năng tạo chỉ Vô ký, chỉ Hữu lậu, chỉ do xúc xứ bốn đại, năng tạo. Trong pháp xứ lại không phải lập riêng, có sắc khác, chỉ có vô biểu không phải là cực vi. Sở tạo thông với hai tánh, nghĩa là sắc, thanh hai trần. Nếu Đại thừa giả gọi là thiện, ác, Vô ký đại chủng là nói tên tạo. Căn cứ theo đại tạo thân là Vô ký tạo ra Vô ký, thiên tạo ra thiện, Vô lậu cũng như vậy, vì đại và sắc đều thông với Vô lậu. Xúc xứ, pháp xứ có năng tạo, vì quả sắc của định và thần thông gần gũi sở y khởi bốn đại vì cũng do định thần thông khởi, nhưng thông với giả thật, năng tạo suy nghĩ nó.

Nếu nêu ra thể thì năng tạo chỉ có bốn đại, nghĩa sở tạo là năm trần sắc, trong sắc của pháp xứ tự tại sở sinh và biến kế khởi, thọ sở dẫn sắc. Nếu chấp lấy vô biểu, tức là chẳng phải đại tạo, nương theo chủng tử, hiện hành của tư nên chẳng phải đại sở tạo. Nếu căn cứ theo sở duyên cũng có thể do đại tạo. Lại căn cứ theo y tha, Viên thành mà nói rõ thể tánh, không nói biến kế là chẳng phải vọng sở chấp, vì trí chủng tử sinh, các luận sư nói khác vả lại chấp lấy làm chánh nghĩa. Nếu thường vô thường chỉ có y tha, đại tạo ra Hữu vi vô thường, đây căn cứ theo môn thường vô thường. Lại nếu Hữu lậu y tha khởi, nếu Vô lậu thông với Viên thành, Vô lậu lìa điên đảo, dụng biến khắp, đây căn cứ

theo môn lậu Vô lậu. Năm pháp phân biệt là đại tạo thông với tướng, tên gọi thông với phân biệt, chánh trí, vì thông với lậu Vô lậu, không thông với như như, vì là tánh của tướng. Nếu nhiếp tướng quy về tánh, cũng thông với như như. Ba tánh khác nhau là ở phàm phu chỉ Vô ký, nếu Phật quả chỉ tánh thiện, hàng Nhị thừa và Bồ-tát thông với Vô ký và tánh thiện, bất luật nghi ác thân, ngữ nghiệp v.v... Tùy chuyển môn thông với bất thiện. Căn cứ theo thật nghĩa là đại chủng, tạo chỉ vô gián, luật nghi thiện thân, ngữ, nghiệp v.v... Nếu địa vị Hữu lậu giả thông với tánh thiện, căn cứ theo thể Vô ký, thật thiện tánh là theo tư mà lập. Nếu từ Sơ địa trở lên thông với lậu Vô lậu và thiện Vô ký. Nếu luận Tát-bà-đa đại chủng chỉ là Vô ký, tạo sắc thông với ba tánh.

Đại chủng tạo sắc có nhiều giải thích không đồng:

Một là chỉ từ tự chủng tạo ra gọi là đại tạo, luận Duy Thức quyển 20 ghi: “Thức trên công năng của sắc gọi là năm căn ứng hợp với lý”, công năng nghĩa chủng tử, năm căn là sắc được tạo ra.

Hai là chỉ nhận lấy bốn đại chủng, gọi là đại tạo sắc, sở y gọi là tạo, chẳng nói về thể, nghĩa là chủng tử của sắc phải nương theo đại chủng, lúc đại chủng khởi mới có thể được khởi, do mang theo cái khác, nên gọi là đại tạo sắc, tăng thượng và lực gọi là tạo.

Ba là hai loại đều nhận lấy. Nay tuy ba Luận sư nói không đồng, chỉ Luận sư thứ hai trội hơn. Vì sao? Theo luận Du-già quyển 3 ghi: “Đại chủng đối với chủng tử của sắc có năm thứ công năng, do đó biết trội hơn”. Năm thứ đó là gì?

1. Sinh khởi nhân, nghĩa là do đại chủng luôn mang theo sinh ra.

2. Y nhân, nghĩa là tạo ra sắc này nương tựa đại chủng.

3. An lập nhân, nghĩa là chủng tử của sắc này và đại chủng đồng an nguy, đại chủng hoại tạo sắc cũng hoại.

4. Trì nhân, nghĩa là sắc này ở trong đại chủng đều biến nhau, nên luận Du-già ghi: “Một là hòa tạp không lìa nhau, hai là đồng xứ không lìa nhau”.

5. Trưởng dưỡng nhân, nghĩa là sắc căn v.v... nương theo đại chủng sự đắc được tăng trưởng.

Hỏi: Chủng tử của sắc nương theo đại chủng khởi, tức là nói đại chủng làm Sinh nhân, năm thức do căn phát ra, cũng nói thể của căn làm khởi nhân?

Hỏi: Chủng tử của sắc do đại chủng sinh, tức là nói đại chủng làm khởi nhân, vô biểu sắc do biểu sắc khởi, nên nói biểu sắc là sinh nhân?

Giải thích vặn hỏi thứ nhất, chủng tử của sắc từ đại chủng khởi gần nên gọi là Sinh nhân, năm thức tuy căn phát ra, thưa xa nên không gọi là nhân. Lại giải thích năng sinh sở sinh là đầy đủ chất ngại, tức là nói đại chủng làm sinh nhân, tâm pháp sở sinh chẳng phải là ngại, không nói là căn pháp, làm sinh nhân. Lại nghĩa của sinh rộng thông, tâm sắc đều gọi là sinh, đại tạo là hẹp, sinh ra tâm chẳng phải tạo nhân.

Giải thích vặn hỏi thứ hai, đại chủng khiến cho sắc khởi, thật nên gọi là Sinh nhân, vô biểu mượn biểu khởi, từ giả nói giả nhân, như thân của Phật, vô biểu sắc cũng chẳng phải tạo nhân. Ánh sáng mặt trời v.v... cũng vậy.

Giải thích rằng: Phải do kia được khởi nên ánh sáng mặt trời cũng gọi là tạo. Thân của Phật vô biểu sắc xa phòng ngừa điều ác, nên cũng gọi là tạo nhân.

Vặn hỏi thứ hai, chủng tử của sắc trì đại chủng khởi, đại chủng khởi nói là y nhân, hương thơm của Cô Hành do chất khởi lìa chất, do đâu được nói y nhân? Hai cõi Dục, sắc giới từ đại chủng khởi có thể khiến cho có y nhân, diệu định của Vô sắc chẳng phải đại chủng khởi, vì sao nói nó có năm nhân?

Giải thích rằng: Căn cứ theo nó nương chất nói năm việc, cho nên bốn đại đầy đủ năm nhân, không nói các sắc đều đầy đủ năm nhân. Cô hành, diệu sắc không cói y nhân. Lại vặn hỏi định, đạo của sắc giới nương theo đại chủng khởi, nói đại chủng này làm sinh nhân; định, đạo của Vô sắc không có đại chủng nên nói chỗ kia không phải sinh nhân. Giải thích định đạo của sắc giới chẳng phải thật sắc, giả nói là sắc giả tạo nhân, định đạo của Vô sắc giả tên của sắc, từ giả nói có giả tạo nhân.

Vặn hỏi thứ ba, sắc đới chất đồng an nguy, có thể được nói làm An lập nhân, Vô sắc, Cô hành không phải bản chất vì sao nói có An lập nhân?

Giải thích rằng: Đại chủng tạo, tạo ra nó đầy đủ năm nghĩa, không nói sở tạo phải năm nhân, nên cũng không ngăn ngại.

Vặn hỏi thứ tư đồng vặn hỏi thứ năm, bốn đại có thể giúp sắc, tức là nói bốn đại trưởng dưỡng nhân, ẩm thực cũng giúp đỡ căn cũng được gọi là Trưởng dưỡng nhân. Giải thích đại chủng giúp nghĩa rộng, cho nên bốn đại gọi là Trưởng dưỡng nhân, ẩm thực bên trong giúp nghĩa hợp, cho nên không gọi là Trưởng dưỡng nhân.

Lại hỏi nếu như vậy vì sao miên, mộng, phạm hạnh, đẳng trì, nói bốn loại là dưỡng, không nói bốn chủng làm trưởng dưỡng?

Giải thích rằng: Miên v.v... trưởng dưỡng thông với trong ngoài, nêu chỉ nói bốn trưởng dưỡng nhân, đại chủng tạo dưỡng sắc không phải tự dưỡng, chỉ là dưỡng riêng chẳng phải trưởng nhân, nhưng có ba nghĩa: Một Dị thục, hai trưởng dưỡng, ba Đẳng lưu. Trong Đẳng lưu có bốn: Một Dị thục, hai trưởng dưỡng, ba biến hoại, bốn tự tánh Đẳng lưu. Đem sở tạo trước để ở ba môn này, có bao nhiêu loại đầy đủ ba, cho đến một, hai v.v... các pháp đều như vậy. Tất cả các pháp có hai là Hữu vi, Vô vi. Vô vi thường trụ chẳng phải nương theo đại chủng tạo. Trong pháp Hữu vi có ba là tâm, sắc, bất tương. Bất tương ưng là hai vị trước giả kiến lập, lại không phải nói khác. Trong hai loại trước, ban đầu nói có tâm pháp, ở trong ba môn mà nhờ lựa ra, tâm pháp đầy đủ Dị thục. Dị thục có hai: một là chung, hai là riêng. Nếu thức thứ tám tâm, tâm sở có chung, nếu sau khởi tức là riêng, trong sáu thức trước Dị thục chỉ có riêng, nếu căn cứ theo ban đầu khởi gọi là chung, đều được đầy đủ hai loại. Trong trưởng dưỡng chỉ tướng tăng thạnh mà không có xứ rộng biến khắp. Trong Đẳng lưu không có biến dị Đẳng lưu. Nghĩa khác nhau của tâm pháp chuẩn theo đó mà tư duy.

Hai là nói về sắc pháp, sắc pháp chia làm bốn loại: Sắc của năm căn, sắc của pháp xứ, sắc bên trong năm trần, sắc bên ngoài trần. Nếu sắc của năm căn đầy đủ Dị thục trưởng dưỡng. Trong Đẳng lưu chỉ có hai loại đầu. Phù trần bên trong có Đẳng lưu thứ tư, mà không phải thứ ba, tuy có suy biến mà cũng Dị thục, chẳng gọi là biến dị. Trần bên ngoài chỉ có biến dị và tự tánh Đẳng lưu, mà không phải trưởng dưỡng, Dị thục, gần tăng thượng nên chẳng phải Dị thục, chẳng phải sắc bên trong, nên chẳng phải trưởng dưỡng. Trong sắc của pháp xứ nếu định quả có tướng tăng thạnh, xứ rộng khắp, chuẩn theo văn của luận Du-già, chẳng phải là Dị thục. Trong Đẳng lưu trừ loại đầu và thứ ba, vô biểu sắc có tăng trưởng dưỡng mà không phải xứ rộng khắp. Chẳng phải nghiệp quả nên chẳng phải Dị thục, trong Đẳng lưu không phải Dị thục Đẳng lưu và biến dị Đẳng lưu. Cực lược, cực hướng khởi trong quán tâm của Đại thừa, chỉ có trưởng dưỡng tướng tăng thạnh, chẳng phải Dị thục Đẳng lưu, như nói vô biểu sắc. Nếu Tiểu thừa, ngoại đạo Dị thục tâm khởi chẳng phải nghiệp gần cảm, chẳng phải Dị thục, chấp vào sự tích lũy vi tế thành Địa, tức là đầy đủ ba Đẳng lưu sau, cần phải xét kỹ. Trần, đại chủng hỗ tương tạo ra bốn câu: một, chỉ năng tạo chẳng phải sở tạo, Nhất thiết hữu bộ bốn đại năng tạo; hai, chỉ sở tạo chẳng phải năng tạo, nghĩa là sắc căn của nhãn v.v... các bộ đều đồng chỉ có sở tạo; ba, cũng năng tạo cũng sở tạo tức là bốn đại của tông Sư tử và năm đại

của Số luận. Thiếu câu thứ tư.

Giải thích sắc của pháp xứ, Tây Minh hỏi: Pháp xứ của Đại thừa thật sắc là có ngại chăng?

Đáp: Sắc của các pháp xứ đều là vô đối, như các cung điện v.v... của Vô sắc giới đều là vô đối, vì pháp xứ.

Hỏi: Biến khắp đại địa là vàng, nước làm tô, lạc v.v... vì sao là vô đối?

Đáp: Sắc sở biến của định có hai loại: một là hữu đối, hai là vô đối. Nếu sắc của pháp xứ, tức là vô đối, biến khắp làm sắc v.v... tức là hữu đối chưa rõ giải thích này. Vả lại định và thần thông khởi sắc v.v... năm trần, đối với năm thức riêng, tức là sắc v.v... này gọi là hữu đối, vì sao các luận không nói trong sắc v.v... có định v.v... khởi sắc? Lại nếu năm thức chấp lấy tên làm sắc v.v... căn, cảnh cùng so sánh đều là vô ngại. Vì sao trong Đại luận nói, ngang bằng tâm chư thiên biến khắp vạn ức thân? Cùng lập không lượng địa trên đầu sợi lông v.v... đã nói rằng cũng lập không lượng địa trên đầu sợi lông v.v... tức là đồng một xứ, hỗ tương không ngăn ngại nhau, đâu gọi là có ngại? Không đồng với đồng xứ không lìa sắc, do tùy thuận. Một nhân được dẫn đồng là một căn v.v... Đại thừa Tiểu thừa đồng thừa nhận như cảnh của năm căn. Dù tự dù tha, Đại thừa, Tiểu thừa đồng thừa nhận thể làm hữu đối, nay đã cùng lập đầu sợi lông đều có căn cảnh của tự và tha vì sao không ngại? Lại cũng không đồng ngoại khí thế giới thừa nhận cùng nghiệp cảm đồng xứ không ngại, căn chẳng phải cộng cảm, làm sao không ngại? Do đây mà biết, định v.v... khởi sắc là vô chất ngại, luận tự nói. Nếu như vậy định v.v... chuẩn theo luận đã nói là thuộc về pháp xứ, đâu thừa nhận năm thức duyên theo pháp xứ?

Đáp: Thừa nhận cũng đâu có lỗi gì! Trái với các luận nói căn cảnh tướng đối năm thức sở duyên là năm căn.

Hỏi: Vì sao luận này lại nói chớ cho tướng thức thô duyên theo tướng cảnh tế?

Đáp: Cũng không trái. Trước căn cứ theo tự lực nên nói vậy, nếu tha lực dẫn thì không quyết định. Nên thứ hai nói rằng: Sức của định, thần thông thì không phải quyết định.

Lại hỏi: Pháp xứ có thật sắc chăng?

Đáp: Thừa nhận có thật, tức là chỉ định v.v... sắc của sở duyên chẳng phải bốn loại khác, còn lại đều giả, đã định sinh v.v... thừa nhận có thật sắc.

Hỏi: Vì sao không phải chất ngại?

Đáp: Cũng không trái, vì nhân của định v.v... tự tại khởi, không đồng với nghiệp sắc, nói chất ngại nên gọi là sắc, căn cứ theo nghiệp sở sinh cảnh của năm căn nói, chẳng căn cứ theo định v.v... sở sinh sắc nói. Lại giải thích thật sắc cũng là hữu ngại, nói sắc của pháp xứ làm vô ngại, căn cứ theo giả sắc nói nghĩa này cũng vặn hỏi. Có bao nhiêu thức duyên theo ngại vô ngại, cần tìm văn mà đọc.

Luận rằng: Nhãn thức v.v... sở duyên bên ngoài, duyên theo lý chẳng có.

Sớ ghi: Tổng chẳng phải mười tám. Vì sao? Nếu nói rằng trừ Căn bản bộ, tức là lẽ ra còn mười bảy vì Nhất thiết bộ không có thật cảnh, nên trừ đi Nhất thiết bộ và Xuất thế bộ, vì Xuất thế bộ luận về thế gian đều hư vọng. Đây tuy có thể như vậy, Xuất thế bộ thì thế nào? Nên Sớ nói tùy người xưa nói tổng chẳng phải mười tám, căn cứ theo thật là hai mươi, nếu như vậy Nhất thiết bộ vì sao phá? Vì chấp có hư vọng, Sở duyên duyên bên ngoài, nên nay phá nó, nếu không như vậy, Nhất thiết bộ đâu biết Duy thức.

Luận rằng: Chớ cho rằng mặt trăng thứ hai năng sinh năm thức, chuẩn theo Nhị Thập Duy Thức của sư Cù-ba giải thích:

Một nói rằng: Chỉ ý thức đắc, trong đây làm dụ của năm thức, chẳng duyên theo nghĩa v.v... nên không có lỗi, vì năm thức là thuộc về hữu pháp, đồng dụ không có lỗi vô sở lập. Ý này lấy hòa hợp làm hữu pháp ở nơi năm thức, thiết lập sở duyên, chẳng phải duyên là pháp, tức là trong dụ có lỗi sở lập bất thành, vì sư Kinh bộ cũng không thừa nhận năm thức duyên theo mặt trăng thứ hai, nay đã hòa hợp ở nơi năm thức gọi là hữu pháp, thiết lập sở duyên chẳng phải duyên là pháp, năm thức đã ở nơi hữu pháp, mặt trăng thứ hai là sở duyên của Thức thứ sáu vì không có tự thể, không phải là nghĩa duyên, nên được làm dụ. Lỗi sở lập bất thành, giải thích đầy đủ như Sớ. Có giải thích: sư Cù-ba có hai giải thích: một, thừa nhận năm thức duyên theo mặt trăng thứ hai. Hộ Pháp không thừa nhận. Trong bình luận về hai thuyết, sư Cù-ba thuận văn trái lý, do duyên theo mặt trăng thứ hai nên thuận văn, mà hiện lượng thức duyên theo phi lượng cảnh nên trái với nghĩa. Nay cho rằng lý vặn hỏi nếu hiện lượng thức duyên theo cảnh phi lượng tức là trái lý, biến kế sở chấp Thánh là đặt đến vô, được nói biến kế là cảnh của phàm thánh. Năm thức duyên theo cảnh của phi lượng, trái với chánh lý nào? Nếu thừa nhận chẳng phải lý cũng chẳng thuận văn. Quán Sở Duyên ghi: Thiết lập sở duyên chẳng phải duyên, nói chẳng phải thật thừa nhận nên ngài Hộ Pháp trội hơn.

Trong phá tông Kinh bộ, nghĩa của Sở duyên duyên, có giải thích rằng: Như nhóm thật vi để thành giả sắc, tức là lấy thật vi làm duyên, giả tướng làm sở duyên, chỉ khởi hành tướng nhiếp thực kiến phần, tức là lẽ ra Đại thừa thuộc về tướng phần, tha nhiếp tướng này làm hành tướng, nên nói làm kiến phần mười chín bộ đồng. Nay Kinh bộ chấp lấy giả tướng kia nên lìa thức thủ, nếu như vậy giả tướng chẳng phải năm thức duyên, thật vi là duyên. Vì sao phá kia nói rằng hòa hợp tương ưng chẳng phải năm thức duyên? Họ đã tự thừa nhận giả tướng chẳng phải duyên, nay phá lỗi tương phù. Nay giải thích rằng: Rộng nói Sở duyên duyên, tức là như họ giải thích. Căn cứ theo thật hòa hợp hay sinh ra thức tức là duyên, do đó phá nó.

Hỏi: Như Kinh bộ nói tích chứa vi là thô nắm cả nhiều pháp nên là giả chẳng thật, nương theo tông của Đại thừa. Vả lại như nhãn thức và đồng thời tâm sở, tướng phần sở đới đều mỗi mỗi huân tập thành chủng tử của bản chất, sau sinh ra hiện hành, là từ một mà khởi, là từ nhiều cộng thành? Nếu từ một khởi huân tập đồng thời thế lực lại bình đẳng, có Sinh không Sinh không ứng hợp với đạo lý, nếu thừa nhận đều sinh, tức là mỗi mỗi sai biệt, tâm vương tâm sở không phải một sở duyên. Nếu nhiều cùng sinh, như thế là chẳng phải giả?

Đáp: Không đồng với họ thừa nhận không do thể của chủng tử hòa hợp thành một, vì chỉ chủng tử riêng cùng sinh ra một loại hiện hành, do vốn đồng duyên với một chất, chủng tử ở một thức, sắc của sở duyên một thể thầm hòa hợp, nên không phải là giả. Lại nữa, họ thừa nhận lìa thật, không phải riêng hòa hợp tướng nên tướng là giả. Chủng tử hiện hành Đại thừa không phải nhất định một, cho nên là thật. Lại nếu thừa nhận là giả chẳng phải không có tự thể, giả nên năm thức duyên, vô thỉ kia giả nên chẳng phải năm thức duyên.

Phá luận Cổ Tát-bà-đa nói rằng: Chẳng phải các cực vi cùng hòa hợp vị, có thể cùng với năm thức đều làm ra sở duyên, thức trên này không phải tướng của cực vi. Yếu Tập ghi: “Gốc ngọn cả hai kế, luận Bà-sa, luận Câu-xá và luận Chánh Lý tự có thức chứng”, tướng thô thứ hai chưa từng thấy giáo nói. Có thuyết cho rằng mỗi mỗi đều phát ra tướng thô, không khác với hòa hợp nhóm họp, vặn hỏi này chuẩn theo mà biết. Nay cho rằng không như vậy. Vì sao? Chuẩn theo văn luận này, luận tân Tát-bà-đa đã nói triển chuyển giúp nhau có thể tương sinh, nên biết cổ sư bảy cực vi tụ, tuy không phải tướng giúp nhau có tướng thô khởi, nhưng do bảy tụ có tợ như tướng thô, không như vậy lẽ nào cho là năm thức duyên đồng với cực vi? Lại tân ngược với cổ, đã

nói tướng giúp có tướng thô khởi, nói biết cổ sư tuy có tướng thô, không do tướng giúp nên gốc ngọn khác nhau. Luận kia ghi: "Thô tướng thứ hai chưa tùng thấy giáo nói", tức là luận này nói có thể chẳng phải giáo ư? Nên điều mà Từ Ân, Tây Minh nói không lầm. Lại nói, có thuyết nói mỗi mỗi đều phát ra tướng thô, không khác với hòa hợp tập hợp, điều này khó biết. Nay cho rằng cực hiển, trước văn cổ sư cùng hòa hợp vị, có thể cùng với năm thức đều làm ra sở duyên, tức là có tướng thô, nhưng không phải tướng giúp. Luận Tân Tát-bà-đa, sau lại chánh giải, triển chuyển tướng giúp, có tướng thô sinh làm cảnh của năm thức, đối với văn rất rõ ràng, vì sao nói khó biết?

Hỏi: Phá luận Tát-bà-đa rằng: Cái bình, bồn nhỏ v.v... vật rất nhỏ v.v... duyên theo tướng kia thức lẽ ra không có sai biệt, làm duyên của năm thức, là không phải duyên ư? Nếu chẳng phải duyên của năm thức, vì sao trong phá cảnh của năm thức nói, nếu duyên của năm thức, tông kia không thừa nhận duyên của năm thức giả? Nếu cái bình v.v... chẳng phải giả, vì sao trước phá năng thành cực vi, thủ lấy làm dụ, phá chẳng phải thật có ư?

Tây Minh nói: Cái bình v.v... là giả, là ý thức duyên, nếu như vậy họ chống chế cái bình, cái bồn nhỏ rất nhỏ, thể tuy không khác mà vọng ý thức sinh ra giác giải. Như Luận sư Đại thừa, ý loạn sinh ra giải, đây cũng không như vậy. Đại thừa ý loạn, cảnh của sở duyên không có, như hoa đốm trong hư không v.v... kia có tự thể.

Lại hỏi: Nếu là cảnh của ý không có vì sao trong phá năm cảnh nói cảnh của ý lẽ ra là thuộc về pháp xứ?

Đáp: Như tông của Đại thừa, sắc của dài ngắn v.v... cũng là sắc xứ. Nay lại giải thích thêm cái bình, cái bồn nhỏ v.v... giả, năm thức tuy không duyên giả, luận kia chấp theo dài ngắn v.v... nương theo cái bình v.v... là có thể thật có, nên là cảnh của năm thức. Bởi vậy Quán Sở Duyên ghi: "Chẳng phải hình khác nhau nên khác", nên biết chính vặn hỏi hình sắc của dài v.v... nêu lên sắc của dài v.v... sở y cái bình, cái bồn nhỏ. Vì nhờ vào cái bình, cái bồn nhỏ hiển bày được dài, ngắn v.v... chẳng phải chính làm dụ, như nói hoa đốm trong hư không, cái bình, cái bồn nhỏ làm thường, vô thường, hai dụ y v.v... nhưng không phải chướng nương theo thức loạn bất loạn, vì duyên theo cảnh hư thật. Có thuyết dẫn Luận sư Cù-ba nói rằng: "Thức loạn bất loạn năm thức và căn loạn bất loạn nên dẫn ba loại ý sinh", đã nói thức, căn đều loạn bất loạn, nói năm thức cũng duyên theo mặt trăng thứ hai, có người sửa đổi ba loại là hai, ý duyên theo giả và thật hai cảnh. Tây Minh nói: "Ba

loại ý thức duyên theo hai cảnh khác nhau", nên nói ba ý nghĩa là một duyên theo giả hai duyên theo thật, ba duyên theo cả hai, nên nói rằng ba ý, đây chẳng phải nghĩa của luận Tát-bà-đa, không thể làm chứng. Nay lại giải thích luận kia thừa nhận năm thức duyên theo cái bình v.v... giả, vì có tự thể, nếu không như vậy vì sao nó lại thuộc trong phá năm cảnh?

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 2
(PHẦN CUỐI)

Nói chẳng phải tướng thức thô duyên tướng cảnh tế, Yếu Tập ghi: Có thuyết nói ông duyên theo thức của cái bình tướng thô tức là duyên theo thức của tướng vi tế, nếu thừa nhận như vậy, lượng nói rằng: Ông duyên theo thức của sắc, cũng sẽ duyên theo âm thanh, thừa nhận pháp tương vi đắc được câu duyên, như cảnh của thô tế, trong lượng này dụ là lỗi sở lập chẳng thành. Duyên theo tâm thô tế chẳng duyên theo âm thanh v.v... nên không thành dụ, cảnh của thô tế kia chẳng phải âm thanh v.v... Đây phá không như vậy, nêu lượng không nương theo Sớ đã nói. Sớ lượng rằng: Cảnh trong thanh v.v... khác của ông duyên theo thức của sắc cảnh khác lẽ ra cũng được duyên, thừa nhận pháp tương vi đều được câu duyên. Lượng này cho âm thanh khác v.v... cảnh là hữu pháp, duyên theo tâm của cảnh sắc khác là pháp, sắc cảnh chẳng phải pháp, hữu pháp. Nêu cảnh nhận lấy tâm, duyên theo tâm của sắc là trái với tâm duyên theo âm thanh, tương vi này tâm lẽ ra cũng được duyên, chính là pháp, thừa nhận tương vi pháp đắc được câu duyên nên nhân như dụ thô tế, có hai lập nên được thành tựu tỷ lượng. Chớ cho rằng thức của cảnh khác duyên với cảnh khác. Tây Minh nói: "Chớ tức là đừng, đừng tức là duyên thô, cũng duyên theo cảnh của tế, vì có lỗi tạp loạn". Nếu không thừa nhận duyên theo cảnh tướng viên tế, vốn viên tế tương ưng chẳng phải năm cảnh. Nếu cho rằng trái với tông, một thức sẽ duyên theo tất cả cảnh, nếu duyên theo thức thô cũng duyên theo tướng thô, duyên theo màu xanh v.v... tâm sở duyên theo âm thanh v.v... tức là nhãn thức v.v... đồng duyên theo mười tám giới. Yếu Tập ghi: Có thuyết sau lượng, có giải thích hai lượng, đều có lỗi, do đây có giải thích chỉ lấy lý phá, chẳng phải lập ra lượng phá. Đây cũng không như vậy, lập ra lượng phá kia lỗi gì không đắc? Vả lại lập ra lượng rằng: Âm thanh

cảnh của ông lẽ ra là thức tương vi khác duyên, thừa nhận pháp tương vi đắc được câu duyên, như cảnh của thô tế, âm thanh này cũng có thô tế, thức tương vi được duyên, nhân có ba tướng.

Giải thích Sở duyên duyên, luận Du-già quyển 72 lại có hai tướng khác: một là tướng bản tánh, hai là tướng ảnh tượng. Tướng bản tánh là gì? Nghĩa là trước phân biệt sinh và tướng sở sinh cũng được thành tướng. Tướng ảnh tượng là gì? Nghĩa là biến kế sở khởi, thắng giải sở hiện, chẳng trụ ở bản tánh.

Yếu Tập ghi: "Cộng sở thành là dụng của tăng thượng duyên, nghĩa là sức hay huân tập kiến phần". Tướng phần hay huân tập chủng tử của Lại-da, kiến phần, tướng phần, chẳng phải như Dị thục tâm, tâm v.v... vì không thể huân tập. Tướng cũng không huân tập, nên nói trước phân biệt v.v... Nay giải thích, tướng mà quyển 72 kia nói chẳng phải chỉ có sắc tướng, nếu gọi là sở thuyên chung gọi là tướng, như hai thức trước cũng gọi là tướng bản tánh, đều làm Thức thứ sáu, duyên là chất. Trước phân biệt sở sinh tức là chủng tử của bản hữu, và tướng sở sinh và chủng tử mới huân tập cùng sinh ra bản chất. Nói rằng cùng được thành tướng, nếu không như vậy, bản chất căn cứ theo hiện hành mà nói, sau chủng tử sinh ra hiện hành kiến phần diệt từ lâu, vì sao được nói cùng được thành tướng, cũng không thể nói căn cứ theo tăng thượng mà nói? Luận nói trước phân biệt sở sinh và tướng sở sinh, nếu căn cứ theo tăng thượng nên nói rằng trước phân biệt và tướng sở sinh chính là hợp nghĩa, đã đều nói sinh, nói đều là chủng tử khác nhau.

Có thuyết nói Luận sư của Du-già tức là Y sĩ thích, sư có Du-già sư tức là Hữu tài thích, đây cũng là Y chủ mà chẳng phải Hữu tài, như phân biệt trước.

Yếu Tập ghi: "Tâm, cảnh tương ưng" nghĩa vả lại khó rõ. Nếu nói rằng tâm khởi nhất định nương gá vào cảnh; tâm thú hướng cảnh này, cảnh thuận theo tâm kia nên gọi là tương ưng. Cảnh lẽ ra đều thông với ba tánh, định tâm, tán tâm, nếu nói tùy theo tâm sở lạc, cảnh đó nhất định hiện hành, đối với tự tại kia gọi là tương ưng, vì giả tưởng tuệ phân tích tụ sắc, tuy giải thích vi mà không hiện vi, làm sao được gọi là Luận sư Du-già? Nếu nói tâm tức là không trái với cảnh giới, tự tánh các pháp nên gọi là tương ưng, đối với bản tụ sắc trước không có cực vi, làm ra giải thích cực, làm sao nói phá hoại được pháp tướng? Yếu Tập tự giải thích: Cảnh giới quán tâm cảnh sở duyên không chướng ngại quán tâm, khiến cho quán tâm kia các thứ hành giải, hoặc màu xanh, vàng v.v... cực vi v.v... tướng được tự tại chuyển, cho nên gọi là tâm

cảnh tương ưng, chẳng phải cho rằng cảnh tướng tùy theo tâm hiện nên gọi là tương ưng. Đây cũng không như vậy, hoa đốm trong hư không tuy không có, cũng không chướng ngại tâm làm ra cái hiểu hoa đốm trong hư không. Như bệnh tổn hại nhãn chẳng phải màu vàng thấy cảnh của màu vàng, biến kế ngã v.v... đều không chướng ngại tâm, tâm tà vọng giải sinh đâu được gọi là tâm cảnh tương ưng. Nên biết nói là tương ưng, tâm xứng với cảnh biết gọi là tương ưng, tương phù thuận nghĩa, tụ tuy không có vi, vì gá vào Thánh giáo, giả tướng quán nói thuận nhập vào vô ngã, vô ngã lý cảnh và tên gọi giáo cảnh tương ưng với tâm. Đây là giải thích hay, nên kiểm xét luận Du-già giải thích, luận Hiển Dương quyển 20 nói rõ.

Du-già sao hỏi: Đối với sắc tướng thô, lúc dần dần trừ phân tích biến đổi cực vi, vì sao không riêng huân tập thành chủng tử?

Đáp: Vì không có bản chất.

Hỏi: Nếu như vậy danh ngôn huân tập và duyên theo cảnh đã qua, lúc huân tập thành chủng tử, đâu có chất ư?

Đáp: Như danh ngôn hướng thượng và duyên theo cảnh đã qua, vì hiện hành sẽ có cảnh kia có thể sinh, tức là huân tập thành chủng tử. Hoa đốm trong hư không chẳng có tuy duyên không thể riêng huân tập thành chủng tử, cực vi cũng như vậy vốn không phải chất kia, nên không phải riêng huân tập.

Hỏi: Hoa đốm trong hư không chất có thể không huân tập chủng tử, cực vi gá vào sắc vì sao không phải chủng tử sinh?

Đáp: Tuy đối với sắc tướng, như chấp vào ngã v.v... nên không thành chủng tử, không như chấp kia, quán cực vi chẳng chấp, vì sao lại so sánh?

Đáp: Tuy chẳng phải chấp tâm, không có chất nghĩa v.v... nên có thể so sánh. Nếu theo Pháp sư Tây Minh tức là thừa nhận thành chủng tử, như trước nói về lỗi.

Luận phá Chánh Lượng bộ ghi: Pháp Hữu vi diệt không đợi nhân.

Hỏi: Vì sao biết tướng diệt của Đại thừa không đợi nhân?

Đáp: Luận Đại Trang Nghiêm ghi: Lại như nấu nước đến cực ít thì sau đó nước không sinh, cũng chẳng phải lửa hợp với nước mới không có tự thể. Lượng rằng: Thừa nhận là diệt, như Vô vi diệt, chuẩn theo đây tợ như đem hữu pháp làm nhân, hữu pháp làm nhân tức là không có hữu pháp; lẽ ra là lỗi sở y chẳng thành. Giải rằng: Diệt có nhiều diệt, nhận lấy Hữu vi động diệt là tông, vì diệt khác là nhân, tùy nhận lấy ít

phần, nên cũng không lỗi.

Hỏi: Vô vi diệt có thể đồng với Hữu vi không?

Đáp: Chỉ tổng nói thừa nhận diệt này, không cần chia riêng thể diệt tướng diệt, Vô vi đã không đợi nhân, Hữu vi cũng sẽ không đợi nhân nên nhân không được phân biệt. Lại như âm thanh vô thường tức là diệt, nhưng nói vô thường, không chỉ nói rõ diệt tướng. Luận Hiển Dương 14 ghi: "Tánh vô thường nghĩa là ba tướng Hữu vi cùng tương ưng, một sinh tướng, hai diệt tướng, ba trụ dị tướng, ba tướng gọi chung là vô thường, nói sinh lại làm nhân tánh, diệt này cũng như vậy. Yếu Tập ghi: "Có Sao lượng rằng, Pháp Hữu vi diệt nên không đợi nhân, vì gọi là diệt giống như Trạch diệt. Có thuyết lượng rằng: Diệt của ông diệt lẽ ra không đợi nhân, vì thừa nhận là diệt, như Vô vi diệt. Yếu Tập ghi: "Lượng của Luận sư này dụ có lỗi sở lập chẳng thành", tức là ba Vô vi tuy không phải sinh diệt, đợi nhân hiển bày, đều gọi là đợi nhân, trong tông lẽ ra nói rằng: Không đợi diệt nhân, diệt nó.

Đây cũng không như vậy, thể Vô vi diệt không đợi nhân hiển bày mới gọi là diệt, tánh là diệt nên gọi nó là diệt. Nên nói lẽ ra không đợi nhân nên dụ được thành tựu, chẳng phải không có sở lập.

Luận: Chẳng hiển bày hương vị, lượng rằng: Sắc và hương, vị mà ông hiển bày lẽ ra chẳng phải là biểu vì chỉ có Vô ký, như đất, nước, lửa tuy tự tông có hương, vị thông với biểu nhưng là giả biểu, không thông với thiện ác, ý là phá được thật biểu nghiệp sắc khác lại là thiện ác, vì kia tự thừa nhận hương, vị, xúc ba loại chỉ Vô ký. Lại chuẩn theo luận sớ nên nói rằng: Biểu sắc này của ông cũng chẳng phải là hiển và cùng với hương, vị, không phải biểu thị nên như xúc, là vì họ thừa nhận.

Luận: Một sát-na âm thanh không có thuyên biểu, luận Tát-bà nói biểu này là thật, nay lại hỏi: Âm thanh của ông sinh ra tên gọi v.v... là một sát-na ban đầu âm thanh sinh ra tên gọi là thật thuyên biểu hay một sát-na sau âm thanh sinh ra tên gọi mới thật có thuyên biểu? Nếu ban đầu có thể sinh, sau thì không có dụng, nếu sau có thể sinh, tức là lượng rằng: Âm thanh một sát-na sau của ông, trừ Phật tâm, lẽ ra không thể thuyên biểu, vì là âm thanh, như thật tánh của một sát-na ban đầu, nếu nói tương tục, tức là như sau phá. Do bản kế kia trừ Phật, âm thanh của một sát-na không phải là năng thuyên, nên luận Bà-sa quyển 15 ghi: "Thanh văn nhiều sát-na âm thanh có thể nói một chữ, Phật âm thanh một sát-na hay nói một chữ; âm thanh trong một chữ vẫn chưa có danh cú tụ tập, nên không thể thuyên".

Hỏi: Vì sao trong sắc chỉ lập riêng biểu sắc, trong thanh vì sao

không lập ra biểu thanh?

Đáp: Sắc pháp hiển hiện chỉ lập ra biểu, tướng của thanh khó biết, nên không phải lập riêng, vuông, tròn, dài, ngắn theo đó cũng có thể biết. Lại giải thích hình trong sắc, sắc có chẳng phải biểu, ở trong sắc, chỉ lập ra biểu; tình và danh trong thanh nhất định là biểu, vì không có phi biểu nên không lập riêng.

Hỏi: Thân biểu sắc nương theo thân, từ sở y kia gọi là thân biểu, ngữ biểu cũng nương theo thân, từ nương theo danh gọi là thân biểu?

Đáp: Hình sắc không lìa thân, tùy theo sở y kia gọi là thân biểu, tánh của thanh phát ra lìa chất xa, nên chẳng phải thân biểu.

Lại giải thích thân biểu ở ban đầu, từ nương theo danh thân biểu, ngữ biểu sau sẽ nói, vì sợ rằng lẫn lộn với phi thân biểu.

Luận: Nhưng nương tựa tư nguyện thiện ác phần hạn, phần dưới nêu chánh nghĩa, chia làm ba: Sơ đạo, định câu luật, bất luật nghi là câu chung trong xứ. Câu riêng là Phật thân vô biểu. Kế đó đoạn từ "gọi đây hoặc y" là giải thích khác, câu riêng trong xứ. "Hoặc nương định" trở xuống là câu riêng của định, đạo. Vì Phật không có tăng trưởng, trừ Phật còn lại giải thích khác v.v... tăng trưởng, định đạo nương theo hiện hành.

Hỏi: Sắc của vô biểu nương theo chủng tử của biểu lập ra, biểu có nhiều niệm nương theo niệm nào mà lập ra?

Đáp: Đối với sát-na ban đầu đang phát ra tư của thân, ngữ, hoặc đồng thời phát ra, hoặc trước sau phát ra, đồng thời cùng một loại, trước sau là loại riêng, đều ở trên ban đầu lập ra, sát-na thứ hai đã qua, chẳng phải nhân khởi, chỉ gọi là sát-na khởi, vì chẳng phải căn bản.

Hỏi: Trong định thừa nhận khởi hai nghiệp thân, ngữ, biểu nương theo đâu lập ra? Nếu động phát tư tức là định của hiện tại, là định đều vô biểu?

Đáp: Đã là giả lập thông với hai nghiệp ngại gì, nhưng luận Tát-bà-đa tùy tâm chuyển là đạo, định hai giới, có tâm tức là có, không tâm tức là không xả bỏ định này nhận lấy định khác tức là xả bỏ vô biểu này, được vô biểu kia, đạo cũng đồng như vậy, đều chỉ có thật sắc, gọi là vô biểu, không nhận lấy định, đạo, hai loại tương ưng tư. Lại định chỉ có Hữu lậu, Vô lậu tức gọi là đạo. Luận sư Đại thừa tùy chuyển nghĩa đồng, nhưng lập có khác, nương theo định, đạo đều hiện hành tự lập ra, định thông với Vô lậu, tuy là một tư, nhưng nghĩa mong có khác. Luận Tát-bà-đa tám giới phải từ cái khác mới đầy đủ chi, chỉ một ngày đêm, Đại thừa đều thông, theo hay không theo sư, đầy đủ hay không đầy đủ,

một ngày nhiều ngày, cũng đều không trái, vì nương theo tư nguyện phần hạn lập ra. Phật tùy chuyển môn, vả lại nói một ngày đêm, khiến cho dễ học. Đại thừa năm giới mười thiện, cũng thừa nhận một thời gian ngắn thiếu chi mà thọ, chỉ chúng xuất gia nương theo sư đầy đủ chi, thọ hết mới đắc, nhưng thiếu chi đều căn cứ trước khi nói Tam quy có mong cầu riêng, nên được thiếu giới. Nếu ba tụ mười vô tận v.v... bèn nương theo lời hỏi của ngài Văn Thù trong kinh Bát-nhã, thọ mười giới tức là đồng với mười giới của Sa-di, nhưng cùng tận đến vị lai thọ, lại đắc giới này có bốn phân biệt:

1. Hữu tâm đắc, nghĩa là phát ra thiện tâm tăng thượng mong cầu.

2. Hữu tâm bất đắc, nghĩa là không phát khởi cầu nguyện, nếu khởi mong cầu thọ biệt thoát giới của chúng xuất gia chỉ thời gian ngắn phần hạn thiếu chi ý nguyện đều không đắc giới.

3. Vô tận đắc, nghĩa là Na-hàm Sa-di khởi tâm cầu giới, tác bạch rồi sau liền nhập vào vô tâm định, lúc vô tâm này tác pháp Yết-ma xong, mong cầu đầy đủ nên cũng được đầy đủ giới.

4. Vô tâm bất đắc, nghĩa là không có tâm mong cầu, tức vị vô tâm khác.

Hỏi: Biệt thoát, vô biểu nương theo động chủng tử tư trên lập ra, như nhập vào Kiến đạo đắc được biệt thoát giới, đã không phải thân, ngữ, nương theo tư nào lập ra?

Đáp: Nhập vào Kiến đạo trước có tâm mong cầu, vận động phát khởi thân, ngữ, sau nhập vào Kiến đạo nương theo chủng tử nào lập ra, không như vậy tức không có.

Hỏi: Định, đạo vô biểu nương theo thẩm, quyết tư; lúc khởi thân, ngữ, nương theo tư nào trên lập ra thân nghiệp nói nghiệp?

Đáp: Nếu ở định khác khởi thân, ngữ, tức là thông với quả, cũng là định trước gia hạnh có tâm mong cầu, muốn khởi thân, ngữ, nương theo định dẫn chung, tuy không ở rải rác, không phải chính ở định, cũng động phát tư khởi nơi thân, ngữ.

Hỏi: Lúc khởi gia hạnh chỉ có thẩm, quyết tư; chưa khởi phát động, làm sao nương theo vị?

Đáp: Căn cứ theo thật định trong khởi động phát tư, như từ Địa thứ tám trở lên thường ở định tâm, tức là nghĩa nói nó không đồng với tán vị.

Trong ý nghiệp, mười thiện mười ác phát ra vô biểu chăng? Biệt chương có hai giải thích, nhưng Yếu Tập ghi: "Có thuyết nói Tam Tạng

giải thích: quyển 53 chỉ căn cứ hiện hành, nói ý biểu nghiệp, chuẩn theo đây vô biểu nương theo chủng tử lập ra". Nay tìm kiếm ý của Tam Tạng, thân ngữ biểu thị cái khác nên gọi là biểu nghiệp. Chủng tử cứ tư không phải biểu thị, cho nên nói vô biểu. Ý nghiệp chỉ tự biểu, nên được nói là biểu, chủng tử không biểu hiện tự, nên cũng gọi là vô biểu. Pháp Uyển quyển 2 ghi: "Một là phát ra vô biểu, hai là không phát ra". Loại thứ hai là đúng. Ý của Tam Tạng giữ lại giải thích trước. Đây nói không đúng, hai thuyết của Pháp Uyển cho rằng nhờ vào ý là dụng, không đoạn được nghĩa nói sau là quyết định. Nay ý chuẩn theo định phát ra vô biểu, đã Bồ-tát giới đầy đủ ngăn ngại ba nghiệp, thù thắng đối với Nhị thừa, tận đến bờ vị lai, vì sao không phát ra vô biểu thù thắng? Hai thuyết trước căn cứ theo xứ mà nói, chẳng theo luật nghi. Lại Yếu Tập ghi: "Lại năng khởi luật nghi thể chẳng phải luật nghi, do sinh luật nghi, từ quả làm danh thuyết gọi là luật nghi, nên không có vô biểu, chỗ nào trái nhau? Nên nay lấy không phát khởi vô biểu. Nay cho là không đúng, đã lấy không phát khởi, vì sao nói năng khởi luật nghi thể chẳng phải luật nghi? Nếu đặt ra rằng năng khởi thân, ngữ luật nghi chẳng phải ý luật nghi, mong Nhị thừa ý không phải luật nghi, căn cứ theo Đại thừa mà nói, mười thiện giới v.v... cũng là luật nghi, vì sao nói thể chẳng phải luật nghi? Từ quả làm tên nên không có vô biểu, vì vậy không thể làm được.

Yếu Tập hỏi: Định, đạo, ý vô biểu nương theo pháp nào lập ra?

Giải thích rằng: Biểu nương theo tư hiện hành, vô biểu nương theo chủng tánh, nên đầy đủ hai loại, không đồng với định đạo, thân, ngữ, vô biểu.

Hỏi: Nếu như vậy nêu ra định tâm sau đã có chủng tử nên lập ra vô biểu?

Đáp: Không như vậy, là tùy tâm giới nêu dụng của định vi tế nên không lập ra vô biểu, hoặc ở nơi tư một hiện hành có biểu vô biểu, đối với lý không trái. Nay cho rằng định, đạo ý đều vô biểu, quyết định lấy hiện hành, không thể gọi là Hoặc, tức là định đạo giới là tùy tâm, chủng tử thì có tâm thì không, vì chẳng phải tùy tâm.

Nhưng nương theo tư nguyện thiện ác, phần hạn v.v... Tây Minh nói nguyện tuy có nhiều nhưng ở trong đây nói tư là nguyện. Định, đạo hai giới là tư chẳng phải nguyện, biệt giải thoát giới vừa tư vừa nguyện, là nhiếp được định vị và tán vị vô biểu, nên nói là tư nguyện. Đây cũng bất định, vì sao biết nguyện này chỉ có tư, chẳng nương theo dục, thắng giải? Do có ít dục mới khởi tâm mong cầu, nói nguyện chỉ tư, tức là

quá hạn hẹp. Yếu Tập ghi: "Tán tâm vô biểu có cần mong cầu", nói nương theo tư nguyện, định, đạo vô biểu không phải mong cầu nên chỉ tư chẳng phải nguyện. Nhưng có thuyết cho rằng nguyện là hiển bày thành tựu tướng của vô biểu, đây nói ít hạn hẹp không thông với định, đạo. Nay cho rằng không lỗi là nói chung, ý hiển bày biệt thoát cùng với định, đạo khác nhau, tùy phần hạn của nguyện, nếu không như vậy nương theo chủng tử, chủng tử hiện hữu làm sao duyên giới xả bỏ? Lại các lời nguyện đều không thông với định, đạo, nay nói nguyện này hiển bày thành tựu tán vô biểu, vì sao chỉ nói hạn hẹp? Tây Minh giải thích vô biểu nói rằng: Ở bảy loại trên giả lập ra bảy chi, vì nó chỉ dụng có bảy loại.

Hỏi: Nếu như vậy, khi nhãn thức duyên theo màu xanh v.v... thì lẽ ra thành nhiều loại, thừa nhận cũng không lỗi. Như chánh thể, hậu đắc thể là tuệ huân tập thành hai. Nay chưa rõ, đã một hiện hành vì sao chủng loại có hai, nếu công đức khác, hậu đắc kiến phần công năng vô lượng, tự chứng phần thứ tư đều lẽ ra chủng loại khác nhau. Công năng khác nhau nên chủng lại sẽ càng nhiều, vì sao chỉ nói hai loại? Lại nếu huân tập nhiều, sau sinh ra một hiện hành và sinh ra nhiều nếu sinh ra nhiều hiện hành, tức là nhiều tâm đều khởi. Nếu trước sau sinh chẳng ứng hợp với lý, nếu cùng sinh ra một, đã hay huân tập thể một sở sinh cũng một vì sao tùy theo kiến phần huân tập thành nhiều chủng tử? Tùy theo thể thành một lý lẽ ra phải lâu dài.

Pháp sư Từ Ân lập ra tán vô biểu. Vả lại như Bí sô luật nghi, ở lúc nào đắc, nương theo chủng tử nào lập ra? Khi Yết-ma thứ ba xong, tùy theo năng thọ, hữu tâm, vô tâm hoặc ba tánh tâm, đều thừa nhận được thành tựu biệt thoát vô biểu, vì nương theo phát ra hai nghiệp thân, ngữ, tâm mong cầu thọ tư được huân tập thành chủng tử, làm giới sở y, chánh phát ra thân ngữ. Tư của động phát, chẳng phải lúc Yết-ma thứ ba khởi, đây chỉ trước lúc sư trước im lặng, vì tâm mong cầu kia, nay thời được thích ứng, ở trên chủng tử, công năng tăng gấp đôi gọi là đắc vô biểu. Tuy có nhiều cách giải, Sớ tự phán phân nhận lấy dụng tăng trưởng chẳng phải thể, nhưng Pháp sư Bạch Mã lập ra năm lỗi:

1. Hiện hành không thành.
2. Không huân tập chủng tử tăng.
3. Phật quả tăng giảm.
4. Trái hại tự giáo.
5. Trợ giúp dị tông.

Rộng như Sớ thuật. Pháp sư vận dụng thuyền trí nơi biển khổ, khai

mở mặt trời trí tuệ nhật ở cõi nước tối tăm, chỉ thẳng con đường trước của diệu thật, diễn bày lời sau trong minh châu, nêu hết năm lỗi, bày phen giảng bày, dẫn hạt châu trí cho người học, mở con mắt pháp cho lớp sau, bèn duyên theo nghĩa này, giác giải liền sinh, lại từng vì những người học cạn nương theo luận này, pháp trở về phân biệt, thật cao quý đẽo mài, nên nương theo năm lỗi lược làm mười lỗi. Tuy biết lửa của bó đuốc không xoay vần nơi ánh sáng mặt trời soi sáng, cơ mầu hiển lộ há níu được gió mát? Nhưng Diệu cao phát nguồn từ một vi, biển lớn đầy tràn từ nhiều giọt, nên chớ khinh thường kẻ học cạn mà hãy khen hiểu biết vượt trội của hậu sinh, liền nhờ vào nghiên cứu sâu của pháp hiếm có, tổ thuật lại khoa này vậy. Những đúng sai khác thì không bàn đến, riêng mười lỗi ấy gồm có những gì? Một là không biết tà chánh, hai là hiện dụng không tăng, ba là vọng cho chủng tăng, bốn là Phật lẽ ra không có giới, năm là vọng cho là trái với giáo, sáu là giả thật không rạch ròi, bảy là trái giáo hiện hành, tám là vọng cho là trợ bạn khác nhau, chín là cho rằng tông lẽ ra đồng dị, mười là chủng tử phòng lỗi lầm.

1. Lỗi không biết tà chánh: là nói thể của chủng tử tăng, giả làm giải thích này, phần Tự đoạn trong Sớ ghi: Định, đạo, vô biểu đã không phải thể tăng, biệt thoát vô biểu so sánh lẽ ra cũng vậy, nên đoạn lấy công năng tăng gấp đôi kia làm chánh nghĩa. Nay lại trọng phá, phá rồi phá lỗi, nếu cho là chánh không rõ được bản giải, nghĩa là lấy bất chánh làm chánh, tức là không biết tà chánh.

2. Lỗi hiện hành dụng không tăng, nói rằng: một là nêu lỗi hiện hành không thành, định, đạo đều là tư cũng gọi là vô biểu, chỉ có niệm niệm hay ngăn ngừa, không riêng tăng gấp đôi thể dụng, nhưng được thành tựu vô biểu luật nghi, thể không phải tăng gấp đôi, tự tha cùng thừa nhận, không thừa nhận định, đạo niệm niệm dụng tăng thì hậu định, đạo không thể đoạn được hậu hậu phẩn hoặc, vì định đạo này công dụng không tăng đồng với định đạo trước, không thể đoạn được hậu hậu phẩm hoặc. Nếu thừa nhận có thể đoạn được trái với lỗi tỷ lượng, hậu hậu định, đạo sẽ không phục trừ được đoạn hậu hậu phẩm hoặc, vì không phải công năng thù thắng, vì công năng v.v... như định, đạo trước đầy đủ có văn làm chứng, nhiều không thể dẫn, dưới đều chuẩn theo mà biết.

3. Lỗi vọng cho rằng chủng tử tăng, nói rằng không có lỗi chủng tử huân tập tăng. Đối với Đại thừa đây tất cả chủng tử bất luận mới cũ đều nhờ vào huân tập phát ra, cho đến không do huân tập phát ra, thể dụng của chủng tử tăng rộng gấp đôi, nếu không huân tập tăng gấp đôi là trái

với lý này, chính là giải thích dụng tăng không lấy thể tăng, vọng đồng với lỗi trước, nếu luận về công năng thể của vô biểu tăng, không do huân tập, chỉ do tác pháp, tác pháp sự rõ ràng, sự tương ứng vốn cầu mong kỳ hạn, phát ra thân, ngữ, tư được huân tập thành chủng tử, nên thành tựu vô biểu, công năng tăng gấp đôi, nên Di-lặc Sở Vấn kinh luận quyển 3 ghi: "Như thí chủ bố thí vật, nương theo sức công năng thọ dụng, tuy thí chủ hai lòng nhưng nương theo bản tâm niệm tu tương tục thể nhỏ nhiệm chuyển thù thắng, vì chuyển thù thắng ở đời vị lai, mà được thành tựu quả nhiều phước điền" cho đến nói "Ta nương theo tâm, thân nghiệp, khẩu nghiệp, có công đức thiện ác, nương theo bản tâm tạo tác, không mất bản tâm". Có tự thể của tương tục, điên cuồng, ngủ nghỉ v.v... thường được tăng trưởng, đã nói điên cuồng, ngủ nghỉ v.v... thường được tăng trưởng, há có hay huân tập mới tăng trưởng chăng!

4. Lỗi Phật lẽ ra không có giới, nói lỗi quả Phật tăng giảm, vì nếu bảy chi niệm niệm tăng gấp đôi, tức là từ lâu thành Phật giới thì tăng thêm nhiều, sau thành Phật thì giới giảm ít, làm sao gọi là Đẳng giác? Nếu thừa nhận nhân tăng quả không tăng thì tiểu quả thứ tư lẽ ra cũng không tăng, vì tự vị cứu cánh, nghĩa này không đúng. Phật quả có thể không tăng, tiểu quả có hơn kém, nếu chấp vào địa vị tiểu quả thứ tư, đầy đủ đức không tăng thì không nên chia ra tuệ câu thoát v.v... Lại cho nhân lệ thuộc quả tăng quả lệ thuộc nhân không tăng, đầy đủ cùng với không đầy đủ khác nhau, vì sao được hỗ tương lệ thuộc? Nếu thấy nhân vị tăng mới gọi là biệt thoát giới, vặn hỏi quả vị không tăng, Phật lẽ ra không có giới thì sẽ do hiện hành huân tập tăng, mới được căn bản, quả vị Phật không có huân tập lại không có gia hạnh thì lẽ ra phương tiện căn bản đều không có, nên giải thích tăng gấp đôi. Căn cứ theo nhân vị mà nói, đắc giới nhiều loại, rộng như biện luận khác.

5. Lỗi vọng cho trái với giáo: nói trái với tự giáo là giáo môn của Đại thừa, phải do hiện hành huân tập phát ra, mới huân tập chủng tử thế lực mạnh mẽ quyết định cảm được quả, gọi là tăng trưởng, cho đến nói rằng, nay lập ra chủng tử không do huân tập phát ra, niệm niệm tăng gấp đôi, đâu không trái với các giáo của Đại thừa? Đây không ứng hợp với lý, không nói thể của chủng tử, niệm niệm tăng, để làm chánh nghĩa, đây giả nêu giải thích. Như trước đã nói, nếu công năng của giới đều do huân tập tăng, quyết định cảm được quả, tức là xả giới rồi sẽ không cảm được quả, vì xả công năng; nếu công năng không xả thì mạng chung v.v... do thành tựu luật nghi, không gọi là xả giới, vì có công năng, nên do động phát ra mong cầu, hiện hành tư huân tập thành

chủng tử, đó tác bạch v.v... xong, chủng tử trên do sức mong cầu, ngăn ngại ngăn ngừa các ác, công năng vô biểu, bội tăng gấp đôi, do đây khiến cho tư có cảm được quả dụng, công năng quyết định, chẳng phải ngay nói vô biểu giả có thể cảm được quả. Nên dưới luận nói rằng: Giả pháp như vô chẳng phải nhân duyên, nếu xả giới rồi, nhân tuần hoàn trụ như cũ, thế lực héo hết, vì mong cầu hết. Nhưng quyển 54 ghi: "Do bất luật nghi tư thường thường hiện hành, cho nên chẳng phải phước vận vận tăng" là nói nghiệp đạo, vì ban đầu phải mong cầu chỉ được bất luật vô biểu, chưa thành tựu nghiệp đạo, lại biệt thoát vô biểu do thọ phát ra, tác pháp xong đắc, bất luật chẳng thọ, phải tác pháp mới đắc, nên nói bất luật nghi tư thường thường hiện hành, chẳng phải phước tăng trưởng, luật, bất luật khác nhau. Lại có giải thích riêng, như chương biểu vô biểu của Đại sư biện giải. Luận Thành Nghiệp ghi: "Do tự sai biệt, được huân tập thành chủng tử", nghĩa là từ đây về sau không tạo tác nhân sinh, không tạo tác nhân sinh tức là công năng, giả sử nói chủng tử khác, vì giả từ thật, nên không trái nhau.

6. Lỗi giả thật không rạch ròi, vì dẫn luận Tạp Tập quyển 7 ghi: Sau hai tư hoặc tác hoặc tăng nhất định thọ Dị thục, là nói nghiệp đạo, chủng tử thật cảm được công năng của Dị thục, chẳng phải vô biểu sắc, nếu công năng của nghiệp cùng với vô biểu không khác nhau, vô biểu như nghiệp, lẽ ra thuộc về hành uẩn, nhiếp xứ đã khác nhau, nói rõ giả thật khác nhau, nay dẫn công năng của thật, vặn hỏi công năng của giả, tức là lỗi giả thật không rạch ròi.

7. Lỗi trái với giáo hiện hành, nói người thọ giới ở trước đại chúng phát ra thân, khẩu, tâm cầu giới đã xong, cho đến Yết-ma lần thứ ba chưa xong. Niệm niệm khởi tâm, thường được huân tập chủng tử thành phương tiện giới, cho đến lúc Yết-ma lần thứ ba xong, tâm thức năng duyên nếu khởi hiện tiền, liền lập tức huân tập chủng tử thành căn bản giới, luận không nên nói hoặc nương tựa phát khởi thân, ngữ thù thắng, chủng tử của tư tăng trưởng vị lập ra, vì lễ sư cầu thọ có động thắng tư phải kỳ vọng phần hạn được huân tập thành chủng tử, tác pháp xong rồi vô biểu bèn sinh. Nói ban đầu chỉ phương tiện, Yết-ma lần thứ ba xong được huân tập chủng tử trên lập ra căn bản luật nghi vô biểu, bấy giờ chỉ khởi duyên tâm, không phát ra thân ngữ, nương theo chủng tử này lập ra cùng với luận trái nhau, nên làm không thể được. Nhưng căn cứ theo nghiệp đạo phương tiện căn bản và do sau khởi, từ tác bạch lần thứ ba cho đến Yết-ma xong, thành tựu căn bản nghiệp đạo và vô tác giới, trở về sau tức là gọi quyến thuộc của ba nghiệp, chẳng phải biệt thoát

giới. Tuy lúc biệt thoát giới lần thứ ba Yết-ma xong, ban đầu đều sau cũng gọi là giới, chẳng phải ở lúc sau không gọi là giới, chỉ gọi là sau khởi giống như nghiệp đạo.

8. Lỗi vọng cho trợ bạn khác nhau, nói rằng ở tông khác v.v... niệm ban đầu chỉ có một đầy đủ bảy chi, đến niệm thứ hai liền sinh ra bảy chi, cho đến nói rằng hoặc thể hoặc dụng cũng khiến cho niệm niệm bảy chi tăng gấp đôi, liền trái với tự huân tập phụ giúp cho tà tông. Đây cũng không cho như vậy, vốn không huân tập chủng tử, do có công năng vẫn còn giả thật khác nhau, không trợ bạn với lỗi kia, huống gì trước huân tập thành chủng tử cho đến Yết-ma xong, nhân duyên pháp đầy đủ công năng mới khởi, nương theo chủng tử của tư lập ra, đâu đồng với kia. Không chướng ngại sau huân tập tăng trưởng, nhưng không thừa nhận Yết-ma xong lúc ý nghiệp chủng tử của tư lập ra căn bản vô biểu.

9. Lỗi lẽ ra đồng với tông khác, vì lập ra chủng tử, lúc duyên đầy đủ, công năng tăng gấp đôi, tức là lỗi trợ bạn cho tà tông, Tiểu thừa lập ra vô biểu, Đại thừa cũng khiến cho lập ra, Tiểu thừa lập ra uẩn v.v... nay Đại thừa không lập, lẽ ra đều đồng lỗi kia. Nếu cho rằng do huân tập giả thật có khác, không đồng lỗi kia, nay nương theo chủng tử trên, công năng tăng gấp đôi không lỗi cũng như vậy.

10. Lỗi chủng tử phòng lỗi lầm: nói nếu từ tự tông tức là đạo, định, câu tư; nếu hiện hành hoặc gọi là biểu, vì có hiện hành biểu hiển bày, hoặc gọi là vô biểu vì không như sắc biểu hiển bày, được thành chủng tử, vẫn có thế lực của ngăn ngại ngăn ngừa, chỉ gọi là vô biểu, thế nào là vô biểu? Nếu tùy tâm chuyển vô biểu, hiện hành định đạo tâm không có, nếu biệt thoát vô biểu, há lúc khởi định đạo, tức là đắc được biệt giải thoát ư? Lại nếu rộng không được biểu hiển bày gọi là vô biểu, tức là chủng tử ở nơi tất cả đều ứng hợp lập ra vô biểu, nên không phải hiện hành đạo định, thế lực chủng tử ngăn ngừa lỗi lầm. Nếu như vậy lẽ ra ba tiểu quả người trước hoặc vĩnh viễn không hành, vì chủng tử hay ngăn ngừa đồng với hiện hành. Nếu chẳng phải vô biểu giới, lập ra vô biểu làm gì?

Biểu vô biểu hai tông của Tiểu thừa Đại thừa đã lập không đồng. Vả lại luận Tát-bà-đa hai định, hai giới, đối với căn bản, hiện tùy chỉ ngăn ngừa căn bản, không ngăn ngừa phương tiện và sở khởi sau, đồng ngăn ngừa quá khứ, vị lai. Nếu như vậy vì sao không ngăn ngừa hiện tiền, tùy? Khi chưa có tâm, lúc định, đạo không khởi, nếu khởi tâm rồi, tức là hay ngăn ngại ác, không nhờ vào gia hạnh, nếu xuất định rồi,

không thể ngăn ác, cho nên không ngăn ngừa hiện tiền, tùy. Nếu biệt giải thoát không ngăn ngừa quá khứ, vị lai, chỉ lúc hiện tại, căn bản hiện tiền, tùy đều phòng hộ. Nếu nói về giới đắc, đạo, định đắc đều thông với ba đời. Biệt giải thoát chỉ có câu, vô pháp sau đắc trước vì sắc tánh độn. Nếu lúc xả giới, sau giới rơi rớt lại không có đắc đắc, nghĩa là vô pháp đắc sau, nhưng thuộc về hành là thân, vả lại như xả giới tuy không có đắc đắc, do tự thuộc về thân, nhưng có thể lúc sau chiếu lấy quả Dị thục. Nếu Sư của Đại thừa, đạo, định, biệt giải đều phòng hộ ba đời, và phòng hộ ba thời, nếu lúc xả có huân tập chủng tử trước hay chiêu lấy quả sau, không phải riêng nói có pháp đắc trước sau. Nếu căn cứ theo chủng tử, nghĩa nói trước sau, tuy cũng có thể đắc, nhưng không phải văn nói. Nếu thân, ngữ biểu nghiệp, cần phải sắc mới thành, tuy không thể nói nhưng vận động v.v... khiến cho cái khác được giải thoát, biểu vô biểu sắc mười môn phân biệt như chương đó nói rộng.

Đứng về môn thứ năm trong đắc xả, ban đầu nói đắc, sau nói xả, trong phần nói đắc chia làm hai, trước nói biểu sau nói vô biểu. Biểu giới không phải từ cái khác thọ, nhưng cần phải đối với cái khác, vì khởi thân ngữ tức gọi là biểu, nhưng luận Tát-bà-đa phải từ cái khác thọ, vì lúc Yết-ma lần thứ ba cùng với vô biểu giới đồng thời đắc được. Vô biểu thông với hai. Lại Phật và Độc giác không phải từ cái khác thọ, chỉ thuần thọ tự nhiên.

Hỏi: Độc giác có hai, ban đầu chúng xuất gia cũng thấy được Phật, kinh ghi: "Đức Phật Thích-ca lúc thành đạo, năm trăm vị Bích-chi đến chỗ Phật", vì sao không theo chỗ khác thọ?

Đáp: Chúng xuất gia tuy đến chỗ Phật, do bất lạc trợ giúp, không như hàng Thanh văn thích tôn thờ Phật, bởi vì thuần tự thọ chẳng phải tha.

Hỏi: Như quả Tu-đà-hoàn lúc người nhập vào kiến đế, đắc Phật biệt giải thoát giới, là từ tha thọ, hay là tự thọ?

Đáp: Đây từ xa nói cũng là từ tha.

Hỏi: Nếu từ tha thọ biệt giải thoát rồi, đắc được Thánh hồi tâm sau trải qua nhiều thời do thọ biến dị, cho đến thành Phật, mới xả bốn thân giới, đâu không phải theo chỗ khác thọ? Lại chỉ như từ Thập địa trở về trước đắc giới cũng như vậy.

Đáp: Vả lại Tiểu thừa luận Tát-bà-đa ghi: Tất cả biệt giải thoát của thân Phật trong ba mươi ba tâm trước vẫn gọi chưa từng đắc, tất cả biệt giải thoát trước sau trong tâm thứ ba mươi bốn đều xả vì đắc thắng xả yếu kém, chỉ có một tâm vô tác biệt giải thoát sinh, nhưng cũng là

sắc. Đại thừa có hai giải thích:

1. Chuyển diệt xả nghĩa là chủng tử của Vô lậu có ba phẩm tâm, nghĩa là Kiến đạo ban đầu đắc hạ phẩm, trong Tu đạo đắc được trung phẩm, Phật thời đắc được thượng phẩm, xả liệt phẩm trước chỉ có thượng phẩm, thượng phẩm này đâu phải từ tha thọ.

2. Có chuyển tế xả, như nhập vào Tu đạo, chuyển đổi hạ phẩm đắc trung phẩm, nếu đắc được thượng phẩm chuyển đổi trước phẩm đắc được thượng phẩm, thực hành phẩm này đâu phải cũng từ tha thọ, nên Phật và Bích-chi đều không phải từ tha thọ. Lại biệt giải thoát nói rõ đắc, bất đắc chia làm hai nghĩa là Tiểu thừa và Đại thừa đầy đủ như Biệt chương giải thích. Nhưng trong mười hai bộ, Tây Sơn Trụ, Bắc Sơn Trụ, Chế Đa Sơn, ba bộ đồng nói rằng Hòa thượng không phải thanh tịnh cũng đắc giới, nên luật nói tăng chúng cầu giới không nói rằng Hòa thượng, nhờ vào đâu ba bộ này làm ra kế này? Vì ba bộ trước là bạn của ngoại đạo, thấy không có lợi dưỡng, nên đều đến cùng tăng đồng ở. Lúc sau người thế tục do muốn phân biệt nên về sau họ đều cạo đầu. Lại bị quốc vương muốn lựa chọn người không thọ giới, nên đều không chấp nhận ở. Các người này đều nói rằng ta thọ giới, chúng tăng đồng trách, ở bên người nào thọ, họ tự chỉ những người giống mình cho là Hòa thượng. Đại chúng nói Hòa thượng của ông không thanh tịnh, làm sao đắc giới được? Bèn khởi kế này, mười bảy bộ khác đều không thừa nhận nó, phải cần thanh tịnh. Trong phần nói về xả, luật Tỳ-ni Mẫu ghi: "Người phạm giới trọng mất giới". Kinh Niết-bàn ghi: "Nếu nói mất giới, không hiểu được ý Ta, nếu không mất giới cũng không hiểu được ý Ta". Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Có hai giải thích: Một là người phạm giới trọng không mất giới, như kinh Thập Luân v.v... giải thích. Nếu như vậy vì sao luật nói như chặt đầu người, đá bị chẻ?

Đáp: Nhưng chuẩn theo giải thích của luận Du-già, Bồ-tát giới tăng thượng phẩm buộc người phạm xả giới đầu, trung phẩm, hạ phẩm không xả. Đại luận trước căn cứ theo thượng phẩm, kinh Thập Luân căn cứ theo trung phẩm, hạ phẩm, nên kinh Niết-bàn ghi: "Các đệ tử của Ta nói người phạm giới trọng, xả giới, không hiểu được ý Ta". Lại "các đệ tử nói người phạm giới trọng mất giới cũng không hiểu được ý Ta", nhất định nếu thật xả nói xả hiểu được ý của Phật, nếu thật không xả nói không xả hiểu được ý của Phật, đã nói "đều không hiểu ý của Ta", nên biết xả căn cứ theo tâm của thượng phẩm, không xả căn cứ theo người phạm phẩm hạ, phẩm trung, nên chỉ thuần nói xả hay không xả

là không hiểu ý của Phật.

Thứ hai giải thích rằng: Người phạm giới trọng xả giới. Vì sao? Luận Du-già chỉ nói Bồ-tát giới chỉ căn cứ theo thượng phẩm, trung phẩm, hạ phẩm không nói biệt giải thoát, nên biết xả giới, vì sao kinh Thập Luân nói không xả giới? Căn cứ theo hóa tướng mà nói. Nếu nói người phạm liền không trồng được nhân tốt, không cung kính chúng xuất gia, nên nói rằng không phạm. Kinh Niết-bàn căn cứ theo hóa tướng, nói xả không hiểu được ý Ta, theo thật nói không xả không hiểu được ý Ta. Luận sư thứ nhất vặn hỏi: Nếu như vậy vì sao kinh Đại Phương Quảng Đà-la-ni ghi: "Nếu có người phạm giới trọng vẫn còn ở trong già-lam gọi là tặc trụ, và nhận của người khác bố thí một trái cây, nhất định đọa vào địa ngục". Ngài Văn Thù hỏi: "Vì sao được sinh mà không tội?" Đức Phật liền thuyết chú, người tụng chú này, giới tử lại thanh tịnh. Nếu người đều xả, vì sao nói trở lại thanh tịnh? Nên biết người phạm giới trọng có khinh giới và trọng giới, không thể hoàn toàn phán phân đều làm xả, không xả; cho nên giới kinh nói như trước sau cũng như vậy, hãy xem kỹ, phần dẫn có văn của kinh.

Vô lậu luật nghi, hàng Tiểu thừa nếu kiến đoạn đối trị, chỉ sáu địa của sắc giới nếu người thứ lớp chỉ có cận phần ban đầu, nếu người siêu việt, trong sáu địa đều được nhập vào kiến, Tu đạo Vô lậu chỉ thông với chín địa, nhưng ở trong Vô sắc không lập ra Vô lậu và định luật nghi, vì ngăn cách cõi, không phòng hộ dục phi nên không lập ra.

Nếu trong Đại thừa Kiến đạo Vô lậu, sắc giới thông với năm địa mà vào, Kiến đạo của Đại thừa nương theo Định thứ tư, Độc giác cũng như vậy, đây đều vô biểu cũng tùy theo sở ứng. Nếu Tu đạo trị đạo Vô lậu, thông với ba địa dưới của Vô sắc, nếu Phi tưởng địa, tuy có Vô lậu mà chẳng phải đoạn đạo. Nếu nói pháp Vô lậu, cũng phòng hộ lỗi bảy chi, Phi tưởng cũng có Vô lậu luật nghi, định cũng thừa nhận như vậy.

Luận: Không phát ra là vô, chỉ nói phi sắc. Phi sắc là gì? Kinh Niết-bàn quyển 18 phần giải thích sáu niệm ghi: "Niệm giới là tuy không phải hình sắc mà có thể hộ trì, tuy không phải xúc đối mà có thể tu tập". Quyển 36 phần Tranh luận ghi: "Vô tác giới là chẳng phải dị sắc nhân, không tạo tác quả của dị sinh nhân, là gọi vô tác giới". Nói chẳng phải dị sinh nhân là chẳng phải các đại tạo là nhân thân tạo, không tạo tác quả của dị sinh nhân, chẳng phải đại tạo nhân thừa nhận quả, nên biết vô tác giới chỉ nương theo tư mà lập, nên xem văn kia.

Lại nghiệp và nghiệp đạo nên lập ra bốn câu, giả thật hai nghiệp và thông sinh du lý, tự chuẩn theo có thể biết. Nhưng luận Tát-bà-đa chỉ

lấy du lý gọi là nghiệp đạo, tức là ý tư là nghiệp, mà không phải là đạo. Đại thừa chỉ nghiệp tức đều là đạo.

Nói đắc, phi đắc v.v... trở xuống phá Bất tương ưng hành, trừ Kinh lượng bộ và Nhất thiết bộ chỉ phá được bộ khác. Vì sao? Kinh bộ đắc v.v... đều là giả có, như luận Câu-xá phá Hữu bộ. Nói là Nhất thiết bộ, đã nói các pháp chỉ có năng thuyên, không phải thật sở thuyên, tất cả pháp thể nên cũng không lập ra Bất tương ưng hành, nên đây nói trừ. Nhưng Yếu Tập ghi: "Trong đây Đại thừa, Kinh bộ cũng phá được sư Tát-bà-đa", lý nhất định không như vậy, lẽ nào Tiểu thừa và Hộ pháp v.v... tạo ra Duy thức? Tuy có thể cùng với luận Câu-xá kia trong phá nghĩa tương tợ, đây chẳng phải cùng đạo. Nay đây dưới phá chỉ nương theo tỷ lượng phá, nó được lập không có hiện lượng và chí giáo lượng phá, vì nó thật có. Luận Chánh Lý quyển 13 ghi: "Lại các tướng đây, đâu phải như cái bình v.v... có hiện lượng, tỷ lượng". Hoặc chí giáo lượng chứng được thể giả có, đã ngăn ngại thật có, nên họ nhất định thừa nhận sinh v.v... tướng thể là giả có. Pháp thứ ba nhất định không có lý có. Ý này không thừa nhận sinh v.v... thật có, tức là lẽ ra định nói sinh v.v... giả có, do nhất định không thừa nhận có pháp thứ ba, cũng thật cùng giả, rộng như luận kia nói. Do hai nhà này hiện lượng, chí giáo không có thành thật chứng, chỉ có thể tỷ lượng đều làm lập phá, nên Tiểu thừa kia tuy dẫn Thánh giáo, nay Luận chủ nói: Kinh không nói dị sắc, tâm v.v... có thật thể dụng là chứng không thành tựu, nhưng tỷ lượng phá, ở đây vốn nói văn này có ba:

1. Vặn hỏi thật có, nêu riêng thể tướng và nhân của tác dụng.
2. Đây nhất định chẳng khác trở xuống kết hợp vặn hỏi thể dụng.
3. Hoặc tâm, tâm sở trở xuống chỉ vặn hỏi thật có.

Tây Minh giải thích rằng: "Đây nhất định chẳng khác" trở xuống, lượng đầu giải thích thể dụng trên chẳng thật, kế hai lượng sau lại giải thích lỗi trước, ban đầu phá được thật có, sau lập ra giả có. Đây không cho là như vậy, văn tự lập lượng thẳng là phá tha, vì sao cần giải thích trên và lặp lại giải thích lỗi? Đã nói lại giải thích, vì sao lại nói, ban đầu phá được thật có, sau lập ra giả có? Lại hai lượng sau chuẩn theo văn phá thật, chưa phải là lập ra giả; nhưng vả lại phá tha. Do họ lập ra rằng: Bất tương ưng hành khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, nên nay đối phá ngăn ngại họ là luận, chưa phải tức là phản lại thành tịnh bất tương ứng hành giải, vì trong phần Thuật chánh ở sau mới lập giả. Yếu Tập ghi: "Đây nhất định chẳng khác sắc, tâm, tâm sở, có thật thể dụng, vì thừa nhận uẩn nhiếp, như sắc, tâm v.v...", đây cùng với tông

ngoại đạo làm ra tỷ lượng tương vi, nhưng tỷ lượng này có lỗi. Nếu chỉ lập ra hai lượng đều có lỗi bất định, nghĩa là bất tương ưng hành khác sắc, không phải thật thể dụng, vì thừa nhận uẩn nhiếp, như sắc khác tâm, không thể lượng có thể chuẩn theo mà biết. Đây tức là lỗi bất định, nếu hợp lập ra tức là lỗi pháp tự tướng tương vi, và lỗi pháp sai biệt tương vi nhân. Tự tướng tương vi nói rằng: Bất tương ưng hành khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, vì thừa nhận uẩn nhiếp, như sắc tâm v.v... dụ này có hai nghĩa:

1. Sắc bên ngoài không phải tâm thể riêng, tâm bên ngoài không phải tâm thể riêng.

2. Sắc bên ngoài có tâm thể riêng, tâm bên ngoài có sắc thể riêng.

Như sắc tâm v.v... nói bao hàm hai nghĩa, nên Luận chủ nhận lấy nghĩa trước, người bên ngoài nhận lấy nghĩa sau. Lại pháp sai biệt tương vi lượng rằng: Bất tương ưng hành, định là thật có, vì thừa nhận uẩn nhiếp, như sắc, tâm v.v... thẳng nói định thật có thể, không nói khác sắc, tâm v.v... nên chẳng phải nói hiển bày, thuộc về trong sai biệt. Vả lại trước nói rằng: Có lỗi pháp tự tướng tương vi là không như vậy, đã hợp lập lượng, cả hai làm nhân, dụ, nếu người ngoài nói rằng khác với sắc tâm v.v... có thật thể dụng, tức là sắc tâm v.v... là dụ của pháp khác, thừa nhận uẩn nhiếp, nhân đã chuyển khác là nó tự thành tựu lỗi pháp tự tướng tương vi, vì sao được nói Luận chủ tương vi? Luận chủ đã nói rằng: Định không khác với sắc, tâm, có thể tức là tâm sắc v.v... làm đồng pháp dụ, nhân đối với kia chuyển, sắc, tâm v.v... không khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, bèn chánh đồng dụ, cho nên không lỗi. Lại lỗi pháp sai biệt cũng không thành tựu. Đã nói rằng định thật có thừa nhận uẩn nhiếp, tâm, sắc là dụ. Đại thừa tâm, sắc đồng có giả thật, có tha bất định, cái bình cái bồn v.v... giả cũng thuộc về uẩn có cộng bất định, không thể nói cái bình v.v... chẳng phải thuộc về uẩn. Vì chẳng phải Vô vi lại chẳng phải hỗ tương không, định thuộc về uẩn. Lại như nhãn v.v... nhất định là dụng của tha, ý bao hàm chân giả, thành tựu chân dụng khác; gọi là pháp sai biệt. Nay nói rằng bất tương ưng hành, ắt nhất định khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, tức là nói trong hiển lập, ý kia thừa nhận bất tương ưng hành khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, cùng với ai làm sai biệt? Lại nữa, nhất định không khác với sắc, tâm, tâm v.v... có thật thể dụng, hợp gọi là pháp. Nay chỉ riêng lấy định thật có thể làm pháp sai biệt, lẽ nào thành lỗi? Lại nhân bất định, nên phân biệt này chỉ lập luống công, còn lại chuẩn theo có thể

biết.

Nói mười pháp của Vô học, tên như Sớ liệt kê. Tám Thánh đạo, chánh kiến nghĩa là Hậu đắc trí, Hữu tông Kiến đạo khởi, Đại thừa Tu đạo khởi, nên là Hậu đắc trí. Luận Trung Biên ghi: Phân biệt chi nếu như vậy đã là thể của pháp luân, cũng ở trong Kiến đạo, vì sao chỉ Hậu đắc?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Các pháp Vô lậu đều gọi là pháp luân, không phải chỉ tám đạo, ở nơi Kiến đạo tuy không phải tám đạo, cũng gọi là pháp luân.

2. Luận Trung Biên căn cứ theo hiển thắng mà nói ở nơi Tu đạo, luận Du-già nói ở nơi Kiến đạo.

Nếu nương theo giải thích trước luận Du-già tùy chuyển nói ở Kiến đạo, hai thuyết nhờ vào hữu tình. Chánh tư duy lấy tư làm thể, theo luận Thập Địa thì người tịnh giác tức là cho rằng giác là tầm, xét Phạm bản không lấy tầm tứ làm thể, như quyển 7 Luận sớ giải thích. Vô sân, si đã phát ra thân, ngữ gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, vô tham đã phát ra gọi là chánh mạng, giải thoát là thắng giải tâm sở, trí là duyên theo trí của Vô vi, thể còn lại như tên gọi. Luận Tạp Tập quyển 10 ghi: "Mười pháp của Vô học nương theo giới uẩn của Vô học, cho đến trí kiến uẩn, Vô học chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là giới uẩn. Chánh niệm, chánh định là định uẩn. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn là tuệ uẩn, ba loại này nương theo tự tánh và quyến thuộc mà nói. Chánh giải thoát là giải thoát uẩn. Chánh trí là Vô học giải thoát trí kiến uẩn.

Luận cũng nói Luân vương thành tựu bảy báu, lẽ đâu phải tức là thành tựu thân khác chẳng phải hữu tình. Tây Minh nói: "Hữu bộ cho như vậy tức là trái với Hữu tông". Ngoại đạo vặn hỏi rằng: Đại thừa giả đắc, vì sao một lập một không lập, so sánh đồng như sở phá?

Giải thích rằng: Chẳng phải so sánh, thật đắc có dụng nên thông với trong ngoài, đều có thật đắc, ngã lập ra giả đắc, nên Luân vương thành tựu bảy báu giả, cũng không thành chẳng phải tự thân. Nay cho rằng giải thích này không đúng. Đại thừa đắc v.v... đã là giả lập, thông với tình phi tình, tự tha lỗi gì? Vì kinh nói có thành tựu lỗi, nếu không như vậy thì đồng với họ, không thể lìa vặn hỏi.

Hỏi: Nếu như vậy Châu luân có thể nói thành tựu, tự thức biến, còn lại hữu tình nương vào đâu giả lập nói thành tựu ư?

Đáp: Cũng thừa nhận biến đổi phù trần khác, thọ dụng nên cũng là tự thức, lại do nghiệp cảm, nương theo nghiệp giả lập cũng lại không

trái.

Nói chưa được đã mất nên vĩnh viễn không sinh, chưa được có thể biết, pháp đã mất, vị lai lẽ ra sinh thiếu duyên không khởi, cũng gọi là đã mất, đây nhất định không sinh, đắc được phi Trạch diệt, như thay đổi giới địa v.v... pháp đã xả gọi là đã mất, tức là thừa nhận có thể sinh, đây không có trước đắc. Nay căn cứ theo loại này, đã không phải trước đắc, nên vĩnh viễn không khởi.

Nói nếu đợi nhân khác đắc liền không có dụng, có giải thích tâm đợi bốn duyên, sắc đợi hai duyên, đủ để sinh pháp, đâu cần khởi nhiều, nên đắc không có dụng. Đây phá không đúng, có thể pháp phi tăng thượng được sinh khởi. Nhưng Yếu Tập ghi: “Đắc chẳng phải bốn nhân và năm sinh”, lý dễ biết, nên xem luận Câu-xá dẫn đầy đủ. Lại đầy đủ thiện, ác Vô ký đắc, trong đây đều vặn hỏi quá khứ đã xả, tuy không có hậu đắc, vị lai đã mất, bèn không có trước đắc, đều có câu đắc, vặn hỏi khiến cho đắc sinh cũng đắc. Nhưng chuẩn theo bản ý, chỉ vặn hỏi không mất, hiện tại thành trước đắc, pháp của ba tánh sẽ đốn ngộ hiện tiền, cho nên nói: Nếu đợi nhân khác đắc liền không có dụng. Nếu vặn hỏi đã xả và đời vị lai duyên thiếu không sinh, tuy có câu đắc, họ thừa nhận không có dụng vì không thể sinh, liền thành tựu lỗi tương phù, nên vặn hỏi không mất. Hiện tiền thành tựu đắc, đây tuy có hai thuyết, theo luận Câu-xá ghi: “Ai nói đắc này làm ra pháp sinh nhân”? Trong luận Chánh Lý, chỉ có không mất, không phải nhân năng sinh, nên luận kia nói: Do được thừa nhận đắc là đã đắc pháp vì không mất nhân. Hai thuyết của luận Bà-sa, chánh nghĩa cũng chỉ làm không mất nhân.

Luận: Nên đắc đối với pháp đều là vô dụng. Hai nói rằng: Thức đã biến không lìa hữu tình, tức là pháp phi tình cũng không lìa hữu tình, vô pháp gọi là lìa pháp của hữu tình, ban đầu nó có đắc, sau tức là không đắc.

Hỏi: Đã nói vô pháp tức là vô thể, lại nói pháp nào, được gọi là lìa?

Đáp: Do vô pháp kia, giả gọi là lìa, chẳng có vô thể, gọi là lìa hữu tình, luận không có bản tánh, không căn cứ theo thức biến là vô nên gọi là lìa.

Giải thích ba loại thành tựu, vả lại pháp có hai: một là hữu thể, hai là vô thể. Chỉ đối với hữu pháp, lập ra thành tựu, không ở nơi vô pháp. Vô pháp không có tự thể nên không thể thành tựu. Trong hữu pháp lại có hai loại: một là Hữu vi, hai là Vô vi. Vả lại trong Hữu vi lại có hai loại: một là tự thức biến, hai là tha thức biến. Trong tự thức biến

lại có hai loại: một là chủng tử, hai là hiện hành. Chủng tử ẩn thì khó biết, cho nên chia nó làm hai: một là chủng tử thành tựu, hai là tự tại thành tựu. Hiện hành hiển bày thì dễ rõ, cho nên chung hợp làm một gọi là hiện hành thành tựu. Trong chủng tử lại có ba loại: một là thiện, hai là bất thiện, ba là Vô ký. Trong thiện có hai: một là Vô lậu, hai là Hữu lậu. Trong Hữu lậu thiện lại có hai loại: một là phương tiện, hai là sinh đắc. Vô lậu thiện trước và phương tiện đều gọi là tự tại, vì thành tựu đây nhất định ở nơi sinh tử, nên đắc được tự tại. Lại do dẫn sinh, gia thêm công dụng, mới bắt đầu khởi, tức là thông với bản, thỉ, còn lại nghĩa chuẩn theo tư. Sinh đắc thiện là sinh liền tức đắc, nhân xoay vần mà sinh, không có công năng thù thắng. Chủng tử vốn có chỉ gọi là sinh đắc pháp của bất thiện, cũng chỉ gọi là chủng tử thành tựu, vì hữu pháp này, chìm đắm trong sinh tử, đối với Giải thoát phần không có công năng kham nhận thù thắng.

Tuy kinh Giải Thâm Mật ghi: Bồ-tát Thập địa khởi phiền não, hơn hàng Nhị thừa khởi Vô lậu, kia do bi trí Vô lậu, chẳng phải phiền não kia tự có công năng kham nhận, nên không gọi là tự tại thành tựu. Trong pháp Vô ký lại có hai loại: một là Hữu phú, hai là Vô phú. Tánh hữu phú là đồng với thuyết của phiền não. Vô phú vô ký lại có bốn loại: một là Dị thục, hai là oai nghi, ba là công xảo, bốn là biến hóa. Dị thục Vô ký chỉ có chủng tử thành tựu, oai nghi công xảo mỗi mỗi đầy đủ hai loại. Như voi đi, nay chạy, kinh doanh, làm ruộng, dệt vải, ghi sổ sách v.v... gọi là chủng tử thành tựu. Nếu voi chúa đi, ngỗng đầu đàn bước in thành lằn, vẽ thành tranh v.v... gọi là tự tại thành tựu. Vì thêm công mới đắc, chẳng phải nhân xoay vần khởi. Biến hóa Vô ký chỉ có tự tại thành tựu, vì nhất định công dụng khởi, lại thành tựu đây đắc được tự tại, nên luận Du-già ghi: “Nếu gia hạnh đã sinh thiện và một phần Vô ký tăng thạnh chủng tử, gọi là tự tại thành tựu”. Luận Đối Pháp cũng ghi: “Gia hạnh thiện pháp nghĩa là tất cả công năng của thế gian và xuất thế gian”. Một phần Vô ký nghĩa là công xảo xứ biến hóa tâm v.v... nên trên nói tự thức biến cũng thông với phi tình, có nói thành tựu bảy báu, nếu tha thức biến chuẩn theo trong phần thứ hai, biến đổi căn trần khác, luận từ hai thuyết. Trong quyển 7 giải thích Sở duyên duyên, cũng thừa nhận duyên theo chủng tử của tha sở biến. Lại nói: Luân vương thành tựu bảy báu, tuy theo sở biến không được gọi là thành tựu, tự thức nương biến, cũng có thể giả nói ba loại thành tựu. Nhưng Tây Minh nói: Chuẩn theo luận Hiển Dương ghi:

1. Chủng tử sở nhiếp của các hành tánh tương tục sai biệt.

2. Tự tại sinh khởi tánh tương tục sai biệt.

3. Tự tướng sinh khởi tánh tương tục sai biệt

Nói cùng với luận Du-già riêng chủng tử lập ra một, hiện hành tức là chia làm hai, gia hạnh thiện v.v... gọi là tự tại sinh khởi tướng, chẳng phải gia hạnh sinh khởi, chỉ gọi là tự tại sinh khởi. Nay lại giải thích cùng đồng với luận Du-già. Nói hai tự tại sinh khởi tương tục tánh sai biệt là do gia hạnh v.v...

Chủng tử của thiện pháp, có công năng thù thắng, khởi hiện hành rồi thì đắc được tự tại, gọi là tự tại sinh khởi. Nếu hai loại hiện hành gọi là tự tại sinh khởi, do khởi hiện hành gọi là tự tại sinh khởi, pháp của Vô vi lập ra thành tựu, như Sớ nói.

Lại giải thích thêm rằng: Chuẩn theo quyển 2 ghi: Vô vi có hai: một là nương theo thức biến, hai là nương theo Chân như lập, cũng lập ra được chăng, cũng có ba loại chăng?

Đáp: Đã giả lập ra được hai loại câu hữu, cũng có chủng tử khác của tự tại v.v... Vả lại nương theo thức biến Vô vi lập ra được, đều nương theo kiến phần kia, chủng tử trên lập ra, chủng tử là hay khởi tướng của Vô vi, hoặc nương tựa kiến phần hiện hành, vì lúc tâm khởi biến đổi tướng kia. Ba là sai biệt, phương tiện thiện tâm biến huân tập thành chủng tử gọi là tự tại thành tựu, hiện hành tâm biến tức là hiện hành thành tựu. Còn lại tâm biến chủng tử thành tựu, không gọi là tự tại, nếu nương theo Chân như lập ra, căn cứ theo năng chứng mà nói, nương theo chủng tử tức là tự tại, hiện chứng tức là hiện hành, nếu sau được duyên, tức là đồng với trước nương theo thức sở biến mà nói. Nhưng Phi Trạch diệt tuy chẳng phải trí chứng, nếu tạm thời phục trừ hoặc đắc phi Trạch diệt, đồng với Hậu đắc trí mà nói, nếu chẳng phục trừ hoặc chỉ duyên thiếu hiển bày, nương theo nghĩa chủng tử không khởi, tự tại chủng tử v.v... chuẩn theo tánh có thể biết.

Lại nói rõ ở trong đắc sở y, Đại thừa Tiểu thừa không đồng, như Sớ thuật. Nhưng nói hai loại thuộc sở y, nghĩa là Thức thứ tám như rốt ráo đắc pháp Phi Trạch diệt và trong Phật thân, tà lý không sinh v.v...

Hỏi: Đã nói rốt ráo tà lý không sinh, lẽ ra gọi là Trạch diệt, vì sao gọi là phi Trạch diệt?

Đáp: Nếu do trí đoạn, rốt ráo không sinh, tức gọi là Trạch diệt, Phật thân tà lý không do trí đoạn, chỉ do đoạn được vô minh kia v.v... tà lý không sinh như nhập vào Kiến đạo, thân của Bắc châu v.v... đắc được phi trạch. Lại giải thích đây đều là hiện hành, tuy lại rốt ráo không sinh, chủng tử vẫn còn, cũng chướng ngại được sở nhiếp, lúc cảnh trí

sinh, mới bắt đầu chủng tử diệt, tức là đắc được Trạch diệt, được thuộc về cảnh trí, nếu như vậy cảnh trí lẽ ra hay lìa nhiễm. Như thật nghĩa, lúc cảnh trí khởi, chẳng phải sở y kia, Hữu lậu đều xả, chẳng phải tác ý đoạn, không gọi là Trạch diệt, cũng không thể nói quán sát trí đoạn, vì chẳng phải vô gián, gọi là Diệu giác. Nếu do đoạn nhiễm lẽ ra đồng với vô gián, gọi là Đẳng giác. Đã không như vậy, nên cảnh trí sinh nó v.v... tự diệt đắc được phi Trạch diệt, đắc thuộc về cảnh trí nhưng Sớ nói thuộc về Thức thứ tám. Căn cứ theo sở y vương thông với thuyết của nhân quả, nếu ở Phật quả tức là nương theo cảnh trí, giải thích này tôi đích thân nghe nên sao chép lại.

Lại nói rõ Đại thừa Tiểu thừa, đắc sở thuộc khác nhau. Vả lại luận Tát-bà-đa đắc có hai loại: một là pháp Hữu vi đắc, hai là pháp Vô vi đắc. Nếu pháp Hữu vi đắc, nhất định thuộc về sở đắc. Nếu sở đắc là ba tánh, năng đắc cũng có ba tánh, ba cõi, chín địa, sắc, tâm, bất tương ưng, cũng tùy theo sở đắc phán phân thuộc về giới địa v.v... Vô vi đắc là Vô vi có ba, như Sớ phán phân nhưng thông với lậu Vô lậu. Nếu sáu hành đạo đắc chỉ có Hữu lậu, Kiến đạo đắc chỉ có Vô lậu, Tu đạo không cả hai. Vì thừa nhận Tu đạo cũng có Hữu lậu, Vô học Vô lậu, đoạn được phi tưởng hoặc, chỉ có Vô lậu đạo, được quả xả hướng. Xả lậu trước khởi Vô lậu đắc, sở đắc Vô vi thuần là Vô lậu, Phi Trạch diệt đắc chỉ là Dị thục, thuộc về tánh Vô ký, vì vi, Vô vi, hai hữu thể pháp. Nếu khởi đắc, đắc thuộc về hành, vì có thể, tùy theo chỗ ứng, được thuộc về sở đắc và năng đắc đạo. Nay đây phi Trạch diệt này thiếu duyên không sinh, pháp đã không sinh nên không thể thuộc về sở bất sinh pháp, vì chẳng phải hữu tình, chỉ thuộc về sở y chúng đồng phần, nếu nó phi đắc chỉ thuộc về sở y chúng đồng phần lập ra, định chỉ Dị thục tánh Vô ký. Nếu đắc được pháp Trạch diệt, còn có thể sinh lại, như thoái lui quả, nếu đắc được Phi trạch, rốt ráo không sinh, vì thiếu duyên. Nếu nương theo Đại thừa, pháp Hữu vi đắc, cũng đồng với luận Tát-bà-đa, định thuộc về sở đắc. Các tánh giới địa, hoặc sắc hoặc tâm và lậu Vô lậu chủng tử hiện hành, tùy theo chỗ ứng, đều tùy theo sở đắc, phán phân thuộc về pháp kia, vì nương theo trên các pháp này, giả kiến lập. Nếu Trạch diệt đắc, đồng với Hữu bộ kia, thuộc về năng đắc đạo, nhưng chỉ có Vô lậu, vì không thừa nhận sáu hành là đoạn đạo, chỉ nương theo Thánh đạo, vĩnh viễn hoại diệt chủng tử, vì đắc được Trạch diệt. Lại sáu hành đạo chỉ nương theo Vị chí, chẳng phải Căn bản địa, phục trừ được hoặc mà chẳng phải đoạn, vì chủng tử còn tồn tại, đắc được phi Trạch diệt. Lại theo đạo khởi, đắc được phi trạch thời phần, Đại thừa Tiểu thừa không

đồng, như luận Tát-bà-đa, khổ pháp trí nhẫn làm Vô gián đạo, tuy đoạn được phiền não, cùng với hoặc được đủ cả, chưa đoạn được trói buộc, chưa gọi là đắc được Trạch diệt, khổ pháp trí khởi làm Giải thoát đạo mới đoạn được trói buộc, tuy chưa duyên theo chứng Trạch diệt Vô vi. Nương theo giải thoát này lập ra Trạch diệt đắc, xa khởi đắc, đắc được Trạch diệt kia, nên Trạch diệt đắc thuộc về năng đắc đạo. Do khổ nhẫn trí, chỉ duyên theo Khổ đế mà chưa duyên với diệt, vì Trạch diệt này là Diệt đế, chứng được Vô vi này, chỉ diệt trí thấp, tuy diệt trí thấp, diệt pháp trí nhẫn chính là Vô gián đạo, cũng chưa khởi đắc, đắc được Vô vi kia. Lúc diệt pháp trí, đoạn được mê kia, diệt phiền não hoặc đắc, bắt đầu đắc được Vô vi, mới khởi đắc đắc, vì Giải thoát đạo trọng tức là chứng, còn lại đều chuẩn theo mà biết.

Nếu tông của Đại thừa, khổ pháp trí nhẫn, trong Vô gián đạo, chưa lập ra Trạch diệt đắc, tuy chính đoạn hoặc chứng được chưa từng đắc, vốn đoạn được chủng tử của hoặc. Ở trong Giải thoát đạo, mới khởi đắc đắc, nương theo đây giả lập ra Trạch diệt đắc. Phần sau ghi: “Đoạn hoặc chứng diệt tâm mong khác nhau”. Hoặc căn cứ Vô gián cũng giả lập đắc, vì chứng diệt, phần sau đứng về tâm mong cầu. Nhưng tông của Đại thừa, bốn Đế như khổ v.v... bốn Đế đều có ba loại lý, sự, thật. Thật tuy không nhiều nương theo thuyên thiết lập, nên nói bốn Đế, ban đầu khổ pháp trí nhẫn, tức là ở nơi khổ đế sự lý chứng riêng, nhưng sở chứng như bốn Đế không khác, vì sao không gọi là chứng ở nơi diệt đế? Vì ở nơi Diệt đế sự lý cả hai đều chứng, chưa chứng riêng pháp trí giải thoát chứng được hai chướng kia, không sinh giải thoát, chẳng phải là địa vị này, mới bắt đầu chứng chân, tự sau các tâm chuẩn theo đây mà biết. Trên đây tướng kiến nghĩ chân Kiến đạo, nghĩa luận bốn Đế khác, căn cứ theo chân kiến bốn Đế cụ thời chứng không có trước sau.

Trái với đây giả lập không thành tựu, ở trong nhiễm pháp lược làm sáu cặp đối, nương theo Yếu Tập, nếu phục trừ công năng cũng gọi là chẳng thành, thể của chủng tử tồn tại, cũng tức gọi là thành.

1. Kiến tu đối.
2. Thế gian, xuất thế gian đối.
3. Hiện hành chủng tử đối.
4. Thức thứ sáu, thứ bảy đối.
5. Phiền não sở tri đối.
6. Chủng tử tập khí đối.

Một, Kiến tu đối: nghĩa là ba Thừa Kiến đạo ba cõi phân biệt, tất cả hai chướng, tùy theo chỗ ứng, hoặc là chủng tử hoặc là hiện hành,

gọi là chẳng thành tựu, ba cõi Tu đoạn, tùy theo chỗ ứng, gọi là thành chẳng thành, Nhị thừa Kiến đạo, tùy theo chỗ phục trừ trước, Tu đạo phiền não đoạn, gọi là chẳng thành, chưa phục trừ không đoạn, trừ là cũng gọi thành, chẳng phải đối trị, không chướng ngại kiến, Tu đạo chuẩn theo mà biết.

Hai, Thế gian xuất thế gian đối: nghĩa là thế đạo chỉ phục trừ Câu sinh mê sự biệt đầu khởi tham, sân, si, mạn khiến không hiện khởi gọi là chẳng thành, mê lý và tế đều chẳng phải được phục trừ, tức gọi là thành tựu, xuất thế gian như trước.

Ba, hiện hành chủng tử đối: tất cả hiện hành, nếu chưa được sinh khởi đều gọi là chẳng thành, nếu lúc sinh khởi tức gọi là thành tựu. Hai chướng chủng tử nếu chưa tổn phục, tức gọi là thành, nếu đã đoạn trừ, tức gọi là chẳng thành. Nếu ở phàm phu, thể tồn tại gọi là thành, hoặc có phục trừ, tổn hại phục dụng nên cũng gọi là chẳng thành. Nếu ở Nhị thừa đã biết chủng tử thành, Bồ-tát tùy theo sẽ có thành chẳng thành.

Bốn, Thức thứ sáu, thứ bảy đối: Vả lại phiền não chướng như hàng Nhị thừa, tồn tại nơi Kiến đạo, sáu tương ưng hoặc phân biệt chẳng thành. Câu sinh thông với hai loại, Thức thứ bảy gọi là thành, nếu có quả siêu việt, không đoạn được bảy hoặc, trong Tu đạo tám mươi mốt phẩm, tùy theo chỗ ứng có thành chẳng thành, nếu hoặc Thức thứ bảy thành, đoạn được tám mươi mốt phẩm, mới gọi là chẳng thành, đoạn được tám mươi phẩm trước, vẫn gọi là thành. Căn cứ theo có chủng tử mà nói, nếu căn cứ theo công năng, thế đạo gọi là thành, xuất thế chẳng thành. Nếu căn cứ theo Bồ-tát Thức thứ sáu phân biệt Kiến đạo chẳng thành, Câu sinh gọi là thành, vì không có quả siêu việt. Ở trong Tu đạo, thân kiến của Thức thứ sáu, bốn Địa vĩnh viễn bị chiết phục gọi là chẳng thành, trước đó gọi là thành. Căn cứ công năng mà nói, nếu đứng về chủng tử thể vẫn gọi là thành, ngã kiến của Thức thứ bảy, Kim cương vô gián gọi là chẳng thành, trở về trước gọi là thành. Căn cứ theo thể của chủng tử, không theo dụng nói, theo dụng nói có thành chẳng thành, vả lại lược nói như vậy.

Năm, phiền não sở tri đối: chướng của sở tri, Nhị thừa gọi là thành chẳng thành. Vì Nhị thừa kia tuy đoạn được định chướng, hiện hành không khởi, chủng tử tồn tại. Bồ-tát Địa thượng hai chướng phân biệt, Kiến đạo chẳng thành, Tu đạo Câu sinh phiền não chướng chủng tử, Kim cương vô gián trở về trước gọi là thành, vì không đoạn chủng tử. Nếu thuộc về sở tri chướng, chủng tử hiện hành đều thành chẳng thành, Kim cương vô gián hai chướng chủng tử hiện hành đều gọi chẳng thành.

Sáu, chủng tử tập khí đối: tập khí của Nhị thừa hai chướng đều thành, vì không đoạn tập khí. Bậc Bồ-tát, phiền não chủng tử Câu sinh gọi là thành, tập khí của hai chướng và chủng tử của sở tri, gọi là thành chẳng thành. Vì trong mười Địa tùy theo phần đoạn, địa vị của Giải thoát đạo, chủng tử tập khí của hai chướng đều gọi là chẳng thành, lược nói như vậy, nói kỹ sợ dài dòng.

Trong pháp Vô ký, vả lại Dị thục Vô ký đứng về giới phân biệt, tùy theo xứ sở sinh, chủng tử hiện hành đều thành tựu, xứ bất sinh khác chủng tử thành hiện hành không thành, vì không có khởi đối với dị địa Dị thục. Lại nếu đoạn, hoặc là người, trời Dị thục Vô ký đến Kim cương Vô gián hoặc Giải thoát đạo, mới gọi là chẳng thành, địa vị khác gọi là thành, căn cứ theo thành Phật mà nói. Nếu hàng Nhị thừa, vô dư chẳng thành, nếu căn cứ theo duyên trói buộc, tùy theo chỗ ứng, Kim cương vô gián đoạn hết hoặc nên gọi là chẳng thành. Nếu là ba đường, huỳnh môn, nữ nhân, trời Trường thọ, trời Vô tưởng v.v... nhập vào Kiến đạo rồi rốt ráo không sinh, gọi là chẳng thành, trở về trước gọi là thành. Trước căn cứ theo hiện hành và công năng mà nói, nếu luận về thể của chủng tử, ba đường Dị thục, nhập vào Kiến đạo chẳng thành thể cũng không có, chủng tử của nữ nhân v.v... thể có gọi là thành, oai nghi, Vô ký tâm thông với cõi Dục, cõi Sắc, tuỳ sinh hai cõi. Sinh cõi Vô sắc chủng tử thành hiện hành đều được gọi là thành. Phật quả chẳng thành, duyên trói buộc tùy ứng, nếu rộng khởi oai nghi, tha thọ, biến hóa, đã khởi oai nghi cũng được gọi là thành, duyên trói buộc chẳng thành giả tâm nói có, không thật năng phát. Nếu thật oai nghi từ Địa thứ tám trở lên hiện hành cũng chẳng thành, thường hằng Vô lậu thiện, chẳng phải Vô ký, công xảo Vô ký chỉ ở cõi Dục, chủng tử hiện hành gọi là thành. Nếu sinh về hai cõi trên, chủng tử thành, hiện hành chẳng thành, kia tuy có ngữ, căn cứ theo công xảo mà nói, hàng Nhị thừa đều thành, Phật đều chẳng thành. Từ Địa thứ tám trở lên chủng tử thành hiện hành chẳng thành. Nếu căn cứ theo duyên tâm oai nghi, công xảo, tùy theo nên chuẩn mà biết, thông quả Vô ký, cõi Dục, sắc giới thành, địa pháp sắc giới, dưới giữ gìn chủng tử và hiện hành kia, tùy theo chỗ ứng gọi là thành chẳng thành. Nếu đến Phật quả chủng tử mới chẳng thành. Nếu căn cứ theo duyên trói buộc, hàng Nhị thừa Vô học cũng gọi là chẳng thành, chủng tử của Địa thứ tám thành.

Trong Hữu lậu thiện, sinh đắc khác nhau, trong phương tiện thiện ba tuệ khác nhau. Căn cứ theo giới địa, hiện hành chủng tử thành chẳng thành v.v... đều chuẩn theo tư, Vô lậu thiện trong phàm phu. Vô tánh

chẳng thành, hữu tánh chủng tử thành. Hàng Tam thừa Thánh, chủng tử hiện hành đều thành. Hàng Nhị thừa vô dư chủng tử hiện hành chẳng thành, người còn lại thiện căn lúc Niết-bàn thì hết.

Hỏi: Trước nói rõ đắc y, phi đắc y như thế nào?

Đáp: Hữu vi phi đắc hiện hành chẳng thành, tức là nương theo chủng tử lập. Lại giải thích nương theo Thức thứ tám ngược với thành tựu kia, lập ra chẳng thành tựu, hiện hành thành tựu không nương theo chủng tử, phi đắc trái với kia, vì sao nương theo chủng tử? Lại giải thích nương theo chủng tử, nếu do ngược với kia hiện hành thành, không nương theo chủng tử, tức là chẳng thành cũng không nương theo, như chủng tử thành nương theo chủng tử lập, chẳng thành lại nương theo gì? Căn cứ theo thể chẳng thành, tức là vô thể, hai giải thích mặc tình.

Nếu tự tại và chủng tử thể tự tại không thể gọi là phi đắc, cũng nương theo chủng tử lập, nếu như vậy cùng với hiện hành phi đắc khác gì? Đây căn cứ theo không công năng, kia theo chưa khởi, nên có sai biệt. Nếu căn cứ theo thể vô gọi là phi đắc, đồng với Trạch phi trạch hai loại đắc mà nói. Trong nương theo chủng tử, như tánh của Thánh phi đắc có hai nghĩa:

1. Tương vi phi đắc, tức là Dị sinh tánh, nương theo chủng tử của hai chướng.

2. Tương thuận, nương theo công năng mà nói tà kiến đoạn được thiện, hoặc chưa nhập vào Kiến đạo.

Nếu có chủng tử chưa khởi công năng, cũng gọi là chẳng thành, tức là nương theo chủng tử của Vô lậu giả lập, hiện hành chẳng thành cũng nương theo chủng tử lập. Vô vi phi đắc, Trạch diệt Vô vi, người không chủng tánh và chưa nhập vào Kiến đạo đều nương theo chủng tử của hai chướng mà lập, nhập vào Kiến đạo đã qua, tùy theo chỗ chưa đoạn được Câu sinh của hai chướng lập ra Trạch phi đắc, vì chẳng đắc được sở chướng Trạch diệt kia, phi trạch phi đắc tùy theo chỗ ứng, nương theo các pháp Hữu vi kia, chủng tử hiện hành mà lập, vì thành tựu pháp kia, không đắc được Phi trạch.

Luận giả lập phi đắc gọi là Dị sinh tánh, Dị sinh tánh này có ba môn khác nhau:

1. Giải thích tên gọi.

2. Nêu ra thể.

3. Luận về sai biệt.

Một là giải thích tên: là trước lìa sau hợp. Dị có hai: một, biệt dị gọi là Dị, nghĩa là Bậc thánh chỉ sinh về hai đường; trời, người đều thông

với năm đường, không đồng với bậc Thánh, đây căn cứ theo đường khác, cũng nhiếp bốn loài, bốn loài bất đồng. Hai, biến dị gọi là dị, đây chuyển biến là tà kiến v.v... Bậc thánh đều đồng có chánh kiến, đây căn cứ theo kiến dị, đây cũng nhiếp cảnh, duyên cảnh có khác nhau. Sinh nghĩa là sinh khởi sinh loại, tức là thú kiến loại, biệt dị, sinh khởi. Tánh là thể tánh, do tánh này khiến cho thú, kiến dị, trên lìa giải thích khác với sinh loại của bậc Thánh, gọi là dị sinh. Sinh là chung, dị là riêng. Tánh của dị sinh gọi là Dị sinh tánh, đều là Y chủ thích. Lại luận Tát-bà-đa quyển 45, nội dung đồng với thuyết này, nên Tôn giả Thế Hữu nói: "Có thể khiến cho hữu tình khởi Dị loại kiến, Dị loại phiền não, tạo ra Dị loại nghiệp thọ Dị loại quả, Dị loại sinh, gọi là Dị sinh".

Hai là nêu ra thể: trước nêu dị thuyết, sau nêu Đại thừa là Độc tử bộ thuyết, cõi dục Kiến đạo, sở đoạn, mười phiền não lấy làm thể tánh. Nhất thiết hữu bộ riêng có thể tánh, chỉ là Vô ký, thông với ba cõi trói buộc bất tương ưng, Kinh bộ không lập có thể tánh riêng, nhưng đối với từng chưa sinh về Thánh pháp, tương tục phần vị lai biệt, giả lập gọi là Dị sinh tánh, Đại thừa tuy cũng còn bất tương ưng, chẳng khác với sắc tâm, có thể tánh riêng, nhưng đối với kiến đoạn chủng tử của hai chướng, trên chưa vĩnh viễn đoạn vị, giả lập Dị sinh tánh, không phải là chỉ theo có thể chứng được tự thừa đã có pháp Thánh, không sinh hiện hành vị, lập ra Dị sinh tánh. Người không chủng tánh không phải chướng khác, chỉ căn cứ theo chưa đoạn kiến hoặc chủng tử lập ra, do chẳng thành tựu Thánh pháp, hoặc dụng hoặc thể đều gọi là chẳng thành. Người có chủng tánh, không thành tựu công dụng, không chủng tánh cũng không thành tựu thể. Nên luận Du-già quyển 52 ghi: "Ba cõi kiến sở đoạn chủng tử, tuy chưa vĩnh viễn hoại lượng gọi là Dị sinh tánh", tức là thông với chủng tử của hai chướng trên giả lập. Luận này cũng nói: Đối với ba cõi kiến, sở đoạn chủng tử, chưa vĩnh viễn hại vị, giả lập chưa được gọi là Dị sinh tánh, cũng không được nói mỗi mỗi chướng được tự Thánh chủng tử hiện hành, nhưng nói rằng đối với các pháp Thánh, chưa được thành tựu. Sai biệt là năm Thừa sai biệt có hai: trước lập ra sai biệt, sau hỏi đáp phân biệt. Vả lại quyết định Đại thừa, đầy đủ nương theo hai chướng, chưa được vĩnh viễn đoạn, vị phân biệt chủng tử, lập ra Đại thừa Dị sinh tánh. Nếu sở tri chướng rốt ráo không thể hại, chẳng phải phiền não, nương theo phiền não này, một phần lập làm định tánh, Dị sinh tánh của Thanh văn, một phần lập làm định tánh, Dị sinh tánh của Độc giác, vì thích quán bốn Đế mười hai Nhân duyên, ngộ chứng, y đãi hai tánh khác nhau, nếu đều không thể đoạn, nương

theo đây lập làm vô tánh, Nhị thừa Dị sinh tánh.

Bất định là nếu có đủ đợi quán đế, duyên khởi, được xuất thế là nương theo tất cả phân biệt phiền não, lập làm bất định, Nhị thừa Dị sinh tánh. Nếu có quán đợi bốn Đế, sáu Độ được xuất thế, nương theo đây lập làm bất định Thanh văn Dị sinh tánh.

Nếu có quán đợi duyên khởi, sáu Độ, được xuất thế, nương theo đây lập làm bất định Duyên giác Dị sinh tánh. Nếu đủ quán đợi có thượng trung hạ Vô lậu căn tánh, lập làm bất định Thanh văn, Duyên giác Dị sinh tánh, vì kinh Lăng-già nói năm loại Thừa, tánh nhập vào pháp, luận Du-già lại nói lập làm Bất bát Niết-bàn tánh, Thanh văn tánh v.v... tướng ngược lập nên có sai biệt này.

Chuẩn theo nghĩa này làm bốn câu khác nhau:

1. Chỉ có Dị sinh tánh, không thành tựu Thánh tánh, nghĩa là người vô tánh.

2. Chỉ thành tựu Thánh tánh, cũng thành tựu Dị sinh tánh, Đại thừa Kiến đạo trở đi.

3. Cũng thành tựu Thánh tánh, cũng thành tựu Dị sinh tánh, căn cứ theo ba Thừa Kiến đạo trước.

4. Chủng tử của Vô lậu, cũng thành tựu Thánh tánh, chưa khởi hiện hành gọi là chẳng thành.

Không phải căn cứ theo chủng tử nói, hoặc chỉ nương theo đó, hay sinh ra dụng của hiện hành lập làm Thánh tánh, vì ngược nhau. Nếu không như vậy chỉ có chủng tử Dị sinh thành tựu Thánh. Nếu chỉ hiện hành nói, Thánh là Vô lậu, lúc không khởi hiện hành lẽ ra chẳng phải dị sinh, cũng chẳng phải Thánh. Nếu nương theo thuyết này, định tánh của ba Thừa Kiến đạo trở về trước cũng chỉ là câu thành tựu Dị sinh tánh. Hàng Nhị thừa đắc Thánh và hồi hướng đến Đại thừa chưa nhập vào Sơ địa gọi là cũng thành tựu dị sinh, cũng thành tựu Thánh tánh. Hàng Nhị thừa vô dư là câu câu phi.

Trong phần hỏi đáp biện rõ, hỏi: Định tánh Đại thừa và Bất định tánh hay hướng đến Đại thừa, nương theo chủng tử của hai chướng lập ra Dị sinh tánh, định tánh Nhị thừa là nương theo hai chướng chăng?

Đáp: Có hai giải thích.

Một, chỉ nương theo chủng tử của phiền não lập, vì nó không đoạn và không chướng.

Hỏi: Nếu không phải chướng đoạn, tức là không nương theo lập, người của vô tánh hai chướng không đoạn, không chướng ngại thừa kia, nên không phải nương lập?

Đáp: Vì cực trọng chướng.

Hỏi: Nếu như vậy hàng Nhị thừa, người của định tánh, không được hướng đến Đại thừa, sở tri chướng kia cũng gọi là cực trọng chăng? Nếu gọi cực trọng lẽ ra nương theo lập, nếu không gọi trọng do không chướng ngại quả tự thừa kia, vô tánh cũng như vậy?

Đáp: Định tánh có thể đắc Thánh, tuy có sở tri không gọi là trọng, vô tánh không đắc Thánh nên hai chướng gọi là trọng.

Hỏi: Phiền não có thể đoạn được tự thừa, phiền não không gọi là trọng, sở tri chẳng phải đoạn không được Đại thừa, chướng của sở tri cũng gọi là trọng, nếu do sở tri không chướng Tiểu thừa, hai chướng không chướng phàm phu chăng?

Đáp: Chỉ có Thánh pháp, gọi là Thánh tánh, định chướng sở tri không chướng khinh. Vô tánh rốt ráo không phải Thánh pháp, hai chướng kia gọi là trọng.

Hỏi: Nếu mong tất cả Thánh pháp gọi là Thánh tánh, do không chướng nên được gọi là khinh, lẽ ra tất cả chướng pháp gọi là Dị sinh, tùy theo đắc được Thánh tánh, lẽ ra đều xả?

Đáp: Hai trí đều có thể chướng lý, chỉ có Thánh pháp gọi là Thánh tánh, sở tri định tánh lúc không đoạn, không chướng Thánh pháp, chẳng phải Dị sinh, nếu nương theo đó lập được Thánh thừa nhận đoạn, tức là trái với các luận nói sở tri chướng chỉ Đại thừa riêng đoạn, nếu không thể đoạn, đã thừa nhận chướng còn, há đắc được Thánh tánh? Do đây nên biết, chỉ nương theo một lập ra, như sở tri chướng ở nơi thân của Nhị thừa, không gọi là chướng, không ngăn ngại quả kia gọi là Vô phú.

Hỏi: Nếu như vậy vô tánh đã có hai chướng ngại, cũng không chướng ngại kia, nên không gọi là nhiễm?

Đáp: Trời người đồng dị sinh, không chướng ngại có thể không nhiễm, đối với Thánh gọi là dị sinh, không đắc nên gọi là nhiễm. Lại giải thích không chướng ngại nhân, phàm phu. Vì cảm được sinh nên gọi là nhiễm, sở tri không chướng ngại Tiểu thừa, không chiêu lấy Sinh không nhiễm. Lại giải thích định tánh Nhị thừa cũng nương theo hai chướng lập ra Dị sinh tánh, văn không lựa ra, hay chướng ngại Đại thừa, nhất định không đắc, như vô tánh chướng, nhất định không được Thánh, nương theo hai chướng lập.

Hỏi: Nếu như vậy Nhị thừa đoạn được sở tri Dị sinh tánh này chăng?

Đáp: Có hai giải thích:

Một là cũng đoạn.

Hỏi: Nếu như vậy lẽ ra đoạn được sở tri chướng?

Đáp: Thừa nhận cũng không lỗi.

Hỏi: Như đoạn được định chướng, đây cũng không như vậy, định chướng trừ hiện hành không đoạn được chủng tử, vì đây nương theo chủng tử?

Đáp: Tuy nương theo chủng tử lập ra, không phải nhận lấy chủng tử, nương tựa chủng tử giả lập. Nói không đoạn được sở tri, căn cứ theo thể của chủng tử mà nói, nói đoạn được Dị sinh tánh là căn cứ theo giả công năng, giả thật đã khác nhau, nên không phải ngược nhau. Nếu nương theo giải thích này, bất định Nhị thừa chỉ cũng gọi là Thánh. Vì Dị sinh tánh được Thánh xả.

Hai là không đoạn mong tự thừa mà nói, tên đắc được Thánh tánh, sở tri chưa đoạn được kia tánh vẫn còn, nếu như vậy lẽ ra nên gọi vừa phàm phu vừa Thánh, thừa nhận cũng lỗi gì? Có lỗi tạp loạn.

Đáp: Nếu lấy Thánh tánh làm Dị sinh tánh, có thể có tạp loạn.

Hỏi: Hai tánh khác nhau làm sao thành tạp loạn, hai tánh tuy chẳng tạp loạn, phàm thánh là tạp loạn chăng?

Đáp: Mong nghĩa có khác nhau, cũng không phải là lỗi, như Bất định tánh Nhị thừa Thánh, chưa đạt đến Sơ địa, cũng là tên khác Tiểu thừa, nên giải thích sau là chính.

Hỏi: Vì sao không đồng nương theo Câu sinh chướng lập?

Đáp: Căn cứ theo toàn năng chướng kiến, tu, Vô lậu, Câu sinh lập toàn năng chướng ngại hai Vô lậu, nên không phải nương lập. Luận Du-già quyển 56 ghi: “Nương theo chưa sinh khởi phần vị của tất cả pháp Thánh xuất thế, kiến lập Dị sinh tánh”. Luận này cũng nói chủng tử kiến sở đoạn chưa vĩnh viễn hại vị, giả lập chẳng phải đắc gọi là Dị sinh tánh.

Hỏi: Nương chủng tử kiến đoạn lập Dị sinh tánh làm gì? Tổng nương ba cõi chủng tử kiến đoạn lập làm gì?

Đáp: Có hai giải thích:

Một là chỉ chấp lấy hiện hành của Thức thứ tám, đồng địa chủng tử của kiến đoạn lập, không nương theo tất cả chủng tử của phân biệt lập. Nếu không như vậy một cõi thành ba cõi, lẽ ra gọi là Dị sinh ba cõi. Nếu nhận lấy chủng tử hiện hành sinh, tức là đã đắc được định trên, khởi hoặc của địa trên, cũng gọi là dị sinh.

Hai là đồng nương theo ba cõi, chủng tánh của kiến sở đoạn, văn không lựa ra, đồng là dị sinh, nên không phải tạp loạn, không đồng với thể tánh của dị, thú, sinh v.v... dị, thú, sinh v.v... hiển bày giới, thú khác

nhau, đây khác với bậc Thánh nên không phải tạp loạn, giải thích trước là chính. Luận Du-già quyển 56 ghi: "Ba cõi Dị sinh tánh, tánh thuộc vô sinh, sinh đã khác giới, nên sinh cũng khác".

Hỏi: Do bậc Thánh hướng đến phàm phu, Vô lậu đều là Thánh tánh, do phàm phu hướng đến bậc Thánh, Hữu lậu đều là dị tánh chăng?

Đáp: Hữu lậu bậc Thánh vẫn khởi, nhưng lậu chẳng phải Dị sinh, Vô lậu chuẩn theo phàm phu đều không có, nên gọi chung là Thánh tánh.

Hai là đối với Tiểu thừa nói sẽ sai biệt, vả lại đối với Hữu bộ có sáu môn sai biệt:

1. Y xứ sai biệt, Hữu bộ chỉ nương theo Chúng đồng phần và cùng với mạng căn, Đại thừa tức là nương theo chủng tử của hai chướng lập ra.

2. Giả thật sai biệt, có thể biết.

3. Xả vị sai biệt, Hữu bộ có ba thuyết: một là Thế đệ nhất pháp xả; hai là khổ pháp trí nhẫn sinh tướng thời xả, tức là lúc kia diệt, đoạn được phiền não; ba là hai chủng tử cùng xả, như đoạn được phiền não, Vô gián, Giải thoát, hai đạo đoạn được hoặc. Nếu Luận sư của Đại thừa chân kiến vô gián, lúc khởi chánh diệt, tức là khổ pháp trí nhẫn có tướng Kiến đạo, giả nói là xả, thật chân Kiến đạo, nương theo chủng tử của chướng lập ra.

4. Năng đắc sai biệt, Hữu bộ chỉ lập ra đắc, đắc được phi đắc, vì Dị sinh tánh là phi đắc, riêng có đắc đắc. Đại thừa tức là tánh của dị sinh này mong Thánh tánh gọi là phi đắc, căn cứ theo Dị sinh tánh tức gọi là đắc, như ba thành tựu không khác với ba biệt lập thành tựu.

5. Tánh sai biệt, Hữu bộ chỉ là Vô phú vô ký, Đại thừa thông cả ba, bất thiện hữu phú và do Vô lậu, vì định tánh Nhị thừa sở tri mong kia là Vô phú, thông với ba cõi, vì nương hai chướng.

6. Phi đắc sai biệt, Hữu bộ phi đắc mong tất cả Thánh pháp. Luận Câu-xá quyển 4 ghi: "Không phải được Thánh pháp làm sao được gọi là Dị sinh tánh", nghĩa là không phải được tất cả không phải nói riêng, đây không được nói lìa mà được. Nếu khác đây chư Phật Thế Tôn cũng không thành tựu Thanh văn, Duyên giác. Chủng tánh Thánh pháp, nên gọi là dị sinh. Nếu như vậy luận kia sẽ nói thuần, không cần phải nói. Trong một câu này bao hàm nghĩa thuần, như nói loại này thực thủy thực phong, lại được Thánh pháp rồi càng không hồi tâm làm ra thừa khác, nên mong tất cả. Đại thừa không như vậy, trông mong không thể

được nói trí hai Không, không có Thanh văn v.v... tuy gọi là Thánh trông mong hồi hướng Đại thừa chưa nhập Kiến đạo cũng gọi là dị sinh. Vì chưa đắc được pháp Không, sở tri vẫn còn, cho đến Sơ địa. Lại nói rằng đắc được Thánh tánh, lại Hữu bộ kia Tam thừa chỉ đoạn được phiền não chướng, nếu sở tri chướng Tiểu thừa không đoạn, đã nương theo chướng lập, lúc nhập vào Sơ địa đoạn được hai phân biệt. Tuy không được thành tựu Thánh tánh của Nhị thừa, nhưng gọi là dị sinh, vì đã đoạn được hai chướng, chứng được trí hai Không, chỉ lược nói như vậy.

Trong phá Đồng phần, nêu ngoại đạo chống chế rằng: Pháp bên ngoài chẳng phải thú sinh, nên không lập ra Đồng phần. Lẽ ra vặn hỏi rằng, thú là theo thú hướng đến nghĩa, pháp bên ngoài có thể chẳng phải thú, không do thú hướng đến, giải thích Đồng phần, vì sao được lấy thú để ví dụ Đồng phần? Thú là thú hướng đến nghĩa, pháp bên ngoài không phải Đồng phần, Đồng phần tương tợ nghĩa pháp bên ngoài tương tợ lập ra Đồng phần. Lại vặn hỏi, ông vốn nói pháp bên trong là thú sinh, hữu tình lập ra Đồng phần, pháp bên ngoài chẳng phải tình thú, pháp bên ngoài không phải Đồng phần. Ông vốn do có đồng trí, pháp bên trong có Đồng phần, pháp bên ngoài có đồng trí, làm sao được không phải đồng phần, làm sao chống chế rằng pháp bên ngoài chẳng phải thú sinh, nên không lập đồng phần? Trên đây vặn hỏi xưa, dưới vặn hỏi sư Chánh Lý, còn lại chuyển vặn hỏi chống chế đều như Sớ thuật trong phần Thuật chánh.

Hỏi: Đồng phần của Đại thừa nương theo phi tình bên ngoài lập chăng?

Đáp: Căn cứ theo tương tợ nghĩa, giả lập Đồng phần, thông với trong ngoài, mười môn phân biệt như Xu Yếu nói.

Hỏi: Nếu thông với tất cả, lập ra Đồng phần. Vì sao được dẫn kinh nói rằng trời này đồng phần, người này đồng phần, không nói cõi khác?

Đáp: Kinh căn cứ theo hiển thù thắng, nói hữu tình đã căn cứ theo tương tợ, giả thiết lập thông với bên ngoài, lập có lỗi gì? Chuẩn theo đây đã phá được cái khác ngược với kia nên bên ngoài giả lập.

Luận: Lại nếu mạng căn dị thức thật có nên như thọ v.v... chẳng thật mạng căn. Tỷ lượng như văn.

Hỏi: Đã cho khác thức là nhân, vặn hỏi chẳng phải thật mạng căn, họ do không lìa nhân của thức, vặn hỏi chẳng phải mạng căn vì sao lý vặn hỏi có thể khiển trừ?

Đáp: Mạng căn của Đại thừa chẳng phải như gọi định, dù cho sắp

sinh v.v... vặn hỏi chẳng phải giả mạng căn, cũng là lỗi tương phù. Vì Đại thừa lập chỉ giả danh tự có công năng này. Lại có giải thích rằng: Cùng với họ làm ra lỗi trái giáo, nói trụ nơi diệt định v.v... thọ không lìa thức, cũng không thành vặn hỏi, họ cũng thừa nhận thọ không lìa thức. Do văn của luận này chỉ nói rằng: Khác với thức thật có nên chẳng phải mạng căn.

Tây Minh nói: Họ nếu vặn hỏi Đại thừa rằng: Luận chủ đã nói thọ v.v... sẽ chẳng phải thật thọ v.v... vì lìa thức thật có, như tướng v.v... Giải thích rằng: Bên ngoài lỗi trái với giáo, họ thừa nhận thọ v.v... là thật có. Nếu không như vậy do lìa thức thật có, nên nhân cả hai đều chẳng thành lỗi. Tiểu thừa Đại thừa đồng thừa nhận thọ v.v... không lìa thức, dụ không có lỗi năng lập. Trên tuy nói lẽ ra so sánh lìa thức không khác mạng căn là thiết lập để ngăn phá, chẳng phải họ đã thừa nhận mạng căn lìa sắc, tâm có thật tự thể, họ chỉ nói khác với sắc tâm có thể, không nói lìa.

Tây Minh nói: Luận Tát-bà-đa lượng rằng: Mạng căn thật có, vì hay giữ gìn thân, như nghiệp, nếu không như vậy nhân này có lỗi tha tùy một bất thành. Vì Sư của Đại thừa không thừa nhận mạng căn hay giữ gìn thân. Nếu thừa nhận giữ gìn thân, dưới phá được Kinh bộ loại, giữ gìn, huân tập, giả không thể giữ gìn, có lỗi bất định.

Yếu Tập ghi: "Lẽ ra nói mạng căn lìa thức của ông không thể giữ gìn thân, tức là không có lỗi trái tông, mạng căn của Đại thừa thừa nhận giữ gìn thân, cùng thừa nhận Đồng phần không giữ gìn thân, cũng không như vậy, đồng với lỗi trước". Các luận chỉ nói hay khiến cho tương tục trụ thời quyết định. Ở trong phần vị này, giả lập ra mạng căn, không nói hay giữ gìn, nếu có chỗ nói hay giữ gìn thức, do nghiệp dẫn chủng tử hay sinh ra hiện hành thức, tương tục không đoạn công năng sai biệt, hay kiến lập nghĩa giữ gìn. Giả gọi là mạng trì, chẳng phải là nhiếp thọ trì của chấp trì, cũng không phải là chấp lấy chánh năng sinh dụng. Sau phá giả trì, căn cứ theo nhiếp thọ chấp trì, nay họ nói rằng mạng căn hay giữ gìn thân tức là nghĩa của nhiếp trì nên làm ra phá trước.

Luận: Như bốn chánh đoạn nghĩa riêng nói ba, bốn chánh đoạn theo nghĩa nói bốn thể là tinh tấn, mạng căn v.v... tuy có ba theo nghĩa sai biệt thể là một thức.

Ngoại đạo vặn hỏi: Thọ v.v... theo nghĩa mà nói, một thể chia ra ba uẩn, chánh đoạn căn cứ theo nghĩa phần, một tinh tấn thông với nhiều uẩn?

Đáp: Mạng căn theo nghĩa có riêng thù thắng riêng, nên phân làm

ba xứ, chánh đoạn theo nghĩa phần không có thù thắng riêng biệt, nên thuộc về một xứ, lại tuy không phải hoàn toàn tương tợ, chấp lấy dụ của thiểu phần.

Luận rằng: Thức chuyển diệt kia chẳng phải A-lại-da.

Ngoại đạo vặn hỏi: Nhàm chán tâm nhập vào vô tâm chỉ có tế tâm, nhàm chán sắc nhập vào Vô sắc chỉ có tế sắc?

Đáp: Tế tâm chẳng phải đã nhàm chán, diệt định tâm không phải vô, định sắc chẳng phải đã nhàm chán.

Trong Vô sắc giới có vặn hỏi: Nhàm chán sắc nhập vào Vô sắc, chỉ có tế sắc, nhàm chán y nhập vào vô y, chỉ có nơi tế y?

Đáp: Có xả vô thường sắc đắc được thường sắc.

Vặn hỏi: Hàng Nhị thừa đều nhàm chán thô tâm, sắc nhập vào vô tâm, sắc đồng với Đại thừa có, Nhị thừa nhàm chán y nhập vào vô y, đồng với Phật chẳng phải không có?

Đáp: Bồ-tát nhàm chán thô không nhàm chán tế, có bi trí, có tế thân, Nhị thừa thô tế đều đã nhàm chán, không thương xót nhập vào tịch tĩnh, thân chẳng có.

Lại có hai giải thích, như Xu Yếu nói.

Phần thuật chánh luận về mạng căn, các giáo pháp của Đại thừa có sáu loại không đồng:

1. Chỉ nói chủng tử của Thức thứ tám, như luận này.

2. Đồng nói hiện hành, luận Du-già Quyết trạch ghi: "Chủng tử hiện hành của tám căn nhất định thành", mạng căn ở trong đó.

3. Chỉ có sáu xứ bên trong, luận Hiển Dương quyển 1 ghi: "Mạng căn nghĩa là nghiệp trước đã dẫn Dị thục, sáu xứ trụ thời quyết định tánh".

4. Thông với năm uẩn, Tập luận quyển 1 ghi: "Những gì là mạng căn? Nghĩa là ở trong Chúng đồng phần, nghiệp dẫn quyết định". Luận Tạp Tập giải thích: Đồng phần là ở trong một đời, các uẩn tương tục v.v...

5. Là nương theo tướng chung mà nói, luận Du-già quyển 52 ghi: "Thế nào là mạng căn? Đối với xứ kia được sinh ra tự thể, đã có trụ thời, hạn lượng, thế lực, phần vị nên gọi là thọ.

6. Nương theo Dị thục mà nói, quyển 56 ghi: "Đối với nghiệp sở dẫn lúc Dị thục trụ, quyết định vị kiến lập mạng căn". Kết hợp với văn của luận Hiển Dương, như trong Sớ giải thích.

Quyết trạch tám căn như Xu Yếu tổng hợp từ các văn khác không trái với ba giải thích trước. Nhưng văn của luận Hiển Dương lại có giải

thích rằng: Tuy Tướng phần, Kiến phần khác nhau, nhưng không lìa thức, thức này tướng phần chung gọi là thức này. Lại nói rằng: Ý kia căn năng trì, năm căn sở trì, năng sở riêng nói rằng sáu xứ. Luận này năng, sở hợp nói gọi là chủng tử của thức này, cũng không trái nhau. Tuy có các giải thích, Sớ đoạn chỉ chấp lấy chủng tử của thức kiến phần, gọi là mạng căn, không chấp lấy tướng phần, giải thích này là chính.

Giải thích lúc ứng với Vô sắc cho đến đây vì sao như vậy? Sớ tự xưa đã không luận, cho đến nói rằng: Ngã nghĩa tâm pháp thông với năng yểm, tức là nói tâm pháp, gọi là Vô sắc, sắc pháp chỉ sở yểm, nên nói chủng tử của tâm gọi là vô tâm. Ở đây đáp thêm rằng: Tâm pháp thông với năng yểm, nói chủng tử của tâm gọi là vô tâm, sắc pháp chỉ sở yểm, tức là nói tâm pháp, gọi là Vô sắc, tức là tâm pháp thông với năng yểm. Chỉ có chủng tử của tâm gọi là vô tâm, sắc pháp chỉ sở yểm, chỉ có tâm pháp gọi là Vô sắc. Đây lại lần lượt thuật ra trọng, hiển bày văn trước, càng giải thích thêm, nhàm chán sắc nhập vào Vô sắc, tâm làm năng yểm gọi là Vô sắc. Nhàm chán tâm nhập vào vô tâm, chủng tử của năng yểm tâm gọi là vô tâm. Ông đã nhàm chán tâm nhập vào vô tâm, không ở nơi năng yểm, gọi là vô tâm. Chỉ lập ra phi sắc phi tâm gọi là vô tâm. Nhàm chán sắc nhập vào Vô sắc, không ở nơi năng yểm lập ra Vô sắc, chỉ có phi sắc phi tâm, gọi là Vô sắc. Nhàm chán sắc nhập vào Vô sắc tức là ở nơi tâm của năng yểm gọi là Vô sắc, nhàm chán tâm nhập vào vô tâm tức là ở nơi chủng tử tâm của năng yểm gọi là vô tâm.

Luận: Lúc tâm nhỏ nhiệm huân tập Thức Dị thục, thành tựu chủng tử của yểm tâm. Vì sao không ngay ở địa vị này lập ra vô tâm định, đợi sát-na sau mới gọi là vô tâm định, trước, sau v.v...?

Tây Minh nói: Tam tạng Chân Đế chỉ nói nương theo chủng tử lập, tức không lìa vấn nạn trước. Nay nói hai định nương theo chủng tử giả lập, nên tuy thành chủng tử mà duyên chưa đầy đủ, không lập ra hai định, phải đợi tâm diệt mới lập ra hai định. Như luật nghi vô biểu lúc đầu thành tựu chủng tử, duyên chưa đầy đủ nên không thành tựu vô biểu. Nay cho rằng Chân đế giải thích cũng không khó, vô tâm nương theo chủng tử, ban đầu có hay huân tập, chưa phải là vô tâm, nên nói rằng nương theo chủng tử, vốn là nhàm chán tâm, có tâm chưa lập, địa vị sau mới lập.

Luận: Vô tưởng định trước cầu vô tưởng quả, nên đã huân tập thành chủng tử, chiếu lấy Thức Dị thục kia. Sớ có hai giải thích: Tự đoạn được chính trước, tuy vô tưởng Dị thục giả chẳng phải thật cảm,

nhưng là cầu được quả kia, tu được Vô tưởng định. Nếu lúc hữu tâm là hay cảm lấy quả của Vô tưởng kia, tu được hữu tâm định, vì sao giả vô tâm? Vì vô tâm định trước tâm nhỏ nhiệm đã huân tập thành vọng tưởng, ngăn ngừa tâm không khởi, mới gọi là Vô tâm định, tức là nói giả pháp hay ngăn ngừa thật tâm, lúc sau được quả tuy là giả, nhưng do nhàm chán tâm sức của công năng, tướng v.v... không khởi, giả nói là cảm đối với lý trái gì? Nếu đều thật chủng tử làm ra năng cảm nên đồng với Thức thứ tám, không gọi là vô tâm. Lại nữa luận này chỉ nói nên được huân tập thành chủng tử, chiêu lấy thức Dị thục kia, nương theo nó thô động tưởng v.v... không phải hành giả lập Vô tưởng, không nói thành chủng tử, chiêu lấy Vô tưởng kia. Lại nữa là giả, vì sao chủng tử chiêu cảm được?

Hỏi: Lúc được quả, chủng tử của tâm nhỏ nhiệm tức là từ lâu đã diệt, nhưng có chủng tử tương tục của vô tâm, không phải chủng tử của hai loại, làm sao có thể nói hữu tâm cảm được hữu tâm?

Đáp: Tuy không phải chủng tử riêng, tức là tâm cuối cùng và chủng tử đồng thời tu, có hay cảm được sức của Dị thục chung kia, vì chưa thuần thục, quả không được khởi, sau khi thuần thục sinh quả thì sẽ hiện hành thành tựu chủng tử, lúc mong đắc quả, nói hữu tâm cảm, nên cũng không trái.

Tây Minh nói: Chuẩn theo biết đây nhờ vào gia hạnh thì chủng tử nhỏ, và nhỏ nhiệm đều cảm được quả chung, hữu tâm Dị thục chính là địa vị vô tâm, căn bản thật chủng tử, chiêu lấy quả riêng của vô tâm, định lực của vô tâm ngăn ngại tâm không sinh, lý quyết định như vậy, không phải lao nhọc mới chiêu cảm.

Đây tuy giải thích khác, căn cứ theo thời có thể cảm, không vượt ngoài giải thích của Sớ, nhưng lại có lỗi, vì sao tự thừa nhận cõi trời kia chẳng phải quả sở sinh, giả không phải thể riêng? Không nên nói làm chủng tử thật cảm, nếu thừa nhận thật cảm, vì sao nói định lực của vô tâm ngăn ngại tâm không sinh, lý quyết định như vậy, đâu cần mệt nhọc giải thích.

Yếu Tập ghi: Có thuyết nêu hai giải thích, giải thích sau nói trái với quyển 56. Sớ tự phán phân giải thích sau chẳng đúng, vì sao dẫn lại rườm rà? Nhưng nói rằng chư Thiên kia tổng báo Thức thứ tám, và sau sinh đắc tâm v.v... nhất định làm chủng tử của hữu tâm nhỏ nhiệm chiêu cảm. Nếu không phải hiện hành tư, chủng tử không thể chọn lấy quả, giả Dị thục vô tưởng biệt báo kia tức là tùy theo sở y, đồng thời nói cảm, không phải chia ra chiết phục hữu tâm, vô tâm. Chủng tử của hai vị, chỉ

cảm lấy hai quả, đã đồng thời cảm được, vì sao một hữu tâm một vô tâm lại cùng thời cảm được? Tức là lẽ ra vô tâm cùng với Dị thục chung, cùng thời mà đắc, vì sao có trước sau? Nếu nói rằng ai nói có trước sau, tức là trái với luận nói tâm, tâm sở diệt, đã nói tâm tâm sở diệt, rõ ràng biết ban đầu khởi hiện hành. Cũng không thể nói rằng, luận Du-già 56 đã nói khởi, nghĩa là hay dẫn dắt tư của phát Vô tưởng định, hay cảm được quả Dị thục kia, nói rõ là đồng thời không phải lại phân biệt hai quả chung riêng, đây cũng không như vậy. Nếu chấp thẳng vào luận nói, cũng lẽ ra chỉ hiện hành tư, không được thông với chủng tử. Sau nói, nghĩa là hay dẫn dắt tư của phát Vô tưởng định, hay dẫn dắt tức là hiện hành tư, lại không nói chủng tử. Nếu nói do nghĩa thông với chủng tử, cũng do nghĩa lấy lời cảm được tổng báo, nương theo tổng báo này, sáu thức không hiện hành, giả lập ra vô tưởng. Cho nên luận này nói: Nên chủng tử đã huân tập thành, chiêu lấy thức Dị thục kia nương tựa nó thô động tưởng v.v... không hành, giả lập ra vô tưởng.

Luận: Vô tưởng định trước đến chiêu lấy thức Dị thục kia, nói rõ sở y, nương theo thô động dẫn đến giả lập vô tưởng, nói rõ năng y.

Hỏi: Vô tưởng Dị thục diệt, bao nhiêu thức được lập ra?

Đáp: Diệt được một thức lập ra, vì hai thức tỷ, thiệt chỉ ở cõi Dục, ba thức nhãn, nhĩ, thân chỉ ở định ban đầu, ở định thứ tư, thô chỉ ở Thức thứ sáu, không thể khởi Địa dưới, Dị thục có ba thứ nhãn v.v... nên chỉ ở Thức thứ sáu.

Hỏi: Nêu ra Dị thục kia, tâm duyên theo Địa nào?

Đáp: Tùy theo Địa sở sinh lấy làm sở duyên, vì thuận sinh ái nhất định cùng với sở sinh, đồng một đạo, không nói Địa khác ái thấm nhuần Địa khác sinh.

Hỏi: Vô tưởng Dị thục tức là nương theo sở yểm để lập ra, hai định vì sao nương theo năng yểm lập ra?

Đáp: Dị thục là sở cầu, ở nơi sở cầu lập ra Dị thục, hai định cũng sở cầu tức là ở trên hai định lập ra hai định, nên không vặn hỏi lỗi.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 3

Luận: Có ba pháp Hữu vi là tướng của Hữu vi, đầy đủ như Sớ giải thích. Nhưng theo luận Bà-sa quyển 38 ghi: "Như thí dụ các tướng của Hữu vi chính là thuộc về bất tương ưng hành uẩn, ít đồng với Đại thừa", tức là Bản sư của Kinh bộ, nhưng đồng lìa thức không lìa thức khác nêu phá ở sau. Phân Biệt luận thì nói năng tướng này đều là Vô vi. Thuyết của Pháp mật bộ cho rằng ba tướng Hữu vi diệt tướng Vô vi, lập thành Vô vi là chẳng phải đã phá đây, sau trong Vô vi mới nêu phá. Đây tuy lập thành tướng của Hữu vi chẳng phải là bất tương ưng, vì trong văn luận nêu, kết chỉ phá bất tương ưng, đã phá người khác xong, nên đây không phá. Nay cho rằng không như vậy, chẳng phải người khác đã phá, nay đây không phá, vì các pháp bất tương ưng. Kinh bộ đã phá, nay lại phá, hoặc tuy Vô vi nhưng là năng tướng, nay phá nghĩa của năng tướng, phần sau phá nghĩa của Vô vi, hai đoạn đều phá lý, cũng không trái, tương tợ nhau nối tiếp nhau. Sa-môn đã nói sắc pháp sinh, trụ, lão, vô thường, thể lại có sắc, cho đến thức pháp sinh, lão, trụ, vô thường, thể lại có thức. Từ đây trở xuống nêu phá không phá riêng nó, nếu không như vậy, thể của sắc tâm tức là sắc tâm, nên có lỗi tương phù. Luận sư của Kinh bộ lập chuẩn theo thuyết của luận Bà-sa, đồng với Đại thừa lập một kỳ bốn tướng.

Luận sư của Tát-bà-đa nói: Chỉ là tướng của chúng đồng phần, chẳng phải tướng của Hữu vi. Ý đây nói một kỳ bốn tướng nhưng cùng với đồng phần mà làm năng tướng, chẳng phải các tướng của Hữu vi, vì các tướng của Hữu vi, từng sát-na sát-na đều đầy đủ bốn tướng, tức là luận Tát-bà-đa không thừa nhận nương theo kinh mà lập ra một kỳ bốn tướng. Theo tục đế của thế gian, lý tức là không ngăn ngại. Luận Bà-sa quyển 38 có nhiều chữ "lại nữa" để giải thích, các môn nghĩa còn lại, như các luận đã bàn.

Nói chẳng phải thanh thứ sáu liền biểu hiện thể khác v.v... Bên ngoài lập luận rằng nói tướng Hữu vi, nhất định chỉ có thể riêng vì nói có chuyển thứ sáu, như y của trời trao cho. Chuẩn theo trong luận này có ba lỗi:

Một là lỗi tỷ lượng tương vi trong tông, lỗi nói: Tướng Hữu vi, chẳng phải nhất định có thể riêng, vì nói có chuyển thứ sáu, như sự chắc chắn của đất v.v... tông không nói nhất định không có thể riêng, chỉ trái với luận kia nhất định có riêng, không có lỗi bất định.

Hai là lượng kia có lỗi bất định, như văn có thể hiểu.

Ba là cũng có lỗi hữu pháp tự tướng tương vi.

Lượng này không chỉ lập có tự thể riêng, tức là hiển bày lìa sở tướng là năng tướng của Hữu vi? Y trời cho chẳng phải năng tướng của Hữu vi, cho nên thành ra trái nhau. Lìa bốn tướng này lại không đồng dụ, còn lại đều chẳng phải tướng của Hữu vi, tức là thành tựu pháp khác. Chuyển thứ sáu nói nhân đối với chuyển khác, như Nhập Chánh Lý luận lập các lượng chẳng phải thật, đức, nghiệp v.v...

Luận: Nếu thể của Hữu vi khác nhau v.v... thì lập luận rằng: Vì tướng của ông Vô vi nên lìa thể riêng có, nói tướng của ngôn thuyết, như tướng của Hữu vi, nhưng có giải thích rằng: Lượng này có lỗi tha bất định nói: Phẩm khác như cứng v.v... gọi nó là tướng là lỗi của bất định, đây cũng là không có lỗi, ở trong tông do thừa nhận có, vặn hỏi chung khiến cho nó khác đây.

Lại nói: Ông không có lỗi tự trái.

Tây Minh lượng rằng: Thể của tướng Vô vi lẽ ra khác với sở tướng, vì trong Vô vi tùy theo một nhiếp, như tướng của Hữu vi.

Có người giải thích rằng: Lượng này cả hai đều bất thành, cho là trong Vô vi tùy một nhiếp nhân, đối với sở tướng có, đối với năng tướng không có, đây cũng không như vậy, năng tướng của Hữu vi là Hữu vi, năng tướng của Vô vi cũng là Vô vi, lẽ nào năng tướng của Vô vi ở trong Hữu vi? Nói đối với năng tướng không có, Yếu Tập theo thuyết này. Lại có giải thích thù thắng hơn, trong phá tha nói tướng thể Hữu vi của ông không khác với sở tướng, hoặc lẽ ra không phải riêng thật tướng là tướng, vì trong tướng Vô vi tùy một nhiếp, như tướng của Vô vi.

Yếu Tập ghi: Có thuyết giải thích chỉ là lượng này, lượng này trong nhân có lỗi pháp sai biệt tương vi. Lượng rằng: Thể của tướng Hữu vi, lẽ ra chẳng nhờ vào bất tương ưng, vì trong Vô vi tùy một nhiếp, như tướng của Vô vi, do đây chỉ dùng lý nêu phá, không nên lập lượng là lời này chẳng phải lý, vì sao? Vì lập tông nói thể tướng Hữu vi của ông tức

là đứng về tha tông phá tha tỷ lượng, vì không lập tự, vì sao được luận với luận chủ? Tạo tác pháp sai biệt trái nhau, lại nhờ vào sở tướng sai khác, thật sở tướng khác riêng thật có, không riêng thật có chính là sai biệt. Nhưng chuẩn theo sự tạo tác trái nhau tức là có pháp sai biệt, tức là thoát khỏi một chữ hữu, nếu tạo tác có sai biệt chính là sai biệt. Lại giả sử như vậy, luận kia lập ra lượng trái, cũng có lỗi này, vì thật có bất tương ưng, chẳng phải thật có bất tương ưng, chính là ý của sai biệt, lập lượng thật có bất tương ưng. Nay cũng tạo tác có pháp sai biệt, trái với lượng rằng: Tướng Hữu vi thật có của ông lẽ ra chẳng phải thật có bất tương ưng, vì trong Vô vi tùy một nhiếp, như tướng của Vô vi, cho nên không được thành tựu, hữu pháp và pháp sai biệt trái nhau, tức là hiển bày luận kia lập khác với Hữu vi bên ngoài chỉ lập riêng năng tướng, như y của Da-nhã. Lượng có pháp tự tướng trái nhau quyết định và pháp sai biệt trái nhau quyết định, lại lỗi như trên, do đây có thuyết có giải thích không lỗi.

Luận: Lại tướng của sinh v.v... nếu thể đều có v.v...

Bản ghi: Ban đầu phá sư xưa tướng dụng trước sau. Lại trụ, dị, diệt trở xuống phá luận Tân Tát-bà-đa, ba tướng dụng đầy đủ.

Tây Minh giải thích: Đều thông với mới cũ, có giải thích lấy trước làm chính.

Yếu Tập ghi: Lấy Tây Minh làm chính, vì bộ Bà-sa văn nghĩa có hai giải thích: một là khi tác dụng khác nhau tức là ba tướng trước sau. Lại nói: Luận Bà-sa nói khi diệt thì lão và diệt mới có tác dụng, nên tức là cùng thời. Nay cho rằng không như vậy. Trước dẫn ở luận Bà-sa quyển 39 nói hiển bày một sát-na đều có ba tướng.

Hỏi: Nếu như vậy lẽ ra một pháp cũng có sinh, lão, diệt; lúc tác dụng khác nhau nên không trái nhau, nghĩa là lúc pháp sinh, sinh có tác dụng, lúc diệt thì lão và diệt mới có tác dụng, thể tuy cùng thời, dụng có trước sau, ý này tức là trả lời ba tướng tác dụng đều có trước sau, không khác nhau là nói diệt và lão cùng thời.

Luận: Vì ngăn tha tông hiển bày chánh nghĩa, như sư của Thí Dụ cho rằng trong một sát-na có ba tướng, tức là lẽ ra một pháp một thời cũng sinh cũng lão cũng diệt, nhưng không phải lý này trái nhau, nên nói các hành ban đầu khởi gọi là sinh, sau hết gọi là diệt, giữa suy kém gọi là lão, vì ngăn chấp kia hiển bày một sát-na đầy đủ có ba tướng.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra một pháp một thời cũng sinh, lão, diệt ư?

Đáp: Lúc tác dụng khác nhau nên không trái nhau, cho đến nói:

Thể tuy cùng thời dụng có trước sau, một pháp sinh diệt tác dụng cứu cánh, gọi là một sát-na, nên không có lỗi, hoặc địa vị sinh diệt chẳng phải một sát-na, nhưng một sát-na có đủ ba thể. Nói ba tướng đồng một sát-na (Văn trên đã luận). Nói lúc diệt thì lão và diệt mới có tác dụng, vì lão suy kém, khi pháp diệt mới hiển bày.

Nói lúc diệt thì lão và diệt mới có tác dụng, nên phần sau tổng kết, thể tuy đồng thời, dụng có trước sau. Lại không nói trụ và diệt đồng thời, cho nên biết tướng dụng của sư xưa có trước sau, không nên phân làm hai thuyết, vì văn không khác.

Lại luận Câu-xá quyển 5 phá Tát-bà-đa rằng: Lại trụ v.v... ba dụng đều hiện tại, lẽ ra thể của một pháp trong một sát-na tức là có an trụ, suy dị, hoại diệt, nếu lúc trụ tướng có thể trụ pháp này, gọi là an trụ, gọi là suy dị, gọi là diệt hoại, các thuyết trụ v.v... dụng không cùng thời, thuyết kia liền trái với nghĩa của sát-na diệt, người khác tức là tự nơi tướng dụng trước sau, căn cứ đồng thời vặn hỏi cổ Tát-bà-đa tức là có lỗi tương phù, vặn hỏi tân Tát-bà-đa tướng dụng trước sau cũng là lỗi tương phù, nên nương theo bản chính.

Luận: Đã đợi nhân duyên nên chẳng phải vốn có.

Sớ trả lời người ngoài vặn hỏi: Pháp thưa xa tuy hiện có chủng tử liền không có duyên bên ngoài, tức là không thể khởi, vì kém yếu... Thật pháp của ông vì sao được cùng thí dụ?

Yếu Tập ghi: Giải thích này không thể hết lý, nay cho rằng thể của chủng tử tuy thường hằng, đã đợi nhân duyên, xưa không có nay có, triển chuyển không cùng, chẳng phải luôn luôn đầy đủ, nên chẳng phải thường sinh. Cho nên, luận Du-già quyển 51 ghi: “Các hành tuy có đều riêng sinh nhân, nhưng nhất định đợi duyên mới được sinh trưởng”, cho đến luận này nói không đồng với ngoại đạo, duyên luôn luôn chẳng phải không có, nên không phải liền sinh. Nay sẽ giải thích đây không khác với xưa, lại đợi duyên bên ngoài, duyên bên ngoài tức là gần gũi bên ngoài của chủng tử, duyên bên ngoài chưa hợp tức là không thể sinh, tức là duyên chẳng phải thường hằng có, nên tức là nhân trước, đâu cần nói riêng. Nay lại thiết lập vặn hỏi: như ngã thức bên ngoài có duyên bên ngoài, không đầy đủ không phải liền sinh, Đại thừa chỉ tự tâm, không phải mượn thức bên ngoài, pháp liền khởi chăng?

Đáp: Sở duyên gần gũi cảnh chỉ tự thức, không thể duyên bên ngoài, nói chỉ là tâm, không phải không tăng thượng hữu tình khác, bên ngoài đây không đầy đủ, chẳng phải liền khởi.

Người ngoài lại chống chế: Chủng tử của ông tuy hiện có, thưa

xa đợi giả duyên, thể của ngã pháp thật có, trở lại đợi thật duyên bên ngoài. Nếu như vậy tức là chấp hai thứ sinh liền là dụng của Vô vi.

Luận: Sở tướng thường hằng có mà sinh đồng hợp.

Hỏi: Phá này với lý trước có gì khác nhau?

Đáp: Trước do tông kia không lìa Vô vi lập riêng năng tướng, nêu phá Hữu vi không khiến lập riêng, nay vì thể của Hữu vi thường hằng có, nói sinh đồng hợp, nêu phá Vô vi thể cũng hằng có, lẽ ra sinh đồng hợp, cho nên hai văn khác nhau.

Câu-xá luận ghi: Tức là trước khác bất thành, khác trước chẳng phải một pháp. Nếu pháp đã khác nhau tức là trước trụ vào sở trụ, nghĩa khác bất thành, chẳng phải sở trụ trước là pháp khác nhau, tức là chẳng phải một pháp.

Luận: Sau khi nêu điều này, tướng Vô vi lỗi gì?

Bản sớ ghi: Tức là pháp hiện tại đối với sau không có thời, gọi là diệt, giả nói quá khứ, thể của quá khứ, không có thật, chẳng phải đời khác.

Tây Minh giải thích: Diệt tướng là giả, thuộc về hành uẩn, giả nương theo thật của hiện tại, thật của quá khứ, nếu nói hiện tại, sẽ nương theo đời khác, ý này diệt tướng, luận nói sau một là không phải, nên là quá khứ, nếu nói nương theo hiện tại, đời khác nương theo nhau. Tự giải thích vặn hỏi rằng: Nếu nương theo quá khứ, liền không phải sở y?

Đáp rằng: Như trong tỷ lượng lập thành pháp vô, nhân kia nương theo vô cũng được thành lập, chẳng phải như có lượng, nhân nhất định có nương theo, diệt tướng là vô, nương theo vô lỗi gì? Có giải thích lấy Sớ trước làm chính, sau nói tuy không phải tướng đời khác nương theo mà có tướng đời khác biểu hiện. Lại đã diệt vô như lông rùa v.v... chẳng phải là Hữu vi. Ý của Yếu Tập lấy thuyết sau làm chính. Quyển 52 ghi: "Nương theo sinh đã hoại diệt phần vị, kiến lập vô thường". Lại quyển 46 ghi: "Nương theo hữu phần kiến lập một thứ tướng của Hữu vi".

Lại luận này nói không có thời gọi là diệt, trong đây đã nói phần vị của thời là không thể không có thời nói có phần vị, cũng chẳng phải có thời nói không phải phần vị, do đây chuẩn theo nên biết, đã diệt phần vị kiến lập quá khứ, lại nhiều v.v... Nay cho rằng: lời của Sớ làm chính, vì sao lại luận lập đời? Đời nương theo pháp lập ra, tuy nói quá khứ, vị lai, nhưng quá khứ, vị lai không có tự thể, lại nương theo pháp hiện tại, quán đợi đã qua, sẽ đến mà lập ra đời quá khứ, vị lai. Tướng diệt ở quá khứ, quá khứ tức là nương theo pháp hiện tại giả lập, tướng

diệt lý thật nương theo hiện tại. Cho nên, luận Phật Địa quyển 1 ghi: "Trên pháp Hữu vi giả lập phần vị, hoặc là trên tâm phần vị ảnh tượng. Đây đã nói thời thông với ba đời, nhưng đối với hiện tại giả lập làm, nên luận Tạp Tập quyển 2 ghi: "Thời nghĩa là đối với nhân quả, tướng trụ lưu chuyển, giả lập làm thời". Quyển 3 ghi: Nương theo hiện tại giả lập quá khứ, vị lai, nên căn cứ theo sẽ được giả lập vị lai, căn cứ từng được giả lập quá khứ.

Lại luận này nói biểu hiện vô sau này là vô. Lại nói diệt biểu hiện hữu pháp sau là vô. Nếu không nương theo pháp hiện tại quán nghĩa từng có, chỉ lấy pháp vô rồi lập đời quá khứ và diệt tướng, tức là luận nói không phải thời gọi là diệt, quá khứ thật là vô, diệt tướng và đời tức là đều thật, vì sao đặt tên giả? Lại vì sao nói biểu hiện sau vô? Lẽ ra nói biểu hiện pháp trước đã là vô, lại trái với luận Tạp Tập quyển 3. Nương theo hiện tại, giả lập ba đời, luận kia căn cứ theo các pháp, nhân quả từng sẽ, vì thông với tất cả.

Lại luận Hiển Dương quyển 1 ghi: "Tâm bất tương ưng không thể thiết lập cùng với pháp của tâm v.v... dù một dù khác", diệt tướng tức là nương theo quá khứ mà lập, cùng với pháp hiện tại, thể thời đều trái nhau, vì sao không thể thiết lập là khác? Lại nếu chi vô, vì sao quyển 52 hỏi: Như Thế Tôn nói có hành quá khứ, cho đến nói rằng... đây vì sao mật ý?

Đáp: Các hành của quá khứ và quả nên có, các hành của vị lai nhiếp nhân nên có, nếu không như vậy, thể của quá khứ, vị lai tức là vô, vì sao có thể nói nhiếp nhân với quả? Cho nên nương theo pháp hiện tại nhiếp nhân với quả giả lập tên quá khứ, vị lai.

Lại vì sao nói trong các uẩn, tùy theo quán sinh diệt nương theo quá khứ, quá khứ là vô, vô chẳng phải pháp của uẩn?

Hỏi: Đã nương theo pháp hiện tại giả lập quá khứ, vì sao được nói vô thời gọi là diệt? Lại quyển 46 ghi: Hành của quá khứ đã sinh đã diệt, do các hành kia không phải nhân có thể được cũng không phải tự tánh. Lại nói tức là đây đã sinh ra các hành sát-na, tự tánh diệt hoại chánh quán là diệt?

Đáp: Tức là quán pháp hiện tại, có tướng thù đáp trước, giả nói nhân của đã từng gọi là quá khứ, gọi là đã sinh, tự tánh diệt hoại, chẳng phải không có pháp hiện tại, chỉ nói quá khứ. Cho nên, quyển 52 ghi: "Nếu đã cùng với chủng tử của quả tương tục gọi là quá khứ giới, đã nói chủng tử tương tục gọi là quá khứ giới là muốn nói rõ thể của chủng tử, chẳng phải là đã diệt".

Hỏi: Pháp hiện tại chưa diệt, vì sao lập ra diệt, lại của pháp hiện hành, có thể không có diệt tướng?

Đáp: Vả lại căn cứ theo chủng tử hiển bày cõi quá khứ ảnh rõ ràng ở nơi hiện tại, như chưa cùng với quả, chủng tử tương tục gọi là cõi hiện tại, không chỉ chủng tử riêng gọi là hiện tại. Như trong mười tám giới thông với ba đời, hoặc chỉ nói chủng tử, vì luôn luôn tương tục, nhân gọi là giới tăng, hoặc lại hiện hành cũng được gọi là chủng tử, vì có thể sinh ra quả. Như Hội thứ tám, mười nhân, hai nhân chủng tử nói, nên thật chủng tử đều có diệt tướng, do quán pháp hiện tại có thù đáp dụng trước, vì giả nói từng diệt. Nói diệt tướng ở đời quá khứ, vì pháp dứt rồi diệt tướng mới hiển bày. Căn cứ thật ở nơi hiện tại, do có sẽ diệt, cũng gọi là diệt, tức là như văn của luận biểu hiện vô sau giả lập diệt tướng, giống như hoại khổ, lạc diệt mới có, nhưng nói lạc thọ cũng gọi là hoại khổ, nghĩa là lúc hoại khổ, pháp hiện tại cũng như vậy, sẽ có ắt phải diệt nên nói quá khứ, vì thời này hiển bày, khác với tông khác nên căn cứ theo đời phân chia. Cho nên, quyển 52 ghi: Vì sao Thế Tôn chỉ nói ba thứ, một là sinh, hai là diệt, ba là trụ dị?

Đáp: Vì do tất cả hành ba đời đã hiển bày, từ đời vị lai vốn không có mà sinh ra, cho nên Thế Tôn do đời vị lai, đối với pháp Hữu vi nói sinh ra tướng Hữu vi, cho đến do đời quá khứ đối với pháp Hữu vi nói diệt tướng Hữu vi. Pháp của đời hiện tại hai tướng đã hiển bày, nghĩa là trụ và dị, tức là đối với hiện tại lập ra hai tướng của trụ và dị nói rõ sinh ở vị lai, diệt ở quá khứ. Theo nghĩa phần của đời, căn cứ theo nghĩa của thật giả, được thông với ba đời, nếu không như vậy bốn tướng không biến khắp Hữu vi. Hiện tại, vị lai không diệt nên chẳng phải là vô thường.

Quyển 52 ghi: “Lại nữa vô thường sai biệt cũng có nhiều loại, đó là hoại diệt vô thường, sinh khởi vô thường, Biến dị vô thường, tán hoại vô thường, đương hữu vô thường, hiện đọa vô thường. Nếu tất cả hành sinh rồi liền diệt gọi là hoại diệt vô thường. Xưa không nay có gọi là sinh khởi vô thường. Tướng hành khác khởi gọi là Biến dị vô thường. Lìa tán thoái thất gọi là tán hoại vô thường. Tức là bốn vô thường ở vị lai, thời gọi là đương hữu vô thường. Chính lúc hiện tiền gọi là hiện đọa vô thường. Chuẩn theo đây nên biết được thông với ba đời, vì lại giải thích bốn tướng sai biệt trước, lại giải thích chỉ hiện tại, vì không phân biệt quá khứ, vị lai, nương theo hiện tại lập thành ba, tuy thật nương theo hiện tại, nghĩa thông với ba đời, không có lỗi bất biến.

Nhưng pháp Hữu vi sức của nhân duyên trở xuống là phần nêu chánh, chuẩn theo văn có năm môn phân biệt:

1. Nói ý của tướng.
2. Tướng trạng của tướng, tức là cũng nói rõ tên.
3. Căn cứ theo phần đời.
4. Giải thích vấn nạn.
5. Hiển bày sai biệt.

Phân chia đoạn giống như sớ, nay lại nêu ra thể, nêu ra thể có hai: trước nói rõ tông khác. Luận Bà-sa quyển 38 ghi: "Như sư thí dụ nói tướng Hữu vi là bất tương ưng, thuộc về hành uẩn", bất tương ưng hành uẩn không có thật thể, nên tướng của Hữu vi chẳng phải thật có thể, nhưng sau kinh bộ không nói riêng ở trong bất tương ưng, luận Phân Biệt nói tướng của Hữu vi đều là Vô vi. Nếu là tánh của Hữu vi yếu kém thì không thể sinh pháp, trụ pháp, dị pháp, diệt pháp, vì tướng thể của Hữu vi là tánh mạnh bạo của Vô vi, liền có thể sinh pháp cho đến diệt pháp.

Pháp mật bộ cho rằng: Ba tướng là Hữu vi, diệt tướng là Vô vi. Nếu tướng của vô thường thì thể là Vô vi, vì tánh yếu kém nên không thể diệt pháp, vì là tánh của Vô vi mạnh bạo, liền có thể diệt pháp. Tương tợ tương tục Sa-môn nói sắc, pháp, sinh, trụ, lão, vô thường, thể lại là sắc, cho đến thức pháp cũng như vậy. Ý bốn tướng này không khác với sắc v.v... tùy theo thể của năm uẩn, tướng tức là thuộc về nó, chẳng phải là bất tương ưng.

Luận sư Kinh bộ nói: Năm uẩn lúc ra khỏi bào thai gọi là sinh, lúc tương tục gọi là trụ, lúc suy kém biến đổi gọi là dị, lúc mạng chung gọi là diệt. Nhưng luận Bà-sa ghi: "Nói nó chỉ là tướng của chúng đồng phần, chẳng phải tướng của Hữu vi". Ý này tức là nói chỉ nương tựa hữu tình trên chúng đồng phần lập bốn tướng này, không biến khắp Hữu vi, vì Luận sư kinh bộ nói pháp một sát-na không thừa nhận lập trụ, trong thời gian cùng cực gọi là sát-na, vì do các pháp sát-na, chuẩn theo luận Câu-xá quyển 5, kinh bộ cũng lập bốn tướng của sát-na.

Luận kia ghi: "Lại một sát-na các pháp của Hữu vi lìa chấp thật có vật, bốn tướng cũng thành tựu", nghĩa là mỗi mỗi niệm vốn không có nay có gọi là sinh, có rồi trở lại Không gọi là diệt, sát-na sau nối với trước khởi gọi là trụ. Tức là trước sau kia có sai biệt, nên gọi là trụ dị, ý này xưa không có nay có, thể khởi gọi là sinh có rồi trở lại không, không phải thời gọi là diệt. Có thể dẫn sát-na sau nối với trước khởi gọi là trụ, tức là trụ tướng kia, hoặc cùng với niệm trước, hoặc cùng với niệm sau, có sai biệt nên gọi là trụ dị. Căn cứ theo trụ nói rõ dị nên nói trụ dị, tuy là giả lập không lìa sở tướng. Luận Câu-xá quyển 5 ghi:

"Trong đây vì sao dụng sinh v.v... các vật khác nhau? Lại như tướng của Đại sĩ không khác Đại sĩ. Lại như cứng chắc v.v... đất v.v... giới tướng chẳng phải khác với đất v.v... nên giả lập không lìa sở tướng". Luận Tát-bà-đa ghi: "Khác với pháp của sở tướng, chỉ thật có thể chính là bất tương ưng thuộc về hành uẩn, đã nói rõ Tiểu thừa, Đại thừa đã nói bốn tướng giả có và pháp của sở tướng không một không khác, chính là bất tương ưng thuộc về hành uẩn, lý đều cực thành, nên không dẫn chứng.

Ý của hai thuyết, trước nói rõ Tiểu thừa. Luận Bà-sa quyển 39 ghi: Hỏi: Vì sao tạo ra luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa của khế kinh. Lại nữa vì ngăn tông khác hiển bày chánh nghĩa. Lại nữa nêu riêng Hữu vi, gọi là tướng của Hữu vi. Tuy giải thích trong kinh nói ba nguyên do, cũng nói ý của tướng. Tướng thật có bốn, trong kinh nói có ba. Giải thích ý kinh này có nhiều chữ "lại nữa" cũng nói ý của tướng như Sớ giải thích sơ lược rõ ràng. Kế tiếp hiển bày Đại thừa, theo luận Hiển Dương quyển 18 vì khởi thuộc về chủ tương ưng với luận, nên nói về tướng. Cho nên, luận kia ghi: "Thuộc về chủ" nghĩa là luận phối hợp thuộc về chủ mới hiểu rõ tướng đó chẳng phải không thuộc về chủ. Như nói sinh ra tướng đây là sinh của ai, quán đã thuộc về chủ, khởi luận này gọi là sinh của sắc, sinh của thọ, tưởng, hành, thức chẳng nói lúc của sắc là sắc của ai, quán đã thuộc về chủ khởi lời luận này, như sinh ra như là trụ, dị, vô thường v.v... tâm bất tương ưng hành, loại như chỗ ứng đó, cuối cùng sẽ biết, gọi là thuộc về chủ tương ưng với luận.

Luận Du-già quyển 46 có nhiều chữ "lại nữa": một khiến cho quán vô thường, hai quán hành là khổ, ba biết pháp vô ngã, bốn khiến cho chúng chứng Niết-bàn. Giải thích rộng như luận kia.

Luận Tạp Tập nói quán sinh, lão, trụ ý cũng đồng với đây. Nếu văn luận này biểu hiện Vô vi khác, giả lập bốn tướng là ý cũng đồng với quán vô thường kia, chứng Niết-bàn v.v... tướng trạng như văn, theo phần đời là Tiểu thừa như thường, Đại thừa nhiều thuyết, một nói về ba tướng hiện tại, một tướng quá khứ, như văn luận này, một là vô nên ở quá khứ. Đây theo hai đời, đồng với thuyết của luận Du-già quyển 52. Hoặc theo một đời, luận rằng: sinh biểu hiện có pháp trước chẳng phải hữu, diệt biểu hiện có pháp sau là vô, đã biểu hiện sao là vô, nên ở hiện tại. Nếu không như vậy, lẽ ra nên nói diệt biểu hiện có pháp sinh đã vô. Nếu theo giải thích ban đầu, nên nói biểu hiện sinh đã sau tức là thể trở lại vô, chẳng phải hiện tại lập ra diệt, biểu hiện đã sau vô. Hai là hiểu rõ tự lấy ý của nghĩa như trước.

Lại quyển 52 căn cứ ba đời hiển bày, luận rằng: Vì do tất cả hành ba đời đã hiển bày, từ đời vị lai vốn vô mà sinh ra, nên Thế Tôn do đời vị lai, đối với pháp hữu nói sinh ra tướng Hữu vi. Nó đã sinh ra rồi rơi rớt về quá khứ, nên Thế Tôn do đời quá khứ, đối với pháp Hữu vi nói diệt tướng của Hữu vi. Pháp của đời hiện tại hai tướng đã hiển bày đó là trụ và dị, vì sao? Chỉ lúc hiện tại có trụ có thể được. Trước sau thay đổi cũng chỉ hiện tại, chuẩn theo ý luận này, tức là đối với hiện tại chỉ có trụ, dị, nói rõ sinh vị lai, diệt ở quá khứ, đây cũng là lời của nghĩa, đạo lý không trái nhau. Hoặc lại bốn tướng đều thông với ba đời, tuy không phải trọn vẹn, văn nói thông với ba đời, vì theo trước sau hỗ tương nhau, chuẩn theo nghĩa của thí dụ thì có thể thông. Căn cứ phần của ba đời thì sinh tại vị lai, sát-na phân biệt, sinh tức là hiện tại, sai biệt phân biệt, cũng thông với vị lai.

Quyển 52 ghi: Nếu nương theo lời rơi vào thế giới sinh mà nói, ban đầu từ cõi dục cho đến Vô sở hữu xứ, sinh gọi là Hữu thượng sinh, ý này tuy nói pháp của hiện sinh lại có trội hơn, như pháp hữu gọi là Hữu thượng, ý của nghĩa cũng hiển bày vị lai, lại có pháp trên sẽ sinh gọi là Hữu thượng sinh. Trong vô thường, quyển 52 ghi: "Hoại diệt vô thường, Sinh khởi vô thường, Biến dị vô thường, Tán hoại vô thường, Đương hữu vô thường, Hiện đọa vô thường. Nếu tất cả hành sinh rồi liền diệt gọi là Hoại diệt vô thường. Nếu tất cả hành xưa không có nay có gọi là Sinh khởi vô thường. Đương hữu vô thường tức là bốn vô thường lúc ở đời vị lai gọi là Đương hữu vô thường". Văn này như thứ lớp ba đời hiện tại, quá khứ, vị lai là ba vô thường. Trong văn trụ, dị vì ảnh lược nên văn của luận không nói. Luận này nói chung bốn tướng sinh v.v... thông tình, phi tình, sát-na, tương tục, giả lập bốn tướng, giải thích vặn hỏi như luận.

Người ngoài vặn hỏi: Quá khứ thể và không, đối với đời quá khứ lập ra tướng diệt, vị lai thể cũng không, đối với đời vị lai cũng lập tướng?

Đáp: Quá khứ thể từng có, từng có lập ra tướng của diệt, vị lai thể vốn không, vị lai không lập ra tướng.

Lại hỏi: Quá khứ từng có, từng có lập ra tướng vị lai, sẽ có nên có lập ra tướng?

Đáp: Diệt tướng thể là không, nương theo rồi diệt không lập ra vô tướng, thể của sinh v.v... là có thể của vị lai không, không lập tướng.

Lại hỏi: Biểu hiện pháp sau là vô, nương theo vô mà lập ra tướng của diệt biểu hiện pháp sau sẽ có, vị lai lập ra tướng của sinh?

Đáp: Biểu hiện pháp sau là không có thể được, nương theo không lập không tướng, biểu hiện pháp sau là có không được nương theo không lập ra có tướng.

Lại phần nhiều vặn hỏi tóm lược không thể nêu ra hết. Kinh bộ lập ra thứ lớp là sát-na, một kỳ; Hữu bộ cũng như vậy. Thượng tọa, Hóa địa bộ, Chánh lượng bộ, như bộ Xu Yếu giải thích. Đứng về Đại thừa nói rõ có nhiều sai biệt:

Một là thường, vô thường sai biệt: chế phục được tánh vô thường tướng theo thường này, nhiếp tướng quy về tánh thường, tướng dụng chỉ luận vô thường. Nên kinh Niết-bàn quyển 22 ghi: "Thiện nam tử! Pháp của Hữu vi sinh cũng là thường, vì trụ vô thường, sinh cũng vô thường, trụ cũng là thường, vì sinh sinh ra, trụ cũng vô thường, dị cũng là thường, vì trụ vô thường, dị cũng vô thường, hoại cũng là thường, vì xưa không có nay có, nên hoại cũng vô thường".

Hai là Biến kế y tha sai biệt: Nếu tánh của biến kế, thể như hoa đốm trong hư không, không thể nói lập ra tướng Hữu vi, thường, vô thường cũng như vậy. Nếu tánh y tha nương theo duyên mà có là tướng của vô thường. Cho nên, trong luận quyển 1, phẩm Ba tướng ghi: "Ba tướng như vậy là Hữu vi có thể lập ra tướng của Hữu vi hay là Vô vi có thể lập ra tướng Vô vi? Cả hai đều không như vậy, vì sao? Nếu sinh là Hữu vi, tức là sẽ có ba tướng, nếu sinh là Vô vi vì sao gọi là tướng của Hữu vi v.v...

Ba là thể loại sai biệt: Như quyển 52 ghi: "Lại nữa sinh sai biệt, đó là Sát-na sinh, Tương tục sinh, Tăng trưởng sinh, Tâm sai biệt sinh, Bất khả ái sinh, Khả ái sinh, Hạ liệt sinh, Xứ trung sinh, Thắng diệu sinh, Hữu thượng sinh, Vô thượng sinh. Lão sai biệt nghĩa là thân lão, tâm lão, thọ lão, biến hoại lão, tự thể chuyển biến lão. Trụ sai biệt nghĩa là sát-na trụ, tương tục trụ, duyên tương tục trụ, bất tán loạn trụ, kiến lập quỹ phạm trụ". Vô thường sai biệt như thứ lớp liệt kê trước. Lại có sát-na, một kỳ, trải qua nhiều kiếp tận cùng sinh tử, như hiển bày sai biệt, trong giải thích mở bày ra văn có thể biết, đây tức là thời tiết sai biệt.

Bốn và năm là danh đồng, thể sai biệt: Như sinh, lão, tử chi trong duyên sinh; sinh, lão, tử, xúc v.v... trong xúc, vì sao sai biệt? Đáp: Sinh trong duyên sinh chi, căn cứ theo thân Trung hữu đến trong Bản hữu chưa suy kém biến đổi, thật thể của năm uẩn gọi là sinh chi. Lão căn cứ theo tóc bạc hoặc lại già suy chưa chết về trước. Tử căn cứ theo lúc lâm chung sẽ chết đang chết, đều thông với năm uẩn thật pháp là thể, vì tướng tên gọi kia hiển bày duyên sinh chi, giả thật phần vị sai biệt không

đồng. Một kỳ bốn tướng phần vị tuy có thể đồng, nhưng giả thật có khác. Lại một kỳ diệt căn cứ đã diệt gọi là tử. Tử trong duyên sinh chi là sắp chết đang chết, vì đã diệt chẳng phải chi. Lão tử trong xúc, quyển 54 ghi: "Do thời phần biến dị không bình đẳng lập ra lão, do mạng căn biến dị không bình đẳng nên lập ra lão". Ý này lão, tử là quả, do nương theo phần vị của xúc có lão tử kia. Nhân lập ra tên của quả, như đói khát. Thể của xúc tức là bốn đại phần vị giả lập, chỉ ở sắc uẩn, bốn tướng lão tử đồng nương theo năm uẩn, lấy nghĩa sai biệt trên.

Trong bốn Ôn-đà-nam đồng nó thể của năm uẩn và bốn tướng đều gọi là vô thường, vì không có thường kia, nên quyển 46 ghi: "Các hành như thế thường bất khả đắc nên gọi là vô thường", đồng với luận Tạp Tập. Trong kinh cũng nói các hành vô thường vì là pháp sinh diệt. Trong Nhân Minh luận đã lập ra vô thường tức là chỉ lấy diệt, nhưng thông với tướng. Số luận lập tướng diệt, Đối thanh luận v.v... tức là lập thể diệt, nếu thông với sinh diệt gọi là vô thường, tức là tông nhân không khác, thuộc về lỗi loại.

6. Thể đồng, danh sai biệt: Hoặc gọi là sinh, trụ, dị, diệt; hoặc gọi là sinh lão trụ vô thường; hoặc gọi là sinh trụ trụ dị vô thường, hoặc gọi là khởi tận v.v...

7. Biến, bất biến sai biệt: Một kỳ bốn tướng theo hữu tình nói rõ sát-na bốn tướng biến khắp pháp Hữu vi. Quyển 88 ghi: "Ba tướng như vậy nương hai thứ hành lưu chuyển an lập: một là nương theo sinh thân, hai là nương theo sát-na". Nương theo ban đầu lưu chuyển, nghĩa là ở trong chúng đồng phần hữu tình kia ban đầu sinh gọi là sinh, cuối cùng chết gọi là diệt v.v...

Trong phá danh, cú, văn nói: Nếu danh cú văn khác với thanh thật có, đây là phá chấp người ngoài. Luận Yếu Tập giả nêu người ngoài vặn hỏi rằng: Mượn tên của bất tương ưng, v.v... lẽ ra chẳng phải năng thuyên, vì là giả. Hoặc lại nói: Thừa nhận chỗ thanh khác, bất tương ưng giả pháp xứ nhiếp, còn lại là giả pháp.

Tây Minh giải thích rằng: Danh cú của ông v.v... thật thể không thành tựu, nghĩa như phá trước. Nếu không thừa nhận thanh là năng thuyên, liền trong lượng thiếu đến lỗi cả giáo lượng, đây là giải thích không thành tựu, vì trước chưa phá được. Lại nữa, các luận sư Đại thừa chấp khác nhau, Trần Na không lập chí giáo lượng, vì họ thừa nhận thật.

Yếu Tập ghi: Người ngoài lập ra tỷ lượng trái nhau, nhưng lượng kia có lỗi tông tương phù. Nay cho rằng không như vậy. Trong lượng

nói: Chẳng phải thật năng thuyên, có thể có lỗi tương phù, chỉ nói rằng chẳng phải năng thuyên, vì sao gọi là tương phù? Nay nói rằng lượng kia là trong nhân lỗi quyết định trái nhau, vì nhân giả thật và thanh xứ khác thuộc về pháp xứ đều tự thừa nhận. Đại thừa không có lỗi, người ngoài nếu nói giả danh cú văn chẳng phải giả năng thuyên là trái nhau, đây cũng chẳng có lỗi, vì sao? Lượng của Đại thừa phá họ rằng: Danh cú văn của ông nhất định không phải năng thuyên, vì thanh khác nhau như sắc v.v... Nay cùng với Đại thừa lập ra lượng rằng: Giả danh cú văn chẳng phải giả năng thuyên. Ở trong nhân nói rõ trái nhau, là vì sao trái nhau? Mong lượng Đại thừa tổng chẳng phải là lỗi, lại Danh của Đại thừa v.v... không khác với thanh, vì giả theo thật, tức là thanh năng thuyên. Người ngoài vặn hỏi bất thuyên vì trái với thế gian. Nên văn sau nói lời không khác với năng thuyên, vì trời người cùng hiểu.

Luận: Nghĩa thanh có thể sinh v.v... phá luận khác có thể biết.

Hỏi: Hàng Đại thừa tự thừa nhận trình bày giả tên gọi v.v... nói vì sao dùng tên gọi v.v... đâu không phải tự trái?

Đáp: Bên ngoài thừa nhận tên gọi v.v... quyết định khác với âm thanh, do âm thanh sinh hiển bày, âm thanh này nhất định có âm vận gãy khúc, nếu không như vậy thì không sinh ra. Đại thừa năng thuyên tuy ở tên gọi v.v... nương theo âm thanh gãy khúc, chẳng phải nhất định một khác nhau đối đáp phá nhất định khác nhau, thâu nhiếp cả từ nơi thật nói: Âm thanh năng thuyên, vì sao dùng tên gọi v.v... cho nên không có lỗi.

Luận: Nếu cho rằng âm thanh trên v.v... nêu phá có thể biết, như Sớ luận rằng: Sự gãy khúc của âm thanh lẽ ra chẳng phải lìa sở y, chỉ có thật thể thâu tóm pháp xứ. Sắc vận gãy khúc trên hoặc sắc, âm thanh trên của hai sắc tùy theo một gãy khúc như sắc, xứ, dài v.v...

Yếu Tập ghi: Lượng này có pháp sai biệt. Pháp sai biệt luận rằng: Sự gãy khúc của âm thanh lẽ ra chẳng phải lìa chỗ âm thanh giả thật về pháp xứ. Nhân dụ đồng với trước đây cũng không như vậy, thì ai thừa nhận thể của âm thanh thâu tóm ở nơi pháp xứ, vì thừa nhận tên gọi v.v... ở nơi pháp xứ tên gọi v.v... nương theo âm thanh mà không phải, tức là âm thanh, nay đối đáp phá chấp của người khác, âm thanh gãy khúc tức là tên gọi v.v... âm thanh khác chỉ có thuộc về pháp xứ, cho nên, nêu dài v.v... cho là pháp của lượng.

Nhưng Tây Minh nói: Sắc của ông dài, ngắn sẽ khác với sắc, xứ, chỉ có tự tánh của pháp xứ, có gãy khúc như trên âm thanh gãy khúc, lượng này cũng lỗi. Nên nói: sắc của ông dài, ngắn v.v... nên khác với

sắc xứ thuộc về pháp xứ, sắc gãy khúc trên như âm thanh gãy khúc trên, nay nói dài ngắn sẽ khác với sắc, xứ, chỉ có tự tánh của pháp xứ tức là dài, ngắn, các pháp sinh v.v... trên thuộc về pháp xứ là dài v.v... khác sắc xứ, có đây sinh v.v... tự tánh của pháp xứ đây là nói lỗi vậy.

Lại lượng rằng: Sự gãy khúc trên âm thanh lẽ ra không phân biệt thể tự tánh của pháp xứ, vì tức là gãy khúc như quanh co trên sắc, lượng này nói lỗi đồng với trước nên biết. Nên tức là chuẩn theo nói, lại có lỗi pháp tự tướng tương vi.

Hỏi: Nếu nói sự gãy khúc trên âm thanh có thể hiển bày nghĩa, vì có giáo tánh, ý thức đã được pháp xứ thâu tóm giả lập tên gọi v.v... người khác nói: Tông ta cũng như vậy. Đại thừa đồng nói không chỉ nên theo âm thanh giả lập tên gọi v.v... đồng nương theo nhiều pháp nên thuộc về pháp xứ. Dài v.v... không như vậy.

Hỏi: Đây căn cứ theo duyên giả làm duyên thật. Nếu căn cứ năm thức, chỉ duyên vào thật tông, dài... ý được nên thâu tóm pháp xứ. Nếu nói rằng tuy chỉ ý được nương theo nhãn lấy chẳng phải là pháp xứ, âm thanh của gãy khúc nói lấy cũng như vậy, nên ở nơi thanh, xứ, nếu căn cứ vào duyên giả âm thanh cùng nhĩ thức được, nên thuộc về thanh xứ.

Lại, lẽ ra nhĩ thức cũng duyên vào tên gọi... tức là gãy khúc. Nay người giải thích chính rằng: Gãy khúc trên âm thanh của luận sư của Đại thừa tuy thể chẳng phải thật vẫn thâu tóm pháp xứ nói là tên gọi v.v... căn cứ vào nhiếp giả từ thật chẳng phải tức là lấy chẳng thể âm thanh gãy khúc cho là tên gọi v.v... lấy dụng của gãy khúc trên âm thanh. Nói là tên gọi v.v... như không phải tâm quyết định v.v... chỉ bày cái loại trên, có thể ngăn ngừa dụng của tâm, chẳng phải tức là loại thể, tướng v.v... cũng như vậy, nên thuộc về pháp xứ. Sắc của dài ngắn không phải năng thuyên, dụng như âm thanh gãy khúc. Từ bên thể tánh đều từ xứ nhiếp, chẳng phải thừa nhận thể của âm thanh gãy khúc ở pháp Bất tương ưng kia chẳng phải sắc tâm, vì đây là sắc, nên thiết lập năm duyên giả. Nhĩ thức chỉ lấy thể âm thanh gãy khúc mà không lấy thuyên dụng, cho nên nhiếp xứ khác nhau. Trong Sớ chỉ lấy tướng âm thanh gãy khúc của dài ngắn... để ví dụ. Vả lại, tùy theo tông khác là giải thích không đúng và nhiếp giả từ thật mà nói: Âm thanh năng thuyên là chế phục được môn thể tánh dụng sai biệt, lấy thể của âm thanh làm danh cú văn v.v... cho nên, sau giải thích chính nhưng nương theo lời âm thanh phần vị sai biệt mà giả kiến lập tên gọi, cú, văn, thân, lại phần nhiều có hỏi đáp và giải thích khác nhau, sợ dài dòng nên không thuật lại.

Luận: Nếu cho rằng trên âm thanh v.v... người ngoài chống chế

lượng rằng: Âm vận gãy khúc trên âm thanh không thể thuyên, âm thanh gãy khúc như âm thanh của dây đàn, âm vận gãy khúc trên âm thanh là hữu pháp, năng thuyên là pháp.

Xu Yếu ghi: Luận chủ lập ra hữu pháp sai biệt trái nhau, âm thanh bên trong có thể sinh ra tên gọi v.v... không sinh ra tên gọi v.v... là sai biệt. Cho nên luận rằng: Đây sẽ như âm thanh kia, không chỉ sinh ra tên gọi v.v... trước nêu đồng với dụ, sau nêu tông pháp, nên lập ra lượng rằng: Sự gãy khúc âm thanh bên trong của ông không thể sinh tên gọi v.v... vì âm thanh gãy khúc như âm thanh của dây đàn. Đây đứng về tông khác, âm thanh dây đàn kia v.v... không sinh ra tên gọi v.v... vì âm thanh bên trong như âm thanh của dây đàn kia, có giải thích lập ra pháp sai biệt tương vi nhân.

Phá rằng: Sự gãy khúc âm thanh bên trong không thể riêng sinh ra thật tên gọi v.v... tức là âm thanh gãy khúc, như âm thanh dây đàn, đều nói không như vậy. Chuẩn theo văn của lượng bên ngoài gãy khúc là hữu pháp, phi pháp, vì sao gọi là pháp sai biệt?

Yếu Tập ghi: Đây phá chấp cuối gãy khúc có hai: Pháp sai biệt nhân tương vi, riêng sinh ra tên gọi v.v... chẳng phải nói rõ, không riêng sinh tên gọi v.v... chẳng phải nói rõ nên pháp sai biệt đây cũng không như vậy. Tông khác nói âm thanh, không phải là năng thuyên tên gọi v.v... năng thuyên sinh ra tên gọi v.v... không sinh tên gọi v.v... ở nơi âm thanh không ở nơi chỗ chẳng phải nói rõ, vì sao được lời riêng sinh tên gọi v.v...? Chẳng phải nói rõ, không riêng sinh tên gọi v.v... chẳng phải nói rõ, nếu lấy chẳng phải nói rõ làm pháp sai biệt luận sẽ nói: Đây như kia năng thuyên không riêng sinh tên gọi v.v... vì sao nói như âm thanh kia?

Tây Minh nói: Tâm tạp loạn thừa nhận có nhân đều là âm thanh như dây đàn v.v... luận Câu-xá phá. Luận Chánh Lý chống chế: Ai nói một rất là vi diệu, hai đại sở tạo tác, chỉ theo giúp duyên nói nhân đều là âm thanh trong đây chính là phá tâm tạp loạn đã nói, lời này không rõ ràng. Tâm tạp loạn nhân đều có tức là dây đàn v.v... tợ như có năng thuyên, chẳng phải thật năng thuyên, Chánh Lý cũng đồng, vì sao chỉ nói riêng phá tâm tạp loạn mà không nói gồm phá Chánh Lý? Sớ ghi: Ngã cũng không có nói trên dây đàn gãy khúc chẳng phải không thể nói rõ, chỉ như ông hóa ra thân người nói hai nghiệp chẳng phải là tánh thiện ác, nay ngã nhân đều có, ý này trước thì theo tên của ông, âm thanh gãy khúc nói: Như dây đàn không sinh ra tên gọi v.v... chẳng phải tánh thiện ác, cũng như lời của ông hóa ra thân người. Nói hai nghiệp

chẳng phải tánh thiện ác, âm thanh dây đàn của là tôi nhân đều có giả thông với tánh thiện ác cũng thừa nhận có thể nói rõ, như âm thanh của rừng cây nói pháp, lìa chất hóa v.v... đều thông với thiện v.v...

Luận: Tên gọi nói rõ tự tánh, câu nói rõ sai biệt, lời nói rõ tự tánh sai biệt, như Nhân Minh đoạn. Bản sớ thành lập "phương khác có Phật" rằng: Trừ ra ba ngàn thế giới này phương khác, cũng ứng thời có Phật ra đời giáo hóa chúng sinh, có người, trời, chúng sinh giống như cõi này, không nói nhất định có luôn luôn có, vì trong hữu kiếp, không phải ra đời giáo hóa, lại vì trừ thành hoại, chẳng phải thời có, lược ra lỗi bất định. Có giải thích sửa đổi nhân rằng: Vì luận kia có sự giáo hóa người, trời, ý tránh được thành hoại, tuy có trời, người mà chẳng phải được giáo hóa, vì căn tánh chưa thuần thục. Yếu Tập ghi: "Lượng trước có lỗi bất định, như kiếp của thành hoại, có người, trời không phải Phật ra đời". Nay cho rằng không đúng, ở trong không có lỗi vọng sinh ra tổng của lỗi, lượng trước không nói thường luôn nhất định có, tự thừa nhận lỗi bất định này vì bất định nói: Có người, trời, chúng sinh, nên Phật nhất định không phải ra đời, như kiếp thành hoại v.v... Ý này mới khác nhất định không phải Phật ra đời, vì có trời, người, chúng sinh, như kiếp thành hoại kiếp này, lượng này không định phá định lượng trước cũng khiến cho bất định, tức là tợ như Lý môn, tợ như cộng bất định. Cho nên, Lý môn nói: Do nhân của dụng không nhất định đồng với pháp v.v... thành lập tông mình. Phương tiện nói: Người khác cũng có pháp này, do phương tiện thành tựu, tợ như lỗi cộng bất định. Nay đã lập ra lượng, tuy chẳng phải tức là luận kia, nhưng tợ như ở luận kia lại không phải cùng đồng dụ, vì kiếp của thành hoại. Đại thừa cũng thừa nhận có Phật ra đời, trước nói: Thời có không phải lựa ra báo thân, hóa thân. Như kinh Pháp Hoa ghi: "Lúc chúng sinh thấy kiếp đại hỏa đã thiêu đốt hết, cõi này của Ta an ổn v.v...".

Lại kia tự lập lượng rằng: Thế giới phương khác, trời, người có căn tánh thuần khí, vì trụ lúc kiếp giảm, trời, người hữu tình như cõi này trụ lúc kiếp giảm. Nay cho rằng: Lượng này là chân thật, không nhất định, vì như đây có Phật trụ lúc kiếp giảm, trời, người có căn tánh thành khí, vì như đây không phải Phật trụ lúc kiếp giảm, trời người không có căn tánh thành khí nên thành lỗi bất định.

Yếu Tập lại ở nơi lượng của bản thứ hai lập lượng quyết định tương vi rằng: Trên ánh sáng v.v... nhất định không phải là tên gọi v.v... vì chẳng phải là âm thanh, như hư không v.v... đây cũng không như vậy, không phải cùng đồng với dụ. Đại thừa cũng thừa nhận tên gọi v.v...

nương vào hư không, tuy không nương vào Chân như, vì nương theo thức biến, vì không có văn chướng ngại .

Hỏi: Tiện-thiện-na Hán dịch là cái quạt, tướng hảo, căn hình, mùi vị đây tức là muối, có thể hiển bày vật trong mùi vị, mùi vị tức là văn, chuẩn theo đây hiểu rõ ý, văn tức là có thể hiển bày, vì sao trước nói mà thể không thể hiển bày?

Đáp: Hiển bày có hai nghĩa:

1. Hiển bày danh, cú.

2. Có thể hiển bày nghĩa.

Văn có thể hiển bày danh cú, vì tên gọi có do văn mà có, danh cú có thể hiển bày nghĩa, văn theo danh cú có thể hiển bày thể chẳng phải hiển bày nghĩa, nghĩa trước sau cũng không trái nhau.

Hỏi: Thể của chữ chẳng phải năng hiển bày, theo danh cú kia nói là hiển bày, tánh của âm thanhkhông thể nêu rõ, theo tên gọi nói là hiển bày chăng?

Đáp: Danh cú nương theo văn gần, chữ theo tên gọi nói hiển bày, cú v.v... mong âm thanh xa, âm thanh không theo tên gọi hiển bày.

Hỏi: Thể của văn chẳng phải năng thuyên, vì nhân theo quả hiển bày thể của tự chẳng phải năng thuyên, vì quả theo biểu của nhân chăng?

Đáp: Danh cú nhất định mang theo văn, văn theo tên gọi v.v... hiển bày âm thanh, không nhất định có chữ, chữ không theo âm thanh biểu hiện.

Hỏi: Danh cú là nắm cả chữ thành tựu, vì chỉ có tự thể, nếu chỉ có tự thể đâu có thể lìa âm thanh, âm thanh của một sát-na nhất định có chữ, nếu tức là nắm cả thành tựu thì danh cú và thể tánh của văn, vì sao khác nhau?

Đáp: Có hai giải thích: một là đều khác nhau, vì âm thanh của một sát-na nhiều gãy khúc. Hai là nắm cả thành tựu, chung riêng có khác nhau, ba thể khác nhau, giải thích sau là chính, như quyển 1 ở trước đã nói rõ.

Luận: Có chấp tùy miên v.v... Luận sư của Tát-bà-đa nói tùy miên là trói buộc, tức là pháp hiện hành. Luận sư của luận Thành Thật nói không có biểu, tuy nương theo suy nghĩ lập ra, nhưng thuộc về bất tương ưng.

Luận: Hai pháp như vậy v.v... tâm duyên vào bình v.v... lấy cả tâm y phục, thức ăn, xe cộ v.v... là thuộc về lượng nào?

Đáp: Sớ ghi: Chẳng phải thuộc về lượng, vì không gần gũi duyên

mà được tự thể của pháp, chẳng phải so sánh, chẳng phải lượng thâu tóm, chẳng phải lượng không cần, chỉ lập ra chấp. Ý của Tây Minh đồng. Có giải thích tợ như hiện lượng tức là thuộc về tỷ lượng, cho nên Lý môn nói: Âm thanh, dụ kia v.v... nhiếp ở trong này, nên chỉ hai lượng. Có người nói: Nếu mở bày hiện lượng, tỷ lượng và phi lượng, ba pháp không đồng, tâm năng duyên có thể thông với ba lượng. Nhưng Yếu Tập đoạn rằng: Giả lập cái bình v.v... nghĩa đồng với tên gọi v.v... tuy chẳng phải pháp số, nhưng nhất định phân tán ý, đều được duyên vào bình, nên ba Luận sư trước đều không hợp với lý, cho phần thứ tư là đúng. Nay cho rằng hai nghĩa trước tức là như thật, hai nghĩa sau phi lý, vì sao? Vả lại, sư thứ ba nói tâm duyên vào bình, tợ hiện lượng, tức là tỷ lượng nhiếp lý. Vả lại không như vậy, hai lượng hiện lượng và tỷ lượng là thuộc về chánh trí, tợ hiện lượng, tỷ lượng thâu tán mê loạn, vì sao gọi là tỷ lượng? Nếu do duyên cộng tướng nêu thâu tóm tỷ lượng, các tâm mê loạn và vì tâm vọng chấp. Tợ tỷ lượng nên thuộc về tỷ lượng. Nếu thừa nhận như vậy thì chân và tợ vì sao khác nhau? Tợ tỷ lượng v.v... chẳng thâu tóm được chân tỷ lượng. Tợ hiện lượng cũng sẽ như vậy. Lại Lý môn giải thích trí của tỷ lượng rằng: Từ hiện lượng sinh ra hoặc tỷ lượng sinh ra, tâm duyên vào bình là thuộc về tợ hiện lượng, vì sao được nói là thâu tóm tỷ lượng? Nhưng Lý môn luận nói: Âm thanh dụ kia v.v... nhiếp ở trong đây nên chỉ có hai lượng căn cứ theo thể của pháp nói không sai lầm, chẳng phải tợ hiện lượng, tỷ lượng cũng thừa nhận cả hai. Nếu hai lượng đều nhiếp vì sao có thể tự ngộ? Nếu sư thứ tư nói tâm duyên vào bình là thông với ba luận thì trái với thuyết của Lý môn. Luận kia cho rằng: Tất cả thế tục như vậy có trong bình v.v... dư luận v.v... đều là tợ hiện lượng, ở trong thật có làm ra hành tướng khác, giả hợp nghĩa khác phân biệt chỉ đổi. Bát Chánh Lý luận cũng nói: Nghĩa là các cõi trí rõ ràng, bình, áo v.v... phân biệt mà sinh ra, do nó đối với nghĩa không lấy tự tánh làm cảnh giới nên gọi là tợ hiện lượng, phi tỷ lượng như trước đã nói phi lý.

Hỏi: Nếu như vậy định tâm chư Phật, Bồ-tát đâu không duyên vào bình?

Đáp: Không phải chướng ngại duyên vào bình, nhưng tâm không lập ra thật có bình để hiểu rõ, được bình đã nương theo tự tướng của bốn trần, ở trong thật có không làm ra hành tướng khác, vì giả hợp nghĩa khác phân biệt chuyển đổi, do khéo rõ biết thế gian duyên theo nó làm ra thật bình để hiểu rõ, cho nên cảnh của hiện lượng như tánh của biến kế đạt đến vô cũng là cảnh của Thánh, chẳng đồng với chấp của phàm

phu nói là cảnh của bậc Thánh.

Sớ ghi: Tâm duyên vào bình là phi lượng, căn cứ làm ra thật bình mà nói, chẳng phải theo rõ bình là giả, cũng là thuộc về phi lượng. Giả sử lại duyên vào bình, làm ra tỷ lượng để giải thích cũng là tợ tỷ lượng chẳng phải chân tỷ lượng, không phải thể thật bình, nên cũng là phi lượng chẳng phải tợ hiện lượng, tỷ lượng, là thuộc về phi lượng, không gọi là cảnh, vì trí tà sai lầm.

Luận rằng: Vô vi chẳng phải là đời v.v...

Sớ ghi: Tông Vô vi của ông lẽ ra chẳng phải là Vô vi là pháp vô thường, vì thừa nhận có dụng như nhãn, nhĩ v.v...

Yếu Tập ghi: Có trái với tự tông, nay cho rằng chẳng phải lỗi. Lại nói: Nếu lấy tha tông, nhân có lỗi bất định là như thức biến Vô vi, có tác dụng nên là Vô vi chăng? Điều này cũng không đúng, thức biến Vô vi giả gọi là Vô vi, chẳng phải thật Vô vi, trước nói tông ông Vô vi, tức là thật Vô vi, nên không có lỗi bất định, lượng đã không có lỗi, vì sao không được lập ra lượng để phá? Nói rằng: Chỉ lý phá mà thôi.

Luận rằng: Lại các pháp Hữu vi không thừa nhận không nhân quả v.v...

Luận cựu Câu-xá ghi: Vô vi chẳng phải là nhân quả, dịch nhầm chữ “không có” thành chữ “chẳng phải”, nếu nói chẳng phải tức là không phải sáu nhân năm quả, tông khác tự thừa nhận ở trong sáu nhân, vì có thể làm ra nhân, trong năm quả là quả Ly hệ v.v... Nay nói không phải nhân quả, tuy có thể làm ra nhân, không lấy cùng dụng của quả, không có sức có thể khiến cho quả sinh, nên nói không có quả, tuy Trạch diệt Vô vi là quả Ly hệ v.v... không từ nhân sinh ra, nên nói rằng không có nhân, không ngăn ngại cái khác sinh ra làm nhân năng tác, do lìa trói buộc mà được, Trạch diệt là lìa trói buộc, còn lại hai tăng thượng đều thông với Sĩ dụng. Đại thừa nói đồng như Xu Yếu.

Sớ ghi: Nhân một thức của Hữu lậu, quả hai thức của Vô lậu, Vô lậu ba trí hoặc nói tám thức, Địa thứ bảy trở về trước Hữu lậu biến đổi huân tập chỉ Thức thứ sáu nên là nhân của một thức, ở địa vị Vô lậu Thức thứ bảy sáng lập duyên với hư không, phi Trạch diệt, chưa huân tập Hữu lậu, nhưng do Thức thứ sáu, nên là quả của hai thức, Vô lậu ba trí hoặc trừ thành sự, không nói duyên lý, hoặc thông với tám thức, vì trí duyên khắp.

Nhưng thức biến là độc ảnh chỉ theo kiến, không phân biệt chủng tử sinh. Tây Minh thì thừa nhận thức biến Vô vi khác huân tập thành chủng tử. Nay cho rằng không như vậy, nếu thừa nhận thành chủng tử,

vả lại tâm của Hữu lậu duyên với hư không v.v..., thừa nhận riêng thành chủng tử, tức là cõi khác duyên, Vô lậu duyên lẽ ra đều thành chủng tử. Nếu thừa nhận thành chủng tử, sau lẽ ra sinh hiện hành cũng có thể là chất, đâu thể nói chỉ duyên với tên gọi cảnh? Nếu nói tuy sinh vào cõi khác và chất của Vô lậu, chẳng phải chân thật cho nên nói duyên với danh cảnh, nếu vậy lẽ ra là giả, giả pháp như không có vì chẳng phải nhân duyên. Nếu thừa nhận duyên, chẳng riêng sinh chủng tử, thì biến đổi Vô vi v.v... ví dụ cũng sẽ như vậy.

Phân biệt Vô vi thật giả trong sáu Thức, tám thức; thức biến đều là giả, nương Chân như mà lập, Sớ và Tây Minh nói trong sáu thức thì năm thức là giả, chỉ có Chân như là thật. Trong tám thức thì có ba thứ thật, tức là ba thứ Chân như, còn lại đều là giả. Nay lập ra hai giải thích:

Một, đều là giả, nên luận này nói năm thứ giả này đều nương theo Chân như giả lập, Chân như cũng là giả thiết lập ra tên gọi, như đoạn trước đã nói. Cả hai nương pháp tánh giả lập ra, lại đoạn sau tổng kết không nêu riêng mà chỉ nói cho nên các pháp Vô vi chẳng phải nhất định thật có.

Hai là Chân như Vô vi, một và ba là thật, luận chỉ nói Chân như cũng giả lập ra tên gọi, chẳng phải thể giả lập ra. Nói chẳng phải định thật có, tổng kết nó chẳng phải tha, lìa ngoài sắc tâm chẳng phải định thật có, không nói chẳng lìa sắc tâm thì chẳng phải nhất định thật có, chưa thấy văn quyết đoán, cứ mặc tình lấy bỏ.

Tăng giảm không đồng là nương theo kinh Đại Bát-nhã lập làm một, Chân như Vô vi, vì theo phế bỏ lỗi bàn bạc yếu chỉ. Theo luận Du-già quyển 53 lập làm hai, nghĩa là hư không và phi Trạch diệt, vì căn cứ theo đời cùng biết, lại đời đối với hư không chỉ biết nghĩa đó, mà không biết thể, chỉ nói hư không thường trụ, không biết là Vô vi. Đối với phi Trạch diệt biết thể mà không biết nghĩa, nghĩa là biết pháp này, duyên lựa chọn không sinh ra, thể của pháp diệt vô mà không biết là Vô vi nói rằng không biết nghĩa, nếu chuẩn theo luận này cũng được nói là hai:

Một là nương tựa thức biến, hai là chẳng phải thức biến vì giả thật khác nhau. Nương tựa thức biến là vì tợ như chẳng phải chân, hoặc có lập làm ba, nghĩa là tùy theo Tiểu thừa lại lập pháp thế gian và xuất thế gian, hư không, phi Trạch diệt thế gian, vì chưa lìa ràng buộc. Trạch diệt xuất thế hoặc có lập làm bốn, luận Chưởng Trân, luận Ngũ Uẩn làm đối đáp với tông khác, và ở nơi nghĩa của mình, nói rõ thật giả. Ba thứ trước là giả, một thứ sau là thật. Luận này lập làm sáu, nương theo Trạch diệt chia ra hai thứ, vì nương theo trí định hai chương riêng biệt,

bất động diệt, tưởng thọ diệt, vì đoạn được định chướng, đối với định khó biết. Lại chia làm hai thứ hoặc do định bất định, bất động, tưởng thọ, vĩnh viễn đoạn Trạch diệt, tạm hàng phục phi Trạch diệt, năng y sở y khác nhau nên lập ra Chân như, hoặc giả thật khác nhau. Đối pháp lập làm tám ở trong Chân như căn cứ theo lời giải thích chia làm ba nghĩa là pháp thiện, bất thiện, Vô ký. Luận này theo yếu chỉ môn chỉ lập làm một, nếu căn cứ theo lời giải thích, cho đến đông nhiều giả lập không có lỗi.

Chủng loại không đồng có ba thứ Vô vi: một là nương theo Chân như lập ra, thật là Vô vi; hai là nương theo thức lập ra tương tợ Vô vi, phần ít tợ như thể thật Hữu vi; ba là riêng nghĩa lập ra. Nghĩa là các pháp Vô lậu, chẳng phải phiền não tạo tác, nên gọi là Vô vi. Từ nhân duyên khởi nên thuộc về Hữu vi, trước là chẳng phải nhiễm tịnh nhân duyên làm ra, kế nữa hoặc hai vi, hoặc chẳng phải nhiễm vi, vì tâm của ba tánh đều được biến đổi, sau phi nhiễm vi, nhưng nếu chế phục được thể tức là Hữu vi, vì từ nhân sinh ra.

Tóm lược hỏi đáp, vì sao đoạn phiền não chướng được hiển bày Chân như gọi là Trạch diệt, đoạn sở tri chướng không gọi là Trạch diệt, chỉ gọi là diệt?

Đáp: Vì do bất định, đoạn sau quyển 10 ghi: "Bất động v.v... hai thứ tạm hàng phục diệt, thuộc về phi Trạch diệt, cứu cánh diệt là thuộc về Trạch diệt", đồng với Hiển Dương.

Hỏi: Phiền não cũng như vậy, vì sao gọi là trạch, phi trạch?

Đáp: Phiền não dễ, nhưng cũng thừa nhận cùng với tên trạch v.v..., sở tri khó mà chẳng phải chung cùng, chỉ gọi là diệt hoặc hỗ tương ảnh hiển, hoặc tùy theo nên lập ra tên, không thể trách chung.

Hỏi: Trạch diệt, phi Trạch diệt, tùy theo trạch, phi trạch không sinh xứ được, bất động, tưởng thọ vì sao không như vậy?

Đáp: Căn cứ theo cứu cánh đoạn, nên nói không chướng ngại phần vô cũng lập hai định kia, căn cứ hiển bày như giải thích chung hoặc theo hai định, được hiển bày Chân như, vì địa còn lại chưa được hai định kia. Theo đắc trí, định không đều hiểu rõ, tùy đoạn phiền não nào nhất định đắc trí, nếu khổ, lạc, thọ và tưởng thọ chưa diệt, vì chưa được định kia.

Hỏi: Phiền não không chướng ngại định chỉ theo phần sở tri, phiền não cũng chướng ngại định, lẽ ra thông với hai chướng?

Đáp: Thật đều chướng ngại định, chỉ căn cứ theo Thắng luận, vì Dị thục thọ lãnh định thấp kém, chướng ngại đối thắng định trội hơn nhiễm pháp, riêng căn cứ theo sở tri, không theo phiền não để nói.

Hỏi: Thức biến Vô vi, và duyên Vô vi, đã khởi tướng phần vì sao pháp nhiếp?

Đáp: Nhiếp tướng từ kiến, tức là thâu tóm bốn uẩn, kiến phần tướng phần nói khác nhau, pháp đồng phần nhiếp, hoặc chuẩn theo văn của luận, Vô vi có hai:

1. Nương theo thức biến, tuy thật Vô vi, cũng là thuộc về Vô vi, vì tướng theo chất, vì giả theo thật, lại phần nhiều hỏi đáp, như còn lại rộng nói rõ.

2. Pháp chấp này vi tế nên khó đoạn:

Yếu Tập có ba giải thích: Một là sáu pháp bảy pháp chấp từ vô thỉ đến nay, cùng với ngã kiến kia, tuy đồng loại khởi, lìa ngã kiến bên ngoài không phân biệt pháp chấp, luận kia nói đây chính, nói rằng do pháp chấp này chỉ có một trăm hai mươi tám loại đồng với phiền não. Nay cho rằng không như vậy, từ vô thỉ đến nay, chấp pháp là có, tức là chấp làm ngã, có thể như đã nói, kiến giải của kinh Niết-bàn v.v... tuy chấp pháp có, không chấp làm ngã, đâu chẳng phải pháp chấp đây v.v... tức là pháp chấp, đâu phải hằng thường ngã chấp đều có. Lại Tiểu học Vô học ngã chấp đã đoạn, đâu không khởi pháp chấp, pháp chấp nếu khởi, thừa nhận huân tập chủng tử chăng? Nếu không huân tập chủng tử, vì sao thiếu mà không thể được? Nếu thừa nhận huân tập chủng tử, có thể không sinh hiện hành, đây tức là sinh hiện hành, đâu cùng với ngã chấp, thường được với chủng tử, tuy nói đầu số một trăm hai mươi tám loại không nói mỗi mỗi cùng với hoặc đồng chủng tử.

Hỏi: Đoạn Thức thứ sáu câu sinh pháp chấp có nói tiệm đốn, lần lượt vượt lên chăng?

Đáp: Chỉ dần dần đoạn thứ lớp không vượt lên không phải đốn liền được quả và vượt lên địa.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao hàng Nhị thừa đoạn được hoặc chướng, trước hàng phục sau thành tựu vượt lên, Bồ-tát đoạn sở tri, sau vượt lên trước cũng hàng phục?

Đáp: Hàng Nhị thừa đắc quả dễ dàng, trước hàng phục sau thành tựu vượt lên, Đại thừa chứng được địa khó, không vượt lên có thể được hàng phục.

Hỏi: Đại thừa khó đắc quả chỉ lần lượt không nói vượt lên, thí thân cho cọp ăn, trải tóc lấp bùn, vì sao nói vượt lên kiếp?

Đáp: Đại thừa không vượt lên địa, căn cứ đây không nói vượt lên do tinh tấn sinh ra, đâu ngăn ngại được vượt lên kiếp.

Luận: Duyên dụng ắt nương thể thật có.

Hỏi: Nếu không phải pháp của thể, tuy không phải nghĩa của duyên được có sở duyên, vì sao quả thứ nhất trước nói chẳng phải các cực vi hòa hợp với vị, có thể cùng với năm thức đều làm sở duyên.

Đáp: Năm thức không thể duyên với cảnh vi tế, nên nói chẳng phải sở duyên phải chướng duyên thứ sáu, không biến đổi tướng thành tựu nghĩa sở duyên. Nếu như vậy, vì sao quán sở duyên? Nói rằng: Sở duyên cực vi đối với vị thứ năm, thiết lập duyên chẳng phải sở duyên?

Đáp: Ý phá sở duyên, nếu buông nghĩa của duyên không có pháp thật thể mong sáu thức, đều không thành tựu duyên.

Hỏi: Giả pháp và vô đều không thành tựu duyên, Đại thừa Thức thứ sáu duyên với sừng thỏ, tướng phần này giả được thành tựu duyên không? Nếu thừa nhận thành tựu duyên, vì sao phá tha? Nếu không thành tựu duyên đâu không gần gũi với Sở duyên duyên?

Đáp: Tiểu thừa v.v... chấp vào pháp của thức bên ngoài, giả thật đều là vô chẳng phải là sở duyên, cho nên trước phá nó. Sở duyên của Đại thừa là không lìa thức, vì lựa ra biến kế đều được tên thật, thành tựu Sở duyên duyên.

Luận: Như chẳng phải sở duyên, vì tha tụ nhiếp, đây hoặc không phải đồng dụ, vì duyên của thức thứ năm, bảy v.v... có bất biến.

Hỏi: Như chẳng phải sở duyên, Thức thứ sáu duyên biến khắp mười tám giới, vì sao chẳng phải là sở duyên?

Đáp: Căn cứ theo duyên khác mà nói, vì họ cùng thừa nhận.

Hỏi: Trí của Phật duyên khắp, tự và tha đồng thừa nhận, vì sao chẳng phải sở duyên?

Đáp: Vì theo nhân mà nói, lại vì họ thừa nhận tâm Phật có thể chẳng phải tất cả thời thường duyên khắp.

Luận: Hiện tại tụ kia v.v... lượng phá ở nơi người khác, chuẩn theo văn có thể biết. Nhưng luận Duy Thức quyển 20 ghi: "Tha tâm trí làm sao biết được cảnh không như thật, biết được tâm trí của mình mà không biết được như cảnh của Phật", văn đây có trình bày có giải thích. Có giải thích để trả lời, hai câu đầu là người ngoài hỏi, vì trước trả lời người khác trừ Phật ra. Tuy biết tâm của người khác, nhưng không như thật, lấy họ làm chất, tướng phần ít giống, không thể gọi là thật, cùng với bản chất khác nhau, cho nên không như thật, nên nay người ngoài hỏi tha tâm trí vì sao biết được cảnh không như thật, như biết tâm trí của mình. Luận chủ giải thích, không lấy kiến phần duyên với tự kiến phần, đã trừ Phật ra không thể duyên, căn cứ theo một sát-na chẳng phải lượng trước sau, như thật mà biết cũng chẳng phải tự chứng, lấy duyên

trước sau và duyên khác với thức, cũng là biến tướng, nên không như thật biết. Họ lại nói: Vì sao biết mình và người đều có thể như thật? Hai chữ "không biết" trong câu thứ tư của bài tụng, luận chủ trả lời: Nếu tâm trí của người khác trừ Phật ra rồi, do pháp chấp che lấp, nếu hiện hành nếu chủng tử có "không biết" này che tâm và cảnh nên không thể biết, tức là do che lấp, không biết như trí thanh tịnh của Phật đã hiện hành lìa cảnh ngôn thuyết. Một là lời của bất tri, thông với trả lời trước, đều hiển bày bất tri, nguyên do như Phật, chuyển theo ý luận này, tụng nói bất tri, vô tri, bất tri hợp với tên bất tri thông với trả lời.

Sớ ghi: Nhưng sự chấp của Thượng tọa v.v... pháp tâm đồng tụ với pháp tương ưng, cùng hỗ tương nhau có thể duyên.

Luận Bà-sa quyển 9 ghi: "Như Pháp mật bộ kia nói, tuệ v.v... có thể rõ được tương ưng thọ v.v...". Ý này không nói đều có thể tự duyên, đều hỗ tương với duyên. Luận Bà-sa lại nói: Hoặc là có chấp tâm, tâm sở pháp, có thể rõ được đều có. Như Hóa địa bộ kia nói như thế này: Tuệ có hai thứ cùng thời mà sinh ra, một là tương ưng, hai là bất tương ưng. Tương ưng tuệ biết bất tương ưng, bất tương ưng tuệ biết bất tương ưng.

Pháp sư Câu-xá giải thích rằng: Nói tương ưng là đồng thời khởi tâm tụ tương ưng, bất tương ưng như niệm trước sau không đồng thời tâm tụ tương ưng. Hai tuệ này lại hỗ tương mà biết. Nay do chưa rõ được duyên, nên nói đều có pháp, và Luận sư Tây phương, nghĩa đợi văn sau kiểm nghiệm. Nay giải thích rằng: Nói tương ưng tức là bốn uẩn, bất tương ưng tức là sắc uẩn và bốn uẩn trước sau, cùng với bốn uẩn đồng thời, không phải duyên tự tương ưng, năng duyên đều khởi bất tương ưng uẩn, tên gọi rõ ràng đều có, trí tương ưng uẩn, trí biết trước sau, trước sau khởi trí tức là không cùng với trí này tương ưng. Có thể biết trí này tương ưng với bốn uẩn, tức là trước sau trí tương ưng lại hỗ tương mà biết. Đại Chúng bộ cho rằng: Trí v.v... có thể rõ được tự tánh, có thể rõ được tự tha, như đèn có thể chiếu sáng là tự tánh, nên có thể chiếu rõ tự tha.

Luận: Như có lửa chân thật v.v...

Sớ ghi: Trong y tha có tợ pháp, không có tợ ngã, pháp nghĩa là quỹ trì, trong y tha có, ngã nghĩa là chủ tể, trong y tha không có, pháp riêng chủng tử khởi, ngã không có riêng chủng tử, không chướng ngại gọi là tợ. Chỉ có Vô phân biệt, còn lại phần nhiều không rõ, giải thích khác nhau v.v... Trong Yếu Tập ghi: "Tám loại mạnh mẽ v.v... tự cộng tác tướng v.v... đều không được ý", đặt ra vặn hỏi lỗi tông, sợ phiền toái

nên không kể ra.

Hỏi: Trong Sớ lập lượng, như Thức thứ sáu khi duyên với người lớn trong thân người lớn, còn lại tất cả pháp đều sẽ chấp duyên với chấp trước, tuy đứng về tha tông lập tỷ lượng này, Đại thừa tự tông lúc quyết định tâm duyên được tất cả pháp trong thân người lớn chăng? Nếu không được thì lẽ ra chẳng phải là hiện lượng, vì không được tự tướng, nếu thừa nhận được người lại giả pháp cùng với tướng không có tự thể, hiện lượng chứng trí vì sao được duyên?

Đáp: Hiện lượng tâm duyên được tự tướng, đều nương cậy vào thể của mình mà rõ ràng được biết, pháp hòa hợp giả nói là người, chẳng phải làm ra một giải thích, gọi là được tự tướng.

Giải thích thiêu đốt tâm khẩu, người ngoài lại vặn hỏi, như ông định tâm và năm thức, tám thức được pháp tự tướng, lúc duyên vào lửa, vì sao không đốt tâm?

Đáp: Sự chấp của tông khác nhau, ông chấp vào ngôn thuyết được tự tướng như tợ thân căn được lửa tự tướng, tức là biết được lửa đốt cháy, vì lửa đốt cháy là tự tướng v.v... cũng như vậy tức là được tự tướng, vì sao không thiêu đốt? Đây là đứng về ngoại đạo mà vặn hỏi, chẳng phải tông của Đại thừa, tông của Đại thừa căn chẳng phải được đốt mà nói được tự tướng đều nương cậy vào thể của mình rõ ràng mà được, chẳng phải phân biệt thông suốt, pháp còn lại gọi là được tự tướng, không đồng với ngoại đạo. Nếu ngoại đạo còn nương nhờ, đều chấp vào ngôn thuyết được pháp tự tướng cũng đồng với thân căn, nên lập ra vặn hỏi này. Đại thừa không như vậy, nên tự mình không có lỗi. Nói nay duyên vào màu xanh, lập ra hiểu biết màu xanh, tỷ lượng này biết không xứng hợp với pháp trước, như nhãn thức duyên với sắc, gọi là tự tướng, nên không làm ra cái hiểu của sắc, sau khởi ý thức duyên với sắc cộng tướng làm ra cái hiểu màu xanh v.v...

Hỏi: Trước nói duyên với bình tuy không chấp chặt, là thuộc về phi lượng, chẳng phải sự màu xanh, cái hiểu màu xanh, vì sao gọi là tỷ lượng?

Đáp: Bình nương theo nhiều pháp, làm thành một giải thích, không xứng với thể của pháp, thuộc về phi lượng, màu xanh không nương theo, phần nhiều thuận theo thể của pháp, do có phân biệt nên thuộc về tỷ lượng.

Hỏi: Nếu như vậy định tâm làm thành màu xanh v.v... để giải thích chăng? Nếu không lập thành để giải thích, vì sao biến xứ thắng xứ làm ra màu xanh để giải thích, định tâm lẽ ra là tỷ lượng?

Đáp: Tuy làm ra màu xanh để giải thích, đều nương cậy vào tự thể, không thông suốt với thứ khác được hiện lượng này, quán bất tịnh v.v... chuẩn theo đây có thể biết.

Hỏi: Nói giả trí nêu bày nương theo cộng tướng chuyển làm duyên, nên gọi là chuyển, làm hành giải gọi là chuyển, như duyên nên gọi là chuyển, thể của cộng tướng là vô, duyên của trí vì sao khởi?

Đáp: Cộng tướng tuy nương theo bản chất tự tướng, tăng ích tợ như có, lúc giả trí duyên, trở lại nương theo bản chất để biến đổi thường, chất tướng đều là vô, thể của cộng tướng kia trí chỉ duyên theo tướng, không thể duyên theo cộng tướng chấp trước kia, nghĩa nói cộng tướng cho là sở duyên, hiển bày nói rõ duyên không chấp trước, gọi là y cộng chuyển, hoặc đối với hành giải cũng gọi là chuyển, nhưng sinh ra hành giải không có cộng tướng kia. Nếu như vậy, vì sao gọi là y cộng tướng chuyển?

Đáp: Nương theo cộng tướng hành giải chuyển.

Hỏi: Nếu như vậy hành giải duyên dụng có gì khác nhau?

Đáp: Như tâm ngã chấp, sở duyên vô ngã mà tự chấp tình vọng làm ngã giải, tức là duyên vọng giải, hay chấp vào tâm sinh ra. Cho nên, luận rằng: Khởi tướng tự tâm, phân biệt thừa nhận kế chấp làm thật ngã, khởi tướng tự tâm. Sớ có hai giải thích, ở đây nương theo sau để giải thích pháp, chấp cũng như vậy, giả trí thuyên này tuy chẳng phải chấp chặt, hành tướng tợ như nó.

Hỏi: Nếu như vậy hành giải sở thủ và do cộng tướng đều không phải tánh của thể, vì sao được thành tựu duyên?

Đáp: Lúc giả trí duyên, tùy theo chỗ ứng đó, ắt sẽ định tâm chất tướng mới được sinh, nên thành tựu nghĩa của duyên, chẳng phải chất của vô tướng mà tâm một mình khởi.

Hỏi: Đã luận về thể của sắc, thật chẳng phải là màu xanh màu vàng, nhưng giả trí nói rõ, lúc nói rõ duyên vào màu xanh, là giá là biểu, nếu chỉ là giá, lẽ ra sẽ không có duyên vào sở thuyên, vì sao thật sắc v.v... nói có màu xanh màu vàng v.v... nếu cũng có biểu, tức là nói rõ màu xanh của duyên v.v... vì sao nói không được tự tướng?

Đáp: Nói như tợ sắc, nương theo pháp giả lập, nói chẳng phải thể Chân như tức là thật là sắc, màu xanh v.v... cũng như vậy. Chỉ ngăn ngại đối với thứ khác, ý muốn nói biểu này, nói thông với giá biểu, chẳng phải do có biểu, tức là được tự tướng. Lúc năm thức tám thức duyên, không làm ra sắc chẳng phải sắc, màu xanh chẳng phải màu xanh v.v... để giải thích, vì chỉ chứng tướng duyên, nên được tự tướng.

Hỏi: Vô sắc giới không có âm thanh, giả trí nương theo đâu mà khởi?

Đáp: Có ba giải thích: Một là nương theo phần nhiều mà nói, hai là cũng có âm thanh, nương theo định quả mà nói; ba là hai cõi dưới nhiều lần nghe nó, vì thói quen huân tập, nên giả trí cũng khởi.

Hỏi: Luận rằng: Năng thuyên và sở thuyên đều chẳng phải tự tướng. Nếu năng thuyên sở thuyên đều chẳng phải tự tướng, có thể nương theo cộng chuyển, năng duyên sở duyên không nói chẳng phải tự tướng, nên không nương theo cộng chuyển chăng?

Đáp: Năng duyên giả trí cũng chẳng phải tự tướng, vì có phân biệt nên nói giả trí.

Hỏi: Vì sao không nói?

Đáp: Vì ảnh lược nên nêu cảnh hiển tâm.

Luận: Tợ nghĩa là tăng ích.

Bản luận nói: Trên tự tướng tăng ích cộng tướng.

Tây Minh nói: Vả lại như nhãn thức được tự tướng của màu xanh, gọi là thật có tướng, sau tâm tìm cầu lặp lại duyên với màu xanh v.v... chẳng phải màu xanh của tự tướng, sẽ là tự tướng, cho nên nói tợ nghĩa là tăng ích, chẳng phải thật có tướng.

Yếu Tập ghi: Có giải thích tâm tìm cầu v.v... đối với chẳng phải tự rỗng suốt sẽ là tự tướng, nên gọi là tăng ích, đâu chẳng phải là cộng tướng, vì tìm cầu chẳng phải lượng, nay cho rằng không như vậy. Nếu tìm cầu tâm sở duyên chẳng phải cộng, lìa tự cộng tướng sẽ có tướng thứ ba, vô của tướng thứ ba chẳng phải cộng, vì sao nhiếp? Lại tìm cầu tâm là giả trí chăng? Nếu là giả trí thì trước nói giả trí thuyên chỉ nương theo các pháp cộng tướng mà chuyển nếu chẳng phải cộng tướng chỉ nói trái với kia. Lại nữa trong định thừa nhận tìm cầu, đâu phải là chẳng phải lượng.

Hỏi: Giả trí và thuyên đều chẳng phải tự tướng, nương theo tợ sự chuyển tợ sự chẳng phải thật, tức là giả pháp như vô, vì sao được có biểu nghĩa, chỗ huân tập chủng tử của danh ngôn?

Đáp: Nếu bản chất kia có thể sinh ra pháp, tướng phần tợ như kia, do đây sức của danh ngôn, ý hiểu rõ, khiến cho tướng phần này huân tập thành chủng tử kia tướng phần chẳng phải giả nên cũng không có lỗi.

Luận: Năng biến có hai nghĩa là nhân và quả, có nhiều giải thích, vả lại chuẩn theo văn của luận và ý của Sớ nhân biến đổi chỉ có chủng tử, quả biến đổi chỉ có hiện hành. Nếu hiện hành huân tập chủng tử

không gọi là nhân biến, vì sao? Luận chỉ nói một nhân có thể biến đổi, nghĩa là lưu chuyển trong Thức thứ tám v.v... Dị thục tập khí của hai nhân, đã nói trong Thức thứ tám tập khí của hai nhân, Thức thứ bảy hiện hành có thể huân tập, chẳng phải ở trong Thức thứ tám, cũng có tập khí, không đồng với ba tướng, ba tướng các văn đều nói bất định hai thứ biến đổi lại không khác với lời của văn. Nếu như vậy hiện hành, huân tập chủng tử là vì sao thuộc về biến đổi?

Đáp: Là quả biến đổi, hoặc chẳng phải hai thứ biến đổi, vì sao? Nếu nói nhân chẳng phải tập khí, nếu nói quả cũng Thức thứ bảy không thể hiện tướng của chủng tử kia.

Hỏi: Nếu như vậy hai biến nhiếp nghĩa không hết chăng?

Đáp: Không hết là lỗi gì? Hai biến căn cứ theo sự thắng, nhưng trong Xu Yếu lập ra câu số là lấy nghĩa mà nói, hoặc là tướng hiện hành huân tập, cũng là nhân năng biến. Nếu nói là quả Thức thứ năm thứ bảy đã huân tập, đâu phải là hiện tướng, ý trong đây nói, tự chứng minh đã hiện tướng gọi là chủng tử.

Hỏi: Nếu như vậy, vì sao không nói năng huân cũng là nhân biến?

Đáp: Chuẩn theo Thức thứ tám sau, hiện tướng cũng gọi là chủng tử, nhưng nói tập khí, thù thắng hiển bày tương tục, nhân của hiện hành mất tuyệt, ẩn lược không nói.

Luận rằng: Trong đây vả lại nói, ngã ái chấp tàng v.v... Tây Minh đứng về dẫn, đầy đủ quả Dị thục lựa ra, không khác với sự giải thích của Sớ, có giải thích riêng lựa ra, ngã ái chấp tàng là A-lại-da, nắm lấy chủng tử của tạp nhiễm là Đà-na, ban đầu có thể biến đổi thức của quả Dị thục, nay cho rằng không như vậy. Đà-na thông với Phật, vì chẳng phải giữ gìn tạp nhiễm.

Yếu Tập ghi: Nghĩa là ngã pháp, sở y, năng biến, ở trong hai vị chỉ lựa ra sáu thức đến Địa thứ năm, hiển bày vị ngã chấp, nhân chấp vào tàng xứ, từ Địa thứ tám trở lên, trừ Kim cương vị, giữ gìn chủng tử của tạp nhiễm, hiển bày pháp chấp vị, đều chỉ Địa thứ tám, nên tụng riêng nói, Dị thục của Địa thứ tám. Nay cho rằng không như vậy, nếu gần pháp chấp y, tức là năng biến thứ nhất chẳng phải cùng tội trước xả, vì trái với văn sau. Nay vốn giải thích, ý có hai thứ lựa chọn: một là người khác lựa chọn, nghĩa là sáu thức còn lại, chẳng phải Dị thục; hai là tự mình lựa chọn, từ Địa thứ tám trở đi, tuy đã chân Dị thục chẳng phải là chỗ ngã chấp, tướng phần hằng yêu thương chấp trước, vì đã xả được ngã chấp. Cho nên, sau giải thích rằng: thức năng biến thứ nhất, Đại

thừa Tiểu thừa giáo gọi là A-lại-da. Lại nói: Thức này tự tướng phần vị tuy nhiều, chứa đựng ban đầu quá nặng, cho nên riêng nếu, để Dị thục lấy pháp chấp, nhiếp quả tướng này mà làm tự tướng, vì sao được chứa ban đầu quá nặng? Lại phần sau nói và xả, trước A-lại-da chẳng phải thức Dị thục, nên nay văn này hiển bày, lựa chọn mình và người, chỉ lấy sở y của ngã chấp giữ gìn chủng tử của tạp nhiễm, thức của quả Dị thục gọi là năng biến, chẳng phải đều nhiếp hết, nên nói: Vả lại nói bài tụng chia làm mười một môn, vì không thể biết chỉ thức này có, thức còn lại đã không có, nên chỉ là môn, chỉ lìa thọ cầu, nên có mười hai môn hoặc thọ nhiếp vào trong môn tâm sở, tức là mười môn, nếu không thể biết tức là hai hành tướng không chỉ làm môn, tức là lìa thuyết thọ nên chỉ có mười môn.

Luận rằng: Năng tàng sở tàng v.v... Tây Minh có ba giải thích: Thứ nhất là tám thức hiện tại, mong hiện tại khác; thứ hai là lấy chủng tử tạp nhiễm làm năng tàng, vì chủng tử có thể giữ gìn quả; thứ ba chủng tử của hiện tại đều là năng tàng, ý lấy cách thứ hai. Yếu Tập cũng lấy cách thứ hai làm chính, cho rằng chủng tử của phẩm tạp nhiễm mong thể của bản thức, chỉ là sở y, không phải nghĩa của nhân duyên, vì Thức thứ bảy hiện hành mong Thức thứ tám hiện tại, cũng không phải nhân duyên, giải thích thứ hai là tông khác. Nhưng trong ba tướng, nhân tướng cùng với ý của nghĩa này hơi khác nhau. Nay cho rằng các luận nói năng tàng sở tàng không chỉ nói chủng tử, vả lại Vô Tánh nói: Chứng A-lại-da thức gọi là A-lại-da, có thể nhiếp tàng các pháp, nghĩa là sở huân tập là nghĩa của tập khí, tức là nói chứng A-lại-da thức gọi A-lại-da. Lại nói: Nhiếp tàng các pháp nghĩa là sở huân tập, nói rõ Thức thứ tám, chẳng phải chủng tử của các pháp. Nếu chủng tử của tạp nhiễm gọi là năng tàng, liền chứng được chủng tử gọi là A-lại-da chủng tử của Kinh bộ cũng sẽ như vậy. Cho nên lại nói: Vì thức của tất cả chủng tử cùng với tất cả chủng tử đều sinh đều diệt vì A-lại-da thức cùng các chuyển thức giúp đỡ làm duyên, triển chuyển nhiếp tàng. Nếu tức là nói chủng tử gọi là chủng tử thức, đâu có thể chủng tử lại cùng chủng tử, đều sinh đều diệt, gọi là triển chuyển nhiếp tàng. Lại nếu dùng luận của Thế Thân lấy câu thứ hai để giải thích câu thứ nhất, tức là chứng chủng tử, gọi là năng tàng, vì sao không chấp trước? Luận nói: Lại vì duyên gì thức này nói tên A-lại-da thức? Nghĩa là tất cả có sinh ra phẩm pháp tạp nhiễm ở nơi nhiếp tàng này, lại tức là thức này ở nơi nhiếp tàng kia, tức là nói thức này ở nơi nhiếp tàng kia, tức là lẽ ra chủng tử ở tàng của pháp hiện tại, nếu như vậy, vì sao lại nói hoặc các hữu tình

nhiếp tàng thức này làm tự ngã? Đâu thể chủng tử của tạp nhiễm hiện tại cho là ngã, nên thức của chủng tử nói không phải con mắt chủng tử, do Thức thứ tám hiện tại năng nhiếp chủng tử, gọi là chủng tử thức, nên trong các tên nói hoặc gọi là chủng tử thức, có thể biến khắp giữ gìn các chủng tử. Cho nên Thế Thân lấy câu thứ hai để giải thích câu thứ nhất.

Lại Vô Tánh nói: Đối với nhiếp tàng này, hiển bày tập khí trì, do chẳng phải tập khí, gọi là A-lại-da thức, cần phải năng trì tập khí, như nói ý thức kia, ý này tức là hiển bày Thức thứ tám hiện tại, năng trì tập khí, được tên của Lại-da, vì năng trì tập khí. Như Luận sư Kinh bộ ý thức thứ sáu, nếu duyên lấy các chủng tử tức là chỉ tập khí gọi là A-lại-da thức, nêu dụ của ý thức, cũng không tương tợ, vì chủng tử này hiện tại kia có sai biệt. Lại luận thứ ba này chính giải thích bài tụng kia rằng: Do bản thức này đầy đủ các chủng tử, nên có thể nhiếp tàng các pháp của tạp nhiễm, nương theo đây kiến lập tên của A-lại-da. Chuẩn theo đây, đâu thể chỉ chứng được quả pháp của chủng tử nhiếp tàng, gọi là bản thức, gọi là A-lại-da.

Lại nói: Cũng là hữu tình chấp tàng làm ngã, nếu nói chủng tử đâu có thể chấp chủng tử cho là ngã ư? Nếu chấp vào thức của hiện tại, không nên nói diệt tức là nói cũng là lời nói rõ tám thức hiện tại là có thể nhiếp tàng, lại chấp làm ngã, nên nói ở nơi diệt. Luận này lại ghi: Đây tức là hiển bày, ban đầu năng biến thức, tự tướng vốn có nhiếp trì nhân quả làm tự tướng. Nên lại giải thích nhân tướng, nói: Tướng nhân tướng thức này tuy có nhiều chủng tử, giữ gìn chủng tử không cùng, nên riêng nói nó. Nếu như vậy tám thức hiện tại chỉ là chủng tử nương theo, không sinh ra tạp nhiễm, vì sao gọi là nhân?

Đáp: Chủng tử là dụng của thức, không phải một không phải khác, nhiếp dụng quay về thể, nói là nhân của pháp, chủng tử của pháp Vô lậu, năng trị và sở trị khác nhau, nên không nói nó. Nếu chỉ duyên lấy chủng tử Vô lậu số duyên lấy lại thức hiển hiện, chủng tử chìm ẩn, vì thức có thể giữ gìn chủng tử kia, nói thức làm nhân, nghĩa hiển hiện chủng tử, như nói nghe huân tập là chủng tử của xuất thế, nghĩa hiển hiện vốn có Vô lậu làm nhân. Nói pháp tạp nhiễm, cùng với A-lại-da làm nhân duyên, nên biết cũng như vậy. Lại thân cận duyên và tăng thượng duyên, đều gọi là nhân, gọi là duyên. Kinh tụng đều gọi là nhân, luận giải thích đều gọi là duyên. Nếu thành tựu tăng thượng, gọi là giúp nhau làm nhân, cũng lại không ngăn ngại, vì giữ gìn huân tập chủng tử kia. Lại nói: Trong ba tướng, nhân tướng cùng với đây hơi khác nhau, đây cũng không như vậy. Chuẩn theo văn của luận này cùng với pháp

làm nhân, tức là tướng của nhân, như văn đầy đủ hiển bày, phiền toái không thể dẫn chứng, giải thích tên của Lại-da nghĩa của ba tàng, đến phần sau sẽ nói rõ.

Hỏi: Ba tướng của Lại-da hay là thể tướng hay là nghĩa tướng nghĩa?

Đáp: Sớ giải thích rằng: Tự tướng là thể, hai tướng còn lại là nghĩa tướng. Tây Minh có hai giải thích:

1. Tự tướng là thể tướng, hai tướng còn lại là tướng của tướng trạng.

2. Ba tướng đều là thể tướng, nên phần sau tổng kết thể tướng.

Lại Vô Tánh nói: Lược có ba, chia chẻ thức này, tự tướng, ứng tướng, nay rõ ràng giải thích này, tuy không phải văn phán quyết, nhưng Sớ làm chính. Nếu nói trong thức các pháp chủng tử cho là nhân tướng, thể tướng có hai, quả lìa tự tướng lại không phân biệt thể, chỉ mong nhân thù đáp nghĩa phân biệt tướng của quả, huống gì văn của luận này nói có thể giữ gìn chủng tử cho là nhân tướng. Cho nên phần sau luận nói: Giữ gìn chủng tử không cùng nên riêng nói nó, lìa thể của tự tướng đâu có riêng thể, là có thể giữ gìn chủng tử, nói là ba tướng không đồng với hai chướng, dụng của hai chướng khác nhau, tánh của chướng hàng phục đoạn mỗi mỗi sai biệt, kinh luận Thành Thật nói thể của hai chướng khác nhau, không phải văn nói ba tướng này, thể khác biệt. Nếu có lời của văn, do có lỗi trước. Nếu nói: Thể tướng của các tướng trạng hợp nói có ba, tự tướng có thể, đây tức là lỗi cực thành, tướng của tướng trạng, nhân quả là có thể khác biệt là không có thể khác biệt, nếu có thể khác biệt, lỗi tức đồng với trước, nếu không thể khác biệt, tức là nghĩa tướng, gọi là tướng trạng, đây tức là nhân trước, vì sao lại lúc nói khác biệt? Lại tự đáp rằng: Đối với một thể trên, nghĩa nói ba thể, nên đối với tự tướng nghĩa nói lỗi cực thành.

Luận rằng: Nhân tướng của thức này, tuy có nhiều loại, mười nhân, bao nhiêu nhân, như bộ Xu Yếu nói rõ. Chẳng phải tánh của âm thanh, chẳng phải tùy theo mà nói nhân, là hiện hành nên chẳng phải lôi kéo dẫn dắt sinh khởi. Nếu tám thức nhân tướng của chủng tử, trừ tùy theo lời và tương vi nhân, vì chủng tử chẳng phải là âm thanh, vì là Vô ký, trong sáu nhân, năng tác có bao nhiêu nhân? Tuy sự phá của luận Hiển Dương phá luận Tát-bà-đa lìa Thức thứ tám, còn lại pháp của hiện tại v.v... vì chẳng phải nhân duyên. Trong luận Tạp Tập nương theo Thức thứ tám giữ gìn chủng tử của các pháp nói có sáu nhân đều là tánh của nhân duyên. Vả lại thức hiện hành mong các pháp khác làm

năng tác nhân, năng tác nhân rộng rãi. Lại Đối Pháp ghi: "Vì nương theo tự tánh của nhân, kiến lập năng tác nhân", nên biết tất cả nhân đều thuộc về năng tác nhân tuy thức hiện hành chẳng phải chủng tử của các pháp, căn cứ theo chủng tử có thể giữ gìn mà nói là nhân tướng.

Nhiếp Đại Thừa ghi: "Nhân tướng nghĩa là tất cả chủng tử A-lại-da thức đối với tất cả thời, cùng với phẩm loại các pháp tạp nhiễm kia, hiện tiền làm nhân". Cho nên Nhiếp luận nói đều có nhân tức là A-lại-da cùng với các chuyển thức, nếu lìa như vậy, đều có hai nhân nhiếp chủng tử trong ngoài, A-lại-da thức, nhân duyên còn lại nhất định không thể được.

Hỏi: Hai nhân là Câu hữu nhân và tương ưng nhân vì sao khác nhau?

Đáp: Câu hữu nhân thông với bảy thức, tương ưng nhân từ tâm sở, nếu từ tâm sở cùng thời mà sinh là Câu hữu nhân, thể của sở duyên v.v... tức là tương ưng nhân, mong niệm sau của mình tức là Đồng loại nhân, đồng sinh ra các pháp, tức là Biến hành nhân. Cho nên Vô Tánh nói: Tướng của nhân tức là tác dụng của tăng thạnh, công năng huân tập có thể làm ra tánh của nhân, vì hiện tiền có thể sinh ra pháp tạp nhiễm. Nếu luận Tát-bà-đa chỉ nói khổ đế dưới kiến, nghi, si, tập đế dưới bốn kiến, hai kiến nghi, si, vì trừ ba kiến, năng biến này sinh ra năm môn tạp nhiễm, gọi là biến nhân.

Luận Tạp Tập đồng nói các hoặc của bốn Đế, có thể là biến nhân. Cho nên, Tạp Tập ghi: "Nhân của biến hành này, chẳng phải chỉ khiến cho tương tợ phiền não tăng trưởng", vì sao? Nếu có theo tập khí phiền não của tham v.v... đều khiến cho tất cả phiền não sân v.v... tương tục tăng trưởng, kiên cố. Nhiếp luận của Vô Tánh đồng nói tất cả, nên luận kia ghi: "Tức là môn khác nói A-lại-da thức đồng loại, biến hành, Dị thục ba nhân". Nếu lìa nhậm trì huân tập tánh của nhân, vì không tương ưng, tức là nói A-lại-da, do năng nhậm trì huân tập tánh của nhân, làm tánh của ba nhân, tức là nhậm trì tập khí, không chỉ nói nhiễm, nên thông với các pháp, hoặc tuy nói chung, ý chỉ lấy nhiễm, cũng được mong sau từ thức Dị thục làm nhân của Dị thục, tức là đây dẫn trước, Nhiếp luận làm chứng. Nếu căn cứ theo tánh chế phục được thể dụng khác với luận, thức hiện tại trông mong thức khác, chỉ có thể làm nhân, vì là tăng thượng. Nếu tánh của chủng tử nhân làm tánh của sáu nhân có thể làm nhân thông. Câu hữu nhân là chủng tử sinh ở hiện tại, tức là cùng với quả đều gọi là Câu hữu nhân. Sau nói: Như Câu hữu nhân là tự Câu hữu nhân. Như luận Tát-bà-đa thông với Trì nghiệp thích, Y chủ

thích tương ưng nhân chỉ Y chủ thích, chủng tử trước sau tự loại tướng sinh ra, tức là Đồng loại nhân.

Sau nói: Như đồng loại là nghĩa đồng với loại trước các danh ngôn chủng tử sinh ở hiện tại hiện hành, cũng Đồng loại nhân vì tánh của chủng tử hiện hành đều đồng. Cho nên sau luận ghi: “Nhân quả đều là tánh của thiện v.v... nên cũng gọi là thiện v.v...”. Luận Tạp Tập ghi: “Nghĩa là vì do trưởng dưỡng các chủng tử kia ở đời vị lai”, tức là chủng loại kia thường trụ thù thắng mà sinh; cho đến nói lập Đồng loại nhân, Biến hành nhân là tự chủng tử trông mong thứ khác, chẳng phải tánh của nhân duyên, đều là tăng thượng, do tùy theo chuyển nên giả nói nhân duyên, tánh của nhân Dị thục cũng lại như vậy, hoặc có thể cùng với biến hành làm nhân, vì hiện tại tham v.v... duyên với sân v.v... còn lại huân tập chủng tử sinh ra nó, gọi là Biến hành nhân, chủng tử là nhân này, cũng gọi là Biến hành nhân, như tợ sinh nhân, nên cũng gọi là sinh nhân, nhân Dị thục cũng như vậy, hiện hành thiện v.v... là phương tiện nhân, có thể mê hoặc Dị thục gọi là nhân Dị thục, hoặc có thể có Dị thục lập ra tên của Dị thục cùng với đây làm nhân, gọi là nhân Dị thục, hiện hành thiện v.v... là có thể có Dị thục. Nhưng luận Tạp Tập nêu quả, hiển bày luận kia có thể có Dị thục, nói vì có thể nhiếp thọ tự thể, tức là nhân Dị thục, tên cùng với Tiểu thừa đồng, ý của nghĩa có khác nhau.

Lại ghi: Ba tướng này ý của văn nghĩa khác nhau, chuẩn theo trong bộ Xu Yếu. Ba tướng của luận này chỉ có hiện hành, nhưng từng nghe giải thích ba trong đều thông với hai pháp chủng tử, hiện hành. Vả lại, đối đáp với tông khác nêu hiển bày thù thắng, lại căn cứ chung trước nêu trong đây. Vả đây nói ngã ái chấp tàng giữ gìn chủng tử tạp nhiễm, có thể biến đổi quả thức, gọi là thức Dị thục để nói rõ ba tướng, nên chỉ nói hiện hành, lý thật đều thông để làm rõ nghĩa. Nhân Quả Phân Biệt ghi: “Trong nhân đầy đủ ba tướng, quả của Phật chỉ có hai, không phải tướng quả tướng đó, vì chẳng phải Dị thục”.

Hỏi: Nếu như vậy tự tướng cũng sẽ chẳng phải có, vì nhiếp nhân quả mà làm tự tướng, tức là không phải quả tướng, nhiếp gì để làm tướng?

Đáp: Từ nhân cũ sinh làm quả, nhiếp các pháp chủng tử làm nhân, bao bọc hai thứ này, gọi là nhiếp hai tướng.

Hỏi: Nếu như vậy quả tướng trong tự tướng lẽ ra cùng với quả tướng khác nhau?

Đáp: Quả tướng căn cứ theo thù thắng hiển bày, lựa ra khác chỉ là

Dị thục, tự tướng luận về thể, quả chẳng phải chỉ là Dị thục, chỉ nói vì cùng với pháp tạp nhiễm, hỗ tương làm duyên, vì do nó có thể huân tập Thức thứ tám khởi, cũng tức là quả hoặc chỉ nhiếp nhân, vì thể có thể giữ gìn chủng tử của các pháp, tức là thể nhiếp dụng mà làm tự tướng. Nếu gần gũi nhân sinh, tức là tự tướng, nếu lìa nhân sinh, không phải tự tướng, mong nghiệp mê hoặc khác mới gọi là quả, nên địa vị Phật không có. Bởi vậy Nhiếp luận ghi: "Quả tướng nghĩa là nương theo phẩm pháp tạp nhiễm kia, từ vô thỉ đến nay, đã có huân tập, A-lại-da thức tương tục mà sinh". Luận này lại ghi: "Dị thục là quả".

Hỏi: Nếu như vậy nhân tướng địa vị Phật cũng không có, Nhiếp luận lại nói nhân tướng cho đến A-lại-da thức, đối với tất cả thời, cùng với các pháp phẩm loại tạp nhiễm kia hiện tiền làm nhân. Lại nói nghe huân tập chẳng phải Lại-da nhiếp?

Đáp: Nhiếp. Căn cứ theo nhiễm, luận này tức là thông, nhưng có thể giữ gìn chủng tử các pháp này, không chỉ tạp nhiễm. Văn sau lại nói: Tất cả chủng tử tương ưng lại phân biệt, vì thông với tất cả. Nhiếp luận chỉ lấy chủng tử làm nhân tướng, tánh dụng khác với luận, gần gũi sinh ra các pháp, hiện hành không như vậy, còn lại chuẩn theo có thể biết.

Luận rằng: Lại các hữu tình v.v...

Sớ ghi: Chỉ dẫn Vô lậu, ban đầu dẫn ba văn, sau tổng kết. Thứ nhất dẫn năm tánh của kinh Lăng-già, đều là có tánh; thứ hai căn của ba Vô lậu, của luận Du-già; thứ ba địa trì v.v... văn của tánh chủng tánh đều chỉ Vô lậu. Nhưng trong Sớ đều nói rõ Vô thượng y v.v... đồng nêu ý của các giáo duyên lấy các pháp như vậy, vì chủng tử Vô lậu.

Sớ ghi: Nên lẽ ra nhất định có pháp như vậy, chủng tử Vô lậu không do huân tập sinh ra, nói thông chứng là lầm bản, lại thấy đồng nêu nghĩa là chứng hai loại là không đắc ý của Sớ.

Bản tánh trụ tánh, có người giải thích hoặc lấy Chân như, hoặc nói trụ tự thừa tánh, gọi là bản tánh trụ tánh. Lại nói năm tánh đều mới huân tập sinh ra. Lại giải thích Chân như, Sở duyên duyên chủng tử sinh ra đều là lỗi của văn năm tánh, đều có thể hiển bày luận Trung Biên, Tuệ Nhật, đều thành lập năm chủng tánh, đều là vốn có, Hữu lậu không thể sinh ra chủng tử Vô lậu, Chân như không thể gần gũi sinh ra các pháp, cũng như luận kia nói rõ.

Nhiếp Đại thừa nói A-lại-da thức v.v... là dẫn thứ hai của luận kia. Luận Du-già quyển 51 ghi: "Vì sao kiến lập hỗ tương làm duyên tướng chuyển tướng"? Nghĩa là A-lại-da thức cùng với các chuyển thức làm

ra hai duyên tánh: một là chủng tử kia, hai là nương theo nó làm chủng tử. Nghĩa sở hữu thiện, bất thiện, Vô ký chuyển thức chuyển thời tất cả đều dùng A-lại-da thức làm chủng tử, nên nhận duyên làm sở y, do chấp sắc căn. Năm thức nương theo chuyển v.v... là tăng thượng duyên các chuyển thức cùng với A-lại-da thức làm ra hai duyên tánh: một là ở trong pháp hiện tại có thể trưởng dưỡng chủng tử kia, hai là ở trong pháp sau làm nó được sinh nhiếp, sinh sôi nảy nở chủng tử kia. Trưởng dưỡng chủng tử nghĩa là như Chân như, nương theo A-lại-da thức thiện, bất thiện, Vô ký chuyển thức chuyển thời, đồng sinh đồng diệt huân tập A-lại-da thức, hậu hậu chuyển thức, chuyển thêm tăng trưởng, chuyển thêm mạnh mẽ, chuyển rõ ràng chuyển là nhân duyên này. Chuẩn theo đây chỉ tợ cùng với hậu hậu chuyển thức làm nhân duyên, không nói cùng với Lại-da làm nhân.

Nay giải thích ý này nói trưởng dưỡng chủng tử kia, nghĩa là đồng sinh đồng diệt huân tập A-lại-da thức, tức là huân tập nghĩa của tám thức. Vả lại ý này mong chủng tử A-lại-da làm nhân duyên tánh, nói cùng với Lại-da làm nhân duyên tánh, ảnh hiển sinh hiện, giữ gìn các huân tập, khiến cho chuyển thức sinh, nếu không như vậy cùng với chuyển thức chuyển thời trước, tất cả đều lấy A-lại-da thức làm chủng tử có gì khác nhau? Lại chuyển thức này cùng với chuyển thức làm nhân, chẳng phải nhân của Lại-da. Lại, Lại-da trước vả lại trông mong với chuyển thức hiện tại làm nhân, ảnh hiển cùng với chủng tử kia làm nhân, chuyển thức trong đây vả lại mong chủng tử của Lại-da làm nhân, ảnh hiển cũng cùng với hiện hành làm nhân, vì sao như vậy? Sinh ra chủng tử của chuyển thức, hiện có thể huân tập thù thắng, ẩn tám thức không nói, sinh thiện thứ tám nhân của chủng tử thù thắng, ẩn hiện không nói, nên chỉ nói ở trong pháp hiện tại, vì có thể trưởng dưỡng chủng tử kia, tức là huân tập chủng tử hiện tại, hiện tại là nhân của chủng tử. Ở trong pháp sau, làm nó được sinh sôi nảy nở chủng tử kia, nghĩa là nó huân tập chủng loại, có thể dẫn nhiếp Dị thục, Vô ký, A-lại-da thức của đời sau, đây theo chủng tử của nghiệp dẫn nên Dị thục làm tăng thượng duyên.

Nói nghĩa là huân tập chủng loại kia là chủng tử của nghiệp là chủng loại danh ngôn đó, sinh sôi nảy nở chủng tử kia, tức là hiển bày do nghiệp mới được sinh, nếu không như vậy Dị thục không thể sinh.

Luận: Như bấc đèn và ngọn lửa triển chuyển sinh ra thiêu đốt v.v... trước dụ ba pháp, sau dụ nhân quả, đều dụ nhân duyên.

Tây Minh giải thích: Ba pháp dụ, nhân năng sinh, sau dụ y trì

nhân.

Yếu Tập ghi: Ý của Vô Tánh giải thích, đèn dụ hỗ tương làm nhân duyên sinh duyên, bó lau dụ hỗ tương, y trì khiến cho trụ, không ngã, cũng thuận văn quyển 51 của luận Du-già. Lại luận kia nói sẽ kiến lập căn tánh và câu chuyển tướng. Nay cho rằng: bó lau dụ y trì của Vô Tánh, đây dụ Câu hữu nhân, nên bài tụng trước hỏi, nếu chỉ vốn có chuyển thức không nên cùng với A-lại-da làm nhân duyên tánh. Giải thích bài tụng, lại nói: Trong tất cả thời, triển chuyển tương sinh cùng làm nhân quả.

Kết rằng: Chỉ nương theo hai thức này kiến lập nhân duyên. Lại phần sau nói: Khi ba pháp triển chuyển cùng làm nhân qua, như bấc đèn sinh ra ánh lửa, ánh lửa sinh ra cháy bỏng, cũng như bó lau lại hỗ tương y, khi nhân quả cùng có, đúng lý ra không nghiêng động.

Lại nói: Có thể huân tập sinh ra chủng tử, chủng tử khởi hiện hành như câu hữu nhân, nên tuy nói tương y, ý chọn lấy đồng thời, dụ ở nơi nhân quả, lựa ra trước sau của họ làm nhân duyên tánh, không nói tương y làm chứng cho y trì nhân. Lại giải thích Vô Tánh cũng chứng nhân duyên, đồng thời không điên đảo, lựa chọn lấy làm chủng tử khác lấy làm nhân duyên, nhân duyên của lúc khác thảy đều điên đảo. Cho nên luận kia ghi: "Lại như bó lau hỗ tương, y trì, đồng thời, bất đảo", lẽ ra trong quán này lại hỗ tương làm nhân, đạo lý như vậy, không nói y trì. Trong luận Du-già tướng câu chuyển của thức khác biệt, lại nữa nói rõ chẳng phải hỗ tương làm duyên, đồng xứ mà nói rõ.

Luận: Chẳng phải huân tập khiến cho trưởng dưỡng, có thể gọi là nhân duyên v.v...

Sớ ghi: Nghiệp hiện tại làm tăng quả chủng. Tây Minh nói: thiện nghiệp ác nghiệp cùng với quả Dị thục sẽ thành nhân duyên, vì có thể tăng trưởng quả Dị thục.

Yếu Tập ghi: "Nghiệp hiện tại huân tập chủng tử hữu chi vì chủng tử này có thể tăng trưởng quả Dị thục hiện tại, sẽ là nhân duyên". Nay cho rằng không như vậy, A-lại-da thức tùy theo nghiệp trước chuyển, chủng tử sinh hiện hành rồi, lại nếu là tăng trưởng, nếu đến hiện hành tăng trưởng lẽ ra đến niệm sau, chẳng phải sát-na diệt, lại sinh rồi mới tăng trưởng, không thấy lý này. Nếu chưa sinh tăng trưởng, vì hiện hành không có quả, nên chỉ tăng trưởng chủng tử, khiến cho có sức sinh ra quả Dị thục hiện tại lấy làm chánh nghĩa. Nhưng thiện ác của hiện hành tức là tăng trưởng qua chủng tử, chẳng phải chủng tử tăng trưởng chủng tử vì hiện hành cho là tăng trưởng, nếu hiện hành không tăng trưởng, sẽ

chẳng phải là hành chi, chỉ chủng tử là chi, đã như vậy vì sao nói thể của hành chi thông với hiện hành chủng tử? Lại không nên nói ở trong pháp sau, vì nó được sinh nhiếp, sinh sôi nảy nở chủng tử kia, chủng tử của nghiệp hiện tại, cùng với sức của quả hiện tại, vì sao gọi là pháp sau? Nếu nói ban đầu chưa cùng sức sau mới cùng sức gọi là pháp sau, hành sẽ không cùng thức v.v... làm duyên, vì chưa cùng với sức, nếu thừa nhận cùng với sức, vì sao không sinh hiện hành, lý cũng không như vậy, vì ái chưa thấm nhuần, nghiệp chưa thuần thục, duyên chưa đầy đủ.

Nói luận Phân Biệt hoặc là sư khác của Đại thừa, vì có chủng tử hoặc các bộ của Tiểu thừa, đều gọi là phân biệt không nhất định một bộ, nên trong Nhiếp luận phân biệt luận truyền giải thích là Hóa địa bộ, trong luận Bà-sa phân biệt nói là Chánh lượng bộ, văn luận này phần sau phân biệt luận gọi là Thuyết giả bộ. Nay văn này lược có ba giải thích:

1. Tức là bốn bộ như Đại chúng v.v... Nếu như vậy vì sao sau nói vì sao luận thuyết của ông có dị sinh, chỉ được thành tựu chủng tử của Vô lậu?

Đáp: Phần sau nhân liền phá Luận sư của Đại thừa.

2. Trước sau đều là phá Luận sư của Đại thừa.

3. Trước sau đều là phá Luận sư của Tiểu thừa.

Đại chúng bộ v.v... cho tâm bản tịnh có thể làm nhân sinh, gọi là chủng tử, chẳng phải thừa nhận có chủng tử, hoặc lại Luận sư kia thừa nhận có chủng tử, trong phá bất tương ưng nói: Có chấp tùy miên, tức là Đại chúng v.v... như ba giải thích của Xu Yếu.

Luận: Nếu chỉ ban đầu khởi không phải nhân duyên, lẽ ra không được sinh.

Tây Minh nói: Hàng Tam thừa ban đầu sinh Kiến đạo Vô lậu, nên không được sinh, vì không phải hiện hành Vô lậu huân tập. Nay cho rằng giải thích này không nương theo văn của luận.

Lại nữa nhân cũng có lỗi bất định, vì như ông nói ban đầu sinh Kiến đạo vô lậu, không có hiện hành mà được sinh chăng? Điều này cả hai đều chẳng thành. Kiến đạo của ba Thừa, ban đầu tâm Vô lậu đều không thừa nhận có tâm hiện tại Vô lậu, vì có thể huân tập sinh, lại cũng tự trái, từ ban đầu sinh kiến đạo Vô lậu, cũng không do chủng tử Vô lậu hiện tại huân tập mới sinh.

Luận: Bất thiện lẽ ra là chủng tử của pháp thiện v.v...

Sớ ghi: Hàng Tiểu thừa có thể như vậy, giả thiết lập thừa nhận nó, chẳng phải Tiểu thừa thừa nhận, lại vì trong sáu nhân, hàng Tiểu thừa

thừa nhận làm Đồng loại nhân.

Luận: Nếu tâm tánh Hữu lậu là Vô lậu v.v...

Luận rằng: Tâm Vô lậu của ông lẽ ra có tánh tương vi khác, vì tâm Hữu lậu Vô lậu tùy theo một nhiếp, như tâm tánh của Hữu lậu, nếu nói tâm tánh của Vô lậu là Hữu lậu, trong Hữu lậu Vô lậu tùy theo một nhiếp giống như tâm của Hữu lậu, trong đồng dụ này không được lập lỗi, vì tâm tánh của Hữu lậu chẳng phải Hữu lậu, nếu nói rằng duyên lấy tâm tánh của nhiễm cho là đồng dụ tức là nhân có lỗi bất định là như tâm tánh của nhiễm là Hữu lậu, là như tâm tánh của tịnh là Vô lậu.

Địa vị tư lương v.v... Hữu lậu huân tập chiêu cảm quả báo chung riêng như Pháp Hoa Nghĩa Quyết lược giải thích, nhưng Yếu Tập đoạn, nếu chiêu cảm quả báo chung nhưng Vô Tánh giải thích là vô dụng. Lại kinh Duyên Khởi ghi: "Ta không nói Vô minh sinh khởi", nên nương theo Vô Tánh giáo lý tương ưng, nay cho rằng không như vậy. Trong luận Vô Tánh căn cứ theo vô phân biệt nên trước hỏi rằng: Chưa đắc Phật quả vị lai Vô phân biệt trí nên ở chỗ nào mê hoặc quả Dị thục?

Giải thích rằng: Vì chẳng phải nhân Dị thục có thể đối trị kia, tức là tăng thượng quả giả lập tên kia, chủng tử hiện hành vô phân biệt này nói chung, chủng tử trước Kiến đạo hiện hành sau Kiến đạo nên nói pháp đối trị quả Hữu lậu, nếu là Hữu lậu đâu phải là đối trị nói do tư lương này huân tập nghiệp của Hữu lậu khác khiến chiêu cảm Dị thục là Vô lậu khác! Điều này đồng với tư lương gia hạnh trong Tạp Tập thuộc về Đạo đế. Nhưng kinh Duyên Khởi ghi: "Lại Bất phóng dật bên trong pháp khác sinh", nếu tạo phước hạnh và bất đồng hạnh kia là chánh pháp như lý tác ý, tương ưng với cái mà dẫn phát khởi của tâm thiện tuy đối với thiện hướng đến thù thắng sinh mà chẳng phải vô minh khởi tăng thượng duyên, căn cứ theo thù thắng nói kia là chánh pháp, như lý tác ý, chẳng phải bất tương ưng, trói buộc và tùy miên làm duyên khởi hành. Nếu không như vậy tức lẽ ra nói bên trong các pháp dị sinh. Bất phóng dật, là không tạo nghiệp mới, vì sao chỉ nói: Các bậc Thánh hữu học, bất cộng, vô minh đã vĩnh viễn đoạn, không tạo nghiệp mới?

Luận này lại nói: Tánh của Hữu lậu là tu đã đoạn mê hoặc trội hơn Dị thục, là giải thích Nhiếp luận căn cứ vào vô phân biệt không chiêu cảm Dị thục không chướng ngại có phân biệt là chiêu cảm quả Dị thục. Trong kinh Duyên Khởi phẩm Tăng Thượng như lý tác ý đã khởi nghe huân tập ghi: "Nhưng chẳng phải vô minh khởi tăng thượng duyên không ngăn ngại cũng có trong phẩm sau v.v...". Nhân ngã chấp tâm đã khởi nghe huân tập là thuận theo giải thoát có thể chiêu cảm

Dị thục, không được nói nhân ngã tâm khởi chẳng phải giải thoát phần. Đối Pháp v.v... ghi: “Trong thân người học pháp thiện của Hữu vi đều là học pháp, tức là gọi học pháp”, tức là giải thoát phần v.v... Giải thích này lẽ ra xứng lý, đến quyển 8 sẽ giải thích rộng.

Luận: Nhưng các chủng tử lược có sáu thứ chuẩn theo luận Du-già quyển 5 chủng tử có bảy nghĩa, vì sao sự nhiều ít của hai luận không đồng?

Đáp: Khai hợp khác nhau như Xu Yếu giải thích. Nay giải thích thêm nghĩa thứ ba và thứ năm. Nghĩa thứ ba nói: Lại tuy cùng với tánh khác làm nhân và cùng niệm sau tự tánh làm nhân, nhưng đã sinh, chưa diệt mới có thể làm nhân, chẳng phải chưa sinh đã diệt tức là nghĩa câu hữu quả thứ hai. Ở đây nói Câu hữu nhân làm quả đều là hiện hữu. Luận Du-già lựa ra luận khác lấy chưa sinh đã diệt làm nhân nó, nên mở làm hai. Luận này căn cứ theo nhân đồng thời là một. Cho nên nói tuy nhân và quả có câu hữu và không câu hữu, nhưng thời hiện tại có thể có dùng của nhân. Trong nghĩa thứ năm tuy được duyên khác nhưng thành tựu biến dị mới có thể làm nhân, chẳng phải chưa biến dị là nghĩa thứ năm này. Luận kia đứng về được duyên thành thục, chưa thành thục khác nhau, chưa thành thục chẳng phải là chủng tử, là chủng loại, nên mở ra làm hai. Đãi duyên này đồng nên hợp lại một, nên nói rằng tự chúng duyên hợp công năng thù thắng, thù thắng tức là biến dị.

Tây Minh giải thích: Tướng thứ ba kia thành tựu, câu hữu tùy chuyển trước, thứ năm duyên biến dị thành đãi chúng duyên, nay nghi ngờ nguyên do, còn lại vì sao không thành tựu, chỉ thành hai ư? Lại nếu thành tựu trước, lại không phân biệt nghĩa, vì sao luận Du-già ghi: “Lại kiến lập nhân có bảy thứ tướng”, nên phải tư duy lựa chọn.

1. Pháp vô thường là nhân

Sớ ghi: Cũng lựa ra Chân như, thọ huân tập làm chủng tử.

Yếu Tập ghi: “Như tuy thọ huân tập không làm pháp nhân, vì chỉ được đợi chủng tử làm pháp nhân”, đây không phải ý của thức.

Nhiếp luận ghi: “Trong đây nhiếp trì chủng tử tương ưng nghĩa là có sinh pháp đều sinh đều diệt, nên thành tựu huân tập”. Như vậy huân tập, nhiếp trì, chủng tử sẽ là lý của chánh đạo, thường pháp của Chân như không phải là trì chủng cho nên chẳng phải nhân của pháp. Lại phần sau thọ huân tập, vì ngăn ngại Vô vi.

Luận: Hai quả câu hữu đến câu hiện hòa hợp, ba nghĩa của Sớ gọi là hiện hành.

Tây Minh nói: Chủng tử cùng với quả của hiện hành đều là hiện

tại, nên gọi là hiện hành. Có giải thích hai nghĩa, hiện tại và hiện hữu, phá ban đầu hiển bày hiện tại, phá kế chẳng phải có. Chẳng phải có, trong Tây Minh nói, không lựa ra giả pháp, giả pháp chẳng phải có. Nói hiện có phá chưa rõ ràng quyết định nói: Tuy lựa ra thứ bảy hẹp, mà không phải văn, cũng phá lời ban đầu. Có nói rằng hai nghĩa: một là chủng tử quả đều hiện tại, hai là đều ở hiện tại, một thân hòa hợp.

Yếu Tập ghi: Có giải thích có nói rằng, đối với lý là thù thắng. Nay cho rằng có giải thích không lựa ra giả pháp như có giải thích phá. Nếu nói tông của Hộ Pháp giả pháp, vì như vô chẳng phải nhân duyên, bất tương ưng hành, môn quả thật lựa ra nên đây không ngăn ngại, cũng phải thường pháp và các chuyển thức, không cần ngăn ngại lựa ra, trong xuất thể môn lựa ra chuyển thức xong, trong tứ phần môn hiển bày là tướng phần, thường pháp chuyển thức chẳng phải tướng thứ tám, đây vì sao cần phải lựa ra?

Nói rằng: Gần gũi sinh tự quả, tức là dẫn tự quả, đã nói quả sở sinh không phải một không phải khác, tức là cùng với quả đồng thời, lại vì sao cần phải lựa chọn? Nên trong các môn đầy đủ nghĩa nhiều ít, cũng cần lựa ra giả.

Lại nói: Lựa ra Vô Tánh thứ bảy, các bảy chuyển thức có sức năng huân tập, đều thành tựu chủng tử quả, cũng không hiển hiện, nên trong đây không lựa ra vì nghĩa nó v.v... vì sao lưu giữ ở thứ ba mới lựa ra, vì ở trong đây, chỉ lựa ra trước sau, hoặc chủng tử hoặc hiện tại, và tướng khác lìa, không hòa hợp, đây cũng không được bản ý của Sớ, vì Vô Tánh nhập vào thứ bảy hằng chuyển cũng đầy đủ bảy nghĩa, chỉ quả của chủng tử chìm ẩn, lấy đây để lựa ra nó, còn lại chẳng phải hằng chuyển, nên môn sau lựa ra.

Luận: Ba hằng tùy chuyển.

Tây Minh nói: Thế Thân vả lại theo nhiễm nói Đối trị đạo. Luận Vô Tánh dung chung về ba tánh, danh ngôn, tùy theo chỗ sinh ra quả, hằng tương tục chuyển, không nói trị đạo. Nay trong luận này, hoặc tùy theo hoặc đồng một, hoặc cả hai đồng hai. Nói đến địa vị cứu cánh không nói trị đạo. Nếu nói tùy theo quả chuyển chẳng phải lúc chính sinh ra, nên chẳng phải là chủng tử, nên nay chỉ nói đến địa vị cứu cánh, nay nghi ngờ giải thích này. Nếu nói chẳng phải quả sinh thời, cũng gọi là chủng tử, tức là chẳng phải sáu nghĩa mới làm chủng tử, vì chẳng phải giả quả đồng thời. Nếu danh ngôn không phải trị đạo, tự tướng trị đạo thiện v.v... có thể không có, duyên trói buộc trì đạo v.v... cũng có, nếu không như vậy, không phải nói thông với tu đoạn v.v... nên bản sớ

là đúng.

Hỏi: Năng dẫn tự quả, mới gọi là chủng, cực vi đã là Kiến phần chủng sinh, vì sao gọi là dẫn tự? Vì từ nơi chủng tử của tâm sinh ở nơi sắc. Nếu tự có chủng tử cực vi vì sao gọi là giả? Nếu thừa nhận cực vi thật thì trái với các luận thuyết.

Đáp: Không phân biệt chủng tử của cực vi, chỉ do tướng tuệ làm ra cực vi để giải thích, giả không phải thật thể, giả gọi là sắc, hành tướng ngay tâm giả nói chủng tử sinh, không hướng đến cực vi, gọi là dẫn tự quả, đối đáp tên thật đều là dẫn tự quả tâm.

Hỏi: Bốn tâm của Vô ký hay là một chủng tử gặp duyên khởi khác nhau, mỗi thứ đều có chủng tử, nếu là một chủng tử gặp duyên khởi khác nhau vì sao luận gọi là dẫn tự? Nếu đều chủng tử khác nhau, vì sao luận Du-già quyển 55 ở Dị thục uẩn và Gia hạnh khác nhau, đều là Thế tục hữu?

Đáp: Có hai giải thích, một nói là có chủng tử đồng và khác. Nếu là tâm Vô ký của Dị thục gặp duyên dẫn riêng chia thành ba tâm trừ biến hóa tâm tức là đồng với chủng tử, do gặp duyên riêng chia thành ba tâm nên gọi là thế lực, vì biến hóa tâm thông với Dị thục, nếu tự sức năng huân tức là đều chủng tử khác nhau liền chẳng phải thế tục, tức là thuộc về tự tại thành tựu, nhưng nói là thế tục không nói chỉ là thế tục. Căn cứ theo tánh đều riêng biệt, tâm sắc không đồng nhau gọi là dẫn tự nghiệp. Hai là ba tâm đều nhất định khác nhau, nếu tự mình không huân tập do duyên khác huân tập, vì cảnh của sở duyên khác nhau, nên đều thành tựu chủng tử. Nói thế tục là hữu duyên, phát biệt, phát ra oai nghi v.v... gọi là oai nghi v.v... Tức là thật có duyên với oai nghi v.v... gọi là oai nghi v.v... tức là thế tục, vì do Dị thục do duyên này v.v... gọi là oai nghi v.v...

Hỏi: Dị thục oai nghi v.v... đều định về tánh nào?

Đáp: Nếu nói bốn tâm Vô ký như tên gọi duyên lấy nghĩa, nếu chỉ nói Dị thục oai nghi v.v...

Hỏi: Ba tâm ban đầu thông với ba tánh, biến hóa chỉ hai tánh, chuẩn theo đâu mà biết?

Đáp: Quyển 55 ghi: "Lại Dị thục sinh ra thuần là Vô ký; hai, ba có thể được. Một có hai thứ, nếu nương theo kỹ nhạc dùng tâm nhiễm ô để phát khởi oai nghi là tánh của ô nhiễm, nếu nương theo vắng lặng tức là tánh thiện, nếu nương theo nhiễm ô chấp trước phát khởi kỹ xảo là tánh của nhiễm ô, nếu thiện gia hạnh khởi công xảo tức là tánh thiện, làm dẫn dắt người khác hoặc làm lợi ích mà khởi biến hóa, nên biết là

thiện đây không phải nhiễm ô, nhiễm ô nói thông với bất thiện, có che lấp, nay duyên lấy bất thiện nên nói hai, ba có thể được.

Luận: Thế lực của chủng tử này v.v... Đây là giải thích sinh, dẫn thông với trong ngoài, chuẩn theo hai Nhiếp luận đều cũng đồng đây.

Nhưng luận của Thế Thân có quả có chánh, tà, nhân, phần sinh, dẫn. Văn của luận Vô Tánh chỉ nói: Nếu chủng tử bên ngoài gần gũi mong mầm làm nhân năng sinh, truyền mong thân cây cỏ v.v... làm năng dẫn nhân truyền mong tên gọi sắc làm nhân năng sinh, truyền mong sáu xứ cho đến lão tử làm nhân năng sinh, nhân tuy là phần sinh dẫn trong quả không gọi tàn, chánh, xa, gần, tên của hai luận tức là có thể đồng, chỉ quả duyên lấy nhưng có rộng hẹp, hai luận trong ngoài đều làm ra pháp khác nhau, luận này tổng nói rõ, Tạp Tập chỉ mong mười hai duyên sinh, không nói ở bên ngoài, cùng với quyển 9, quyển 10 của luận Du-già đồng nhau, quyển 5 chỉ nói mười nhân của tạp nhiễm, văn Bồ-tát địa tức là nói ba tánh mười nhân, đều là phần sinh dẫn trong quả không nói tàn, chánh, xa, gần, rộng lược không đồng, nghĩa đều trái nhau.

Lại luận Du-già, luận Tạp Tập chỉ ở trong nhân bỏ quả xa gần, phần ở sinh dẫn, trong quả không nói, đây tức là ảnh hiển, lại duyên sinh chỉ có chung thông với hiện tại.

Luận Du-già quyển 4 ghi: “Muốn những người ngu trước ở nơi chỗ ứng biết việc, tức là khởi tà hạnh, khởi tà hành khiến cho tâm điên đảo, tâm điên đảo hết sinh tương tục, kết sinh tương tục các căn viên mãn v.v...”, đây tức là giả nói, chẳng phải chánh duyên khởi nên không phải ở nơi đây biệt phần sinh dẫn, nhưng có giải thích rằng: Sớ, Vô Tánh chỉ nói chánh, tàn; nói trái với Vô Tánh, là không tìm trong Sớ.

Yếu Tập ghi: Có thuyết nói Thế Thân nói gần, xa; Vô Tánh nói chánh, tàn; cũng là nghe loáng thoáng.

Hỏi: Sinh dẫn nhân này, vả lại trong duyên sinh làm hành chi hay là cũng thông với cái khác?

Đáp: Tức là nói năng sở dẫn đồng thời gọi là dẫn nhân, lại thừa nhận thông với trong ngoài, nên không phải chỉ hành.

Hỏi: Thi hài tức là thừa nhận, trước sau sức dẫn, nên thông với bốn sinh, hóa sinh vì sao không có thi hài?

Đáp: Ba sinh dần dần lão, trước sinh có sức dẫn quả xa, tàn, hóa sinh liền diệt, không phải sức dẫn quả.

Hỏi: Nếu duyên lấy lão tử mà làm dẫn sinh, vì do liền diệt nên không phải sức dẫn quả, đây do sinh chi mà làm dẫn nhân, vì sao chóng

diệt, không dẫn quả của tàn?

Đáp: Thi hài trông mong sinh tức là làm tàn quả, mong lão từ tức là làm chánh quả, nên sinh trông mong làm dẫn, lão tử trông mong làm sinh, ba sinh có sinh, dẫn, tử, sau có thi hài, hóa sinh thiếu năng sinh, lão sau không phải thi hài.

Hỏi: Hóa sinh không phải lão tử, thiếu năng sinh, nên không phải thi hài, tuy hóa sinh cũng đầy đủ chi, vì sao chỉ có sinh nhân thiếu?

Đáp: Địa vị của lão tử dần dần tử, có thể làm ra sinh nhân hóa sinh lão liền không có, không thể làm ra sinh nhân.

Hỏi: Nhiếp luận chỉ nói: Nếu hai chủng tử chỉ làm ra sinh nhân, chẳng phải dẫn nhân, thâu tóm đặt nơi bình đựng thóc v.v... hạt giống của lúa v.v... không phải lão liền nối tiếp, tử sau thi hài v.v... phần vị tùy theo chuyển, cũng không phải có, đây tức là một nhân, nghĩa phần làm sinh dẫn, vì sao nay nói có dẫn không có sinh?

Đáp: Nhân của Nhiếp luận mong quả gần xa, một pháp chia làm hai nhân, quả của Du-già mong nhân gần xa, địa vị của hai nhân có khác nhau, đây cũng là hỗ tương hiển bày, nay là giải thích này, vả lại căn cứ theo luận Du-già.

Hỏi: Chỉ nương theo luận này và Du-già v.v... nói năng sở dẫn lấy làm dẫn nhân, năng sinh làm sinh nhân, chỗ nào nói sinh v.v... lấy làm sinh, dẫn nhân?

Đáp: Trong luận tác pháp, vả lại nêu ra một đôi, nghĩa chuẩn theo triển chuyển làm cũng không có lỗi. Nếu nhất định như luận, không nên nói khác, lại căn cứ theo tăng thượng, chi chi đều duyên, nếu không như vậy, vì sao sinh duyên lão tử, tức là nói sinh cùng lão tử làm duyên, làm sinh làm dẫn, nếu chẳng phải hai nhiếp, đâu có thể hai nhân nhiếp không hết, do đây mà biết, dần dần thứ lớp làm ra, đối với lý không trái. Nên luận này chỉ nói chung rằng: Thế lực của chủng tử này, sinh gần chánh quả, gọi là sinh nhân v.v... nếu không như vậy, giả sử căn cứ theo năng sở, dẫn nhân làm dẫn nhân, vì sao ba sinh dần dần thành tựu, có sức mà làm dẫn nhân?

Hỏi: Vì sao luận Du-già v.v... theo địa vị của nhân, phân riêng sinh, dẫn; Nhiếp Đại thừa v.v... căn cứ theo địa vị của quả, phân riêng sinh, dẫn?

Đáp: Nhân có thuần thục, chưa thuần thục, chưa thuần thục xa dẫn gần tức là sinh, trong quả có chánh, tàn; gần, chánh gọi là sinh; tàn, xa gọi là dẫn, đều căn cứ theo một nghĩa hỗ tương ảnh hiển.

Sở huân bốn nghĩa: Nghĩa thứ nhất lựa ra hai giải thích của Tây

Minh: một là đồng với Sớ, hai là nói rằng không lựa ra bảy chuyển tâm sở, môn thứ ba lựa ra.

Yếu Tập đoạn nói: Giải thích này là thù thắng, nay cho rằng không như vậy, tâm vương tự tại còn chẳng phải sở huân, tâm sở nương theo tâm vương, vì sao chỉ sở huân? Nên môn thứ ba chỉ lựa ra Thức thứ tám, tương ưng với tâm sở, đầy đủ hai nghĩa trước, nên môn thứ ba lựa ra.

Yếu Tập ghi: "Thức thứ bảy chưa chuyển, trong đây không lựa ra, lựa ra chuyển y rồi", nếu chẳng phải một loại, tức là lựa ra bảy thức, Thức thứ tám cũng chuyển, nên không chịu huân tập, nên ban đầu chỉ lựa ra. Sáu chuyển thức trước chẳng phải tương tục, trong nghĩa thứ hai mới lựa ra, Thức thứ bảy chưa chuyển y vị, đây cũng như vậy, chỉ nói tương tục, không lựa ra Thức thứ bảy. Đã nói một loại tức là lựa ra Thức thứ bảy, vì tánh Vô lậu chẳng phải một loại, không đồng với Thức thứ tám, không phải Vô lậu vị, một loại chịu huân tập, nếu Vô lậu vị tức là không chịu huân tập, nên không thể cùng nêu ví dụ. Thức thứ bảy đã chuyển, tức là ở chỗ lựa ban đầu, chưa chuyển vì sao lựa ra thứ hai, nếu chẳng phải Vô ký, đã chuyển Thức thứ bảy đâu phải Vô ký ư?

Hỏi: Thức thứ tám đầy đủ nghĩa, nói là sở huân, ba tướng huân vào đâu?

Đáp: Có người nói huân tập quả báo thức, tức là nhận lấy quả tướng, hoặc có người nói huân tập tự tướng là tự thể, hai giải thích sau chính, nghĩa nương theo thể lập ra, không phân biệt tánh, chỉ do tự tướng thù đáp bên cạnh nhân gọi là quả tướng, giữ gìn bên cạnh chủng tử gọi là nhân tướng, nên chỉ tự tướng là chánh sở huân.

Trong nghĩa năng huân, có hai dụng thù thắng. Tây Minh nói: Nghiệp cảm Dị thục tâm, tâm sở v.v... Hộ Pháp không phải phân biệt khác, nên nhân phân thành hai giải thích: một là nghiệp cảm nhất định không phải năng huân, chỉ pháp như vậy khởi, ắt sẽ dụng nghiệp trợ giúp. Nếu nương theo lời này, Dị thục tâm, tâm sở v.v... nhận lấy sáu thức, đầy đủ nghiệp đã cảm tâm, tâm sở v.v... . hai là nghiệp cảm có hai: mạnh là năng huân, yếu tức là bất huân. Nếu nương theo lời này, lấy cả yếu kém là ý của Tam Tạng duyên lấy, giải thích sau là thắng. Lại nói, ban đầu giải thích không thừa nhận ảnh tượng huân tập bản chất chủng tử. Nay cho rằng lời này đều không đúng với lý, vì sao ban đầu giải thích bản chất chẳng phải ảnh huân tập mà thành, chuyển thức không phải cùng với A-lại-da làm tánh của nhân duyên, trái với giải thích của Hộ Pháp, thứ hai giải thích, nếu là nghiệp chiêu gọi là Dị thục, tuy dẫn và lậu hai quả có khác nhau, vì nghiệp dẫn đồng đều

gọi là Dị thục, đều không phải là năng huân, vì đều là Dị thục. Luận không lựa ra, không phải văn chứng, đều là mãn quả, vì sao chỉ là yếu kém? Nên trội hơn, yếu kém đều nhưnhau. Nếu chẳng phải nghiệp dẫn chỉ phân biệt sinh ra, tức là năng huân, tánh chẳng phải Dị thục là dị Dị thục sinh Dị thục sinh rộng rãi, nghiệp chẳng phải nghiệp cảm, đều Dị thục sinh đây lựa ra Dị thục là nghiệp cảm, vì tánh nhỏ yếu nên không phải là năng huân, không phải giả nghiệp lực mạnh phân biệt khởi, đây là Dị thục sinh và oai nghi công xảo chẳng phải nghiệp dẫn, cũng thuộc về năng huân.

Luận: Nói đây ngăn ngại Dị thục, tâm, tâm sở v.v... nêu Dị thục Vô ký, đồng lấy oai nghi, công xảo nghiệp đã cảm tâm, tâm sở pháp, và tâm sở đây v.v... tâm sở mang theo tướng phần, đều không phải năng huân, là chẳng phải nghiệp cảm, tâm, tâm sở pháp duyên biến ảnh huân tập tất cả ngăn ngại, nên nói giải thích thứ hai trội hơn. Dị thục năng huân, chỉ đồng lấy yếu kém, đạo lý không căn cứ.

Luận: Đều sinh đều diệt huân tập mà nghĩa thành, luận Vô Tánh cũng là thức trong chủng tử gọi là huân tập.

Bản luận của Vô Trước ghi: Lại nữa vì sao gọi là huân tập? Huân tập năng thuyên, vì sao là sở thuyên? Nghĩa là nương theo pháp khác đều sinh đều diệt, giải thích thể của huân tập, trong đây có thể sinh ra nhân tánh khác, là cho rằng sở thuyên, giải thích nghĩa của huân tập, trong đây có thể sinh ra nhân tánh khác là cho rằng sở thuyên, nói rõ là chủng tử gọi là huân tập. Nêu dụ lại nói: Như trong dầu mè đen có hoa huân tập, cho đến nói: là các dầu mè đen mang theo cả thể sinh, hương thơm kia nhờ nhân mà sinh. Vô Tánh giải thích chữ “y” rằng: Như nói nương theo mây mà có mưa v.v... nêu nhân tánh đó, là hiển bày trong đây có thể tùy thuận sinh, quả nhân thể, ý này nương theo mây và mưa, dụ nhân có quả, mây dụ nhân mưa dụ quả, tức là trong bản thức chủng tử như mây, cũng đồng với trong luận Bát-nhã của Vô Trước, giải thích dụ mây đó, nên biết huân tập không gọi là năng huân, căn cứ theo thật năng sở đều gọi là huân tập.

Luận: Nếu gọi nhân duyên, nên biết giả nói, Sớ chỉ tổng hợp, Tạp Tập quyển 4 nói mười hai nhân duyên đều gọi là nhân duyên, nên biết giả nói, vì có chẳng phải nhân.

Tây Minh giải thích rằng: Tổng hợp sáu nhân kia. Yếu Tập nói là thù thắng. Nay cho rằng không như vậy. Trong luận Hiển Dương đầy đủ phá năm nhân còn lại nhân Dị thục. Vô Tánh thừa nhận năm y lời của dị môn, vì ảnh hỗ tương rõ ràng, nên đây không phải tổng hợp, chỉ

tổng hợp duyên khởi. Lại, vả lại tổng hợp duyên khởi lựa ra không nêu sáu nhân, nếu nói trong sáu nhân, có chẳng phải nhân duyên, không phải tổng hợp nên yếu kém, cũng mười hai chi có chẳng phải nhân duyên, không phải tổng hợp cũng yếu kém, sáu nhân còn lại có tổng hợp, duyên khởi chưa có tổng hợp, tổng hợp của Sớ chưa phải tổng hợp. Nêu Sớ là thắng, đây là vặn hỏi lời của người khác, căn cứ theo thật ý của Sớ, ngoài những ví dụ được nêu ở đây, còn lại chỉ tổng hợp sáu nhân, không nêu những ví dụ khác vì có lỗi.

Ba pháp triển chuyển, vặn hỏi rằng: Hiện hành mới từ chủng tử khởi, hiện hành tức là năng huân, chủng tử mới do hiện hành sinh, chủng tử mới tức là khởi hiện hành?

Đáp: Hiện hành gặp thắng duyên, hiện hành mới gọi là năng huân, chủng tử mới thiếu thắng duyên, chưa thể sinh hiện hành.

Lại giải thích hiện hành mới thế và dụng tăng, vừa khởi liền huân tập chủng tử, chủng tử mới không phải dụng thù thắng, nên không phải liền sinh hiện hành.

Lại giải thích, chủng tử bất tương ưng, khởi hiện hành liền huân tập chủng tử, hiện quả thể tướng trái nhau, chủng tử chưa khởi liền sinh hiện hành. Vặn hỏi: Thọ và thọ v.v... trái với chủng tử, không phải sinh hiện hành, sắc phần nhiều phải đều khởi, nên chủng tử mới tức là sinh?

Đáp: Hiện hành mới do duyên đầy đủ, chủng tử được theo sinh, chủng tử mới chưa đầy đủ duyên, hiện sắc chưa khởi liền khởi.

Hỏi: Trong luận bản tụng đầy đủ có bất khả tri, chấp thọ xứ liễu, vì sao chỉ hỏi xứ liễu không hỏi bất khả tri? Trong giải thích liền đầy đủ nói rõ bất khả tri xứ liễu?

Đáp: Có hai giải thích: một là nói ảnh lược; hai là tổng nương theo riêng, cho nên chỉ hỏi riêng, trong giải thích đầy đủ nói rõ nên thông với chung và riêng.

Lại hỏi: Chỉ căn cứ theo thể?

Đáp: Đều hiển bày dụng, nên không trái nhau.

Luận: Thức lấy liễu biệt làm hành tướng. Sớ giải thích: Thức tự thể phần, lấy liễu biệt làm hành tướng nên hành tướng là kiến phần, loại thể cũng như vậy, ý của kiến phần này gọi là hành tướng, do kiến phần năng hành ở nơi cảnh tướng, nên kiến phần này được tên của hành tướng. Bình luận nhận lấy giải thích ban đầu rằng: Nhưng vốn chỉ là hành ở nơi nghĩa của tướng, loại thể cũng như vậy, do hành tướng bất khả tri, loại thể cũng như vậy. Nhưng Tây Minh sớ đều hiển bày đồng

một sở duyên, không đồng một hành tướng, chung làm ba giải thích. Bình luận nhận lấy giải thích thứ ba, thứ ba giải thích hành tướng tức là liễu biệt lãnh nạp v.v... đều không đồng nhau, gọi là không đồng một hành tướng, chính là hành giải của năng duyên.

Lại giải thích rằng: Hành đối với tướng mang theo tướng hành gọi là hành tướng. Tướng thông với ảnh chất, tức là đồng với Sở giải thích, nhưng Yếu Tập bình luận nhận lấy giải thích thứ ba đồng. Thế Thân, Vô Tánh đều là hành giải tướng mạo lấy làm hành tướng. Luận này cũng nói: Liễu biệt, lãnh nạp v.v... tác dụng đều khác nhau, nếu nhận lấy hành ở nơi tướng, gọi là hành tướng, e rằng chẳng phải ý của luận, lại không nên nói hành tướng không đồng, trái với giáo và lý, vì tâm tâm sở hành ở nơi cảnh tướng không sai biệt, vì sao nói không đồng? Nay cho rằng bình luận sai lầm, vì sao hỏi lời hành tướng có ba: một cảnh gọi là hành tướng, tức là mười sáu hành đế; hai là năng duyên hành tướng, tức là mười hai hành pháp luân, ba hành ở nơi tướng gọi là hành tướng, tức là Vô phân biệt trí v.v...? Hai trước là chung riêng, sau một tức là không. Nay rõ lời này tuy năng duyên hành, giải thích theo thông suốt rõ ràng, thứ ba năng biến tức là nương theo hạn hẹp mà nói vì rõ được cảnh tướng thô.

Kinh Bát-nhã ghi: Vì thức kia không thể rõ ràng, không thông với Vô phân biệt trí, năng biến thứ hai cũng theo giải thích chung, vì hằng thẩm tư lương tướng của vô ngã; hoặc tướng ảnh hiển, tùy theo sở ứng đó ở nhân ở quả, nên Nhiếp luận bản tụng ghi: “Hành tướng của chư Bồ-tát, lại ở trong sở duyên, là Vô phân biệt trí”. Sở tri vô tướng kia, Vô Tánh giải thích: “Ở trong sở duyên, tương tợ mà hành, nên gọi là hành tướng”. Đây là giải thích câu đầu hành tướng, tức là nói tương tợ mà hành nên gọi là hành tướng. Nhưng luận sau nói: Sở tri vô tướng nghĩa là nói trí này đối với cảnh của Chân như, đã làm ra hành tướng, ý này nói Vô phân biệt trí duyên với cảnh của Chân như, lìa tất cả tướng tác ý hành tướng, cho là hành tướng, là giải thích cuộc thứ tư, lại hiển bày hành tướng của Vô phân biệt trí lúc hành ở trong cảnh tướng, không làm ra hành giải tướng trạng, không phải là chánh giải thích, là của hành tướng.

Hỏi: Tướng là cảnh, hành là tâm, vì sao nói liễu gọi là hành tướng?

Đáp: Có thể hành ở nơi tướng gọi là hành tướng, đây là Hữu tài thích, hoặc hành của tướng, là Y chủ thích, không được vặn hỏi rằng: Nếu nhận lấy hành ở nơi cảnh tướng, gọi là hành tướng, tức là trái với

giáo lý, và tâm, tâm sở hành ở nơi cảnh tướng không sai biệt. Ý này vặn hỏi rằng: Luận nói thức, thọ, tưởng v.v... tác dụng đều khác nhau, nên trái với giáo tâm và tâm sở tác dụng đều khác nhau, nếu nhận lấy hành ở nơi cảnh tướng tâm vương, tâm sở đồng duyên vì sao khác nhau? Vặn hỏi này không đúng.

Luận nói: Liễu biệt, lãnh nạp v.v... tác dụng đều khác nhau, căn cứ theo năng hành, không theo sở hành, tức là thức có thể rõ được hành ở cảnh tướng, thọ tức là lãnh nạp hành ở nơi cảnh tướng. Nói tác dụng đều khác nhau, căn cứ theo nhân lấy cảnh dụng khác nhau, không phải nhận lấy thời của duyên cảnh, nhận lấy các cảnh tướng, hành giải dụng khác nhau, vì Vô phân biệt trí không làm ra các cảnh riêng hành tướng, tuy Hậu đắc trí và phân biệt tâm, lúc duyên cảnh làm ra các hành giải, không lấy giải thích hành tướng của thức, vì không biến khắp. Nay ý của Bản luận chỉ lấy tâm khởi hành ở nơi cảnh tướng, gọi là hành tướng, tức là thông với tất cả, không lấy hành giả, gọi là hành tướng vì không thông với tất cả. Lại đây chánh giải thích bản thức, nếu lấy hành giải tướng mạo làm hành tướng, thì rất trái với yếu chỉ của luận, vì bản thức mặc tình không có hành giải, nếu thông cuộc với Hậu đắc trí và phân biệt tâm để giải thích hành tướng là được theo hành giải, gọi là hành tướng.

Luận: Sở duyên, tương tợ, hành tướng đều khác nhau. Sớ dẫn luận Du-già quyển 1 đồng một sở duyên, không đồng một hành tướng, có ba giải thích. Tây Minh có ba giải thích, giải thích thứ ba rằng: Đồng một có hai, một một nên gọi là đồng một. Đây tức là Sớ đứng về chất, hai tương tợ gọi là đồng một, tức là Sớ theo ảnh. Xu Yếu có năm giải thích, người sau có nhiều giải thích không ngoài ở đây. Các nhà không hiểu rõ chấp lấy một giải thích, ở trong nêu ra lỗi. Yếu Tập lại đoạn có giải phá Sớ, nếu thành tựu bản chất gọi là đồng một, không có chất ý thức nên chẳng phải tương ưng. Nói đây phá có lý, vì luận này chỉ ảnh không thông với vô lậu.

Luận này nói: Nhưng lúc Hữu lậu thức tự thể sinh, tợ như năng tướng sở tướng hiện. Luận Du-già quyển 1 thông với lậu Vô lậu, đây cũng không như vậy. Tuy nói Hữu lậu sinh tợ như hai hiện phần sau tức là thông với phần còn lại. Cho nên, dẫn kinh tụng nói: "Tất cả chỉ có giác, thành ba phần trong đó". Nhưng lúc tâm, tâm sở tất cả sinh đều có ba phần, nên không chỉ Hữu lậu, nếu lấy chi trước chỉ nói Hữu lậu thức sinh, tức là chứng chỉ nương theo Hữu lậu thức, cũng như luận Du-già nói đồng một sở duyên chẳng phải một hành tướng, nhưng nhãn, ý thức

không thông với thức khác, chánh giải thích nhãn thức và đầy đủ ý thức. Luận kia tức là thừa nhận thông với luận này, vì sao thông cuộc? Nên biết bản ý rất được yếu chỉ của luận.

Luận: Không phải kiến phần là quả thứ ba. Sớ vặn hỏi Luận sư xưa. Yếu Tập ghi: "Trần Na chỉ lập ba phần không ngăn ngại phần thứ tư, nên Hộ Pháp không trái với Trần Na, chỉ là ngăn ngại phá", nay cho rằng không như vậy. Tuy nói phá Luận sư xưa chẳng phải là Trần Na v.v... Như luận Lý Môn phá luận sư Nhân Minh xưa, đâu phải tức là phá luận sư Di-lặc v.v... chỉ phá các luận sư không đúng từ xưa đến nay. Nay nói phá xưa cũng lại như vậy, phá chỉ ba phần, lấy kiến phần làm quả thứ ba, không phá những người thừa nhận có phần thứ tư.

Đứng về trong năng lượng sở lượng này, lượng quả riêng khác, tương truyền giải rằng có sáu Luận sư khác nhau:

1. Thuyết của Giác Thuyên, căn làm hiện lượng, tuệ làm năng lượng, cảnh làm sở lượng, căn là lượng quả;

2. Luận sư Diệu Âm, căn, cảnh đồng trước, năng lượng nhận lấy thức;

3. Luận sư Pháp Cứu, năng lượng tuệ và thức, còn lại như thuyết trước, đây đều hiển bày nên gọi là hiện;

4. Kinh bộ, căn, cảnh, thức hòa hợp sinh pháp gọi là hiện. Căn, thức làm, năng lượng, cảnh làm cảnh của sở lượng, trở lại lấy căn, thức làm lượng quả;

5. Độc tử bộ lấy thần ngã hiện lượng, các tâm, tâm sở làm năng lượng, thần ngã làm lượng quả.

6. Luận sư Thành Thật lấy giữa tâm sở, dụng của thọ tưởng làm năng lượng, cảnh làm sở lượng, thức làm lượng quả, lại phải kiểm xét văn mới có thể đoán định.

Sớ hỏi như chư Phật và nhân năm, tám, chỉ hiện lượng nên chỉ ba phần, kiến phần tức là được làm quả thứ ba?

Đáp: Điều này không đúng, vì trong ngoài định, kiến phần duyên bên ngoài, dụng cũng bên ngoài, không được làm duyên bên trong quả.

Yếu Tập ghi: Nếu trong ngoài định, đã chuyển y vị kiến phần không nên duyên với phần thứ ba, nhưng không phải gần gũi nhận lấy cần phải biến đổi ở nơi tướng, vì tướng là nhiếp bên ngoài. Nói duyên bên ngoài, luận tự nói hai thứ trước là bên ngoài.

Luận: Sở thủ năng thủ trói buộc. Sớ ghi: Đây chỉ bốn phần của chúng sinh, nên nói trói buộc, tướng và thô trọng hai trói buộc đầy đủ,

Vô lậu tâm bốn mà chẳng phải trói buộc.

Tây Minh giải thích: Năng thủ sở thủ bốn phần nối liền nhau nên gọi là trói buộc, cũng thông với Vô lậu, chẳng phải cho rằng trói buộc của phiền não, nay cho rằng đây chẳng phải, trái với luận giải thích.

Luận nói: Đều có sở thủ năng thủ trói buộc. Tụng nói chúng sinh, giải thích nói trói buộc, nói sẽ chỉ chúng sinh có tướng trói buộc này, không thông với Vô lậu. An Tuệ có thể như vậy. Văn này vả lại nói bốn phần của Hữu lậu chỉ là thức, đâu phải do Vô lậu cũng chỉ là thức, tức là ba cõi nói thừa nhận thông với Vô lậu ư?

Hỏi: Đã lập phần thứ hai có thể chứng được phần thứ ba và phần thứ tư, phần thứ tư có thể chứng được phần thứ ba tức là tâm có thể tự duyên, vì sao nói không cùng với pháp thế gian trái nhau, đao không thể tự hại, đầu ngón tay không thể xúc chạm đầu ngón tay?

Đáp: Luận Phật Địa quyển 3 ghi: Đáp nói: Không thấy chứng v.v... có thể tự chiếu ư? Vì sao biết tự chiếu, hiện thấy không tối tăm rõ ràng hiển hiện, nếu không tự chiếu lẽ ra có ám chứng, nên không hiện thấy.

Hỏi: Đèn v.v... chẳng phải tối tăm, vì sao cần phải chiếu rõ ư?

Đáp: Như bình, y v.v... thể tuy chẳng phải tối tăm, không phải đèn v.v... chiếu bên, có ám chướng không được hiện thấy, chiếu rõ khiến cho tối tăm trừ được y v.v... hiện thấy gọi là đèn chiếu, đèn v.v... cũng như vậy. Lúc tự thể sinh bên ám chướng trừ, khiến cho hiện được thấy, nên gọi là tự chiếu.

Hỏi: Đèn có thể chiếu, tự khiến cho hiện được thấy, chứng tâm có thể tự duyên, y không tự chiếu, do kia chiếu thấy chứng tâm không tự duyên?

Đáp: Tâm tánh là chiếu vốn rất thành tựu, nếu ví dụ đồng với y không thể chiếu luận kia trái với lỗi tự, thế gian v.v...

Hỏi lượng rằng: Tâm có thể tự chiếu, vì tánh có thể chiếu, như đèn v.v... lượng này đâu chẳng phải pháp trái với tự tướng, nhân dụ đã lập lỗi chẳng thành.

Đáp: Lấy nghĩa năng chiếu, lấy đèn làm dụ nên không có lỗi.

Hỏi: Đâu phải vốn không muốn chứng tâm tự duyên.

Đáp: Chỉ nói duyên tự ý nhận lấy hiển bày chứng, nay duyên chiếu tuy khác nhau, đều tự hiển bày chứng nghĩa, hoặc chỉ nêu tướng, không phải là lập lượng nhận lấy nó làm dụ, nên không có lỗi.

Luận: Như các đèn sáng đều biến khắp tợ như một, Sớ và Xu Yếu đã đầy đủ, giải thích xong.

Yếu Tập ghi: Nếu do bấc đèn, chén phát ra ảnh, có thể nói tùy theo đó có nhiều ảnh, chỉ do ánh sáng phát ra, nhiều ánh sáng giúp nhau giả lập một ánh sáng. Một ánh sáng không rõ nhiều ánh sáng mới rõ, nay cho rằng không đúng. Nhận lấy ý có khác nhau, nếu hai bấc đèn gần nhau đồng sinh một ngọn lửa, ánh sáng tức là một, chỉ phát ra một ảnh.

Nếu bấc đèn lìa nhau hoặc nhiều chén lìa nhau, tức là riêng sinh ra ngọn lửa, ngọn lửa riêng ánh sáng khác nhau, liền phát ra nhiều ảnh, nhưng ánh sáng tuy khác nhau, đều biến khắp tợ như một như cùng với nghiệp quả. Bấc đèn, chén gần gũi nhau cùng sinh ra một ngọn đèn, như hai nhãn căn cùng phát ra một thức, nếu không như vậy giả ánh sáng thật chẳng phải là một, vì sao được dụ thức là một? Lại giả một ánh sáng, tức là sẽ chỉ phát ra một ảnh, vì sao có nhiều? Lại, vả lại phát ra ảnh làm lìa bốc cháy ánh sáng làm tức là bốc cháy ánh sáng, nếu lìa bốc cháy ánh sáng, ánh sáng tức là biến khắp nhà, ảnh cũng sẽ biến khắp, tức là do bốc cháy phía Đông ảnh ở phía Tây phát ra, tức là không lìa bốc cháy ánh sáng, không lìa bốc cháy ánh sáng, không được nói một, vì không lìa bốc cháy, bốc cháy sẽ thành một. Nay cùng với quả lấy lìa bốc cháy ánh sáng dụ, hai căn phát ra thức nhận lấy không lìa dụ, nên Sớ và Xu Yếu được hai ý của luận.

Lại Tây Minh nói: Chất dị đồng thấy v.v... bốn câu, có lỗi chẳng thành, suy nghĩ nó có thể tường tận.

Luận: Bậc Thánh nhàm lìa hữu sắc v.v... Sớ căn cứ theo hiển bày, sắc giới cũng như vậy.

Tây Minh nói: Đây nói quả Na-hàm nhàm chán sắc sinh về Vô sắc, ắt sẽ không phải hạ sinh, không nói Sắc giới, kia có sắc thân qua cõi Dục. Nay cho rằng không đúng, trái với văn sau. Sau nói rằng là đúng nên hiện ở và sẽ sinh biến đổi làm cõi này không nói sẽ qua là biến đổi, nếu thừa nhận đã qua là biến đổi, Vô sắc cũng đến bên Phật mà đứng, lẽ ra thừa nhận biến đổi, huống gì sau lại vặn hỏi, nếu có sắc thân thô tế ngăn cách nhau, đây biến đổi làm kia để làm gì, nên Sớ giải thích là chính.

Luận: Nên khí thế giới sắp hoại ban đầu thành mà cũng hiện biến đổi, vì sao sắp thành có thể dùng giới khác sinh, lúc biến hoại vì sao dùng mà sinh biến khác, tức là sinh biến khác, sinh biến nhân còn vì sao có lúc cùng tận?

Đáp: Do nó sinh khác, cảm quả nghiệp thuần thục nên biến đổi, nếu không như vậy lúc trụ, tức là đồng sự biến đổi này. Cõi này sinh không có, vì sao tức là hoại? Do đây nên biết, hoại nghiệp khác biến

đổi, như trụ đây sinh khác, biến đổi phù trần, không có sinh địa khác, hoặc bát Niết-bàn, biến đổi phù trần khác, mà có phù trướng lên dần dần thoái hoại, hoại nghiệp lực hết ba tai vạ cũng diệt, cũng do đây sinh ra, vốn đã biến đổi cõi mà làm dẫn nhân, sau trải qua ba Tĩnh lự Niết-bàn, nói do lỗi bên trong, họa căn cứ theo dẫn nhân nói, do đó đều là nghiệp vì cõi kia thành tựu, lúc sinh khác, tai vạ do nó dẫn, nếu không do cái khác dẫn, thì đây nói làm gì. Nên căn cứ theo thật nghĩa chẳng phải tùy theo chuyển môn dẫn nhân thế hết, đây đều diệt.

Hỏi: Kinh Duy-ma ghi: "Hoặc hiện kiếp hết, đốt cháy trời đất đều rỗng không, chúng sinh có thường tưởng, muốn khiến cho biết nhanh chóng diệt", tức là thần lực của Phật Bồ-tát biến khởi, vì sao chỉ có chúng sinh?

Đáp: Biến hóa không ngăn ngại, chỉ chẳng phải thật hoại, thật hoại do nghiệp chẳng phải sức thần thông, nếu định do sức thần thông, hoại thời tiết không định. Nên trước vặn hỏi rằng: Nên thật biến hóa làm cõi tạp uế này, nếu thừa nhận thật biến tai họa hoại thế giới, có lỗi tương phù. Nay trong văn này nói thật thành hoại, không căn cứ theo biến hóa.

Hỏi: Lúc kiếp hoại, không giới sắc làm hữu làm vô có gì không hoại? Vô tức là trái với kinh, kinh ghi: Không kiếp chỉ có lỗ hang sắc hiện, tức là không giới sắc.

Đáp: Tuy có chẳng phải hoại, chẳng phải thành hoại nghiệp đã khởi nên thừa nhận có thể dùng nên nó thường biến đổi. Ba tai họa có thể dùng, nó cũng thường biến đổi, nếu thuộc về thành hoại nên có thành hoại, do đây nên biết tuy có thức khác biến đổi, chẳng phải thuộc về thành hoại.

Hỏi: Nếu sinh phương khác tự Địa thừa nhận biến đổi, như ở cõi này, nước biển lớn v.v... hữu tình của cõi Dục làm đồng biến hóa chăng? Nếu thừa nhận đồng biến hóa, chư thiên cõi Dục lẽ ra thấy nước cõi dưới lẽ nào thành lưu ly, tức là thấy lưu ly rõ ràng không đồng biến, nếu không đồng biến, trời có nước chăng?

Đáp: Luận nói cùng với dụng, tức là có thể đồng biến, biển không cùng dụng kia không biến đổi nước, trên trời có thể có.

Hỏi: Nếu như vậy địa ngục bát hàn v.v... bậc Thánh không dùng, nên không biến hóa nó?

Đáp: Vì hiện đồng với đất.

Hỏi: Nếu như vậy nước v.v... sẽ như vậy, trời hiện đồng với đất?

Đáp: Biển lớn đồng biến hóa, thấy lưu ly nói khác nước.

Hỏi: Nếu như vậy, cá v.v... ở dưới nước tức là thấy được nhà ở. Trong biển lớn chúng sinh, cũng sẽ thấy nhà ở, nếu thừa nhận không thấy biển, tức là chẳng phải đồng với đất biến hóa, nếu thừa nhận thấy biển nước v.v... sẽ không làm ra nhà ở?

Đáp: Thừa nhận khác nhà ở, ở nơi biển nước, như hang đất, do nghiệp lực khác nhau, nếu còn lại nước khác, một chỗ bốn cảnh, lý tức là không ngăn ngại, vì do nghiệp khác nhau, như địa ngục Cô độc v.v...

Nói sức của thiền định, thần thông v.v... Tây Minh nói: Lấy cả thần thông, truyền ba tạng cũng đồng với nguyện lực.

Có người nói: Lấy cả có mười năng biến định, thông, nguyện đồng với bốn, sức gia bị của Phật v.v... Nay cho rằng không đúng, nếu sức gia bị của Phật tức là thuộc về sức thần thông, trì kinh, thần chú là thuộc về pháp lực, các thọ biến đổi lực, phiền não lực, lực sửa đổi châu báu phạm hạnh v.v... tức là thuộc về nghiệp lực trước.

Yếu Tập ghi: "Thứ tám, ba lực biến, Phật v.v... gia bị cùng với nguyện không khác" điều này cũng không đúng, gia bị là thần thông, chẳng phải nguyện lực.

Luận: Và tùy theo pháp xứ chỗ nhiếp thật sắc. Tây Minh giải thích rằng: Thức thứ tám duyên thật, không duyên giả, nhưng trước trong chỗ giải thích tức là thừa nhận Thức thứ tám cũng duyên với giả sắc, phán quyết làm chánh nghĩa của Hộ Pháp, nói sinh tướng v.v... ẩn, Thức thứ tám không duyên dài, ngắn v.v... hiển bày nên Thức thứ tám duyên, lại dẫn cảnh trí duyên mười tám viên mãn, chứng tám duyên giả, nếu như vậy, nay trong pháp xứ cũng sẽ duyên giả, vì sao chỉ nhận lấy thật? Nên Sớ phán quyết, chỉ duyên thật là chánh nghĩa Hộ Pháp, nếu nhận lấy cảnh trí duyên, mới viên mãn v.v... chứng tám duyên giả, cũng sẽ duyên lỗi, chưa sinh và sinh, trụ v.v... giả tướng, vì cảnh trí duyên, nên nhân quả khác nhau, không thể cùng ví dụ.

Lại nói: Dị sinh định đã sinh sắc cũng có thật dụng, nói oai đức là căn bản định, chẳng phải thù thắng khởi, gọi là oai đức định. Nay cho rằng không đúng. Nếu cho rằng dị sinh định biến đổi thật sắc vì sao luận Du-già quyển 13 nói: "Nghĩa là vượt qua a-tqưng-kỳ thứ hai, biến đổi có thật dụng", nếu nói rằng, luận kia nói thông với biến, đây nói định biến, đây cũng không như vậy, thông với sức là trội hơn còn vượt lên kiếp thứ hai, biến mới có dụng định lực là yếu kém. Nói rằng vì sao phàm biến tức là thừa nhận thật dụng, nên oai đức dụng là thắng nhân khởi. Quyển 33 ghi: "Chẳng phải thần thông của bậc Thánh thì không

thể thọ dụng".

Hỏi: Đã thừa nhận biến hóa, ở cõi trên dưới mỗi cõi biến hóa bao nhiêu trần?

Tây Minh giải thích: Do hóa tâm nương gá theo dục, sắc, Dị thục bản chất hóa, cõi Dục đầy đủ năm cõi trên còn lại hương vị. Nay cho rằng cõi trên cũng biến hóa hương.

Kinh Pháp Hoa ghi: "Cho đến ở nơi Hữu đảnh, nghe hương biết chỗ ở", như nói pháp xứ, nay nói năm cảnh, vì sao định và thần thông biến hóa năm cảnh? Nên đều là pháp xứ, nếu tuy định v.v... biến hóa chẳng phải thuộc về pháp xứ, nếu như vậy vì sao là thuộc về pháp xứ? Nếu nói: Tuy sức của định v.v... kích phát Thức thứ tám biến hóa là nghiệp quả sắc, nên là năm trần, nếu nói rằng định quả v.v... tức là sắc của pháp xứ, lẽ ra Phật chỉ có pháp giới, năm giới của Vô sắc v.v... đã thừa nhận định sinh đầy đủ mười tám giới, nên biết cõi trên cũng biến hóa cảnh của hương.

Tây Minh hỏi: Năm căn, năm cảnh tùy theo sở ứng đó, đồng ở một chỗ nhưng mỗi thứ làm đều bốn đại khác nhau, tạo ra làm một nơi bốn đại tạo, nếu một chỉ bốn đại tạo ra, vì sao luận Du-già nói: Yết-thích-lam thời có thể tạo ra thân căn và nhãn v.v... đại câu thời mà có thứ lớp tạo ra ư? Nếu riêng bốn đại tạo ra, vì sao quyển 54 chỉ nói bảy vật cùng với nhãn đồng xứ. Luận kia hỏi: Trong sắc uẩn, nhãn có bao nhiêu vật được nhiếp?

Đáp: Nếu căn cứ theo tương ly, chỉ có một vật, nghĩa là sắc sở y thanh tịnh của nhãn thức. Nếu căn cứ theo bất tương ly, tức là có bảy vật, nghĩa là nhãn, và thân, địa, sắc, hương, vị, xúc. Tam Tạng giải thích: Đồng một xứ là một địa đại tạo ra, mà nói tạo ra nhãn bốn đại là tùy theo chỗ tạo ra pháp gọi là tạo nhãn đại, cho đến gọi là có thể tạo xúc đại, căn cứ theo thật một đại, đây giải thích bảy vật có, đều tổng hợp đồng thời mà có, do ban đầu tức có công năng của năng tạo ra nhãn v.v... nên nói đều có.

Hỏi: Vì sao không phải lửa v.v... thọ, noãn, thức, ba thức thường không lìa nhau, trừ Vô sắc xứ.

Giải thích: Căn cứ theo thật có lửa v.v... mà quyển 54 chỉ nói bảy vật là căn cứ theo tướng hiển bày lời, vì đất bền chắc là sở y của tánh nhãn cho nên nói thiên về nó.

Luận: Nhân duyên phân biệt hai biến. Tây Minh có hai giải thích. Giải thích thứ hai chỉ Thức thứ tám tâm vương làm nhân duyên biến, vì sao gọi là có thật dụng? Thật dụng có hai: Như sắc một chất ngại dụng,

hai bản chất dụng, nếu như vậy năm thức được biến làm chất thứ năm, vì sao chẳng phải nhân duyên? Nếu nói không phải chất ngại dụng, không đầy đủ hai nghĩa, Thức thứ tám đã biến dài v.v... cũng chỉ làm bản chất, nên chẳng phải nhân duyên. Pháp sư tự nói: Nếu như vậy ban đầu giải thích là thù thắng.

Hỏi: Thức thứ tám ở ý giới, sở duyên lẽ ra sẽ chỉ pháp giới, vì sao thông với mười tám giới?

Đáp: Nương theo sáu ý xứ kia hai duyên, ý xứ sở duyên thuộc về pháp xứ, không nương theo sáu ý xứ hai duyên, tùy theo sở duyên kia thuộc về mười tám giới, lại do tối tăm theo sáng thuộc về mười tám giới, đã vậy, vì sao không lập riêng giới xứ?

Đáp: Xứ, giới nên ra sinh và nhân nghĩa, ý xứ sở duyên thâu tóm pháp xứ, Thức thứ tám không phân biệt nêu ra sinh, nhân, nên cũng tùy theo sáu ý xứ nhiếp.

Hỏi: Nếu năm thức biến tướng phần vô ngại, cùng với Đối Pháp quyển 3 trái nhau. Luận kia hữu đối vô đối, trong phân biệt nói: Các cõi thấy đều là hữu đối đâu phải tướng phần của nhãn thức, chẳng phải có thấy ư?

Luận kia nói: Nghĩa là chủng loại tích tập, vì không tu trị, chủng loại là hỗ tương làm năng sở ngại, tích tập là cực vi trở lên, vì một cực vi vô đối ngại, không tu trị là chẳng phải định khởi sắc. Nay làm hai giải thích: một là năm thức sở biến đều là có ngại. Vả lại nói có thấy là nêu các ví dụ khác, tức là Đối pháp ghi: "Các cõi thấy sắc gọi là hữu đối". Hai là Vô đối, chẳng phải có thấyầcnhr mà mắt thấy gọi là có thấy, nhãn chỉ chiếu bản chất kia. Nếu như vậy vì sao gọi là đồng cảnh căn? Đáp: đồng nhận lấy bản chất, như nói tâm vương tâm sở đầy một sở duyên, hoặc hữu đối ba nghĩa. Bản chất đầy đủ ba, tướng chỉ sau hai, chung gọi là hữu đối, chẳng phải ngại gọi là đối, nay căn cứ theo sở biến, có chất ngại đối gọi là thật dụng, tướng năm thức không có. Nếu chuẩn theo giải thích này, năm thức sẽ là thâu tán phân biệt biến, vì chỉ làm cảnh, đây cũng không như vậy tự tại định sinh tức là có thật dụng, vì sao chẳng phải nhân duyên?

Đáp: Định, tán khác nhau, tự tại sở sinh làm dụng của thức ăn v.v... không được nêu chung. Nếu như vậy năm thức cũng nhân duyên biến, vì có đoạn thực dụng, căn cứ theo đây có thể như vậy. Lại giải thích cũng chẳng phải làm dụng của thức người khác là nhân duyên, năm biến tự dụng nên chẳng phải nhân duyên.

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 4
(PHẦN ĐẦU)

Luận: Xúc nghĩa là ba hòa hợp hợp phân biệt, biến dị v.v... nói rõ thể nghiệp nó.

Hỏi: Vì sao tâm vương chỉ nói rõ tự tánh, hành tướng, không nói tác nghiệp? Tâm sở tức là nói rõ tác nghiệp, tự tánh, không nói hành tướng?

Đáp: Hỗ tương ảnh hiện, hoặc đã lược rõ ràng, nên nay không nói. Quyển 2 trước ghi: "Thức, thọ, tưởng v.v... liễu biệt, lãnh nạp v.v... hành tướng đều khác nhau". Chỉ nương thọ v.v... là xúc nghiệp, cũng ảnh hiển thức làm chỗ nương khác, tức là thức tác nghiệp.

Hỏi: Tâm, tâm sở pháp vi tế ẩn khó biết, hoặc do tác dụng hoặc do hành tướng mà hiển bày tự thể, tác dụng và hành tướng lại có gì khác nhau?

Đáp: Hành tướng hiển bày tự nhận lấy công năng của cảnh, tác dụng hiển bày nương theo công năng khác, nhưng tâm vương phần nhiều đã do hành tướng hiển bày tự thể, tâm sở bất định, tác ý cảnh giác tâm, suy nghĩ khiến cho tạo tác, chẳng phải dụng của duyên cảnh, thọ lãnh thuận trái, tưởng nhận lấy cảnh tượng, đây tức là duyên dụng, hiểu rõ hành tướng của thức, tức là liễu biệt, liễu biệt tức là chỗ nhiếp của kiến phần. Quyển 1 ghi: "Thức nghĩa là liễu biệt tức là dùng hành tướng hiển bày ở nơi tự thể". Quyển 2 dẫn cõi vô thỉ đến nay v.v... tức là hiển bày cùng với người khác làm dụng nhân duyên, tức là tác dụng ở nơi tự thể.

Luận: Nên dùng tác dụng mà hiển bày nó.

Hỏi: Nếu dùng liễu biệt tức là hiển bày tự, vì sao xúc v.v... cũng gọi là liễu? Quyển 5 sau ghi: "Tác ý rõ ràng, đây là chỗ chưa rõ được tướng?"

Đáp: Đồng một liễu nói, mỗi mỗi hiển bày tự, đây có phương hại gì? Nếu không như vậy trái với chỗ nói thứ hai trước.

Luận kia nói: Liễu biệt, lãnh nạp v.v... hành tướng đều khác nhau.

Đáp: Liễu có hai nghĩa: một là duyên cảnh gọi là liễu, thông với tâm và sở; hai là hành tướng liễu biệt, chẳng phải chỗ chỉ tâm vương mà tác ý v.v... cũng nói liễu, nói duyên cảnh liễu, chẳng phải hành tướng liễu, hoặc có đơn giản, phức tạp, đơn giản nói liễu tức là thông với tâm vương tâm sở, nói liễu biệt chẳng phải chõ chỉ tâm vương, thức trước chỉ nói rằng liễu, do văn tụng chật hẹp lược bỏ chữ "khác", sau giải thích mới nói liễu, nghĩa là liễu biệt, hoặc rộng rõ ràng duyên tâm vương tâm sở đều rõ, nói rõ biệt hành tướng liễu chẳng phải tâm sở.

Hỏi: Vì sao tâm vương, tâm sở hoặc nhận lấy liễu cảnh, hoặc còn lại tác dụng mà hiển bày tự tánh?

Đáp: Người tạo luận, ý tùy nêu một thứ, hoặc thành tựu hiển bày rõ ràng, không thể một chuẩn theo.

Hỏi: Đồng nêu tác dụng, do hiển bày tánh nghiệp, hai dụng vì sao khác nhau?

Đáp: Có người nói gần gũi dụng hiển bày tánh, gần dụng hiển bày nghiệp, gần xa trong ngoài tự tha cũng như vậy.

Yếu Tập ghi: "Tác dụng có hai: một là chỉ tư dụng, hai là thông tha dụng", chỉ tự hiển bày tánh, thông với tha hiển bày nghiệp, nay cho rằng bất định, như xúc thuận sinh tâm sở, công năng do hiển bày tự thức, cũng có thể tợ như cấn cảnh thuận sinh, tức là thông với tha, tuy chung là xúc tự tánh. Vả lại nêu hòa hợp khiến cho đồng xúc cảnh làm xúc tự tánh, chẳng phải cho rằng ba hòa hợp hợp phân biệt, biến dị, chẳng phải xúc tự tánh, chính do đây v.v... nói rõ tự tánh, tác ý dẫn tâm khiến cho hướng đến ở nơi cảnh, đây tức là chỉ tự nêu một ví dụ khác, nếu nói: Căn cứ theo tâm sở nói, vì sao không lựa ra? Lại thông với khác hiển bày lỗi của nghiệp, cũng chưa lìa, từ phần nhiều có thể như vậy.

Tây Minh nói: Liễu là thông với hành tướng, tâm vương tâm sở đều có, như quyển 5 nói, nay cho rằng không đúng, nếu đồng liễu biệt vì sao lần lượt sau vặn hỏi luận sư thứ ba.

Nói: Chớ xúc v.v... năm cũng có thể liễu biệt, nên biết liễu biệt chẳng phải thông với hành tướng; nên giải thích như trước.

Hỏi: Xúc tợ như ba thuận sinh tợ kia là xúc tánh, cũng sẽ quả của tợ nhân đều là xúc tự tánh. Nếu không như vậy, vì sao vặn hỏi tha quả của tợ nhân, lẽ ra đều thọ tánh.

Đáp: Không chỉ lảnh tợ gọi là xúc tự tánh, lại có dụng khác, kia chỉ tợ nhân, gọi là thọ tự tánh, nên tạo tác là vặn hỏi.

Hỏi: Xúc nghĩa là ba hòa hợp hợp, tức là từ nhân quả làm tên, phân biệt biến dị tức là có thể tên của lãnh tợ đây tức là nói rõ tên, xúc cảnh làm tánh nên bắt đầu hiển bày thể, nay làm chỉ hiển bày thể, làm cả hai nói rõ tên thể.

Đáp: Tuy tợ như giải thích, gọi là chính chỉ hiển bày tánh, hoặc gồm nói rõ tên, tầm tên nhận lấy thể, sở dĩ có hai nói rõ, nhưng nương theo ý của luận, chính là nói rõ thể, do lý đầy đủ nhận lấy nghĩa cũng không trái.

Hỏi: Sáu, tám cảnh, căn khác nhau, có thể nói ba hòa hợp hợp sinh, căn thứ bảy cảnh đồng, nên theo hai hòa hợp hợp khởi: một nói rằng có thể như vậy; hai nói: căn cảnh nghĩa khác nhau, cũng là ba hòa hợp hợp khởi. Lại căn cứ theo cực thành nói ba hòa hợp khởi, nương theo lớn không cùng, cũng hai hòa hợp hợp sinh.

Hỏi: Xúc nương theo ba hòa hợp khởi từ kia gọi là ba hòa hợp, thức, thọ, hai, bốn sinh, nên gọi là hai, bốn hòa hợp?

Đáp: Có hai giải thích: một nói: xúc cũng hòa với nó, còn lại không hòa với nó nên không được tên; hai nói: cũng được.

Hỏi: Thức hai hòa hợp khởi được tên hai hòa hợp, thức tác ý sinh sẽ gọi là cảnh giác?

Đáp: Thức từ nó khởi thể cũng hòa hợp, nên được theo đó gọi là hai hòa hợp, từ tác ý sinh chẳng phải cảnh giác, không theo ở nơi kia gọi là cảnh giác.

Hỏi: Tác ý cảnh giác tâm, chủng vị có thể cảnh giác ba hòa hợp khởi xúc, chủng vị ba hòa hợp.

Đáp: Căn thức chủng, vị yếu kém vô dụng chưa phải ba hòa hợp, tánh của tác ý có thể cảnh giác, nên chủng vị khởi dụng.

Luận: Tác ý nghĩa là có thể cảnh giác tâm làm tánh là làm chủng vị cảnh giác, làm hiện hành vị.

Đáp: Căn cứ theo lời của các Luận sư, thông với hai vị cảnh giác chủng vị của Sớ chẳng phải ở hiện hành. Tây Minh, Yếu Tập đều không đúng. Sớ giải thích rằng: Luận hai thuyết thông với chủng tử hiện hành, như luận Ngũ Uẩn ghi: “Nghĩa là có thể khiến cho tâm phát ngộ làm tánh”. Hiển Dương quyển 1 ghi: “Nương theo tâm sở khởi cũng với tâm đều chuyển, tương ưng, động tâm làm thể, dẫn tâm làm nghiệp”. Nếu nương theo Hữu bộ tự có hai thuyết, Tạp Tâm nương theo hiện tại, nên luận kia nói: Nhớ nghĩ là ở nơi duyên phát ngộ. Một ở sinh tướng,

Chánh Lý quyển 11 ghi: "Tác ý chánh hiện tiền nghĩa là chánh khởi gần, hiện tiền tự cảnh, tức là lúc đang sinh sẽ nhập vào hiện tại, nhận lấy nghĩa của tự cảnh". Đại thừa cũng có hai thuyết: một là nương theo Hiển Dương, hiện tại tác ý, cảnh giác đồng thời tâm của tương ưng, văn như trước dẫn; hai là nương theo luận này, kích phát hiện khởi chủng tử của tâm, dẫn hiện khởi tâm, hướng đến cảnh của sở duyên. Nhưng giải thích luận này tự có hai giải thích: một nghĩa là vị lai này tác ý chủng tử, cảnh giác vị lai, nên khởi chủng tử của tâm, do đây khiến cho tâm hướng đến cảnh của tự hiện tại; hai là hiện tại tác ý, cảnh giác hiện tại nên khởi chủng tử của tâm, dẫn tâm hiện tại kia, khiến cho hướng đến tự cảnh. Giải thích này là thù thắng. Nay cho rằng không đúng, nếu nương theo Hữu bộ, Chánh Lý làm chính, tức là luận Tạp Tâm là sẽ sở duyên phát ngộ làm tánh, đồng với Chánh Lý, nếu tức là như luận kia, tức là không phải chánh nghĩa nếu nương theo Đại thừa, cũng chỉ một thuyết, luận Ngũ Uẩn nói: nghĩa là có thể khiến cho tâm, chủng tử của tâm cũng được tên tâm, không nói có thể khiến cho tâm hiện tại phát ngộ tánh. Nếu nương theo Hiển Dương thì từ A-lại-da thức chủng tử đã sinh nương theo tâm sở khởi, cùng với tâm đều chuyển tương ưng, động tâm làm thể. Hai câu đầu lựa ra nghĩa của tông khác, nương theo tâm ban đầu khởi, hiển bày nghĩa của tâm sở, cùng với tâm đều chuyển, lựa ra trước sau sinh tương ưng là lựa ra đồng thời sắc căn, nhân hiểu rõ tâm sở tương ưng với nghĩa, động tâm làm thể mới hiển bày tự thể, động sẽ khởi tâm làm thể, tức là chủng tử tâm. Nếu chánh hiện tại, tức là chánh đã khởi, vì sao gọi sẽ khởi? Tức là đã hiện khởi, lại vì sao cần phải cảnh giác? Nếu cảnh giác khiến cho hiểu rõ đây là tuệ năng cảnh giác khiến cho hướng đến cảnh không khác với nghiệp. Nếu cảnh giác khiến cho khởi, khởi rốt ráo vì sao cần phải cảnh giác? Nếu nói: Tức là thừa nhận hiện phần năng sinh hiện quả, vì sao ngăn ngại hiện tại cảnh giác; đối với tâm không như vậy, vì lúc chủng tử hiện tại sinh hiện tâm, tuy đều ở hiện tại cần phải có thể sinh chưa sinh, nếu lúc có chủng, đã có hiện tại kia, vì sao cần phải chủng tử khởi? Nếu là hiện căn v.v... không phải là khiến cho sinh chỉ làm y trụ, nếu là có thể sinh, nên có căn thời, thường có thức khởi, giống như tác ý có hiện tại có thể cảnh giác, ắt sẽ có tâm.

Nếu nói chủng vị có thể cảnh giác tức là vị lai, vị lai vô thể, vì sao có thể cảnh giác là không đúng. Đại thừa nhân quả thâm diệu lìa lời, quán sẽ sinh hiện, giả nói vị lai, tuy ở chủng vị cùng sở sinh hiện, cũng chính hiện tại, tông của Hộ Pháp này, không phải lao nhọc khác với

giác, thô quán tức là tợ như hiện cảnh, tế tầm cảnh lý khó thấy, nhưng thuyết của luận Du-già, tác ý nói “vì sao nói hồi chuyển tánh”, tức là luận Hiển Dương đồng, hồi chuyển cùng với động nghĩa ý tương tợ, nên hiểu như trước, không nên ở đây, có Luận sư khác kế chấp, là luận đã phá, nên hồi chuyển chỉ phá Tiểu thừa.

Luận: Trong phá chấp, trì tâm khiến cho trụ, các thuyết chỉ phá Đại thừa chấp khác. Tây Minh ban đầu giải cũng phá Tiểu thừa, Yếu Tập cũng chẳng phải Sớ đã nói. Tập luận chỉ nói giữ gìn tâm làm nghiệp. Tạp Tập giải thích: thường thường dẫn tâm, là dẫn tên gọi trì, chẳng phải trụ tên gọi trì. Tức là nói thường thường dẫn tâm cùng với kinh luận này đồng, nên không phải phá, nay cho rằng không đúng.

Tạp Tập ghi: “Tức là đối với cảnh này, thường thường dẫn tâm, cho nên tâm được định, gọi là được tác ý”, ý của Sớ chỉ dùng lời của luận, tức là đối với cảnh này, thường thường dẫn tâm, tức là nói cảnh này tức là một cảnh, thường thường dẫn tâm, nên đối với một cảnh, thường thường dẫn tâm nói rõ tức là trụ, nếu không như vậy, vì sao lại nói “cho nên tâm được định gọi là được tác ý”, nên ý của Tạp Tập nói rõ đây tác ý giữ gìn tâm khiến cho trụ mới bắt đầu được định. Tập luận căn cứ theo tăng, Tạp Tập cho rằng làm hết lý, nên nay luận phá, nếu chỉ phá Tiểu thừa, thì bộ nào phán phân quyết định làm thù thắng?

Hỏi: Tưởng tức là thiết lập ra danh ngôn làm nghiệp, vì sao chẳng phải năm nhân?

Đáp: Căn cứ theo luận Tạp Tập nói, làm tùy theo thuyết nhân, chẳng phải nói gia hạnh, do tưởng cảnh tượng, mới lập ra danh ngôn, thế này dụng gần, tầm, tứ dụng gần gũi chánh khởi ngữ nên nói làm ngữ hành.

Luận: Phú nghĩa là pháp nhiễm chướng ngại Thánh đạo.

Hỏi: Nhiễm pháp chướng ngại Thánh đạo, nói gọi là Hữu phú, bất thiện cũng chướng Thánh đồng gọi là Hữu phú.

Đáp: Căn cứ năng chướng Thánh đạo, bất thiện lẽ ra gọi là phú, chiêu lấy quả thế lực dụng mạnh mẽ, nên không gọi Hữu phú.

Hỏi: Bất thiện chiêu lấy quả báo mạnh mẽ, theo thắng không gọi là phú vô tưởng không cảm quả chướng Thánh gọi là Hữu phú.

Đáp: Tự tại nhiễm pháp che lấp, thắng chướng Thánh gọi là Hữu phú, vô tưởng báo v.v... che lấp lý vi tế nên không gọi là Hữu phú.

Phần nêu về tâm vương, bốn sư không đồng, thứ ba Nan-đà, nếu chỉ An Tuệ là không như vậy, thông thì có thể như vậy, cứu phá tùy theo nên nói tợ như căn v.v... các Luận sư đều giải thích được thông với

chủng tử, hiện tại, vì lỗi văn thông nhau.

Hỏi: Vả lại sáu năng huân là cộng thành, chủng tử của một bản chất là đều riêng huân tập.

Đáp: Có hai giải thích: một là cùng thành tựu chủng tử của một bản chất, mà tướng thấy chủng tử đều khác nhau; hai là chất cũng đều khác nhau, sau nói là chính.

Hỏi: Đều là nhiều nhân cùng sinh một quả, vì sao sau chánh?

Đáp: Chủng tử đồng một chỗ, có thể cùng sinh quả, năng huân tướng khác nhau đều riêng huân tập chất.

Hỏi: Thọ huân tuy không phải chỗ ở, duyên cảnh đều đồng với tâm vương tâm sở, lúc đã biến đổi căn, cảnh đều có dụng chăng?

Đáp: Tây Minh nói: Tam Tạng có hai giải thích: một là xúc v.v... đã biến đổi đều không phải thật dụng, cảnh có thể tăng thượng duyên mà chẳng phải là sở duyên; hai là chẳng phải ví dụ, căn là nghĩa tăng thượng, nên chỉ tâm biến đổi, cảnh là nghĩa gần duyên, cũng thông cũng tâm sở, sau giải thích là chính. Nay cho rằng chưa phải như vậy, tâm sở được biến đổi làm sáu sở duyên, lý tức là không chướng, làm cảnh của năm thức, trái với chánh nghĩa, vì Hộ Pháp năm thức không thừa nhận duyên giả. Nếu nói đối Thức thứ sáu nói cũng không đúng. Căn, cảnh, mong nhau vì căn tức là trông mong về năm luận, cảnh là năm cảnh, vì sao đối với sáu thuyết? Tuy truyền Tam Tạng không thấy đồng nghe, huống gì giáo nương theo pháp không nương theo người.

Luận: Thể tức là vốn có v.v... Sớ đặt ra vặn hỏi.

Yếu Tập ghi: Có chống chế, Bà-sa chống chế nói: Thấy sắc v.v... dụng không thông với quá khứ, nên ba đời khác nhau. Sư Chánh Lý chống chế, căn cứ theo Đồng loại nhân, nhận lấy quả tác dụng để nói rõ ba đời, còn lại đều là công năng, đây thiết lập ra chống chế kia, ở Sớ không dẫn. Nói phá không thành tựu, căn cứ theo nguyên do nào? Nay cho rằng: Nếu Bà-sa chống chế thấy dụng của sắc v.v... không thông với quá khứ, nên ba đời khác nhau, thì năm cảnh của sắc v.v... tuy ở hiện tại, dụng cũng không thấy v.v... nên gọi là quá khứ. Chánh Lý chỉ căn cứ theo nhân của đồng loại, nhận lấy cùng quả, dụng gọi là tác dụng, vì đồng loại thù thắng thì khổ pháp nhẫn lẽ ra không được sinh, thiếu Đồng loại nhân, vì không có tác dụng.

Lại nữa, năm nhân đều là nhân duyên tánh, đều có thể nhận lấy quả, vì sao chẳng phải tác dụng? Nếu chẳng phải tác dụng, nên chẳng phải nhân duyên. Lại luận Bà-sa quyển 10 ghi: “Đẳng vô gián duyên, trừ A-la-hán tâm, tâm sở pháp sau cùng, quá khứ, hiện tại, tâm, tâm sở

pháp khác. Có thuyết nói luận sư khác, cũng làm Đẳng vô gián duyên, chỉ quả sau không sinh, luận thì không nên như vậy, vì sao? Đẳng vô gián duyên nương theo tác dụng lập ra. Nếu pháp và pháp kia làm ra Đẳng vô gián duyên, không phải pháp không phải hữu tình có thể làm ra chướng ngại, khiến cho nó không sinh, thế Đệ nhất pháp chẳng phải tâm sau cùng, sau chẳng phải đồng loại, có thể chẳng phải vô gián, do đây nên biết, Vô học sau tâm, không có tác dụng, tức là không phải tác dụng, vì sao chẳng phải quá khứ, nên trợ khó thành. Nhưng chuẩn theo luận Bà-sa, Đẳng vô gián duyên quá khứ, cũng có nhận lấy cùng với quả dụng. Quyển 10 kia ghi: "Vì sao Đẳng vô gián nói rằng cùng với thứ lớp nghĩa, cùng với tác dụng nghĩa", đây là cùng với quả, lại nói rằng có thể sinh ra tâm nghĩa, có thể dẫn phát nghĩa, đây nhận lấy quả nghĩa. Lại nói: Có thể dẫn Đẳng vô gián pháp gọi là Đẳng vô gián duyên, nên biết Đẳng vô gián có nghĩa nhận, cho.

Luận: Trước nhân diệt vị v.v... có ba giải thích: một là căn cứ theo Đẳng vô gián, trước nhân quả diệt, sau niệm thức nhân quả sinh; Hai là căn cứ theo chủng tử, trước chủng tử nhân diệt vị, sau chủng tử quả chính sinh, vì các chủng tử cùng với Thức thứ tám đều sinh diệt, như hai đầu cái cân, dùng ảnh để lược nói, trước chỉ nói nhân diệt, sau chỉ nêu quả sinh, giải thích này là chính.

Luận: Quán pháp của hiện tại v.v...

Tây Minh nói: Quán chủng tử pháp hiện tại, có dẫn dụng sau, đối với nhân trên giả lập đương quả, đối nói hiện nhân. Nay cho rằng không đúng, vì sao nói đối với hiện tại trên của nhân chủng tử giả lập đương quả, vì quán nhân hiện tại, gọi là làm đương quả, vì quán nhân hiện tại, có thể có chỗ dẫn, gọi là đương quả, nếu quán nhân hiện tại, gọi là đương quả, quả nhân không khác nhau.

Lại luận rằng: Giả nói rằng thức hiện tại tợ tướng kia hiện, nếu quán dẫn sau dụng, nói kia được dẫn, gọi là sẽ quả tức là không nương theo ở nơi trên của nhân hiện tại, giả lập đương quả đã dẫn chẳng phải nhân chỉ là nương theo thức biến đổi làm thành vị lai, giả gọi là đương quả; nương theo hiện tại lập nên là giả lập.

Lại giải thích rằng: Thức hiện tại tức là chủng tử thức, có tợ tướng khác trước dẫn sau nên nói nó là tợ, mà giả nói đã và đương, chẳng phải quán tâm trên biến đổi, đây cũng không như vậy, vì sao trước quán pháp hiện tại v.v...? Sau nói giả nghĩa là thức hiện tại tợ như tướng hiện kia; nếu chẳng phải nương theo đây quán tâm trên thức hiện tại, có tợ như tổng hợp, đương tướng hiện, trên chủng tử vì sao có thể tự có, nhưng

lẽ ra cả hai trọng nhân quả, văn hiển bày có thể biết.

Hỏi: Sớ ghi: Nương theo thức biến đổi tổng hợp, đương, giả lập ba đời, làm đạo lý ba đời, làm Duy thức ba đời, nếu đạo lý ba đời cùng với Duy thức ba đời có gì sai biệt?

Đáp: Không phải tìm tòi nhân quả, tướng thù đáp dẫn biên, chỉ nói việc của quá khứ và ghi nhớ vị lai, các việc có thể sợ hãi, mà tâm biến đổi làm tướng của quá khứ vị lai, đối đãi hai tướng kia nói tên hiện tại, tức là Duy thức, nên cùng với đây khác biệt nhau, lại càng có giải thích nhưng lập ra ba đời, các tông không đồng, như Nhất thuyết bộ. Ba đời chỉ nói đều không phải thật thể, nếu xuất thế đều nương theo pháp lập đời, thế gian là giả, đời cũng là giả, thế gian thật, đời cũng là thật, Đại chúng, Kinh bộ v.v... quá khứ, vị lai là giả, hiện tại là thật. Nếu luận Tát-bà-đa ba đời đều là thật, luận Câu-xá quyển 20 dẫn giáo và lý, lập ra ba đời thật, nhưng thành tựu tông kia có bốn Luận sư khác nhau, nên luận kia tụng: "Trong đây có bốn chủng; loại, tướng, vị, đãi khác; thứ ba theo tác dụng; lập đời là tối thiện".

1. Pháp Cứu nói do ba loại không đồng ba đời có khác, chẳng phải thể không đồng, như lúc phá kim khí làm ra vật khác, hình sắc tuy có khác nhau, mà hiển bày sắc không khác, hành đối với ba đời chỉ xả loại được loại, chẳng phải xả thể được thể.

2. Diệu Âm nói, do tướng không đồng ba đời có khác. Tướng không đồng, một là trong bất tương ưng riêng có một loại đời tướng không đồng, ba đời có khác tùy theo một đời tướng hợp, còn lại hai đời tướng ẩn, chẳng phải cho rằng thể là không; hai là tướng của đời có dụng thời tên gọi hợp, tướng tuy không phải dụng mà tùy theo ở nơi pháp, thể nó chẳng phải thông.

3. Thế Hữu nói, do vị không đồng ba đời có khác, chẳng phải thể có khác, như xoay vần một cái thẻ đặt ở một vị tên một, ở ngàn vị tên ngàn, vị tuy riêng thể không khác.

4. Giác Thiên nói, do quán đối đãi có khác nhau, nên ba đời khác, quán đối đãi sau nên gọi là quá khứ, quán đối đãi trước nên gọi là vị lai, đồng thời quán đối đãi gọi là hiện tại. Câu-xá luận phá Pháp Cứu đã nói chấp pháp chuyển biến, đặt số luận bằng trung. Diệu Âm đã lập tướng của đời tạp loạn, ba đời đều có tướng của ba đời. Giác Thiên đã nói trước sau tướng đối đãi, pháp trong một đời nên có ba đời, nghĩa là đời quá khứ, trước sau sát-na nên gọi quá khứ, vị lai, giữa gọi là hiện tại, chỉ thừa nhận thứ ba nương theo tác dụng lập ra, đời không phải tạp loạn. Luận Bà-sa đồng với luận Câu-xá. Chánh Lý thừa nhận loại khác,

đều phá thuyết của Diệu Âm và Giác Thiên, Đại thừa đã lập hoặc hai hoặc ba, như Sớ nói rõ, yếu chỉ của văn không phiền dẫn ra.

Luận Du-già quyển 3 ghi: "Vì sao kiến lập? Nghĩa là các chủng tử không lìa pháp nên như pháp mà kiến lập", nếu các quả pháp đều đã diệt tướng là quá khứ, có nhân chưa sinh tướng là vị lai, đã sinh chưa diệt tướng là hiện tại.

Luận Du-già quyển 51 ghi: "Quá khứ hành như thế nào? Nghĩa là tướng đã diệt hay, tự tánh đã xả". Hiện tại hành như thế này? Nghĩa là nhân hiện tại có tự tướng chưa sinh, chưa được tự tánh.

Luận Du-già quyển 52 ghi: "Quá khứ các hành cùng với quả nên có, vị lai các hành nhiếp nhân nên có, vì sao hiện tại các hành ba tướng đã hiển bày: một là quả tánh của quá khứ, hai là nhân tánh của vị lai, ba là tự tướng tương tục không đoạn".

Lại nói: Đã cùng với quả chủng tử tương tục gọi là quá khứ, nếu chưa cùng với quả đương lai chủng tử tương tục, gọi là hiện tại giới.

Biện Trung Biên quyển 2 ghi: "Nhân quả đã chưa phải dụng", là nghĩa của đời nên biết.

Giải thích rằng: Nghĩa là đối với nhân quả đều đã thọ dụng, là nghĩa của quá khứ, đều chưa thọ dụng là nghĩa của vị lai, nếu thọ dụng nhân, vị lai đã thọ dụng quả là nghĩa của hiện tại, đây đồng chỉ theo nhân quả chủng tử, hiển bày đời sau khác đều là thuộc về đạo lý ba đời, các thuyết thần thông, tam minh v.v... đều là thần thông ba đời, nay văn luận này, tức là Duy thức ba đời.

Lại nói: Giả nghĩa là hiện thức tợ như tướng hiện kia lại tông nói rõ Duy thức, nhưng theo Tây Minh, tợ căn cứ theo đạo lý, giải thích nhân quả này, Yếu Tập cũng đồng, trí là lựa chọn.

Hỏi: Pháp có ba tánh giả lập ba đời, nương theo tánh nào?

Đáp: Căn cứ theo thật đạo lý chỉ nương theo y tha, nếu căn cứ tùy theo duyên giả thiết lập là đồng nương theo ba tánh.

Yếu Tập ghi: "Viên thành thường trụ, biến kế tánh không, đều không nương theo lập ra ba đời sai biệt", nay cho rằng khắc phục tánh tuy như vậy, nhưng các kinh luận nương theo giả lập. Vả lại Viên thành thật nương theo thuyên để hiển bày được ba đời, vì sao như mười hai hành, nhãn trí minh giác đều đối với bốn Đế quán quá khứ, vị lai, hiện tại, đối với Viên thành thật nếu không nương theo thuyên giả lập ba đời, không thành tựu bốn hành, nên nương theo Viên thành cũng được giả lập, tức là thông với Duy thức, đạo lý hai thứ, nương theo tánh của biến kế cũng được giả lập.

Vì sao như kinh Bát-nhã ghi: “Không phải ngã nhân v.v...”.

Luận của ngài Thiên Thân giải thích, căn cứ theo vọng chấp ngã ba đời chung riêng lập bốn thứ này, tức là nương theo biến kế lập ba đời đây chỉ Duy thức, ba đời chẳng phải khác, nương theo y tha khởi đã lập ba đời, như trước đã dẫn, đã dẫn căn, chỉ hoàn toàn nương theo quán duyên khởi chánh lý, Viên thành chẳng phải duyên khởi, biến khởi tự tánh, nêu lược ra không nói.

Luận: Ắt sẽ bất thoái khởi phiền não chướng, thoái khởi phiền não, phần vị trước sau, các tông nói khác, nếu Đại chúng bộ v.v... Kiến đạo phiền não có thoái lui, vì đơn đạo, tu ắt sẽ không thoái lui, vì nhưng đạo, nếu luận Tát-bà-đa, Kiến đạo phiền não ắt sẽ định không thoái lui, vì nhanh chóng đạo, Tu đạo có thoái lui, vì dung dự, nhưng Tu đạo hoặc, trước sáu hành đoạn, sau tám Thánh ắt sẽ định không thoái lui. Một là lợi căn, vì hai đạo thế và xuất thế đoạn, lại nếu kinh sinh tức là cũng không thoái lui. Nếu tông của Đại thừa cả hai đều không thoái lui, vì vĩnh viễn đoạn chủng tử, quá khứ, vị lai vô, nhưng Đại thừa nói thoái lui, thoái lui lỗi thế gian hiện pháp lạc trụ. Tiểu thừa thoái là thoái thất Thánh quả, nhưng nhất định sinh trở lại đây, đắc quả kia, ắt sẽ không phải kinh sinh, nhưng luận về thoái tánh, thông với ba giới Thánh. Nếu hiện tại thoái là chỉ ở nhân gian có thoái duyên, thoái duyên có năm: một là việc của tăng, hai là hòa hợp yên tĩnh, ba nghĩa là đi xa, bốn là nhiều bệnh, năm là thích tụng kinh.

Luận: Sát-na sát-na chuyển tăng tiến.

Tây Minh nói: Từ Địa thứ ba trở lên, lúc nương theo Sinh không quán nhập vào diệt định là tiến, không tiến. Giải thích rằng: Không tiến vì không đoạn pháp chấp. Căn cứ theo nghĩa này nên có vượt lên kiếp sự, nay cho rằng không đúng. Tuy nương theo Sinh không nhập vào ở nơi diệt định mà cũng tăng tiến không khởi diệt định, hiện các oai nghi, có thể dùng sát-na sát-na thực hành lợi lạc, chẳng phải tăng tiến kia, tuy căn cứ theo lời của pháp không đoạn pháp chấp, không như vậy trái với lời tiến của sát-na này. Chỉ trừ tâm đại từ hết sinh giới nguyện, mười Địa đầy đủ rồi, có thể không phải tăng tiến, không như vậy tu hành vô lượng a-tăng-kỳ kiếp mà không được đầy đủ, chẳng phải ba đại kiếp tu, có thể đầy đủ, vì bên ngoài đều tăng. Lại lúc nhập định, ắt sẽ tự lợi công đức cũng tiến, mà vượt lên kiếp sự không ngăn ngại cũng thành tựu nếu nhập vào Pháp không, chánh đoạn pháp chấp có tâm lợi vật lại tăng tiến, tuy đều tăng tiến vì sao phế bỏ thắng trội, yếu kém? Huống gì trí tăng vượt lên bi tăng?

Lại giải thích nhập vào Địa rồi bỏ thật không phải vượt lên. Địa địa lực đều một thứ tăng tiến, không phải thắng trội yếu kém, nói vượt lên kiếp là căn cứ theo là hóa sinh hóa thân mà nói, chẳng phải thật báo thân, báo thân khó nghĩ bàn. Bồ-tát Thập địa còn không thể thấy, huống gì địa trước sinh, lại không do báo thân mới hiện ra tám tướng, chuẩn theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Thập tín cũng hiện ra tám tướng, đâu phải Thập địa thánh không thể hiện tướng, cần phải thành Phật ư?

Sớ ghi: Từ Địa thứ tám trở lên, một sát-na ban đầu, gấp bội hai kiếp trước, sát-na thứ hai lại gấp bội niệm trước.

Yếu Tập ghi: "Kinh Thập Địa chép: Ở trong một niệm đã khởi trí nghiệp". So sánh tự theo phát tâm ban đầu, đến sau rốt ráo Địa thứ bảy, trăm phần cho đến chẳng phải chỉ của toán số thí dụ có thể sánh kịp, chuẩn theo văn kinh này chẳng phải chỉ một gấp đôi. Nay cho rằng văn này hoặc căn cứ theo ý khác, chẳng phải ắt sẽ tất cả, như kinh Niết-bàn lấy phước trì kinh so sánh xả thân cúng dường Phật v.v... trăm phần không sánh kịp, cho đến được có thể sánh kịp, chuẩn theo luận của Vô Trước, phán quyết ở Địa trước, đâu phải ở địa vị này, tức là tất cả hành, liền có thể nhiều gấp bội rồi trước hành ư?

Thức thứ tám gọi chung có mười tám. Tụng rằng:

Vô một, bản, trạch, tàng
Chủng, vô cấu, trì, duyên
Hiển, hiện, chuyển, tâm, y
Dị, thức, căn, sinh, hữu.

Giải thích rằng:

1. Vô một thức, nghĩa là luận Vô Tướng ghi: "Tất cả các chủng tử không phải chỗ ẩn chìm nên gọi là vô một".
2. Bản thức, nghĩa là căn bản của tất cả pháp.
3. Trạch, cũng luận Vô Tướng nói là nhà ở của chủng tử.
4. Tàng thức, nghĩa là chấp tàng thức, tức là A-lại-da.
5. Chủng nghĩa là chủng tử thức.
6. Vô cấu thức là như kinh dưới dẫn.
7. Chấp trì thức nghĩa là A-đà-na thức.
8. Duyên, Biện Trung Biên luận ghi: "Hay duyên với sự thức".
9. Hiện, luận Vô Tưởng nói là hiển bày năm căn, bốn đại v.v... đều ở nơi hiển bày này.
10. Hiện thức, kinh Lăng-già nói các thức đều hiện ở nơi bản thức trên.
11. Chuyển, luận Vô Tướng nói cùng với các pháp là nương theo

mà khởi.

12. Tâm, nghĩa là nghĩa của tập khởi.

13. Y, nghĩa là chỉ biết nương theo.

14. Dị, nghĩa là thức Dị thục.

15. Thức, luận Vô Tưởng nói phân biệt sự thức.

16. Căn thức, nghĩa là Đại chúng bộ lập làm căn bản thức.

17. Sinh, nghĩa là Hóa địa bộ lập gọi là cùng sinh tử uẩn.

18. Hữu, nghĩa là Thượng tọa bộ, Phân biệt thuyết bộ lập làm hữu phần thức. Đã dẫn kinh luận, nên lại kiểm xét văn.

Hỏi: Trong kinh Tăng Nhất lập bốn Lại-da, vì sao không nói?

Giải thích rằng: Bốn thứ kia tên không chỉ mục thức nên đây không nói hoặc làm mười chín cũng lại không ngăn ngại, chuẩn theo người xưa giải thích tên có mười bảy:

1. A-lê-da đây dịch là vô một.

2. A-đà-gia.

3. Cùng sinh ấm thức.

4. Gọi là liễu biệt thức.

5. Gọi là chất phần nhiều đâu nói rằng tâm thức.

6. Ý thức, thể là ý căn nên gọi là thức.

7. Thức thứ nhất từ gốc đến ngọn số làm thứ nhất.

8. Thức thứ tám từ ngọn hướng đến gốc số làm thứ tám.

9. Chủng tử thức.

10. Gọi là duyên thức.

11. Căn bản thức.

12. Hữu phần thức.

13. Quả báo thức.

14. Trí tướng thức, vì có hiểu rõ tánh nghe huân tập.

Kinh Lăng-già ghi: “Một là chuyển thức, hai là nghiệp tướng thức, ba là trí tướng thức”.

15. Chân tướng thức. Kinh Lăng-già quyển 4 ghi: “Chân tướng thức tức là trí tướng trước; không đồng với nhiễm pháp hư vọng gọi là chân”.

16. Tàng thức, kinh Lăng-già ghi: “Biển Tàng thức thường trụ”.

17. Hiện thức, thường hiện không đoạn. Kinh Lăng-già ghi: “Lược nói có ba, là chân thức, hiện thức, phân biệt thức”.

Luận: Hoặc gọi là A-lại-da v.v...

Sớ ghi: Chỉ có thể thức tạp nhiễm và ngã kiến chấp không nói bị nhiễm huân tập tàng, không thông với quả vị, vì không huân tập, hay

duyên với chấp tàng tuy không phải ngã chấp, bình đẳng trí duyên cũng thông với quả vị, cho nên chỉ lựa ra ngã chấp chấp tàng.

Nên luận nói: Chẳng phải Vô học vị, bất thoái Bồ-tát, vì có pháp tạp nhiễm chấp nghĩa của tàng; chấp là duyên chấp, vọng chấp đều gọi là chấp, như nói chấp thọ, vì chấp nói là thông, không chỉ vọng chấp, nên chỉa lựa ra nhiễm, nếu không như vậy chỉ nói: chẳng phải Vô học vị, bất thoái Bồ-tát có chấp nghĩa của tàng, vì sao phải nói: Có pháp tạp nhiễm chấp nghĩa tàng? Nên chỉ nói hai, như giải thích bài tụng sau. Ban đầu theo một nghĩa gọi là A-lại-da. Sau lại giải thích đầy đủ ba nghĩa. Không nói chỉ lấy hai nghĩa giải thích tàng, không trái với các luận. Nếu như các nhà giải thích không giả văn khác, tức là văn của luận này có thể đầy đủ ba tàng, tức là ngã kiến ái v.v... duyên vào bên chấp ngã, là nghĩa của ngã ái chấp tàng, tức là năng huân kia là nghĩa của sở huân, không thể duyên lấy tàng tạp nhiễm phẩm pháp tức là nhiễm pháp nghĩa của năng tàng. Do Nhiếp Đại thừa giải thích tạp nhiễm là các chuyển thức chẳng phải A-lại-da, nhưng đây bỏ tên, chỉ theo duyên trói buộc đoạn phục hết vị gọi nó là xả, chẳng phải xả năng tàng nghĩa của sở tàng. Do nhiễm pháp nói ba tánh của Hữu lậu, đều gọi là tạp nhiễm, thông với hai chướng, không phải văn chỉ nói là Sở tri chướng. Tám địa đã bỏ năm, bảy Hữu lậu Hữu lậu vẫn còn hiện hành có thể huân tập tướng thứ tám, thấy hai phần đầy đủ năng tàng sở tàng, nhưng không phải ngã chấp, tức gọi là xả.

Nêu văn trước nói: Tuy chưa đoạn hết thức Dị thục trong chủng tử của phiền não, mà mà duyên với thức này, ngã kiến ái v.v... không phải lại chấp tàng làm tự bên trong ngã, do đây vĩnh viễn xả bỏ tên A-lại-da, không nói năng tàng, sở tàng đều là vô phương gọi là xả.

Hỏi: Vì sao lúc không đồng với A-lại-da gọi là lỗi thứ nhất, mà gọi là bất xả?

Đáp: Đây theo duyên trói buộc nghĩa, luận kia theo nghĩa của tự tánh nếu không phải ngã chấp lìa năng duyên trói buộc, xả bỏ tên Lại-da tuy không phải hết sinh, do chấp căn, chủng tử, đã ra không có lỗi.

Luận: Dị thục sẽ được Bồ-đề thời xả, chuẩn theo có hai Luận sư vả lại nói đắc là chuẩn theo luận Tát-bà-đa tự có hai thuyết:

1. Thể khác nhau, vì ban đầu được tên đắc, sau gọi là thành tựu. Nếu không như vậy vì sao không lập ra thành tựu ư?

Đáp: Vì đắc loại nên không lập ra thành tựu bất tương ưng.

2. Đắc cùng với thành tựu thể là một, ban đầu được gọi là đắc, đắc rồi tương tục gọi là thành tựu, hoặc vị lai gọi là đắc, hiện tại, quá khứ

gọi là thành tựu. Nếu Luận sư của Đại thừa tuy không phân biệt văn, chuẩn theo luận Du-già, đắc được thành tựu thể một tên khác. Giải thích đây sẽ được có hai Luận sư:

Một là nhân quả khác thời, tức là luận sau dẫn chứng không phải chủng tử đã sinh, tính kế của Luận sư, vì quả cùng với Vô gián đạo Câu sinh nhân ở nơi diệt tướng, giải thích sẽ được lời như Sớ.

Hai là nhân quả đồng thời, đều cùng với vô gián đồng thời sinh diệt. Căn cứ theo theo hai Luận sư này, đều phân biệt làm hai:

1. Vô gián đạo xả.

2. Giải thoát đạo xả: Hợp thành bốn giải thích.

Luận: Vô tán động, nói rõ Phật quả không phải tầm tứ.

Tây Minh nói:

Hỏi: Từ Địa thứ tám trở lên, Vô phân biệt trí đâu không phát khởi nghiệp ư?

Giải thích rằng: Vô phân biệt trí có hai thứ:

1. Độc hành.

2. Cùng với hậu đắc đồng thời.

Vì trước không phát khởi nghiệp chỉ duyên với chân, sau tức là phát khởi nghiệp cùng với tầm tứ đồng thời.

Lại giải thích hậu đắc có hai thứ:

1. Cùng với căn bản đồng thời.

2. Biệt đầu khởi.

Ban đầu không phát khởi nghiệp, vì không phân biệt, sau có thể phát khởi nghiệp. Tuy có hai giải thích, trước là giải thích thắng, nay cho rằng không đúng, tầm tứ tức là cùng với căn bản trí đồng thời.

Vì sao căn bản không gọi là phân biệt? Lại nếu tầm tứ cùng với vô phân biệt, đồng gần gũi duyên với như, không được gọi tư duy Chân như, nếu không cùng với đồng duyên, đâu phải tâm vương cùng với tâm sở, không phải hoàn toàn đồng duyên ư?

Tâm sở khác cũng lẽ ra không cùng đồng duyên với Chân như, còn lại nếu không như vậy, tầm tứ vì sao như vậy? Nêu sau nói chánh cùng với căn bản đồng thời ắt sẽ không phải tầm tứ.

Tây Minh nói: Nếu không thừa nhận căn bản trí đều là hậu đắc chánh trí cùng với tầm, tứ đều như định của Kim cương, ắt sẽ hai trí đều, đâu phải đối với thời đây, không khởi ngôn thuyết, ngôn thuyết ắt sẽ mượn tầm tứ làm nhân, nếu không khởi thuyết tức là Bồ-tát này không sánh kịp ở trước.

Vì sao sát-na chuyển tăng trội hơn ư? Nay cho rằng tuy thừa nhận

Kim cương định vị khởi nói tăng tiến, không nhất định phải cùng với tầm tứ tương ưng.

Vì sao Kim cương định, nương tựa định thứ tư? Tư ban đầu tĩnh lặng, đâu phải Địa dưới, tâm sở cùng với tâm vương trên tương ưng ư?

Nếu không như vậy trái với Tạp Tập quyển 5, tương ưng phẩm, lại đồng phần giới địa tương ưng, chẳng phải dị phần giới địa như cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc không tương ưng, Sơ thiền, Nhị thiền không tương ưng. Nay làm ra hai giải thích:

1. Ở nơi lạc, bệnh, chưa biết căn cứ rồi nói trước, vị này nói Đẳng giác nên không phải mượn tầm tứ.

2. Kim cương định trước khởi ở nơi tầm, tứ, quán, lạc bệnh v.v... kích phát ngôn ngữ, tức là nhập vào định này, nên tuy ở định mà có thể thuyết pháp, phương tiện tuy thực ở trước. Lúc đang thuyết pháp, ở Kim cương định, có thể khiến cho tăng tiến, vì sao trái nhau? Đây giải thích là chính.

Luận: Cũng xả thọ đồng thời.

Sớ có ba giải thích, ban đầu giải thích là thắng, địa khác tuy không khởi, như Kiến đạo v.v... được khiến tăng tiến. Tây Minh, Yếu Tập lấy thuyết thứ ba không đồng với Kiến đạo, Kiến đạo sau khởi nên có thể được tăng Phật quả không tăng, nay cho rằng không đúng. Sớ không nói Phật quả lại tăng nên các địa có, như thấy Vô lậu biến khắp năm Địa. Đại thừa chỉ nương theo định thứ tư khởi sau cũng không trọng khởi Vô lậu khác, Cảnh trí cũng như vậy. Ở Vô gián đạo chỉ khiến cho nó tăng. Phật vị không khởi nên thắng thứ nhất.

Tây Minh lại nói: Chỉ nương theo thứ tư.

Tự hỏi rằng: Sẽ thiếu hỷ vô lượng?

Đáp: Giả sử như vậy cũng đâu có lỗi gì, không phải nhãn nhĩ thông và diệt tận định lỗi chẳng thành.

Hỏi: Đã là như vậy vì sao có lỗi hỷ vô lượng?

Giải thích rằng: Nương theo Thức thứ sáu, đâu phải Thức thứ sáu nương theo hai địa dưới.

Giải thích rằng: Đồng nương theo chín Địa, nếu như vậy có lúc không phải hỷ vô lượng biến đổi. Nay giải thích thừa nhận nhãn nhĩ đồng thông với tám thức hữu, trí của Phật biến khắp duyên nên có lỗi nào? Nếu sáu thức v.v... nương theo định thứ tư cũng có hỷ vô lượng, nói nó không có là theo lời của người khác, như nói Địa trên không phải tỷ, thiệt thức, đâu không thừa nhận địa Phật có ư? Nếu không thừa nhận là trái, luận đã nói mười tám giới thông với lậu và Vô lậu. Nhưng năm

thức của Vô lậu không thông với Vô sắc, vì trong cõi Sắc địa khác ít có, giới kia hoàn toàn không, như tỷ thiệt thức thừa nhận thông với cõi Dục, cõi Sắc, không thể Vô lậu thừa nhận cõi Sắc có, cũng khiến cho cõi Vô sắc có, hỷ vô lượng này cũng lại như vậy, thông với bốn thiền, không thông với Vô sắc.

Hỏi: Năng biến thứ nhất đứng về nhiễm, bất nhiễm, hai vị đối biện trong mười nghĩa trên, vì sao chỉ theo bốn nghĩa để liệu giản?

Giải thích rằng: Có ba nghĩa

1. Hữu vô đối nhau.

2. Đồng dị đối nhau.

3. Tín nghi đối nhau.

Trong mười nghĩa trước Dị thục, Lại-da đã rõ ràng, hai thức xả vị chỉ nhân có, quả vị thì không có. Kế trước đã nói rõ, không cần đối biện, vì hữu vô hoàn toàn khác nhau, hữu vô đối này, hành tướng tất cả chủng tử, xả thọ đồng thời như bộc lưu, bốn nghĩa này nhân quả cùng đồng, nên cũng không nói rõ. Tánh Vô ký tâm sở tương ưng, duyên với ba thứ cảnh, cùng quả có khác nên nay đối biện. Những vị khác đều là tín, chỉ có xả thọ là nghi, nên nay đối biện.

Hỏi: Ba thứ nhân, vị, duyên, quả tất cả rộng hẹp không đồng tức là liệu giản, quả vị hành tướng và nhân khác nhau biến và bất biến lẽ ra phân biệt?

Đáp: Có hai giải thích.

Một là thật ứng với phân biệt, vì hành tướng tức là theo công năng của duyên cảnh mà nói. Quảvị tức là nói biến duyên tức là lựa ra hành tướng khác nhau. Hai là ảnh lược.

Hỏi: Nhân vị đồng giữ gìn chủng tử của lậu Vô lậu, quả tuy Vô lậu, vì sao không phải đối biện lựa ra?

Giải thích rằng: Nhân quả giữ gìn chủng tử, tuy thuần tạp không đồng, giữ gìn chủng tử nghĩa đồng nên không phải đối biện.

Hỏi: Nhân quả hai vị khác nhau, giữ gìn chủng tử tên đồng nên không lựa ra, quả nhân hai vị khác nhau, tương ưng nghĩa đồng, không phải đối biện.

Đáp: Giữ gìn chủng tử tên tuy thông với quả vị, không tăng nên không lựa ra. Tương ưng nghĩa tuy đồng, quả vị tăng nêu tướng đối biện. Đồng dị đối nhau như ở trên.

Hỏi: Giữ gìn chủng tử quả không tăng nghĩa đều nên không lựa ra xả thọ quả không khác nghĩa đồng với đâu nên nói rõ ràng?

Đáp: Quả vị chỉ là thiện tánh, e rằng nghi ngờ thọ câu khác. Nay

nói rõ tánh tuy khác quả nhân câu xả thọ, đây tức là tín nghi đối.

Luận: Mạt-na, Ý thức thuộc về chuyển thức v.v... luận này vì trước thành tựu Thức thứ sáu có, biệt Câu hữu y nên có lỗi bất định. Giải thích rằng không như vậy, vì thừa nhận Thức thứ bảy có biệt y căn, không có lỗi bất định, vì trừ ra nghi khác, thành tựu Thức thứ bảy có biệt Câu hữu y, làm ra lượng có thể biệt, lượng này sẽ có hữu pháp bất cực thành.

Đáp: Trước thành tựu Thức thứ sáu có biệt y căn, tức là ý căn, ý căn tức là Thức thứ bảy nên không có lỗi này.

Yếu Tập ghi: "Thành tựu Thức thứ sáu đối đãi thuyết của Tiểu thừa thành tựu Thức thứ bảy đối đãi thuyết của Đại thừa, nên hữu pháp thành tựu". Nay cho rằng không như vậy. Nếu không đối đãi Tiểu thừa thành tựu Thức thứ bảy có nương theo, luận kia làm ra lỗi bất định, vì sao đời đổi, cũng đối đãi Tiểu thừa có nói: Lượng có pháp sai biệt trái nhau. Nói rằng Thức thứ bảy không dùng Thức thứ tám là câu hữu biệt y vì chuyển thức nhiếp, như nhãn thức v.v... đây cũng không như vậy. Luận kia thừa nhận chỉ nương của năm thức đều khác nhau không phải chỉ là một, nếu không như vậy, như cực thành năm thức tùy theo lúc nêu một lượng, sẽ có lỗi sai biệt tương vi, vì sở y khác chẳng phải nương theo đây. Có lập ra tỷ lượng trái nhau, nói rằng: Không dùng Thức thứ tám là biệt y, vì tự chẳng phải Dị thục, nếu như vậy năm thức cũng đồng với lỗi này, chẳng phải chỉ Dị thục. Yếu Tập lập ra trái nhau quyết định, nói rằng: Thức thứ bảy ắt sẽ dùng Thức thứ tám làm câu hữu biệt y, vì thường hằng tâm phẩm nhiếp chẳng phải thức, như năm tâm sở của Thức thứ tám, đây cũng không như vậy. Hễ nói quyết định nhân dụ, cả hai thừa nhận có thể thành tựu quyết định. Nếu đối đãi Tiểu thừa Thức thứ tám kia là vô, vì sao thành tựu quyết định? Lại cũng gọi là ý thức, tức Trì nghiệp thích. Lại tâm, ý, thức cũng tám thức thông với danh. Nay nói chẳng phải thức tức là chẳng thành nhân nên như trước nói rõ.

Lý của Thức thứ tám trở xuống, còn lại nói rõ lỗi của lượng, nói có hữu pháp tự tướng trái nhau, lẽ ra chẳng phải Thức thứ tám, là thức tánh; cũng có hữu pháp sai biệt trái nhau, nên không phải chịu huân tập giữ gìn chủng tử; cũng có pháp sai biệt tương vi nhân, nên không dùng Thức thứ bảy làm Câu hữu y.

Yếu Tập ghi: "Hai đối trước rất có lỗi trái với tông", trong lượng thứ ba, một phần của đồng dụ đã lập chẳng thành. Nay cho rằng có khác. Nếu đối đãi Tiểu thừa, hai đối trước có lỗi gì? Không trái với mình, lại trước đã thành tựu, Thức thứ bảy có khác với căn của sở y, tức

là Thức thứ tám không tranh luận hữu pháp, tranh luận hữu pháp cũng có trong tông, đã riêng biệt bất cực thành nên biết không tranh luận hữu pháp, lại cũng chưa tranh luận chịu huân tập giữ gìn chủng tử.

Lý môn của luận nói: Tùy theo chỗ thành lập, nói tên là tông kia chẳng phải chỗ thành lập nên không phải sai biệt, tức là lập là Thức thứ tám không nương Thức thứ bảy, nương theo Thức thứ bảy tức là Dị thục, thức tánh nên nhân ở nơi dị dụ. Chuyển có lỗi bất định, do trước đã thành tựu Thức thứ sáu nương theo Thức thứ bảy nên có lỗi bất định, còn lại sợ dài dòng nên không nêu.

Lại thành tựu Thức thứ tám, nói: Lẽ ra có câu hữu tương tục thức làm tăng thượng bất cộng câu hữu sở y căn. Nếu nói thức tánh, nhân có lỗi bất định, năm là thức tánh không lấy thức tương tục làm bất cộng câu hữu sở y căn. Nay nói tự thể thường hằng nối tiếp thức tánh, như Thức thứ bảy.

Hỏi: Tụng này vốn nói rõ Thức thứ tám cùng với thức khác làm chỗ nương, vì sao trong đây nói Thức thứ tám nương theo Thức thứ bảy?

Đáp: Nhân nói trước lý, nên liền thành lập, là trừ ra nghi ngờ khác v.v... Đà-na không làm ra thuyết của Nhị thừa.

Tây Minh và Sớ hỏi: Nếu không làm ra định tánh thuyết của Nhị thừa, kinh Giải Thâm Mật lại nói vì sao thông? Luận kia nói: Nay thời thứ ba đều là phát khởi thú hướng tất cả Thừa chăng?

Giải thích rằng: Văn kia chẳng phải chỉ làm ra trực vãng, cũng làm ra tánh của bất định, nên thông với tất cả Thừa, nay cho rằng tự trái nhau. Trước nói rằng là thuyết khởi diệt định, nay nói không làm nên tự trái nhau.

Lại kinh ghi: Đều làm tất cả Thừa, không làm Định tánh thừa, trở lại chẳng phải đều làm. Nay cho rằng ban đầu giáo nói hữu chỉ làm Tiểu thừa, kế giáo thuyết không chỉ làm Đại thừa, sau thông với không hữu, nói làm tất cả, các câu "chẳng phải ắt" đều thông với tất cả, như luận Du-già đồng nói pháp của ba Thừa là làm tất cả Thừa, chẳng phải chỉ nói đại nói làm các Thừa.

Tây Minh nói: Luận sư Thắng Quân lập ra tỷ lượng rằng: Các kinh của Đại thừa v.v... nói, có lỗi bất định, vì luận Phát Trí cũng cả hai đều cực thành, chẳng phải lời của Phật không nhiếp. Họ tự chống chế: Không phải lỗi bất định, vì luận kia có thừa nhận luận Phát Trí là Phật nói. Nay cho rằng không đúng, đối với Tiểu thừa kia, tự không thừa nhận luận Phát Trí là Phật nói, đâu không có lỗi bất định ư?

Lại hỏi: Nhân này đâu không có tùy theo một lỗi chẳng thành. Tiểu thừa không thừa nhận cực thành chẳng phải là của Phật không nhiếp, chỉ Đại thừa thừa nhận, đâu thể nói cả hai câu? Nếu họ thừa nhận chẳng phải lời của ngoại đạo, nghĩa là chẳng phải lời của Phật không nhiếp, thì có lỗi bất định. Luận Phát Trí v.v... cũng chẳng phải nhiếp lời của ngoại đạo, nếu thừa nhận là Phật nói, cho nên nói cựu thành, chẳng phải là lời của Phật không nhiếp, tức là có lỗi tương phù, như Sớ lập tỷ lượng không có lỗi.

Phán phân tỷ lượng nói: Luận quyển 5 có tương vi quyết định, nói các kinh của Đại thừa, chẳng phải Chí giáo lượng, người ưa thích Tiểu thừa là không thừa nhận hiển bày không điên đảo, lý thuộc về Khế kinh, như luận của ngoại đạo v.v... nay cho rằng không đúng, nhân kia một phần trái với tông, tức là một phần nhân bất thành, vì sao gọi là quyết định?

Hỏi: Vì sao gọi một phần chẳng thành nhân?

Đáp: Luận kia thừa nhận ba pháp ấn, giáo thuận với chánh lý, nay Đại thừa giáo cũng thuận theo ba pháp ấn, vì sao không hiển bày không có lý điên đảo? Nếu nói rằng không thuận theo ba pháp ấn là đây cũng không như vậy, vì sao đều hiển bày vô ngã các hành vô thường, vì sao chẳng phải thuận theo pháp ấn? Nếu nói rằng chẳng phải hoàn toàn, đâu tăng một v.v... câu câu đều nói rõ vô ngã v.v... ư? Nếu nói tuy chẳng phải câu câu đều rõ ràng, nhưng thuận theo vô ngã v.v... đại giáo cũng như vậy, nên chẳng thành nhân, thiết lập dù nói chẳng phải hoàn toàn, cũng lỗi của nhân kia, không nói một phần không thể hiển bày.

Lại pháp Nhân Minh lập ra nghĩa của tự tông, tự thừa nhận lựa ra cùng thừa nhận được thành tựu, tương vi quyết định đã lập nhân, dụ ắt sẽ cần cả hai thừa nhận, nay nhân chẳng phải chung cùng, không được thành tựu quyết định trái nhau.

Lại phán phân lượng nói: Trong luận Thắng Quân, Tam Tạng được gia thêm cũng có tương vi quyết định, nói rằng Đại thừa giáo chẳng phải Chí giáo lượng, tự thừa nhận chẳng phải thuộc về lời của Phật, cũng không phải là lỗi, lý đã nói như trước.

Lại nói: Có bất định, là như tăng một v.v..., tự thừa nhận chẳng phải lời của Phật không nhiếp, cho nên thuộc về Chí giáo lượng, là như sắc v.v..., tự thừa nhận chẳng phải lời của Phật được bất nhiễm nên chẳng phải Chí giáo lượng, đây cũng không như vậy. Sắc v.v... cùng thừa nhận là chẳng phải lời của Phật nhiếp, nhân đối với kia không phải không thành tựu bất định.

Sớ ghi: Lại chẳng phải chỉ thể, đến lìa đây nói Đại thừa là vô, luận Trang Nghiêm kia lấy trí làm thể của Đại thừa, nếu không như vậy, giáo lý của Đại thừa vì sao được nhiếp? Đại thừa lấy gì làm thể? Vì nếu chỉ nhận lấy trí thì có nghĩa hạn hẹp.

Hỏi: Luận này có bảy nhân, luận Hiển Dương nói mười nhân, có gì khác nhau?

Đáp: Nhiều ít khai hợp có khác nhau, tám nhân đồng với luận Trang Nghiêm:

1. Trước không ghi nhớ sai biệt.

2. Nay không thể biết, tức là đồng hành, cho ít đồng thời hành, lẽ đâu lại biết Đại thừa chỉ chẳng phải Phật nói.

3. Nhiều có sở tác, tức là luận Trang Nghiêm có thể hành pháp trí này, nương theo tín tu hành được ba tuệ v.v...

4. Cực trọng chướng, tức là luận Trang Nghiêm sinh ra sợ hãi v.v... vì do sợ hãi, Đại thừa không thuận theo sợ hãi hủy báng, thành tựu trọng chướng, ý này ở nơi tiểu giáo, thuận theo tu được lợi ích, sợ hãi hủy báng mắc tội, tức là Phật nói Đại thừa cũng như vậy, nên là Phật nói hoặc đều Thức thứ bảy nhiếp. Luận Trang Nghiêm căn cứ theo năng sở đoạn hợp, luận Hiển Dương khai mở riêng, thành tựu trong năng đoạn, gia hạnh sau được khai mở làm hai, rộng lược khác nhau.

5. Chẳng phải cảnh của tầm tứ, tức là luận Trang Nghiêm thứ ba không hành.

6. Chứng Đại giác tức là luận Trang Nghiêm thứ tư thành tựu, ý này ông thừa nhận, trước Phật đắc được thuyết của Bồ-đề, nay Phật chứng đại giác cũng nói đại giáo. Nhưng luận Hiển Dương ghi: "Nếu chưa thành Phật, có thể nói giáo của Phật không ứng hợp với đạo lý". Trái lại hiển bày chứng đại giác, định nói đại giáo tức là ứng với đạo lý.

7. Không có lỗi của Thừa thứ ba, tức là luận Trang Nghiêm thể thứ năm. Ý ở đây thừa nhận chư Phật khác có thể của Đại thừa, nay Phật cũng có. Đại thừa không có dị thể tức là chỉ có một. Ở đây Phật không có tức là Phật này không có thể của Thừa thứ ba, cho nên thành lỗi.

8. Đây nếu không có lẽ ra không có Nhất thiết trí vì thành lỗi, tức là luận Trang Nghiêm thứ sáu chẳng phải thể, đây nói chẳng phải là vô, đã không có thể của Đại thừa, nên không phải Nhất thiết trí, ai xuất hiện ở đời nói Thanh văn thừa?

9. Duyên đây làm cảnh, như lý tư duy, đối trị tất cả các phiền não, tức là luận Trang Nghiêm thứ bảy.

10. Không nên như lời nhận lấy ý kia, tức là luận Trang Nghiêm thứ tám. Nên mười và tám chỉ khai hợp khác nhau, sự ý không sai biệt, vì luận Trang Nghiêm tụng và luận Hiển Dương đều do Vô Trước tạo ra.

Luận: Thượng tọa bộ kinh, Phân Biệt luận, là Thượng tọa bộ lấy hữu để dẫn kinh, cũng gọi là Kinh lượng bộ, chẳng phải hai mươi bộ trong Kinh bộ. Thượng tọa bộ này trong có A-la-hán, Ca-đa-diễn-na-phất-đát-la, khéo thông luận tạng, vặn hỏi Thượng tọa này, không ai có thể đối đáp, bèn nhóm họp ở Tuyết sơn, nhân gọi là Tuyết chuyển bộ. Phân Biệt luận tức là Thuyết giả bộ, xưa gọi là Phân biệt thuyết bộ, trong luận Vô Tánh thuận theo xưa gọi là Phân biệt thuyết bộ, trong Tông Luân luận không có Phân biệt bộ, có Thuyết giả bộ, đều nói có phần tâm.

Thượng tọa chín tâm, năm môn phân biệt:

1. Liệt kê tên giải thích
2. Các thức phân biệt
3. Ba tánh phân biệt
4. Sinh tử phân biệt
5. Trước phân biệt.

Như Xu Yếu giải thích.

Luận: Đã dẫn Thánh giáo v.v... luận Du-già tám chứng, luận Tạp Tập dẫn đồng. Tụng rằng: “Chấp, thọ, sơ, minh liễu; chủng tử, nghiệp, thân thọ; vô tâm định, mạng chung; tất cả đều xứng lý”. Sơ sinh, minh liễu, nghiệp dụng ba nghiệp trong luận này không có. Thú sinh, thọ thức, hỗ duyên, y thực và tâm nhiễm tịnh, năm thứ này luận kia chẳng có, năm thứ khác cùng đồng, nhưng hỗ tương rộng lược.

Trong luận Du-già v.v... thứ nhất chấp thọ; hai sơ sinh khởi, nghĩa là Hữu bộ v.v... tức là các thức không đồng thời, như sáu cảnh cùng đến, lẽ ra không có thức sơ sinh. Căn, cảnh, tác ý duyên đều đồng. Đại thừa thừa nhận đồng thời, nên vặn hỏi với họ không có thức sơ sinh. Họ liền thiết lập vặn hỏi. Nếu không có thức sơ sinh câu khởi, lẽ ra một hữu tình hai thức đều khởi, vì Đại thừa thừa nhận Lại-da định có. Nay người ngoài lại đặt vặn hỏi này, không như vậy nên vặn hỏi ba, bốn đồng thời, nên sau bỏ vặn hỏi, giống như hữu nhất đồng thời dục kiến cho đến dục thức, tùy theo có một thức sơ sinh khởi, không ứng với đạo lý.

Hỏi: Nếu thừa nhận Câu sinh, vì sao có thể chứng có Thức thứ tám?

Đáp: Đây chẳng phải chánh chứng, nhân giải thích vặn hỏi bên

ngoài nên làm một nhân, hoặc sẽ triển chuyển lập ra đều có căn, chứng có Thức thứ tám. Lại giải thích, vặn hỏi bên ngoài nếu có Thức thứ tám, tất cả thời hành, sơ sinh khởi thức không được, ngã không phải Thức thứ tám, sơ sinh có thể được.

Nay nêu bên ngoài vặn hỏi rằng: Vì sao không thể được?

Có ngoại đạo vặn hỏi rằng: Nếu thừa nhận thường hằng có Thức thứ tám, lẽ ra có lỗi của hai thức đều khởi, nên ban đầu khởi thức không thể được nghĩa, nên biết dung chứa đồng thời nên có thể được.

Hỏi: Nếu như vậy Thức thứ bảy cũng lại thường hằng hành, vì sao có ban đầu khởi?

Đáp: Vì họ chưa thừa nhận có Thức thứ bảy. Vả lại Thức thứ tám và thứ sáu đối đãi thừa nhận Thức thứ tám sơ sinh chứng có Lại-da. Nếu họ vặn hỏi Thức thứ bảy hằng cùng với Thức thứ tám đều không phải sơ sinh, cũng thành tựu nghĩa của ngã.

Hỏi: Họ chống chế nói, vị sơ sinh, năm căn chưa thành tựu ý thức sơ sinh, đều có lỗi gì? Tức là ứng theo lời vặn hỏi, có ý của sở y, cùng với Thức thứ sáu đều sinh, nên nói sơ khởi nghĩa cũng không lập, giải thích trước là thù thắng.

Minh liễu, tác nghiệp cũng là triển chuyển, hiển bày thành tựu đều khởi, chứng nghĩa thứ tám, nhưng bốn nghiệp thứ nhất là liễu khí, thứ hai là liễu căn, y xứ, chủng tử, liễu ngã thứ bảy, liễu cảnh thứ sáu, hiển bày bốn nghiệp đồng thời, nên chứng Thức thứ tám, đạo lý hơi ổn.

Luận Nhiếp Đại Thừa lấy tâm nhiễm tịnh, chung riêng hợp nói, trong định của tạp nhiễm, rải rác phân biệt nên ban đầu nói cõi Dục. Trong cõi Dục ban đầu nói rõ ba tạp nhiễm là hoặc, nghiệp, sinh. Trong sinh lại phân ra sắc căn chấp thọ, danh sắc nương nhau, đến nương ăn uống mà trụ, kế nói ba thứ hoặc nghiệp, sinh trong Vô sắc, trong sinh lại phân ra diệt, ly hai thú hướng.

Lại căn cứ theo hai cõi nói rõ địa vị sinh tử lãnh xúc bất thành. Kế nói rõ trong thanh tịnh phân ra thế và xuất thế, trong xuất thế nói rõ diệt định chứng.

Kế lại hiển bày trong ba tạp nhiễm trước, là chủng tử không thành, phá Thượng tọa bộ, chuẩn theo luận kia chỉ có tám nghĩa của luận này, ban đầu giữ gìn nghĩa của chủng tử, tức là tạp nhiễm kia thuộc về thanh tịnh, chấp thọ, danh sắc, bốn thực, thú sinh, sinh tử, diệt định, bảy nghĩa tên đồng, chỉ khai hợp rộng lược. Dị thục, thọ thức kia không phải hai thứ này. Lại nữa, luận này tâm nhiễm tịnh chứng, ban đầu ở sau nói

hiển bày riêng nương theo chung kia tức là đầu nói chung lìa riêng.

Nói chỗ của các pháp chủng tử tập khởi, nên gọi là tâm, Kinh bộ tuy lấy sắc tâm hỗ tương huân tập đều được giữ gìn chủng tử, thức giữ gìn pháp chủng, thông với ba cõi vì thù thắng, chỉ nói chủng tử huân tập gọi là tâm. Tát-bà-đa nói: Dùng tâm có thể phân biệt được sắc, chẳng phải sắc phân biệt được tâm, nên nói tâm là chủng tử, tức là lấy tâm pháp hiện tại làm chủng tử. Luận sư Đại chúng bộ cũng tâm dụng mạnh mẽ lập ra tên của chủng tử. Luận sư Thượng tọa bộ tuy sắc tâm trước đều làm chủng tử sau, cũng là tâm mạnh mẽ nên chỉ tâm gọi là chủng tử.

Luận: Loại khác ắt sẽ đồng với tánh biệt sự.

Tây Minh nói: Một là không lập pháp đồngầhi là cũng lập, trước nói là thắng, nay có thể không như vậy. Trong luận Câu-xá Kinh bộ phá họ rất đồng với Duy thức, luận này tức là vặn hỏi, khiến cho pháp tương tợ lập ra ở nơi đồng phần, nên lập ra pháp đồng, nghĩa này là thù thắng.

Hỏi: Thức của tông kia, loại làm ra tánh gì?

Đáp: Vốn chấp Vô ký nên chịu huân tập giữ gìn chủng tử.

Hỏi: Thừa nhận không gián đoạn chăng?

Đáp: Họ thừa nhận tương tục.

Hỏi: Nếu như vậy, vì sao nói lại địa vị vô tâm, loại này định là vô?

Đáp: Đây dùng lý bức bách tức gọi là thức loại, thức tức là gián đoạn, loại lẽ ra như vậy, loại nương theo thức lập ra, như được đồng.

Luận: Lại A-la-hán hoặc sinh tâm khác v.v...

Hỏi: Họ chấp thức loại hỗ tương thông với ba đời, mà tánh không thay đổi, tức là vặn hỏi khiến cho phàm thánh nhiễm tịnh lẽ ra hỗ tương huân tập; Thức thứ tám một loại ba đời không thay đổi nên đồng với lỗi kia chăng?

Đáp: Không lệ thuộc, họ lập thức loại nương theo thức mà thành tức là thức kia nhiếp, không phải pháp khác thâu nhiếp, nên có lỗi này, Đại thừa thể tánh của tám thức đều riêng biệt, chẳng phải một thức loại nên không thành lỗi.

Luận: Thừa nhận loại là giả nên không giữ gìn chủng tử.

Hỏi: Thể của chủng tử là thật, thức loại giả không giữ gìn, tâm, tâm pháp là chân, giả pháp chẳng phải có thể ngăn ngại?

Đáp: Giữ gìn chủng tử đầy đủ bốn nghĩa, giả pháp thiếu không giữ gìn, ngăn ngại pháp căn cứ theo công năng, giả pháp vì sao ngăn ngại?

Nay giải thích thêm rằng: Ngăn ngại dụng thế thưa xa, giả pháp cũng có thể ngăn ngại, giữ gìn chủng tử căn cứ theo gần hợp, phải thật mới có thể nhận.

Lại vặn hỏi rằng: Hai định nương theo chủng tử lập ra, tuy giả trở lại ngăn chủng tử, thức loại nương theo thức lập thức loại giữ gìn thức chủng tử.

Đáp: Giải thích như trước.

Luận: Nương theo tợ tỷ lượng bác không có thức này.

Sớ và Xu Yếu đều nói rõ lỗi, như các thuyết kia, trong tông không có lỗi hữu pháp bất cực thành, vì chân tánh đó không phải là hữu pháp, nêu ý của chân tánh này, nhận Hữu vi lấy làm hữu pháp, nay gọi là lỗi kia nêu chân tánh, chân tánh đều rỗng không, không phải pháp Hữu vi, bản ý không nhận lấy chân tánh làm hữu pháp, ở trong chân tánh lại không thể nói lời, nói vì sao lấy làm Hữu vi hữu pháp, nên lỗi của hữu pháp. Nếu nhận lấy thắng nghĩa Hữu vi của Hộ Pháp, Hữu vi chẳng phải không bất không, một phần kia trái với lỗi của tự tông, nhận lấy Tát-bà-đa thắng nghĩa Hữu vi, đều trái với lỗi của tông, lại có thuyết kia nhân cũng không lỗi, duyên sinh pháp không phù hợp với tông vô, đây cũng không như vậy, nếu duyên sinh pháp không là Hộ Pháp thừa nhận tông có phù hợp nhau; duyên sinh bất không. Thanh Biện nói: Không tùy theo một lỗi của chẳng thành, lại thắng nghĩa không, vì sao có duyên sinh? Luận kia tự theo một lỗi của chẳng thành. Lại nương theo thế tục duyên sinh thừa nhận có huyễn sự là dụ, thế tục có thể nhân đối với chuyển kia, là pháp tụ tướng tương vi nhân. Nếu lấy thật huyễn làm dụ kia chẳng phải duyên sinh, thiếu hai tướng của nhân sau, lấy tợ huyễn dụ pháp Hữu vi dụ khác, duyên sinh nhân chuyển, cũng là pháp tự tướng tương vi nhân, lỗi của dụ chuẩn theo biết.

Tây Minh nói: Nương theo Thanh Biện tạo ra luận Trung Quán, Tâm luận nhập vào trong thuyết phẩm Chân Cam-lộ, A-lại-da thức không phải riêng có tánh, vì sáu thức nhãn v.v... đã không nhiễm, giống như hoa đốm trong hư không, Hộ Pháp nay phá, nhưng tỷ lượng kia có ba lỗi, nên nói tợ tỷ tông nương theo thắng nghĩa, thắng nghĩa nói không phải Thức thứ tám, có lỗi tương phù, cũng có lập ra rồi thành lỗi. Nếu nương theo thế tục có lỗi trái với giáo, nhân có cộng bất định là như hoa đốm trong hư không, sáu thức không nhiếp nên chẳng có, vì như sắc v.v... là có. Nếu tông nói không phải riêng thức tánh, tức là có bất định khác vì như Thức thứ bảy, Thức thứ sáu đã không nhiếp nên Thức thứ tám là có nay cho rằng không đúng. Yếu Tập tuy nói Tam Tạng đã nói

nhưng e rằng truyền sai lầm, vì sao các kinh Đại thừa Thanh Biện đồng tin, thắng nghĩa các pháp không, thế tục các pháp hữu, vì sao chỉ riêng phá Thức thứ tám trong tông? Nếu nương theo thắng nghĩa tức là không có lỗi trái với giáo, giáo nương theo thuyết của thế tục, vì sao phải trái nhau? Nói trái với kinh trước, lại thắng nghĩa của Hộ Pháp chẳng phải không bất không, luận kia nói đều không, vì sao phải trái nhau?

Lại bốn thắng nghĩa và bốn thế tục đều lập ra, luận Du-già, Hiển Dương v.v... không nhất định, Thanh Biện cũng thừa nhận đều bốn, vì sao phải nói: Thắng nghĩa thắng nghĩa phát ra không phải tất cả lượng? Tây Minh lấy Chưởng Trân so sánh nhưng nêu ra lỗi nói: Nếu nương theo thắng nghĩa tông phù hợp nhau, nếu nương theo thế tục trái với Thánh giáo. Nay cho rằng không đúng. Chẳng phải lỗi trái nhau; nghĩa như nói trước, không trái với Thánh giáo, tỷ lượng nêu nương theo lời của chân tánh, nên Sớ thuật lại chánh khế hợp yếu chỉ thâm sau.

Luận: Luận kia đặc biệt trái là căn cứ theo thắng nghĩa đế chẳng phải không bất không, nghĩa là đều không, nên đặc biệt trái với kinh Tập Khởi Tâm. Lại Nhân Vương Bát-nhã ghi: Hữu vô vốn có hai, tức là nói rõ thế đế, vì sao phải nương theo thắng nghĩa lập ra tất cả đều là không? Tuy cũng trái với kinh Lăng-già, Thâm Mật trước, ở đây chứng minh tức là trái với kinh, phá lượng của Vô vi chuẩn theo lời bàn trước.

Giải thích trong thân thọ.

Hỏi: Trong vô tâm định dẫn khinh an đại chủng chăng?

Đáp: Dẫn không dẫn đều không có ngăn ngại.

Hỏi: Cả hai đều có lỗi, vì sao như nói không dẫn, vì sao Thức thứ bảy nói khiến cho thân an hòa, nên cũng gọi là định? Nếu nói rằng dẫn là định tức là vô tâm lấy pháp gì để dẫn? Nếu nói gia hạnh tâm dẫn, tức là chẳng phải vô tâm định?

Đáp: Không dẫn khinh an đại chủng, nhưng không phải khổ bức bách nói là hòa, hoặc vi tế điều hòa thích hợp, như giữ gìn dục v.v...

Hỏi: Trong hữu tâm định đã dẫn khinh an đại chủng định tâm chuyên chăng?

Đáp: Duyên cũng không có lỗi, nhưng lúc không duyên vì thiền định riêng.

Luận: Thú sinh thể cần đầy đủ bốn nghĩa, như Sớ nói rõ ràng, nhưng giải thích chung tất cả pháp có hai thứ: Một là Hữu vi, hai là Vô vi, Vô vi chẳng phải sinh nên không cần lựa ra, trong Hữu vi lược có ba loại: Một là sắc; hai là bất tương ưng; ba là tâm, tâm sở. Vả lại trong

sắc pháp, Dị thục năm căn, có thật và thường hằng khởi không phải tạp loạn, nhưng thể không biến đổi, trưởng dưỡng Đẳng lưu thì có tạp loạn, ở dưới khởi trên thiên nhãn nhĩ, là trưởng dưỡng, liền thiếu hai nghĩa, chỉ có thật, nếu năm cảnh sắc: một chẳng phải một hướng thật; hai chẳng phải thường hằng; ba chẳng phải biến khắp nghiệp quả Vô sắc vô, định quả cõi Dục Vô vi; bốn chẳng phải không tạp, vì trên dưới năm thức duyên với cảnh trên dưới. Trong pháp xứ sắc, ban đầu bốn thiếu bốn nghĩa, chỉ giả không thường hằng không biến đổi khởi tạp loạn, định tự tại sắc thể thông với giả thật, cũng thiếu bốn nghĩa.

Thứ hai Bất tương ưng hành chung thiếu đi thật nghĩa, mạng căn, Chúng đồng phần thiếu một đầy đủ ba, vì thường hằng biến đổi không tạp, Dị sinh tánh một thiếu ba có một, vì biến khắp ba cõi, hoặc có thể đầy đủ hai. Tuy nói nương theo kiến để đoạn lập, nếu ở cõi Dục tức là nương theo cõi Dục phân biệt hoặc lập ra, nên cũng không tạp, còn lại chuẩn theo có thể biết.

Thứ ba tâm, trong tâm sở pháp, ban đầu nói rõ tâm sở, sau nói rõ tâm vương, trong tâm sở sáu vị sai biệt, nói chung thì biến hành, biệt cảnh chỉ có thật, biến hành thiếu thường hằng không tạp, bốn vị khác nói chung bốn nghĩa đều thiếu, căn cứ theo ba tánh riêng, nói rõ đầy đủ và thiếu. Vả lại ở trong thiện, chia làm hai loại: Một là sinh đắc; hai là phương tiện. Sinh đắc thiện bốn nghĩa, đầy đủ bao nhiêu?

Đáp: Quyết định có hai nghĩa là thật và biến, định thiếu thường hằng một không tạp hai thuyết, một là đứng về giới không tạp, căn cứ theo thú tạp loạn, như trong người được khởi trời, quỷ thú v.v... sinh được thiện nghiệp, do sinh được thiện, cảm được quả báo kia. Nhưng luận nó các cõi sinh được thiện và trong ý thức nghiệp đã cảm, tuy biến khắp thú sinh khởi không tạp loạn, Dị thục là văn của Hộ Pháp, sinh đắc thiện là nghĩa của sư Nan-đà, cùng với văn của Hộ Pháp hợp nói không tạp. Căn cứ theo Hộ Pháp chánh nghĩa thừa nhận sinh đắc thiện tạp. Hai là không tạp, do trong cõi người tạo tác nghiệp thiện, kích nghiệp cũ kia, cảm được quả báo thiện khác, chẳng phải ở trong cõi người khởi trong cõi người kia, sinh được thiện nghiệp. Hai thuyết trước chính, vì đồng với cõi Dục, không phải thuộc về định, như phiền não v.v...

Lại giải thích năm đường cũng khác nhau, vì định khác với nhân, biến khắp các pháp, tuy nhiên khởi tạp.

Hỏi: Hoặc, nghiệp sinh cả ba tuy đồng một cõi, năm đường sẽ khác nhau, không phải như vậy đâu thể là cõi người trong nghiệp bất thiện ở nơi đường khác thọ? Nếu nói chẳng phải thuộc về định cũng ứng

báo không thuộc, nếu thừa nhận báo không thuộc, nên không phải năm đường khác nhau, như nghiệp phiền não. Nếu nói báo có thuộc, hoặc nghiệp cũng sẽ như vậy. Đạo lý ít vặn hỏi, người trí suy nghĩ lựa chọn vì hoặc nghiệp tùy theo báo định thù thắng, thuận theo định khác nhân.

Hỏi: Trong phương tiện định được đầy đủ bao nhiêu nghĩa?

Đáp: Theo chung mà nói có thật và biến, thiếu thường hằng không tạp. Nếu nói riêng chỉ có thật nghĩa, thiếu ba thứ khác vì cũng không biến đổi tư tuệ chỉ ở cõi Dục, văn tuệ thông với hai cõi dưới, tu tuệ ở hai cõi trên, chung cũng giả, nghĩa như nói trước, bất thiện chuẩn theo nên biết. Vô ký có bốn, vả lại Dị thục trong Vô ký, nếu chẳng phải nghiệp cảm thì thuộc về Sở tri chướng, nói chung cũng thiếu bốn nghĩa, nếu nghiệp cảm Dị thục, phải có thật không tạp, hai thứ khác chuẩn theo nên biết.

Kế nói rõ tâm vương, chia làm bốn loại nghĩa là năm, sáu, bảy, tám. Năm thức chỉ thật thiếu ba nghĩa khác, nếu theo ba tánh, thiện tánh như trước, Dị thục Vô ký hoặc dung chứa có tạp, như chịu thọ địa ngục v.v... lạc của Đẳng lưu, như ở trong cõi người, thọ quả báo khổ khác nhau, căn cứ theo giới không tạp, thú tức là có tạp. Thức thứ sáu có hai, thật biến khắp ba cõi, thiếu thường hằng không tạp, căn cứ theo ba tánh nói Dị thục không tạp, vì trong địa ngục không phải lạc của Dị thục, ở trong cõi người không có khổ Dị thục. Thức thứ bảy nói bốn nghĩa đều có, nhưng chẳng phải thú sinh, vì sao như vậy?

Đáp: Có bốn giải thích: một là Bất cộng, nay căn cứ theo cộng thừa nhận lựa ra thể của thú sinh. Hai là gián đoạn, Thánh đạo, diệt định trong không khởi. Ba là chẳng phải nghiệp đã cảm, nghĩa là Dị thục đầy đủ bốn nghĩa mới là thú sinh.

Luận nói: Chẳng phải Dị thục, pháp thú sinh tạp loạn.

Nay lại giải thích rằng, Thức thứ bảy thiếu một, người có tánh khởi có tạp, căn cứ theo giới mà nói cũng thiếu thường hằng nghĩa, như sinh về cõi Dục khởi bình đẳng trí, người vô tánh là loại này. Lại theo thức rõ ràng không căn cứ theo nhẫn, chỉ Thức thứ tám đầy đủ bốn nghĩa.

Hỏi: Nếu căn cứ theo Thức thứ sáu Dị thục không tạp, như Ương-quật-ma, A-xà-thế chuyển Dị thục ở nơi thọ khác, vì sao phải không tạp?

Đáp: Căn cứ theo năm thức nói, chẳng phải Thức thứ sáu.

Lại đã giải thoát trong thân Thánh nhân, không phải khổ Dị thục. Kinh nói có hiện ra nghiệp quả báo, nếu chẳng phải Vô học, Kiến đạo hoặc mất nhân không mất quả, nếu có khổ là Đẳng lưu, tăng thượng

chẳng phải là Dị thục, như lạc của địa ngục.

Luận: Chỉ tâm của Dị thục và tâm sở kia thật thường hằng biến đổi không tạp là chánh thật thú sinh.

Hỏi: Thể của thú sinh chỉ nương theo tâm vương, cũng gồm cả tâm sở là thật hay giả?

Đáp: Có ba giải thích: một là chỉ nương theo tâm vương lập ra thể của thú sinh, đầy đủ bốn nghĩa, nếu nương theo tâm vương tâm sở, tức là sáu thú sinh có trái với lỗi trước, quyển này ban đầu nói một hữu tình có sáu thứ thể, thứ nhất Thức này đầy đủ làm giới thú sinh thể, không lao lực riêng chấp có thật mạng căn, cũng không được nói trong đây Thức nói cũng nhiếp tâm sở, luận kia nói rõ nghĩa của Duy thức, đây nêu ra thể của thú sinh.

Lại nếu thức này nói cũng nhiếp tâm sở, mạng căn cũng sẽ đồng nương theo chủng loại của tâm vương tâm sở, nên chỉ nương theo tâm vương lập ra thể thú sinh, Thức thứ bảy cũng nói, nhưng lập ra hữu tình, nương theo mạng căn số, hoặc thức Dị thục, nên biết không nhiều.

Vì sao luận nói: Chỉ thức Dị thục và tâm sở kia là chánh thật thú sinh?

Đáp: Đây là nói theo nương nhau, chính nhận lấy tâm vương, nếu không như vậy đồng với lỗi của sáu thức thể trước, đâu được vặn hỏi?

Hỏi: Tám câu, năm số, bốn khuyết, vì sao nghĩa chẳng phải hữu tình?

Đáp: Tám câu tuy đầy đủ, chủng loại có tạp có gián đoạn, căn cứ theo một trăm pháp lựa ra, không theo tương ưng, nếu không như vậy mạng căn và Chúng đồng phần, biến, hằng, không tạp đầy đủ làm thú sinh, vì sao cần phải thật? Một thuyết nói đồng nương theo tâm vương tâm sở lập làm thú sinh. Chánh biện này nói chỉ thức Dị thục tâm và tâm sở thật, hằng, biến không tạp là chánh thật thú sinh. Lại kết rằng, chánh thật thú sinh tức là chỉ Dị thục tâm và tâm sở, tâm kia, tâm sở lìa Thức thứ tám, lý không được thành tựu.

Lại nữa tâm vương, tâm sở đồng dẫn nghiệp chiêu lấy, nhưng trước nói Thức này đầy đủ làm thể giới thú sinh, căn cứ theo thắng riêng nói vặn hỏi hữu tình kia nên có sáu thể, căn cứ theo sáu thọ huân tập sau sinh hiện thời nêu Thức thứ tám của sáu thể, kinh nói không có chỗ nào không dung chứa hai thức đều sinh, nên luận kia thành lỗi, không chướng ngại tâm vương tâm sở thọ đều một thể, nói là hữu tình.

Hỏi: Nếu như vậy, vì sao Thức thứ bảy nói nhưng lập ra hữu tình nương theo mạng căn số, hoặc thức Dị thục?

Đáp: Đồng một tụ nên gọi là một, hoặc theo tâm vương trội hơn nói thú sinh một. Một thuyết nói đồng nương theo tâm vương tâm sở chung lập là một, do đâu phải biết? Chuẩn theo trước không thừa nhận nhiều thể, chuẩn theo sau nương theo mạng căn số lập ra. Văn này lại nêu tâm vương tâm sở thuận theo trước sau, nếu như vậy thú sinh thể là giả.

Hỏi: Vì sao luận nói là chánh thật thú sinh?

Đáp: Chính lựa ra phương tiện hoặc nghiệp trung hữu, thật lựa ra biến kế vọng lập thú sinh, nay thú sinh thể này tuy là giả nương theo thật pháp lập ra nên nói thật, hằng, biến, không tạp.

Hỏi: Lý nào được biết thú sinh thể giả?

Đáp: Căn cứ theo Thức thứ bảy nói nhưng lập ra hữu tình, nương theo mạng căn số hoặc thức Dị thục, không chướng ngại năng y thú sinh thể giả.

Hỏi: Thú sinh thể một trăm pháp thuộc về pháp nào?

Đáp: Nương theo hai giải thích ban đầu, tức là thuộc về tâm, tâm pháp. Nếu nương theo thể sau tức là có hai giải thích: một là giả có ba thứ: một tướng đãi giả, như sắc dài v.v...; hai phân biệt vị, như tướng của sinh v.v...; ba tụ tập giả, tức là tùy theo thật nhiếp (là một Pháp sư giải thích). Nay nói thuộc về Bất tương ưng, Đại thừa thừa nhận nhiều không phải hai mươi bốn thứ, như Tùy phiền não. Vả lại căn cứ theo thắng thuyết nói là hai mươi bốn thứ, hoặc đồng phần nhiếp như pháp đồng phần, chỉ nói Chúng đồng phần. Vả lại, đối với tông khác, không lập ra thuyết pháp đồng phần. Nếu căn cứ theo luận rộng, nên chỉ nói rằng đồng phần, hoặc có Chúng đồng phần, trong Chúng đồng phần có chung có riêng, riêng đồng phần này tuy không phải giáo văn, lý cũng không mắc lỗi.

Hỏi: Trong giải thích chấp thọ, chuẩn theo luận Du-già v.v... đều có năm nhân, vì sao chỉ nêu ba nhân, không nói chẳng phải thiện, nhiễm và nghiệp sở dẫn?

Đáp: Có hai giải thích: một là trước nghiệp đã dẫn là nghĩa của tương tục trên, chẳng phải thiện, nhiễm là một loại nghĩa trên, cho nên không nói. Hai là cũng lựa ra Phật quả, tuy có chấp thọ mà chẳng phải nghiệp dẫn tuy là một loại, thừa nhận là thiện nên không nói hai.

Tây Minh nói: Một là hai tức là một loại nhiếp, hai là muốn hiển bày chấp thọ, chẳng phải cần năm nghĩa. Phật có chấp thọ, giải thích này là chính. Nếu như giải thích trước chỉ nói nhãn v.v... không phải nghĩa như vậy, vì sao cần phải nói lại, ba của một loại v.v...

Luận: Thọ sinh mạng chung ắt sẽ tâm trụ, tán, chẳng phải định của vô tâm.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao kinh Ma-ha Câu-sắc-sỉ-la nói La-hán nhập vào diệt định, mới hóa ra thân lửa đốt, nhập vào Vô dư Niết-bàn ư?

Đáp: Có hai giải thích: một là vì mong nguyện, nhập vào diệt định, trước khởi ý gia hạnh, nguyện hóa ra thân lửa đốt, mới nhập vào diệt định, chiết phục được sức của tâm, khiến cho suy tổn mới nhập vào Vô dư Niết-bàn. Nói tâm trụ, tán, chẳng phải định tâm, chẳng phải vô tâm, căn cứ theo thuyết không phải mong nguyện, hoặc căn cứ theo bậc Hữu học và thuyết Dị sinh, không ngăn ngại bậc Vô học. Hai là nhập vào diệt định đã tổn hại chiết phục sức của tâm, xuất diệt định sau mới nhập vào Vô dư, nói nhập vào định tức là nhập vào Vô dư. Căn cứ theo thuyết phương tiện trước, đây tuy theo hai giải thích, căn cứ theo thuyết của Tiểu thừa, nếu Luận sư Đại thừa tuy nhập vào diệt định, có Thức thứ tám là tán chẳng phải định, hữu tâm chẳng phải vô. Nên luận này nói: Nếu không phải thức này sinh, tâm khi chết không nên có.

Hỏi: Nếu có Thức thứ tám, thừa nhận ở diệt định, được nhập vào Vô dư vì sao ở hữu tâm định, mà không phải chết?

Đáp: Theo thuyết không phải mong nguyện, hữu học v.v... mà nói. Vì sao như vậy? Không phải mong nguyện, định lực đã giữ gìn không phải chết. Lại chuẩn theo Đại thừa, tâm ngay khi chết, tâm ban đầu của Trung hữu vốn có tâm ban đầu, đều là Vô ký. Nhưng có một Luận sư nói: Tâm ban đầu của Trung hữu cùng với mạt tâm, là khởi ái tâm, vốn có tâm ban đầu cũng như vậy, vì sao biết? Vì luận Du-già sáu vị vô tâm, không nói sinh tử vị là vô tâm, chuẩn theo biết có Thức thứ sáu. Một Luận sư nói là tâm Vô ký, sáu vô tâm vị, không nói sinh tử thời, tức là thuộc về muộn tuyệt, không nói riêng, sư sau là chính.

Luận: Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức.

Hỏi: Trong đây đã nói thức cùng với danh sắc là căn cứ chủng tử, hay là căn cứ hiện hành?

Đáp: Cả hai đều lỗi gì? Cả hai đều có lỗi.

Vì sao nếu căn cứ chủng tử thuyết, không nên vặn hỏi họ rằng: Yết-thúc-lam thời không có năm thức, chủng tử thường hằng có, vì sao được nói rằng không? Nếu căn cứ theo hiện hành tức là chẳng phải chánh chi. Lại sơ sinh vị, một sát-na thời, Đại thừa tự thừa nhận, cũng không phải Thức thứ sáu, vì sao nói giống như bó lau đồng thời mà chuyển? Nếu nhận lấy Thức thứ bảy chẳng phải danh sắc chi?

Đáp: Danh sắc có hai: một là danh sắc đã nói trong mười hai chi; hai là danh sắc có khắp, nếu danh sắc trong mười hai chi, căn cứ theo thể là chủng tử nương theo nên phần vị cũng nói hiện hành, nên luận Thập Địa ghi: "Mười hai chi đều có tử thời quả thời", lại trong chủng tử lại có chung riêng, như Thức thứ tám sau nói, nếu danh sắc rộng, chỉ nói rằng danh sắc chưa nhất định gọi là chi, nếu gọi là chi tức là thông với giả thật. Nay trong đây nói danh sắc chi rộng, danh trong thức chi, tức là Thức thứ bảy, tất cả thường có như hai bó lau nên tự không có lỗi.

Nhưng giải thích văn kinh này, tổng có bảy giải thích:

1. Luận sư Tát-bà-đa, như Sớ nói rõ.

2. Luận sư bản Kinh bộ, đồng giải thích của Hữu bộ.

3. Luận sư mạt Kinh bộ, thừa nhận có ý thức vi tế, Yết-thúc-lam thời thô thức làm tên gọi trong thức, tế thức là thức, như bó lau.

4. Bản Thượng tọa cũng chấp hai thức, thừa nhận đồng thời thời chuyển, giải thích đồng mạt Kinh bộ.

5. Mạt Thượng tọa, thô tế hai thức nhất định không phải câu thời, giải thích đại ý đồng với Nhất thiết hữu bộ.

6. Luận sư Đại chúng bộ, sáu thức đều chuyển nói như bó lau, căn cứ theo bảy ngày về sau, bảy ngày trước có năm thức, theo thuyết trường thời.

7. Luận sư Đại thừa, lại có ba giải thích:

a. Nương theo luận này thuyết mười hai hữu chi sẽ khởi vị.

b. Nương theo luận Du-già quyển 9 đã nói, lại có hai giải thích như Sớ nói rõ.

c. Nương theo rộng nói rõ thuyết danh sắc chi. Nay ý của luận này, theo danh sắc rộng, không nương theo hai thuyết luận Du-già quyển 9 và duyên khởi sau, đều dụ không thành tựu.

Nhưng có giải thích rằng: Nương theo luận Du-già sau nói, trong danh chẳng phải ắt sẽ đầy đủ bốn uẩn, cũng nhận lấy bó lau mà làm dụ. Đây cũng không như vậy, đồng với lỗi của Thượng tọa v.v... Sớ tuy nói: Luận Du-già quyển 9 và quyển 2, ý giải thích đồng với luận này, ý cũng lấy Thức thứ bảy làm sinh trong thức, luận kia quyển 9 cũng nói: những luận khác cho rằng danh không ngăn ngại Thức thứ bảy; nên bó lau dụ thiện được thành lập.

Quán đối với duyên khởi, nhiễm tịnh thuận nghịch. Bốn mươi bốn trí, bảy mươi bảy trí v.v..., rộng như luận khác nói, nay chỉ lược qua.

Hỏi: Như hữu xứ nói quán duyên khởi chi đều là thức thoái hoàn vì sao?

Đáp: Nương theo nhiễm trong nghịch, ban đầu tu tập vị, làm ra An lập đế, gần gũi phương tiện quán làm ra thuyết như vậy.

Vì sao quán lão tử khổ, lão tử tập, lão tử diệt, lão tử thú diệt hành, cho đến tùy ứng trải qua quán các Đế? Do lão tử chi thuộc về khổ đế, ở trong duyên khởi, trước nghịch quán, vì ba thứ tướng quán lão tử chi: một là tế nhân duyên, hai là thô nhân duyên, ba chẳng phải bất định, cảm sinh nhân duyên. Tế nghĩa là ái, thủ, hữu, sinh tự thể gọi là thô, do hai sinh này mà có lão tử, đời đương lai lão tử tế sinh là nhân, pháp hiện tại lão tử thô sinh là nhân trừ thể cảnh hai sinh, còn lại định không thể cùng với quả của lão tử gọi là chẳng phải bất định. Tuy quán lão tử khổ đế đến ái, đối với bờ mé khổ sau đều là tập đế kia, chưa làm được vui vẻ đầy đủ, bèn quán lại sát tập nhân duyên sau hiện hành các khổ, nghĩa là nghịch quán khắp thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc và thức, quán vị lai khổ là sẽ khổ đế, quán tập nhân sau là sẽ tập đế, quán đời vị lai khổ, tập đế do ai mà có, biết do từ tập đế trước đã sinh khởi, thức làm biên tế. Hiện pháp khổ có, tức là biết từ tập đế trước được sinh khởi, không phải quán lại. Đây nói do đâu mà có? Do có do thức, danh sắc, thí như bó lau triển chuyển tướng duyên không phải làm ra, cho nên quán sát đều thức thoái hoàn, nên không đến nơi hành, vô minh chi, như vậy quán sát khổ tập mười chi, kế quán diệt đế, từ lão tử cho đến vô minh. Vì sao sẽ diệt? Do không tạo vô minh khác là duyên tân hành chi, nên khổ kia mới diệt, lần lượt càng tìm cầu chứng diệt đạo này, nhớ xưa thầy trao cho pháp duyên khởi, thế gian chánh kiến khiến cho khởi hiện tiền, như vậy vài lần quán khiến cho thấy tăng trưởng, là nghịch quán nhiễm. Quán lão tử diệt và thú diệt hành tức là đến vô minh. Trong đây vả lại theo nhân vị lai hiện tại lão tử chi, lược không nói quá khứ lão tử và nhân, do tạo tác bốn Đế, nên hợp quán sát, nếu tạo tác bảy mươi bảy trí tức là ba đời quán khác nhau, hoặc căn cứ theo lão tử hiện tại, quán nhân gần xa, nhân đều quá khứ, tức là đến ái chi, nếu quán vị lai lão tử, từ hữu đến ái, nếu thọ đã trước là vị lai khổ, căn cứ theo đương lai khởi thứ lớp, không như vậy chủng tử chẳng phải triển chuyển duyên.

Hỏi: Hoặc có chỗ nói, từ quán vô minh đến sinh là dừng nghĩa là thế nào?

Đáp: Căn cứ theo căn cơ muốn đợi tìm nhân quả, lão tử không có quả chỉ đến sinh chi.

Hỏi: Hoặc có quán nghịch đến danh sắc chi, có nguyên nhân gì?

Đáp: Căn cứ theo nghiệp chủng gọi là thức chi, vì thức thuộc về danh sắc. Danh sắc danh thể trong luận có nhiều giải thích; hoặc bốn

uẩn là danh, như trong đây nói, hoặc ba uẩn là danh, tức là luận Tát-bà-đa v.v... hoặc Vô gián diệt ý nói là danh, luận Du-già quyển 9, hoặc thông với nhiễm ô, tức là văn này đúng, hoặc tịnh Vô ký, tức là mười hai chi sau, chế phục tánh gọi là chi, vì chỉ có nghiệp chiêu cảm.

■

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 4
(PHẦN CUỐI)

Thể của đoạn thực, ở nơi biến hoại rồi, có nhờ vào trưởng dưỡng nhiếp trừ, mới gọi là thực.

Luận Tạp Tập quyển 5 ghi: "Có biến hoại nên có cái biến hoại", biến hoại tức là hương, vị, xúc lúc thể biến hoại, cái biến hoại tức là dụng của giúp đỡ nhiếp trì.

Hỏi: Lúc làm chánh biến hoại gọi là thực, hay lúc làm trưởng dưỡng giúp đỡ nhiếp trì mới gọi là thực?

Đáp: Từ lúc trì dụng mới gọi là thực, nên luận Du-già quyển 66 ghi: "Nếu các đoạn vật lúc nuốt vào khiến cho tâm hoan hỷ, các căn vui vẻ, nên lúc bấy giờ không gọi là đoạn thực chỉ gọi là xúc thực, nếu thọ dụng rồi, an ổn tiêu biến tăng trưởng hỷ lạc, lúc ở nơi tiêu biến, bèn gọi là đoạn thực, lúc chưa giúp đỡ trưởng dưỡng chỉ là xúc thực, trông mong sinh được vui vẻ và thuận theo lợi ích xả bỏ, có thể làm xúc thực, nếu không như vậy cũng là trái". Nên Sớ ghi: "Gọi là xúc thực", mong một loại thực, chẳng phải mong sinh các thứ khác, nếu mong tất cả có chẳng phải là thực, ý này tức là ở nơi sở thực, hương, vị, xúc, có không sinh hỷ lạc v.v... tức là chẳng phải xúc thực.

Hỏi: Các xúc trần đều đoạn thực ư?

Đáp: Không như vậy, vì xúc thông với cõi trên.

Hỏi: Nếu dùng xúc đối hương vị, có xúc chẳng phải thực, dùng hương, vị đối xúc, hương vị có chẳng phải thực?

Đáp: Hương vị chỉ muốn có, chỉ hương, vị đều thực.

Hỏi: Hương vị trên cũng có, có hương vị chẳng phải thực?

Đáp: Căn cứ theo thuyết nghiệp quả, vì cõi trên hương vị là định quả, hoặc là pháp xứ nên không phải là ví dụ.

Hỏi: Nghiệp quả Địa trên không có, đoạn thực chỉ cõi Dục trói

buộc, định hương, vị trên có, đoạn thông với cõi Sắc trói buộc.

Đáp: Nếu Bồ-tát v.v... biến giả không phải thực dụng, nếu có thật dụng căn cứ theo làm tăng thượng, dẫn sinh cõi Dục hữu tình đã biến đổi ba thứ hương, vị, xúc mà cho là thực, cũng không nhận lấy bản chất, nên không thông với cõi trên.

Hỏi: Vì sao cõi Dục biến đoạn thực, tức là thừa nhận thông với chất tướng, định v.v... biến đoạn thực chỉ tướng không thông với chất?

Đáp: Hữu lậu của cõi Dục tánh là thực, cùng giới thông với chất, tướng, định khởi Vô lậu tánh chẳng phải thực, cõi khác không thông với chất.

Hỏi: Định quả chỉ Thức thứ sáu biến đổi, có thể thành Vô lậu, thông cũng trói buộc Thức thứ tám biến đổi, nên tương ứng với Hữu lậu.

Đáp: Thức thứ sáu biến đổi, có thể là Vô lậu, tự Thức thứ tám duyên kia khởi tướng tức là Hữu lậu; nhưng làm thực sau là Thức thứ sáu biến đổi, chẳng phải Thức thứ tám biến đổi. Nhưng Thức thứ tám nói: Thức thứ bảy trước chẳng phải tám sở chi chất, căn cứ theo thuyết kiến phần, thiết lập thông với tướng phần, căn cứ theo thuyết nghiệp lực, định thông không ngăn ngại. Lại giải thích nếu Thức thứ tám biến đổi làm thực sau là duyên khởi thực, mà thể chẳng phải thực. Lại giải thích nói chỉ muốn trói buộc, căn cứ theo thuyết nghiệp quả, nếu thông với định khởi cũng thừa nhận trói buộc trên; nhưng ý của Pháp sư lấy giải thích ban đầu là chính.

Hỏi: Như dẫn thông khác v.v... tức là thừa nhận thức sau thâu tóm tướng phần cõi trên, nay biến đổi đoạn thực, vì sao không như vậy?

Đáp: Tuy gọi là quả của thông định, nhưng chẳng phải thâu tóm cõi trên vì lậu, Vô lậu không thuận nhau. Nếu duyên với tướng của Thức thứ tám được biến đổi, cũng không theo nó, vì ngăn cách Vô lậu thế lực chia xa, chẳng phải chính có thể dẫn dắt, tuy nhiên hơi khó, người trí suy nghĩ lựa chọn.

Hỏi: Xúc thực có thể sinh ra hỷ lạc, tự thực ắt sẽ dục, câu hỷ lạc nhiếp lợi ích, dục tự hy vọng nên thọ và dục nói là thực.

Đáp: Do xúc khởi thọ, do tư khởi dục, nêu quả hiển bày nhân, chính là do xúc, tư mà nói đây là thực, nên luận Du-già quyển 94 ghi: "Có thể thuận theo lạc thọ, các Hữu lậu xúc, có thể cùng với hỷ lạc là thực, do hỷ lạc liền có thể trưởng dưỡng chủng tử lớn của các căn; cho đến nói: Do có thể chấp vào chủng tử lớn của các căn, đều thọ và noãn cũng với thức không lìa làm nhân mà trụ". Cho nên nói thức làm trụ

nhân kia, do trụ, khí lực, hỷ lạc, chuyên trụ, hy vọng nương theo đó mà chuyển đổi, ý này do thức giữ gìn căn lớn v.v... hỷ v.v... nương theo mà chuyển nên thức là thực.

Quyển 66 ghi: "Nếu các đoạn vật lúc ở trong cổ họng nuốt, khiến cho tâm hoan hỷ, các căn vui vẻ, loại xúc và tư có thể sinh ở nơi kia, mới có giúp ích, nên chẳng phải thọ dục, cũng như pháp Tịnh độ sinh ra hỷ lạc, pháp thể là thực chẳng phải hỷ lạc thọ". Nhưng xúc có thể hòa với căn, thức, nhận lấy cảnh giúp ích, chỉ ở xúc số, tư lự lợi ích căn chẳng phải là hy vọng. Lại giải thích không đồng với pháp thực, pháp thực tức là nhận lấy hỷ lạc làm thực thọ từ nơi nhân tên gọi gọi là pháp hỷ lạc, giải thích trước là chính. Luận Phật Địa ghi: "Trong cõi tịnh này chư Phật Bồ-tát sau đắc Vô lậu, có thể nói hay nhận pháp vị của Đại thừa, sinh ra đại hoan hỷ", tức là nói pháp vị, rõ ràng pháp là thực, ý này do pháp hay sinh ra hỷ lạc, mới gọi là thực, không sinh tử hỷ lạc, không thể là thực.

Hỏi: Thực thực lấy nhiếp trì làm dụng, Thức thứ tám có thể nhiếp trì, lý đó rất thành tựu, nhãn v.v... nói là nhiếp trì, vì sao là đúng?

Đáp: Nhãn v.v... chẳng phải chấp trì, vì không thường hằng, chẳng phải lúc có thức, cũng không chấp trì, do thức chấp lấy cảnh, cũng giúp trì căn.

Hỏi: Xúc, tư sinh ra ưu khổ, đây đều không phải là thực, thức có ưu khổ đồng thời, lẽ ra không phải là thực?

Đáp: Thể hay nhiếp trì trưởng dưỡng vị lai, vì chiêu lấy quả báo sau, nên cũng là thực. Cho nên quyển 57 ghi: "Có thể cùng với hậu hậu làm tăng thạnh nhân, khiến cho nó được sinh", văn của quyển 94 ý cũng đồng đây.

Hỏi: Nẻo ác không chiêu lấy quả báo; ưu khổ đồng thời chẳng phải thực chăng?

Đáp: Do thức hiện khởi, nương theo giữ gìn cũng là thực.

Hỏi: Xúc, tư thông với tám câu, sáu câu thù thắng gọi là thực, thể của thức tuy tám thứ, Thức thứ sáu riêng gọi là thực?

Đáp: Hai giải thích: một là Không đều giải thích, thuận theo sinh hỷ lạc, khởi hy vọng, sáu thức đều thù thắng riêng gọi là thực, nhiếp trì là thức thực, tám câu nhiếp trì không phải chỉ sáu câu. Hai là Nghĩa đều giải thích, thể của thức có tám thứ, thắng thực chỉ là Thức thứ tám, xúc, tư tuy biến khắp câu, sáu câu đều gọi là thắng thực.

Hỏi: Căn do nó giúp đỡ, phát ra thức rõ ràng mạnh mẽ, căn không gọi là thực, thức do nó giúp đỡ, mới có thể nhiếp trì, vì sao gọi là thực?

Đáp: Căn ắt sẽ do đoạn, giúp đỡ mới thể phát ra, thức không phải là thực thể của thức nếu không giúp đỡ thì Thức thứ bảy và Thức thứ tám nhiếp trì, nên gọi là thực.

Luận Du-già quyển 26 hỏi: Có bảy nhân duyên làm trụ giữ gìn các hành: một là sinh; hai là mạng; ba là thực; bốn là tâm tự tại thông; năm là nhân duyên hòa hợp; sáu là nghiệp của ba tánh; bảy là không chướng ngại. Do bảy nhân nên các hành được trụ, vì sao Thế Tôn chỉ nói hữu tình do thực mà được trụ?

Đáp: Do năm nhân duyên gọi là do thực trụ: một là các hành trụ vào phần nhiều là nhân; hai là dễ nhận lấy dễ vào; ba là khiến cho gầy yếu tổn hại, căn được tăng ích, lại khiến cho bệnh khỏi; bốn là khiến cho không phải chết non; năm là dễ vào đạo. Do năm nhân này gọi là do thực trụ, quyển 57 đồng.

Hỏi: Do thức giúp đỡ căn, nên được gọi là thực, ý căn quá khứ thức sau mới sinh, lúc thức sinh, ý căn rơi rụng, vì sao hữu pháp sau làm vô pháp thực trước?

Đáp: Không căn cứ theo Vô gián diệt, căn cứ theo Câu hữu ý, giúp đỡ nó gọi là thực. Nên quyển 57 ghi: "Vì sao thức cùng với ý căn làm thực? Đáp: Do ba thứ giúp đỡ giữ gìn chỗ làm trụ, có thể cùng với hậu hậu làm tăng thạnh nhân, khiến cho nó được sinh".

Hỏi: Miên, Phạm hạnh v.v... đều làm trưởng dưỡng, còn lại vì sao không phải thực?

Đáp: Quyển 57 ghi: "Trưởng dưỡng có hai: Nhiếp thọ nghĩa riêng và không tổn hại, đoạn thực đầy đủ hai thắng nên gọi là thực, còn lại chỉ không tổn hại, yếu kém nên không gọi là thực".

Hỏi: Nếu như vậy bốn thực sẽ cùng đầy đủ hai thứ, vì sao không nói ở trong trưởng dưỡng?

Đáp: Tuy chưa thấy văn, vả lại làm một giải thích, bốn thực vả lại nêu lời ban đầu, ví dụ còn lại cũng làm trưởng dưỡng, nếu không như vậy quyển 94 nói bốn thực có thể trưởng dưỡng căn lớn, vì sao lý không được ở trong trưởng dưỡng?

Hỏi: Là cùng đã sinh pháp là thực, làm chưa sinh pháp là thực, nếu đã sinh, sinh rồi không trụ, nếu chưa sinh, chưa sinh không phải thể.

Đáp: Quyển 94 ghi: "Nhưng chỉ theo cùng với các pháp chưa sinh, nói làm nghĩa của thực".

Hỏi: Trước vặn hỏi khéo thông, sau vặn hỏi chưa sai khiến.

Đáp: Có thể khiến cho sau sinh, có dụng của tăng thượng, tương tục mà khởi tức là thực nghĩa chẳng phải là vô pháp.

Quyển 94 ghi: "Nhưng chỉ theo cùng với các pháp chưa sinh, làm ra lý sinh duyên, chỉ pháp dẫn pháp, nói làm nghĩa của thực".

Luận: Bốn thực này có thể giữ gìn thân mạng của hữu tình gọi là thực, còn lại giải thích chỉ có thể giữ gìn gọi là thực. Nay cho rằng không đúng, cũng ắt sẽ trưởng dưỡng, vả lại nêu nhiếp trì.

Hỏi: Như ở diệt định trải qua nhiều ngày, lấy gì làm thực?

Đáp: Ba thứ thức, xúc, tưởng, vì sao không phải đoạn thực?

Đáp: Tương truyền giải thích đoạn thực giữ gìn thân chính trải qua bảy ngày, trụ định thời nhiều, nên không phải đoạn thực, cũng có thừa nhận định này nhiều thời có đoạn thực, do định lực giữ gìn được nhiều thời trụ, xuất định chết là tự nghiệp hết.

Yếu Tập vặn hỏi rằng: Tức là thừa nhận có đoạn thực, vì sao phá bên ngoài không nương theo thực trụ? Cho nên, tương truyền rằng: Qua bảy ngày, sau đoạn thực liền hết, chỉ do ba thức định thế lực, nên giữ gìn thân lâu dài, xuất định không lực, lại không phải đoạn thực, nên tức là mạng chung. Nay cho rằng lời này đạo lý có khác, định lực giữ gìn thân tức là được lâu dài, vì sao không thể giữ gìn đoạn thực kia, khiến cho được lâu dài, như áo, tóc bên ngoài, định giữ gìn không hoại. Loại trụ định nhiều thời, xuất định sau, hoặc có tức là chết, có chẳng phải chết, vì sao? Hiện thấy thế gian bệnh lực giữ gìn thân, tuy không phải đoạn thực, nhiều ngày không chết, sức của thuốc cũng như vậy, vì sao chỉ ở sức của định thực, tức là hết, xuất định tức là mạng chung.

Hỏi: Tức là thừa nhận có đoạn thực, kinh gì không nói?

Đáp: Ba thứ, thọ, noãn, thức không lìa nhau, nên kinh liền nói có, đoạn thực không phải không lìa, nên không nói có. Lại như ăn rồi tức là nhập vào diệt định, đâu phải vào định, đoạn thực tức là vô, kinh không có, vả lại làm ra lý này, đoạn thực có không có, xuất định chết không chết, chưa thấy văn của Đại thừa, sau sẽ kiểm quyết.

Luận: Nhưng hành đối với pháp biến đổi không biến đổi, thân, ngữ, tâm hành đều có ba thứ, thân hành ba là hai hơi thở ra vào, đây chẳng phải biến hành, động phát tư là biến hành. Ngữ hành ba là tầm, tứ hai thứ chẳng phải biến hành, cũng là tư làm biến hành. Như Lai không có tầm, tứ, có tám Thánh đạo chi, chánh nghĩa thừa nhận thuyết pháp. Ý hành ba nghĩa là hai thứ thọ, tướng và thẩm quyết tư; ba thứ đều biến hành, tâm khởi ắt sẽ có.

Hỏi: Tầm, tứ tức là chẳng phải biến hành, vì sao vặn hỏi tầm tứ khác, đối với ngữ là biến hành nhiếp?

Đáp: Chính là lời của tông khác, thật chẳng phải biến hành, có thể

biến khởi ngữ tức là tư tâm sở. Nếu như vậy, vì sao từ Định thứ hai trở lên tự Địa có tư được khởi ngữ ngôn, vì sao mượn tầm tứ?

Đáp: Thô tư có thể phát ngữ, tế trên không thể phát khởi, ở nơi Phật tức là được tự động nói ra. Nhưng luận Tát-bà-đa và bản Kinh bộ, hai hơi thở chẳng phải biến, tầm tứ là biến mà không nói tư. Đại thừa như nói trước, Luận sư mạt Kinh bộ thừa nhận hai thứ thọ, tưởng cũng chẳng phải biến hành, vì trong diệt định có tâm không có tâm sở tầm, tứ là biến, ba tông sai biệt.

Hỏi: Thức nương theo căn, cảnh khởi, nói thức ba hòa hợp sinh, cũng do tâm hành khởi, nên nói là bốn hòa hợp.

Đáp: Căn cảnh chính lôi kéo thể, nói thức ba hòa hợp sinh, tưởng v.v... giúp công năng, chẳng phải nói bốn hòa hợp khởi.

Hỏi: Ý do thọ, tưởng khởi, thọ tưởng gọi là tâm hành, căn cảnh chính là lôi kéo sinh, cũng nói gọi là tâm hành.

Đáp: Thọ, tưởng là tâm sở, tức là được nói tâm hành, căn cảnh chẳng phải tâm sở, không được gọi là tâm hành.

Hỏi: Vì sao diệt định riêng nhàm chán thọ, tưởng?

Đáp: Luận rằng: Giúp đỡ trợ tâm mạnh mẽ cho nên riêng nhàm chán. Lại do thọ làm thiền định tăng thượng chướng, tưởng đối với định làm tăng thượng chướng, do thọ lãnh hội định hạ liệt, do tưởng tưởng tượng, nên chướng trội hơn định. Lại thọ ở nơi khổ quả tăng, trưởng ở nơi khổ nhân tăng, do tưởng tượng nên khởi tạo tác các nghiệp, do thọ lãnh hội khổ quả, bậc Thánh cả hai đều nhàm chán, ngoại đạo riêng nhàm chán.

Lại Sơ thiền mong cõi Dục dùng thiền định để trừ tán loạn, Nhị thiền mong Sơ thiền dùng tế trừ thô, Tam thiền mong Nhị thiền trừ động, Tứ thiền mong Tam thiền dùng dày trừ thưa.

Luận Tát-bà-đa v.v... do được định kia, dẫn dắt được chắc chắn dày kín bốn đại, che đậy lỗ hổng của thân. Sở dĩ không phải hai tức là Đại thừa không như vậy. Chỉ dùng định có thể trừ được sự hiềm khích, nên không phải xuất nhập tức. Nếu đều dẫn dắt bốn đại cũng lại không trái, nhưng chẳng phải bốn đại có thể che đậy lỗ hổng của thân.

Luận: Tâm thanh tịnh nên có thanh tịnh v.v..., các bộ không đồng.

Luận Tát-bà-đa ghi: "Sáu cõi làm hữu tình, nghĩa là bốn đại, thức, không, nhưng tâm thù thắng nên nói là tâm thanh tịnh". Kinh bộ do chủng tử sắc, tâm đều giữ gìn, sắc giữ gìn bất biến, tâm giữ gìn chủng tử biến, nên nói do tâm hữu tình nhiễm tịnh. Thượng tọa bộ v.v... tâm có

thể phân biệt sắc, sắc không thể phân biệt tâm, nên lập ra lời này.

Vì tâm làm gốc pháp Hữu lậu, nhờ tâm mà sinh ra pháp Vô lậu, nương theo tâm mà trụ nên kết hợp với Vô lậu, tâm thọ huân tập kia sau kết hợp với Hữu lậu. Lại câu đầu chung, do tâm sinh là Hữu lậu, nương theo tâm trụ là Vô lậu, hai câu sau giải thích thành tựu. Lại vì tâm là góc, nghĩa là pháp Vô vi do tâm hiển bày, do tâm mà sinh ra pháp Hữu lậu, nương theo tâm mà trụ pháp Vô lậu, vì tâm là góc tức là câu riêng của Vô vi, cũng là câu chung của Hữu vi.

Luận: Nếu không phải thức này đến đều sẽ không nhân. Căn cứ theo Nhiếp luận, phá tạp nhiễm trong có ba là phiền não, nghiệp, sinh. Nay hiển bày phá sinh và phiền não, hành duyên thức sau gồm phá nghiệp nhiễm, đây trong đoạn đầu nói: Nếu không phải thức này giữ gìn chủng tử của phiền não, giới địa qua lại các phiền não khởi đều sẽ không có nhân, đây căn cứ theo ba tánh tâm sau phiền não khởi không nhân. Sớ dẫn nhiễm thức ban đầu, luận kia chấp thọ sinh ắt sẽ khởi phiền não; ban đầu thọ sinh thức là nhiễm ô, thức chi này sẽ không phải chủng tử sinh, cho nên phiền não và tùy phiền não đều sẽ không có nhân, nghĩa là từ cõi Vô tưởng v.v... các Địa mai một, lấy luôn các Địa trên dưới, vì Vô tưởng thiện thời gian dài, không phải sáu thức, nên đứng về hiển mà nói.

Luận: Nếu không phải thức này, giữ gìn nghiệp quả sau, nên chia ra văn rằng: Nếu thức này giữ gìn chủng tử của nghiệp, một giới địa qua lại nghiệp sau khởi, nên không có nhân, hai pháp sau khác loại nghiệp khởi nên không có nhân, ba tánh tâm thay đổi, không phải thọ huân tập kia, nên nghiệp khởi không có nhân. Phá quả cũng chia làm hai: một là giới địa qua lại, quả khởi không nhân; hai là pháp sau khác loại, quả khởi không có nhân. Trong Nhiếp luận cũng ghi: "Nếu Dị thục đoạn rồi mà lại sinh ra khác nhau, nên thành ra lỗi riêng thọ sinh, tâm sau Vô lậu quả khởi không có nhân, lại diệt được hai nẻo, như Sớ nói rõ.

Hỏi: Sớ vặn hỏi Kinh bộ rằng: Hành ở nơi hiện tại, quả ở nơi vị lai, hoặc một kiếp v.v... vì sao có thể cảm được? Đại thừa cũng như vậy, vì sao riêng vặn hỏi họ?

Đáp: Đại thừa bản thức giữ gìn chủng tử kia, nên nhiều kiếp còn lại thức kia gián đoạn nên không làm ví dụ.

Lại Vặn hỏi Hữu bộ rằng: Trong địa vị của thức, sắc không phải thức Dị thục, có thể gọi là quả thức chi, vì sao sắc đồng thời nói hành có thể cảm, nay nghi ngờ vặn hỏi này, như Đại thừa Duy thức, đâu phải tất cả pháp đồng tánh với thức? Người ngoài nói: Phần vị cũng như vậy,

chưa nhất định đồng tánh với thức, nên làm nghiệp cảm chăng?

Đáp: nói: Ta nói Duy thức đều không lìa thức, như hành duyên theo thức đều hành được cảm. Ông nói hành duyên theo thức, có thức chẳng phải hành duyên, nên không làm ví dụ.

Vặn hỏi Kinh bộ rằng: Vị lai không có nên không được nói rằng cảm, chỉ có thể nói rằng huân tập là vì sao? Giải thích luận này vốn là chấp: một vì xa vời; hai thức là không có nên không cảm, chỉ do hành huân tập, gần kế thức tương tục, được đạt đến thọ sinh vị thức, gọi là hành duyên thức. Nếu Đại thừa nói rằng, chẳng phải mong thức hiện tại, gọi là thức chi, tức là chủng tử phải, nên hành có thể cảm chẳng phải xa vời.

Luận: Lại hành duyên thức sẽ không được thành tựu, nay lại giải thích thêm, ban đầu chính phá Kinh bộ huân tập nên gọi là duyên.

Nhiếp luận của Vô Tánh quyển 2 ghi: "Nghĩa là hành làm duyên cho tham v.v... đều sinh ra nhãn v.v..., chuyển thức thừa nhận làm thức chi, đây không đúng lý". Ý này sáu thức không phải là thọ huân tập vì có gián đoạn, tham đều nhiễm thức chẳng phải là Vô ký, không phải là thọ huân tập, hành không huân tập chuyển thức như nhãn v.v...

Nhiếp luận lại ghi: "Thức duyên với danh sắc có lời của Thánh, vì sao? Các thức của nhãn v.v... sát-na nhanh chóng hoại, lâu rồi mới diệt, làm duyên của danh sắc, không đúng đạo lý", ý này uyển chuyển phá thức duyên danh sắc, cũng lại không thành tựu. Kinh bộ chuyển chống chế tham v.v... đều là thức cùng hành tương ưng, huân tập kết hợp sinh ra vị thức, gọi là hành duyên thức, cũng không được thành tựu kết hợp sinh ra thức khởi, có thể huân tập hành v.v... lâu rồi diệt, chẳng pháp pháp vô thể mà làm năng huân nên cũng không thành.

Luận Vô Tánh ghi: "Nếu sợ lỗi này thừa nhận kết hợp sinh ra thức làm thức chi", đây cũng không như vậy, lúc ở nơi kết sinh, phước v.v... các hành lâu đã diệt, chẳng phải từ lâu diệt, đây lại sẽ sinh. Nếu nói rằng chẳng phải huân tập, chỉ nói có thể cảm, tức là cảm nên gọi là duyên, cùng đồng với Hữu bộ, kế đến sau phá kết sinh nhiễm thức, chẳng phải hành cảm. Tông kia đây chấp chỉ pháp Vô ký, là nghiệp đã cảm, hai tông kia chấp thức kết sinh, cùng với ái, khuể đồng thời, nhiễm chẳng phải nghiệp cảm.

Vô Tánh cho rằng: Kết sinh tâm chẳng phải Vô ký, ái khuể đồng thời tức là chẳng phải Vô ký, vì hành là duyên không phải đạo lý. Luận Tát-bà-đa chống chế như Sớ nói rõ. Bản Kinh bộ chống chế đồng với luận Tát-bà-đa, vì sinh vị sắc là nghiệp huân tập cảm, đồng có bộ phá,

cũng thời phần ngăn cách, không phải nghĩa của duyên. Nếu mạt Kinh bộ nói: Ngã có hai thức thô và tế, thô là nhiễm đều kết sinh tế là Vô ký làm nghiệp huân tập cảm. Nếu Thượng tọa bộ cũng hai ý thức tuy không nói huân tập cũng nói là cảm, hai đều thừa nhận tế là tánh của Dị thục, nên luận Vô Tánh ghi: "Ở trong bào thai của mẹ có thức Dị thục cùng với đỏ trắng hòa hợp, cho đến nói rằng nương theo thức Dị thục có ý thức chuyển", nếu như vậy tức là ứng với hai thức đều chuyển. Thiết lập đều lỗi gì? Vì trái với Thánh giáo.

Thượng Tọa chống chế nói: Bộ ta không thông, không có lỗi trái với giáo, tức là vấn nạn nên có hai thức như nhãn v.v... sinh, sáu thức nhiếp, không thừa nhận trái lý, thừa nhận tức là tự trái, không thừa nhận năm thức có thô tế. Mạt Kinh bộ chống chế, huân tập đối với thức loại, loại tánh Vô ký, nói là thức chi, cảm cũng không trái, đây như phá trước, lại trái với tên kinh. Kinh ghi: "Duyên thức, không nói rằng duyên thức loại", chỗ chống chế khác phá chuẩn theo ví dụ có thể biết, tuy không phải văn chứng, lý cũng không trái.

Luận: Khứ, lai, được v.v... chẳng thật có, gồm phá Chánh lượng bộ không mất tánh tăng trưởng, nên nói rằng được v.v...

Trong lược giải nương tựa, đoạn từ "Sớ ghi: Vì sao nói nương theo không cùng với bảy đồng duyên" trở xuống, đây là sư trước vặn hỏi sư sau. Đoạn từ "nếu như vậy vì sao" trở xuống là sư sau vặn hỏi sư trước. Đoạn từ "Đáp: Hai người nương theo riêng" trở xuống là sư trước giải thích. Đoạn từ "Hỏi rằng" trở xuống là sư sau vặn hỏi sư trước. "Người kia vấn đáp" là văn của sư trước. "Đáp mà lại chất vấn" là văn của sư sau. Nhưng chỗ nương kia, tổng có ba loại.

Hỏi: Tâm, tâm sở pháp khởi nhờ vào bốn duyên; vì sao chỉ nói ba thứ nương theo?

Giải thích rằng: Sở duyên thông với trong ngoài, ba thứ khác chỉ ở bên trong nên chỉ nói ba.

Hỏi: Thức còn lại duyên với trong ngoài, không được nói bốn y, Thức thứ bảy chỉ duyên bên trong, vì sao không nói bốn y?

Đáp: Ba tánh sinh ra thức thù thắng, nên chỉ nói ba y, duyên y cũng duyên bên ngoài, sức vi tế không nói bốn y.

Hỏi: Cảnh giới sinh tâm yếu kém, nên không nói bốn y, sở duyên dẫn thức vi tế, nên chẳng phải cả hai hòa hợp hợp khởi?

Đáp: Cả hai hòa hợp hợp thông với xa gần, căn cảnh đều làm duyên, y theo nghĩa căn cứ theo gần, cảnh xa không nói nương theo.

Lại nói: Không ví dụ, trong phần ba duyên nương theo, Sở duyên

duyên là ở nơi thanh mà nói, đây nói rõ chỗ nương, nên luận kia chẳng phải ví dụ.

Nan-đà Thắng Tử v.v... lập ra loại sinh hiện, trước sau khác thời, dẫn luận Tạp Tập v.v... nói: Có nhãn chẳng phải nhãn giới v.v... Lại luận Du-già ghi: "Pháp vô thường cùng với tánh khác làm nhân, cũng cùng với tự tướng niệm sau làm nhân, chẳng phải tức là sát-na này, vì chẳng phải tức là sát-na này, thông suốt trong nhân của tánh khác trước, nhân quả không đều". Nhiếp luận đều sinh đều diệt, như trong Sớ tổng hợp.

Trong giải thích Câu hữu y, vốn phán phân làm bốn, thứ hai tức là sư An Tuệ v.v... Tây Minh phán phân, thứ hai là ngài Hỏa Biện.

Yếu Tập nghi rằng: Nếu sư thứ hai là An Tuệ, phá sư trước rằng: Chủng tử của mười tám giới sẽ thành tạp loạn. An Tuệ tức là thừa nhận chủng tử của tự chứng phần bên sinh ra mười hai giới, chủng tử cũng thành tạp loạn, nếu một tự chứng phần, nghĩa nói căn cảnh, cũng thành tạp loạn. An Tuệ tự thừa nhận Thức thứ bảy nhập vào kiến phần tức là có gián đoạn, vì sao văn sau nói: "Tuy không gián đoạn mà có chuyển đổi". Nay giải thích, An Tuệ tự chủng tử là giả, nhưng công năng chỉ thành tựu mười tám giới như bất tương ưng nương tựa thật giả lập, không phải tướng tán loạn, nương nghĩa Tự chứng phần mà phân cũng được. Lại đứng về tông khác mà làm ra vặn hỏi này, cũng không lỗi, thừa nhận A-lại-da biến đổi, tợ như sắc căn v.v... hoặc nghĩa của Luận sư khác. Nếu tự thừa nhận theo chấp tình khác, cũng không tạp loạn. Nói Thức thứ bảy tuy không gián đoạn là nghĩa của sư khác, vì cùng với An Tuệ hợp làm văn, nên Sớ nói v.v... không chỉ An Tuệ, vốn đến mười nhà giải thích Tây Phương Biệt Hành, chủ của Sớ tức là người kết hợp, nên có thể thâm đạt, còn lại không phải nhọc nghi ngờ.

Đứng về Nan-đà giải thích Câu hữu y, giải thích hai mươi bài tụng Duy thức, có ba giải thích: một là nương theo kiến phần, tướng phần chỉ giải thích nghĩa của chủng tử, nói thức từ tự chủng tử sinh ra, tức là kiến phần của thức, tợ như tướng của cảnh chuyển, tức là khởi hiện hành, mang theo tướng của cảnh, khởi tợ như sở chấp kia, tướng của cảnh bên ngoài hiện không phải chỉ năm căn, tức là chủng tử của kiến phần, gọi là năm căn, tợ cảnh mang theo tức là năm cảnh. Hai, thực là tướng phần của năm thức, không lìa thức gọi là thức, từ chủng tử khởi hiện hành làm cảnh của năm thức, thật ở bên trong thức, tợ như bên ngoài mà hiện, là thành chỗ trong ngoài, chia chủng tử làm ra mười. Ba là nương theo kiến phần, tướng phần đồng với giải thích nghĩa của

chủng tử. Năm thức kiến phần, tướng phần hợp gọi là thức, tự chủng tử sinh ra kiến phần từ chủng tử khởi hiện hành. Tuy không phải chủng tánh khác, cũng mang theo tướng khởi tên gọi, tợ như tướng của cảnh chuyển, quán Sở duyên duyên. Luận có ba giải thích rất đồng, chỉ hỗ tương làm duyên, ít có sai biệt.

Luận: Lại luận kia lẽ ra chẳng phải chỉ có chấp thọ v.v... Ý của Sớ ghi: Ba nghiệp có thể cảm thân nghiệp là sắc tức có chấp thọ, căn cứ theo thuyết phù trần, âm thanh lìa chất rồi, tức là chẳng phải chấp thọ, ý nghiệp hiện hành và ba thật nghiệp, cũng chẳng phải chấp thọ. Trước nói căn cứ theo chấp khiến cho sinh giác thọ mà nói. Thứ hai, trước nói chủng tử gọi là chấp thọ, theo đồng với thuyết an nguy. Nay căn cứ theo các luận nói rõ trong mười tám giới, bao nhiêu chấp thọ? Chỉ nói rằng năm sắc căn, nên nói sẽ chẳng phải chỉ có chấp thọ v.v...

Tây Minh nói: Đây nói thật có thể cảm được nghiệp của năm thức, nói năm thức nương theo chỉ có nghĩa thật của chủng tử tư, sắc, thân giả nói, chẳng phải chính cảm, do chủng tử của tư này, chỉ chẳng phải chấp thọ, chỉ chẳng phải sắc uẩn, chỉ chẳng phải nội xứ, trái với Thánh giáo, ba loại này đều duy chỉ.

Yếu Tập ghi: Cảm được chủng tử của kiến phần, chẳng phải năm thức nương, có thể cảm tư nghiệp, tức là chẳng phải, sắc, thanh căn cứ theo sinh ra giác thọ, nên tư chẳng phải chấp. Vô biểu là giả, không phải cảm được dụng của quả, nên thủ có giải thích. Nay cho rằng không đúng, có thuyết đã giải thích đầy đủ nói giả thân ngữ nghiệp, đều thật tư nghiệp. Luận nói chẳng phải duy, nên thông với hữu chấp v.v... không nói rằng duy chẳng phải có chấp thọ v.v... của văn luận điên đảo, nên không làm chính. Thứ hai trước nói chấp thọ có hai nghĩa là các chủng tử và có căn thân, nếu nói rằng nay căn cứ sinh ra giác thọ mà nói, vả lại năm sắc căn làm duy thủ hiện làm cũng gồm chủng tử chỉ hiện có thể như vậy, thông với chủng tử tức là chẳng phải chỉ có chấp thọ. Nếu nói rằng căn cứ theo hiện tại, vì sao trước vặn hỏi rằng: Lại các lời của Thánh giáo, nhãn v.v... căn, đều thông với hiện tại, chủng tử, chấp chỉ là chủng tử và giáo trái nhau ư? Nên biết năm căn thông với chủng tử, hiện tại, căn cứ theo sinh ra giác thọ, tự cũng không phải duy, vì sao chỉ vặn hỏi họ? Nên bản sớ giải thích là chính.

A-lại-da thức ở nơi hữu cõi Sắc, biến nương theo các căn, cùng với kinh Lăng-già đồng (sau kiểm lại văn).

Luận: Tức là thừa nhận thức hiện hành, lấy chủng tử làm chỗ nương v.v...

Bản sớ ghi: "Đây khiến cho chủng tử có Câu hữu y, luận nói thức hiện hành nương theo chủng tử, vì căn sở y thông với chủng tử hiện hành, nên Sớ nói chủng tử. Nếu nói rằng văn của luận sẽ nói hiện hành, vì chủng tử là nhân duyên, tức là chủng tử trong đây, nương theo thức hiện hành, không phải đồng với lỗi dụ, Thức thứ tám mong chủng tử chẳng phải nhân duyên, nên là Câu hữu y. Nhưng Tây Minh nói: Trong đây chính nói rõ Câu hữu y, vì sao nghĩa chuẩn theo nhân duyên làm ví dụ. Giải thích rằng, lý thật không phải là ví dụ, nhưng ý của Tịnh Nguyệt, ba sư trước đều không thừa nhận chủng tử cũng có sở y, nay nghĩa chuẩn theo khiến cho chủng tử thức cũng có sở y.

Lượng rằng: Chủng tử thức cũng có sở y, trong chủng tử thức hiện hành, tùy theo một nhiếp, giống như hiện hành thức, tuy nhân duyên sở y kia đều có hai y không đồng, nhưng nương theo nghĩa đều nhau. Vả lại dẫn là ví dụ, vì sao? Hay huân tập có nghĩa của nhân duyên, Dị thục mong chủng tử chẳng phải nhân duyên, ý này vả lại dẫn là ví dụ, tuy thành tựu nhân duyên làm sở y. Vả lại nhận lấy nghĩa của y, nhân duyên câu hữu đồng là nghĩa của y. Nếu nói nhân duyên y, Thức thứ tám hiện hành mong chủng tử tức là trái, vì tránh được lỗi này. Nói, vả lại dẫn nghĩa ví dụ, nay cho rằng không đúng, nếu chỉ thành tựu y, các pháp Hữu vi đều nhờ vào y, nên thành tương phù, nếu thành tựu nhân duyên, Thức thứ tám mong chủng tử, chẳng phải là nhân duyên, thành làm ra nhân duyên, liền có lỗi một phần trái tông, nên biết sư trước không lập ra chủng tử có Câu hữu y, nay lập ra nghĩa này, trái với họ thuận với mình, không trái với Thánh giáo, nên bản sớ là chính.

Sớ nói nên khiến cho chủng tử của Dị thục lấy hiện hành làm trụ y, lấy chủng tử nhân duyên y cùng với hiện hành Câu hữu y làm ví dụ, lấy chủng tử nhân duyên y cùng với hiện hành Câu hữu y làm ví dụ, ý lấy trong chủng tử thức Dị thục, tức là lấy Thức thứ tám hiện hành làm trụ y, có thể huân tập chuyển thức mong chủng tử, tuy là nhân duyên, cũng cùng với chủng tử Câu hữu y, nên cùng với các thức hiện hành Câu hữu y làm ví dụ, mới cũ hòa hợp giải thích nghĩa sinh trưởng.

Luận: Đều có sở y, nghĩa của Hộ Pháp lựa ra, nhận lấy quyết định có cảnh làm chủ làm sở y, lựa ra còn lại chẳng phải sở y.

Khiến cho tâm, tâm sở nhận lấy tự sở duyên, đây tức là nêu quả, hiển bày nhân sở y, nếu pháp tuy nhờ vào nhân duyên khởi, mà không thể nhận lấy tự sở y, quả gọi là hữu y, không gọi là hữu sở y, nhân duyên mong chỗ khác chỉ được làm y, mà chẳng phải sở y, vì sao như vậy? Vì luận Du-già chỉ tâm, tâm sở gọi là hữu sở y, nếu không lập ra

nghĩa môn này, lựa ra là pháp có tướng lạm dụng, nhưng Sớ ghi: Vì nghĩa chuẩn do ít nghĩa lý, nghĩa là tự thân thức là y, chẳng phải sau là trước, trước làm sau y và nó làm tự y.

Yếu Tập ghi: "Đây không phải tướng lạm tràn", trong đây tức là nói rõ căn của Câu hữu y, chẳng phải trước sau, tự thức không nương theo căn khác, mà khởi rồi rất thành tựu, nên chỉ bốn nghĩa lựa ra pháp đã hết. Nay cho rằng không đúng, tuy biết bốn nghĩa lựa ra pháp đã khắp, văn luận không hiển bày, vả lại đối đáp các sư trước nói khác, nói rõ nó chẳng phải là sở y, không hiển bày lựa ra khác và đối với trước sau, nói rõ là tự thân, nếu do nói đều có, tức là không cần lựa ra chẳng phải trước sau. Lẽ ra nói Đẳng vô gián, nói trước mong sau làm Đẳng vô gián, vì sao lại phải nói: Trước tụ ở nơi sau, sau giải thích mở mang dẫn dắt, nói: Ở nơi sau sinh tâm, tâm sở pháp lại vốn nói rõ tâm, tâm sở, đâu chẳng phải là năng duyên. Lại như huân tập, huân tập tự rất thành tựu, có thể cần lại lựa ra thân trước sau khác, nên nay ý gần, pháp tâm, tâm sở nhờ nhân nhờ duyên đều được tên y, tức là luận nói: Sức triển chuyển tăng thượng, hai thức thành quyết định cũng là tự thức nhờ vào thức khác sinh ra, vì sao không lựa ra? Trước sau tuy khác nhau, cũng được gọi là có, như nhân quả trước khác với thời, giải thích Nhiếp luận huân tập đều sinh đều diệt, vì pháp trước sau đồng có sinh diệt. Nói đều sinh đều diệt, nay tâm trước sau khác với biến kế, nên đều được gọi là có, vì sao không lựa ra? Không do đồng là có, cốt yếu chẳng phải trước sau là Câu hữu y.

Lại nói: Xu Yếu nói ba thứ trước mỗi mỗi đầy đủ bốn nghĩa, nếu như vậy quyết định lựa ra pháp đã hết, nghĩa là đồng với cảnh tức là hiển bày có cảnh, căn bản tức là chủ, vì sao Sớ lấy luận nói là Câu hữu y? Trước nói rõ đầy đủ nghĩa, sau lại nói rằng đồng cảnh, bất cộng, phân biệt, nhiễm tịnh, căn bản sở y không đồng. Năm thứ này ở trong nghĩa trước, là đầy đủ không đầy đủ. Nếu không đầy đủ được làm sở y, vì sao cần nghĩa trước? Tức là ba thứ trước đều đầy đủ bốn nghĩa. Bốn nghĩa tùy có, tức là đầy đủ nghĩa trước mới là sở y, do thân căn mong bốn thức nhãn v.v... chẳng phải năm thứ kia, nên chẳng phải sở y.

Yếu Tập ghi: "Nay giải thích thân căn làm chủ nghĩa lựa ra". Nay cho rằng không đúng, bản ý văn luận, làm một nghĩa chủ, vì vua lựa ra bề tôi, không lựa ra thân căn, nếu nói tuy có thân căn, bốn căn nếu thiếu thì bốn thức không sinh, nên biết không nương theo là không đúng. Cũng tuy có Thức thứ sáu, nếu không phải thân căn, thân thức không khởi, đâu thừa nhận thân thức không nương theo Thức thứ sáu? Cho nên

không dùng chủ lựa ra thân căn khác.

Lại Xu Yếu nói, thuận lấy sở y, giải thích đồng cảnh căn, nếu giải thích đồng cảnh căn cũng đủ nghĩa trước, không giải thích nghĩa có cảnh, không được dối vặn hỏi, nên Thức thứ bảy nương theo Thức thứ tám tức là không đồng cảnh, nên biết không căn cứ thuận lấy nghĩa cảnh, nói có nghĩa cảnh, nếu thuận không thuận đều có cảnh, người trí nên quán sát.

Hỏi: Nay giải thích Câu hữu y căn, tức là lấy hữu cảnh lựa ra pháp chủng tử, đâu có thể chủng tử chẳng phải Câu hữu y? Nếu là chẳng phải là y, chủng tử sẽ chẳng phải căn, liền trái với lời của Thánh, năm căn nhãn v.v... đều thông với chủng tử hiện hành?

Đáp: Luận về căn thông với chủng tử hiện hành, nay Hộ Pháp nói rõ y, sở y khác nhau, hiện căn dụng thắng gọi là sở y, chủng tử căn chẳng phải thắng, không nói sở y. Nếu nhận lấy chủng tử căn, làm Câu hữu sở y thì tự chủng tử sẽ đúng. Nay nói rõ Câu hữu sở y không nương theo giải thích nghĩa căn, nên không nhận lấy chủng tử.

Hỏi: Nói đồng cảnh căn, tức là năm căn nhãn v.v... là thức chưa biết nhãn v.v... duyên cảnh biến tướng làm thân sở duyên, năm căn nhãn v.v... là chiếu rõ tướng phần, là chiếu rõ bản chất, nếu chiếu rõ bản chất, tức là không đồng cảnh, bản chất, tướng phần khác nhau. Nếu chiếu rõ tướng phần, bản chất, vì sao ngăn ngại mà không thể chiếu rõ?

Đáp: Nay có hai giải thích: một là cả hai đều chiếu rõ, đều là cảnh của sắc, không phải pháp ngăn ngại. Hai là chiếu rõ tướng phần, căn đồng phần có thể chiếu rõ cảnh ngăn cách tự thức tướng, nên không chiếu rõ bản chất.

Hỏi: Như cách lưu ly v.v... còn có thể thấy bên ngoài, tự thức tướng phần có nói chẳng phải ngại, vì sao có thể ngăn ngại?

Đáp: Thế chia ra lực cách ngăn, không lấy tướng ngại giải thích trước là thù thắng.

Hỏi: Năm thức biến tướng là nương theo thác chất, là không lìa kiến nếu nương theo thác chất, sẽ lìa thức thủ, nếu không lìa kiến, vì sao thành tựu ly hợp tri, thức đều cùng căn không phải liền lìa?

Đáp: Tuy nương theo thác chất, không lìa kiến phần, đều không lỗi vì có thể duyên theo kiến phần, không thể nói ở đây chẳng phải chỗ kia vì không phải hình ngại. Nếu như vậy vì sao gọi là lìa hợp thủ?

Đáp: Vì năm sắc căn mong bản chất, không theo tướng phần nên thành tựu lìa hợp, không lìa thức duyên.

Hỏi: Năm thức vì sao lấy Thức thứ sáu làm phân biệt căn?

Đáp: Luận Du-già quyển 55 ghi: "Do ba duyên", nghĩa là cực minh liễu, đối với tác ý, y tư dưỡng nói minh liễu thủ là y tuy do năm thức mà được rõ ràng, năm thức cũng do Thức thứ sáu có thể rõ ràng nhận lấy, nếu không có ý thức thì năm thức không khởi. Đối với tác ý kia là do muốn được duyên với cảnh giới kia, tức là đồng với nghĩa của duyên. Ý tư dưỡng nghĩa là do ý thức giúp đỡ trưởng dưỡng, nhãn thức v.v... mới được khởi, tức là dẫn phát nghĩa.

Chỉ nói năm thức nương theo năm căn là do hai nghĩa, nói tướng thuận, một là cận tướng thuận tức là cận sở y, hai tướng tư tướng thuận, năm căn Hữu lậu năm thức cũng Hữu lậu, năm căn Vô lậu năm thức cũng Vô lậu.

Hậu khai đạo y, ba sư của Sớ, thứ nhất là Nan-đà v.v.... Luận Du-già quyển 3 ghi: "Lại chẳng phải năm thức thân có hai sát-na, tướng tùy theo đều sinh cũng không phải triển chuyển vô gián lại hoàn toàn mà sinh ra". Lại một sát-na năm thức sinh rồi, theo đây vô gián ắt sẽ ý thức sinh; theo đây vô gián hoặc thời tán loạn, hoặc nhĩ thức sinh, hoặc trong năm thức thân tùy theo một thức sinh, Luận sư này chuẩn theo văn không thừa nhận năm thức đều sinh, cũng không phải hai sát-na nối tiếp, cũng chẳng phải lại hoàn toàn sinh, nếu trước nếu sau ắt sẽ ý thức khởi cho nên năm thức ắt sẽ dùng Thức thứ sáu làm Khai đạo y. Thứ hai An Tuệ v.v..., thứ ba Hộ Pháp v.v...

Tây Minh nói: Thứ hai là Tịnh Nguyệt, Luận sư An Tuệ thừa nhận ba vị không có Mạt-na. Yếu Tập cũng ghi: "Nhất định chẳng phải là An Tuệ". Luận nói: Bình đẳng tánh trí tương ưng với Mạt-na ban đầu khởi, ắt sẽ do Thức thứ sáu làm Khai đạo y, họ thừa nhận ba vị không phải Mạt-na thì không được nói tương ưng với Mạt-na, nay cho rằng không đúng, chuẩn theo đâu được biết là nghĩa của sư Tịnh Nguyệt? Tức là tự mình không biết bản Phạm, lại chẳng phải người phiên dịch, nếu là An Tuệ trước vặn hỏi vì sao?

Đáp: Căn cứ theo Sớ giải thích rằng: Tức là hiển bày Mạt-na, tên gọi thông với Vô lậu, tuy tức là sáu thức chuyển, Mạt-na được gọi là Thức thứ bảy, thật chẳng phải thứ bảy, không thông với trí v.v... như Sớ giải thích đầy đủ. Lại trong quyển 5 phần cuối cũng có giải thích này.

Sớ bên ngoài giải thích rằng: Trước sư Nan-đà nói: Ý thức thứ sáu tự tương tục, nên cũng chung dụng, bên trong của chuyển Thức thứ sáu trước, theo đâu làm Khai đạo y? Thức thứ bảy, thứ tám, tuy tự tương tục Kiến đạo ban đầu chuyển do Thức thức thứ sáu, dẫn dắt, nên dụng

Thức thứ sáu làm Khai đạo y, chính là tông kia vặn hỏi chính nghĩa kia, không nương tựa tự tông. Sớ chủ đã nương theo Phạm bản dịch ra văn luận này, lẽ đâu chịu trịnh trọng làm sai lầm phán phân này. Nay lại giải thích thêm, nói An Tuệ v.v... thừa nhận Thức thứ bảy là sư khác, văn khác tức là thông với An Tuệ và còn lại. Trong thuật chánh văn nói: Mạt-na thứ bảy dụng tự loại trước, Thức thứ sáu làm Khai đạo y, nhiễm tương tục vị tự loại làm y, Vô lậu gián đoạn tức là có Thức thứ sáu, tức là làm khai đạo, diệt định vị nêu ra, nên nói dùng Thức thứ tám làm Khai đạo y, lược mà không nói.

Trong văn sư thứ hai có hai: Ban đầu túng sau đoạt, trong phần đầu có ba:

1. Vị chưa tự tại, có thể như đã nói.
2. Vị gặp cảnh, nghĩa là cuối cùng gặp cảnh, có thể như đã nói.
3. Gặp không phải thắng cảnh, như có thể đã nói.

Trên một chữ vị trên thông với hai chữ dưới, kế một chữ ngộ thông với chữ thứ hai thứ ba. Đoạn từ "nếu tự tại vị" là đoạt lại ba vị trước. Nói tự tại vị là đoạt vị ban đầu. Ý của sư đây nói: Nghĩa là hỗ tương dụng vị nhiều thường duyên cảnh, ý này phá sáu trần cảnh trước, đến thức không phải đều sinh, vì tức là sát-na mà liền rơi rớt, vị của hỗ tương dụng như nhãn thức khởi, tuy có cảnh khác, cũng có thể duyên, vì sao mượn thức khác mà nhãn thức gián đoạn?

Hỏi: Luận sư Hộ Pháp, vì sao tánh giới tâm được xuất diệt định?

Đáp: Quảng tuệ Thanh văn, Tự tại Bồ-tát, theo giới địa nào, phương tiện thiện tâm, nếu nương theo tự địa, cũng thông với sinh đắc, chưa phải biến siêu là tùy theo sở ứng đó, hoặc nương theo địa khác, phương tiện thiện tâm nếu hoàn toàn chưa vượt khỏi, chỉ nương theo tự địa phương tiện tâm mà xuất, nương theo phương tiện mà vào.

Luận: Lại Dị thục tâm nương theo ý của nhiễm ô v.v.., vì sao luận Vô Tánh có hai giải thích: một là Thức thứ sáu làm nhiễm ô y, hai là đồng với giải thích của Thế Thân, nghĩa là Mạt-na. Vì sao hai cách khác nhau?

Đáp: Hai cách luận không trái nhau, đây có hai nghĩa: một là hằng tương tục, hai là duyên trong ngoài khởi tăng thượng ái. Vô Tánh căn cứ thông duyên trong ngoài, khởi nhiễm ô, không nói Thức thứ bảy. Thế Thân căn cứ thức hằng tương tục, thường khởi nhiễm ô, chẳng phải không có Thức thứ sáu, vì chẳng phải thường hằng, nên giấu mà không nói. Bồ-tát Vô Tánh căn cứ lúc nối tiếp sinh, chẳng phải không có Thức thứ bảy, vì không phải duyên bên ngoài, nên cũng không nói. Nhưng

nay sư này đã nói ý nhiễm hoặc đồng với Thế Thân, hoặc đồng với Vô Tánh, hoặc có thể ý nhiễm, nương theo Thức thứ bảy nói, tương ưng bi nguyện tức là Thức thứ sáu vì đây làm chứng, chứng thành Thức thứ tám, dùng Thức thứ sáu, thứ bảy làm Khai đạo y, vì do đại từ nương theo Thức thứ sáu, nhiễm lại Thức thứ sáu không chứng Thức thứ bảy, hoặc ý của Luận sư này, vả lại căn cứ theo một phần của phàm phu mà nói, ban đầu thọ sinh thức, dùng ý nhiễm ô mới được thọ sinh, tức mạt tâm trong uẩn, trừ Chuyển luân vương, ắt sẽ khởi tham, sân mới được thọ sinh, tương ưng bi nguyện tức là hai trí.

Luận: Như tăng thượng cảnh v.v...

Tây Minh nói: Đây có một câu, cảnh thắng tâm chẳng phải thù thắng, nghĩa là tâm chợt hiện, trong đây sẽ có Đẳng lưu tâm, cảnh câu thắng, đã nhiếp ở trong Đẳng lưu tâm trước, nay cho rằng không đúng. Chứng năm tương tục cho rằng: Gặp thắng cảnh lý ắt sẽ tương tục, định chẳng phải chợt hiện, tâm chợt hiện chẳng phải nhiều sát-na, nếu thừa nhận chợt hiện, tự loại tương tục nên dẫn luận Du-già nói: Do tâm chợt hiện tự loại tương tục mà chuyển, vì sao nói rằng quyết định tâm sau v.v... văn trước đã chứng Đẳng lưu, ngược với chợt hiện trước. “Gặp thắng cảnh” trở xuống, ngược với phi thắng cảnh trước, không nói chỉ dẫn dắt như vậy, văn trước vả lại căn cứ theo Đẳng lưu tâm rộng như vậy, tức là thắng cảnh chẳng phải thắng, đây căn cứ tâm cảnh câu thắng phá, hoặc có thể trước căn cứ tâm tương tục hướng đến cảnh phá, đây theo cảnh tương tục thắng bức bách tâm đều khiến cho tâm tương tục, nên hai văn khác nhau. Nay chuẩn theo hai văn này, nên hai tâm sau, nên đều thuộc về câu “thắng đồng thời”.

Hỏi: Hý vong, phẫn khuể, định là cõi trời nào?

Đáp: Sớ giải thích rằng: Bốn Không thiên cõi Dục, chẳng phải hai cõi Thiên dưới. Tây Minh nói: Thông với lục Thiên.

Yếu Tập đoạn ghi: Thuyết này gần gũi lý, vì luận Bà-sa nói ở hai cõi Thiên dưới, lớn nhỏ tuy khác nhau đều được là chứng, nay cho rằng không đúng, bốn câu tự thể, nếu không theo định nhân, xứ mà nói, chỉ căn cứ gặp duyên, có thể thông với Lục dục, nếu căn cứ theo định nhân, xứ, tức là Sớ là chính, nhưng chuẩn theo đạo lý, căn cứ theo định nhập xứ, nếu không như vậy thì người bị người khác hại, tức là chẳng phải hại mình, nếu có hại mình tức là chẳng phải hại người, vì sao cần phải hý vọng, ý, sân khuể thiên và yết-thích-lam vị? Lại hý, phẫn thiên tức là thuộc về Đế Thích, lẽ nào khi đánh nhau với phi thiên, không phải bị họ hại, nếu bị họ hại đây tức là bất định, tức là sẽ bị Phật khiến cho đồng

có hại mình và người, đều là bất định, tức là có tạp loạn, căn cứ theo không phải tạp loạn, Đại thừa theo định, tức là Sớ chính, không có lỗi của tướng loạn và lỗi bất định, lại luận Xuất Diệu nói Tứ không thiên.

Luận: Nhưng Nhiếp Đại thừa nói sắc cũng dung chứa có Đẳng vô gián duyên là lời của túng đoạt, giải thích luận kia quyển 3 ghi: "Nghĩa là sư Kinh bộ làm ra chấp như vậy. Sắc tâm vô gián sinh nghĩa là cái sắc, tâm, trước sau thứ lớp tương tục mà sinh, là chủng tử của các pháp, là các pháp Hữu vi, có thể sinh nhân tánh, nghĩa là nói chấp kia từ sát-na sắc trước, sát-na sắc sau, vô gián mà sinh, từ sát-na tâm trước, sát-na tâm sau và pháp tương ưng vô gián mà sinh", phá rồi sau kết rằng chỉ nói dung chứa có Đẳng vô gián duyên và tăng thượng duyên, không có nhân duyên, nay chỉ văn này, là dầu cho sư Kinh bộ có Đẳng vô gián, đoạt sau trước, sau làm nghĩa của nhân duyên. Nếu như vậy, vì sao Nhiếp luận quyển 1 ghi: "Lại sư Kinh bộ, không nói chỉ sắc tên gọi làm tâm pháp, Đẳng vô gián duyên, vì đây đã không, tâm và tâm pháp duyên định". Văn giải thích như Sớ.

Luận: Nên triển chuyển làm Đẳng vô gián duyên.

Hỏi: Tâm, tâm sở pháp khởi nhiều ít, mà được nói là duyên, vì sao trở ngại các thức sinh ra nhiều ít, cũng lại được là duyên? Vặn hỏi các thức trước sau khởi nhiều ít, tướng trông mong được thành duyên, sắc pháp sinh ra nhiều ít trước sau, cũng thành tựu vô gián duyên. Chất vấn kia lại nói: Các thức khởi nhiều ít, ví dụ đồng với sắc không thành duyên, các tâm sở của ông sinh ra nhiều ít, cũng sẽ đồng với sắc không thành duyên.

Giải thích rằng: Tâm, tâm sở pháp hòa hợp tợ như một, cùng nói rõ một việc được hỗ tương là duyên, các thức không như vậy, vì sao được hỗ tương làm duyên? Nhưng các tâm sở chẳng phải Khai đạo y.

Hỏi: Tâm sở trông mong tâm vương không phải khai đạo, tâm sở chẳng phải sở y, tâm vương tâm sở tức là đạo sinh, vì sao ngăn trở tâm sở cũng thành y?

Giải thích rằng: Đẳng vô gián duyên dẫn dắt nghĩa tướng, tâm sở có thể thành duyên, khai đạo căn cứ theo thắng năng, chẳng phải chủ không thành Khai đạo y.

Sớ ghi: Như Nhiếp luận quyển 1 ghi: "Một pháp chưa thấu đạt chưa biến tri", đây là dẫn. Nhiếp luận ghi: "Phật không vì Tiểu thừa nói A-lại-da thức", người ngoài tức là dẫn văn kinh làm vặn hỏi. Nếu như vậy vì sao trong các kinh Thế Tôn nói: "Ta không nói một pháp chưa thấu đạt, chưa biến tri, mà có thể vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não

thành A-la-hán, Ta chỉ nói lời tất cả các pháp đã đạt đã biến tri, mới có thể đoạn hoặc thành A-la-hán, nói đạt Vô gián đạo, biến tri Giải thoát đạo". Ý của vặn hỏi này nói: Nếu không nói A-lại-da thức, đâu được nói đối với tất cả pháp đã đạt biến tri. Vô Tánh giải thích, ở đây mật ý của Phật nói không đoạn phiền não; vì âm thanh tiếng riêng nói tướng xứ chung, chẳng phải các phiền não có mỗi mỗi đoạn riêng, hoặc nhận lấy hành của cộng tướng vô thường v.v... không được nói A-lại-da thức, ý này vì tướng tên riêng, ý nói rõ Sinh không, chung tướng nghĩa xứ mới có thể đoạn hoặc, hoặc hành cộng tướng vô thường, chẳng phải duyên trí của biệt biệt sắc mà có thể đoạn hoặc, nên nói một pháp chưa đạt biến tri, âm thanh biệt tướng nói chung tướng trí mà có thể đoạn hoặc, chẳng phải mỗi mỗi pháp đều đạt trí hết, mới có thể đoạn hoặc, nên không nói A-lại-da thức.

Nay văn của luận Du-già cũng lại như vậy, ý nói tự biệt thức trước làm tự biệt thức sau Đẳng vô gián duyên, là đối với chung xứ mà nói. Nếu sáu thức kia làm sáu thức đây v.v..., đây là ý nói âm thanh riêng, vì ở nơi chỗ chung chuyển. Lại đây nói chung ý riêng có ba: một là tổng hợp thứ ba trước nói: Nếu thức vô gián này, các thức quyết định sinh; nếu thức này và các thức đều là nói chung, ý nói đều riêng tám thức. Nêu lên âm thanh chung này, chẳng phải gọi là các thức thừa nhận hỗ tương làm duyên. Hai là giải thích ý thứ ba, riêng nói, thức sau định sinh, lựa ra tâm của bậc Vô học cuối cùng, nhưng nêu đối với chung các thức sinh ra âm thanh. Ba là tổng hợp trước, lại sáu thức này là sáu thức kia, ý muốn riêng nói đều tự sáu thức, nêu âm thanh chung kia, ý nêu riêng sáu, chẳng phải sáu lời này, chung bao hàm tám thức nói chung ý riêng, vì sao quyển 52 ban đầu nêu các tâm, tâm sở không gián đoạn sau, các tâm, tâm sở sinh, đồng nói rõ tám thức, lại nói sáu đây sáu kia? Căn cứ theo hàng tam Thừa nói chung, nên không thông với tám.

Luận: Vì hiển bày thức này, nương theo duyên đồng, có hai giải thích: một, y là bất cộng y, duyên là nhân duyên y, vì nói chung tụ không cần phân biệt chủng tử và hiện hành, chủng tử không lìa thức tụ thể phân biệt. Nói rằng: y, duyên đồng. Lại giải thích vì nói chung tụ, duyên với Thức thứ tám, nhân duyên, tăng thượng, chủng tử, hiện hành, tuy khác nhau, đều không lìa Thức thứ tám nhưng không nói Đẳng vô gián chẳng phải sở duyên, đây căn cứ theo nhiễm, nếu Vô lậu vị, cũng duyên với vô gián thức. Hai là y sở y, duyên tức là sở duyên, vì nhân duyên, tăng thượng đều gọi là y, duyên tức là sở duyên, tức là sau thừa nhận Thức thứ tám tự thể và chủng tử. Như lần lượt chấp làm ngã ngã

sở nghĩa của Luận sư. Lại hai y trước, có dụng thù thắng, cho nên nói riêng, chẳng phải gọi là hiển bày thanh tịnh, duyên đồng, vì vả lại giải thích y kia chuyển, chưa giải thích duyên kia chuyển. Nhưng Yếu Tập ghi: “Hoặc có thể giải thích ban đầu chỉ là Câu hữu y, sau giải thích thông với hai”, nay cho rằng không đúng, nếu ban đầu chỉ nói, vì sao luận nói đều hiển bày hai thứ trước nên nói có khác?

Luận: Giải thích duyên kia.

Hỏi: Luận sư Nan-đà chấp Thức thứ bảy nương theo bản thức, cũng duyên với tương ưng kia, vì sao gọi y kia duyên kia?

Đáp: Căn cứ theo chấp làm ngã, gọi là y kia duyên kia, Hỏa Biện, An Tuệ đều chuẩn theo giải thích này.

Hỏi: Hỏa Biện vì sao không chấp tự thể cho là ngã kiến?

Đáp: Tác dụng của kiến phần chấp ngã, tự chứng chìm ẩn nên không chấp.

Trong An Tuệ phá Hỏa Biện có ba lần hỏi đáp, ban đầu theo định, kế biến không biến thời, sau theo phàm phu nhàm chán sắc sinh cõi trên vặn hỏi không biến sắc, không đồng với bậc Thánh sinh lên cõi trời biến sắc.

Hỏi: Hộ Pháp phần Chánh Nghĩa Thức thứ bảy duyên với Thức thứ tám làm ngã, tự chứng duyên với kiến làm hành tướng gì?

Đáp: Không đồng với Kiến phần, tự chứng suy nghĩ lượng thời của Kiến phần, không làm trong ngoài, ngã chẳng phải ngã giải, nhưng thể tối tăm chứng kiến, cũng như tà kiến, lúc duyên với bên ngoài, tự chứng của Kiến phần lúc duyên với Kiến phần, chỉ chứng được thể của Kiến phần, không đồng với tà kiến.

Hỏi: Luận không có trong một tâm có đoạn, thường kiến; ngã, ngã sở chấp không phải đều khởi, vì sao phân biệt được biệt hành duyên với uẩn, không phân biệt sở khởi xứ v.v... khởi ngã, ngã sở kiến ư?

Đáp: Hai mươi câu v.v... tuy đồng nương theo sắc uẩn v.v... không phải là cùng thời, trước sau khác biệt khởi, tức là không ngăn ngại.

Hỏi: Đoạn, thường nương theo tuệ lập ra, hai kiến đều không phải sinh ra, hai chấp một tuệ sinh ra, hai chấp không phải đều khởi?

Đáp: Đoạn, thường cảnh khác nhau, hai chấp cảnh đồng nhau.

Tư lương là tướng của tánh.

Hỏi: Tức là thường hằng tư lương sở chấp ngã tướng cùng với ngã kiến vì sao khác nhau, đều làm ngã giải, lại vì sao không gọi là ngã kiến?

Đáp: Ngã kiến tìm cầu đều làm ngã giải, đây làm ngã giải mà

không tìm cầu, nên không gọi là ngã kiến.

Hỏi: Vì sao được biết tâm làm ngã giải?

Đáp: Căn cứ theo tâm sở mà biết, tức là nói rằng ngã ái, ngã mạn v.v... nên như vậy ái kia v.v... Nếu không làm ngã giải tham ái như thế nào? Lại cũng không nên gọi là ngã ái v.v... do đây chuẩn theo mà biết, tâm vương cũng làm ngã giải, nếu như vậy tâm vương sẽ nhận lấy tướng khác nhau.

Đáp: Không như vậy, tức là cảnh của ngã đây là chung tướng; lãnh nạp thuộc ở nơi thuận, lợi ích tướng của mình, mà tham ái v.v... mới làm tướng riêng.

Hỏi: Ngã vô ngã v.v... là sai biệt, vì sao gọi là tướng chung?

Đáp: Căn cứ theo tự tánh của các pháp sai biệt, gọi là chẳng phải tướng chung cũng được. Nay tâm vương đã nhận lấy tướng chung, tâm sở đã nhận lấy tướng riêng, cùng với nó khác nhau. Ở trên tự tánh sai biệt kia đều có tướng chung, tướng riêng, nếu không như vậy cảnh của tâm vương tâm sở sẽ sai biệt. Nếu biết ngã tức là tướng chung của cảnh, ở ngã trên, có thể ý, không thể ý v.v... mới là tướng khác nhau. Lại có giải thích rằng tâm vương cũng nhận lấy tướng riêng. Biện Trung Biên ghi: "Tâm vương cũng có thể nhận lấy tướng chung và riêng", nay kiểm nghiệm luận kia, thứ nhất nói chỉ có thể rõ được tướng của cảnh chung, gọi là tâm, cũng rõ được sai biệt gọi là thọ v.v... chuẩn theo đây tâm vương không nhận lấy tướng riêng. Đây luận thứ năm cũng thức có thể rõ được tướng chung của việc khác, không nói rõ được tướng riêng của việc khác.

Hỏi: Tâm vương tức là làm ra ngã giải, tức là ngã chấp, vì sao quyển 8 Hộ Pháp phần Chánh Nghĩa nói: Chấp vào ngã pháp nhất định là tuệ, không nói thứ khác?

Đáp: Tâm chỉ làm ra ngã tướng mà không phải chấp, chấp là tuệ. Lại giải thích rằng căn cứ theo thắng thuyết kia và căn bản thuyết, đây căn cứ theo nhau, ắt sẽ do nơi tuệ mới có thể khởi chấp, chẳng phải ở nơi tu này mà không có tuệ có thể khởi chấp, nói ắt sẽ là tuệ, không chướng ngại tương ưng cũng có hai chấp.

Hỏi: Tham v.v... đều có chấp, nghi có chấp không?

Đáp: Chấp ắt sẽ thấy đều, nghi chẳng phải thấy đều, lại chấp ắt sẽ quyết định, nghi không quyết định, nghi không phải là chấp.

Hỏi: Như suy nghĩ quyến thuộc của tương ưng nghiệp cũng lập ra tên của nghiệp, cùng thấy quyến thuộc của tương ưng kiến, vì sao không gọi là kiến?

Đáp: Nghiệp là nghĩa của tạo tác, đều có thể tạo tác quả vị lai và đã tạo nên sự nghiệp, nên đều gọi là nghiệp. Kiến là tìm cầu, tương ưng chẳng phải tìm cầu, nên không gọi là kiến. Lại giải thích chế phục được tánh tức là trái, theo nhau cũng thấy, như tợ trí tuệ theo nhau đều gọi là trí tuệ.

Hỏi: Chấp theo ngã là khả năng của tuệ, đồng tích tụ đều chấp theo ngã tìm cầu là công dụng của tuệ, tương ưng cũng tìm cầu?

Đáp: Tìm cầu là kiến, pháp khác không tìm cầu, chấp là nghĩa giữ chặt, đồng tích tụ đều chấp ngã.

Hỏi: Tức là hằng xét tư lương và tư khác gì?

Đáp: Thông riêng có khác, đây chỉ suy nghĩ ngã, kia suy nghĩ tất cả.

Hỏi: Chưa chuyển có thể như vậy, đã chuyển như thế nào, đã chuyển đồng duyên với tất cả pháp?

Đáp: Cũng duyên chung, riêng, thù thắng yếu kém có khác, tâm vương nhận lấy sự thù thắng của tướng chung, tâm sở nhận lấy sự thù thắng của tướng riêng, nếu không như vậy quả vị tâm vương tâm sở hai thứ đều có thể biến đổi duyên, vì sao nhận lấy riêng? Nhưng quyển 5 ghi: Tâm vương nhận lấy tướng chung, tâm sở thông với chung riêng. Vả lại căn cứ theo nhân mà nói, nếu ở quả vị tâm vương tâm sở đều có thể duyên với tất cả pháp nhận lấy tướng chung và riêng, chỉ thù thắng yếu kém khác nhau.

Tây Minh nói: Vì sao giải thích tên gọi môn chỉ giải thích Mạt-na, trong ba tánh môn, tức là giải thích tâm sở?

Giải thích rằng: Lý thật đối với các môn đều có hai nghĩa, ảnh lược cùng hiển bày. Nay cho rằng có khác, nếu nói các môn đều có hai nghĩa, giải thích tâm vương có tánh che lấp, tâm sở cũng tánh đồng, ở trong môn khác nếu đều như vậy, tâm vương bốn hoặc đồng thời, lẽ đâu ngã kiến v.v... cũng bốn hoặc đồng thời ư? Nên tư làm tướng của tánh, chỉ giải thích đối với tâm vương tâm sở không như vậy. Nếu tư của tâm sở có tư lương tâm sở khác chẳng phải hằng tư lương, lại tư chỉ có nghĩa của tư lương, không dùng tư lương để giải thích tướng của tánh tư, nhưng nói rõ trong ba tánh môn, giải thích tâm sở, vì tâm sở kia có tham, mạn v.v... không biết bất thiện làm tánh Hữu phú, tâm vương do tương ưng nên được thành ba tánh, tâm sở do sở y là Hữu phú nên cả hai hỏi đáp, đến sau lại giải thích, đây hỏi bản ý tự giải thích biến thứ hai, không giải thích tâm sở, không thể môn môn đều cùng ảnh hiển.

Hỏi: Nói bốn hoặc đồng thời, ngã si, ngã kiến, như luận tự nói rõ,

ái có bốn loại, mạn có bảy, chín loại, thế nào là ái, mạn?

Đáp: Là tổng ái, vì duyên theo ngã nên chẳng phải hành tướng khác, trong bảy mạn là thuộc về ngã mạn, ngã mạn luôn luôn khởi, chẳng phải loại của chín mạn.

Luận: Và xúc đồng thời khác, có hai sư giải thích, sư đầu có hai giải thích: một là bốn hoặc khác, hai là tánh Vô phú khác.

Nếu như vậy đoạn sau nói, tánh Hữu phú nhiếp, đâu phải không nặng ư?

Đáp: Luận sư này giải thích, có hai nghĩa khác: một là ngăn, hai là biểu, nay nhận lấy nghĩa ngăn, năm pháp biến hành trước đồng thời với Thức thứ tám và thứ bảy, e rằng đồng với trước là tánh Vô phú, nên còn lại nói ngăn, sau nói Hữu phú nhiếp là nghĩa của biểu nên không có lỗi.

Trong phần lựa ra năm biệt cảnh.

Hỏi: Sư này Thức thứ bảy, vì sao không có dục?

Đáp: Duyên chưa thỏa thích cảnh, có thể có dục sinh, thức này duyên theo ngã luôn thỏa thích không phải dục.

Vặn hỏi bảy duyên cảnh thường thỏa thích, không hiếm chưa thỏa thích, không phải dục đồng thời. Phật quả sở duyên thường hiện tiền, không phải nó chưa hợp dục không khởi?

Đáp: Phật quả thương xót nguyện độ chúng sinh, cảnh giới tuy hiện tiền dục không giảm, nhân trong ngã pháp, thường hiện tiền nhận lấy không nguyện không hiếm chẳng phải dục đều, lại giải thích như Sớ, bốn thứ khác chuẩn theo đây.

Hỏi: Sư này vì sao Thức thứ bảy chẳng phải tùy đồng thời?

Đáp: Ý của sư này nói hai mươi tùy hoặc, luận Tạp Tập nói đều giả có, nương theo phần vị của căn bản hoặc lập ra thức này câu hoặc thường không gián đoạn, không phải phần vị nên không được đến. Lại quyển 58 ghi: "Các tùy phiền não đều là phẩm loại của phiền não", nếu như vậy vì sao Quyết Trạch quyển 55 ghi: "Vô tàm, vô quý, bất tín, giải đãi, là thật vật có, phóng dật là giả có. Còn lại luận nói là thế tục có ư?

Đáp: Ý của sư này nói, giả có hai: một là tướng đãi giả, hai là phần vị giả. Loại trước không có thật thể, phần vị giả nhưng lại có thể. Nói thật có là căn cứ theo phần vị nói. Nói Thế tục là thông với giả thật, vì tướng đại phần vị đều gọi là giả.

Hỏi: Thật có giả có lý có thể dễ biết. Thế Tôn có nói nên cần phải phân biệt, luận Duy Thức v.v... nói, trầm, trạo v.v... là chỉ có thể, vì sao

Đại luận nói Thế tục hữu?

Đáp: Nói Thế tục có là chẳng gọi là giả có, vì không đồng với phóng dật, nhất định là giả, không đồng với vô tàm v.v... một thứ nương theo đạo lý thù thắng, chỉ có dụng của thể không gọi là thật có, đây trầm, trạo v.v... đều Đẳng lưu khác, chỉ có thể tánh, nghĩa chẳng phải thù thắng hiển bày, không gọi thắng nghĩa có, chẳng phải thể giả, không gọi là Thế tục hữu.

Hỏi: Luận tổng hợp các lỗi rằng: Nương theo hai mươi hai tùy phiền não mà nói, chuẩn theo luận trăm pháp hai mươi tùy hoặc thành trăm pháp. Trong luận Du-già hoặc nói hai mươi hai, hai mươi bốn, hai mươi sáu nên không phải chỉ trăm pháp?

Đáp: Trong Đại luận căn cứ theo nhận lấy biệt cảnh và bốn thứ bất định là nhiễm tánh phiền não, Đẳng lưu, phẩm loại không đồng nói riêng nhiều ít, lìa hai vị kia, lại không phải pháp khác. Luận Bách Pháp v.v... căn cứ theo thể tánh của nó có sai biệt, chỉ nói trăm pháp, cũng không trái nhau.

Luận: Nói phải nương theo cảnh loại từng thọ, có hai thuyết:

1. Cảnh loại là lúc duyên theo diệt, đạo, chỉ duyên theo tên gọi, tên gọi cũng là cảnh, cảnh này là diệt, đạo loại.

2. Loại của cảnh thể như duyên theo khổ, tập, gần gũi phù hợp thể đó, cũng đã từng thọ lúc sau lại duyên, nói duyên theo cảnh loại, tức là thể loại trước, còn lại chuẩn theo giải thích này.

Lại nói: Tên gọi là tên gọi loại, nghĩa là trước nghe duyên, nay lại nghe duyên; hai tên gọi là loại của thể, nghĩa là trước thấy thể nay lại duyên tên gọi; ba thể là loại của thể; bốn thể là loại của tên gọi, chuẩn theo trước có thể hiểu.

Hỏi: Hộ Pháp phần Chánh Nghĩa ghi: "Chẳng phải các nhiễm tâm đều duyên theo cảnh từng thọ và tà lựa chọn nên vọng niệm, bất chánh tri nương theo niệm, tuệ, không biến khắp tâm nhiễm, nương theo vô minh lập ra tức là biến khắp tâm nhiễm, như duyên theo hiện tại, lại chẳng phải lựa chọn, lúc khởi vọng niệm này, bất chánh tri cùng với vô minh đều không, nếu thừa nhận đồng thời thì phẫn v.v... lẽ ra đồng thời với sân, nếu không đồng thời lẽ ra chẳng phải nhiễm khắp?

Đáp: Nghĩa nói khác, giống như kiến, tuệ, tuy không phải tương ưng, có thể được câu khởi, vì tánh khác tương ưng chẳng phải tự tánh.

Hỏi: Như duyên theo cảnh từng thọ và tà lựa chọn khởi vong niệm v.v... nương theo hai pháp lập ra làm một vong niệm v.v... là có hai ư?

Đáp: Sớ có hai giải thích, giải thích sau là chính, nhưng Yếu Tập

ghi: "Có thuyết nói cả hai nói đều trái với Thức thứ sáu", nên Thức thứ sáu nói: Nhiễm niệm, nhiễm tuệ, tuy chẳng phải niệm, tuệ đồng thời mà si phần cũng được tương ưng, tức là rộng phá rồi. Luận kia tự giải thích rằng: Nếu không phải niệm, tuệ, chỉ trên si lập ra, nếu niệm, tuệ khởi, tức là cùng với vô minh, đều do hai pháp lập ra, tức là tự hỏi rằng: Tức là hai đều khởi là một là khác?

Đáp: Nghĩa là nắm cả hai phần, giả lập một pháp, đầy đủ bao hàm hai nghĩa, nên nghĩa của si phần niệm tuệ tương ưng, phần nghĩa của niệm tuệ chẳng phải niệm, tuệ đồng thời và si tương ưng, nên không có lỗi.

Nay cho rằng thuyết này đã nói rõ ở trước, đâu cần nhọc công nói riêng. Sớ ghi: "Hoặc tổng nương theo tuệ, vô minh lập:

1. Bất chánh tri, bất chánh tri là giả, không thể nói có hai. Nay nói nắm cả hai phần giả lập ra một pháp, lẽ nào chẳng phải trước đã nói rõ? Sớ dẫn ví dụ, như phóng dật v.v... nương theo bốn pháp lập ra, không căn cứ theo riêng của tham v.v... nói hai tương ưng, ý này phóng dật tuy nương theo tham lập ra.

2. Được tương ưng căn cứ theo phần khác mà nói, vì nói nhiễm khắp. Ví dụ bất chánh tri v.v... tương ưng cũng như vậy, vì sao lao nhọc lại nói nghĩa của si phần, niệm, tuệ tương ưng, phần nghĩa của niệm, tuệ, chẳng phải niệm tuệ đồng thời, và si tương ưng nên không có lỗi ư? Lại nữa, luận kia nói tự có lỗi, vì sao nói hoặc có thể niệm, tuệ, vô minh mỗi mỗi chỉ lập ra một, tuy có nhiều loại, tướng dụng không khác, nên nói là một. Hai mươi tùy hoặc v.v... chỉ nói một. Căn cứ theo thật có nhiều, tùy theo dụng lập ra nhiều mà thể chẳng phải nhiều, nên nói việc v.v..., theo thể nói v.v..., dụng mong thể không nói tương ưng, chẳng phải tánh khác, nếu như vậy bất hại, vô si hai tâm sở sẽ không phải tương ưng.

Thức thứ sáu nói: Tín v.v... đều biến khắp tâm thiện, giải thích nói rằng chỉ nói biến khắp thiện, không nói tương ưng, cũng không nói đồng thời nên không có lỗi.

Nay vặn hỏi họ rằng: Tức là nói đều riêng lập ra một, tức là có nhiều phóng dật v.v... nếu dụng nếu thể đều nhiều pháp, vì sao được nói "vân vân"? Chẳng phải thọ, tưởng v.v... có nhiều như nhau. Lại nói: Bất hại, vô sân kia chỉ nói biến khắp không nói tương ưng, cũng không nói đồng thời, đâu thừa nhận bất hại, vô sân trước sau riêng khởi? Nói không phải đều khởi, nên nương theo tuy riêng, nhận lấy đều công năng, giải lập là một, gọi là thể v.v... bất hại, vô sân tuy không phải

tương ưng mà thừa nhận đều khởi.

Hỏi: Vả lại không ngược với biệt cảnh, nhập vào trong tùy hoặc, biệt cảnh nhiễm niệm, nhiễm tuệ, cũng gọi là vong niệm vấ bất chánh tri chăng? Nếu không như vậy, lẽ ra chẳng phải là nhiễm, vì chánh niệm chánh tri. Nếu thừa nhận cũng gọi là vong niệm và bất chánh tri, cùng với trong tùy hoặc. Hai pháp khác gì?

Đáp: Trong biệt cảnh vong niệm, nghĩa là ở nơi quá khứ, cảnh giới từng thọ, quên nhớ lại việc trước, tùy trong vong niệm chỉ quên mất chánh niệm, không phải quên cảnh của niệm quá khứ.

Hỏi: Nếu như vậy trong tâm thiện trước, không thể ghi nhớ cảnh đã thọ, nên chẳng phải vong niệm, vì chẳng phải nhiễm?

Đáp: Lúc khởi tâm thiện, tuy có không thể nhớ cảnh của quá khứ mà ở nơi cảnh hiện tại có thể chánh niệm. Hỏi về duyên hiện tại cũng vậy, duyên quá khứ như thế nào? Nếu trong biệt cảnh ác tuệ nhất định tà lựa chọn. Tùy theo trong ác tuệ, có thể ác ở nơi tuệ, tức là khiến cho biết bất chánh, chẳng phải cần tà lựa chọn, lại giả thật khác nhau, thể của hữu vô khác nhau, tùy hoặc chỉ là tác dụng, mà không phải riêng tự thể, biệt cảnh có thể riêng.

■